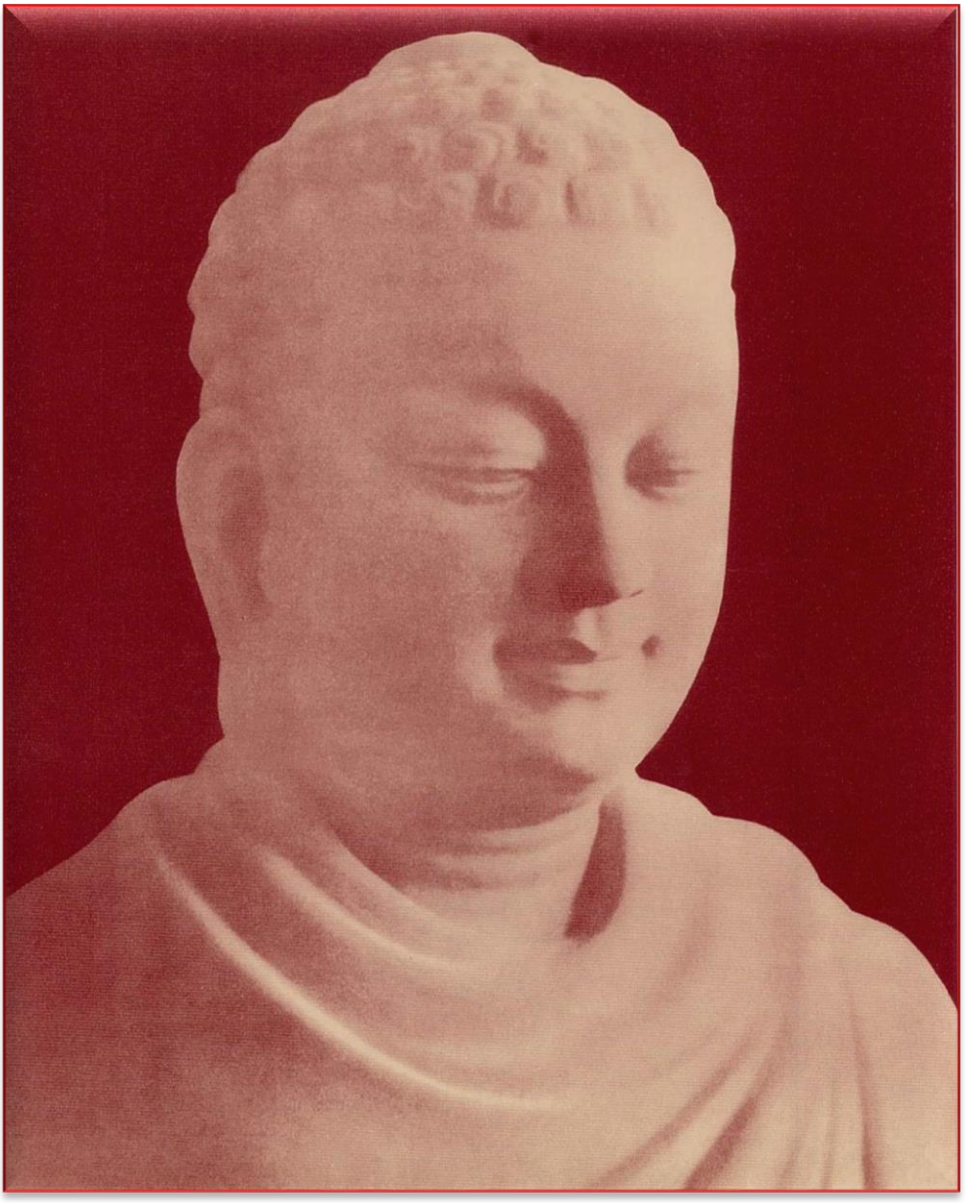

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 11

BỘ BẢN DUYÊN

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 11

BỘ BẢN DUYÊN
II

SỐ 158 → 185

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ BẢN DUYÊN 2 – T011

SỐ 158 3
KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI PHÂN-ĐÀ-LỢI 3
QUYỂN 1 3
Phẩm 1: Chuyển Pháp Luân 3
Phẩm 2: Nhập Đà-la-ni Môn 7
QUYỂN 2 25
Phẩm 4: Khuyên Bố Thí 25
Phẩm 5: Khuyến Phát Bồ-Đề Tâm 35
QUYỂN 3 50
Phẩm 6: Vua Ly Tránh Được Thọ Ký 50
Phẩm 7: Ba Vị Vương Tử Được Thọ Ký 56
Phẩm 8: Thọ Ký Cho Bốn Vị Vương Tử 64
Phẩm 9: Vị Vương Tử Thứ Tám Được Thọ Ký 71
QUYỂN 4 75
Phẩm 10: Mười Ngàn Người Được Thọ Ký 75
Phẩm 11: Vị Vương Tử Thứ Chín Được Thọ Ký 77
Phẩm 12: Các Vương Tử Được Thọ Ký 83
Phẩm 13: Tám Mươi Người Con Được Thọ Ký 85
Phẩm 14: Ba Ức Thiếu Đồng Tử Được Thọ Ký 88
Phẩm 15: Một Ngàn Đồng Tử Được Thọ Ký 91
QUYỂN 5 104
Phẩm 16: Đại Sư Lập Nguyện 104
Phẩm 17: Lập Nguyện Xá-Lợi Thân Biến 122
Phẩm 18: Tán Thán 125
QUYỂN 6 131
Phẩm 19: Cảm Ứng 131
Phẩm 20: Đại Sư Được Thọ Ký 138
Phẩm 21: Đại Sư Lập Thệ 143
QUYỂN 7 149
phẩm 22: Trang Nghiêm 149
phẩm 24: Bố Thí Thân Mạng 164
Phẩm 25: Bố Thí Bảo Vật 167
Phẩm 26: BỐ THÍ PHƯƠNG THUỐC 169
Phẩm 27: Hiện Phục Tạng Bố Thí 171
QUYỂN 8 176
Phẩm 28: Bồ-Tát Vân Tập 176

Phẩm 29: Nhập Tam-Muội Môn 183
Phẩm 30: Chúc Lụy 186
SỐ 159 215
KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN 215
QUYỂN 1 215
Phẩm 1: Tựa 215
QUYỂN 2 235
Phẩm 2: Báo ân (Phần 1) 235
QUYỂN 3 250
Phẩm 2: Báo Ân (Phần 2) 250
QUYỂN 4 275
Phẩm 3: Yếm Xả 275
QUYỂN 5 298
Phẩm 4: Vô Cấu Tánh 298
Phẩm 5: A-Lan-Nhã 310
QUYỂN 6 317
Phẩm 6: Ly Thế Gian 317
Phẩm 7: Yếm Thân 327
QUYỂN 7 331
Phẩm 8: Ba La Mật Đa 331
Phẩm 9: Công Đức Trang Nghiêm 339
QUYỂN 8 345
Phẩm 10: Quán Tâm 345
Phẩm 11: Phát Bồ Đề Tâm 350
Phẩm 12: Thành Phật 353
Phẩm 13: Chúc Lụy 357
SỐ 160 362
LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN 362
QUYỂN 1 362
Duyên Khởi 1: GIEO MÌNH HIẾN THÂN CHO CỌP 366
Duyên Khởi 2: VUA THI-TỲ CỨU MẠNG CHIM BỒ CÂU 369
Duyên Khởi 3: NHƯ LAI KHẤT THỰC 372
QUYỂN 2 376
Duyên Khởi 4: THẦN THÔNG BIẾN HÓA TỐI THẮNG CỦA NHƯ LAI 376
Duyên Khởi 5: NHƯ LAI CHẲNG BỊ CHẤT ĐỘC LÀM HẠI 384
Duyên Khởi 6: THỎ CHÚA XẢ THÂN CÚNG DƯỜNG PHẠM CHÍ 386
QUYỂN 3 391
Duyên Khởi 7: TÂM TỪ CỦA LONG VƯƠNG HÒA GIẢI MỐI THÙ SÁT HẠI 391

Duyên Khởi 8: VUA TỪ LỰC CHÍCH MÁU THÂN MÌNH BỐ THÍ CHO NĂM QUỶ DẠ-XOA 396
Duyên Khởi 9: NÊU RÕ DIỆU LỰC CỦA SỰ BỐ THÍ ÍT 398
QUYỂN 4 402
Duyên Khởi 10: NHƯ LAI ĐẦY ĐỦ TRÍ TUỆ KHÔNG GÁNH VIỆC TỐT NGƯỜI KHÁC 402
Duyên Khởi 11: ĐỨC PHẬT RÓT NƯỚC LÊN ĐẢNH ĐẦU TỲ-KHEO BỆNH, BỆNH ĐƯỢC LÀNH 407
Duyên Khởi 12: CÔNG ĐỨC XƯNG NIỆM TAM BẢO 409
Duyên Khởi 13: PHƯỚC BÁO THÙ THẮNG CỦA VIỆC TẠO THÁP PHẬT 412
Duyên Khởi 14: CÔNG ĐỨC XUẤT GIA 413
QUYỂN 5 417
QUYỂN 6 428
QUYỂN 7 439
QUYỂN 8 446
QUYỂN 9 458
QUYỂN 10 469
QUYỂN 11 475
QUYỂN 12 482
QUYỂN 13 493
QUYỂN 14 504
QUYỂN 15 515
QUYỂN 16 527
SỐ 161 539
PHẬT NÓI KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG 539
SỐ 162 548
PHẬT NÓI KINH KIM SẮC VƯƠNG 548
SỐ 163 556
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA DIỆU SẮC 556
SỐ 164 561
PHẬT NÓI KINH VUA SƯ TỬ TỐ-ĐÀ-BÀ KHÔNG ĂN THỊT 561
SỐ 165 566
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH 566
QUYỂN 1 566
QUYỂN 2 576
QUYỂN 3 584
QUYỂN 4 592
QUYỂN 5 598

QUYỂN 6 604
SỐ 166 611
PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT NGUYỆT QUANG 611
SỐ 167 618
PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH (1) 618
SỐ 168 625
PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH (2) 625
SỐ 169 629
PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT NGUYỆT MINH 629
SỐ 170 633
PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ ĐỨC QUANG 633
SỐ 171 660
KINH THÁI TỬ TU-ĐẠI-NOA 660
SỐ 172 682
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN XÂY THÁP BỒ-TÁT HIẾN THÂN CHO HỔ ĐÓI 682
SỐ 173 695
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA THÁI TỬ PHƯỚC LỰC 695
QUYỂN 1 695
QUYỂN 2 703
QUYỂN 3 711
QUYỂN 4 718
SỐ 174 724
PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT THIỆM TỬ 724
SỐ 175 732
PHẬT NÓI KINH THIỆM TỬ 732
SỐ 176 753
PHẬT NÓI KINH SƯ TỬ NGUYỆT PHẬT BẢN SINH 753
SỐ 177 762
PHẬT NÓI KINH ĐẠI Ý 762
SỐ 178 768
PHẬT NÓI KINH TIỀN THẾ TAM CHUYỂN 768
SỐ 179 776
KINH NGÂN SẮC NỮ 776
SỐ 180 784
PHẬT NÓI KINH ĐỨC PHẬT KHẤT THỰC TRONG ĐỜI QUÁ KHỨ 784
SỐ 181 786
PHẬT NÓI KINH CỬU SẮC LỘC 786
SỐ 182 789

PHẬT NÓI KINH LỘC MẪU 789
SỐ 183 800
KINH NHÂN DUYÊN TIÊN NHÂN NHẤT THIẾT TRÍ QUANG MINH TỪ TÂM KHÔNG ĂN THỊT 800
SỐ 184 806
KINH TU HÀNH BẢN KHỞI 806
QUYỂN THƯỢNG 806
Phẩm 1: Biến Hiện 806
Phẩm 2: Bồ Tát Giáng Thần 815
Phẩm 3: Thi Tài Năng 823
QUYỂN HẠ 933
Phẩm 4: Du Quán 933
Phẩm 5: Thái Tử Xuất Gia 939
Phẩm 6: Sáu Năm Tinh Cần Khổ Hạnh 945
Phẩm 7: Hàng Phục Ma 950
SỐ 185 958
PHẬT NÓI KINH BẢN KHỞI THÁI TỬ HIỆN ĐIỀM LÀNH 958
QUYỂN THƯỢNG 958
QUYỂN HẠ 979

*****

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 11

BỘ BẢN DUYÊN

2

SỐ 158

Quyển 1 → 8

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 158

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI PHÂN-ĐÀ-LỢI

Hán dịch: Khuyết danh, phụ vào dịch phẩm đời Tần.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Chuyển Pháp Luân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá cùng với đại chúng gồm sáu vạn hai ngàn vị, đều là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã hết, tận trừ mọi sự ràng buộc, đều được tự tại. Tâm ý, trí tuệ của các vị đều hoàn thiện, giải thoát, như voi chúa được điều phục, việc cần làm đã làm xong, thoát khỏi gánh nặng, đã được lợi mình, không còn qua lại trong ba cõi, có được chánh trí nên tâm hoàn toàn tự tại, đến bờ giác ngộ, chỉ trừ một vị là Tôn giả A-nan. Trong pháp hội này còn có: tám mươi bốn trăm ngàn vị Đại Bồ-tát do Bồ-tát Di-lặc đứng đầu. Các vị đều chứng được các pháp Đà-la-ni, Tam-muội nhẫn nhục, đều là bậc Bất thoái chuyển, vui sống nơi tịch tĩnh. Chủ thế giới Ta-bà là Phạm thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn Phạm thiên. Vua cõi trời Tha hóa cùng tám mươi trăm ngàn vị trời Tha hóa. Vua trời Hóa tự tại cùng bảy mươi trăm ngàn vị trời Hóa tự tại. Vua trời San-đâu-suất cùng sáu mươi trăm ngàn vị trời Đâu-suất. Vua trời Tu-dạ-ma cùng bảy mươi hai trăm ngàn vị trời Tu-dạ-ma. Vua trời Thích Đề-hoàn Nhân cùng tám mươi trăm ngàn vị trời trong cõi trời Ba mươi ba. Vua trời Tỳ-sa-môn cùng với trăm ngàn Dạ-xoa quyến thuộc. Chúa Tỳ-lưu-lặc-già cùng hàng ngàn Cưu-bàn-đồ quyến thuộc. Chúa Tỳ-lưu-ba-xoa cùng hàng ngàn Rồng quyến thuộc. Chúa Đề-đà-la-trá cùng hàng ngàn Long vương quyến thuộc. Tất cả đều có mặt nơi chúng hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hội họp cùng các vị thượng thủ như đã kể trên. Các vị ấy đi vòng quanh Ngài cầu hạnh Đại thừa Lục ba-la-mật, xả bỏ bốn pháp điên đảo, ánh sáng trí tuệ rạng ngời. Ngài dùng Tứ diệu đế thuyết

giảng khiến cho các vị Đại Bồ-tát đều được vô số Tam-muội. Do các pháp Tam-muội này mà vượt qua được quả vị Thanh văn và Bích-chi-phật. Do các pháp Tam-muội này mà quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được bền vững.

Lúc này, Đại Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Vô Ngại Kiến, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Sư Tử Ý, Đại Bồ-tát Chiếu Minh… hàng mười ngàn vị Bồ-tát như vậy đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, mặt hướng về phía Đông nam, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, tỏ ý vui mừng, hớn hở, nói:

– Nam-mô cung kính Liên Hoa Thượng Đa-già-a-dà-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà! Thành Phật chưa lâu đã hiện đại thần thông, khuyến phát được vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh thành tựu căn lành, chứng đắc bậc Bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Chiếu Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Vô Ngại Kiến, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Sư Tử Ý, Đại Bồ-tát Chiếu Minh… và hàng mười ngàn vị Bồ-tát như vậy, đều không nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, mà các vị từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chỉnh tề, quay mặt về hướng Đông nam, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, tỏ ý vui mừng hớn hở, nói lên lời thế này: "Nam-mô Cung kính Liên Hoa Thượng Đa-già-a-dà-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà! Thật là hy hữu! Ngài thành Phật chưa lâu, đã thị hiện đại thần thông, ứng điềm lành, khuyến phát vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh khiến họ thành tựu được căn lành". Cõi của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri Liên Hoa Thượng, cách cõi này xa hay gần? Ngài thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến nay bao lâu rồi? Thế giới của Đức Như Lai Liên Hoa Thượng tên là gì? Quốc độ xưa Ngài được bày biện trang nghiêm ra sao? Vì cớ gì mà Đức Như Lai, Ứng Cúng Biến Tri Liên Hoa Thượng lại hiện đại thần thông? Do nhân duyên gì mà có các vị Bồ-tát thấy được chư Phật, Thế Tôn hiện tại nơi vô số thế giới khác trong mười phương. Và còn thấy được các vị Phật đó thị hiện thần thông, mà chúng con không thấy được?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Bảo Chiếu Minh:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam, lời của ông rất khéo, điều ông hỏi rất hay. Này thiện nam, ông hỏi Như Lai về ý nghĩa như thế tức là vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh thành tựu được căn lành. Ông lại hỏi về việc Đức Như Lai Liên Hoa Thượng đã thị hiện thần thông để trang nghiêm quốc độ của mình. Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe

và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông mà giảng nói rõ!

Bồ-tát Bảo Chiếu Minh bạch với Đức Phật: "Thưa vâng Thế Tôn!" và lắng nghe Đức Phật thuyết giảng.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Bảo Chiếu Minh:

– Này thiện nam, về hướng Đông nam cách cõi Phật này hàng ức trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Liên hoa vô cùng trang nghiêm với các loại danh hoa được tung rải đầy trời, các loại hương thơm sực nức khắp cõi, nhiều cây báu trang nghiêm, nhiều núi báu. Đất là lưu ly xanh biếc, vang tiếng pháp âm của Bồ-tát chẳng dứt. Nền đất lưu ly này êm dịu đẹp đẽ như là áo trời. Nếu dùng chân giẫm xuống thì đất lún bốn tấc nhưng khi nhấc chân lên đất liền trở lại như cũ. Vô số các loại hoa sen, các hàng cây bằng bảy báu đều cao đến bảy do-tuần, trên ấy giăng mắc các áo trời thướt tha. Nhạc trời êm dịu tuyệt vời luôn hòa tấu. Trên các cây báu còn có âm thanh của các loài chim hót vang diễn đạt lời pháp giáo hóa như năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Lá cây báu va chạm vào nhau phát ra âm thanh hơn cả năm thứ nhạc trời. Mỗi mỗi cây báu đều tự tiết ra mùi hương thơm tỏa khắp cả ngàn do-tuần. Trên các cây báu còn có nhiều chuỗi anh lạc trời rủ xuống la đà. Trong mỗi một khoảng giữa của các cây đều có đài bảy báu, cao năm trăm do-tuần rộng một trăm do-tuần. Bốn bên của đài này có các cửa sổ lớn nhỏ đủ loại. Vây quanh đài là ao nước tự nhiên, dài tám mươi do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Các bậc thềm nơi bốn bên của ao nước đều bằng bảy báu. Hoa sen xanh nở đầy cả mặt ao. Mỗi một hoa sen rộng cả một do-tuần. Trên các đài hoa hiện ra các vị Đại Bồ-tát, lúc đầu đêm các vị ngồi kiết già trên các đài hoa ấy thọ hưởng niềm an lạc giải thoát cho đến hết đêm. Khi trời gần sáng, gió nhẹ khắp bốn phương thổi đến, mang theo hương thơm êm dịu tỏa ngát lay động khiến hoa nở trọn thì các vị Bồ-tát kia ra khỏi pháp Tam-muội, rời niềm diệu lạc giải thoát, rồi từ đài hoa đi xuống để lên các đài báu, lại ngồi kiết già nơi các tòa bảy báu để nghe thuyết pháp. Khắp bốn mặt của các hàng cây báu và các đài bảy báu là núi báu sắc vàng tía cao hai mươi do-tuần, rộng ba do-tuần. Trên các núi này có vô số trăm ngàn viên ngọc sáng như mặt trời, mặt trăng. Các viên ngọc báu Minh nguyệt xanh rất lớn. Khắp nơi nơi đều hiện ánh hào quang của Đức Phật Liên Hoa Thượng cùng ánh sáng của châu báu nơi núi chiếu khắp cả thế giới Liên hoa. Ánh sáng nhiệm mầu luôn tỏa khắp không gian, không phân biệt ngày đêm. Không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng nên không biết có đêm. Cứ thấy hoa sen khép lại, các loài chim ngừng hót thì biết đó là đêm. Trên các núi kia có đài báu bằng ngọc lưu ly xanh lục, cao

sáu mươi do-tuần, rộng hai mươi do-tuần, chung quanh đài báu có cửa sổ lớn nhỏ đủ loại bằng bảy báu. Trong đài báu ấy có các tòa ngồi cũng bằng bảy báu. Các vị Bồ-tát "Nhất sinh bổ xứ" an tọa trên đó để nghe pháp.

Này thiện nam tử, cây Bồ-đề của thế giới Liên hoa tên là Nhân-đà-la, cao ba ngàn năm trăm do-tuần, cành lá tỏa ra năm ngàn do-tuần. Bên dưới cây Bồ-đề này có đóa hoa sen, cao năm trăm do-tuần, cành bằng ngọc lưu ly, lá bằng vàng ròng, có hàng ức trăm ngàn cành lá dài đến năm trăm do-tuần. Bảy báu là đài hoa, mã não là tua hoa, cao mười do-tuần, rộng bảy do-tuần. Đêm trước, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri Liên Hoa Thượng đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trên đóa sen ấy. Ở khắp các tòa hoa chung quanh đạo tràng này đều có các vị Bồ-tát ngồi trên đó để xem Đức Như Lai Liên Hoa Thượng thị hiện đại thần thông.

Lúc này Bồ-tát Bảo Chiếu Minh bạch với Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, Đức Như Lai Liên Hoa Thượng đã thị hiện đại thần thông như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Bảo Chiếu Minh:

– Như Lai Liên Hoa Thượng, sau đêm chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi trời vừa sáng bèn thị hiện thần thông biến hóa thân tướng cao đến cõi Phạm thiên, trên đỉnh nhục kế phóng ra sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn đạo hào quang sáng tỏa chiếu lên phương trên, trải qua quốc độ của chư Phật nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật. Khi đó, các vị Bồ-tát ở phương trên nhìn xuống phương dưới đều thấy rõ ràng không chút chướng ngại: nào là núi Đại thiết vi, núi Tiểu thiết vi, Hắc sơn... Trong các thế giới, các vị Đại Bồ-tát được thọ ký, có vị được Tam-muội, có vị được pháp tổng trì, có vị được pháp nhẫn nhục, có vị được quả "Quá địa", có vị được quả "Nhất sinh bổ xứ". Các vị Đại Bồ-tát đều thấy ánh hào quang, cùng chắp tay quan sát thân của Đức Như Lai Liên Hoa Thượng, thấy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm, cùng thấy chúng Đại Bồ-tát, thấy cõi Phật của thế giới Liên hoa rất trang nghiêm. Ai đã thấy rồi đều vui mừng và phát khởi lòng lành. Qua số thế giới nhiều như số vi trần một cõi Phật, các vị Đại Bồ-tát ai ai cũng tạm rời quốc độ của mình, dùng sức thần túc đi đến thế giới Liên hoa, cung kính cúng dường và thân cận với Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Này thiện nam, Đức Như Lai Liên Hoa Thượng thấy đại chúng đã tụ tập, liền thị hiện "tướng lưỡi rộng dài" trùm khắp đại chúng và bốn châu thiên hạ, đi, đứng, ngồi nghỉ đều ở trên tòa ấy. Các vị Bồ-tát đã ra khỏi

pháp Tam-muội cùng tất cả đại chúng cúng dường Đức Như Lai Liên Hoa Thượng.

Này thiện nam, Như Lai Liên Hoa Thượng thu hồi thần thông về tướng lưỡi dài rộng, rồi từ từng lỗ chân lông nơi thân phóng ra sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn đạo hào quang, chiếu sáng khắp mười phương đều đến từng quốc độ nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật. Ở trong các cõi đó, các vị Đại Bồ-tát có người được thọ ký, có người được pháp Tam-muội... *(lược nói như trên)*. Các vị Đại Bồ-tát ấy, ai ai cũng tạm rời cõi Phật của mình, dùng sức thần túc đi đến thế giới Liên hoa để được gần gũi, cung kính, cúng dường Đức Như Lai Liên Hoa Thượng. Thiện nam, lúc này Như Lai Liên Hoa Thượng thâu hồi thần thông, vì tất cả đại chúng Bồ-tát, chuyển bánh xe Chánh pháp "Bất thoái chuyển" luôn thương xót nhớ nghĩ đến thế gian, nên tạo nhiều lợi ích. Vì nhằm tạo nhiều lợi ích, an vui cho cõi trời và người đời nên Ngài đã thành tựu pháp Đại thừa.

Phẩm 2: Nhập Đà-la-ni Môn

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Chiếu Minh bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, thế giới Liên hoa phân biệt ngày đêm như thế nào? Được nghe những âm thanh gì? Thân tướng của các chúng sinh ở đó ra sao?

Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Chiếu Minh:

– Này thiện nam, ở thế giới Liên hoa kia, khi hoa sen khép cánh, các loài chim ngừng hót, Phật và Bồ-tát an trụ trong pháp Tam-muội, thọ hưởng niềm hỷ lạc giải thoát, thì đó là đêm. Khi gió thổi, hoa mãn khai, các loài chim hòa điệu hát, trời mưa hoa đẹp, gió nhẹ từ bốn phương thổi tới mang theo mùi hương vi diệu, Phật và Bồ-tát ra khỏi Tam-muội, Đức Như Lai Liên Hoa Thượng vì các vị Đại Bồ-tát giảng nói pháp tạng Bồ-tát, khiến họ vượt qua hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, thì đó là ngày.

Này thiện nam, các vị Đại Bồ-tát ở thế giới ấy thường nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng diệt độ, tiếng vô vi, tiếng Ba-la-mật, tiếng lực, tiếng vô úy, tiếng thần thông, tiếng vô hành, tiếng vô sinh, tiếng vô diệt, tiếng tịch, tiếng tĩnh, tiếng đạm bạc, tiếng đại từ, tiếng đại bi, tiếng vô sinh nhẫn, tiếng đạo pháp, tiếng trao truyền trách nhiệm, tiếng thuần Bồ-tát... Các vị Bồ-tát ở thế giới Liên hoa luôn được nghe những âm thanh như thế, không bao giờ dứt.

Lại nữa này thiện nam, các vị Đại Bồ-tát ở thế giới Liên hoa đã sinh,

đang sinh đều có đủ ba mươi hai tướng tỏa sáng đến một do-tuần, mãi cho tới khi thành Phật chẳng bị đọa vào đường ác. Tất cả các Đại Bồ-tát ở đấy đều có: tâm từ thuận, tâm không uế trược, tâm điều phục, tâm tịch tĩnh, tâm nhẫn nhục, tâm thiền định, tâm thanh tịnh, tâm vô ngại, tâm không bụi bặm, tâm thiện, tâm vui với đạo pháp, tâm trừ hết trói buộc cho tất cả chúng sinh, tâm như đất, tâm chẳng vui theo lời nói thế gian, tâm vui với ngôn từ xuất thế gian, tâm cầu tất cả pháp thiện, tâm diệt độ, tâm trừ hết lão bệnh tử, tâm chân thật, tâm thiêu đốt tất cả mọi kết sử, tâm diệt trừ hết tất cả các thọ, tâm không khinh tất cả các pháp... Các vị cũng có: sức mạnh của ý, sức mạnh của tạo tác, sức mạnh của nhân duyên, sức mạnh của chí nguyện, sức mạnh của hạnh nghiệp, sức mạnh của sự đoạn trừ, sức mạnh của thiện căn, sức mạnh của ước thệ, sức mạnh của sự nghe hiểu, sức mạnh của trì giới, sức mạnh của bố thí, sức mạnh của nhẫn nhục, sức mạnh của tinh tấn, sức mạnh của thiền định, sức mạnh của trí tuệ, sức mạnh của chỉ, sức mạnh của quán, sức mạnh của thần thông, sức mạnh của niệm, sức mạnh của Bồ-đề, sức mạnh của sự phá trừ tất cả ma quân, sức mạnh của việc hàng phục tất cả ngoại luận đồng pháp, sức mạnh của việc dứt trừ tất cả các thứ phiền não. Các vị Đại Bồ-tát đã sinh, đang sinh trong thế giới Liên hoa kia đã từng thân cận với vô lượng trăm ngàn các Đức Phật, trồng các căn lành.

Lại nữa, các vị Bồ-tát đã sinh, đang sinh nơi thế giới Liên hoa lấy thiền duyệt làm thức ăn, thức ăn là pháp, là mùi hương, giống như các Phạm thiên, không có cách thức ăn uống như ở cõi Dục. Ở trong thế giới ấy cũng không có bất cứ một danh từ bất thiện nào. Không có nữ nhân, cũng không có tiếng nói của họ. Không có những âm thanh khổ não, âm thanh yêu ghét, cho đến âm thanh nói về kết sử, không có âm thanh hữu vi, không có tối tăm, không có các thứ uế tạp, thân tâm không mệt mỏi, không có âm thanh của các cõi địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, cũng không có giả danh. Không có các thứ gai nhọn đâm chích, hầm hố hiểm hóc, ngói sành đá sỏi. Đèn lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú cũng không. Cũng không có biển lớn, núi Tu-di, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Chướng, núi Đen và các thứ núi đất. Không âm thanh của mây, mưa, không âm thanh của gió bão, không có bất cứ một âm thanh của cõi ác nào, không có các âm thanh của tai nạn. Nơi thế giới Liên hoa kia, hào quang của Phật, hào quang của Bồ-tát, ánh sáng của ngọc báu Ma-ni, ánh sáng của vật báu, ánh sáng vi diệu tỏa chiếu khắp nơi, có loài chim tên là Ta-ha-la, mỗi con tự phát ra âm thanh nhuần nhuyễn nói về năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Chiếu Minh bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, thế giới Liên hoa kia lớn nhỏ thế nào? Đức Như Lai Liên Hoa Thượng đêm qua đã chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì trụ thế thuyết pháp giáo hóa chúng sinh trong bao lâu? Sau khi Ngài nhập Niết-bàn thì chánh pháp trụ thế được bao nhiêu kiếp, năm? Các vị Bồ-tát đã sinh, đang sinh nơi thế giới Liên hoa ấy thọ mạng dài ngắn ra sao? Các vị Bồ-tát đó làm sao gặp được Phật, được nghe Pháp và cúng dường Tăng? Những việc làm đó là nhanh chăng? Thế giới Liên hoa trước có tên là gì? Đức Phật trước đó nhập diệt bao lâu thì tiếp đến là Đức Như Lai Liên Hoa Thượng chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề? Do nhân duyên gì mà trong mười phương thế giới khác, các Đức Phật Thế Tôn thị hiện thần thông biến hóa thì có thể thấy, có thể không thấy?

Đức Phật nói:

– Này thiện nam, núi chúa Tu-di cao sáu mươi tám ngàn do-tuần, rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần. Giả sử có người dũng mãnh dùng diệu lực của Tam-muội đập tan núi Tu-di thành vô số hạt cải không thể tính đếm được, chỉ trừ Như Lai với Nhất thiết chủng trí. Rồi cứ tính mỗi hạt cải là bốn châu thiên hạ thì thế giới Liên hoa rộng lớn bằng hết cả số hạt cải mà núi Tu-di đã tan ra. Trong thế giới Liên hoa rộng lớn như thế đều đầy các vị Bồ-tát, giống như cõi nước An lạc cũng đầy dẫy các vị Bồ-tát.

Này thiện nam, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Liên Hoa Thượng thọ mạng ba mươi tiểu kiếp, trụ thế nói pháp hóa độ chúng sinh.

Này thiện nam, sau khi Đức Như Lai Liên Hoa Thượng nhập Niết-bàn thì chánh pháp của Ngài trụ thế được mười tiểu kiếp. Các vị Đại Bồ-tát đã sinh, đang sinh nơi thế giới Liên hoa đều thọ mạng là bốn mươi tiểu kiếp.

Này thiện nam, thế giới Liên hoa trước kia có tên là Chiên-đàn. Đất nước trang nghiêm, chúng sinh thanh tịnh, khác với hôm nay.

Này thiện nam tử, thế giới Chiên-đàn thời đó có Đức Phật tên là Nguyệt Thượng, gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ cho đến Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó cũng trụ thế ba mươi tiểu kiếp, thuyết pháp độ sinh. Khi Ngài sắp nhập Niết-bàn, có vị Bồ-tát do bản nguyện nên đến cõi Phật ở phương khác. Các vị còn lại đều nghĩ: "Đến giữa đêm nay Đức Như Lai Nguyệt Thượng sẽ vào Niết-bàn, sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, chúng ta phải hộ trì Chánh pháp trong mười tiểu kiếp ai là người kế tiếp chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng sau thời chánh pháp diệt? Lúc này có Đại Bồ-tát tên là Hư Không Ấn, do bản nguyện, nên được Đức Như Lai Nguyệt Thượng thọ ký thành bậc Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Như Lai Nguyệt Thượng dạy: "Các thiện nam, sau khi Ta vào Niết-bàn, Chánh pháp sẽ trụ thế trong mười tiểu kiếp. Vào đêm đầu khi Chánh pháp tận diệt thì nơi đêm sau vị Bồ-tát này sẽ thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hiệu là Liên Hoa Thượng gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, cho đến Phật Thế Tôn". Khi ấy, các vị Đại Bồ-tát kia đi đến chỗ Đức Như Lai Nguyệt Thượng, đem tất cả diệu lực của thệ nguyện thị hiện các thứ thần thông của Bồ-tát, hết lòng cúng dường Đức Như Lai Nguyệt Thượng nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi đến trước Đức Phật, bạch: "Thưa Thế Tôn, trong mười tiểu kiếp này, chúng con muốn nhập Tam-muội Diệt Tâm Vô Tránh!". Lúc này, Như Lai Nguyệt Thượng bảo Đại Bồ-tát Hư Không Ấn: Này thiện nam tử, nên thọ nhập Nhất thiết bi Đà-la-ni môn. Tất cả các vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thời quá khứ đều được truyền trao chức Đại Bồ-tát pháp vương tử đã nói. Đến nay, hiện tại trong mười phương thế giới, tất cả chư Phật Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp hóa độ chúng sinh, chư Phật Thế Tôn đó cũng đã được truyền trao chức Đại Bồ-tát pháp vương tử đang nói. Cho đến chư Phật Thế Tôn đời vị lai cũng được truyền trao chức Đại Bồ-tát pháp vương tử. Đó là nhập "Nhất thiết bi Đà-la-ni môn".

Đức Phật liền nói chú:

Xà lê ni – Ma ha xà lê ni – Vực sí lệ phục lê tam bát đà – Ma ha tam bát đà – Đề sở át đế – Già trí trá sí-tha lệ – Tha sí a tứ ma ca tứ thi – Lệ di – Lệ đế lợi lâu lâu sí – Ma ha lâu sí xà – Thế đột lâu xà Thế xà da – Ma đế du đế xa đậu lạu niết già đa ỉ a mâu lệ mâu la ba lợi sân nỉ – Ma la tư nhược tỉ sỉ – La ta nỉ mục đế đa ba lợi du địa – A tì đế ta – Dạ mộ già nỉ – Bà la ưu ha la nỉ đàn sỉ tỳ trệ – Tỳ trệ ta lâu đa đương – Ni già la ha bà để nàm – Đạt ma bà để na tăng già la ha lặc xoa đạt ma bà để nàm. *Đây là những câu giải hiện về "Tứ niệm xứ".*

Phật-đà ba la ca thế xa a ma ma mĩ – Ma ma a chi chí át thế – Át tha nỉ la nỉ lư ca trí mục na đế đà đà ba lợi bà nỉ ta. *Đây là câu giải hiện về "Tứ Thánh chủng".*

Bà sa thế bà nỉ đà lệ đà la ba đế cửu ngại đế mục bị mục bà ba la bị mễ đế lệ – Tu ma bà đế – Mị đế chỉ đế – Gia lâu nại uất để xoa thương tất lý đế ưu hỗn hựu – Tam bát nị – A lặc sí bà la lễ khư ký – Khứ nhỉ a mâu lệ mâu la du nỉ. *Câu này là giải hiện về "Tứ vô úy".*

Đát phả la a già la phả la a nật phả la nật la phả tam mục đa a mục đa niết mục đa – A bá tỳ liên tỳ mục đế bà nỉ tỳ la phả la a diên đại y tỳ, trĩ

đế tỳ trĩ uất lôn độ – Xú la đâu lam a hưng – Tam ma y đệ đa bà pha đế bà đa đế bà tát bà lộ ca a chà ca lệ – A ca lệ Tần đại a phù sa lệ – Chà đà muội đế – Tỳ xa già – La bà đế – Ngạch phả la ca phả la. *Câu này là giải hiện về "Tứ ủng hộ".*

Xà chà đa a ni thi – La bà bà đa bộ – Y đàm phả lệ ni da – Ma phả lam tam mổ đà na dạ tỳ phú xá – Ba thí tô ma đâu a miệu ma đố a cưu ma đố – Xỉ tha bà đế muội đa la tha, đà xá bà la tỳ ba la bà tha – Y xá hi xỉ tu ni khứ ma để sai na ma đế – A hư cú a để đâu sắt nam tát đệ ma đế ba la nịch – Ba nại Phật-đà – Phất lâu bà bà la ha lệ. *Câu này giải hiện về "Tứ chánh đoạn".*

An nhĩ ma nhĩ ma nỉ ma ma nỉ – Chỉ lệ chỉ lệ đế xa dương xa dương đa tỵ thiên đế – Mục đế úc đa mê tam mê ni tam mê tam ma tam mê xoa thương ác xoa thương – Át kỳ ni đàn đế – Xa mỹ sắt đế – Đà la nỉ A lư già bà tế – Yết la đa na bà la đế – Yết la, thấp di bà đế – Xà na bà đế – Ni lâu bà đế – Di lâu bà đế – Xoa dạ nậc – A lê xa – Nỉ lư ca ba la để ba nậc đạt lệ xa nậc. *Câu này là biểu hiện về "Tứ biện giải".*

Già thấu a ba ta nậc – A lị xa nỉ xa na hư ca đố đố ba la bà ta đế – Tát tiện dần để lợi da phù ma đế ca lan đế ta Ta-bà bà – Bà ma tát bại – Ba la tha bặc xoa thương già lệ – Cù ca chà bà đà nỉ – Lư ca miệu đà lợi xá na tỳ phục. *Câu này giải hiện về "Tứ thần túc".*

A già lê phù địa đà đà ba già lệ bà nỉ hột túc na tất địa kiếm – Tỳ để ni trĩ tam bút trí ba lợi ca tứ lợi tô di chiên địa thí đà già già a già già lệ a ba lệ tỳ chí bà lệ đê ba lệ ba la già già lệ ba la ba lệ a na dạ a tiện tế ca ca la di ba la bà tỳ nỉ – Gia la di – Ni già tế già la ca la di na do đế. *Câu này là hiện giải về Ngũ căn, Ngũ lực.*

Phí sư bệ tô phí sự bệ đỗ ma ba lợi ha lệ a bà thương bưu lâu chỉ lệ chi ca la lặc sai a da ma tất đố đế đế lệ ma ma lệ cổ già thất thi lệ lư ca tả tỳ nhã nỉ na dạ ta kỳ lợi ni đế già cổ đế sa thất chiên địa na. *Câu này là giải hiện về "Thất giác ý".*

Già ca la bà thị bà đế già – Sí lệ – Già ca la đà lệ đà lệ già sí lệ đà lệ mục lệ ê lệ ê lệ đà lệ – A lưu tư ba địa hưu hưu lệ da tha thị đa già tần bà lệ da tha già nậc da tha ba lân già để để lị xá dạ tha bà dạ sỉ lị phú xá – Đế âm, ám lưu giá tỳ lợi tinh tấn âm, châu lệ đạo âm, giới âm, định âm, tuệ âm, giải thoát âm, giải thoát tri kiến âm, tinh tú âm, nguyệt âm, nhựt âm; *đây là những âm thanh mà Đức Phật đã nói.*

Át phù đá di la phù đam tam phật – Đàm a phù – Đàm y ha phù đàm hãm đa la phù đàm nậc cam gia ma mục lệ a la phả – Đà la phả – Đàm trà

lệ – Mạn trà nỉ hãn đa la lam đa lâu mạn già già la nị – Mâu trí nị – tam ba la – Mâu trí nị – Già nại ba mạn gia quảng miễn miễn ni lâu bà na xa – Nỉ na xà bà đà nậc chí chí – Đế chí chí – Đầu ma dư bà dật trừng già ma bà lệ – Ma lệ ha đa ninh bà liễm bà lệ tần địa tần lẹ – Tần lệ úc sa lê – Xa la nỉ đà la ninh – Ba la bà – Đế bà lam na – Chà di tỳ đầu đầu ma bà la khưu man bà la ha ma già lị na nhân đà la bà nậc đề đề la dà nậc ma ế thi ba la la la nậc bà ma sổ dương – A la ni – Di y già – Bảo lặc xoa ngô lợi sư già nậc già la phả chỉ chiên a la tu lệ – tát bà tu lam a bà lam – Bất na già để đảm – Bàn để đa a – Di na kiền để diêm bà tế ca kiền đà lệ đà lệ a đa la chà ha nậc ma già la tần lư ha nậc tứ đàm mạn đế tỳ lư – Già ma đế Phật-đà để sư hy đế Đà-la-ni mục tiên. *Câu này là giải hiện về "Thập lực".*

□

Phẩm 3: Nhập Nhất Thiết Chủng Trí Hành Đà La Ni

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, khi sắp nói câu "Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni môn" này thì đại địa trong khắp Tam thiên đại thiên thế giới đủ sáu cách chấn động, động cực mạnh, phát ra âm thanh hết sức lớn như khiến núi cao nghiêng ngửa, vọt lên chìm xuống. Lại hiện ra ánh sáng như thế. Ánh sáng này vi diệu, biến khắp mười phương thế giới nhiều hơn số thế giới như cát của sông Hằng. Lúc đó, các núi Tu-di, Thiết vi và Đại thiết vi không còn là vật chướng ngại cho tầm nhìn nữa. Vô số thế giới trong mười phương hiện ra bằng phẳng như lòng bàn tay. Vô số thế giới nơi mười phương an trụ trong đó. Các vị Đại Bồ-tát đã chứng đắc các pháp Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni nơi vô số thế giới khắp mười phương, nương theo uy lực của Đức Như Lai, bỗng nhiên biến mất khỏi quốc độ của họ và hiện ra nơi thế giới Ta-bà, vào núi Kỳ-xà-quật tới chỗ Đức Thế Tôn cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, dùng vô lượng vô số thần thông của Bồ-tát để cúng dường, rồi ai nấy đều ngồi sang một bên. Vì muốn được nghe pháp môn "Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni" nên vô số chư Thiên nơi các cõi trời thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới cùng đi đến chỗ Đức Phật. Vì muốn được lãnh hội pháp môn "Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni" nên vô số các bộ chúng như: Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, cùng đi tới núi Kỳ-xà-quật chỗ Đức Thế Tôn. Vì nhằm thấu đạt pháp môn "Nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni" nên các vị Bồ-tát vân tập đến đây. Tất cả đều thấy Đức Liên Hoa Thượng, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và đại chúng Bồ-tát vây quanh Ngài ở thế giới Liên hoa.

Lúc này, Đức Thế Tôn bắt đầu thuyết giảng về pháp môn "Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni". Số Đại Bồ-tát nhiều bằng bảy mươi hai lần số cát sông Hằng chứng đắc Đà-la-ni này, liền thấy được vô số thế giới của chư Phật Thế Tôn trong mười phương. Tất cả đều thấy thế giới trang nghiêm của các Đức Phật thật chưa từng có. Các vị đều đem các thứ thần thông theo diệu lực thệ nguyện của Bồ-tát cúng dường Đức Phật. Đức Phật bảo:

– Này thiện nam, nếu vị Đại Bồ-tát nào tu pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này thì đạt được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni, được bảy vạn hai ngàn môn Tam-muội, được sáu vạn pháp môn. Vị Bồ-tát chứng đắc Đà-la-ni này rồi thì có được tâm đại từ đại bi. Chứng được Đà-la-ni này rồi thì Đại Bồ-tát thấu tỏ được ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, đạt Nhất thiết chủng trí, trong đó thâu tóm đầy đủ tất cả giáo pháp của Phật. Các Đức Phật, Thế Tôn khi thật sự giác ngộ môn Đà-la-ni này đều vì chúng sinh thuyết pháp, không vội nhập Niết-bàn.

Này thiện nam, ông phải biết chính oai đức của pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này đã khiến đại địa chấn động, hiện ra ánh sáng vi diệu sáng soi khắp vô lượng vô số thế giới của chư Phật. Do ánh sáng mầu nhiệm tỏa chiếu đến vô lượng vô biên thế giới của chư Phật, nên khiến cho vô lượng vô biên các vị Đại Bồ-tát vân tập nơi đây, vì muốn được nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này. Tất cả thế giới Ta-bà, vô lượng vô biên các bộ chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, A-tu-la, Nhân, Phi nhân nơi các cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc tụ hội ở đây là vì muốn được nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy.

Các vị Bồ-tát vừa nghe được pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này liền chứng được bậc Bất thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu ai biên chép pháp môn ấy thì thường được gặp Phật, nghe pháp, cúng dường chúng Tăng, cho đến khi chứng được Niết-bàn vô thượng.

Nếu có vị Bồ-tát đọc tụng pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này, thì tất cả các trọng tội đều được diệt trừ hết. Khi chuyển sinh sang đời khác được chứng đắc bậc Sơ địa.

Đại Bồ-tát tu tập pháp môn "Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni", nếu trước đây từng phạm năm tội vô gián thì cũng đều được diệt trừ, khi chuyển sinh sang đời khác được chứng đắc bậc Sơ địa. Nếu vị này không tạo tội vô gián thì tất cả các tội khác của bản thân trong hiện tại cũng đều được dứt trừ hết, khi chuyển sinh sang đời khác sẽ được chứng đắc bậc

Sơ địa.

Giả sử chẳng thể tu tập, chẳng thể đọc tụng, cũng không được nghe pháp mà chỉ dùng tơ lụa màu làm y phục cúng dường vị Pháp sư thuyết giảng pháp môn ấy thì người này được các Đức Phật Thế Tôn hiện tại trụ thế trong hằng hà sa số thế giới nơi phương khác đều khen ngợi: Lành thay! Chư Phật Thế Tôn kia cũng thọ ký cho người ấy quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vị Bồ-tát hiến cúng y phục bằng lụa màu ấy chẳng bao lâu sẽ được quả vị Nhất sinh bổ xứ Pháp vương tử, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Như vậy nếu người đem hương cúng dường thì chẳng bao lâu sẽ được hương Tam-muội vô thượng, đem hoa cúng dường thì chẳng bao lâu sẽ được hoa trí tuệ vô thượng. Nếu có người đem vật báu cúng dường Pháp sư, thì chẳng bao lâu sẽ được vật báu là ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

Thiện nam tử, pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy có nhiều lợi ích đối với các vị Đại Bồ-tát như thế. Vì sao? Vì trong đó thuần nói về pháp tạng của Bồ-tát. Vì pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni giúp cho Bồ-tát đạt được biện tài không thể kể xiết, lại được bốn pháp mầu vi diệu.

Thiện nam tử, bấy giờ Đức Như Lai Nguyệt Thượng đem pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni truyền trao cho Bồ-tát Hư Không Ấn, tức thì đại địa cũng lại chấn động, hiện rõ ánh sáng chói lọi. Vô lượng vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương được ánh sáng nhiệm mầu ấy tỏa khắp nơi mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay. Các vị Bồ-tát tập hợp ở trong đó đều thấy được các Đức Phật Thế Tôn nơi vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương. Như vậy, vô số Bồ-tát nơi vô lượng cõi Phật trong mười phương lại đến thế giới Chiên-đàn, cung kính cúng dường, thân cận Đức Như Lai Nguyệt Thượng vì muốn được nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Như Lai Nguyệt Thượng là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri bảo các vị Đại Bồ-tát:

– Này các thiện nam tử, Ta nghe có vị Đại Bồ-tát là hàng Nhất sinh bổ xứ trong mười tiểu kiếp đã nhập Tam-muội Diệt tâm này. Còn các vị Đại Bồ-tát kia thì theo Đại Bồ-tát Hư Không Ấn, trong mười tiểu kiếp để nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy, là Pháp tạng của Bồ-tát. Ở trong mười tiểu kiếp đó, các Đại Bồ-tát đã thấy chư Phật Như Lai hiện tại trụ thế trong vô số cõi Phật khắp mười phương, đều theo các Ngài phát tâm thanh tịnh, thành tựu được căn lành. Các vị Bồ-tát kia bèn

đem vô số thứ thần thông của Bồ-tát cúng dường Đức Như Lai Nguyệt Thượng rồi bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát Hư Không Ấn kia, khi hết mười tiểu kiếp thì sẽ chuyển chánh pháp luân vô thượng chăng?

Phật bảo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam, sau khi trải qua đủ mười tiểu kiếp Đại Bồ-tát Hư Không Ấn sẽ thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngay vào đêm thành Phật ấy, Ngài đã vì các vị Bồ-tát chuyển bánh xe Chánh pháp. Trong số đó có các Bồ-tát, qua suốt mười tiểu kiếp đã từng theo Ngài để nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni, thành tựu được căn lành. Bồ-tát Hư Không Ấn khi thành Bậc Chánh Giác Vô thượng liền ngay nơi đêm ấy chuyển bánh xe Chánh pháp, bánh xe Bất thoái chuyển, bánh xe tối thượng, khiến cho vô số na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát trụ nơi bậc Bất thoái chuyển. Các vị Bồ-tát đó, trong mười tiểu kiếp theo Ngài nghe thuyết giảng pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni, bấy giờ đều được quả vị Nhất sinh bổ xứ. Còn các vị Bồ-tát chỉ được lãnh hội một ít pháp môn ấy thì đều được chứng đắc quả vị Thập trụ, không còn thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, bấy giờ đều đạt được đầy đủ môn Đà-la-ni này. Lúc đó Đức Phật Nguyệt Thượng là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, vì các vị Đại Bồ-tát thị hiện vô số các thứ thần thông biến hóa của chư Phật rồi, lại vì Bồ-tát Hư Không Ấn thị hiện pháp tam-muội tên là Na-la-diên, khiến cho Bồ-tát kia thọ thân Kim cang. Hiện tam-muội Trang nghiêm quang khiến dù chưa chuyển pháp luân, nhưng trong mười tiểu kiếp, Bồ-tát kia đã vì các vị Bồ-tát giảng nói pháp môn Nhập nhất thiết chủng hành Đà-la-ni ấy. Các thế giới của Phật đều thấy Ngài hiện thân Phật với tướng tốt sáng ngời. Hiện tam-muội Kim cang luân khiến ngồi nơi tòa Bồ-đề, chưa chuyển pháp luân nhưng Bồ-tát kia đã vì các vị Bồ-tát thuyết giảng vô số các pháp. Hiện tam-muội Luân mang, khiến chuyển pháp luân, khi ấy có vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đạt được bậc Bất thoái chuyển. Bồ-tát Hư Không Ấn đã biết rõ việc chuyển pháp luân, nên cùng các vị Bồ-tát cúng dường Đức Thế Tôn xong rồi đều trở về nơi đài báu của mình. Ngay đêm ấy Đức Như Lai Nguyệt Thượng, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri liền nhập Niết-bàn vô dư. Các vị Bồ-tát ở đây lo việc cúng dường xá-lợi của Đức Thế Tôn, xong xuôi các vị lại lên đài báu. Còn các vị Bồ-tát khác thì trở về nơi quốc độ cũ. Riêng vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ đã nhập tam-muội Diệt tâm thì trong mười tiểu kiếp luôn tịch nhiên an trụ. Bấy giờ, Bồ-tát Hư Không Ấn liền vì các vị Đại Bồ-tát,

trong mười tiểu kiếp, thuyết giảng đủ các pháp môn, khiến cho chúng Bồ-tát vun trồng được các căn lành. Đại Bồ-tát ấy đêm qua đã thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác liền ngay sau đấy chuyển pháp luân hiện đại thần thông khiến cho vô số na-do-tha trăm ngàn chúng sinh trụ nơi bậc Bất thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề Vô thượng. Tiếp đến, lại thuyết giảng pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni, khiến cho tám mươi na-do-tha trăm ngàn vị Bồ-tát chứng được "Vô sinh pháp nhẫn", chín mươi hai ức chúng sinh chứng đạt được bậc Bất thoái chuyển đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bảy mươi hai na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này, vô số chư Thiên, người đời, phát tâm cầu đạo Bồ-đề Vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Giải Oán bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, Bồ-tát phải đầy đủ các pháp nào để được môn Đà-la-ni này?

Phật đáp:

– Bồ-tát phải đạt đủ bốn pháp mới chứng đắc môn Đà-la-ni này. Bốn pháp đó là gì? Bồ-tát an trụ nơi bốn Thánh chủng, tức là tùy theo chỗ có được về y phục, thức ăn uống, chỗ ở, đồ nằm, thuốc men, luôn vui vẻ biết đủ. Bồ-tát có đủ bốn pháp ấy thì tu tập được môn Đà-la-ni này.

Đại Bồ-tát lại phải đạt đủ năm pháp mới tu tập được pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni. Những gì là năm pháp? Đó là: Tự mình trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa, để tự chế ngự, giữ gìn oai nghi đầy đủ, cho đến dù phạm một lỗi nhỏ cũng cảm thấy rất sợ hãi. Đã được như vậy rồi, gặp người không trì giới thì khuyên bảo khiến họ trì giới và an trụ trong sự giữ giới đó. Gặp người không có chánh kiến thì khuyên bảo họ an trụ nơi chánh kiến. Gặp kẻ không có oai nghi thì khuyên bảo họ sống có oai nghi, an trụ trong đó. Gặp chúng sinh có tà ý thì đem chánh ý khuyên bảo để họ theo an trụ trong ấy. Đối với người tu học theo Thanh văn, Bích-chi-phật, thì đem đạo quả Bồ-đề Vô thượng khuyến hóa khiến họ an trụ nơi đạo quả ấy. Đại Bồ-tát gồm đủ năm pháp này thì đạt được pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni.

Bồ-tát lại còn gồm đủ sáu pháp nữa mới đạt được môn Đà-la-ni này. Sáu pháp đó là gì? Mình đã tích lũy được nhiều hiểu biết, thấy người ít hiểu biết thì khuyến trợ khiến họ đạt được nghe rộng, hiểu nhiều. Tự mình không tham lam keo kiệt, đối với chúng sinh keo kiệt thì đem hạnh bố thí khuyến hóa khiến họ thực hành, an trụ với pháp ấy. Không gây não hại cho chúng sinh mà dùng pháp vô úy cứu giúp kẻ sợ hãi khiến họ được giải thoát.

Không dối trá, dua nịnh mà luôn luôn an vui với nẻo tịch tĩnh. Bồ-tát có đầy đủ sáu pháp này thì đạt được pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni.

Bồ-tát đạt đầy đủ các pháp như thế là đã thâu tóm đủ tất cả! Rồi phải an trụ nơi chốn vắng lặng yên tĩnh trong bảy năm, ngày đêm sáu thời luôn điều phục thân ý, chuyên tâm đọc tụng lời chú này. Khởi đầu buổi trì tụng phải niệm chư Phật hiện tại khắp mười phương. Sau bảy năm, Đại Bồ-tát kia đạt được pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy. Đã được môn Đà-la-ni như vậy thì đạt được tuệ nhãn Thánh minh, nhìn thấy chư Phật Thế Tôn hiện tại trụ thế trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương thị hiện hào quang sáng rỡ. Thấy chư Phật thị hiện thần thông rồi, thì Bồ-tát ấy sẽ được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni, được bảy vạn hai ngàn môn tam-muội, được sáu vạn pháp môn khác nữa. Đại Bồ-tát đã chứng đắc pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này, thì sẽ được tâm đại Từ, đại Bi. Nếu đã được môn Đà-la-ni ấy thì Đại Bồ-tát giả như có phạm năm tội vô gián, khi bỏ thân này thì tội ấy liền tiêu trừ, có luân chuyển đến ba đời thì các tập khí còn sót lại cũng đều dứt sạch, được chứng đắc quả vị Thập địa. Còn như Bồ-tát không tạo tội vô gián thì các tội khác đều tiêu trừ hết, chuyển đổi sang đời khác thì đạt quả vị Thập địa, chẳng bao lâu được ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ-đề, thành Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam tử, pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni này tạo nhiều ích lợi lớn lao như thế đối với các vị Đại Bồ-tát, chắc chắn giúp cho các Đại Bồ-tát được thấy chư Phật Thế Tôn thị hiện thần thông, đạt được niềm vui nơi Thánh pháp như thế, có được đầy đủ thần thông như vậy. Các Đại Bồ-tát đem những thứ này cúng dường chư Phật Thế Tôn trong hằng hà sa số thế giới, lại đến chỗ chư Phật để nghe thuyết giảng vô số các pháp, được Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni, rồi trở về cõi này.

Thiện nam tử, pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy đem lại nhiều lợi ích cho các vị Đại Bồ-tát như vậy, diệt trừ các nghiệp chướng, thêm lớn căn lành.

Lại có vị Bồ-tát nói:

– Thưa Thế Tôn, trong thời quá khứ, ở chỗ chư Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế nhiều bằng chín lần số cát sông Hằng, chúng con đã được nghe môn Đà-la-ni này. Có vị Bồ-tát nói số chỗ được nghe đó bằng hai lần số cát sông Hằng, có vị lại nói bằng ba lần, có vị lại nói bằng bốn lần, có vị lại nói bằng năm lần, có vị lại nói bằng sáu lần, có vị lại nói bằng bảy lần, có vị lại nói bằng tám lần, có vị lại nói bằng chín lần... Nói như thế này:

"Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, ở chỗ chư Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế nhiều bằng chín lần số cát sông Hằng, chúng con đã được nghe môn Đà-la-ni ấy".

Đại Bồ-tát Di-lặc nói:

– Thời quá khứ, cách đây mười hằng hà sa số kiếp, có đại kiếp tên là San-đề-lam, cõi Phật ấy tên là Nhất thiết anh lạc nghiêm sức. Bấy giờ có Phật danh hiệu là Ta-lân-đà-la-xà gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có vô số ức na-do-tha trăm ngàn Tỳ-kheo, vô số vị Bồ-tát như vậy luôn vây quanh Ngài. Đức Phật Ta-lân-đà-la-xà đã thuyết giảng pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy. Con đã từng theo Ngài được nghe pháp môn Đà-la-ni ấy, tu hành đầy đủ, trong vô số kiếp như vậy. Lại trải qua vô số a-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn quá khứ, chư Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế, con đã dùng vô số a-tăng-kỳ thần thông của Bồ-tát cúng dường chư Phật Thế Tôn đó. Nơi trú xứ của mỗi mỗi vị Phật ấy, con đã gieo trồng vô số vô lượng a-tăng-kỳ không thể kể xiết các căn lành phước đức. Do căn lành này mà nhiều ngàn chư Phật đã thọ ký cho con. Con còn đợi lúc để thực hiện bản nguyện nên trụ lâu ở thế gian, không vội thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng trước. Hôm nay, Đức Thế Tôn thọ ký cho con ngôi vị Pháp vương tử là giao cho con xâu chuỗi báu giải thoát là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Di-lặc A-dật-đa, như ông đã nói, nơi trú xứ của Đức Ta-lân-đà-la-xà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, ông đã được nghe pháp môn Nhập nhất thiết chủng trí hành Đà-la-ni ấy. Này Bồ-tát Di-lặc, như có ai muốn thành tựu quả vị Chánh giác Vô thượng thì ở trong mười đại kiếp ấy ông đã có thể khiến họ thực hiện đầy đủ ý nguyện của Bậc Như Lai. Như thế thì sẽ mau chóng đạt Bát-niết-bàn vô thượng để nhập Niết-bàn vô dư. Này Bồ-tát Di-lặc, họ còn phải chờ thời thích hợp để thực hiện bản nguyện nên ông đã an vui trụ thế lâu dài. Này Bồ-tát Di-lặc, ông nay hãy đến nơi Ta để nhận ngôi vị Pháp vương tử!

Khi ấy, Đức Thế Tôn quan sát khắp đại chúng Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Trời, Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, người và không phải người... xong xuôi và ngay lúc đó liền nói lời chú:

Đát đa la phù di – Đàn đa phù di – Đàm ma đà phù di gia đế phù di

– Tất di – Li đế phù di – Ba la nhã phù di – Tỳ xá già la trệ – Phù di – Ba la đế tam tỳ – Đại phù di – A-súc soa ba phù di – Cát lược ba la bá – Phế phù di – Tam ma đa ba lị sai mộ tỳ – Xoa phù di xa đế – Xoa na phù di – Tam mâu xà tỳ mâu xà – Ba la mâu xà tỳ – Xá gia la đạt xá bà đế tỳ xá thác – Đế la na – Già già la già la bà mẫu xa – Bà ma tỳ ma đế – Dũ ba ế la – Yên la già trí xà lại thác mục la bà thi – Tăng già la ma – Y đế chu la bà đế – Di xí văn đà la – Đà ha la bà đế – Ba la nhã phù đa ha – Đại ca la di đa – Sa độ sa bàn đa y la dạ ni la dạ a hầu sa thác – A dà la trí a – Lê tha Bà đế – Cầu lưu bà đế đế ê na đề phàm – A ca na bà đế bà ca na đế sa di đế tỳ sa bà yên trà thác – Bà la pha thác la đát đa la cưu lưu sư tịch – Đâu lưu sư ma – La lưu sư – Ma la lưu tha – Tha lưu đề tát bà đa – tát bà đa tát bà đa – Chá a ni lâu đà địa a tha – Đa ê pha la – Bà hầu pha la tát đa – Pha la thất thát bà đề.

Đức Thế Tôn vì chư Thiên nói câu chú giải thoát của Mười hai nhân duyên này. Sáu mươi na-do-tha chư Thiên được kiến giải về Thánh đế.

Hằng pha lam ương già la pha – La la la pha – A la pha ni – la hô la – Bà bà đa phiêu – Y đàm lam – Nê xà ma pha – Lam na mẫu đà – Viêm tỳ đắc già ba la – Nhã già ca a nậu tỳ lê – Đế già ca – Xà nậc già ca la.

Do câu chú giải thoát này mà mười ức na-do-tha chư Thiên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, liền được bậc Bất thoái chuyển.

Ba thi tô ma đố a nô ma đố a cưu ma đố thi đà bà cú ma đa la la tha a xá la – Tỳ ba la bà tha y – Xá hi đa – Tu ni ma – Đê sai ma đế – A lư câu át – Quy giác sư na.

Do câu chú giải thoát này mà sáu vạn bốn ngàn Rồng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng liền được bậc Bất thoái chuyển.

Tu bà xoa – Tu bà bà bà la ma tha na – A la trụ bà già la trụ già bà la trụ, già la diệu xoa – Tất đại ma đế – Ta mạn đa ố xoa bà lệ ngô thác ca lư – Ma ha bà lệ minh xà a lư đà la na – Ngô già lặc xoa – Cưu đà xoa tỳ lưu tư – Tỳ lưu tư mục khư – Xa đế kha tất đa xa đế bà lê – A tu lộ – Tỳ na tu lộ – Ba la ma địa.

Nhờ câu chú giải thoát này mà mười hai ức Dạ-xoa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đều được bậc Bất thoái chuyển.

Át lị thế côn lê lệ nậc trí thế san trí thế – Già trí ninh – Na già mễ – A la bị – A đà mễ – Ma đế mễ san nậc ha thủ lệ – Đà-la-ni dạ a bê – Thi đa tát nhân đà là tát đề bà – Tát na già – Tát dạ A-tu-la đề bà na già nậc lưu đế ba lị – Ba la nậc lưu đế la tỳ tất nặc lưu đế – Ba la nhã – Ba lị ba

la ma già – Đế trực lực – Đế la tỳ phất bà chỉ bị – Thị nỉ bị tát già lị đa bàn đa – A tỳ đế – Na bàn đa – Thủ la bàn đa – Chỉ lị na – Tỳ lê xà bàn đố – Tỳ đà bàn đế tỳ tam bà kỳ vị già văn đà la đạt xá ba lị yết ma nậc xoa – Ba la xú. Thập ô ha la nô đề là bà đầu – Tu la văn đà – La na già văn đà la – Dạ-xoa văn đà la, khô la – Xoa tứ văn a la – Bị đề di – Đa bệ đa đa bệ uất xuất nỉ – Na nỉ bà la khư trệ na na đế Đà-la-ni da a ty xa đa đề xá luân đà nỉ bà giá luân địa xả phá thâu đà nỉ bà chỉ ba lị yết ma – Ba la nhã – Phù địa tất vật đế ma đế – Già đế trực lực đế – Già na ba – La đế tát la na phù xà địa da già kiết lị – Thủ nhã đa già kiết lị – Bà da.

Nhờ câu chú giải thoát này mà năm vạn sáu ngàn A-tu-la phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thoái chuyển đối với tâm đã phát ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy Địa:

– Thiện nam tử, chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời là điều hết sức khó có, đạt đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến do tu tập câu chú này cũng rất là khó. Nên lấy lợi ích cho chúng sinh để thành tựu công đức của Bồ-tát.

Này thiện nam tử, Như Lai lúc thực hành hạnh nguyện Bồ-tát, bố thí, làm việc thiện, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ luôn đầy đủ, thân cận hàng ức na-do-tha trăm ngàn Đức Phật, hoặc thực hành bố thí, trì giới, hoặc thực hành phạm hạnh, hoặc tu tập, hoặc tinh tấn nhẫn nhục tu tập thành tựu thiền định, gần gũi học hỏi bậc Trí đa văn, cả ngần thứ ấy nghiệp thiện đầy đủ. Do đó nay ta chứng được Vô thượng trí.

Này thiện nam tử, khi Như Lai thực hành đạo Bồ-tát, thì trong cả ức trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, miệng Ta không phạm bốn lỗi: không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lời thô ác, không nói hai lưỡi. Do nhân duyên này mà Ta thành tựu được "tướng lưỡi rộng dài".

Này thiện nam tử, những điều Như Lai đã giảng nói trọn không hư dối.

Lúc này Đức Thế Tôn từ nơi bảo tòa thị hiện thần thông nhập vào pháp Tam-muội gọi là "Tập nhất thiết phước đức", hiện ra "tướng lưỡi rộng dài" tự che khắp mặt mình, từ tướng lưỡi rộng dài ấy phóng ra mười ức đạo hào quang. Các đạo hào quang mầu nhiệm này tỏa chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới: Các cõi địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, người, trời không đâu là không soi tới. Chúng sinh ở địa ngục bị thiêu đốt, do ánh sáng này soi đến khiến có gió mát thổi lên nên tạm thời thọ nhận được sự an lạc. Ở trong cõi địa ngục mỗi mỗi chúng sinh đều được thấy hóa thân của Như Lai nơi trước

mặt mình, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, cùng tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm. Những chúng sinh trong cõi địa ngục ấy được thấy Phật nên có đủ sự an lạc khiến họ đều tự nghĩ: "Nhờ vị Đại sĩ này nên nay chúng ta được vui vẻ an lạc". Suy nghĩ như thế, nên đối trước Như Lai họ đều phát sinh tâm ái mộ cung kính, hoan hỷ. Đức Như Lai bảo họ:

– Này các chúng sinh, các ngươi nên niệm như thế này: Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, tất khiến cho các người có thể được yên ổn trong đêm dài tăm tối.

Nghe lời dạy của Phật xong, những người nơi cõi địa ngục kia liền chắp tay niệm lớn: "Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng". Chúng sinh trong địa ngục ấy nhờ căn lành này liền bỏ được nghiệp nơi địa ngục, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh làm người. Nếu là chúng sinh trong địa ngục Hàn băng thì được gió ấm thổi tới... cho đến được sinh trong loài người. Cũng như thế, các loài ngạ quỉ bị sự đói khát đốt cháy thân thể, khi hào quang của Phật chiếu đến rồi thì lửa đói khát liền tiêu tan, được thọ hưởng an lạc. Mỗi một ngạ quỉ đều thấy hóa thân của Phật hiện ra trước mặt mình, với ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm thân. Các ngạ quỉ được thấy Phật rồi thì tâm vô cùng hoan hỷ nên đối trước Đức Như Lai họ đều vui vẻ, yêu quý cung kính. Đức Phật theo ngôn ngữ của họ mà giáo hóa. Do căn lành ấy, đến khi xả bỏ thân mạng, các ngạ quỉ có thể sinh lên cõi trời, có thể sinh làm người. Cũng giống như vậy, Ngài hóa độ các loài súc sinh, cho đến hàng người, trời. Lúc này, vô số các vị trời, người, cùng đến chỗ Đức Như Lai, ngồi sang một bên lắng nghe thuyết pháp và ngay khi ấy có vô số chư Thiên, người đời, phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, lại có vô số Bồ-tát chứng đắc Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni.

Xà lê ni – Ma ha xà lê ni – Vực sí lệ – Phục sí lệ – Tam bát đà – Ma ha tam bát đà – Đề diễm át đế già trí thác sí – Tha la tha sí – A tứ ma ca tứ – Thi lê di lê đế lị – Lâu lâu sí ma ha lâu lâu sí – Xà duệ đột lâu xà duệ – Xà da ma đế – Chiến đế xa đâu lậu – Niết già đa nỉ – A mâu lệ mâu la ba lị sân nỉ – Ma la tê nhã tỉ đa la – Ta nỉ mục đế – Đa ba lị du địa – A tì đế ta dạ – Mộ già nỉ – Ta la ưu ha la nỉ – Đàn đa tỳ trệ – Tỳ trệ bà lâu đa dương ni già la ha bà nê nam – Đạt ma bà nê na – Tăng già la ha lặc xoa – Đạt ma bà nê nam. *Đây là câu chú giải hiện về Tứ niệm xứ.*

Phật-đà ba la ca xa duệ – A ma ma mĩ – Ma ma a chi chí – Át thế – Át tha nỉ chí – La nỉ lư ca trí – Mục đế na đà – Đà ba lị bà bà nỉ. *Đây là câu thần chú giải hiện về Tứ thánh chủng.*

Bà sa thế – Ba sa nỉ đà lệ – Đà la ba đế, cữu tất đế – Mục bị mục bà ba la bị – Mê đế lệ – Tu ma bà đế – Phỉ đế chỉ đế – Ca lâu nại uất nê xoa duệ – Tất phú đế ưu côn hựu – Tam bát nỉ – A lặc sí – Bà la lễ khứ kỳ – Khứ nhĩ a mâu lệ – Mâu la du nỉ. *Đây là câu chú giải hiện về Tứ Vô úy.*

Đát pha la – A già la pha la – A nặc pha la nặc la phả tam mục đa – A mục đa niết mục đa – A bãi tỳ nại tỳ mục đế bà nỉ – Tỳ la pha la a diên đại – Y tỳ trĩ đế tỳ trĩ – Uất lôn độ – Đâu trưng la đâu lam a hưng tam ma y đệ đa bà pha đế bà đa đế bà tát – Ba lộ ca, a tra ca lệ – A ca lệ tần đại a phù ta lệ tra tha muội đế – Tỳ xa già la bà đế – Át pha la già pha la. *Đây là câu chú giải hiện về "Tứ ủng hộ".*

Xà tra đa a ni thi la bà bà đa bộ – Y đàm pha lệ ni da – Ma pha lam tam mỗ đà na dạ – Tỳ phù xá ba xà tô ma đạu – A miễn ma đố – A cưu ma đố – di tha bà đế muội đa la tha – Đà xá bà la tỳ ba la bà đà y xá hi đa tu ni khứ ma nê sai – Kỷ na ma đế a lư cú – A nê đâu sắt nam tát đê ma đế ba la xuyết – Ba nại Phật-đà – Phật lâu bà ba – La ha lệ. *Đây là câu chú giải hiện về "Tứ chánh đoạn".*

An nhĩ ma nhĩ – Ma nỉ ma ma nỉ – Chỉ lệ chỉ lệ đế xa – Dương trừ dương đa tỵ chiên đế – Mục đế úc đa mê – Tam mê ni tam mê tam ma tam mê xoa duệ – Ố xoa duệ – Át kỳ chiên đế xa mỹ sắt đế – Đà la nỉ a lư già bà tế – Yết la đa na bà la đế – Yết la thấp di bà đế xà na bà đế – Nỉ lâu bà đế nỉ lâu bà đế – Xoa dạ nặc đà lệ xa nỉ – Lư ca bà la nê bà nặc đạt lê xa nặc. *Đây là bốn câu chú giải hiện về "Tứ biện".*

Già thấu a bà ta nặc đà – Lê xa nỉ xa na lư – Ca đà đố ba la bà ta đế – Tát thiên dần nê lị da phù ma đế ca lan đế – Ta-bà Ta-bà bà ma tát bị ba la tha bặc xoa duệ gia lệ cù ca trà – Bà đà nỉ lô ca miễn đà lị xá na tỳ phục. *Đây là câu chú giải hiện về "Tứ thần túc".*

A già lệ phù địa đà đà đà ba già lệ bà nỉ hột – Lật na tất địa kim – Tỳ để ni trĩ tam bút trí ba lị ca tứ lỵ tô di chiên địa đà đà già già a già già lệ a ba lệ tỳ chí bà lệ nặc – Ba lệ ba la già già lẹ ba la ba lệ – A na dạ a na dạ a tiện tế ca ca la di – Ba la bà tỳ nỉ ca la di ni già tế – Già la già la di na do đế. *Đây là câu chú giải hiện về Căn, Lực.*

Phí sư bệ – Tô phí – Sư bệ dỗ – Ma ba lị ha lệ – A bà duệ – Thùy lâu chỉ lệ chi ca la – Lăc ta a đà ma tất đố đế – Đế lệ – Ma ma lệ bát già thất thi lệ lô ca tả tỳ nhã nỉ na dạ – Ta kỳ lị thi đế – Già diêm đế – Sa thất chiên địa na. *Đây là câu chú giải hiện về "Thất giác ý".*

Già ca la bà thị – Lệ bà đế – Già sí lệ – Già ca la đà lệ – Đà già sí lệ đà lệ – Mục lê ê lệ – Ê lệ đà lệ – A lưu bá bà địa – Hưu hưu lệ – Da

tha thị đa già – Tần bà lệ da tha – Ba lân già điệt nê – Lị xá dạ tha bà dạ sĩ lị phú xá đế âm, ám lưu quát tỳ tỵ tinh tấn âm, ghâu lệ đạo âm, giới âm, định âm, tuệ giải thoát âm, giải thoát tri kiến âm, tinh tú âm, nguyệt âm, nhật âm, *Đức Phật đã nói lên các âm thanh như vậy...*

Át phù đa – Di la phù đam – Tam Phât đàm a phù đàm – Y ha phù đàm – Đát đa la phù đàm – Nậc hàm già ma mục lệ – A la pha – Đà la pha – Mạn đồ lê – Mạn đồ nỉ đát đa la – Lam đa lâu mạn già – Già la nị – Mâu trí nị – Tam ba la mâu trí nị – Già nại ba lăng già ma miễn miễn – Ni lâu bà na xa nỉ na xa bà đà nậc chí chí đế chí chí – Ma dư bà dật – Trừng gia ma bà lẹ – Ma lệ ha – Đa ninh bà liễm bà lê tần địa tần lệ tần lệ úc sa lê xa la nỉ đà la ninh – Bà la bà đế – Bà lam na tra di tỳ đầu đầu ma – Bà la khâu mạn bà la ha – Ma già lê na – Nhân đà la bà nậc đề đề la xà nậc – Ma ê thi ba la la la nậc – Bà ma sổ dương – A la ni – Di y già sĩ lặc xoa sĩ lị sư già – Nặc già la pha chỉ – Chiên A la tu lẹ – Tát bà tu lam – A bà lam bất na – Gia nê diêm bát nê đa – A di na kiền nê đa – Diệm bà tế ca kiền đà lệ đà lệ – A đa la trà ha nậc – Ma già la – Tần lô ha nậc – Tứ đàm mạn đế – Tỳ lô già ma đế – Phật-đà nê – Sư hi đế – Đà-la-ni mục xí. *Đây là câu chú giải hiện về "Thập lực".*

Đát đa la phù di – Đàn đa phù di – Đàm ma đà phù di già đế phù di tất di – Li đế phù di – Ba la nhã phù di tỳ xá già la trẹ phù di – ba la đế tam tỳ đại phù di – A-súc xoa ba phù di – Kiết lược ba la giác phế phù di – Tam ma đa ba lị ta mộ tì xoa phù di – Xà đế xoa na phù di – Tam mâu xà – Tì mâu xà – Ba la lao xa tì xá già la đạt xá bà đế – Tỳ xá thác đế la na già già la – Già la ta mẫu xa bà đa tì ma đế dũ bà – Ê la yên la già mạo – Xà lại thác mục la bà thi tăng già la ma – Y đế chu la bà đế di xí văn đà la đà ha la bà để ba la nhã phù đa ha đại – Ca la di đa – Sa độ sa bàn đa y la dạ – Thi la dạ ni la dạ – A hầu ta thác – A văn đà la mạo – A lê tha ta đế – Cầu lưu bà đế – Đế ê na đề phiếm – A ca na bà đế bà ca na đế – Sa di đế – Tì sa bà yên trà thác – Bà la pha thác – La đát đa la – Cưu lưu sư ma đâu lưu sư ma – La lưu sư ma la hưu tha tha – Lưu đề tát bà đa tát bà đa tát bà đa giá – A ni lâu đà – Tha ha – Tha đa ê pha la – Bà hầu pha la – Tát đa pha la – Thất thác bà đế.

Đức Thế Tôn vì chư Thiên nói câu chủ giải hiện về mười hai nhân duyên này khiến cho sáu mươi na-do-tha chư Thiên được hiểu rõ Thánh đế.

Đát pha lam – Ương già pha lam – La la pha – a – la pha ni la phù la – Bà bà đa phiếu y, đàm lam ni xà phế pha lam na mẫu đà viêm tỳ phù già – Ba la nhã già ca a nậu tì lị đế già ca – Xà nậc già ca la.

Do câu chú giải thoát này mà mười ức na-do-tha chư Thiên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng và liền được bậc Bất thoái chuyển.

Ba thi tô ma đố – A nô ma đố – – A cưu ma đố – Thi đà bà cú ma đa la tha – Tha a xá la – Tì ba la ba tha y xá hi đa – Tu ni ma – Thánh ta na ma đế – A lô câu át trĩ giác sư na.

Do câu chú giải thoát này mà sáu vạn bốn ngàn Rồng phát tâm cầu đạo quả Chánh giác Vô thượng, liền được bậc Bất thoái chuyển.

Tu bà xoa tu bà ta – Bà la ma đà – Na a la trụ – Bà già la trụ – Già bà la trụ – Già la diệu xoa – Tất đại ma đế – Ta mạn đa sơ – Ố xoa bà lệ – Hầu thác ca lô – Ma ha bà lệ – Ô xà đà lô đà la na – Sĩ già lặc xoa cưu đà – Xoa tì lưu bá – Tì lưu bá mục khứ – Xa đế ha tất đa – Xa đế bà lệ – A tu lộ – Tì na tu lộ – Ba la ma địa.

Nhờ câu chú giải thoát này mà mười hai ức Dạ-xoa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng và đều được bậc Bất thoái chuyển.

Át lị thế – Tì lê lệ nậc trí thế – San trí thế – Già trí ninh – Na ca mễ – A la bại – A đà mễ – A la bị – A đà mễ – Ma đế mễ san nậc ha – Thủ lệ – A la ni dạ a – Tì thi đa tát nhân đà la tát đề bà tát na già tát dạ a – Tu la đề bà – Na già nậc lưu đế ba lị bà la – Nậc lưu đế la tì tất nậc lưu – Đế ba la nhã ba lị – Bà la – Ma già đế trực lục – Đế là tỳ phất bà chỉ bị thị nỉ bị tát già lị đa bàn đa – A tì tha na bàn đa thủ la bàn đa – Chỉ lị na tì lị xà bàn đố – Tì đà bàn đế – Tì tam bà kỳ mạt già xoa đà la – Đạt – Hàm ba lị yết ma nậc xoa ba la... thập ô ha la nô – Đề là bà đạu – Tu la văn đà la – Na già văn đà la! Dạ-xoa văn đà la – Kiết la xoa tứ văn đà la bị đề di đa bệ đa đa bệ uất suất nỉ na di – Bà la khử trệ na na đế Đà-la-ni dạ a ti xa da – Đề xá du đà nỉ bà chá – Du địa xả phá du đà nỉ – Bà chỉ ba lị – Yết ma ba la nhã – Phù địa tất vật đế ma đế già đế trực lực đế già na na ba la đế tát la na– Phù xà địa da già kiết lị thủ nhã đa già kiết lị bà da.

Nhờ câu chú giải thoát này mà năm vạn sáu ngàn A-tu-la phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng không thoái chuyển đối với tâm đã phát ấy.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 2

Phẩm 4: Khuyên Bố Thí

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Tịch Ý, nương theo uy thần của Phật bạch với Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, do nhân, duyên nào mà quốc độ của chư Phật kia thanh tịnh, không có các điều xấu ác, cũng không có năm thứ ô trược. Cõi Phật được trang nghiêm bằng vô số các loại kỳ diệu. Các vị Đại Bồ-tát ở cõi đó đều gồm đủ các uy đức, các niềm diệu lạc, ở cõi ấy không có tên Thanh văn, Bích-chi-phật huống hồ là những tên gọi khác. Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì ở nơi thế giới xấu ác với năm thứ ô trược mà thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có đủ bốn chúng để thuyết giảng giáo pháp của Ba thừa. Thưa Thế Tôn, vì cớ gì chẳng chọn lấy cõi Phật thanh tịnh, không có năm thứ uế trược?

Phật bảo:

– Này thiện nam, do bản nguyện nên Bồ-tát chọn lấy cõi Phật thanh tịnh. Cũng do bản nguyện nên chọn lấy cõi Phật không thanh tịnh. Này thiện nam, có Đại Bồ-tát tâm đại bi gồm đủ nên chọn lấy cõi Phật không thanh tịnh. Vì sao? Là do bản nguyện. Do bản nguyện nên ta ở nơi cõi đời xấu ác mà thành Phật. Ông hãy dốc lòng lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Tịch Ý xin lắng nghe những điều Phật thuyết giảng. Đức Phật nói:

– Thiện nam tử, về thời quá khứ xa xưa, cách đây hơn một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có đại kiếp tên là Trì, nơi cõi Phật này có bốn châu thiên hạ, vua Chuyển luân tên là Ly Tránh làm chủ bốn châu thiên hạ. Chuyển luân vương Ly Tránh có vị Đại quốc sư tên Hải Tế thuộc chủng tộc Bà-la-môn, sinh được một người con trai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trăm phước trang nghiêm thảy đều đầy đủ, thân có hào quang vây quanh như cây Nhã-cù-lô màu sắc vàng ròng? Khi người con được

sinh, có hàng trăm ngàn chư Thiên đến cúng dường, nhân đấy đặt tên là Hải Tạng. Đến khi trưởng thành, Hải Tạng liền xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Bảo Tạng. Phật Bảo Tạng chuyển bánh xe pháp, khiến cho hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đạt được Thiên đạo và quả vị giải thoát. Vào những lúc khác, Ngài cùng với hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng Thanh văn vây quanh theo hầu, du hành qua nhiều thôn ấp, thành thị, xóm làng. Dần dần đến thành An-thù-la, thuộc xứ cai trị của vua Chuyển vương Ly Tránh. Cách thành không xa có vườn Diêm-bà-la. Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cùng với hằng ức na-do-tha trăm ngàn chúng Thanh văn cũng đến dừng nghỉ nơi khu vườn ấy. Lúc này, vua Ly Tránh nghe Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cùng với vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng Thanh văn đã vào tới quãng đường dẫn đến vườn Diêm-bà-la thì nảy sinh ý nghĩ: "Nay ta nên đến chỗ của Đức Như Lai để cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán". Suy nghĩ xong, nhà vua với vô lượng uy đức lớn của bậc Chuyển luân thánh vương cùng vô số ức trăm ngàn vị quan dân chúng, đám tùy tùng trước sau vây quanh đều ra khỏi thành tới vườn Diêm-bà-la. Đến nơi tất cả đều xuống xe, đi bộ vào chỗ Đức Như Lai, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, đi nhiễu quanh Phật ba vòng xong rồi lui ra ngồi qua một bên. Thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thấy vua Ly Tránh bèn dùng vô số những lời trọng yếu mang niềm vui của chánh pháp để khuyến hóa vua Ly Tránh, khiến nhà vua vui mừng, tin tưởng, xong rồi thì Đức Như Lai Bảo Tạng mặc nhiên an trụ. Vua Ly Tránh liền chắp tay, bạch với Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri:

– Kính mong Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh mời ở lại đây ba tháng để con cúng dường y phục thức ăn uống, giường chõng, đồ nằm, thuốc thang tùy theo nhu cầu xin được cung cấp đầy đủ.

Đức Bảo Tạng Như Lai đã im lặng nhận lời mời. Vua Ly Tránh biết Đức Phật đã nhận lời, liền đảnh lễ, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trở về hoàng cung, vua Ly Tránh nói với các vị tiểu vương, quần thần, cùng muôn dân:

– Các ngươi nên biết, ta đã thỉnh Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cùng đại chúng Tỳ-kheo ở lại đây ba tháng để cúng dường tất cả những vật dụng cần thiết. Tất cả những thứ tài sản quý giá, luôn được mến chuộng của ta đều được mang ra để cúng dường cho Đức Phật và đại

chúng Tỳ-kheo Tăng. Các vị tiểu vương cùng muôn dân cũng nên theo gương ta tham gia vào việc cúng dường này.

Khi ấy, vị quan quản thủ kho báu của nhà vua đem vàng trải kín khắp mặt đất trong vườn Diêm-bà-la. Xong rồi, ông tạo dựng cho Đức Thế Tôn một tòa đài bằng bảy báu. Cửa lớn cửa nhỏ ở bốn phía cũng làm bằng bảy báu. Khắp nơi trong vườn đều trồng cây bảy báu. Trên các cây đó dùng vô số y phục, vô số cờ phướn, lọng báu để trang nghiêm. Lại dùng vô số các thứ châu ngọc, chuỗi anh lạc, các thứ vật trang sức, các thứ đồ dùng quý báu để trang trí nơi các phòng ốc. Lại có vô số các loại hương thơm, vô số các hoa trái bằng bảy báu trang trí trên các cây thất bảo, tung rải các loại hoa, các dải tơ lụa ngũ sắc, các loại thảm cỏ, các thứ đệm lông, thảm lông, các thứ y phục để trang trí nơi chỗ ngồi. Phía trước chỗ Đức Thế Tôn an tọa, bên ngoài đài báu, lại bố trí bánh xe báu cách mặt đất một nhận. Nơi không trung có chùm ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ. Đằng sau chỗ Đức Thế Tôn có con bạch tượng thuần tánh, chi thể đầy đặn, trang trí bằng bảy báu, nâng giữ cây báu che đầu Đức Thế Tôn. Cây báu này được trang trí bằng các thứ thất bảo, chuỗi anh lạc vô cùng uy nghiêm, đẹp đẽ. Chánh hậu thứ nhất của vua Ly Tránh đến trước Đức Phật, dùng bột hương Ngưu đầu chiên-đàn tung rải để cúng dường. Đích thân vua Ly Tránh mang ngọc báu Ma-ni sáng rực đặt phía trước Đức Như Lai. Ánh sáng của bánh xe báu và ngọc báu chiếu rọi khắp khu vườn. Hào quang của Đức Phật tỏa sáng khắp đến cả ba ngàn đại thiên thế giới, ánh sáng vi diệu ấy soi đến từng vị Thanh văn một. Tòa ngồi có chỗ tựa chân bằng gỗ Ngưu đầu chiên-đàn. Đằng sau các vị Thanh văn ngồi đều có voi trắng nâng cây báu được trang trí vô cùng đẹp đẽ như đã nói, che trên đầu. Đàng trước chỗ các vị Thanh văn đều có các thể nữ xinh đẹp, trang sức bằng các chuỗi anh lạc báu, dùng bột thơm Ngưu đầu chiên-đàn tung lên cúng dường Phật. Trước mỗi một vị Thanh văn đều đặt ngọc Lưu ly. Các thứ âm nhạc hòa tấu vang lên khắp khu vườn. Vị tướng thống lãnh bốn binh chủng của nhà vua bố trí đám quân thị vệ chung quanh bên ngoài vườn.

Này thiện nam tử, bấy giờ vua Ly Tránh, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành đến chỗ Đức Phật. Tới nơi thì xuống xe, đi bộ vào khu vườn, cung kính đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai và chư Tăng, đi nhiễu quanh Phật ba vòng xong, tự thân nhà vua rót nước rửa tay cho Đức Như Lai, tự tay mình bày biện trăm loại đồ ăn thức uống thượng diệu đều được chuẩn bị đầy đủ để cúng dường Phật. Vua biết Phật ăn xong, thâu bát, liền dùng cây phất báu cung kính phẩy mát Đức Như Lai. Một ngàn người con của vua và bốn vạn tám ngàn vị tiểu quốc vương cúng dường các vị Thanh văn như thế

xong, cũng đều cầm bảo phất phẩy mát đại chúng. Thọ trai xong xuôi thì có vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh vào vườn để nghe thuyết pháp. Lại có vô số ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên, ở trên không tung rải như mưa các thứ hoa trời, hòa tấu các kỹ nhạc. Các thứ dải lụa nhiều màu, cờ phướn, lọng báu bằng lụa quý, y phục mềm mại cùng với chuỗi báu anh lạc treo lơ lửng khắp hư không. Bốn vạn thanh y Dạ-xoa ở trong rừng Chiên-đàn thường lấy Ngưu đầu chiên-đàn bên bờ biển này làm củi để nấu chín thức ăn cúng dường cho Phật và Tỳ-kheo Tăng. Đêm ấy, trước Đức Phật và đại chúng, vua Ly Tránh đốt hàng ức do tha trăm ngàn ngọn đèn sáng.

Này thiện nam tử, bấy giờ vua Ly Tránh vào đầu đêm, ở trước mặt Đức Phật, hoặc đội đèn trên đầu, hoặc để trên hai vai, cầm trên tay, đặt trên đầu gối, nơi hai chân, suốt đêm như vậy để cúng dường Phật. Nhờ oai thần của Phật, nên thân tâm nhà vua không hề mệt mỏi, mà luôn được an lạc giống như Tỳ-kheo nhập vào cõi Tam thiền, thân chẳng nghiêng tựa, tâm không cực nhọc. Nhà vua cúng dường như vậy trọn trong ba tháng. Cũng như thế, một ngàn người con của vua, tám vạn bốn ngàn vị tiểu vương cùng hàng ức na-do-tha chúng sinh khác lo việc cúng dường cho từng vị Thanh văn trong ba tháng, y như nhà vua cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai không khác. Chánh hậu của vua, trong ba tháng cũng dùng hương hoa cúng dường Đức Phật. Còn hàng ức na-do-tha trăm ngàn thể nữ nơi cung vua, trong ba tháng ấy cũng dùng vô số hương hoa cúng dường chúng Thanh văn y như vậy.

Này thiện nam tử, ba tháng cúng dường đã xong, vua Ly Tránh bèn đem tám vạn bốn ngàn đài báu bằng vàng ròng để cúng dường Đức Thế Tôn. Tám vạn bốn ngàn bánh xe vàng, bánh xe báu đứng đầu, cũng dùng để cúng dường Đức Phật. Tám vạn bốn ngàn voi trắng đứng đầu là voi báu. Tám vạn bốn ngàn con ngựa, trong đó ngựa báu đứng đầu. Tám vạn bốn ngàn nhật minh châu, đứng đầu là hạt châu báu nhất, tất cả được đem đến để cúng dường Phật. Tám vạn bốn ngàn tiểu quốc vương do vị chủ kho báu dẫn đầu cùng đến cúng dường Đức Thế Tôn, cung cấp các thứ đồ cần dùng. Tám vạn bốn ngàn tiểu vương do vị hướng dẫn tài giỏi nhất đứng đầu cùng đến cúng dường Đức Thế Tôn, cung cấp những kẻ hầu hạ gần gũi. Tám vạn bốn ngàn thành thị, đứng đầu là thành An-thù-la, dâng cúng cho Đức Phật và chúng Tăng tùy nghi sử dụng. Tám vạn bốn ngàn hàng cây bảy báu, tám vạn bốn ngàn các khóm hoa báu, tám vạn bốn ngàn lọng bảy báu, tám vạn bốn ngàn y phục thượng diệu, tám vạn bốn ngàn các loại vòng báu trang sức. Nói tóm lại nào xe cộ, giường nằm, tòa ngồi, ghế để chân, đồ nằm ngồi, giày dép, khăn, mũ đội đầu, chuỗi anh lạc, trân châu anh lạc. đàn,

nhạc, chuông, linh, loa, trống, cờ phướn, chân đèn, lư hương, đồ đựng nước tắm, vườn, rừng, chim, thú... các loại này đều quý giá cùng với những hương vị vi diệu, mỗi thứ đều có tám vạn bốn ngàn cái, thảy đem dâng cúng Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, rồi nhà vua bạch với Đức Phật:

– Nước con nhiều việc nên xin sám hối Đức Thế Tôn! Kính mong Đức Như Lai vui lòng ở lại vườn này để chúng con thay nhau phụng hầu. Một ngàn người con của vua Ly Tránh đang ở trước Đức Phật, từng người một đều xin cung thỉnh Đức Phật và chư Tăng lưu lại trong ba tháng để cúng dường tất cả các vật dụng cần thiết. Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời. Bấy giờ, vua Ly Tránh biết Đức Phật đã nhận lời mời của các con nên cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài và chư Tỳ-kheo Tăng, đi quanh theo phía bên phải ba vòng và từ tạ trở về cung. Sau đó, trong số các vương tử của vua, người thứ nhất tên là Bất Tuần, cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng trong ba tháng như vua Ly Tránh. Mỗi ngày vương tử đến một lần lo việc phụng hầu Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng cùng lãnh hội giáo pháp vi diệu.

Này thiện nam tử, Bà-la-môn đại quốc sư là phụ thân của Đức Như Lai Bảo Tạng, tên là Hải Tế, đã được nam nữ lớn nhỏ khắp cõi Diêm-phù-đề tìm đến để cầu xin những vật dụng trong đời sống. Trước tiên, ông làm thí chủ khiến họ thọ tam quy y an trụ nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, sau đó mới được nhận sự bố thí. Tất cả già, trẻ có sự hiểu biết trong cõi Diêm-phù-đề, không ai là không nhận sự bố thí ấy và đều được khuyên dùng tam quy y để an trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thế, ông đã khuyến hóa được hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh tu tập nơi "ba phước địa" không thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề tối thượng. Trong ba tháng, vương tử Bất Tuần đã cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng đầy đủ, cũng như phụ vương mình. Hết ba tháng, trừ những thứ đã có sẵn như thành quách, bánh xe báu, voi, ngựa, ngọc Ma-ni báu, cũng như vua Ly Tránh, vương tử Bất Tuần đã đem tám vạn bốn ngàn bánh xe vàng, tám vạn bốn ngàn voi, tám vạn bốn ngàn ngựa dâng cúng Đức Phật. Nói tóm, các thứ như Nhật minh châu, thể nữ, đồng tử, cây ngọc như ý, lẳng hoa, y phục, lọng báu, chuỗi anh lạc, xe cộ, giường nằm, tòa ngồi, ghế tựa chân, ngọa cụ, giày dép, mũ khăn đội đầu, trân châu anh lạc, đàn nhạc, chuông, linh, hoa, trống, cờ phướn, phất trần, chân đèn, lư hương, đồ chứa nước tắm, vườn rừng chim, thú đều là các thứ vật báu cùng với những loại hương vi diệu, mỗi thứ đều có đến tám vạn bốn ngàn cái, đem dâng cúng xong, sám hối Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng.

Vương tử Ni-mạc cũng cúng dường đầy đủ như thế. Trong ba tháng, Ni-mạc cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng giống như vương tử Bất Tuần. Cúng dường xong cũng đem những vật báu như thế dâng cúng lên Phật.

Vương tử Đế Chúng trong ba tháng cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng cũng giống như vậy. Nay xin lược nói về các vương tử khác như: Bỉ Chúng, Vô Úy, Hư Không, Chi Tượng, Dân-đà- a, Mật Tô, Ma-đà-bộ, Thổ Chúng, Tri Nghĩa, Đồng Tử, Giải Ngu, Giải Nhân, A-la-bộ, Khiển Sử, Khư Mộ, Nghĩa Ngữ, A-lân-độ-lộ, Tướng Nguyện, Tướng Tượng, Nguyệt Tướng, Nhật Tướng, Chủ Tướng, Kim Cang Tướng, Nhẫn Tướng, Xứ Tướng, Tật Tướng, Hạ-la-ni-mộ, Ê Chướng, Chướng Lực, Chướng Tạp, Lạc Tạp, Vương Tài, Dục Muộn, Hạ-la-đà-phụ, Ủng Hộ, Vương Xưng, Lam-ma-dã, Phi-la-bộ, Dã-xà Lộ, Dã Lộ Phi Thọ, Dã Pha Nô, Dã Tượng Nô, Lễ Nguyệt, Bất Thoái... cho đến đủ một ngàn người con của vua Ly Tránh, mỗi một vị vương tử như vậy đều đem tất cả những thứ cần thiết đến cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và vô số Tỳ-kheo Tăng. Mỗi người thay nhau trong từng ba tháng một, đem các thứ y phục, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh cùng những vật dụng khác, đều cúng dường giống như vương thái tử Bất Tuần. Rồi mỗi người lại đem tám vạn bốn ngàn bánh xe vàng... *(cho đến)* tám muôn bốn ngàn hương vị vi diệu đều cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng. Họ dùng sự bố thí lớn như thế để cầu được làm Đế Thích, Phạm thiên vương, Ma vương, Chuyển luân thánh vương, hàng đại phú có lớn, bậc Thanh văn không một ai cầu đạo quả Bích-chi-phật, huống chi là cầu Đại thừa.

Bấy giờ, vua Ly Tránh dùng cuộc đại thí này cầu mong được trở lại làm Chuyển luân thánh vương. Như vậy đã đủ hai trăm năm mươi năm, mọi người ai ai cũng sám hối Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng. Khi ấy, vị Bà-la-môn đại quốc sư là Hải Tế đi đến chỗ Đức Như Lai Bảo Tạng và Tỳ-kheo Tăng, thỉnh Đức Phật cùng đại chúng để cúng dường tất cả các thứ cần dùng như y phục, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh... trong bảy năm. Đức Thế Tôn mặc nhiên nhận lời. Lúc đó, vị Bà-la-môn Hải Tế bèn đem tất cả những thứ cần dùng cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai cùng đại chúng y như vua Ly Tránh đã cúng dường không khác.

Này thiện nam tử, vị Bà-la-môn Hải Tế, vào một lúc khác, tâm tư suy nghĩ: Ta đã từng khuyến hóa từng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh khiến họ phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng không biết chí nguyện của vua Ly Tránh này bố thí như thế là nhằm mong cầu điều gì? Vì cầu đạt được

vua cõi Trời? Vì cầu làm vua cõi người? Vì cầu giáo pháp của thừa Thanh văn? Vì cầu đạt được quả vị Bích-chi-phật? Vì cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng? Giả sử ta đã thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì những chúng sinh chưa hóa độ sẽ đều được độ hết, chúng sinh chưa được giải thoát đều được giải thoát hết, các chúng sinh bị già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não khiến đều được giải thoát. Người chưa được Niết-bàn sẽ chứng đắc Niết-bàn. Hoặc là Rồng, Dạ-xoa, hoặc là Thanh văn, Phật, hoặc là Phạm vương xin nguyện hiển thị nơi giấc mộng của ta. Vị vua này vì cầu phước báo ở cõi Trời? Phước nơi cõi người? Quả vị Thanh văn? Quả vị Bích-chi-phật? Hay đạo quả Bồ-đề Tối thượng?

Này thiện nam tử, bấy giờ quốc sư Bà-la-môn Hải Tế ngay trong giấc mộng thấy ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ. Thấy chư Phật Như Lai trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương. Các vị Phật, Thế Tôn đều đem hoa sen trao cho Bà-la-môn. Hoa sen đó dùng bạc trắng làm thân, vàng ròng làm cánh, mã não làm đài, lưu ly làm tua. Trên mỗi một hoa sen đều có mặt trời xuất hiện. Trên các mặt trời kia có lọng bằng bảy báu. Mỗi mỗi mặt trời đều phát ra sáu mươi ức ánh sáng. Tất cả ánh sáng kia đều nhập vào miệng người Bà-la-môn. Tự thấy thân mình cao đến một ngàn do-tuần, trong lành như gương. Lại tự thấy trong thân có sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát, đều ngồi kiết già nhập chánh định trên đài hoa sen. Thấy các mặt trời kia đều đi vòng quanh thân. Lại thấy các lọng trụ giữa hư không lên đến tận cõi Phạm thiên. Các hoa sen trụ lại quanh thân nghe phát ra âm thanh êm dịu hơn cả năm thứ nhạc trời. Trong mộng còn thấy vua Ly Tránh, đầu heo thân người, dùng máu tự bôi cùng mình mẩy, chạy khắp đó đây, nhiều loại tạp trùng cùng đến tranh nhau ăn. Rồi ông đến ngồi nép bên gốc cây Y-lan thấp, nhiều loại tạp trùng tranh nhau đến ăn thịt. Ăn cho đến chỉ còn xương trắng, rồi mỗi mỗi chi thể nơi thân đều hoàn lại như cũ. Lại còn thấy các vương tử của vua người thì đầu heo, người thì đầu voi, người thì đầu trâu, có người đầu lang, có người đầu sói, có người đầu chó, có người đầu khỉ... Chúng cũng lấy máu bôi khắp thân thể, có nhiều loại tạp trùng tranh nhau lại ăn thịt chúng, chúng cũng đều nương ngồi bên gốc cây Y-lan thấp và bị nhiều loại tạp trùng tranh nhau đến ăn thịt, đến khi chỉ còn xương trắng thì thân các vương tử hoàn lại như cũ, trùng lại tiếp tục ăn thịt nữa. Lại thấy vương tử khác cỡi xe trâu, trang sức bằng hoa Tu-mạn-na, theo con đường quanh co đi về phía Nam. Phạm vương, Đế Thích và Tứ Thiên vương đến nói:

– Này Bà-la-môn, ông đem những hoa sen ở quanh đây, trước tiên trao cho quốc vương một hoa, rồi cho các vương tử mỗi người một cái. Sau

đó, cho các tiểu vương, cho các người con của ông cùng những người khác. Bà-la-môn nghe các vị Trời kia sai phân phối hoa nên liền phân chia các đóa hoa cho mọi người, thì giật mình tỉnh giấc, ngồi nhớ lại những điều đã thấy trong giấc mộng và suy nghĩ: "Những sở nguyện của vị Chuyển luân vương ấy chỉ là mong đạt sự an lạc thấp kém trong vòng sinh tử. Hy vọng đạt được an vui mà sở nguyện thấp kém. Các vương tử... *cũng lại như vậy*. Ta lại thấy có vị vương tử cỡi xe trâu trang sức bằng hoa Tu-mạn-na đi về hướng Nam, đó là người cầu Thanh văn thừa. Ta lại thấy ánh sáng tỏa chiếu, cùng thấy chư Phật Thế Tôn trong mười phương, ta lại có duyên đi khắp cõi Diêm-phù-đề khuyến hóa hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh, khiến họ được thành tựu và an trụ nơi "ba phước địa". Vì cớ đó, ta mộng thấy ánh sáng lớn, thấy các Đức Phật Thế Tôn trong mười phương, do ta đi khắp cõi Diêm-phù-đề khuyến hóa vô số chúng sinh khiến họ an trú nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng. Ta nay lại thỉnh Đức Như Lai, Chánh Biến Tri và chúng Tỳ-kheo Tăng cúng dường tất cả những thứ cần dùng trong bảy năm. Do đó, chư Phật Thế Tôn nơi các thế giới khác trong mười phương, nay lại đem hoa sen này trao cho ta khiến ta phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vậy, chư Phật Thế Tôn đã vì ta mà đem hoa trao cho. Ta đã thấy mặt trời hiện ra trên hoa, có các ánh sáng nhập vào trong miệng ta, lại thấy thân ta rất là cao lớn, thấy mặt trời xoay quanh thân, tự thấy trong thân có sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn vị Bồ-tát ngồi kiết già nhập chánh định trên đài hoa sen... Những điều như vậy trong giấc mộng ta không thể giải được. Lại thấy Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế khuyên ta phân chia các hoa, tức thì thấy mình phân phối ngay các hoa ấy. Những điều thấy trong giấc mộng như thế chỉ có Đức Phật mới thấu rõ được! Ta do nhân duyên gì mà thấy được giấc mộng lớn này? Ta nay nên đến chỗ Đức Phật để hỏi về ý nghĩa của giấc mộng ấy.

Bấy giờ, Bà-la-môn Hải Tế, ngay nơi đêm ấy đã bày biện đầy đủ các thứ thức ăn thượng diệu, sáng ra cho người mang đến chỗ Đức Phật, tự mình đem nước rửa tay cho Đức Phật và Tỳ-kheo từ trên xuống dưới. Xong việc này thì tự tay Bà-la-môn bày biện các món ăn thượng diệu, thích hợp dâng lên cúng dường Phật và chư Tăng. Đức Phật ăn xong thâu bát, lại an trụ thuyết giảng diệu pháp. Lúc này vua Ly Tránh cùng một ngàn người con và vô số trăm ngàn kẻ tùy tùng trước sau vây quanh cùng đi tới chỗ Phật ngự. Đến gần vườn, tất cả đều xuống xe, lần lượt, nghiêm chỉnh đi bộ vào vườn, đến trước Đức Như Lai cung kính đảnh lễ Phật và Tỳ-kheo Tăng, rồi ngồi qua một bên nghe Đức Phật thuyết giảng pháp mầu nhiệm.

Khi ấy, Bà-la-môn Hải Tế đem những điều mình thấy trong giấc

mộng trước đây hỏi Đức Phật. Đức Thế Tôn bảo:

– Ông đã thấy ánh sáng lớn, thấy chư Phật Thế Tôn nơi hằng hà sa số thế giới trong mười phương đã vì ông mà đem hoa đến trao cho, thấy trên hoa hiện ra mặt trời phóng hào quang tỏa chiếu, các hào quang kia lại nhập vào hết trong miệng ông.

Này ông Bà-la-môn, do trong hai trăm năm mươi năm ông đã đi khắp cõi Diêm-phù-đề, dùng "ba phước địa" để khuyến hóa vô số chúng sinh khiến họ an trụ ở đó, lại đem đạo quả Bồ-đề Vô thượng để khuyến hóa vô số chúng sinh khiến họ an trụ nơi đạo quả. Đó chính là đại thí.

Này ông Bà-la-môn, các Đức Phật Thế Tôn kia đều thọ ký cho ông thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ở trong hằng hà sa số thế giới nơi mười phương, các Đức Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế thuyết pháp đã đem hoa trao cho ông. Cành hoa bằng bạc trắng, cánh hoa bằng vàng ròng, đài hoa bằng mã não, tua hoa bằng lưu ly, trên tất cả hoa đều thấy có mặt trời hiện ra. Này Bà-la-môn, những điều đã hiện trong giấc mộng là ứng hợp với điềm lành trước đó!

Này ông Bà-la-môn, trong giấc mộng thấy chư Phật, Thế Tôn nơi hằng hà sa số thế giới khắp mười phương hiện đang trụ thế thuyết pháp, các Phật Thế Tôn kia vì ông mà hiện bày các lọng bảy báu. Các lọng bảy báu ấy trụ nơi không trung, lên đến cõi trời Phạm thiên. Này Bà-la-môn, ông có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì ngay trong đêm thành đạo đó danh xưng của ông truyền khắp vang hằng hà sa số thế giới trong mười phương cho đến cõi trời Phạm thiên và chứng được tướng Vô kiến đảnh tối thượng. Này Bà-la-môn, những điều hiện ra trong giấc mộng ấy chính là những điềm lành ứng trước.

Này Bà-la-môn, trong giấc mộng ông thấy mình cao lớn, cao đến tận cõi trời Phạm thiên, khắp thân đều có mặt trời. Này Bà-la-môn, ông đã có thể khuyến hóa vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Vì thế, khi ông thành tựu đạo quả Bồ-đề, thì tất cả những chúng sinh ấy nơi các quốc độ khắp mười phương nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật cũng thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó là nhờ vào công sức của ông vốn đã khuyến hóa họ đến với đạo Bồ-đề. Họ đều xưng tụng, ngợi khen ông rằng: "Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri kia trước đã khuyến hóa chúng ta đến với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy nên hôm nay chúng ta chứng đắc đạo quả ấy thì Ngài là thiện tri thức của chúng ta". Các vị Phật kia đều khiến các vị Bồ-tát đến cung kính cúng dường, tán thán ông. Các vị Đại Bồ-tát ấy thảy đều tạm rời khỏi cõi Phật của mình, đem vô số các

thứ thần thông của Bồ-tát đến cúng dường ông, nghe thuyết pháp, chứng được vô lượng các thứ pháp môn Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni. Các vị Đại Bồ-tát kia mỗi người khi trở về quốc độ của mình sẽ xưng tụng tán thán danh hiệu của ông. Này Bà-la-môn, những điều hiện ra trong giấc mơ là báo trước điềm lành đó!

Này Bà-la-môn, ông tự thấy nơi thân tướng mình có hàng ức vị Bồ-tát ngồi kiết già nhập chánh định trên hoa sen. Này Bà-la-môn, ấy là khi ông thành đạo quả Bồ-đề sẽ khuyến hóa được hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đạt được bậc Bất thoái chuyển, an trụ nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Bà-la-môn, ông nhập Niết-bàn vô thượng rồi, sau đó, trong đại kiếp nhiều như vô số vi trần nơi một cõi Phật, chư Phật Thế Tôn nơi các quốc độ khắp mười phương đều là Bậc Chánh Pháp Vương. Các vị ấy đều tán thán, xưng tụng ông: Trong quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp có vị Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri danh hiệu như thế, đã khuyến hóa chúng ta an trụ nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nhờ đó nên nay chúng ta đạt được đạo quả ấy đều là bậc Chánh pháp vương. Này Bà-la-môn, những điều đã hiện ra trong giấc mộng như vậy là điềm lành ứng trước.

Này Bà-la-môn, ông nằm mộng thấy những người khác, người thì đầu heo, thân người, người thì đầu voi... cho đến người đầu chó, lấy máu tự bôi nơi thân thể, nhiều loại tạp trùng tranh nhau đến ăn thịt. Chúng tìm tới ngồi bên gốc cây Y-lan thấp, nhiều loại tạp trùng tranh nhau đến ăn thịt, chỉ còn xương trắng thì thân thể chúng hoàn lại như cũ. Ấy là những nam tử ngu si kia, trụ nơi ba phước địa, bố thí, trì giới, tu định, mà cầu cái khổ của cõi ma, vui cầu phước đức được sinh lên cõi trời nên chịu cái khổ hết kiếp mạng chung, cầu làm người thì chịu cái khổ về lão, bệnh, tử, cái khổ oán ghét phải gặp gỡ, cái khổ yêu thương phải chia lìa. Trong kiếp ngạ quỉ thì chịu cái khổ đói khát. Trong kiếp súc sinh thì chịu cái khổ của sự ngu si, bị giết hại. Ở trong địa ngục thì chịu rất nhiều thứ khổ. Người trụ ở ba phước địa, cầu làm vua cõi trời, cầu làm vua cõi người, thống lãnh một châu thiên hạ, hoặc hai châu thiên hạ, hoặc ba châu thiên hạ, hoặc bốn châu thiên hạ. Các nam tử ngu si kia ăn thịt tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng ăn thịt các nam tử ngu si kia. Cứ như thế, trải qua thời gian lâu dài mãi chìm đắm trong sinh tử. Này Bà-la-môn, những điều đã hiện trong giấc mộng kia đó là điềm ứng trước.

Này Bà-la-môn, ông nằm mộng thấy người còn lại dùng hoa Tu-mạn-na tự trang nghiêm, cỡi xe trâu theo đường quanh co chạy về phía Nam.

Này Bà-la-môn, người thiện nam kia cũng trụ nơi ba phước địa, bố thí, trì giới, tu thiền định, chỉ là tự độ, là người cầu Thanh văn thừa. Điều đã hiện trong giấc mơ kia là người cầu Thanh văn thừa. Đó là điềm báo trước.

Phẩm 5: Khuyến Phát Bồ-Đề Tâm

Này thiện nam tử, bấy giờ Đại quốc sư Bà-la-môn Hải Tế nói với vua Ly Tránh:

– Này Đại vương, thân người khó được, lúc vắng lặng tịch tĩnh khó có, gặp được Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ra đời lại càng khó hơn, giống như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới xuất hiện một lần. Ưa cầu thiện căn khó, chí nguyện chân chánh cũng khó. Này Đại vương, ngôi vị vua là gốc của các nỗi khổ. Ngôi vị vua thống lãnh một châu thiên hạ, hai châu thiên hạ, ba châu thiên hạ, bốn châu thiên hạ, cũng đều là nguồn gốc của khổ. Này Đại vương, đó chính là thứ phải chịu khổ lâu dài trong sinh tử. Này Đại vương, phước báo nơi cõi người và cõi trời giống như gió thoảng không có thời gian trụ lại, giống như bóng trăng trong nước. Năm dục của kẻ phàm phu không đủ làm đắm say nơi cảnh giới, ưa cầu phước báo cõi trời người. Người phàm phu thường chịu khổ ở cõi địa ngục, chịu khổ của hàng súc sinh, chịu khổ của loài ngạ quỉ. Trong kiếp người phải chịu cái khổ yêu thương biệt ly, cái khổ được sinh lên cõi trời mà phải trở lại kiếp người, cái khổ nhiều lần phải đầu thai, lại cái khổ tàn hại lẫn nhau. Kẻ phàm phu cứ như thế mà lần lượt nối tiếp chịu khổ. Tại sao? Bởi vì không có thiện tri thức cho nên không thể phát nguyện chân chánh. Cũng không hay tìm cầu, chưa đến cho là đến, chưa được cho là được, chưa chứng cho là chứng. Như thế vì vô minh nên kẻ phàm phu không biết nhàm chán, biết đủ, chẳng chịu phát tâm Bồ-đề để có thể diệt hết các khổ. Ở nơi sinh tử mà chẳng biết chán, chẳng lo nên cứ ở trong đó để luôn chịu nhiều khổ não. Này Đại vương, hãy suy nghĩ sinh tử là điều khổ lụy, cho nên, hôm nay, nên ở trong Phật pháp, đã trồng nhiều căn lành, đã tạo nhiều phước đức, đối với Tam bảo đã có được như sự hoan hỷ, tin tưởng. Cúng dường Thế Tôn cho là phước báo lớn. Dốc lòng giữ giới thì được quả báo sinh lên cõi trời. Được nghe giáo pháp thì đạt quả báo có trí tuệ lớn. Này Đại vương, nếu tà kiến đã hết thì nay đại vương nên phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhà vua nói:

– Hãy dừng lại! Này ông Bà-la-môn, ta chẳng cầu đạo Bồ-đề mà vui ở trong vòng sinh tử. Này ông Bà-la-môn, ta đã bố thí, giữ giới, nghe pháp, đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là rất khó đạt được.

Bà-la-môn Hải Tế lại nói:

– Này Đại vương, đạo Bồ-đề thanh tịnh nên hết lòng phát nguyện với tâm tịnh đầy đủ. Đạo ấy thanh tịnh nên ý luôn thanh tịnh. Đạo ấy là chân chánh, ngay thẳng vì không dua nịnh. Đạo đó hết sức thanh tịnh vì đã chấm dứt tất cả các sự trói buộc. Đạo đó bao quát rộng lớn vì không có các chướng ngại. Đạo đó bình đẳng hóa độ chúng sinh vì tâm bình đẳng. Đạo đó không sợ hãi vì chẳng làm các điều ác. Đạo đó rất giàu có vì do tu tập pháp Bố thí ba-la-mật. Đạo đó hết sức tôn quý nhờ Trì giới ba-la-mật. Đạo đó không bị hủy nhục do tu tập Nhẫn nhục ba-la-mật. Đạo đó không trụ chấp do tu tập Tinh tấn ba-la-mật. Đạo đó là tịch tịnh do tu tập Thiền ba-la-mật. Đạo đó khéo chọn lựa, phân biệt nhờ tu tập Trí tuệ ba-la-mật. Đạo đó đạt được thật trí do có lòng đại Từ. Đạo đó luôn chẳng Bất thoái chuyển nhờ lòng đại Bi. Đạo đó luôn vui mừng phấn khởi nhờ tâm đại Hỷ. Đạo đó kiên cố nhờ lòng đại Xả. Đạo đó không có những hầm hố, gai gốc do dứt sạch mọi ham muốn cuồng tưởng. Đạo đó vô cùng yên ổn do tâm không hủy hoại. Đạo đó không cướp đoạt do khéo lãnh hội được sắc, hương, vị, xúc. Đạo đó hàng phục được ma oán, thù địch nhờ khéo thông tỏ về ấm giới nhập. Đạo đó không có ma chướng nhờ diệt hết các nghiệp trói buộc. Đạo đó được tâm vi diệu vì không còn nghĩ đến quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Đạo đó luôn hưng thịnh vì tiếp nhận được diệu lực của chư Phật. Đạo đó rất quý giá vì ứng hợp với vật báu là "Nhất thiết chủng trí". Đạo đó hiện bày rõ tất cả vì có vô số trí sáng tỏ. Đạo đó có bậc thầy sáng suốt dẫn đường, vì nẻo hành hóa không lìa thiện tri thức. Đạo đó không có cao thấp do đã dứt mọi sự yêu ghét. Đạo đó không có bụi bặm, uế tạp là do không còn sự dơ đục của mừng, giận. Đạo đó là khéo giảng nói vì không có các điều chẳng lành. Này Đại vương, đạo Bồ-đề này là con đường yên ổn dẫn đến cảnh giới Niết-bàn. Này Đại vương, hãy nên phát tâm Bồ-đề!

Nhà vua nói:

– Này Quốc sư Bà-la-môn, Đức Như Lai xuất hiện trong cõi người đã tám vạn năm rồi còn chẳng thể diệt hết các đường ác. Ở trong đó những chúng sinh căn lành thuần thục thì họ đều an trụ nơi đạo quả và có được Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni. Các Bồ-tát căn lành thuần thục thì được thọ ký đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Người gieo trồng căn lành ít thì nhận được phước báo nơi cõi trời người. Mỗi một chúng sinh tùy theo chỗ tạo

nghiệp thiện ác của mình mà luân chuyển tới cảnh giới phải đến.

Đức Phật dạy:

– Nếu tất cả chúng sinh chẳng gieo trồng thiện căn thì khổ không diệt hết được. Tuy thân tướng của Phật chính là ruộng phước, nhưng chẳng thể độ thoát được những người chưa gieo trồng căn lành.

Ta sẽ phát tâm Bồ-đề, khi ta tu tập hạnh Bồ-tát, đem đại trí tuệ nhập vào pháp môn Đà-la-ni Bất khả tư nghị, thực hiện Phật sự hóa độ chúng sinh, nhưng không dùng cõi bất tịnh này mà hồi hướng Bồ-đề tâm. Giả như ta được cõi Phật như ý, ta sẽ phát tâm Bồ-đề, cho đến khi chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, ở đó ta thực hành hạnh Bồ-tát, diệt tất cả các khổ não của chúng sinh nơi cõi Phật.

Này thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri nhập vào tam-muội Hiện trang nghiêm, thị hiện thần thông như thế. Đức Bảo Tạng Như Lai nhập vào tam-muội Hiện trang nghiêm rồi, tức thời hiện ra ánh sáng như vậy tỏa chiếu đến khắp mười phương thế giới, mỗi phương đều có hàng ngàn cõi Phật nhiều như số vi trần, tất cả đều hiện rõ sự trang nghiêm. Có chư Phật Thế Tôn đã vào Niết-bàn; có vị sắp vào Niết-bàn; có vị Đại Bồ-tát ngồi nơi gốc cây Bồ-đề hàng phục ma vương và quyến thuộc của chúng; có vị thành Phật chưa lâu mà chuyển pháp luân; có vị thành Phật đã lâu và luôn thuyết giảng chánh pháp. Có cõi Phật thuần là các vị Bồ-tát. Có cõi nước đến nỗi không có cả tên gọi về Thanh văn, Bích-chi-phật. Có xứ sở có Thanh văn, Bích-chi-phật. Có cõi nước không những không có Phật, Bồ-tát mà cũng không có Thanh văn, Bích-chi-phật. Có cõi Phật bất tịnh, năm thứ ác trược xuất hiện. Có cõi Phật thanh tịnh không có năm thứ ác trược. Có nơi tôn quý, có nơi thấp kém, có chốn sống lâu, có chốn mạng yểu. Có cõi Phật hỏa tai phát khởi, có nơi thủy tai phát sinh, có nơi phong tai dấy khởi. Có xứ sở đã hoại diệt. Có xứ sở mới hình thành. Ánh sáng mầu nhiệm của Đức Phật tỏa chiếu đến đâu thì tất cả hiện ra đến đó. Bấy giờ đại chúng thấy khắp các cõi Phật với quốc độ trang nghiêm. Lúc ấy, Bà-la-môn Hải Tế nói với vua:

– Đại vương nay chỉ nên xem các cõi Phật trang nghiêm để có thể phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Đại vương! Nên nhận lấy cõi Phật theo ý của mình!

Này thiện nam tử, khi đó, vua Ly Tránh hướng về Đức Bảo Tạng Như Lai chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, chư Đại Bồ-tát do tạo nghiệp gì mà nhận được cõi Phật thanh tịnh, hoặc nhận cõi tâm ý bất tịnh? Do tạo nghiệp gì mà có

được cõi thọ mạng lâu dài?

Đức Phật dạy:

– Này Đại vương, các vị Đại Bồ-tát do chí nguyện nên chọn lấy cõi Phật thanh tịnh không có năm thứ ác trược, các vị cũng do chí nguyện nên chọn lấy cõi bất tịnh.

Nhà vua nói:

– Thưa Đức Thế Tôn, con xin trở về thành, tìm một nơi chốn tĩnh tọa để suy nghĩ về chỗ nguyện của mình, nếu như cõi Phật thanh tịnh không có năm thứ ác trược, hợp theo sở nguyện của con thì con hướng về đó.

Đức Phật dạy: "Này Đại vương, hôm nay thật là đúng lúc. Này thiện nam tử, lúc này vua Ly Tránh đảnh lễ Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng, đi nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng rồi ra về. Đến thành, vào cung điện, vua ngồi một mình ở một chỗ định thần suy nghĩ về việc chọn cõi Phật trang nghiêm hợp với sở nguyện.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với thái tử Bất Tuần:

– Này thiện nam, thái tử cũng nên phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông có được ba thứ phước địa là bố thí, trì giới, tu thiền định, tất cả những hạnh lành đã tu nên hồi hướng về đạo Bồ-đề!

Thái tử trả lời:

– Tôi cũng phải trở về hoàng cung tìm chỗ ngồi một mình để suy nghĩ về thệ nguyện chọn cõi Phật trang nghiêm. Nếu ta phát tâm Bồ-đề thì sẽ trở lại chỗ Đức Như Lai hồi hướng tâm Bồ-đề chọn lấy cõi Phật trang nghiêm.

Rồi vị vương tử kia đảnh lễ Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, đi nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng, trở về hoàng cung tìm nơi chốn thích hợp ngồi một mình tư duy cái thệ nguyện chọn cõi Phật trang nghiêm.

Thiện nam tử, bấy giờ đại quốc sư Bà-la-môn Hải Tế bảo vương tử thứ hai tên là Ni-mạc:

– Vương tử cũng nên phát tâm Bồ-đề!

Bà-la-môn Hải Tế khuyên tất cả các vị vương tử con của vua Ly Tránh rồi đến tám muôn bốn ngàn vị tiểu vương, cho tới chín mươi hai ức người khác nữa nên phát tâm Bồ-đề. Tất cả những người ấy đều nói:

– Chúng ta ai ai cũng phải về nhà, tìm nơi chốn thích hợp ngồi một mình để tư duy về thệ nguyện chọn cõi Phật trang nghiêm.

Các vị này, trong bảy năm ròng rã như vậy, đều ngồi thiền định, tâm dứt mọi phiền não, tán loạn để tư duy về thệ nguyện chọn cõi Phật trang nghiêm.

Này thiện nam tử, Bà-la-môn Hải Tế, vào một dịp khác phát sinh ý nghĩ:

– Ta đã khuyến hóa nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đến với đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Lại còn thỉnh được Đức Phật và vô lượng Tỳ-kheo Tăng để cúng dường tất cả những vật dụng cần thiết trong bảy năm. Giả sử ta được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đầy đủ như ý, sở nguyện được thành tựu thì ta sẽ dùng hội bố thí lớn để khuyến hóa các chúng Trời, A-tu-la, Càn-thát-bà, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà...

Thiện nam tử, lúc này đại quốc sư Bà-la-môn Hải Tế suy nghĩ muốn gặp Đại vương Tỳ-sa-môn. Ngay khi ấy, Đại vương Tỳ-sa-môn cùng với hàng trăm ngàn Dạ-xoa trước sau vây quanh theo hầu cùng đến chỗ Bà-la-môn Hải Tế, thưa:

– Thưa Đại quốc sư Bà-la-môn, vì cớ gì mà Đại quốc sư đã nghĩ đến tôi?

Đại sư Bà-la-môn hỏi:

– Ông là ai?

Đại vương đáp:

– Này Đại sư Bà-la-môn, Đại sư không nghe có vị Dạ-xoa chúa tên là Tỳ-sa-môn. Đó chính là ta! Đại sư muốn sai ta làm gì đây?

Bà-la-môn Hải Tế đáp:

– Này Đại vương, Đại vương cũng nên giúp ta thực hiện hội bố thí lớn này chứ?

Đại vương đáp:

– Thưa vâng! Xin làm theo như ý Đại sư đã nghĩ.

Bà-la-môn Hải Tế nói:

– Này Đại vương, ông đem lời ta khuyến hóa chúng Dạ-xoa khiến họ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại khuyên họ ưa cầu phước đức, vui thích cầu đạo Bồ-đề, nên hàng ngày qua bên kia bờ biển lấy hương liệu Ngưu đầu chiên-đàn đem về, lấy thêm các thứ hương xoa, các thứ hoa đủ loại ngày ngày cung cấp cho ta để ta cúng dường Đức Thế Tôn.

Chúa Dạ-xoa đáp:

– Thưa vâng, Đại sư Bà-la-môn!

Đại vương Tỳ-sa-môn nghe lời chỉ bảo của Bà-la-môn Hải Tế xong trở về trụ xứ của mình đánh trống tập hợp chúng Dạ-xoa, La-sát lại và nói:

– Các ngươi nghe đây! Ở cõi Diêm-phù-đề có vị Bà-la-môn tên Hải

Tế là Đại sư của quốc vương Ly Tránh. Ông ấy đã thỉnh Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và chúng Tỳ-kheo Tăng để cúng dường tất cả những vật dụng cần thiết trong bảy năm. Các người đối với thiện căn ấy nên hết lòng tùy hỷ, nhân đấy mà phát tâm hướng cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, hàng ức na-do-tha trăm ngàn Dạ-xoa, La-sát chắp tay cùng thưa:

– Quả như Bà-la-môn Hải Tế đã nghiệp lành phước đức, thỉnh Phật Bảo Tạng là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và vô lượng Tỳ-kheo Tăng, cúng dường tất cả những vật cần dùng trong bảy năm. Nghiệp lành phước như thế, chúng tôi xin tùy hỷ. Do căn lành này chúng tôi nguyện thành tựu được đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Đại vương Tỳ-sa-môn nói:

– Các Hiền giả hãy lắng nghe! Các vị đã ưa cầu đạo Bồ-đề ấy, ưa thích cầu phước đức ấy thì ngày ngày hãy đến bên kia bờ biển lấy hương liệu Ngưu đầu chiên-đàn đem về cung cấp cho Bà-la-môn Hải Tế để nấu thức ăn cúng dường Đức Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.

Chín vạn hai ngàn Dạ-xoa đồng nói lớn:

– Thưa đại sĩ, chúng tôi trong bảy năm này sẽ đi lấy hương liệu Ngưu đầu chiên-đàn ở bờ biển này đem về cung cấp cho Bà-la-môn Hải Tế làm đồ thiết cúng Đức Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.

Bốn vạn sáu ngàn Dạ-xoa thì nói:

– Chúng tôi thì xin đi lấy nhiều thứ nhiều loài hương đem về.

Năm vạn hai ngàn Dạ-xoa nói:

– Chúng tôi xin đi lấy vô số các thứ hoa đem về.

Hai vạn Dạ-xoa tâu:

– Chúng tôi thì sẽ đi lấy tinh chất của các hương vị về để dùng trộn vào thức ăn uống dâng cúng Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Bảy vạn Dạ-xoa nói:

– Thưa Đại sĩ, chúng tôi xin vì Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng làm công việc nấu nướng các món ăn.

Thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế suy nghĩ muốn được gặp được Đại vương Tỳ-lưu-lặc-ca, tức thì Đại vương Tỳ-lưu-lặc-ca đến chỗ Bà-la-môn Hải Tế. Cho đến nhiều ức na-do-tha trăm ngàn Cưu-bàn-trà, Bà-la-môn Hải Tế cũng dốc sức khuyến hóa họ phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Cũng như vậy, Đại sư Hải Tế đã khuyến hóa các Thiên vương

Tỳ-lưu-ba-xoa, Đề-đa-la-tra cùng hàng ức na-do-tha trăm ngàn Rồng, Càn-thát-bà, phát tâm cầu đạo quả Chánh giác Vô thượng.

Thiện nam tử, lúc này Bà-la-môn Hải Tế nghĩ nhớ đến vị Hộ thế của bốn châu thiên hạ ở tầng trời thứ hai. Vị này, nhờ oai thần của Phật đi đến chỗ Bà-la-môn Hải Tế và Đại sư cũng đem những điều như thế để khuyến hóa để vị ấy trở về bổn xứ khuyến hóa quyến thuộc của mình, phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Tối thượng. Cho đến cả ba ngàn đại thiên cõi Phật, trăm ức Tỳ-sa-môn cùng quyến thuộc đều được khuyến hóa phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Trăm ức Tỳ-lưu-lặc-ca, trăm ức Tỳ-lưu-ba-xoa, trăm ức Đề-đà-la-tra cùng với quyến thuộc của họ đều được khuyến hóa phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thiện nam tử, lúc ấy, Bà-la-môn Hải Tế lại suy nghĩ: "Nếu ta chắc chắn thành Bậc Chánh Giác thì ta sẽ khiến cho chư Thiên cõi Dục đều được phần phước đức này, cũng khuyên họ phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu ta do chính căn lành này để đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng thì vua trời Đế Thích ngay bây giờ nên hiện đến đây. Thiên tử Tu-dạ-ma, Thiên tử San-đâu-suất-đà, Thiên tử Hóa lạc, Thiên tử Tha hóa tự tại, tất cả đều nên hiện đến đây.

Thiện nam tử, Bà-la-môn Hải Tế vừa khởi ý niệm như thế xong thì Thích Đề-hoàn Nhân vua trời Đao-lợi và các vị Thiên tử trời Tu-dạ-ma, Thiên tử trời San-đâu-suất-đà, Thiên tử trời Hóa lạc, Thiên tử cõi Tha hóa tự tại đều hiện đến trước mặt. Bà-la-môn Hải Tế hỏi:

– Các vị là ai?

Năm vị Thiên vương tự nói tên mình rồi hỏi:

– Thưa Đại sư Bà-la-môn, Đại sư muốn sai chúng tôi làm những công việc gì? Đối với cuộc đại thí này, chúng tôi sẽ cung cấp những gì?

Bà-la-môn nói:

– Trên cõi trời của các vị đều có đài báu, cây báu rất vi diệu. Như cây kiếp-ba, cây hương, cây hoa, cây trái, đem y phục, tòa ngồi và các đồ dùng bày biện trên cõi trời, các vật báu, đồ trang trí, lọng báu, cờ phướn, chuỗi ngọc Anh lạc, kỹ nhạc của cõi trời... Đem tất cả những thứ ấy, vì Đức Phật và Tăng chúng mà trang trí, tôn nghiêm khu vườn Diêm-bà-la này.

Năm vị Thiên vương đáp:

– Thưa vâng! Đại sĩ!

Năm vị Thiên vương nhận lời của Bà-la-môn xong, cùng trở về thiên cung của mình, mỗi vị đều bảo với các Thiên tử thân cận như: Tỳ-trạch-cư,

Khoáng Dã, Tát, Cư-lam-phi, Nan-đà:

– Các vị hãy mang đến vườn Diêm-bà-la ở cõi Diêm-phù-đề đầy đủ các vật dùng trang trí, các ngọc báu anh lạc, tòa ngồi và những thứ vật bày biện, để trang hoàng cho tôn nghiêm y như cõi trời không khác, rồi vì Đức Thế Tôn mà lập ra bảo đài như các bảo đài ở đây.

Tất cả các vị đó đều đáp:

– Xin kính vâng thuận!

Năm vị Thiên tử nhận lời của năm vị Thiên vương xong, liền đến cõi Diêm-phù-đề, suốt đêm, tất cả y theo lời chỉ dẫn mà trang hoàng khu vườn Diêm-bà-la. Họ dùng từ cây báu... cho đến cờ phướn đủ loại để trang nghiêm. Lại còn vì Đức Thế Tôn tạo lập bảo đài uy nghiêm tráng lệ như bảo đài của Thích Đề-hoàn Nhân. Xong xuôi tất cả đều trở về trời bạch với các Thiên vương:

– Các Đại sĩ nên biết, chúng tôi đã trang trí khu vườn Diêm-bà-la ở cõi Diêm-phù-đề y như trên cõi trời. Tất cả ngọc Anh lạc cũng góp vào sự tôn nghiêm ấy. Chúng tôi còn vì Đức Thế Tôn tạo lập bảo đài như bảo đài của Thích Đề-hoàn Nhân. Trên cõi trời và vườn Diêm-bà-la nơi cõi Diêm-phù-đề không có khác gì nhau cả".

Lúc này, năm vị Thiên vương là Đế Thích vua cõi trời Đao-lợi và vua các cõi trời Tu-dạ-ma, San-đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa, lại đến cõi Diêm-phù-đề nói với Bà-la-môn Hải Tế:

– Chúng tôi đã vì Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng trang trí khu vườn, lập bảo đài xong rồi. Chúng tôi còn làm những gì nữa?

Bà-la-môn Hải Tế nói với các Thiên vương:

– Này các Thiên vương, các vị là thủ lĩnh của cõi mình, xin hãy tập hợp tất cả Thiên chúng lại, đem lời ta nói mà bảo với họ: "Ở cõi Diêm-phù-đề có Bà-la-môn tên là Hải Tế, ông ấy đã thỉnh Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cùng vô lượng Tỳ-kheo Tăng để cúng dường tất cả những vật dụng cần thiết trong bảy năm. Các người đối với phước nghiệp kia phải nên tùy hỷ, phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các người nên xuống cõi Diêm-phù-đề để cung kính, thân cận Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng, đến chỗ Đức Thế Tôn để được nghe giáo pháp vi diệu".

Năm vị Thiên vương nghe lời của Bà-la-môn Hải Tế xong, đều trở về bổn xứ. Vua trời Thích Đề-hoàn Nhân tập hợp chư Thiên nơi cõi trời Ba mươi ba đem những lời của Bà-la-môn Hải Tế khuyến hóa bảo với Thiên chúng:

– Này các Đại sĩ, các vị nên biết, ở cõi Diêm-phù-đề của vua Ly Tránh có vị Đại sư Bà-la-môn tên là Hải Tế, thỉnh được Đức Bảo Tạng Như Lai cùng vô lượng Tỳ-kheo Tăng để cúng dường tất cả các vật dụng cần thiết trong vòng bảy năm. Chúng ta đã vì Đức Phật và chư Tăng trang trí nơi khu vườn các Ngài ở rồi. Các vị đối với căn lành kia phải nên tùy hỷ, phát tâm cầu đạo Bồ-đề Vô thượng.

Khi ấy, nhiều ức na-do-tha, trăm ngàn chư Thiên của cõi trời Ba mươi ba chắp tay cùng nói:

– Đối với phước nghiệp ấy, chúng con xin tùy hỷ, nguyện đem sự tùy hỷ nơi phước nghiệp kia hồi hướng hết cho đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thiên tử cõi trời Tu-dạ-ma cũng tập hợp hết chư Thiên cõi trời ấy, nói lược như trên. Các Thiên tử cõi trời San-đâu-suất-đà, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại đều tập hợp chư Thiên nơi các cõi trời ấy, với vô số ức na-do-tha trăm ngàn Thiên tử cùng chắp tay thưa:

– Đối với căn lành kia, chúng con xin tùy hỷ. Do căn lành này, chúng con sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên vương nói:

– Này các Đại sĩ, vì vậy các vị nên xuống cõi Diêm-phù-đề để hầu hạ, cung kính thân cận Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng cùng được nghe diệu pháp.

Năm vị Thiên vương liền trong đêm, mỗi vị dẫn theo nhiều ức na-do-tha Thiên tử, Thiên nữ, đồng nam, đồng nữ trước sau vây quanh cùng đi xuống cõi Diêm-phù-đề đảnh lễ Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng, rồi ở lại chỗ Đức Thế Tôn để thọ lãnh giáo pháp. Ban ngày thì từ trên không mưa xuống các loài hoa trời như: Hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi-già, Tu-ma-na, Ba-lị-sư-ca, A-đề-mục-đa-già, Chiêm-bặc-già, Mạn-đà-la, Ma-ha-mạn-đà, cùng hòa các thứ âm nhạc trời.

Lại nữa này thiện nam tử, Bà-la-môn Hải Tế lại phát sinh suy nghĩ: "Nếu sở nguyện đem đạo quả Bồ-đề Vô thượng để khuyến hóa của ta được hoàn thành viên mãn thì ta phải đem đạo quả Bồ-đề này khuyến hóa chúng A-tu-la".

Này thiện nam tử, Bà-la-môn Hải Tế vừa suy nghĩ như trên xong thì năm vị vua của chúng A-tu-la đã có mặt ngay chỗ quốc sư Bà-la-môn. Có đến hàng ức na-do-tha trăm ngàn A-tu-la nam nữ, lớn nhỏ nhờ lời khuyến hóa của Bà-la-môn Hải Tế khiến họ phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng cùng tới chỗ Đức Phật để thỉnh thọ giáo pháp...

Cũng cách như vậy, Bà-la-môn Hải Tế nghĩ đến Ma vương tên là

Phật-lâu-na vị này liền đi tới chỗ quốc sư Bà-la-môn. Có đến hàng ức na-do-tha, trăm ngàn chúng ma nam nữ, lớn nhỏ được khuyên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng cùng đến chỗ Đức Phật để thính thọ giáo pháp.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế lại nghĩ đến Đại Phạm vương Loa Kế, tức thì vị này cũng đi đến chỗ quốc sư Bà-la-môn, nghe chỉ dẫn xong bèn trở về cõi Phạm thiên... Có đến hàng ức na-do-tha trăm ngàn vị Phạm thiên được khuyên phát tâm cầu đạo Bồ-đề Vô thượng, từ nơi cõi trời ấy xuống chỗ Đức Phật, thân cận, cung kính Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng để lãnh hội giáo pháp.

Này thiện nam tử, khi ấy Bà-la-môn Hải Tế lại nghĩ đến Đế Thích vua của cõi trời Đao-lợi, nghĩ tới các Thiên tử nơi cõi trời Tu-dạ-ma, San-đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tức thì năm vị Thiên vương kia nhờ vào uy thần của Phật, cùng đi đến chỗ quốc sư Bà-la-môn để nhận lời chỉ dẫn. Xong các vị Thiên tử ấy đều trở về cõi của mình, đem những lời của Bà-la-môn Hải Tế đã nói để khuyên quyến thuộc họ phát tâm Bồ-đề. Như vậy, hàng ức na-do-tha, trăm ngàn chư Thiên cõi trời Ba mươi ba gồm cả nam nữ, lớn nhỏ đã được khuyên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Và trời Đế Thích đi đến bốn cõi thiên hạ này để cung kính, thân cận Đức Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo và lãnh hội giáo pháp. Y như vậy, các vị Thiên tử nơi các cõi trời Tu-dạ-ma, San-đâu-suất-đà, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại đều đem đạo quả Bồ-đề để khuyến hóa chư Thiên nơi các cõi trời của mình. Hàng ức na-do-tha trăm ngàn Thiên tử, Thiên nữ lớn nhỏ nơi các cõi trên đều được khuyên phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Tất cả cùng đi đến cõi bốn châu thiên hạ này để cung kính, thân cận Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng và thính thọ giáo pháp. A-tu-la, Ma, trời Đại phạm của bốn châu thiên hạ thứ hai cũng vậy. Bốn châu thiên hạ thứ ba, bốn châu thiên hạ thứ tư, bốn châu thiên hạ thứ năm cũng vậy. Các vị Đế Thích, Thiên vương các cõi trời Tu-dạ-ma, San-đâu-suất-đà, Tha hóa, A-tu-la, Ma, Đại Phạm thiên, nhờ oai thần của Phật đã cùng với quyến thuộc đều đến bốn châu thiên hạ này để thính thọ giáo pháp. Cho đến cõi Phật trong Tam thiên đại thiên với hàng trăm ức Đế Thích, hàng trăm ức Thiên vương cõi Tu-dạ-ma, hàng trăm ức Thiên vương cõi San-đâu-suất-đà, hàng trăm ức Thiên vương cõi Hóa tự tại, hàng trăm ức Thiên vương cõi Tha hóa tự tại, hàng trăm ức vua A-tu-la, hàng trăm ức Ma vương, hàng trăm ức Đại Phạm thiên vương. Mỗi một vị Đại Phạm đã khuyến hóa vô số ức na-do-tha trăm ngàn vị Phạm thiên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Họ đã nhờ vào oai thần của Phật nên tất cả đều đến được bốn châu thiên hạ này để cung kính, thân cận Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo

Tăng và lãnh hội giáo pháp.

Lúc này, khắp ba ngàn đại thiên thế giới đại chúng đều hiện diện đầy đủ, không nơi nào là không có. Này thiện nam tử, khi ấy Bà-la-môn Hải Tế lại suy nghĩ: "Nếu ý nguyện khuyến hóa phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của ta được viên mãn thì cũng khiến cho hàng trăm ức Tỳ-sa-môn phát tâm như trên, cho đến hàng trăm ức Đại Phạm thiên thảy đều theo ta ứng hiện đại thần thông như thế, khiến cho khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới, từ người đến súc sinh, ngạ quỉ, địa ngục cùng đứt hết tất cả khổ thọ, lạc thọ được phát sinh. Mỗi một chúng sinh có Hóa thân của Phật ở trước mặt khuyên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri biết rõ tâm niệm của Bà-la-môn Hải Tế, liền nhập tam-muội tên là Bát-la-bà. Nhập định xong thì từ nơi mỗi mỗi lỗ chân lông phóng ra vô số ánh sáng tỏa khắp ba ngàn đại thiên thế giới này, đâu đâu cũng có ánh sáng vi diệu. Ánh sáng đó chiếu đến cõi địa ngục thì chúng sinh trong địa ngục lạnh được gió ấm thổi lại. Nếu có chúng sinh thân bị lửa thiêu đốt thì được gió lạnh thổi tới. Các chúng sinh nơi địa ngục kia đang bị đói khát cùng khốn, thì mọi thứ khổ thọ liền diệt, lại được thọ nhận niềm an vui lớn lao. Mỗi mỗi chúng sinh trong địa ngục đều có hóa thân của Đức Phật ở trước mặt, đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân Ngài.

Các chúng sinh trong địa ngục kia nhận được niềm an lạc rồi liền phát sinh ý niệm: Do nhân duyên gì mà chúng ta dứt được hết khổ và có được niềm vui? Họ thấy Đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, nên cùng nói:

– Nhờ ân đại bi đầy đủ ấy mà chúng ta nhận được niềm vui.

Họ chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, niềm vui mừng tăng gấp bội, tâm thiện phát sinh. Đức Thế Tôn bảo họ:

– Này chúng sinh, các ngươi nên niệm như thế này: Nam-mô Phật-đà và phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì các ngươi mãi không còn nhận lấy thống khổ nữa mà thường được an lạc.

Các chúng sinh kia nói:

– Nam-mô Phật-đà, chúng con xin dốc phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nhờ ý nguyện của thiện căn này mà mọi nghiệp tạo tội lỗi vĩnh viễn tiêu trừ, trong đó có người khi mạng chung liền được sinh vào cõi nhân gian. Nơi cõi địa ngục, những chúng sinh đang bị thiêu đốt, khi ánh sáng

chiếu đến thì gió lạnh thổi tới, tất cả mọi nỗi thống khổ, đói khát, khốn cùng liền bị diệt, cho đến khi mạng chung được sinh vào cõi người.

Đối với hàng súc sinh, ngạ quỉ và người, Đức Phật cũng nói như vậy. Ánh sáng vi diệu kia lại trở về nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi nhập vào nơi nhục kế của ngài. Vô số chúng Trời, Người, Dạ-xoa, La-sát, Rồng, A-tu-la đạt được bậc Bất thoái chuyển, an trụ nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vô số chúng sinh ấy cũng được pháp Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni.

Khi đó, người ở cõi Diêm-phù-đề nghe chư Thiên đã vì Đức Phật và chúng Tăng nên đem vật liệu, châu báu nhà trời trang trí khu vườn Diêm-bà-la ngoài thành An-thù-la là trú xứ của vua xong, họ phát sinh ý niệm này: Chúng ta nên đến nơi đó để chiêm ngưỡng, cung kính phụng hầu Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và Thánh chúng cùng được lãnh thọ chánh pháp. Lúc này, hàng ngày có vô số ức na-do-tha trăm ngàn dân chúng nam nữ lớn nhỏ lui tới chiêm ngưỡng, cung kính, thân cận Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng và quan sát khắp khu vườn. Khu vườn này có hai vạn cửa làm bằng bảy báu. Ở mỗi mỗi bên cửa đều bày biện năm trăm giường báu, trên đó có năm trăm đồng tử ngồi. Những người đi vào vườn được các đồng tử kia đem ba quy y Phật, Pháp và Thánh chúng ra giảng nói, khuyên phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng khiến họ an trụ trong đạo quả ấy. Sau đó mới vào khu vườn diện kiến Đức Phật và chư Tăng để cung kính, thân cận, cùng chiêm bái khắp cả khu vườn.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đại quốc sư Bà-la-môn Hải Tế, trong bảy năm đã khuyến hóa vô số chư Thiên phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khiến họ an trụ trong đó. Lại khuyến hóa vô số chúng Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Càn-thát-bà, Ngạ quỉ, Tỳ-xá-già, cùng vô số người trong cõi địa ngục đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng và cũng khiến họ an trụ trong đó. Vô số chúng sinh cũng được khuyến hóa phát tâm như trên và đều khiến an trụ trong đạo quả ấy.

Khi thời hạn bảy năm sắp hết, Bà-la-môn Hải Tế đem đủ tám vạn bốn ngàn kim luân chỉ trừ Luân bảo tự nhiên, tám vạn bốn ngàn con voi được trang trí bằng bảy báu, chỉ trừ voi báu tự nhiên... cho đến tám vạn bốn ngàn mùi vị để dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng.

Trong bảy năm đó, vua Ly Tránh không hề có ý tưởng về tham dục, sân giận, ngu si và ý tưởng về ta, người. Ông lại còn không nghĩ tưởng đến ngôi vua, không nghĩ tưởng đến việc làm, không nghĩ tưởng đến vợ con, không nghĩ tưởng đến ăn uống, không nghĩ tưởng đến hương hoa y phục, không nghĩ tưởng đến xe cộ, không nghĩ tưởng đến ngủ nghỉ, không nghĩ

tưởng đến thú vui, không nghĩ tưởng đến ta và kẻ khác. Trong bảy năm nhà vua chưa từng dựa nằm, không tưởng đến ngày đêm, không tưởng đến sắc, thanh, hương, vị, xúc. Suốt trong thời gian ấy, nhà vua chưa từng lười, mệt. Nhà vua thường nhìn thấy trong mười phương, mỗi phương đều có hàng ngàn cõi Phật. Các cõi Phật đều trang nghiêm trong thế giới nhiều như số vi trần. Các núi Tu-di không ngăn được tầm mắt của nhà vua. Ngoài ra các thứ ngăn cản khác như sự che khuất của núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, của mặt trời, mặt trăng, của cung điện trên cõi trời, thảy đều không ngăn che được tầm nhìn của vua. Như đã thấy được các cõi Phật trang nghiêm, nhà vua tư duy, nguyện cầu đối với cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm kia. Vua Ly Tránh nhờ đức độ như vậy mà an trụ nơi diệu lạc trong bảy năm trời, luôn thấy các cõi Phật trang nghiêm như thế nên vua ngồi tư duy, nguyện cầu về cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm theo sở nguyện của mình.

Các vương tử Bất Tuần, Ni-mạc, Nhân-đà-la, Già-lô... cho đến đủ một ngàn vị vương tử, tám vạn bốn ngàn các tiểu vương, cùng hơn chín mươi hai ức chúng sinh cũng lại như vậy. Tất cả những người này trong bảy năm đều riêng ngồi một nơi, nhập Tam muội, thấy hàng ngàn cõi Phật trong mười phương với số cõi Phật trang nghiêm nhiều như vi trần. Những người ấy suốt trong bảy năm cũng không phát sinh tưởng về tham dục, không có ý tưởng về sân giận... cho đến không hề có sự mệt mỏi, lười nhác. Họ thường thấy khắp mười phương hàng ngàn cõi Phật, với số cõi Phật trang nghiêm nhiều như vi trần. Núi Tu-di kia không ngăn che được tầm mắt họ. Ngoài ra các thứ ngăn cản khác như núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, mặt trời, mặt trăng, cung điện trên cõi trời, thảy đều không gây trở ngại. Những người này đã nhìn thấy các cõi Phật trang nghiêm, rồi suy nghĩ theo sở nguyện về sự trang nghiêm thanh tịnh của cõi Phật. Nhờ công đức như thế nên trong bảy năm họ đã an trụ trong diệu lạc thanh tịnh như vậy. Có người suy nghĩ theo sở nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, có người chọn lấy cõi Phật không thanh tịnh.

Bấy giờ, Bà-la-môn Hải Tế biết đã đủ bảy năm, nên đem bảy báu đến dâng cúng Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cung kính chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con đã khuyên được vua Ly Tránh đến với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nhà vua đã trở về hoàng cung an tọa riêng một nơi nhập pháp Tam-muội; không một ai dám vào, hoặc hay biết. Một ngàn vị vương tử kia cũng thế, con đem đạo quả Bồ-đề Vô thượng để khuyến hóa họ. Họ cũng vậy, mỗi người đều trở về chỗ ở riêng, ngồi

một nơi để nhập tam-muội, không ai được vào, không người hay biết. Cũng như vậy, con đã khuyến hóa tám vạn bốn ngàn vị tiểu vương cùng chín mươi hai ức chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Tất cả những người này cũng đều trở về nhà, ở riêng một chỗ để nhập tam-muội, không ai có thể vào được. Xin Đức Thế Tôn gọi vua Ly Tránh ra khỏi pháp Tam-muội đi đến đây. Tất cả những người đã được con khuyến hóa phát tâm Bồ-đề ấy cũng khiến họ đến đây. Những người ngồi nhập định một mình kia cũng khiến cho tất cả cùng đến. Họ đã không còn thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nên nay ở chỗ Đức Thế Tôn, xin được thọ ký về danh hiệu, quốc độ.

Lúc này, Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri nhập tam-muội tên là Niết-la-ha-la-ba-đế. Từ miệng ngài phóng ra ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, thì những người đang trụ trong pháp định kia, tất cả đều có hóa thân Bà-la-môn hiện ra đứng trước mặt, nói:

– Đại sĩ, hãy ra khỏi định, đi đến gặp Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng để cung kính, thân cận, lễ bái vì Pháp hội lớn của Đại sĩ Bà-la-môn Hải Tế đã hết bảy năm rồi, Đức Thế Tôn lại muốn du hóa đến các thôn ấp khác.

Nghe lời nói của vị Bà-la-môn thì tất cả những người ấy đều ra khỏi định. Vua Ly Tránh cũng liền từ tòa ngồi xuất định. Trên không trung chuông trống vang lừng, thiên nhạc hòa tấu. Vua Ly Tránh tự thân đi xe cùng với một ngàn người con, tám vạn bốn vạn tám ngàn vị Tiểu vương, hơn chín mươi hai ức chúng sinh trước sau vây quanh ra khỏi thành tới chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi nhà vua cung kính đảnh lễ Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng rồi lui ra ngồi qua một bên. Vua Ly Tránh cùng vô số ức chúng sinh an tọa xong xuôi thì Bà-la-môn Hải Tế nói với nhà vua Ly Tránh:

– Này Đại vương, đối với pháp hội đại thí cúng dường này nên phát tâm tùy hỷ. Này Đại vương, trong ba tháng cúng dường, nhà vua đã đem tất cả những thứ cần thiết để cúng dường Đức Thế Tôn cùng vô số Tỳ-kheo Tăng, lại còn dâng cúng các thứ báu vật và bốn vạn tám ngàn thành quách. Đại vương nên đem tất cả phước nghiệp tùy hỷ này mà hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Cũng như vậy, Bà-la-môn Hải Tế lại khuyên một ngàn vị vương tử, tám vạn bốn ngàn vị tiểu vương cùng hàng ngàn ức chúng sinh đem phước nghiệp tùy hỷ ấy hồi hướng về đạo quả Bồ-đề tối thượng, khiến họ an trụ trong đạo quả đó. Pháp hội đại thí cúng dường này nên tùy hỷ, nên hồi hướng. Bà-la-môn Hải Tế nói kệ:

Chẳng cầu Đế Thích mà cúng dường
Cũng không cầu quả vị Phạm thiên
Mỏng manh, chẳng chắc như gió thoảng
Huống cầu ngôi vị vua thế gian
Bồ-đề vi diệu, tâm tự tại
Hóa độ chúng sinh thật không lường
Phước báo bố thí luôn rộng lớn
Sở nguyện mong đạt được viên mãn.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 3

Phẩm 6: Vua Ly Tránh Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri suy nghĩ: "Ông ấy đã khuyến hóa được hàng ức chúng sinh, nhờ đạo quả Bồ-đề Vô thượng mà an trụ ở bậc Bất thoái chuyển. Ta nay nên thị hiện các cõi Phật để thọ ký cho họ".

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn nhập tam-muội tên là Bất vong Bồ-đề tâm và liền mỉm cười tức thì ánh sáng vi diệu tỏa chiếu khắp vô lượng, vô biên cõi Phật, khiến cho vua Ly Tránh cùng hàng ức chúng sinh khác đều thấy rõ cõi Phật trang nghiêm.

Lúc này trong vô số cõi Phật ở mười phương, các vị Đại Bồ-tát trông thấy ánh sáng kia rồi đều nhờ vào uy thần của Đức Phật, đi đến thế giới này để hầu cận, cung phụng, gần gũi Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo Tăng. Các vị đều đem các thứ thần thông của Bồ-tát để cúng dường Đức Thế Tôn cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, rồi lui ra ngồi qua một bên, để nghe Phật thọ ký theo bản nguyện của các vị Bồ-tát.

Này thiện nam tử, bấy giờ đại quốc sư Bà-la-môn Hải Tế nói với vua Ly Tránh:

– Đại vương nên chọn lấy cõi Phật trang nghiêm trước đi!

Này thiện nam tử, vua Ly Tránh nghe theo lời của quốc sư Hải Tế, liền hướng về Đức Bảo Tạng Như Lai, chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con muốn cầu đạo quả Bồ-đề, trong ba tháng con đã đem tất cả những thứ cần thiết cúng dường Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng. Con xin đem căn lành này hồi hướng về đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Con xin không ở trong cõi có năm thứ ô trược xấu ác này. Trong bảy năm qua con đã tư duy về cõi Phật trang nghiêm rồi! Thưa Đức Thế Tôn, nơi cõi Phật đó không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, xứ sở như vậy là con chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Con nguyện trong xứ sở đó những người mạng chung đều không bị đọa vào ba đường

ác, hình sắc nơi thân tất cả đều màu vàng ròng, người trời không khác.

Con nguyện chúng sinh ở xứ sở đó đều tự biết về Túc mạng từ hàng ức na-do-tha trăm ngàn kiếp trong quá khứ của mình. Con nguyện tất cả chúng sinh trong cõi ấy đều có đủ Thiên nhãn, nhìn thấy hàng ức na-do-tha trăm ngàn thế giới khác, trong đó, các Đức Phật hiện còn tại thế thuyết pháp. Tất cả chúng sinh nơi cõi đó cũng có đủ Thiên nhĩ để nghe được giáo pháp của hàng ức na-do-tha trăm ngàn các Đức Phật còn trụ thế giảng nói, cũng nguyện cho tất cả chúng sinh ở cõi ấy khéo có đầy đủ Tha tâm trí để biết được tâm niệm, hành động của chúng sinh trong hàng nhiều ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật. Nguyện cho tất cả chúng sinh ở thế giới đó khéo có đầy đủ Thần túc thông, như thế chỉ trong khoảng một niệm có thể đến được hàng ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật. Lại nguyện cho tất cả chúng sinh nơi thế giới ấy không có ngã và ngã sở, không chỗ tạo tác, cho đến bản thân cũng không.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong xứ sở đó đều đạt được bậc Bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nguyện cho tất cả chúng sinh nơi cõi ấy đều được ra đời bằng cách hóa sinh. Khiến cho ở cõi đó không có nữ nhân và thọ mạng của chúng sinh là vô lượng, ngoại trừ những người theo sở nguyện. Cũng khiến cho chúng sinh ở cõi ấy không biết đến danh từ bất thiện. Trong cõi Phật đó không có mọi sự cấu uế, hương thơm lan tỏa cùng khắp, vượt hơn cả hương trời. Nguyện cho chúng sinh trong cõi ấy đều có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi đó đều được quả vị "Nhất sinh bổ xứ", ngoại trừ những người theo nguyện ước. Khiến cho tất cả chúng sinh nơi cõi ấy trong khoảng khắc một bữa ăn nhỏ, nương theo oai thần của Đức Phật, đi đến vô lượng số cõi Phật, thân cận cúng dường vô số chư Phật còn trụ thế, khiến thành tựu được những việc theo mong muốn đem các thứ thần biến của Bồ-tát để cúng dường các Đức Phật, rồi cũng trong thời gian bữa ăn ấy liền trở về nơi quốc độ của mình. Tất cả chúng sinh trong cõi này đều thuyết giảng được giáo pháp của chư Phật, khiến cho tất cả chúng sinh đó gồm đủ sức mạnh như Na-la-diên, khiến cho vô lượng chúng sinh có thể biết tường tận về sắc tướng trang nghiêm trong cõi Phật kia. Sự trang nghiêm ấy cũng chẳng phải là chỗ có thể nhận biết được của Thiên nhãn. Nguyện cho chúng sinh ở trong cõi đó đều nhanh chóng được vô số biện tài vô ngại. Nguyện cho mỗi một cây Bồ-đề cao một ngàn do-tuần. Nguyện cho cõi Phật luôn có ánh sáng thanh tịnh tỏa chiếu khắp khiến cho vô số cõi Phật trang nghiêm đều hiện ra ở trong đó. Nguyện cho chúng

sinh được sinh lên cõi ấy cho tới khi thành tựu đạo quả giác ngộ luôn đầy đủ phạm hạnh, khiến cho tất cả chúng sinh nơi cõi đó thường được trời, người kính lễ, cho đến lúc chứng quả Bồ-đề, các căn luôn không đầy đủ thanh tịnh. Cũng khiến cho chúng sinh đã sinh vào cõi ấy đạt được niềm diệu lạc của bậc Thánh hơn cả chư Thiên. Nguyện cho các căn lành được tập hợp trong cõi đó. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi ấy khi sinh ra tự nhiên đã có sẵn ca-sa mặc nơi thân mình. Nguyện cho chúng sinh ở trong cõi đó vừa sinh ra đã khéo phân biệt được các pháp Tam-muội. Nhờ pháp Tam-muội này nên họ đến được vô số cõi Phật để thân cận cúng dường, lễ bái các Đức Thế Tôn, cho đến khi thành Chánh giác, luôn được thấy pháp Tam-muội đó. Khiến cho các vị Bồ-tát sinh đến cõi ấy tùy theo sở nguyện của mình, đều có cõi Phật trang nghiêm hiện ra trong cây báu.

Nguyện cho chúng sinh nơi cõi đó vừa sinh ra là được pháp tam-muội Phổ chí. Nhờ pháp Tam-muội này, họ thấy vô số cõi Phật trong mười phương với các Đức Phật hiện tại cho đến lúc thành tựu đạo quả Bồ-đề luôn gắn bó với pháp Tam-muội kia cũng khiến cho chúng sinh sinh đến cõi ấy được y phục, cung điện, anh lạc, cùng vô số thứ trang nghiêm khác, hình sắc như cõi trời Tha hóa tự tại. Khiến cho trong cõi nước đó không có đất, đá, núi đen, cũng không có núi Thiết vi, Đại thiết vi, núi Tu-di và biển lớn. Nguyện cho trong xứ sở đó không có tiếng của phiền não chướng ngại, không có âm thanh của các cõi địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, không có âm thanh về các thứ nạn, âm thanh về khổ, âm thanh về không vui, không khổ. Con nay mong đạt được cõi Phật như vậy.

Thưa Thế Tôn, khi con làm Bồ-tát luôn thực hành những hạnh khó như thế, đã đem những việc làm ấy để trang nghiêm cõi Phật. Thưa Đức Thế Tôn, đó là hành động theo hướng Đại trượng phu của con, sau đấy mới đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Nguyện cho cây Bồ-đề của con khi con thành Chánh giác cao mười ngàn do-tuần. Con ngồi nơi gốc cây đó phát tâm trong khoảnh khắc chứng được đạo quả Giác ngộ Tối thượng, với ánh sáng nơi con là vô lượng, chiếu soi đến hàng ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật; thọ mạng của con lâu dài đến vô số ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, không ai có thể tính được, ngoại trừ bậc Nhất thiết trí. Khiến cho Tăng chúng Bồ-tát của con là vô số, còn Thanh văn, Duyên giác thì nhiều không thể tính đếm được, ngoại trừ bậc Nhất thiết trí. Khiến khi con thành tựu quả vị Phật thì được chư Phật Thế Tôn trong vô lượng vô số cõi Phật khác xưng tụng, tán thán. Khiến khi con thành tựu đạo quả Bồ-đề, trong vô số a-tăng-kỳ cõi Phật khác, có những

chúng sinh nghe danh hiệu con, đã tạo các căn lành mà hồi hướng về cõi nước của con, thì sau khi mạng chung, tất được sinh về quốc độ của con ngoại trừ người ấy phạm tội vô gián hủy báng Thánh hiền, phá hoại Chánh pháp. Khiến cho con khi đắc đạo Giác ngộ, chúng sinh trong vô số cõi Phật khác phát tâm Bồ-đề nguyện sinh về nước con, thiện căn đã hồi hướng nên khi họ sắp qua đời thì con cùng với vô số Thánh chúng vây quanh hiện ra trước mặt, khiến họ trông thấy, tâm sinh hoan hỷ tột bậc, dứt trừ các chướng ngại sau khi mạng chung được sinh vào cõi của con. Các vị Bồ-tát nơi xứ sở đó, theo chỗ ưa thích của mình, nếu chưa được nghe giáo pháp thì sẽ được nghe. Khi con thành đạo Bồ-đề, khiến cho các vị Bồ-tát ở trong vô số cõi Phật nghe được danh hiệu của con thì đều được bậc Bất thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng, chứng được Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam pháp nhẫn, tùy theo chỗ mong muốn của họ, liền chứng được Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni.

Xin nguyện sau khi con nhập Niết-bàn, khiến cho các vị Bồ-tát trong vô số cõi Phật qua vô số kiếp, nghe được danh hiệu của con thì tâm sinh hoan hỷ tột cùng, cung kính lễ bái con, xưng tụng tán thán là chưa từng có. Cho: Vị Phật ấy khi còn làm Bồ-tát, đã thực hiện bao nhiêu Phật sự lớn lao rồi, sau đấy mới thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác Tối Thượng. Các vị Bồ-tát có được sự hoan hỷ như thế xong thì được Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam pháp nhẫn, tùy theo chỗ mong muốn liền chứng được Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni. Cho đến khi chứng quả Bồ-đề chưa từng đoạn tuyệt nơi các pháp ấy.

Khi con thành tựu đạo quả Bồ-đề, khiến cho trong vô số cõi Phật có những nữ nhân nào nghe được danh hiệu của con thì rất vui mừng, phát tâm cầu đạo quả Chánh giác Vô thượng, cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ không còn phải thọ thân nữ nữa. Xin nguyện sau khi con nhập Niết-bàn, ở trong vô số cõi Phật có những nữ nhân nào được nghe danh hiệu con thì sinh tâm vui mừng tột bậc, liền hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ đều không còn thọ thân nữ nhân nữa.

Thưa Đức Thế Tôn, con nguyện đạt được cõi Phật như thế! Chúng sinh với tâm thanh tịnh như vậy! Trong cõi Phật như thế con sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri bảo vua Ly Tránh:

– Lành thay! Lành thay! Này đại vương, sở nguyện của nhà vua là rất

sâu xa! Ông muốn nhận lấy cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh với tâm ý thanh tịnh như thế. Này đại vương, ông hãy quan sát ở phương Tây vượt qua hàng ức trăm ngàn cõi Phật, có một thế giới tên là Đế vô trần, Đức Phật ở đó hiệu là Đế Minh Tự Đại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, hiện đang trụ thế chuyên vì các vị Bồ-tát thuyết giảng đạo pháp Nhất thừa. Quốc độ của Đức Phật ấy không có hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà ngay cả danh từ đó cũng không có nữa. Ngài không thuyết giảng giáo pháp Thanh văn mà chỉ thuần nói giáo pháp Đại thừa. Tất cả chúng sinh nơi đất nước ấy được sinh ra từ cách hóa sinh nên cũng không có danh từ nữ nhân. Cõi Phật đó có đủ tất cả những phước đức như nhà vua đã nguyện cầu. Nhận lấy cõi Phật vô lượng trang nghiêm, nhiếp phục, hóa độ vô lượng chúng sinh với tâm ý thanh tịnh như thế; vì vậy, này đại vương, tên tự của ông là Vô Lượng Tịnh. Đức Đế Minh Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri kia hết một tiểu kiếp sẽ nhập Niết-bàn. Chánh pháp của Đức Phật ấy sẽ trụ thế mười tiểu kiếp. Sau khi chánh pháp diệt trải qua sáu mươi tiểu kiếp, thế giới đó có tên là Di lâu quang, Đức Phật ở đó hiệu là Bất Khả Tư Nghị Ý Đức Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi Phật trang nghiêm trong thế giới Đế vô trần của Đức Đế Minh Tự Tại Vương Như Lai so với cõi Phật trang nghiêm nơi thế giới Di lâu quang của Đức Bất Khả Tư Nghị Ý Đức Vương Như Lai thì hoàn toàn như nhau, Đức Bất Khả Tư Nghị Ý Đức Vương Như Lai kia thọ được sáu mươi tiểu kiếp. Sau khi Đức Phật này nhập Niết-bàn thì Chánh pháp trụ thế được mười sáu tiểu kiếp. Chánh pháp diệt trải qua một ngàn tiểu kiếp, thế giới có tên là Vô lạc, Đức Phật ở đó hiệu là Bảo Minh Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. *(Nói tóm lược)* Về thọ mạng và thế giới trang nghiêm cũng giống như trên. Chánh pháp trụ thế…, chánh pháp diệt, thì thế giới đó có tên là Sa-la, Đức Phật ở đó danh hiệu là Bảo Tràng Tự Tại Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, xuất hiện ở đời với cõi Phật trang nghiêm… Đức Phật ấy trụ thế thuyết giảng giáo pháp suốt ba mươi lăm tiểu kiếp, sau khi Phật nhập Niết-bàn, Chánh pháp trụ thế bảy tiểu kiếp. Sau khi Chánh pháp diệt, nói tóm lược như trên, Ta đã chứng kiến ở thế giới đó có vô lượng vô số các Đức Phật Thế Tôn thành Phật, vào Niết-bàn nhưng thế giới ấy chưa từng thành hoại. Này Đại sĩ Vô Lượng Tịnh, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ, đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ thứ hai thì thế giới ấy sẽ có tên là An lạc. Này ông Vô Lượng Tịnh, ông sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng ở thế giới ấy với danh hiệu là A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Nhà vua bạch với Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, các vị Đại Bồ-tát ở trong cõi Phật đó, trước khi con thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, hiện nay đang ở cõi nào?

Đức Phật đáp:

– Này Đại sĩ Vô Lượng Tịnh, các vị Đại Bồ-tát đó ở trong vô lượng vô số a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương đã đến đây để phụng hầu cung kính, thân cận với ta và đang ngồi nghe thuyết pháp đó! Ấy là trong quá khứ các Đức Phật đều đã thọ ký cho họ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Hiện tại các Đức Phật Thế Tôn cũng đã thọ ký cho các thiện nam tử ấy đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Trong cõi Phật đó các vị ấy đã thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước. Này Đại sĩ Vô Lượng Tịnh, mỗi một vị Đại Bồ-tát ấy ở nơi vô số ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật đã từng gieo trồng các căn lành, tu hành trí tuệ. Này Đại sĩ Vô Lượng Tịnh, các thiện nam tử đó ở trong cõi Phật kia sẽ được thành Phật trước.

Nhà vua thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, Bà-la-môn Hải Tế đã khuyên con cùng quyến thuộc đến với đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì vị ấy thì chừng nào chứng đạo Bồ-đề?

Đức Phật đáp:

– Vị Đại Bà-la-môn đầy đủ tâm đại bi. Này đại vương, tự chính ông sẽ được nghe tiếng rống của sư tử nơi vị ấy vào đời vị lai.

Nhà vua thưa:

– Như Đức Thế Tôn đã thọ ký cho con, nếu sở nguyện của con được thành tựu đúng như vậy thì con sẽ đem năm vóc gieo sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn tất sẽ khiến cho hằng hà sa số thế giới chấn động, chư Phật, Thế Tôn hiện đang trụ thế nơi các thế giới kia nguyện xin cùng thọ ký cho con.

Thiện nam tử, bấy giờ khi vua Vô Lượng Tịnh, đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, đầu mặt vừa chạm sát đất thì hằng hà sa số cõi Phật liền chấn động, rung chuyển, hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn liền thọ ký cho nhà vua, cùng nói:

– Ở cõi Phật San-đề-lam, kiếp tên là Đà-la-ni, loài người ở cõi ấy thọ tám vạn năm, có Đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện độ thế, có vua Chuyển luân cai trị bốn châu thiên hạ tên là Vô Lượng Tịnh, đối với Đức Bảo Tạng Như Lai, vua đã vun trồng tích chứa được gốc công đức. Nhà vua này, trong đời vị lai trải qua hằng hà sa số a-tăng-kỳ, mới vào hằng hà sa số a-tăng-kỳ thứ hai, thế giới tên là An

lạc, vua Vô Lượng Tịnh ở nơi thế giới đó được thành Phật hiệu là A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, hào quang của Phật tỏa chiếu khắp mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng. Các Đức Phật khen ngợi:

Bậc trí sáng ngời, nay trở dậy
Phật mười phương thọ ký cho ngài
Hằng sa đất núi đều rung động
Thành Bậc Tôn quý của trời người.

Này thiện nam tử, bấy giờ vua Vô Lượng Tịnh vui mừng hớn hở, đứng dậy lui ra ngồi qua một bên để nghe Phật nói pháp.

Phẩm 7: Ba Vị Vương Tử Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, lúc này Bà-la-môn Hải Tế nói với Bất Tuần, Vương tử thứ nhất của vua Vô Lượng Tịnh:

(Nói tóm lược như trên) Vương tử Bất Tuần thưa:

– Tôi đã quan sát các cõi ác, ở đó chúng sinh chịu nhiều khổ nạn thống thiết. Tôi lại quan sát nơi cõi trời, chúng sinh ở đấy do tâm cấu uế, ô trược nên nhiều người phải bị đọa vào đường ác. Tôi đã thấy tất cả chúng sinh do xa lìa bạn tốt, sống theo nẻo phi pháp, ở nơi tối tăm, cạn kiệt thiện căn, bị tà khiến che khuất nên khốn khổ nơi tà đạo.

Vương tử lại bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, con xin dùng âm thanh lớn để khuyên bảo chúng sinh đem các thiện căn hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Khi con thực hành hạnh Bồ-tát, nếu có chúng sinh bị khổ não bức bách, có các nỗi sợ hãi, bần cùng nơi giáo pháp, ở chỗ tối tăm không chốn nương cậy, không đèn đuốc, không người cứu giúp, không nơi quay về, không có đích để đến, khiến họ nhớ nghĩ đến con, xưng danh hiệu con, thì con dùng Thiên nhĩ để nghe tiếng của họ, dùng Thiên nhãn tìm thấy họ. Nếu không giải thoát được nỗi khổ não của chúng sinh kia, thì con trọn chẳng thành đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thưa Đức Thế Tôn, con vì chúng sinh nên nguyện thực hành hạnh Bồ-tát lâu dài. Ấy là ý con muốn được viên mãn như Đại vương hiện nay. Trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, đến đầu hằng hà sa số kiếp thứ hai, nơi thế giới An lạc, vua cha sẽ thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng với danh hiệu là A-di-đà Như Lai, cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh tâm ý thanh tịnh theo đấy mà làm Phật sự. Cho đến khi Đức A-di-đà Như Lai ở vô lượng kiếp làm Phật sự đã xong và nhập Niết-bàn vô dư, rồi

tùy theo chánh pháp của Ngài trụ thế bao lâu, trong khoảng thời gian ấy con sẽ thực hành hạnh Bồ-tát, làm vô số Phật sự, vào đầu đêm chánh pháp của Đức A-di-đà Như Lai diệt, tức thì cuối đêm con sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xin nguyện Đức Thế Tôn thọ ký cho con được đạo quả Chánh giác tối thượng ấy. Như vậy, đối với các Đức Thế Tôn hiện trụ thế trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương con cũng dùng âm thanh bạch với các Đức Phật đó, xin các Ngài sẽ thọ ký cho con đạo quả Bồ-đề tối thượng.

Này thiện nam tử, bấy giờ Như Lai Bảo Tạng liền thọ ký cho Vương tử Bất Tuần và nói: Như ông đã quan sát về cõi ác, quan sát về cõi trời, quan sát nỗi khổ của chúng sinh nên phát sinh lòng thương xót, nhằm giải thoát tất cả nỗi khổ của họ, diệt trừ hết mọi thứ "kết sử" khiến đạt được.

Này thiện nam tử, do đó nên tên hiệu của ông là Quán Thế Âm. Này Đại sĩ Quán Thế Âm, ông sẽ hóa độ nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh thoát khổ. Thời gian hành hạnh Bồ-tát ông sẽ làm vô số Phật sự. Sau khi Đức A-di-đà Như Lai vào Niết-bàn, hơn hai lần hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, vào đầu đêm khi chánh pháp của Đức A-di-đà Như Lai đã diệt, thì ngay cuối đêm ấy thế giới An lạc mang tên là Nhất thiết bảo tập, cõi nước trang nghiêm đó tồn tại vô lượng vô số kiếp, hơn cả cõi An lạc. Này thiện nam tử, liền ngay cuối đêm, ở bên gốc cây Bồ-đề trang nghiêm bằng vô lượng báu, ông an tọa nơi tòa Kim cang chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, danh xưng là Quang Minh Phổ Chí Tôn Tích Đức Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, thọ mạng chín mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn kiếp. Sau khi ông vào Niết-bàn, chánh pháp trụ thế sáu mươi hai ức kiếp.

Đại sĩ Quán Thế Âm nói:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được thành tựu viên mãn như vậy, thì khi con đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương, đều thọ ký cho con, đại địa nơi hằng hà sa số thế giới đều chấn động, tất cả núi sông, vách đá, cây cối, rừng rú đều phát ra năm thứ âm nhạc, tất cả chúng sinh tâm thảy xa lìa tham dục.

Đại sĩ Quán Thế Âm vừa gieo năm vóc sát đất đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai thì đúng như vậy, đại địa nơi hằng hà sa số cõi Phật đều chấn động, các Đức Phật Như Lai đều thọ ký cho Bồ-tát… *(nói lược như trên)* tất cả núi sông, vách đá, cây cối, rừng rú đều phát ra năm thứ âm nhạc, tất cả chúng sinh tâm xa lìa tham dục. Đức Phật nói kệ:

Khởi âm thanh từ bi, phước đức
Mười phương chư Phật cùng thọ ký
Đại địa khắp thế giới chấn động
Ông sẽ làm Phật độ muôn loài.

Này thiện nam tử, bấy giờ quốc sư Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ hai là Ni-mạc:

– Này Vương tử, đối với cuộc đại thí này phải nên tùy hỷ. Vả lại, Vương tử đã tạo các nghiệp thiện, vì tất cả chúng sinh mà phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hồi hướng về Nhất thiết trí.

Này thiện nam tử, lúc ấy vương tử Ni-mạc ở trước Đức Phật liền thưa:

– Con xin đem tất cả những phước đức từ sự cúng dường Đức Thế Tôn cùng vô số Tỳ-kheo Tăng, lại cũng đem sự tùy hỷ về phước nghiệp ấy, cùng những nghiệp lành đã tạo trước đây nơi thân, khẩu, ý, xin hồi hướng tất cả về đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng con trọn chẳng chịu chứng đắc đạo quả Bồ-đề nơi cõi Phật uế trược. Đại sĩ Quán Thế Âm đã có thể an tọa nơi gốc cây Bồ-đề trang nghiêm bằng vô lượng báu ở thế giới Nhất thiết bảo tập chứng đắc đạo quả Bồ-đề tối thượng danh hiệu là Quang Minh Phổ Chí Tôn Tích Đức Vương. Con sẽ thỉnh Phật thuyết pháp trước tiên, tùy theo thời gian trụ thế giảng nói Chánh pháp của Đức Như Lai đó, trong khoảng thời gian này xin dốc thực hành hạnh Bồ-tát. Sau khi Đức Như Lai ấy diệt độ, Chánh pháp của Ngài trụ thế lâu dài rồi cũng diệt, đến lượt con sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cõi Phật trang nghiêm của con cũng lại như vậy, con cũng thi hành Phật sự y như vậy. Sau khi con nhập Niết-bàn, Chánh pháp của con trụ thế cũng lâu gần như vậy. Con muốn tất cả mọi sự trang nghiêm nơi quốc độ của con cũng như Đức Như Lai Quang Minh Phổ Chí Tôn Tích Đức Vương vậy.

Đức Phật Bảo Tạng nói:

– Này thiện nam tử, ông xin nhận xứ sở lớn, sẽ được xứ sở như ông muốn. Này thiện nam tử, ông sẽ ở nơi cõi Phật đó chứng đắc đạo quả Bồ-đề tối thượng, danh hiệu là Thiện An Ẩn Ma-ni Tích Đức Vương Như Lai. Này thiện nam tử, do ông nhận lấy xứ sở lớn nên danh tự của ông là Đại Thế Chí.

Vương tử Ni-mạc bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu quả ý nguyện của con được thành tựu viên mãn như vậy thì khi con gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, các Đức Phật Thế Tôn nhiều như số cát sông Hằng ở khắp mười phương cũng sẽ thọ ký cho con, trời mưa hoa Tu-mạn-na.

Này thiện nam tử, quả nhiên, khi Đại sĩ Đại Thế Chí gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai thì hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương đều thọ ký cho Bồ-tát Đại Thế Chí. Đại địa chấn động, trời mưa hoa Tu-mạn-na. Đức Phật nói kệ:

Khởi thế bền vững, phước đức nhiều
Mười phương chư Phật đều thọ ký
Đại địa chấn động mưa thiên hoa
Chính ông là chủ của trời người.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị người Vương tử thứ ba tên là Đế Chúng: ...*(nói lược như trên).*

Vương tử Đế Chúng chắp tay bạch với Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Con đem tất cả những phước đức từ sự cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng, lại đem cả những việc làm tốt đẹp nơi thân khẩu ý của chính mình và sự tùy hỷ về phước nghiệp này hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nhưng con trọn chẳng ở cõi Phật uế trược để chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và cũng chẳng muốn chóng thành đạo quả Bồ-đề như thế. Khi con thực hành hạnh Bồ-tát, thì điều đạt được là được thấy chư Phật Thế Tôn trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương. Việc khuyến hóa trước tiên của con đối với đạo Bồ-đề là khuyến khích phát tâm Bồ-đề, khiến an trụ nơi tâm ấy... rồi đem các pháp Ba-la-mật để dẫn dắt tu tập khiến an trụ trong đó. Thời gian hành hạnh Bồ-tát, con sẽ dùng Thiên nhãn thấy mỗi mỗi phương có hằng hà sa số cõi Phật, chư Phật Thế Tôn trong các cõi Phật nhiều như vi trần đó đang nói pháp, đấy là việc khuyến hóa đối với đạo Bồ-đề của con. Con sẽ thực hành hạnh Bồ-tát như thế để làm Phật sự, như vậy khiến cho thân ý của chúng sinh được thanh tịnh. Người nào sinh đến cõi Phật của con như là Thiên tử cõi Phạm thiên. Cõi Phật cũng trang nghiêm thanh tịnh như cõi Phạm thiên. Một cõi Phật của con rộng lớn như hằng hà sa số Tam thiên đại thiên thế giới. Vòng quanh cõi Phật đó là tường ngăn do vô lượng trăm ngàn thứ báu hợp thành. Khoảng bày biện vật dụng để trang nghiêm cao đến cõi trời Hữu đảnh. Đất nơi cõi Phật ấy đều thuần bằng lưu ly, mềm mại mịn màng khiến không có các thứ dơ bẩn như bụi, đất, sỏi, đá... Ở đó không có tên gọi về nữ nhân, chúng sinh nơi cõi này được sinh ra từ hóa sinh, ăn uống theo cách nhai nuốt, mà đều dùng Pháp thực, Hoan hỷ thực, Tam-muội thực. Trong cõi Phật ấy cũng không có tên gọi về hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ thuần là các vị Bồ-tát đông đầy khắp chốn, không bị các thứ phiền não loạn

động, đều tu tập hành trì phạm hạnh. Nguyện cho tất cả các vị Bồ-tát nơi cõi đó khi ra đời thân đã mặc sẵn pháp phục Sa-môn. Vừa sinh ra đời, khi họ nhớ nghĩ đến việc ăn uống thì vô lượng thức ăn liền hiện đầy ắp trong bình bát báu nơi tay phải. Được như vậy họ bèn niệm: "Chúng ta không nên ăn các thức ăn này, phải đem chúng đến các thế giới khác để cúng dường chư Phật hiện đang trụ thế cùng các vị Thanh văn và bố thí cho kẻ bần cùng. Hàng ngạ quỉ khốn khổ luôn bị đói khát thiêu đốt thân xác, chúng ta cũng nên đến chỗ chúng đem đồ ăn cứu giúp. Chúng ta chỉ nên an trụ nơi Hoan hỷ thực". Các vị Bồ-tát ấy vừa phát khởi ý niệm như thế xong, liền khiến họ đạt được tam-muội Bất khả tư nghị oai nghi. Nhờ pháp Tam-muội ấy nên họ không còn nhiễm đắm, được thân lực tự tại đi đến cúng dường chư Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế trong vô lượng vô số các cõi Phật khắp mười phương cùng các vị Thanh văn, lại cũng bố thí cho chúng sinh và hàng ngạ quỉ. Rồi vì chúng mà thuyết pháp, xong xuôi, chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn ngắn các vị trở về bổn quốc, lại đem y phục, châu báu và các vật dụng khác đem cúng dường chư Phật cho đến hàng ngạ quỉ cũng như trước rồi mới tự dùng. Khiến cho cõi Phật ấy không có tám nạn và âm thanh nói về bất thiện, cũng không có âm thanh nói về khổ, âm thanh nói về thọ giới phạm giới sám hối. Khiến cho cõi Phật của con trang nghiêm, bày biện bằng vô lượng trăm ngàn các thứ châu báu, như ngọc Ma-ni báu, luôn hiện ra các màu sắc hình tượng chưa từng thấy, chưa từng nghe trong mười phương thế giới, thật là hy hữu chỉ kể danh hiệu của chúng thôi thì cả hàng ức năm cũng không thể hết. Có Bồ-tát muốn thấy cõi Phật vàng tức thì thấy vàng. Có vị muốn thấy cõi Phật bạc tức thì thấy bạc mà cõi vàng kia không bị hủy hoại… *(nói lược những điểm chính).* Có vị muốn thấy các cõi Phật báu khác như: Cõi Phật thủy tinh, lưu ly, mã não, xích trân châu, xa cừ... đều thấy được cả. Hoặc có vị Bồ-tát muốn thấy trầm thủy, Mật-đa-ma-la-bạt, Hải ngạn chiên-đàn, Ngưu đầu chiên-đàn các cõi Phật như thế tức thời được thấy; tùy theo ý muốn của họ đều khiến được như ý. Những mong muốn được nhìn thấy của từng người không giống nhau, nhưng khiến cho tất cả đều thỏa mãn nguyện ước. Khiến cho cõi Phật của con không có mặt trời mặt trăng, khiến cho Bồ-tát khi sinh thân đã có ánh sáng, phóng chiếu ánh sáng tùy theo ý muốn của mình, có thể chiếu sáng tới hàng ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật. Khiến cho cõi Phật ấy không có danh từ về ngày đêm, chỉ có thời gian theo hoa nở ra khép lại. Cũng khiến cho cõi Phật của con không có sự nóng, lạnh, bệnh tật, già chết, chỉ có Bồ-tát sắp thành tựu đạo quả Bồ-đề thì đến cõi trời Đâu-suất ở thế giới khác sau khi mạng chung thì thành bậc giác ngộ. Lại khiến cõi Phật ấy

không có người qua đời, chỉ ở nơi hư không Hóa Phật nhập Niết-bàn. Trong cõi đó mọi vật dụng được cung ứng theo ý muốn của Bồ-tát. Khiến cho nơi tất cả hư không chung quanh cõi Phật của con luôn vang lên hàng ức na-do-tha trăm ngàn tiếng nhạc. Trong âm nhạc ấy không phát ra tiếng ái dục mà chỉ phát ra tiếng Ba-la-mật, tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng Pháp tạng của Bồ-tát… khiến tùy ý Bồ-tát ưa thích nghe các âm nhạc như vậy.

Thưa Đức Thế Tôn, khi con thực hành hạnh Bồ-tát, cho đến trong vô lượng vô biên vô số cõi Phật được thấy hàng ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật trang nghiêm với vô số ngọc anh lạc kia, tướng mạo kia, điềm lành kia, xứ sở kia, hành động kia, chí nguyện kia, khiến cho tất cả những thứ ấy đều diễn ra nơi cõi Phật của con, chỉ trừ hàng Thanh văn, Duyên giác và cõi Phật có năm thứ uế trược. Lại nữa, khiến cho cõi ấy không có các danh từ về địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ. Ở đấy lại không có các núi Tu-di, Thiết vi, Đại thiết vi, núi đất đá, cũng không có biển lớn, không có các thứ cây cối khác, chỉ có các thứ cây báu hơn cả cây báu nơi cõi trời mọc la liệt khắp nơi. Lại khiến cho cõi Phật của con không có các loài hoa khác, chỉ có hoa Thiên mạn-đà-la, không có các mùi hôi thối, chỉ toàn là vi diệu tỏa hương đầy khắp cõi, những người sinh trong cõi ấy đều là bậc Bồ-tát nhất sinh bổ xứ, nên không có một chúng sinh nào trở lại cõi khác, ngoại trừ sinh vào cõi trời Đâu-suất-đà để chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thưa Đức Thế Tôn, thời gian con thực hành hạnh Bồ-tát, con mới thành tựu được hạnh của bậc Đại trượng phu như vậy, khiến cho con được an trụ nơi cõi Phật trang nghiêm như thế với chúng sinh tâm ý thanh tịnh như thế, đời đời ở cõi nước ấy hiện có đông đảo Bồ-tát kế vị nhau, trong đó không một vị Bồ-tát nào là không do con hóa độ, đối với đạo Bồ-đề không một người nào mà con chẳng khiến an trụ nơi pháp Ba-la-mật. Khiến cho các Bồ-tát sinh đến đây cũng là do con trước đã từng khuyến hóa đến với đạo Bồ-đề, an trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật. Nay ở cõi Phật này khiến ai sinh vào đó thì tất cả các nỗi khổ đều sẽ được diệt trừ hết.

Thưa Thế Tôn, khi con làm Bồ-tát, thành tựu được hạnh nguyện của bậc Đại trượng phu như thế thì sau đó con mới chứng đắc đạo quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nơi cõi Phật ấy. Xin nguyện cho cây Bồ-đề của con thân có chu vi bằng mười ngàn cõi bốn châu thiên hạ cành lá che phủ mười cõi Tam thiên có tên là Thiện hiện chúng bảo. Ánh sáng và hương thơm của cây Bồ-đề ấy tỏa lan khắp cõi Phật này. Tòa ngồi Kim cang của

con nơi gốc cây Bồ-đề được trang trí bằng các báu vật, ngang dọc bằng nhau đến năm lần bốn châu thiên hạ, cao đến bốn vạn tám ngàn do-tuần, có tên là tòa ngồi Phổ phóng vô tận quang thiện giải trí hương. Con ngồi kiết già bên gốc cây Bồ-đề kia chỉ trong một thời gian ngắn là thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng cho đến nhập Niết-bàn cũng không thay đổi, ngồi kia cũng không lìa bỏ. Con ngồi trên tòa Kim cang nơi cội cây Bồ-đề không đứng dậy, dùng hóa thân Phật và Bồ-tát đi đến vô số cõi Phật. Mỗi một hóa thân Phật, chỉ trong thời gian một bữa ăn ngắn, luôn vì chúng sinh thuyết giảng đạo pháp, tức nơi thời gian một bữa ăn ngắn như thế, đem đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để khuyến hóa vô số chúng sinh, khiến họ an trụ nơi đạo quả ấy và được Bất thoái chuyển. Các hóa thân Bồ-tát du hóa cũng lại như vậy. Nguyện khi con chứng được đạo quả Bồ-đề, thân con thị hiện khắp vô số thế giới khác trong mười phương. Nếu có chúng sinh thấy được thân tướng trang nghiêm của con thì khiến tất cả các chúng sinh nơi các thế giới kia luôn bền vững với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng cho đến khi chứng đắc Vô thượng Bồ-đề nhập Niết-bàn, các chúng sinh kia luôn được gặp chư Phật Thế Tôn. Khiến trong cõi Phật ấy không có người không đủ các căn, các Bồ-tát ở đấy luôn ưa nhìn thấy con, tùy theo chỗ ở của họ, hoặc đi kinh hành, ngồi đứng đều được thấy con. Các Bồ-tát tâm vừa nghĩ đến Phật là khiến họ thấy con an tọa bên gốc cây Bồ-đề. Đã thấy con rồi thì trong giáo pháp có điều gì chưa rõ, tự nhiên được khai giải, không cần nói một câu giáo pháp mà khiến họ hiểu được ý nghĩa. Khiến cho con được thọ mạng vô lượng, không ai có thể lường tính được, ngoại trừ bậc Nhất thiết trí. Các vị Bồ-tát nơi cõi này thọ mạng cũng vô lượng. Con muốn nơi cõi Phật này, khi con chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì khiến ứng hiện ra các tướng đoan nghiêm như vậy. Xin cho tất cả Bồ-tát nơi cõi Phật của con đều thân mặc ca-sa từ lúc ra đời đến khi nhập Niết-bàn, không có người trang sức nơi tóc, ăn mặc quần áo thế tục, khiến họ với Sa-môn hình tượng không khác nhau.

Đức Phật nói:

– Hay thay! Hay thay! Này bậc Thiện trượng phu, ông cũng là bậc thông đạt, với trí tuệ hiểu biết. Sở nguyện của ông thật tốt đẹp, ý chí lớn lao, uy đức đặc biệt cao quý, trí tuệ vô cùng vi diệu. Này thiện nam tử, ông có thể vì tất cả chúng sinh mà tự khởi ý nguyện vĩ đại thù thắng vi diệu như vậy để chọn lấy cõi Phật trang nghiêm. Này thiện nam tử, nên tên tự của ông là Mạn-như-thi-lợi.

Này Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi, vào đời vị lai, trải qua hai lần hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu lần hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ ba, nơi phương Nam có thế giới tên là Tịnh vô trần tích, thế giới Ta-bà này cũng thuộc về thế giới ấy. Cõi Phật này trang nghiêm, thanh tịnh đúng theo những nguyện cầu của ông.

Này Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi, ông sẽ ở cõi Phật ấy chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng hiệu là Phổ Hiện Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, đại chúng Bồ-tát cũng đều thanh tịnh. Tất cả đều được thành tựu đầy đủ theo sở nguyện của ông.

Khi thực hành hạnh Bồ-tát, ở nơi hàng ức cõi Phật ông đã gieo trồng các căn lành. Này Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi, ông đã vì chúng sinh đem thuốc hay trừ khử mọi khổ não nơi tâm ý, diệt hết các thức phiền não trói buộc, tăng trưởng căn lành.

Khi ấy, Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu như sở nguyện của con được thành tựu viên mãn như vậy thì xin nguyện chư Phật, Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương thọ ký cho con, khiến cho vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật đều chấn động, khiến cho tất cả chúng sinh được mọi diệu lạc đầy đủ cũng như Bồ-tát thể hiện diệu dụng nơi cõi Thiền thứ hai trong Tam-muội. Lại khiến cho vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật mưa hoa Thiên mạn-đà-la, các hoa Mạn-đà-la ấy phát ra âm thanh: âm thanh Phật, Pháp, Tăng, Ba-la-mật, Vô lực úy. Nếu quả đúng như vậy thì khi con gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn các điềm lành ứng hợp phải hiện ra hết.

Khi Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn thì đại địa nơi vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật thảy đều chấn động, trời mưa hoa Thiên mạn-đà-la, tất cả chúng sinh đều được mọi sự an lạc… sở nguyện như vậy là được viên mãn hoàn toàn. Các vị Đại Bồ-tát trong vô lượng cõi Phật kia đang ở chỗ chư Phật nghe thuyết pháp đều hỏi các Đức Phật, Thế Tôn:

– Do nhân duyên gì mà ứng hiện điềm này? Chư Phật Thế Tôn ấy đều đáp: Vô lượng chư Phật hiện đang trụ thế thuyết pháp trong vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật trong mười phương đều thọ ký cho Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Đức Phật Bảo Tạng nói kệ:

Trí tuệ thâm diệu ý vô thượng
Mười phương chư Phật thọ ký cho

Đất động, mưa hoa chúng sinh vui
Ông sẽ làm Phật hiện ở đời.

Phẩm 8: Thọ Ký Cho Bốn Vị Vương Tử

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ tư tên là Chi Chúng... *(nói lược như trên).* Chí nguyện của vị Vương tử này giống như chí nguyện của Đại sĩ Mạn-như-thi-lợi không khác.

Đức Thế Tôn khen:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, khi ông hành hạnh Bồ-tát sẽ phá tan mọi thứ phiền não trói buộc chồng chất như núi Kim cang nơi vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh để thực hiện Phật sự, sau đó sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho nên tên tự của ông là Hoại Kim Cang Tuệ Minh Chiếu Thị Lợi.

Này Đại sĩ Hoại Kim Cang Tuệ Minh Chiếu, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, về phương Đông, quá mười lần hằng hà sa số cõi Phật với số thế giới nhiều như số vi trần nơi vô lượng vô biên cõi Phật kia, có cõi nước tên là A-ni-di-sa. Này thiện nam tử, ông sẽ ở đó thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Phổ Hiền gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, cho đến Phật Thế Tôn. Cõi Phật ấy có đủ vô lượng trang nghiêm đúng như sở nguyện của ông.

Này thiện nam tử, Đức Bảo Tạng Như Lai vừa thọ ký cho Đại Bồ-tát Hoại Kim Cang Tuệ Minh Chiếu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng tức thì trong hư không, vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên đều khen ngợi: "Hay thay! Hay thay!"; cùng mưa bột thơm cây Ngưu đầu chiên-đàn, trầm thủy.

Bồ-tát Hoại Kim Cang Tuệ Minh Chiếu bạch Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được thành tựu viên mãn thì khi con gieo năm vóc cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, sẽ khiến cho hương trời kỳ diệu tỏa thơm sực nức khắp hằng hà sa số thế giới. Chúng sinh nơi các cõi: địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ, trời, người, ngửi được mùi hương này thì bao nhiêu khổ não của thân tâm... đều được dứt trừ.

Này thiện nam tử, lúc này Bồ-tát Hoại Kim Cang Tuệ Minh Chiếu bèn gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai tức thì hương trời thượng diệu tỏa thơm khắp hằng hà sa số thế giới. Tất cả bao

nỗi khổ não nơi thân tâm của chúng sinh trong các thế giới ấy đều được dứt hết. Đức Phật nói:

Khởi hủy hoại Kim cang
Cõi Phật đầy hương sắc
Chúng sinh nhiều an lạc
Là bậc Thế gian giải.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế bảo vị Vương tử thứ năm tên là Vô Úy… *(lược nói như trên).* Vương tử Vô Úy bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con xin không nhận lấy cõi Phật uế trược này. Nơi con thành đạo Bồ-đề sẽ là nơi không có các cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ. Đất ở thế giới đó toàn bằng lưu ly màu xanh biếc... giống như thế giới Liên hoa trang nghiêm đã nói trên.

Vương tử Vô Úy đem hoa sen đặt trước mặt Đức Bảo Tạng Như Lai và thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được thành tựu viên mãn như vậy, thì nương nơi uy thần của Đức Phật, khiến con đạt được tam-muội Hiện trang nghiêm. Như thế, khi con đang ở trước Đức Thế Tôn, thì nơi cõi Phật nhiều như số vi trần trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương sẽ mưa xuống những đóa hoa sen lớn như bánh xe, khiến chúng con đều thấy được.

Vương tử vừa nói xong lời này, nương uy thần của Phật nên liền đạt được tam-muội Hiện trang nghiêm và khắp hằng hà sa số thế giới nơi mười phương với vô số cõi Phật nhiều như vi trần đều mưa xuống những hoa sen to như bánh xe. Vương tử Vô Úy thấy thế rất vui mừng. Đức Phật nói:

– Này thiện nam tử, sở nguyện của ông thật hết sức tốt đẹp, nên được nhận lấy cõi Phật vi diệu. Nhờ lời cầu nguyện chí thành nên chóng đạt được tam-muội Hiện trang nghiêm và trời mưa hoa sen.

Vương tử bạch Phật:

– Nếu như con thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng bồ đề đúng theo ý nguyện của mình, thì khiến cho hoa sen đang lơ lửng nơi hư không kia tức thì trụ ngay lại ở đấy.

Đức Phật nói:

– Này thiện nam tử, chỗ thể hiện nhanh chóng của ông đã dùng hoa sen in rõ nơi hư không, nên tự hiệu ông là Hư Không Ấn.

Này Đại sĩ Hư Không Ấn, về đời vị lai, trải qua hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất bắt đầu vào hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tại hướng

Đông nam vượt quá hàng ức trăm ngàn hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới tên là Liên hoa, ở cõi ấy ông sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, hiệu là Liên Hoa Thượng Phật, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc cho đến Phật, Thế Tôn, với vô lượng chúng Tăng thuần là Bồ-tát, thọ mạng số lượng, đạt được tất cả những uy đức đúng theo sở nguyện. Bồ-tát Hư Không Ấn tức thì gieo năm vóc xuống đất đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai. Đức Phật nói:

Ông đem lợi cho đời
Trừ diệt mọi oán kết
Giữ đức như vi trần
Đạt giác ngộ hơn trước.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với Vương tử thứ sáu tên là Hư Không... *(nói lược như trên)*... Vương tử Hư Không bạch Phật:

– Con chẳng ở nơi cõi Phật uế trược này... *(nói lược)*. Cũng như sở nguyện của Bồ-tát Hư Không Ấn. Thưa Đức Thế Tôn, nếu đại nguyện của con được thành tựu viên mãn như thế thì khiến cho trong hư không nơi hằng hà sa số thế giới khắp mười phương đều có chiếc lọng bằng bảy báu, có lưới bằng ngọc trắng che phủ phía trên lọng báu, lại treo các linh báu để tôn vẻ trang nghiêm. Trong linh báu và lưới báu luôn phát ra các âm thanh: tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng Ba-la-mật, tiếng lực, tiếng thần thông và tiếng vô úy. Tất cả chúng sinh nơi thế giới ấy nghe được những âm thanh này thì khiến họ phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu trước đã phát tâm Bồ-đề rồi thì khiến họ không thoái chuyển nơi đạo quả kia.

Vương tử Hư Không vừa nói như thế tức thì trong hư không của hằng hà sa số thế giới khắp mười phương... *(nói lược)* đều phát ra âm thanh như trên. Nhờ uy thần của Phật nên tất cả đều tự thấy được.

Vương tử Hư Không lại bạch với Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được viên mãn như thế thì khiến ngay trước mặt Thế Tôn đây, con đạt được tam-muội Trí hiển minh, nhờ đó tăng trưởng được pháp lành. Được Tam-muội này rồi, sau đấy mới xin Thế Tôn thọ ký quả vị Bồ-đề cho con.

Nhờ uy thần của Phật, vương tử Hư Không liền được tam-muội Trí hiển minh. Đức Phật nói:

– Hay thay! Này thiện nam tử, sở nguyện của ông thật là vô cùng vi diệu! Do phước nghiệp của ông mà trong hư không nơi hằng hà sa số cõi

Phật khắp mười phương được che bằng lọng báu, từ đấy phát ra âm thanh hòa dịu giác ngộ được hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh. Này thiện nam tử, do đó nên ông có tự hiệu là Hư Không Hiển Minh.

Này Đại sĩ Hư Không Hiển Minh, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tại phương Đông, vượt qua hai hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới Phật tên là Nhật Nguyệt, ông sẽ ở nơi cõi ấy thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Pháp Tự Tại Phú Vương Phật, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc cho đến... Phật, Thế Tôn.

Khi Bồ-tát Hư Không Hiển Minh gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, Đức Phật nói kệ:

Dấy thiện, thuần ý, chế ngự tâm
Nơi chúng sinh luôn khởi đại bi
Quần mê, dốc độ qua biển khổ
Đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ bảy tên là Chi Tượng... *(lược nói như trên)*... Vương tử Chi Tượng bạch Phật:

– Thưa, con xin không ở nơi cõi Phật uế trược để chứng đắc đạo quả. Thế giới của con thành tựu đạo quả Bồ-đề sẽ không có danh từ địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ, cũng không có nữ nhân, chúng sinh ở đấy không do bào thai sinh ra, không có các núi Tu-di, Thiết vi, Đại thiết vi và các núi đất đá, không có suối nguồn, sành sỏi, gai gốc, địa hình cao thấp, cây cối, biển khơi, cũng không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm. Chúng sinh nơi cõi đó không có các thứ bài tiết hôi thối dơ bẩn, hình tượng luôn thanh tịnh, thâm tâm không ỷ lại. Khiến cho cõi Phật của con không lấy đất đá làm mặt đất mà dùng toàn mã não làm nên cùng trang nghiêm bằng vô lượng trăm ngàn các thứ vật báu. Cũng khiến cho trong cõi Phật ấy chỉ có hoa Mạn-đà-la, hoa Đại mạn-đà-la, không có các loại cỏ khác, lại được trang nghiêm bằng vô số các loại cây báu, trên những cây này có vô số những lọng báu tô điểm. Ở thế giới đó có đầy đủ các thứ phòng ốc báu, vô số các thứ y phục báu, các thứ vòng trang sức báu, các thứ chuỗi anh lạc báu, các thứ dụng cụ báu, các thứ âm nhạc, các thứ vật đựng báu, các thứ hoa đan xen nơi những cây báu. Khi các hoa khép cánh, âm nhạc ngừng phát thì biết đó là đêm. Vào lúc hoa khép cánh thì Bồ-tát thọ sinh về đây. Vừa sinh ra, Bồ-tát liền ngồi thiền định tâm ý tập trung liền đạt được tam-muội Hiện trang

nghiêm, nhờ pháp Tam-muội này nên thấy được chư Phật hiện đang trụ thế nơi các cõi Phật trong vô số thế giới nhiều như vi trần khắp mười phương. Khiến cho các vị Bồ-tát sinh ra liền đạt được Thiên nhĩ thanh tịnh, nên nghe được chư Phật hiện đang trụ thế nơi vô số cõi Phật trong thế giới khác khắp mười phương nhiều như vô số vi trần thuyết giảng chánh pháp. Chư Phật thuyết giảng Chánh pháp ấy khiến cho chúng sinh nơi cõi đó đều tự biết về thọ mạng đời trước, nhớ nghĩ đến những việc đã làm trong số kiếp nhiều như vi trần nơi cõi Phật. Lại đạt được Thiên nhãn thanh tịnh, thấy khắp vô số cõi Phật trang nghiêm trong mười phương nhiều như số vi trần. Cũng khiến cho các vị Bồ-tát đã sinh ra liền đạt đầy đủ về Tha tâm thông, nhờ đó chỉ trong khoảnh khắc biết được mọi tâm niệm, hành động của tất cả chúng sinh trong các cõi Phật nhiều như số vi trần, cho đến khi chứng đắc Bồ-đề nhập Niết-bàn họ vẫn không mất pháp Tam-muội ấy. Vào lúc đêm gần sáng, bốn phương gió thơm vi diệu, êm ả thổi đến khiến thân tâm hoan hỷ, làm cho hoa nở, giúp các Bồ-tát đang nhập tam-muội trên các đài hoa liền xuất định. Lại khiến các vị Bồ-tát đạt được thần thông như vầy, nên chỉ trong khoảnh khắc một niệm, họ đã đến thân cận cúng dường các Đức Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế nơi cõi Phật trong mười phương nhiều như số vi trần, rồi trở về chốn cũ của mình, ngồi kiết già trên đài hoa Mạn-đà-la, hoa Đại mạn-đà-la tư duy về các pháp môn, cùng chiêm ngưỡng Đức Như Lai. Cho dù hướng ngồi của họ quay về đâu thì ở tất cả mọi phương ấy đều thấy được con cả. Bồ-tát ở đó, đối với đạo pháp hoặc khởi tưởng hoặc phát sinh nghi ngờ thì quán tưởng về thân tướng của con liền được giải bày. Các Bồ-tát kia nghe pháp theo ý muốn của mình, vừa quán tưởng đến con thì tất cả đều thông suốt. Cũng khiến cho Bồ-tát ở thế giới ấy không có "ngã, ngã sở", không có "sở tác", cho đến không cả thân mạng nữa. Bồ-tát đều được bậc Bất thoái chuyển, ở đấy không có danh từ về bất thiện, không có danh từ về thọ giới, hoặc sám hối khi phạm tội. Tất cả chúng sinh nơi cõi này đều có đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, đầy đủ sức mạnh như Na-la-diên khiến mọi người đều gồm đủ các căn từ khi sinh ra cho đến lúc chứng đắc Bồ-đề nhập Niết-bàn. Tất cả chúng sinh nơi cõi đó khi mới sinh râu tóc tự rụng, thân mặc ca-sa, khéo lý giải các pháp Tam-muội... cho đến khi đạt được đạo quả giác ngộ cũng không hề thoái thất nửa chừng. Khiến cho chúng sinh nơi thế giới của con không còn các khổ về già, bệnh. Có Bồ-tát khi sắp mạng chung thì ngồi kiết già mà vào Niết-bàn, từ nơi thân phát ra lửa để tự hỏa thiêu, gió thổi hương thơm đến, khiến cho xá-lợi được tung rải đến vô số thế giới khác không có cõi Phật và thành ngọc báu Như ý, giống như ngọc báu Ma-ni trong sáng của Chuyển luân vương. Chúng

sinh ở các nơi đó, hoặc thấy được ánh sáng của ngọc báu Ma-ni kia, hoặc thấy được ngọc báu hoặc được tiếp xúc với ngọc báu... thì khiến cho tất cả họ không còn phải chịu các khổ nơi địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, từ đó cho đến khi chứng đắc đạo quả Bồ-đề nhập Niết-bàn không bao giờ chịu thống khổ nữa. Vào lúc mạng chung được các Đức Phật hiện còn trụ thế ở đó vì chúng sinh thuyết pháp về việc sinh đến xứ sở như thế của con. Họ được sinh đến đây rồi nhờ đã nghe diệu pháp của chư Phật nên phát tâm Bồ-đề, vừa phát tâm xong là đạt bậc Bất thoái chuyển đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Trong cõi Phật của con không ai là không nhập tam-muội, khi mạng chung hoàn toàn không còn các nỗi thống khổ, kể cả nỗi khổ luyến ái mà phải biệt ly. Thọ mạng ở đấy hết, khiến họ không sinh vào nơi có các nạn, nơi không có cõi Phật... cho đến khi chứng đắc quả vị Bồ-đề thường được gặp Phật, thường được nghe Pháp, thường cúng dường Tăng. Khiến cho tất cả chúng sinh nơi cõi đó không uế trược, sân giận, ghét yêu, keo kiệt, ganh tỵ, vô minh, chấp ngã, không có các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ thuần là các vị Bồ-tát đông đảo có mặt khắp cõi, với tâm dịu dàng, không có tâm oán ghét, không có tâm cấu uế, tâm tịch tĩnh, tâm thiền định. Khiến cho cõi Phật trang nghiêm, thanh tịnh của con hiện ra trong các thế giới khác nhiều như số vi trần mười phương cõi Phật, hương thơm tỏa đến khắp nơi như thế. Chúng sinh nơi cõi ấy luôn được niềm an lạc trọn vẹn không hề nghe có âm thanh về khổ. Bấy giờ, con sẽ thực hành hạnh Bồ-tát, trước tiên là tạo lập cõi Phật trang nghiêm như vậy khiến cho tất cả chúng sinh đầy khắp trong cõi ấy tâm ý luôn thanh tịnh, sau đó con mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề tối thượng. Khi con đắc đạo, khiến cho thân tướng trang nghiêm với vô lượng hào quang của con hiện khắp trong các cõi Phật khác nhiều như vi trần nơi mười phương hàng ngàn cõi Phật. Ở đó, chúng sinh nào thấy được con thì khiến họ diệt trừ được tham dục, sân giận, ngu si, keo kiệt, ganh ghét, chấp ngã, kết sử... phát tâm Bồ-đề, tùy theo chỗ mong muốn nên đối với các pháp Tam-muội đà-la-ni nhẫn nhục, nhờ thấy con thảy đều đạt được. Nếu có chúng sinh, sinh nơi địa ngục lạnh giá được thấy con thì họ liền có được sự ấm áp, niềm an lạc này giống như vị Tỳ-kheo nhập Đệ tam thiền, nhờ đó thân tâm tràn đầy niềm vui và đều phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đến khi mạng chung được sinh về thế giới của con đạt bậc Bất thoái chuyển nơi đạo quả kia. Nếu có chúng sinh sinh nơi loài ngạ quỉ, thấy được con rồi... *(nói lược như trên)*... khiến đạt bậc Bất thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Súc sinh *cũng nói như trên*... Như thế là ánh hào quang của con hơn chư Thiên gấp bội. Cũng khiến cho thọ mạng của con là vô lượng, vô biên

không ai có thể tính được, ngoại trừ Bậc Nhất Thiết Trí. Khi con chứng đắc đạo quả Bồ-đề thì chư Phật Thế Tôn trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới không thể kể xiết nơi mười phương đều tán thán, khen ngợi con. Con nguyện cho chúng sinh ở những nơi đó nghe được tên con, đối với các căn lành đã tạo được dốc hồi hướng về thế giới của con thì khi họ lâm chung tất được sinh về nước con, ngoại trừ kẻ phạm tội vô gián, hủy hoại Chánh pháp, phỉ báng Thánh hiền. Lúc con đắc đạo Bồ-đề, trong vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật khác, chúng sinh nghe được danh hiệu con cầu được sinh về cõi nước của con thì vào thời gian họ sắp mạng chung, con cùng vô lượng đại chúng vây quanh đều nhập vào tam-muội Vô ế thị hiện trước mặt họ, khéo giảng nói khiến cho tâm ý của chúng sinh kia được vui vẻ, tất cả các nỗi khổ đều tiêu diệt nhờ đó tất ngộ được pháp tam-muội Tất định; đạt được niềm diệu lạc của pháp nhẫn, nên sau khi mạng chung được sinh về cõi nước của con. Lại như có các thế giới khác thiếu thốn bảy thứ tài sản bậc Thánh, chẳng ưa cầu giáo pháp của Tam thừa, cũng chẳng ưa cầu phước báo nơi cõi Trời, người, lại chẳng ưa cầu về ba bậc thiện, phước, mà lại tham đắm nơi các điều phi chánh pháp: keo kiệt, tham lam, ganh ghét, ưa gần gũi các loài chúng sinh theo tà pháp, thì đối với những chúng sinh ấy, con nguyện nhập pháp tam-muội Vô đọa. Do diệu lực của Tam-muội này, nên các chúng sinh kia khi sắp mạng chung con sẽ thị hiện trước mặt họ cùng với vô lượng đại chúng vây quanh, vì họ thuyết pháp, đem cõi Phật của mình nêu bày, đem đạo Bồ-đề khuyến hóa họ, khiến cho các chúng sinh đó có được niềm vui mừng tột bậc nơi con mà phát tâm Bồ-đề, khiến cho tất cả nỗi thống khổ của họ được diệt trừ, đạt được tam-muội Nhật đăng, xả bỏ hết mọi sự tối tăm, sau khi mạng chung được sinh vào cõi nước của con.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, sở nguyện của ông rất là lớn lao, vô cùng tốt đẹp.

Vương tử lại thưa với Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được thành tựu viên mãn như thế thì xin khiến mưa bột thơm Hải ngạn chiên-đàn kỳ diệu xuống khắp nơi cõi Phật khắp trong mười phương cõi Phật nhiều như số vi trần, trong đó các chúng sinh nếu ngửi được mùi thơm này, thì tất cả đều phát tâm Bồ-đề. Lại khiến cho hôm nay con đạt được pháp tam-muội Như nguyện và tự chứng kiến điềm lành kia.

Này thiện nam tử, lúc ấy Vương tử vừa nguyện xong liền đạt được

tam-muội Như nguyện, tự thấy được cõi Phật trong mười phương các thế giới khác nhiều như số vi trần, trời mưa xuống bột thơm Hải ngạn chiên-đàn kỳ diệu, còn thấy khắp mười phương vô số chúng sinh đều chắp tay cung kính phát tâm Bồ-đề.

Đức Phật nói với Vương tử:

– Này thiện nam tử, nguyện của ông đã thành tựu, trời đã tức thì mưa hương thơm, lại có vô số chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề. Này thiện nam tử, vậy nên hiệu của ông là Sư Tử Hương. Vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, bước vào hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ở phương trên cách cõi Phật này bốn mươi hai Hằng hà sa cõi Phật với số cõi Phật nhiều như vi trần, có thế giới tên là Cám hương quang minh vô trần, nơi cõi đó, ông sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, danh hiệu là Quang Minh Vô Trần Thượng Thân Hương Nguyệt Tự Tại Vương Phật, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến Phật Thế Tôn.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Sư Tử Hương gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Trời, Người, Tu-la, đều kính trọng
Sẽ là Thế Tôn cứu muôn loài
Ba cõi khổ buộc đều dứt hết
Đạo quả Vô thượng tất đạt được.

□

Phẩm 9: Vị Vương Tử Thứ Tám Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ tám tên là A-mạc-cụ... *(nói lược như trên)...*

Vương tử bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con nguyện sẽ ở nơi cõi Phật uế trược làm Bồ-tát tu tập đạo quả Bồ-đề, thực hành hạnh nguyện Bồ-tát. Trước tiên con làm cho mười ngàn cõi Phật uế trược đều trở nên thanh tịnh như cõi Phật Cám hương quang minh vô trần không khác, lại giáo hóa vô lượng các vị Bồ-tát tâm ý trong sạch, dốc cầu pháp Đại thừa, vun trồng thiện căn thanh tịnh nơi cõi đó, sau đấy con mới thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thưa Đức Thế Tôn, con sẽ tu tập thực hành đạt đến đạo quả Bồ-đề như thế, không giống với hạnh của các Bồ-tát khác.

Thưa Đức Thế Tôn, suốt trong bảy năm này con đã tĩnh tọa ở một chỗ để tư duy về công đức thanh tịnh của chư Phật và vô số công đức để trang nghiêm cõi Phật đó, con phát khởi vô số các pháp Tam-muội trang nghiêm cùng với một vạn tám ngàn Bồ-tát nhập tam-muội tu tập.

Thưa Đức Thế Tôn, ấy là con đã thực hành hạnh Bồ-đề khi làm Bồ-tát. Con dùng pháp tam-muội Thần-bà-xà-già-chỉ-do-la để thường được thấy chư Phật Thế Tôn hiện đang trụ thế trong vô lượng vô biên thế giới khác ở mười phương, vì lợi ích chúng sinh mà nói pháp, vượt qua ba đời để được thấy các Đức Phật ấy khắp tất cả các cõi. Con dùng pháp Tam-muội với vô số các tâm nên thấy được chư Phật Thế Tôn cùng đại chúng Bồ-tát Thanh văn vây quanh. Con dùng diệu lực của tam-muội Vô y hiện thân nhiều như vi trần trong cõi Phật, mỗi mỗi thân đều đem các loại hoa quý vô thượng, các thứ hương xoa vô thượng, đồ trang sức cùng âm nhạc, tất cả những thứ quý giá đẹp đẽ thượng diệu đó dùng để cúng dường các Đức Phật. Nơi mỗi mỗi cõi Phật, trải qua số kiếp nhiều như nước nơi biển cả. Con dùng tất cả pháp tam-muội Tu thân chỉ trong khoảng khắc một niệm, biết được sự hành hóa của Phật nhiều như số vi trần trong tất cả cõi Phật.

Thưa Đức Thế Tôn, con dùng pháp tam-muội Công đức đi đến các cõi Phật dùng những lời vi diệu vô thượng để tán thán từng vị Phật một.

Thưa Đức Thế Tôn, con dùng pháp tam-muội Bất tuần tâm cùng với cảnh giới là một, nên thấy nơi tất cả cõi Phật đều có vô lượng các Đức Phật. Thưa Thế Tôn, con dùng tam-muội Vô tránh, nên trong khoảng khắc một niệm, thấy được cõi Phật trang nghiêm trong quá khứ, tương lai và hiện tại của tất cả các cõi Phật.

Thưa Đức Thế Tôn, con dùng pháp tam-muội Thủ-lăng-nghiêm vào trong địa ngục, hóa làm thân của cõi ấy vì chúng sinh ở đấy mà thuyết pháp, đem đạo Bồ-đề khuyến hóa khiến họ phát tâm, đến lúc mạng chung được sinh làm người, được gặp chư Phật hiện trụ thế giảng nói chánh pháp, khiến cho chúng sinh ở đó theo Phật, lãnh hội Pháp, đạt được bậc Bất thoái chuyển. Con cũng lần lượt giáo hóa như thế đối với các hàng Súc sinh, Ngạ quỉ, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Rồng, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Trời và Người. Đối với các loài Tỳ-xá-xa-phú-đơn-na, Ca-trá-phú-đơn-na, hoặc như hạng Chiên-đà-la, buôn bán, dâm nữ con cũng hiện thân giáo hóa như vậy.

Thưa Đức Thế Tôn, như thế là tùy theo trú xứ của chúng sinh mà con hiện hình tướng như họ, thuận theo nhân duyên nơi hành nghiệp của những

chúng sinh đó để chịu khổ vui như họ, hoặc theo nghề nghiệp của họ, khéo dùng các phương tiện giảng nói để nhiếp phục sau đó mới giáo hóa họ theo Chánh pháp, đem đạo quả Chánh giác tối thượng khuyến hóa khiến họ an trụ nơi bậc Bất thoái chuyển Vô thượng Chánh biến tri.

Thưa Đức Thế Tôn, trong thời gian ấy, con thực hành hạnh Bồ-đề, làm thanh tịnh hơn mười ngàn cõi Phật, giáo hóa các chúng sinh trong đó tâm ý thanh tịnh diệt hết mọi độc hại của hành nghiệp phiền não, khiến không còn một chúng sinh nào bị chìm đắm nơi bốn thứ ma. Như vậy, con sẽ lập nên mười ngàn cõi Phật thanh tịnh như cõi Phật trang nghiêm nơi thế giới Cám hương vô trần của Đức Quang Minh Vô Trần Thượng Thân Hương Nguyệt Tự Tại Vương Như Lai. Con sẽ làm thanh tịnh cõi Phật của mình cùng quyến thuộc như sở nguyện của Đại Bồ-tát Sư Tử Hương.

Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được thành tựu thì xin khiến cho các nỗi khổ của tất cả chúng sinh trong mười ngàn cõi Phật được tiêu trừ, tâm ý nhu hòa, thuận hợp khiến cho mỗi người ở đó đều tự thấy được các Đức Phật trong bốn châu thiên hạ. Các chúng sinh ở đó tự nhiên có sẵn nơi tay mình các thứ vật báu, các thứ hoa hương, hương bột, hương xoa, các loại y phục, phòng ốc, cờ phướn, lọng báu tất cả đều đem để cúng dường chư Phật, nhân đấy đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Con dùng diệu lực của tam-muội Hiện trang nghiêm khiến cho mình tự thấy được chỗ ứng hiện theo sở nguyện khi vừa phát ra lời nguyện này.

Đức Phật khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, như ông tự làm thanh tịnh cõi Phật của mình và với hàng mười ngàn cõi Phật khắp chung quanh, giáo hóa hàng vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh khiến thân tâm họ đều được thanh tịnh, lại đem vô lượng a-tăng-kỳ vật dụng như vậy mà cúng dường vô lượng a-tăng-kỳ các Đức Phật Thế Tôn! Này thiện nam tử, vậy nên tự hiệu của ông là Phổ Hiền.

Này Đại sĩ Phổ Hiền, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến cuối hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ở phương Bắc, cách cõi Phật này sáu mươi hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới tên là Trí Thủy Tịnh Đức, này Đại sĩ Phổ Hiền, ông sẽ ở cõi ấy thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Kim Cang Trí Phật, gồm đầy đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật, Thế Tôn.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đại Bồ-tát Phổ Hiền gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Khởi lành, vui trí, tâm điều phục
Thệ với chúng sinh thiện vững bền
Độ chúng sinh qua dòng khổ buộc
Đuốc mầu trí tuệ Thiên Nhân Tôn.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 4

Phẩm 10: Mười Ngàn Người Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ trong chúng hội có mười ngàn người biếng trễ đồng thanh thưa:

– Thưa Đức Thế Tôn, chúng con muốn ở trong cõi Phật thanh tịnh thành Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đó là các thế giới do sự tu hành thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền, như thế chúng con cần thực hành sáu pháp Ba-la-mật nhờ hành hóa đầy đủ các pháp ấy nên mỗi người đều thành Chánh giác nơi các cõi Phật.

Thiện nam tử, Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho mười ngàn người ấy. Phật nói:

– Khi Bồ-tát Phổ Hiền thành Chánh giác thì các ông cũng ở khắp các thế giới kia cũng thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Trong số các ông có một ngàn người đồng hiệu là Trí Xí Chung Tự Tại Thanh Như Lai. Một ngàn người đồng hiệu là Nhiếp Tự Tại Sư Tử Âm Như Lai. Một ngàn người đồng hiệu là Vô Cấu Thanh Tự Tại Vương Như Lai. Lại có một ngàn người đồng hiệu là Trừ Khủng Úy Âm Tự Tại Vương Như Lai. Lại có một ngàn người đồng hiệu là Thiện Vô Cấu Thanh Quang Diệu Tự Tại Vương Như Lai. Lại có năm trăm người đồng hiệu là Nhật Minh Như Lai. Lại có năm trăm người đồng hiệu là Nhật Tạng Tự Tại Vương Như Lai. Lại có bảy người hiệu là Long Lôi Như Lai, tám người hiệu là Vô Úy Xưng Vương Vô Cấu Quang Như Lai, mười người hiệu là Vô Quang Âm Như Lai, mười một người hiệu là Xưng Tự Tại Thanh Khai Pháp Xưng Âm Như Lai, chín người hiệu là Đức Pháp Xưng Vương Như Lai, hai mươi người hiệu là Bất Khả Tư Nghị Ý Vương Như Lai, ba người hiệu là Bảo Tràng Nguyệt Tự Tại Chiếu Mâu-ni Trí Tự Tại Tường Vi Vô Vị Vương Bất Khả Tư Nghị Ý Trí Tạng Như Lai, mười lăm người hiệu là Trí Cao Tràng Như Lai, năm mươi người hiệu là Trí Hải Vương Như Lai, hai người hiệu là Đại Tinh Tấn Âm Tự Tại Vương Cao Đức Kiếp Như Lai,

tám mươi người hiệu là Trí Vô Trần Tật Như Lai, chín mươi người hiệu là Tự Tại Chủng Như Lai, một trăm người hiệu là Trí Thiện Vô Cấu Lôi Tự Tại Như Lai, tám mươi người hiệu là Phi Thực Đức Hải Vương Trí Tập Lực Vương Như Lai, bốn mươi người hiệu là Thắng Bồ-đề Tự Tại Vương Như Lai, Mâu-ni Tích Tật Hoa Như Lai, Tích Đức Trí Ý Như Lai, Kim Cang Sư Tử Giới Quang Âm Như Lai, Hiền Thượng Như Lai, Vô Lượng Quang Minh Như Lai, Tam Sư Tử Hỷ Như Lai, Vô Tận Trí Tích Bảo Quang Như Lai, Trí Vô Cấu Như Lai, Trí San Hô Như Lai, Nhị Sư Tử Xưng Như Lai, Thông Đức Vương Như Lai, Pháp Hoa Vũ Như Lai, Quang Dũng Cao Như Lai, Pháp Dũng Vương Vô Cấu Như Lai, Hương Tự Tại Như Lai, Vô Cấu Nhãn Như Lai, Đại Tích Như Lai, A-tăng-kỳ Lực Vương Như Lai, Tự Trí Phước Đức Lực Như Lai, Trí Y Như Lai, Tự Tại Như Lai, A-tăng-kỳ Nhiêu Ích Như Lai, Trí Tích Như Lai, Đại Cao Như Lai, Lực Tạng Như Lai, Đức Trầm Như Lai, Chi Hoa Tràng Như Lai, Chiếu Chúng Như Lai, Vô Si Đức Vương Như Lai, Kim Cang Thượng Như Lai, Pháp Thắng Như Lai, Thanh Đế Vương Như Lai, Tự Chấp Kim Cang Trì Bảo Như Lai, Tự Tại Dũng Tràng Chỉ Kiếp Như Lai, Lạc Vân Pháp Dụng Bà-la Vương Như Lai, Phổ Đức Hải Vương Như Lai, Trí Tích Như Lai, Trí Diễm Hoa Như Lai, Chúng Thế Chủ Tự Tại Như Lai, Ưu-đàm-bát Hoa Kim Tràng Như Lai, Pháp Tràng Lôi Vương Như Lai, Chiên-đàn Thiện An Ẩn Khởi Siêu Thế Như Lai, Tràng Tối Đăng Như Lai, Trí Khởi Siêu Như Lai, Kiên Tràng Diệt Như Lai, Pháp Xưng Như Lai, Hàng Ma Đức Diễm Như Lai, Xà-na-ba-la Sa-hầu Như Lai, Trí Đăng Như Lai, An Ẩn Vương Như Lai, Trí Âm Như Lai, Tràng Tập Như Lai, Kim Cang Như Lai, Kim Cang Diệu Như Lai, Trang Nghiêm Vương Như Lai, Xà-dạ Tăng Khí Như Lai, Thiện An Ý Như Lai, Nguyệt Vương Như Lai, Siêu Hống Vương Như Lai, Bà-la Vương Như Lai. Có tám mươi người hiệu là Sư Tử Bộ Như Lai, năm mươi người hiệu là Na-la-diên Thắng Tạng Như Lai, bảy mươi người hiệu là Bảo Tích Đức Như Lai, ba mươi người hiệu là Nguyệt Tạng Như Lai, hai mươi người hiệu là Tinh Tú Xưng Như Lai, ba mươi người hiệu là Đức Lực Bà-la Vương Như Lai, chín mươi người hiệu là Nhuyến Âm Như Lai, Phạm Thượng Kiên Cố Như Lai. Lại có mười người hiệu là Hương Hoa Thắng Xưng Vương Như Lai, bảy mươi người hiệu là Quang Minh Viên Nguyệt Chiếu Vương Như Lai, ba mươi người hiệu là Hương Hoa Thượng Như Lai, Vô Lượng Đức Hải Như Lai, Trí Thượng Như Lai, Diêm-phù Ảnh Như Lai, một trăm lẻ hai người hiệu là Đức Sơn Tràng Như Lai, Sư Tử Tối Như Lai, một trăm lẻ một người hiệu là Long Hống Hoa Diệu Vương Như Lai, Thiện Hương Chủng Vô Ngã Như Lai, Vô Lượng Đức Diệu Vương

Kiếp Như Lai. Lại có một ngàn người đồng hiệu là Xả Pháp Trí Long Vương Giải Thoát Giác Thế Hải Nhãn Chỉ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Các ông mỗi người ở mỗi cõi nước khác nhau nhưng trong một ngày, đồng lúc chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thọ mạng được mười tiểu kiếp, cũng đồng vào Vô thượng Niết-bàn trong cùng một ngày. Sau đó, Chánh pháp nơi các cõi Phật kia tồn tại bảy ngày rồi diệt.

Mười ngàn người ấy đều gieo năm vóc sát đất cung kính làm lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Các ông kiên định khác chi rồng
Nên dốc học hỏi tích chứa thiện
Lục độ gắng tu chớ biếng trễ
Xứng danh Đạo sư nơi trời, người.

Phẩm 11: Vị Vương Tử Thứ Chín Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ chín tên là A-di-cụ... *(nói lược như trên)*...

Vị Vương tử bạch Phật:

– Con sẽ thực hành hạnh Bồ-tát như vầy: Nguyện cho hằng hà sa số các Đức Phật Thế Tôn hiện còn trụ thế trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương chứng minh việc thực hành hạnh Bồ-tát của con. Thưa Đức Thế Tôn, như từ hôm nay đối trước Đức Phật phát tâm Bồ-đề đến khi chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, trong khoảng thời gian đó, con không hề hối hận về việc thực hành hạnh Bồ-đề của mình. Cho tới lúc thành Chánh giác, thệ nguyện luôn bền vững tu tập theo đúng như điều đã nói, không gây não hại cho kẻ khác, cũng khiến con chẳng sinh tâm tu theo hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm ý con chẳng sinh khởi ái dục cùng các thứ: ham ngủ nghỉ, ngạo mạn, khinh lộng, dối trá, não hại, nghi hoặc..., cũng chẳng sát sinh, trộm cắp, làm những việc phi phạm hạnh, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, vô minh, trạo cử, tà kiến, ganh ghét... không bao giờ có tâm bất kính với đạo pháp, cũng không có tâm xa lìa. Từ khi thực hành hạnh Bồ-tát cho đến lúc chứng đắc đạo quả Bồ-đề chớ khiến cho tâm con có những điều như thế. Con nguyện từ nay cho đến khi đạt đạo Bồ-đề, nhất cử nhất động luôn niệm Phật, luôn được gặp Phật, được nghe Pháp, được cúng dường Tăng. Tại các nơi chốn con sinh ra thường được xuất gia, thường chỉ có ba y, mặc y phấn tảo, thường ngồi nơi gốc cây ở chỗ thanh vắng tịch tĩnh, thường đi khất thực, ít ham muốn, biết

đủ, thường nói đạo pháp, không nói lời tham đắm, cấu nhiễm. Nguyện cho con đầy đủ vô lượng biện tài, không phạm các tội căn bản, không nói lời dối trá tạp loạn, không hủy báng kiến giải của kẻ khác. Khi vì nữ nhân thuyết pháp thường nghĩ đến pháp không, luôn tư duy về pháp không. Đối với nữ nhân, luôn thận trọng trong lời nói tiếng cười, vì người giảng nói pháp cũng không rời bỏ các uy nghi. Con thường đến với Bồ-tát Đại thừa, có tâm thờ kính như bậc thầy, luôn cúng dường. Nếu con theo người khác nghe đạo pháp thì luôn kính trọng họ như hàng sư trưởng. Con thường cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng, cúng dường, vâng lời như đối trước Đức Như Lai. Khi vì người bố thí, con không phân biệt nên hay không nên bố thí. Đối với pháp thí con không hề sinh lòng ganh ghét. Con đem cả tánh mệnh cứu độ kẻ bị tử tội, đem sự làm việc tinh tấn của mình và của cải để cứu giúp cho chúng sinh bị các ách nạn. Con không nói về chuyện phải, trái, hay, dở đối với người tại gia hay xuất gia. Con thường xem các việc lợi dưỡng, tiếng khen như là lửa cháy, như là độc hại, như là oán thù, lòng luôn xa lánh.

Thưa Đức Thế Tôn, nếu từ nay cho đến khi đạt được đạo quả Bồ-đề, mọi thệ nguyện con đã lập trước Đức Thế Tôn được thành tựu viên mãn thì khiến cho hai tay con tự nhiên có bánh xe báu, vành có ngàn nan hoa chiếu sáng rực rỡ.

Vương tử A-di-cụ vừa nói xong thì y như sở nguyện, bánh xe báu liền hiện ra nơi tay. Vương tử lại bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu từ nay cho đến khi chứng đắc đạo quả Bồ-đề, mọi ý nguyện đều thành tựu như vậy thì khiến cho bánh xe báu này bay đến giữa hư không nơi cõi Phật có đủ năm thứ ô trược xấu ác, phát ra âm thanh thật lớn như là tiếng của Long vương Nan-đà, Bạt-nan-đà. Ở tất cả cõi Phật đó bánh xe báu kia đều xướng lên lời này: "Bồ-tát thọ ký nhập vào Trí bất vọng niệm", "Pháp tạng tu không bất động ý giới". Tất cả chúng sinh sinh nơi cõi này đều được nghe Pháp tạng ấy, vừa nghe xong thì mọi thứ ái, dục, sân giận, ngu si chấp ngã, keo kiệt, ganh ghét thảy dứt trừ, khiến đạt được trí suy niệm về cảnh giới của Phật cùng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Này thiện nam tử, vương tử A-di-cụ đã sai hai bánh xe báu ấy quay thật nhanh, giống như thần thông của các Đức Phật Như Lai, cứ như thế bay đến vô lượng a-tăng-kỳ cõi với năm thứ ô trược xấu ác, không có Phật, trong khắp mười phương, vì các chúng sinh ở đấy xướng lên: "Bồ-tát thọ ký nhập vào Trí bất vọng niệm", diễn xướng Pháp tạng "Tu không bất động

ý giới". Tất cả chúng sinh ở đó nghe được âm thanh của pháp tạng này rồi thì tất cả mọi thứ ái dục... tâm ý ganh ghét đều tiêu diệt hết, lại đạt được trí nhớ nghĩ về cảnh giới Phật, cũng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, chỉ trong giây lát, hai bánh xe kia liền trở về lại ngay trước mặt vương tử.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai tán thán vương tử A-di-cụ:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, hạnh nguyện Bồ-tát của ông là rất tốt đẹp cao cả! Ông đã sai khiến hai bánh xe báu tự nhiên này bay đến trong các cõi đủ năm thứ ô trược xấu ác không có Phật kia, khiến cho hàng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh an trụ nơi tâm không ô trược, tâm không phiền não, khuyến hóa họ phát tâm Bồ-đề. Này thiện nam tử, vậy nên tự hiệu ông là Vô Não. Này Đại sĩ Vô Não, ông sẽ là bậc Thầy dẫn đường cho đời, có thể chọn lấy cõi Phật trang nghiêm theo ý nguyện của mình!

Vương tử A-di-cụ bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con xin nguyện mong đạt được cõi Phật như thế này: tất cả đất đai ở đấy đều là vàng ròng, bằng phẳng như bàn tay, có rất nhiều các báu vật của trời ở khắp cõi, không có sành sỏi, các thứ núi đất đá, đất đai tiếp xúc mềm mại như lụa Kiếp-ba chân giẫm xuống thì lún theo, chân đưa lên thì trở lại như cũ. Xin cho nơi thế gian đó không có các tên gọi về địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Cõi Phật của con không có các thứ cấu uế, đất nước luôn sực nức mùi hương kỳ diệu hơn cả cõi trời, khắp cõi Phật ấy đều có hoa Thiên mạn-đà-la. Xin cho chúng sinh ở đây không có già, bệnh, không sợ hãi nhau, không gây não loạn cho nhau, không có kẻ chết bất đắc, chết không hối hận, thường nhập tam-muội luôn nhớ nghĩ đến Phật mà mạng chung, sau khi qua đời không bị đọa vào đường ác, không sinh vào cõi có năm thứ xấu ác, cõi không có Phật, từ khi sinh ra cho đến lúc chứng đắc Bồ-đề vào Niết-bàn luôn gặp được Phật, thường được nghe pháp, luôn được cúng dường Tăng, mọi thứ ái dục, sân giận, ngu si đều được giảm thiểu. Chúng sinh ở thế giới đó tất cả đều tu mười nghiệp thiện, không có danh từ thọ giới và phạm giới sám hối, bất cứ loài ma ác nào cũng không thể sai khiến được. Chúng sinh nơi cõi Phật của con không có phân biệt sang hèn, không có các thứ hình dạng xấu xí, dứt mọi chấp trước về ngã và ngã sở. Khiến cho hàng Thanh văn, Bồ-tát ở đấy cho dù trong giấc mộng cũng không phạm lỗi bất tịnh. Tất cả chúng sinh nơi cõi này đều ưa thích giáo pháp, cầu học giáo pháp, nên ở đó hoàn toàn không có kẻ theo dị học, tà kiến, thân tâm của họ không hề mệt nhọc lười trễ, không có hoạn

nạn đói khát, mọi chúng sinh đều đạt được năm thần thông, ăn uống đều theo ý muốn, các thức ăn thượng vị có đầy nơi các vật đựng quý báu hiện ra trước mặt như ở các cõi trời thuộc Dục giới. Khiến cho chúng sinh nơi giới này thân tướng luôn thanh tịnh không cội thứ bài tiết xả uế. Ở đấy cũng không có nóng lạnh, nhưng luôn có gió thơm êm dịu thổi mát người, trời, tùy theo ý muốn, có người cầu gió mát mẻ, có người cầu gió ấm áp, có người cầu gió mang hương của hoa Ưu-bát-la, có người cầu gió thơm của cây Mật, có người cầu hương thơm của Hải thử ngạn, có người cầu hương thơm của Đà-già-la, có người cầu hương thơm trầm thủy, có người cầu tất cả các thứ gió thơm... tùy theo tâm niệm nơi người mong cầu thảy đều đạt được khác hẳn với thế giới có năm thứ ô trược xấu ác. Xin cho nơi cõi nước ấy có đài làm bằng bảy báu, trong đài đó có tòa ngồi cũng bằng bảy báu với đủ các thứ chăn nệm gối chạm vào mềm mại như lụa Kiếp-ba. Vì là chỗ ở của người nên chung quanh bảo đài có ao với nước đủ tám thứ công đức luôn đầy tràn, chúng sinh dùng nước đó trong mọi sinh hoạt. Hàng hàng cây Tu-mạn-na thẳng tắp trang nghiêm với vô số những trái, hương, những thứ y phục, lọng báu, chuỗi anh lạc... đủ các thứ tốt đẹp để trang nghiêm cho cây, tùy ý của chúng sinh ưa thích loại y phục nào thì cứ đến nơi cây Như ý lấy mà dùng, cứ như thế, từ hoa cho đến các đồ trang sức cũng tùy ý sử dụng. Cây Bồ-đề do bảy báu tạo thành nơi thế giới của con, cao một ngàn do-tuần, thân lớn một do-tuần, cành lá tỏa rộng một ngàn do-tuần. Gió nhẹ thổi đến khiến cành lá va chạm vào nhau phát ra âm thanh êm dịu hơn hẳn các thứ âm thanh bậc nhất nơi cõi Trời. Đó là âm thanh nói về Ba-la-mật, Thần thông, năm Căn, ngũ Lực, bảy Giác đạo, chúng sinh ở đây nghe được âm thanh này, thì tâm xa lìa mọi nẻo ái dục. Nơi cõi Phật này người nữ thành tựu đầy đủ các công đức như Thiên nữ nơi cõi trời Đâu-suất, lại không có các thứ xú uế, không nói lời hai lưỡi, keo kiệt, ganh ghét, nam nữ ở thế giới ấy không có sự giao tiếp, ân ái. Người nam khi phát sinh tâm dục, đến nhìn người nữ thì chỉ trong giây lát, tâm dục liền diệt, cảm thấy xấu hổ nên bỏ đi, khiến đạt được tam-muội Tịnh vô trần, nhờ diệu lực nơi Tam-muội này nên họ thường lìa xa các nơi của ma quân, không còn phát sinh tâm dục nữa. Người nữ cũng vậy. Khi thấy người nam mà có tâm dục thì liền có thai, sau đấy là tâm dục dứt hết, thai nhi nam hay nữ thân tâm luôn được an vui như chư Thiên nơi cõi trời Đao-lợi, thai nhi nam hay nữ ở cõi Phật của con luôn được niềm an lạc như thế trong bảy ngày bảy đêm. Người nữ mang thai cũng có được niềm vui như các Tỳ-kheo an trụ nơi Đệ nhị thiền, thai nhi nam hay nữ ở trong thai đều không bị các thứ cấu uế bất tịnh. Đến rạng sáng ngày thứ bảy, theo mùi thơm sực nức, hài nhi được

sinh ra đời hoàn toàn an lành, người nữ khi sinh cũng không có các nỗi thống khổ nhọc nhằn, cả mẹ con đều vào trong ao tắm gội. Các người nữ này, tâm ý liền xa lìa ái dục, đạt được tam-muội Tịnh vô trần, nhờ diệu lực của Tam-muội ấy nên luôn xa lìa các thứ ma chướng, thường nhập tam-muội. Do nhân duyên từ trước đã tạo hành nghiệp do đó trong nhiều ức kiếp phải mang thân nữ, nay nhờ pháp Tam-muội này nên được lìa bỏ thân nữ, từ đây cho đến khi chứng đắc Bồ-đề vào Niết-bàn không còn phải chịu thân nữ nữa. Lại có những chúng sinh đã tạo tác hành nghiệp nên trải qua vô số kiếp thường theo nẻo thai sinh thọ bao khổ não nguyện khi con chứng đắc đạo quả Bồ-đề, các chúng sinh ấy được nghe danh hiệu con thì tâm sinh vui mừng, đến khi mạng chung liền sinh về cõi nước của con, mọi hành nghiệp đã tạo ra theo nẻo thai sinh đều trừ diệt hết, từ nay cho đến khi chứng đắc đạo Bồ-đề, không còn phải chịu kiếp thai sinh nữa. Những chúng sinh thiện căn đã thành thục thì được hóa sinh trong hoa, chúng sinh nào còn ít phước đức, chưa gieo trồng căn lành thì cho họ theo nẻo thai sinh để trừ hết hành nghiệp, kể cả những người nữ thì cũng vậy, sau đấy mới được dứt hẳn việc sinh bằng thai. Tất cả chúng sinh nơi thế giới của con đều nhận được mọi sự an lạc vi diệu sung mãn. Gió nhẹ thổi từ nơi cây Tu-mạn-na-đa-la-ba-đế phát ra các thứ âm thanh: âm thanh nói về khổ, không, vô thường, vô ngã, người nghe các âm thanh ấy liền được tam-muội Chiếu minh, nhờ diệu lực của Tam-muội nên các chúng sinh ở đấy hiểu rõ về diệu lý Không sâu xa. Trong cõi Phật đó cũng không hề phát ra âm thanh ưa thích ái dục.

Thưa Đức Thế Tôn, con an tọa bên gốc cây Bồ-đề, nguyện trong khoảnh khắc chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đạt được đạo quả Bồ-đề rồi, xin nguyện cho cõi Phật của con không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, cũng không có đêm tối, chỉ lấy hoa khép, hoa nở để làm ngày đêm. Con sẽ phóng ra ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên cõi Phật, không đâu là không rọi đến, do có ánh sáng chiếu soi ấy nên mọi chúng sinh ở đó đều được Thiên nhãn, nhờ Thiên nhãn nên thấy được chư Phật Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khắc khắp mười phương. Khi đắc đạo Bồ-đề, con sẽ thuyết pháp khiến cho pháp âm ấy biến hiện khắp ba ngàn cõi Phật, chúng sinh nào được nghe liền phát sinh tâm niệm Phật, tùy theo tư thế đang ở, hoặc đi kinh hành, tới, lui, ngồi, nằm xoay trở… tất cả chúng sinh ấy đều được thấy con, có chỗ nào còn ngờ vực trong giáo pháp thì vừa thấy con là mọi nghi hoặc kia liền hết.

Khi con thành Chánh giác nơi mười phương vô lượng a-tăng-kỳ cõi

Phật, các chúng sinh hoặc cầu Thanh văn thừa, hoặc cầu Đại thừa, theo con để lãnh hội giáo pháp thì khiến họ đều đạt được các pháp Tam-muội, Nhẫn nhục, Đà-la-ni thâm diệu, an trụ nơi bậc Bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng, khiến cho Tăng chúng Thanh văn của con nhiều vô số vô lượng, không thể tính kể được, ngoại trừ Đức Như Lai.

Lúc con chứng đắc đạo quả Bồ-đề, bất cứ nơi nào con đến hành hóa, những chỗ con bước chân qua đều mọc lên hoa sen ngàn cánh, sắc vàng ròng, con sẽ khiến hoa ấy đi đến các cõi không có Phật, hoa kia đến nơi liền xưng tán danh hiệu con, chúng sinh ở những cõi ấy nghe danh xưng của con liền phát sinh niềm hỷ lạc, bèn đem hết mọi thiện căn có để hồi hướng nguyện sinh về cõi nước của con thì đến khi mạng chung họ đều được vãng sinh về đó. Nguyện cho Tăng chúng Thanh văn của con không có Sa-môn cấu nhiễm, không có lời nịnh hót gian dối, cho tất cả chúng sinh cũng đều như vậy. Xin nguyện cho quyến thuộc của con luôn quý trọng đạo pháp, không tham của cải, không coi trọng vinh hoa lợi dưỡng, ưa đạo lý vô thường, khổ, không, vô ngã, tinh tấn dốc tu, kính Phật, ưa Pháp, trọng Tăng, các hàng Bồ-tát bất thoái được hội nhập chốn tâm không, tùy nơi hành hóa thường thuyết giảng pháp Bát-nhã ba-la-mật, cho đến khi chứng đắc đạo quả Bồ-đề không hề quên mất pháp ấy. Khi con thành Bậc Chánh Giác, xin cho con trụ thế được mười ngàn đại kiếp, sau khi con vào Niết-bàn thì Chánh pháp trụ thế được một ngàn kiếp.

Đức Phật khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Ông đã phát nguyện và nhận lấy cõi Phật thanh tịnh. Này Đại sĩ A-súc, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ở phương Đông cách đây một ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Lạc hỷ, thành tựu đủ mọi trang nghiêm đúng như sở nguyện của ông, ở cõi ấy, ông sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, danh hiệu là A-súc gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng cúng cho đến Phật Thế Tôn.

Bồ-tát A-súc bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con thanh tựu viên mãn như vậy, thì ở trong tất cả thế giới, chúng sinh thuộc ấm, giới, nhập, đều trở thành loại hữu hình, các loại chúng sinh ấy, tất cả đều có tâm từ bi, tâm không oán giận, tâm không uế trược, thân ý luôn được an vui giống như hàng Bồ-tát Thập trụ địa an tọa nơi hoa sen nhập tam-muội, thân tâm thanh tịnh, an lạc, các chúng sinh kia tâm ý an lạc cũng như vậy. Nếu quả như thế thì con gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai thì khiến cho

mặt đất đều trở nên màu vàng ròng.

Này thiện nam tử, khi Bồ-tát A-súc gieo năm vóc sát đất làm lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, tức thì tất cả chúng sinh đều có được sự an lạc vi diệu và đúng như sở nguyện của Bồ-tát, tất cả mặt đất đều trở nên màu vàng ròng. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Động tĩnh diệu âm, tâm dứt não
Bánh xe mầu nhiệm nơi tay ông
Chúng sinh nhiều ức, tâm Từ khởi
Là Bậc Thế Tôn ý thanh tịnh.

Phẩm 12: Các Vương Tử Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế nói với vị Vương tử thứ mười tên là Ni-ma-ni... *(lược bớt)* Vương tử Ni-ma-ni lập thệ nguyện cũng như Vương tử A-súc:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được thành tựu viên mãn như thế, thì khiến cho tất cả chúng sinh đều có được tâm niệm Phật, nơi tay họ cùng có sẵn hương liệu Hải ngạn chiên-đàn, họ đều đem tất cả các thứ hương thượng diệu ấy cúng dường Phật.

Đức Phật nói:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, sở nguyện của ông thật vô cùng vi diệu. Ông đã có thể khiến cho trong tay của tất cả chúng sinh đều có thứ diệu hương Hải ngạn chiên-đàn, lại phát tâm niệm Phật. Này thiện nam tử, vậy nên tự danh của ông là Hương Thủ.

Này Đại sĩ Hương Thủ, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, đến phần còn lại của hằng hà sa số kiếp thứ hai, khi đức A-súc Như Lai vào Niết-bàn, chánh pháp của Ngài đã diệt, khoảng sau bảy ngày, này Đại sĩ Hương Thủ, nơi thế giới đó ông sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng hiệu là Kim Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... Phật Thế Tôn.

Bồ-tát Hương Thủ bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được viên mãn như thế thì khi con gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn sẽ khiến cho trong toàn bộ khu vườn này hoa Chiêm-bặc mưa xuống khắp nơi.

Này thiện nam tử, bấy giờ khi Bồ-tát Hương Thủ gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai tức thì khắp trong khu vườn

ấy mưa xuống vô số hoa Chiêm-bặc. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Đây nức hương diệu ý thiện đức
Khắp vườn tuôn mưa hoa Chiêm-bặc
Đạo mầu thanh tịnh ông hiển bày
Độ muôn loài đạt đến bờ giác.

Này thiện nam tử, lúc này Bà-la-môn Hải Tế nói với Vương tử thứ mười một tên là Sư Tử… *(nói lược)*… Vương tử liền dùng thứ cờ báu dâng lên Đức Bảo Tạng Như Lai và nêu bày sở nguyện cũng như Bồ-tát Hương Thủ không khác, Bảo Tạng Như Lai nói:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, với sở nguyện như thế nên tự danh của ông là Bảo Thắng. Vào đời vị lai qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, Đức Kim Hoa Như Lai đã vào Niết-bàn, Chánh pháp của Ngài đã diệt, sau đó trọn ba kiếp, thế giới An lạc sẽ có tên là Diêu lạc, ông sẽ ở nơi cõi ấy thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng hiệu là Tự Tại Long Lôi Âm Như Lai… Phật, Thế Tôn, cõi nước ấy trang nghiêm như thế giới của Phật A-súc không khác.

Bồ-tát Bảo Thắng bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được viên mãn như thế thì khi con đảnh lễ nơi chân Đức Phật, xin cho tất cả chúng sinh có được tâm viên như tâm của Bồ-tát an trụ nơi pháp tam-muội Bình đẳng từ bi, tất cả chúng sinh đều được lợi ích phát tâm cầu đạo Bồ-đề đều không thoái chuyển nơi đạo quả ấy.

Này thiện nam tử, lúc Bồ-tát Bảo Thắng gieo năm vóc sát đất cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai thì tất cả chúng sinh đều có được tâm niệm như vậy, gọi là các chúng sinh được an trụ nơi tâm Từ bi. Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai bảo Bồ-tát Bảo Thắng:

Đại trượng phu tâm thiện dũng mãnh
Hay vì chúng sinh vững thệ nguyện
An lập bao người tâm thanh tịnh
Là Bậc Thế Tôn cõi trời, người.

… *(nói lược)*… Năm trăm vị vương tử như Ma-xà-bà… đều lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm giống như Bồ-tát Hư Không Ấn đã lập nguyện chọn lấy cõi Phật thanh tịnh. Đức Bảo Tạng Như Lai đều thọ ký đạo quả Bồ-đề tối thượng cho họ và nói:

– Các ông sẽ cùng một lúc, ở các thế giới khác nhau chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại có bốn trăm vị vương tử cũng lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm như Bồ-tát Đoạn Kim Cang Tuệ Chiếu Minh đã lập nguyện. Đức Bảo Tạng Như Lai cũng đều thọ ký cho họ thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng mỗi vị đều ở nơi thế giới khác nhau. Lại có tám mươi chín vị vương tử lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm như Bồ-tát Phổ Hiền. Lại có tám vạn bốn ngàn vị Tiểu quốc vương đều lập nguyện chọn lấy cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm. Đức Bảo Tạng Như Lai thảy đều thọ ký cho họ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, mỗi vị đều ở mỗi thế giới khác nhau nhưng đều chứng đắc đạo quả Bồ-đề. Chín mươi hai ức chúng sinh cũng thế, họ đều lập nguyện chọn cõi tịnh để tu. Đức Bảo Tạng Như Lai cũng đều thọ ký cho họ đạo quả Giác ngộ Tối thượng và nói:

– Các vị cùng trong một lúc, ở mỗi thế giới khác nhau, sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

□

Phẩm 13: Tám Mươi Người Con Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, Bà-la-môn Hải Tế có tám mươi người con, đều là em của Đức Bảo Tạng Như Lai. Người thứ nhất tên là Hải Tự Tại Đồng Chân. Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế bảo Hải Tự Tại:

– Này Đồng Chân, nay con nên chọn lấy cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm!

Hải Tự Tại nói:

– Thưa Đại sư, ngài nên phát ra tiếng rống của Sư tử trước!

Đại Sư bảo:

– Thệ nguyện của ta sẽ được bày tỏ sau cùng.

Hải Tự Tại liền bạch:

– Con nên chọn cõi thanh tịnh hay cõi bất tịnh?

Đại sư bảo:

– Nếu Bồ-tát có đủ đức đại bi mới chọn lấy cõi bất tịnh để hóa độ các chúng sinh tâm ý cấu uế, tà kiến. Này Đồng Chân, con nên tự biết phải chọn cõi nào!

Này thiện nam tử, khi ấy Đồng Chân Hải Tự Tại đến trước Đức Bảo Tạng Như Lai, bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con dốc cầu đạo quả Giác ngộ Tối thượng, xin được chứng đắc đạo quả Bồ-đề vi diệu trong cõi loài người thọ mạng là tám

vạn năm như thế giới của Đức Thế Tôn hiện nay. Con nguyện xin cho chúng sinh nơi thế giới của con ít tham dục, sân giận, ngu si, sợ hãi, nhàm chán… nơi sinh tử do thân phải chịu bao khổ nạn, khiến họ đến chỗ con xin xuất gia học đạo, con sẽ vì họ thuyết giảng giáo pháp Ba thừa. Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được thành tựu viên mãn như vậy thì kính xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con đạo quả Bồ-đề tối thượng.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, thuộc kiếp Tán hoa bốn châu thiên hạ của cõi Phật này tên là Diệu thắng, ông sẽ ở trong thế giới loài người sống lâu tám vạn năm chứng đắc đạo quả Bồ-đề, hiệu là Bảo Tích Như Lai... Phật Thế Tôn.

Hải Tự Tại bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được viên mãn như thế thì xin cho khắp khu vườn này trời mưa xuống toàn châu ngọc màu đỏ, tất cả nơi các cây đều phát ra năm thứ âm nhạc vi diệu.

Này thiện nam tử, khi Đồng Chân Hải Tự Tại năm vóc gieo xuống đất đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai thì khắp khu vườn mưa xuống vô số châu ngọc đỏ, tất cả cây đều phát ra năm thứ âm nhạc. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Trí tuệ vô tận, uy lực lớn
Lòng từ thương xót khắp người trời
Sở cầu viên mãn chúng sinh tịnh
Thành Phật dốc hóa độ quần mê.

Người con thứ hai của Bà-la-môn Hải Tế tên là Thành Tựu, thưa với Phật:

– Con cũng xin lập thệ nguyện như anh Hải Tự Tại... *(nói lược).*

Đức Phật Bảo Tạng nói:

– Này Đồng Chân, ông cũng ở vào kiếp Tán hoa, cõi Phật nơi bốn châu thiên hạ là Diệu thắng, trong thế giới loài người thọ mạng là tám vạn tuổi, sẽ thành Phật hiệu là Chiếu Minh Hoa Như Lai... Phật Thế Tôn.

Đức Phật bảo người con thứ ba của Bà-la-môn Hải Tế:

– Ông ở vào thế giới loài người thọ mạng là hai ngàn tuổi, sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề, hiệu là Nguyệt Trì Vương Như Lai... Phật Thế Tôn.

…Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho các người còn lại đều thành tựu đạo quả Bồ-đề, hiệu là: Tu-ma-na Như Lai, Sơn Vương Như Lai, Chế Nhãn

Như Lai, Phạm Thượng Như Lai, Diêm-phù Ảnh Như Lai, Mãn Như Lai, Cao Như Lai, Bảo Sơn Như Lai, Hải Tạng Như Lai, Na-la-diên Như Lai, Thi-xu-na Mâu-ni Như Lai, Mâu-ni Chủ Như Lai, Kiều-trần-như Như Lai, Sư Tử Bộ Như Lai, Trí Tràng Như Lai, Phật Thanh Như Lai, Tối Thắng Như Lai, Khai Hóa Như Lai, Nhiêu Ích Như Lai, Tuệ Minh Như Lai, Đế Chủ Như Lai, Tịch Tuệ Như La, Tác Hỷ Như Lai, Vô Nộ Vương Như Lai, Kim Ngân Như Lai, Ma-ê-đỗ Như Lai, Nhật Hỷ Như Lai, Bảo Phát Như Lai, Thiện Minh Như Lai, Bối-ma Như Lai, Thiện Hỷ Như Lai, Phạm Chinh Như Lai, Hống Như Lai, Pháp Nguyệt Như Lai, Hiện Nghị Như Lai, Xưng Hỷ Như Lai, Xưng Thượng Như Lai, Đoan Chính Hương Như Lai, Tứ Diệu Căn Như Lai, Tu-ni-xà-đỗ Như Lai, Thích Nhiễu Như Lai, Thiện Ý Như Lai, Diệu Thừa Tuệ Như Lai, Kim Tràng Như Lai, Thiện Mục Như Lai, Thiên Tịnh Như Lai, Tịnh Đạo Như Lai, Thiện Hiện Như Lai, Thừa Tràng Như Lai, Tỳ-lâu-ba-xoa Như Lai, Phạm Âm Như Lai, Đức Tụ Như Lai, Đức Vô Trần Như Lai, Ma-ni Quang Như Lai, Diễm Khí Như Lai, Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Âm Tự Tại Như Lai, Nhĩ Thành Như Lai, Tối Tôn Như Lai, Hoa Thành Như Lai, Đẳng Hoa Như Lai, Vô Não Như Lai, Nhật Tạng Như Lai, Lạc Tự Tại Như Lai, Nguyệt Như Lai, Long Xỉ Như Lai, Kim Cang Chiếu Như Lai, Xưng Vương Như Lai, Thường Quang Như Lai, Thắng Quang Như Lai, Tát-nê-trữ Như Lai, Trí Thành Như Lai, Hương Tự Tại Như Lai, Bà-la Chủ Như Lai, Na-la-diên Tạng Như Lai, Nguyệt Tạng Như Lai.

Này thiện nam tử, người con út của Đại sư Hải Tế tên là Vô Khủng Úy, bạch với Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, Ngài đã thọ ký cho bảy mươi chín Đồng chân vào kiếp Tán hoa thành tựu đạo quả Giác ngộ Tối thượng. Thưa Đức Thế Tôn, con sẽ phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác đến hết kiếp Tán hoa, xin cho con được chứng đắc đạo quả sau cùng, lúc ấy thì thọ mạng của con bằng thọ mạng của bảy mươi chín vị Phật cộng lại, thệ nguyện độ chúng sinh cũng như họ. Các vị Phật kia dùng giáo pháp Ba thừa để hóa độ chúng sinh thì con cũng thuyết giảng giáo pháp Ba thừa. Khi con thành Phật có vô số chúng Thanh văn cũng bằng số chúng Thanh văn nơi các vị kia hiện có. Bảy mươi chín vị Phật kia ra đời ở kiếp Tán hoa hóa độ chúng sinh được làm thân người, khi nửa kiếp đầu đã hết, con đắc đạo quả Giác ngộ Tối thượng, con sẽ khiến cho tất cả chúng sinh ấy an trụ nơi Ba thừa. Thưa Đức Thế Tôn, nếu như sở nguyện của con được thành tựu như vậy thì mong Đức Phật, thọ ký cho con đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai khen Vô Khủng Úy:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử, ông đã có thể vì vô số chúng sinh phát tâm đại từ bi đem lại lợi ích cho họ. Vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, khi kiếp Tán hoa đã hết một nửa, ông sẽ thành tựu đạo quả Giác ngộ Tối thượng sau cùng, hiệu là Vô Thượng Dũng Vương Như Lai... Phật Thế Tôn. Như vậy, bảy mươi chín vị Phật kia trụ thế cộng lại được nửa kiếp, riêng một mình ông sẽ trụ thế một nửa kiếp, đồng thời mọi sở nguyện của ông đều sẽ thành tựu.

Vô Khủng Úy bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu như ý nguyện của con được viên mãn như vậy thì khi con gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, xin khiến cho trời mưa hoa sen xanh rất thơm, vô cùng vi diệu khắp trên cõi Phật này. Những chúng sinh ngửi được mùi hương ấy thì bốn đại điều hòa, các bệnh đều giảm hết.

Này thiện nam tử, khi Đồng chân Vô Khủng Úy gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai thì khắp cả cõi Phật trời mưa xuống vô số hoa sen xanh vi diệu, chúng sinh ngửi được mùi hương ấy, tứ đại được điều hòa, tất cả các bệnh đều khỏi. Đức Bảo Tạng Như Lai nói kệ:

Tu đại bi tâm khéo điều phục
Chư Phật Thế Tôn đều quý kính
Mọi thứ phiền não thảy đoạn trừ
Tất đạt được kho tàng trí tuệ.

Phẩm 14: Ba Ức Thiếu Đồng Tử Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, ba ức đệ tử của Bà-la-môn Hải Tế, như đã nói, họ ngồi nơi cửa vườn, khi có người đi vào thì họ đem ba quy y khuyến hóa khiến cho những chúng sinh kia phát tâm Bồ-đề. Bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế bảo các đệ tử:

– Này các đồng tử, các con nên phát tâm Bồ-đề Vô thượng, tùy theo chỗ mong cầu mà chọn lấy cõi Phật, trước Đức Như Lai các con thành tâm bày tỏ lời thệ nguyện.

Trong số này có một đồng tử tên là Nguyệt Nhẫn, bạch với Thầy:

– Đạo quả giác ngộ ấy như thế nào? Nên tích chứa đức gì? Nên tu tập những hạnh gì? Nên có những suy niệm gì để đạt được đạo quả Bồ-đề?

Đại sư nói:

– Này Đồng tử, Bồ-tát phải hội đủ bốn Vô lượng tạng mới đạt được đạo Bồ-đề. Những gì là bốn? Đó là đủ Phước tạng vô tận, đủ Trí tạng vô tận, đủ Tuệ tạng vô tận, đủ tất cả Phật pháp tạng vô tận. Đó gọi là đầy đủ bốn Vô tận tạng. Thiện nam tử, Như Lai nói về đạo Bồ-đề như là pháp môn tích tập chung các công đức thanh tịnh để vượt khỏi sinh tử. Bồ-tát đầy đủ hạnh Bố thí là để hóa độ chúng sinh. Bồ-tát đầy đủ Trì giới là nhằm thành tựu mọi nguyện lực. Bồ-tát đầy đủ nhẫn nhục là để đạt được tướng hảo trọn vẹn. Bồ-tát đầy đủ Tinh tấn là để hoàn thành các sự việc. Bồ-tát đầy đủ Thiền định để điều phục tâm ý. Bồ-tát đầy đủ Trí tuệ là để diệt hết mọi phiền não trói buộc. Bồ-tát đầy đủ Đa văn vì để đạt vô số biện tài. Bồ-tát đầy đủ Công đức là nhằm đem lại ích lợi cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát đầy đủ Trí vì để có được vô lượng trí tuệ vô ngại. Bồ-tát đầy đủ pháp Chỉ là để thuận theo tâm thiện tạo tác. Bồ-tát đầy đủ pháp Quán là nhằm dứt trừ mọi nghi hoặc. Bồ-tát đầy đủ tâm Từ là nhằm đạt tâm vô ngại. Bồ-tát đầy đủ tâm Bi là vì hóa độ chúng sinh không biết mệt mỏi, nhàm chán. Bồ-tát đầy đủ tâm Hỷ vì luôn ưa thích theo đạo pháp. Bồ-tát đầy đủ tâm Xả vì đã dứt trừ được mọi nẻo yêu ghét. Bồ-tát đầy đủ Sự lãnh hội pháp vì đã diệt trừ được mọi chướng ngại. Bồ-tát đầy đủ Pháp xuất thế vì đã lìa bỏ được tất cả các pháp hữu vi. Bồ-tát đầy đủ Trụ xứ tịch tĩnh vì nhằm diệt hết nghiệp bất thiện, tu tập làm tăng trưởng nghiệp thiện. Bồ-tát đầy đủ Niệm vì đã đạt được sự hộ trì. Bồ-tát đầy đủ Ý chí vì dốc đạt được sự hiểu biết sâu rộng. Bồ-tát đầy đủ Chí nguyện dũng mãnh vì đã tỏ ngộ được diệu nghĩa nơi pháp. Bồ-tát đầy đủ Niệm xứ vì đã quán về thân thọ, tâm, pháp. Bồ-tát đầy đủ Chánh xả vì đã dứt bỏ các pháp bất thiện, tu tập viên mãn tất cả các pháp thiện. Bồ-tát đầy đủ Thần thông vì thân tâm luôn được nhẹ nhàng. Bồ-tát đầy đủ Căn vì luôn thu nhiếp trọn vẹn các căn. Bồ-tát đầy đủ Lực vì đã diệt trừ được tất cả các thứ phiền não. Bồ-tát đầy đủ Giác phần vì đã biết rõ về thật tướng của các pháp. Bồ-tát đầy đủ Sáu pháp hòa kính là để ứng hợp trong việc hóa độ chúng sinh khiến tâm được thanh tịnh.

Này Đồng tử, đấy gọi là Pháp môn gồm đủ đức thanh tịnh để vượt khỏi sinh tử.

Nguyệt Nhẫn đồng tử bạch với thầy:

– Con nghe Đức Thế Tôn dạy, bố thí thì được phú quý lớn, quyến thuộc đông đúc. Trì giới thì được sinh lên cõi trời Đa văn thì được trí tuệ lớn. Đức Thế Tôn cũng dạy tu tập phước đức thanh tịnh là nhằm vượt qua sinh tử.

Đại sư dạy:

– Này Đồng tử, có người ưa bố thí cầu phước trong vòng sinh tử thì như con đã nói. Này Đồng tử, nếu hàng thiện nam, tín nữ tin nơi đạo Bồ-đề để bố thí vì nhằm điều phục tâm ý. Trì giới là nhằm giữ tâm tịch diệt. Cầu đa văn là nhằm dứt trừ tâm uế trước. Tu tập từ bi là nhằm làm tăng trưởng tâm đại bi. Còn các pháp khác thì dùng trí tuệ theo phương tiện tích tập đầy đủ để hành trì. Này Đồng tử, đây là sự tập hợp đầy đủ về đạo Bồ-đề. Đức như thế, tu như thế, niệm như thế thì mới đạt được đạo quả Bồ-đề. Đạo Bồ-đề phải tu tập hành trì như thế mới thành tựu. Này các Đồng tử, nên dốc cầu đạo Bồ-đề. Đạo Bồ-đề thanh tịnh, các con nên chí tâm lập nguyện tất sẽ đạt được viên mãn. Đạo Bồ-đề thanh tịnh có thể khiến cho tâm ý thanh tịnh. Đạo Bồ-đề là chánh đạo, không dối nịnh, trừ diệt hết mọi thứ trói buộc. Này các Đồng tử, đạo Bồ-đề là an ổn có thể dẫn đến cảnh giới Niết-bàn vô thượng. Vậy nên các con hôm nay nên theo ý mình lập nguyện, chọn lấy cõi Phật trang nghiêm, thanh tịnh hay không thanh tịnh!

Này thiện nam tử, bấy giờ đồng tử Nguyệt Nhẫn đến trước Đức Như Lai Bảo Tạng, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con nay cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nếu các chúng sinh nơi cõi Phật uế trược này ít tham dục, sân giận, ngu si, không quên mất, tâm không cấu nhiễm, tâm không oán hận, tâm không keo kiệt, ganh ghét, tâm không theo nẻo tà kiến trụ nơi chánh biến, xa lìa tâm bất thiện, thường cầu tâm thiện, tâm không theo ba đường ác, cầu tâm nơi cõi người, trời, tâm tích tập căn lành trong ba nẻo phước địa, cầu tâm nơi Ba thừa... thì bấy giờ con sẽ ở nơi thế giới ấy thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được viên mãn như thế thì khiến cho nơi hai tay con tự nhiên có voi quý, mạnh mẽ.

Vừa phát nguyện xong, nhờ thần lực của Đức Phật, nên trong hai tay của đồng tử ấy tự nhiên có voi quý hiện ra thân toàn màu trắng, bảy chi đầy đủ. Nhìn thấy sự việc như vậy xong và bảo chúng:

– Voi quý này! Hai ngươi hãy bay lên hư không, đi khắp cõi này làm mưa xuống nước đủ tám thứ công đức vi diệu, tỏa hương thơm lừng để thức tỉnh tất cả chúng sinh nơi cõi Phật, khiến cho những giọt mưa ấy khi chạm vào thân họ, hoặc ai ngửi được mùi thơm kia thì khiến diệt trừ sạch năm thứ ngăn che là tham ái, giận dữ, ham ngủ nghỉ, dao động xuất và nghi ngờ.

Đồng tử vừa nói xong, tức thì hai con voi quý kia liền bay vút lên hư không như đại lực sĩ phóng mũi tên cực nhanh. Hai con voi quý kia làm

theo sự việc như đã nói, xong thì trở về trước mặt đồng tử Nguyệt Nhẫn.

Này thiện nam tử, lúc ấy đồng tử Nguyệt Nhẫn vô cùng vui mừng. Đức Bảo Tạng Như Lai bảo đồng tử Nguyệt Nhẫn:

– Này thiện nam tử, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến đầu hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, trong kiếp Chiếu Minh, ở cõi Phật tên là Minh Tập, đồng tử sẽ thành Phật nơi bốn châu thiên hạ ấy, danh hiệu là Bảo Cái Dũng Quang Như Lai... Phật Thế Tôn.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Nguyệt Nhẫn gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai. Đức Bảo Tạng nói kệ:

Tâm thanh tịnh dứt mọi trần cấu
Đã thọ ký vô số chúng sinh
Đạo Bồ-đề tối thượng, vi diệu
Sẽ dẫn đường cho khắp muôn loài.

...(nói lược) Ngoại trừ một ngàn người, số đồng tử còn lại trong ba ức kia đều ở cõi Phật này lập thệ nguyện chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đức Bảo Tạng Như Lai đều thọ ký cho họ. Những vị cuối cùng trong số này có danh hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Thi-khí Như Lai, Tỳ-thi-la-phi Như Lai. Đó là việc thọ ký cho các đồng tử.

Phẩm 15: Một Ngàn Đồng Tử Được Thọ Ký

Một ngàn đồng tử này đều thông thạo bốn bộ Tỳ-đà, người lớn hơn hết được tất cả tôn kính như bậc thầy tên là Phi-do-tỳ-sư-nữu. Phi-do-tỳ-sư-nữu bạch Phật:

– Con muốn ở nơi cõi Phật có đủ năm thứ ô trược kia chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì những chúng sinh còn rất nặng nề, hết sức sâu nặng như tham dục, sân giận, ngu si, nhiều phiền não… mà thuyết giảng đạo pháp cho họ.

Đồng tử Nguyệt Man, một trong số một ngàn đồng tử ấy bạch với Đại sư Hải Tế:

– Tôn giả Phi-do-tỳ-sư-nữu ấy do thấy rõ được những sự việc gì nên mới lập nguyện ở cõi Phật có đủ năm thứ uế trược mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề?

Đại sư bảo:

– Này Đồng tử, Bồ-tát có đủ tâm đại bi thì mới ở nơi cõi Phật có đủ năm thứ uế trược mà thành tựu đạo quả Bồ-đề. Vì chúng sinh ở đấy không

ai dẫn dắt, không nơi hướng về, bị khốn khổ trong ách nạn của các phiền não, tà kiến trói buộc nên Bồ-tát phải ra sức cứu độ, đưa họ về nơi lợi ích, giáo hóa các loài trong biển sinh tử đó, khiến họ an trụ nơi chánh kiến, đem vị cam lộ của Niết-bàn chan hòa khắp nơi chúng sinh. Đây là thể hiện sự lập nguyện đại bi của Bồ-tát đối với cõi Phật có đủ năm thứ ô trược.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Này Đại sĩ Phi-do-tỳ-sư-nữu, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, về phương Đông, vượt qua số cõi Phật nhiều như vi trần, có thế giới tên là Kết sử tràng, nơi thế giới đó, bậc Trượng phu hoàn hảo là ông sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Chủ Sơn Vương Như Lai... Phật, Thế Tôn.

Phi-do-tỳ-sư-nữu bạch với Đức Phật:

– Khi con đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn sẽ dùng đôi tay trăm phước đức trang nghiêm xoa trên đỉnh đầu con.

Này thiện nam tử, khi đồng tử Phi-do-tỳ-sư-nữu, đầu mặt chạm sát đất, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn thì Đức Bảo Tạng Như Lai liền lấy hai tay xoa lên đỉnh đầu của Bồ-tát Phi-do-tỳ-sư-nữu nói:

Khởi tâm đại bi, trí tuệ sâu
Hạnh Bồ-tát dốc sức tu tập
Lực vững đoạn trừ mọi phiền não
Sẽ thành Phật hóa độ muôn loài.

Thiện nam tử, bấy giờ đồng tử Nguyệt Man, hướng về Đức Bảo Tạng Như Lai, gối phải quỳ xuống đất, bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con nguyện ở nơi cõi Phật này phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, ở thế giới đó chúng sinh thường bị ba độc là tham dục, giận dữ, ngu si chi phối, chẳng trụ nơi pháp lành. Ở thế giới đó, con người, kể cả những người bất thiện thọ bốn vạn tuổi, bấy giờ con sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, có thế giới tên là Sa-ha. Vì sao tên là Sa-ha? Vì chúng sinh ở cõi đó cam chịu vui thích với tham dục, sân giận, ngu si... tất cả những thứ phiền não trói buộc họ thảy đều cam chịu, do nhân duyên ấy nên có tên là Sa-ha. Bấy giờ, có đại kiếp tên là Hiền. Sao gọi là Hiền? Vì trong kiếp này, chúng sinh phần nhiều hành động

theo tham dục, sân giận, ngu si, chấp ngã, lại có hàng ngàn Đức Phật Thế Tôn ra đời ở đây. Này bậc trượng phu xuất chúng! Vào đầu kiếp Hiền, trong cõi đời con người thọ bốn vạn tuổi, ông sẽ thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng trước hết, hiệu là Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai... Phật, Thế Tôn, sẽ thuyết giảng giáo pháp về Ba thừa, có vô số chúng sinh bị trôi giạt theo dòng chảy sinh lão bệnh tử, ông sẽ hóa độ đưa họ đến bến bờ Niết-bàn giải thoát.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Nguyệt Man gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, rồi lui ra ngồi qua một bên.

Lúc này, đồng tử thứ hai tên là Khâm-bà-la đến trước Đức Bảo Tạng Như Lai, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, con muốn tiếp theo đức Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, ở trong cõi người có thọ mạng là ba vạn năm, sẽ thành Phật.

Đức Phật Bảo Tạng nói:

– Này Đồng tử, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, nơi cõi nước Sa-ha vừa vào kiếp Hiền, kế sau đức Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, ở trong cõi người có thọ mạng là ba vạn tuổi, ông sẽ chứng đắc quả vị Phật, hiệu là Ca-na-ca Mâu-ni gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... Phật Thế Tôn, danh xưng của ông được lưu truyền khắp nơi.

Đồng tử Khâm-bà-la được Đức Thế Tôn thọ ký rồi, liền cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, đi nhiễu quanh ba vòng, lại đến trước Đức Bảo Tạng Như Lai tung hoa cúng dường Phật, xong thì chắp tay đọc kệ khen ngợi:

Khéo tạo hòa hợp đúng thứ lớp
Dứt mọi loạn nhơ xưng tịnh diệu
Tâm ý cao rộng muôn tôn kính
Thuyết giảng đạo giác ngộ sáng tỏa
Trăm phước viên mãn, hưng đức chúng
Vòng quanh núi kết lập đạo tràng
Mâu-ni hành hóa không lầm lỗi
Thọ ký Bồ-đề mọi chúng sinh.

Này thiện nam tử, bấy giờ đồng tử tên là Hậu Nhiếp ở trước Phật dùng giường làm bằng bảy báu đáng giá ngàn vàng, rồi đặt trên đó hình bát vàng đựng đầy bảy báu, đồ đựng nước tắm bằng vàng, tất cả dâng lên cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ

hai, nơi kiếp Hiền kia con sẽ thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Bấy giờ các điều thiện giảm đi, điều ác hiện nhiều, chúng sinh nạng nề đến tham dục, sân giận, ngu si, keo kiệt, ganh ghét, nương theo hàng tri thức xấu ác, tà kiến, ưa thân cận tâm bất thiện căn, xa lìa tâm thiện căn, không có tâm chánh kiến, chỉ có tâm tà mạng, loạn động; Đức Ca-na-ca Mâu-ni Như Lai nhập Niết-bàn rồi, chánh pháp của Ngài cũng suy diệt, sau đó chúng sinh sống trong cảnh tối tăm, đời không có thầy dẫn đường, ở trong cõi người thọ hai vạn tuổi này con sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai bảo đồng tử Hậu Nhiếp:

– Hay thay! Hay thay! Này Bà-la-môn, ông là hạng Trượng phu ưu tú đầy đủ trí sáng suốt, ở trong cõi người xấu ác ứng hiện ra đời, từ đây cho đến khi cõi người thọ mạng là hai vạn tuổi, khi ấy thế giới lâm vào cảnh tối tăm không thầy dẫn dắt, ông lập nguyện thành Bậc Chánh Giác ở đó, vậy nên, này trượng phu xuất chúng, nay hiệu của ông là Minh Trí Bi Ý. Này Đại sĩ Minh Trí Bi Ý, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tức ở thế giới Sa-ha này, tại kiếp Hiền, trong cõi người thọ hai vạn tuổi, ông sẽ thành Phật hiệu là Ca-diếp gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai... Phật Thế Tôn.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Minh Trí Bi Ý gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, rồi đứng qua một bên, dùng bột thơm, xâu chuỗi hoa tung lên cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai và đọc kệ khen ngợi:

Biết nhiều, người tôn quý
Đều sinh tâm mừng vui
Dùng ngôn từ hay khéo
Trí thiện nơi trời, người
Chúng sinh được thọ ký
Làm Phật khắp mọi nơi
Thần thông và trí tuệ...
Pháp Phật vô lượng lời
Ngài hiện Bồ-đề hạnh
Nên con xin kính lễ.

Này thiện nam tử, khi ấy Bà-la-môn Hải Tế đã khuyến khích, chỉ dẫn khiến cho đồng tử thứ tư tên là Vô Cấu Ý giác ngộ. Bấy giờ, đồng tử Vô Cấu Ý liền đến trước Đức Bảo Tạng Như Lai, bạch:

– Thế Tôn, con nguyện như vầy: Ở tại kiếp Hiền của thế giới này mà cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng không phải ở trong đời năm trược xấu ác như quốc độ của Phật Ca-diếp. Sau khi Đức Ca-diếp Như Lai nhập Niết-bàn, Chánh pháp của Ngài suy diệt, ở trong cõi người thọ mạng còn một vạn tuổi, tâm ý bố thí, trì giới, tu định của chúng sinh đều giảm thiểu, xa lìa, bảy thứ tài sản của bậc Thánh, tôn hàng ác tri thức làm thầy, lòng chẳng thích cầu nơi ba phước địa, cũng chẳng ưa tu tập ba nghiệp lành, trái lại, họ ưa tạo ba nghiệp ác, do các phiền não khiến cho tâm ý tối tăm rối loạn nên chẳng dốc cầu đạo pháp tam thừa. Vào lúc ấy hãy còn không có người có thể biện biệt, thực hiện được hạnh Bồ-đề huống là ở cõi người thọ mạng còn một ngàn tuổi cho đến chỉ còn một trăm tuổi. Lúc này chúng sinh không có danh từ thiện, huống là người thực hành pháp thiện. Đời đủ năm thứ ô trược này thọ mạng của con người giảm dần cho đến khi chỉ còn mười tuổi thì kiếp binh đao nổi lên, liền khi ấy, con sẽ từ trên cõi trời thị hiện xuống nơi thế gian cứu vớt chúng sinh, khiến họ bỏ điều bất thiện, vì họ, dốc thuyết giảng pháp thiện, giúp cho các chúng sinh kia an trụ nơi mười nghiệp lành, dùng các nghiệp thiện để diệt trừ mọi thứ phiền não trói buộc chúng sinh và cũng dứt trừ luôn năm thứ ô trược. Từ đó, cho đến khi cõi người thọ mạng tăng đến tám vạn tuổi con mới thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì bấy giờ chúng sinh đã giảm bớt tham dục, sân giận, ngu si, vô minh, keo kiệt, ganh ghét, con sẽ thuyết giảng chánh pháp, khiến họ an trụ nơi giáo pháp của Ba thừa. Bạch Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con được thành tựu thì kính xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con đạo quả Bồ-đề tối thượng. Bạch Thế Tôn, giả sử con không được thọ ký như thế, thì con sẽ cầu quả vị Thanh văn hoặc Bích-chi-phật để mau thoát khỏi sinh tử.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Thiện nam tử, Bồ-tát có bốn thứ biếng trễ. Nếu Bồ-tát có đủ các thứ biếng trễ đó thì ưa cuộc sống sinh tử, mãi đắm chìm theo nẻo khổ trong sinh tử, không mau chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bốn thứ biếng trễ ấy là gì?

Đó là có Bồ-tát:

1. Oai nghi thấp kém.
2. Đồng học thấp kém.
3. Phân biệt bố thí thấp kém.
4. Chí nguyện thấp kém.

Sao gọi là Bồ-tát có oai nghi thấp kém?

Như có Bồ-tát không giữ gìn thân khẩu ý, hay không thâu nhiếp các oai nghi.

Thế nào là Bồ-tát đồng học thấp kém? Tức Bồ-tát cùng theo học với hàng Thanh văn, Duyên giác.

Thế nào là Bồ-tát bố thí thấp kém? Không bố thí tất cả, không bố thí mọi nơi. Bố thí nhằm cầu phước lạc ở nơi cõi Người, Trời.

Thế nào là Bồ-tát chí nguyện thấp kém? Không chí thành lập nguyện cầu đạt cõi Phật trang nghiêm, để hóa độ hóa chúng sinh.

Đủ bốn pháp biếng trễ ấy, Bồ-tát sẽ chịu khổ lâu dài nơi sinh tử, không chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Lại có bốn pháp, Bồ-tát nào thành tựu đủ bốn pháp này thì chóng đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là bốn pháp?

Đó là:

1. Luôn giữ gìn thân khẩu ý.
2. Luôn thân cận với người tu học pháp Đại thừa.
3. Bố thí tất cả, bố thí mọi nơi, vì phát tâm Từ bi nhằm giải thoát mọi nẻo khổ cho tất cả chúng sinh.
4. Chí thành lập nguyện cầu đạt được cõi Phật trang nghiêm để hóa độ chúng sinh.

Đó là bốn pháp, Bồ-tát làm đúng như vậy sẽ mau đạt được đạo quả Chánh giác. Lại có bốn pháp, Bồ-tát thực hành đầy đủ thì thu nhiếp được đạo Bồ-đề. Những gì là bốn pháp? Đó là:

1. Chuyên cần thực hành Bố thí ba-la-mật.
2. Cứu giúp vô lượng chúng sinh.
3. Tu tập đủ các pháp thiền định.
4. Thần thông tự tại.

Lại có bốn pháp khiến tâm không nhàm chán, Bồ-tát phải thực hành đầy đủ. Đó là bố thí không chán, nghe pháp không chán, nhiếp phục chúng sinh không chán, thệ nguyện không chán.

Lại có bốn Vô tận tạng mà Bồ-tát phải thành tựu đủ. Đó là: Tín vô tận tạng, Thuyết pháp vô tận tạng, Hồi hướng vô tận tạng, Cứu giúp những chúng sinh nghèo khổ vô tận tạng.

Lại có bốn pháp thanh tịnh mà Bồ-tát phải thành tựu. Đó là:

1. Giữ giới thanh tịnh vì không có ngã.
2. Thiền tịnh thanh tịnh vì không còn chấp về chúng sinh.

3. Trí tuệ thanh tịnh vì không chấp về thọ mạng.

4. Giải thoát tri kiến thanh tịnh vì không còn chấp về người.

Bồ-tát nhờ bốn pháp này mà mau thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, chuyển pháp luân như hư không, pháp luân không thể nghĩ bàn, pháp luân không thể xưng lường, pháp luân vô ngã, pháp luân không ngôn thuyết, pháp luân giả hiện, pháp luân khiến chúng sinh chán lìa khổ nơi sinh tử, pháp luân chưa từng có.

Này ông Vô Cấu Ý, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, thuộc về kiếp Hiền chưa lâu, năm thứ ô trược đã trừ, thọ mạng ở đó chuyển tăng dần, đến khi con người thọ được tám vạn tuổi, ông sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng hiệu là Di-lặc với mười tôn hiệu gồm đủ: Như Lai cho đến Phật Thế Tôn.

Bà-la-môn Vô Cấu Ý liền gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai xong, đứng sang một bên, tung bột hương xâu chuỗi hoa cúng dường Đức Thế Tôn và đọc kệ khen ngợi:

Mặt Ngài như trăng tròn
Tướng Bạch hào như tuyết
Thân tịnh như núi vàng
Ai chẳng nguyện Thế Tôn.
Như chúa thú uy dũng
Đức nhiều soi thế gian
Khắp nơi đều sáng tỏ
Nay thọ ký cho con.

Đại sư Bà-la-môn Hải Tế đã khuyến hóa một ngàn đồng tử kia, chỉ trừ một người, còn lại thảy đều thông bốn bộ Tỳ-đà tất cả đều phát tâm Bồ-đề… chứng được đạo quả Chánh giác, đó là Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, Ca-na-ca Mâu-ni Như Lai, Ca-diếp Như Lai, Di-lặc Như Lai. Người thứ năm tên là Sư Tử Quang Minh, cũng như trong số ngàn người ấy, chỉ trừ hai người, thảy đều thông suốt bốn bộ Tỳ-đà, tất cả đều lập nguyện với Đức Bảo Tạng Như Lai trong kiếp Hiền này và đều được thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong số này, người nhỏ nhất tên Trì Đại Lực, cũng được Đại sư Hải Tế giáo hóa khiến phát tâm Bồ-đề. Đại sư bảo:

– Này Trì Đại Lực, chớ nên quan sát lâu dài mà lìa bỏ tâm cầu giác ngộ của Bồ-tát. Hãy vì chúng sinh mà phát tâm đại bi.

Đại sư dùng kệ bảo:

Chúng sinh lão, bệnh, tử

Chìm nơi dòng sông ái
Ở ba cõi đáng sợ
Thọ thai mang hình hài
Uống kết độc cùng hại
Mênh mông khổ đốt thiêu
Si mê mất nẻo thiện
Bị sinh tử bức bách
Ba cõi khổ cháy tràn
Đều bám nơi tà kiến
Tất cả ở năm đường
Như bánh xe luôn quay
Chúng sinh thiếu mắt pháp
Cứu họ không một ai
Tu tuệ trừ nghi hoặc
Nay nên cầu quả Phật
Vì đời, cạn sông ái
Làm cầu nối hai bờ
Cởi tháo mọi trói buộc
Tâm hồi hướng Bồ-đề
Trừ mê, mở pháp nhãn
Cho người đạo Vô thượng
Lửa sinh tử ba cõi
Đem pháp vị dập tắt
Mau nên vì lợi người
Đến lễ Đức Mâu-ni
Nên lập thệ nguyện vững
Làm Phật, thầy trong đời
Vỗ về thảy quần sinh
Cứu độ khắp các cõi
Chỉ bày đạo giải thoát
Căn, lực, cùng bảy giác
Nhằm cầu mưa pháp diệu
Diệt khổ cho chúng sinh.

Thiện nam tử, bấy giờ đồng tử Trì Đại Lực thưa với thầy:

– Thưa Đại sư, con không ưa nơi sinh tử, ham cầu tôn đức, lại không cầu đạo quả Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ dốc cầu quả vị Vô thượng thừa. Con đã quan sát về nơi chốn hóa độ, chờ thời gian để lập nguyện. Thưa Đại sư, vậy nên con luôn tư duy các việc ấy cho đến nay. Xin chờ con trong

giây lát để nghe tiếng sư tử rống của con.

Này thiện nam tử, lúc này Bà-la-môn Hải Tế tạm rời đồng tử này, trở lại bảo năm người đệ tử là những người thường theo hầu Đại sư, rằng:

– Này các đồng tử, các ông nên phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Năm người bạch với Thầy:

– Chúng con không có của cải, vật báu để cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, cũng chưa gieo trồng căn lành thì làm sao phát tâm Bồ-đề được?

Này thiện nam tử, khi ấy Đại sư Bà-la-môn Hải Tế gọi các đệ tử kia lại. Người thứ nhất tên là Ca-la-phù-thù, Đại sư bèn cho vòng ngọc đeo nơi tai bằng bảy báu. Người thứ hai tên là Tha-la-phù-thù, Đại sư cũng cho vòng ngọc đeo nơi tai bằng bảy báu, người thứ ba tên là Xà-la-phù-thù, Đại sư lại cho giường quý bằng bảy báu. Người thứ tư tên là Khư-dà-phù-thù thì Đại sư cho chiếc gậy bằng bảy báu. Người thứ năm tên là Tà-la-phù-thù thì Đại sư lại cho chậu đựng nước tắm bằng vàng ròng. Rồi bảo họ:

– Các ông hãy đem những này đến cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, rồi phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Năm người thị giả liền đến thẳng chỗ Đức Thế Tôn, mỗi người đem đồ mang theo dâng lên Đức Phật và chư Tăng rồi bạch với Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn thọ ký cho chúng con đạo quả Giác ngộ Vô thượng, ở trong kiếp Hiền kia sẽ thành Bậc Chánh Giác… *(nói lược)*.

Này thiện nam tử, lúc ấy Đức Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho đồng tử Ca-la-phù-thù đạo quả Bồ-đề, ở trong kiếp Hiền có danh hiệu là Kiên Âm Như Lai. Tiếp theo là thọ ký cho các đồng tử: Tha-la-phù-thù có danh hiệu là Lạc Tướng Ý Như Lai; Xà-la-phù-thù có danh hiệu là Thương Đạo Như Lai; Khư-dà-phù-thù có danh hiệu là Ái Thanh Như Lai; Ta-la-phù-thù có danh hiệu là Thanh Diệp Kết Vương Như Lai.

Đức Phật vừa thọ ký cho năm đồng tử vào kiếp Hiền sẽ thành Bậc Chánh Giác xong thì Đại sư Hải Tế lại bảo Trì Đại Lực:

– Này Trì Đại Lực, ở trước Đức Thế Tôn hôm nay, ông nên lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm theo ý mình, đem pháp vị cam lộ ban cho tất cả chúng sinh, chuyên tâm tinh tấn thực hành hạnh Bồ-tát, chớ nên quan sát quá lâu. Nói rồi, Đại sư bèn dẫn Trì Đại Lực đến chỗ Đức Phật!

Này thiện nam tử, khi ấy đồng tử Trì Đại Lực ở trước Đức Thế Tôn

bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, vào đời vị lai, trong kiếp Hiền ấy sẽ có bao nhiêu vị Phật ra đời sau Đức Như Lai?

Đức Bảo Tạng Như Lai nói:

– Này Đồng tử, trong nửa kiếp Hiền sẽ có một ngàn bốn trăm vị Phật xuất hiện ở đời.

Đồng tử lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong kiếp Hiền kia, tất cả chư Phật Thế Tôn đều lần lượt nhập Niết-bàn, thời cuối cùng của kiếp đó, đồng tử Ta-la-phù-thù sẽ thành Phật hiệu là Thanh Diệp Kết Vương Như Lai, vào thời gian đó con nguyện sẽ thực hành hạnh Bồ-đề, hạnh khó, hạnh khổ như Bố thí, Trì giới, Tu định, Đa văn, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Tùy thuận phước đức, Trí tuệ, con sẽ đầy đủ. Ở trong kiếp Hiền ấy, tất cả các vị Phật vừa thành Bậc Đại Giác con nguyện bố thí, cúng dường trước tiên. Sau khi các vị ấy nhập Niết-bàn, đối với xá-lợi và chánh pháp của chư vị thì con xin dốc tâm cúng dường xá-lợi, hộ trì chánh pháp. Chúng sinh thiếu giới hạnh thì con khuyên họ trì giới và sống trong giới hạnh. Chúng sinh bị khổ nạn theo tà kiến thì con khuyến hóa họ theo chánh kiến và sống trong chánh kiến. Chúng sinh tâm ý tán loạn thì con khuyến hóa họ an trụ trong chánh định. Người không oai nghi con khiến họ sống có oai nghi. Con sẽ vì chúng sinh thị hiện vô số các hành vi thiện. Chư Phật kia nhập Niết-bàn, chánh pháp sắp suy diệt, con sẽ ở nơi thế giới ấy thắp sáng ngọn đèn chánh pháp, luôn hộ trì khiến không bị đoạn tuyệt. Lúc kiếp binh đao dấy khởi con sẽ khuyến hóa chúng sinh khiến họ không sát sinh cho đến đạt được chánh kiến. Con dùng mười nghiệp lành để cứu chúng sinh ra khỏi nẻo tà vạy, đem họ vào đường lành, tiêu trừ hành vi độc ác, tối tăm, khai thị cho họ phương pháp hành thiện. Con sẽ diệt trừ năm thứ ô trược nơi thế gian, từ kiếp trược đến mạng trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược. Nơi kiếp đói khát, con sẽ khuyến hóa chúng sinh thực hành pháp Bố thí ba-la-mật và an trụ trong pháp đó. Con dùng sáu pháp Ba-la-mật để trừ diệt tất cả kiếp đói khát, loạn động, tranh giành cùng oán hại, ganh ghét,… trừ diệt hết những trói buộc cấu uế cho chúng sinh. Vào kiếp dịch bệnh, con sẽ dùng sáu sự hòa kính bốn nhiếp pháp để khuyến hóa chúng sinh, khiến họ an trụ nơi các pháp ấy, cùng diệt hết cho chúng sinh các thứ bệnh tật, tối tăm cùng mọi sự trói buộc. Tất cả cõi Phật ở thế giới Ta-bà trong nửa kiếp Hiền, con sẽ cứu độ mọi khổ ách của chúng sinh như thế. Một ngàn bốn trăm Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời, rồi nhập Niết-bàn, tất cả chánh pháp của chư Phật ấy bị hủy diệt,

thì ở trong kiếp Hiền, sau đấy con sẽ thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như một ngàn bốn trăm Đức Phật ở kiếp Hiền kia thọ mạng bao nhiêu thì khi con đắc đạo Bồ-đề rồi, thọ mạng của con cũng bằng các Ngài. Như số chúng Thanh văn của chư Phật kia bao nhiêu thì số chúng Thanh văn của con cũng sẽ như vậy. Một ngàn bốn trăm Đức Như Lai ấy đã hóa độ được bao nhiêu chúng sinh thì một mình con cũng hóa độ được bằng số lượng đó. Người tu học đạo quả Thanh văn, giả sử họ vi phạm giới cấm, rơi vào rừng tà kiến, không tôn kính chư Phật, lòng đầy ganh ghét, dấy tâm ác phá đạo pháp, Tăng chúng, gây nhiều tội lỗi, phỉ báng Thánh hiền, hủy hoại Chánh pháp, tạo nghiệp vô gián, con nguyện khi đạt được đạo quả Bồ-đề, ở trong nẻo sinh tử sẽ cứu vớt tất cả đám ấy đem đặt yên nơi thành Niết-bàn Vô úy. Sau khi con nhập Niết-bàn, chánh pháp cùng lúc diệt hết theo kiếp Hiền chấm dứt. Chánh pháp của con đã diệt, kiếp Hiền đã hết thì sẽ khiến cho xá-lợi của răng và thân con biến thành vô lượng a-tăng-kỳ hóa thân Phật, thân trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, mỗi một tướng tự trang nghiêm với tám mươi vẻ đẹp. Các Hóa Phật ấy đi đến vô lượng a-tăng-kỳ cõi nước không có Phật, khắp mười phương mỗi một vị Hóa Phật khuyến hóa vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh khiến họ an trụ nơi Ba thừa. Như cõi Phật kia bị kiếp tai họa hủy hoại thì khiến Hóa Phật đến đó cứu giúp chúng sinh như trước đã nói. Sau đấy, mới khiến ngọc Xá-lợi thành ngọc báu Như ý ma-ni. Ở các cõi Phật khác, nếu có chúng sinh thiếu thốn, không có châu báu thì ngọc Như ý sẽ tìm đến đó, thị hiện mưa đầy châu báu để tàng trữ. Lại có cõi Phật khác, chúng sinh thiếu các nghiệp lành, bị bệnh tật hành hạ, thì ngọc Như ý cũng đến cõi đó mưa hương thơm Hải ngạn, Ngưu đầu chiên-đàn, khiến mưa hương thơm ấy diệt trừ mọi bệnh hoạn nơi thân tâm cùng khổ ách của tà kiến cho chúng sinh, làm cho họ siêng năng tu tập ba thứ phước địa, mạng chung được sinh lên cõi trời.

Thưa Đức Thế Tôn, khi con thực hành hạnh Bồ-tát dốc đem những điều như vậy để tế độ chúng sinh, thì đến lúc chứng đắc quả vị Bồ-đề con cũng sẽ hành hóa Phật sự như thế. Sau khi con nhập Niết-bàn xá-lợi của con cũng đi đến để cứu giúp chúng sinh trong vô lượng vô biên các cõi Phật như vậy.

Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con không được thành tựu, tất con không thể vì chúng sinh làm bậc Y vương mà cứu độ họ, thì khiến cho con khi lễ Phật rồi không được thấy các Đức Phật còn trụ thế thuyết pháp trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, hôm nay Đức Thế Tôn cũng không thọ ký cho con đạo quả Giác ngộ Tối thượng như hiện nay

Đức Thế Tôn đã thọ ký đạo quả ấy cho vô số chúng sinh. Lại cũng khiến cho con không thấy các Đức Phật Thế Tôn kia, cũng không được nghe âm thanh của đạo Bồ-đề. Nếu như sở nguyện của con không được viên mãn, thì khiến con mãi lưu chuyển trong vòng sinh tử, không nghe được âm thanh của Phật, âm thanh của Pháp, âm thanh của Tăng, âm thanh của nghiệp thiện, khiến cho các âm thanh ấy không hề đến nơi tai con, khiến cho con thường bị đọa nơi địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ Bảo Tạng Như Lai bảo đồng tử Trì Đại Lực:

– Hay thay! Hay thay! Bậc Trượng phu xuất chúng! Ông sẽ là bậc Đại y vương để độ thoát mọi khổ nạn cho chúng sinh. Vậy nên danh hiệu ông là Vô Cấu Minh Dược Vương! Vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, trong kiếp Hiền, một ngàn bốn trăm vị Như Lai thành Phật chưa lâu, ông sẽ cúng dường trước tiên… và sự việc diễn ra đúng như nguyện ước của ông. Khi Đức Như Lai Thanh Diệp Kết Vương nhập Niết-bàn rồi, chánh pháp của Ngài suy diệt, ông sẽ thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Lâu Chí Như Lai, cho đến Phật Thế Tôn, thọ mạng được nửa kiếp, số lượng chúng Thanh văn của một ngàn bốn trăm Đức Phật ở kiếp Hiền bằng số chúng Thanh văn của một mình ông. Số chúng sinh đã được hóa độ của ông bằng tổng số chúng sinh được hóa độ của họ. Sau khi ông nhập Niết-bàn, lúc chánh pháp của ông suy diệt, thì kiếp Hiền cũng tận diệt, xá-lợi của răng và thân ông biến thành các Hóa Phật, tất cả như sở nguyện của ông đã nói ở trước.

Này thiện nam tử, khi ấy Bồ-tát Vô Cấu Minh Dược Vương bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu sở nguyện của con được thành tựu viên mãn như thế, thì kính xin Đức Thế Tôn dùng tướng trăm phước trang nghiêm nơi chân đặt lên đỉnh đầu con.

Này thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai liền dùng tướng trăm phước trang nghiêm nơi chân xoa lên đỉnh đầu Bồ-tát. Này thiện nam tử, Bồ-tát Vô Cấu Minh Dược Vương bấy giờ tâm ý rất vui mừng, liền năm vóc gieo xuống đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, xong rồi lui ra đứng một bên Bà-la-môn Hải Tế lấy áo Thiên kiếp-ba-dục trao cho Bồ-tát và khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Này Trượng phu, sở nguyện của ông là vô cùng tốt đẹp. Từ nay về sau khỏi cần ta dẫn dắt mà tự hành hóa theo sở nguyện của mình.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 5

Phẩm 16: Đại Sư Lập Nguyện

Này thiện nam tử, bấy giờ Bà-la-môn Hải Tế suy nghĩ:

– Ta đã khuyến hóa nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đến với đạo Giác ngộ Vô thượng. Hôm nay, trong đại chúng này, các vị đại sĩ ở đây, đều đã lập diệu nguyện chọn lấy cõi Phật thanh tịnh, chỉ trừ Phi-do-tỳ-sư-nữu, trong Hiền kiếp các vị ấy cũng đều xa lìa cõi đời xấu ác. Ta nghĩ, nên ở trong cõi đời xấu ác đem pháp vị ban phát cho mọi chúng sinh, phải nên kiên cố dũng mãnh đem tiếng rống của Sư tử như thế khiến cho đại chúng Bồ-tát được chứng kiến việc chưa từng có, lại còn khiến cho tất cả chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la và người đời cùng chắp tay làm lễ cung kính đối với ta, khiến Đức Phật Thế Tôn khen ngợi "Hay thay" và thọ ký cho ta, cả các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế vì chúng sinh thuyết pháp trong vô lượng vô biên a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương, khi nghe ta rống tiếng sư tử, cũng khen ta "Hay thay" và cũng đều thọ ký cho ta đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cùng sai sứ giả đến đem lời an ủi khích lệ cho ta, khiến đại chúng ở đây đều được nghe thấy. Ta sẽ ở đây, vì đời sau lập thệ nguyện thành tựu đầy đủ tâm đại bi của Bồ-tát, khiến về sau, cho đến khi ta đạt được đạo quả Bồ-đề nếu có chúng sinh nào được nghe lời nguyện của ta thì họ cũng thấy được việc hết sức hy hữu. Lại nữa, sau này như có Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ tâm đại bi thì cũng khiến họ lập nguyện nhận lấy cõi Phật như vậy để chứng đắc đạo quả Bồ-đề. Trong thế giới ấy, những chúng sinh không biết Chánh pháp, sống nơi tối tăm, bệnh tật, bị trói buộc, chìm đắm theo sinh tử thì các vị Bồ-tát ấy sẽ cứu vớt, dẫn dắt, vì các chúng sinh ấy thuyết giảng đạo pháp. Cho đến sau khi ta nhập Niết-bàn, các Đức Phật Thế Tôn trong vô biên cõi Phật nhiều không thể lường tính, không thể nghĩ bàn, đều ở trước chúng Bồ-tát xưng tụng, tán thán ta, lại vì các Bồ-tát ấy thuyết giảng về những thệ nguyện của ta, khiến các Bồ-tát đều tiếp nhận được diệu lực của tâm đại bi, nghe được

lời nguyện của ta là được nghe một việc chưa từng có, đối với chúng sinh, họ đều dấy khởi tâm đại bi, phát nguyện như ta hôm nay không khác, tức cũng thành tựu đạo quả Bồ-đề nơi thế giới xấu ác có đủ năm thứ ô trược ở trong bốn dòng nước dữ cứu thoát muôn loài mù tối, đem Ba thừa giáo pháp hóa độ họ, cho đến khi đạt được đạo quả Niết-bàn.

Này thiện nam tử, quốc sư Bà-la-môn Hải Tế suy nghĩ về tâm nguyện đại bi đầy đủ như thế rồi, bèn sửa lại y phục, bày vai áo bên phải, đi đến chỗ Đức Bảo Tạng Như Lai. Ngay khi ấy có hàng ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên nơi hư không tấu lên hàng ức thiên nhạc, mưa xuống thiên hoa và đồng thanh khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Bậc Đại trượng phu đang đi đến chỗ Đức Thế Tôn để phát diệu nguyện, đem nước trí tuệ diệt trừ mọi thứ phiền não, khổ buộc của chúng sinh trong cõi đời.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều chắp tay hướng về Đại sư đồng thanh tán thán:

– Hay thay! Hay thay! Bậc được trí tuệ vi diệu, đem lại lợi ích nhiều cho chúng con. Ý nghĩa mầu nhiệm trong thệ nguyện bền vững của Ngài chúng con muốn được nghe.

Khi Đại sư đến chỗ Đức Thế Tôn, gối phải vừa quỳ xuống đất, thì nơi cõi Phật San-đề-lam cùng cả ba ngàn Đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động. Mọi thứ chuông, linh, loa, trống tự nhiên vang lên. Chim chóc, muôn thú đều phát ra âm thanh êm dịu, các loại cây khô trên thế gian đều ra hoa lá. Tất cả chúng sinh trụ nơi đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới này, hoặc đã được khuyên phát tâm Bồ-đề, hoặc chưa được khuyên, ngoại trừ ba nẻo địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, tất cả đều đạt được những tâm: tâm lợi ích rộng lớn, tâm thuần thiện, tâm không oán hại, ganh ghét, tâm không uế trược, tâm Từ bi, tâm chưa từng có thảy đều sung mãn. Các chúng sinh trụ trên đều được thấy hoan hỷ, nên dùng các loại hoa, hương, âm nhạc, cờ phướn, lọng báu, y phục với âm thanh êm dịu cúng dường khen ngợi, vì họ muốn được nghe thệ nguyện của Đại sư. Cho đến cả chư Thiên cõi trời A-ca-ni-trá cũng xuống cõi Diêm-phù-đề trụ giữa hư không, mang theo các thứ thiên hoa, thiên hương, cờ phướn, dù lọng… để cúng dường vì muốn được nghe lời phát nguyện ấy. Bấy giờ, Bà-la-môn Hải Tế chắp tay đọc kệ ngợi khen Đức Bảo Tạng Như Lai:

An trụ Tam-muội như Phạm vương
Dung quang uy nghiêm như Đế Thích
Bố thí tài sản như Luân vương

Giữ gìn châu báu như Thần chủ.
Đức hiền hòa, rống tiếng Sư tử
Kiên cố, chẳng động như Tu-di
Dứt mọi sân giận tâm như biển
Hiện nhẫn, tốt xấu tâm như đất.
Như dòng nước lớn diệt cấu uế
Rừng kết sử đã thiêu đốt sạch
Như gió lướt không chút vướng mắc
Mở bày chân thật như Đại thiên.
Tuôn mưa pháp vũ như Long vương
Chúng sinh thế gian thảy sung mãn
Như Luận sư hàng phục ngoại đạo
Hương đức tỏa ngát như hoa Trời.
Âm thanh hòa nhã như Phạm thiên
Như Đại y vương trừ khổ não
Tâm bình đẳng khắp như mẹ hiền
Như cha lành nhiếp phục muôn loài.
Như kim cang phá trừ oán kết
Chặt đứt nhanh ái như kiếm thần
Là thuyền trưởng cứu vớt chúng sinh
Là bậc Giác ngộ ba trí tuệ.
Như mặt trăng tỏa sáng trong, dịu
Như mặt trời muôn hoa người nở
Bốn quả quý sinh từ cây quý
Thánh chúng vây quanh như phượng hoàng.
Ý ngài sâu rộng như biển cả
Tâm luôn bình đẳng như cỏ cây
Quán tánh các pháp thảy đều không
Tùy thuận, hòa hợp như dòng nước.
Phật đã thọ ký cho bao người
Thành tựu diệu tướng đủ đại bi
Con cũng khuyến hóa vô lượng chúng
Nay xin Phật thọ ký cho con
Đời năm trược thành bậc giác ngộ
Đưa chúng sinh đến nẻo giải thoát.

Thiện nam tử, Đại sư Bà-la-môn Hải Tế dùng kệ tán dương Đức Bảo Tạng Như Lai rồi tức thì tất cả đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, người đời đều khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay!”.

Đại sư lại bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, con đã khuyến hóa được nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đến với đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những chúng sinh ấy, mỗi người đã quan sát và nhận lấy cõi Phật vi diệu đem tâm ý thanh tịnh vun trồng các căn lành, dễ dàng trong việc hóa độ chúng sinh. Một ngàn bốn trăm người: như đồng tử Nguyệt Man... đều thông hiểu bốn bộ Tỳ-đà-la... Đức Như Lai đã thọ ký cho họ trong Hiền kiếp sẽ thành Chánh giác. Các bậc Trượng phu đó cũng đem Ba thừa giáo pháp hóa độ các chúng sinh nhiều tham dục, sân giận, ngu si, chấp ngã khiến họ an trụ nơi ba thứ giáo pháp ấy. Nhưng rồi các vị ấy cũng rời bỏ cõi thế gian xấu ác, phiền não, kết sử nặng nề, cũng lìa bỏ chúng sinh tạo nghiệp vô gián, bài báng Chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền, theo tà kiến, từ bỏ bảy thứ tài sản Thánh thiện, không biết phụng dưỡng cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, không biệt đãi Bà-la-môn, không biết làm ân, không biết tạo phước đức, không sợ quả báo đời sau, không cầu ba đức lành nơi cõi trời, người, tạo ba việc bất thiện, theo mười nghiệp ác, bị tất cả thiện tri thức ruồng bỏ, tất cả bậc trí tuệ đều chê trách, bị dòng nước dữ phiền não trong ba cõi cuốn trôi, mất hút trong sông tro nung đốt trong sinh tử, do ngu si, mê mờ che phủ, nên lìa bỏ các nghiệp lành. Những chúng sinh như vậy, thế giới của chư Phật không dung nạp, ruồng bỏ nên đến tập hợp ở thế gian này. Do lìa bỏ căn lành, luôn tích tập các căn chẳng lành, bị khốn đốn nơi tà đạo, sống trong cảnh sinh tử khổ não mênh mông. Thế giới Ta-bà, trong Hiền kiếp, tuổi thọ của con người chuyển đến mức một ngàn năm, thì vào lúc ấy, các hạng trí giả và các bậc trượng phu xuất chúng kia cũng đều bỏ rơi các chúng sinh xấu ác kia. Bấy giờ, những chúng sinh đó cũng sẽ bị nhân duyên sinh tử trong ba cõi bức bách, sẽ rơi vào tình trạng không người cứu độ, không có đích để hướng đến, không có chỗ quy y, bị khổ nạn vây hãm. Bỏ rơi các chúng sinh như vậy để nhận lấy cõi Phật tịnh diệu, chọn lấy chúng sinh tâm ý thanh tịnh dễ hóa độ, đã vun trồng các căn lành, tinh tấn không biếng trễ, từng gần gũi cúng dường chư Phật để hóa độ. Thưa Đức Thế Tôn, sự việc thế có nên chăng?

Đức Bảo Tạng Như Lai bảo:

– Đúng thế! Đúng thế! Này bậc Đại sư, Ta tùy theo chỗ lập nguyện của họ xin chọn cõi Phật trang nghiêm như thế nào mà thọ ký cho họ như thế!

Đại sư Hải Tế thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, tâm con dao động như tàu lá chuối, tình ý ưu tư, thân thể tiều tụy. Tất cả các vị Đại Bồ-tát này đều phát tâm đại bi, nhưng lại xa lánh cõi xấu ác đầy dẫy, bỏ rơi tất cả chúng sinh đang ở chốn tối tăm. Bạch Đức Thế Tôn, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ rồi qua hai hằng hà sa số a-tăng-kỳ, đến phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ thứ ba trong kiếp Hiền, đợi đến khi thọ mạng của người đời còn một ngàn năm, con có thể vào thời điểm ấy sống nơi sinh tử mà thành hạnh Bồ-tát, không dùng nguyện lực mà sẽ thực hành sáu Ba-la-mật để hóa độ chúng sinh, đúng như Đức Phật đã dạy: "Nên đem tài vật mà bố thí, đó là pháp Bố thí ba-la-mật". Khi con thực hành Bố thí ba-la-mật nếu có chúng sinh theo con cầu xin các vật cần dùng thì con sẽ cung cấp đầy đủ các thứ ăn uống, y phục, vật dụng để nằm ngồi, vườn rừng, phòng xá, đồ trang sức, hương hoa, thuốc men chữa bệnh, cờ phướn, dù lọng, của tiền, ngựa voi, xe cộ, vàng bạc, các thứ ngọc báu Ma-ni trân châu, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, mai khôi, cùng các thứ báu khác... Vì luôn thương tưởng đến chúng sinh nên con hoan hỷ thực hành bố thí như thế, nhằm hóa độ chúng sinh nên không mong cầu quả báo, vì dốc để nhiếp phục chúng sinh nên luôn bố thí đầy đủ. Nếu có chúng sinh cầu xin những thứ rất khó lìa bỏ, con cũng đáp ứng cho họ, như là cầu xin nô tỳ, làng xóm, thành ấp, cung điện, ngôi vua, thê thiếp, con cái, cả tay, chân, mắt, mũi, tai, lưỡi, da dẻ, máu, thịt, xương tủy, cả đến thân mạng... vì luôn thương tưởng chúng sinh nên con rất hoan hỷ đem bố thí những thứ như vậy, không cầu phước báo, chỉ nhằm nhiếp phục hóa độ chúng sinh. Con sẽ thực hành pháp Bố thí ba-la-mật như thế. Từ trước, chưa từng có Bồ-tát nào cầu đạo Giác ngộ Vô thượng có thể hành Bố thí ba-la-mật như thế. Về sau, cũng không có Bồ-tát nào cầu đạo quả Bồ-đề tối thượng, thực hiện được cuộc đại thí như vậy. Trong vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, tại những nơi sinh ra, con luôn dốc cầu đạo Giác ngộ Vô thượng, thực hành Bố thí ba-la-mật. Con sẽ làm cho các vị Bồ-tát có đủ tâm đại bi sau này muốn cầu đạo quả Giác ngộ Tối thượng, hành hạnh Bồ-tát cũng sẽ phát tâm thực hiện Bố thí ba-la-mật như vậy. Khi con thực hành Trì giới ba-la-mật, vì dốc cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng nên luôn hành trì giới luật, tu tập những hạnh khó làm, hạnh khổ vô cùng, như trước đã nói. Ở nơi cảnh giới không đọa lạc, quán thân ta là vô ngã, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật, con sẽ tu tập pháp Nhẫn nhục ba-la-mật như đã nói ở trên. Lại nhàm chán các pháp hữu vi là khổ, không, thấy rõ các pháp vô vi tịch tĩnh nên dốc tu tập đạo Vô thượng không thoái chuyển, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với tất cả các nẻo tạo tác đều lìa bỏ, hành trì bình đẳng tâm không, đó là Thiền ba-la-mật. Thật sự thấu

rõ tánh của các pháp vốn không sinh nên không diệt, đó là Bát-nhã ba-la-mật. Trong vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, con sẽ đem hết dũng lực kiên trì để thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Trước con, không có Bồ-tát nào cầu đạo Giác ngộ Vô thượng đủ dũng lực kiên cố hành trì Bát-nhã ba-la-mật như con. Sau này, cũng không có Bồ-tát nào khi cầu đạo Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng đủ dũng lực, kiên cố để thực hành Bát-nhã ba-la-mật như con đã làm. Đối với các Bồ-tát đầy đủ tâm đại bi nơi đời vị lai, cầu đạo Bồ-đề Vô thượng, muốn tạo lập được công đức trí tuệ, thì khi con mới phát tâm, sẽ vì họ mà thị hiện tâm đại bi cho đến khi vào Niết-bàn. Để các vị Bồ-tát kia chứng kiến được điều chưa từng có, nên con không xem nhẹ việc tu hành bố thí, trì giới. Con không dựa nơi nhẫn nhục, không nhớ nghĩ về tinh tấn, không an trụ nơi thiền-na, không tham đắm nơi trí tuệ, không phân biệt ngã và ngã sở, không cầu quả báo. Tất cả chúng sinh bị bỏ rơi nơi cõi không Phật, nghèo kiệt về bảy thứ của cải thánh thiện, tạo nghiệp Vô gián, bài báng Chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền, đều theo tà kiến, tích tập các căn chẳng lành, bị đọa lạc nơi biển khổ mênh mông, bị các thứ tà đạo làm cho khốn đốn, nên con đem hết dũng lực để thực hiện các pháp Ba-la-mật. Để làm cho mỗi mỗi chúng sinh có được hạt giống thiện căn thì dù cho trong mười đại kiếp phải bị thống khổ nơi địa ngục A-tỳ, con cũng cam chịu. Đối với các hàng súc sinh, ngạ quỉ, Dạ-xoa, người khốn cùng... con cũng thực hành hạnh khổ ấy. Cũng để cho tất cả chúng sinh có được hạt giống thiện căn, từ nay cho đến hết giới hạn của kiếp Hiền, con sẽ nhiếp phục, hóa độ họ không biết mệt mỏi, dù họ mất hết chánh niệm, tâm ý luôn bị khổ não thiêu đốt. Con chẳng cầu phước báo vinh hoa của cõi trời, người, ngoại trừ khi là Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ sinh nơi cõi trời Đâu-suất để chờ chứng đạo quả Bồ-đề.

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện ở mãi trong sinh tử, thân cận với chư Phật nhiều như số vi trần, trong một cõi Phật, đem vô số các vật cần dùng nhiều như số vi trần nơi một cõi Phật để cúng dường cho từng vị Phật, ở mỗi mỗi vị Phật, sẽ đạt được công đức nhiều như số vi trần nơi một thế giới Phật. Con đem đạo Bồ-đề khuyến hóa cho vô số chúng sinh nhiều như số vi trần trong cõi Phật. Đối với hàng Bích-chi-phật thừa, Thanh văn thừa cũng khuyến hóa như vậy, tùy theo ý muốn của chúng sinh mà chỉ dạy. Nếu ở thế giới nào không có Phật con nguyện làm Tiên nhân, dùng các nghiệp thiện để giáo hóa khiến họ an trụ nơi thần thông. Như có chúng sinh theo tà kiến phụng thờ trời Đại tự tại, con nguyện hiện thân như trời Đại tự tại đem nghiệp lành khuyến hóa họ. Hoặc hiện thân Na-la-diên Nhật Nguyệt cho đến hiện cả hình tướng Phạm thiên đem pháp thiện để khuyến hóa.

Hoặc hóa hiện hình tượng Ca-lâu-la, để khuyến hóa loài chim Ca-lâu-la tu các hạnh thiện, thậm chí con còn hiện cả hình tướng loài thỏ để giáo hóa đối với những chúng sinh đói khát, con nguyện đem cả máu thịt để bố thí khiến họ được no đủ. Nếu có chúng sinh phạm các tội, con nguyện đem thân mạng mình chịu tội thay để cứu độ họ.

Bạch Đức Thế Tôn, vào đời vị lai, con nguyện đem hết dũng lực tu tập các hạnh nguyện khó nhằm hóa độ những chúng sinh đã mất hết căn lành, sẽ vì họ mà chịu các thứ khổ nạn thống thiết trong sinh tử. Cho đến trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, tới phần còn lại của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, bắt đầu vào Hiền kiếp, bấy giờ đồng tử Nguyệt Mạn thành tựu quả Bồ-đề Vô thượng, hiệu là Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, con nguyện dùng tuệ nhãn nhìn thấy các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế, chuyển pháp luân trong hàng ngàn cõi Phật với số thế giới nhiều như vi trần khắp mười phương. Từ đó, bước đầu con sẽ giáo hóa các chúng sinh xa lìa thiện căn, tích tập các căn chẳng lành, nghèo thiếu về bảy thứ Thánh tài, tất cả bị bỏ rơi nơi thế giới không có Phật tạo nghiệp vô gián, bài báng Chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền cho đến bị bức bách trong nẻo tà đạo, khốn khổ nơi biển sinh tử mênh mông. Trước tiên, con vì những chúng sinh này mà ca ngợi đạo Giác ngộ Tối thượng, rồi đem đạo ấy để khuyến hóa, khiến họ an trụ trong đó, lần lượt tu tập Bố thí ba-la-mật, cho đến Trí tuệ ba-la-mật, tạo được hạt giống thiện căn nơi Niết-bàn vô thượng cho những chúng sinh ấy, cứu họ ra khỏi cõi ác, an lập nơi phước đức, trí tuệ, từ đó, đưa họ đến chỗ các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế để được thọ ký đạo quả Chánh giác Vô thượng đạt được Tam-muội, Đà-la-ni, Nhẫn nhục, chứng đắc địa thứ nhất. Đó là con trước đã khuyến hóa chỉ dẫn những chúng sinh kia lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm, rồi theo ý nguyện họ đã chọn lấy cõi Phật trang nghiêm như thế.

Lúc ấy, mới vào Hiền kiếp, trong ngày xuất hiện ở đời của đức Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, xin cho con được thấy các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế vì chúng sinh thuyết pháp trong hàng ngàn cõi Phật với vô số thế giới nhiều như vi trần khắp mười phương. Đức Ca-la-ca-tôn-đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc... thành Phật chưa lâu, con sẽ đến nơi chỗ Ngài, đem các thứ vật dụng để cúng dường, cung kính thưa hỏi về pháp xuất gia tu giới, để trở nên người nghe biết nhiều tu tập các pháp môn Tam-muội, thuyết pháp hơn hết, ngoại trừ Đức Như Lai. Vào lúc đó, con sẽ dốc sức hóa độ các chúng sinh nào khô kiệt căn lành, tích tập căn bất thiện, rơi trong đường tà kiến, tạo nghiệp Vô gián... chịu bao nỗi khổ não, luôn vì họ thuyết pháp. Sau ngày mặt trời Phật lặn rồi, con sẽ thực hiện

vô số Phật sự, kể cả thời Đức Ca-na-ca Mâu-ni Đức Phật Ca-diếp… trụ thế thuyết pháp, con cũng đi đến trú xứ của các ngài làm đủ mọi Phật sự như thế. Lần hồi cho tới khi kiếp người thọ một ngàn năm, con dùng ba thứ phước địa để an lập chúng sinh. Qua thời gian này con vãng sinh lên cõi trời, vì chư Thiên thuyết giảng đạo pháp để hóa độ họ, cho đến khi chúng sinh ở cõi Ta-bà thọ một trăm hai mươi tuổi, họ vô cùng ngu tối, kiêu mạn, dựa vào sắc tướng, ỷ vào dòng giống, không hiểu biết, mang nhiều ganh ghét, giận dữ, sống nơi năm thứ ô trược tối tăm, đầy những tham dục, nhiễm đắm, sống theo những điều phi pháp, tin theo tà kiến điên đảo, không có bảy thứ tài sản của bậc Thánh, bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sa-môn và Bà-la-môn, chẳng biết làm ân, không tạo phước đức, chẳng sợ quả báo ở đời sau, không tu ba thứ phước địa, không cầu đạo quả của Ba thừa, không tu ba nghiệp lành, chuyên làm ba điều ác, chẳng tu mười nghiệp lành, lại ưa tạo mười hành vi bất thiện, bị bốn thứ điên đảo che lấp, sống trong bốn việc phá giới, thuận theo bốn thứ ma, trôi theo bốn dòng nước dữ, thường bị năm triền cái, sáu tình làm cho hôn ám, mê muội, chìm đắm nơi tám tà tạo vô số tội lỗi, luôn dấy khởi các kết sử, không cầu phước báo nơi cõi trời, người, bị các tà kiến, điên đảo dẫn dắt, tạo nghiệp vô gián, bài báng Chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền, xa lìa các thiện căn, bướng bỉnh, thô bạo, chẳng biết ân nghĩa, thấy người làm việc thiện thì sinh tâm ác chê bai, trí tuệ kém cõi, ít học hỏi, hay quên, các căn không đầy đủ thiếu dũng lực, thân tướng suy nhược, tiều tụy. Họ luôn gần gũi với bạn xấu. Bệnh hoạn khiến họ khốn đốn, xấu xí, nhìn nhau không biết xấu, không chút hổ thẹn, lại còn khủng bố lẫn nhau. Trong khoảng một bữa ăn ngắn, thân khẩu ý của họ đã tạo ra nhiều nghiệp ác. Do làm ác được khen ngợi nên chấp theo thường kiến, đoạn kiến, sinh tâm tham đắm nơi thân năm ấm, tâm tham luyến năm dục, sinh vui thích, tâm dao động, tâm kinh dể, tâm oán hận, tâm uế trược, tâm thô bỉ, tâm giận dữ, tâm chẳng điều phục, tâm chẳng giữ gìn, tâm chẳng hòa nhã, tâm chạy theo việc phi pháp, tâm không an trụ, tâm cầu xin nhờ cậy, tâm tán loạn, tâm hãm hại nhau, tâm lìa pháp lành, tâm không báo đáp, tâm có mưu toan, tâm tiêu diệt điều thiện, tâm không phát sinh điều thiện, tâm chẳng cầu Niết-bàn tịch tĩnh, tâm chẳng biết cúng dường, tâm tích tập tất cả các thứ trói buộc, tâm cho sinh lão bệnh tử không do nhân duyên, tâm thọ lãnh các phiền não, tâm chấp nhận tất cả các thứ chướng ngại, tâm hủy hoại cờ Chánh pháp, tâm dựng lập cờ tà kiến, tâm hay chỉ trích, hủy hoại nhau, tâm ăn nuốt lẫn nhau, tâm tự đề cao mình, tâm gây khốn khó cho kẻ khác, tâm ganh ghét dữ dội, tâm giết hại nhau, tâm ham muốn không biết chán, tâm thấy người khác có của thì ghét ganh, tâm

không biết ân, tâm trộm cắp, tâm tà dâm, tâm dối gạt, tâm không dấy khởi thệ nguyện lành. Đó là những điều chúng sinh thời ấy có, trong đó, chúng sinh tuần tự nghe được những âm thanh như: âm thanh địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh; âm thanh bệnh, lão, tử; âm thanh mưu hại tạo nạn; âm thanh xiềng xích, gông cùm, trói buộc, giam cầm; âm thanh tra khảo đau đớn; âm thanh nói chuyện thị phi; âm thanh mạ lỵ; âm thanh xuyên tạc; âm thanh hủy hoại mọi người; âm thanh trộm cắp; âm thanh chiến tranh; âm thanh đói kém; âm thanh tham dục, tà dâm; âm thanh vọng ngữ; âm thanh cuồng si; âm thanh nói thêu dệt; âm thanh ác khẩu; âm thanh nói hai lưỡi; âm thanh ganh ghét; âm thanh tích chứa điều xấu; âm thanh tranh giành; âm thanh chấp ngã âm thanh yêu ghét; âm thanh vừa ý không vừa ý; âm thanh yêu thương phải chia lìa, ghét bỏ phải gặp gỡ; âm thanh buôn bán; âm thanh mặc cả mua bán với nhau; âm thanh ở trong thai; âm thanh xú uế; âm thanh lạnh, nóng; âm thanh đói, khát; âm thanh mệt mỏi; âm thanh bệnh tật, đau đớn; âm thanh trồng trọt; âm thanh của vô số các thứ nghiệp lo buồn; âm thanh đủ các thứ khổ bức bách; âm thanh của vô số các thứ dịch bệnh. Các chúng sinh ở đây lần lượt cùng nghe bốn mươi lăm thứ âm thanh ấy, bỏ mất các căn lành, thiếu thiện tri thức, tâm ác đầy dẫy, cả cõi Ta-bà bấy giờ chúng sinh là như thế bị tất cả các vị Bồ-tát từ bỏ, ở thế giới không có Phật, nên không biết bố thí, trì giới, tu định, không tu theo nghiệp thiện mà tích tập các pháp bất thiện. Con sẽ đem tám Thánh đạo tế độ muôn loài qua khỏi biển sinh tử đến thành vô úy. Bấy giờ chúng sinh do duyên kết nhiều nghiệp ác nặng nề nên cõi Ta-bà của Phật rất là xấu ác vì ở đây không còn việc tu tạo phước đức, gieo giống thiện căn. Đất đai khắp nơi hóa ra chất mặn, hoặc cằn cỗi, đất đá, núi non lồi lõm không bằng phẳng, nhiều côn trùng độc hại như: muỗi, ruồi, rắn độc, cùng chim, thú dữ. Lại có gió trái thời nổi lên dồn dập, mưa to không phải lúc, tạo mọi thô nhám uế tạp đủ loại, rồi mưa đá, sương mù kéo theo tai họa. Đất đai cũng sinh ra các thứ cây cỏ xấu. Cành lá hoa trái, các giống ngũ cốc, các thứ dùng để ăn uống nuôi thân của chúng sinh đều trái thời vụ, nhiễm bẩn, độc hại. Các chúng sinh kia ăn uống các thứ đó đều tăng trưởng sự thô ác, giết hại, dối trá, huyên thuyên thị phi, chẳng cung kính nhau, sinh tâm sợ hãi, tâm ganh ghét, tâm muốn hãm hại nhau. Họ uống máu, ăn thịt, dùng da làm áo, thích mang binh khí, chém giết hủy hoại, ỷ thị nơi sắc tộc, giàu sang, theo thuật toán số, phóng ngựa, gảy đàn, người người đánh nhau, ganh tỵ ngạo mạn, tu tập theo các pháp tà, chịu vô số khổ. Bấy giờ, con sẽ từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh, nhằm hóa độ cho chúng sinh có được căn lành thuần thục nên con nhập thai nơi phu nhân bậc nhất của dòng vua Chuyển luân tối thượng. Khi đó, con sẽ

phóng ánh sáng thanh tịnh tỏa chiếu khắp thế giới Ta-bà, trên đến tận cõi trời A-ca-ni-trá, dưới đến cùng tận nền Kim luân, khiến cho chúng sinh ở thế giới Ta-bà ấy, hoặc tại địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ, hoặc trên cõi trời, hoặc trong loài người, tại Sắc giới, Vô sắc giới, Hữu tưởng, Vô tưởng, Phi tưởng, Phi phi tưởng xứ, đều được các loài chúng sinh đó thảy trông thấy ánh sáng kia chạm vào thân thể khiến cho tất cả chán nỗi khổ trong vòng sinh tử, thích cầu đạo Niết-bàn cho đến trụ nơi tâm diệt hết mọi thứ phiền não. Đó là bước đầu tiên con gieo hạt giống đạo Giác ngộ giải thoát. Nguyện con mười tháng ở trong thai mẹ biết chọn lựa được tất cả các pháp để thâm nhập vào tất cả các pháp môn, đó là môn Vô sinh, môn Không, môn Tam-muội. Lại nữa, nếu con ra khỏi thai, đắc quả vị Phật thì những chúng sinh chán lìa sinh tử mà con đã hóa độ đó, khiến cho suốt trong mười tháng đều thấy con ngồi kiết già nơi thai, nhất tâm với chánh định như ngọc Ma-ni hiển hiện. Mãn mười tháng, khi sinh, con đem tất cả phước đức nơi Tam-muội đã được tích tập khiến cho khắp thế giới Ta-bà đều hiện đủ sáu cách chấn động, trên lên tận cõi trời A-ca-ni-trá, dưới xuống tận cõi Kim luân. Lúc này, các chúng sinh sống ở cõi Ta-bà, hoặc tại địa ngục, cho đến trong loài người thảy đều tỉnh ngộ. Con sẽ từ hông bên phải của mẹ ra đời, lại dùng ánh sáng vi diệu chiếu khắp thế giới Ta-bà, không đâu là không tỏa đến, cũng lại giác ngộ cho tất cả chúng sinh chưa trồng căn lành, hoặc đã gieo trồng hạt Niết-bàn. Đối với các chúng sinh đã gieo hạt giống Niết-bàn rồi thì khiến phát sinh mầm mống Tam-muội, lập thệ nguyện. Khi chân con vừa giẫm lên đất thì khiến cho thế giới Ta-bà này có đủ sáu cách chấn động từ nền Kim luân lên đến cõi trời A-ca-ni-trá, tất cả chúng sinh đang sống trên mặt đất, nơi hư không, dưới nước thuộc noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh trong năm nẻo đều được giác ngộ. Các chúng sinh chưa phát sinh mầm mống, lập nguyện thì sẽ khiến họ phát sinh. Đã lập thệ nguyện rồi thì khiến họ được Bất thoái chuyển, an trụ nơi Ba thừa. Nguyện khi con ra đời tại thế giới Ta-bà thì các vị Đại phạm, Ma vương, Đế Thích, Nhật Nguyệt, Hộ thế, cùng chư Thiên, Long vương, A-tu-la, Dạ-xoa, La-sát, Rồng, hóa hiện oai đức lớn, tất cả cùng đến cúng dường con. Nguyện cho con vừa ra đời liền đi bảy bước, liền tập hợp tất cả phước đức nơi Tam-muội để thuyết pháp, khiến cho các đại chúng đó đều được an trụ nơi Ba thừa. Trong đại chúng này, nếu có người cầu Thanh văn thừa con sẽ hóa độ khiến trụ nơi sau cùng thì được giải thoát. Hoặc có người cầu Bích-chi-phật thừa thì sẽ khiến cho tất cả đều được pháp nhẫn Hiển minh hoa. Có chúng sinh cầu pháp Đại thừa vô thượng thì sẽ khiến cho tất cả đều đạt được pháp tam-muội Kim cang trì hải bất động. Nhờ pháp Tam-muội này nên họ

chứng được bậc Tam địa.

Khi con muốn được tắm thì khiến cho vị Long vương tối thắng trong đại chúng này đến tắm rửa cho con, các chúng sinh nào được thấy con tắm thì khiến cho họ được trụ nơi Ba thừa, có được công đức như đã nói.

Khi còn là đồng tử dạo chơi và các hành động khác chỉ là nhằm thị hiện để giáo hóa chúng sinh. Như ở nơi cung điện cùng đám thể nữ thọ hưởng năm dục lòng sinh nhàm chán, nửa đêm vượt thành ra đi, vứt bỏ ngọc anh lạc cùng các thứ đồ trang sức nơi thân. Vì để hàng phục các đám dị học như Ni-kiền-đà-già-la-ca…, nên con mặc Pháp phục đến bên gốc cây Bồ-đề. Những chúng sinh thấy con đến nơi ấy thì con sẽ tập hợp tất cả phước đức để thành tựu diệu lực Tam-muội, vì những chúng sinh này thuyết giảng đạo pháp, khiến tất cả họ đều dốc cầu đạo quả Tam thừa. Trong số này nếu có người đã gieo sẵn giống Thanh văn thì khiến cho tất cả chúng sinh đó đạt quả thuần thục, ở đời cuối cùng theo con sẽ được hóa độ. Những ai cầu quả vị Bích-chi-phật thừa thì khiến cho tất cả đều được pháp nhẫn Hiển minh hoa. Hoặc có chúng sinh vun trồng hạt giống Đại thừa thì khiến đều đạt được pháp tam-muội Kim cang trì hải bất động, nhờ pháp Tam-muội này nên họ chứng đắc bậc Tam địa. Con sẽ tự tay dùng cỏ bày cạnh gốc cây Bồ-đề làm tòa ngồi Kim cang, ngồi kiết già, thân ngay, ý chính sẽ vào cõi thiền bất động khiến cho hơi thở ra vào an trụ trong vắng lặng. Ngày ngày con chỉ một lần con xuất định, ăn nửa hạt mè, còn nửa hạt đem bố thí cho người. Trong thời gian ấy, con sẽ tu hạnh khổ như vậy, khiến cho khắp thế giới Ta-bà lên đến cõi trời A-ca-ni-trá, ai nghe tên con đều tìm đến cúng dường, tất cả đều chứng kiến việc tu tập khổ hạnh của con. Trong số chư Thiên này, nếu người cầu Thanh văn thừa, thưa Đức Thế Tôn, con nguyện giúp họ tiêu trừ được hết các thứ phiền não trói buộc, nơi thân sau cùng ấy theo con được độ thoát. Có người cầu Bích-chi-phật thừa... *cũng như trước đã nói*, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, Ngạ quỉ, Tỳ-xá-da, Cưu-bàn-trà, Tiên nhân đạt ngũ thông... đến cúng dường con thì tất cả các chúng ấy đều chứng minh cho việc tu tập khổ hạnh của con. Nếu những ai cầu đạo quả Thanh văn thừa... *cũng như trước đã nói*. Đối với pháp tu khổ hạnh của đám dị học ở bốn châu thiên hạ này thì khiến cho chư Thiên và hàng phi nhân đến nói rõ cho họ: "Việc tu tập khổ hạnh của các ông không đạt được quả báo lớn, lại không phải là điều chưa từng có! Nơi đó địa phận của ta có vị Bồ-tát nhất sinh bổ xứ đang tu khổ hạnh, lại nhập thiền định tâm xả bỏ mọi thứ ràng buộc, thân xa lìa mọi hành động, hơi thở ra vào đều vắng lặng, mỗi ngày xuất định một lần, ăn nửa hạt mè. Tu khổ hạnh như vậy thì đạt quả báo rất

lớn, đạt được lợi ích lớn, giáo hóa rộng khắp, chẳng bao lâu sẽ thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Các ông không tin lời ta thì hãy đến đó mà xem!". Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện cho tất cả những người ấy bỏ các tu tập của mình, đi đến tận nơi xem con tu khổ hạnh, nếu có kẻ đã gieo hạt giống Thanh văn... *(như trước đã nói.)*

Nếu có các hàng quốc vương, quần thần, trăm quan, dân chúng, tại gia, xuất gia thì khiến cho tất cả đều đi đến chỗ con chiêm ngưỡng cúng dường, nếu có ai cầu quả vị Thanh văn thừa... *(như trước đã nói.)*

Như có người nữ thấy sự khổ hạnh của con đi đến cúng dường thì khiến đời sau họ không còn thọ thân nữ nữa, trong số này có người cầu Thanh văn thừa... *(như trước đã nói.)*

Nếu có các loài cầm thú thấy con tu khổ hạnh thì khiến cho chúng với thân ấy là thân sau cùng, sau khi qua đời không còn trở lại thọ thân súc sinh nữa. Như có loài nào đã phát tâm cầu đạo quả Thanh văn thừa thì chỉ còn một đời theo con để được hóa độ. Hoặc có cầu quả Bích-chi-phật thừa... *(như trước đã nói)*. Các loài súc sinh, ngạ quỉ cũng đều như vậy. Bấy giờ, con ngồi kiết già tu khổ hạnh như thế, khiến cho hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh chứng kiến sự khổ hạnh của con như là được gặp một sự kiện chưa từng có. Những chúng sinh này đã ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp gieo hạt giống giải thoát. Con tu khổ hạnh như vậy là nơi quá khứ không có chúng sinh, hay hàng thuật số dị học, hàng Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, Đại thừa vô thượng, nào có thể tu tập được. Sau con, cũng không có chúng sinh, thuật số, dị học, cho đến Đại thừa nào có thể thực hành được như thế. Khi chưa thành đạo quả Chánh giác, con đã làm những việc của bậc Trượng phu hàng phục ma vương và quyến thuộc của chúng, phá trừ mọi phiền não. Con thành đạo quả Bồ-đề tối thượng rồi, sẽ khiến cho chúng sinh ở đó nghe pháp lần thứ nhất đắc quả A-la-hán, nghe pháp lần thứ hai cũng được quả A-la-hán. Như vậy con thuyết pháp lần thứ ba, thứ tư cũng khiến họ đắc quả A-la-hán. Con sẽ vì từng chúng sinh một thị hiện trăm ngàn pháp thần thông khiến họ an trụ nơi chánh kiến, thuyết giảng trăm ngàn vô lượng nghĩa pháp môn đầy đủ, tùy sự lãnh hội của mỗi người mà được đạo quả. Phiền não của chúng sinh như núi cao, con nhất định sẽ dùng chày trí tuệ Kim cang để đập tan, thuyết giảng giáo pháp Ba thừa, vì mỗi một chúng sinh nên lặn lội hàng trăm do-tuần thuyết giảng đạo pháp đem họ về nẻo Vô úy. Hoặc có người muốn xuất gia trong pháp của con thì nguyện của họ không bị những trở ngại như yếu kém, thất niệm, phóng túng, cuồng si, ngang ngạnh, kiêu mạn, ngu tối, trói buộc do phiền não, tâm

tán loạn. Nếu có người nữ muốn xuất gia trong pháp của con để học đạo, thọ đại giới thì thành tựu nguyện lớn. Nguyện cho bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của con luôn được cúng dường. Nguyện cho chư Thiên và các quỷ thần thấy được bốn Thánh đế. Các chúng Dạ-xoa, Rồng, A-tu-la và các súc sinh thọ tám trai giới và tu tập phạm hạnh.

Thưa Đức Thế Tôn, con thành tựu đạo quả Bồ-đề rồi, nếu có chúng sinh khởi tâm sân hận đối với con, hoặc dùng đao, gậy, lửa, đá đến chỗ của con, nhằm tàn hại hoặc nhục mạ con bằng lời lẽ thô tục, lại còn bài báng nói xấu con khắp mười phương, bỏ độc dược vào đồ ăn uống, đưa cho con thì con sẽ nhận chịu hết các nghiệp quả còn sót lại, như thế để thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Con thành Bậc Chánh Giác rồi, nếu chúng sinh đối với con trước đây có oán thù, hiềm khích gì, nay mang theo đồ chém giết, các thứ binh khí, dùng những lời lẽ nhục mạ, dùng các thức ăn độc hại đến chỗ con, khiến cho thân con chảy máu, thì con đem tâm đại bi với tiếng nói êm dịu của Phạm thiên, giống như tiếng chuông, tiếng trống, tiếng sấm động để vì chúng sinh đó thuyết giảng giáo pháp về Tam-muội giới văn đem lại cho họ tâm thanh tịnh, khiến họ được an trụ trong nghiệp lành, cải hối nghiệp ác, được đầy đủ tịnh giới. Nguyện cho chúng sinh đó không đánh mất đạo quả giải thoát, xa lìa tham dục dứt sạch lậu, tận trừ chướng ngại của nghiệp báo còn sót lại nơi đời trước.

Thưa Đức Thế Tôn, con thành đạo quả Bồ-đề rồi, hàng ngày, theo số lỗ chân lông trên thân thể con sẽ hiện ra từng ấy vị Hóa Phật có đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp. Con sẽ sai các vị Hóa Phật kia đến cõi không có Phật, đến cõi Phật thanh tịnh, đến cõi Phật có đủ năm thứ ô trược nữa. Chúng sinh ở trong các thế giới đó tạo nghiệp Vô gián, bài báng Chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền cho đến tích tập các căn chẳng lành. Trong số chúng sinh này, có kẻ cầu Thanh văn thừa, có kẻ cầu Duyên giác thừa, có kẻ cầu Đại thừa, cho dù là giới luật thiếu sót, oai nghi không đủ, phạm các tội căn bản, tâm ý luôn bị thiêu đốt, sai trái với đạo lành, rơi vào vòng luân chuyển vô tận, bị tà đạo làm khốn khổ, chìm đắm trong biển sinh tử mênh mông, con cũng khiến cho từng vị Hóa Phật, hàng ngày vì hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh như thế mà tùy duyên thuyết giảng đạo pháp. Nếu có chúng sinh phụng thờ trời Ma-hê-thủ-la thì cũng tùy theo đấy hiện hình tướng trời Ma-hê-thủ-la để thuyết pháp, cho họ, tán dương cõi Phật nơi thế giới Ta-bà, khuyến hóa các chúng sinh đó thệ nguyện hồi hướng, nếu họ được nghe danh hiệu con thì khiến họ nguyện sinh về thế giới của con.

Thưa Đức Thế Tôn, như các chúng sinh ấy, lúc sắp mạng chung, nếu con không hiện ra trước mặt họ để thuyết pháp khiến họ phát sinh tâm thiện thì vào đời vị lai con không chứng đắc đạo quả Giác ngộ Vô thượng. Nếu các chúng sinh này sau khi qua đời bị đọa vào ba nẻo ác, không sinh vào thế giới của con để được thọ thân người thì vô lượng pháp mà con đã tu tập lãnh hội sẽ diệt mất hết, mọi Phật sự đều không thành tựu. Với các chúng sinh phụng thờ thần Na-la-diên cũng vậy. Khi con thành tựu đạo quả Bồ-đề rồi, nơi tất cả cõi Phật có những chúng sinh tạo nghiệp Vô gián… bị tà đạo làm khốn khổ, chìm đắm trong vòng sinh tử mênh mông, thì nguyện cho họ sau khi lâm chung được sinh về thế giới của con, tùy theo nghiệp cũ mà thọ thân tướng thô kệch, mạo diện xấu xí như Tỳ-xá-già, lại thất niệm, nhiều lỗi lầm, phá giới, uế tạp, lắm bệnh, đoản mạng, các thứ xấu ác này làm tổn giảm thọ mạng. Vì những chúng sinh này nên con ở nơi bốn châu thiên hạ trong thế giới Ta-bà, vào một lúc nọ từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ thị hiện sinh ra, lớn lên, làm đồng tử dạo chơi, học tập các thứ ngành nghề kỹ xảo, xuất gia tu khổ hạnh, hàng phục Ma vương, thành đạo Bồ-đề Vô thượng, chuyển pháp luân, thực hiện đầy đủ mọi Phật sự ở bốn châu thiên hạ rồi mới nhập Niết-bàn để lại xá-lợi.

Thưa Đức Thế Tôn, con thành đạo Bồ-đề rồi, sẽ dùng một loại âm thanh để thuyết giảng chánh pháp. Các chúng sinh nào cầu Thanh văn thừa nghe Phật thuyết pháp liền hiểu được Pháp tạng của Thanh văn. Có chúng sinh cầu Duyên giác thừa thì khiến họ lãnh hội được pháp Nhân duyên. Nếu các chúng sinh cầu Đại thừa vô thượng thì nghe Phật nói pháp liền hiểu rõ về pháp Đại thừa thuần nhất không xen tạp. Chúng sinh nào chưa đủ công đức, muốn cầu đạo quả Bồ-đề, thì khiến họ hiểu rõ về pháp môn Bố thí. Nếu có chúng sinh thiếu phước đức, cầu sinh lên cõi trời thọ hưởng diệu lạc, nghe Phật thuyết pháp lần lượt hiểu rõ về Giới. Chúng sinh nào tâm giận dữ, sợ hãi lẫn nhau nghe Phật nói pháp thì lãnh hội đầy đủ về pháp môn Từ. Nếu có những chúng sinh ưa tạo nghiệp giết hại, thì sẽ khiến họ hiểu rõ được phép môn Bi. Kẻ có tâm tham lam keo kiệt, ganh ghét thì khiến họ lãnh hội được pháp môn Hỷ. Những chúng sinh nào cậy sắc, ỷ mạnh lòng dục uế tạp thì khiến họ hiểu rõ được pháp Xả. Kẻ có tâm tham đắm ái dục nghe Phật nói pháp liền lý giải được pháp Quán bất tịnh. Chúng sinh nào cầu học Đại thừa mà kiêu mạn, loạn tâm, nghe Phật giảng pháp thì đạt được pháp Thân niệm xứ. Kẻ thiếu trí tuệ cầu được sáng suốt thì nghe Phật nói pháp liền lý giải được pháp Nhân duyên. Kẻ học hỏi thiếu kém nghe Phật giảng pháp thì khiến họ đạt được pháp Chẳng quên mất các pháp tổng trì. Các chúng sinh bị rơi vào rừng rậm tà kiến nghe Phật nói

pháp thì lãnh hội được pháp Không. Nếu các chúng sinh bị nhiều suy tưởng che lấp tâm ý, nghe Phật nói pháp liền đạt được pháp môn Vô tướng. Kẻ có những nguyện không thanh tịnh che lấp tâm ý, nghe Phật nói pháp liền đạt được pháp Vô nguyện.

Kẻ thân ý không trong sạch thì khiến họ lãnh hội được pháp thân ý nhu hòa. Kẻ bị những hành động tán loạn che lấp tâm ý thì khiến họ hiểu rõ được pháp, chẳng quên mất tâm Bồ-đề. Kẻ chứa sân si, tham dục, che lấp tâm tư, nghe Phật nói pháp lãnh hội được pháp dứt mọi oán kết. Kẻ khốn khổ vì bị hủy diệt tâm ý thì khiến họ hiểu rõ về pháp vốn không. Kẻ tâm bị não hại thì khiến họ lãnh hội thì được pháp không ganh ghét. Kẻ quên nghiệp lành thì đạt được pháp chiếu soi sáng suốt. Kẻ tạo tác theo nghiệp ma thì lãnh hội được pháp thanh tịnh. Kẻ chìm đắm trong lý luận sai khác thì khiến họ hiểu rõ được con đường giải thoát. Kẻ bị các kết sử trói buộc tâm ý thì rõ được pháp dứt bỏ xa lìa. Kẻ bị lôi cuốn trong thiên kiến tà đạo thì khiến họ hiểu rõ được pháp trở lại đường chính. Kẻ có tâm cầu pháp Đại thừa thì rõ được pháp chẳng thoái chuyển. Kẻ chán sinh tử thì rõ được pháp ưa hạnh Bồ-tát. Kẻ chưa rõ được cảnh giới thiện, nghe Phật nói pháp liền hiểu được pháp của cảnh giới thiện. Kẻ không ưa nghĩ đến căn lành thì khiến hiểu hoan hỷ. Các chúng sinh tâm chống đối nhau nghe Phật nói pháp thì lần lượt sáng tỏ, vô ngại. Kẻ thường hành theo nghiệp ác thì lãnh hội được pháp tế độ. Kẻ sợ hãi đại chúng thì khiến đạt được pháp tam-muội Sư tử tướng. Kẻ bị bốn thứ ma che lấp tâm ý thì lãnh hội được pháp tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Kẻ không thấy ánh sáng nơi quốc độ Phật thì khiến đạt được vô số tam-muội Quang minh trang nghiêm. Kẻ có tâm yêu ghét thì lãnh hội được pháp Giải thoát và tâm Xả. Kẻ không biết Phật pháp sáng tỏ thì khiến đạt được pháp tam-muội Nhất tràng. Người nào xa lìa trí tuệ lớn thì nghe Phật nói pháp thì đạt được tam-muội Pháp cự. Kẻ bị khốn cùng trong ngu si mờ tối thì khiến đạt được pháp tam-muội Nhật đăng quang minh. Kẻ không có khả năng giảng giải giáo pháp, nghe Phật nói pháp liền được vô số công đức ứng đối. Có các chúng sinh xem xét các sắc hòa hợp không bền chắc, như bọt nước, nghe Phật nói pháp liền được tam-muội Na-la-diên. Kẻ tâm ý khuynh động thì khiến đạt được tam-muội Kiên lao quyết định. Kẻ bỏ thệ nguyện trước thì khiến đạt được tam-muội Kiên cố. Kẻ thoái chuyển các thần thông thì khiến đạt được tam-muội Kim cang. Các chúng sinh nào đối với Bồ-đề tràng sinh nghi hoặc, nghe Phật nói pháp liền hiểu rõ về Kim cang đạo tràng. Các chúng sinh nào tâm nhàm chán các pháp không, nghe Phật nói pháp liền được tam-muội Kim cang. Kẻ muốn biết tâm của loài khác thì khiến biết được nẻo hành xử. Kẻ

muốn biết căn nghiệp của người khác thì khiến thông tỏ được. Kẻ nói chẳng hiểu nhau thì khiến đạt được nẻo ngôn từ thông tỏ. Kẻ chưa đạt được pháp thân, nghe Phật nói pháp liền hiểu rõ, phân biệt các thân. Kẻ mong gặp Như Lai thì khiến đạt được tam-muội Bất tuần. Kẻ phân biệt về các nhân duyên thì khiến đạt được tam-muội Vô tranh. Kẻ có tâm nghi ngờ về Chuyển pháp luân thì khiến đối với việc Chuyển pháp luân tâm đạt thanh tịnh. Kẻ phát sinh tà hạnh không tin nhân quả thì khiến thì khiến lãnh hội rõ các pháp và thuận theo nhân duyên. Kẻ dấy khởi thường kiến về một cõi Phật nghe Phật nói pháp liền phân biệt rõ về vô lượng cõi Phật. Kẻ chưa gieo nhân tướng tốt thì khiến đạt được vô số tam-muội Trang nghiêm. Kẻ không phân biệt được âm thanh thì nghe Phật nói pháp liền được hiểu rõ, phân biệt các loại ngôn ngữ, âm thanh. Kẻ cầu được Nhất thiết chủng trí nghe Phật nói pháp liền được tam-muội Vô sở phân biệt pháp giới. Người đối với đạo pháp bị thoái chuyển thì khiến đạt được tam-muội Kiên cố. Kẻ không thông đạt pháp tánh thì khiến lãnh hội thấu đạt. Người xả bỏ thệ nguyện thì khiến có được tam-muội Bất thoái. Có chúng sinh nào hay phân biệt lẫn lộn các đạo pháp, nghe Phật nói pháp thì hiểu rõ các đạo pháp không còn lẫn lộn. Kẻ cầu được trí như hư không thì khiến lãnh hội được tam-muội Vô sở hữu. Kẻ chưa đầy đủ các pháp Ba-la-mật thì khiến an trụ nơi Ba-la-mật thanh tịnh. Các chúng sinh chưa có đầy đủ bốn nhiếp pháp, nghe Phật nói pháp liền đạt được tam-muội Diệu thiện nhiếp thủ. Kẻ chưa trụ nơi phạm hạnh thì khiến được an trụ nơi pháp bình đẳng. Kẻ chưa đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề nghe Phật nói pháp liền được trụ nơi tam-muội Xuất thế. Kẻ nào có tâm nghe ngờ về vô sinh pháp nhẫn thì khiến đạt được tam-muội Quyết định. Kẻ nào quên mất pháp đã nghe thì khiến đạt được tam-muội Chẳng mất niệm. Có các chúng sinh không thích đối với những người thuyết pháp, nghe Phật nói pháp liền được Tuệ nhãn thanh tịnh không còn hồ nghi. Kẻ chưa cung kính, tin tưởng Tam bảo thì khiến có được tam-muội Công đức tăng trưởng. Các chúng sinh đói khát mưa pháp thì khiến được tam-muội Pháp vũ. Có các chúng sinh dấy khởi đoạn kiến đối với Tam bảo, nghe Phật nói pháp liền được tam-muội Các báu trang nghiêm. Kẻ không tạo nghiệp trí tuệ thì khiến lãnh hội lý vô sinh. Kẻ bị các thứ phiền não ràng buộc thì khiến lý giải không môn. Kẻ có tâm xem nhẹ tất cả các pháp thì khiến đạt được tam-muội Trí ấn. Kẻ chưa biết đầy đủ công đức của Như Lai thì khiến có được tam-muội Thế gian giải thoát. Kẻ đối trước chỗ Phật chưa tích chứa công đức thì khiến đạt được vô số thần túc biến hóa. Kẻ chưa nghĩ đến việc thuyết giảng các pháp môn một cách rốt ráo thì nghe Phật nói pháp liền thông suốt tất cả các pháp đồng một pháp giới. Kẻ chưa

hiểu rõ về tất cả kinh điển thì khiến đạt được tam-muội Thật tướng các pháp bình đẳng. Kẻ xa lìa pháp lục hòa kính thì khiến lãnh hội tất cả pháp tướng. Có các chúng sinh không tinh tấn đối với pháp môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nghe Phật nói pháp liền được thần túc tự tại. Kẻ không siêng năng tu hạnh Bồ-tát thì liền khiến đạt được trí tuệ tinh tấn. Có các chúng sinh muốn phân biệt nhập vào Như Lai tạng, nghe Phật nói pháp, hoàn toàn không nghe theo kẻ khác, liền phân biệt nhập vào Như Lai tạng. Các chúng sinh nào chưa từng được thấy kinh Bản sinh, nghe Phật nói pháp liền đạt được pháp tam-muội Hiện khắp mọi chốn. Kẻ chưa thấy đầy đủ mười lực của Như Lai thì khiến đạt được tam-muội Vô hoại. Kẻ nào chưa có được bốn vô sở úy thì khiến đạt được tam-muội Vô tận ý. Kẻ chưa thấy đầy đủ pháp bất cộng của Phật thì khiến có được tam-muội Bất cộng pháp. Có các chúng sinh chưa được đầy đủ tri kiến không ngu si, nghe Phật nói pháp liền đạt được tam-muội Nguyệt cú. Các chúng sinh nào chưa biết tất cả các pháp môn Phật pháp, nghe Phật nói pháp liền đạt được tam-muội Ấn thanh tịnh dứt mọi cấu uế. Các chúng sinh nào chưa lãnh hội được Nhất thiết trí, nghe Phật nói pháp liền đạt được tam-muội Thiện hữu. Các chúng sinh nào chưa thành tựu được tất cả Phật sự, nghe Phật nói pháp liền được tam-muội Vô lượng bất tận ý. Các chúng sinh như vậy đối với Phật pháp đều được tin hiểu. Có các Bồ-tát tâm ngay thẳng không dối trá, nghe Phật thuyết pháp liền được tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn các Tam-muội, bảy vạn năm ngàn môn Đà-la-ni. Có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát tu tập pháp Đại thừa, nghe giảng nói pháp này cũng được vô lượng công đức như vậy an trụ nơi bậc Bất thoái chuyển. Cho nên các Đại Bồ-tát muốn đạt được vô số trang nghiêm bền chắc phải phát nguyện chẳng thể nghĩ bàn, tăng thêm tri kiến chẳng thể nghĩ bàn để tự trang nghiêm. Đó là dùng tướng tốt để trang nghiêm nơi thân, dùng lời nói lành như ý để trang nghiêm nơi miệng, khiến cho mọi người hoan hỷ. Dùng pháp Tam-muội bất thoái chuyển để trang nghiêm nơi tâm. Do niệm trang nghiêm nên không mất tất cả các môn Đà-la-ni. Do tâm trang nghiêm nên phân biệt rõ các pháp. Do niệm trang nghiêm nên hiểu được các nghĩa vi tế. Do tâm thiện trang nghiêm nên đạt được thệ nguyện kiên cố, tinh tấn, theo nguyện của mình đưa đến bờ bên kia. Do chuyên tâm trang nghiêm nên vượt qua các cấp bậc. Dùng hành vi xả bỏ tất cả các vật để trang nghiêm bố thí. Dùng sự trong sạch không nhơ để trang nghiêm trì giới. Dùng tâm đối với tất cả chúng sinh không phân biệt cao thấp để trang nghiêm nhẫn nhục. Dùng tất cả sự việc đã thành tựu để trang nghiêm tinh tấn. Dùng tất cả các pháp Tam-muội thần thông tự tại để trang nghiêm thiền định. Dùng sự hiểu biết về nguyên

do của các kết sử để trang nghiêm tuệ. Dùng hành động đi đến tất cả chỗ ở của chúng sinh để trang nghiêm Từ. Dùng việc không lìa bỏ tất cả chúng sinh để trang nghiêm Bi. Dùng thái độ không nghi hoặc đối với tất cả các pháp để trang nghiêm Hỷ. Dùng việc xem sự khen chê là không hai để trang nghiêm Xả. Dùng sự thể hiện các pháp Tam-muội tự tại thông suốt để trang nghiêm thần thông. Dùng việc được kho báu vô tận để trang nghiêm phước. Dùng việc hiểu rõ tâm niệm hiện có của tất cả chúng sinh để trang nghiêm trí. Dùng việc đem pháp thiện giác ngộ cho tất cả chúng sinh để trang nghiêm giác. Dùng việc đạt được mắt trí tuệ sáng suốt để trang nghiêm minh. Dùng sự ứng đối hợp pháp nghĩa để trang nghiêm biện tài. Dùng sự hàng phục chúng ma cùng đám dị học để trang nghiêm vô úy. Dùng chỗ đạt được công đức vô thượng nơi Phật để trang nghiêm đức. Dùng a-tăng-kỳ biện luận, thuyết pháp vì chúng sinh khắp nơi để trang nghiêm pháp. Dùng việc soi chiếu về tất cả pháp Phật để trang nghiêm minh... Dùng sự soi chiếu về mọi biến hóa nơi tất cả các cõi Phật để trang nghiêm quang. Dùng việc giảng nói về biến hóa không lầm lẫn để trang nghiêm lúc thuyết pháp. Dùng sự chỉ dạy luôn thích ứng để trang nghiêm cho việc giảng dạy trao truyền. Dùng chỗ đạt được bốn thần túc đến bờ bên kia để trang nghiêm sự thần biến. Dùng chỗ hội nhập pháp bí mật của Phật để trang nghiêm Như Lai. Dùng trí không tùy thuộc kẻ khác, được tất cả kính thuận để trang nghiêm tự tại. Dùng việc theo đúng như lý mà tu hành khắp mọi nơi chốn không thoái chuyển để trang nghiêm pháp thiện.

Vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh cầu pháp Đại thừa, con dùng một câu pháp với âm thanh trong lành diệt trừ được nhiều điều bất thiện, có đầy đủ các pháp thiện, khiến cho các Đại Bồ-tát đối với các pháp đạt được trí tuệ, không nhờ vào các nhân khác, thành tựu pháp quang minh lớn lao, chóng thành Bậc Chánh Giác Tối Thượng. Bạch Đức Thế Tôn, lại nữa trong các thế giới khác, chúng sinh tạo nghiệp vô gián cho đến phạm các tội căn bản, tâm ý luôn bị phiền não thiêu đốt, hoặc có người cầu Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, vô thượng Đại thừa, nguyện sinh về thế giới của con, cho dù họ đã tích tập các nghiệp chẳng lành, thô bạo, ưa làm việc ác, ngang ngược điên đảo, không thu nhiếp tâm ý, thì con cũng sẽ vì các chúng sinh ấy với tám muôn bốn ngàn (84.000) căn tánh khác nhau tâm ý loạn động mà thuyết giảng sâu rộng về tám muôn bốn ngàn (84.000) pháp tụ. Trong số này, nếu có chúng sinh cầu Đại thừa vô thượng thì con sẽ vì họ thuyết giảng rộng pháp Ba-la-mật, từ Đàn ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Có chúng sinh cầu Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, chưa gieo trồng thiện căn, mà cầu thoát khỏi sinh tử thì con sẽ khiến họ an trụ nơi ba pháp quy y sau mới

khiến tu học nơi sáu pháp Ba-la-mật. Các chúng sinh ưa việc sát sinh thì khiến an trụ giới không sát sinh. Các chúng sinh tham lam thì khiến an trụ nơi giới không trộm cắp. Các chúng sinh tham đắm việc phi pháp thì khiến an trụ nơi giới không tà dâm. Những chúng sinh vọng ngữ thì khiến an trụ nơi giới không nói dối. Các chúng sinh ưa nẻo tối tăm, ô trược thì khiến an trụ nơi giới không uống rượu. Đối với các chúng sinh có đủ năm thứ bệnh này, con sẽ khiến họ dứt bỏ hẳn và an trụ nơi giới cấm Ưu-bà-tắc. Chúng sinh không ưa pháp thiện, con sẽ khiến họ trong một ngày đêm an trụ nơi Tám trai giới. Những chúng sinh có ít thiện căn, con sẽ khiến họ đến gần với pháp xuất gia giữ mười giới để được an trụ nơi phạm hạnh. Hoặc có chúng sinh thích cầu pháp thiện, con sẽ khiến họ đến với pháp thiện thọ cụ túc giới, an trụ nơi phạm hạnh đến cùng.

Con sẽ vì các chúng sinh tạo nghiệp vô gián cho đến loại không thu nhiếp tâm ý ấy mà dùng vô số pháp môn thị hiện thân túc, thuyết giảng văn nghĩa, mở bày chỉ dạy các ấm, giới, nhập, vô thường, khổ, không, vô ngã, khiến họ trụ ở yên ổn nơi Niết-bàn vi diệu, tịch diệt. Con sẽ vì bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thuyết giảng giáo pháp như vậy. Nếu có người ưa luận nghị, con vì họ thị hiện các pháp nghị luận... Cho đến có người cầu giải thoát, con sẽ vì họ thị hiện không luận. Hoặc như có người không ưa pháp thiện, con sẽ vì họ thuyết giảng các pháp gần gũi chúng Tăng. Đối với người ưa pháp thiện, con sẽ vì họ thuyết giảng pháp trì tụng, tu tập thiền định, hướng đến giải thoát. Con vì mỗi một chúng sinh mà trải qua hàng trăm ngàn do-tuần, không sử dụng thần túc, dùng không biết bao nhiêu thứ câu lời nghĩa lý và phương tiện quyền biến để hóa độ, cam chịu sự khó nhọc này cho đến khi vào Niết-bàn, thậm chí do diệu lực của thệ nguyện, con sẽ phải giảm một phần trong năm phần thọ mạng của mình. Khi sắp nhập Niết-bàn con sẽ làm vụn ngọc thân xá-lợi thành như nửa hạt cải, vì thương xót chúng sinh, sau đó con mới vào Niết-bàn. Xin nguyện sau khi con nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ thế được một ngàn năm, tượng pháp trụ thế được năm trăm năm.

Phẩm 17: Lập Nguyện Xá-Lợi Thân Biến

Sau khi con vào Niết-bàn, như có chúng sinh đem các vật báu cúng dường xá-lợi, cho đến chỉ một lần niệm Nam-mô Phật, một lần lễ bái, một lần nhiễu quanh, một lần chắp tay, đem một cành hoa cúng dường, do nhân duyên ấy, tùy theo nghiệp đối với Ba thừa đều được Bất thoái chuyển.

Sau khi con vào Niết-bàn, như có chúng sinh trong giáo pháp của con đã giảng dạy thọ trì một giới cấm cho đến tụng đọc một bài kệ bốn câu lại thuyết giảng cho người khác nghe, nhân đó sinh tâm hoan hỷ cúng dường Pháp sư, dù chỉ dâng một cành hoa, lạy một lạy, do nhân duyên này, tùy theo chỗ nguyện, đối với Ba thừa đều được Bất thoái chuyển.

Đến khi Chánh pháp suy diệt, đèn đạo pháp tắt, cờ pháp ngã xá-lợi của con vẫn ẩn tàng trong đất, an trụ trên Kim luân. Lúc này thế giới Ta-bà không còn châu báu xá-lợi của con sẽ thành ngọc Lưu ly hiện ra như màu lửa, tên là Thắng ý, tỏa ánh sáng chiếu khắp, từ nền kim cang lên đến tận trời A-ca-ni-trá ở đó mưa xuống các thứ hoa như hoa Mạn-đà-la, hoa Đại mạn-đà-la, hoa Ba-lợi-chất-đa-là-già, hoa Mạn-thù-sa, hoa Đại mạn-thù-sa, hoa Lô-già-ma-na, hoa Đà-la, hoa Đại đà-la, hoa Vô cấu luân, hoa trăm cánh, hoa ngàn cánh, hoa trăm ngàn cánh, hoa Phổ quang, hoa Phổ hương, hoa Thiện lạc, hoa Tát-đa, hoa Lê-già-na, hoa Lạc hạn nguyệt quang, hoa Minh nguyệt, hoa Vô lượng sắc, hoa Vô lượng hương, hoa Vô lượng quang. Nguyện có một trận mưa hoa lớn như thế, khiến cho các loài hoa đó phát ra các thứ âm thanh êm dịu, đó là: tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng ba quy y, tiếng Ưu-bà-tắc giới, tiếng tám giới thành tựu, tiếng xuất gia mười giới, tiếng bố thí, tiếng trì giới, tiếng phạm hạnh thanh tịnh, tiếng đại giới cụ túc, tiếng khuyến hóa, tiếng đọc tụng, tiếng thiền định tư duy, tiếng quán bất tịnh, tiếng theo dõi hơi thở ra vào, tiếng phi tưởng xứ, tiếng vô sở hữu xứ, tiếng vô lượng thức xứ, tiếng vô lượng không xứ, tiếng thắng xứ, tiếng nhất thiết xứ, tiếng chỉ quán, tiếng không, tiếng vô tướng, tiếng vô nguyện, tiếng duyên khởi, tiếng phát ra đầy đủ tạng Thanh văn, tiếng phát ra đầy đủ tạng Bích-chi-phật thừa, tiếng nói lên đầy đủ Đại thừa sáu Ba-la-mật. Các thứ hoa kia đều phát ra những âm thanh như vậy, chư Thiên nơi Sắc giới nghe được các âm thanh này mỗi người đều tự nhận thức: nếu từ trước đã trồng căn lành thì liền nhớ lại, nếu có điều không lành thì tự hối trách, nên trở lại thế giới Ta-bà mà giáo hóa vô lượng chúng sinh, thuyết giảng mười nghiệp lành và làm cho họ an trụ trong đó.

Chư Thiên nơi Dục giới cũng được nghe như thế, khiến tất cả đều xả bỏ tâm ý tham đắm năm dục đã có, các pháp sở tâm thảy được vắng lặng, nhớ trở lại căn lành đã có từ trước, hối trách những điều chẳng lành, từ cõi trời xuống thế giới Ta-bà giáo hóa vô lượng chúng sinh, thuyết giảng mười nghiệp thiện, khiến họ an trụ ở đấy.

Bạch Đức Thế Tôn, các hoa ấy, ở trong hư không sẽ biến ra vô số châu báu là vàng, bạc, Ma-ni, trân châu, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ

phách, mai khôi... Xin mưa các vật báu như thế xuống tất cả nơi thế giới Ta-bà để diệt trừ hết những thứ sân si, tranh cãi, kiện tụng, đói kém, dịch bệnh, giặc giã, gió bão, các thứ độc hại, nơi nơi đều được yên lành, ổn định không còn các thứ khổ về chiến tranh, tật bệnh, đói khát. Tất cả cõi Ta-bà được an vui. Chúng sinh nào gặp được, tiếp xúc với xá-lợi báu, tùy ý làm vật cúng dường thì tất cả đều đến với Ba thừa, được Bất thoái chuyển. Các châu báu này đã được lợi ích như thế, sau đó trở lại chỗ cũ an trụ trên nền kim cương.

Bạch Đức Thế Tôn, khi gặp kiếp đao binh đói khát nổi lên thì cũng như trên. Trong Hiền kiếp, sau khi con vào Niết-bàn, xá-lợi của con sẽ làm Phật sự, như vậy, khuyến hóa vô số chúng sinh đến với Ba thừa, trụ Bất thoái chuyển. Như thể là sẽ ở trong vô số đại kiếp nhiều như vô số vi trần trong năm cõi Phật xá-lợi của con hóa độ vô số chúng sinh đối với giáo pháp của Ba thừa đạt Bất thoái chuyển.

Sau khi mãn một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, những người ở trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khác khắp mười phương đã ra đời và thành Bậc Chánh Giác, đều là nhờ thời gian con hành hạnh Bồ-tát rồi chứng đắc quả vị Bồ-đề Vô thượng, đã khuyến hóa họ phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Tối thượng, an trụ nơi Ba-la-mật.

Con thành đạo Bồ-đề rồi, đem giáo pháp giác ngộ ấy khuyến hóa chúng sinh, khiến họ phát tâm cầu đạo giải thoát an trụ nơi đó. Lại, sau khi con vào Niết-bàn, chúng sinh nhờ sự thần biến của xá-lợi mà phát tâm cầu đạo quả giác ngộ. Các chúng sinh này, trải qua hơn một ngàn hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp ở trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khác khắp mười phương đã ra đời, thành Phật, thảy đều tán thán, xưng tụng danh hiệu con và nói:

– Thuở quá khứ xa xưa, bấy giờ có kiếp tên là Hiền, vào đầu kiếp, có vị Thế Tôn thứ tư danh hiệu như thế, ngài ấy trước đã đem Bồ-đề Vô thượng khuyến hóa chúng con. Dù chúng con khi ấy đang là những kẻ tâm ý bị phiền não thiêu đốt, tích tập các căn chẳng lành, tạo nghiệp vô gián, tà kiến... cũng đều khiến cho chúng con được an trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật. Do nhân duyên ấy, chúng con được chuyển nhập vào Nhất thiết chủng trí, tu hành chánh pháp, chuyển xe pháp thâm diệu khiến cho hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh được sinh lên cõi trời, hoặc an trụ đạo quả giải thoát.

Nếu có chúng sinh sau khi nghe Đức Như Lai kia xưng tụng, tán thán về con, muốn cầu đạo Bồ-đề, liền hỏi Đức Như Lai kia:

– Thưa Đức Thế Tôn, Đức Phật kia vì ý nghĩa gì, mục đích gì mà ở

thế giới có đủ năm thứ ô trược, phiền não trói buộc nặng nề như thế thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Các Đức Như Lai được hỏi đó sẽ vì những người thiện nam, tín nữ cầu đạo Bồ-đề, nói rằng:

– Đức Phật ấy ngày xưa đã thành tựu đại bi mới phát tâm cầu đạo Bồ-đề nhân duyên phát khởi bản nguyện ấy là làm cho thế giới trang nghiêm và thiện hạnh vi diệu. Những thiện nam, tín nữ nghe xong vô cùng thán phục, khen ngợi chưa từng có, liền khởi tâm đại bi đối với chúng sinh và lập bản nguyện như vầy:

"Nguyện nhiếp độ tất cả chúng sinh trong thế giới có đủ năm thứ ô trược, chúng sinh nhiều kẻ tạo nghiệp vô gián, tích tập các căn, nghiệp chẳng lành..."

Nguyện cho các Đức Phật Như Lai ấy cũng đem đạo quả Bồ-đề thọ ký cho những thiện nam, tín nữ khởi tâm đại bi cầu đạo Bồ-đề kia. Những thiện nam, tín nữ ấy đã lập nguyện chọn lấy cõi Phật có đủ năm thứ ô trược xấu ác, phiền não trói buộc nặng nề, tùy theo ý nguyện của họ.

Lại nữa, các Đức Phật Thế Tôn khác đem sự kiện thần biến của xá-lợi con thuyết giảng rộng rãi cho những thiện nam, tín nữ cầu đạo Bồ-đề rằng:

– Thuở quá khứ xa xưa, có Đức Thánh danh hiệu như thế, sau khi vào Niết-bàn, xá-lợi của Ngài lúc bấy giờ đã vì vô số chúng sinh khổ nạn trong kiếp đao binh, dịch bệnh, đói khát, nên thị hiện vô lượng các điều thần biến. Nhờ Xá-lợi thần biến của Ngài mà chúng ta bước đầu tỏ ngộ được đạo Bồ-đề Vô thượng, tích tập được các căn lành, rộng tu sáu pháp Ba-la-mật... *(như trước đã nói)*.

Phẩm 18: Tán Thán

Này thiện nam tử, bấy giờ Quốc sư Bà-la-môn Hải Tế, ở trước Đức Bảo Tạng Như Lai, trước chư Thiên, chúng Nhân, Phi nhân lập năm trăm thệ nguyện đầy đủ tâm đại bi như vậy rồi, liền bạch với Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu ý nguyện của con không thành tựu viên mãn như vậy, bản thân con không được lợi ích, thì con không ở vào thời kỳ sau cùng của Hiền kiếp, trong đời vị lai với năm thứ ô trược xấu ác đầy dẫy, trong đó chúng sinh tranh giành sát hại lẫn nhau, si mê không mắt, không thầy dẫn đường, chỉ dạy, rơi vào nẻo tà kiến tối tăm, tạo nghiệp vô gián mà thành tựu sở nguyện, thực hiện các Phật sự trong những điều kiện

trước đã nói thì con nay sẽ xả bỏ tâm nguyện Bồ-đề, không hồi hướng thiện căn về cõi nào khác.

Thưa Đức Thế Tôn, nay con chuyên tâm như vậy, không đem thiện căn này để thành Chánh giác, chẳng cầu Bích-chi-phật thừa, cũng chẳng cầu Thanh văn thừa, cũng chẳng cầu ngôi vị vua nơi cõi người, cõi trời, cũng chẳng cầu được sinh lên các cõi trời hưởng năm thứ dục lạc, cũng không cầu làm tám bộ chúng kia, lại cũng chẳng cầu sinh trong kiếp người. Con không hồi hướng thiện căn về những nơi như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, nói rằng bố thí thì được đại phước, trì giới được sinh lên cõi trời, đa văn được đại trí tuệ, tu hành thì đạt vô sở úy; lại nói, có phước đức thì sinh thiện căn, còn hồi hướng về đâu thì tùy ý nguyện của mình cầu xin để đạt được; bạch Đức Thế Tôn, con đã bố thí, trì giới, nghe nhiều, tu hành phước đức, nếu con lập thệ như thế mà không được thành tựu viên mãn như ý nguyện thì con xin đem tất cả thiện căn này hồi hướng về chúng sinh nơi địa ngục. Nếu có các chúng sinh bị đọa ở A-tỳ địa ngục chịu các nỗi khổ thống thiết, nhờ thiện căn này khiến họ được giải thoát sinh làm người, gặp được đạo pháp của Như Lai tu tập, chứng đắc quả A-la-hán mà vào Niết-bàn. Những chúng sinh đó nếu nghiệp báu chưa hết, thì con nguyện xả bỏ thân mạng này vào trong đại địa ngục A-tỳ chịu khổ thay cho họ. Nguyện cho thân con phân thành số thân nhiều như vi trần trong cõi Phật, mỗi một phần thân này lớn như vua núi Tu-di, mỗi một phần thân ấy đều biết được nỗi khổ ở địa ngục A-tỳ như chính bản thân con đã biết nỗi thống khổ ở đó. Con thọ thân nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật và chịu các thứ quả báo thô ác khổ não như số vi trần trong một thế giới Phật hiện nay. Chúng sinh trong vô số cõi Phật ở vô số thế giới khác nhiều như vi trần trong mười phương tạo nghiệp vô gián, tạo tác nghiệp quả bị đọa vào A-tỳ địa ngục... hoặc về sau này, trải qua số đại kiếp nhiều như vi trần, trong một thế giới Phật, chúng sinh trong các cõi Phật khác tạo nghiệp vô gián... con sẽ vì tất cả chúng sinh kia trụ nơi địa ngục A-tỳ chịu thay tội cho họ, khiến cho các chúng sinh kia không bị đọa vào địa ngục vĩnh viễn xa lìa nẻo khổ, được gặp chư Phật, lãnh hội diệu pháp thoát khỏi sinh tử, vào thành Niết-bàn. Con sẽ trụ tại địa ngục A-tỳ lâu dài để độ thoát chúng sinh... Lại nữa, trong vô số thế giới nhiều như số vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương, có các chúng sinh tạo nghiệp ác xấu chắc chắn bị quả báo đọa vào địa ngục thiêu đốt, như địa ngục A-tỳ, địa ngục Hỏa chích, địa ngục Bức bách, địa ngục Đao kiếm. Nơi các loài súc sinh, ngạ quỉ, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà,Tỳ-xá-già, A-tu-la, Ca-lâu-la con cũng đều nguyện như trên.

Thưa Đức Thế Tôn, như số chúng sinh trong các thế giới nhiều như vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương đã tạo ra các nghiệp xấu ác, chắc chắn sẽ thọ sinh vào loài người bị đui mù, câm điếc, gù lưng, tàn phế... cùng bị hằng trăm thứ bệnh, tay chân không đủ, tâm ý tán loạn, ăn uống bất tịnh, con cũng sẽ thay thế cho các chúng sinh chịu các tội như trước đã nói. Con sẽ lại sinh vào đại địa ngục A-tỳ, thời gian lâu bao nhiêu là do chúng sinh ở trong kiếp sinh tử, thọ ấm, giới, nhập, con sẽ nhận chịu mọi thứ khổ nạn của địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, Dạ-xoa, A-tu-la, La-sát... người.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con được thành tựu, bản thân con được lợi ích, con được thành tựu Bậc Chánh Giác như đã nguyện thì khiến cho các Đức Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khác làm chứng cho con. Nay cúi xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con đạo quả Bồ-đề Vô thượng ở trong Hiền kiếp khi loài người thọ một trăm hai mươi tuổi, chắc chắn con sẽ thành Phật đầy đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến Phật, Thế Tôn. Con chắc chắn hoàn thành Phật sự như đã lập nguyện.

Bấy giờ, tất cả đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la và người thế gian, đang ở trên hư không hay ở nơi mặt đất, ngoại trừ Đức Như Lai, không ai là không rơi nước mắt, thảy đều gieo năm vóc làm lễ dưới chân Bà-la-môn Hải Tế và đồng thanh khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Có được tâm đại bi thâm diệu, nghĩ đến chúng sinh phát tâm rộng lớn, lập nguyện sâu xa, bền chắc, đem tâm đại bi chí thành che chở cho tất cả muôn loài, lại có thể thu phục, hóa độ các chúng sinh tạo nghiệp vô gián... từng tích tập các căn nghiệp không lành. Do thệ nguyện này nên biết Ngài bước đầu phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng là vì muốn dùng lương dược để cứu độ chúng sinh đưa họ về nơi đạo pháp, vì nhằm giải thoát cho chúng sinh nên lập đại nguyện, như thế tất sẽ được thành tựu viên mãn, Đức Như Lai nhất định thọ ký cho ngài đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng.

Lúc này Vô Lượng Tịnh Vương xúc động, rơi lệ đầm đìa, bèn gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Bà-la-môn rồi chắp tay dùng kệ khen ngợi:

Lạ thay! Rất thâm diệu
Dứt hết mọi tham đắm
Thương xót bao chúng sinh
Vì chúng tôi hiện báu.

Bồ-tát Quán Thế Âm dùng kệ khen rằng:

Tự không đắm trước, theo người nhiễm

Căn như ngựa sổng đã chế ngự
Nơi các căn luôn được tự tại
Đủ kho báu trí tuệ, tổng trì.

Bồ-tát Đại Thế Chí dùng kệ tán thán:

Chúng sinh nhiều hàng ức
Tu tập vì đạo lành
Nghe Ngài thương rơi lệ
Lạ thay! Việc khó làm.

Bồ-tát Mạn-thù-sư-lợi dùng kệ khen ngợi:

Tinh tấn bền thệ nguyện
Diệu tuệ càng thông tỏ
Ngài cũng nên thọ cúng
Tràng hoa cùng hương xông.

Bồ-tát Hư Không Ấn dùng kệ tán dương:

Ngài tu thí như vậy
Luôn thương xót chúng sinh
Đói khát thường cứu độ
Đủ ba mươi hai tướng.

Bồ-tát Đoạn Kim Cang Tuệ Chiếu Minh dùng kệ khen ngợi:

Như hư không vô biên
Tâm thường xót muôn loài
Nên nguyện làm cầu đường
Hiện rõ hạnh Bồ-tát.

Bồ-tát Hư Không Chiếu Minh dùng kệ tán thán:

Không ai thương chúng sinh
Như ngài, chỉ trừ Phật
Đầy đủ mọi công đức
Diệu tuệ luôn sáng tỏa.

Bồ-tát Sư Tử Hương dùng kệ khen ngợi:

Trượng phu đời vị lai
Trong Hiền kiếp tạp loạn
Sẽ luôn được tôn xưng
Độ thoát chúng sinh khổ.

Bồ-tát Phổ Hiền dùng kệ tán thán:

Lao nhọc nơi sinh tử
Gắn với nẻo rừng tà
Độ bao kẻ xấu ác

Tâm bị phiền não thiêu.

Bồ-tát A-súc dùng kệ khen ngợi:

Rơi vào nẻo vô minh
Đắm chìm vực kết sử
Tâm ý bị thiêu đốt
Tạo nghiệp tốt, đều độ.

Bồ-tát Hương Thủ dùng kệ tán dương:

Thấy rõ nơi vị lai
Như cảnh tượng trong gương
Kẻ hủy hoại Chánh pháp
Tạo tác, đều hóa độ.

Bồ-tát Bảo Tích dùng kệ khen ngợi:

Trí, giới đều viên mãn
Như chuỗi báu trang nghiêm
Cứu độ kẻ tạo tác
Hủy báng Thánh hiền Tăng.

Bồ-tát Vô Khủng Úy dùng kệ tán thán:

Ngài thấy chúng sinh khổ
Đời sau khắp ba cõi
Tâm ý bị thiêu đốt
Tà niệm, đều cứu độ.

Bồ-tát Hoa Thủ dùng kệ khen ngợi:

Bi, trí và tinh tấn
Hơn hết trong mọi chúng
Cứu kẻ bị phiền não
Cùng bệnh, tử bức bách.

Bồ-tát Trí Xưng dùng kệ tán dương:

Bị các bệnh khổ bức
Phiền não như gió độ
Nên dùng nước trí tuệ
Hàng phục mọi ma quân.

Bồ-tát Trì Ấn dùng kệ khen ngợi:

Tinh tấn được vững bền
Nên giải thoát phiền não
Đức lớn như trời Phạm
Chúng tôi nguyện noi theo.

Bồ-tát Hoa Nguyện dùng kệ tán thán:

Sức tinh tấn luôn bền
Đức dày, tâm bi rộng
Cắt dây buộc sinh tử
Ba cõi đều ngưỡng vọng.

Bồ-tát Vô Cấu Vương dùng kệ khen ngợi:

Đại bi Ngài thuyết giảng
Hạnh Bồ-tát hiện bày
Chúng tôi xin kính lễ
Bi nguyện không ai hơn.

Bồ-tát Trì Đại Lực dùng kệ tán dương:

Phiền não trong đời ác
Hạnh Bồ-tát dốc tu
Đoạn trừ gốc kết sử
Thệ nguyện thật bền, sâu.

Bồ-tát Nguyệt Mạn dùng kệ khen ngợi:

Kho trí, đều lãnh hội
Lập nguyện luôn thanh tịnh
Tu tập hạnh Bồ-tát
Thuốc quý cho muôn loài.

Bồ-tát Hiện Lực cảm động rơi lệ, bèn gieo năm vóc làm lễ nơi chân Bà-la-môn Hải Tế, rồi chắp tay đọc kệ tán dương:

Diệu thay! Bậc trí sáng
Dứt trừ bệnh kết buộc
Đức hạnh như biển rộng
Chúng sinh được thoát khổ.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 6

Phẩm 19: Cảm Ứng

Này thiện nam tử, khi đại chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà cùng người đời tất cả đều gieo năm vóc đảnh lễ nơi chân Đại sư Hải Tế, chắp tay đọc những bài kệ khen ngợi xong, thì Bà-la-môn Hải Tế đối trước Đức Bảo Tạng Như Lai, gối phải quỳ xuống đất, tức thì đại địa chấn động đủ sáu cách. Tất cả thế giới trong mười phương nhiều như số vi trần trong một cõi Phật cũng chấn động đủ sáu cách. Lại hiện ra hào quang tỏa sáng rực rỡ, khắp thế gian cùng mưa xuống các loài hoa như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la và có vô lượng ánh sáng chiếu khắp. Trong vô số thế giới nhiều như số vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương có các Đức Phật, Thế Tôn hiện trụ thế tại cõi Phật thanh tịnh và không thanh tịnh, vì chúng sinh thuyết pháp; có các vị Đại Bồ-tát an tọa nghe pháp thấy đại địa chấn động sáu cách, ánh sáng tỏa chiếu, mưa vô số hoa nên đã hỏi các vị Phật Thế Tôn:

– Do nhân duyên gì mà đại địa chấn động sáu cách, trời tuôn mưa hoa, ánh sáng tỏa chiếu?

Bấy giờ ở phương Đông cách cõi Phật này hơn một hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới tên là Bảo Tập, Đức Phật hiệu là Bảo Nguyệt, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật-Thế Tôn, hiện trụ thế thuyết giảng thuần một giáo pháp Đại thừa, vây quanh Ngài là vô lượng a-tăng-kỳ chúng Bồ-tát để nghe pháp, có hai vị Đại Bồ-tát, một tên là Bảo Thắng, vị thứ hai tên là Nguyệt Thắng thay các hiện tượng trên nên hướng về đức Bảo Nguyệt Như Lai, chắp tay cung kính thưa:

– Thưa Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà đại địa chấn động, ánh sáng tỏa chiếu và trời mưa vô số hoa?

Đức Bảo Nguyệt Như Lai nói với hai vị Bồ-tát:

– Này thiện nam tử, ở phương Tây cách cõi Phật này hơn một hằng hà sa số thế giới, có cõi Phật tên là San-đề-lam, Đức Phật ở đó tên là Bảo

Tạng gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật, Thế Tôn, hiện trụ thế, thọ ký cho hàng ức Bồ-tát đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, giảng nói các quốc độ về việc phát nguyện chọn các cõi Phật trang nghiêm chỉ dạy về những cảnh giới Tam-muội, các định nói về Đà-la-ni môn. Nơi chúng hội ấy có vị Đại Bồ-tát Đại Bi đã lập nguyện đầy đủ, Đức Phật đã thọ ký đạo quả Bồ-đề Vô thượng cho Đại Bồ-tát đó nên đã thị hiện rõ nguyện như thế, nhờ đấy khiến cho hàng ức chúng sinh lập nguyện Bồ-tát, chọn lấy cõi Phật trang nghiêm để hóa độ muôn loài. Đối với vị Bồ-tát đầy đủ đại bi ấy, đại chúng ở đó không ai có thể sánh kịp. Vị này đã chọn thế giới có đủ năm thứ ô trược xấu ác, tạp loạn, đầy những phiền não, chúng sinh tạo nghiệp vô gián... tích tập các căn nghiệp bất thiện, tâm ý luôn bị thiêu đốt… để mà nhiếp phục hóa độ. Đại chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Người… cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai xong, đều hết lòng cúng dường vị Bồ-tát gồm đủ đại bi. Họ gieo năm vóc, cung kính đảnh lễ xong, chắp tay dùng nhiều bài kệ thâm diệu để khen ngợi. Vị Đại Bồ-tát đó an tọa trước Đức Như Lai để lãnh hội sự thọ ký. Lúc này, ở trước Phật Bồ-tát Đại Bi bèn quỳ gối bên phải xuống đất xin Phật thọ ký, Đức Phật liền mỉm cười khiến cho vô số thế giới nhiều như số vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương chấn động đủ sáu cách, trời tuôn mưa hoa, ánh sáng hiện ra tỏa chiếu. Vì để thức tỉnh cho tất cả các Đại Bồ-tát nơi cõi Phật đó, vì để hiện bày các hạnh nguyện của Bồ-tát gồm đủ đại bi, vì để tập hợp các vị Đại Bồ-tát trong các thế giới nhiều như số vi trần nơi mười phương cõi Phật, vì để thuyết giảng pháp môn Vô úy trong hạnh nguyện của Đại Bồ-tát…, nên Đức Như Lai đã thị hiện thần thông như vậy.

Này thiện nam tử, hai vị Bồ-tát Bảo Thắng, Nguyệt Thắng nghe xong bèn hỏi Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, vị Đại Bồ-tát Đại Bi đó, từ khi phát tâm đến nay trải qua thời gian bao lâu và tu tập hạnh Bồ-tát như thế nào để có thể chọn lấy cõi đời đủ năm thứ ô trược xấu ác, phiền não sâu dày, chúng sinh tạo nghiệp vô gián cho đến tích tập các căn bất thiện, tâm ý luôn bị thiêu đốt để mà nhiếp phục, hóa độ?

Đức Bảo Tạng Như Lai bảo:

– Này thiện nam tử, vị Bồ-tát Đại Bi kia vừa mới phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thiện nam tử, các ông có thể đến cõi Phật San-đề-lam để chiêm ngưỡng, cung kính lễ bái cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, nghe thuyết giảng về pháp môn Vô úy, Tam-muội, Đà-la-ni, gặp Bồ-tát Đại Bi và đem lời thăm hỏi

của ta đến với vị Bồ-tát ấy:

– Này bậc Đại trượng phu, Đức Bảo Nguyệt Như Lai có lời thăm hỏi, dùng hoa Nguyện lạc Vô Cấu để ngài làm tin.

Lại khen ngợi Bồ-tát Đại Bi:

– Hay thay! Bậc Đại trượng phu, bước đầu phát tâm đã có thể thành tựu đại bi như vậy, nên đã có vô lượng tiếng khen về ông khắp mười phương cõi Phật trong các thế giới nhiều như vi trần, với lời nói: Bồ-tát Đại Bi kia mới phát tâm mà đã thành tựu như thế, cho nên ta khen ngợi ông: "Hay thay".

Lại nữa này bậc Đại trượng phu, vì ông đã vì các vị Bồ-tát đời vị lai có đầy đủ đại bi nên đã giảng nói đại bi, không đoạn tuyệt nguyện thiện, dựng ngọn cờ pháp, vậy nên ông được khen "Hay thay".

Lại nữa này bậc Đại trượng phu, tiếng khen về ông còn vang tận đến đời vị lai, trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp nhiều như vi trần, trong một cõi Phật khắp mười phương, ông lại khuyến hóa hàng vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đến với đạo Giác ngộ Vô thượng, an trụ trong đó đạt bậc Bất thoái chuyển hoặc nguyện nhận lấy cõi Phật trang nghiêm để hóa độ chúng sinh, hoặc sẽ được thọ ký, đó là ông đã khuyến hóa đạo Bồ-đề cho họ. Tất cả những chúng sinh như vậy về sau, trải qua số a-tăng-kỳ kiếp nhiều như vi trần, ở cõi Phật này hay trong các thế giới khác khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, đều thành tựu đạo quả Bồ-đề, chuyển xe chánh pháp, họ sẽ ca tụng, tán dương Bồ-tát Đại Bi, cho nên dùng các pháp khen ngợi này để tán thán ông: "Hay thay! Hay thay!".

Bấy giờ chín mươi hai ức Bồ-tát đồng thanh bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, chúng con muốn đến cõi Phật San-đề-lam để chiêm ngưỡng, cung kính, cúng dường, lễ bái, thân cận Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và gặp vị Đại trượng phu kia, đem ba việc tán thán "Hay thay" của Đức Như Lai và hoa Nguyện lạc vô cấu đến trao cho vị Bồ-tát ấy.

Đức Bảo Nguyệt Như Lai bảo:

– Đúng vậy! Các thiện nam tử, nay chính là lúc các ông nên đến thế giới của Đức Bảo Tạng Như Lai kia để nghe thuyết giảng về pháp môn Vô úy, Tam-muội, Đà-la-ni, hạnh nguyện độ sinh.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Bảo Thắng và Nguyệt Thắng từ chỗ Đức Bảo Nguyệt Như Lai nhận lấy hoa Nguyệt lạc vô cấu, cùng với chín mươi hai ức Bồ-tát rời khỏi thế giới Bảo tập. Nhanh như ánh chớp, các Bồ-tát ấy đã biến mất khỏi thế giới Bảo tập và hiện ra nơi vườn Diêm-bà-la ở cõi Phật

San-đề-lam, đến chỗ Đức Bảo Tạng Như Lai, chí tâm đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn đem các thứ thần thông diệu dụng của Bồ-tát đã đạt được cúng dường xong, thấy Bà-la-môn Hải Tế đang ở trước Đức Bảo Tạng Như Lai được tất cả đại chúng chắp tay xưng tụng tán thán. Các Bồ-tát thấy thế liền suy nghĩ: "Đây chính là Bồ-tát Đại Bi mà Đức Bảo Nguyệt Như Lai đã dặn trao hoa Nguyệt lạc vô cấu này...".

Hai vị Đại Bồ-tát ở trước Đức Thế Tôn hướng về phía Bà-la-môn Hải Tế lấy hoa dâng lên và thưa, nói như thế này:

– Thưa bậc Đại trượng phu, Đức Bảo Nguyệt Như Lai ở thế giới Bảo tập trao hoa Nguyệt lạc vô cấu này cho ngài làm tin và ba pháp tán thán... như trước đã nói... *(nói lược).*

Như vậy, nơi vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chư Phật ở phương Đông cũng sai vô số Đại Bồ-tát đi đến cõi Phật San-đề-lam, trao cho Bà-la-môn Hải Tế hoa Nguyệt lạc vô cấu và các pháp tán thán như trước đã nói.

Thiện nam tử, bấy giờ ở phương Nam cách cõi Phật này hơn chín mươi bảy ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Bảo long sư tử hống, Đức Phật ở đó hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Thắng Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri hiện trụ thế, vì các Đại Bồ-tát thuyết giảng thuần một giáo pháp Đại thừa. Trong chúng Bồ-tát đó có hai Đại Bồ-tát, một tên là Trí Kim Cang Thắng, vị thứ hai tên là Sư Tử Kim Cang Thắng, cả hai cùng hỏi Đức Sư Tử Phấn Tấn Thắng Tự Tại Vương Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà đại địa chấn động đủ sáu cách, ánh sáng tỏa chiếu và trời tuôn mưa hoa?... như trước đã nói *(nói lược).* Có vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát trong vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật ở phương Nam đi đến cõi Phật San-đề-lam... *như trước đã nói*.

Lúc ấy, ở phương Tây cách cõi Phật này hơn tám mươi chín ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Thượng thắng, Đức Phật ở đó hiệu là Hàng Phục Căn Quảng Trường Minh Như Lai, hiện trụ thế vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng giáo pháp Ba thừa. Trong đại chúng ở đây có hai vị Đại Bồ-tát, một tên là Hiền Hiển Minh, một tên là Sư Tử Phấn Tấn Thân, cả hai vị đều hỏi Đức Hàng Phục Căn Quảng Trường Minh Như Lai về ý nghĩa của các hiện tượng kia:

– Thưa Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà đại địa chấn động đủ sáu cách, ánh sáng tỏa chiếu và trời tuôn mưa nhiều?... *(như trước đã nói).*

Bấy giờ, ở phương Bắc, cách cõi Phật này chín mươi ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Tử ma, Đức Phật ở đó hiệu là Thế Tự

Tại Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến Phật Thế Tôn đang vì các Đại Bồ-tát cầu pháp Đại thừa mà thuyết giảng thuần một giáo pháp Ma-ha-diễn. Trong đại chúng này có hai vị Đại Bồ-tát, một tên là Bất Động Xứ, một tên là Tuệ Tài, cả hai cùng hỏi Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà đại địa chấn động đủ sáu cách, hào quang chiếu sáng và trời mưa vô số các thứ hoa?... *(như trước đã nói).*

Lúc ấy, ở phương dưới, cách cõi Phật này hơn chín mươi tám na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Vô ám minh, Đức Phật ở đó hiệu là Vô Úy Cận Xứ Âm Như Lai, hiện trụ thế vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng giáo pháp Ba thừa. Trong cõi Phật này có hai vị Đại Bồ-tát, một tên là Nhuận Tật Hiển Minh, một tên là Không Tật Hiển Minh... *(như trước đã nói).*

Lúc ấy, ở phương trên, cách cõi Phật này hơn hai trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Đẳng hoa, Đức Phật ở đó hiệu là Hoa Phu Chiếu Minh gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật Thế Tôn, hiện trụ thế vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng giáo pháp Ba thừa. Trong cõi Phật này có hai vị Đại Bồ-tát hiện có mặt tại đây, một tên là Tự Chấp Cảnh Giới Vô Nộ, một tên là Duyệt Trì Vô Nộ, cả hai đều đó hỏi Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà đại địa chấn động đủ sáu cách, ánh sáng tỏa chiếu và trời mưa xuống vô số hoa?

Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai bảo:

– Này thiện nam tử, ở phương dưới, cách cõi Phật này hơn hai trăm ngàn cõi Phật có thế giới tên là San-đề-lam, Đức Phật ở đó hiệu là Bảo Tạng gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật Thế Tôn, hiện đang trụ thế thuyết giảng đạo pháp, thọ ký cho hàng ức chúng sinh đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đang thuyết giảng về các quốc độ, về hạnh nguyện chọn lấy cảnh giới Phật trang nghiêm, chỉ dạy về cảnh giới Tam-muội, các pháp Đà-la-ni. Trong đại chúng đó có vị Đại Bồ-tát Đại Bi lập nguyện đầy đủ hạnh đại bi, được Đức Phật thọ ký đạo quả Bồ-đề Vô thượng nên đã thị hiện sự việc như thế khiến cho hàng ức Bồ-tát lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm để nhiếp phục, hóa độ chúng sinh. Vị Bồ-tát Đại Bi kia, đối với sự thành tựu tâm đại bi, tất cả đại chúng không ai bì kịp. Bồ-tát ấy đã chọn lấy thế giới có đủ năm thứ ô trược xấu ác, tạp loạn, phiền não sâu dày, chúng sinh tạo nghiệp vô gián cho đến

tích tập các căn nghiệp chẳng lành, tâm ý luôn bị thiêu đốt... để nhiếp phục, hóa độ. Tất cả chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Người cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai, xong lại đều cung kính cúng dường Bồ-tát Đại Bi, đảnh lễ xong thì đứng chắp tay xưng tụng, tán thán. Đại Bồ-tát kia ngồi trước Đức Bảo Tạng Như Lai để lãnh hội sự thọ ký. Khi vị Đại Bồ-tát ấy quỳ gối phải xuống đất trước Đức Như Lai thì Đức Thế Tôn liền mỉm cười, khiến nơi các thế giới nhiều như vi trần ở mười phương cõi Phật, đại địa chấn động đủ sáu cách, trời mưa vô số các thiên hoa. Vì muốn thức tỉnh cho các Đại Bồ-tát trong cõi Phật này, vì muốn thị hiện hạnh nguyện đại bi của Bồ-tát, vì muốn tập hợp các Đại Bồ-tát trong vô số thế giới khác nhiều như vi trần nơi mười phương cõi Phật về đây, vì muốn thuyết giảng pháp môn Vô úy các pháp Tam-muội, Đà-la-ni nên Đức Như Lai kia đã thị hiện thần thông như vậy.

Này thiện nam tử, hai vị Đại Bồ-tát Tự Chấp Cảnh Giới Vô Nộ và Duyệt Trì Vô Nộ cùng hỏi Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, vị Đại Bồ-tát Đại Bi đó từ khi phát tâm Bồ-đề đến nay đã trải qua thời gian bao lâu? Tu tập hạnh Bồ-tát như thế nào mới có thể nhận lấy thế giới có đủ năm thứ ô trược xấu ác, tạp loạn, phiền não sâu dày, chúng sinh tạo nghiệp vô gián... tích tập các căn nghiệp bất thiện, tâm ý luôn bị thiêu đốt để mà nhiếp phục hóa độ?

Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai bảo:

– Này thiện nam tử, vị Bồ-tát Đại Bi đó mới vừa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Các ông hãy đến thế giới San-đề-lam để chiêm ngưỡng, cung kính cúng dường, thân cận Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, nghe thuyết giảng các pháp môn Tam-muội, Đà-la-ni vô úy, đem lời thăm hỏi của ta đến với Bồ-tát Đại Bi, thay ta thưa: Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai có lời vấn an Bồ-tát dùng hoa Nguyệt lạc vô cấu này để làm tin. Lại khen "Hay thay! Hay thay!". Này bậc Đại trượng phu, ông mới phát tâm mà đã thành tựu đại bi như vậy, đã có vô lượng tiếng khen khắp các thế giới nhiều như vi trần trong mười phương cõi Phật, với lời tán thán: "Lành thay! Lành thay!". Bồ-tát Đại Bi mới phát tâm mà đã thành tựu đại bi như thế, nên nay ta tán dương ông: "Lành thay!". Lại nữa thiện nam tử, ông đã vì các vị Bồ-tát đời vị lai thành tựu đại bi nên thuyết giảng về pháp ấy, dựng ngọn cờ pháp, nên ta tán thán ông: "Lành thay!". Vào đời sau này, trải qua a-tăng-kỳ kiếp nhiều như vi trần, tiếng khen về ông lưu truyền khắp các cõi Phật trong mười phương thế giới khác nhiều như vi trần, như đã chỉ dạy hằng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn chúng

sinh đến với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đạt Bất thoái chuyển. Trong số họ, có người từ chỗ Đức Thế Tôn đã lập nguyện chọn lấy cõi Phật trang nghiêm, đem ánh sáng đại bi soi tỏ khắp chúng sinh để nhiếp phục, hóa độ. Tất cả các chúng sinh ấy về sau vô số các cõi Phật, trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, trong các thế giới khác nhiều như số vi trần khắp mười phương cõi Phật, họ sẽ thành Bậc Chánh Giác, chuyển xe Chánh pháp sẽ ca ngợi, xưng tụng ông. Do ba việc ấy, này bậc Đại trượng phu! Nay ta tán thán ông "Hay thay! Hay thay!".

Lúc này hàng ức Bồ-tát nơi cõi Phật kia đồng thanh bạch với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn đến cõi Phật San-đề-lam để chiêm ngưỡng, cung kính cúng dường, thân cận Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và gặp bậc Đại trượng phu kia, cùng được lãnh hội các pháp môn Vô úy, Tam-muội, Đà-la-ni.

Khi ấy, Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai bèn đem ba pháp tán thán cùng hoa Nguyệt lạc vô cấu trao cho hai vị Bồ-tát và bảo là nên biết đúng thời.

Này thiện nam tử, bấy giờ hai vị Bồ-tát, Tự Chấp Cảnh Giới Vô Nộ và Duyệt Trừ Vô Nộ, nhận lấy hoa rồi cùng với hàng ức Bồ-tát rời cõi Phật Đẳng hoa, trong giây lát liền biến mất khỏi nước ấy, hiện ra nơi Đức Bảo Tạng Như Lai trong vườn Diêm-bà-la thuộc cõi Phật San-đề-lam cung kính đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai. Bấy giờ, nơi cõi Phật San-đề-lam, tất cả thế giới của các Bồ-tát, người tu tập pháp Đại thừa, người cầu Bích-chi-phật thừa, Thanh văn thừa, các chúng Trời, Rồng, Ma-hầu-la-già… các loại như thế số đông vô lượng, nhiều như mía lau, lúa, rừng cây, không thể tính kể đem vô số các pháp thần thông diệu dụng của các Bồ-tát đã chứng đắc cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai, xong, thấy vị Bà-la-môn Hải Tế đang ở trước Đức Bảo Tạng Như Lai cung kính chắp tay tán thán sự cúng dường của đại chúng này, nên họ suy nghĩ: "Đây chính là Đại Bồ-tát Đại Bi nên mới được Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai dặn trao tặng hoa quý này". Hai vị Bồ-tát ở trước Phật hướng về Bà-la-môn Hải Tế dâng hoa và thưa: "Đức Hoa Phu Chiếu Minh Như Lai sai chúng tôi đem hoa Nguyệt lạc vô cấu này tặng cho Ngài để làm tin cùng với ba pháp tán thán *(như đã nói ở trên)*.

Lúc này, lại có trận mưa vô số các thứ hoa, hoa rơi xuống cả những cõi không có Phật, tiếp theo là các thứ âm thanh vi diệu hoàn hảo vang ra khắp chốn. Đó là tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng tịch diệt, tiếng

vô vi, tiếng ba-la-mật, tiếng căn lực, tiếng vô úy, tiếng sáu thần thông, tiếng vô hành, tiếng vô sinh, tiếng vô diệt, tiếng tịch tĩnh, tiếng tự tại, tiếng đại bi, tiếng đại từ, tiếng vô sinh pháp nhẫn, tiếng thọ ký, tiếng chứng đắc quả vị, tiếng giảng nói thuần một pháp Đại thừa. Nơi các cõi không có Phật kia, có các vị Bồ-tát với thần thông, oai đức lớn, tu tập các pháp sâu xa và được tự tại, do bản nguyện độ sinh nên trụ nơi thế giới ấy, được nghe các âm thanh như thế, nhờ oai thần của Phật, nhờ nguyện lực và diệu lực của Tam-muội, nhanh như ánh chớp, các Bồ-tát đó đã rời khỏi thế giới không có Phật đến cõi Phật San-đề-lam cung kính đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai, đem vô số các pháp thần thông tự tại mà các Bồ-tát đã đạt được cúng dường Phật cùng đại chúng ở đây xong rồi, theo thứ lớp lần lượt an tọa để nghe thuyết giảng đạo pháp.

Phẩm 20: Đại Sư Được Thọ Ký

Này thiện nam tử, bấy giờ Đại sư Bà-la-môn Hải Tế đem các hoa Nguyệt lạc vô cấu cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai và bạch với Đức Phật:

– Kính mong Đức Thế Tôn thọ ký cho con đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Bảo Tạng Như Lai liền nhập tam-muội Điện đăng do diệu lực của pháp Tam-muội này khiến cho tất cả núi rừng cây cỏ, đất đai nơi cõi Phật San-đề-lam biến thành bảy báu, chính mắt đại chúng ở đây đều trông thấy, cùng ở trước Phật lãnh thọ diệu pháp. Tùy theo sự suy nghĩ của mình mà họ nhận thấy thân mình màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía; hoặc thấy giống như gió, giống như lửa, giống như hư không, giống như ngọn lửa đang cháy rực, hoặc thấy giống như bọt nước, như núi cao, giống như Phạm thiên, giống như Đế Thích, giống như hoa; hoặc thấy giống như Ca-lâu-la, như Rồng, như Sư tử; hoặc giống như mặt trời, mặt trăng, tinh tú; hoặc giống như voi, ngựa đều ngồi trước Phật lãnh hội diệu pháp. Tùy theo sự suy nghĩ của mình mà mọi người tự thấy thân hình của mình với những tướng trạng như vậy. Thiện nam tử, trong lúc này, chúng sinh nhìn bản thân mình đều thấy giống như thân Đức Bảo Tạng Như Lai.

Này thiện nam tử, các đại chúng đang ở trước Phật bỗng thấy Đại sư Bà-la-môn Hải Tế ngồi trên hoa sen bảy báu có ngàn cánh. Tất cả đại chúng hoặc ngồi, hoặc đứng ở trên đất, hoặc ở trong hư không, nhưng mỗi một người đều như thấy Đức Bảo Tạng Như Lai ngồi ở trước mình, quan tâm đến mình, vì mình mà thuyết pháp.

Này thiện nam tử, bấy giờ Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri khen ngợi Bà-la-môn Hải Tế:

– Hay thay! Hay thay! Này bậc Hạnh đại bi, ông đã phát tâm đại bi tạo ích lợi lớn cho vô số vô biên chúng sinh làm ánh sáng lớn trong thế gian nên sự xuất hiện của ông như là ruộng hoa đang nở rộ, với vô số màu sắc, vô số hương thơm, vô số sự mềm mại, vô số nào là lá, là thân, là rễ, vô số công năng, tất cả đều có thể làm thành các loại thuốc quý. Hoặc có thứ hoa, hương sắc chiếu tỏa đến một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần... *(nói lược)*, có thứ hương sắc tỏa chiếu khắp thế giới bốn châu thiên hạ. Ở đó, chúng sinh nào ngửi được mùi thơm kia, nếu mù lòa thì được thấy sáng, nếu điếc thì được nghe... các căn thiếu khuyết thiền được đầy đủ. Các chúng sinh nào bị khốn khổ do bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, ngửi được mùi hương này rồi thì mọi bệnh đều được dứt trừ. Hoặc những chúng sinh bị điên cuồng, loạn động, thất niệm, phóng dật, ham ngủ nghỉ nếu ngửi được mùi hương này thì tâm ý được hồi phục. Trong ruộng hoa ấy cũng xuất hiện cây hoa Phân-đà-lợi. Thân cây là ngọc kim cang, lưu ly bền chắc, có hàng trăm hạt. Vàng ròng là cánh hoa, mã não là tua hoa, đài hoa là xích trân châu. Hoa cao tám mươi bốn ức do-tuần, ngang dọc bằng nhau một trăm ngàn do-tuần, màu sắc, hương thơm tỏa khắp mười phương, đến vô số thế giới của chư Phật nhiều như vi trần nơi một cõi Phật. Các chúng sinh ở đấy, hoặc bốn đại không điều hòa, thân thể bị ốm đau, tâm niệm khủng hoảng, điên cuồng, loạn động, mất chánh niệm, nếu thấy được ánh sáng, ngửi được mùi hương của hoa Phân-đà-lợi thì tất cả mọi khổ nạn đều tiêu trừ, đạt được nhất tâm. Những chúng sinh nào vừa mới qua đời thân xác chưa hư hoại nếu được chiếu rọi, xông ướp bằng hương sắc của hoa Phân-đà-lợi thì được sống lại, bình phục như cũ, gặp gỡ thân thuộc, cùng nhau vui chơi nơi khu vườn hoa, năm dục thỏa thích. Từ đó đến khi mạng chung, họ được sinh lên cõi trời Phạm thiên, thọ mạng không lường, chẳng sinh tới xứ khác.

Này bậc Phạm hạnh, ruộng hoa sen ấy tức là đại chúng của hội này. Giống như khi mặt trời vừa mọc, khiến các loài hoa nở rộ tỏa bày hương sắc, mặt trời trí tuệ của Như Lai xuất hiện, nuôi dưỡng và phát triển ánh sáng với hương thơm vi diệu diệt trừ các thứ khổ nạn cho tất cả chúng sinh.

Này bậc Đại trượng phu, Ta nay như mặt trời xuất hiện ở thế gian đem ánh sáng đại bi che chở khắp mọi chúng sinh, làm cho chúng sinh nở hoa thiện căn tăng trưởng lợi ích, an trú nơi ba thứ phước địa. Ông cũng đã khuyến hóa vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh đến với đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đạt Bất thoái chuyển. Các chúng sinh đó đều ở trước mặt Ta, mỗi

người tự lập nguyện chọn lấy cõi Phật, thanh tịnh, hoặc Phật không thanh tịnh, Ta cũng đều theo ý nguyện của họ mà thọ ký cho.

Này bậc Đại trượng phu, Bồ-tát nào ở trước Ta, chọn lấy cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh, đã từng vun trồng thiện căn, dễ khuyến hóa, nhiếp phục thì đó là Bồ-tát nhưng không có hạnh Đại trượng phu, đầy đủ dũng lực, đầy đủ đại bi sâu dày, không vì thương xót tất cả chúng sinh mà cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng. Bồ-tát nào nguyện chọn lấy cõi Phật thanh tịnh là xa rời tâm đại bi. Lại nữa, người nào không nguyện đi vào hàng Nhị thừa là Bồ-tát không có phương tiện và trí tuệ khéo léo, không có tâm bình đẳng. Bồ-tát nào lập thệ nguyện khiến cho thế giới của mình xa lìa hai thừa, diệt nghiệp bất thiện, không có người nữ, không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh... thành đạo quả Bồ-đề Vô thượng xong, chỉ dùng Đại Bồ-tát làm quyến thuộc lớn thuyết giảng thuần giáo pháp Đại thừa, thọ mạng vô lượng, trải qua vô số kiếp, chỉ thuyết giảng pháp vi diệu cho người có thiện tâm, sẵn căn lành, dễ khuyến hóa thì vị ấy tuy gọi là Bồ-tát nhưng không phải là Đại sĩ. Vì sao? Vì không có trí phương tiện thiện xảo và tâm đại bi bình đẳng.

Này thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng ròng từ đầu năm ngón tay phóng ra vô lượng ánh sáng đủ màu sắc, chiếu rọi về phương Đông, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật, thế giới tên là Ương-quật-tra, chúng sinh ở đấy thọ mạng được ba mươi tuổi, sắc diện xấu xí, dung mạo khả ố, tích tập các căn bất thiện, thân cao ba khuỷu tay, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Nguyệt Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, hiện trụ thế vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng giáo pháp Ba thừa.

Thiện nam tử, đại chúng ở chỗ Đức Bảo Tạng Như Lai khi ấy đều thấy được Đức Phật và chúng sinh nơi cõi Phật kia, Đức Bảo Tạng Như Lai bảo đại chúng:

– Đức Nguyệt Minh Như Lai kia trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về thời quá khứ, ở nơi trú xứ Đức Bảo Cái Chiếu Dũng Như Lai phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng, bước đầu cũng đã khuyến hóa nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh an trụ nơi đạo Chánh đẳng Chánh giác Tối thượng, tùy theo ý nguyện chọn lấy vô số thế giới trang nghiêm, hoặc chọn lấy cõi Phật thanh tịnh, hoặc chọn lấy cõi đủ năm thứ ô trược bất tịnh. Đức Nguyệt Minh Như Lai này cũng khuyến ta phát tâm và trụ vững nơi đạo Giác ngộ Vô thượng. Khi ấy, đối trước Đức Bảo Cái Chiếu Dũng Như Lai ta được khuyên lập nguyện trang nghiêm thành tựu quả vị Chánh giác nơi cõi đời có đủ năm thứ ô trược xấu ác này. Khi ấy, Đức Bảo Cái Chiếu Dũng

Như Lai khen ta: "Lành thay! Lành thay!" và thọ ký đạo quả Giác ngộ Tối thượng cho ta. Lúc đó, bậc Thiện tri thức kia đã khuyến hóa ta phát tâm cầu đạo Bồ-đề, đã khuyến khích ta nhận lấy cõi có đủ năm thứ ô trược xấu ác, này nơi quốc độ bất định, chúng sinh tạo nhiều nghiệp ác, kể cả nguyện vô gián... tích tập các căn nghiệp bất thiện, thiêu đốt tâm thiện, mãi trôi nổi nơi cõi sinh tử mênh mông, để mà nhiếp phục, hóa độ.

Bấy giờ, trong vô lượng, vô biên thế giới khắp mười phương chư Phật Thế Tôn đều sai sứ giả đến chỗ vị Đại trượng phu này để khen ngợi tán dương và Ngài liền được mang tên hiệu là Thiện Đại Bi Chiếu Minh. Đại Bồ-tát Thiện Đại Bi Chiếu Minh ấy chính là thiện tri thức của Ta đã giúp Ta tạo lợi ích lớn. Ngài thành Phật chưa lâu tại cõi Ương-quật-tra nơi đó con người thọ mạng chỉ có ba mươi năm, vì các chúng sinh ấy mà chuyển xe chánh pháp. Lúc mới thành đạo Bồ-đề, các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khác đều sai sứ giả đến cúng dường, tôn kính, tán thán, vì các Đức Thế Tôn kia đều do Phật Nguyệt Minh trước đây khuyến hóa phát tâm cầu đạo Bồ-đề, khiến trụ và tu tập các pháp Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật. Do nhớ nghĩ về ân đức trước đây nên các Đức Thế Tôn đã sai các vị Bồ-tát đem vật phẩm đến cúng dường.

Này vị Bà-la-môn, ông hãy xem các Đức Phật, Thế Tôn kia thực hiện Phật sự nơi cõi Phật thanh tịnh trường thọ, chúng sinh tâm ý thuần thục, dễ hóa độ. Còn Đức Nguyệt Minh Như Lai thì thành Phật ở cõi đời có đủ năm thứ ô trược xấu ác, chúng sinh tạo nhiều nghiệp ác kể cả nghiệp vô gián... tích chứa các căn bất thiện, thọ mạng ngắn ngủi Đức Phật Nguyệt Minh đã hành hóa và thành tựu mọi Phật sự nơi thế giới như vậy, không hề bỏ rơi hàng Thanh văn, Bích-chi-phật vì các chúng sanh thuyết giảng Ba thừa giáo pháp. Này bậc Thiện trượng phu, Phật Nguyệt Minh ấy đúng là Bậc Trượng Phu toàn thiện, tất cả đại chúng ở đây không ai sánh kịp, làm được những việc khó khăn như đã nói ở trên. Thiện nam tử, có các Bồ-tát nào nhận thế giới thanh tịnh của Phật, bỏ các nẻo ác và lìa bỏ hàng Nhị thừa, chỉ điều phục giáo hóa những chúng sinh có tâm thiện và thanh tịnh, thành tựu Phật sự trên cơ sở như vậy thì chỉ gọi Bồ-tát giống như các thứ hoa khác, chẳng phải là Đại Bồ-tát như hoa sen trắng vì đã thực hiện Phật sự nơi cõi có chúng sinh dễ khuyến hóa, thiện căn thuần thục.

Này vị Phạm hạnh, Bồ-tát có bốn pháp không tích cực, đó là gì?

1. Nguyện nhập thế giới Phật thanh tịnh.

2. Nguyện ở trong chúng sinh tâm ý đã được điều phục, thanh tịnh mà làm Phật sự.
3. Nguyện sau khi thành đạo Bồ-đề không thuyết giảng giáo pháp Thanh văn, Bích-chi-phật.
4. Nguyện khi thành tựu quả vị Giác ngộ rồi được làm Phật trường thọ.

Đó là bốn thứ giải đãi của Bồ-tát. Vậy nên các Bồ-tát này chỉ giống với các hoa khác không phải là hoa Phân-đà-lợi, không phải là Đại Bồ-tát.

Này vị Phạm hạnh, đại chúng Bồ-tát này, ngoại trừ Bà-do-tỳ-sư-nữu đã chọn cõi Phật bất tịnh, nhiếp phục, hóa độ chúng sinh nhiều phiền não. Trong Hiền kiếp có những Bồ-tát nào nguyện lấy thế giới bất tịnh thì Bồ-tát ấy có bốn thứ tinh tấn.

Bốn thứ đó là gì?

1. Nguyện nhận lấy thế giới bất tịnh.
2. Nguyện ở trong chúng sinh bất tịnh làm Phật sự.
3. Nguyện thành đạo Bồ-đề rồi thuyết giảng giáo pháp Thanh văn, Bích-chi-phật thừa.
4. Nguyện thành đạo Bồ-đề rồi thì đạt được thọ mạng không ngắn, không dài.

Đó là bốn pháp tinh tấn của Đại Bồ-tát. Các Bồ-tát đó được gọi là Đại Bồ-tát, là hoa Phân-đà-lợi, không giống như các hoa khác.

Này vị Phạm hạnh, ông đang ở trong vô lượng a-tăng-kỳ ruộng hoa của đại chúng Bồ-tát này mà phát nguyện và được thọ ký, vậy là ngay trước Như Lai ông đã phát sinh ra hoa "Đại bi Phân-đà-lợi" để nhiếp phục giáo hóa các chúng sinh tạo nhiều nghiệp ác, kể cả nghiệp vô gián... tích tập các căn bất thiện, nhận lấy cõi Phật đủ năm thứ ô trược, xấu ác.

Này bậc Đại trượng phu, do âm vang về tâm đại bi của ông mà các Đức Phật Thế Tôn nhiều như vi trần trong mười phương cõi Phật đã sai sứ giả đến khen ngợi tán thán, tôn xưng là Thành Tựu Đại Bi, khen ngợi xong lại bảo tất cả đại chúng ở đây phụng sự, cúng dường ông. Này ông Đại Bi, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, đến phần còn lại rất ít của hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, thuộc về Hiền kiếp nơi thế giới Ta-bà, loài người thọ một trăm hai mươi tuổi, luôn bị sinh tử trói buộc làm cho tối tăm, không có thầy dẫn đường, chúng sinh tích tập các căn bất thiện, đi theo tà đạo, tạo nghiệp vô gián, bài báng chánh pháp, hủy hoại Thánh hiền, phạm các tội căn bản... *như trước đã nói*... thì tại nơi thế giới

như vậy, ông sẽ thành Bậc Chánh Giác gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến Phật, Thế Tôn, chuyển xe chánh pháp, hàng phục bốn thứ ma. Bấy giờ, uy đức tiếng tăm của ông vang truyền khắp mười phương vô lượng vô biên cõi Phật, ông có đại chúng Thanh văn gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, sẽ dần dần thực hiện đầy đủ Phật sự trong bốn mươi lăm năm, như đã lập nguyện. Khi ấy, Vô Lượng Tịnh Vương này cũng thành Phật là Phật A-di-đà trong vô lượng kiếp thực hiện đầy đủ các Phật sự. Này bậc Đại trượng phu, sau khi ông vào Niết-bàn, chánh pháp sẽ trụ thế hơn một ngàn năm, chánh pháp diệt rồi, sắc thân xá-lợi của ông cũng hành hóa Phật sự đúng như ý nguyện ở mãi nơi thế gian ấy hóa độ chúng sinh... *(như trước đã nói).*

Phẩm 21: Đại Sư Lập Thệ

Này thiện nam tử, bấy giờ có Phạm chí tên là Loa Kết nói với Bà-la-môn Hải Tế: "Này bậc Đại trượng phu, trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ở đời vị lai, khi ngài tu hạnh Bồ-tát, sinh ra ở bất cứ nơi nào tôi luôn vì ngài làm thị giả, luôn tùy thuận cúng dường cho ngài các thứ cần dùng, đến khi ngài chỉ còn một lần thọ sinh, tôi sẽ làm cha ngài, sau khi ngài thành Bậc Chánh Giác, tôi sẽ là người đàn việt bậc nhất của ngài. Và ngài cũng sẽ thọ ký cho tôi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Lại có nữ Hải thần tên là Điều Ý nói:

– Ở nơi sinh ra, cho đến chỉ còn một lần cuối thọ sinh, tôi sẽ làm mẹ ngài, sau khi thành Bậc Chánh Giác, ngài cũng thọ ký cho tôi đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Lại có nữ Địa thần tên là Thủy Nghi thưa: Từ nay trở đi cho đến lúc ngài chỉ còn một lần thọ sinh, tôi nguyện sẽ làm nhũ mẫu cho ngài, sau khi thành Phật, ngài cũng sẽ thọ ký cho tôi, đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lúc này có hai Đế Thích, một người tên là Thân Cận, người thứ hai tên là Tuyết Tư Niệm đều nói:

– Thưa bậc Đại trượng phu, sau khi ngài thành Bậc Chánh Giác, chúng tôi sẽ làm đệ tử đứng đầu về thần túc và trí tuệ của ngài.

Lại có một Đế Thích tên là Thiện Hiện Thủ thưa:

– Thưa bậc Đại bi, từ nay trở đi... cho đến khi ngài chỉ còn một lần thọ sinh tôi xin làm con của ngài.

Lại có nữ thần núi tên là Nhật Đài nói:

– Thưa bậc Đại bi,… cho đến khi ngài chỉ còn một lần thọ sinh, tôi xin làm bạn đời của ngài, sau khi thành đạo Bồ-đề ngài cũng thọ ký cho tôi đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Lại có A-tu-la tên Xuyến Hành nói:

– Thưa bậc Đại bi, trong vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, khi ngài tu hạnh Bồ-tát, cho tới khi chỉ còn một lần thọ sinh, tôi sẽ xin làm kẻ hầu hạ hết lòng tận tụy với ngài, sau khi thành tựu đạo quả Bồ-đề, chuyển xe chánh pháp, tôi sẽ là người lãnh hội giáo pháp, uống pháp vị Cam lộ đầu tiên, diệt trừ các phiền não, chứng quả A-la-hán...

Bấy giờ, hằng hà sa số Thiên, Long, A-tu-la, Nhân, Phi nhân cùng đến chỗ Bồ-tát phát nguyện:

– Vào đời vị lai, xin ngài điều phục giáo hóa chúng con.

Khi ấy, có một Phạm chí lõa hình tên là Hoại Tưởng thưa:

– Thưa bậc Đại trượng phu, trong vô số a-tăng-kỳ kiếp, khi ngài hành đạo Bồ-tát, tôi sẽ theo ngài cầu xin các thứ cần dùng, thường đến chỗ ngài cầu xin quần áo, vật dụng để nằm, ngồi, voi ngựa, xe cộ, thôn xóm, thành quách, con cái, thê thiếp lại còn xin cả da thịt, máu xương, tay chân, mắt tai, mũi lưỡi đầu thân. Thưa bậc Đại trượng phu, tôi sẽ làm người trợ giúp để ngài tu tập hoàn thành Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật. Khi ngài thực hành hạnh Bồ-tát, tôi sẽ hỗ trợ giúp như thế để ngài tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Đến khi ngài thành đạo Bồ-đề, tôi nguyện làm đệ tử theo ngài lãnh hội tám vạn pháp tụ, sẽ biện luận giảng nói giáo pháp và được ngài thọ ký đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Này thiện nam tử, Bồ-tát Đại Bi nghe ông ấy nói xong, liền gieo năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai, rồi nói với ông Phạm chí Hoại Tưởng:

– Hay thay! Hay thay! Ông chính là người bạn đồng hành vô thượng của ta mới có thể vì ta mà suốt vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trong vô số na-do-tha trăm ngàn xứ sở luôn đến với ta để cầu xin các vật dụng cần dùng như y phục... cho đến cả đầu mắt, thân mạng của ta. Khi ấy, tâm luôn thanh tịnh, ta hoan hỷ, bố thí khiến ông không bị một chút tội lỗi nào cả.

Này thiện nam tử, Đại Bi Bồ-tát Ma-ha-tát lại bạch với Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp con tu hạnh Bồ-tát, giống như ở bất cứ nơi chốn nào, như có kẻ khất sĩ đứng trước con, hoặc đi theo sau con để cầu xin các thức ăn, hoặc dùng lời nói dịu dàng, hoặc dùng lời thô tháo, hoặc khinh thị hủy báng hoặc nói lời chân thật.

Thưa Đức Thế Tôn, khi ấy con không hề dấy khởi một chút tâm niệm xấu ác nào cả. Nếu như con đối với những trường hợp như thế, chỉ trong phút chốc sinh tâm sân giận, hoặc đem nhân duyên bố thí này để cầu phước báo cho đời sau, tức là con đã dối trá chư Phật trong hiện tại ở vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương và vào đời vị lai chắc chắn con sẽ không được thành Bậc Chánh Giác. Thưa Đức Thế Tôn, con nguyện đem tâm hoan hỷ thanh tịnh để bố thí cho người đến cầu xin nguyện cho người nhận lấy không bị các tổn hại, cũng không bị trở ngại một chút nào về căn lành. Thậm chí dù chỉ khiến cho người thọ thí kia bị chướng ngại đối với pháp thiện chỉ bằng một phần ức của sợi lông tóc cũng khiến con bị đọa vào địa ngục A-tỳ, không thể hoan hỷ bố thí y phục, thức ăn uống. Nếu người cầu xin kia, dùng lời nói êm dịu hay thô ác, hoặc khinh khi mắng nhiếc, hoặc bằng lời ngay thẳng cầu xin con về đầu, mắt, tủy, não… như vậy. Thưa Đức Thế Tôn, nếu khi ấy tâm con không hoan hỷ, cho đến có một niệm sân hận, hoặc đem việc bố thí này cầu quả báo thì khiến cho con mãi mãi không được gặp các Đức Phật. Thưa Đức Thế Tôn, như thế là sẽ khiến con bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Con nói về Bố thí, Trì giới ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, cũng như vậy.

Này Bồ-tát Tịch Ý, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai khen ngợi Đại Bồ-tát Đại Bi:

– Hay thay! Hay thay! Này vị Đại trượng phu, ông đã đem tâm đại bi để lập thệ nguyện vi diệu ấy!

Thiện nam tử, khi ấy tất cả đại chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Người đều chắp tay khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Bậc Đại trượng phu, ngài đã an trụ hoàn toàn nơi tâm đại bi nên phát thệ nguyện vi diệu này, được tiếng khen lớn, kiên cố tu tập pháp Lục hòa đem lại lợi ích đầy đủ cho tất cả chúng sinh.

Này thiện nam tử, khi Phạm chí Hoại Tưởng phát thệ nguyện xong, có tám vạn bốn ngàn chúng sinh phát thệ nguyện như ông.

Thiện nam tử, khi ấy Đại Bồ-tát Đại Bi cùng tám vạn bốn ngàn người như vậy đều rất hoan hỷ đồng phát thệ nguyện, rồi chắp tay hướng về bốn phía, nhìn khắp đại chúng và nói lên những lời hy hữu:

– Vào đời vị lai khi Chánh pháp hoại diệt, nơi cõi đời có đủ năm thứ ô trược xấu ác, phiền não nặng nề, con sẽ ở trong đó phóng hào quang lớn làm thầy dẫn dắt, thắp sáng ánh sáng nơi tối tăm. Chúng sinh nào không có người giúp, không có uy lực, không Phật chỉ đường, khi con mới phát tâm Bồ-đề đã có được các bạn đạo vô thượng ấy, nguyện cho những người này

đời đời theo con, nhận đầu, mắt, ta, mũi, lưỡi, tay chân, máu thịt, xương da, cho đến y phục, thức ăn uống.

Thiện nam tử, Đại Bồ-tát Đại Bi lại ở trước Đức Bảo Tạng Như Lai, bạch Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu trong vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha trăm ngàn kiếp ở đời vị lai, tại nơi sinh sống, các chúng sinh như gặp con để nhận đầu, mắt, tủy, não… cho đến đồ ăn thức uống, cho dù rất ít, như một sợi lông thì khi con đã thành Chánh giác họ không thoát khỏi sinh tử, không được thọ ký đạo quả Ba thừa thì chính là con đã dối trá đối với chư Phật ở vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương và con không thành tựu được đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thiện nam tử, lúc này Đức Bảo Tạng Như Lai lại khen ngợi Đại Bồ-tát Đại Bi lần nữa:

– Hay thay! Hay thay! Này bậc Đại trượng phu, ông có thể hành trì đạo Bồ-tát như vậy, như xưa kia Bồ-tát Di Lâu Sơn ở trước Đức Như Lai Thế Tự Tại Minh bắt đầu phát tâm Bồ-đề lập thệ nguyện và hành đạo Bồ-tát như vậy.

Trải qua một hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, về phương Đông, cách đây hàng ức trăm ngàn cõi Phật, ở đấy có thế giới tên là Biên trì xí nhiên, loài người ở đó thọ một trăm tuổi, Bồ-tát ấy thành Phật tại đó, hiệu là Trí Hoa Vô Trần Thượng Thắng Bồ-đề Tự Tại Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến Phật, Thế Tôn trụ thế thuyết giảng Chánh pháp trong bốn mươi lăm năm thực hiện đầy đủ các Phật sự.

Phật lại bảo Bồ-tát Đại Bi:

– Sau khi Đức Trí Hoa Vô Trần Thượng Thắng Bồ-đề Tự Tại Như Lai vào Niết-bàn, Chánh pháp trụ thế một ngàn năm, đến đời tượng pháp cũng trụ thế một ngàn năm. Này Bồ-tát Đại Bi, vào khoảng giữa thời chánh pháp và tượng pháp, có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sống phi pháp, phá giới, theo ác pháp, tu các hạnh tà vạy, không biết hổ thẹn, hủy hoại pháp cúng dường, hoặc phá vật của chiêu đề tăng, hoặc phá bỏ các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang của hiện tiền tăng, lấy vật của chúng Tăng làm vật của mình, tự đem cho người tại gia… Này Bồ-tát Đại Bi, Đức Trí Hoa Vô Trần Thượng Thắng Bồ-đề Tự Tại Như Lai kia, trước đã thọ ký cho tất cả những người như vậy đạo quả nơi Ba thừa. Này Bồ-tát Đại Bi, ở chỗ Đức Như Lai kia nếu có người xuất gia mặc áo ca-sa đều được thọ ký Bất thoái chuyển nơi Bồ-tát thừa cho họ trước. Nếu có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phạm các tội căn bản nhưng trước đó họ đã

thờ Đức Như Lai kia làm thầy, nhờ thiện căn này, nên họ cũng được thọ ký Bất thoái chuyển nơi đạo quả của Ba thừa.

Này thiện nam tử, Đại Bồ-tát Đại Bi lại bạch với Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay con xin nguyện: Khi con hành đạo Bồ-tát, nếu có chúng sinh nào mà con cần phải khuyến hóa, làm cho họ an trụ nơi Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, thì con đều dốc khuyến hóa khiến trụ nơi căn lành dù sự việc chỉ nhỏ như một sợi lông, cho đến khi thành Chánh giác vẫn không dừng nghỉ. Nếu con không đưa hết số chúng sinh kia vào bậc Bất thoái chuyển nơi Ba thừa, dù chỉ sót một người thôi, thì khiến cho con mãi mãi chẳng gặp được chư Phật Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, khiến cho con không thể thành tựu đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Thưa Đức Thế Tôn, con chứng được trí tuệ Vô thượng, nếu có chúng sinh nào trong pháp của con xuất gia, mặc ca-sa mà hoặc phạm các tội căn bản, hoặc hành theo tà kiến, đối với Tam bảo khinh chê, không tin tưởng, tạo các tội nặng, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy nếu một niệm sinh tâm cung kính, tôn trọng Phật, Pháp, Tăng, hay ở trong pháp hội khởi lòng tôn kính. Thưa Đức Thế Tôn, nếu con không thọ ký cho họ đạo quả Ba thừa Bất thoái chuyển, dù chỉ sót một người thôi, thì khiến cho con mãi mãi không gặp được các Đức Phật Thế Tôn, thậm chí con cũng không thành tựu được đạo quả Chánh giác Vô thượng.

Thưa Đức Thế Tôn, con thành tựu đạo quả Bồ-đề rồi thì khiến cho áo ca-sa ấy là chỗ luôn được các chúng Trời, Rồng, Nhân, Phi nhân tôn trọng, cung kính, cúng dường. Nếu có chúng sinh, có người được thấy dù chỉ một phần nhỏ áo ca-sa thì đều đạt pháp Bất thoái chuyển nơi Ba thừa. Hoặc các chúng sinh bị đói khát bức bách, hoặc quỷ thần bần cùng, các người hạ tiện cho đến trong hàng ngạ quỉ, nếu được tiếp xúc với ca-sa, dù chỉ là một phần nhỏ bằng bốn tấc thôi, cũng khiến cho họ đạt được chỗ mong cầu về ăn uống thảy đều sung mãn. Hoặc có các chúng sinh không hòa thuận, gây nhiều oán thù, ganh ghét, cho đến chống đối nhau, hay các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, Nhân và Phi nhân, khi xông trận giao đấu với nhau nếu ai có thể nghĩ đến ca-sa thì khiến cho chúng sinh đó có được tâm Từ bi, tâm mềm mỏng, tâm không oán thù, tâm vắng lặng, tâm điều phục tốt đẹp. Các chúng sinh ở chỗ binh trận, tranh tụng, kiện các, nếu tôn trọng, cung kính, cúng dường ca-sa và thường giữ theo bên mình thì khiến cho các

chúng sinh ấy được đắc thắng, không thể bị lấn hiếp, từ chỗ đối địch, tranh kiện nhau trở nên yên ổn, cởi mở với nhau.

Thưa Đức Thế Tôn, nếu như ca-sa của con chế ra không thành tựu đủ năm đức của bậc Thánh như vậy thì khiến cho con vĩnh viễn không được thấy chư Phật Thế Tôn trong mười phương, cho đến khiến con không sao thực hiện đầy đủ các Phật sự, quên hết các pháp thiện, không thể hàng phục được các đám dị học.

Này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai đưa cánh tay phải xoa nơi đỉnh đầu Bồ-tát Đại Bi khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Này bậc Đại trượng phu! Đúng vậy! Ông thành đạo Bồ-đề rồi, y phục ca-sa của ông có đủ năm công đức của bậc Thánh đem lại lợi ích lớn cho mọi chúng sinh!

Này thiện nam tử, khi Bồ-tát Đại Bi được Phật thọ ký và khen ngợi thì rất mực vui mừng phấn khởi. Nhờ Đức Phật duỗi cánh tay màu sắc vàng ròng với các ngón thon dài, có màng lưới mềm mại như thân tướng của Bồ-tát Đại Bi liền thay đổi, trẻ lại như đồng tử hai mươi tuổi.

Này thiện nam tử, bấy giờ tất cả đại chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Nhân, Phi nhân nơi chúng hội thảy đều chắp tay cung kính hướng về Bồ-tát Đại Bi dâng vô số hoa hương, âm nhạc để cúng dường Bồ-tát, lại dùng vô số kệ tán để ca ngợi, xong xuôi thì đều an tọa.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 7

phẩm 22: Trang Nghiêm

Này thiện nam tử, bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Bi gieo năm vóc làm lễ nơi chân Đức Bảo Tạng Như Lai xong, ở trước Phật thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nói về pháp môn Quyết định tam-muội của Bồ-tát đạo, làm pháp môn Thanh tịnh trợ Bồ-đề phần. Làm thế nào để có đầy đủ được các pháp môn Tam-muội ấy? Kính bạch Đức Thế Tôn, những thiện nam, thiện nữ làm sao để đạt đủ được các pháp môn Tam-muội như thế, an trụ một cách vững chắc, dùng môn quyết định Tam-muội nào để tự trang nghiêm?".

Thiện nam tử, Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri lúc ấy đã khen ngợi Bồ-tát Đại Bi:

– Hay thay! Hay thay! Đại Bi, điều ông hỏi thật hết sức đặc biệt, có ý nghĩa lớn, là châu báu để có thể đem lại lợi ích cho vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát. Vì sao? Này Đại Bi, vì ông đã có thể nêu hỏi Phật về những sự việc lớn lao như thế. Vậy ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà phân biệt thuyết giảng rõ.

Này Đại Bi, hàng thiện nam, thiện nữ nào cầu pháp Đại thừa, có tam-muội tên là Thủ-lăng-nghiêm, Bồ-tát trụ nơi pháp Tam-muội ấy thì có thể nhập vào tất cả các pháp Tam-muội khác.

Có tam-muội tên Bảo ấn, nhập Tam-muội này thì có thể ấn chứng các Tam-muội.

Có tam-muội tên Sư tử du hý, nhập Tam-muội này thì thể hiện diệu dụng nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Diệu nguyệt, nhập Tam-muội này thì có thể chiếu soi các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Như tịnh nguyệt tràng thắng, nhập Tam-muội này thì hay giữ gìn các thứ cờ Tam-muội.

Có tam-muội Chư pháp dũng xuất, nhập Tam-muội này thì có thể dấy khởi tất cả các Tam-muội.

Có tam-muội Quán đảnh, nhập Tam-muội này thì có thể quan sát các đảnh Tam-muội.

Có tam-muội Tất pháp tánh, nhập Tam-muội này thì có thể quyết định rốt ráo các pháp tánh.

Có pháp tam-muội Tràng thắng, nhập Tam-muội này thì có thể giữ gìn các Tam-muội.

Có tam-muội Tràng kim cang, nhập Tam-muội này thì có thể phá trừ các pháp Tam-muội khác.

Có tam-muội Pháp ấn, nhập Tam-muội này thì có thể ấn chứng các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Vương thiện trụ, nhập Tam-muội này thì có thể đối với các pháp Tam-muội như vua an trụ.

Có tam-muội Phóng quang, nhập Tam-muội này thì có thể phóng ra ánh sáng soi chiếu các Tam-muội.

Có tam-muội Lực tấn, nhập Tam-muội này thì có thể đối với các Tam-muội tăng tiến tự tại.

Có tam-muội Dũng xuất, nhập Tam-muội này thì có thể phóng ra các Tam-muội.

Có tam-muội Tất nhập ngôn từ, nhập Tam-muội này thì có thể biện thuyết về các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Thích danh tự, nhập Tam-muội này thì có thể biện giải về danh hiệu của các Tam-muội.

Có tam-muội Quán phương, nhập Tam-muội này thì có thể quan sát phương nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Phá chư pháp, nhập Tam-muội này thì có thể phá trừ tất cả các pháp.

Có tam-muội Trì ấn, nhập Tam-muội này thì có thể giữ gìn các ấn Tam-muội.

Có tam-muội Nhàn tịnh, nhập Tam-muội này thì có thể khiến tất cả các Tam-muội trở nên tịch tĩnh.

Có tam-muội Bất vong thất, nhập Tam-muội này thì không quên mất các Tam-muội.

Có tam-muội Bất động, nhập Tam-muội này thì có thể khiến cho tất cả các Tam-muội không loạn động.

Có tam-muội Hải ấn, nhập Tam-muội này thì có thể thâu tóm các Tam-muội như nước trong biển cả.

Có tam-muội Bất khinh chư pháp, nhập Tam-muội này thì có thể đạt đến các pháp Tam-muội không kinh, không diệt che phủ khắp các Tam-muội như hư không.

Có tam-muội Chư pháp vô đoạn, nhập Tam-muội này thì có thể giữ gìn các Tam-muội không để dứt mất.

Có tam-muội Kim cang luân, nhập Tam-muội này thì có thể duy trì các Tam-muội luân.

Có tam-muội Chư pháp nhất vị, nhập pháp Tam-muội này thì có thể giữ được tính chất một vị của các Tam-muội.

Có tam-muội Xả bảo, nhập Tam-muội này thì có thể xả bỏ phiền não cấu uế nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Chư pháp vô sinh, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày các pháp không sinh diệt.

Có tam-muội Hiển minh, nhập Tam-muội này thì có thể dùng ánh sáng chiếu soi các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Chư pháp vô diệt, nhập Tam-muội này thì có thể phá bỏ các Tam-muội.

Có tam-muội Vô thị phi, nhập Tam-muội này thì trọn chẳng có nhận định thị phi đối với các Tam-muội.

Có tam-muội Vô trụ tướng, nhập Tam-muội này thì có thể nhận thấy tính chất không trụ nơi tướng của các Tam-muội.

Có tam-muội Hư không tướng, nhập Tam-muội này thì có thể thấy rõ các Tam-muội như hư không.

Có tam-muội Vô tâm, nhập vào Tam-muội này thì có thể xả bỏ tâm, tâm sổ pháp trong tất cả các Tam-muội.

Có tam-muội Sắc vô biên, nhập Tam-muội này thì có thể chiếu rọi màu sắc trong các Tam-muội.

Có tam-muội Vô cấu đăng, nhập Tam-muội này thì có thể làm đèn sáng trong các Tam-muội.

Có tam-muội Chư pháp vô biên, nhập nơi Tam-muội này thì có thể hiện bày tính chất vô biên trong các Tam-muội.

Có tam-muội Trí vô biên minh, nhập Tam-muội này thì có thể hiện rõ trí sáng vô biên trong các Tam-muội.

Có tam-muội Tác chư quang, nhập nơi Tam-muội này thì có thể hiện

bày ánh sáng nơi các môn Tam-muội.

Có tam-muội Tánh vô biên, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày tính chất thông hợp vô biên của các Tam-muội.

Có tam-muội Tịnh kiên, nhập Tam-muội này thì có thể đạt được định không đối với các Tam-muội.

Có tam-muội Khư di-lâu tạp, hội nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày các pháp đều không.

Có tam-muội Vô cấu quang, nhập Tam-muội này thì có thể diệt trừ mọi cấu uế trong các Tam-muội.

Có tam-muội Chư pháp vô úy, nhập nơi Tam-muội này thì có thể đối với các Tam-muội không hề tham vướng.

Có tam-muội Tác lạc, nhập Tam-muội này thì đạt được niềm vui nơi pháp thật trong các Tam-muội.

Có tam-muội Du hý, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày màu sắc trong các Tam-muội.

Có tam-muội Tán minh, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày các pháp khó đạt nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Vô cấu trước, nhập nơi Tam-muội này thì có thể hiện rõ trí tuệ không cấu uế nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Tận tướng, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày các pháp vô tận, bất tận nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Bất khả tư nghị thanh tịnh, nhập Tam-muội này thì có thể hiện các pháp như bóng hình.

Có tam-muội Hỏa tướng, nhập Tam-muội này thì có thể khiến trí tuệ tỏa sáng nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Vô tận tướng, nhập Tam-muội này thì có thể hiện rõ tướng không cùng tận trong các Tam-muội.

Có tam-muội Vô tưởng, nhập Tam-muội này thì đối với các pháp dứt hẳn mọi tưởng, thọ, dao động.

Có tam-muội Tăng trưởng, nhập nơi Tam-muội này thì có thể thấy các Tam-muội luôn tăng trưởng lợi ích.

Có tam-muội Nhật đăng, nhập Tam-muội này thì ở nơi các Tam-muội luôn phóng ra ánh sáng.

Có tam-muội Nguyệt vô cấu, nhập Tam-muội này thì đối với các Tam-muội hay tạo ra sự sáng tỏ.

Có tam-muội Tịnh ảnh, nhập Tam-muội này thì đối với các Tam-muội luôn đạt được bốn Biện tài.

Có tam-muội Tác bất tác, nhập Tam-muội này thì đối với các pháp thấy được tướng trí tuệ tạo tác, chẳng tạo tác.

Có tam-muội Như kim cang, nhập Tam-muội này thì đối với các pháp khiến nhàm chán nhưng chẳng thấy nhàm chán.

Có tam-muội Tâm trụ, nhập Tam-muội này thì đối với các pháp tâm không động, không nhận biết, không soi chiếu, không phiền não, không sinh khởi.

Có tam-muội Phổ minh, nhập Tam-muội này thì có thể thấy ánh sáng khắp nơi các Tam-muội.

Có tam-muội An trụ, nhập Tam-muội này thì có thể an trụ bất động nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Bảo tụ, nhập Tam-muội này thì có thể thấy các Tam-muội như sự tích tụ các vật báu.

Có tam-muội Diệu pháp ấn, nhập Tam-muội này thì có thể in đậm dấu ấn trong các Tam-muội.

Có tam-muội Đẳng, nhập Tam-muội này thì có thể thấy các pháp không lìa sự bình đẳng.

Có tam-muội Xả hỷ lạc, nhập Tam-muội này thì có thể xả bỏ mọi hỷ lạc nơi các pháp.

Có tam-muội Pháp cự, nhập Tam-muội này thì có thể dứt trừ được tối tăm nơi các pháp.

Có tam-muội Tán tướng, nhập Tam-muội này thì có thể tỏa rộng các pháp, phá bỏ mọi chấp trước đối với các pháp.

Có tam-muội Tự tướng, nhập Tam-muội này thì có thể đạt được tướng chữ nơi các pháp.

Có tam-muội Vô tự tướng, nhập vào Tam-muội này thì đối với các pháp lìa hết mọi ngôn từ văn tự.

Có tam-muội Đoạn tác, nhập Tam-muội này thì có thể đoạn trừ mọi tạo tác trong các pháp.

Có tam-muội Vô tác, nhập Tam-muội này thì có thể đạt được sự vô tác nơi các pháp.

Có tam-muội Tánh định, nhập Tam-muội này thì có thể ở trong các pháp dứt mọi tư duy.

Có tam-muội Vô tướng hành, nhập Tam-muội này thì ở trong các

pháp dứt hết mọi tướng hành.

Có tam-muội Vô mông muội, nhập Tam-muội này thì có thể thấy được các Tam-muội luôn bình đẳng.

Có tam-muội Trừ tập chư công đức, nhập nơi Tam-muội này thì có thể xả bỏ sự tích tập trong các pháp.

Có tam-muội Vô tâm, nhập Tam-muội này thì đối với các pháp không còn thấy có Tâm, Tâm sở.

Có tam-muội Giác phận, nhập Tam-muội này thì có thể biết rõ tất cả các pháp.

Có tam-muội Vô lượng biện, nhập Tam-muội này thì có thể đạt được a-tăng-kỳ biện tài nơi các pháp.

Có tam-muội Trí tịnh tướng, nhập Tam-muội thì đối với các pháp đạt được sự bình đẳng hay không bình đẳng.

Có tam-muội Trí thắng, nhập Tam-muội này thì có thể vượt qua ba cõi.

Có tam-muội Đoạn trí, nhập Tam-muội này thì có thể thấy các pháp được chấm dứt.

Có tam-muội Phân biệt chư pháp, nhập Tam-muội này thì có thể tạo lập sự phân biệt các pháp.

Có tam-muội Vô trụ, nhập Tam-muội này thì có thể thấy các pháp không có đối tượng được nương tựa.

Có tam-muội Nhất trang nghiêm, nhập Tam-muội này thì có thể thấy các pháp là không hai.

Có tam-muội Tác tướng, nhập Tam-muội này thì không còn thấy tướng tạo tác trong các Tam-muội.

Có tam-muội Nhất thiết tác nhất thiết xứ tán, hội nhập Tam-muội này thì có thể thông suốt tất cả các pháp, thấy rõ Tướng trí.

Có tam-muội Đẳng tướng từ nhập, thực hành pháp Tam-muội này thì có thể thấu tỏ âm thanh ngôn từ trong các tướng.

Có tam-muội Tự giải thoát, nhập Tam-muội này thì có thể thấy chữ trong các pháp đều là giải thoát.

Có tam-muội Trí cự tướng, nhập nơi Tam-muội này thì có thể dùng ánh sáng soi rọi các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Diệu trí tướng phấn tấn, nhập Tam-muội này thì có thể hiện bày các tướng thanh tịnh nơi các pháp.

Có tam-muội Phá tướng, nhập Tam-muội này thì có thể thấy rõ sự phá trừ chân tướng nơi các pháp.

Có tam-muội Chư tác diệu tướng, nhập nơi Tam-muội này thì có thể đạt được các hình tướng vi diệu sinh khởi trong các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Xả chư khổ lạc, nhập Tam-muội này thì có thể nhận thấy tính chất không chốn nương tựa nơi các pháp.

Có tam-muội Vô tận tướng, nhập Tam-muội này thì có thể nhận thấy các pháp là không cùng tận.

Có tam-muội Đà-la-ni cú, nhập nơi Tam-muội này thì có thể giữ gìn các pháp Tam-muội, đối với các pháp không thấy có tà chánh.

Có tam-muội Trừ nghịch thuận, hội nhập Tam-muội này thì ở trong các pháp không còn thấy nghịch thuận.

Có tam-muội Vô cấu quang, nhập Tam-muội này thì ở trong các Tam-muội không còn thấy sự cấu uế của các pháp Hữu vi.

Có tam-muội Tất kiên, nhập nơi Tam-muội này thì ở trong các pháp luôn có được sự bền vững.

Có tam-muội Mãn nguyệt tịnh, nhập vào Tam-muội thì có thể làm viên mãn công đức nơi các Tam-muội.

Có tam-muội Đại trang nghiêm, nhập Tam-muội này thì đối với các Tam-muội đều thành tựu vô lượng trang nghiêm.

Có tam-muội Nhất thiết thế quang, nhập Tam-muội này thì có thể dùng trí soi chiếu các pháp Tam-muội.

Có tam-muội Đẳng minh, nhập Tam-muội này thì có thể đạt được thanh tịnh bậc nhất trong các Tam-muội.

Có tam-muội Vô trang, nhập vào Tam-muội này thì có thể đối với các pháp dứt hết mọi sự không tranh cãi.

Có tam-muội Vô trụ xứ lạc, nhập nơi Tam-muội này thì có thể ở trong các pháp không còn thấy có trú xứ.

Có tam-muội Như trụ vô tâm, nhập Tam-muội này thì có thể ở trong các pháp luôn an trụ, không thoái chuyển.

Có tam-muội Trừ thân uế, nhập Tam-muội này thì có thể ở trong các pháp không còn chấp về. Bồ-tát đạt được pháp tam-muội Trừ ngữ uế hư không tướng thì có thể ở trong các pháp không còn bị chướng ngại nơi ngữ nghiệp. Bồ-tát trụ nơi tam-muội Hư không vô nhiễm trước thì có thể thành tựu được vô số các pháp như hư không đó gọi là Tam-muội quyết định của Bồ-tát cầu pháp Đại thừa.

Thế nào là pháp môn Tư dụng của Đại Bồ-tát? Này thiện nam tử, Đại Bồ-tát có Thí tư dụng thì đạt được sự khuyến hóa tăng tiến. Bồ-tát có Giới tư dụng thì viên mãn được các nguyện. Bồ-tát có Nhẫn tư dụng thì tâm luôn được điều phục. Bồ-tát có Tuệ tư dụng thì biết rõ được các thứ kết sử. Bồ-tát có được Văn tư dụng thì được vô số biện tài. Bồ-tát có Phước tư dụng thì có thể đem lại ích lợi cho chúng sinh. Bồ-tát có Trí tư dụng thì đạt được a-tăng-kỳ trí tuệ. Bồ-tát có Chỉ tư dụng thì đạt được tâm dứt mọi tạo tác. Bồ-tát có Quán tư dụng thì đạt được sự dứt hẳn thị phi. Bồ-tát có Từ tư dụng thì đạt được tâm không chướng ngại. Bồ-tát có Bi tư dụng thì hóa độ chúng sinh không hề chán nản. Bồ-tát có Hỷ tư dụng thì luôn ưa vui với đạo pháp. Bồ-tát có Xả tư dụng thì xả bỏ được mọi sự yêu ghét. Bồ-tát có Thính pháp tư dụng thì xả bỏ được mọi nẻo che lấp ngăn trở. Bồ-tát có Xuất gia tư dụng thì có thể xả lìa mọi pháp hữu vi. Bồ-tát có Nhàn cư tư dụng thì không mất nghiệp lành đã tạo tác. Bồ-tát có Niệm tư dụng thì được các pháp Đà-la-ni. Bồ-tát có Ý tư dụng thì đạt được tâm ý cởi mở, phân biệt thấu đáo. Bồ-tát có Chí tư dụng thì đạt được sự thấu tỏ tận cùng về nghị luận. Bồ-tát có Niệm xứ tư dụng thì rõ được thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Bồ-tát có Chánh xả tư dụng thì bỏ được các pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Bồ-tát có Thần túc tư dụng thì thân tâm luôn khinh an, tự tại. Bồ-tát có Căn tư dụng đạt đầy đủ căn của tất cả chúng sinh. Bồ-tát có Lực tư dụng thì điều phục được tất cả các thứ kết sử. Bồ-tát có Giác phần tư dụng thì biết rõ được các pháp bảo. Bồ-tát có Chánh giải tư dụng thì giải thích được mọi nghi ngờ của chúng sinh. Bồ-tát có Vô y tư dụng thì đạt được trí tuệ tự nhiên *(Trí căn bản)*. Bồ-tát có Thiện tri thức tư dụng thì đạt được tất cả các môn công đức. Bồ-tát có Chí tư dụng thì không hề xa lìa tất cả cảnh giới thế gian. Bồ-tát có Tác tư dụng thì biện giải được mọi sự tạo tác hành hóa. Bồ-tát có Chí tư dụng thì luôn đạt đến mọi sự thù thắng. Bồ-tát có Tư duy tư dụng thì có thể tu tập đầy đủ các pháp như đã được lãnh hội. Bồ-tát có Nhiếp vật tư dụng thì có thể khuyến tấn được chúng sinh luôn tăng tiến. Bồ-tát có Nhiếp chánh pháp tư dụng thì có thể khiến cho hạt giống Tam bảo không hề bị dứt tuyệt. Bồ-tát có Giải phương tiện hồi hướng tư dụng thì có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật. Bồ-tát có phương tiện tư dụng thì có thể thành tựu viên mãn Nhất thiết trí. Này thiện nam tử, đó gọi là tên các pháp môn tư dụng thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

Lại nữa này thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai quan sát khắp đại chúng Bồ-tát, rồi nói với Bồ-tát Đại Bi:

– Này Đại Bi, ở trong các pháp môn kể trên, nên dùng pháp Vô úy nào để trang nghiêm? Đại Bồ-tát được trang nghiêm đầy đủ các pháp nhẫn,

thì luôn quán chiếu về đệ nhất nghĩa. Đại Bồ-tát đạt được tâm tự tại vô ngại, thì tạo tác các pháp vô vi nơi tất cả ba cõi. Đối với tâm của các chúng sinh cũng vô vi. Đó là pháp tam-muội Vô úy của Sa-môn như đưa tay giữa hư không chẳng bị vướng mắc, lại thấy rõ các pháp không có tướng trạng. Này Đại Bi, đó gọi là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng ngọc báu Vô úy. Lại nữa, thế nào gọi là Đại Bồ-tát đầy đủ pháp nhẫn. Khi Bồ-tát trụ vào pháp này thấy được tướng trạng của các pháp như vi trần và quan sát các pháp theo hướng thuận nghịch, hiểu rõ không có quả báo. Tu tập về Từ không có ngã. Tu tập về Bi không có chúng sinh. Tu tập về Hỷ không có thọ mạng. Tu tập về Xả không còn chấp có người. Bố thí là tâm điều phục. Trì giới là tâm tịch tĩnh. Nhẫn nhục là tâm hành thiện. Tinh tấn là tâm siêng năng. Thiền định là tâm tịch diệt. Trí tuệ là tâm vô hành. Niệm xứ là tâm không nhớ tưởng nghĩ ngợi. Chánh xả là tâm không sinh diệt. Thần túc là tâm vô lường. Tín là tâm vô số. Niệm là tâm tự nhiên. Tam-muội là tâm nơi Tam-muội. Tuệ căn là tâm không có gốc. Lực là tâm không khuất phục. Giác phần là tâm phá bỏ vọng ý. Đạo là tâm không tu. Chỉ là tâm vắng lặng. Quán là tâm không mất. Tu Thánh đế là tâm vĩnh viễn đoạn trừ mọi chấp về sự tu trì. Nhớ nghĩ Phật là tâm vô lượng tướng. Nhớ nghĩ Pháp là tâm của pháp tánh bình đẳng. Nhớ nghĩ Tăng là tâm vô trụ. Hóa độ chúng sinh là tâm tịnh thế giới bậc. Nhiếp chánh pháp là tâm không phá bỏ pháp tánh. Nghiêm tịnh cõi Phật là tâm ngang bằng với hư không. Mãn tướng là tâm vô tướng. Đắc nhẫn là tâm vô đắc. Vô thoái chuyển địa là tâm không thoái, không lui. Trang nghiêm là tâm đạt đến chốn đạo tràng. Tam giới là tâm mở rộng mênh mông. Đối với tất cả chúng sinh là tâm hàng phục các thứ ma chướng. Nhiếp độ là tâm giáo hóa tất cả chúng sinh. Bồ-đề là tâm bình đẳng đối với tất cả các pháp không còn phân biệt. Chuyển pháp luân là tâm đối với tất cả các pháp không còn thấy lưu chuyển. Hiện Đại Bát-niết-bàn là tâm thật sự bình đẳng nơi sinh tử Bồ-tát như vậy được gọi là đầy đủ pháp nhẫn.

Khi thuyết giảng pháp này, có sáu mươi bốn ức Đại Bồ-tát từ khắp mười phương đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai để được nghe kinh Bản Sư Tam-muội Thanh Tịnh Trợ Bồ-đề Pháp này. Nghe xong, tất cả đều đạt được pháp nhẫn Vô sinh.

Lúc này, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai bảo đại chúng:

– Này các thiện nam tử, trong đời quá khứ, khi Đức Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, thuyết giảng pháp này, có bốn mươi tám hằng hà sa số Đại Bồ-tát chứng đắc pháp nhẫn Vô sinh, các vị Đại Bồ-tát

nhiều như vi trần trong bốn châu thiên hạ đạt được quả vị Bất thoái chuyển, hằng hà sa số Đại Bồ-tát có được đầy đủ pháp môn Tư dụng thanh tịnh, Quyết định tam-muội môn, Trí tuệ viên mãn.

Này thiện nam tử, Bồ-tát Đại Bi nghe pháp này xong, tâm vô cùng hoan hỷ, nên thân tướng liền thay đổi trẻ lại như đồng tử hai mươi tuổi, theo bên sau Đức Bảo Tạng Như Lai như hình với bóng.

Này thiện nam tử, khi ấy vua Vô Lượng Tịnh cùng với một ngàn người con, tám mươi bốn ngàn các tiểu vương và chín mươi hai ức chúng sinh đều xuất gia tu hành, phụng trì giới cấm, học hỏi tu thiền.

Thiện nam tử, bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Bi ở nơi chỗ Đức Bảo Tạng Như Lai, dần dần đọc tụng tám mươi bốn ngàn pháp tụ của Thanh văn thừa, đọc tụng chín vạn pháp tụ của Bích-chi-phật thừa, trăm ngàn pháp tụ về Đại thừa vô thượng, gồm một trăm ngàn pháp tụ trong Thân niệm xứ, một trăm ngàn pháp tụ trong Thọ niệm xứ, một trăm ngàn pháp tụ trong Tâm niệm xứ, một trăm ngàn pháp tụ trong Pháp niệm xứ, một trăm ngàn pháp tụ trong mười tám giới, một trăm ngàn pháp tụ trong mười hai nhập, một trăm ngàn pháp tụ đoạn trừ tham dục, một trăm ngàn pháp tụ đoạn trừ sân hận, một trăm ngàn pháp tụ đoạn trừ ngu si thấy rõ nhân duyên sinh, một trăm ngàn pháp tụ Tam-muội giải thoát, một trăm ngàn pháp tụ về lực Vô úy pháp Phật bất cộng. Tất cả các pháp như thế, Bồ-tát Đại Bi đều đọc tụng thông suốt.

Thiện nam tử, sau khi Đức Bảo Tạng Như Lai nhập Niết-bàn, bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Bi dùng vô lượng vô số các thứ hoa, tràng hoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu, châu ngọc, âm nhạc để cúng dường, chất vô số loại củi thơm làm giàn hỏa táng, trà-tỳ nhục thân Đức Như Lai, thu xá-lợi, dựng tháp bảy báu cao năm do-tuần, chiều ngang dọc đều bằng nữa do-tuần, trong bảy ngày, đem vô lượng vô số hương hoa, âm nhạc, cờ phướn, lọng báu cung kính cúng dường khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh an trụ nơi pháp của Ba thừa. Qua hết bảy ngày, Bồ-tát Đại Bi cùng với tám mươi bốn ngàn người đồng xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, kiên trì theo đúng chánh pháp. Từ đó trở đi Bồ-tát Đại Bi dốc tâm hộ trì Chánh pháp, làm cho đạo pháp được hưng hiển trong suốt mười ngàn năm, lại khuyến hóa được vô lượng vô số chúng sinh tu tập theo pháp của Ba thừa, thọ Ba quy y, thọ Năm giới, Tám trai giới, Mười giới Sa-di, tuần tự cho đến đầy đủ Pháp giới và Phạm hạnh của hàng Tỳ-kheo. Lại còn khiến cho hàng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh tu tập bốn Hạnh vô lượng thần thông diệu dụng, quán sát năm ấm như giải thù, quán các nhập như xóm làng hoang

vắng, quán các pháp hữu vi do nhân duyên sinh, giúp chúng sinh đạt được tri kiến, xem tất cả các pháp hiện có là vô ngã, như bóng phản chiếu trong gương, như dợn nắng, như trăng trong nước, là không sinh, không diệt, Niết-bàn là pháp vi diệu tịch tĩnh đệ nhất. Cũng khiến cho vô số chúng sinh an trụ nơi tám Thánh đạo. Sau khi hoàn thành các Phật sự tạo được lợi ích lớn như vậy xong, Sa-môn Đại Bi viên tịch. Bấy giờ, có vô lượng vô biên chúng sinh đem vô số vật cúng dường để cúng dường xá-lợi của Tỳ-kheo Đại bi, như pháp cúng dường xá-lợi của bậc Chuyển luân thánh vương. Trong ngày Tỳ-kheo Đại Bi mạng chung, cũng là ngày chánh pháp của Đức Bảo Tạng Như Lai bị diệt hết. Các Đại Bồ-tát khác đều theo sở nguyện của mình nên sinh đến các cảnh giới khác, như cảnh giới Phật, cõi trời Đâu-suất, sinh trong loài người, loài Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, hoặc sinh vào các loài súc sinh.

□

Phẩm 23: BỐ THÍ MẮT

Này thiện nam tử, sau khi Đại Sa-môn Đại Bi mạng chung rồi, do bản nguyện nên sinh về phương Nam, cách cõi Phật này hơn mười ngàn cõi Phật trong thế giới tên là Tập uế, chúng sinh nơi cõi đó thọ được tám mươi tuổi, tích tập các căn tánh bất thiện, ưa làm việc sát hại, sống theo các nghiệp xấu ác, không có tâm Từ đối với tất cả chúng sinh, bất hiếu đối với cha mẹ, cho nên chẳng sợ nghiệp báo nơi đời sau. Do bản nguyện nên Đại Sa-môn Đại Bi sinh vào gia đình Chiên-đà-la ở thế giới Tập uế ấy, thân tướng cao lớn, tuấn tú, có sức mạnh, biện luận nhanh nhẹn, các việc như vậy đều hơn người. Ông dùng sức mạnh ấy để nhiếp phục hóa độ chúng sinh một cách mau chóng nên bảo với họ:

– Nếu các ngươi có thể dứt bỏ được các việc trộm cắp, tà dâm cho đến xa lìa vô số tà kiến, thực hành chánh kiến, ta sẽ tha mạng cho các ngươi, lại cung cấp đầy đủ tài sản, vật dùng cần thiết, không để thiếu thốn. Nếu không thọ giới, ta nhất định sẽ siết chết các ngươi rồi mới ra đi.

Khi ấy, mọi người đều chắp tay thưa:

– Nếu cứu giúp thân mạng chúng tôi, chúng tôi xin thuận theo chỉ dẫn của ngài, trọn đời dứt bỏ sát sinh, trộm cắp cho đến tà kiến, thực hành chánh kiến. Bấy giờ, Chiên-đà-la Cường Lực đi đến gặp vua, các vương tử, quần thần, trăm quan thưa:

– Tôi đang cần các tài sản, vật dụng như là thực phẩm, y phục, y

dược, tọa cụ, hương hoa, vàng bạc, châu báu các loại… Nếu tôi có được vô số vật ấy sẽ đem bố thí cho chúng sinh. Nhà vua, các vương tử, quần thần liền đem cho ông đầy đủ các vật như trên. Nhân làm việc bố thí này, Chiên-đà-la Cường Lực đã khiến cho nhà vua quyến thuộc an trụ nơi mười nghiệp lành cho đến hết đời. Tuổi thọ của người ở đây tăng lên đến năm trăm năm. Khi ấy, quốc vương bỗng nhiên băng hà, quần thần trăm quan bèn đưa Chiên-đà-la Cường Lực lên làm vua, lấy hiệu là Phước Lực.

Thiện nam tử, bấy giờ vua Phước Lực, chẳng bao lâu, đã giáo hóa xong một nước, rồi tiến tới làm vua được hai nước... tuần tự như thế vua Phước Lực chẳng bao lâu đã làm đến Chuyển luân thánh vương thống lĩnh của toàn cõi Diêm-phù-đề, lần lượt giáo hóa tất cả chúng sinh khiến an trụ nơi giới bất sát cho đến thực hành theo chánh kiến, tùy theo chỗ ưa thích của chúng sinh, mà đều khuyến hóa họ tu tập theo giáo pháp của Ba thừa. Khi vua Phước Lực giáo hóa chúng sinh khắp cõi Diêm-phù-đề tu tập theo mười nghiệp lành, an trụ nơi Ba thừa, xong thì nhà vua cho ban bố khắp cõi được biết: "Nếu có những ai cầu xin các thứ vật dụng, thực phẩm, cho đến những thứ châu báu, thì hãy tìm tới đây, ta sẽ cấp cho. Khi nghe được tin này, tất cả đám khất sĩ ở khắp cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp đến. Bấy giờ, vua Phước Lực tùy theo người cầu xin những thứ gì thì đều cấp cho họ những thứ ấy. Khi đó, có kẻ tà mạng theo phái Ni-kiền Tử tên là Thổ Minh đến trước nhà vua thưa:

– Tâu Đại vương, những việc làm bố thí lớn lao của nhà vua đang thực hiện là để cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nếu ngài có thể thỏa mãn được ý nguyện của tôi thì nhất định sẽ là ngọn đèn sáng đáng tôn kính trong đời.

Nhà vua nói:

– Ông muốn cầu xin những gì?

Thổ Minh tâu:

– Thưa Đại vương, tôi trì tụng chú thuật, muốn thành công trong việc hàng phục thần chú của Trời cho nên đến đây cầu xin ngài vật tôi nay cần dùng là đôi mắt và da của người còn sống.

Thiện nam tử, khi ấy vua Phước Lực suy nghĩ: "Ta đã được làm Chuyển luân thánh vương, với uy lực vô lượng như vậy lại khuyến hóa vô số chúng sinh an trụ nơi mười nghiệp thiện, tùy khả năng mà tu tạp giáo pháp của Ba thừa, cùng thực hiện vô lượng việc bố thí lớn lao. Người này chính là thiện tri thức của ta mới khuyên ta đem thân không bền chắc đổi lấy thân bền chắc". Sau khi suy nghĩ, nhà vua nói:

– Xin ông phát tâm hoan hỷ, ta sẽ đem mắt thịt phàm phu này bố thí cho ông, nhờ đó, đời sau ta sẽ có được tuệ nhãn thanh tịnh vô lượng. Với tâm hoan hỷ, ta xin lột da cho ông, nhờ đó sau khi ta thành Chánh giác sẽ được thân sắc màu vàng ròng.

Thiện nam tử, khi ấy vua Phước Lực dùng tay phải tự móc lấy đôi mắt đưa cho người tà mạng, máu chảy đầy mặt mà vẫn nói:

Hỡi chư Thiên, Thiện thần, Dạ-xoa
Khẩn-na, Tu-la, nghe ta nói
Sống chốn hư không, trụ cõi người
Rõ ta bố thí vì đạo lớn
Nguyện đạt đạo vi diệu tối thượng
Để chúng sinh vượt bốn dòng dữ
Đến nơi bờ Giác ngộ Niết-bàn.

Vua lại bảo:

– Nếu ta chắc chắn thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì khiến cho mạng căn của ta hôm nay không dứt tuyệt, tâm niệm không rối loạn, không hối hận, chú thuật của người tà mạng ấy sẽ được thành tựu.

Nhà vua lại nói với người kia:

– Ông hãy, đến lột lấy da của ta!

Lúc này, kẻ tà mạng Thổ Minh bèn dùng dao bén lóc lấy da của nhà vua. Sau bảy ngày, chú thuật của người tà mạng hoàn thành, trong thời gian đó, mạng căn của vua Phước Lực không dứt tuyệt, tâm niệm không loạn động, chịu nỗi thống khổ như thế mà tâm không chút hối hận.

Này thiện nam tử, ông nên biết Bồ-tát Đại Bi cha của Đức Bảo Tạng Như Lai thời ấy đâu phải là ai xa lạ. Đó chính là thân Ta nơi đời quá khứ, bắt đầu phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng ở chỗ Phật Bảo Tạng, đã khuyến hóa vô số chúng sinh an trụ nơi đạo Giác ngộ chân chính. Đó là lần đầu tiên Ta tu hạnh tinh tấn dũng mãnh. Theo nguyện lực của mình nên sau khi ở cõi ấy mạng chung, Ta sinh vào gia đình Chiên-đà-la nơi thế giới Tập uế, là lần thứ hai Ta tu hạnh tinh tấn dũng mãnh. Ở trong chủng tộc Chiên-đà-la, Ta đã khuyến hóa chúng sinh sống theo nghiệp thiện, dùng uy lực của mình để giáo hóa, cho đến khi được làm Chuyển luân thánh vương, diệt trừ tất cả mọi sự tranh chấp, oán thù, ganh ghét cùng các thứ uế trược nơi cõi Diêm-phù-đề, khiến cho thọ mạng của chúng sinh ở đấy đã tăng thêm, quốc độ thanh tịnh. Đó là lần đầu tiên Ta mới tự bố thí mắt và da.

Thiện nam tử, do nguyện lực, nên Ta mạng chung ở cõi kia và sinh

trở lại nơi thế giới Tập uế, trong hai cõi thiên hạ, cũng thuộc vào gia đình Chiên-đà-la... *(nói lược)*... cũng dùng uy lực lớn đem pháp thiện khuyến hóa chúng sinh... cho đến khi làm Chuyển luân thánh vương, diệt trừ mọi sự tranh chấp, thù oán, ganh ghét cùng các thứ uế trược ở cõi đó, khiến cho thọ mạng của chúng sinh tăng lên... và nơi cõi này Ta đã tự bố thí lưỡi và tai. Cho đến tất cả cõi Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới, khắp mọi nơi, mọi chốn, Ta đều tu tập hạnh Đại trượng phu như thế, thể hiện bản nguyện kiên trì tinh tấn, dũng mãnh liên tục. Trong hằng hà sa số cõi Phật có đủ năm thứ uế trược, cũng do bản nguyện luôn kiên cố dũng mãnh, Ta đã tạo lợi ích lớn khuyến hóa chúng sinh an trụ nơi pháp thiện của Ba thừa, diệt trừ hết mọi sự tranh giành, oán hận, ganh ghét và các thứ xấu ác khác.

Thiện nam tử, vậy nên chư Phật Thế Tôn nơi các cõi Phật thanh tịnh ở phương khác, khi tu tập cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng với bản hạnh đã không nói về lỗi của kẻ khác, không nói lời thô ác với mọi người, không dùng uy lực hiện bày sự khủng bố, không dùng Thanh văn, Bích-chi-phật thừa để khuyến hóa chúng sinh, nên các Đức Phật Thế Tôn ấy đều đạt được cõi Phật thanh tịnh viên mãn, đúng theo ý nguyện. Trong các cõi Phật này không có danh từ thọ giới, phạm giới, lại chẳng hề nghe các lời thô ác, tiếng chẳng lành, không có âm thanh xấu ác, chỉ có tiếng thuyết giảng đạo pháp tràn đầy nơi cõi Phật, chúng sinh ở đấy luôn được tự tại, không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-phật. Chẳng phải như Ta, trong hằng hà sa số đại kiếp, nơi hằng hà sa số thế giới có đủ năm thứ uế trược không có Phật, phải dùng phương tiện là các sự khủng bố, bức bách, lời thô ác để khuyên chúng sinh tu các hạnh thiện, khéo léo tùy thuận để khiến họ an trụ nơi giáo pháp của Ba thừa. Do tàn dư của nghiệp khiến nay Ta ở cõi Phật uế trược, đầy dẫy âm thanh xấu ác, khắp nơi chúng sinh tích tập các căn nghiệp bất thiện. Ta đem giáo pháp Ba thừa, tùy duyên hóa độ muôn loài theo đúng ý nguyện chọn lấy cõi Phật như trước đây Ta đã bày tỏ. Do diệu lực xưa kia tinh tấn tu tập hành đạo Bồ-tát, tùy thuận để hóa độ chúng sinh theo chỗ đã vun trồng, nên được cõi Phật như vậy. Nay bản nguyện của Ta đã đạt.

Thiện nam tử, Ta nay... *(nói tóm lược về việc tu hạnh Bố thí ba-la-mật)*. Lúc Ta hành hạnh Bồ-tát, luôn tận lực bố thí, thời quá khứ không có Bồ-tát nào tu hạnh bố thí như Ta, vào đời vị lai cũng không có Bồ-tát nào tu hạnh Bồ-đề hành thí được như Ta làm. Ngoại trừ tám vị Đại trượng phu sau đây:

Vị thứ nhất tên là Bồ-tát Trì Dữ, ở phương Nam trong thế giới Nhất thiết hộ, thành đạo quả Chánh giác Vô thượng, hiệu là Trừ Uế Minh Như

Lai, ở trong cõi người thọ mạng một trăm tuổi thuyết giảng đạo pháp, sau bảy ngày thì vào Niết-bàn.

Vị thứ hai tên là Bồ-tát Tấn Giác, ở phương Đông, trong thế giới A-xà-bạt-đề, thành Bậc Chánh Giác Vô Thượng, hiệu là Xá-đề Như Lai, ở nơi cõi người có thọ mạng một trăm tuổi, thuyết giảng chánh pháp, trải qua một hằng hà sa số đại kiếp làm Phật sự xong, nhập Vô dư Niết-bàn, cho đến nay, ở các cõi không có Phật, xá-lợi của Phật Xá-đề vẫn tiếp tục làm các Phật sự như Ta không khác.

Vị thứ ba tên là Bồ-tát Đạo Thị Kiên Hoa, dùng diệu lực của thệ nguyện tinh tấn bố thí, tu hạnh Bồ-tát, vào đời vị lai, trải qua mười hằng hà sa số đại kiếp, ở phương Bắc có cõi Phật đủ năm thứ uế trược tên là Nhân nậu, bậc Đại trượng phu kia sẽ thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng ở đó, hiệu là Nhân Trừ Ái Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật Thế Tôn.

Vị Bồ-tát thứ tư tên là Tuệ Minh Vô Úy Hỷ, trải qua một đại kiếp, ở phương Tây, nơi cõi người có thọ mạng là một trăm tuổi của thế giới đủ năm thứ ô trược tên là Tam-tỳ-la-bà-đế, sẽ thành đạo quả Chánh giác Vô thượng, hiệu là Nhật Tạng Minh Vô Cấu Chủ Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cho đến Phật Thế Tôn.

Hiện ở trước là hai vị Bồ-tát tên Đẳng Lạc, Hỷ Tý, trải qua vô số đại kiếp nơi phương Trên, có thế giới đủ năm thứ ô trược, cực ác tên là Khôi tập khúc, kiếp tên là Đại loạn. Bồ-tát Đẳng Lạc, do bản nguyện của mình sẽ ở thế giới Khôi tập khúc, trong cõi người có thọ mạng là năm mươi năm, thành đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng hiệu là Bất Khả Tư Nghị Lạc Như Lai, cho đến Phật Thế Tôn, thực hiện viên mãn mọi Phật sự trong mười năm rồi vào Niết-bàn, ngay hôm ấy Chánh pháp cũng diệt. Rồi suốt trong mười năm cõi ấy không có Phật tuổi thọ của con người giảm dần xuống ba mươi năm, Bồ-tát Hỷ Tý, do ý nguyện chính, nên ở nơi thế giới ấy thành Bậc Chánh Giác Tối Thượng, hiệu là Chiếu Minh Phục Như Lai, cho đến Phật Thế Tôn, cũng làm đầy đủ Phật sự trong mười năm, rồi vào vô dư Niết-bàn, chánh pháp trụ thế bảy mươi năm. Bấy giờ, ở trước Phật hai vị trượng phu kia được Phật thọ ký thành Bậc Chánh Giác nên rất hoan hỷ đều cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn xong, lại vì quá vui mừng nên đều bay vút lên hư không cách mặt đất bảy nhận, chắp tay hướng Phật đồng thanh dùng kệ khen ngợi Đức Thế Tôn:

Ví như mặt trời soi chiếu khắp
Trí tuệ vô thượng cùng tỏa sáng

Bậc Đạo Sư mắt tuệ thanh tịnh
Hàng phục, phá trừ đám dị học.
Nơi nhiều kiếp tu tập vô tướng
Dốc cầu đạo Bồ-đề tối thượng
Cúng dường chư Phật như Hằng sa
Chưa được Phật quá khứ thọ ký.
Tâm ưa giải thoát dứt tham dục
Khiến cõi tối tăm tu hạnh thiện
Thuyết giảng diệu pháp, chỉ đường chánh
Đưa muôn loài qua sông sinh tử
Con nay tự theo pháp xuất gia
Giữ giới giải thoát như Phật dạy
Chúng con tu học cùng hành định
Hầu cận Thế Tôn như bóng hình.
Vui pháp, hành hóa, không lợi dưỡng.
Nghe pháp tâm tưởng luôn gắn bó
Nên Phật thọ ký cho chúng con
Đời vị lai đắc đạo Vô thượng.

Đức Phật dạy: Ngoài hai người chưa phát tâm Bồ-đề, sáu vị đã phát tâm là: Đẳng Lạc, Hỷ Tý, cùng bốn vị trước là: Từ Dữ, Tấn Giác, Đạo Thị Kiên Hoa và Tuệ Minh Vô Úy Hỷ. Đây là sáu vị trượng phu đầu tiên đã được Ta khuyến hóa phát tâm cầu đạo Giác ngộ Vô thượng. Các vị hãy lắng nghe, Ta nay sẽ giảng nói.

phẩm 24: Bố Thí Thân Mạng

Này Bồ-tát Tịch Ý, vào đời xa xưa, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ đại kiếp về trước, bấy giờ cõi này tên Vô trần Di-lâu-yếm, thuộc thời kỳ tượng pháp của Đức Liên Hoa Hương Như Lai, loài người thọ một trăm tuổi, khi ấy Ta làm Chuyển luân thánh vương Đại Cường Lực, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề hiệu là Vô Thắng, có một ngàn người con trai, đều được Ta khuyến hóa khiến cùng phát tâm thành Chánh giác Vô thượng. Chúng đã xuất gia theo giáo pháp của Đức Liên Hoa Hương Như Lai, tu tập đầy đủ phạm hạnh, phát huy làm hưng hiển đạo pháp của Phật để lại chỉ trừ có sáu người con không muốn xuất gia, chẳng chịu phát tâm Bồ-đề. Ta đã đôi lần dạy bảo chúng:

– Các con cầu gì mà không phát tâm Bồ-đề? Không chịu xuất gia tu

tập đạo Giác ngộ?

Sáu người con thưa:

– Chúng con không thể xuất gia được! Vì sao? Vào thời kỳ tượng pháp tệ ác này, dù có xuất gia cũng không thể giữ gìn đầy đủ giới cấm cho bản thân, xa lìa bảy Thánh tài, luôn sống trong vực sâu sinh tử, do không có hộ giới, nên khi chết bị đọa vào ba đường ác, không có đủ công đức để được sinh lên cõi trời, trong cõi người. Vì vậy, chúng con không thể xuất gia.

Ta lại hỏi:

– Các con cớ sao không phát tâm Bồ-đề?

Chúng đáp:

– Nếu phụ vương có thể đem toàn cõi Diêm-phù-đề này cho chúng con thì sau đó chúng con sẽ phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Này thiện nam tử, nghe chúng nói như vậy, ta rất đỗi vui mừng, suy nghĩ: "Ta đã khiến mọi người trong cõi Diêm-phù-đề an trụ nơi Ba quy y, giữ gìn Tám trai giới, tu tập theo Ba thừa. Nay Ta nên chia cõi Diêm-phù-đề này làm sáu phần đem cho sáu người con để khuyến hóa chúng phát tâm cầu đạo Vô thượng. Còn Ta thì sẽ xuất gia tu tập phạm hạnh đầy đủ". Sau đấy, Ta làm theo ý nghĩ của mình, đem cõi Diêm-phù-đề chia thành sáu phần cho các con, rồi đi xuất gia. Sáu vị vua của cõi Diêm-phù-đề lúc này không hòa thuận với nhau lại gây chiến tranh, oán thù, ganh ghét, mưu hại, gieo rắc tang thương thống khổ. Bấy giờ, toàn cõi Diêm-phù-đề rơi vào cảnh đói kém, loạn lạc, trời hạn không mưa, ngũ cốc không thu hoạch được, cây cối khô héo nên không có hoa trái, cả đến thảo dược cũng không sinh sản. Muôn dân, cả cầm thú đều đói khát, thân bị khổ nạn bức bách, thiêu đốt. Khi ấy, Ta liền suy nghĩ:

– Nay chính là lúc Ta phải đem thân mình ra bố thí, tự đem máu thịt của bản thân để khiến cho chúng sinh được no đủ". Nghĩ như vậy xong, Ta bèn rời nơi tu tập đi vào vùng giữa nước, đến thẳng núi Chướng thủy, lập thệ nguyện:

Như Ta nay tự bỏ thân mạng
Chỉ vì tâm Bi, không cầu báo
Vì lợi ích chư Thiên, người đời
Khiến thành núi thịt thí chúng sinh.
Như Ta đã bỏ sắc thân diệu
Chẳng cầu Thích, Phạm hay Thiên ma
Chỉ nhằm đem lợi ích người trời

Khiến máu thịt Ta thành núi lớn.
Trời, Người, Rồng, Dạ-xoa hãy nghe
Có tại nơi đây Thần cây, núi
Vì muôn loài khởi tâm Đại bi
Đem thân máu thịt cung cấp đủ.

Thiện nam tử, ngay khi Ta lập nguyện xong thì nơi cõi Trời, A-tu-la đều động, núi Tu-di, biển lớn, cả đại địa đều chấn động sáu cách, Trời, Thần, đại chúng đều thương khóc. Bấy giờ, Ta từ nơi núi Chướng thủy tự gieo mình xuống, do bản nguyện nên thân Ta hóa trở thành núi thịt, cao một do-tuần, ngang dọc mỗi chiều đều rộng bằng một do-tuần. Lúc này muôn dân, chim thú cùng kéo nhau đến ăn uống máu thịt nơi thân Ta. Nhờ bản nguyện của Ta nên núi thịt ngày đêm sinh trưởng thêm, dần dần cao đến một ngàn do-tuần, ngang dọc cũng bằng một ngàn do-tuần. Cả bốn bên đều có đầu người, gồm đủ tóc, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, răng. Các đầu người này cùng cao giọng xướng lên:

– Hỡi các chúng sinh, theo nhu cầu của mình, các ngươi cứ đến đây ăn thịt, uống máu tùy ý, cả đến mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, răng, tóc này cũng vậy, tùy chỗ cần dùng thì cứ theo ý muốn mà lấy. Nếu như các ngươi phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, hoặc cầu Bích-chi-phật thừa, Thanh văn thừa, thì các thứ nuôi dưỡng thân này dùng mãi không hết. Nhận của bố thí này không làm cho các ngươi phạm tội, mà lại khiến được sống lâu.

Việc bố thí này đã mở mang trí tuệ cho chúng sinh, nên có người phát tâm cầu Thanh văn thừa, có người phát tâm cầu Bích-chi-phật thừa, có người phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng, có người cầu phước báo nơi cõi trời, người. Trong số các chúng sinh đến ăn thịt, uống máu nơi thân ta, có kẻ lấy mắt, có kẻ lấy tai, có kẻ lấy mũi, có kẻ lấy môi, có kẻ lấy răng, có kẻ lấy lưỡi... Nhưng do bản nguyện, nên hễ mất đi thì chúng liền có lại như cũ, không bao giờ hết, không bao giờ giảm, đến cả mười ngàn năm, khiến cho tất cả loài Người, Dạ-xoa, Quỷ, Thần cùng chim thú trong cõi Diêm-phù-đề đều được sung mãn. Trong mười ngàn năm, Ta đã bố thí mắt nhiều như cát sông Hằng, bố thí máu nhiều như nước trong bốn biển lớn, bố thí thịt nơi thân nhiều bằng một ngàn núi Tu-di, bố thí lưỡi nhiều như núi Thiết vi, bố thí tai bằng núi Trung Di-lâu, bố thí mũi như núi Đại Di-lâu, bố thí răng như núi Kỳ-xà-quật. Ta đã dùng thịt nơi bản thân bố thí trong khắp cõi Ta-bà. Thiện nam tử, ông nên biết trong mười ngàn năm xưa kia, Ta đã dùng một thân mạng như thế khiến cho vô lượng vô biên a-tăng-

kỳ chúng sinh đều được no đủ mà không có chút khoảnh khắc nào sinh lòng hối hận. Lúc ấy, Ta lại lập nguyện: "Nếu ta nhất định thành Chánh giác, ý nguyện thành tựu bản thân được lợi ích, thì trong bốn châu thiên hạ này, Ta luôn dùng bản thân bố thí, khiến cho tất cả được sung mãn. Trong hằng hà sa số ngàn vạn năm, ở khắp mọi phương nơi cõi Phật Vô trần Di-lâu-yếm này, Ta sẽ dùng thân bố thí như thế. Ở mỗi một phương, đủ mười ngàn năm, Ta đem thân thể, máu, thịt, da, mắt, tai, mũi, lưỡi, môi, răng, tóc bố thí đầy đủ cho chúng sinh cùng đem giáo pháp Ba thừa khuyến hóa họ. Nếu Người, Dạ-xoa, La-sát và các loài súc sinh có thân tứ đại ưa ăn thịt, uống máu... thậm chí cả loài ngạ quỉ nữa, Ta cũng bố thí cho tất cả khiến chúng đều được no đủ. Nếu trong một cõi Phật Ta đã dùng máu thịt nơi bản thân cứu tế cho chúng sinh, thì y như vậy, trong khắp hằng hà sa số cõi Phật có đủ năm thứ ô trược ở mười phương, Ta cũng dùng máu thịt, mắt... lưỡi của bản thân mình để bố thí cho chúng sinh được sung mãn."

Ta bố thí thân mạng như thế trong hằng hà sa số đại kiếp, khiến cho tất cả chúng sinh trong các cõi Phật thoát khỏi đói khổ. Nếu như nguyện này của Ta không thành tựu thì khiến cho Ta mãi không được gặp chư Phật Thế Tôn đang trụ thế chuyển Pháp luân trong các thế giới khác ở mười phương, Ta cũng không thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khiến cho Ta ở mãi nơi sinh tử, không được nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng Ba-la-mật, tiếng Lực, tiếng Vô úy, thậm chí không được nghe âm thanh nói về điều thiện. Ta đã xả thân bố thí cho tất cả chúng sinh được no đủ, nếu thệ nguyện như thế không thành thì khiến cho Ta luôn bị đọa nơi địa ngục A-tỳ. Này thiện nam tử, thuở xưa các thệ nguyện như thế của Ta đều được viên mãn. Như ở một cõi Phật, trong khắp mọi nơi, Ta dùng máu thịt của bản thân bố thí cho tất cả chúng sinh đều được đầy đủ. Như vậy, trong hằng hà sa số cõi Phật khắc khắp mười phương, Ta cũng đem máu thịt của bản thân bố thí cho tất cả chúng sinh đều được đầy đủ. Thiện nam tử, ông nên biết, Như Lai bấy giờ vì dốc tu tập Bố thí ba-la-mật, cứ tuần tự xả thân bố thí như vậy. Nếu đem máu đã bố thí gom lại thì chứa đầy cõi Diêm-phù-đề cho đến cõi trời Ba mươi ba. Thiện nam tử, đây gọi là Như Lai... *lược nói về việc xả thân Bố thí ba-la-mật!*

□

Phẩm 25: Bố Thí Bảo Vật

Lại nữa này thiện nam tử, từ đó về sau trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, thế giới này có tên là Nguyệt minh, cũng là cõi có đủ năm thứ uế trược, Ta ở cõi Diêm-phù-đề làm Cường Lực Chuyển luân vương hiệu

là Đăng Minh, dùng các pháp thiện như trước đã nói để khuyến hóa tất cả chúng sinh trong cõi ấy. Khi đi dạo nơi vườn, Ta thấy có một người bị trói, liền hỏi quần thần:

– Người này phạm tội gì?

Quần thần tâu:

– Người này phạm vương pháp. Theo luật, ruộng hàng năm thu hoạch thường chia làm sáu phần, đóng thuế một phần mà người này dám trái lệnh. Vả lại hắn ở trên đất vua trồng trọt nuôi thân mà không nộp tô thuế nên phải bị trừng trị.

Ta liền bảo quần thần:

– Nay mau thả người này ra! Chớ đem việc thuế ruộng, thuế dầu, sách nhiễu làm khổ mọi người!

Quần thần tâu vua:

– Thật ra không ai có lòng tốt tự cống nạp vật phẩm cho vua cả. Tất cả những nhu cầu hằng ngày của vua, hoàng hậu cùng hoàng tộc, quyến thuộc được cung cấp đều lấy trong dân ra cả. Không dùng quyền lực của vua thì không thể thu đạt được, chưa có một kẻ tốt bụng nào dâng nộp cả.

Khi ấy, Ta buồn lo, liền tự nghĩ: "Vương vị nơi cõi Diêm-phù-đề này sẽ giao cho phó cho ai, khi Ta có tới năm trăm người con, đều muốn đem đạo Bồ-đề khuyến hóa chúng". Ta liền chia cõi Diêm-phù-đề ra làm năm trăm phần cho các con, rồi xuất gia tu tập Phạm hạnh của các bậc Tiên, ngồi thiền định nơi rừng cây Ưu-đàm-ba-la gần biển lớn phía Nam, dùng hoa quả, rau cỏ để nuôi thân, dần dần, chẳng bao lâu Ta chứng được năm thần thông.

Bấy giờ có năm trăm người khách thương ở cõi Diêm-phù-đề vào biển tìm kiếm châu báu, trong số này có thương chủ tên là Túc Vương, nhờ phước đức từ đời trước nên tìm được ngọc báu Ma-ni Như ý. Những người kia cũng đến chỗ bãi chứa châu báu lấy được vô số vật báu, tất cả chuẩn bị trở về đất liền. Khi vừa xuất phát thì nước biển dậy sóng lớn, thần biển khóc than, các Rồng gây não loạn muốn hại đám thương nhân. Có vị Rồng tên là Mã Tạng, chính là một Bồ-tát, do bản nguyện nên sinh trong loài ấy, đã phát tâm Từ bi cứu giúp các khách thương vượt qua biển lớn yên ổn trở về đến bờ. Lúc này có một La-sát đại ác luôn đuổi theo sau đám thương nhân như bóng theo hình, rình mò tìm cơ hội để làm hại. Hắn ngày đêm tuôn ra mưa to gió lớn khiến cho các khách thương mờ mịt mất lối đi, không biết nơi hướng đến nên rất hãi hùng. Họ kêu gào thảm thiết, khóc lóc, cầu khẩn Thiên thần, Thần gió, Thần nước, thậm chí còn gọi cả cha mẹ, vợ con,

quyến thuộc xin được cứu giúp. Bấy giờ, Ta dùng Thiên nhĩ nghe được âm thanh kia, liền đến an ủi họ:

– Này các khách thương, chớ nên sợ hãi! Ta sẽ chỉ đường, khiến các ngươi trở về cõi Diêm-phù-đề.

Ngay khi đó Ta liền dùng lụa trắng quấn cánh tay nhúng vào dầu đốt cháy rồi chí thành phát nguyện: "Ta trước kia nhờ ở trong rừng ba mươi sáu năm, chuyên tinh tu tập bốn tâm vô lường nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh nên chỉ ăn hoa quả và rau cỏ, đã hóa độ được tám vạn bốn ngàn các Rồng, Dạ-xoa khiến chúng đạt Bất thoái chuyển an trụ nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nhờ nơi thiện căn này, nay Ta đốt cháy cánh tay để chỉ đường giúp cho những thương khách này yên ổn trở về cõi Diêm-phù-đề".

Cánh tay cứ cháy như thế qua suốt bảy ngày bảy đêm, các thương nhân kia nhờ vậy mà yên ổn trở về đến chốn cũ.

Thiện nam tử, lúc đó, Ta liền lập nguyện:

– Như cõi Diêm-phù-đề này thiếu thốn các thứ châu báu và nếu như Ta chắc chắn thành tựu đạo quả Giác ngộ Vô thượng đúng như bản nguyện, thì xin cho Ta làm thương chủ có ngọc như ý, nơi toàn bộ cõi Phật này sẽ mưa liên tiếp bảy lần tuôn xuống vô số các thứ vật báu, rồi trong hằng hà sa số cõi có đủ năm thứ ô trược không Phật ở khắp mười phương cũng tuôn các vật báu như thế. Thiện nam tử, thuở xưa ấy, các thệ nguyện Ta đã lập đều được thành tựu. Trong một hằng hà sa số đại kiếp, Ta làm thương chủ giàu có vô lượng, khiến nơi vô số vô lượng thế giới đủ năm thứ ô trược, không có Phật luôn mưa xuống vô số các bảo vật, nhờ như vậy mà muôn loài chúng sinh được no đủ và khiến họ an trụ nơi giáo pháp của Ba thừa.

Này thiện nam tử, ông nên biết Như Lai được quả báo tướng tốt là nhờ thiện căn bố thí vật báu như vậy.

Phẩm 26: BỐ THÍ PHƯƠNG THUỐC

Lại nữa này Bồ-tát Tịch Ý, trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, cõi Phật này có tên là Mông muội, đại kiếp tên là Hỷ duyệt., dân chúng nơi cõi ngũ trược ấy thọ năm vạn năm, do bản nguyện, Ta làm Bà-la-môn tên là Man Hương ở cõi Diêm-phù-đề này, thông hiểu bốn bộ Tỳ-đà. Bấy giờ, chúng sinh phần nhiều chấp nơi "thường kiến" rất nặng, ưa oán thù, ganh ghét, ham tranh giành, xấu ác, Ta dùng dũng lực vì họ mà thuyết giảng đạo pháp, nói năm thọ ấm như oán thù, các "nhập" như xóm làng hoang vắng,

nhân duyên tiếp nối nhau sinh diệt, chỉ dạy pháp quán sổ tức, khuyên họ phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Tối thượng, đem căn lành đã làm thành Chánh giác. Rồi Ta tự chứng được ngũ thông, có vô lượng vô số chúng sinh nhờ lời truyền dạy của Ta, cũng tu tập chứng được Ngũ thông. Như thế là có vô lượng vô số chúng sinh xả bỏ oán thù, ganh ghét và các thứ tranh chấp, muốn xuất gia nên tìm đến vườn rừng ăn hoa quả, rau cỏ, ngồi thiền tư duy, dốc tu tập bốn vô lượng tâm, ngày đêm không tranh cãi. Khi kiếp sắp hết, các Tiên nhân này đều phân tán đi khắp cõi Diêm-phù-đề để giáo hóa chúng sinh, khiến họ xa lìa tranh chấp, oán thù. Bấy giờ, thời tiết thuận hơn, mưa gió điều hòa, đất đai màu mỡ, ngũ cốc được mùa, thức ăn dồi dào, dân chúng no đủ, khí lực sung mãn. Lại đến kiếp xấu ác, nên chúng sinh bị khốn đốn vì các thứ bệnh tật. Ta liền suy nghĩ:

– Nếu không trừ hết các bệnh tật của chúng sinh thì Ta chẳng thể thành tựu đạo quả Chánh giác Vô thượng. Vậy phải dùng những phương tiện gì để trừ bệnh cho họ. Chỉ có tập hợp các vị Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương cùng Thiên tiên, Tiên rồng, Tiên dạ-xoa, Tiên người... vì tạo lợi ích cho chúng sinh mà phải dốc tìm ra phương thuốc.

Ta liền dùng thần túc thông đến bảo với Đế Thích, Phạm thiên, Tứ đại Thiên vương và các vị tiên khác…:

– Hãy đến tập hợp nơi đỉnh Thạch-tỳ-đà-già-la-ca ở núi Ức-ca-tỳ-la-bát-đế!

Nghe xong, đại chúng liền tập hợp đông đủ và trì tụng chú thuật Tỳ-đà, ủng hộ chúng sinh. Sau đó, Ta tìm ra phương dược chữa trị các bệnh về nóng lạnh, nội ngoại khiến cho vô lượng vô số chúng sinh tiêu trừ hết bệnh hoạn xa lìa khổ não. Khi ấy Ta lại lập nguyện như vầy: "Ta nay dùng trí tuệ này soi sáng cho vô lượng vô số chúng sinh, khiến đều an trụ nơi giáo pháp của Ba thừa, lánh xa nẻo ác, cửa bất thiện nơi cõi trời, người, diệt trừ hết các bệnh tật." Như vậy, Ta vì vô lượng vô số chúng sinh mà tạo ra ánh sáng trí tuệ, đặt niềm vui yên ổn. Nhờ phước báo từ thiện căn ấy mà nguyện lớn của Ta được thành tựu.

Ta đã vì chúng sinh trong một cõi thiên hạ này đóng cửa ba đường ác, mở cửa thiện nơi cõi trời, người, vì các loài bị bệnh tật mà thỉnh các hàng Trời, Rồng, Thần tiên tập hợp ở đỉnh núi Tỳ-già-đà-la-ca, nơi có nhiều cỏ thuốc, tụng chú Tỳ-đà, tìm ra thuốc hay trừ hết bệnh tật, khiến cho vô số chúng sinh thọ hưởng an lạc. Như thế, Ta đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh khắp nơi trong thế giới Mông muội, khiến họ tu theo giáo pháp của Ba thừa, đóng cửa ba đường ác, mở cửa thiện nơi cõi trời, người, lại vì những

người bệnh trong thế giới này mà thỉnh chư Thiên, Rồng, Thần, Tiên… *như trên*. Cho đến hằng hà sa số các thế giới gồm đủ năm thứ ô trược, không có Phật cũng đều được Ta cứu giúp như vậy. Thiện nam tử, bấy giờ nơi thế giới Mông muội với năm thứ ô trược xấu ác nối tiếp nhau trong vô lượng vô biên kiếp, các thệ nguyện của Ta đã phát đều được thành tựu. Thiện nam tử, nên biết lúc Như Lai còn là Bồ-tát luôn làm tăng trưởng trí tuệ, tu tập hạnh Bồ-tát, gọi là Như Lai hộ trì chủng tử thiện căn nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Phẩm 27: Hiện Phục Tạng Bố Thí

Thiện nam tử, sau đó, trải qua vô số kiếp, cõi Phật này tên là Trừ uế, đại kiếp tên là Nhiêu ích, cũng là đời có đủ năm thứ ô trược xấu ác. Về phương Đông, cách đây năm mươi bốn cõi thiên hạ, có cõi Diêm-phù-đề tên là Đề-lệ, do bản nguyện nên Ta sinh ra ở đó, làm Chuyển luân thánh vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, hiệu là Hư Không, đem mười điều thiện giáo hóa chúng sinh, dùng giáo pháp nơi Ba thừa khuyến hóa khiến họ an trụ trong ấy. Bấy giờ, Ta thực hành pháp bố thí, bố thí khắp nơi, không có sự phân biệt. Có vô số người đến xin những thứ vật báu như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngọc báu Ma-ni các loại… Ta đều theo ý cho họ hết. Vật báu có hạn mà người đến xin quá đông, Ta hỏi quần thần:

– Từ đâu mà có các vật báu này?

Quần thần tâu:

– Là do Long vương hiện ra. Tuy có các vật báu ấy nhưng chỉ để cúng dường Thánh vương, không có đủ để bố thí cho mọi người như vậy.

Ta liền lập nguyện lớn: "Thời vị lai, Ta ở trong cõi đời năm trược xấu ác, phiền não đầy dẫy, loài người thọ một trăm tuổi, nếu Ta thành Bậc Chánh Giác đúng như ý nguyện thì khiến Ta ở cõi Phật này được làm Long vương, tên là Hiện Phục Tạng, trong tất cả mọi nơi cõi Phật Trừ uế, Ta nguyện bảy lần thọ sinh thân rồng, mỗi một thân thị hiện hằng ức na-do-tha trăm ngàn kho tàng, trong đó đầy các của báu như vàng, bạc cho đến ngọc lưu ly, Ma-ni đủ loại, ngọc minh nguyệt, pha lê… để đem ra bố thí. Mỗi một kho tàng ngang dọc đều bằng một ngàn do-tuần chứa đầy của báu được mở ra để bố thí cho tất cả chúng sinh. Ta đã tạo được sự dũng mãnh, tinh tấn ở cõi Phật này, tuần tự như thế, nơi hằng hà sa số thế giới gồm năm thứ ô trược không có Phật khắp mười phương, mỗi mỗi thiên hạ, mỗi một cõi Phật, Ta đều bảy lần thọ sinh làm thân rồng..." *(như trước đã nói).*

Thiện nam tử, ngay khi Ta lập nguyện ấy thì có hàng ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên trong hư không mưa xuống các loài hoa quý và khen ngợi: "Hay thay! Hay thay! Tất cả mọi sự bố thí như Ngài đã lập nguyện ắt được thành tựu". Tất cả đại chúng đều nghe lời ấy. Chư Thiên trong không trung còn vì vua mà đổi danh hiệu là Nhất Thiết Thí. Mọi người nghe thế liền sinh ý nghĩ: "Chúng ta nên theo đức vua ấy cầu xin các thứ khó cho, nếu Ngài chịu cho thì đúng là Nhất Thiết Thí, còn nếu không cho thì đâu được gọi tên là Nhất Thiết Thí". Bấy giờ mọi người đều đến gặp vua để xin cung nhân, chánh hậu, con cái. Vua Hư Không với tấm lòng hoan hỷ đều đem cho họ tất cả. Số người khác lại phát sinh ý nghĩ: "Cho vợ con chưa lấy gì làm khó lắm, chúng ta phải theo xin ngôi vua và các chi thể nơi Ngài. Nếu vua ban cho thì quả đúng là Nhất Thiết Thí."

Khi ấy có người trẻ tuổi tên là Nguyệt Quang thọ trì giới pháp của Ngài đến trước vua Hư Không tâu:

– Nếu Ngài quả là bậc Nhất thiết thí thì xin đem hết cõi Diêm-phù-đề này bố thí cho tôi!

Ta nghe xong rất vui mừng, liền lấy nước thơm tắm gội, mặc vương phục cho ông ấy và lập lên làm vua đem toàn cõi Diêm-phù-đề trao cho ông ấy.

Ta lại lập nguyện: "Như Ta đã bố thí toàn cõi Diêm-phù-đề, do sự việc ấy Ta sẽ thành Bậc Chánh Giác, bản nguyện được thành tựu, nguyện cho muôn dân trong cõi này sẽ vâng lời tôn kính vị vua mới, khiến cho vị Chuyển luân thánh vương ấy sống lâu vô lượng, Ta thành Bậc Chánh Giác xong sẽ thọ ký cho họ: Sẽ còn một đời là thành tựu quả vị Phật."

Có Bà-la-môn tên là Hư Già đến xin Ta hai chân, nghe xong Ta rất hoan hỷ, bèn cầm dao bén tự chặt hai chân đưa cho người ấy. Ta liền lập đại nguyện:

– Xin cho Ta vào đời sau thành tựu Giới túc vô thượng.

Lại có Bà-la-môn tên là Đà-trá-ba đến xin đôi mắt, nghe xong Ta rất hoan hỷ liền tự móc đôi mắt cho kẻ ấy và liền lập nguyện: "Ta nay dùng việc bố thí này, xin cho vào đời sau sẽ được năm loại mắt vô thượng."

Lại có Bà-la-môn tên là Kiên Hồng đến xin hai tai, nghe xong Ta rất vui mừng, bèn tự cắt tai cho ông ấy và lập nguyện: "Nguyện vào đời sau đạt được tai đầy đủ trí tuệ vô thượng."

Lại có người tà mạng tên Dật Lâm đến xin "nam căn", nghe xong, Ta rất hoan hỷ, bèn tự cắt cho ông ấy, rồi lập nguyện: "Nguyện đời sau thành Bậc Chánh Giác được tướng Mã âm tàng."

Lại có người đến xin thịt máu, Ta liền cho họ và lập nguyện, do dùng sự bố thí này nên đời sau được phước báo "Thân tướng màu vàng ròng vô thượng".

Lại có Bà-la-môn tên là Nhật Vị đến xin hai tay, nghe xong, Ta rất hoan hỷ, bèn tự chặt tay trái và bảo người khác chặt tay phải đưa cho ông ấy. Ta liền lập nguyện: "Nguyện vào đời sau được tay thành thật vô thượng. Thiện nam tử, cắt hết chân tay như thế nên thân thể đổ máu, Ta lại phát nguyện: "Nhân việc bố thí này, Ta chắc chắn thành Bậc Chánh Giác, sở nguyện thành tựu thì phần thân còn lại cũng được người nhận nữa."

Khi ấy quần thần và các tiểu vương không có Thánh trí, không nhận thức được trọng ân, nên cùng nhau bàn: "Nhà vua rất ngu si, không chút trí tuệ, làm thương tổn chi thể, chẳng đoái hoài ngôi vua, bây giờ giống như một đống thịt, còn làm được gì, nay nên đem bỏ đi". Thế rồi họ liền nhặt lấy Ta đem bỏ nơi gò hoang ngoài thành, xong bèn ra về. Ta ở lại đó bị ruồi nhặng muỗi mòng, chồn, sói, diều quạ kéo nhau đến hút máu ăn thịt. Lúc này mạng sống của Ta chưa dứt hẳn, tâm rất hoan hỷ Ta liền lập nguyện: "Như Ta nay đã xả bỏ cả ngôi vua và các chi thể nơi thân để bố thí không một chút giận hờn cũng không hề khởi tâm hối hận. Nếu nguyện của Ta thành tựu, bản thân được lợi ích thì xin khiến cho thân thể này biến thành núi thịt lớn, các loài chúng sinh ăn thịt, uống máu có thể đến đây để ăn uống tùy thích."

Phát nguyện như vậy xong, liền có nhiều loài chúng sinh cùng đến. Do sức mạnh của bản nguyện nên Ta khiến thân này của Ta hằng ngày sinh sôi nảy nở thêm ra, cao đến một ngàn do-tuần, dài rộng đầu bằng năm trăm do-tuần và đã đem máu thịt của thân thể cung cấp no đủ cho chúng sinh trong một ngàn năm. Chỉ riêng việc bố thí lưỡi thôi, khi các loài cầm thú đến ăn, do bản nguyện nên lưỡi liền mọc trở lại, nếu gom số lưỡi được bố thí thì lớn như núi Kỳ-xà-quật. Làm xong việc bố thí này, Ta lại lập nguyện: "Nguyện Ta vào đời sau được thành tựu đầy đủ tướng lưỡi rộng dài."

Thiện nam tử, khi Ta qua đời, do bản nguyện, Ta lại sinh vào cõi Diêm-phù-đề trong loài Rồng làm Long vương, tên là Hiện Phục Tạng. Ngay nơi đêm vừa sinh ra, Ta liền hiện hàng ức na-do-tha trăm ngàn kho tàng chứa đầy các vật báu như vàng, bạc, thủy tinh… cùng tự ra lệnh: "Này các chúng sinh, phải nên tu tập theo do nghiệp thiện, pháp tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng hoặc phát tâm cầu theo Bích-chi-phật thừa, Thanh văn thừa, thì tùy ý các ngươi muốn lấy bao nhiêu bảo vật cứ lấy."

Ở cõi Diêm-phù-đề này Ta đã bảy lần tái sinh làm Long vương, trải

qua bảy mươi bảy ức na-do-tha trăm ngàn năm, hiện ra vô lượng vô số kho báu cung cấp cho chúng sinh khiến họ an trụ nơi Tam thừa, tu mười nghiệp lành, dùng các thứ vật báu khiến cho chúng sinh luôn được sung túc. Sau đó, Ta liền lập nguyện: "Nguyện vào đời vị lai Ta sẽ được có đầy đủ Ba mươi hai tướng vô thượng."

Như vậy, vào thời gian của thiên hạ thứ hai, Ta cũng bảy lần tái sinh làm Long vương, tu hạnh Trượng phu như trên. Khắp nơi khắp chốn trong các thế giới Ta đều thực hiện vô lượng lợi ích như vậy. Nơi hằng hà sa số cõi có đủ năm thứ ô trược, không Phật khắp mười phương, trong mọi khu vực của các cõi đó, mỗi mỗi nơi Ta đều bảy lần tái sinh làm Long vương, trải qua bảy mươi bảy ức na-do-tha trăm ngàn năm, đem vô lượng vô số kho tàng vật báu bố thí cho chúng sinh… *(như trên).* Này thiện nam tử, nên biết đó là khi còn làm Bồ-tát, Như Lai hết sức tinh tấn tu tập để có được ba mươi hai tướng. Trước Ta không có vị Bồ-tát nào dốc sức như thế để tu hạnh Bồ-đề. Hiện nay và sau này cũng không có Bồ-tát nào đã dốc hết tâm lực như vậy để hành đạo Bồ-tát, ngoại trừ tám vị Ta đã nói trước đây.

Thiện nam tử, trải qua a-tăng-kỳ kiếp, với vô số biến chuyển, cõi Phật này có tên là San hô tỉnh. Bấy giờ, là đời ngũ trược, không Phật, đại kiếp tên Liên hoa, Ta làm Đế Thích của bốn châu thiên hạ, tên là Đẳng Chiếu, thấy chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề chẳng cầu giới hạnh, chuyên làm điều ác, Ta liền biến làm Dạ-xoa đáng sợ hiện xuống trước những người nơi cõi Diêm-phù-đề. Trông thấy Ta, mọi người rất kinh hãi hỏi:

– Ngài muốn cầu những gì?

Ta nói:

– Ta chỉ cần ăn uống, nhưng không ăn những đồ ăn thông thường, hãy mau dọn ra!

Họ lại hỏi:

– Ngài muốn ăn thứ gì?

Ta nói:

– Chỉ ăn thịt người, không ăn thứ gì khác. Nhưng nếu có người từ nay cho đến khi mạng chung có thể chấm dứt việc sát sinh, theo tà kiến, phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng, hoặc phát tâm cầu Bích-chi-phật thừa, hoặc phát tâm cầu Thanh văn thừa thì Ta không ăn nuốt những kẻ ấy.

Khi đó, Ta luôn hóa ra những hóa nhân rồi bắt ăn thịt. Các chúng sinh kia trông thấy càng thêm sợ hãi, nên tất cả từ đấy cho đến khi mạng chung đều dứt hẳn sát sinh, trộm cắp cho đến tà kiến, có người phát tâm cầu đạo

quả Bồ-đề Vô thượng, có người phát tâm cầu Bích-chi-phật thừa, hoặc cầu Thanh văn thừa, khiến cho chúng sinh toàn cõi Diêm-phù-đề này đều tu mười điều lành, an trụ Ba thừa. Sau đó Ta lại lập nguyện: "Nếu Ta chắc chắn thành Bậc Chánh Giác, bản nguyện được thành tựu, thì khiến chúng sinh trong bốn châu thiên hạ này tu tập theo mười thiện nghiệp. Cho đến khắp trong thế giới này, ở bất cứ nơi chốn nào trong bốn châu thiên hạ Ta đều thị hiện sự khủng bố như thế, để khiến cho chúng sinh ở đó tu tập mười điều lành, an trụ nơi Ba thừa. Lại cũng như vậy, khắp mười phương, trong các cõi ngũ trược, không có Phật… khiến chúng sinh ở đó tu tập theo mười điều lành, an trụ nơi Ba thừa."

Này thiện nam tử, bản nguyện như thế của Ta đều được viên mãn. Như trong khắp thế giới San hô tỉnh này, Ta đã dùng hình tướng Dạ-xoa để điều phục mọi người, đưa họ đến với pháp thiện. Rồi trong hằng hà sa số cõi ngũ trược không Phật trong mười phương, Ta cũng dùng hình tướng Dạ-xoa để điều phục người đời, an trụ họ nơi nẻo thiện. Do thời xưa Ta đã dùng sự khủng bố, bức bách chúng sinh an trụ nơi hạnh thiện nên các nghiệp tàn dư đó đã khiến cho Ta khi sắp thành đạo Bồ-đề, ngồi trên tòa Kim cang bên gốc cây Bồ-đề, còn bị Ma vương Ba-tuần đem chúng ma binh đến quấy phá, tạo chướng ngại cho việc thành đạo Bồ-đề của Ta.

Này thiện nam tử, đây là Ta lược nói về hành Bố thí ba-la-mật của mình khi còn hành đạo Bồ-tát. Thiện nam tử, pháp nhẫn của các Đại Bồ-tát rất sâu xa, pháp Tổng trì giải thoát tam-muội rất vi diệu, lúc ấy Ta chưa đạt được mà chỉ có hai thân: Năm thông và hữu lậu. Khi Ta thực hành các việc đem lại lợi ích lớn lao như thế, khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh an trụ nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hoặc an trụ nơi Bích-chi-phật thừa, Thanh văn thừa, lại được cúng dường chư Phật như vô số vi trần trong một thế giới Phật, công đức đạt được nơi mỗi cõi Phật nhiều như những giọt nước trong biển lớn. Ta đã cúng dường vô số hạng Thanh văn, Bích-chi-phật, cúng dường vô số Như Lai, cúng dường Cha mẹ, Tiên nhân đạt ngũ thông cũng như thế. Xưa kia, khi tu hạnh Bồ-tát, Ta luôn thương xót chúng sinh, đem máu thịt của bản thân để cung cấp cho họ được no đủ, luôn thể hiện tâm đại bi, nhưng hiện tại các vị A-la-hán không có được như vậy.

❑

KINH ĐẠI THỪA ĐẠI BI
PHÂN-ĐÀ-LỢI

QUYỂN 8

Phẩm 28: Bồ-Tát Vân Tập

Này Bồ-tát Tịch Ý, ngày nay, Ta dùng Phật nhãn quan sát chư Phật Thế Tôn đã Bát-niết-bàn trong thế giới nhiều như vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương đều do xưa kia được Ta khuyến hóa khi mới bắt đầu phát tâm cầu đạo Bồ-đề tu tập Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật và thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, chư Phật ở đời vị lai cũng như thế. Thiện nam tử, nay Ta thấy ở phương Đông, vô lượng các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế chuyển pháp luân, vì chúng sinh thuyết pháp, cũng chính nhờ Ta xưa kia đầu tiên khuyến hóa họ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng, tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Ở các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương Trên, Dưới cũng như thế.

Thiện nam tử, ở phương Đông, cách cõi Phật này hơn tám mươi chín trăm ngàn cõi Phật có thế giới tên là Hòa phu, Đức Phật ở đó hiệu là Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai, hiện đang trụ thế vì chúng sinh thuyết pháp. Đức Thế Tôn ấy cũng chính Ta đầu tiên khuyên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nhờ Ta xưa kia đầu tiên khuyến hóa phát tâm cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng, tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Ở phương Đông lại có cõi Lạc hỷ, Đức Phật hiệu là A-súc, có cõi Tử ma, Phật hiệu là Phật Tạng; cõi Lạc tự tại, Phật hiệu là Lạc Tự Tại Nguyệt Minh; cõi Nhật một, Phật hiệu là Trí Nhật; cõi Thắng tức, Phật hiệu là Long Lôi; cõi Đẳng lâm, Phật hiệu là Kim Cang Xưng; cõi Tự vương, Phật hiệu là Hổ Quan; cõi Vô lạc, Phật hiệu là Nhật Tạng; cõi Chiếu oán, Phật hiệu là Xưng Tự Tại; cõi Di quang, Phật hiệu là Bất Tư Nghị Vương; cõi Chúng hộ, Phật hiệu là Nguyệt Đức Tạng; cõi Hoa quang, Phật hiệu là Âm Thắng Quang; cõi An thượng, Phật hiệu là Hiện An Tự Tại Di-lâu; cõi Trì vương, Phật hiệu là Trí Tượng; cõi Tạp hoa, Phật hiệu là Vô Cấu Nhãn...

Này thiện nam tử, như vậy vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn ở phương Đông hiện đang chuyển pháp luân, vì chúng sinh mà thuyết

giảng chánh pháp. Khi các vị ấy chưa phát tâm Bồ-đề, Ta đã đầu tiên khuyến hóa họ đến và an trụ nơi đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khuyên họ tu tập sáu pháp Ba-la-mật, dẫn dắt đến chỗ các Đức Phật Thế Tôn hiện trụ thế thuyết pháp trong mười phương và họ được thọ ký đạo quả Giác ngộ Tối thượng. Bấy giờ, ở phương Đông, nơi thế giới Hoa phu, Đức Phật Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai đang ngồi nơi tòa sư tử thì đại địa chấn động sáu cách, có ánh sáng lớn tỏa chiếu, lại mưa xuống vô số loại hoa quý. Các vị Bồ-tát thấy các việc như vậy liền bạch với Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà tòa ngồi của Như Lai đã rung động như thế? Chúng con chưa từng thấy việc này!

Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai đáp:

– Thiện nam tử, về phương Tây, cách cõi Phật này hơn tám mươi chín ức cõi Phật, có thế giới tên là Ta-bà, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, hiện đang vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng về pháp Bản sự. Đức Như Lai đó trước kia khi còn hành hạnh Bồ-tát đã đầu tiên khuyến hóa Ta đến với đạo Giác ngộ, phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Lại nữa, Đức Như Lai đó trước kia cũng là người đầu tiên đã dẫn dắt Ta đến chỗ các Đức Phật Thế Tôn, khiến Ta được thọ ký đạo quả Giác ngộ Tối thượng. Đức Thích-ca Mâu-ni ấy chính là thiện tri thức của Ta, hiện ở thế giới Ta-bà, vì bốn chúng đệ tử thuyết giảng về pháp Bản sự. Do oai lực của Đức Thích-ca Mâu-ni nên khiến tòa ngồi của Ta rung động. Này các thiện nam tử, các vị ai là người có thể đến cõi Phật Ta-bà thay Ta nói lời thăm hỏi sức khỏe Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, mọi sinh hoạt có được thư thái an lạc chăng?

Các Bồ-tát kia liền bạch với Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai:

– Thưa vâng Thế Tôn, các vị Bồ-tát trong cõi Hoa Phu này có đầy đủ thần thông, đều là Bồ-tát đạt mọi công đức tự tại, nên vào sáng sớm hôm nay được thấy vầng ánh sáng lớn ấy, các vị đều biết đây là điềm ứng từ cõi khác đến, đại địa chấn động từng hồi, trời mưa các loài diệu hoa. Trông thấy như vầy xong, có vô số các vị Bồ-tát muốn dùng thần lực đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai cùng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, lại thưa hỏi lãnh thọ tất cả các môn Đà-la-ni nhưng đều không biết thế giới Ta-bà của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai ở phương nào.

Khi ấy, Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai liền duỗi cánh tay phải sắc vàng, từ nơi đầu năm ngón tay phát ra vô số ánh sáng vi diệu, tỏa chiếu đến tám mươi chín ức quốc độ chư Phật, soi tới tận thế giới Ta-bà. Lúc này,

các Bồ-tát kia nhờ ánh sáng nên thấy được thế giới Ta-bà hiện có vô số các Bồ-tát ở khắp nơi, lại có các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la… đầy cả hư không. Thấy thế rồi, các Bồ-tát liền bạch với Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai:

– Thưa Đức Thế Tôn, chúng con nay đã được thấy thế giới Ta-bà, biết rõ phương hướng của cõi ấy, lại thấy vô số các vị Bồ-tát, các chúng Trời, Người, Rồng, A-tu-la đầy khắp ở đó, hầu như không còn một chỗ trống nào. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai kia cũng nhìn thấy chúng con. Ngài đang thuyết giảng đạo pháp vi diệu.

Lúc ấy, Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai bảo các Bồ-tát:

– Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai thường dùng Phật nhãn thanh tịnh vô thượng thấy khắp tất cả không sót một nơi nào. Chúng sinh nơi thế giới Ta-bà ở trên đất liền hay trong hư không, tất cả đều nói: Đức Thích-ca Như Lai chỉ thấy riêng tâm của mình, đều vì mình mà thuyết pháp. Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai kia dùng một âm thanh thuyết pháp cho vô số loài khác nhau. Chúng sinh nơi cõi kia nếu thờ Phạm thiên thì thấy thân tướng Như Lai giống như Phạm thiên, thuyết pháp bằng âm thanh Đại phạm. Cho đến chúng sinh thờ Ma vương, thờ Đế Thích, thờ Mặt trời, thờ Mặt trăng, thờ Tỳ-sa-môn, thờ Tỳ-lưu-lặc-dà, thờ Tỳ-lưu-bà-xoa, thờ Đề-đà-la-ni-trá, thờ trời Ma-hê-thủ-la... cho đến tám muôn bốn ngàn chủng loại thờ phụng như vậy, đều tùy theo sự tôn kính của mình mà thấy Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai qua hình tướng tôn thờ và được nghe pháp sinh y lương cho rằng đều riêng cho chủng loại mình.

Bấy giờ, trong đại chúng nơi cõi Phật Hoa Phu có hai Bồ-tát, một tên là La Phan Tượng, vị thứ hai tên là Nguyệt Quang Chiếu. Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai bảo hai vị Bồ-tát ấy:

– Thiện nam tử, các ông hãy đến thế giới Ta-bà chuyển lời của Ta: "Kính thăm hỏi sức khỏe của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, mọi sinh hoạt, hành hóa đều được yên ổn tịnh lạc chăng?"

Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

– Chúng con thấy tất cả cõi Ta-bà của Đức Phật ấy, đại chúng vân tập đến đầy khắp cả không còn một khoảng trống, vậy chúng con đi đến đó thì đứng ở đâu?

Đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai nói:

– Thiện nam tử, các ông chớ nói lời này, cho rằng thế giới ấy không còn chỗ! Vì sao? Vì nơi đó rộng lớn vô biên. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai có đầy đủ công đức vô lượng, không thể nghĩ bàn. Do bản nguyện và

tâm đại bi luôn thương xót chúng sinh nên khiến cho vô lượng các loài chúng sinh được vào pháp Phật, lãnh thọ Ba quy y, sau đó thuyết giảng pháp Ba thừa cho họ, Ngài lại giảng dạy về các thứ giới luật, chỉ bày ba cửa giải thoát, cứu vớt chúng sinh ra khỏi ba đường ác, an trụ nơi ba cõi thiện. Thiện nam tử, bấy giờ sau khi Đức Thích-ca Mâu-ni thành đạo chưa bao lâu, vì muốn điều phục chúng sinh, nên Ngài trên tòa, nơi hang Bà-la, núi Tỳ-đà, suốt bảy ngày bảy đêm nhập Tam-muội chánh thọ, hưởng pháp thanh tịnh. Lúc này, thân Phật đầy khắp cả hang không còn một chút khoảng trống. Qua hết bảy ngày trong mười phương thế giới có mười hai na-do-tha Đại Bồ-tát đến thế giới Ta-bà đứng nơi triền núi kia muốn vào hang để chiêm ngưỡng, lễ bái, cung kính, thân cận Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, thưa thỉnh và lãnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai vì đại chúng Bồ-tát này liền thị hiện thần thông khiến cho hang Bà-la trở nên vô cùng rộng lớn, mười hai na-do-tha Bồ-tát vào hang vẫn còn thấy rộng rãi. Từng vị Bồ-tát dùng các thứ thần thông Sư tử du hý tự tại đã đạt được để cúng dường Đức Như Lai. Mỗi vị Bồ-tát đều an tọa nơi bảo tòa hóa hiện lắng nghe diệu pháp, do thần lực của Phật như vậy, các vị Bồ-tát nghe pháp xong, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ Phật, đi nhiễu theo phía bên phải ba vòng rồi tuần tự trở về bổn quốc, sau đấy thì hang Bà-la trở lại như cũ. Đế Thích là chủ của cõi trời thứ hai của bốn thiên hạ, tên là Kiều-thi-ca, nhân thấy thọ mạng của mình sắp hết, lại phải bị đọa vào loài súc sinh nên rất sợ hãi, liền cùng với tám vạn bốn ngàn chư Thiên của cõi trời Ba mươi ba *(Đao-lợi)* đi đến hang Bà-la, hướng về chỗ Đức Thế Tôn, trụ lại trước cửa hang Bà-la, nơi có Dạ-xoa Đế Nhãn là thần giữ hang này. Thừa oai thần Đức Phật, nên Đế Thích phát sinh ý nghĩ: "Ta nay nên sai Càn-thát-bà Tử là Bàn-già-sức đem diệu âm đến ngợi ca Đức Thế Tôn, may ra Đức Thế Tôn mới rời khỏi Tam-muội".

Đế Thích suy nghĩ như vậy xong liền sai Càn-thát-bà Tử là Bàn-già-sức khảy đàn cầm lưu ly, âm thanh vi diệu khác thường, phát ra năm trăm điều ngợi khen, tán thán Đức Thế Tôn.

Thiện nam tử, khi Bàn-già-sức ca ngợi Phật thì Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai chuyển nhập Vô thắng minh tam-muội. Do diệu lực Tam-muội nên khiến cho khắp thế giới Ta-bà, các chúng Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, chư Thiên nơi các cõi Dục, cõi Sắc, tất cả đều vân tập đông đủ. Trong số này, người nào ưa nghe âm thanh vi diệu đều tùy ý được nghe và rất vui mừng. Người nào thích nghe lời tán thán

Phật, nghe xong đều hoan hỷ, đối với Đức Như Lai sinh lòng cung kính, tôn trọng. Chúng sinh nào ưa nghe âm nhạc thì liền được nghe, nghe xong cũng đều vui thích. Khi ấy, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai xuất định, đại chúng đứng nơi cửa hang Bà-la, riêng Đế Thích liền đến trước Đức Thế Tôn cung kính thưa:

– Thế Tôn, hôm nay con sẽ ngồi ở chỗ nào?

Phật bảo:

– Kiều-thi-ca, quyến thuộc của ông nên tập hợp vào hết trong hang Bà-la. Như Lai sẽ khiến cho hang này trở nên rộng lớn thênh thang, đủ chỗ cho mười hai hằng hà sa số đại chúng quyến thuộc ngồi.

Bấy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai dùng âm thanh vi diệu thuyết giảng chánh pháp khiến cho tám vạn bốn ngàn chúng sinh với căn cơ khác nhau đều lắng nghe. Trong đại chúng, người nào học theo Thanh văn thừa thì được nghe pháp Thanh văn và có chín mươi ức chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn. Người nào học theo Bích-chi-phật thừa thì được nghe pháp Bích-chi-phật. Những người học theo Phật thừa Vô lượng thì được nghe pháp thuần túy Đại thừa vô lượng. Đại chúng do Càn-thát-bà Tử Bàn-già-sức đứng đầu có mười tám na-do-tha chúng sinh được quả vị Bất thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề tối thượng. Những người chưa phát tâm thì đều phát tâm, hoặc phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, hoặc phát tâm cầu đạo quả Bích-chi-phật, có người phát tâm cầu Thanh văn thừa. Riêng Đế Thích Kiều-thi-ca thì hết sợ hãi, tuổi thọ được tăng lên một ngàn năm, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai với thần lực có thể tạo nên các sự việc rộng lớn vô biên như vậy. Âm thanh thuyết giảng chánh pháp cũng như thế. Không một ai có thể lường được giới hạn nơi âm thanh đó. Phương tiện của Đức Phật ấy là vô lượng vô biên để giáo hóa, dẫn dắt chúng sinh không ai có thể biết được hết bến bờ nơi các phương tiện kia. Thiện nam tử, sắc thân của Đức Như Lai ấy cũng là vô biên vô lượng, không ai có thể nhìn thấy đỉnh của Ngài, cũng không biết nơi tận cùng. Chẳng hạn như hôm nay ở cõi Ta-bà, chúng sinh vân tập về đây, nếu tất cả muốn vào trong bụng của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai thì đều dung nạp được hết mà bụng của Đức Như Lai không tăng giảm. Các chúng sinh kia cũng không biết đâu là biên giới nơi bụng Đức Như Lai. Các chúng sinh này cùng lúc hợp lại đi vào trong một lỗ chân lông, đều không bị trở ngại, cho đến dùng Thiên nhãn cũng không thấy đâu là giới hạn nơi một lỗ chân lông nhưng lỗ chân lông của Như Lai thì không thêm bớt. Thân tướng của

Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đã dung nạp được vô lượng vô biên chúng sinh như thế!

Lại nữa thiện nam tử, thế giới của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai cũng rộng lớn vô cùng tận. Thiện nam tử, giả sử chúng sinh trong các thế giới nhiều như các sông Hằng trong mười phương thì thế giới của Phật ấy cũng dung nạp được hết. Vì sao? Vì Đức Như Lai kia khi mới phát tâm cầu thành Bậc Chánh Giác đã phát vô lượng vô biên thệ nguyện. Thiện nam tử, không những chỉ là chúng sinh trong các thế giới nhiều như số cát một sông Hằng, mà cả chúng sinh trong các thế giới nhiều như số cát một ngàn sông Hằng khắp cả mười phương thì thế giới kia vẫn dung nạp hết, mà tướng của thế giới ấy vẫn như cũ, không thêm không bớt.

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai khi mới phát tâm cầu thành Bậc Chánh Giác, muốn đạt đầy đủ Nhất thiết trí nên đã phát đại thệ nguyện, do đó ngày nay có được thế giới vô lượng vô biên. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đã dùng bốn pháp ấy, chư Phật Thế Tôn khác không thể sánh kịp. Thiện nam tử, nay hai ông đem hoa Nguyệt lạc vô cấu này đến thế giới Phật Ta-bà ở phương Tây như đã nhìn thấy, thay lời Ta thưa hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni: "Mọi sinh hoạt hành hóa đều được ổn định, an lạc chăng?" Khi ấy, Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai đem hoa Nguyệt lạc vô cấu trao cho hai vị Bồ-tát La Phan Tượng và Bồ-tát Nguyệt Quang Chiếu và bảo:

– Các ông hãy nương theo diệu lực nơi thần thông của Ta-bà mà đến thế giới kia.

Lúc này, trong cõi đó có hai vạn Bồ-tát cùng bạch Phật:

– Kính thưa Đức Thế Tôn, chúng con cũng muốn nương theo thần lực của Đức Như Lai đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng, cung kính, cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai.

Phật Vô Cấu Đức Minh Vương bảo:

– Thiện nam tử, các ông nên biết đúng thời.

Như vậy là hai vị Bồ-tát La Phan Tượng và Nguyệt Quang Chiếu cùng với hai vạn Bồ-tát khác nương theo thần lực của đức Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai rời khỏi thế giới Hoa phu, chỉ trong khoảng khắc một niệm họ đã đến thế giới Ta-bà, thẳng tới núi Kỳ-xà-quật, ở trước Đức Thích-ca Mâu-ni, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, ở phương Đông, cách đây hơn tám mươi chín ức cõi Phật có thế giới tên là Hoa phu. Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Vô Cấu Đức Minh Vương Như Lai, hiện đang có vô số đại chúng Bồ-tát vây quanh nghe pháp, đã xưng tụng ca ngợi công đức của Thế Tôn, nói rằng: "Nơi thế

giới Ta-bà có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai hiện đang vì đại chúng mà chuyển xe chánh pháp. Khi còn là Bồ-tát, Đức Thế Tôn ấy đã khuyên Ta phát tâm Bồ-đề đầu tiên. Sau khi Ta phát tâm cầu đạo Vô thượng, Ngài lại khuyên tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai dùng bốn pháp ấy nên các Đức Như Lai khác không thể sánh kịp. Hôm nay, Phật Vô Cấu Đức Minh Vương sai chúng con mang hoa Nguyệt lạc vô cấu này đến dâng lên Thế Tôn, kính thăm hỏi sức khỏe cùng mọi sinh hoạt hành hóa luôn được yên ổn, tịnh lạc chăng?".

Thiện nam tử, trong thế giới Lạc hỷ ở phương Đông có Đức Phật A-súc, nơi tòa ngồi của Ngài cũng chấn động sáu cách. Các Bồ-tát trong pháp hội trông thấy sự việc như vậy đều thưa với Phật *(nói lược như trên).* Bấy giờ ở phương Đông có vô lượng vô số Đức Như Lai sai các Bồ-tát mỗi người đều mang hoa Nguyệt lạc vô cấu đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng, lễ bái, thăm hỏi, cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, cung kính, gần gũi để lãnh hội diệu pháp.

Này Bồ-tát Tịch Ý, Ta thấy ở phương Nam, cách cõi Phật này hơn một hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới tên là Trừ nhất thiết ưu não, Đức Phật ở đó hiệu là Vô Não Đức Như Lai hiện đang trụ tại thế thuyết pháp. Trước kia khi còn tu hạnh Bồ-tát, Ta đã khuyên Đức Phật ấy phát tâm Bồ-đề, cầu đạt quả vị Giác ngộ Vô thượng. Lại có, Đức Phật Pháp Tự Tại Lôi trong cõi Diêm-phù-đề quang. Đức Chí Tự Tại Kiên Đế Phật trong cõi Di-lâu-an. Đức Sư Tử Phấn Tấn Vương Phật trong cõi Đức trang nghiêm đế; Đức Na-la-diên Phục Tạng Phật trong cõi Châu quang trang nghiêm; Đức Bảo Tập Công Đức Phấn Tấn Phật trong cõi Phóng quang biến phú; Đức Minh Tạng Phật trong cõi Thiên lạc; Đức Tinh Tú Xưng Phật trong cõi Chiên-đàn căn; Đức Phước Lực Bà-la Vương Phật trong cõi Hương văn; Đức Nhu Nhuyến Lôi Âm Thanh Phật trong cõi Thiện giải; Đức Bà-la Xứng Đế Vương Phật trong cõi Nhàn cư; Đức Tự Tại Minh Chiếu Phật trong cõi Lôi thị; Đức Nhu Nhuyến Âm Thanh Phật trong cõi Vân lôi; Đức Bảo Chưởng Long Phật trong cõi Phân bảo; Đức Pháp Vân Nguyệt Minh Tự Tại Phật trong cõi Ba-la-ma bảo thọ... *(nói lược như trên).*

Như vậy, ở phương Nam với vô lượng a-tăng-kỳ các Đức Phật như thế nơi tòa ngồi đều bị rung động. Các Đức Phật, Thế Tôn đó đều xưng tụng, ca ngợi Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai và đều sai các vị Bồ-tát mang hoa Nguyệt lạc vô cấu đến cõi Ta-bà này để chiêm ngưỡng, cúng dường, cung kính, gần gũi, tôn trọng, khen ngợi, thứ lớp an tọa lãnh hội diệu pháp.

Thiện nam tử, Ta lại thấy về phương Tây, cách đây hơn chín mươi

bảy na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Tịch tĩnh, Đức Phật ở đó hiệu là Bảo Sơn Như Lai, hiện đang trụ thế vì chúng sinh thuyết pháp. Khi còn tu hạnh Bồ-tát, Ta đã khuyên Đức Phật kia đầu tiên phát tâm Bồ-đề, cầu đạo Giác ngộ Vô thượng. Lại có Phật Diệu Quang Tạng, Phật Âm Trí Tạng, Phật Quang Xưng, Phật Phổ Tạng Phục, Phật Phạm Hoa, Phật Chưởng Siêu Việt, Phật Pháp Đăng Minh, Phật Vô Đẳng Từ, Phật Lạc Cao Âm, Phật Lưu Bố Vương, Phật Phạm Đế Thanh... *(đều như trước đã nói)*... Như thế ở phương Tây có vô lượng vô số các Đức Phật, Thế Tôn đã được Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai xưng tán danh hiệu. Tòa ngồi của các vị đều rung động. Bấy giờ, ở phương ấy vô lượng vô số các Đức Phật đều sai Bồ-tát mang hoa Nguyệt lạc vô cấu đến thế giới Ta-bà, thảy đều an tọa để nghe thuyết pháp... *(nói lược)*... Như vậy ở các phương Bắc, Trên, Dưới, Đông nam, Tây nam, Tây bắc đều như trên đã nói. Thiện nam tử! Ta thấy ở phương Đông Bắc, cách thế giới này hơn chín mươi tám ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật có thế giới tên là Vô trần, Đức Phật ở đó hiệu là Trừ Ưu Não Dũng Thượng Quảng Văn Bà-la Vương Như Lai. Khi còn làm Bồ-tát, Ta đã đầu tiên khuyên Đức Như Lai ấy phát tâm Bồ-đề, cầu đạo quả Giác ngộ Vô thượng, tu tập sáu pháp Ba-la-mật, dẫn dắt đến chỗ chư Phật và được thọ ký. Lúc này nơi tòa ngồi của Đức Phật ấy cũng chấn động... Trong đại chúng của Đức Như Lai đó có hai vị Bồ-tát, một tên là Sơn Mật, vị thứ hai tên là Đẳng Lạc Thú. Khi ấy, Đức Trừ Ưu Não Dũng Thượng Quảng Văn Bà-la Vương Như Lai bảo hai vị Bồ-tát kia:

– Thiện nam tử, các ông hãy đến thế giới Ta-bà thay Ta nói lời như vầy: "Kính thăm hỏi sức khỏe của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, mọi sinh hoạt, hành hóa đều được yên ổn, tịnh lạc chăng?"...*(lược nói như trên)*. Lại có các vị Phật: Phật Hoại Chư Ma, Phật Ta-la Vương, Phật Đại Lực Quang Minh, Phật Liên Hoa Tăng, Phật Chiên-đàn, Phật Di Lâu Vương, Phật Kiên Trầm Thủy, Phật Hỏa Trí Đại Lực, vô lượng chư Phật như vậy đều sai Bồ-tát đi đến thế giới Ta-bà. Cho đến các phương Bắc, bốn hướng, phương trên dưới cũng đều như vậy.

Phẩm 29: Nhập Tam-Muội Môn

Bấy giờ tất cả chúng hội đã vân tập đông đủ ở cõi Ta-bà này. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai dùng diệu lực thần thông khiến cho thân của mỗi người có mặt ở đây đều biến nhỏ như hạt cải, đầy khắp cả mặt đất và hư không, cả thế giới Ta-bà hầu như không còn một khoảng trống nào dù nhỏ

như một sợi lông.

Lúc này, mọi người trong chúng hội không thấy nhau, lại cũng không thấy các núi Tu-di, núi Thiết vi, Đại thiết vi, chỗ tối tăm giữa hai núi Đại, Tiểu thiết vi vây quanh, nhưng tất cả đều không gây chướng ngại. Trên lên tới cung điện của chư Thiên, dưới đến nền kim cang, chỉ trừ mỗi Phật Thế Tôn là thấy suốt khắp.

Bấy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai lại nhập tam-muội Biến hư không pháp vô đoạn diệt khiến cho vô lượng hoa Nguyệt lạc vô cấu đều nhập vào các lỗ chân lông trên toàn thân. Tất cả đại chúng đều trông thấy. Khi ấy, các chúng sinh ở đây không còn nhớ đấy là sắc thân của Phật mà chỉ thấy có khu vườn đẹp đẽ trong lỗ chân lông. Trong khu vườn ấy có các loại cây báu, cành lá hoa trái sum suê, trang trí bằng vô số y báu, cờ phướn, lọng báu, mũ báu, chuỗi báu anh lạc, ngọc trân châu, giống như thế giới An lạc ở phương Tây. Thấy xong, đại chúng đều suy nghĩ: Ta nên đến vườn đẹp đẽ kia dạo xem. Bấy giờ, chỉ trừ các chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh và trời Vô sắc, còn tất cả đại chúng đang có mặt đều theo lỗ chân lông vào ngồi, dạo chơi nơi từng khu vườn trong thân Như Lai. Khi Đức Thế Tôn thu lại thần thông thì các chúng sinh mới thấy được nhau như cũ. Họ liền hỏi:

– Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đang ở đâu?

Bồ-tát Di-lặc bèn bảo đại chúng:

– Các vị nên biết, hiện nay chúng ta đều đang ở trong thân của Đức Như Lai.

Đã thấy được cả trong và ngoài thân Như Lai, đại chúng này mới biết mình cùng vô lượng đại chúng khác đang tập trung trong thân Như Lai, nên cùng bảo nhau:

– Làm sao chúng ta vào được trong này? Ai dẫn dắt cho chúng ta vào trong được?

Bồ-tát Di-lặc lại nói với đại chúng:

– Các vị nên biết Như Lai đang hiện diệu lực thần thông biến hóa lớn, vì nhằm đem lại lợi ích cho đại chúng nên Ngài sắp thuyết bốn pháp. Các vị hãy nhất tâm, chú ý lãnh hội.

Nghe như vậy, tất cả đại chúng đều quỳ thẳng, chắp tay, vâng theo lời dạy để lắng nghe. Bấy giờ, Đức Như Lai liền thuyết giảng kinh Nhất Thiết Pháp Môn Hành. Sao gọi là kinh Nhất Thiết Pháp Môn Hành? Đó là kinh đưa chúng sinh qua khỏi vực sâu sinh tử để đi vào tám Thánh đạo, thành tựu đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam tử, có mười tâm chuyên cần phát Bồ-đề để có thể hội nhập môn này. Những gì là mười?

Một là dốc làm cho chúng sinh đều được giải thoát, tùy hỷ hồi hướng.

Hai là đối với chúng sinh phải có tâm đại bi cứu giúp.

Ba là đem lợi ích nhiếp độ tất cả chúng sinh.

Bốn là người chưa được độ phải hóa độ hết như bậc Đại thuyền sư.

Năm là người chưa giải thoát phải giải thoát, dứt hết mọi thứ điên đảo.

Sáu là phải gầm lên tiếng rống lớn của sư tử để làm kinh động tất cả chúng sinh, khiến họ quán tưởng về pháp vô ngã.

Bảy là phải du hành đến các thế giới để giác ngộ cho chúng sinh hiểu tất cả các pháp như là hình ảnh ảo mộng.

Tám là tạo được thế giới quang minh, trang nghiêm, sửa sang pháp giới, khiến được thanh tịnh.

Chín là thành tựu trang nghiêm mười lực của Như Lai, đầy đủ các pháp Ba-la-mật.

Mười là thành tựu trang nghiêm bốn Vô úy, theo như chỗ thuyết giảng để tu tập, trang nghiêm mười tám pháp Bất cộng.

Đó là mười pháp chuyên tâm phát Bồ-đề Vô thượng thì có thể hội nhập tất cả hạnh môn này, đạt Bất thoái chuyển nơi đạo quả Giác ngộ Tối thượng, nhập môn Vô tướng hạnh, môn Trí đạo hạnh. Do vậy nên chẳng phải thoái chuyển, chẳng phải bất thoái, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải định, chẳng phải loạn. Khi Đức Thế Tôn nói các pháp này, tám mươi ức hằng hà sa số chúng sinh đang ở trong bụng của Như Lai liền được Bất thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại có vô số Đại Bồ-tát chứng được các pháp Tam-muội, Đà-la-ni thâm diệu. Lúc này tất cả đại chúng đều theo lỗ chân lông của Đức Như Lai trở ra ngoài, vô cùng kinh ngạc, tán thán là việc chưa từng có, liền đến ngay trước Phật cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai xong rồi trở về lại quốc độ của mình trong mười phương.

Bấy giờ, đại chúng ở trong thân các Đức Như Lai đều theo lỗ chân lông mà ra ngoài, đều cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng, rồi ở trước Đức Như Lai dùng vô số bài kệ vi diệu, câu nghĩa đầy đủ, đồng thanh xưng tán, khen ngợi Đức Như Lai.

Lúc này chư Thiên nơi cõi Dục, cõi Sắc mưa xuống đủ các loài hoa mầu nhiệm, hương xoa hương bột, tấu kỹ nhạc của trời, treo các giải lụa

trời năm sắc và cờ phướn, lọng báu, ngọc báu, chuỗi báu… để cúng dường Đức Như Lai.

Phẩm 30: Chúc Lụy

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Vô Úy Đẳng Trì đến trước Phật quỳ thẳng, chắp tay bạch:

– Thưa Đức Thế Tôn, sự kiện thọ ký lớn lao này sẽ gọi là kinh gì? Phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Kinh này tên là "Nhập Nhất Thiết Chủng Trí Hành Đà-la-ni Môn", cũng gọi là "Chư Phật Chi Tạng", cũng gọi là "Đa Tập", cũng có tên là "Thọ Bồ-tát Ký", cũng gọi là "Nhập Vô Úy Đạo", cũng mang tên là "Nhập Chư Tam-muội", cũng gọi là "Hiện Chư Phật Độ", cũng gọi là "Như Đại Hải", cũng có tên là "Quá Số", cũng được gọi là "Đại Bi Phân-đà-lợi".

Bồ-tát Vô Úy Đẳng Trì lại bạch:

– Thưa Đức Thế Tôn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác thuyết giảng, thậm chí chỉ một bài kệ bốn câu thì phước đức đạt được như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Về công đức của kinh này, Ta đã nói ở trước rồi, nay sẽ vì ông mà nói tóm lược. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này, đọc tụng, sao chép, vì người khác thuyết giảng, cho đến chỉ một bài kê bốn câu, thì phước đức của người ấy đạt được hơn cả Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật trong mười đại kiếp. Vì sao? Vì kinh này có thể diệt trừ tâm xấu ác của các hàng chư Thiên, Người đời, Phạm thiên, Ma vương, Sa-môn, Bà-la-môn, Dạ-xoa, La-sát, Rồng, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Ngạ quỉ, Tỳ-xá-già, Khẩn-na-la, A-tu-la... Kinh này lại có thể diệt trừ tất cả các căn bệnh về tranh chấp, oán thù, ganh ghét, các sự việc như bão tố, lụt lội, các thứ dịch bệnh, đói kém, có thể khiến cho chúng sinh thường được yên ổn, an lạc, sức khỏe tăng trưởng, đời sống vui vẻ, làm cho những kẻ không thuận nhau hòa hợp lại, người bị khủng bố thì dứt mọi sợ hãi, đạt an lạc vô úy. Kinh có thể diệt trừ các thứ kết sử, tăng trưởng các căn lành, khiến cho chúng sinh trong ba đường ác thoát khỏi các khổ ải, thể hiện đạo mầu của Ba thừa, khiến đạt được các pháp Tam-muội, Đà-la-ni, Nhẫn nhục, đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh, có thể an tọa nơi tòa Kim cang của Bồ-đề đạo tràng, phá trừ bốn thứ ma chướng, chỉ dạy các pháp trợ Bồ-đề, hay chuyển xe

chánh pháp, người thiếu thốn Thánh tài thì được đầy đủ khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh được vào thành trì Vô úy. Đây là kinh lớn, đem lại nhiều lợi ích lớn, nay sẽ được phó chúc cho ai? Ai là người có thể ở trong đời có đủ năm thứ ô trược xấu ác hộ trì pháp này? Ai là người có thể tuyên thuyết kinh này cho các vị Bồ-tát bất thoái ở khắp mọi nơi chốn được nghe? Lại nữa, ai là người có thể vì các chúng sinh làm việc phi pháp, tham dục, tà kiến, không tin quả báo thiện ác, mà giảng nói giáo pháp này?

Lúc ấy, đại chúng đều biết tâm nguyện của Đức Như Lai, có một vị Tiên dạ-xoa tên là Na-di-lâu-phất-sa hiện có mặt trong đại chúng, được Bồ-tát Di-lặc dẫn đến chỗ Đức Thế Tôn.

Đức Phật nói:

– Này Đại tiên, ông sẽ thọ nhận pháp môn này... Về sau, trong cõi ác thế, ông sẽ tuyên dương rộng rãi, lưu truyền khắp nơi khiến cho tất cả Bồ-tát bất thoái ở mọi phương đều được biết, người được nghe thì tâm an trụ nơi pháp Bất thoái chuyển.

Vị Tiên kia bạch Phật:

– Thưa vâng! Bạch Đức Thế Tôn, do bản nguyện con làm tiên Dạ-xoa, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp tu hạnh Bồ-đề, con đã khuyến hóa vô số chúng sinh, tu tập theo bốn tâm vô lượng, an trụ nơi bậc Bất thoái chuyển. Thưa Đức Thế Tôn, về sau, trong đời ác trược, có chúng sinh nào thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh này, vì người thuyết giảng dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì con sẽ tự thân hết lòng ủng hộ khiến cho vị Pháp sư kia xa lìa mọi khổ não.

Đức Phật nói kinh này xong, Bồ-tát Tịch Ý, các đại chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, người đời thảy đều hoan hỷ, làm lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 159

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Bát-nhã, người nước Kế tân.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Tựa

Chính tôi được nghe:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá cùng với ba vạn hai ngàn đại Tỳ-kheo. Các vị đều là bậc A-la-hán: tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát, chỗ tạo tác đã xong, bỏ mọi gánh nặng, việc lợi mình đã được, hết mọi sự ràng buộc trong các cõi, đạt được đại tự tại, an trụ trong giới phẩm thanh tịnh, phương tiện khéo léo, trí tuệ trang nghiêm, chứng được tám pháp giải thoát, đến bờ Niết-bàn. Tên của các vị ấy là Cụ thọ A nhã Kiều-trần-như, A Sử Bỉ-thất-đa, Ma-ha Na-ma, Ba-đế-lợi-ca, Ma-ha Ca-diếp, Kiều-phạm-ba-đề, La-ba-đa, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Già-gia Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Ca-tỳ-na, Chân-đề-na, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, A-ni-lâu-đà, Vi-diệu-tý, Tu-bồ-đề, Bạc-câu-la, Tôn-đà-la-nan-đà, La-hầu-la… các vị như thế đều là Cụ thọ, A-la-hán.

Và có những bậc Hữu học như ông A-nan… đều cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc, cùng nhau đảnh lễ chân Phật, rồi lui ra ngồi về một bên.

Lại có tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ-tát cùng ở chỗ Đức Phật. Các vị đều là Đại pháp vương tử, Nhất sinh bổ xứ, có uy đức lớn như Đại Long vương, trăm phước viên mãn, thân quang chói lọi như ngàn mặt trời làm quang đãng mọi tối tăm, trí tuệ lắng suốt, hơn cả biển lớn; hiểu thấu cảnh giới bí mật của chư Phật, đốt đuốc đại pháp, dẫn dắt chúng sinh; làm bậc Đại thuyền sư trong bể sinh tử, thương xót chúng sinh như con đỏ, thường bố thí cho chúng sinh sự an vui trong mọi lúc, tiếng khen đồn khắp mười phương thế giới; thần thông vi diệu, lực dụng tự tại, đã thấu rõ được các

môn Tổng trì; đủ bốn pháp biện tài vô ngại tự tại, đã viên mãn được đại nguyện tự tại, thành tựu tốt đẹp sự nghiệp tự tại, đã chứng nhập được Tam-muội tự tại, hoàn toàn viên mãn phước đức tự tại; thường là người bạn không phải thỉnh của chúng sinh, trải qua vô lượng kiếp siêng tu Sáu độ, luôn phụng sự chư Phật khắp nơi, không an trụ nơi Niết-bàn; dứt mọi phiền não, chủng tử tập khí đều trừ, tuy sinh trong sáu đường nhưng không hề vướng mắc lỗi lầm, luôn hiện thân khắp mười phương giảng thuyết diệu pháp, trong vô lượng thế giới, giáo hóa, đem lại lợi ích cho mọi loài; ngăn ngoại đạo, nén dẹp tâm tà, xa lìa nhân chấp đoạn, chấp thường, làm cho chúng sinh sinh ra chánh kiến mà không còn có tướng dao động, lui tới; chẳng phải trang nghiêm mà là làm trang nghiêm cả mười phương cõi Phật, không nói mà như nói ra tất cả diệu lý tịch diệt, an trụ nơi vô sở trụ, độ chúng sinh trong các cõi trời, người; thọ nhận nơi vô sở thọ các pháp mầu vui vẻ, rộng lớn; mặc áo giáp tinh tấn, cầm gươm trí tuệ, đánh vang trống pháp, phá bọn ma quân; thân thường thị hiện ngồi khắp trong đạo tràng, thổi loa đại pháp để giác ngộ mọi loài; tất cả các loài hữu tình đều được nhờ lợi ích, ai nghe qua tên hiệu, trông thấy sắc thân đều có được ba trí, ngộ được pháp của ba đời; biết rõ các căn lanh lợi, ngu độn của chúng sinh, tùy bệnh cho thuốc, không còn mọi thứ nghi hoặc; chia rải mây pháp lớn, rưới mưa cam lộ, chuyển trí ấn pháp luân không thoái chuyển, đóng ngục sinh tử, mở cửa Niết-bàn; phát thệ nguyện rộng cho đến khi hết đời vị lai, nguyện độ thoát tất cả quần sinh. Các vị Bồ-tát ấy không bao lâu sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị ấy là: Bồ-tát Vô Cấu, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Duy-ma-cật, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Kim Cang Tạng Vương, Bồ-tát Địa Tạng Vương, Bồ-tát Hư Không Tạng Vương, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương, Bồ-tát Tam-muội Tự Tại Vương, Bồ-tát Diệu Cao Sân Vương, Bồ-tát Đại Hải Thâm Vương, Bồ-tát Diệu Biện Nghiêm Vương, Bồ-tát Hoan Hỷ Cao Vương, Bồ-tát Đại Thần Biến Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Thanh Tịnh Vũ Vương, Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng, Bồ-tát Liệu Phiền Não Bệnh, Bồ-tát Bảo Sân, Bồ-tát Bảo Tài, Bồ-tát Bảo Thượng, Bồ-tát Bảo Đức, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ Ấn, Bồ-tát Bảo Quang, Bồ-tát Bảo Thí, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Đại Bảo Tràng, Bồ-tát Bảo Vũ, Bồ-tát Bảo Đạt, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Bảo Cát Tường, Bồ-tát Bảo Tự Tại, Bồ-tát Chiên-đàn Hương, Bồ-tát Đại Bảo Cự, Bồ-tát Đại Bảo Nghiêm, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Tinh Quang, Bồ-tát Hỏa Quang, Bồ-tát Điện Quang, Bồ-tát Năng Niệm Tuệ, Bồ-tát Phá

Ma, Bồ-tát Thắng Ma, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Bất Đoạn Đại Nguyện, Bồ-tát Đại Danh Xưng, Bồ-tát Vô Ngại Biện Tài, Bồ-tát Vô Ngại Chuyển Pháp Luân. Các vị Bồ-tát như Đại Bồ-tát Vô Cấu… trên đây như thế, cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Đức Phật thuyết pháp.

Lại có ức vạn Thiên tử nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới như Thiên tử Thiện Trụ, Thiên tử Uy Đức, Thiên tử Phổ Quang, Thiên tử Thanh Tịnh Tuệ, Thiên tử Cát Tường, Thiên tử Đại Cát Tường, Thiên tử Tự Tại, Thiên tử Đại Tự Tại, Thiên tử Nhật Quang, Thiên tử Nguyệt Quang… Trong số các vị Thiên tử đó, Thích Đề-hoàn Nhân làm Thượng thủ. Và, các vị đều ưa thích diệu pháp Đại thừa, nguyện theo và phụng sự Như Lai trong ba đời, vào cảnh giới bí mật bất tư nghị, làm trang nghiêm các hội đạo tràng của chư Phật. Tất cả các vị Thiên tử ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều đến pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có hằng hà sa Thiên tử trong cõi Sắc như Thiên tử Đại Quang Phổ Chiếu, Thiên tử Vô Cấu Trang Nghiêm, Thiên tử Thần Thông Du Hý, Thiên tử Tam-muội Tự Tại, Thiên tử Đà-la-ni Tự Tại, Thiên tử Đại Đà-la-diên, Thiên tử Viên Mãn Thượng Nguyện, Thiên tử Vô Ngại Biện Tài, Thiên tử Cát Tường Phước Tuệ, Thiên tử Thường Phát Đại Nguyện… Trong số các vị Thiên tử này, Quang Minh Đại Phạm thiên vương làm Thượng thủ. Các vị ấy đều đầy đủ các pháp Tam-muội, thần thông, ưa thuyết giảng, giỏi biện tài, thường phụng sự chư Phật Như Lai trong ba đời từ khi ở bên gốc cây Bồ-đề, ngồi tòa Kim cang phá ma quân rồi, chứng đạo Bồ-đề cho đến khắp các chúng hội và đều ở trong lúc đầu tiên, khuyến thỉnh Như Lai chuyển xe diệu pháp, mở cửa cam lộ, độ tất cả chúng sinh trong cõi trời, người; khéo ngộ được nghĩa lý sâu xa bí mật của chư Phật, đối với đạo Đại Bồ-đề, không còn thoái chuyển. Tất cả các vị Thiên tử ấy cùng với tất cả trăm ngàn quyến thuộc, đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có bốn vạn tám ngàn vị Đại Long vương như Long vương Ma-na-tư, Long vương Đức-xoa-ca, Long vương Nan-đà, Long vương Bạt-nan-đà, Long vương A-nốc Đạt Trì, Long vương Đại Kim Diện, Long vương Như Ý Bảo Châu, Long vương Vũ Diệu Trân Bảo, Long vương Thường Chú Cam Vũ, Long vương Hữu Đại Uy Đức, Long vương Cường Lực Tự Tại… Trong các vị Long vương này, Long vương Sa-kiệt-la làm Thượng thủ. Các vị ấy đều ưa thích diệu pháp Đại thừa, phát thệ nguyện rộng, cung kính hộ trì chánh pháp. Tất cả các vị đại Long vương ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có năm vạn tám ngàn thần Dược-xoa như thần Dược-xoa Đại Sư Tử vương, thần Dược-xoa Chuyển Luân Quang Chiếu, thần Dược-xoa Diệu Na-la-diên, thần Dược-xoa Thậm Khả Bố Úy, thần Dược-xoa Liên Hoa Quang Sắc, thần Dược-xoa Chư Căn Mỹ Diệu, thần Dược-xoa Ngoại Hộ Chánh Pháp, thần Dược-xoa Cúng Dường Tam Bảo, thần Dược-xoa Vũ Chúng Trân Bảo, thần Dược-xoa Ma-ni Bát-la, … Trong số các vị thần này, thần Dược-xoa Tăng Thận Nhĩ Tà làm Thượng thủ. Các vị ấy đều đầy đủ ánh sáng trí tuệ khó nghĩ bàn, ngọn đuốc trí tuệ khó nghĩ bàn, hành tướng trí tuệ khó nghĩ bàn, giới đức trí tuệ khó nghĩ bàn, thường vì chúng sinh chế phục những loại ác quỷ, khiến họ được an vui lớn, làm cho phước đức, trí tuệ được tăng trưởng; luôn nối tiếp và giữ gìn pháp Đại thừa không bị đoạn tuyệt. Tất cả các vị thần Dược-xoa này cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có tám vạn chín ngàn Càn-thát-bà vương như Càn-thát-bà vương Đỉnh Thượng Bảo Quan, Càn-thát-bà vương Phổ Phóng Quang Minh, Càn-thát-bà vương Kim cang Bảo Tràng, Càn-thát-bà vương Diệu Âm Thanh Tịnh, Càn-thát-bà vương Biến Chí Chúng Hội, Càn-thát-bà vương Phổ Hiện Chư Phương, Càn-thát-bà vương Ái Nhạo Đại thừa, Càn-thát-bà vương Chuyển Bất Thoái Luân… Trong số các vị Càn-thát-bà vương này, Càn-thát-bà vương Chư Căn Thanh Tịnh làm Thượng thủ. Các vị ấy đối với Đại thừa đều sinh lòng ái kính sâu xa, làm lợi lạc cho chúng sinh, không bao giờ lười chán, mệt mỏi. Tất cả các vị Càn-thát-bà vương ấy cùng với hàng trăm, ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có ngàn ức A-tu-la vương như A-tu-la vương La-hầu-la, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa, A-tu-la vương Xuất Hiện Uy Đức, A-tu-la vương Đại Kiên Cố Lực, A-tu-la vương Mỹ Diệu Âm Thanh, A-tu-la vương Quang Minh Biến Chiếu, A-tu-la vương Đấu Chiến Hằng Thắng, A-tu-la vương Thiện Xảo Hiển Hóa… Trong số các vị A-tu-la vương này, có A-tu-la vương Quảng Đại Diệu Biện làm Thượng thủ. Các vị ấy đều khéo tu tập, xa lìa ngã mạn, thọ trì pháp Đại thừa, tôn kính Tam bảo. Tất cả các vị A-tu-la vương ấy cùng với trăm ngàn quyến thuộc tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có năm ức Ca-lâu-la vương như Ca-lâu-la vương Bảo Kế, Ca-lâu-la vương Kim Cang Tịnh Quang, Ca-lâu-la vương Tốc Tật Như Phong, Ca-lâu-la vương Hư Không Tịnh Tuệ, Ca-lâu-la vương Diệu Thân Quảng Đại, Ca-lâu-la vương Tâm Bất thoái chuyển, Ca-lâu-la vương Quảng Mục Thanh Tịnh, Ca-lâu-la vương Đại Phúc Bảo Mãn, Ca-lâu-la vương Hữu

Đại Uy Đức, Ca-lâu-la vương Trí Tuệ Quang Minh. Trong số các vị Ca-lâu-la vương này, Ca-lâu-la vương Như Ý Bảo Quang làm Thượng thủ. Các vị ấy đều thành tựu Pháp nhẫn bất khởi, khéo đem lại được những sự lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tất cả các vị Ca-lâu-la vương ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có chín ức Khẩn-na-la vương như Khẩn-na-la vương Động Địa, Khẩn-na-la vương Diệu Bảo Hoa Tràng, Khẩn-na-la vương Bảo Thọ Quang Minh, Khẩn-na-la vương Thiện Pháp Quang Minh, Khẩn-na-la vương Tối Thắng Trang Nghiêm, Khẩn-na-la vương Hỏa Pháp Quang Minh, Khẩn-na-la vương Thọ Trì Diệu Pháp, Khẩn-na-la vương Diệu Bảo Nghiêm Sức, Khẩn-na-la vương Thành Tựu Diệu Quán… Trong số các Khẩn-na-la vương này, Khẩn-na-la vương Duyệt Ý Nhạc Thanh làm Thượng thủ. Các vị ấy đều đầy đủ diệu tuệ thanh tịnh, thân tâm vui thích, dụng lực tự tại. Tất cả các vị Khẩn-na-la vương ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có chín vạn tám ngàn Ma-hầu-la-già vương như Ma-hầu-la-già vương Diệu Kế, Ma-hầu-la-già vương Cụ Đại Uy Đức, Ma-hầu-la-già vương Trang Nghiêm Bảo Kế, Ma-hầu-la-già vương Tịnh Nhãn Vi Diệu, Ma-hầu-la-già vương Quang Minh Bảo Tràng, Ma-hầu-la-già vương Sư Tử Hung Ức, Ma-hầu-la-già vương Như Sân Bất Động, Ma-hầu-la-già vương Khả Ái Quang Minh Ma-hầu-la-già vương… Trong số các vị Ma-hầu-la-già vương này, Ma-hầu-la-già vương Du Hý Thần Thông làm Thượng thủ. Các vị ấy đã tu tập được phương tiện thiện xảo, làm cho chúng sinh bỏ hẳn mọi sự trói buộc của ái dục. Tất cả các vị Ma-hầu-la-già vương ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có các vị Chuyển luân thánh vương trong vạn ức quốc độ ở phương khác như Chuyển luân thánh vương Kim Luân, Chuyển luân thánh vương Ngân Luân, Chuyển luân thánh vương Đồng Luân, Chuyển luân thánh vương Thiết Luân, cùng với quyến thuộc là ngàn người con và bảy thứ báu hết sức trang nghiêm với vô lượng voi, ngựa, xe cộ, vô số cờ phướn báu giăng treo, vô số vòng hoa, lọng báu, tơ lụa, phất trần trắng, đủ thứ loại châu báu, chuỗi ngọc vô cùng quý giá, các thứ hương xoa, hương bột, hòa hợp muôn thứ hương lạ vi diệu. Và mỗi người mang theo lò hương bằng mọi thứ báu vô giá, đốt hương đại bảo cúng dường Đức Thế Tôn, cùng đem những lời nói vi diệu khen ngợi trí tuệ của Đức Như Lai hết sức thâm diệu như biển rộng, rồi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay chúng con không cầu quả báo hữu lậu trong

ba cõi của hàng trời, người. Chúng con chỉ cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xuất thế gian mà thôi. Sở dĩ như thế là vì trong ba cõi tuy ở nơi tôn quý, hưởng phước vui nơi hàng trời, người, nhưng khi phước đời trước hết lại phải sinh vào nẻo xấu ác chịu vô lượng khổ; như thế ai là người có trí tuệ lại ưa thích sự vui sướng ở thế gian này!

Các vị Chuyển luân nói lời ấy rồi đều nhất tâm chắp tay và cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc của họ đều an tọa nơi pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có mười sáu vị Đại Quốc vương như Đại vương Tịnh Phạn nước Ca-tỳ-la, Tần-bà-sa-la vương nước Ma-già-đà, Đại vương Ca-tư nước Ba-la-nại, Đại vương Vu Xiển nước Hữu-vu-đà, Ca-tỳ-na vương nước Sa-la… Trong mười sáu Đại vương và các Tiểu vương ấy, vua Ba-tư-nặc quốc chủ nước Xá-vệ tên là Nguyệt Quang làm Thượng thủ. Các vị ấy đều đầy đủ phước đức trí tuệ thần thông, có uy đức lớn như Chuyển luân vương; tất cả oán địch đều tự nhiên hàng phục, nhân dân đông đảo sung túc, đất nước giàu có, an vui. Các vị ấy từng vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật nên thường được chư Phật hộ niệm. Trong kiếp Trang nghiêm có ngàn Đức Phật ra đời, các vị Đại vương, Tiểu vương ấy thường làm thí chủ; trong Hiền kiếp với ngàn Đức Phật ra đời, các vị Đại vương, Tiểu vương ấy cũng làm thí chủ; trong kiếp Tinh tú sau này với ngàn Đức Phật ra đời, các vị ấy sẽ làm thí chủ; cho đến đời vị lai tất cả chư Phật xuất hiện nơi thế gian, các vị vua ấy đều dốc hết sức mạnh của bản nguyện, thường làm việc bố thí tạo mọi lợi ích cho loài hữu tình, tùy nghi hội nhập các cửa phương tiện. Tuy làm Quốc vương, nhưng các vị vua ấy không tham đắm sự vui sướng của thế gian, đều chán bỏ sinh tử, tu nhân giải thoát, dốc cầu Phật đạo, ưa thích pháp Đại thừa, luôn giáo hóa đem lợi lạc cho quần sinh, không chấp trước các tướng, nối dòng Tam bảo, khiến hạt giống đó không hề đoạn tuyệt. Các vị ấy vì duyên nghe pháp cúng dường Như Lai, sắm sửa nhiều đồ ăn quý giá, kính cẩn đem hương hoa đến nơi Phật, cùng với một vạn, hai vạn cho đến ngàn vạn các quyến thuộc đều ngồi nơi pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có các phu nhân của mười sáu Đại Quốc vương như phu nhân Vi-đề-hy, phu nhân Diệu Thắng Man, phu nhân Thậm Khả Ái Nhạo, phu nhân Tam Giới Vô Tỷ, phu nhân Phước Báo Quang Minh, phu nhân Như Ý Bảo Quang, phu nhân Mạt-lỵ, phu nhân Diệu Đức… Trong các vị phu nhân ấy, phu nhân Thù Thắng Diệu Nhan làm Thượng thủ. Các vị phu nhân ấy đã khéo nhập được vô lượng các pháp chánh định. Song vì muốn hóa độ chúng sinh, các phu nhân ấy thị hiện nữ thân, dùng ba pháp môn giải thoát tu tập

tâm mình mà có trí tuệ lớn, phước đức viên mãn, thể hiện tâm đại từ đại bi dứt mọi duyên chấp, không hề bị ngăn ngại, thương xót chúng sinh như con đỏ. Do sức mạnh từ bản nguyện, các phu nhân ấy được gặp Thế Tôn và vì muốn nghe pháp nên tới nơi Phật, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt không hề chớp. Các vị phu nhân ấy đem vô lượng các thứ vật cúng dường thượng diệu trong cõi người, kính dâng lên Thế Tôn cùng với vô số chuỗi ngọc báu quý giá bậc nhất cúng dường lên Đức Như Lai, rồi các phu nhân ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc thảy ngồi lại nơi pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có vô số người như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Bà-la-môn, Sát-đế-lỵ, Phệ-xá, Thú-đạt-la, cùng các Trưởng giả Cư sĩ, tất cả nhân dân trong các cõi nước. Các đại chúng ấy phát khởi lòng tin thanh tịnh, ân sâu nặng, vì xưa kia đã từng vun trồng căn lành, nên sinh ra được gặp Phật nghe pháp và vì cầu đạo xuất thế, nên khởi ra tưởng khó gặp, mà tới chỗ Phật. Tới nơi, các vị ấy đều phát tâm, chắp tay và cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều ngồi nơi pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có vô số đồ chúng ngoại đạo như Khổ Hạnh ngoại đạo, Thế Trí ngoại đạo, Nhạo Viễn Ly ngoại đạo, Lộ-già-gia-đà ngoại đạo, mà Lộ-già-gia-trị-ca-nễ ngoại đạo làm Thượng thủ. Các ngoại đạo ấy đã thành tựu năm pháp thần thông bay đi tự tại và phát tâm hy hữu, vì nhân duyên nghe pháp nên đi tới chỗ Đức Phật; mỗi vị cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều tới pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có vô lượng vô số phi nhân ngạ quỉ như quỷ Vô Tài, quỷ Thực Nhân Thổ, quỷ Não Chúng Sinh, quỷ Thực Di Thóa, quỷ Thọc Bất Bão, quỷ Xú Cực Xú, quỷ Thực Phẩn Uế, quỷ Thực Nhân Thai, quỷ Thực Sinh tử, quỷ Thực Bất Tịnh, quỷ Sinh Cát Tường. Trong các loại quỷ ấy, đại Quỷ thần vương Tỳ-lô-đà-già làm Thượng thủ. Các quỷ ấy đều lìa bỏ tâm độc ác, quy y Phật, Pháp, Tăng và hộ vệ chánh pháp của Như Lai. Các quỷ ấy vì duyên nghe pháp nên đến nơi Phật, năm vóc gieo xuống đất cung kính lễ Phật và vì khao khát được ngưỡng mộ công đức của Đức Thế Tôn nên các quỷ ấy cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều ngồi tại pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có vô lượng, vô số các vua của hàng chim, thú như Mạng mạng điểu vương, Anh vũ điểu vương, cùng Sư tử vương, Tượng vương, Lộc vương. Trong tất cả các vua của hàng chim thú ấy, Kim sắc Sư tử vương làm Thượng thủ. Các vua của hàng chim thú ấy đều quy mạng Bậc Đại Sư Như Lai, vì muốn nghe pháp nên đi đến nơi Phật và tùy theo nguyện lực

mà cúng dường Đức Thế Tôn. Các vua của hàng chim thú ấy bạch Phật:

– Kính xin Đức Như Lai thương xót nhận lấy sự cúng dường ít ỏi của chúng con! Chúng con mong lìa bỏ hẳn hạt giống ác nghiệp trong ba đường, để được hưởng quả báo phước lạc trong cõi trời, người; xin Như Lai mở rộng pháp môn cam lộ Đại thừa, để chúng con chóng dứt được ngu si và sẽ được giải thoát!

Khi các vua cầm thú nói lời ấy rồi thì đều nhất tâm, chắp tay chiêm ngưỡng Như Lai và cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc cùng ngồi lại nơi pháp hội nghe Phật thuyết pháp.

Lại có trăm ngàn Diễm-ma-la vương cùng vô số các Đại La-sát với đủ mọi hình loại, mọi ác vương, quan thuộc chốn u minh và những ngục lại coi giữ việc hình, tra xét tội phước, nhờ uy lực Phật, dứt bỏ tâm ác, cùng Diễm-ma-la vương đến nghe pháp và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tất cả chúng sinh vì ngu si, tham đắm năm dục lạc, tạo năm tội nghịch nên bị đọa vào trong các địa ngục, luân chuyển vô cùng tận. Sở dĩ bị như thế, là do chỗ nghiệp nhân của mình mà phải chịu khổ não nhiều, cũng như con tằm, cái kén ở đời, tự mình làm ra sự ràng buộc lấy mình liên tục! Kính xin Như Lai tuôn mưa pháp lớn để diệt lửa địa ngục, tỏa gió mát lành, mở cửa giải thoát để đóng kín ba nẻo ác!

Khi Diễm-ma vương nói lời ấy rồi, liền đem mọi thứ châu báu cúng dường Như Lai, nhất tâm cung kính nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng và cùng với hàng trăm ngàn quyến thuộc đều lễ xuống chân Phật, rồi lui về một bên để nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử kết hoa sen báu. Tòa sư tử ấy màu lưu ly biếc, do các thứ ngọc lạ tô điểm xen kẽ tạo thành; ngọc báu pha lê làm cuống sen, vàng ròng màu tía làm cánh sen và dùng ngọc Ma-ni làm tua hoa trong đài sen. Có tám vạn bốn ngàn hoa sen lớn quý bằng vàng tốt của châu Nam Diêm-phù-đề làm quyến thuộc. Đức Phật được đại chúng nhiễu quanh trước sau cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa sư tử, diện mạo uy nghi thù thắng như núi Tu-di do bốn thứ báu tạo thành ở trong bể lớn, tự nhiên phát ra trăm ngàn mặt trời soi sáng khắp hư không, phóng ra vô lượng ánh sáng, phá mọi tối tăm; và cũng như ức vầng trăng tròn ở trong các vì sao, tỏa ra ánh sáng mát lành cả thế giới. Lúc ấy Đức Như Lai nhập pháp tam-muội Hữu đỉnh thiên cực thiện gọi là Tâm anh lạc bảo trang nghiêm vương, an trụ nơi định ấy thân tâm không động.

Cùng lúc, tất cả các vị Thiên tử ở cõi Vô sắc tung rải vô lượng thứ

hoa hương vi diệu, từ trong hư không như mây sa xuống. Mười tám vị Phạm vương trên các cõi trời thuộc Sắc giới, rải vô số những thiên hoa tạp sắc, cùng trăm ngàn vạn thứ diệu hương nơi cõi Phạm thiên, đầy khắp hư không như mây sa xuống. Chư Thiên cùng chúng Thiên tử trên sáu cõi trời thuộc Dục giới, dùng phước lực của cõi Thiên, tung rải các thứ hoa, như hoa Ưu-đàm-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Chiêm-bặc-ca, hoa A-đề-mục-đa, hoa Ba-lợi-thi-ca, hoa Tô-ma-na, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa ở trong hư không lớp lớp rơi xuống, cúng dường Phật và chúng Pháp bảo. Lại rắc những bảo hương vô giá trên cõi trời, bảo hương ấy như mây, hóa thành màu sắc trăm báu và dùng thần lực của cõi trời, làm cho hương thơm lan tỏa khắp các thế giới ở cõi này để cúng dường đại hội.

Khi Đức Thế Tôn từ trong thiền định dậy, ngay nơi bản tọa Ngài lại nhập Sư tử phấn tấn tam-muội, hiện đại thần thông, khiến tam thiên đại thiên thế giới này bày đủ sáu thứ chấn động là: động, động mạnh, động mạnh khắp; tóe ra, tóe ra mạnh, tóe ra mạnh khắp; rung, rung mạnh, rung mạnh khắp; đánh, đánh mạnh, đánh mạnh khắp; gầm, gầm mạnh, gầm mạnh khắp; nổ, nổ mạnh, nổ mạnh khắp. Lại, thế giới này, phương Đông tóe ra, phương Tây tắt đi; phương Tây tóe ra, phương Đông tắt đi; phương Nam tóe ra, phương Bắc tắt đi; phương Bắc tóe ra, phương Nam tắt đi; ở giữa tóe ra, ở bên tắt đi; ở bên tóe ra, ở giữa tắt đi. Đất của thế giới này trang nghiêm, trong sạch và đều mềm nhũn, làm cho cỏ cây sinh sôi nảy nở, tạo lợi ích cho muôn loài. Do những chấn động ấy, trong tam thiên giới không còn có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh nữa và những chúng sinh trong các nẻo ác khác bị đau khổ không được rảnh rang cũng đều được khỏi khổ, xả thân này, được sinh vào cõi người và sáu cõi trời thuộc Dục giới. Họ đều biết thân mạng của kiếp trước, thảy đều vui mừng hớn hở và đồng đến nơi Phật, đem tâm nhớ tới ân sâu nặng đảnh lễ chân Phật mang các thứ ngọc báu, cùng vô số chuỗi ngọc cúng dường lên Phật và giác ngộ nghĩa Tam luân không để báo ân Phật.

Bấy giờ, ở nơi ngực và những lỗ chân lông của Như Lai phóng ra hào quang sáng lớn tên là Chư Bồ-tát du hý thần thông, khiến các Bồ-tát tâm không thoái chuyển đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Sắc của hào quang ấy như sắc của thứ vàng nơi Nam Diêm-phù-đề. Và sắc hào quang vàng ấy soi khắp tam thiên đại thiên thế giới cùng các thế giới khác. Cho đến trăm ức ngọn Diệu cao sơn vương, tất cả Tuyết sơn, Hương sơn, Hắc sơn, Kim sơn, Bảo sơn, Di-lâu sơn, Đại-di-lâu sơn, Mục-chân-lân-đà sơn, Đại-mục-chân-lân-đà sơn, Tiểu thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn, sông lớn, sông

nhỏ, biển cả, suối chảy, ao tắm và đến trăm ức thế giới trong bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng, sao, thiên cung, long cung, các tôn thần cung, những quốc ấp, vương cung, làng xóm, cùng nơi cõi Diêm-ma-la có những tướng trạng của chúng sinh do nghiệp tạo tội phải chịu khổ trong tám ngục hàn, tám ngục nhiệt và các địa ngục khác. Cả đến những hình tướng thọ khổ của hàng súc sinh, ngạ quỉ trong mười phương, những tướng trạng chịu sướng, khổ của chúng sinh thuộc năm cõi trong tất cả thế gian…, tất cả những tướng trạng như thế đều hiện trong ánh hào quang lớn sắc vàng này.

Lại nữa, trong ánh hào quang này hiện rõ mọi tướng mạo của các vị Bồ-tát tu hành Phật đạo. Như Bồ-tát Thích-ca trong thời xa xưa làm vua Quang Minh, khi mới bắt đầu phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến lúc thành Phật đạo bên gốc cây Bồ-đề, nhập Niết-bàn trong rừng Sa-la; và trong khoảng ấy, ba vô số trăm vạn kiếp, có tất cả những sự về Từ, Bi, Hỷ, Xả, cùng tám vạn bốn ngàn pháp môn Ba-la-mật cũng đều hiện đủ. Trong thời quá khứ, Bồ-tát làm Kim luân vương, cai trị bốn thiên hạ cho đến tận cùng biển cả, Bồ-tát đem chánh pháp giáo hóa thế gian qua vô lượng kiếp, nhân dân rất thịnh, đất nước giàu vui, tất cả của cải quý báu đầy dẫy quốc giới. Khi ấy, Kim luân vương kia quán sát thế gian đều là vô thường, chán năm dục lạc, bỏ ngôi Kim luân, xuất gia học đạo. Hoặc khi Bồ-tát làm người con yêu quý của vị Đại Quốc vương, xả thân mạng, gieo mình vào nơi hổ đói. Hoặc khi Bồ-tát làm Thi-tỳ vương cắt thịt mình cứu chim bồ câu. Hoặc khi Bồ-tát xả thân nai chúa cứu con hươu đang có mang. Hoặc khi Bồ-tát vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân nơi núi Tuyết. Hoặc hiện thân thọ sinh nơi nhà vua Tịnh Phạn, bỏ sáu vạn thể nữ, cùng bỏ mọi thứ kỹ nhạc tuyệt hay nơi hậu cung mà vượt thành xuất gia; sáu năm tu khổ hạnh, ngày chỉ ăn hạt vừng, hạt gạo, hàng phục được các ngoại đạo; nơi gốc Bồ-đề phá tan ma quân, đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả tướng mạo của trăm ngàn hằng sa hạnh nguyện khó nghĩ bàn như thế đều hiện rõ trong ánh hào quang lớn sắc vàng này.

Lại nữa, trong ánh hào quang này hiện rõ ra tám bảo tháp lớn không thể nghĩ bàn được của Như Lai là bảo tháp kỷ niệm nơi sinh trong cung vua Tịnh Phạn nước Câu-sa-la; bảo tháp kỷ niệm khi thành Phật dưới gốc cây Bồ-đề, bên thành Già-gia nước Ma-già-đà; bảo tháp kỷ niệm khi Ngài bắt đầu Chuyển pháp luân độ sinh trong vườn Lộc dã nước Ba-la-nại; bảo tháp tại vườn của ông Cấp Cô Độc trong nước Xá-vệ kỷ niệm nơi Ngài cùng các ngoại đạo luận nghị sáu tháng mà Ngài được xưng tụng là Bậc Nhất Thiết Trí; bảo tháp bên thành Khúc nữ nước An-đạt-la kỷ niệm sự thần dị khi

Ngài lên Đao-lợi thiên thuyết pháp cho thân mẫu, cùng Phạm thiên vương, Thiên đế Thích và mười hai vạn thính chúng, từ cõi trời Ba mươi ba hiện ra ba đường thềm báu xuống cõi Diêm-phù; bảo tháp tại núi Kỳ-xà-quật bên thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà kỷ niệm khi Ngài nói về các kinh Đại thừa: Đại Bát-nhã, Pháp Hoa Nhất Thừa Tâm Địa kinh…; bảo tháp tại rừng Am-la-vệ, nước Tỳ-xá-ly kỷ niệm lúc ông Trưởng giả Duy-ma-cật hiện bệnh trong sự bất khả tư nghị; bảo tháp kỷ niệm lúc sẽ viên tịch của Ngài trong rừng Sa-la, bên sông Bạt-đề nước Câu-thi-na. Tám tháp báu như thế là phương thức giáo hóa của bậc Đại thánh, là chốn quy y, cung kính cúng dường, làm nhân thành Phật của hữu tình trong cõi người và cõi trời.

Như thế các âm thanh cùng hình ảnh những sự kiện khó nghĩ bàn ở ba đời đều hiện rõ trong ánh hào quang lớn này.

Lại, chư Phật trong ba đời ở mười phương thế giới cùng các Đại Bồ-tát tụ hội đông đủ nơi đạo tràng, các sự việc về thần thông biến hóa hiếm có và những tiếng nói pháp vi diệu của các Đức Như Lai nói ra, đều ghi rõ như tiếng vang ứng hợp trong ánh hào quang lớn sắc vàng này không gì là không trông thấy, nghe thấy. Tất cả chúng sinh gặp được ánh hào quang này, thấy tướng lành kia đều phát tâm Vô đẳng đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi đại chúng trông thấy thần lực bất khả tư nghị của Phật, ai cũng đều khen chưa từng có bao giờ và đều bảo nhau:

– Ngày nay Như Lai nhập chánh định, phóng ra hào quang sáng lớn soi khắp mười phương thế giới khiến chúng ta được thấy Như Lai trong thuở xa xưa có những sự khó nghĩ bàn để điều phục những chúng sinh tà kiến trong đời ác trược, khiến họ phát sinh sự hiểu biết chân chánh và dốc hướng về đạo Bồ-đề. Đức Như Lai là bậc hiếm có! Ngài đúng là Cha của tất cả thế gian, trong vô lượng kiếp khó thấy được Ngài. Chúng ta nhiều kiếp tu các hạnh nguyện, nên nay mới được gặp Bậc Đại Sư của trời, người trong ba cõi. Kính mong Đức Từ Tôn thương xót thế gian, từ thiền định dậy, nói pháp sâu xa, chỉ dạy cho chúng sinh đạt được những lợi lạc, vui vẻ!

Tất cả chúng sinh nói lên lời ấy rồi đứng im, chiêm ngưỡng dung nhan Đức Từ Tôn.

Bấy giờ, trong pháp hội có một vị Bồ-tát tên là Sư Tử Hống, trong ba vô số kiếp, Bồ-tát đã tu hành về phước đức, trí tuệ, trong Hiền kiếp này Bồ-tát sẽ chứng đắc quả vị Phật nhận ngôi Quán đảnh làm Bậc Đại Pháp Vương. Bồ-tát hướng về bốn phương xem xét đại chúng trong hải hội, cất

tiếng nói lớn:

– Trong vô lượng kiếp xa xưa tôi đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã phụng sự hằng sa chư Phật, đã từng ở nơi đệ nhất chúng hội đạo tràng, được thấy những thần thông biến hóa bất tư nghị của chư Phật. Nhưng tôi chưa từng trông thấy ánh hào quang sắc vàng này, hiện rõ tất cả hạnh nguyện của Bồ-tát, cùng hiện ra mọi tướng mạo của Như Lai, làm cho tôi được thấy những sự khó nghĩ bàn trong ba đời. Vậy, kính mong các Nhân giả nhất tâm, chắp tay, chiêm ngưỡng Tôn nhan, từ thiền định dậy Ngài sẽ trao cho chúng sinh thuốc cam lộ, trừ những bệnh nhiệt não, làm cho chúng sinh chứng được Pháp thân thường, lạc, ngã, tịnh. Các Đức Như Lai có hai pháp mà các Ngài không ở lâu trong chánh định: một là đại Từ, hai là đại Bi. Nương vào đại Từ phải cho chúng sinh được an vui, dựa vào đại Bi phải nhổ sạch mọi đau khổ cho chúng sinh. Do hai pháp ấy, trong vô số kiếp các Ngài đã dốc tu tập, hun đúc nơi tâm các Ngài mà thành ngôi Chánh giác. Chúng sinh trong thế gian chịu nhiều khổ não, do nhân duyên ấy, không bao lâu nữa Đức Như Lai từ chánh định dậy, sẽ vì chúng sinh diễn thuyết về diệu pháp Tâm địa quán môn của Đại thừa. Tôi xin kính cáo đại chúng: "Đại chúng không nên cầu các phước lạc trong trời, người mà nên cầu ngay đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xuất thế gian. Sở dĩ thế là sao? Ngày nay, Đức Thế Tôn từ nơi ngực phóng ra hào quang sắc vàng, những nơi được soi tới cũng đều như sắc vàng cả, đó là sự hiển thị của Phật có ý nghĩa rất sâu xa mà tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác ở thế gian dù hết sức suy nghĩ lường tính cũng không thể biết được. Các vị còn ở trong phàm phu địa, không quán tự tâm, nên phải bị trôi giạt trong bể sinh tử! Chư Phật, Bồ-tát vì quán được tâm, nên vượt qua được bể sinh tử, đến bờ Niết-bàn. Pháp của Như Lai trong ba đời đều như thế, các Ngài phóng ra hào quang tỏa sáng ấy, không phải là không có nhân duyên!".

Tất cả chúng hội nghe Đại sĩ nói như thế, trong tâm đều vui mừng hớn hở, cho rằng gặp được sự chưa từng có bao giờ.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Sư Tử Hống muốn nhấn mạnh lại nghĩa ấy bằng lời kệ sau đây:

Kính lễ Thiên Nhân Đại Giác Tôn
Hằng sa phước trí đều viên mãn
Chúng sinh trông thấy sinh lòng mến
Tướng Kim quang trăm phước trang nghiêm.
Mình ở ngôi tôn hơn ba cõi
Công đức tối thắng không gì sánh

Dùng sức thần thông tự tại khắp
Tùy chỗ tạo nghiệp, hiện trước họ.
Tôi dùng Thiên nhãn quán thế gian
Tất cả không ai bằng được Phật
Hiếm có kim dung như trăng tròn
Hiếm có còn hơn hoa Ưu-đàm.
Vô biên phước trí lợi quần sinh
Đại quang soi như ngàn mặt trời
Chúng sinh ngu si khổ nhiều kiếp
Nhờ hào quang soi trừ được cả.
Tôi quán Như Lai hạnh nguyện xưa,
Thân cận cúng dường vô số Phật
Trải qua vô số, vô lượng kiếp
Vì chúng sinh, hướng tới Bồ-đề.
Thường ở trong bể khổ sinh tử
Làm Đại thuyền sư vớt mọi loài
Diễn nói pháp chân tịnh cam lộ
Khiến vào cửa Vô vi giải thoát.
Ba vô số kiếp độ chúng sinh
Siêng tu tám muôn Ba-la-mật
Nhân tròn, quả đủ thành Chánh giác
Trụ yên thọ mạng không đi, lại.
Mỗi một tướng tốt khắp pháp giới
Tướng thập phương Phật đều thế cả
Cảnh giới sâu xa khó nghĩ bàn
Tất cả trời, người không lường được.
Thể, dụng chư Phật không sai khác
Như ngàn đèn soi sáng càng thêm
Trí tuệ như không, không bờ bến
Ứng vật hiện hình như trăng nước.
Vô biên pháp giới thường vắng lặng
Như như bất động ví hư không
Như Lai thanh tịnh diệu pháp thân
Tự nhiên đầy đủ hằng sa đức.
Khắp cả pháp giới không cùng tận
Không sinh, không diệt, không đi, lại
Pháp vương thường ở Diệu pháp cung
Ánh sáng Pháp thân soi khắp cả.

Pháp tánh Như Lai không vướng ngại
Tùy duyên ứng khắp, lợi quần sinh
Chúng sinh đều thấy ngay trước mặt
Vì mình tuyên nói pháp cam lộ.
Tùy tâm dốc diệt các phiền não,
Mọi khổ trời, người đều giũ sạch
Pháp vương kỳ diệu phá sinh tử
Ánh sáng soi tỏa như núi vàng.
Vì độ chúng sinh khỏi thế gian
Hay đốt đuốc pháp xua tăm tối
Chúng sinh chìm trong bể sinh tử
Quẩn quanh năm nẻo không hẹn ra.
Thiện Thệ hằng làm thuyền pháp diệu
Ngăn chặn dòng ái, tới bờ giác
Đại trí phương tiện không thể lường
Thường cho chúng sinh vui vô tận.
Ngài là cha lành của thế gian
Thương xót tất cả loài hữu tình
Như Lai ra đời rất khó gặp
Vô số ức kiếp một lần hiện.
Ví như hoa Ưu-đàm, điềm "Diệu"
Là hoa hiếm có trong người, trời
Trong vô lượng kiếp một lần hiện
Thấy Phật ra đời cũng đồng vậy.
Các chúng sinh ấy không phước tuệ
Thường đắm chìm trong bể sinh tử
Ức kiếp không thấy các Như Lai
Theo các nghiệp ác thường chịu khổ.
Chúng ta vô số trăm ngàn kiếp
Tu bốn Vô lượng, ba Giải thoát
Nay thấy Đại Thánh Mâu-ni Tôn
Cũng như rùa mù gặp gỗ nổi.
Nguyện trong hằng sa kiếp đời sau
Niệm niệm không rời Thiên Nhân Sư
Như bóng theo hình không hề lìa
Ngày đêm siêng tu về "Chủng trí".
Kính mong Thế Tôn thương xót tôi
Thường cho được thấy Đại Từ Tôn

Ba nghiệp tinh tấn thường phụng trì
Nguyện cùng chúng sinh thành Chánh giác.
Nay Đại Đạo Sư trong ba cõi
Trên tòa kiết già nhập chánh định
Một mình vắng lặng nhà Không tịch
Thân tâm chẳng động như Tu-di.
Thế gian tất cả Phạm, Thiên, Ma
Không thể biết rõ Như Lai định
Phàm, Thánh cõi này và phương khác
Đều biết Điều Ngự ở trong thiền
Đặt nhiều đồ cúng rất nhiệm mầu
Kính dâng Năng Nhân – Đức Tối Thắng.
Chư Thiên cõi Dục lại cúng dường
Hoa trời rơi rộn khắp hư không
Nén hương vô giá do Thập thiện
Biến hóa mây hương màu trăm báu
Che khắp vô lượng chúng trời, người
Mưa chen báu diệu hiến Như Lai.
Hơi hương ngào ngạt trước Tam bảo
Trăm ngàn kỹ nhạc vang cõi không
Không gảy tự tấu thành diệu khúc
Cúng dường Thế Tôn đủ phước tuệ.
Mười tám cõi Phạm rải hoa trời
Và tuôn nhiều báu ngàn muôn thứ
Chuỗi ngọc Ma-ni cõi Phạm ma
Mọi báu tô điểm nơi Thiên y.
Cờ phướn tươi, lớn bằng vật báu
Cầm đến cúng dường Mâu-ni Tôn
Cõi trời Vô sắc rải hoa quý
Hoa ấy rộng lớn như vành xe.
Rải hương vi tế đầy thế giới
Cúng dường chánh định khó bàn, nghĩ
Long vương, Tu-la, Nhân, Phi nhân
Dâng bao châu báu do cảm mến
Đều đem cúng Bậc Thiên Trung Thiên
Ưa nghe đạo Bồ-đề tối thắng.
Khi Đấng Thế Tôn: Đại y vương,
Khéo chữa phiền não khổ của đời

Lực Tam-muội Sư tử tần thân
Sáu thứ chấn động khắp tam thiên
Dùng đó giác ngộ kẻ có duyên
Trong ấy vô duyên khó biết được.
Tùy trời, người kia khó thể độ
Thấy các thần thông của Đức Phật
Chiêm ngưỡng dung quang Mâu-ni Tôn
Ba nghiệp sạch rồi đều vân tập.
Như Lai tâm Từ dứt duyên chấp
Lợi ích chúng sinh thành thắng đức
Nơi ngực phóng đại quang minh này
Là: "Chư Bồ-tát bất thoái chuyển".
Như khi kiếp hết, bảy mặt trời
Hiện phóng ngàn tia sáng chói lọi
Tất cả ánh sáng thế gian có
Không bằng tia sáng chân lông Phật.
Vô lượng đại thần quang vô ngại
Soi khắp mười phương các cõi Phật
Phước trí Như Lai đều viên mãn
Chỗ phóng thần quang cũng khó lường.
Hào quang rực rỡ như sắc vàng
Soi khắp mười phương bao quốc độ
Bóng hiện trong kim quang của Phật
Sắc tượng thế gian đều thấy rõ.
Tam thiên đại thiên thế giới này
Trong có tất cả các sơn vương
Bốn báu tạo thành núi Diệu cao
Tuyết sơn, Hương sơn, Thất Kim sơn
Mục-chân-lân-đà, Di-lâu sơn
Đại thiết vi sơn và Tiểu sơn
Biển cả, sông ngòi cùng ao tắm
Vô số trăm ức bốn đại châu
Mặt trời, trăng, sao mọi cung báu
Thiên cung, Long cung, các cung thần
Quốc ấp, vương cung, các làng xóm
Hào quang đều hiển hiện như thế.
Lại hiện nhân xưa của Như Lai
Tích công, góp đức cầu Phật đạo

Như Lai xưa ở nước Thi-tỳ
Từng làm Nhân vương trên tôn vị
Ngọc báu đầy dẫy trong quốc giới
Thường đem chánh pháp giác hóa đời
Từ, Bi, Hỷ, Xả thường không mỏi
Bỏ sự khó bỏ, hướng Bồ-tát.
Cắt thân cứu chim câu nào hối
Thâm tâm thương xót cứu chúng sinh.
Thuở xưa khi Phật tại phàm phu
Vào trong non Tuyết cầu Phật đạo
Nhiếp tâm, dũng mãnh chăm tinh tấn
Vì cầu nửa kệ xả toàn thân.
Do nhân duyên cầu chánh pháp
Trong mười hai kiếp vượt sinh tử
Khi xưa Ngài là Tiên Ma-nạp
Trải tóc cúng dường Phật Nhiên Đăng
Bởi vì nhân duyên tinh tấn ấy
Tám kiếp vượt qua bể sinh tử.
Thuở xưa làm Vương tử Tát-đỏa
Bỏ thân yêu quý gieo miệng hổ
Vì nhân duyên lợi người, lợi mình
Vượt nhân sinh tử mười một kiếp.
Trưởng giả Lưu Thủy: Đại y vương
Bình đẳng cứu giúp bao chúng sinh
Vớt cá đều được sinh Thiên thượng
Trời mưa chuỗi ngọc báo ân lại.
Bảy ngày kiễng chân tán Như Lai
Do vì tinh tấn vượt chín kiếp.
Thuở trước làm voi trắng sáu ngà
Ngà đẹp lạ lùng không gì sánh
Bỏ thân mạng mình cho người săn
Cầu Vô thượng Bồ-đề của Phật.
Hoặc làm Viên mãn phước trí vương
Cho mắt, tinh tấn cầu Phật đạo,
Lại làm Kim sắc đại lộc vương
Xả thân, tinh tấn cầu Phật đạo,
Làm vua Từ Lực nước Ca-thi
Toàn thân thí cho năm Dạ-xoa.

Lại làm Trang Nghiêm vương nước lớn
Đem vợ con cho không tiếc lẫn,
Hoặc làm Tối thượng thân Bồ-tát
Đầu, mắt, tủy, não cho chúng sinh
Từ bi, Bồ-tát làm như thế
Đều nguyện cầu chứng đạo Bồ-đề.
Phật xưa từng làm Chuyển luân vương
Ngọc báu bốn châu đầy khắp cả
Gồm đủ ngàn con cùng quyến thuộc
Thập thiện dạy người trăm ngàn kiếp.
Đất nước yên ổn như thiên cung
Hưởng năm an lạc vô cùng tận
Khi Luân vương kia hiểu thân mình
Và cả thế gian không bền chắc:
Chư Thiên Vô tưởng tám muôn tuổi
Phước hết trở về trong nẻo ác
Như mộng, ảo ảnh cùng bọt, bóng
Như sương sớm mai và ánh chớp.
Thấu rõ ba cõi như nhà lửa
Tám khổ đầy dẫy khó thoát khỏi
Chưa được giải thoát lên bờ giác
Ai người có chí thích luân hồi?
Chỉ có Như Lai thân xuất thế
Không sinh, không diệt thường an lạc
Những hạnh Bồ-tát khó làm ấy
Tất cả hiện trong hào quang vàng.
Trong hào quang này hiện tám tháp
Là ruộng phước tốt của chúng sinh:
Tháp cung Tịnh Phạn nhớ nơi sinh
Tháp gốc Bồ-đề ghi thành Phật
Tháp trong vườn Lộc chuyển xe pháp
Tháp vườn Cô độc ghi tiếng khen
Tháp báu dựng bên thành Khúc nữ
Tháp nơi Linh thứu tuyên Bát-nhã
Tháp Duy-ma-cật tại Am-la
Tháp trong Sa-la ghi viên tịch
Tám tháp của Phật ghi như thế
Chư Thiên, Long thần thường cúng dâng

Kim cang Mật Tích bốn Thiên vương
Ngày đêm gìn giữ thường không rời.
Nếu xây tám tháp để cúng dường
Hiện thân phúc thọ được lâu dài
Trí tuệ thêm lên, chúng tôn kính
Nguyện thế, xuất thế đều viên mãn.
Nếu ai lễ bái và tâm niệm
Tám tháp như thế không nghĩ bàn
Hai người được phúc như nhau cả
Chóng chứng đạo Vô thượng Bồ-đề.
Những sự lợi ích ba đời ấy
Ở trong hào quang đều thấy rõ.
Bồ-tát trong mười phương cõi Phật
Các Linh Tiên đầy đủ thần thông
Chuyển luân vương trong muôn ức cõi
Theo hào quang này đều vân tập
Đều dùng thần lực lại cúng dường
Rải ngọc như ý dâng Từ Tôn.
Kỹ nhạc chư Thiên trăm ngàn thứ
Không gảy tự ngân tiếng diệu kỳ,
Hoa trời rơi rộn đầy hư không
Mọi hương xông khắp trong đại hội
Cờ phướn báu, vô số chuỗi ngọc
Cầm đem cúng dường Nhân Trung Tôn.
Kệ tụng nhiệm mầu khen Như Lai:
Quý thay thường nhập trong chánh định!
Hiện đại thần lực chẳng nghĩ bàn
Điều phục chúng sinh khó hóa độ
Khiến tâm an trụ, không thoái chuyển.
Tôi nơi chỗ Phật dốc tùy hỷ
Kính mong Thế Tôn ra khỏi định
Vì mọi chúng sinh Chuyển pháp luân.
Dứt hẳn tất cả các phiền não.
Trụ nơi vô trụ đại Niết-bàn!
Như hàng chúng tôi tâm thanh tịnh
Từ muôn ức cõi lại nghe pháp
Dùng sức chánh định thường xét kỹ
Vật mọn kính xin Ngài thương nhận!

Người cho, người nhận và của cho
Ở trong ba đời vô sở đắc.
Chúng tôi an trụ tâm tối thắng
Cúng dường tất cả mười phương Phật
Đời đời thân cận Đại Bi Chủ
Thường thường phụng sự Đại Từ Tôn
Đem căn diệu thiện vô sở đắc
Pháp giới viên dung về chân giác.
Quá khứ Như Lai vào tịch định
Hiện đại thần thông chuyển xe pháp
Nay Phật Thế Tôn cũng lại thế
Nhập định, phóng quang đồng chư Phật.
Vì vậy nghĩ rằng Thích Sư Tử
Quyết định muốn nói Tâm địa môn.
Nếu muốn xa lìa nhân sinh tử
Quyết đạt quả chân thường ba đời
Các vị chắp tay nhất tâm đợi
Sẽ vào cung Như Lai an lạc.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH
TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 2

Phẩm 2: Báo ân (Phần 1)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chánh định khoan thai trở dậy, bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đại sĩ các ông, các hàng Thiện nam vì muốn được gần gũi bậc Cha lành của thế gian, vì muốn được nghe pháp xuất thế, vì muốn suy nghĩ đúng như diệu lý, vì muốn tu tập Trí Như như nên mới đến nơi Phật cung kính cúng dường. Nay Ta diễn nói về Tâm địa diệu pháp *(Pháp diệu nơi cõi tâm)*, để dẫn dắt chúng sinh, khiến họ chứng nhập trí tuệ của Phật. Diệu pháp như thế, chư Phật Như Lai trải qua vô lượng kiếp tu tập giáo hóa mới tuyên giảng. Như hoa Ưu-đàm, Như Lai Thế Tôn ra đời rất khó gặp được và Như Lai xuất hiện ở đời nói diệu pháp này lại càng khó gặp hơn! Sở dĩ thế là sao? Tất cả chúng sinh xa lìa hạnh nguyện của Bồ-tát Đại thừa, nhằm hướng về Bồ-đề của Duyên giác, Thanh văn, chán ngán sinh tử, mong nhập Niết-bàn mãi, chứ không thích diệu quả thường lạc của Đại thừa. Song, các Như Lai chuyển bánh xe pháp, xa lìa bốn lỗi mà nói pháp tương ứng. Một là nói không trái nơi chốn tức hợp hoàn cảnh. Hai là nói không lỗi thời tức hợp thời. Ba là nói không trái căn khí tức hợp trình độ chúng sinh. Bốn là nói không trái pháp tức hợp chánh pháp. Theo bệnh cho thuốc, khiến bệnh được dứt tức là đức Bất cộng của Như Lai. Hàng Thanh văn, Duyên giác còn chưa được cảnh giới bất cộng tự tại của các chúng Bồ-tát huống là được đức Bất cộng của Như Lai. Do nhân duyên ấy nên họ khó thấy, khó nghe được Pháp môn tâm địa của Chánh đạo của Bồ-đề! Nhưng nếu có các thiện nam, thiện nữ nào một lần nghe được diệu pháp ấy chỉ trong khoảng chốc lát, nhiếp niệm quán tâm được, là họ hun đúc thành hạt giống Đại Bồ-đề Vô thượng, không bao lâu nữa họ sẽ ngồi trên tòa báu Kim cang, nơi cây Bồ-đề, được thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy, nơi thành lớn Vương xá có năm trăm vị Trưởng giả tên là:

Trưởng giả Diệu Đức, Trưởng giả Dũng Mãnh, Trưởng giả Thiện Pháp, Trưởng giả Niệm Phật, Trưởng giả Diệu Trí, Trưởng giả Bồ-đề, Trưởng giả Diệu Biện, Trưởng giả Pháp Nhãn, Trưởng giả Quang Minh, Trưởng giả Mãn Nguyện... Các vị Trưởng giả giàu có nổi tiếng ấy đã thành tựu được chánh kiến, nên tới cúng dường Như Lai cùng các Thánh chúng. Các Trưởng giả đó nghe Đức Thế Tôn tán thán pháp môn Tâm địa của Đại thừa liền nghĩ rằng: "Chúng ta thấy Đức Như Lai phóng hào quang sắc vàng, hiện rõ những sự khổ hạnh khó làm của Bồ-tát. Chúng ta không có tâm ưa thích thực hiện hạnh khổ hạnh! Ai lại trong nhiều kiếp ở nơi sinh tử, vì chúng sinh mà chịu bao thứ khổ não được?". Các Trưởng giả ấy nghĩ thế rồi, liền từ tòa đứng dậy, để trần vai bên phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính, tuy khác miệng nhưng đồng âm, bạch trước Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi không ưa thích những hạnh của các Bồ-tát Đại thừa, cũng không thích nghe những âm thanh nói về khổ hạnh. Sở dĩ thế là sao? Vì tất cả hạnh nguyện tu tập của các Bồ-tát, đều không phải là những sự tri ân, báo ân. Vì sao? Vì các vị ấy xa lìa cha mẹ, dốc chí xuất gia, đem vợ con mình cho những kẻ ham muốn; cho đến đầu, mắt, tủy, não tùy theo sự mong muốn của họ, đều bố thí cả, để mình chịu các sự bức não; trong ba vô số kiếp tu tập đủ các pháp Độ, với tám vạn bốn ngàn hạnh Ba-la-mật, vượt dòng sinh tử, mới đến được cõi Bồ-đề đại an lạc; chẳng bằng quyết hướng về đạo quả Thanh văn, Duyên giác, chỉ khoảng ba đời hay trăm kiếp tu tập tư lương, dứt được nhân sinh tử, chứng quả Niết-bàn, chóng đến nơi yên vui, như thế mới gọi là báo ân!

Đức Phật bảo năm trăm vị Trưởng giả:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông nghe Ta tán thán pháp Đại thừa, liền sinh tâm thoái chuyển, nhưng các ông lại phát khởi ra ý nghĩa sâu xa, để đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh không biết ân đức trong đời mai sau. Các ông hãy nghe cho kỹ, nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo, nay Ta sẽ vì các ông mà phân biệt, diễn nói về những chỗ có ân của thế gian và xuất thế gian để các ông hiểu.

Này thiện nam, những lời của các ông nói chưa có thể gọi là đúng lý. Sao vậy? Ân của thế gian và xuất thế gian có bốn bậc: Một là ân cha mẹ. Hai là ân chúng sinh. Ba là ân Quốc vương. Bốn là ân Tam bảo. Bốn ân như thế, tất cả chúng sinh đều bình đẳng gánh chịu.

Thiện nam, ân cha mẹ là cha có ân từ, mẹ có ân bi. Ân bi của mẹ, nếu ta ở đời trong một kiếp để nói về ân ấy cũng không thể hết được. Nay Ta vì các ông nói một ít phần về công ân ấy để các ông hiểu. Giả sử có người

vì việc phước đức, cung kính, cúng dường một trăm vị đại Bà-la-môn tịnh hạnh, một trăm vị đại Thần tiên được năm pháp thần thông, một trăm người bạn lành, xếp đặt cho các vị ấy ở yên trong nhà được xây bằng bảy báu rất đẹp, đem trăm ngàn thứ đồ ăn ngon quý, y phục bằng mọi thứ báu tua rũ, các chuỗi ngọc, dựng các phòng xá bằng gỗ Chiên-đàn, trầm hương, chăn gối, giường nằm trang nghiêm bằng trăm báu, cùng trăm thứ thuốc thang chữa khỏi các bệnh và nhất tâm cúng dường trọn trăm ngàn kiếp, cũng không bằng một niệm để tâm hiếu thuận, đem chút ít vật nuôi nấng sắc thân mẹ hiền. Và theo chỗ cúng dường hầu hạ ấy, đem so sánh với công đức trước thời đến trăm ngàn vạn phần cũng không thể nào xét lường kịp.

Sự thương nhớ con của mẹ hiền ở thế gian không gì sánh được. Ân ấy đến với con ngay từ khi chưa có hình hài. Nghĩa là bắt đầu từ khi thọ thai, trải trong mười tháng, đi, đứng, ngồi, nằm, mẹ chịu mọi khổ não, không thể dùng miệng mà nói hết được. Tuy có những sự vui thú, ăn uống, may mặc, nhưng mẹ vẫn không sinh tâm ưa thích, mà tâm mẹ chỉ luôn luôn lo nghĩ đến con không chút quên lãng.

Hãy tự suy nghĩ: Khi sắp sinh sản, mẹ âm thầm chịu đựng mọi khổ, ngày đêm sầu não, nhưng đến lúc lâm bồn và sự đau khổ ấy quá đỗi như trăm ngàn mũi nhọn bâu vào cắt xé, thực không thể nào xiết được, có khi đến chết. Sinh nở rồi, mẹ không còn bị khổ não gì nữa, lúc đó họ hàng thân thích vui mừng vô tận, cũng như người đàn bà nghèo được ngọc Như ý. Khi đứa con cất tiếng khóc chào đời, mẹ như là nghe được âm nhạc. Mẹ dùng ngực mình làm chỗ ngủ nghỉ của con, hai đầu gối mẹ là nơi chơi giỡn của con và ngực mẹ tuôn ra những dòng sữa như nước suối cam lộ để nuôi lớn con. Ân nuôi lớn ấy nhiều hơn trời đất và đức thương xót ấy rộng lớn không gì sánh được. Thế gian, núi non là cao, ân của mẹ hiền còn cao hơn thế, cao hơn cả núi Tu-di. Thế gian cõi đất là nặng, ân của mẹ hiền còn nặng hơn thế!

Thảng hoặc có con trai, con gái nào bội ân, không hiếu thuận với cha mẹ, làm cho cha mẹ sinh tâm oán niệm, mà mẹ bực bội thốt ra một lời nói ác, tức thời con phải đọa theo lời nói ấy, hoặc vào địa ngục, hay ngạ quỉ, súc sinh. Thế gian, nhanh gì hơn gió dữ, một chút oán niệm của cha mẹ còn nhanh hơn gió ấy, tất cả Như Lai, chư Thiên, Kim cang cùng các vị Tiên được năm pháp thần thông cũng không thể cứu giúp được.

Nếu các thiện nam, thiện nữ nào nghe lời dạy bảo của mẹ hiền và vâng thuận không trái, thời được chư Thiên hộ niệm, phước lạc vô tận. Những nam, nữ ấy tức là dòng giống tôn quý của trời, người hoặc là Bồ-tát

vì độ chúng sinh, hiện làm nam, nữ đem lại lợi ích cho cha mẹ.

Như thiện nam, thiện nữ nào vì báo ân cha mẹ, suốt một kiếp, mỗi ngày ba thời, tự cắt thịt mình để nuôi cha mẹ, cũng chưa trả được công ân một ngày của cha mẹ. Sở dĩ thế là sao? Tất cả nam, nữ lúc ở trong thai mẹ, miệng nút cuống vú, uống huyết mẹ, khi ra khỏi bào thai, trước thời ấu thơ, uống hết đến một trăm tám mươi hộc sữa của mẹ; mẹ được chút vị bổ nào đều cho con cả, ngay đến những y phục quý tốt cũng đều như thế. Và dù rằng sinh phải đứa con ngu si, xấu xí đi nữa tình yêu con của mẹ cũng chỉ là một không hai. Xem như xưa kia, có người đàn bà đi chơi xa tại nước khác, bế con lội qua sông Hằng, không ngờ nước sông lên to, chảy xiết, sức yếu không vượt qua nổi lại, yêu mến con quá, không nỡ rời bỏ con, nên cả hai mẹ con đều chết chìm. Song do sức của tâm Từ và căn lành ấy tức thời người mẹ được sinh lên cõi trời Sắc cứu cánh, làm Đại Phạm vương.

Do nhân duyên ấy, mẹ có mười đức:

- Như đại địa: vì trong thai mẹ là chỗ nương tựa của con.
- Năng sinh: mẹ phải trải qua mọi sự khổ não mới sinh được con.
- Năng chánh: thường là do tay mẹ ve vuốt, uốn nắn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân con.
- Dưỡng dục: mẹ phải theo hợp bốn mùa mà nuôi nấng con khôn lớn.
- Bậc trí: mẹ thường dùng phương tiện làm cho con sinh trí tuệ.
- Trang nghiêm: mẹ lấy những chuỗi ngọc đẹp trang sức cho con.
- An ổn: mẹ ôm ấp, làm cho con nghỉ ngơi an lành.
- Dạy, trao: mẹ dùng phương tiện khéo để dẫn dắt con.
- Răn bảo: mẹ dùng lời lành để con xa lìa những điều ác.
- Cho gia nghiệp: mẹ thường đem gia nghiệp giao lại cho con.

Này thiện nam, ở thế gian này, cái gì gọi là rất giàu? Điều gì là rất nghèo? Mẹ hiền còn sống nơi gia đình là giàu; mẹ hiền khuất bóng là nghèo; mẹ hiền còn sống là mặt trời giữa trưa, mẹ hiền mất đi là mặt trời đã lặn; mẹ hiền còn sống là mặt trăng sáng, mẹ hiền mất đi là đêm tối tăm! Thế nên, các ông phải siêng năng gia tăng việc tu tập về sự hiếu dưỡng đối với phụ mẫu, thời như người cúng dường Phật, phước báo ấy và phước báo này bằng nhau không khác! Các ông nên báo ân cha mẹ như thế!

Này thiện nam, ân chúng sinh là tất cả chúng sinh từ thời vô thỉ đến nay, luân chuyển trong năm đường: Trời, người, địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, trải qua trăm ngàn kiếp và ở trong nhiều đời thường làm cha mẹ lẫn nhau; vì làm cha mẹ lẫn nhau nên tất cả nam tử là cha lành, tất cả nữ nhân là mẹ

hiền và trong đời đời kiếp kiếp xưa kia cũng có ân lớn như ân của cha mẹ hiện tại không khác. Như thế, các ân xưa chưa trả được, rồi hoặc nhân vọng nghiệp sinh ra các sự thuận nghịch, vì sự chấp trước lại thành ra oán hại lẫn nhau. Sao vậy? Xưa có trí tuệ sáng suốt nhưng vì vô minh che lấp không hiểu đời trước mình đã từng làm cha mẹ lẫn nhau, nên phải trả ân và đem lại lợi ích cho nhau; không làm được điều ấy là bất hiếu! Do nhân duyên ấy, các loài chúng sinh trong tất cả các thời, cũng đều có ân lớn, thực là khó trả. Những sự như thế gọi là ân chúng sinh!

Ân quốc vương: Vị đứng làm chủ một nước là người có đủ phước đức tối thắng. Vị ấy tuy sinh trong cõi nhân gian nhưng được tự tại, các Thiên tử trong cõi trời Ba mươi ba luôn giúp sức, thường hộ trì và đối với cõi nước, sông núi, đất đai, tận cùng biển cả đều thuộc quyền nơi Quốc vương. Vị ấy là một người có phước đức tối thắng hơn tất cả phước của chúng sinh. Vị ấy là bậc Đại Thánh vương dùng chánh pháp giáo hóa, khiến chúng sinh đều được an vui. Ví như tất cả cung điện, nhà cửa của thế gian, trụ (cột) là căn bản; nhân dân thịnh vượng, vui vẻ, Quốc vương là căn bản, vì phải dựa vào chánh pháp của Quốc vương mới có. Như ngoại đạo cho Phạm vương sinh ra muôn vật, thì đây Thánh vương đặt ra pháp luật trị nước, làm lợi ích chúng sinh cũng vậy. Thánh vương cũng hay quan sát thiên hạ, đem lại sự yên vui cho nhân dân. Quốc vương làm mất chánh trị thì nhân dân không có chỗ nương tựa. Nếu Quốc vương đem chánh pháp giáo hóa, tám sự khủng bố lớn lao không xâm nhập vào trong nước được. Tám sự khủng bố ấy là: nước ngoài xâm lấn, phản nghịch ở ngay trong cõi, ác quỷ gieo rắc tật bệnh, đất nước đói thiếu, gió mưa trái thời, nhật thực, nguyệt thực và tinh tú biến hiện quái lạ. Nhân vương dùng chánh pháp giáo hóa, đem lại lợi ích cho nhân dân thì tám nạn như thế không xâm phạm được. Ví như ông Trưởng giả chỉ có một con, yêu mến hơn hết, ông luôn luôn thương xót con, cho con sự lợi ích, cho con sự yên vui, ngày đêm không rời. Vị đại Thánh vương trong nước cũng như thế, đồng coi quần sinh như con một, tâm ủng hộ họ ngày đêm không rời. Nhân vương như thế hay khiến chúng sinh tu mười điều thiện, nên gọi là Phước đức chủ, vị nào không làm cho chúng sinh tu thiện là Phi phúc chủ. Sở dĩ thế là sao? Nếu một người tu thiện ở trong vương quốc, sự tạo phúc của họ chia làm bảy phần, người làm thiện được năm phần, Quốc vương kia được hai phần. Trái lại, nhân lành của Quốc vương tu, nhân dân cũng đồng được phúc lợi. Và nếu tạo mười nghiệp ác cũng như thế, nghĩa là, cũng đồng như sự ấy. Tất cả những vật sinh nơi ruộng đất, vườn rừng trong nước đều chia làm bảy phần, cũng lại như thế. Nếu có Nhân vương thành tựu chánh kiến, theo

đúng pháp dạy đời, thời gọi vị ấy là Thiên chủ. Vì vị ấy đem pháp lành của cõi trời dạy thế gian nên chư Thiên, Thiện thần cùng Hộ thế vương thường lại giúp đỡ và giữ gìn vương cung. Nhân vương tuy ở nhân gian nhưng tu hành theo nghiệp của cõi Thiên, nên tâm thưởng, phạt không thiên lệch. Chánh pháp của tất cả các bậc Thánh vương đều như thế!

Thánh vương như thế gọi là Chánh pháp vương. Và do nhân duyên ấy nên Chánh pháp vương thành tựu được mười đức:

- Soi sáng *(năng chiếu)*: đem mắt trí tuệ soi sáng thế gian.
- Trang nghiêm: đem phước đức, trí tuệ làm trang nghiêm đất nước.
- Làm cho vui *(dữ lạc)*: đem an lạc lớn cho nhân dân.
- Dẹp oán *(phục oán)*: tất cả giặc oán tự nhiên quy phục.
- Khỏi sợ *(ly bố)*: đẩy lùi tám nạn, lìa khỏi sợ hãi.
- Trọng dụng bậc hiền tài: hợp các người hiền bàn bạc việc nước.
- Pháp bản *(giữ lấy gốc chánh pháp)*: muôn họ an cư nương nhờ Quốc vương.
- Trì thế *(giữ gìn thế gian)*: đem pháp của Thiên vương giữ gìn thế gian.
- Nghiệp chủ *(chủ của mọi nghiệp)*: các nghiệp thiện ác đều thuộc Quốc vương.
- Nhân chủ: tất cả nhân dân, Quốc vương là chủ.

Tất cả Quốc vương, do phước đức từ đời trước nên đã thành tựu mười thắng đức như vậy.

Vì thế, Đại Phạm thiên vương cùng Đao-lợi thiên thường giúp Nhân vương hưởng thọ những sự vui thắng diệu; các La-sát vương và chư Thần… tuy không hiện thân giúp đỡ, nhưng âm thầm lại hộ vệ Nhân vương cùng với quyến thuộc.

Nhân vương thấy nhân dân tạo các ác nghiệp mà không ngăn cấm được thì chư Thiên, Thần đều xa tránh. Nếu thấy nhân dân tu thiện thì chư Thiên, Thần… vui mừng tán thán và tất cả đều xướng rằng: "Thánh vương ta!…" Long, Thiên vui mừng rưới nước mưa cam lộ, năm thứ lúa thóc hoa màu dồi dào, nhân dân vui vẻ, thịnh vượng. Nếu Nhân vương không gần những người ác, chăm làm lợi ích cho khắp thế gian, đều theo nẻo hành hóa chánh đáng, thời ngọc báu Như ý hiện ngay trong vương quốc, các vua nước láng giềng đều quy phục, Nhân, Phi nhân đều khen ngợi. Và nếu có ác nhân ở trong vương quốc sinh tâm phản nghịch thì trong chốc lát, phúc của người ấy tự suy diệt, khi mất đi, phải bị đọa trong địa ngục, trải qua

loài súc sinh chịu đủ mọi thứ đau khổ. Sở dĩ thế là sao? Bởi vì kẻ ấy không biết ân đức của Thánh vương, khởi ra những nghiệp ác, phản bội nên phải chịu quả báo như thế. Nếu có nhân dân thực hành tâm thiện, hết lòng giúp đỡ Nhân vương và tôn quý kính trọng như Phật, thì người ấy ngay trong đời hiện tại luôn được yên ổn, thịnh vượng, vui vẻ, có mong cầu gì đều được vừa lòng. Sở dĩ thế là sao? Tất cả quốc vương trong thời quá khứ đã từng thọ giới cấm thanh tịnh của Như Lai và đã thường làm Nhân vương hưởng sự an ổn, vui sướng. Vì nhân duyên ấy, quả báo trái ngược hay thuận hợp đều như vang ứng tiếng. Ân đức của Thánh vương rộng lớn như thế!

Này thiện nam, ân Tam bảo là ân không thể nghĩ bàn được, vì Tam bảo luôn luôn đem lại lợi lạc cho chúng sinh không có thời nào và chỗ nào dừng nghỉ.

Thân tướng của chư Phật là chân thiện vô lậu, do tu nhân trong vô số đại kiếp mà chứng được. Chư Phật dứt sạch hết mọi nghiệp quả trong ba cõi, công đức như núi báu rực rỡ, không gì so sánh kịp, mà tất cả hữu tình không thể nào biết hết. Phước đức chư Phật rất sâu như biển cả, trí tuệ vô ngại như hư không, thần thông biến hóa tràn đầy thế gian, ánh sáng soi khắp mười phương, ba đời.

Tất cả chúng sinh do bị phiền não nghiệp chướng ngăn che không hiểu biết đúng đắn, nên phải chìm đắm trong bể khổ sinh tử vô cùng. Tam bảo ra đời làm Đại thuyền sư, ngăn chặn dòng ái dục, để chúng sinh vượt lên bờ Niết-bàn. Những bậc có trí ai cũng đều chiêm ngưỡng.

Này thiện nam, chỉ một ngôi Phật bảo đã gồm đủ ba thân: Một là Tự tánh thân. Hai là Thọ dụng thân. Ba là Biến hóa thân.

- Thân Phật thứ nhất có Đại đoạn đức, là chỗ hiển lộ nhị không, tất cả chư Phật đều bình đẳng.

- Thân Phật thứ hai có Đại trí đức, chân thực thường hằng, dứt sạch các lậu, tất cả chư Phật đều cùng một ý.

- Thân Phật thứ ba có Đại ân đức, an định, thông hợp, biến hiện, tất cả chư Phật đều đồng sự.

Này thiện nam, tự tánh thân của Phật là vô thỉ, vô chung, lìa tất cả các tướng, dứt hết mọi thứ hý luận, tròn đầy, cùng khắp, không còn bờ bến và tịch nhiên thường trụ.

Thọ dụng thân ấy có hai tướng: Một là Tự thọ dụng thân. Hai là Tha thọ dụng thân.

Tự thọ dụng thân do tu muôn hạnh, đem lại lợi ích yên vui cho các chúng sinh trong ba vô số kiếp, đạt được Thập địa mãn tâm, vận dụng thân

lực đi thẳng đến cõi trời Sắc cứu cánh, ra khỏi tam giới, làm nghiêm tịnh quốc độ vi diệu, ngồi trên hoa sen vô số lượng châu báu lớn, mà các chúng Bồ-tát đông đảo không thể nêu bày hết được, ở trong hải hội vây quanh trước sau, đem lụa vô cấu kết trên đỉnh đầu, cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, như thế gọi là "Lợi ích của phước báo tối hậu". Khi ấy, Bồ-tát nhập Kim cang định, dứt bỏ tất cả sở tri chướng, phiền não chướng vi tế, chứng được Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; diệu quả như thế gọi là "Lợi ích của phước báo hiện tiền". Chân báo thân ấy gọi là hữu thỉ, vô chung, thọ mạng tùy theo sự mong muốn, kiếp số không có hạn lượng. Và lại từ khi bắt đầu thành Chánh giác cho đến lúc tận cùng của thời vị lai, các căn tướng tốt trang nghiêm cùng khắp pháp giới.

Bốn trí viên mãn là Báo thân đích thực thọ dụng pháp lạc:

- Một là Đại viên cảnh trí, do chuyển Dị thục thức *(thức thứ tám)*, mà được trí tuệ này, ví như tấm gương tròn lớn hiện đủ các sắc tướng hình tượng. Cũng thế, trong gương trí tuệ của Như Lai, hiện ra các nghiệp thiện, ác của chúng sinh; do nhân duyên ấy, trí tuệ này gọi là Đại viên cảnh trí. Dựa vào đại bi nên thường duyên với chúng sinh, nương vào đại trí nên thường như pháp tánh, quán sát song song cả chân đế, tục đế, không gián đoạn, thường giữ gìn lấy thân căn vô lậu và là chỗ y chỉ của tất cả công đức.

- Hai là Bình đẳng tánh trí, do chuyển Ngã kiến thức *(thức thứ bảy)* mà được trí tuệ này. Vì chứng được tự tha bình đẳng, cả hai tự tánh đều vô ngã, nên gọi là Bình đẳng tánh trí.

- Ba là Diệu quán sát trí, do chuyển Phân biệt thức *(thức thứ sáu)* mà được trí tuệ này. Hay quán sát tự tướng, cộng tướng của mọi pháp và ở trước chúng hội nêu giảng pháp nhiệm mầu, làm cho chúng sinh chứng được Bất thoái chuyển, nên gọi là Diệu quán sát trí.

- Bốn là Thành sở tác trí, do chuyển nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức mà đạt được trí tuệ này, hay hiện ra tất cả mọi Hóa thân, làm cho chúng sinh thành tựu trọn vẹn các thiện nghiệp, do nhân duyên ấy nên gọi là Thành sở tác trí.

Bốn trí ấy là trí tuệ trên hết, đầy đủ tám vạn bốn ngàn nẻo vào trí tuệ. Tất cả các pháp công đức như thế gọi là Tự thọ dụng thân của Như Lai.

Này các thiện nam, hai là Tha thọ dụng thân của Như Lai, đầy đủ tám vạn bốn ngàn tướng tốt, ở nơi cõi tịnh chân thực nói pháp Nhất thừa, khiến cho các Bồ-tát thọ dụng được pháp lạc vi diệu của Đại thừa. Tất cả chư Như Lai vì nhằm hóa độ các chúng Bồ-tát nơi Thập địa, nên hiện ra mười

loại Tha thọ dụng thân: Thân Phật thứ nhất, ngồi trên hoa sen trăm cánh vì Bồ-tát Sơ địa nói về trăm pháp minh môn; Bồ-tát ngộ rồi hiện ra thần thông biến hóa lớn lao, cùng khắp trong trăm thế giới của chư Phật, đem lại lợi ích yên vui cho vô số chúng sinh. Thân Phật thứ hai, ngồi trên hoa sen ngàn cánh, vì Bồ-tát Nhị địa nói về ngàn pháp minh môn; Bồ-tát ngộ rồi hiện ra thần thông biến hóa lớn lao, cùng khắp trong ngàn thế giới của chư Phật, đem lại lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Thân Phật thứ ba, ngồi trên hoa sen muôn cánh, vì Bồ-tát Tam địa nói về muôn pháp minh môn; Bồ-tát ngộ rồi hiện ra thần thông biến hóa lớn lao, cùng khắp trong muôn quốc độ của chư Phật, đem lại lợi ích yên vui cho vô số chúng sinh. Như thế, Như Lai tăng trưởng dần dần, cho đến Tha thọ dụng thân nơi Thập địa, ngồi trên hoa sen diệu bảo không thể nêu bày được, vì Bồ-tát Thập địa nói về các pháp minh môn số nhiều không thể nói hết; Bồ-tát ngộ rồi, hiện ra thần thông biến hóa lớn lao, cùng khắp quốc độ vi diệu của chư Phật, số nhiều không thể nói được, đem lại lợi ích yên vui cho vô lượng, vô biên chủng loại chúng sinh với con số nhiều không thể tuyên thuyết, không thể tuyên thuyết được. Mười thân như thế, đều ngồi nơi cây Bồ-đề bằng bảy báu, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các vị thiện nam, mỗi một cánh hoa đều là một Tam thiên thế giới, trong đó đều có trăm ức núi chúa Diệu cao cùng bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và chư Thiên trong ba cõi cũng đều đủ cả. Các Thiệm-bộ châu ở trên mỗi mỗi cánh hoa sen, có tòa Kim cang, cây Bồ-đề, có trăm ngàn vạn đến số nhiều không thể nói được những vị Hóa Phật lớn, nhỏ đều ở bên gốc cây Bồ-đề, phá ma quân rồi, cùng lúc chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thân của các vị Hóa Phật lớn, nhỏ như thế đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo, vì các Bồ-tát trong hàng Tư lương và Bốn thiện căn cùng hàng Nhị thừa, phàm phu, tùy nghi vì họ nói ra diệu pháp về Ba thừa; vì các Bồ-tát nói về sáu pháp Ba-la-mật thích ứng khiến các vị ấy được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Phật tuệ rốt ráo; vì các vị cầu quả vị Bích-chi-phật nói về Mười hai pháp nhân duyên; vì các vị cầu đạo quả Thanh văn nói về pháp Tứ đế, vượt qua sinh, lão, bệnh, tử đạt đến cứu cánh Niết-bàn; vì các chúng sinh khác nói về giáo pháp cho hàng trời, người, khiến họ đạt được diệu quả an lạc trong cõi trời, người. Các vị Hóa Phật lớn, nhỏ như thế đều gọi là "Biến hóa thân của Phật". Này thiện nam, hai loại Ứng, Hóa thân Phật như thế, tuy hiện ra diệt độ nhưng thân Phật ấy vẫn nối tiếp thường trụ.

Các vị thiện nam, như một Phật bảo có vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn được những ân đức rộng lớn đem lại lợi lạc cho chúng sinh như

thế, nên cũng do nhân duyên ấy mà gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Này thiện nam, trong một Phật bảo thâu tóm đầy đủ sáu thứ công đức vi diệu: Một là Ngôi vô thượng có ruộng công đức lớn lao trên hết. Hai là Ngôi vô thượng có ân đức lớn. Ba là Ngôi chí tôn trong những chúng sinh không chân, hai chân cho đến nhiều chân. Bốn là Bậc rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm. Năm là Ngôi độc nhất xuất hiện trong Tam thiên đại thiên thế giới. Sáu là Ngôi gồm thâu đầy đủ tất cả ý nghĩa trong công đức thế gian và xuất thế gian. Do đầy đủ sáu thứ công đức như thế và thường đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh, nên gọi là "Ân Phật bảo thật không thể nghĩ bàn được!".

Khi ấy, năm trăm vị Trưởng giả bạch Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói: Trong một Phật bảo có vô lượng Hóa Phật, hiện ra cùng khắp thế giới đem lại lợi lạc cho chúng sinh, vậy do nhân duyên gì mà nhiều chúng sinh trong thế gian này không thấy Phật, phải chịu mọi khổ não?

Đức Phật bảo năm trăm vị Trưởng giả:

– Ví như mặt trời tỏa trăm ngàn ánh sáng soi khắp thế giới, mà trong đó có những người mù không thấy được ánh sáng mặt trời, thời ý các thiện nam nghĩ sao, mặt trời có bị lỗi không?

Các Trưởng giả bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, mặt trời không có lỗi!

Đức Phật dạy:

– Thiện nam tử, chư Phật Như Lai thường diễn nói chánh pháp, đem lại lợi lạc cho chúng sinh, nhưng các chúng sinh ấy thường tạo nghiệp ác không hiểu biết đúng đắn, không có tâm hổ thẹn, không ưa thân cận Phật, Pháp, Tăng, chúng sinh như thế cội rễ của tội rất sâu nặng, trải qua vô lượng kiếp không được trông thấy, nghe biết về tên hiệu Tam bảo, cũng như những người mù kia không trông thấy ánh sáng mặt trời vậy. Nếu có chúng sinh cung kính Như Lai, ưa thích pháp Đại thừa, tôn trọng Tam bảo, nên biết là người ấy nghiệp chướng được tiêu trừ, phước đức, trí tuệ tăng trưởng, căn lành thành tựu, chóng được thấy Phật, lìa hẳn sinh tử và sẽ chứng được đạo quả Bồ-đề.

Các vị thiện nam, như một Phật bảo có vô lượng Phật, thời Như Lai nói về Pháp bảo cũng thế, nghĩa là trong một Pháp bảo cũng có vô lượng nghĩa.

Này thiện nam, trong Pháp bảo có bốn loại: Một là giáo pháp. Hai là lý pháp. Ba là hành pháp. Bốn là quả pháp. Tất cả những thanh, danh cú, văn thuộc pháp vô lậu, nhằm phá tan vô minh cùng phiền não, nghiệp chướng, gọi là Giáo pháp. Các pháp hữu vi, vô vi gọi là Lý pháp. Các hành về Giới, Định, Tuệ gọi là Hành pháp. Tạo được diệu quả vô vi thì gọi là Quả pháp. Bốn pháp như thế là Pháp bảo, dẫn dắt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Này thiện nam, Thầy chư Phật tức là Pháp bảo. Sở dĩ như thế là sao? Chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai do dựa vào pháp tu hành, mà dứt được tất cả chướng ngại, thành Bồ-đề, cho đến tận cùng thuở vị lai luôn đem lại lợi lạc cho chúng sinh. Do nhân duyên ấy, Như Lai trong ba đời thường cúng dường các Pháp bảo Ba-la-mật nhiệm mầu, huống chi là tất cả chúng sinh trong ba cõi chưa được giải thoát, há không cung kính Pháp bảo vi diệu!

Này thiện nam, kiếp xưa Ta từng làm vị Nhân vương cầu pháp, phải gieo mình vào trong hầm lửa lớn để cầu chánh pháp, mới dứt hẳn được sinh tử và chứng được Đại Bồ-đề. Thế nên, Pháp bảo phá tất cả lao ngục sinh tử, cũng như Kim cang có thể hủy hoại muôn vật khác. Pháp bảo soi sáng chúng sinh tăm tối như mặt trời soi sáng thế giới. Pháp bảo cứu giúp chúng sinh nghèo thiếu như ngọc Ma-ni hóa hiện mọi của báu. Pháp bảo đem lại cho chúng sinh sự vui mừng cũng như tiếng trống cõi trời làm vui chư Thiên. Pháp bảo làm bậc thềm báu cho chư Thiên, vì nghe chánh pháp nên được sinh vào cõi trời. Pháp bảo là chiếc thuyền lớn bền vững vượt qua bể sinh tử đến bờ Niết-bàn. Pháp cũng như Chuyển luân thánh vương, trừ giặc phiền não ba độc. Pháp bảo là y phục đẹp quý, che phủ sự không thẹn của các chúng sinh. Pháp bảo cũng như giáp trụ Kim cang, phá bốn loại ma, chứng đạo Bồ-đề. Pháp bảo cũng như gươm trí tuệ sắc, cắt đứt sinh tử, thoát khỏi mọi ràng buộc. Pháp bảo chính là xe báu của Ba thừa, chuyên chở chúng sinh ra khỏi nhà lửa. Pháp bảo cũng như tất cả đèn sáng, soi sáng nơi ba đường tối tăm. Pháp bảo cũng như cung, tên, giáo, mác, trấn giữ cõi nước, dẹp tan oán địch. Pháp bảo cũng như bậc Đạo sư nơi đường hiểm, khéo dẫn dắt chúng sinh đạt đến chốn chứa nhiều châu báu.

Này thiện nam, Như Lai trong ba đời nói ra diệu pháp, có những sự khó nghĩ bàn như thế, nên gọi là ân "Pháp bảo không thể nghĩ bàn được".

Này các thiện nam, thế gian, xuất thế gian có ba hạng Tăng: Một là Bồ-tát tăng. Hai là Thanh văn tăng. Ba là Phàm phu tăng.

Như các ông Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc… là Bồ-tát tăng.

Như các ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên… là Thanh văn tăng.

Và như có các vị phàm phu chân thiện, thành tựu Biệt giải thoát giới cho đến những vị đạt đầy đủ tất cả chánh kiến, thường rộng rãi vì chúng sinh diễn thuyết, khai thị mọi pháp của Thánh đạo, đem lại lợi lạc cho chúng sinh, gọi là Phàm phu tăng. Tuy rằng các vị ấy chưa được Giới, Định, Tuệ, Giải thoát vô lậu, nhưng cúng dường các vị ấy cũng được phước đức vô lượng.

Ba hạng Tăng như thế gọi là Phúc điền tăng đích thực.

Lại có một hạng gọi là Phúc điền tăng. Hạng này đối với xá-lợi Phật, hình tượng Phật cùng các Pháp, Tăng, các giới Thánh chế, sinh tâm kính tín sâu xa; tự nơi mình không có tà kiến và làm cho người khác cũng thế. Lại hay tuyên thuyết chánh pháp, tán thán Nhất thừa, tin tưởng sâu xa nhân quả, thường phát nguyện làm điều thiện, tùy theo lỗi mình phạm, mà ăn năn dốc dứt trừ nghiệp chướng. Nên biết sức tin Tam bảo của người ấy, hơn các ngoại đạo gấp trăm ngàn vạn lần và cũng hơn cả bốn loại Chuyển luân thánh vương, huống chi là các loại khác trong tất cả chúng sinh. Như hoa Uất-kim tuy héo úa nhưng còn hơn tất cả các loài tạp hoa khác. Tỳ-kheo có chánh kiến cũng thế, hơn chúng sinh khác gấp trăm ngàn vạn lần. Tuy rằng vị ấy hủy phạm giới cấm, nhưng không hoại chánh kiến, do nhân duyên ấy nên gọi là Phúc điền tăng. Nếu các thiện nam, thiện nữ nào cúng dường các vị Phúc điền tăng như thế, được phước đức không cùng tận như cúng dường ba hạng Chân thực Tăng bảo trước được công đức như thế nào, thời ở đây đạt được công đức cũng bằng thế không khác. Bốn hạng Thánh, Phàm Tăng như vậy đã đem lại lợi lạc cho chúng sinh thường không hề gián đoạn, nên gọi là ân "Tăng bảo không thể nghĩ bàn được".

Bấy giờ, năm trăm vị Trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay, chúng tôi nghe pháp âm của Phật, được hiểu sự lợi ích của Tam bảo tại thế gian. Song, nay chúng tôi không biết do nghĩa gì mà nói Phật, Pháp, Tăng được gọi là bảo? Kính xin Phật giải thuyết, bày tỏ cùng chúng hội, cùng tất cả chúng sinh đời mai sau kính tín Tam bảo, dứt hẳn mọi mối ngờ vực, có được lòng tin bền chắc, làm cho họ vào được bể bất tư nghị của Tam bảo!

Đức Phật bảo các ông Trưởng giả:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các vị thiện nam đã có thể hỏi Như Lai về những diệu pháp rất sâu xa như thế, tất cả chúng sinh đời mai sau sẽ được lợi ích yên vui nhiều lắm! Ví như ngọc báu bậc nhất của thế gian có đầy đủ mười nghĩa, làm trang nghiêm cõi nước, đem lại lợi ích cho chúng

sinh, thời Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế:

- Bền chắc: như ngọc Ma-ni không ai có thể phá được; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng như vậy: ngoại đạo, Thiên ma không thể phá được.

- Không nhơ: ngọc báu hơn hết của thế gian luôn thanh tịnh trong sáng không lẫn chút bụi nhơ; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, đều xa lìa những phiền não bụi bặm cấu nên.

- Cho vui: như bình Thiên đức, thường cho chúng sinh an vui; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng như vậy, có thể đem đến cho chúng sinh an vui trong thế gian và xuất thế gian.

- Khó gặp: như ngọc báu tốt lành, hiếm có, khó được; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, chúng sinh nhiều nghiệp chướng ức kiếp cũng khó gặp được.

- Có khả năng phá hủy: như ngọc báu Như ý có khả năng phá tan sự nghèo cùng của con người; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng vậy, phá tan những sự nghèo khổ của chúng sinh trong thế gian.

- Uy đức: như vị Chuyển luân vương có cỗ xe báu, hay dẹp yên oán địch; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, đủ sáu pháp thần thông, luôn hàng phục bốn loại ma.

- Mãn nguyện: như ngọc Ma-ni tùy tâm mong cầu, sẽ hóa hiện dồi dào mọi thứ của báu; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng vậy, hay làm thỏa mãn những chúng sinh muốn tu tập nguyện theo nẻo thiện.

- Trang nghiêm: như ngọc báu thế gian trang nghiêm vương cung; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, trang nghiêm cung báu Bồ-đề của bậc Pháp vương.

- Tối diệu: như diệu bảo nơi cõi trời vô cùng vi diệu; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, vượt trên các diệu bảo tối thắng của thế gian.

- Bất biến: ví như vàng thực vào lửa không hề biến đổi; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, tám thứ gió của thế gian không thể lay động được.

Phật, Pháp, Tăng bảo đầy đủ vô lượng thần thông biến hóa, đem lại lợi ích cho chúng sinh, từng không có khi nào dừng nghỉ. Vì những nghĩa ấy nên chư Phật, Pháp, Tăng được gọi là "Bảo". Này các thiện nam, Ta vì các ông mà nói qua về bốn nơi có ân của thế gian, xuất thế gian như trên để các ông hiểu. Các ông nên biết: "Tu hạnh Bồ-tát cần phải trả bốn ân như thế!".

Khi ấy, năm trăm vị Trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, bốn ân như thế rất là khó trả, vậy nên tu hạnh

gì để trả được những ân ấy?

Đức Phật bảo các vị Trưởng giả:

– Này các thiện nam, người vì cầu đạo Bồ-đề cần phải có tâm tu về ba bậc của mười pháp Ba-la-mật: Một là mười pháp Bố thí ba-la-mật-đa. Hai là mười pháp Thân cận ba-la-mật-đa. Ba là mười pháp Chân thực ba-la-mật-đa. Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường đem bảy thứ châu báu đầy ngập Tam thiên đại thiên thế giới, bố thí cho vô lượng chúng sinh nghèo cùng nhưng bố thí như thế chỉ gọi là Bố thí ba-la-mật-đa, chứ không được gọi là Chân thực ba-la-mật-đa. Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào phát tâm đại bi, vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đem thê tử mình bố thí cho người khác, tâm không tiếc lẫn; thân, thịt, tay, chân, đầu, mắt, tủy, não, cho đến thân mạng, đem bố thí cho người lại xin nhưng bố thí như thế mới chỉ gọi là Thân cận ba-la-mật-đa, chứ chưa được gọi là Chân thực ba-la-mật-đa. Nếu các thiện nam, thiện nữ nào phát khởi tâm Vô thượng Đại Bồ-đề, trụ nơi Vô sở đắc, khuyên các chúng sinh đồng phát tâm ấy, đem pháp chân thực bằng một bài kệ bốn câu bố thí cho một chúng sinh, làm cho họ hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thế mới gọi là Chân thực ba-la-mật-đa. Hai bậc bố thí trước chưa gọi là báo ân được, nếu thiện nam, thiện nữ nào tu bậc thứ ba: Chân thực ba-la-mật-đa như thế, mới gọi là chân thực báo đáp bốn ân. Sở dĩ thế là sao? Hai bậc bố thí trước còn có tâm Sở đắc, bậc bố thí thứ ba tâm là Vô sở đắc, đem pháp chân thực bố thí cho một chúng sinh, khiến phát tâm Vô thượng Đại Bồ-đề, sau này khi người ấy chứng được đạo quả Bồ-đề, rộng độ chúng sinh vô cùng tận, nối tiếp hạt giống Tam bảo không đoạn tuyệt, do nhân duyên ấy nên gọi là Báo ân.

Lúc ấy, năm trăm vị Trưởng giả, theo Phật nghe được pháp Báo ân từ xưa tới nay chưa được nghe bao giờ ấy, tâm sinh hớn hở, cho là được sự chưa từng có, các ông liền phát tâm hướng cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, được pháp tam-muội Nhẫn nhục, chứng nhập trí tuệ bất tư nghị, mãi mãi không thoái chuyển.

Khi đó, tám vạn bốn ngàn chúng sinh trong pháp hội phát tâm Bồ-đề, được lòng tin kiên cố và cũng được pháp Tam-muội ấy; đại chúng trong hải hội đều được pháp tam-muội Kim cang nhẫn nhục, ngộ các pháp Nhẫn vô sinh và nhu thuận, hoặc chứng Sơ địa được pháp Nhẫn bất khởi. Vô lượng chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề, ở ngôi Bất thoái.

Đức Phật bảo năm trăm vị Trưởng giả:

– Tất cả chúng sinh trong đời vị lai nếu nghe được phẩm Tâm Địa

Quán Báo Bốn Ân này, thọ trì, đọc tụng, tu tập, nêu bày, giảng nói, viết chép, truyền bá xa rộng, thì những người ấy phước đức, trí tuệ được tăng thêm, chư Thiên hộ vệ, hiện thân không đau yếu, thọ mạng lâu dài; khi mạng chung được sinh lên nội cung của Đức Di-lặc, trông thấy tướng bạch hào của Ngài liền siêu việt nẻo sinh tử, trong ba hội Long hoa sẽ được giải thoát và tùy ý vãng sinh trong mười phương Tịnh độ, thấy Phật, nghe pháp, vận Chánh định tụ chóng thành trí tuệ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH
TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 3

Phẩm 2: Báo Ân (Phần 2)

Bấy giờ, về phía Đông bắc đại thành Vương xá cách tám mươi do-tuần có một nước nhỏ tên là Tăng trưởng phúc. Trong nước ấy có một ông Trưởng giả tên là Trí Quang, tuổi nhiều, già yếu, chỉ có một con, mà người con ấy tánh tình ác nghịch, không thuận cha mẹ, cha mẹ răn dạy gì đều không theo lời. Ông Trưởng giả xa nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá, vì vô lượng chúng sinh trong cõi đời xấu ác, nhơ đục, nêu giảng về pháp Báo ân của Đại thừa. Khi ấy, cả cha mẹ và con cùng mọi người quyến thuộc của ông vì muốn nghe pháp, nên đem các đồ cúng đến nơi Phật, cung kính cúng dường Phật.

Cúng dường rồi ông Trưởng giả liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có một người con, tánh nó ác tệ quá, không chịu nghe lời khuyên răn của cha mẹ. Nay con nghe thấy Phật giảng dạy về việc báo đáp bốn ân, con vì muốn nghe pháp nên lại nơi Phật, kính xin Đức Thế Tôn vì chúng con cùng các người trong quyến thuộc chỉ dạy rõ về nghĩa lý sâu xa, nhiệm mầu của bốn ân, khiến đứa con tệ ác của con sinh tâm hiếu thuận, đời nay, đời sau sẽ được sự an lạc.

Đức Phật bảo ông Trí Quang:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ông vì pháp nên đến chỗ Ta, cúng dường cung kính và muốn nghe pháp ấy, vậy các ông nên nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo! Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Bồ-đề, muốn nghe các pháp quan trọng, khi cất chân, đặt chân xuống đất, tùy theo số lượng bụi nhỏ của đường đất đi xa hay gần mà do nhân duyên ấy, người đó cảm được Kim luân của Chuyển luân thánh vương, khi phước báo của Thánh vương hết, được làm Thiên vương trong Dục giới; khi phước báo của Thiên vương trong Dục giới hết, được làm Phạm thiên vương, được thấy Phật, nghe pháp và chóng chứng được đạo quả vi diệu. Đại trưởng giả cùng những người khác đi với ông vì cầu pháp nên đến chỗ Ta, tính ra như

thế là phải đi qua tám mươi do-tuần đại địa vi trần, mỗi một số vi trần ấy sẽ tạo được những cảm ứng theo những quả báo về trời, người, Luân vương. Và được nghe pháp rồi, đời sau sẽ chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tuy trước Ta đã nói về nghĩa lý sâu xa, nhiệm mầu của bốn ân, nay vì các ông, Ta nêu lại nghĩa ấy, bằng lời kệ sau này:

Tối thắng Pháp vương, Đại Thánh chủ
Tất cả trời, người chẳng thể sánh
Trang nghiêm thân bằng mọi tướng tốt
Bể trí như hư không vô lượng.
Hạnh lợi tự, tha đều viên mãn
Tiếng khen đồn khắp trong các cõi
Dứt hẳn phiền não cùng tập khí
Khéo trì mật hạnh, giữ mọi căn.
Một trăm bốn mươi đức "bất cộng"
Bể phước rộng lớn đều tràn trề
Chánh định, thần thông đầy đủ cả
Thường an vui "Tám cung tự tại".
Trời, người, ngoại đạo trong mười phương
Không ai "năng nan" như Điều Ngự
Miệng vàng nói biện tài vô ngại
Tuy không ai hỏi mà tự nói.
Ví như thủy triều không sái thời
Cũng như trống trời hợp lòng trời
Tự tại như thế chỉ có Phật
Ngũ thông tiên, Ma, Phạm chẳng được.
Trải vô số kiếp tu hạnh nguyện
Chứng được đại thần thông như thế
Trong cõi đại tịch Ta nhập định
Quán sát các căn và bệnh, thuốc.
Tự ra thiền định mà tán thán:
"Ba đời Phật pháp Tâm địa môn"
Các vị Trưởng giả liền thoái tâm
Chỉ ưa hạnh Nhị thừa tự lợi.
Ta mở pháp đại trí phương tiện
Dẫn vào cửa giải thoát "Tam không"
Diệu lý Như Lai chẳng thể lường
Chỉ Phật biết được chân bí mật.

Thanh văn lợi căn và Độc giác
Bồ-tát dốc cầu ngôi bất thoái
Mười hai kiếp số cùng so lường
Không có ai biết được phần nhỏ.
Giả sử phàm, Thánh trí mười phương
Trao cho một người làm bậc trí
Bậc trí như thế giống rừng trúc
Không thể so lường được phần nhỏ.
Thế gian phàm phu không mắt tuệ
Mê nơi ân đức mất diệu quả
Chúng sinh trong đời năm ác trược
Không hiểu ân sâu thường trái đức.
Ta vì khai thị về bốn ân
Khiến vào chánh kiến Bồ-đề đạo
Cha lành mẹ hiền, ân trưởng dưỡng
Tất cả trai, gái đều yên vui.
Ân cha lành cao hơn núi lớn
Ân mẹ hiền sâu như biển cả
Nếu ta ở đời trong một kiếp
Nói ân mẹ hiền không hết được.
Ta nay nói qua một phần nhỏ
Như ruồi, muỗi uống nước biển sâu:
Giả sử có người vì phước đức
Cúng dường Bà-la-môn tịnh hạnh
Vị ngũ thông thần tiên tự tại
Sư trưởng đại trí cùng bạn lành
Nhà cửa trang hoàng toàn bảy báu
Phòng ốc bằng gỗ hương Chiên-đàn
Đồ nằm trăm báu bày trải khắp
Mỹ vị thế gian như cam lộ,
Cùng các thuốc men chữa muôn bệnh
Vật dụng đều chứa đầy vàng bạc.
Cúng dường như thế ngày ba thời
Cho đến đủ số một trăm kiếp
Không bằng một niệm tỏ chút phần
Cúng dường mẹ hiền ruộng ân lớn
Phước đức vô biên không thể lường
Tính toán, thí dụ không sánh kịp.

Mẹ hiền thế gian có mang con
Mười tháng mang thai chịu khổ nhiều
Tình không tham đắm năm dục lạc
Tùy thời ăn uống cũng đồng thế
Ngày đêm thường mang lòng thương xót
Đi, đứng, ngồi, nằm chịu mọi khổ.
Ngay lúc sinh con khỏi bào thai
Như góp mũi nhọn rạch thân thể
Mê cảm Đông, Tây không phân biệt
Khắp mình đau đớn không chịu nổi
Hoặc nhân nạn ấy mà mất mạng
Họ hàng quyến thuộc đều buồn bã
Mọi khổ như thế đều vì con
Lo, buồn thống thiết nói sao cùng.
Nếu được mạnh khỏe thân yên vui
Như nghèo được ngọc mừng khôn tả
Đoái nhìn mặt con không biết chán
Tâm thương nhớ con không chút rời.
Ân tình mẫu tử thường như thế
Ra vào không rời con trước ngực
Sữa mẹ như nước suối cam lộ
Nuôi dưỡng kịp thời không lúc cạn.
Ân nơi từ niệm thực khó ví
Công đức nuôi nấng cũng khó lường
Ở đời đại địa gọi là nặng
Ân mẹ hiền nặng hơn đất kia
Trên đời Tu-di gọi là cao
Ân mẹ hiền cao hơn núi đó,
Ở đời nhanh nhất có gió lốc
Nhưng lòng mẹ hiền còn trội hơn.
Nếu có chúng sinh chẳng hiếu thuận
Khiến mẹ tạm thời khởi tâm hận
Thốt lời oán niệm chỉ phần nhỏ
Con theo lời ấy bị khổ nạn.
Chư Phật cùng các thần Kim cang
Bí pháp thần tiên không cứu được.
Nếu có trai gái nghe mẹ dạy
Vâng làm, nhan sắc không hề trái

Tất cả tai nạn đều tiêu trừ
Chư Thiên độ hộ thường an lạc.
Nếu hay thừa thuận theo mẹ hiền
Những nam, nữ ấy khác kẻ phàm
Bồ-tát lòng từ hóa nhân gian
Thị hiện báo ân mọi phương tiện.
Nếu có thiện nam và thiện nữ
Vì báo ân mẹ nên hiếu dưỡng:
Cắt thịt, trích huyết thường cung cấp
Như thế đủ số trong một kiếp
Mọi thứ cần tu trong đạo hiếu
Còn chưa báo được ân tạm thời
Mười tháng con ở trong thai mẹ
Thường ngậm cuống vú uống thai huyết
Từ khi là con nít, trẻ thơ
Uống hơn trăm hộc sữa của mẹ
Ăn uống, thuốc thang, y phục đẹp
Con trước, mẹ sau đó lệ thường.
Con nếu ngu si bị người ghét
Mẹ cũng thương nhớ không hề bỏ
Xưa, có người nữ bế con mình
Lội qua sông Hằng nước chảy mạnh
Sức khó vượt qua vì nước ngập
Mẹ chết cùng con không nỡ bỏ.
Vì sức thiện căn niệm lành ấy
Mạng mất được sinh lên Phạm thiên
Hưởng vui chánh định nơi cõi Phạm
Được gặp Như Lai nhận Phật ký.
Thế nên mẹ hiền có mười đức
Tùy hợp nghĩa lợi đặt ra tên:
Một là đại địa; hai, năng sinh;
Ba là năng chánh; bốn, dưỡng dục;
Năm, cho trí tuệ; sáu, trang nghiêm;
Bảy là an ổn; tám dạy, trao;
Chín là giáo giới; mười, cho của.
Ân khác không hơn ân đức mẹ.
Pháp gì ở đời là rất giàu?
Pháp gì ở đời là rất nghèo?

Mẹ còn tại nhà là rất giàu
Mẹ đã khuất bóng là rất nghèo.
Khi mẹ còn, là mặt trời ngọ
Khi mẹ mất, là mặt trời lặn
Khi mẹ còn, thảy đều đầy đủ,
Khi mẹ mất, thảy đều rỗng không.
Tất cả hàng Thiện nam ở đời
Ân cha mẹ nặng như gò, núi
Hiếu kính cần phải luôn ở lòng
Biết ân, trả ân là Thánh đạo.
Không tiếc thân mạng dâng đồ ngon
Chưa từng một niệm thiếu sắc dưỡng
Như khi cha mẹ bỗng mất đi
Dù muốn báo ân thật chẳng kịp.
Phật xưa tu hành vì từ mẫu
Cảm được tướng tốt sắc thân vàng
Tiếng lành vang dội khắp mười phương
Tất cả người, trời đều đảnh lễ
Nhân và Phi nhân thảy cung kính
Từ duyên xưa trước báo từ ân.
Ta đã lên cung trời Đao-lợi
Ba tháng, vì mẹ nói pháp mầu
Khiến mẹ lãnh hội, quy chánh đạo
Ngộ "Nhẫn vô sinh" thường không thoái
Như thế đều là báo bi ân
Tuy báo ân sâu vẫn chưa đủ.
Ngài Mục-liên Thần thông đệ nhất,
Dứt hết phiền não trong ba cõi
Dùng sức thần thông xem từ mẫu
Thấy đang chịu khổ trong ngạ quỉ.
Mục-liên tự đi trả ân mẹ
Cứu thoát từ thân nơi thọ khổ
Sinh lên các cõi trời Tha hóa
Cùng được an vui nơi Thiên cung.
Nên biết ân cha mẹ rất sâu
Chư Phật, Thánh hiền đều báo đức.
Nếu ai chí tâm cúng dường Phật
Hoặc tâm tinh cần tu hiếu dưỡng

Phước hai người ấy không sai khác
Ba đời hưởng báo cũng vô cùng.
Người đời, làm con tạo ác tội
Sa ba ngả ác chịu khổ mãi
Người chưa chứng Thánh, không thần thông
Không thấy luân hồi, khó báo được.
Thương thay người đời không Thánh lực
Không hay cứu gỡ cho mẫu hiền!
Do nhân duyên ấy, ông nên biết
Dốc tu phúc lợi công đức tốt:
Đem ngay thắng đức nơi nam, nữ,
Có đại kim quang soi địa ngục.
Trong hào quang diễn tiếng thâm diệu
Khai ngộ cha mẹ mở tâm ý.
Nhớ thuở xưa kia thường tạo tội
Một niệm tâm hối đều trừ diệt.
Miệng niệm: "Nam-mô Tam thế Phật"
Thân khổ nạn, ràng buộc, được thoát
Sinh lên trời, người, hưởng vui mãi
Thấy Phật, nghe Pháp, sẽ thành Phật.
Hoặc sinh Tịnh độ tại mười phương
Hoa sen bảy báu là cha mẹ
Hoa nở thấy Phật ngộ Vô sinh
Bồ-tát Bất thoái là đồng học.
Được sáu thần thông, lực tự tại
Được vào cung Bồ-đề vi diệu
Bồ-tát đều là các nam, nữ
Nương nguyện lực lớn hóa nhân gian.
Thế là thực báo ân cha mẹ
Các ông, chúng sinh cùng tu học!
Chúng sinh luân hồi sinh sáu nẻo
Cũng như bánh xe không sau, trước
Hoặc là cha mẹ, là trai, gái
Đời đời, kiếp kiếp ân lẫn nhau
Như thấy cha mẹ... không khác chi
Không chứng Thánh trí, do đâu biết!
Tất cả nam tử đều là cha
Tất cả nữ nhân đều là mẹ

Ân đời trước thế chưa trả xong
Lại sinh niệm khác thành oán ghét!
Thường nên báo ân, ích lẫn nhau
Không nên đánh mắng thành hiềm oán!
Nếu muốn tu thêm nẻo phước trí
Ngày đêm sáu thời nên phát nguyện:
Nguyện con đời đời vô lượng kiếp
Được Túc trụ trí đại thần thông
Biết được trăm ngàn kiếp quá khứ
Lại nhớ biết nhau là cha mẹ.
Xoay vần sáu cõi, bốn loài sinh
Cho con một niệm đến nơi ấy
Vì nói diệu pháp, lìa nhân khổ
Trong trời, người, thọ hưởng vui mãi.
Khuyên phát nguyện Bồ-đề kiên cố
Tu hành sáu độ của Bồ-tát
Dứt hẳn hai nhân nơi sinh tử
Chóng chứng Niết-bàn Vô thượng đạo.
Mười phương tất cả các quốc vương
Chánh pháp giáo hóa là Thánh chủ
Phước đức quốc vương là tối thắng.
Việc làm tự tại gọi là "Thiên"
Vua trời Đao-lợi và trời khác
Thường đem phước lực giúp trị vì
Chư Thiên ủng hộ như con một
Vì thế được gọi là "Thiên tử".
Thế gian cho vua là cội gốc
Là chỗ nhân dân tất cả nương
Cũng như nhà cửa của thế gian
Cột là cội gốc, dựng nên được.
Vua dùng chánh pháp hóa nhân dân
Giả như Phạm vương sinh muôn vật
Vua làm phi pháp không chánh lý
Như Diễm-ma vương diệt thế gian.
Nếu vua dung nạp kẻ gian tà
Khác nào voi giày xéo ao hoa
Đừng bảo do gặp đời ác, đục
Nên biết thiện, ác do vua tu!

Như mặt trời soi sáng thế gian
Quốc vương dạy đời cũng như thế
Mặt trời, đêm tuy không chiếu tới
Nhưng khiến chúng sinh được an lạc.
Vua đem phi pháp ra dạy đời
Tất cả nhân dân không tin cậy
Thế gian có những sự sợ hãi
Nhưng nhờ phúc vua không dấy sinh
Thành ra nhân dân được an lạc
Như thế là phúc vua soi tới.
Thế gian có những hoa rất đẹp
Nhờ phúc nhà vua mà nở tỏa,
Thế gian có những rừng, vườn đẹp
Nhờ phúc nhà vua đều tươi tốt,
Thế gian có những cây cỏ thuốc
Nhờ phúc nhà vua khỏi các bệnh,
Thế gian trăm thứ lúa, hoa màu
Nhờ phúc nhà vua đều thành hạt,
Nhân dân trên đời hưởng vui sướng
Nhờ phúc nhà vua thường tự nhiên.
Ví như Trưởng giả có một con
Trí tuệ đoan nghiêm đời không sánh
Cha mẹ yêu mến như con mắt
Ngày đêm thường sinh tâm hộ niệm.
Thánh vương trong nước cũng như thế
Nhớ mến chúng sinh như con một
Nuôi nấng người già, giúp cô độc
Tâm dù thưởng, phạt nhưng thường một.
Nhân vương như thế là Thánh chủ
Mọi loài tín ngưỡng như Như Lai
Nhân vương trị nước không tai biến
Muôn họ kính, chăm thường an ổn.
Vua không đem pháp chánh dạy đời
Bệnh tật lay lan hại chúng sinh
Như thế tất cả Nhân, Phi nhân
Tội, phúc rõ ràng không che được.
Trong pháp thiện, ác chia bảy phần
Người tạo được năm, vua được hai

Nhà cửa, ruộng, vườn, rừng đều thế
Thuế má phân chia cũng như vậy.
Chuyển luân thánh vương khi xuất hiện
Chia làm sáu phần vua được một
Nhân dân khi ấy được năm phần
Nghiệp báo thiện, ác cũng đều thế.
Nếu có Nhân vương tu chánh kiến
Như pháp dạy đời là "Thiên chủ"
Do dựa pháp trời mà dạy đời
Tỳ-sa-môn vương thường ủng hộ.
Ba cõi trời khác, chúng La-sát
Đều sẽ gìn giữ Thánh vương cung.
Thánh vương ra đời sửa sang nước
Lợi ích chúng sinh thành mười đức:
Một là soi sáng trong quốc giới
Hai là trang nghiêm cho quốc độ
Ba là thường cho sự yên vui
Bốn là hàng phục các oán địch
Năm là cấm ngăn mọi sợ hãi
Sáu là tập hợp các Thánh hiền
Bảy là căn bản của mọi pháp
Tám là hộ trì cho thế gian
Chín là thường làm công tạo hóa
Mười là chủ nhân dân, đất nước.
Nếu vua thành tựu mười thắng đức
Phạm vương, Đế Thích và chư Thiên
Dạ-xoa, La-sát, Quỷ thần vương
Ẩn mình thường lại hộ đất nước,
Long vương hoan hỷ tuôn mưa ngọt
Lúa thóc được mùa muôn họ yên,
Khắp nơi trong nước sinh châu báu
Người, ngựa sức mạnh, không oán địch,
Ngọc báu Như ý hiện trước vua
Các vua cõi ngoài tự triều phục.
Ai sinh tâm ác với quốc vương
Một niệm khởi tâm thành mọi ác
Người ấy mạng chung đọa địa ngục
Chịu khổ nhiều kiếp khó hẹn ra.

Nếu dốc lòng thành chăm giúp vua
Chư Thiên hộ niệm thêm phước lộc.
Trưởng giả Trí Quang, ông nên biết:
Tất cả Nhân vương do nghiệp cảm
Các pháp đều do nhân duyên thành
Nếu không nhân duyên không các pháp.
Nói không sinh thiên và cõi ác
Những người như thế không hiểu nhân
Không nhân, không quả: đại tà kiến
Không biết tội, phước sinh vọng chấp.
Nay vua được hưởng mọi phước vui
Xưa kia từng giữ ba tịnh giới
Giới đức huân tu chiêu cảm tới
Diệu quả trời, người, được thân vua.
Nếu người phát khởi tâm Bồ-đề
Nguyện lực giúp thành quả Vô thượng
Giữ bền giới tịnh trong thượng phẩm
Đi, ở tự tại làm Pháp vương;
Thần thông biến hóa khắp mười phương
Tùy duyên giúp hết cả muôn loại.
Trung phẩm thọ trì Bồ-tát giới
Phước đức tự tại Chuyển luân vương
Tùy tâm làm gì đều nên cả
Vô lượng trời, người đều tuân phụng.
Hạ thượng phẩm trì: Đại quỷ vương
Tất cả phi nhân đều theo phục
Thọ trì giới phẩm tuy khuyết phạm
Nhưng do giới thắng được làm vua.
Hạ trung phẩm trì: Cầm thú vương
Tất cả chim muôn đều quy phục
Trong giới thanh tịnh có khuyết phạm
Nhưng do giới thắng được làm vua.
Hạ hạ phẩm trì: Diễm-ma vương
Ở trong địa ngục thường tự tại
Tuy hủy giới cấm sinh nẻo ác
Nhưng do giới thắng được làm vua.
Do vì nghĩa ấy các chúng sinh
Nên thọ Bồ-tát thanh tịnh giới

Hãy giữ gìn khéo không khuyết phạm
Tùy chỗ sinh ra làm Nhân vương.
Nếu người không thọ giới Như Lai
Còn không được thân con cáo đồng
Huống là quả cảm trong trời, người
Ở ngôi vua hưởng mọi vui sướng
Thế nên làm vua phải tạo "nhân"
Giới nghiệp tinh, siêng, thành diệu quả.
Quốc vương chánh là chủ muôn dân
Lành thương như mẹ nuôi con nhỏ
Như thế Nhân vương có ân lớn
Tấm lòng dưỡng nuôi khó báo được.
Vì nhân duyên ấy, các chúng sinh
Nếu tu chứng được Đại Bồ-đề
Đối với chúng sinh khởi đại bi
Nên thọ Như Lai tam tụ giới.
Nếu muốn như pháp mà thọ giới
Cần nên sám hối tội tiêu diệt.
Nguyên nhân khởi tội có mười duyên:
Thân ba, miệng bốn và ý ba
Sinh tử vô thỉ, tội vô cùng
Bể lớn phiền não sâu không đáy.
Nghiệp chướng cao vót như Tu-di
Tạo nghiệp do nhân hai thứ khởi:
Tức là Hiện hành và Chủng tử
Tạng thức giữ, duyên Nhất thiết chủng.
Như bóng theo hình không rời thân
Trong tất cả thời chướng Thánh đạo
Gần, chướng diệu quả của trời, người
Xa, chướng Vô thượng Bồ-đề quả
Tại gia thường gắn nhân phiền não
Xuất gia thì phá giới thanh tịnh.
Nếu ai như pháp mà sám hối
Bao nhiêu phiền não đều trừ diệt
Cũng như kiếp lửa hoại thế gian
Đốt sạch Tu-di và biển cả.
Sám hối, đốt sạch củi phiền não
Sám hối, thường sinh lên đường trời

Sám hối, được vui nơi Tứ thiền
Sám hối, mưa báu ngọc Ma-ni
Sám hối, thân Kim cang thêm thọ
Sám hối, được vào cung "Thường lạc"
Sám hối, ra khỏi ngục ba cõi
Sám hối, nở ra hoa Bồ-đề
Sám hối, thấy Đại viên cảnh Phật
Sám hối, đến được chốn "Bảo sở".
Nếu y như pháp mà sám hối
Nên nương hai pháp Quán môn tu:
Một là Quán sự diệt tội môn
Hai là Quán lý diệt tội môn.
Quán sự diệt tội lại chia ba:
Thượng, trung, hạ căn là ba phẩm.
Nếu có thượng căn cầu giới tịnh
Phát đại tinh tấn tâm không lùi
Thương khóc rơi lệ thường dốc khẩn
Ai cảm khắp mình đều ứng huyết
Luôn nghĩ đến thập phương Tam bảo
Cùng các chúng sinh trong sáu đường
Quỳ dài, chắp tay tâm an định,
Gột tâm phát lộ cầu sám hối:
"Kính xin thập phương Tam thế Phật
Lấy đại từ bi thương xót con
Con mãi luân hồi không chỗ nương
Sinh tử đêm dài thường chẳng biết.
Con ở phàm phu đủ mọi buộc
Tâm cuồng điên đảo, lăng xăng khắp
Con ở trong nhà lửa ba cõi
Nhiễm đắm sáu trần không cứu hộ.
Con sinh trong nhà nghèo, hạ tiện
Không được tự tại thường chịu khổ
Đầu thai nhằm cha mẹ tà kiến
Tạo tội nương theo quyến thuộc ác.
Kính xin chư Phật Đại Từ Tôn
Thương xót hộ niệm như con một.
Nhất tâm sám hối, không tạo tội
Tam thế Như Lai sẽ chứng minh!".

Người sám hối dũng mãnh như thế
Gọi là thượng phẩm cầu giới tịnh.
Như có trung căn cầu giới phẩm
Một lòng mạnh mẽ sám mọi tội
Nghĩ mình lệ ứa không ai biết
Toàn tâm bồi hồi cầu nguyện Phật:
"Giải bày nghiệp sinh tử vô thủy
Xin nước từ bi gột bụi trần
Giũ bỏ tội chướng sạch sáu căn
Cho con Tam tụ giới Bồ-tát.
Con nguyện giữ vững không lui chuyển
Tấn tu, độ thoát khổ chúng sinh
Người chưa được độ, con chưa đắc
Đến thời vị lai thường không dứt".
Như thế tinh cần, dũng mãnh làm,
Không tiếc thân mạng cầu Bồ-đề
Cảm tướng lạ thiên nhiệm mầu
Gọi là trung phẩm đại sám hối.
Nếu có hạ căn cầu giới tịnh
Khởi phát tâm Vô thượng Bồ-đề
Rơi lệ, thương khóc, lông thân rởn
Với chỗ tạo tội rất hổ thẹn
Đối trước Tam bảo khắp mười phương
Và trước chúng sinh trong sáu đường
Chí thành phát lộ từ vô thỉ.
Có những chúng sinh bị não loạn
Khởi tâm đại bi không chướng ngại
Không tiếc thân mạng hối ba nghiệp
Những tội đã làm đều tỏ bày
Những ác chưa làm không dám tạo.
Như thế, ba phẩm sám mọi tội
Đều gọi giới Thanh tịnh đệ nhất.
Dùng nước hổ thẹn rửa bụi trần
Thân tâm đều là "thanh tịnh phẩm"
Này các thiện nam, phải nên biết!
Đã nói các tịnh quán các sám hối
Trong sự, lý đó không sai biệt
Do bởi căn duyên ứng chẳng đồng.

Nếu khi tu tập quán chánh lý
Phải xa lìa tất cả mọi tán loạn.
Mặc áo mới sạch ngồi kiết già
Nhiếp tâm, chánh niệm bỏ các duyên:
Thường quán diệu Pháp thân chư Phật
Thể tính như Không, "bất khả đắc"
Tất cả các tội, tánh đều như
Nhân duyên điên đảo, tâm vọng khởi.
Tội tướng như thế vốn là không
Ở trong ba đời "vô sở đắc"
Chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở giữa
Tánh, tướng Như như đều không động.
Diệu lý chân như dứt danh ngôn
Chỉ có Thánh trí hay thông suốt
Chẳng "có", chẳng "không", chẳng "có không"
Chẳng có "có không", lìa danh tướng
Thâu tóm pháp giới không sinh diệt
Chư Phật bản lai đồng một thể.
Kính xin chư Phật thùy gia hộ
Diệt được tất cả tâm điên đảo
Nguyện, con sớm ngộ nguồn chân tánh
Chóng chứng Như Lai Vô thượng đạo.
Nếu có thanh tín Thiện nam tử
Ngày đêm hay quán diệu lý Không
Tất cả tội chướng tự tiêu trừ
Thế là giữ giới tịnh trên hết.
Nếu người quán biết thực tướng Không
Hay diệt tất cả các tội trọng
Cũng như gió to thổi lửa dữ
Đốt cháy vô lượng các cỏ cây.
Các hàng Thiện nam quán chân thực
Là môn bí yếu của chư Phật.
Nếu muốn vì người phân biệt rộng
Hạng người vô trí đừng nêu giảng.
Tất cả chúng sinh loại phàm ngu
Nghe quyết sinh nghi tâm bất tín.
Nếu có bậc trí sinh tin hiểu
Niệm niệm quán sát ngộ Chân như

Chư Phật mười phương đều hiện trước
Bồ-đề diệu quả tự nhiên thành.
Các vị Thiện nam, sau Ta diệt
Những người tịnh tín trong đời sau
Theo hai quán môn thường sám hối
Nên thọ Bồ-tát Tam tụ giới
Nếu muốn thọ trì giới thượng phẩm
Nên thỉnh Giới sư: Phật, Bồ-tát,
Thỉnh Ta: Thích-ca Mâu-ni Phật
Làm vị Hòa thượng giới Bồ-tát,
Long chủng Tịnh trí tôn vương Phật
Sẽ làm tịnh giới A-xà-lê,
Đạo sư mai sau: Phật Di-lặc
Sẽ làm thanh tịnh Giáo thọ sư,
Hiện tại mười phương Lưỡng Túc Tôn
Sẽ làm thanh tịnh Chứng giới sư,
Mười phương tất cả các Bồ-tát
Sẽ làm bạn bè tu học giới,
Phạm, Thích, Tứ vương, Kim cang thiên
Sẽ làm chúng ngoại hộ học giới,
Phụng thỉnh Phật, Bồ-tát như thế
Và các thầy truyền giới hiện tiền
Vì muốn trả khắp bốn ân sâu
Phát khởi tâm Bồ-đề thanh tịnh.
Nên thọ Tam tụ giới Bồ-tát:
Nhiêu ích tất cả Hữu tình giới
Tu nhiếp tất cả Thiện pháp giới
Tu nhiếp tất cả Luật nghi giới
Tam tụ thanh tịnh giới như thế
Như Lai ba đời đều hộ niệm.
Chúng sinh phi pháp không nghe biết
Trong vô lượng kiếp chưa nghe thấy
Chỉ có thập phương Phật quá khứ
Đã thọ tịnh giới thường hộ trì
Hai phiền não chướng đoạn trừ hẳn
Chứng được quả Vô thượng Bồ-đề.
Tất cả Thế Tôn đời vị lai
Giữ gìn Tam tụ tịnh giới báu

Dứt trừ ba chướng cùng tập khí
Sẽ chứng Chánh đẳng Đại Bồ-đề.
Mười phương các Thiện Thệ hiện tại
Đều tu nhân Tam tụ tịnh giới
Dứt hẳn khổ sinh tử luân hồi
Được chứng tam thân Bồ-đề quả.
Siêu việt bể sinh tử sâu lớn
Tịnh giới Bồ-tát là thuyền bè,
Dứt hẳn ràng buộc tham, sân, si
Tịnh giới Bồ-tát là gươm bén,
Đường hiểm sinh tử các sợ hãi
Tịnh giới Bồ-tát là nhà cửa,
Trừ khỏi các nhân khổ nghèo hèn
Tịnh giới thường làm ngọc Như ý,
Bị ma quỷ ốp, các tật bệnh
Tịnh giới Bồ-tát là thuốc quý,
Là vua trời, người, được tự tại
Tam tụ tịnh giới là duyên tốt,
Cùng các thân vua trong bốn cõi
Tịnh giới là duyên được thắng quả.
Thế nên tu được nhân tự tại
Sẽ được làm vua hưởng tôn quý
Trước nên lễ kính mười phương Phật
Ngày đêm tu thêm giới thanh tịnh.
Chư Phật hộ niệm thường thọ trì
Giới như Kim cang không phá hoại
Chư Thiên thiện thần trong ba cõi
Hộ vệ thân vua và quyến thuộc.
Tất cả oán địch đều quy phục
Muôn dân vui mừng cảm ân vua
Thế nên thọ trì giới Bồ-tát
Cảm quả vô vi thế, xuất thế.
Tam bảo thường trụ hóa độ đời
Ân đức rộng lớn bất tư nghị
Quá, hiện, vị lai vô số kiếp
Công đức lợi sinh không dừng nghỉ.
Ngàn ánh Phật quang thường soi tỏa
Lợi ích quần sinh độ có duyên

Không duyên khó thấy Từ quang Phật
Cũng như người mù không trông thấy.
Pháp thuần một vị không biến đổi
Phật trước, Phật sau nói đều đồng
Như mưa, một vị thấm khắp cả
Cỏ cây tươi tốt, lớn, nhỏ khác.
Chúng sinh tùy căn đều giải được
Cỏ cây nhuần thấm cũng sai khác.
Bồ-tát, Thanh văn độ chúng sinh
Như nước sông lớn chảy không cạn
Chúng sinh không tín, hóa không tới
Như chỗ tối tăm trời khó soi
Ánh trăng Như Lai rất trong lành
Hay trừ mọi tối cũng như thế.
Cũng như chậu úp trăng không chiếu
Chúng sinh mê hoặc cũng như thế.
Pháp bảo như cam lộ, thuốc hay
Trị được tất cả bệnh phiền não
Người tin uống thuốc, chứng Bồ-đề
Không tin tùy duyên sa đường ác.
Bồ-tát, Thanh văn thường ở đời
Vô số phương tiện độ chúng sinh
Chúng sinh nếu có lòng tin thích
Nhập ngôi an lạc của Ba thừa.
Như Lai không xuất hiện ở đời
Tất cả chúng sinh vào tà đạo
Mãi lìa cam lộ, uống thuốc độc
Chìm đắm bể khổ không kỳ ra.
"Phật nhật" xuất hiện ba ngàn cõi
Tỏa ánh sáng lớn chiếu đêm dài
Chúng sinh như ngủ không hay biết
Nhờ sáng được vào nhà vô vi.
Như Lai chưa nói pháp Nhất thừa
Quốc độ mười phương đều không, hư
Phát tâm tu hành thành Chánh giác
Tất cả cõi Phật đều nghiêm tịnh.
Pháp bảo Nhất thừa: mẹ chư Phật
Như Lai ba đời từ đấy sinh

Bát-nhã phương tiện tu không mỏi
Thành đạo giải thoát lên diệu giác.
Nếu Phật, Bồ-tát chẳng thị hiện
Chúng sinh ở đời không đạo sư
Hiểm nạn sinh tử không ai dẫn
Như thế làm sao đến Bảo thành?
Dùng nguyện lực lớn làm bạn lành
Thường nói diệu pháp khiến tu hành
Dốc hướng Thập địa chứng Bồ-đề
Khéo vào Niết-bàn chốn an lạc.
Bồ-tát Đại Bi hiện ở đời
Phương tiện dẫn dắt các chúng sinh
Trong ẩn hạnh chân thực Nhất thừa
Ngoài hiện tướng Thanh văn, Duyên giác.
Độn căn trí nhỏ nghe Nhất thừa
Sợ phải phát tâm qua nhiều kiếp
Không biết mình có tánh Như Lai
Chỉ vui tịch diệt, chán phiền não.
Chúng sinh vốn có giống Bồ-đề
Đều ở trong tạng thức: Lại-da
Nếu gặp bạn lành phát tâm lớn
Ba thứ rèn mài, tu diệu hạnh.
Dứt hẳn phiền não, sở tri chướng
Chứng được thân thường trụ Như Lai
Diệu quả Bồ-đề chẳng khó thành
Chân thiện tri thức thực khó gặp.
Tất cả Bồ-tát tu thắng đạo
Bốn pháp trọng yếu cần nên biết:
Thân cận bạn lành là thứ nhất,
Lắng nghe chánh pháp là thứ hai,
Như lý suy lường là thứ ba,
Như pháp tu chứng là thứ tư.
Tất cả đại Thánh chủ mười phương
Tu bốn pháp ấy chứng Bồ-đề.
Này các ông: Trưởng giả, hội chúng
Và Thanh tín sĩ đời vị lai,
Bốn pháp nơi Bồ-tát như thế
Đó là bốn pháp hàng Bồ-tát

Cần phải tu tập thành Phật đạo.
Các hàng Thiện nam nên lắng nghe
Như Lai nói ra bốn ân trên
Thì ân Phật bảo là tối thượng
Vì độ chúng sinh phát tâm lớn.
Ba tăng-kỳ kiếp trong đại kiếp
Tu đủ trăm ngàn các hạnh khổ
Công đức viên mãn khắp pháp giới
Thập địa rốt ráo chứng ba thân.
Pháp thân thể hiện khắp chúng sinh
Muôn đức cô đọng tánh thường trụ
Không sinh, không diệt, không đi, lại
Không một, không khác, không đoạn, thường
Đầy khắp pháp giới như hư không
Tất cả Như Lai cùng tu chứng.
Hữu vi, vô vi các công đức
Nương tựa Pháp thân thường thanh tịnh
Bản tánh Pháp thân như hư không
Xa lìa sáu trần không nhiễm trước.
Pháp thân vô hình lìa các tướng
Năng tướng, sở tướng thảy đều không
Như thế, diệu Pháp thân chư Phật
Hý luận, ngôn từ tướng vắng bặt.
Xa lìa tất cả các phân biệt
"Tâm hành xứ diệt" thể đều như
Vì muốn chứng được thân Như Lai
Bồ-tát khéo tu nơi muôn hạnh.
Thể "trí" vô vi chân pháp tánh
Sắc, tâm tất cả các Phật đồng
Ví như chim bay đến núi vàng
Làm cho thân chim đồng sắc ấy.
Tất cả Bồ-tát như chim bay
Thể Pháp thân Phật tựa núi vàng
Tự thọ dụng thân các tướng tốt
Mỗi một đầy khắp cõi mười phương.
Bốn trí viên minh hưởng pháp lạc
Phật trước, Phật sau thể đều đồng
Tuy khắp pháp giới không chướng ngại

Diệu cảnh như thế khó nghĩ bàn.
Thân ấy thường trụ báo Phật độ
Tự hưởng pháp lạc không gián đoạn
Tha thọ dụng thân các tướng tốt
Tùy cơ ứng hiện không thêm, bớt.
Vì độ Bồ-tát bậc Địa thượng
Một Phật hiện ra mười loại thân
Tùy chỗ ứng hiện đều bất đồng
Dần dần tăng tiến đến vô cực.
Phù hợp căn cơ nói pháp mầu
Khiến hưởng pháp lạc vào Nhất thừa
Vị được thần thông dần tăng trưởng
Pháp môn sở ngộ cũng như thế.
Hạ địa Bồ-tát khởi trí tuệ
Chẳng thể thấu đạt các Địa trên
Hóa độ năng, sở tùy thượng hạ
Mỗi mỗi tùy duyên làm sở thuộc.
Hoặc một Bồ-tát, nhiều Hóa Phật
Hoặc nhiều Bồ-tát, một Hóa Phật
Như thế, mười Phật thành Chánh giác
Đều ngồi dưới Bồ-đề bảy báu.
Phật trước nhập diệt, Phật sau thành
Hóa Phật chẳng đồng trải kiếp hiện
Mười Phật ngồi trên đài hoa sen
Quanh khắp đều có trăm ngàn cánh.
Mỗi một cánh sen một cõi Phật
Tức là cõi Tam thiên đại thiên
Trong mỗi một cõi có trăm ức
Mặt trời, trăng, sao bốn đại châu.
Sáu cõi trời Dục và bốn Thiền
Không xứ, Thức xứ đến Phi tưởng
Cùng châu Nam thiệm trong bốn châu
Mỗi mỗi đều có tòa Kim cang.
Cùng với Bồ-đề đại thọ vương
Các thân Phật hóa trong khi ấy
Nhất thời chứng được đạo Bồ-đề
Quay xe diệu pháp trong Đại thiên.
Bồ-tát, Duyên giác và Thanh văn

Tùy chỗ hợp căn thành Thánh quả
Như thế, nói ra ba thân Phật
Trên hết, không gì sánh, là "Bảo".
Ứng, Hóa hai thân nói ra pháp
Giáo, lý, hành, quả là Pháp bảo
Chư Phật lấy Pháp làm Đại sư
Tu tâm chứng được đạo Bồ-đề.
Pháp bảo ba đời không biến đổi
Tất cả chư Phật đều y cứ
Ta nay đảnh lễ Nhất thiết trí
Nên nói Pháp bảo, Thầy chư Phật.
Hoặc vào lửa dữ không thể cháy
Ứng thời liền đạt chân giải thoát
Pháp bảo hủy phá ngục sinh tử
Giống như Kim cang phá muôn vật.
Pháp bảo soi vào tâm chúng sinh
Ví như mặt trời trên không giới.
Pháp bảo hay làm thuyền bền chắc
Vượt qua biển ái lên bờ giác.
Pháp bảo hay cho chúng sinh vui
Ví như trống trời hợp lòng trời.
Pháp bảo hay giúp chúng sinh nghèo
Như ngọc Ma-ni mưa mọi báu.
Pháp bảo hay làm thềm Tam bảo
Nhân tu nghe pháp sinh thượng giới.
Pháp bảo: Kim Luân đại Thánh vương
Dùng sức pháp lớn phá bốn ma.
Pháp bảo hay làm xe báu lớn
Chuyên chở chúng sinh ra nhà lửa.
Pháp bảo hay làm Đại Đạo sư
Dẫn dắt chúng sinh đến "Bảo sở".
Pháp bảo hay thổi loa đại pháp
Giác ngộ chúng sinh thành Phật đạo.
Pháp bảo hay làm đèn đại pháp
Soi chỗ tối tăm trong sinh tử.
Pháp bảo hay làm "Kim cang tiễn"
Trấn giữ quốc giới dẹp mọi oán.
Những pháp của Phật ba đời nói

Làm lợi chúng sinh khỏi khổ buộc
Dẫn vào thành Niết-bàn an lạc
Thế là ân Pháp bảo khó trả.
Trưởng giả Trí Quang ông nghe kỹ,
Thế, xuất thế Tăng có ba hạng:
Bồ-tát, Thanh văn Thánh, phàm chúng
Là thửa ruộng phước, lợi chúng sinh.
Văn-thù-sư-lợi: Đại Thánh Tôn
Chư Phật ba đời cho là mẹ.
Như Lai mười phương lúc phát tâm
Đều do giáo hóa của Văn-thù.
Tất cả thế gian, các hữu tình
Nghe tên, thấy thân và hào quang
Cùng thấy thân hóa hiện tùy loại
Đều thành Phật đạo khó nghĩ bàn,
Di-lặc Bồ-tát – Pháp vương tử
Từ mới phát tâm không ăn thịt
Do nhân duyên ấy gọi là "Từ Thị"
Vì nhằm thành tựu các chúng sinh.
Ở cõi thứ tư – trời Đâu-suất
Trong điện Như ý bốn chín trùng
Ngày đêm thường nói "hạnh Bất thoái"
Vô số phương tiện độ trời, người.
Nước tám công đức ao Diệu hoa
Chúng sinh có duyên đồng sinh đến.
Đệ tử Ta nay giao Di-lặc
Trong hội Long hoa được giải thoát.
Các thiện nam tử, đời mạt pháp
Một nắm cơm ăn cho chúng sinh
Nhờ căn lành ấy thấy Di-lặc
Sẽ được đạo Bồ-đề cứu cánh.
Ông Xá-lợi-phất… Đại Thanh văn
Trí tuệ thần thông hóa mọi loài
Nếu thành tựu được giới giải thoát
Thực là người tu hành chánh kiến
Vì người thuyết pháp truyền Đại thừa
Ruộng phước như thế là thứ nhất.
Hoặc có một hạng phàm phu Tăng

Giới phẩm không trọn, sinh chánh kiến
Ca ngợi Nhất thừa pháp nhiệm mầu,
Tuy phạm, dốc hối, chướng tiêu trừ.
Vì các chúng sinh gieo nhân Phật
Phàm phu như thế là Tăng bảo
Như hoa Uất kim tuy héo úa
Vẫn hơn tất cả các hoa đẹp.
Tỳ-kheo chánh kiến cũng như thế
Bốn hạng Luân vương chẳng so kịp.
Như thế bốn hạng Thánh, Phàm Tăng
Lợi lạc hữu tình không dừng nghỉ
Là ruộng phước tốt của thế gian
Thế là Tăng bảo ân đức lớn.
Như Ta đã nói bốn ân nghĩa
Là ân tạo ra ruộng phước đời
Tất cả muôn vật từ đấy sinh
Nếu rời bốn ân không thể được.
Ví như các sắc trần thế gian
Sinh được do nơi bốn Đại tạo
Hữu tình thế gian cũng như thế
Do bốn ân kia được an lập.

Khi ấy, Trưởng giả Trí Quang cùng con ông và quyến thuộc… nghe Phật nói về bốn ân lớn ấy, cho rằng được nghe sự chưa từng có bao giờ, hoan hỷ chắp tay bạch Phật:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đại Từ Thế Tôn! Ngài đã vì những chúng sinh tà kiến không tin nhân quả, không hiếu cha mẹ trong đời xấu ác ô trược, nói chân diệu pháp đem lại lợi lạc cho thế gian, nay kính xin Đức Thế Tôn nói thêm cho về nghĩa báo ân. Chúng con đã ngộ được ý rất sâu của bốn ân nhưng, nay chúng con chưa biết tu nghiệp thiện gì để báo được ân ấy.

Đức Phật bảo ông Trưởng giả:

– Các Thiện nam, trước kia Ta đã vì năm trăm vị Trưởng giả nói rộng về nghĩa ấy rồi, nay Ta sẽ vì các ông nói qua ít phần mà thôi! Các hàng thiện nam, thiện nữ nào muốn được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên tinh siêng tu hành mười pháp Ba-la-mật. Song, nếu còn sở đắc thì vẫn chưa được gọi là Báo ân. Nếu người nào chỉ trong giây lát làm được một tâm thiện Vô sở đắc, mới được gọi là Báo ân. Sở dĩ thế là sao? Vì tất

cả Như Lai chứng đạt nẻo Vô sở đắc mới thành Phật đạo, hóa độ chúng sinh. Nếu có các Thiện nam tịnh tín nào được nghe kinh này, tin, hiểu, thọ trì, giảng nói, viết chép, đem Vô sở đắc, tam luân thể không riêng vì một người mà giảng nói pháp, dù chỉ bốn câu, khiến họ trừ được tâm tà kiến, dốc hướng về đạo Bồ-đề, thế tức là báo bốn ân. Sao vậy? Vì người ấy sẽ được đạo quả Vô thượng Bồ-đề, lần lượt giáo hóa cho vô lượng chúng sinh, khiến họ nhập Phật đạo, làm cho hạt giống Tam bảo mãi mãi không hề bị đoạn tuyệt.

Khi ông Trưởng giả Trí Quang nghe bài kệ ấy rồi liền đạt được tam-muội Nhẫn nhục, chán lìa các khổ ở thế gian, được Bất thoái chuyển. Cùng lúc đó, tám ngàn người con và quyến thuộc cũng đạt được pháp Tam-muội ấy và đều phát tâm Vô đẳng đẳng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; bốn vạn tám ngàn người khác cũng chứng được Tam-muội, xa lìa mọi thứ bụi bặm phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 4

Phẩm 3: Yếm Xả

Bấy giờ, Trưởng giả Trí Quang nhờ uy thần của Phật, liền từ tòa đứng dậy đảnh lễ chân Phật, cung kính chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nay theo Phật, nghe được diệu pháp Báo ân rất sâu ấy, trong lòng hớn hở, cho rằng được sự chưa từng có bao giờ, như người đang đói khát gặp được món ăn cam lộ. Con nay mong muốn đền trả bốn ân, cúng dường Phật, Pháp, Tăng, xuất gia tu đạo, thường siêng tinh tấn mong chứng Bồ-đề!

Phật đại từ bi, trong một thời tại thành Tỳ-xá-ly vì ông Vô Cấu Xưng nói pháp rất sâu rằng:

"Ông Vô Cấu Xưng, lấy tâm thanh tịnh làm gốc thiện nghiệp, lấy tâm bất thiện làm gốc ác nghiệp; tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh, tâm tạp uế, thế giới tạp uế; trong Phật pháp của Ta lấy tâm làm chủ. Tất cả các pháp đều do tâm. Nay ông là người tại gia có phước đức lớn, mọi thứ châu báu chuỗi ngọc không gì là không đầy đủ; họ hàng trai, gái yên ổn an lạc, lại thành tựu chánh kiến, không hủy báng Tam bảo, biết đem tâm hiếu dưỡng cung kính tôn thân, khởi tâm đại từ bi cấp cho kẻ cô độc và cho đến các loại sâu, kiến… cũng không làm hại. Ông lấy nhẫn nhục làm áo mặc, từ bi làm nhà ở, tôn kính bậc có đức, tâm không kiêu mạn; thương xót tất cả chúng sinh như con đỏ; không tham tài lợi, thường tu thiện xả, cúng dường Tam bảo, tâm không biết đủ, vì pháp bỏ mình vẫn không lẫn tiếc. Người tại gia như thế tuy không xuất gia nhưng đã đầy đủ vô lượng, vô biên công đức. Đời sau ông sẽ đầy đủ muôn hạnh, vượt trên ba cõi chứng Đại Bồ-đề. Sự tu tập của ông đúng là chân Sa-môn, cũng là Bà-la-môn, là chân Tỳ-kheo, là chân xuất gia. Người như thế nên gọi là tại gia-xuất gia."

Hoặc có một thời, Đức Thế Tôn ở nơi tinh xá trong vườn Trúc Ca-lan-đà, vì đám lục quần Tỳ-kheo tánh tình xấu ác, nói pháp nhằm khuyên dạy họ:

"Các ông Tỳ-kheo, các ông hãy nghe cho kỹ! Nghe cho kỹ! Vào bể Phật pháp "Tín" là căn bản, qua sông sinh tử "Giới" là thuyền bè. Nếu người xuất gia không giữ giới cấm, tham đắm mọi thứ dục lạc ở đời, hủy hoại giới quý báu của Phật, hoặc mất chánh kiến lạc vào rừng tà kiến, dẫn theo vô lượng người rơi xuống hố sâu lớn. Tỳ-kheo như thế không gọi là người xuất gia, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, hình tướng giống Sa-môn, nhưng tâm thường tại gia, Sa-môn như thế không có hạnh viễn ly. Hạnh viễn ly có hai thứ: Một là thân viễn ly. Hai là tâm viễn ly. Thân viễn ly, như người xuất gia thân ở nơi thanh vắng, không bị nhiễm cảnh dục là "thân viễn ly". Nếu như người xuất gia tu tâm thanh tịnh không bị nhiễm cảnh dục gọi là "tâm viễn ly". Thân tuy xa lìa thế tục, nhưng tâm vẫn còn tham cảnh dục, người như thế không gọi là viễn ly. Như các tịnh tín nam và tịnh tín nữ, thân tuy ở nơi làng xóm mà phát tâm vô thượng, dùng tâm đại từ bi đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, tu hành như thế là chân viễn ly".

Lúc đó, lục quần Tỳ-kheo tánh khí xấu ác nghe pháp âm ấy liền đạt được pháp nhẫn Nhu thuận. Nay chúng con tuy tin lời Phật nói, nhưng đều còn có tâm hoài nghi, ý chưa quyết định. Lành thay Thế Tôn! Ngài hay cắt đứt mọi sự nghi ngờ của thế gian! Ngài là bậc ở nơi tất cả các pháp luôn được tự tại! Ngài là bậc có lời nói chân thực, lời nói duy nhất không hai! Ngài là bậc biết đạo, là bậc mở đạo! Vậy, kính xin Như Lai vì chúng con cùng tất cả chúng sinh đời mai sau, bỏ phương tiện, giảng nói pháp chân thực, làm cho chúng con dứt hẳn được sự ngờ vực, nghi hoặc, vào được Phật đạo.

Nay trong hội này có hai hàng Bồ-tát: một là Bồ-tát xuất gia; hai là Bồ-tát tại gia. Hai hàng Bồ-tát ấy đều khéo đem lại sự lợi lạc cho tất cả chúng sinh, không hề dừng nghỉ. Như con suy nghĩ: Bồ-tát xuất gia không bằng người tại gia tu hạnh Bồ-tát. Vì sao thế? Xưa có Kim luân Thánh vương phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chán ngán sự vô thường, khổ, không của thế gian, bỏ ngôi Luân vương như nhổ bỏ nước mũi, nước bọt, dốc theo nẻo xuất gia thanh tịnh đi vào trong đạo Phật. Khi ấy, tám vạn bốn ngàn phu nhân, thể nữ nơi hậu cung thấy vua xuất gia đều mang lòng luyến mộ tâm ý xốn xang sầu não quá thể, khởi ra sự đau khổ trong tình ái biệt ly, như bị nỗi khổ nơi địa ngục. Kim luân Thánh vương từ lúc bắt đầu nhận ngôi vua đã cảm mến được các bảo nữ cùng ngàn vương tử và các đại thần quyến thuộc, nay nhà vua bỏ ngôi báu đi xuất gia, họ cùng đau lòng giữa tình ly biệt, tiếng gào khóc của họ vang dậy bốn thiên hạ. Những người quyến thuộc ấy đều nói: "Vua chúng tôi phước trí

vô lượng vô biên, làm sao mà nỡ bỏ chúng tôi đi xuất gia! Thương thay! Khổ thay! Thế giới rỗng không! Từ nay trở đi chúng tôi không còn nơi nương cậy!"

Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào với lòng tin thanh tịnh, quy y Phật, Pháp, Tăng, phát tâm Bồ-đề, lìa bỏ cha mẹ xuất gia nhập đạo, thì cha mẹ thương xót, ân niệm tình thâm, sự buồn khổ trong ly biệt thật cảm động cả trời đất. Như cá ở chỗ vũng nước cạn phải lăn lóc trên mặt đất, thời nỗi khổ về ái biệt ly cũng thế và như tâm nơi đám họ hàng Kim luân vương kia không khác. Bồ-tát xuất gia đem đến lợi ích cho chúng sinh, sao lại làm nhiễu hại cha mẹ, vợ con khiến nhiều người chịu khổ não quá như vậy? Do nhân duyên ấy, Bồ-tát xuất gia không có từ bi, không đem lại lợi ích cho chúng sinh, thế nên không bằng Bồ-tát tại gia đủ tâm đại từ bi, thương xót chúng sinh làm lợi ích tất cả!

Lúc đó, Đức Phật bảo Trưởng giả Trí Quang:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ông có tâm đại từ bi khuyến thỉnh Như Lai nói về sự hơn kém của hai hàng Bồ-tát xuất gia và tại gia. Nay ông hỏi và cho rằng Bồ-tát xuất gia không bằng tại gia, nghĩa ấy không phải. Sở dĩ thế là sao? Bồ-tát xuất gia hơn tại gia vô lượng vô biên không thể lấy gì sánh ví được. Sao vậy? Vì Bồ-tát xuất gia dùng năng lực trí tuệ chân chánh quán sát hàng tại gia một cách tỉ mỉ vẫn thấy có nhiều lỗi lầm; đó là tất cả nhà cửa ở thế gian, trong đó tích góp nhiều vật báu mà vẫn chưa biết là đầy đủ, cũng như biển cả dung nhận tất cả nước các con sông lớn, nhỏ nhưng cũng chưa từng cho là đầy đủ. Này thiện nam, phía Nam Hương sơn, phía Bắc Tuyết sơn có ao A-nậu, bốn Đại Long vương đều ở trong ấy và mỗi vị ở một góc: Long vương ở góc Đông nam là Bạch Tượng Đầu, Long vương ở góc Tây nam là Thủy Ngưu Đầu, Long vương ở góc Tây bắc là Sư Tử Đầu, Long vương ở góc Đông bắc là Đại Mã Đầu. Nước từ bốn góc ấy chảy ra bốn sông lớn:

Sông Căng-già, nước sông này chảy đến chỗ nào thì loài voi trắng theo đó sinh sản.

Sông Tín-độ, nước sông này chảy đến chỗ nào thì loài trâu theo đó sinh sôi.

Sông Bạc-sô, nước sông này chảy đến chỗ nào thì loài sư tử theo đó xuất hiện.

Sông Tư-đà, nước sông này chảy đến chỗ nào thì loài ngựa lớn theo đó mà sinh ra.

Những con sông lớn ấy, trong mỗi con sông lại có năm trăm dòng

sông vừa vừa, trong mỗi con sông vừa vừa lại có vô lượng sông nhỏ. Tất cả nước trong các con sông lớn, vừa vừa và nhỏ ấy đều chảy vào biển cả, song, biển cả kia vẫn chưa từng cho là đầy đủ. Chúng sinh trong thế gian với mọi thứ hiện có về nơi ở, nhà cửa cũng như thế. Họ gom góp được các thứ ngọc báu ở bốn phương đem lại đều để vào trong nhà ấy, song họ chưa từng cho là đầy đủ. Cầu nhiều, tích góp nhiều thì tạo ra nhiều tội lỗi; vô thường vụt đến, phải vứt bỏ nhà cũ ra đi, khi ấy chủ nhà tùy nghiệp mà chịu báo, trải qua vô lượng kiếp hoàn toàn không có chỗ nào để quay về cả!

Này thiện nam, đây nói về "nhà" tức là nói về cái thân năm Uẩn, mà chủ căn nhà ấy là Bản thức của ông. Người có trí tuệ ai lại ưa căn nhà "hữu vi" ấy; mà chỉ thích cung điện báu Bồ-đề an lạc xa lìa hẳn mọi thứ lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não thôi! Nếu những Thiện nam… có căn khí linh lợi, lòng tin thanh tịnh sâu dày, muốn độ cha mẹ, vợ con, họ hàng để họ vào được ngôi nhà "Vô vi cam lộ" thì nên quy Tam bảo, xuất gia học đạo!

Bấy giờ, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ sau đây:

Bồ-tát xuất gia hơn tại gia
Tính toán, thí dụ không sánh kịp.
Tại gia bức bách như lao ngục
Muốn cầu giải thoát rất là khó,
Xuất gia thư thái như hư không
Tự tại, vô vi khỏi ràng buộc.
Xét kỹ tại gia nhiều lỗi lầm
Tạo tác tội lỗi không bờ bến
Mưu sống, cầu nhiều thường chẳng đủ
Cũng như biển cả khó đầy được.
Long vương ở trong ao A-nậu
Bốn góc chảy ra bốn bể lớn
Bao nhiêu nước sông lớn, vừa, nhỏ
Ngày đêm tuôn chảy không hề ngừng
Song, biển cả kia chưa từng đủ
Tham cầu nhà cửa cũng như thế!
Tại gia khởi nhiều các nghiệp ác
Chưa từng sám, tẩy cho trừ diệt.
Không biết ái niệm nguy ngập thân
Không rõ mạng căn như sương sớm.
Sứ giả Diễm-ma cùng giục thúc
Vợ con, nhà cửa sao theo được

U minh tăm tối trong đêm dài
Riêng đến cửa chết tùy nghiệp chịu.
Chư Phật xuất hiện khởi lòng thương
Muốn cho chúng sinh nhàm trần tục.
Ông nay đã nhận thân khó được
Nên siêng tinh tấn chớ phóng dật!
Nhà cửa tại gia rất đáng chán
Nhà báu "Không tịch" khó nghĩ bàn
Rời hẳn bệnh khổ và ưu não
Những bậc có trí quán sát kỹ!
Thiện nam, tín nữ ở đời sau
Muốn độ cha mẹ và quyến thuộc
Để vào thành "Cam lộ vô vi"
Mong cầu xuất gia tu diệu đạo
Tu hành dần dần thành Chánh giác
Sẽ chuyển Vô thượng đại Pháp luân.

Lại nữa thiện nam tử, Bồ-tát xuất gia xem nhà cửa nơi thế gian cũng như đá lửa càng sinh lo, chán. Sao vậy? Ví như chút lửa có thể đốt cháy tất cả cỏ cây…, nhà cửa nơi thế gian cũng như thế. Tâm tham muốn tìm cầu, giong ruổi khắp bốn phương, nếu có được những gì thì sự thọ dụng vẫn không đủ; trong tất cả thời gian theo đuổi tìm kiếm đều không hề biết chán và nếu không được gì thì tâm sinh sầu não, ngày đêm càng truy cầu thêm. Thế nên tất cả nhà cửa nơi thế gian hay sinh ra vô lượng lửa phiền não, vì khởi tâm tham, thường không biết đủ. Của báu ở thế gian cũng như cỏ cây, còn tâm tham dục thì như nhà cửa thế gian. Do nhân duyên ấy, tất cả chư Phật thường nói: "Ba cõi là nhà lửa". Thiện nam tử, Bồ-tát xuất gia nên luôn quán tưởng như thế, chán lìa thế gian mới là "xuất gia chân chánh".

Khi ấy, Đức Như Lai lại nói nghĩa trên bằng lời kệ sau đây:

Bồ-tát xuất gia xem nhà đời
Cũng như chút lửa của thế gian
Tất cả cỏ cây dần cháy hết
Nhà đời, nên biết cũng như thế.
Chúng sinh có nhiều những của báu
Lại còn tìm cầu, thường không đủ
Cầu không được khổ thường tại tâm
Lửa lão, bệnh, tử không lúc dứt.
Do nhân duyên ấy các Thế Tôn

Nói rằng "Ba cõi là nhà lửa"
Nếu muốn vượt qua khổ ba cõi,
Nên tu Phạm hạnh làm Sa-môn
Tam-muội thần thông được hiện tiền
Tự lợi lợi tha đều viên mãn.

Lại nữa thiện nam, ưa muốn xuất gia thì nên quán nhà cửa, như trong hang đá núi sâu có kho báu lớn. Ví như ông Trưởng giả chỉ có một con, nhà ông rất giàu, của báu vô lượng, tôi trai tớ gái, người hầu, voi, ngựa vô số. Trong thời sau này người cha chợt bị bệnh nặng, thầy hay thuốc tốt không sao cứu chữa được, ông Trưởng giả tự biết mình không bao lâu nữa sẽ chết, liền gọi con lại bảo:

– Phàm tất cả của báu hiện có của ta, ta giao phó hết cho con, con cố gắng giữ gìn đừng để mất mát!

Người cha dặn dò trao gởi rồi liền mất. Sau đó, con ông Trưởng giả không thuận mạng cha, tha hồ phóng túng, đua đòi, gia nghiệp hao tốn, của cải tan mất, tôi tớ lại lẫn trốn không còn nương tựa nữa. Khi ấy, tâm bà mẹ già mang sự lo buồn, sầu não bị bệnh nặng rồi mất. Người con ấy bị nghèo cùng, không còn có chỗ nhờ cậy, liền vào nơi hang núi nhặt củi, hái quả bán đi mua cháo cơm tự sống qua ngày. Một ngày kia, gặp mưa tuyết, người con ấy tạm thời vào trong hang đá nghỉ ngơi. Trong hang ấy là chỗ Quốc vương xưa cất giấu đồ thất bảo, không ai biết cả, nay đã trải qua hàng trăm ngàn năm, nơi đây vắng bặt bóng người lui tới.

Bấy giờ, người nghèo kia do nhân duyên đưa đẩy, tình cờ vào trong hang thấy rất nhiều vàng, tâm vui mừng quá cho rằng được sự chưa từng có bao giờ. Nhân đó, người ấy mới chia ra: Ngần này phần vàng để dựng cất nhà cửa, ngần này phần vàng là để cưới vợ, phần này thuê tôi tớ, phần này mua voi, ngựa, tùy tâm muốn gì đều được như ý. Đang khi trù tính như thế, có bọn giặc vì chạy đuổi con hươu đến trước hang, thấy người nghèo ấy đem vàng phân phối ra từng phần, liền bỏ không đuổi hươu nữa, mà giết người lấy vàng. Phàm ngu si cũng giống như thế, quá ham sự vui sướng ở đời không thích lìa bỏ. Hang đá núi sâu như nhà cửa của đời, vàng ngọc chôn giấu cũng như thiện căn, sứ giả của Diễm-ma vương tức là bọn giặc. Theo nghiệp chịu báo bị đọa trong ba đường ác, không nghe thấy tên hiệu của cha mẹ, Tam bảo, lại làm mất cả căn lành. Do nhân duyên ấy, người đời cần nên chán rời, phát tâm Vô thượng Đại Bồ-đề, xuất gia tu đạo mong thành tựu bậc Diệu giác.

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ:

Ưa thích tại gia, các Bồ-tát
Xem xét nhà cửa như kho quý.
Ví như Trưởng giả có một con
Nhà ông rất giàu nhiều của báu
Tôi tớ người hầu cùng xe ngựa
Tất cả cần dùng đều sung túc.
Về sau Trưởng giả thân bị bệnh
Thầy giỏi khắp đời đều bó tay
Sắp mất, kêu gọi người thân tộc
Giao phó gia tài cho người con
Dạy răn con giữ tâm hiếu dưỡng
Siêng việc hưởng tự đừng đoạn tuyệt.
Khi ấy người con trái mạng cha
Thả lỏng ngu si, phóng dật nhiều
Mẹ già lo buồn thân đau yếu
Lại nhân con hư liền chết mất.
Quyến thuộc xa lìa không chỗ nương
Nhặt củi đổi cháo làm thường dụng
Đến núi sâu kia gặp gió tuyết
Vào trong hang đá tạm nghỉ ngơi.
Trong hang xưa giấu của quý báu
Đã trải lâu xa không người biết
Kẻ ấy gặp được kho vàng thực
Sinh lòng hớn hở chưa từng có.
Tức thời phân phối số vàng kia
Tùy ý muốn gì đều dùng nó:
Hoặc để dựng nhà, hoặc cưới vợ
Tôi tớ, voi, ngựa và xe cộ.
So tính mai sau không bỏ được
Bọn giặc đuổi hươu chạy đến trước
Là oán gia kia khi hội ngộ
Liền giết người nghèo lấy vàng đi.
Chúng sinh ngu si cũng như thế
Hang đá cũng như nhà cửa đời
Chôn giấu vàng thật ví thiện căn
Quỷ sứ Diễm-ma như giặc cướp.
Do nhân duyên ấy, các Phật tử
Sớm nên xuất gia tu thiện phẩm

Quán xem thân mạng như bọt nổi
Siêng tu Giới, Nhẫn Ba-la-mật.
Sẽ tới cây Bồ-đề thất bảo
Trên tòa Kim cang chứng Như như
Thường trụ bất diệt khó nghĩ bàn
Chuyển xe chánh pháp độ quần sinh.

Lại nữa thiện nam, tất cả nhà cửa hiện có của thế gian, cũng như món ăn uống ngon ngọt mà bị lẫn lộn thuốc độc. Ví như ông Trưởng giả chỉ có một người con, căn khí linh lợi, thông minh, trí tuệ, thấu suốt được Quán môn bí mật Ca-lâu-la, biết dùng phương tiện khéo léo để phân biệt những thứ thuốc độc, vì thế cha mẹ thương yêu, nhớ mến không gì sánh ví được. Bấy giờ, con ông Trưởng giả vì có việc cần nên đi ra ngoài chợ chưa kịp trở về, ở nhà cha mẹ cùng thân tộc có việc vui mừng, bày đặt yến tiệc, sắm sửa đầy đủ các món ăn uống ngon quý. Nhưng, lúc đó có kẻ thù oán nào ngấm ngầm đem thuốc độc bỏ vào trong thức ăn uống, không một ai hay biết. Khi ấy cha mẹ cũng không biết là trong món ăn có thuốc độc lẫn lộn, vậy là cả nhà lớn, bé đều ăn phải món ăn lẫn thuốc độc đó. Sau người con về tới, cha mẹ vui mừng đưa cho con những món ăn uống còn để phần. Con ông Trưởng giả khi chưa dùng đến các món ăn uống ấy, liền niệm Quán môn Ca-lâu-la bí mật, biết ngay là trong món ăn có lẫn thuốc độc. Người con tuy biết sự việc, nhưng không dám nói rõ là cha mẹ đã ăn lầm phải thuốc độc. Sở dĩ thế là sao? Vì nếu cha mẹ biết mình đã ăn phải thuốc độc thì càng thêm phiền muộn, não loạn, độc khí chóng phát, càng làm cho người ta chóng chết. Người con mới đặt ra phương tiện thưa cha mẹ:

– Con sở dĩ chưa dùng món ăn uống này vì con phải đi ra chợ một chút, khi về con sẽ ăn. Sao vậy? Vừa rồi con có mua được một viên ngọc báu vô giá, con bỏ trong két quên chưa khóa.

Cha mẹ nghe con nói đến thứ ngọc báu thì sinh tâm hoan hỷ, mặc cho con đi. Người con bèn chạy vội đến nhà thầy thuốc giỏi, cầu thuốc hay là thuốc A-già-đà giải độc. Được thuốc ấy rồi, người con chạy vội về nhà, lấy sữa, tô và đường phèn, ba vị sắc chung rồi hòa với thuốc A-già-đà. Làm thuốc xong, người con mới thưa cha mẹ:

– Kính xin cha, mẹ uống nước cam lộ này, đây là thuốc A-già-đà ở núi Tuyết. Sở dĩ thế là sao? Lúc nảy cha mẹ ăn lầm phải thuốc độc trộn trong thức ăn, con tạm ra ngoài một chút, bản ý của con chỉ vì cha mẹ cùng mọi người dốc tìm được thuốc hay bất tử này mà thôi.

Khi ấy tâm cha mẹ và mọi người rất vui mừng, cho như là được sự

chưa từng có, liền uống ngay thuốc ấy, nên hết các độc khí, không bị chết và thân mạng được sống lâu.

Bồ-tát xuất gia cũng thế, cha mẹ quá khứ bị chìm đắm trong sinh tử, cha mẹ hiện tại không thoát ly được, thì nẻo sinh tử trong mai sau khó dứt hết và phiền não hiện tại cũng khó dẹp trừ. Do nhân duyên ấy, vì muốn độ cha mẹ và các chúng sinh nên đã mạnh mẽ phát tâm đồng thể đại từ bi cầu Đại Bồ-đề xuất gia nhập đạo. Này thiện nam, thế gọi là nhà cửa nơi thế gian như thuốc độc lẫn trộn trong món ăn ngon tốt.

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Nhà cửa sở hữu của thế gian
Nói là thuốc độc lẫn mỹ thực.
Ví như Trưởng giả có một con
Thông minh, lợi trí lại nhiều tài
Giỏi môn bí mật Ca-lâu-la
Có phương tiện khéo biết thuốc độc.
Con có sự duyên ra ngoài chợ
Tạm thời buôn bán chưa về nhà
Cha mẹ yên vui hợp thân thuộc
Cỗ quý trăm mùi đều đầy đủ.
Có một kẻ ác mang thuốc độc
Ngầm đến, bỏ vào món ăn uống
Người con khi ấy không ở nhà
Cha mẹ vì con lưu một phần.
Cả nhà ăn lầm thuốc tạp độc
Con niệm quán môn biết có độc
Liền chạy vội đến chỗ thầy thuốc
Cầu được thuốc Già-đà bất tử.
Ba vị hòa sắc, thuốc thành rồi
Liền thưa thân thuộc uống nhanh nhanh
Uống thuốc như thế như cam lộ
Khỏi mọi tạp độc đều an lạc.
Tất cả Thiện nam có lòng tin
Xuất gia tu đạo cũng như thế
Vì cứu cha mẹ và chúng sinh
Uống phải thuốc độc của phiền não
Tâm cuồng điên đảo tạo các tội
Chìm mãi trong bể khổ sinh tử.

Cắt ái, từ thân vào đạo Phật
Được gần Điều Ngự Đại Y vương
Tu về vô lậu A-già-đà
Sinh lại nhà cha mẹ ba cõi
Khiến uống thuốc pháp dứt ba chướng
Sẽ chứng quả Vô thượng Bồ-đề!
Mãi đời vị lai thường chẳng diệt
Làm chỗ quy y độ chúng sinh
Rốt ráo ở nơi Đại Niết-bàn
Và, Phật Bồ-đề trí tròn sáng.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia thường quán tất cả nhà cửa của thế gian cũng như gió lớn không hề dừng. Sao vậy? Thiện nam, tâm ý của hàng tại gia thường khởi vọng tưởng chấp trước ngoại cảnh, không thể thông tỏ được sự thực, mãi say đắm trong nẻo vô minh tối tăm, mọi sự tiếp xúc với cảnh luôn bị điên đảo không hề an trụ được. Ác giác dễ khởi, thiện tâm khó sinh. Do vọng tưởng duyên khởi ra các phiền não; nhân các phiền não tạo ra nghiệp thiện, ác; và y vào các nghiệp thiện, ác ấy mà thọ nhận lấy quả báo trong năm đường, cứ như thế, như thế, sinh tử không dứt. Chỉ có đạt được chánh kiến, tâm không điên đảo, tạo mọi nghiệp thiện, làm nhân cho ba thiện căn và lấy "tín"… tăng trưởng cho hạt giống vô lậu của các pháp ấy, phát khởi thần thông Vô lậu tam-muội, thần thông như thế, như thế là chứng Thánh quả tương tục. Nếu dẹp được vọng tưởng, tu tập chánh quán thời tất cả phiền não sẽ được dứt sạch hẳn.

Bấy giờ, Trưởng giả Trí Quang bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tu tập chánh quán có vô lượng môn, vậy tu tập những quán môn nào mới dẹp được vọng tưởng?

Đức Thế Tôn bảo ông Trưởng giả:

– Này thiện nam, cần nên tu tập chánh quán Vô tướng. Quán Vô tướng là dẹp trừ được vọng tưởng. Song, chỉ quán thực tánh chứ không cần nhận thực về mười hiện tướng, vì thể của tất cả các pháp môn vốn không tịch, vượt mọi sự nhận thức lãnh hội thông thường thế gọi là Chánh quán. Nếu có Phật tử nào an trụ nơi chánh niệm, quán sát như thế, tu tập vô tướng Vô vi trong thời gian dài, gió dữ của vọng tưởng vắng bặt, không còn dấy động nữa, thì Thánh trí xuất hiện ngay chứng đắc diệu lý, thành tựu viên mãn. Thiện nam, đó là Hiền thánh, đó là Bồ-tát, đó là Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên ấy, tất cả Bồ-tát vì muốn dẹp trừ vọng tưởng mãi mãi không dấy khởi lên nữa, vì muốn trả bốn ân, thành tựu

được bốn đức, xuất gia tu học, ngừng tâm vọng tưởng, trải vô lượng kiếp thành tựu Phật đạo.

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Bồ-tát xuất gia quán tại gia
Cũng như gió dữ không hề dừng
Cũng như vọng chấp trăng trong nước
So tính phân biệt lấy làm thực.
Trong nước bản lai không bóng trăng
Nước tịnh là duyên thấy trăng thực.
Các pháp duyên sinh đều là giả
Phàm ngu vọng chấp cho là "ta"
Cái ấy theo "duyên", "pháp" không thực
Vọng tưởng phân biệt chấp là có.
Nếu hay dứt trừ được hai chấp
Sẽ chứng Vô thượng Đại Bồ-đề.
Vọng tưởng tình phàm như hắc phong
Thổi rừng sinh tử niệm niệm khởi
Bốn quỷ điên đảo thường theo đuổi
Khiến tạo năm thứ nhân Vô gián.
Ba căn bất thiện hiện ràng buộc
Sinh tử luân hồi luôn nối nhau
Nếu người nghe kinh, tin, hiểu sâu
Chánh kiến hay trừ tâm điên đảo
Hạt giống Bồ-đề niệm niệm sinh
Đại trí thần thông Tam-muội khởi.
Nếu tu tập được quán thâm diệu
Hoặc, nghiệp, quả khổ đâu khởi được?
Chỉ quán thực tướng chân tánh như
Năng, sở đều mất, bỏ mọi kiến.
Tánh tướng nam, nữ bản lai không
Vọng chấp theo duyên sinh hai hướng.
Như Lai dứt hẳn nhân vọng tưởng
Chân tánh vốn không tướng nam, nữ.
Diệu quả Bồ-đề chứng đều đồng
Phàm phu vọng chấp sinh tướng khác.
Ba mươi hai tướng vốn phi tướng
Liễu tướng, phi tướng là thực tướng.
Nếu người xuất gia tu Phạm hạnh

Nhiếp tâm tịch tĩnh chốn không nhàn
Đó là Bồ-tát tâm chân tịnh
Không lâu sẽ chứng Bồ-đề quả.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ngày đêm thường quán nhà cửa của thế gian tất cả là chỗ sinh ra phiền não. Sao vậy? Như có một người xây dựng được tám ngôi nhà, đem các vật báu mà tự trang nghiêm cho những căn nhà ấy. Dựng nhà xong, người ấy nghĩ rằng: "Nay nhà cửa là vật sở hữu của ta, không lệ thuộc vào người khác, chỉ có nhà cửa của ta là tốt đẹp hơn hết, nhà cửa của người khác không thể sánh kịp". Do chấp trước như thế, nên sinh ra phiền não; do phiền não từ chấp ngã, ngã sở làm căn bản, mà tám vạn bốn ngàn cửa trần lao cùng nhau đua khởi, chật cả trong nhà. Sở dĩ thế là sao? Phàm phu tại gia tham đắm sâu nặng về năm dục, vợ con, họ hàng, tôi trai, tớ gái, người hầu thảy đều gồm đủ; vì nhân duyên ấy, nên dấy ra bao sự khổ về sinh, lão, bệnh, tử, lo, buồn, sầu, não, oán ghét hợp hội, ân ái, biệt ly, nghèo cùng và mọi sự suy vi, cầu không được… Các khổ như thế như bóng theo hình, như vang ứng tiếng, đời đời nối tiếp nhau luôn không thể đoạn tuyệt. Các khổ như thế đều có nguyên nhân mà các thứ phiền não lớn, nhỏ là căn bản. Tất cả những của báu đều do sự tìm cầu mà được, nếu không có nhân trước thời không thể tìm kiếm và giả sử có tìm kiếm đi chăng nữa thì cũng không đạt được.

Này thiện nam, do vì nghĩa ấy, nên tất cả phiền não, tâm theo đuổi tìm kiếm là gốc, nếu diệt được tâm giong ruổi ấy đi thời vô lượng phiền não kia đều dứt hết. Song, nay thân này là chỗ nương tựa cho các khổ, những người có trí nên sinh tâm chán bỏ! Do đó, Đức Phật Ca-diếp đời quá khứ, vì các loài cầm thú mà nói bài kệ:

Thân này là gốc khổ
Khổ khác là cành, lá
Nếu đoạn được gốc khổ
Các khổ đều trừ diệt.
Nghiệp xưa của các ngươi
Tạo tội, tâm chẳng hối
Thọ thân tướng xấu xí
Chịu khổ não đủ loại.
Nếu khởi tâm ân trọng
Một niệm cầu sám hối
Như lửa đốt núi đầm
Các tội đều tiêu diệt.
Thân này khổ, bất tịnh

Vô ngã và vô thường
Các ngươi đều phải nên
Thực tâm sinh chán, bỏ!

Lúc đó, vô lượng cầm thú nghe bài kệ ấy rồi, trong nhất niệm, tâm chí thành sám hối, liền bỏ được nẻo xấu ác sinh lên cõi trời thứ tư trong Dục giới phụng sự vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, nghe pháp bất thoái cứu cánh Niết-bàn.

Này thiện nam, do nhân duyên ấy, nay thân khổ này cũng như nhà cửa, tất cả phiền não tức là chủ nhà. Thế nên, các Thiện nam có lòng tin thanh tịnh, phát tâm Bồ-đề, xuất gia nhập đạo, quyết được giải thoát tất cả mọi thứ khổ và đều sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Bồ-tát xuất gia thường quán sát
Nhà cửa nơi sinh các phiền não.
Như có một người dựng nhà cửa
Trang hoàng bằng mọi thứ ngọc báu
Tự nghĩ tráng lệ không đâu bằng
Không thuộc người khác, chỉ riêng ta,
Thợ khéo sửa sang đẹp lạ lùng
Nhà cửa trên đời không đâu sánh
Phân biệt như thế sinh chấp trước
Lấy "ngã, ngã sở" làm căn bản
Tám vạn bốn ngàn các phiền não
Đầy khắp nhà cửa sinh tai họa,
Tất cả nam, nữ ở trên đời
Sáu thân quyến thuộc đều đầy đủ
Do nhân duyên ấy sinh mọi khổ
Tức là: sinh, lão và bệnh, tử.
Lo buồn, khổ não, thường theo đuổi
Như bóng theo hình không hề rời
Tạo nhân các khổ, tham dục sinh
Nếu dứt tham cầu, diệt hết khổ.
Thân này thường là gốc mọi khổ
Siêng tu yếm xả, hướng Bồ-đề
Thân tâm ba cõi như nhà cửa
Chủ nhà: phiền não ở tại trong

Các ông nên phát tâm Bồ-đề
Lìa bỏ phàm phu ra ba cõi.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia thường quán sát hàng tại gia cũng như trong một nước lớn, có ông Trưởng giả gia sản giàu sang, của báu vô lượng, trong nhiều kiếp, nhân duyên cha con nối tiếp nhau không dứt và chuyên tu các hạnh lành, nên được tiếng khen đồn xa. Những của báu hiện có của ông Trưởng giả ấy được chia làm bốn phần: một phần của báu thường sinh lợi tức để làm tăng trưởng gia nghiệp, một phần của báu để cung cấp vào sự cần dùng đầy đủ hàng ngày, một phần của báu nhằm giúp đỡ những người cô độc để tu nhân tích đức, một phần của báu để cứu giúp thân thuộc và khách lui tới. Bốn phần như thế chưa từng có lúc nào ngừng dứt, cha con cứ nối tiếp nhau phát huy gia nghiệp ở đời. Nhưng về sau có một người con ngu si, tệ ác, quá tham mê năm thứ dục lạc, làm những việc phóng túng bừa bãi, trái lời dạy của cha mẹ và không y theo bốn sự nghiệp trên, mà nào dựng lên các nhà cửa, lầu quán bảy tầng hơn hẳn lối xây cất thông thường, trang hoàng bằng mọi thứ châu báu, đất lát lưu ly, cửa sổ bằng ngọc báu, ánh sáng lồng nhau; nào đầu rồng, hình cá thảy đều đủ cả, ngày đêm tiếng nhạc dập dìu liên miên không dứt thụ hưởng năm dục lạc như cõi trời Đao-lợi nên bị quỷ thần hiềm ghét, người, trời tránh xa.

Một hôm, bỗng dưng nhà hàng xóm bốc lửa, lửa dữ bừng bừng, theo gió lan tràn, đốt cháy hết cả kho tàng và các lâu đài. Lúc đó, con ông Trưởng giả trông thấy lửa dữ như thế, khởi tâm giận bực, vội bắt vợ con, tôi trai, tớ gái và họ hàng vào cả trong ngôi nhà hai tầng, đóng kín cửa lầu gác lại; không ngờ do sự ngu si ấy, khiến bao người kia nhất thời đều chết cả.

Phàm phu tại gia cũng như thế. Người ngu ở đời ví như con ông Trưởng giả, còn chư Phật, Như Lai ví như ông Trưởng giả; không thuận theo lời Phật dạy, tạo các nghiệp ác, phải đọa vào ba đường dữ, chịu nhiều khổ não. Do nhân duyên ấy, Bồ-tát xuất gia thường xem hàng tại gia như con ông Trưởng giả không vâng lời cha mẹ, bị lửa đốt cháy, vợ con đều chết. Này các thiện nam, nên sinh tâm chán, bỏ những sự an vui nơi thế gian, trời, người, dốc tu hạnh thanh tịnh sẽ chứng Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Bồ-tát xuất gia quán tại gia
Ví như Trưởng giả sinh con ngu
Nhà ông giàu có nhiều của báu
Nối tiếp lâu đời không thiếu chi.
Gia nghiệp đời trước truyền con cháu

Tất cả của cải chia bốn phần
Thường tu thắng hạnh không lỗi ác
Tiếng khen lan khắp các quốc độ.
Vàng, bạc, ngọc báu số vô biên
Lợi tức xuất nhập khắp nước ngoài
Từ, Bi, Hỷ Xả tâm không chán
Cứu giúp cô bần thường chẳng dứt.
Rốt sau Trưởng giả sinh một con
Ngu si, bất hiếu, không trí tuệ
Tuổi tác đã già, gân sức suy
Gia tài trong, ngoài đều giao con.
Con trái mạng cha làm bừa bãi
Không nối bốn nghiệp nhà sa sút
Cất lầu bảy tầng bằng châu báu
Dùng lưu ly biếc làm cửa sổ,
Đàn địch hát xướng luôn không dứt
Thường lấy bất thiện làm thầy tâm
Hưởng năm dục lạc như Thiên cung
Tất cả Long thần đều xa tránh.
Nhà bên bỗng dưng hỏa tai dấy
Lửa dữ theo gió khó cấm được
Kho tàng, của báu và vợ con
Nhà cửa, tầng lầu đều cháy hết.
Tích ác, tai ương đến diệt thân
Vợ con, quyến thuộc đồng chết cả.
Tam thế chư Phật như Trưởng giả
Tất cả phàm phu là ngu tử
Không tu chánh đạo dấy tâm tà
Mạng chung đọa nơi các nẻo ác
Nhiều kiếp riêng chịu khổ đốt cháy
Lần lựa như thế không kỳ hết.
Phật tử tại gia, ông nên biết!
Không tham vui đời, siêng tu chứng
Chán đời, xuất gia tu Phạm hạnh
Núi rừng vắng lặng bỏ mọi duyên.
Vì trả bốn ân tu thắng đức
Làm ngôi Pháp vương trong ba cõi
Độ sinh đến hết thuở vị lai

Làm bạn không mời, thường thuyết pháp.
Ngăn hẳn dòng "ái" đến bờ kia
Trụ nơi thành Niết-bàn thanh tịnh.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia quán tất cả nhà cửa của thế gian cũng như mộng lớn. Ví như ông Trưởng giả có một đồng nữ mới mười lăm tuổi, dung nhan đoan chánh, xinh đẹp lạ lùng. Một hôm, cha mẹ ở trên lầu ba tầng, đem con gái yêu của mình lên, cùng hưởng xem những sự vui thích. Đêm, mẹ con cùng ngủ chung trên một giường quý và đang yên giấc. Trong khi ngủ, đồng nữ chiêm bao thấy cha mẹ cho về nhà chồng; vợ chồng lấy nhau trải qua nhiều năm, sinh được một người con dung mạo tươi sáng, xinh xắn vô cùng lại có tướng thông minh trí tuệ. Hàng ngày nhờ ân nuôi nấng, dần dần đứa con ấy biết đi. Một hôm, trên lầu cao, không may nó trượt chân từ trên cao rơi xuống, rơi chưa đến đất, bỗng dưng có một con hổ đói đứng đỡ lấy ăn thịt. Đồng nữ thấy thế, kinh sợ quá, cất tiếng gào khóc, liền tỉnh mộng. Bấy giờ, cha mẹ hỏi con:

– Do nhân duyên gì, bỗng dưng con kinh sợ vậy?

Người con gái thẹn không chịu nói. Người mẹ ân cần hỏi gạn mãi, người con gái mới nói thầm với mẹ về việc chiêm bao như trên.

Này thiện nam, thế gian là nhà cửa sinh tử hữu vi, nên phải ở mãi trong luân hồi, nghĩa là chưa được ở vào phận vị chân giác mà thường phải ở trong nhà chiêm bao, sinh, lão, bệnh, tử nơi ba cõi, như đồng nữ kia trong chiêm bao, hư vọng phân biệt cũng thế. Quỷ sứ nơi Diễm-ma bỗng dưng đến, như hổ đói trong hư không đỡ đứa bé kia mà ăn. Tất cả chúng sinh trong từng niệm, niệm luôn bị các nỗi khổ về vô thường, lão, bệnh, tử cũng như thế. Ai là người có trí tuệ lại yêu thích thân này! Vì nhân duyên ấy, quán sát trong sinh tử như giấc mộng đêm dài, mà phát tâm Bồ-đề, chán bỏ thế gian, dốc sức tu tập sẽ đạt được diệu quả thường trụ của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa trên bằng lời kệ:

Phật tử dốc cầu đạo Vô thượng
Nên quán nhà cửa như trong mộng
Ví như đại trưởng giả giàu sang
Có một đồng nữ đoan nghiêm lạ.
Cô theo cha mẹ lên lầu cao
Đi theo xem coi rất vui vẻ.
Cô ngủ trong lầu, cô chiêm bao:
Rõ ràng mơ thấy đi lấy chồng.
Sau ở nhà chồng sinh một con

Tâm mẹ thương xót nhớ mến con
Con trên lầu đài ham vui chơi
Từ cao rơi xuống ngay miệng hổ.
Cô khóc thất thanh liền tỉnh mộng
Mới biết mộng tưởng vốn không thực.
Vô minh ám chướng như đêm dài
Chưa thành Chánh giác như trong mộng
Sinh tử thế gian thường chẳng thực
Vọng tưởng phân biệt cũng như thế.
Chỉ có "Bốn trí lớn tròn sáng"
Phá tối tăm là "Chân diệu giác".
Vô thường niệm niệm như hổ đói
Hữu vi vô giả khó dừng lâu
Chim ngủ sớm mai đều bay tản
Mạng hết biệt ly cũng thế thôi
Theo nghiệp thọ sinh chịu các báo
Ân tình cha mẹ không biết nhau.
Thương thay, thân sinh tử phàm phu
Luân chuyển ba đường chịu khổ mãi!
Nếu biết thiện, ác theo nghiệp cảm
Cần nên sám hối cho tiêu diệt.
Tất cả quả vui của trời, người
Thẹn khổ, chánh kiến chính là nhân
Nên phát tâm Bồ-đề kiên cố
Mặc áo tinh tấn siêng tu học!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia quán sát nhà cửa như cửa biển Tẫn mã tuôn ra lửa dữ, thu hút, lan tỏa cả bốn ngòi ở bốn bên, cho đến trăm sông và mọi dòng đều bị lửa cháy hết.

Ví như xưa kia trong nước La-đà có một vị Bồ-tát tên là Diệu Đắc Bỉ Ngạn. Bồ-tát ấy có tâm Từ bi, thường dốc sức đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên có những lái buôn khi vào biển tìm của báu luôn mời Bồ-tát ấy đồng đi trên thuyền buồm và đều đi được tới bến có châu báu, vượt qua mọi hiểm nạn, không có sự gì trở ngại, đến được bờ an vui.

Về sau, khi Bồ-tát đã trăm tuổi, dần dần già yếu, đứng, ngồi phải có người nâng dắt, sức lực không thể đi biển được như trước nữa. Khi ấy, có một thương chủ tới nơi Bồ-tát lễ bái cúng dường và thưa với Bồ-tát:

– Tôi muốn vào biển tìm các ngọc báu mong được đại phú quý, để

thoát khỏi bần cùng mãi mãi. Nay thỉnh Bồ-tát cùng đi với tôi!

Bồ-tát bảo thương chủ:

– Nay tôi già cả suy kém, gân cốt, sức lực yếu ớt, không thể vào biển được.

Thương chủ lại nói:

– Kính xin Đại sĩ đừng bỏ tâm Từ bi, thương xót và nhận lời thỉnh của tôi. Đại sĩ chỉ an tọa trong thuyền buôm của tôi, không phải làm gì cả, đó là sở nguyện của tôi.

Bồ-tát bèn nhận lời thỉnh của người lái buôn. Bồ-tát ở trong thuyền lớn chạy vào biển cả, hướng về phía Đông nam để tới nơi có ngọc báu. Trong khi đi, thuyền gặp phải gió Bắc trôi giạt vào biển phía Nam. Gió dữ thổi ngày đêm vun vút không ngừng, thuyền trôi suốt trong bảy ngày, tới một nơi trông thấy nước biển cả biến thành màu sắc vàng như là vàng nung chảy. Những người lái buôn thấy thế bạch Bồ-tát:

– Bạch Bồ-tát, do nhân duyên gì mà ở đây có dáng nước biến ra sắc vàng như thế?

Bồ-tát bảo:

– Các ông nên biết, chúng ta đã vào biển hoàng kim lớn, vì có vô lượng, vô biên những thứ vàng ròng tía sẫm đầy dẫy nơi biển cả, ánh sáng của vàng báu ấy giao hòa lẫn nhau nên mới có dáng như thế. Các ông đã vượt quá đường thẳng mà giạt vào trong biển này, thời đều phải tự mình dốc cầu, tạo mọi phương tiện để trở về phương Bắc!

Qua vài ngày, thấy nước biển cả biến thành sắc trắng như ngọc tuyết, Bồ-tát bảo:

– Các ông nên biết, chúng ta nay đã vào biển châu báu lớn, có bạch ngọc trân châu đầy dẫy trong biển, ánh sáng của thứ báu ấy chiếu vào sắc nước, nên có dáng như thế. Các ông nên dốc sức tạo ra mọi phương tiện để trở về phương Bắc!

Qua vài ngày, nước trong biển cả biến thành sắc xanh như nước lưu ly xanh. Bồ-tát bảo:

– Tôi và các ông đã vào trong biển pha lê xanh, vì có vô lượng vô biên ngọc báu pha lê xanh đầy dẫy nơi biển cả, sắc pha lê giao hòa với ánh sáng nên thấy toàn màu xanh như thế!

Qua vài ngày, nước biển cả lại biến thành sắc hồng như máu hiện ra. Bồ-tát bảo:

– Tôi và các ông đã vào biển pha lê hồng, vì có vô lượng vô biên các

thứ ngọc báu pha lê hồng đầy dẫy nơi biển cả, sắc ngọc báu đỏ hồng, giao hòa với ánh sáng nên mới có hiện tượng như vậy!

Qua vài ngày nữa, nước biển liền biến thành sắc đen như nước mực và xa nghe tiếng lửa dữ bùng cháy, nổ ran, như lửa lớn đốt cháy rừng trúc khô; lửa cháy bừng bừng rất đáng sợ hãi, dáng dấp như thế, chưa từng trông thấy, nghe thấy bao giờ. Lại thấy lửa lớn bốc cháy ở phương Nam, như chòm núi cao hơn trăm trượng, thế lửa bay bốc lên không, lúc hợp, lúc tan, ánh sáng như chớp giật, những hình dáng như thế chưa hề gặp phải thật hết sức lạ lùng. Mọi người thấy vậy đều bảo nhau:

– Thân mạng chúng ta thực khó đảm bảo được.

Lúc đó Bồ-tát bảo mọi người:

– Các ông hôm nay rất đáng sợ hãi! Sao vậy? Chúng ta đã vào nơi cửa biển Tẫn mã, bốn vùng biển rộng cùng với các dòng sông lớn nhỏ trong bốn cõi thiên hạ chảy vào cửa bên phía Bắc, thảy đều bị chết cháy hết. Sở dĩ thế là sao? Vì sức mạnh nơi nghiệp tăng thượng của các chúng sinh, nên tự nhiên lửa trời đốt cháy nước biển. Nếu lửa trời này không đốt cháy nước biển, thì trong một ngày một đêm tất cả lục địa đều biến thành biển cả, mọi loài chúng sinh hiện có thảy đều trôi hết. Song, nay chúng ta gặp phải gió dữ lớn, trôi dạt vào cửa biển Tẫn mã này thì thân mạng mọi người ở đây không còn kéo dài bao lâu nữa!

Khi ấy, có hơn ngàn người ở trong thuyền buồm, đồng thời cất tiếng thảm thương gào khóc, hoặc tự nhổ tóc, hoặc tự vật mình nói lên lời này:

– Nay chúng ta vì cầu ngọc báu, vào biển cả gặp phải hiểm nạn này. Thương thay! Khổ thay! Biết dùng phương tiện gì để thoát khỏi được nạn này!

Lúc đó, cả ngàn người đều chí thành quy mạng: hoặc kêu mẹ hiền, hoặc gọi cha từ, hoặc kêu Phạm thiên, hoặc gọi Ma-hê-thủ-la Thiên vương, hoặc cầu Đại lực Na-la-diên thiên. Hoặc có người quy mạng Bồ-tát Đắc Ngạn, kính lễ Bồ-tát mà bạch:

– Kính xin Bồ-tát cứu vớt bọn chúng tôi!

Bấy giờ, Bồ-tát vì muốn mọi người khỏi sự sợ hãi, liền nói bài kệ:

Đại trượng phu tối thượng trên đời
Tuy vào cửa chết không sinh sợ
Người nếu lo buồn mất trí tuệ
Cần nên nhất tâm bày phương tiện.
Nếu được cửa phương tiện khéo léo
Thoát khỏi tám nạn lên bờ kia

Thế nên yên tâm đừng lo sợ
Cần nên khẩn niệm Đại Từ Tôn.

Bồ-tát nói xong bài kệ ấy, liền đốt các hương tốt lễ bái, cúng dường chư Phật mười phương, rồi phát nguyện rằng:

– Nam-mô Thập phương chư Phật! Nam-mô Thập phương chư Phật! Chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát chúng! Tất cả Hiền thánh Tứ quả, Tứ hướng. Bậc có Thiên nhãn, bậc có Thiên nhĩ, Trí tha tâm, bậc Chúng tự tại! Tôi vì chúng sinh vận dụng tâm đại bi, giũ bỏ thân mạng, cứu giúp các khổ nạn. Nay tôi có chút thiện căn, là thọ trì giới không nói dối của Như Lai trong vô lượng kiếp, tôi chưa từng thiếu phạm bao giờ. Nếu trong một kiếp nào tôi có nói dối, thời nay gió dữ này chuyển mạnh hơn lên; mà nếu giới đức nơi tôi như thế, thực sự chẳng phải hư vọng, thời nguyện đem nghiệp lành ấy, hồi hướng ban bố cho tất cả, tôi cùng chúng sinh sẽ thành Phật đạo và nếu thực không hư, nguyện cho gió dữ, xấu này tức thời ngừng bặt, luồng gió như ý tùy niệm thổi tới. Thân các chúng sinh tức là thân tôi, chúng sinh cùng tôi bình đẳng không sai khác!

Khi Đại Bồ-tát ấy phát nguyện "Đồng thể đại bi vô ngại" rồi, chừng khoảng một niệm, gió dữ liền ngừng, tức thì gặp được gió thuận, giải thoát mọi nạn và đến được nơi chốn có vật báu, thu được nhiều ngọc báu.

Bấy giờ, Bồ-tát bảo với các người lái buôn ấy:

– Ngọc báu như thế rất là khó gặp được, đời trước các ông đã làm nhiều sự bố thí nên nay mới gặp được các ngọc báu quý như thế. Nhưng trước kia khi tu về bố thí, tâm các ông còn có sự tiếc lẫn, vì nhân duyên ấy, nên nay các ông gặp phải gió dữ. Thương thân các ông tìm được ngọc báu, các ông nên biết hạn lượng, không nên lấy nhiều, vì nếu tâm tham, buông thả thì sau bị nạn lớn. Các ông nên biết: Trong mọi thứ châu báu thì tánh mạng là hơn hết; nếu mạng mình còn thì đó là vật báu vô giá!

Các lái buôn nhờ được Bồ-tát dạy bảo nên sinh tâm biết đủ, không dám lấy nhiều. Mọi người thoát khỏi tai nạn, được nhiều ngọc báu, xa lìa sự nghèo cùng và đến được bờ kia.

Các Thiện nam, Bồ-tát xuất gia cũng lại như thế, thân cận chư Phật, bạn lành là hàng thiện tri thức, như những người lái buôn kia được gặp Bồ-tát; khỏi hẳn sinh tử đến được bờ giác, cũng như thương chủ đạt được phú quý lớn lao. Nhà cửa hữu vi hiện có của thế gian cũng như cửa biển Tẫn mã đốt cháy mọi dòng sông. Bồ-tát xuất gia cũng thế, quán sát kỹ lưỡng những lỗi lầm sai trái của hàng tại gia. Thiện nam các ông, không nhiễm năm thứ dục lạc thế gian, chán bỏ sinh tử khổ nạn trong ba cõi, tất được

vào thành lớn, gồm đủ mọi an vui mát mẻ!

Khi ấy, Đức Như Lai nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Bồ-tát xuất gia quán nhà cửa
Như biển Tẫn mã đốt mọi dòng.
Ví như xưa kia nước La-đà
Có một Bồ-tát tên Đắc Ngạn
Đủ trí, phước lớn, phương tiện khéo
Từ bi dứt duyên, nhiếp hữu tình.
Xin Bồ-tát ấy đi trên thuyền
Lái buôn được ngọc lên bờ kia.
Song, Bồ-tát tuổi già sức yếu
Không ưa lợi tha, ham thiền tịch.
Có một thương chủ thỉnh Bồ-tát
Muốn vào biển cả tìm châu báu
Kính xin Bồ-tát nhận lời thỉnh
Cho mình giàu có không thiếu thốn.
Khi ấy Bồ-tát vận đại bi
Liền nhận lời thỉnh đi trên thuyền.
Khi trương buồm lớn gặp gió thuận
Thẳng hướng Đông nam tới chốn báu
Bỗng gặp gió dữ thổi thuyền buồm
Giạt vào Nam hải lầm chỗ đến.
Trải qua bảy ngày nước biển cả
Thảy đều biến sắc thành vàng ròng
Vàng ròng tía bóng đầy trong biển
Ánh ngọc báu hiện sắc chân kim.
Lại qua vài ngày nước biển cả
Biến thành sắc trắng như ngọc tuyết
Trân châu trân bảo đầy khắp bể
Cho nên nước biển thành sắc trắng.
Lại qua vài ngày nước biển cả
Biến thành xanh biếc như lưu ly
Ngọc pha lê xanh đầy biển cả
Cho nên nước thành sắc xanh biếc.
Lại qua vài ngày nước biển cả
Thảy đều biến thành sắc đỏ hồng
Ngọc pha lê đỏ đầy trong bể
Nên biến sắc nước đồng như nó.

Lại qua vài ngày nước biển cả
Biến thành sắc đen như nước mực
Như thế lửa trời đốt cháy hết
Nước biển tất cả như sắc mực.
Biển ấy gọi là cửa Tẫn mã
Thu hút bốn biển và mọi dòng
Tất cả thuyền buồm nếu đi qua
Những người đến đấy, phần nhiều chết.
Lửa trời bừng bừng như núi chất
Tiếng nổ rền vang như sấm động
Mọi người xa thấy tâm kinh sợ
Kêu gào, đấm ngực bạch Đại sư.
Khi ấy Bồ-tát khởi từ bi
Không tiếc thân mạng, rủ cứu hộ.
Gió dữ liền ngừng, gió thuận khởi
Qua nơi hiểm nạn đến chốn báu
Đều được ngọc quý tới bờ yên
Khỏi hẳn bần cùng hưởng an lạc.
Bồ-tát xuất gia cũng như thế
Thân cận chư Phật như thương chủ
Thoát hẳn nhà lửa lên Chân giác
Cũng như thương nhân về bản xứ.
Nhà cửa sở hữu của thế gian
Như cửa biển lớn: Tẫn mã kia.
Xuất gia thường chán về tại gia
Không nhiễm thế gian rời năm dục
Ưa chốn không nhàn, tâm bất động
Khéo suốt lý chân diệu rộng sâu.
Hoặc ở trong làng xóm nhân gian
Như ong hái hoa không chút tổn
Trong bốn uy nghi thường lợi vật
Không tham vui đời và tiếng khen.
Miệng thường thốt giọng, lời dịu dàng
Ác ngôn thô bỉ không hề khởi
Biết ân, trả ân tu nghiệp thiện
Mình, người đều được nhập "chân thường".

Bấy giờ, Trưởng giả Trí Quang và các Trưởng giả khác tất cả một vạn người, tuy khác miệng nhưng cùng một giọng bạch Phật:

– Lành thay, Đức Thế Tôn! Hiếm có thay, Đấng Thiện Thệ! Đúng như thế! Đúng như thế! Thế Tôn nói ra Chánh pháp vi diệu đệ nhất, phương tiện khéo léo, làm lợi ích cho chúng sinh. Như Phật nói, chúng con hôm nay đều biết: nhà cửa thế gian cũng như lao ngục, tất cả pháp xấu, ác đã từ nhà cửa ấy sinh ra; người xuất gia thực có vô lượng vô biên lợi lạc thù thắng vì thế chúng con rất thích xuất gia, cho đời hiện tại và vị lai luôn được hưởng những pháp lạc.

Đức Thế Tôn bảo các Trưởng giả:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông phát tâm muốn xuất gia! Nếu những thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xuất gia tu đạo một ngày một đêm, thì hai trăm vạn kiếp không phải đọa vào nẻo ác, thường được sinh ở nơi chốn lành, được hưởng sự an vui thắng diệu, gặp được các bậc thiện tri thức, vĩnh viễn tâm không thoái chuyển, được gặp chư Phật, được thọ ký quả Bồ-đề, ngồi trên tòa Kim cang, thành đạo Chánh giác. Song, người xuất gia trì giới rất khó, người trì giới chính là bậc xuất gia chân chánh đúng nghĩa.

Lúc đó, các Trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin giữ giới, tu các hạnh thanh tịnh, nguyện cho chúng con chóng ra khỏi bể khổ sinh tử, nguyện cho chúng con chóng vào được cung báu thường lạc, nguyện cho chúng con rộng độ tất cả chúng sinh, chóng chứng đắc Trí vô sinh!

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc và Văn-thù-sư-lợi:

– Các ông Trưởng giả này Ta phó chúc cho các ông, các ông nên khuyến khích họ xuất gia và thọ trì tịnh giới!

Liền đó, chín ngàn người đối trước Bồ-tát Di-lặc xin xuất gia tu đạo, thọ trì giới luật của Phật; bảy ngàn người đối trước Bồ-tát Văn-thù xuất gia tu đạo, thọ giới cấm của Phật. Những người ấy được xuất gia rồi, thành tựu được pháp nhẫn, hội nhập vào cảnh giới bí mật của Như Lai, không còn bị thoái chuyển. Vô lượng vạn người phát tâm Bồ-đề đến ngôi bất thoái chuyển. Vô số người, trời xa lìa mọi bụi bặm cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH
TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 5

Phẩm 4: Vô Cấu Tánh

Bấy giờ, Trưởng giả Trí Quang cùng các Trưởng giả khác đã xuất gia, pháp phục tề chỉnh năm vóc sát đất, lễ chân Phật, chắp tay cung kính bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con theo Phật, nghe được những điều chưa được nghe về các lỗi lầm vốn có của tại gia; chúng con phát tâm Bồ-đề, chán lìa thế gian, cạo bỏ râu tóc làm Tỳ-kheo. Chúng con kính xin Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác vì tất cả chúng con và các chúng sinh diễn nói về công đức thù thắng của sự xuất gia, khiến người được nghe, phát tâm thanh tịnh, thích hạnh xa lìa, làm cho hạt giống Phật không hề bị dứt. Thế Tôn là bậc có ân lớn, Ngài vận dụng Vô duyên từ bi thương xót chúng sinh như đối với La-hầu-la, nay kính Đức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con biết: Bồ-tát xuất gia nên an trụ như thế nào? Nên tu tập nghiệp vô cấu như thế nào? Và phải làm sao để điều phục tâm hữu lậu?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán Trí Quang cùng các Tỳ-kheo:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông thực là Phật tử chân chánh! Các ông vì tất cả chúng sinh đời mai sau nên đã nêu hỏi Như Lai về những việc như vậy. Đúng như thế! Đúng như thế! Đúng như lời các ông nói, Như Lai Thế Tôn thương xót chúng sinh, bình đẳng không hai cũng như con một. Nay các ông hãy lắng nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo, Ta nay sẽ vì các ông mà phân biệt diễn nói về Bồ-tát xuất gia nên an trụ như thế, tu tập các nghiệp vô cấu như thế, điều phục tâm hữu lậu như thế này.

Các Tỳ-kheo bạch:

– Dạ! Bạch Thế Tôn, chúng con nguyện muốn nghe được lời Đức Thế Tôn dạy!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo Trí Quang:

– Bồ-tát xuất gia an trụ tâm như vậy, thời thường quán như thế này: Ta được thân người, các căn đầy đủ, vậy ta từ nơi nào mà mất đi, mà sinh

lại thế gian này? Ta ở trong ba cõi, rồi sẽ sinh vào cõi nào? Trong bốn đại châu, ta sẽ sinh vào châu nào? Trong sáu đường, ta sẽ thọ sinh vào nẻo nào? Do nhân duyên gì ta bỏ được cha mẹ, vợ con, họ hàng, xuất gia tu đạo, thân khỏi vướng vào tám nạn? Trong kiếp Trang nghiêm thuở quá khứ, ngàn Đức Phật đều nhập Niết-bàn rồi, trong kiếp Tinh tú thuở vị lai, ngàn Phật chưa ra đời, trong Hiền kiếp hiện tại với ngàn Đức Phật, bao nhiêu Phật Như Lai đã xuất hiện ở đời, hóa duyên sắp hết và sắp nhập Bát-niết-bàn? Bao nhiêu Phật Thế Tôn chưa ra đời phải chăng là do căn duyên của các chúng sinh chưa chín, chưa được nghe chánh pháp? Lại, thời nào trong tương lai, Ngài Di-lặc từ cõi trời Đâu-suất sinh xuống nhân gian và hiện thành Phật đạo? Trong thân ta có nghiệp thiện gì? Học Giới, Định, Tuệ sẽ có đức gì? Chư Phật quá khứ đều đã chẳng gặp, Thế Tôn tương lai liệu được thấy chăng? Ta nay hiện ở trong các cõi phàm phu, vậy ba nghiệp phiền não gì là nặng hơn? Một đời trở lại ta đã tạo tội nghiệp gì? Ta từng trồng căn lành ở nơi Đức Phật nào? Thân mạng ta đây còn sống được bao lâu? Ngày nay đã qua, mạng theo đấy mà giảm bớt, cũng như người dắt dê đến lò mổ thịt, dần dần đến chỗ chết, không còn nơi trốn tránh, vậy khi thân hoại, mạng chung sẽ sinh vào nơi nào? Khổ trong ba đường ác làm sao thoát khỏi được? Thân ta đây luôn yêu thích và nuôi nấng cho nó hơn lên, nhưng từng niệm từng niệm nó suy yếu, già đi, không có lúc nào tạm dừng, vậy ai là người có trí tuệ lại yêu thích thân này? Trí Quang nên biết: Bồ-tát xuất gia ngày đêm thường quán sát như thế, đừng tham hưởng năm dục lạc của thế gian, dốc siêng năng tinh chuyên tu tập không chút ngừng nghỉ, coi như là cần phải bỏ đá nặng nơi đỉnh đầu, cứu lửa cháy trên đầu. Tâm thường sám hối những tội từ trước của quá khứ, an trụ vào bốn Vô cấu tánh, một lòng tu tập mười hai hạnh Đầu-đà, điều phục tâm mình như hạng Chiên-đà-la. Phật tử như thế gọi là xuất gia.

Này Tỳ-kheo Trí Quang, vì nghĩa gì mà gọi người chân thực tu hạnh Sa-môn như hạng Chiên-đà-la? Vì khi mỗi người Chiên-đà-la đi ra ngoài, tay đều cầm cây gậy cứng, không dám đi giữa đường, nếu có người đi gần sát tới mình thời rung gậy tích cho người ta nghe thấy tránh đi. Ở trong đám đông, tâm họ thực hành sự nhún nhường, không dám khinh mạn, khi bị người quở trách, tâm không oán hận và chưa từng dám báo thù, ngay đến trường hợp bị mạ nhục, đánh đập cũng im lặng chịu đựng. Sao vậy? Vì họ tự biết mình thuộc dòng họ thấp hèn, không dự vào bậc gì trong xã hội, do nhân duyên ấy nên không biết giận dữ, không hề báo thù.

Trí Quang nên biết, Bồ-tát xuất gia cũng như thế! Cạo bỏ râu tóc, hình dáng cũng như đứa trẻ thơ, tay cầm giữ đồ ứng khí, nương tựa vào

người để nuôi sống thân mạng, thân mặc áo ca-sa như mặc áo giáp mũ trụ, cầm gậy tích đi như cầm giáo mác, cầm gươm trí tuệ, phá giặc phiền não, tu hạnh như anh nhi, dốc làm lợi ích cho tất cả. Thế nên, tất cả mũi tên nhọn của tham, sân, si không thể găm vào thân bậc Sa-môn chân thực được. Bồ-tát xuất gia dùng ba phép quán, tu hạnh Nhẫn nhục gọi là chân xuất gia: quán các chúng sinh là Hóa thân của Phật, quán nơi thân mình đúng là hàng ngu tối; quán các hữu tình khởi ra tưởng là bậc tôn quý, quán nơi thân mình khởi ra tưởng là hàng tôi tớ; lại quán chúng sinh khởi ra tưởng coi chúng sinh như cha mẹ, quán nơi thân mình khởi ra tưởng coi mình như con trai, con gái. Bồ-tát xuất gia thường thực hành những quán ấy, hoặc bị người đánh mắng, hoàn toàn không báo thù lại, mà chỉ tìm phương tiện khéo léo để điều phục tâm mình.

Tỳ-kheo Trí Quang, các ông nghe kỹ! Thế nào là bốn Vô cấu tánh? Đó là: Quần áo, đồ nằm, thức ăn uống và thuốc men. Bốn sự như thế tùy theo chỗ có được, hoặc xấu hoặc tốt cũng vừa lòng, xa lìa hẳn tâm tham cầu, đó là Vô cấu tánh. Các Tỳ-kheo, do nhân duyên gì, bốn hạnh như thế gọi là Vô cấu tánh? Trí Quang nên biết, ba mươi bảy phẩm Bồ-đề phần pháp của Phật Như Lai đều từ đấy phát sinh và Phật, Pháp, Tăng bảo cũng do đó mà thường không bị đoạn tuyệt, nên được gọi là Vô cấu tánh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Tỳ-kheo Trí Quang ông nghe kỹ!
Bồ-tát xuất gia cần nên làm:
"Vô duyên đại từ" nhiếp chúng sinh
Cũng như con một đều bình đẳng.
Phát tâm Bồ-đề cầu Chánh giác
Nên làm ba việc thành Phật pháp:
Tâm thường trụ bốn Vô cấu tánh
Nên tu mười hai hạnh Đầu-đà,
Hạ mình như hạng Chiên-đà-la.
Trong bốn uy nghi nghĩ thế này:
Mười phương vô lượng các Bồ-tát
Sát-na, sát-na hướng Thánh đạo
Các vị tu chứng ta cũng thế!
Vì sao lưu chuyển trong ba cõi!
Luân hồi sinh tử khổ vô lượng?
Nay thân ta đang ở cõi nào?
Sáu nẻo luân hồi ở đường nào?

Thai, noãn, thấp, hóa sinh loài chi?
Thân, khẩu, ý nghiệp tu cái gì?
Trong chỗ tạo tội, tội nào nặng?
Tâm trong ba tánh, tâm nào nhiều?
Quán sát kỹ càng như thế rồi
Đại Từ, đại Bi thường tiếp nối
Đại Hỷ, đại Xả, tâm ấy trước
Vì người có duyên nói pháp diệu.
Ngày đêm tu tâm không hề ngừng
Như bỏ đá đầu, cứu đầu cháy.
Niệm ba môn quán thường chẳng rời
Quán các chúng sinh là thân Phật
Chỉ ta riêng ở trong loại phàm
Tất cả chúng sinh đều tôn quý.
Ta làm tôi tớ ở thấp hèn
Chúng sinh trên đời như cha mẹ
Ta như trai, gái lành hiếu dưỡng
Bị người đánh mắng chẳng giận hiềm
Siêng tu nhẫn nhục không ghen, oán
Bốn sự cúng dường tâm không ham
Như thế gọi là Vô cấu tánh.
Ba mươi bảy phẩm Bồ-đề phần
Cùng được quả báo thân Như Lai
Pháp vô lậu thù thắng như thế
Bốn Vô cấu tánh là căn bản.
Không hạnh buông lung, thường tu tập
Thế là xuất gia: Chân Phật tử!
Mầm trí Bồ-đề niệm niệm tăng
Thánh đạo Vô lậu đều thành tựu
Chóng vượt qua được vô lượng kiếp
Ngồi trên Hoa vương trong pháp giới.
Phước trí trang nghiêm đều viên mãn
Trong vô biên kiếp lợi quần sinh
Do Vô cấu tánh đều thành tựu
Chứng quả thường trụ của Như Lai.

Lại nữa Tỳ-kheo Trí Quang, Bồ-tát xuất gia đối với vấn đề y phục, không nên tham đắm, dù tốt dù xấu tùy chỗ mình được thế nào thì nên vậy, đối với thí chủ cần phải vì họ mà tạo ra ruộng phước, chớ hiềm chuyện y

phục thô xấu, cũng không được vì vấn đề ấy mà nói rộng pháp yếu, nhằm khởi ra mọi phương tiện để thích ứng với tâm tham của mình.

Phàm phu trong thế gian vì vấn đề y phục mà tham cầu phi pháp, tạo nghiệp bất thiện, phải bị đọa vào đường ác, trải qua vô lượng kiếp không được gặp chư Phật, không được nghe Chánh pháp. Chịu khổ trong các đường ác xong rồi được sinh trở lại nhân gian, thì bị nghèo cùng khốn khổ, khổ vì mong cầu không đạt được, ngày đêm bức bách, áo không đủ che hình, ăn không đủ giữ mạng. Mọi nỗi khổ như thế đều do đời trước vì việc y phục, giết hại nhiều sinh mạng, tạo ra vô số tội lỗi.

Bồ-tát xuất gia thì không như thế, tùy chỗ mình được thế nào cũng nên vậy, không hiềm thô xấu, chỉ luôn mang lòng hổ thẹn để cho pháp y được sung mãn, đạt được mười lợi lạc thù thắng:

1. Che thân mình, xa lìa được sự xấu hổ, đầy đủ đức biết hổ thẹn để tu hành pháp thiện.
2. Xa lìa mọi sự lạnh, nóng, cùng bao thứ ruồi, muỗi, thú dữ, trùng độc, để an ổn tu đạo.
3. Làm hiện rõ tướng mạo Sa-môn xuất gia, người ta trông thấy liền sinh tâm vui vẻ, xa lìa được tâm tà vậy.
4. Ca-sa tức là hình tướng của lá cờ báu trời, người, chúng sinh dốc tôn trọng kính lễ thì được sinh cõi Phạm thiên.
5. Khi mặc ca-sa sẽ sinh ý tưởng về ngôi tháp báu, có khả năng diệt được mọi tội, sinh mọi phước đức.
6. Gốc tạo ra ca-sa nhuộm thành hoại sắc là nhằm để xa lìa mọi tưởng về năm dục, không sinh tâm tham ái.
7. Ca-sa là áo thanh tịnh của Phật, dứt hẳn được mọi thứ phiền não, tạo ra ruộng phước tốt lành.
8. Thân mặc ca-sa thì mọi sự tạo tác về tội lỗi được tiêu trừ, mười nẻo thiện nghiệp, niệm niệm tăng trưởng.
9. Ca-sa cũng như ruộng tốt hay làm tăng trưởng Bồ-tát đạo.
10. Ca-sa cũng như áo giáp, mũ trụ, các thứ tên độc phiền não không thể hại được.

Trí Quang nên biết, do nhân duyên ấy chư Phật trong ba đời cùng các bậc Duyên giác, Thanh văn xuất gia thanh tịnh, thân đều mặc ca-sa và ba bậc Thánh ấy đồng ngồi nơi tòa báu giải thoát, cầm gươm trí tuệ, phá ma phiền não, cùng vào nơi cõi Niết-bàn nhất vị.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Tỳ-kheo Trí Quang nên nghe khéo!
Áo đại phước điền mười thắng lợi
Y phục thế gian thêm nhiễm dục
Áo pháp Như Lai không như thế.
Áo pháp ngăn đời sự thẹn hổ
Thẹn hổ viên mãn sinh ruộng phước.
Xa lìa rét, nắng và trùng độc
Tâm đạo vững bền được cứu cánh.
Thị hiện xuất gia lìa tham dục
Dứt năm tà kiến, chánh tu trì.
Chiêm lễ ca-sa, tưởng cờ báu
Cung kính sinh ra phước Phạm vương.
Phật tử mặc áo tưởng như tháp
Tội diệt, phước sinh cảm trời, người.
Dáng nghiêm chí kính: chân Sa-môn
Chỗ làm không nhiễm theo trần tục
Chư Phật khen ngợi là ruộng tốt
Lợi lạc mọi loài đây hơn cả.
Thần lực ca-sa không nghĩ bàn
Hay khiến trồng, tu hạnh Bồ-đề.
Mầm đạo lớn thêm như lúa Xuân
Diệu quả Bồ-đề như trái Thu
Kim cang bền vững thực giáp trụ
Tên độc phiền não không hại được.
Ta nay khen qua mười thắng lợi
Nhiều kiếp nói rộng không hết được
Nếu có thân Rồng đeo một sợi
Thoát khỏi miệng Kim sí điểu vương.
Nếu người qua biển mang áo này
Không sợ các nạn quỷ, cá, rồng.
Sấm chớp ầm ầm như trời giận
Mặc áo ca-sa không sợ hãi.
Tại gia nếu hay thân kính giữ
Tất cả quỷ dữ không dám gần.
Nếu hay phát tâm cầu xuất gia
Chán bỏ thế gian, tu đạo Phật
Ma cung mười phương đều chấn động
Người ấy chóng chứng thân Pháp vương.

Lại nữa Bồ-tát Trí Quang, Phật tử xuất gia thường làm hạnh khất thực, dù rằng phải xả thân mạng, chứ không bao giờ dứt tâm ấy. Vì sao thế? Vì tất cả chúng sinh đều nhờ vào việc ăn uống mà tồn tại, bởi thế nên lợi ích của việc khất thực là vô cùng. Các ông nên biết, Bồ-tát xuất gia thường đi khất thực, vì nó có mười lợi lạc thù thắng. Những gì là mười?

1. Thường đi khất thực để nuôi sống thân mạng mình, nhưng được ra vào tự do không bị lệ thuộc vào người khác.
2. Khi đi khất thực, trước tiên nói diệu pháp cho người ta nghe, khiến họ khởi tâm thiện, sau mới xin thức ăn cho mình.
3. Vì những người không biết bố thí, phát tâm đại từ bi, vì họ nói chánh pháp, khiến họ khởi tâm xả thí, mà sinh được phước đức hơn hết.
4. Làm theo lời Phật dạy để tăng trưởng giới phẩm, phước đức được viên mãn, trí tuệ vô cùng.
5. Từng đi khất thực, đối với bảy mạn, chín mạn tự nhiên tiêu diệt, mọi người cung kính xem đấy là ruộng phước tốt đẹp.
6. Khi khất thực sẽ đạt được tướng Vô kiến đỉnh của Như Lai, nhận sự cúng dường rộng lớn của thế gian.
7. Phật tử các ông theo học pháp này, khiến Tam bảo luôn được duy trì phát triển đem lại lợi ích cho chúng sinh.
8. Khi khất thực không được vì muốn có được thức ăn uống mà dấy khởi tâm mong cầu, khen ngợi tất cả hàng nam, nữ.
9. Khi đi khất thực nên theo lần lượt, không nên phân biệt nhà nghèo, nhà giàu.
10. Thường đi khất thực, chư Phật luôn hoan hỷ, dốc tu tập đạt được Nhất thiết trí, thì là duyên lành hơn hết.

Bồ-tát Trí Quang, Như Lai vì các ông mà nói qua mười sự lợi ích như vậy, nếu phân biệt rộng ra thời vô lượng vô biên. Tỳ-kheo các ông, cùng những người đời sau cầu Phật đạo nên học như thế!

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Bồ-tát Trí Quang ông nghe kỹ!
Đại sĩ xuất gia nên bỏ tham
Phát tâm tu hành đạo xuất thế
Khất thực Đầu-đà là căn bản.
Phàm phu nương món ăn hữu lậu
Bậc Thánh chuộng món ăn vô lậu

Hữu lậu, vô lậu các phàm, Thánh
Tất cả đều dựa món ăn, sống.
Ta vì các ông là Phật tử
Khai diễn hai lợi hạnh xuất thế
Như Lai ba đời đều khen ngợi
Công đức khất thực có mười lợi:
Riêng gọi hạnh này là tối thắng
Ra vào tự tại không ràng buộc.
Trước khiến thí chủ phát sơ tâm
Dốc hướng Bồ-đề, sau mới ăn.
Vì trừ xan tham nói pháp mầu
Nên khởi đại xả tâm vô lượng.
Theo Đại sư dạy đi khất thực
Tăng trưởng vô lượng các phạm hạnh.
Bảy mạn, chín mạn tự trừ diệt
Được các trời, người, thường cung kính.
Đảnh tướng Như Lai không thể thấy
Chuyển xe pháp diệu độ mười phương.
Tận đời vị lai truyền pháp này
Khiến không dứt tuyệt giống Tam bảo.
Nếu vì ăn uống khởi tâm tham
Không nên khen ngợi các nam, nữ.
Khởi ý bình đẳng đại từ bi
Không sinh phân biệt giàu, nghèo khó.
Thanh tịnh khất thực Phật khen ngợi
Nhất thiết chủng trí từ đấy sinh.
Như Lai ba đời hiện ra đời
Vì chúng sinh nói bốn món ăn:
Đoạn, xúc, tư, thức là bốn món
Là món ăn hữu lậu của đời.
Chỉ có Pháp hỷ, Thiền duyệt thực
Mới là món ăn của Hiền thánh
Các ông chán bỏ mùi vị đời
Nên cầu món vô lậu xuất thế!

Lại nữa Bồ-tát Trí Quang, Phật tử xuất gia đối với thuốc men không nên tham đắm. Nếu khi có bệnh, thứ thuốc người ta sắc rồi bỏ đi, như các vị Ha-lê-tỳ-lê và A-ma-lặc thời nên lấy những thuốc ấy mà uống; cho đến một đời chỉ uống những thuốc bỏ đi ấy mà thôi. Và, đối với những thứ

thuốc ấy vẫn thường sinh niệm biết đủ, như thế gọi là Chân thực Sa-môn.

Phật tử xuất gia thường nên uống thứ thuốc bỏ đi, người ấy đạt được mười lợi lạc thù thắng. Những gì là mười?

1. Vì cầu thuốc thang, nhưng không phải gần gũi với người khác, thời dứt hẳn được tâm tham cầu và an trụ trong chánh niệm.
2. Bất tịnh quán môn được thành tựu dễ dàng, tâm xuất thế được vững vàng.
3. Đối với các vị ngon quý, thường không sinh tâm tham đắm, chóng chứng được chánh trí, thọ thực Thiền duyệt.
4. Đối với tất cả tài vật thế gian, thường biết "tri túc", chóng được giải thoát.
5. Không phải gần hàng phàm phu thế gian mà thường thân cận với những bạn lành thanh tịnh xuất thế gian.
6. Vì không hiềm ghét các thứ thuốc bỏ đi, nên đối với các thức ăn uống không tốt cũng được giải thoát.
7. Đối với những thuốc quý, quyết không mong cầu, được tất cả thế gian tôn trọng.
8. Chóng điều phục được các bệnh phiền não, chứng được Pháp thân thường trụ của Như Lai.
9. Dứt hẳn tất cả phiền não trong ba cõi, chữa khỏi những bệnh nặng về thân tâm của chúng sinh.
10. Thuận lời Phật dạy tu hạnh Bồ-tát, phước trí viên mãn, được Đại Bồ-đề.

Trí Quang nên biết, Như Lai vì các ông nói qua mười lợi lạc thù thắng của sự uống thuốc bỏ đi, diệu hạnh như thế, Bồ-tát xuất gia trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều cùng tu học. Các ông cần nên vì các chúng sinh mà diễn thuyết, truyền bá phương pháp này đừng để đoạn tuyệt, tức là vì Như Lai nêu bày rộng rãi sự cúng dường; dù thế gian có của đem cung kính cúng dường cũng không bằng được. Và, đối với hạnh Bồ-tát lại không bị thoái chuyển, chóng chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Tỳ-kheo Trí Quang ông khéo nghe!
Người xuất gia uống thuốc vô cấu
Diệu hạnh Bồ-tát, đó là trước,
Chúng sinh có bệnh như mình bệnh.
Lấy ân đại Bi cứu mọi khổ

Lại dùng Từ tâm cho an lạc
Thuốc hay tối thượng cho người ta
Người trước bỏ đi, mình lấy uống.
Bồ-tát không kén thuốc tốt, xấu
Chỉ chữa các bệnh cho an ổn
Lấy thứ thuốc thừa người ta bỏ
Uống thuốc lấy đủ trị khỏi bệnh.
Lấy thuốc người bỏ có mười lợi
Như Lai ba đời cùng khen ngợi:
Tuy cầu thuốc men không gần người
Dứt hẳn cầu cạnh, nương chánh niệm.
Quán môn "bất tịnh" dễ thành tựu
Gây nhân Bồ-đề đời xa sau.
Không ham cam vị bỏ mọi tham
Nên cầu Pháp hỷ, Thiền duyệt thực.
Của báu ở đời tri túc được
Thu được thất Thánh tài vô lậu
Bỏ kẻ phàm ngu, không ở chung
Thân cận Thánh hiền làm bạn tốt.
Vì thế không hiềm các thuốc bỏ
Với đồ ăn uống, dứt tham cầu
Cỗ quý, thuốc hay không mong chờ
Thế gian bởi thế đều tôn trọng.
Hay chữa thân tâm bệnh phiền não
Ngộ được Chân như pháp tánh thân
Dứt hẳn tập khí trong ba cõi
Chứng được Vô thượng chân giải thoát.
Thuận lời Phật dạy hướng Bồ-đề
Phước trí viên thành thân quả báo
Phật tử các ông đều tu học
Sẽ ngồi nơi Kim cang đạo tràng.

Lại nữa Trí Quang, Bồ-tát xuất gia xa lìa chỗ huyên náo, ở nơi A-lan-nhã, tu nhiếp tâm mình trong vô lượng ngàn năm để cầu Phật đạo. Như Lai trong ba đời luôn bỏ những nơi ồn ào náo nhiệt, ở những nơi thanh tịnh vắng lặng, dốc tu muôn hạnh, chứng quả Bồ-đề, bậc Duyên giác, bậc Thanh văn tất cả Hiền thánh chứng được Thánh quả cũng đều ở các nơi tịch tĩnh như thế. Nơi A-lan-nhã có mười thắng đức, làm cho người tu, chứng được ba quả Bồ-đề. Những gì là mười thắng đức?

1. Vì được tự tại ở nơi A-lan-nhã, trong bốn uy nghi không bị lệ thuộc vào người khác.
2. Bỏ ngã, ngã sở nên gọi là A-lan-nhã, vì vậy khi ở dưới gốc cây không còn sự chấp trước.
3. Đối với những đồ ngồi, nằm không hề ham đắm, do đó nên được nằm trên giường Tứ vô úy.
4. Nơi A-lan-nhã, ba độc ít ỏi, nên bỏ được cảnh sở duyên của tham, sân, si.
5. Thích ở nơi A-lan-nhã tu hạnh viễn ly, không cầu năm thứ dục lạc của trời, người.
6. Bỏ chốn huyên náo ở nơi tịch tĩnh thanh vắng, tu tập Phật đạo không tiếc thân mạng.
7. Ưa thích nơi tịch tĩnh, lìa mọi ngôn từ thế tục, trừ bỏ bao thứ phàm ngu nên không hề bị tán loạn.
8. Tất cả sự nghiệp của thế gian hay xuất thế gian đều được thành tựu dễ dàng, không bị chướng ngại.
9. Nơi A-lan-nhã là ngôi nhà Tam-muội nên có thể chứng được trăm ngàn pháp Tam-muội lớn lao.
10. Lấy chốn Thanh tịnh như hư không làm nhà cửa, tâm không còn chướng ngại, đạt được đại trí tuệ.

Trí Quang nên biết, nơi A-lan-nhã có vô lượng công đức như thế! Do nhân duyên ấy, Phật tử xuất gia thề bỏ thân mạng, không bỏ rừng núi; nếu vì việc nghe pháp hay cúng dường cho người đau, Sư Tăng, cha mẹ mà phải ra ngoài nơi A-lan-nhã vào trong làng xóm thời nên chóng trở về nơi cũ. Nếu có nhân duyên chưa về được, thì nên tưởng: "Nay ở nơi làng xóm này cũng như chốn núi rừng, mọi tài vật có được đều hư giả như chiêm bao và nếu mình có được, thì không nên tham đắm!". Phật tử như thế là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Trí Quang các ông nghe cho kỹ!
Nơi ở của người không phiền não:
Xa chốn huyên náo, ở chốn tĩnh
Đó là những nơi thần tiên ở.
Bồ-tát ba đời cầu Bồ-đề
Ở trong Lan-nhã thành Chánh giác,
Duyên giác, Thanh văn các Thánh chúng

Cũng ở nơi này chứng Bồ-đề.
Ở A-lan-nhã được mười lợi
Hay khiến chứng được quả Ba thừa:
Du hành tự tại như sư tử
Trong bốn uy nghi không ràng buộc.
Dưới cây rừng núi bậc Thánh chuộng
Không "ngã, ngã sở" là Lan-nhã.
Áo mặc, đồ nằm không buộc ràng
Ngồi tòa sư tử "Tứ vô úy".
Bỏ các phiền não là Lan-nhã
Tất cả tham ái không ham đắm.
Ở ngoài sự vật chán trần lao
Không ham năm dục lạc trên đời.
Người xa huyên náo, ưa tịch tĩnh
Bỏ thân, xả mạng cầu Phật đạo.
Ở nơi tịch tĩnh không tiếng người
Tán loạn trong tâm không phát khởi.
Nghiệp thiện thế gian, xuất thế gian
Tâm không chướng ngại đều thành tựu.
Bởi thế, A-lan-nhã, căn bản
Hay sinh trăm ngàn pháp Tam-muội.
Lấy "Đại không tịch" làm hư không
Thân tâm người tu không chướng ngại.
Đầy đủ được mười thắng lợi ấy
Thế nên các Thánh thường ở đó.
Trí Quang các ông, các Phật tử
Nếu muốn chóng thành Nhất thiết trí
Cho đến trong mộng không bỏ rời
Nơi A-lan-nhã: Bồ-đề đạo.
Sau Ta diệt độ, người phát tâm
Thường hay ở nơi A-lan-nhã
Không lâu ngồi trên Bảo hoa vương
Chứng được pháp thân thường lạc quả.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp ấy, vô lượng trăm ngàn các vị mới phát tâm đối với đạo Vô thượng đạt được Bất thoái chuyển. Nhóm ông Trí Quang, các chúng Bồ-tát đạt được pháp Đà-la-ni, đầy đủ đại thần thông. Trăm vạn trời, người phát tâm Bồ-đề, ngộ ba pháp môn giải thoát.

Lúc đó, Như Lai bảo đại chúng:

– Nếu có tịnh tín thiện nam, thiện nữ nào được nghe pháp môn sâu xa về bốn Vô cấu tánh như thế, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép thì những người ấy ở nơi họ sinh sống sẽ gặp được bậc thiện tri thức, tu hạnh Bồ-tát mãi mãi không bị thoái chuyển, không bị tất cả các nghiệp phiền não nhiễu loạn; trong đời hiện tại được phước trí lớn, nối tiếp giữ vững Tam bảo, được sức tự tại, làm cho hạt giống Phật không bị đoạn tuyệt. Và khi mạng chung quyết được sinh lên cung trời Tri túc, yết kiến Ngài Di-lặc, chứng ngôi Bất thoái; trong hội đầu Long hoa được nghe chánh pháp, được thọ ký quả Bồ-đề, chóng thành Phật đạo; nếu nguyện muốn sinh sang cõi nước chư Phật trong mười phương, thời tùy sở nguyện mình mà được vãng sinh, được thấy Phật, nghe pháp, cứu cánh bất thoái quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phẩm 5: A-Lan-Nhã

Bấy giờ, trong pháp hội có một vị Đại Bồ-tát tên là Thường Tinh Tấn, nhờ uy thần của Phật, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói nơi A-lan-nhã là Bồ-đề đạo tràng, nếu có người nào phát tâm cầu Bồ-đề, không nên lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Trong nơi A-lan-nhã ấy có nhiều chúng sinh như: hổ, báo, sài lang, trùng độc, thú dữ cho đến chim bay, thợ săn, không biết đến Như Lai, không nghe Chánh pháp, lại không kính Tăng, các chúng sinh ấy lại không tu thiện căn, xa lìa sự giải thoát, thế mà, vì sao Như Lai lại khiến người tu học ở nơi A-lan-nhã ấy để chóng được thành Phật? Kính xin Thế Tôn vì các chúng sinh phân biệt, giảng dạy, giải quyết cho sự ngờ vực ấy, làm cho họ được vui vẻ phát tâm Bồ-đề, khiến không bị thoái chuyển!

Đức Phật bảo Bồ-tát Thường Tinh Tấn:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam, ông đem lòng đại từ hỏi Như Lai về sự thanh tịnh giải thoát, rất có lợi ích cho những người tu hành mai sau, công đức ấy thật vô lượng. Ông nghe kỹ, nghe kỹ và khéo nhớ nghĩ! Nay Ta vì ông phân biệt diễn nói về vô số các công đức của nơi A-lan-nhã!

Bồ-tát Thường Tinh Tấn bạch:

– Dạ, bạch Thế Tôn, con nguyện muốn được nghe!

Đức Phật bảo Bồ-tát Thường Tinh Tấn:

– Như ông nói ở nơi A-lan-nhã được thành các bậc Thánh, nhưng trong rừng núi có nhiều chúng sinh, do nhân duyên gì không được thành Phật. Nghĩa ấy không phải. Sở dĩ thế là sao? Các chúng sinh kia không biết đến Tam bảo, không biết chán đủ, không biết thiện, ác; ở trong rừng núi tuy có nhiều châu báu của thế gian, mà họ vẫn không biết được nơi tiềm ẩn của chúng. Đại Bồ-tát thì không như thế. Thiện nam, Bồ-tát biết Phật, Pháp, Tăng bảo là của báu xuất thế gian, bảy thứ ngọc báu ẩn tàng là của báu thế gian; các vị đều phân biệt được mọi sắc tướng của chúng, biết chúng ở đâu nhưng không tham cầu, cũng không thích thấy, huống là nhặt lấy?

Bồ-tát xuất gia phát tâm kiên cố không tiếc thân mạng, lìa bỏ cha mẹ, thân quyến họ hàng, thích ở nơi chốn rừng núi, thường nghĩ: "Giả sử khi hết kiếp, cõi tam thiên đại thiên này bảy mặt trời mọc ra, hỏa tai bừng cháy, thiêu đốt muôn vật, mặt trời, trăng, sao, núi Tu-di và bảy núi Kim sơn, núi Thiết vi…, vào lúc ấy thảy đều bị tiêu tan; ngay đến cõi cao nhất trong ba cõi là cõi trời Phi phi tưởng, khi hết tám vạn kiếp lại sinh xuống cõi đất; Chuyển luân thánh vương có ngàn con vây quanh, bảy báu, quyến thuộc và bốn châu đều phục, mà khi quả báo của thọ mạng hết thì cũng không dừng được trong chốc lát. Nay ta cũng thế, giả sử tuổi thọ đủ trăm năm, bảy báu đều đầy đủ, hưởng thọ mọi sự an lạc, nhưng sứ giả Diễm-ma đến thì không khỏi được vô thường." Thấy thế nên suy nghĩ: "Nay ta không gì bằng việc thay thế cha mẹ ta cùng các chúng sinh tu hạnh Bồ-tát, sẽ được thân kim cang bất hoại, rồi trở lại trong ba cõi độ cho cha mẹ". Phát nguyện ấy rồi ở nơi Lan-nhã vì các chúng sinh phát ra những thệ nguyện rộng lớn. Bồ-tát thượng căn phát nguyện:

– Nguyện, con khi chưa thành Phật cho đến lúc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thường ở nơi đất trống, luôn luôn ngồi không nằm.

Bồ-tát trung căn phát nguyện:

– Nguyện, con khi chưa thành Phật, thường ngồi ở dưới cây có lá che rợp, không nằm.

Bồ-tát hạ căn phát nguyện:

– Nguyện, con khi chưa thành Phật, thường ngồi trong nhà đá, không nằm.

Ba căn trong hàng Bồ-tát xuất gia như thế ngồi nơi ba loại tòa, vừa nói, đều nghĩ: "Bồ-tát thuở quá khứ ngồi trên tòa này, chứng được pháp môn Đà-la-ni công đức tự tại; các Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện nay và mai sau, đều ở trên tòa này được Đà-la-ni tu chứng tự tại; ta cũng như thế, nay ta ngồi nơi này quyết sẽ thành tựu Đà-la-ni, được tự tại. Nếu chưa thành

tựu và đạt được tự tại, ta quyết không lìa bỏ A-lan-nhã".

Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được bốn Tâm vô lượng *(Từ, Bi, Hỷ, Xả)* quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được năm sức thần thông, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được sáu pháp Ba-la-mật, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được phương tiện thiện xảo, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa điều phục được tất cả hữu tình, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được bốn Nhiếp pháp, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu tập được pháp sáu niệm, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành tựu được "trí tuệ, đa văn", quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành tựu được sức tin bền vững, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa dứt trừ sáu mươi hai thứ kiến chấp, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu tập được tám Chánh đạo, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa dứt hẳn được tập khí của phiền não chướng, sở tri chướng, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được trí tuệ vi diệu trong việc tùy bệnh cho thuốc, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được tâm Đại Bồ-đề, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được hằng sa pháp Tam-muội, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành tựu được vô lượng thần thông, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát dùng sức thần thông nơi đại định *(định thông lực)* thấy mười tám "không" mà tâm không hoảng sợ, đại sự như thế nếu chưa thành tựu, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được Nhất thiết trí, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được Nhất thiết chủng trí, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu tập được ba mươi bảy Bồ-đề phần pháp, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được muôn hạnh trong Thập địa, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát ở trong trăm kiếp chưa tu hành được về nghiệp quả của tướng tốt, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được bốn Trí của Như Lai, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên mãn được sự chứng đại Niết-bàn, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát ngồi tòa Kim cang mà chưa chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quyết ngồi luôn không đứng dậy. Đó là Bồ-tát thực hành hạnh A-lan-nhã.

Này thiện nam, Bồ-tát xuất gia phát tâm Bồ-đề, vào trong rừng núi, ngồi trên ba loại tòa trên, tu luyện thân tâm, trải qua ba đại kiếp, tu tập

muôn hạnh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói lại ý nghĩa trên bằng lời kệ:

Thuở xưa chư Phật ở nhân gian
Nơi A-lan-nhã, lìa trần tục
Đoạn, dẹp phiền não, sở tri chướng
Vượt qua ba cõi chứng Bồ-đề.
Bồ-tát quá khứ tu hạnh nguyện
Lấy A-lan-nhã làm nhà cửa
Trong vô số kiếp tu phước trí
Cứu cánh Thập địa chứng Ba thân.
Bồ-tát vị lai cầu quả Phật
Vào trong núi sâu Tu-diệu hạnh
Dứt trừ hai chướng, nhân sinh tử
Sẽ chứng Tam không chân giải thoát.
Mười phương hiện tại các Bồ-tát
Tu trì muôn hạnh ở "không nhàn"
Không tiếc thân mạng cầu Bồ-đề
Niệm niệm chứng được Vô sinh trí.
Nếu muốn chóng chứng Tam-muội sâu
Nhân Tu-diệu định siêu thần thông
Nơi A-lan-nhã tâm không rộn
Biến được đại địa thành bảy báu.
Nếu muốn du hóa khắp mười phương
Đi lại tự tại vận thần thông
Cúng dường chư Phật lợi quần sinh
Ở nơi Lan-nhã không sợ hãi.
Muốn chứng trí như huyễn hữu, vô
Hiểu thấu các pháp bản lai không
Ở A-lan-nhã, Bồ-đề tràng
Khiến chúng cũng vào chân giải thoát.
Nếu muốn chóng được trí Như như
Chứng hội các pháp Như như tánh
Trọn vô số kiếp lợi quần sinh
Thường ở Lan-nhã chốn không tịch.
Nếu người muốn được trí nan tư
Tu-di thu vào trong hạt cải
Tu-di, hạt cải tướng bất hoại
Vào nhà thần thông trong Lan-nhã.

Nếu người muốn được trí Vô ngại
Một tiếng diệu âm dùng thuyết pháp
Tùy loại chúng sinh đều được thoát
Nên ở Lan-nhã tu-diệu quán.
Nếu muốn không sinh và không diệt
Ứng hiện quốc độ khắp mười phương
Phóng quang thuyết pháp lợi quần sinh
Chớ lìa Lan-nhã nhà không tịch.
Nếu lấy ngón chân ấn đại địa
Khiến cõi mười phương đều chấn động
Thấy tướng, phát tâm trừ tà kiến
Nên ở Lan-nhã quán tự tâm.
Nếu muốn trong khi Phật xuất hiện
Tối sơ kính dâng cúng vi diệu
Thí Ba-la-mật đều viên mãn
Ở A-lan-nhã tu-diệu hạnh.
Nếu người, khi Phật nhập Niết-bàn
Tối hậu cúng dường thành nghĩa "Thí"
Dứt hẳn nghèo cùng và tám nạn
Thệ nguyện ở trong A-lan-nhã.
Nếu muốn phước trí đều viên mãn
Chư Phật mai sau sắp Niết-bàn
Nhận nguyện rộng lớn, Phật giao phó
Ở A-lan-nhã tu sáu niệm.
Sau khi chư Phật nhập Niết-bàn
Kết tập Chánh pháp độ chúng sinh
Trợ tán chân thừa của chư Phật
Ở nhà "không tịch" trong Lan-nhã.
Đại sư trời, người: Đấng Thế Tôn
Khó thấy, khó gặp hơn Ưu-đàm
Nếu muốn yết kiến, tu cúng dường
Nên ở Lan-nhã, bi nguyện rộng.
Mọi báu tuy quý, Pháp quý hơn
Thành Phật, hóa độ lợi do đây
Như người muốn thường được nghe pháp
Ở A-lan-nhã tu phạm hạnh.
Khởi từ thân này đến thân Phật
Thường nguyện phát tâm hoằng chánh giáo

Cho đến khi chưa được Bồ-đề
Niệm niệm không bỏ A-lan-nhã.
Nếu người muốn báo ân cha mẹ
Thay thế cha mẹ phát thệ nguyện
Vào Bồ-đề tràng trong Lan-nhã
Ngày đêm thường tu về diệu đạo.
Nếu muốn đời nay thêm phước trí
Mai sau không đọa trong tám nạn
Như thế, chúng sinh phát tâm thiện
Ở A-lan-nhã tu bi nguyện.
Bồ-tát ba đời cầu chân giác
Được đạo Niết-bàn trong Lan-nhã
Thế nên gọi là Đại đạo tràng
Thánh chúng Ba thừa đồng ở đó.
Bồ-tát chán khổ vào rừng núi
Vì độ quần sinh cầu Thánh đạo
Tự chưa thành Phật, độ người trước
Sáu đạo, bốn loài đều thương xót.
Bồ-tát thượng căn ngồi đất trống
Bồ-tát trung căn dưới bóng cây
Bồ-tát hạ căn trong thạch thất
Chưa thành Phật đạo thường không nằm.
Bồ-tát ba đời ở Lan-nhã
Được sức tự tại Đà-la-ni
Nay ta cùng phát tâm Bồ-đề
Chưa được Tổng trì, ở đây mãi.
Được Đại Bồ-đề tại Lan-nhã
Vào Đại viên tịch do chốn đây
Bồ-tát khởi phát trí Kim cang
Đoạn hoặc, chứng chân thành Diệu giác
Rộng độ chúng sinh khắp xóm làng
Vì cầu tịch diệt, ưa rừng núi
Muôn hạnh: nhân đầy, quả cũng trọn
Tận đời vị lai độ quần sinh.

Khi Đức Thế Tôn nói về hạnh A-lan-nhã của Bồ-tát xuất gia như thế, có vô lượng Bồ-tát chứng địa Cực hỷ; hằng hà sa vô số Bồ-tát lìa hẳn tướng dụng của phiền não vi tế, chứng địa Bất động, vô số Đại Bồ-tát số lượng chẳng thể nêu bày được đã dứt tất cả hoặc chướng vào địa Diệu giác; vô

biên chúng hữu tình phát tâm Vô đẳng đẳng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chín vạn bảy ngàn chúng sinh xa lìa mọi thứ bụi bặm cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 6

Phẩm 6: Ly Thế Gian

Bấy giờ, trong pháp hội có một vị Đại Bồ-tát tên là Nhạo Viễn Ly Hạnh, nhờ uy lực của Phật, từ tòa ngồi đứng dậy, ở trong đại chúng vì các Bồ-tát nêu bày về hạnh A-lan-nhã, nói với tất cả các vị Bồ-tát:

– Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã nên nghĩ: Do nhân duyên gì mà ta xa lìa thế tục, Tu-diệu hạnh thanh tịnh ở A-lan-nhã? Các Phật tử nhất tâm nghe kỹ! Tôi nay nương uy lực Phật vì các vị phân biệt diễn thuyết về hạnh A-lan-nhã!

Các Bồ-tát nói:

– Quý hóa thay! Đại sĩ đã vì chúng tôi, cùng các vị cầu Bồ-tát đạo ở đời mai sau, kính xin Đại sĩ cứ nói cho, chúng tôi muốn nghe!

Khi ấy, Bồ-tát Nhạo Viễn Ly Hạnh bảo đại chúng:

– Tất cả chúng sinh ở thế gian có nhiều sự sợ hãi, Bồ-tát xuất gia vì chán những sự sợ hãi nơi thế gian ấy nên rời bỏ cha mẹ cùng các quyến thuộc đến ở nơi A-lan-nhã, tu hạnh viễn ly.

Thế nào là những sự sợ hãi?

Hoặc có Bồ-tát nghĩ: "Ngã" là sợ hãi, vì tất cả phiền não từ "ngã" sinh ra. Hoặc có Bồ-tát nói "ngã sở" là sợ hãi, vì tất cả phiền não từ "ngã sở" sinh ra. Hoặc có Bồ-tát nói "bảy thứ mạn" là sợ hãi, vì các thứ mạn ấy đều không biết kính người thiện. Hoặc có Bồ-tát lấy "ba độc" kia làm sự sợ hãi, vì do nó tạo ra vô lượng tội, phải sa đọa vào các đường ác. Hoặc có Bồ-tát lấy "năm dục" kia làm sự sợ hãi, vì đam trước sự vui thế gian, sẽ phải sa vào tám nạn. Ví như ở đời có con rắn gọi là "Thất bộ xà", nếu khi nó hại người, nọc độc của nó rất mạnh, người ta đi ra khỏi bảy bước bị trúng độc thân mạng liền chết ngay. Sức một con rắn độc còn làm tổn hại người như thế, huống chi là năm con rắn cùng làm sự tổn hại, thời sức độc càng mạnh thêm, thân mạng khó toàn được! Năm dục của đời cũng thế, mỗi một thứ dục lạc đều có thể dẫn khởi ra tám vạn bốn ngàn thứ phiền não

cấu uế hết sức vi tế, mê hoặc kẻ ngu si, làm cho họ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, cùng các tai nạn khác, chịu nhiều khổ não, huống là tham đắm đầy đủ các món "trần" khác? Vô số chư Phật như số cát sông Hằng ra đời, thuyết pháp giáo hóa, thời gian vun vút như ánh sáng luồn qua chỗ hở nhanh chóng, mà kẻ ngu si hoàn toàn không được trông thấy, vì thường ở trong các đường ác như ở nhà mình, ở nơi không được ngắm nhìn thong thả mà như dạo xem trong vườn vui chơi. Thời quá khứ có Đức Phật muốn khiến cho chúng sinh chán bỏ năm dục nên nói bài kệ rằng:

Như con thiêu thân thấy ánh lửa
Lấy đó làm thích nên đua vào
Nhưng không biết tánh lửa rất nóng
Phải đành bỏ mạng cho lửa đốt.
Phàm phu trên đời cũng như thế
Ham thích sắc đẹp đi tìm tòi
Không biết sắc đẹp nhiễm vào người
Lại bị lửa đốt, mọi khổ tới.
Ví như đàn hươu trong rừng rú
Ăn nơi cỏ ngon nuôi sống mình
Thợ săn giả làm tiếng hươu mẹ
Đàn hươu trúng tên đều chết cả.
Phàm phu trên đời cũng như thế
Tham đắm mọi tiếng nghe vừa ý
Không biết tiếng kia nhiễm vào người
Khổ báo ba đường trở lại chịu.
Ví như ong mật bay đi xa
Dạo tới rừng xuân hút nhụy hoa
Vì thích mùi thơm nơi má voi
Tai voi nhân đó trập lại chết.
Phàm phu trên đời cũng như thế
Ham thích mọi mùi hương thọ dụng
Không biết hương kia nhiễm vào tâm
Sinh tử luân hồi nhiều kiếp khổ.
Ví như cá lớn ở trong nước
Bơi, lội, lặn, nổi tự vui vẻ
Vì tham mùi thơm bèn cắn câu
Ham mùi, quên mạng đều bị chết.
Phàm phu trên đời cũng như thế
Lưỡi ham mùi ngon giúp thân thể

Giết người, sống mình tâm thiên lệch
Cảm báo ba đường dữ, khổ cực.
Ví như voi trắng ở núi rừng
Tự tại cũng như sư tử chúa
Lòng dục loạn say thành mờ tối
Tìm đến voi cái sinh tham nhiễm.
Tất cả phàm phu cũng như thế
Tới chỗ ái ân như voi cuồng
Ân ái ràng buộc không ngừng dứt
Chết vào địa ngục khổ khôn lường.
Trai, gái trên đời tham cầu nhau
Đều bởi ham đắm các sắc dục
Trời, người bởi thế nên ràng buộc
Đọa lạc ba đường trong tăm tối.
Nếu lìa bỏ được tâm tham dục
Ở A-lan-nhã tu phạm hạnh
Quyết vượt qua được khổ sinh tử
Chóng vào cung "Vô vi, thường lạc".

Hoặc có Bồ-tát lấy việc tham nhiều của cải làm sự sợ hãi. Của báu nơi mình thường tìm kiếm tích góp lại, không dám thọ dụng, huống chi là đem bố thí cho chúng sinh nghèo thiếu? Đối với của báu của mình sinh tâm tham đắm, còn đối với của báu nơi khác thì lại muốn cho tổn giảm. Bởi nhân duyên ấy, sau khi mạng chung phải đọa vào đại địa ngục chịu vô lượng khổ. Khổ báo như thế gọi là quả báo chánh cảm thứ nhất. Từ địa ngục ra phải chịu thân súc sinh, thân thường khổ nhọc, nước cỏ không đủ và phải qua trong nhiều thời đền trả sự tổn hại của người trước. Mọi khổ như thế gọi là quả báo chánh cảm thứ hai. Chịu tội ấy xong, sinh vào trong ngạ quỉ, khốn khổ đói khát vô lượng, hàng ngàn kiếp không hề nghe thấy tên thức ăn, nước uống; cổ nhỏ như thân kim, bụng to như núi, ví dù được thức ăn uống, theo nghiệp liền biến thành lửa. Thân khổ như thế gọi là quả báo chánh cảm thứ ba. Hết tội ấy rồi, lại sinh về nhân gian, vào hạng nghèo cùng hèn hạ, bị người sai khiến; đối với các thứ của báu cầu rất khó được và đối với tất cả mọi thời đều không tự tại. Dư báo như thế gọi là "Tương tự quả". Tất cả Bồ-tát thấy biết về nhân quả rõ ràng như thế, nên thường sinh tâm sợ hãi muốn cầu giải thoát. Do chỗ sợ hãi ấy, nên xa lìa quyến thuộc và ở nơi A-lan-nhã.

Hoặc có Bồ-tát lấy tâm khát ái làm sự sợ hãi, vì đối với những khi chưa được tất cả của báu, ngày đêm tìm tòi, sinh tâm khao khát. Hoặc có

Bồ-tát lấy "ngã, ngã sở kiến" làm sự sợ hãi, vì nó chỗ nương tựa của các phiền não. Hoặc có Bồ-tát lấy các "pháp kiến" làm sự sợ hãi, vì nó là chỗ nương tựa cho sở tri chướng. Hoặc có Bồ-tát lấy sáu mươi hai kiến làm sự sợ hãi, vì vào rừng tà kiến thì khó ra khỏi được. Hoặc có Bồ-tát lấy "nghi" làm sự sợ hãi, vì đối với pháp chân chánh sinh tâm nghi hoặc. Hoặc có Bồ-tát lấy "đoạn kiến" kia làm sự sợ hãi, vì chấp không có đời sau, gạt đi, cho là không có nhân quả, sinh tà kiến nặng nề phải bị đọa vào địa ngục. Hoặc có Bồ-tát lấy "thường kiến" kia làm sự sợ hãi, vì chấp thân của chúng sinh trong năm cõi thường hằng như thế, theo nghiệp thiện, ác vẫn không biến đổi. Hoặc có Bồ-tát lấy "tật đố" kia làm sự sợ hãi, vì không chịu sự vẻ vang của người, mang tâm niệm ác. Hoặc có Bồ-tát thường lấy "trạo cử" làm sự sợ hãi, vì tâm không tịch tĩnh, sinh ra tán loạn. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm "bất tín" làm sự sợ hãi, ví như người tay không, tuy đến núi báu, nhưng hoàn toàn không thể lấy được gì; người không có bàn tay tin tưởng, tuy gặp Tam bảo nhưng không thu đạt được gì. Hoặc có Bồ-tát lấy "vô tàm" kia làm sự sợ hãi, vì bên trong không biết hổ thẹn, nên thường tạo các nghiệp ác, nghiệp chướng vô minh khó thấy được Phật. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm "vô quý" làm sự sợ hãi, vì bên ngoài không biết xấu hổ, bỏ ân bội đức, phải sinh tử luân hồi và đọa vào ba đường dữ. Hoặc có Bồ-tát lấy "phẫn hận" làm sự sợ hãi, vì nó hay làm tổn hại mình và người thành ra sự oán kết lẫn nhau, trong nhiều kiếp, làm chướng ngại đối với đạo Phật. Hoặc có Bồ-tát lấy sự "vong thất" lãng quên không nhớ kia làm sự sợ hãi, vì đối với sự nghe pháp không ghi nhớ được, quên mất văn nghĩa, thêm sự ngu si.

Hoặc có Bồ-tát cho tất cả những nghiệp đen tối bất thiện là sợ hãi. Sao vậy? Vì tất cả nghiệp bất thiện là nhân của sinh tử, xoay chuyển trong ba cõi không thoát khỏi được, đối với vô lượng vô biên sự sợ hãi ấy đều làm chướng ngại cho thắng pháp xuất thế. Hoặc có Bồ-tát lấy "năm thứ che lấp" làm sự sợ hãi, vì năm thứ phiền não ấy che lấp tâm Bồ-đề của Bồ-tát. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm ghen ghét làm sự sợ hãi, đối với các chúng sinh không có tâm thương xót, nên tu hạnh Bồ-đề hay bị thoái chuyển. Hoặc có Bồ-tát lấy sự cấu uế do "phá giới" làm sự sợ hãi, vì điều ấy làm nhơ nhớp Thánh pháp, khó được quả báo chân chánh. Hoặc có Bồ-tát lấy "ưu não" làm sợ hãi, vì các vọng tưởng mạnh luôn làm mất nghiệp thiện. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm "ác tác" làm sợ hãi, vì đối với chỗ tu thiện sinh tâm hối tiếc. Hoặc có Bồ-tát nói sự "cuồng túy" là điều sợ hãi, vì nó không biết thiện, ác, không có tôn ti. Hoặc có Bồ-tát lấy sự chết không đúng thời làm điều sợ hãi, vì không an trụ nơi chánh niệm, hướng về vô thường. Hoặc có Bồ-tát lấy nghiệp vọng ngữ làm điều sợ hãi, vì kiếp kiếp đời đời có nói năng

gì tất cả chúng sinh đều không tin nhận. Hoặc có Bồ-tát lấy bốn thứ điên đảo làm sợ hãi, vì do bốn món điên đảo ấy nên phải bị luân hồi sinh tử, khởi nghiệp phiền não không cầu Phật. Hoặc có Bồ-tát nói "bạn ác" là điều sợ hãi, vì theo bạn bất thiện ấy mà tạo ra nghiệp ác. Hoặc có Bồ-tát lấy "ngũ uẩn ma" làm điều sợ hãi, vì thân năm uẩn này từ phiền não sinh ra, sinh rồi liền dấy lên vô lượng phiền não; nhân các phiền não mà tạo nghiệp bất thiện, do các hoặc nghiệp nên bị sa xuống hầm sâu lớn, bởi nhân duyên ấy sinh ra sợ hãi. Hoặc có Bồ-tát lấy "phiền não ma" làm điều sợ hãi, vì các thứ đại, tiểu phiền não nối tiếp sinh tử, làm thoái tâm Bồ-đề, bị đọa vào đường ác. Hoặc có Bồ-tát chán ngán và lo lắng về "tử ma" làm điều sợ hãi, vì phát tâm Bồ-đề chưa được tới chỗ bất thoái, thân nát, mạng mất, sinh tâm thoái chuyển. Hoặc có Bồ-tát cho các Thiên ma là điều sợ hãi, vì họ hàng Thiên ma đầy dẫy trong cõi Dục, làm chướng ngại người tu đạo, thoái tâm Bồ-đề. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm "vô ký" làm điều sợ hãi, vì đối với pháp thiện không tiến tu được, luống qua thời gian dài, lui mất nghiệp thiện. Hoặc có Bồ-tát lấy tám nạn kia làm điều sợ hãi, vì nếu bị đọa vào trong tám nạn ấy thời như từ chỗ tối lại vào chỗ tối; đêm dài sinh tử khó gặp được ánh sáng. Hoặc có Bồ-tát quán địa ngục kia làm điều sợ hãi, vì một khi sa vào địa ngục, thời trải qua vô lượng kiếp chịu khổ não lớn khó được giải thoát. Hoặc có Bồ-tát cho sự đọa vào hàng súc sinh là điều sợ hãi, vì trong giới bàng sinh phải chịu quả báo ngu si, trải vô lượng kiếp khó thoát khỏi được. Hoặc có Bồ-tát thấy nẻo ngạ quỉ là điều sợ hãi, vì trong hằng sa kiếp phải chịu khổ đói khát, khó gặp được Phật, Pháp, Tăng. Hoặc có Bồ-tát tưởng sự sinh trong cõi Dục làm điều sợ hãi, vì phiền não tạp khởi, tạo các nghiệp ác, bị đọa vào ba đường dữ. Hoặc có Bồ-tát cho cõi Sắc kia là điều sợ hãi, vì các "hữu phú phiền não" hay làm chướng ngại tu Định. Hoặc có Bồ-tát cho cõi Vô sắc là điều sợ hãi, vì trong ba cõi ấy tịch tĩnh quá, cũng như Niết-bàn, nên chúng sinh vọng chấp làm cứu cánh, đến khi kiếp hết mạng mất, phải đọa vào địa ngục. Hoặc có Bồ-tát cho sự nối tiếp liên tục của sinh tử làm điều sợ hãi, vì sinh vào nhà tà kiến, khó ra khỏi được. Hoặc có Bồ-tát cho sự chán bỏ sinh tử làm điều sợ hãi, vì chết đây, sinh kia, thường chịu khổ não, như thế làm chướng ngại hạnh Bồ-tát cầu Niết-bàn. Hoặc có Bồ-tát cho giọng tiếng thế gian là điều sợ hãi, vì nó làm cho tâm thường bị tán loạn, phương hại tới nghiệp thiện. Hoặc có Bồ-tát lấy "tâm, ý, thức" làm điều sợ hãi, vì những hành tướng sở duyên của nó là không thể biết được.

Nếu ở nhà thế tục, do những sự sợ hãi ấy, ngày đêm nối tiếp nhau nhiễu loạn tâm thiện, không thể chứng được pháp "không sợ hãi". Bồ-tát

thời quá khứ ở nơi A-lan-nhã đều chứng được pháp không sợ hãi, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát đời vị lai ở nơi A-lan-nhã đều sẽ được pháp không sợ hãi, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Đại Bồ-tát trong mười phương hiện tại, ở nơi A-lan-nhã dứt bỏ tất cả chướng ngại, được pháp không sợ hãi tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các vị nên biết, tùy theo căn khí, nên tu học về nhiếp niệm thân tâm ở nơi A-lan-nhã của các Bồ-tát trong ba đời, để điều phục vọng tưởng, vĩnh viễn không sợ hãi, đạt tới cứu cánh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã nên làm nghiệp gì? Nên tạo những niệm gì? Ngày đêm thường suy nghĩ như thế này: "Tất cả mọi sự sợ hãi hiện có của thế gian đều từ "ngã" sinh: vì tất cả mọi sợ hãi đều do chấp trước vào "ngã" mà sinh ra; tất cả sợ hãi đều do ngã làm căn bản; tất cả sợ hãi đều do "ngã ái" sinh ra; tất cả sợ hãi đều do "ngã tưởng" sinh ra; tất cả sợ hãi đều từ "ngã kiến" sinh ra; tất cả sợ hãi đều lấy "ngã" làm trụ xứ; tất cả sợ hãi đều từ nhân là "ngã" mà sinh; tất cả sợ hãi là do phân biệt sinh ra; tất cả sợ hãi là từ phiền não sinh ra; tất cả phiền não đều từ "ngã ái" sinh ra. Nếu ta ở nơi A-lan-nhã mà không lìa bỏ được chấp trước về "ngã, ngã sở", thì không nên ở trong A-lan-nhã ấy và không bằng trở về nhà ở tại gia còn hơn. Sao vậy? Nếu người có "ngã tưởng", thì không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có "nhân tướng" *(Bổ-đặc-già-la tướng)* thì không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu có người đủ cả hai chấp: "ngã, ngã sở" thì không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có "pháp kiến" thì không nên ở nơi A-lan-nhã Nếu người có đủ bốn thứ điên đảo chấp ấy, thì không nên ở nơi A-lan-nhã."

Các vị nghe kỹ, nếu có người tu hành tạo ra tướng Niết-bàn thì cũng không nên ở nơi A-lan-nhã, huống chi là còn khởi ra các tướng phiền não.

Các vị nghe kỹ, nếu có người không chấp trước vào tất cả hình tướng của các pháp thì nên an trụ nơi A-lan-nhã, như thế gọi là đang ngồi trong "Vô trước đạo tràng" đối với tất cả các pháp đều "bất khả đắc". Nếu người tâm điều phục, nhu hòa được, không có tranh luận, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Đối với mọi nhân duyên ở đời đều không chấp trước, thì nên an trụ ở nơi A-lan-nhã. Đối với các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc, không còn nương tựa vào chúng, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Đối với tất cả các pháp đều có sự thấy biết bình đẳng, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Đối với bốn uy nghi có thể điều phục được tâm mình, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Bỏ được tất cả các điều sợ hãi, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã.

Các Phật tử, nói một cách tổng quát, những người đối với các phiền

não đã giải thoát được, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người thành tựu được nhân Niết-bàn, thì nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người khéo tu hành bốn Vô cấu tánh, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người có tư tưởng ít muốn, biết đủ, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người có trí tuệ, đầy đủ đa văn, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người tu hành được ba môn giải thoát, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người dứt hẳn được các thứ phiền não ràng buộc, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người quán sát kỹ lưỡng được mười hai nhân duyên, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người mà chỗ tạo tác đã biện giải xong, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người đã bỏ được gánh nặng, nên an trụ nơi A-lan-nhã. Người chứng ngộ diệu lý sâu xa của chân như, nên an trụ nơi A-lan-nhã.

Các vị nên biết, nơi A-lan-nhã, các loại cây thuốc, các thứ gỗ lớn, nhỏ sinh ra ở nơi ấy, từng không sợ hãi, cũng không phân biệt. Đại Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã cũng thế, quán sát thân tâm mình như cây khô, như tường vách, ngói sỏi… không khác, đối với tất cả pháp, không có phân biệt. Ta quán sát thân tâm ta cũng như huyễn mộng, không thực, từng niệm, từng niệm già suy, hơi thở của ta ra rồi không vào được nữa; khi đó, do nhân thiện, ác, theo nghiệp mà chịu báo. Thân này vô thường, chóng khởi, chóng diệt, thân này hư giả, quyết không tồn tại lâu được. Như thế, trong thân không có "ngã, ngã sở" không có hữu tình, không có mạng, không có "dưỡng dục", không có "sĩ phu", không có "Bổ-đặc-già-la", không có "tác nghiệp", không có "hữu kiến", mọi tướng như thế là bản lai không tịch, cũng như hư không, cũng như bọt nước. Niệm niệm thường nên thực hành quán pháp như thế thời tất cả sợ hãi đều được giải thoát, như cây gỗ kia không có sự sợ hãi. Khi ấy, các Bồ-tát được ở nơi an lạc lớn lao không còn có sự sợ hãi sinh ra, thế gọi là Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, suốt ngày đêm nên quán như thế này: "A-lan-nhã này là nơi an vui tu tập thuần bốn Vô cấu tánh. A-lan-nhã này là nơi tu tập thuần hạnh Tri túc. A-lan-nhã này là nơi giải thoát các phiền não. A-lan-nhã này là nơi đầy đủ trí tuệ, đa văn. A-lan-nhã này là nơi điều phục và đoạn diệt các thứ phiền não chướng, sở tri chướng. A-lan-nhã này là nơi chứng nhập ba môn giải thoát. A-lan-nhã này là nơi chứng trọn tám pháp giải thoát. A-lan-nhã này là nơi quán sát đầy đủ mười hai nhân duyên. A-lan-nhã này là nơi dứt trừ được các nghiệp chướng. A-lan-nhã này là nơi chứng Sơ quả Dự lưu. A-lan-nhã này là nơi chứng quả thứ hai Nhất lai. A-lan-nhã này là nơi chứng quả thứ ba Bất hoàn. A-lan-nhã này là nơi chứng quả thứ tư A-la-hán. A-lan-nhã này là nơi chứng quả Bích-chi-phật. A-lan-nhã này là nơi đã biện giải xong được chỗ tạo tác,

được tự tại. A-lan-nhã này là nơi bỏ được các gánh nặng, đạt được mọi sự nhẹ nhàng an vui. A-lan-nhã này là nơi được "Nhị không chân như". A-lan-nhã này là nơi tu vô lượng tâm Đại từ. A-lan-nhã này là nơi tu chứng vô lượng tâm Đại bi. A-lan-nhã này là nơi tu tập thành tựu "Hỷ vô lượng". A-lan-nhã này là nơi tu tập thành tựu "Xả vô lượng". A-lan-nhã này là nơi phát tâm Bồ-đề. A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu trì đến Thập tín. A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu tiến tuần tự đến Thập trụ. A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu thêm dần dà đến Thập hạnh. A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu hạnh dần dà đến Thập hồi hướng. A-lan-nhã này là nơi tu tập thuần bốn Thiện căn. A-lan-nhã này là nơi tu hành sáu pháp Ba-la-mật. A-lan-nhã này là nơi tu hành từ Sơ địa đến Thập địa. A-lan-nhã này là nơi chứng được sáu căn thanh tịnh. A-lan-nhã này là nơi chứng được Thiên nhãn thông. A-lan-nhã này là nơi chứng được Thiên nhĩ thông và Túc trụ trí, Sinh tử trí minh, Thần cảnh, Tha tâm thông.

A-lan-nhã này là nơi có sự tàm quý. A-lan-nhã là nơi không phóng dật. A-lan-nhã này là nơi tu tập năm căn. A-lan-nhã này là nơi chứng được vô lượng, vô biên Tam-muội. A-lan-nhã này là nơi đạt được hằng sa Đà-la-ni môn, chứng tự tại. A-lan-nhã này là nơi chứng ngộ Nhẫn vô sinh. A-lan-nhã này là nơi dứt sinh tử, ra hẳn ba cõi. A-lan-nhã này là nơi đạt được Bất thoái chuyển. A-lan-nhã này là nơi hàng phục tất cả mọi ma oán địch, tiêu trừ nghiệp chướng, thấy Phật, nghe Pháp. A-lan-nhã này là nơi được pháp môn Bất cộng tối thượng của Phật. A-lan-nhã này là nơi tu tập Giới uẩn thanh tịnh. A-lan-nhã này là nơi xuất sinh Tam-ma-địa vô lậu. A-lan-nhã này là nơi sinh Bát-nhã, chứng giải thoát. A-lan-nhã này là nơi sinh Giải thoát tri kiến. A-lan-nhã này là nơi được ba mươi bảy Pháp phần Bồ-đề. A-lan-nhã này là nơi khéo tu nhiếp mười hai hạnh Đầu-đà. A-lan-nhã này là nơi trụ của trí tuệ phân biệt rõ ràng nghĩa lý. A-lan-nhã này là nơi vĩnh viễn đoạn trừ mầm mống năm uẩn hữu lậu. A-lan-nhã này là nơi được giải thoát khỏi mười hai nhập. A-lan-nhã này là nơi lìa hẳn mười tám giới hữu lậu. A-lan-nhã này là nơi quán sát mười tám không vi diệu. A-lan-nhã này là nơi dung thọ tất cả các pháp không. A-lan-nhã này là nơi sinh và làm tăng trưởng mười thiện pháp. A-lan-nhã này là nơi làm tăng trưởng tâm Bồ-đề kiên cố. A-lan-nhã này là nơi chư Phật ba đời luôn khen ngợi. A-lan-nhã này là nơi tất cả Bồ-tát đều cung kính, tán thán.

A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Tỳ-bà-thi thành đạo ở dưới gốc cây Ni-câu-đà. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Thi-khí thành đạo dưới gốc cây Thi-ly-sa. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Tỳ-xá-phù thành đạo dưới gốc cây A-thi-bà-đa. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Câu-lưu-tôn thành Bậc

Đẳng Chánh Giác ở dưới gốc cây Vô ưu. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thành Bậc Đẳng Chánh Giác ở dưới gốc cây Ưu-đàm. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Ca-diếp thành Bậc Đẳng Chánh Giác ở dưới gốc cây Bà-đà. A-lan-nhã này là nơi Đức Phật Thích-ca thành đạo dưới gốc cây Tất-bát-la. Các ông nên biết! A-lan-nhã có vô lượng công đức thắng lợi như thế!

Lúc đó, Bồ-tát Nhạo Viễn Ly Hạnh vì đại chúng nói bài kệ:

Bồ-tát xuất gia ở Lan-nhã
Cần nên nghĩ gì, làm nghiệp gì?
Mọi sự sợ hãi thế gian có
Đều từ "ngã kiến, ngã sở" sinh.
Nếu đoạn trừ được "ngã, ngã sở"
Tất cả sợ hãi không nơi dựa.
Nếu còn có tâm chấp "ngã kiến"
Rốt ráo không thành đạo Bồ-đề.
Niết-bàn thường trụ đều vô tướng
Huống chi phiền não phi pháp tướng?
Không chấp các pháp và chúng sinh
Tâm không tranh luận, tu chánh niệm
Trong bốn uy nghi điều phục tâm
Nên ở Lan-nhã thường tịch tĩnh.
Dứt được phiền não, tâm biết đủ
Ở trong Lan-nhã nhà "Không tịch"
Vào ba môn giải thoát Vô tướng
Ở nơi Lan-nhã lìa trần cấu.
Hay quán mười hai pháp nhân duyên
Tứ đế, nhị không: chân diệu lý
Tám pháp thế gian không lay động
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Hay quán thân mình như gỗ khô
Cũng như bọt nước, như huyễn mộng
Không chấp hai bên, tướng bình đẳng
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Tội, nghiệp ràng buộc thân vô thường
Bản lai hư giả vốn không thực
Chấp pháp, chấp ngã, chấp tội tướng
Ở trong ba đời "bất khả đắc",
Thân mình, thân người không có hai

Tất cả các pháp cũng như thế
Xem kỹ: pháp tánh không đi, lại
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Chiên-đàn thoa mình và tán thán
Lấy dao cắt xẻo và mạ nhục
Với hai người ấy không yêu, ghét
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Xuất gia thích ở A-lan-nhã
Ngày đêm nên quán sát như vầy:
Nơi A-lan-nhã, chân đạo tràng
Tất cả Như Lai thành Chánh giác,
Nơi A-lan-nhã, diệu pháp không
Chánh pháp xuất thế từ đấy sinh,
Nơi A-lan-nhã, Thánh tôn kính
Sinh ra ba thừa Thánh đạo vậy,
Nơi A-lan-nhã, nhà các Thánh
Tất cả Thánh hiền thường ở đó,
Nơi A-lan-nhã, cung Như Lai
Là chỗ mười phương Phật nương dựa
Nơi A-lan-nhã, tòa Kim cang
Chư Phật ba đời đắc đạo vậy,
Nơi A-lan-nhã, điện Niết-bàn
Như Lai ba đời viên tịch đây
Nơi A-lan-nhã, nhà "Đại từ"
Bồ-tát ở đó tu tâm Từ,
Nơi A-lan-nhã là "ruộng Bi"
Chư Phật ba đời tu tâm "Bi",
Nơi A-lan-nhã, nhà "Lục thông"
Bồ-tát ở đó du hóa khắp,
Nơi A-lan-nhã, đại Vô úy
Dứt trừ tất cả sự sợ hãi,
Nơi A-lan-nhã, Tam-ma-địa
Những người cầu đạo được Định ấy,
Nơi Lan-nhã được Đà-la-ni
Những người trì chú được thần lực,
Nơi A-lan-nhã, nhà thiện pháp
Tăng trưởng tất cả các pháp lành,
Nơi A-lan-nhã, nhà Bồ-đề

Bồ-tát tu đạo được pháp nhẫn,
Nếu muốn vượt hẳn khổ ba cõi
Bồ-đề Niết-bàn nên tu chứng,
Quang khắp pháp giới lợi quần sinh
Nên ở nhà Bồ-đề Lan-nhã,
Tu về Sáu độ, Bốn nhiếp pháp
Hồi thí ba cõi và bốn ân
Mình, người đều vào thành cam lộ
Đồng chứng "Nhất như chân pháp giới".

Khi Bồ-tát Ma-ha-tát Nhạo Viễn Ly Hạnh vì đại chúng nói pháp ấy rồi, Đức Phật bảo:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam, ông đã vì đại chúng và người cầu Phật đạo ở đời sau mà phân biệt diễn nói về công đức thù thắng nơi A-lan-nhã, đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh trong hiện tại và vị lai hướng đến nẻo giác ngộ Bồ-đề chánh chân, ông sẽ thành tựu vô lượng công đức, mà ngàn Đức Phật cùng nói cũng không cùng tận được.

Lúc ấy, trong pháp hội Bồ-tát Trí Quang, vô lượng a-tăng-kỳ đại chúng Bồ-tát, nghe công đức tối thắng nơi A-lan-nhã, liền được "Văn trì Đà-la-ni môn". Vô lượng chúng sinh phát tâm Vô đẳng đẳng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt được Bất thoái chuyển. Ngàn ức chúng sinh xa lìa mọi bụi bặm cấu uế có được pháp nhãn thanh tịnh.

Phẩm 7: Yếm Thân

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc liền từ tòa đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi đã ngộ được việc Đại Bồ-tát xuất gia, chán bỏ thế gian, ở nơi A-lan-nhã, điều phục tâm mình, tu hạnh Vô cấu. Song, Bồ-tát ấy ở nơi tịch tĩnh, tự thân mình nên thực hành pháp quán gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam, ông vì chúng sinh khởi tâm đại bi, thỉnh vấn Như Lai về "Nhập Thánh trí quán diệu hạnh pháp môn". Ông nên khéo nghe, nay Ta vì ông giảng nói về vấn đề ấy!

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Dạ, bạch Thế Tôn, chúng con nguyện muốn được nghe!

– Thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, khi cầu Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, thời trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm nên quán sát tỉ mỉ: "Thân hữu lậu này có ba mươi bảy thứ bất tịnh uế tạp, là thứ không đáng yêu và là thứ không bền chắc".

Nên quán thân này cũng như đồ gốm, bên ngoài dùng màu sắc sặc sỡ như vàng bạc bảy báu tô điểm khéo đẹp, nhưng bên trong đầy phẩn uế, mọi thứ bất tịnh, rồi hai vai gánh đi, ai trông thấy cũng đều sinh lòng ưa thích, mà không biết trong đồ ấy đựng đầy thứ bất tịnh. Có sáu con rắn đen ở bên trong đồ ấy, một con cựa quậy thì đồ liền vỡ nát, sự độc hại, hôi nhơ tóe ra, không ai chịu nổi được. Người thế gian trang sức tô điểm thân mình, như đồ gốm sặc sỡ đựng những thứ bất tịnh kia. Ba món: tham, sân, si là tâm bệnh, ba bệnh; bệnh phong hàn, hoàng nhiệt, đàm ấm là thân bệnh. Trong ngoài sáu bệnh hay làm hại thân tâm, như sáu con rắn ở trong đồ nhơ; mỗi một con rắn cựa quậy, đồ liền vỡ nát, thời mỗi một bệnh phát ra, thân liền vô thường, Thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở chốn thanh vắng quán sát thân này gọi là Quán tướng Bất tịnh thứ nhất.

Trọn ngày đêm, Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình nhơ nhớp chẳng sạch, cũng như thân loài chó chết. Sao vậy? Vì thân kia cũng từ thứ bất tịnh nơi cha mẹ làm duyên sinh ra.

Bồ-tát xuất gia lại quán sát thân mình như tổ kiến là nơi yên ở của nhiều kiến trong đó, một hôm có một con voi trắng đi đến bên tổ, lấy mình cọ vào tổ, tổ kiến liền vỡ ra. Thiện nam, tổ ấy là thân ngũ uẩn, voi trắng là sứ giả của Diễm-ma-la, thân hướng về đời sau như voi trắng phá tổ kiến.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình mà nghĩ rằng: "Nay thân này của ta, từ đầu đến chân, da, thịt xương, tủy cùng hòa hợp nhau làm thành thân mình cũng như cây chuối ở trong không có thực."

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình không có sức mạnh, da thịt mỏng che phủ, như vữa tô trát tường, ức vạn lông tóc như cỏ mọc trên đất, chút gió nhẹ ra vào lỗ chân lông. Như thế, ai là người có trí tuệ lại ưa thích thân này? Vì từng sát-na, sát-na, sự suy bại luôn luôn nối tiếp chuyển biến!

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như nuôi rắn độc mà chuốc lấy hại. Nay ta tuy đem thức ăn uống quần áo giúp đỡ nuôi lớn thân này mà nó không biết ân, cuối cùng lại làm cho mình phải đọa vào đường ác.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình ví như kẻ thù oán giả làm bạn thân, rình lúc thuận tiện, đem thuốc độc làm cho mạng căn kia chết. Thân ta như thế, vốn không phải chân thực, quyết đi đến chỗ vô thường, nên bậc Thánh không hề yêu quý.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như bọt nước, tuy coi đẹp đẽ như

sắc ngọc lưu ly, nhưng trong sát-na, nhân duyên khởi, diệt không thường, vì nó là hữu vi, nên từng niệm niệm không ở lâu được.

Bồ-tát xuất gia quán thân mình như thành Càn-thát-bà, tuy rằng hiện ra tướng trạng mà không thực có. Nay thân ta cũng như thế.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình cũng như ảnh tượng. Thân ta cũng thế, tuy có nhưng chẳng phải thực.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình ví như giặc oán cường thịnh của nước ngoài. Nay thân ta cũng như thế, giặc oán phiền não xâm lược thiện căn của ta.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như ngôi nhà hư dột, tuy cố gắng sửa sang lại, nhưng quyết sẽ hỏng nát. Thân ta cũng như thế, tuy cố gắng yêu mến nó, nhớ nghĩ đến nó, nhưng nó quyết sẽ vô thường.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như ở gần nước oán địch, nhân dân thành ấp thường mang lòng sợ hãi. Nay thân ta cũng như thế, trong lòng từng niệm niệm sợ giặc oán vô thường.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như rất nhiều củi bị lửa đốt cháy, mà lửa dữ ấy chưa từng biết đủ. Thân ta cũng thế, lấy lửa tham ái, đốt củi năm dục, tâm tham cầu càng tăng trưởng thêm cũng như thế.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như con mới đẻ, mẹ hiền thương xót luôn luôn gắng công săn sóc, gìn giữ. Thân ta cũng thế, nếu không gìn giữ, thân tâm bị bệnh, tức không thể tu chứng được.

Bồ-tát xuất gia lại quán "bản tánh tự thân bất tịnh". Ví như có người chán ngán và lo sợ màu than, mới đặt mọi phương tiện, lấy nước gột tẩy, qua nhiều thời gian màu đen vẫn như cũ và cho đến khi màu than hết, hoàn toàn cũng không được ích gì. Thân ta cũng thế, là thân hữu lậu bất tịnh, giả sử lấy nước biển cho đến hết đời vị lai mà tẩy cũng vô ích và cũng lại như thế thôi.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình như dầu tưới củi, lấy lửa đốt cháy, lại gặp gió lớn, thế mạnh không thể dập tắt được. Thân này cũng thế, là đống củi năm uẩn tưới dầu tham ái, phóng lửa giận dữ, sức gió ngu si không thể ngừng được.

Bồ-tát xuất gia lại quán thân mình cũng như ác tật, vì nó là chỗ ở của bốn trăm lẻ bốn bệnh, cũng như ruột già, là chỗ ở của tám vạn bốn ngàn con trùng; là chốn vô thường, vì hơi thở ra không trở vào được, tức là vô thường; cũng như "Phi tình thần thức" dễ thoát vì đồng như ngói đá; cũng như nước sông, trước sau mỗi sát-na, không tạm ngừng nghỉ; cũng như ép dầu, đối với tất cả mọi sự, đều phải chịu đựng khổ nhọc. Thân này như

không có chỗ nương tựa, cũng như con trẻ mất cha mẹ. Thân này như không có người cứu hộ, cũng như con ễnh ương bị rắn nuốt. Thân này như huyệt không đáy, vì tâm, tâm sở pháp không thể biết được. Thân này thường không biết đủ, vì đối với năm món dục lạc, tâm không biết chán. Thân này thường không được tự tại, vì bị đoạn kiến, thường kiến ràng buộc. Thân này không biết sinh sự thẹn hổ, vì tuy nhờ họ hàng nuôi nấng, nhưng vẫn vứt bỏ sự sống của mình. Thân này như thây chết, vì đối với ngày đêm tiếp nối đi gần đến chỗ diệt hoại. Thân này chỉ để chịu mọi khổ, vì đối với tất cả mọi chỗ không có gì là sự vui chân thực. Thân này là chỗ nương tựa của khổ, vì tất cả mọi khổ đều dựa vào thân mà có. Thân này như xóm làng trống vắng, vì trong thân này không có chủ tể. Thân này rốt ráo là vắng lặng tịch tĩnh, vì do tánh "Biến kế sở chấp" tạo dựng, vẽ càn ra. Thân này như tiếng vang trong hang, đều là hư vọng hiển hiện. Thân này cũng như thuyền buồm, nếu không có Thuyền sư liền bị trôi giạt. Và thân này cũng như xe lớn vận tải của báu. Sao vậy? Vì nhờ ngồi trên xe Đại thừa mà đến được cõi Bồ-đề vậy.

Thiện nam, Bồ-tát xuất gia ngày đêm quán sát, cần mến tiếc thân này, vì còn muốn làm cho chúng sinh ra khỏi biển sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp ấy rồi, Ngài bảo Đại Bồ-tát Di Lặc:

– Thiện nam, tu hạnh như thế, là chỗ quán pháp chủ yếu của người Phật tử xuất gia. Nếu có Phật tử nào phát tâm Bồ-đề vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nơi A-lan-nhã, tu tập ba mươi bảy phép quán như thế, lại dạy người ta cùng tu tập pháp quan trọng ấy, cùng giảng giải, viết chép, thọ trì, đọc tụng, xa lìa tất cả sự chấp ngã, ngã sở, dứt hẳn sự tham đắm năm dục lạc ở đời, thì sẽ chóng thành tựu đầy đủ được tín tâm bất hoại, cầu Đại Bồ-đề, không tiếc thân mạng, huống chi là đối với các ngọc báu hiện có của thế gian. Như thế thì thân hiện tại quyết thành tựu rốt ráo tất cả Trí ấn Kim cang của Như Lai, đối với đạo Vô thượng quyết không thoái chuyển; sáu lục, muôn hạnh chóng được viên mãn, chóng thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc đó, trong pháp hội, tám vạn bốn ngàn Bồ-tát mới phát tâm, quá chán thế gian, đạt được sức nhẫn lớn lao, đối với đạo Vô thượng không còn thoái chuyển. Trăm ngàn Bà-la-môn phát tâm Bồ-đề, thành tựu đầy đủ tín căn, được bất thoái chuyển. Ba vạn sáu ngàn thiện nam, thiện nữ xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 7

Phẩm 8: Ba La Mật Đa

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn ân cần khen ngợi sự tu hành của Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, lại không khen ngợi sự tu hành của Bồ-tát ở nơi khác? Có một thời Đức Thế Tôn ở núi Linh thứu vì các Bồ-tát nói rộng pháp mầu, mà nói lời này: "Bồ-tát, hoặc có khi ở nhà dâm nữ, hoặc thân cận với người đồ tể để chỉ dạy sự lợi ích vui vẻ cho họ, dùng vô số phương tiện đem lại lợi cho chúng sinh, vì họ nói diệu pháp, khiến họ nhập Phật đạo". Ngày nay Đức Thế Tôn vì các vị mới phát tâm mà nói diệu pháp, Ngài lại không nói như thế. Song, chúng con luôn luôn thân dự trước Phật, được nghe pháp sâu xa, không có gì ngờ vực, nhưng kính xin Đức Như Lai vì những người cầu Phật đạo mai sau, mà diễn nói cho những chân lý sâu xa mầu nhiệm, khiến hạnh Bồ-tát của họ không bị thoái chuyển.

Khi ấy, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Thiện nam, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cầu đạo Bồ-đề có hai hạng Bồ-tát: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Bồ-tát tại gia vì nhằm giáo hóa dẫn dắt, nên các nơi chốn như phòng dâm, hàng thịt đều được thân cận. Bồ-tát xuất gia thì không như thế.

Tuy nhiên, Bồ-tát ấy đều có chín bậc: Ba bậc thượng căn đều ở nơi A-lan-nhã, không gián đoạn sự tinh tấn làm lợi ích cho chúng sinh. Các Bồ-tát trung căn và hạ căn tùy chỗ nào hợp thì ở, nơi chốn không nhất định, hoặc ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở nơi làng xóm, tùy duyên tạo lợi ích, an ổn cho chúng sinh. Nẻo hành hóa như thế, ông nên quán sát!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia tu tập Phật đạo, đã được pháp vô lậu chân thực, thời tùy duyên dốc làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Nếu có Phật tử chưa được chân trí, ở nơi Lan-nhã, cần nên thân cận chư Phật, Bồ-tát và nếu gặp được bậc chân thiện tri thức, thời đối với hạnh Bồ-tát quyết không thoái chuyển. Do nhân duyên ấy các Phật tử cần nên dốc lòng cầu

gặp một Đức Phật và một vị Bồ-tát.

Thiện nam, như thế gọi là pháp xuất thế cốt yếu, các ông đều nên nhất tâm tu học!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia chán bỏ thế gian, ở nơi A-lan-nhã biết dùng công lực thành tựu viên mãn tám vạn bốn ngàn hạnh Ba-la-mật và chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì người bỏ danh lợi vào ở trong rừng núi, đối với thân mạng mình cũng như của cải không còn tham tiếc gì nữa, vĩnh viễn không lệ thuộc vào nó, thời tự nhiên đầy đủ dễ dàng ba thứ Ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, ở nơi A-lan-nhã, Bồ-tát xuất gia không chứa cất của báu, vậy nhờ nhân duyên gì mà Bồ-tát ấy làm viên mãn được Bố thí ba-la-mật?

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Thiện nam, ở nơi A-lan-nhã, Bồ-tát xuất gia vào trong xóm làng khất thực, những món ăn xin được, trước tiên nên đem phần nhỏ cho chúng sinh, sau nữa lại đem phần còn thừa cho những chúng sinh nào muốn, tức được gọi là Bố thí ba-la-mật. Đem thân mạng mình cúng dường Tam bảo, đem đầu, mắt, tủy, óc bố thí cho người lại xin, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Vì người cầu đạo nói pháp xuất thế, khiến họ phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, tu mười hai hạnh Đầu-đà, nếu khi đi bộ nên nhìn kỹ xuống đất cách chừng hai khuỷu tay, để không làm tổn hại chúng sinh, tức được gọi là Trì giới ba-la-mật. Kiên trì giới cấm, không tiếc thân mạng, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Vì người cầu đạo xuất thế, thuyết pháp giáo hóa, khiến họ phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Trì giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, diệt sự giận dữ, đạt được Từ tâm tam-muội và cũng không hủy nhục tất cả chúng sinh, tức được tên gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Nếu vì một người nói một câu pháp, khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia vì muốn khiến chúng sinh được thành Phật nên tu hạnh Tinh tấn: Chưa được thành Phật, phước đức, trí tuệ

kém cỏi, nhưng không tham yên vui, không tạo mọi tội, đối với những hạnh khổ hạnh của chư Bồ-tát xưa, sinh tâm rất mừng, cung kính, tôn ngưỡng, luôn luôn không lúc nào thôi, do nhân duyên ấy, nên gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Bỏ thân mạng như nhổ nước bọt, trong tất cả thời chưa từng biếng nhác, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Gặp người có duyên, nói đạo tối thượng, khiến họ hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Do tâm tinh tấn, mười hạnh như thế, đời quá khứ không bị thoái chuyển, đời hiện tại được bền vững, đời vị lai chóng được viên mãn. Này thiện nam, thế gọi là Đại Bồ-tát xuất gia thành tựu được Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, tu tập Chánh định, vì giữ cho pháp lành không tan mất, thể nhập các môn giải thoát, dứt hẳn biên kiến, hiển hiện thần thông, hóa độ chúng sinh, khiến họ được Chánh trí, dứt được gốc phiền não, chứng nhập chân pháp giới, ngộ đạo như thực và sẽ tới Bồ-đề; do nhân duyên ấy, tức được gọi là Thiền định ba-la-mật. Muốn làm cho chúng sinh như mình không khác, nghĩa là đều được đầy đủ phép điều trị chúng sinh, không bỏ Chánh định, không tiếc thân mạng, tu chánh định ấy tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Vì các chúng sinh nói pháp sâu xa, khiến họ hướng tới đạo Vô thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu Thiền định ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi thanh vắng tịch tĩnh, thân cận cúng dường chư Phật, Bồ-tát, những bậc đạt Nhất thiết trí, thường thích nghe những pháp sâu xa vi diệu, tâm sinh ngưỡng mộ tôn kính luôn luôn, không hề biết chán, chưa từng biết đủ; lại hay phân biệt rành chân lý Nhị đế dứt trừ hai chướng, thông suốt năm minh, nói pháp cốt yếu, giải trừ mối nghi; do nhân duyên ấy nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Vì cầu nửa bài kệ mà hủy bỏ thân mạng, không sợ mọi khổ, quyết chí cầu đạo Bồ-đề, tức thành tựu được Thân cận ba-la-mật. Ở trong đại hội vì người nói pháp, đối với những nghĩa sâu xa nhiệm mầu không hề tiếc giấu, khiến người phát khởi tâm Đại Bồ-đề, đối với hạnh Bồ-tát đạt được Bất thoái chuyển, thường hay quán sát thân ta, Lan-nhã, tâm Bồ-đề, Pháp thân chân thực: bốn thứ ấy không có sai khác; vì quán diệu lý như thế, như thế tức gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, đó gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi thanh vắng tịch tĩnh, thường hay tu tập Phương tiện thắng trí ba-la-mật-đa. Dùng Tha tâm trí hiểu rõ ý

muốn, phiền não, tâm hành sai biệt của chúng sinh, tùy bệnh cho thuốc đều làm cho họ lành mạnh, được thần thông Tam-muội diệu dụng tự tại, phát bi nguyện lớn, thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, các pháp của chư Phật đều thông suốt cả vì nhân duyên ấy, tức được tên gọi là Phương tiện thiện xảo ba-la-mật-đa. Vì nhằm đem lại lợi ích cho các chúng sinh, đối với thân mạng và của cải đều không hề tham tiếc, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật-đa. Vì các chúng sinh oán, thân đều bình đẳng, nói pháp vi diệu, làm cho họ chứng nhập được Phật trí, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật-đa. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Phương tiện thiện xảo ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia vào trong rừng núi, vì các chúng sinh nên thường tu tập Nguyện ba-la-mật. Tâm các vị ấy luôn luôn quán sát chân tánh của các pháp, chẳng phải "có", chẳng phải "không" mà là diệu lý Trung đạo; đối với việc thế tục đều phân biện rõ ràng và cũng vì nhằm hóa độ chúng sinh nên luôn luôn tu về từ bi; do nhân duyên ấy, tức được gọi là Nguyện ba-la-mật. Đem bốn lời thệ nguyện rộng lớn nhiếp thọ chúng sinh, cho đến dù bỏ thân mạng vẫn không làm hoại mất bi nguyện ấy, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Nói pháp vi diệu, biện tài vô ngại, nếu có người nào lắng nghe diệu pháp ấy thì rốt ráo không bị thoái chuyển, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, đó gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Nguyện ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã dùng năng lực của Chánh trí, hiểu rõ về tâm hạnh thiện, ác, thanh tịnh, không thanh tịnh của chúng sinh, vì chúng sinh nói pháp tương ứng, khiến họ chứng nhập nghĩa sâu xa mầu nhiệm của Đại thừa, an trụ nơi cứu cánh Niết-bàn; do nhân duyên ấy nên gọi là Lực ba-la-mật. Dùng mắt Chánh trí soi thấy năm uẩn vắng lặng tịch tĩnh, có thể bỏ thân mạng nhằm làm lợi ích cho chúng sinh, tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Dùng năng lực của diệu trí hóa độ người tà kiến, khiến họ dứt bỏ nghiệp ác sinh tử luân hồi, hướng về nẻo Niết-bàn cứu cánh thường lạc, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Lực ba-la-mật-đa.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã, đối với tất cả các pháp biết rõ thiện hay ác, xa lìa tà kiến, nhiếp thọ chánh pháp, không chán sinh tử, không thích Niết-bàn, tức được gọi là Trí ba-la-mật. Không yêu thân mình, luôn luôn thương xót chúng sinh; đối với thân mạng và của cải thường tu hạnh đại xả tức được gọi là Thân cận ba-la-mật. Dùng trí tuệ vi diệu vì các chúng sinh nói pháp Nhất thừa, khiến họ chứng nhập đạo Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác; do nhân duyên ấy, tức được gọi là Chân thực ba-la-mật. Thiện nam, thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu được Trí ba-la-mật-đa.

Này thiện nam, những Ba-la-mật-đa ấy, do nghĩa gì mà Ta lại nói nó phát sinh ra tám vạn bốn ngàn sự sai khác? Các ông nên biết, vì những người nhiều tham mà phân biệt, diễn nói ra hai ngàn một trăm Ba-la-mật-đa; vì những người nhiều sân mà phân biệt, diễn nói ra hai ngàn một trăm Ba-la-mật-đa; vì những người nhiều si mà phân biệt, diễn nói ra hai ngàn một trăm Ba-la-mật-đa; vì những người đẳng phần mà phân biệt, diễn nói ra hai ngàn một trăm Ba-la-mật-đa. Thiện nam, đối với những số hai ngàn một trăm Ba-la-mật-đa ấy làm căn bản, rồi chuyển gấp hơn lên, thành tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa. Những pháp như thế, đều là hạnh lợi tha.

Thiện nam, nếu có chúng sinh, căn tánh khó nhiếp phục, nghe pháp ấy rồi mà tâm chưa điều phục được, liền vì họ tuyên thuyết tám vạn bốn ngàn Tam-muội môn. Diệu pháp như thế đều là hạnh tự lợi! Nếu có chúng sinh tánh khí khó nhiếp phục, nghe pháp ấy rồi, mà tâm chưa điều phục được, liền vì họ tuyên thuyết tám vạn bốn ngàn Đà-la-ni môn. Diệu pháp như thế đều là hạnh lợi tha. Thiện nam, Ta vì dốc điều phục tất cả chúng sinh nên nói ra pháp như thế và đem vô số phương tiện thiện xảo, thị hiện mọi tướng, giáo hóa chúng sinh. Thiện nam, vì nghĩa ấy nên tất cả trời, người đều gọi Như Lai là Đạo Sư.

Thiện nam, chư Phật Thế Tôn trong hiện tại và vị lai đều tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật môn, tám vạn bốn ngàn Tam-muội môn, tám vạn bốn ngàn Đà-la-ni môn, dứt hẳn tám vạn bốn ngàn phiền não chướng vi tế, tám vạn bốn ngàn sở tri chướng vi tế và đều tới gốc cây Bồ-đề nơi Lan-nhã, ngồi tòa Kim cang, nhập định Kim cang, hàng phục tất cả thiên ma oán thù, chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại ý nghĩa ấy Ngài nói lời kệ:

Đại Pháp vương vượt qua ba cõi
Hiện ra đời hóa độ chúng sinh
Các Bồ-tát số nhiều vô lượng
Vào Phật môn trí tuệ cam lộ.
Di-lặc đắc đạo trong nhiều kiếp
Dùng tâm Đại bi mà thưa hỏi.
Lành thay, Pháp vương tử Vô Cấu!
Trí tuệ dốc hỏi Chân Phật thừa.
Ta đem biện tài vô úy nói

Giảng pháp Đại thừa, hướng giác ngộ.
Các ông nhất tâm lắng nghe kỹ!
Chuyển đến đời sau điều nên trao.
Mười phương thế giới có thể không
Những đạo xuất thế không thể dứt!
Muốn cầu đạo xuất thế giải thoát
Không ngoài ba căn, chín phẩm loại.
Ba phẩm Thượng căn tại Lan-nhã
Trung, Hạ tùy duyên ở thế gian.
Chỗ cầu đạo quả không sai khác
Đồng nói về Phật tánh chân như.
Bậc Đại sĩ chứng đắc Vô lậu
Tùy nghi ứng hiện cứu quần sinh.
Mở bày pháp môn có, không – bất nhị
Lợi người, lợi mình chẳng lúc dừng.
Người Phật tử chưa chứng vô lậu
Nên tinh cần tu học ba môn
Đem căn lành dâng cho tất cả
Chỉ một lòng hằng niệm Hồng danh.
Nguyện con thường thấy Phật, Bồ-tát
Thân tướng công đức rất trang nghiêm
Nếu thường được nghe tiếng mưa pháp
Tất cả thấm nhuần tâm chẳng thoái.
Dù thân thường ở chốn địa ngục
Cũng vẫn thân cận Đại Từ Tôn,
Dù thân thường ở chốn luân hồi
Cũng vẫn được nghe pháp vi diệu.
Do nhân duyên ấy, các Phật tử
Buộc tâm thường niệm "Thiên Nhân Sư".
Nếu có Phật tử tu Thánh đạo
Phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề
Chán đời ở tại A-lan-nhã
Cũng được gọi là tu ba "Độ".
Bố thí trước khi ăn mỗi ngày
Và đem Pháp bảo cho chúng sinh
"Tam luân" thanh tịnh là "Bố thí"
Vì nhân tu ấy, đức viên mãn
Nên biết chứng được Ba-la-mật

Chỉ do tâm tịnh, không do vật.
Nếu dùng tâm nhiễm cho ngọc quý
Không bằng tâm tịnh thí chút phần.
Cho của tức được "Bố thí độ"
Ba-la-mật ấy chẳng hai, ba.
Hay cho thân mạng và vợ con
Như thế gọi là "Thân cận độ".
Thiện nam, tín nữ đến cầu pháp
Vì đó nói hết kinh Đại thừa
Khiến cho phát khởi tâm Vô thượng
Mới gọi "Chân thực ba-la-mật".
Từ bi, tịnh tín đủ thẹn hổ
Nhiếp thọ chúng sinh lìa tham chấp
Nguyện thành Như Lai Vô Thượng Trí
Cho của, cho pháp là Sơ độ.
Giữ bền Tam tụ giới Bồ-tát
Khai phát Bồ-đề, lìa sinh tử
Ủng hộ Phật pháp ở thế gian
Hối sự lầm phạm "Chân trì giới".
Dẹp tâm sân giận, quán từ bi
Nên nghĩ nhân xưa trừ oán hại
Không tiếc thân mạng cứu chúng sinh
Đó là "Nhẫn nhục ba-la-mật".
Làm hạnh khó làm không tạm bỏ
Ba tăng-kỳ kiếp thường tăng tiến
Không cùng nhơ nhiễm, thường luyện tâm
Vì độ chúng sinh cầu giải thoát.
Vào ra chánh định được tự tại
Biến hóa thần thông dạo mười phương
Dứt nhân phiền não cho chúng sinh
Tu Tam-ma-địa cầu giải thoát.
Nếu muốn thành tựu chân trí tuệ
Thân cận Bồ-tát và Như Lai
Thích nghe diệu lý môn xuất thế
Tu đạt ba minh, dứt hai chướng.
Biết tâm chúng sinh thường sai biệt
Tùy bệnh cho thuốc khiến họ uống
Từ bi thiện xảo hợp căn cơ

Phương tiện lợi sinh độ hữu tình.
Quán chân cú nghĩa tất cả pháp
Không chấp giữa, bên, lìa "có, không"
Tịnh trí không ngừng ngộ chân như
Lợi mình, lợi người khắp pháp giới.
Trí lực hiểu rõ tánh chúng sinh
Vì đó nói các pháp tương ứng,
Trí lực thể nhập tâm chúng sinh
Khiến dứt gốc luân hồi sinh tử,
Trí lực phân biệt pháp trắng đen
Tùy nên lấy, bỏ đều hiểu thấu.
Sinh tử, Niết-bàn vốn bình đẳng
Thành tựu chúng sinh lìa phân biệt.
Mười hạnh thù thắng trên như thế
Nhiếp vào số tám vạn bốn ngàn
Tùy theo phẩm loại thắng pháp môn
Mới là Bồ-tát Ba-la-mật.
Tám vạn bốn ngàn Tam-ma-địa
Diệt tâm tán loạn cho chúng sinh.
Tám vạn bốn ngàn môn Tổng trì
Trừ diệt hoặc chướng, tan ma chúng.
Năng lực phương tiện Đấng Pháp Vương,
Ba thứ thắng pháp độ chúng sinh
Lưới "giáo" bủa giăng biển sinh tử
Đặt trời, người lên chốn an lạc.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp ấy, tám vạn bốn ngàn Thiên tử cõi trời Đao-lợi, dứt được các chướng trong ba cõi, chứng Hoan hỷ địa. Vô số trăm ngàn Thiên tử trong sáu cõi trời Dục ngộ Vô sinh nhẫn, được Đà-la-ni. Mười sáu đại Quốc vương lãnh hội được pháp Đà-la-ni, vô lượng tứ chúng lãnh hội hạnh Bồ-tát hoặc đạt được địa Bất thoái, hoặc được Tam-muội môn, hoặc được Đà-la-ni, hoặc được đại thần thông, hoặc có Bồ-tát chứng được hai, ba địa cho đến mười địa, vui mừng hớn hở. Vô lượng trăm ngàn các trời, người… phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị thoái chuyển. Tám ngàn trời, người xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

□

Phẩm 9: Công Đức Trang Nghiêm

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói ở nơi A-lan-nhã, công đức thành tựu sẽ được thành Phật, vậy Bồ-tát làm sao và tu các công đức gì mà có thể ở trong nơi A-lan-nhã này được? Kính xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà giải thuyết cho.

Lúc đó, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Di Lặc:

– Này thiện nam, cần tu học chỉ có một đức, là người ấy có thể ở nơi A-lan-nhã, cầu Vô thượng đạo được. Một đức ấy là gì? Là "quán tất cả căn nguyên phiền não, tức là tự tâm", hiểu thấu pháp ấy là có thể chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được. Sở dĩ thế là sao? Ví như chó dại bị người đánh đuổi, chỉ đuổi theo ngói, đá, chứ không đuổi theo người. Trong đời mai sau, ở nơi A-lan-nhã, người mới phát tâm cũng như thế. Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tâm người ấy bị nhiễm đắm, là người ấy không biết căn bản phiền não, không biết nguyên nhân của năm cảnh từ tự tâm sinh ra; đó tức là chưa thể an trụ ổn định nơi A-lan-nhã được. Do nhân duyên ấy, tất cả Đại Bồ-tát thích ở nơi tịch tĩnh, cầu đạo Vô thượng. Nếu khi cảnh của năm dục hiện ra trước mắt, nên quán sát tự tâm và nên nghĩ thế này: "Ta từ đời vô thỉ đến ngày nay, luân hồi trong sáu cõi, không có kỳ nào ra được là nơi vọng tâm sinh ra mê hoặc, điên đảo, đối với cảnh của năm dục, tham ái nhiễm đắm". Bồ-tát như thế gọi là người có thể chịu đựng ở nơi A-lan-nhã. Nếu có người hỏi: "Chúng sinh nào ở đời mai sau sẽ được thành Phật?". Nên chỉ người ấy trong đời sau, thoát khỏi khổ trong ba cõi, phá bốn ma quân chóng thành Bồ-đề, chứng nhập trí tuệ Phật, tất cả thế gian: Thiên, Long tám bộ… đều nên cúng dường! Nếu các thiện nam và thiện nữ nào lấy tâm thanh tịnh cúng dường Phật tử ở nơi A-lan-nhã như thế, sẽ được vô lượng vô biên phước đức. Như có người đem mọi thứ châu báu cúng dường mẹ hiền được công đức thế nào, thời công đức kia cũng như thế không khác. Sao vậy? Người ấy sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển xe Chánh pháp, độ chúng trời, người, nối dòng Tam bảo khiến không đoạn tuyệt và sẽ là chỗ quy y cho chúng sinh.

Lại nữa thiện nam, có hai pháp ràng buộc người tu hành, làm cho họ không chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được: Một là yêu thích tà pháp chấp đoạn. Hai là yêu thích của báu, đồ vui.

Lại nữa thiện nam, có hai hạng người không chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được: Một là hạng người đầy dẫy sự kiêu mạn. Hai là hạng người ghét giáo pháp Đại thừa.

Lại nữa thiện nam, có hai loại người không nên ở nơi A-lan-nhã: Một là hạng người tà kiến, không tin lời Phật. Hai là hạng người tự thân phá giới, coi thường việc giữ giới. Những người như thế không nên ở nơi A-lan-nhã, cầu đạo Vô thượng.

Lại nữa thiện nam, người đủ bốn đức cần nên an trụ nơi A-lan-nhã. Những gì là bốn? Một là đa văn: tóm giữ những điều nghe được không quên. Hai là phân minh: hiểu biết rành rẽ nghĩa vi diệu. Ba là chánh niệm: luôn luôn không phóng dật. Bốn là tùy thuận: như giáo lý mà thực hành. Thiện nam tử, nếu có Phật tử thành tựu được bốn thắng đức như thế, cần nên an trụ nơi A-lan-nhã, tu hạnh Bồ-tát, cầu đạo Vô thượng.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia lại có bốn đức, trang nghiêm tự thân, ở A-lan-nhã, cầu trí tuệ Phật. Những gì là bốn? Một là đại Từ. Hai là đại Bi. Ba là đại Hỷ. Bốn là đại Xả. Thiện nam, bốn pháp như thế, sinh ra tất cả phước đức, trí tuệ, đem lại lợi ích an vui cho vô lượng chúng sinh, chóng chứng pháp Đại Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia lại có bốn đức, giữ giới thanh tịnh, đạt đến Bồ-đề. Những gì là bốn? Một là thường trụ trong bốn Vô cấu tánh. Hai là thường tu tập mười hai hạnh Đầu-đà. Ba là xa lìa tại gia, xuất gia. Bốn là bỏ hẳn lừa, nịnh, ghen ghét. Thiện nam, tất cả Bồ-tát y vào bốn pháp ấy, khỏi hẳn sinh tử, được Đại Bồ-đề.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia lại có bốn pháp tóm thâu tất cả điều thiện. Những gì là bốn? Một là giữ giới cấm thanh tịnh, lại có sự nghe nhiều. Hai là nhập các pháp chánh định, đầy đủ các trí tuệ. Ba là được sáu phép thần thông, tu cả chủng trí. Bốn là phương tiện thiện xảo, lại không phóng dật. Thiện nam, bốn pháp như thế, Bồ-tát trong ba đời cùng tu học, Phật tử các ông cũng nên tu tập, sẽ chóng chứng được đạo Bồ-đề rộng lớn vô thượng.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia đủ bốn pháp, đối với hạnh Bồ-tát được bất thoái chuyển. Những gì là bốn? Một là bố thí. Hai là ái ngữ. Ba là lợi hành. Bốn là đồng sự. Thiện nam, bốn hạnh như thế, là con đường đi tới Bồ-đề, là căn bản lợi sinh, tất cả Bồ-tát đều nên tu học.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia lại đủ bốn đức ở nơi A-lan-nhã, giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Những gì là bốn? Một là quán sát tự thân không có bản tánh, để dẹp dứt hai chấp *(ngã, pháp)* chứng lý Vô ngã. Hai là quán sát tha thân cũng không có bản tánh, để đối với kẻ oán, thân, lìa bỏ được sự yêu, ghét. Ba là thân tâm an lạc, để tâm và tâm sở pháp không còn phân biệt. Bốn là được bình đẳng trí, để sinh tử và Niết-bàn

không có sự sai khác. Thiện nam, bốn pháp như thế, tất cả Bồ-tát nên tu tập, Phật tử các ông cũng nên tu tập, sẽ đi tới đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa thiện nam, tất cả Bồ-tát lại có bốn nguyện làm cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ và giữ gìn ngôi Tam bảo trải qua nhiều kiếp quyết không thoái chuyển. Những gì là bốn? Một là thề độ tất cả chúng sinh. Hai là thề đoạn tất cả phiền não. Ba là thề học tất cả pháp môn. Bốn là thề chứng tất cả Phật quả. Thiện nam, bốn pháp như thế, Bồ-tát lớn, nhỏ đều nên học tập, vì nó là chỗ học của Bồ-tát trong ba đời!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia lại có bốn pháp ở nơi A-lan-nhã, giữ giới thanh tịnh. Những gì là bốn? Một là yêu thích "không tánh", vì "không lý" hiển lộ. Hai là được sự không sợ hãi, vì chứng được chánh định. Ba là đối với các chúng sinh khởi ra bi nguyện lớn. Bốn là đối với hai thứ vô ngã, không có tâm chán ngán. Thiện nam, bốn pháp như thế là điều thiết yếu của tất cả Bồ-tát chứng nhập Thánh quả, vì nương vào bốn pháp ấy dứt bỏ được hai chướng!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia lại có bốn pháp, ở nơi A-lan-nhã, khéo giữ giới cấm, trang nghiêm tự thân. Những gì là bốn? Một là bỏ hẳn ngã kiến. Hai là bỏ ngã sở kiến. Ba là lìa đoạn kiến, thường kiến. Bốn là hiểu biết sâu rộng về mười hai nhân duyên. Thiện nam, bốn pháp như thế, trừ được sự hủy phạm giới cấm, giữ gìn tịnh giới, trang nghiêm tự thân.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, lại quán bốn pháp, giữ được giới cấm tu thêm diệu hạnh, cầu đạt Phật trí. Những gì là bốn? Một là quán sát năm uẩn sinh diệt. Hai là quán sát mười hai nhân duyên như làng xóm trống vắng. Ba là quán sát mười tám giới tánh đồng pháp giới. Bốn là đối với pháp Tục đế không bỏ, không tham. Thiện nam, bốn pháp như thế, tất cả Bồ-tát nên tu học và vì thế Phật tử ở nơi A-lan-nhã nên một lòng tu tập, cầu đạo Vô thượng!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, đầy đủ bốn pháp trì giới thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Những gì là bốn? Một là thành tựu quán Bất kiến thân. Hai là thành tựu quán Bất kiến ngữ. Ba là thành tựu quán Bất kiến ý. Bốn là xa lìa sáu mươi hai kiến, thành tựu quán Nhất thiết trí. Thiện nam tử, nếu có Phật tử thành tựu bốn pháp thanh tịnh như thế, hiện thân chứng được Chánh tánh ly sinh, cho đến chóng được Vô thượng Bồ-đề. Do nhân duyên ấy, Phật tử các ông quán bốn pháp môn như thế, dứt bốn nẻo ác, chứng bốn bậc Niết-bàn, hết thuở vị lai, độ các chúng sinh, khiến chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã đầy đủ tám pháp Tam-muội thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Những gì là tám?

1. Ngồi một mình ở nơi A-lan-nhã, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
2. Xa lìa lời nói thêu dệt, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
3. Xa lìa năm dục, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
4. Điều phục thân tâm, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
5. Ăn uống biết đủ, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
6. Xa lìa sự mong cầu, điều xấu ác, thực hiện Tam-muội thanh tịnh.
7. Xa lìa sự nhân nghe giọng tiếng khởi ra tham ái, thực hành Tam-muội thanh tịnh.
8. Vì chúng nói pháp không cầu lợi dưỡng, thực hành Tam-muội thanh tịnh.

Thiện nam, tám pháp thanh tịnh Tam-muội này có thể sinh ra trăm ngàn các Tam-muội khác, Phật tử các ông cần nên tu tập sẽ chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, lại có tám thứ Trí tuệ thanh tịnh. Những gì là tám?

1. Năm uẩn thiện xảo, được trí tuệ thanh tịnh.
2. Mười hai xứ thiện xảo, được trí tuệ thanh tịnh.
3. Mười tám giới thiện xảo, được trí tuệ thanh tịnh.
4. Hai mươi hai căn phương tiện thiện xảo, đạt trí tuệ thanh tịnh.
5. Ba giải thoát môn phương tiện thiện xảo, đạt trí tuệ thanh tịnh.
6. Hay diệt tất cả phiền não phương tiện thiện xảo, đạt trí tuệ thanh tịnh.
7. Hay diệt tùy phiền não phương tiện thiện xảo, được trí tuệ thanh tịnh.
8. Hay diệt sáu mươi hai kiến phương tiện thiện xảo, đạt trí tuệ thanh tịnh.

Thiện nam, tám thứ trí tuệ thanh tịnh như thế, Bồ-tát các ông nên cần tu tập, sẽ chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, lại có tám thứ thần thông thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Những gì là tám?

1. Đối với mọi sắc pháp không bị chướng ngại, được Thiên nhãn phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
2. Đối với cảnh thanh trần, không bị chướng ngại, được Thiên nhĩ phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
3. Đối với các tâm, tâm sở pháp của chúng sinh không bị chướng ngại, được Tha tâm trí phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
4. Ghi nhớ nơi sinh, nơi chết trong quá khứ không bị chướng ngại, được Túc trụ trí phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
5. Đi khắp vô số cõi Phật trong mười phương không bị chướng ngại, được Thần cảnh trí, phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
6. Biết được lậu nghiệp của chúng sinh hết hay chưa hết không bị chướng ngại, được Lậu tận trí phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
7. Diệt được tất cả phiền não không bị chướng ngại được Vô lậu trí phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.
8. Hiện thấy tất cả thiện căn nơi tự thân hồi hướng chúng sinh phương tiện thiện xảo, thần thông thanh tịnh.

Thiện nam tử, tám thứ thần thông thanh tịnh như thế, các Bồ-tát trong mười phương đồng tu học, Bồ-tát các ông cũng nên tu tập, sẽ chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, hiện thân được tám thứ thanh tịnh. Những gì là tám?

1. Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Ngữ nghiệp thanh tịnh.
3. Ý nghiệp thanh tịnh.
4. Chánh tánh thanh tịnh.
5. Chánh niệm thanh tịnh.
6. Đầu-đà thanh tịnh.
7. Lìa siểm nịnh thanh tịnh.
8. Một niệm không quên tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Thiện nam, nếu có Phật tử ở nơi A-lan-nhã, đầy đủ tám thứ thanh tịnh như thế, hiện thân thành tựu vô biên thiện căn, không bị thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Lại nữa thiện nam, Bồ-tát xuất gia có tám thứ đa văn thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Những gì là tám?

1. Tôn kính Hòa thượng, A-xà-lê, được đa văn thanh tịnh.
2. Xa lìa kiêu mạn, sinh tâm nhúng nhường, được đa văn thanh tịnh.
3. Tinh tấn dũng mãnh, được đa văn thanh tịnh.
4. An trụ chánh niệm, được đa văn thanh tịnh.
5. Vì người cầu pháp, nói ý nghĩa sâu rộng, đạt đa văn thanh tịnh.
6. Không ưa bảo hộ mình, chê người đạt đa văn thanh tịnh.
7. Thường hay quán sát tất cả thiện pháp, đạt đa văn thanh tịnh.
8. Lắng nghe Chánh pháp, y như chỗ nói mà tu hành, đạt đa văn thanh tịnh.

Thiện nam, tám thứ đa văn thanh tịnh như thế, Bồ-tát các ông đều nên tu tập, sẽ chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề!

Khi Đức Thế Tôn nói những hạnh của Bồ-tát như thế rồi, Ngài bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Thiện nam, sau khi Ta nhập Niết-bàn chừng năm trăm năm, lúc Chánh pháp sắp diệt, vô lượng chúng sinh chán, bỏ thế gian, dốc ngưỡng mộ Như Lai, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vào nơi A-lan-nhã, vì đạo Vô thượng, tu tập những hạnh nguyện Bồ-tát như thế, đối với đạo Đại Bồ-đề được bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sinh phát tâm như thế, khi mạng chung được sinh lên cung trời Đâu-suất, được thấy thân ông, Di-lặc Bồ-tát vô lượng phước trí trang nghiêm, siêu việt sinh tử, chứng Bất thoái chuyển. Và, ở đời sau, nơi dưới cây Bồ-đề của pháp hội Đại bảo Long hoa đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong lúc Đức Thế Tôn nói pháp ấy, có hai vạn năm ngàn vị Bồ-tát mới phát tâm, đối với hạnh Bồ-đề sắp bị thoái chuyển, nghe được pháp như thế, liền phát tâm kiên cố, vượt qua ngôi Thập tín đến ngôi thứ sáu trong Thập trụ. Ba vạn tám ngàn Bà-la-môn tịnh hạnh dứt hẳn tà kiến, được đại pháp nhẫn và Đà-la-ni. Bảy vạn sáu ngàn người đều phát tâm Vô đẳng đẳng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

❑

KINH ĐẠI THỪA BẢN SINH
TÂM ĐỊA QUÁN

QUYỂN 8

Phẩm 10: Quán Tâm

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ tòa đứng dậy sửa lại y phục, trịch áo vai phải, gối phải sát đất, cung kính chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, như Phật đã nói cho nhóm ông Trưởng giả Diệu Đức năm trăm người rằng: "Ta vì các ông diễn bày pháp môn tâm địa vi diệu". Nay vô lượng vô biên đại chúng trời, người trong đạo tràng này đều sinh tâm khao khát mong muốn được lãnh hội, con vì tất cả những người ấy thưa hỏi Như Lai: Thế nào là "Tâm"? Thế nào là "Địa"? Kính xin Đức Thế Tôn đem tâm đại từ dứt mọi duyên chấp, tâm đại bi không còn chướng ngại, vì các chúng sinh phân biệt diễn nói cho những người chưa khỏi khổ được khỏi khổ, những người chưa an vui được an vui, những người chưa phát tâm được phát tâm, những người chưa chứng quả được chứng quả, đồng nơi Nhất đạo mà được Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đem Đại diệu trí ấn thanh tịnh quyết định thắng nghĩa mà Ngài đạt được trong sự tu các phước đức, trí tuệ ở vô lượng kiếp, ấn chứng cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và nói:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Nay ông thực là Phật mẫu trong ba đời! Tất cả Như Lai ở nơi tu hành, ông từng dẫn đạo các Ngài khi mới phát tín tâm; bởi nhân duyên ấy, các bậc thành Chánh giác trong mười phương quốc độ, đều lấy Văn-thù-sư-lợi làm mẹ. Song, nay thân ông, vì nguyện lực xưa mà hiện ra hình tướng Bồ-tát, thỉnh vấn Như Lai về pháp cao siêu không thể nghĩ bàn được. Ông nghe kỹ, nghe kỹ và nhớ nghĩ khéo! Ta vì khắp tất cả mà phân biệt, giảng nói về vấn đề ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Dạ, bạch Thế Tôn, chúng con thích được nghe.

Lúc đó, Đức Thế Tôn thành tựu tốt đẹp "Tối thắng trụ trì bình đẳng tánh trí" của tất cả Như Lai cùng mọi thứ công đức vi diệu hiếm có; Ngài đã khéo thu đạt được "Quyết định thắng pháp Đại thừa trí ấn" của tất cả

chư Phật; đã khéo viên chứng được "Kim cang bí mật thù thắng diệu trí" của tất cả Như Lai; đã khéo an trụ nơi Vô ngại đại bi, tự nhiên cứu độ nhiếp phục chúng sinh trong mười phương; đã khéo làm viên mãn "Diệu quán sát trí", không quán mà như quán, không nói mà như nói.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, bậc Đại Thánh vô cấu mẹ của chư Phật:

– Đại thiện nam, pháp ấy là "Tối thắng bí mật tâm địa pháp môn" của Như Lai trong mười phương. Pháp ấy là pháp môn "Đốn ngộ" của tất cả phàm phu vào cảnh giới Như Lai. Pháp ấy là "Đường chánh chân thực" của tất cả Bồ-tát đi tới cõi Đại Bồ-đề. Pháp ấy là "Cung báu vi diệu" của chư Phật trong ba đời, tự an hưởng pháp lạc. Pháp ấy là "Kho báu vô tận" trong tất cả lợi ích cho chúng sinh. Pháp ấy hay dẫn dắt các chúng Bồ-tát đến nơi Trí tuệ "Sắc cứu cánh tự tại". Pháp ấy là bậc Đạo sư chân thực, hay dẫn dắt hậu thân Bồ-tát đi tới cội Bồ-đề. Pháp ấy như ngọc Ma-ni, hóa những của cải của thế gian, xuất thế gian làm cho chúng sinh luôn mãn nguyện. Pháp ấy sinh ra nguồn gốc công đức của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. Pháp ấy hay làm tiêu tan các nghiệp quả ác của tất cả chúng sinh. Pháp ấy hay làm cho tất cả chúng sinh sự ấn chứng về việc nguyện cầu. Pháp ấy hay độ cho tất cả chúng sinh bị sinh tử hiểm nạn. Pháp ấy hay làm ngừng sóng cồn biển khổ cho tất cả chúng sinh. Pháp ấy hay cứu vớt cấp thiết mọi hoạn nạn cho chúng sinh khổ não. Pháp ấy làm khô kiệt biển lão, bệnh, tử cho tất cả chúng sinh. Pháp ấy hay làm phát sinh chủng tử nhân duyên của chư Phật. Pháp ấy là đuốc trí tuệ lớn soi sáng cho chúng sinh trong đêm dài sinh tử. Pháp ấy là áo giáp, mũ trụ để phá tan binh chúng của bốn thứ ma. Pháp ấy tức là cờ xí chiến thắng của đạo quân dũng mãnh. Pháp ấy tức là xe pháp vô thượng của tất cả chư Phật. Pháp ấy tức là cờ pháp tối thắng. Pháp ấy tức là gióng trống đại pháp. Pháp ấy tức là thổi loa pháp lớn. Pháp ấy tức là đại Sư tử vương. Pháp ấy tức là tiếng gầm của đại Sư tử. Pháp ấy cũng như bậc Đại Thánh vương trong nước khéo làm việc cai trị chân chánh, nếu thuận theo sự giáo hóa ấy thời được an lạc lớn, còn nếu trái lại thì liền bị tru diệt.

Thiện nam, trong ba cõi lấy "tâm" làm chủ. Người quán được tâm, thì được giải thoát rốt ráo; người không quán được tâm, thì ở mãi trong nẻo trói buộc chìm đắm. Tâm của chúng sinh cũng như đại địa. Mọi thứ thóc lúa hoa quả đều từ đại địa sinh ra. Như vậy tâm pháp sinh ra thiện ác thế gian và xuất thế gian năm cõi, các bậc Hữu học, bậc Vô học, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, cũng như đối với chư Như Lai. Do nhân duyên ấy, nên ba cõi

do tâm, "tâm" được gọi là "địa". Tất cả phàm phu thân cận bạn lành, nghe pháp tâm địa, như lý quán sát, theo như lời nói tu hành, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, khen ngợi khuyên gắng, đón mừng, an ủi, những người như thế, sẽ dứt được ba chướng, mau trọn muôn hạnh và chóng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói: Chỉ đem tâm pháp làm chủ ba cõi, tâm pháp vốn là Không, không nhiễm bụi nhơ, tại sao tâm pháp lại nhiễm tham, sân, si? Đối với pháp trong ba đời, cái gì cho là tâm? Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại không an trụ, nội tánh của các pháp tìm không thể được, ngoại tướng của các pháp tìm không thể được, trung gian của các pháp cũng đều tìm không thể được; bản lai tâm pháp không có hình tướng, bản lai tâm pháp không có trụ xứ, tất cả Như Lai hãy còn không thấy tâm, huống là người khác được thấy tâm pháp? Tất cả các pháp từ vọng tưởng sinh, vậy do nhân duyên gì, hôm nay Thế Tôn vì đại chúng nói "Tam giới duy tâm"? Xin Phật thương xót, như thực giảng giải cho!

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đúng như thế, đúng như thế! Thiện nam, như ông hỏi Ta "Bản tánh của tâm, tâm sở pháp" là vắng lặng tịch tĩnh, nay Ta sẽ nêu các thí dụ để chứng minh nghĩa ấy.

Thiện nam, tâm như huyễn pháp, do biến kế chấp sinh, các món tâm tưởng, thọ nhận, vui, khổ. Tâm như dòng nước chảy, niệm niệm sinh diệt, đối với đời trước, sau không hề dừng. Tâm như gió lớn, trong khoảng sát-na đi qua mọi hướng. Tâm như đèn lửa, mọi duyên hòa hợp sinh ra. Tâm như chớp sáng, chỉ khoảng chốc lát, chứ không dừng lâu. Tâm như hư không, như bị khách trần phiền não ngăn che. Tâm như con hầu, con vượn, nhảy nhót trên cây năm dục không lúc nào dừng. Tâm như họa sĩ, vẽ ra mọi hình sắc thế gian. Tâm như kẻ tôi tớ, bị các phiền não sai khiến. Tâm như kẻ độc hành, không có người thứ hai. Tâm như quốc vương, khởi ra mọi sự, đạt được tự tại. Tâm như oán gia, khiến cho tự thân chịu bao khổ não. Tâm như bụi trần, bám nhơ tự thân, sinh ra nhớp nhúa. Tâm như ảnh tượng, đối với pháp vô thường chấp là thường. Tâm như huyễn mộng, đối với pháp vô ngã, thì chấp làm ngã. Tâm như Dạ-xoa, ăn mất mọi pháp công đức. Tâm như con nhặng xanh, ham đồ dơ xấu. Tâm như kẻ sát nhân, hay hại thân mạng. Tâm như kẻ đối địch, thường rình mò lầm lỗi. Tâm như giặc trộm, trộm mất các công đức. Tâm như trống lớn, thúc giục sự chiến đấu.

Tâm như con thiêu thân, ưa thích màu sắc đèn sáng. Tâm như con hươu đồng, chạy theo tiếng gọi giả. Tâm như đàn lợn, thích đồ tạp uế. Tâm như đàn ong, gom góp mùi mật ngọt. Tâm như voi say mê theo voi cái.

Này thiện nam, như thế nói về tâm, tâm sở pháp không trong, không ngoài, cũng không trung gian; đối với mọi pháp tìm không thể được, quá khứ, vị lai, hiện tại cũng không thể tìm được, siêu việt ba đời, chẳng phải có, chẳng phải không. Chúng sinh thường ôm ấp sự nhiễm đắm, nhiễm đắm từ vọng duyên khởi mà duyên không có tự tánh, nên tánh của tâm là Không. Như thế tánh Không là không sinh, không diệt, không đến, không đi, không một, không khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, vốn không có nơi sinh, cũng không có nơi diệt, cũng chẳng phải xa lìa và chẳng phải xa lìa.

Những tâm như thế không khác với vô vi và thể của vô vi không khác với những tâm ấy. Thể của tâm pháp vốn không thể nói được, thời cái chẳng phải tâm pháp cũng không thể nói được. Sao vậy? Nếu vô vi là tâm, tức là đoạn kiến; nếu lìa tâm pháp tức là thường kiến. Lìa hẳn hai tướng, không chấp trước hai bên, ngộ được như thế gọi là "Chân đế" và người ngộ được Chân đế ấy là Hiền thánh. Tất cả Hiền thánh tánh vốn vắng lặng tịch tĩnh, trong pháp vô vi, giới không có trì, phạm, cũng không có lớn, nhỏ, không có tâm vương, tâm sở pháp và không có khổ, không có vui. Như thế, tự tánh của pháp giới là vô cấu, không có tướng sai biệt thượng, trung, hạ. Sao vậy? Vì tánh của pháp vô vi ấy là bình đẳng, như nước mọi dòng sông chảy vào trong biển đều đồng một vị, không có tướng sai biệt. Tánh vô cấu ấy là không gì sánh bằng, xa lìa mọi nẻo ngã và ngã sở. Tánh vô cấu ấy chẳng phải thực, chẳng phải hư. Tánh vô cấu ấy là Đệ nhất nghĩa, vì nó không có tướng hết và diệt, thể nó vốn không sinh. Tánh vô cấu ấy, thường trụ bất biến, vì là tối thắng Niết-bàn gồm đủ ngã, lạc, thanh tịnh. Tánh vô cấu ấy, xa lìa tất cả sự bình đẳng và bất bình đẳng, vì thể của nó là không khác.

Nếu có các vị thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần nên một lòng tu tập quán pháp Tâm địa như thế!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại ý nghĩa ấy, Ngài nói bài kệ:

Mẹ Phật ba đời – Diệu Cát Tường
Xin hỏi Như Lai: "Tâm địa pháp"
Ta nay trong đại hội chúng này
Nêu bày quán hạnh môn thành Phật.
Pháp này khó gặp hơn Ưu-đàm
Tất cả thế gian nên ngưỡng vọng.

Chư Phật mười phương chứng Đại giác
Đều từ pháp này mà tu hành.
Ta là Vô Thượng, Điều Ngự Sư,
Chuyển xe Chánh pháp khắp thế giới
Hóa độ vô lượng các chúng sinh
Nên biết, do ngộ Tâm địa quán.
Tất cả chúng sinh nghe pháp này,
Mừng tới Bồ-đề được thọ ký
Những người hữu duyên được thọ ký
Tu quán môn này sẽ thành Phật.
Chư Phật tự hưởng pháp lạc lớn
Ở cung báu diệu Tâm địa quán
Nhận chức Bồ-tát, ngộ Vô sinh
Quán Tâm địa môn khắp pháp giới.
Hậu thân Bồ-tát ngồi cội "giác"
Nhập quán hạnh này chứng Bồ-đề.
Pháp ấy hay mưa "bảy Thánh tài"
Như Ma-ni, mãn nguyện chúng sinh.
Pháp ấy gọi là Phật mẫu xưa
Xuất sinh ba thân Phật ba đời.
Pháp ấy gọi là giáp Kim cang
Chống với bốn chúng các ma quân.
Pháp ấy hay làm thuyền bè lớn
Khiến qua giữa dòng đến chốn báu.
Pháp ấy là trống pháp tối thắng.
Pháp ấy là cờ pháp nêu cao.
Pháp ấy là loa pháp Kim cang,
Pháp ấy là đuốc pháp soi đàng.
Pháp ấy cũng như đại Thánh chủ
Thưởng công, phạt tội, thuận nhân tâm.
Pháp ấy cũng như nước ngấm ruộng
Sinh thành, nuôi lớn theo thời tiết.
Ta dùng ví dụ tỏ nghĩa "không"
Thế biết ba cõi chỉ một tâm.
Tâm có đại lực sinh thế giới
Tự tại hay làm chủ biến hóa.
Tưởng ác, tâm thiện lại tạo tập
Quá, hiện, vị lai, nhân sinh tử

Nương tựa vọng nghiệp tạo thế gian
Ái, phi ái quả thường tương tục.
Tâm như nước chảy chẳng chút dừng
Tâm như gió bay qua các nước.
Cũng như hầu, vượn bám cành đùa
Cũng như sự giả, nương giả thành,
Như không, chim bay không chướng ngại
Như làng xóm vắng người qua lại.
Tâm pháp như thế vốn chẳng có
Phàm phu mê chấp cho là có
Nếu hay quán "Tâm thể tánh không"
Hoặc chướng không sinh, liền giải thoát.

Khi ấy, Đức Như Lai đối với các chúng sinh khởi tâm đại bi, cũng như cha mẹ nhớ đến con một, vì muốn diệt trừ sức mạnh nơi tà kiến của thế gian, đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, nên Ngài tuyên thuyết thần chú quán tâm rằng: "Úm, thất tha, ba la để, phệ đạn, ca lư nhị".

Đức Như Lai nói chân ngôn ấy rồi, bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thần chú ấy gồm đủ uy lực lớn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào khi trì chú ấy, giơ tay trong sạch lên, mười ngón tay trái và phải bắt tréo lại với nhau, rồi lấy tay phải áp lên tay trái, nắm chặt lấy nhau như dây buộc, gọi là Kim cang phược ấn. Thành ấn ấy rồi, đọc tụng chân ngôn trước trọn đủ một lượt, thì hơn cả đọc tụng mười hai bộ kinh và có được công đức không thể hạn lượng, cho đến quả vị Bồ-đề không bị thoái chuyển.

Phẩm 11: Phát Bồ Đề Tâm

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đã đạt được Quán đỉnh bảo quan của tất cả Như Lai, vượt qua ba cõi đã viên mãn được Đà-la-ni tự tại, đã chứng đắc viên mãn được Tam-ma-địa tự tại, thành tựu được tốt đẹp trí Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí và hay làm mọi sự sai biệt đối với hữu tình.

Khi Đức Thế Tôn vì các chúng sinh tuyên thuyết về pháp môn Quán tâm thâm diệu rồi, Ngài bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại thiện nam, Ta đã vì chúng sinh nói về tâm địa rồi, nay Ta lại sẽ nói về Phát Bồ-đề tâm đại Đà-la-ni, để cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mau viên mãn được diệu quả.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Như Lai nói "Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến,

hiện tại không trụ, tất cả tâm pháp có trong ba đời, bản tánh của nó đều không", vậy tâm Bồ-đề kia, nói vào cái gì mà gọi là phát? Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài vì tất cả mà thuyết giảng, để cho tất cả dứt bỏ được các màn lưới ngờ vực, đạt tới nơi chốn Bồ-đề!

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thiện nam, từ trong các tâm pháp khởi ra mọi tà kiến; vì muốn dứt trừ sáu mươi hai kiến, cùng mọi thứ tà kiến khác, nên Ta nói tâm, tâm sở pháp là không; như thế là các kiến chấp kia không còn chỗ nương tựa nữa, ví như rừng rú xanh tốt, um tùm, sư tử, voi trắng, hùm, beo, thú dữ… lẫn vào trong ấy nhả độc hại người, làm cho vắng bặt dấu vết người đi. Lúc đó, có bậc trí giả đem lửa đốt rừng; vì rừng trống, các thứ dữ không còn sót lại. Tâm không, kiến diệt, cũng như thế!

Lại nữa thiện nam, do nhân duyên gì mà lập ra nghĩa "không" ấy? Vì muốn diệt phiền não từ vọng tâm sinh ra mà nói là "không". Thiện nam, nếu chấp "lý không" là cứu cánh, thời ngay "không tánh" cũng không; chấp "không" thành bệnh, cũng nên trừ bỏ. Sao vậy? Nếu chấp nghĩa "không" là cứu cánh, các pháp đều không, không nhân, không quả, thời có khác gì với ngoại đạo Lộ-già-da-đà? Thiện nam, như thuốc A-già-đà chữa khỏi các bệnh, nếu người có bệnh uống thuốc ấy thì quyết khỏi; bệnh đã khỏi rồi, thuốc cũng theo bệnh mà bỏ và nếu không có bệnh mà uống thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Thiện nam, trước đặt ra thuốc "không" là để trừ bệnh "hữu"; chấp "hữu" thành bệnh, thời chấp "không" cũng thế. Ai là bậc trí giả lại uống thuốc để mang bệnh? Thiện nam, nếu khởi ra hữu kiến, còn hơn khởi ra "không kiến"; có thuốc "không" trị bệnh "hữu", chứ không có thuốc nào trị bệnh "không" cả.

Thiện nam, do nhân duyên ấy, thuốc "không" trừ tà kiến rồi, tâm tự giác ngộ, phát ra Bồ-đề, tâm giác ngộ ấy tức là tâm Bồ-đề, chứ không có hai tướng. Thiện nam, tâm tự giác ngộ có bốn nghĩa. Những gì là bốn? Các phàm phu có hai tâm, chư Phật, Bồ-tát có hai tâm.

Thiện nam, hành tướng hai tâm của phàm phu thế nào? Một là từ nhãn thức cho đến ý thức, cùng duyên tự cảnh gọi là Tự ngộ tâm. Hai là lìa tâm, tâm sở pháp của năm căn hòa hợp duyên cảnh gọi là Tự ngộ tâm. Thiện nam, hai tâm như thế hay phát Bồ-đề!

Thiện nam, hành tướng hai tâm của Thánh hiền thế nào? Một là quán Chân thực lý trí. Hai là quán Nhất thiết cảnh trí. Thiện nam, bốn nghĩa như thế là Tự ngộ tâm.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tâm không có hình tướng cũng không có chỗ trụ, người phàm phu tu hành khi mới bắt đầu phát tâm phải y vào những chỗ nào và quán những tướng gì?

Đức Phật bảo:

– Thiện nam, chỗ quán về tâm tướng Bồ-đề của phàm phu, phải quán như là vành trăng tròn đầy, trong sạch sáng ngời đứng yên trên ngực. Nếu muốn mau được Bất thoái chuyển, thì ở nơi A-lan-nhã và nhà vắng lặng cần phải giữ thân ngay ngắn, chánh niệm, kết Kim cang phược ấn của Như Lai như trước, nhắm mắt quán sát mặt trăng sáng giữa ngực và suy nghĩ rằng: "Vành trăng tròn đầy này to lớn năm mươi do-tuần, sáng tươi thanh tịnh, trong ngoài lắng suốt, không chút bụi nhơ và vô cùng trong mát". Mặt trăng tức là tâm, tâm tức là mặt trăng, vết trần không nhiễm thời vọng tưởng không sinh, khiến cho chúng sinh thân tâm thanh tịnh, tâm Đại Bồ-đề bền vững không thoái. Kết tay ấn ấy và quán sát trì niệm chương cú vi diệu Đại Bồ-đề tâm là Thanh tịnh chân ngôn của tất cả Bồ-tát khi mới bắt đầu phát tâm: "Úm, bồ địa, thất đa, mưu chí ba, đà tà, nhị."

Đà-la-ni này có đủ uy đức lớn khiến cho người tu hành không bị thoái chuyển. Tất cả Bồ-tát trong quá khứ, vị lai, hiện tại khi tại Nhân địa mới phát tâm, đều chuyên trì niệm chân ngôn này, mà vào được cảnh giới Bất thoái và mau viên thành Chánh giác.

Thiện nam, khi người tu hành kia giữ thân ngay ngắn, chánh niệm, đều không dao động gì cả, chỉ để tâm vào vành trăng, quán sát thành thục, thế gọi là Bồ-tát quán Bồ-đề tâm thành Phật Tam-muội. Nếu có phàm phu tu pháp quán ấy, trước kia gây ra năm tội nghịch, bốn tội trọng, mười điều ác và bất tín, thì các tội đó đều tiêu diệt hết và liền được năm thứ pháp môn Tam-ma-địa. Những gì là năm? Một là Sát-na tam-muội. Hai là Vi trần tam-muội. Ba là Bạch lũ tam-muội. Bốn là Khởi phục tam-muội. Năm là An trụ tam-muội.

Thế nào gọi là Sát-na tam-muội? Nghĩa là chỉ tạm thời an trụ tưởng niệm vào mặt trăng tròn đầy, ví như con khỉ, thân bị buộc, xa không đi được, gần không dừng được, nhưng chỉ khi đói khát quá, nó mới dừng nghỉ được chốc lát mà thôi. Phàm phu quán tâm cũng như thế mới được Tam-muội trong tạm thời chốc lát, nên gọi là Sát-na.

Thế nào gọi là Vi trần tam-muội? Nghĩa là đối với Tam-muội đã tương ứng được ít phần, ví như có người tự mình thường ăn đồ đắng, chưa từng ăn đồ ngọt bao giờ, trong một thời kia được nếm một chút mật vào lưỡi, người ấy vui mừng quá, càng sinh hăng hái mong cầu được nhiều mật.

Người tu hành ấy, qua nhiều kiếp ăn những vị đắng mà nay được cho vị Tam-muội ngon ngọt, tương ứng được ít phần nên gọi Vi trần.

Thế nào gọi là Bạch lũ tam-muội? Nghĩa là, người phàm phu từ thời vô thỉ cho đến hết thuở vị lai, nay được định này, ví như nhuộm vải đen, trong màu quá đen thấy được một sợi chỉ trắng. Người tu hành ấy trong nhiều đêm sinh tử tăm tối, nay mới được Tam-muội trắng sạch, nên gọi đấy là Bạch lũ *(chỉ trắng)*.

Thế nào gọi là Khởi phục tam-muội? Nghĩa là, người tu hành quán tâm chưa thành thục, hoặc khéo thành lập hay chưa khéo thành lập, Tam-muội như thế còn là cao, thấp nên gọi là Khởi phục.

Thế nào gọi là An trụ tam-muội? Nghĩa là tu bốn định trước, tâm được an trụ và khéo giữ gìn được, không nhiễm vào các trần, như người trong mùa hè đi qua cõi sa mạc xa xăm, chịu đủ mọi nóng bức độc hại, tâm khát thiếu quá, hầu như không chịu nổi được nữa, bỗng gặp được dòng nước ngọt của núi Tuyết, như vị Tô-đà cõi trời, mau khỏi được nhiệt não, thân tâm được thư thái, nên định ấy gọi là An trụ. Nhập định ấy rồi, xa lìa hoặc chướng, nảy mầm Vô thượng Bồ-đề, chóng lên công đức Thập địa của Bồ-tát.

Bấy giờ, trong pháp hội, vô lượng trời, người được lãnh hội đại Đà-la-ni sâu rộng không thể nghĩ bàn này, là mẹ đẻ của Bồ-tát, có chín vạn tám ngàn Bồ-tát chứng được bậc Hoan hỷ, vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

□

Phẩm 12: Thành Phật

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an trụ trong pháp giới thanh tịnh, ba đời bình đẳng, không trước không sau, bất động ngưng lặng, miên mật xuyên suốt; ánh sáng đại trí soi khắp thế giới; phương tiện thiện xảo biến hiện thần thông, hóa độ mười phương quốc độ, đâu cũng cùng khắp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Người tu hành Du-già quán vành trăng rồi, nên quán ba pháp đại bí mật. Những gì là ba? Một là Tâm bí mật. Hai là Ngữ bí mạt. Ba là Thân bí mật.

Thế nào gọi là pháp Tâm bí mật? Người tu hành Du-già, quán trong

mặt trăng tròn đầy sinh ra cái chầy Ngũ cổ Kim cang sắc vàng, ánh sáng rực rỡ như vàng chảy, phóng ra vô số ánh sáng trắng lớn; lấy sự ấy mà quán sát gọi là Tâm bí mật.

Thế nào gọi là Ngôn ngữ bí mật? "Úm, địa thất đa, bà nhĩ la". Đà-la-ni ấy đủ uy lực lớn, là chân ngôn của tất cả Bồ-tát thành Phật, thế nên gọi là Ngữ ngôn bí mật.

Thế nào gọi là pháp Thân bí mật? Ở trong đạo tràng, giữ thân ngay ngắn, chánh niệm, tay kết ấn Dẫn đạo Vô thượng Bồ-đề tối đệ nhất, đặt giữa tâm nguyệt luân nơi ngực.

Thiện nam, Ta sẽ vì ông nói về tướng dáng của ấn ấy: Trước tiên lấy hai ngón tay cái của hai bàn tay đều đặt vào trong mỗi lòng bàn tay và lấy ngón trỏ, ngón giữa cùng ngón áp út của hai bàn tay nắm chặt lấy ngón tay cái, làm thành nắm tay, tức là Kiên lao Kim cang quyền ấn. Sau đó, không đổi nắm tay, chỉ duỗi một ngón trỏ của bàn tay trái, thẳng lên hư không, rồi đem nắm tay trái ấy đặt lên trái tim; ngón út của nắm tay phải nắm chặt lấy một đốt ngón trỏ của nắm tay trái, sau lại lấy đầu ngón trỏ của nắm tay phải, chỉ vào một đốt ngón tay cái của nắm tay phải và cũng để trước trái tim, thế gọi là Dẫn đạo Vô thượng Bồ-đề đệ nhất trí ấn, cũng gọi là Năng diệt vô minh hắc ám đại quang minh ấn. Do kết ấn ấy, có sức gia trì nên được chư Phật mười phương xoa đầu hành giả và trao cho Đại Bồ-đề thắng quyết định ký, là Đại Tỳ-lô-giá-na Như Lai vô thượng phước tụ đại diệu trí ấn.

Khi hành giả kết ấn ấy rồi liền thực hiện quán này: "Tất cả chúng sinh cùng kết ấn này, trì niệm chân ngôn, mười phương thế giới không bị quả khổ trong ba đường ác và tám nạn, mà cùng được hưởng pháp lạc thanh tịnh thứ nhất. Nay trên đầu ta có mũ Đại bảo, trong mũ Thiên quan ấy năm Đức Phật Như Lai ngồi kết già phu, ta là Tỳ-lô-giá-na Như Lai, đầy đủ viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp phóng ra hào quang sáng lớn soi khắp mười phương đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh". Quán sát như thế gọi là Nhập Tỳ-lô-giá-na Như Lai tối thắng tam-muội.

Ví như có người ngộ được quán môn Ca-lư-la vi diệu, tự thực hành quán này: "Thân ta tức là thân chim Kim sí đầu đàn, tâm, ý, ngữ ngôn cũng lại như thế". Dùng sức quán ấy làm tiêu tan thuốc độc, tất cả ác độc không làm hại được. Người phàm phu tu hành cũng như thế, ngồi kiểu ngồi hàng phục, thân không dao động, tay kết trí ấn, mật niệm chân ngôn, nhập vào quán này, diệt được ba độc, tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước trí và nguyện ở thế gian hay xuất thế gian mau được viên mãn; tám vạn bốn ngàn các phiền não chướng không hiện khởi được, hằng hà sa sở tri chướng

cực trọng dần dần tiêu diệt, Vô lậu đại trí Năng đoạn Kim cang Bát-nhã ba-la-mật viên mãn hiện tiền, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Đức Thế Tôn hiếm có! Đấng Thiện Thệ hiếm có! Đức Như Lai ra đời còn hiếm có hơn như hoa Ưu-đàm và giả sử Ngài ra đời và nói ra pháp này cũng khó. Ba pháp bí mật Vô thượng pháp luân của Tâm địa như thế thực là lợi lạc cho tất cả chúng sinh, là đường chánh chân thực để vào Như Lai địa và Bồ-tát địa. Nếu có chúng sinh nào không tiếc thân mạng mà tu hành pháp ấy sẽ chóng chứng được Bồ-đề.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào muốn tu tập được ba diệu môn bí mật thành Phật, sớm được Thân công đức của Như Lai, được mặc ba mươi hai thứ áo giáp Đại kim cang của Bồ-tát mà Tu diệu quán ấy, thời quyết chứng được Pháp thân thanh tịnh của Như Lai.

Những gì là ba mươi hai thứ áo giáp?

1. Áo đại giáp Thọ khổ: Ở trong vô lượng kiếp vì chúng sinh chịu khổ mà không chán sinh tử.
2. Áo đại giáp Bất xả: Thề độ vô lượng hữu tình cho đến con sâu, con kiến cũng không bỏ.
3. Áo đại giáp Bí mật: Giác ngộ chúng sinh trong giấc mộng dài sinh tử, đặt để họ vào ba pháp bí mật.
4. Áo đại giáp Hộ pháp: Ủng hộ Phật pháp trong tất cả thời cũng như âm vang ứng hợp với tiếng.
5. Áo đại giáp Kim cang: Diệt hẳn sự khởi lên hai kiến "hữu, vô" và tất cả phiền não.
6. Áo đại giáp Năng xả: Dù là đầu, mắt, tủy, óc, vợ, con, ngọc báu… nếu có người lại xin đều xả cả.
7. Áo đại giáp Năng thí: Tất cả vật dụng đem lại an vui mà trong nhà hưởng thọ, quyết không tham đắm, đều đem cho tất cả.
8. Áo đại giáp Năng trì: Hay giữ Tam tụ tịnh giới của Bồ-tát trọn không rời bỏ hạnh Đầu-đà.
9. Áo đại giáp Nhẫn nhục: Mặc áo nhẫn nhục gặp các duyên trái ngược như bị hủy nhục, mạ lỵ, đánh đập… vẫn không báo thù lại.
10. Áo đại giáp Hồi tâm: Giáo hóa những bậc Duyên giác, Thanh văn, khiến họ hướng tâm về Nhất thừa.

11. Áo đại giáp Tinh tấn: Luôn Tinh tấn độ các hữu tình, ví như gió lớn ngày đêm không ngừng.
12. Áo đại giáp Tu hành giải thoát tam-muội: Thân tâm tịch tĩnh, miệng không phạm lỗi.
13. Áo đại giáp Bình đẳng: Làm điều lợi ích cho chúng sinh, coi sinh tử và Niết-bàn không có hai thiên kiến.
14. Áo đại giáp Dữ lạc: Đem tâm đại từ không còn vướng mắc, làm lợi ích an vui cho mọi loài, luôn luôn không chán bỏ.
15. Áo đại giáp Bạt khổ: Đem tâm đại bi vô ngại cứu độ thu nhiếp tất cả làm cho dứt sạch khổ, không có hạn lượng.
16. Áo đại giáp Đại hỷ: Đối với các chúng sinh không hề kết oán, luôn luôn làm việc lợi ích.
17. Áo đại giáp Đại xả: Tuy thực hiện hạnh khổ nhưng không sợ nhọc mệt, luôn luôn không hề thoái chuyển.
18. Áo đại giáp Bất yếm: Chúng sinh có sự đau khổ tìm đến nơi Bồ-tát, Bồ-tát chịu thay khổ cho chúng sinh kia mà không chút chán ngán.
19. Áo đại giáp Giải thoát năng kiến: Sự xem xét, nhận thức rõ ràng như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay, như thế là giải thoát được sự thấy.
20. Áo đại giáp Vô trước: Thấy rõ thân năm uẩn như hạng Chiên-đà-la, làm tổn hại việc thiện.
21. Áo đại giáp Yếm xả: Thấy rõ mười hai nhập như xóm làng trống vắng, thường mang lòng sợ hãi.
22. Áo đại giáp Đại trí: Thấy mười tám giới cũng như cảnh huyễn hóa, không có chân thực.
23. Áo đại giáp Chứng chân: Thấy rõ tất cả pháp, đồng trong pháp giới, không còn thấy có mọi tướng sai khác.
24. Áo đại giáp Xuất thế: Che điều xấu ác của người, không giấu lỗi xấu ác của mình, chán bỏ ba cõi.
25. Áo đại giáp Hóa độ: Như bậc Đại y vương, hợp bệnh cho thuốc, Bồ-tát tùy nghi mà diễn hóa.
26. Áo đại giáp Quy nhất: Thấy chân thể của Ba thừa kia vốn không khác, cứu cánh đồng tâm quay về nơi một.
27. Áo đại giáp Độ người: Nối dòng Tam bảo, khiến không đoạn tuyệt, chuyển xe diệu pháp độ người.

28. Áo đại giáp Tu đạo: Phật đối với chúng sinh có ân đức lớn, vì muốn báo ân Phật, nên dốc tu tập Phật đạo.
29. Áo đại giáp Vô cấu: Quán bản tánh của tất cả các pháp là không tịch tĩnh, vắng lặng, không sinh, không diệt, không nhơ.
30. Áo đại giáp Vô ngại: Ngộ pháp nhẫn Vô sinh, được Đà-la-ni, khéo thuyết giảng với biện tài vô ngại.
31. Áo đại giáp Nhất vị: Hóa độ hữu tình rộng khắp khiến họ cũng được ngồi dưới cây Bồ-đề, chứng đắc Phật quả.
32. Áo đại giáp Vô dư: Trong một sát-na tâm tương ứng với Bát-nhã, chứng ngộ đại pháp Vô dư trong ba đời.

Đó gọi là ba mươi hai thứ Kim cang đại giáp của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nếu có các thiện nam, thiện nữ nào thân mặc giáp trụ Kim cang như thế, nên dốc tu tập ba pháp bí mật, trong đời hiện tại đủ phước trí lớn, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Khi ấy, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát cùng đại chúng nghe Đức Phật nói về ba môn bí mật của tâm địa diệu pháp và ba mươi hai thứ Kim cang giáp trụ, thì tất cả Bồ-tát bậc Hữu học, mỗi vị đều cởi những chuỗi ngọc, áo báu vô giá, cúng dường lên Tỳ-lô-giá-na Như Lai cùng các Thế Tôn trong mười phương mà tán thán Đức Phật:

– Lành thay! Lành thay! Phật Thế Tôn diễn nói về vô biên hạnh nguyện của Bồ-tát, đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, bỏ thân phàm phu, chứng nhập Phật địa. Nay chúng con trong hải hội đại chúng này, vì nhằm báo ân Phật, không tiếc thân mạng và vì các chúng sinh nên xin vào khắp các quốc độ, phân biệt diễn nói pháp vi diệu này cùng thọ trì, đọc tụng, chép viết, truyền bá, khiến cho diệu pháp này không bị đoạn tuyệt. Kính xin Đức Như Lai tối tôn rủ lòng hộ niệm!

Bấy giờ, đại hội nghe diệu pháp ấy thảy đều đạt được lợi ích lớn, vô số Bồ-tát không thể kể xiết đều chứng ngộ được ngôi Bất thoái và tất cả trời, người đều được lợi lạc thù thắng; cho đến tất cả hữu tình trong năm cõi cũng dứt bỏ được các trọng chướng, có được vô lượng sự an vui và đều sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phẩm 13: Chúc Lụy

Bấy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vô số đại chúng trong hải hội:

– Ta ở trong vô lượng ức trăm ngàn đại kiếp, không tiếc thân mạng, đầu mắt, tay chân, máu thịt, xương tủy, cả đến vợ con, đất nước thành quách, tất cả ngọc báu, có ai lại xin, Ta đều đem bố thí, đồng thời tu tập trăm ngàn hạnh khổ khó làm, chứng được pháp môn Tâm địa quán của Đại thừa này. Nay, Ta đem pháp này phó chúc cho các ông, các ông nên biết kinh rất sâu rộng này, các bậc đạt được Thập lực vô thượng trong mười phương ba đời đều tuyên thuyết. Kinh báu nhiệm mầu tối cực như thế, làm cho hữu tình được mọi sự lợi lạc. Trong tam thiên đại thiên thế giới, quốc độ chư Phật trong mười phương này, có vô biên các loại hữu tình, chúng sinh trong bàng sinh, ngạ quỉ, địa ngục, do nhờ sức uy thần, công đức thù thắng của kinh Đại thừa Tâm Địa Quán này, mà khiến cho họ thoát khỏi các khổ não, được hưởng sự an vui. Diệu lực của kinh và phước đức khó nghĩ bàn như thế, làm cho đất nước sở tại được mọi sự vui thịnh, không có oán địch. Ví như có người được ngọc Như ý để trong nhà, thì có thể sinh ra tất cả vật dụng đem lại an vui kỳ diệu; kinh báu nhiệm mầu này cũng như thế, hay làm cho quốc giới được an lạc vô tận. Cũng như cái trống Mạc-ni trên cõi trời Tam thập tam thiên, hay phát ra trăm ngàn âm thanh, làm cho Thiên chúng ở đấy luôn thọ hưởng sự vui thích lợi lạc; trống pháp của kinh này cũng như thế, hay làm cho quốc giới được an vui tối thắng. Do nhân duyên ấy, đại chúng các ông nên an trụ trong sức nhẫn lớn lao mà lưu thông kinh này!

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Đức Như Lai hiếm có! Đấng Thiện Thệ hiếm có! Nên Ngài mới nói ra kinh Đại thừa Tâm Địa Quán nhiệm mầu sâu rộng này, đem lại lợi ích rộng lớn cho người tu hành Đại thừa. Dạ, bạch Thế Tôn, kinh này thật là sâu nhiệm! Vậy, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này, cho đến chỉ một bài bốn câu kệ, thời những người như thế được bao nhiêu phước?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trong hằng hà sa Tam thiên đại thiên thế giới đầy dẫy bảy báu mà họ dùng đem cúng dường chư Phật ở mười phương; họ vì mỗi một Đức Phật tạo lập một tinh xá bằng bảy báu trang nghiêm, đặt để đồ cúng dường Phật và Bồ-tát đủ hằng sa kiếp; các Như Lai kia còn có vô lượng đệ tử Thanh văn, họ cũng đem cúng dường các vị ấy tất cả những đồ cần dùng, như cúng Phật không khác. Các Đức Phật và các vị Thanh văn như thế sau khi nhập Niết-bàn, họ lại xây bảo tháp lớn, cúng dường xá-lợi. Lại có thiện nam, thiện nữ nào tạm nghe và

tin, hiểu một bài kệ bốn câu trong kinh Tâm-địa này, phát tâm Bồ-đề, thọ trì, đọc, niệm, giảng giải, viết chép, cho đến hết sức ít là vì một người mà nói cho họ nghe, đem những công đức cúng dường trên kia, so sánh với công đức thu được về việc thuyết kinh này, thời trong mười sáu phần kia cũng không bằng một phần này và cho đến toán số, thí dụ cũng không thể sánh kịp được, huống là người thọ trì, đọc tụng tu tập đầy đủ và rộng rãi vì người mà giảng nói, thời chỗ phước lợi đạt được không thể hạn lượng được.

Nếu có nữ nhân phát tâm Bồ-đề, thọ trì, học tập, viết chép, giảng nói kinh Tâm Địa này, thì nữ nhân ấy chỉ phải làm thân nữ lần cuối cùng này thôi, sau đấy không phải chịu thân nữ nữa và không phải đọa vào nẻo ác cùng tám nạn. Và thân trong đời này cảm được mười phước thắng lợi:

1. Thọ mạng tăng thêm.
2. Trừ mọi bệnh não.
3. Diệt trừ nghiệp chướng.
4. Phước đức trí tuệ tăng bội.
5. Không thiếu tiền của.
6. Da dẻ tươi đẹp.
7. Được người yêu kính.
8. Được con hiếu dưỡng.
9. Quyến thuộc hòa mục.
10. Tâm thiện bền vững.

Này Văn-thù-sư-lợi, ở nơi này, nơi khác, nếu ai hoặc đọc tập, hoặc phúng tụng, hoặc giảng nói, hoặc viết chép kinh này thời chỗ để quyển kinh này tức là tháp Phật, tất cả Thiên, Nhân, Phi nhân… nên đem những đồ châu báu quý nhất trong nhân gian, thiên thượng mà cúng dường nơi ấy. Vì sao? Vì nơi để kinh sách này tức là có Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn ở đó. Sao vậy? Vì tất cả Như Lai do tu hành kinh này, bỏ thân phàm phu, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả Hiền thánh cũng đều từ kinh này mà được giải thoát.

Này Văn-thù-sư-lợi, sau khi Ta nhập Niết-bàn năm trăm năm, lúc chánh pháp sắp diệt, nếu có Pháp sư nào thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép kinh Tâm Địa này, là kinh đứng đầu trong mọi kinh, thời Pháp sư ấy cùng với Ta không khác. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, tôn trọng vị Pháp sư ấy, tức là cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương ba đời và phước đức được hưởng đều bình đẳng không khác. Thế gọi là "Chân pháp cúng dường Như Lai" và như thế gọi là "hạnh cúng dường"

chánh đáng nhất. Vì sao thế? Vì vị Pháp sư ấy ở trong thời không có Phật, vì chúng sinh trong đời ác trược bị tà kiến vây bủa mà diễn nói Tâm Địa Kinh Vương rất sâu rộng này, khiến cho chúng sinh lìa bỏ ác kiến, đi về đạo Bồ-đề cùng truyền bá rộng rãi, làm cho giáo pháp này an trụ lâu bền tại thế gian. Như thế gọi là "Vô tướng hảo Phật", tất cả hàng trời, người đều nên cúng dường. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chắp tay cung kính vị Pháp sư ấy, thì Ta thọ ký cho quả vị Vô thượng Đại Bồ-đề và người ấy sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu người được nghe kinh Tâm Địa này, vì báo bốn ân, phát tâm Bồ-đề, hoặc tự mình viết, hay mượn người viết, hoặc đọc niệm thông suốt, thì chỗ được phước đức của những người như thế, đem sức trí tuệ của Phật mà lường tính là nhiều hay ít cũng không thể biết được đến đâu là biên giới! Những người ấy là con người thực của chư Phật. Tất cả chư Thiên, Phạm vương, Đế Thích, Tứ đại Thiên vương, năm trăm quyến thuộc Ha-lỵ-để-mẫu, Nễ-la-bạt-đa đại quỷ thần vương, Long thần tám bộ, tất cả các quỷ thần nghe pháp ngày đêm, không rời và sẽ thường ủng hộ. Phật tử như thế luôn tăng trưởng Chánh niệm, cùng Biện tài vô ngại và thường thường giáo hóa chúng sinh, khiến họ vun trồng nhân Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi, thiện nam, thiện nữ như thế khi sắp mất, hiện tiền được thấy chư Phật mười phương, ba nghiệp không loạn, bắt đầu có được mười thứ nghiệp thân thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Thân không thọ khổ.
2. Con ngươi nơi mắt không lộ.
3. Tay không lay động.
4. Chân không co, duỗi.
5. Tiểu tiện không rỉ ra.
6. Thân thể không toát mồ hôi.
7. Dáng bên ngoài đều bình yên.
8. Nắm tay xoè mở.
9. Nét mặt không đổi.
10. Quay nghiêng dễ dàng.

Do năng lực của kinh mà có những tướng như thế!

Thứ nữa được mười thứ nghiệp ngữ thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Nói ra lời nói nhiệm mầu.
2. Nói ra lời nói dịu dàng.
3. Nói ra lời nói tốt đẹp.

4. Nói ra lời nói thích nghe.
5. Nói ra lời nói tùy thuận.
6. Nói ra lời nói lợi ích.
7. Nói ra lời nói có uy đức.
8. Nói ra lời nói không trái với họ hàng.
9. Nói ra lời nói trời, người đều yêu kính.
10. Nói ra lời khen ngợi lời Phật dạy.

Lời nói thiện như thế, đều do nơi kinh này mà được!

Sau nữa, được mười thứ nghiệp ý thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Không sinh giận bực.
2. Không mang lòng kết hận.
3. Không sinh tâm tham lam keo kiệt.
4. Không sinh tâm ghen ghét.
5. Không nói lời lỗi ác.
6. Không sinh tâm oán hận.
7. Không sinh tâm điên đảo.
8. Không tham mọi vật.
9. Lìa bảy thứ khinh mạn.
10. Mong muốn chứng được tất cả Phật pháp, viên mãn các pháp Tam-muội.

Này Văn-thù-sư-lợi, những công đức như thế, đều do từ diệu lực khó nghĩ bàn trong sự thọ trì, đọc tụng, thông suốt, giảng nói, biên chép kinh sách nhiệm mầu này. Kinh Tâm Địa này, trong vô lượng chốn, trong vô lượng thời, có những chúng sinh không thể được nghe, huống chi là được thấy và tu tập đầy đủ! Đại hội các ông nên nhất tâm phụng trì, sẽ chóng bỏ được thân phàm phu, thành tựu Phật đạo.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, vô lượng Đại Bồ-tát, Bồ-tát Trí Quang, nhiều vị Bồ-tát mới phát tâm; A-nhã Kiều-trần-như cùng nhiều vị Đại Thanh văn, Thiên, Long tám bộ, chúng Nhân, Phi nhân, tất cả cùng nhất tâm thọ trì lời Phật dạy và đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 160

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

Tác giả: Bồ-tát Thánh Dũng. Hán dịch:
Đời Tống, Đại sư Thiệu Đức, Huệ Tuân.

QUYỂN 1

Đảnh lễ Nhất Thiết Trí
Đức viên dung lặng diệu
Tướng mạo Thánh chi phần
Vô tác đồng chân như.
Tâm con tĩnh không tranh
Quên xưng tán bố thí
Do bốn đại là gốc
Sinh thanh tịnh không đổi.
Thuở xưa trong cõi người
Thường tu hạnh tịch tĩnh
Đem hoa Câu-tô-ma
Chắp tay mà rải cúng.
Xa lìa các tội ác
Giải thoát các phiền não
Được trời, người yêu thích
Giảng nói đạo Vô thượng.
Vì tâm ý vắng lặng
Đạt được pháp thanh tịnh
Tướng thế giới thường trụ
Vô tận, không tạo tác.
Chúng sinh nơi thế gian
Nghe công đức tương ứng
Khởi quyết định tin hiểu
Trụ tạng mật Như Lai,
Dứt hành nghiệp lưu chuyển
Diệt điên đảo hư vọng

Công năng của Thắng trí
Như đèn luôn chiếu khắp.
Các loài hữu tình ấy
Tự tánh vốn không nhiễm
Nương tựa Phật Thế Tôn
Dốc tu nghiệp chân, tịnh,
Tức nghe tên Tam bảo
Cùng Sư trưởng chỉ dạy
Tùy thuận học hạnh thiện
Trừ sạch tâm ngã mạn.
Thuở trước, Bậc Điều Ngự
Siêng tu đạo Bồ-tát
Theo Bố thí, Ái ngữ
Cùng Đồng sự, Lợi hành,
Tóm giữ nơi Thắng tuệ
Thoát cấu nhiễm trói buộc
Tạo lợi lạc chúng sinh
Tăng trưởng các pháp lành.
Do lực thí viên mãn
Sinh chủng tộc Phạm thiên
Chỉ dốc tăng nghiệp tịnh
Mà lấy đó làm gốc.
Nếu dấy khởi ngã mạn
Cùng không lực Thắng tuệ
Ở trong chủng loại mình
Lại sinh điều kiêu mạn,
Nơi trăm ngàn vạn thứ
Lìa hỷ lạc nơi sinh
Do điên đảo chấp giữ
Nên chẳng thể chứng đắc.
Lại chốn tịch tĩnh kia
Phước đức càng thù thắng
Đủ sắc tướng rộng lớn
Nhân nhỏ đâu đạt được,
Chính bỏ tục xuất gia
Bậc Đại Bồ-tát ấy
Đầy đủ trí tuệ lớn
Nên đảm đương gánh vác.

Ở nơi đời quá kh
Luôn tu tập sáu độ
Đã đoạn trừ nhiễu, chướng
Lìa dứt khỏi luân hồi,
Tâm từ bi lớn rộng
Luôn thương xót muôn loài
Tự tánh thường chân thật
Thông thạo nhân nhiễm ô.
Bấy giờ trời Đế Thích
Quan sát nơi thế gian
Đến thử nghiệm hành tu
Tâm ấy không nghiêng, động.
Nên dứt lời ca ngợi:
Nay bậc Thiện nam này
Xuất hiện nơi thế gian
Là Đấng Tối Thù Thắng,
Nơi vô thường dời đổi
Tâm an trụ như thế
Đem thức ăn tịnh diệu
Cung kính dâng cúng dường.
Chư Thiên và người đời
Thảy đều được thiện lợi.
Nhớ xưa tu nhân tịnh
Hợp chân trí vô tướng
Hành giả tu như vậy
Trị diệt bệnh phiền não.
Trụ học xứ thanh tịnh
Chân thật không hư dối
Quan sát Thắng nghĩa đế
Lìa nhiễm, không tạo tác.
Mở cửa phương tiện Từ
Thí bình đẳng an lạc
Thắng giải được phát sinh
Không tà mạng mong cầu.
Dứt bỏ mọi hữu vi
Lên thẳng nơi cõi thật
Đạo thanh tịnh thành tựu
Mọi công đức tương ứng.

Nơi nhân duyên tạp nhiễm
Đều đoạn trừ rốt ráo
Luôn tôn trọng, kính tin
Tạng bí mật Như Lai.
Lìa vọng chấp phân biệt
Dứt trừ sân, phiền não
Chớ thuận chủng tộc hơn
Mà sinh tâm tham đắm.
Như bóng luôn theo hình
Như mẹ sinh nơi con
Lực bi nguyện Bồ-tát
Thương xót khắp muôn loài
Dũng mãnh bỏ thân mình
Chẳng sinh tưởng sầu khổ.
Con nay đem chút thiện
Xin quy kính tán dương
Mong Thánh chúng gia hộ
Bồ-đề thảy thành tựu.

□

Duyên Khởi 1: GIEO MÌNH HIẾN THÂN CHO CỌP

Thuở ấy, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến tận khu rừng thuộc một làng lớn tên là Bát-già-la. Ngài bảo Tôn giả A-nan:

– Tôn giả sắp đặt cho Như Lai một tòa ngồi ở đây!

Công việc xong xuôi, Đức Phật thăng tòa bảo chư Tỳ-kheo:

– Các thầy muốn thấy xá-lợi của Như Lai nơi đời quá khứ trong khi tu hành khổ hạnh không?

Đại chúng đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nguyện muốn được trông thấy.

Đức Thế Tôn khi ấy dùng tay ấn vào đất, tạo nên sáu thứ chấn động, bỗng nhiên từ dưới đất vọt lên tòa tháp bằng bảy báu hiện ra trước mặt đại chúng. Đức Thế Tôn rời tòa đảnh lễ tháp, nhiễu quanh bên phải rồi bảo Tôn giả A-nan:

– Tôn giả hãy đến mở cánh cửa tháp này, sẽ thấy một chiếc hộp làm bằng bảy báu, cẩn bằng các ngọc quý, lại mở nắp hộp đó sẽ thấy xá-lợi màu trắng như ngọc kha tuyết. Hãy đưa linh cốt của bậc Đại sĩ ấy lại cho ta.

Khi Đức Thế Tôn đã cầm linh cốt, bèn bảo đại chúng hãy xem kỹ và Ngài đọc kệ:

Bồ-tát công đức vượt
Siêng tu hạnh sáu độ
Dũng mãnh cầu Bồ-đề
Xả thân, tâm không tiếc.

Đức Phật bảo:

– Này các Tỳ-kheo, các thầy đều phải tỏ lòng kính lễ, vì xá-lợi này là do sự huân tập tu trí từ vô lượng hương Giới, Định, Tuệ.

Tất cả đại chúng đều kính lễ, tán thán là điều chưa từng có.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, Như Lai là Bậc Đại Sư vượt ra khỏi ba cõi, vì nhân duyên gì Ngài lại đảnh lễ nắm xương này?

Đức Phật đáp:

– Này A-nan, Như Lai từ nắm xương này nên nay mới thành Phật. Để báo đáp ân xưa nên hôm nay Ta kính lễ. Để dứt bỏ tâm còn nghi ngờ của các thầy, Như Lai sẽ nói về nhân duyên kiếp trước của Ta. Đại chúng phải chí tâm lắng nghe:

Này A-nan, vào thời quá khứ vô lượng kiếp về trước, có một Quốc

vương tên là Đại-xa, nhà vua có ba người con: Vương tử thứ nhất tên là Ma-ha-ba-la, vương tử thứ hai tên là Ma-ha-đề-bà và vương tử thứ ba tên là Ma-ha Tát-đỏa. Bấy giờ, nhà vua tổ chức đi du ngoạn các cảnh núi non, đem ba vương tử theo, cùng tạm dừng nơi rừng tre lớn. Ngày sau, ba vương tử tiếp tục trên đường dạo chơi, thấy một cọp mẹ sinh bảy cọp con đã trải qua bảy ngày. Vương tử thứ nhất nói:

– Bảy cọp con mãi quây quần bên cọp mẹ, khiến cọp mẹ không rảnh thời giờ đi tìm mồi được, e cơn đói khát bức xúc ắt ăn thịt con.

Vương tử thứ hai nghe lời nói ấy bèn than:

– Ôi! Mẹ con đám cọp này chẳng bao lâu sẽ chết hết, ta có cách nào cứu được mạng sống của chúng nó chăng?

Vương tử thứ ba thầm nghĩ: "Thân này của ta, trải qua trăm ngàn đời xả bỏ một cách phung phí, tàn tạ, hư hoại chưa từng có được chút lợi ích gì. Hôm nay, ta sao chẳng thể xả bỏ?" Các vương tử nói, nghĩ như vậy, rồi tâm trạng bồi hồi, nấn ná bên mẹ con cọp đói giây lâu thì trở về.

Vương tử Tát-đỏa lại suy nghĩ: "Thân ta cần phải thành tựu được thiện nghiệp lớn, ở nơi biển sinh tử làm chiếc thuyền lớn. Nếu xả bỏ thân này, tức dứt bỏ trăm ngàn nỗi sợ hãi của vô lượng thứ ung nhọt bệnh dữ, vì thân này chỉ là nơi chứa những thứ bất tịnh, chỉ là gân xương kết hợp duy trì, thật đáng nhàm chán. Do vậy, ta nay nên từ bỏ nó, để cầu nẻo giải thoát rốt ráo vô thượng, vĩnh viễn xa lìa mọi thứ sầu, buồn, khổ não, vô thường, đạt được trăm phước trang nghiêm, thành tựu Nhất thiết trí, ban cho chúng sinh vô lượng pháp lạc."

Lúc ấy, vương tử dấy lên đại dũng mãnh lớn lao, dùng nguyện lực từ bi tăng thêm nơi tâm mình, e ngại hai vương huynh có thể gây trở ngại cho chí nguyện, nên xin hai anh về cung trước, em sẽ về sau.

Bấy giờ, vương tử Ma-ha Tát-đỏa vội trở vào rừng tre, đến chỗ mẹ con cọp đói, cởi bỏ y phục vắt lên cành cây, rồi đặt thân mình nằm trước miệng cọp đói. Bồ-tát với tâm Từ bi nhẫn chịu, sẵn sàng xả thân. Nhưng cọp mẹ không thể làm gì được. Bồ-tát suy nghĩ: "Cọp mẹ nay đang đói, yếu chẳng thể vồ được thân ta", liền dùng cành tre khô chọc vào cổ mình cho máu chảy ra, rồi trèo lên gộp đá cao, gieo mình xuống đất. Ngay lúc ấy, đại địa hiện đủ sáu thứ chấn động, như cuồng phong làm dậy sóng biển, nhô lên lặn xuống chẳng yên, mặt trời bỗng tối sầu như bị A-tu-la che mất ánh sáng. Trời tuôn mưa các loại hoa cùng hương bột vi diệu, lớp lớp rơi xuống phủ khắp rừng tre, nơi không trung, chư Thiên cùng xưng tán.

Lúc đó cọp đói liếm máu nơi cổ Bồ-tát rồi ăn hết thịt, chỉ để lại những

khúc xương. Khi ấy, hai vương huynh lòng sinh sầu muộn, nên cùng chạy lại chỗ cọp đói, không giữ được cảm xúc, liền gieo mình trên đống xương còn lại của em, chết giấc hồi lâu mới tỉnh, buồn thương khóc lóc, bịn rịn mãi rồi mới trở về.

Bấy giờ, vương phu nhân đang ngủ trên lầu cao, trong giấc mộng chợt thấy điềm chẳng lành: Răng rụng, hai vú bị cắt lại thấy ba chim bồ câu non, trong đó một con bị chim ưng bắt mất. Phu nhân thức giấc, thấy hai vú mình còn chảy sữa. Một tỳ nữ nghe người bên ngoài nói: "Tìm kiếm vương tử vẫn chưa có!", liền chạy vào cung cho phu nhân hay. Phu nhân nghe qua, lo âu buồn khóc, mắt đầy lệ, vội đến nơi vua đang ngự, tâu:

– Đại vương, chúng ta đã mất đứa con út yêu dấu!

Nhà vua nghe qua buồn nghẹn than:

– Ngày nay mất đứa con yêu quý, đau khổ biết bao!

Rồi dùng lời an ủi phu nhân:

– Khanh chớ âu sầu, ta nay ra lệnh tập trung các đại thần, dân chúng cùng nhau ra khỏi thành phân tán tìm kiếm.

Lát sau, một đại thần trở về tâu vua: Theo tin nhận được, mới tìm thấy hai vương tử lớn, còn vương tử út thì vẫn chưa tìm ra.

Tiếp sau, vị đại thần thứ hai dáng sầu khổ, khóc lóc, đến chỗ vua cha, đem tất cả việc xả thân của vương tử xét tâu lên cho vua hay.

Nhà vua và phu nhân đau buồn không sao tự kìm chế được, liền cùng đến chỗ Bồ-tát xả thân, chỉ thấy để lại đống xương, liền ngã nhào lên trên ấy, vật vã, rồi cả hai cùng chết giấc không còn hay biết, quần thần vội lấy nước rưới khắp châu thân, giây lâu mới tỉnh. Khi ấy, phu nhân đầu bù tóc rối, lăn lộn trên đất, như cá phơi mình trên cạn, như bò mẹ lạc mất con, cùng hai vương tử buồn thương kêu khóc, rồi tâu vua ra lệnh làm lễ trà-tỳ, thâu lượm xá-lợi từ nhục thân của Bồ-tát an trí trong bảo tháp, để cúng dường.

Đức Phật bảo:

– Tôn giả A-nan nên biết, xá-lợi Ta đang cầm đây chính là xá-lợi của Ma-ha Tát-đỏa. Ta lúc ấy, tuy còn nhiều phiền não tham, sân, si... thường ở trong các cõi ác như địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, tùy duyên cứu giúp chúng sinh khiến thoát khỏi các nẻo ấy. Huống chi ngày nay, tất cả phiền não đều đã dứt hết, lại không còn các tập khí, được gọi là bậc Đạo sư của cõi trời, người, đầy đủ Nhất thiết trí, mà lại không thể vì tất cả chúng sinh ở trong mọi cảnh hiểm nạn thay thế chịu các đau khổ sao?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vương tử Ma-ha Tát-đỏa khi xưa đâu phải là người nào xa lạ, chính là thân Ta ngày nay đang ở trong hội này. Quốc vương lúc đó, nay là phụ vương Tịnh Phạn, hậu phi bấy giờ nay là Ma-da phu nhân. Vương tử lớn nay là Bồ-tát Di-lặc, vương tử thứ hai nay là Bồ-tát Văn-thù. Cọp đói khi xưa, nay chính là di mẫu của ta. Bảy cọp con nay là: Đại-mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất và năm Tỳ-kheo nhóm ông Kiều-trần-như.

Khi Đức Thế Tôn nói về nhân duyên đời trước của mình như vậy, thì vô lượng a-tăng-kỳ đại chúng trời, người thảy đều buồn vui lẫn lộn, đồng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật thu nhiếp thần lực, ngôi tháp nhiệm mầu bằng bảy báu hiện ra lúc trước, giờ này hốt nhiên biến mất.

Duyên Khởi 2: VUA THI-TỲ CỨU MẠNG CHIM BỒ CÂU

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

– Ta nhớ thuở xa xưa cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, trong cõi Diêm-phù-đề có vị Đại quốc vương tên là Thi-tỳ, thành chọn làm kinh đô tên là Đề-bà-đế, đất đai trong nước phì nhiêu, dân chúng sống cảnh sung túc, an lạc. Đại vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, phu nhân, thể nữ tổng cộng hai vạn, có năm trăm thái tử và một vạn quần thần. Nhà vua đầy lòng từ bi, thi hành chính sách: nhân từ, khoan dung, độ lượng, thương yêu muôn dân như mẹ hiền thương con đỏ.

Bấy giờ Đế Thích, chủ cõi trời thứ Ba mươi ba, năm tướng suy kém hiện rõ, sắp bị thoái đọa. Thiên chủ có vị cận thần tên Thiên tử Tỳ-thủ, thấy dung mạo của Đế Thích như vậy nên tâu:

– Cớ gì tôn nghi của Thiên chủ có vẻ ưu sầu?

Đế Thích đáp:

– Ta sắp mãn kiếp, lại nghĩ đến thế gian Phật pháp đã diệt, các vị Đại Bồ-tát lại không ứng hiện, tâm ta lo lắng không biết nương tựa vào đâu!

Thiên tử Tỳ-thủ lại tâu:

– Tâu Thiên chủ, nay tại cõi Diêm-phù-đề, có vua Thi-tỳ là người tinh tấn, ý chí kiên cố mong cầu Phật đạo, Thiên chủ nên đến đó xin quy y, quyết sẽ được thoát nạn.

Đế Thích nghe qua, không rõ hư thực thế nào: Nếu vua Thi-tỳ đúng là Bồ-tát, ta sẽ thử thách. Liền bảo Tỳ-thủ:

– Ngươi hóa thành chim bồ câu, ta biến làm chim ưng. Chim ưng đuổi bắt bồ câu, bồ câu chạy vào vương cung xin vua che chở, như vậy mới có thể xét biết nhà vua có phải là Bồ-tát đích thực hay không?

Tỳ-thủ tâu:

– Ngày nay, đối với Bồ-tát ta phải cung kính cúng dường, chớ nên quấy nhiễu, không được đem tai vạ bức não làm người khổ sở.

Khi ấy trời Đế Thích nói kệ:

Ta tâm vốn không ác
Như đem lửa thử vàng
Thử nghiệm Bồ-tát này
Rõ là bậc chân thật?

Nói kệ rồi, Thiên tử Tỳ-thủ bèn hóa làm chim bồ câu, Đế Thích thì biến làm chim ưng rượt đuổi gấp, suýt bắt được bồ câu, bồ câu hoảng sợ nên bay nấp vào dưới nách nhà vua Thi-tỳ xin cứu giúp che chở. Chim ưng đậu trước mặt nhà vua nói tiếng người:

– Nay chim bồ câu này là món ăn của tôi, hiện tôi quá đói, xin nhà vua trả lại chim bồ câu cho tôi.

Nhà vua đáp:

– Bản nguyện của ta là nhằm cứu độ tất cả chúng sinh, chim bồ câu này đã chui vào áo ta, dứt khoát ta không thể trả lại cho ngươi.

Chim ưng nói:

– Tâu đại vương, đại vương nói ngày nay ngài luôn thương xót, nhớ, nghĩ đến tất cả chúng sinh, nếu ngài dứt mất phần ăn của tôi, thì mạng sống của tôi lâm nguy sao ngài không cứu?

Nhà vua đáp:

– Nếu thay thế cho ngươi bằng các thứ thịt khác, ngươi có thể ăn được chăng?

Chim ưng thưa:

– Chỉ có thịt còn máu tươi nóng thì tôi ăn được.

Nhà vua thầm nghĩ: "Nếu giết một mạng để cứu một mạng thì chẳng đúng lý. Chỉ có thịt của thân ta mới có thể thay cho thịt kia, ngoài ra bao nhiêu mạng sống khác đều phải được bảo tồn." Suy nghĩ như vậy rồi, nhà vua liền cầm dao bén cắt thịt nơi bắp vế mình, đem thịt ấy đưa cho chim ưng để đổi lấy mạng sống cho chim bồ câu.

Chim ưng nói:

– Vua là nhà thí chủ, nay đem thịt nơi thân mình để thay cho thịt chim

bồ câu, thì thịt ngài phải cân xứng với thịt của bồ câu mới được.

Nhà vua sai lấy cân, hai đầu đòn để hai đĩa cân, chính giữa treo móc cân điều chỉnh cho bằng, rồi đem chim và thịt đặt vào mỗi đĩa. Nhà vua đã cắt hết thịt nơi bắp vế mà đòn cân vẫn lệch về phía bồ câu. Cho đến cắt thịt nơi cánh tay, thịt nơi hông... rốt cuộc nơi toàn thân vua không còn một chút thịt mà vẫn không cân bằng so với thân hình nhỏ nhẹ của chim bồ câu. Nhà vua muốn đem cả thân mình đặt trên đĩa cân, nhưng sức khỏe không như ý muốn, nên quỵ chân ngã nhào, chết giấc trên đất, không còn hay biết, giây lâu mới tỉnh. Vua dùng sức dũng mãnh, tâm tự trách: "Từ vô số kiếp đến nay ta bị cái thân này làm khổ lụy, luân hồi trong sáu nẻo chịu đủ muôn nỗi sự đau khổ, chưa từng đem lại phước lợi gì cho chúng sinh, nay chính là lúc tạo được phước lợi, sao lại biếng trễ như thế?" Đại vương suy nghĩ như vậy, tự gượng mình đứng dậy, leo vào trong đĩa cân, tâm rất hoan hỷ, được điều chưa từng có. Lúc ấy, đại địa hiện đủ sáu thứ chấn động, tất cả cung điện của chư Thiên đều bị lay chuyển. Chư Thiên nơi cõi Sắc trụ trong hư không ca ngợi, thấy Bồ-tát tu khổ hạnh, làm được việc khó làm ai nấy đều buồn cảm rơi lệ như mưa, rồi lại rải các loại hoa trời để bày tỏ sự cúng dường. Lúc đó, trời Đế Thích và Thiên tử Tỳ-thủ đều hiện nguyên hình, đứng trước nhà vua nói:

– Công đức tu hành khổ hạnh của đại vương thực khó có thể nghĩ bàn! Ở trong ba cõi, đại vương đem công đức ấy nhằm mong cầu quả vị Chuyển luân vương, Phạm vương, Đế Thích, hay muốn làm những gì?

Nhà vua đáp:

– Bản nguyện của ta chẳng phải cầu phước báo tôn vinh nơi thế gian, chỉ nguyện đem công đức này để cầu thành Phật đạo.

Đế Thích lại hỏi:

– Ngày nay thân nhà vua đau nhức đến xương tủy, có sinh tâm hối hận chăng?

Nhà vua đáp:

– Không chút hối hận. Ta thấy nơi thân ông có khổ nạn hết sức lớn.

Đế Thích nói:

– Nhà vua nói không hối hận, vậy lấy gì làm bằng chứng?

Nhà vua bèn phát nguyện:

– Ta từ khi phát tâm cho đến lúc này, không có chút mảy may hối tiếc. Nếu chỗ mong cầu quyết định thành Phật của ta là chân thật không hư dối đúng như bản nguyện thì xin khiến cho các chi phần nơi thân thể của ta

hiện nay tức khắc bình phục như cũ.

Phát lời thệ nguyện xong, chỉ trong khoảnh khắc, thân thể nhà vua trở lại như trước. Chư Thiên, người đời đều ca ngợi là điều chưa từng có, không thể tự kìm chế được lòng vui mừng vô hạn.

Đức Phật bảo đại chúng:

– Vua Thi-tỳ thuở xưa đâu phải là người xa lạ, chính là thân Ta ngày nay.

Lúc ấy, chúng hội nghe lời Phật nói, thảy đều khác miệng cùng lời thưa hỏi:

– Thuở xưa, Đức Thế Tôn nhằm cứu độ chúng sinh, tu các hạnh xả bỏ thân mạng để cầu đại pháp lớn, đến khi thành đạo, biển pháp đã viên mãn, cờ pháp đã dựng, trống pháp đã đánh, đuốc pháp đã thắp, chính là lúc căn cơ của chúng sinh đã thuần thục, nhân duyên thích hợp, vì sao Như Lai lại lìa bỏ tất cả chúng sinh, muốn nhập Niết-bàn mà chẳng thuyết pháp? Đến khi trời Phạm thiên tán thán tiền thân của Như Lai vì dốc cầu pháp đã xả bỏ ngàn đầu, lúc ấy, Ngài mới nhận lời, đến vườn Nai thuộc nước Ba-la-nại, ba lần chuyển xe chánh pháp, cùng quán pháp Tứ diệu đế. Tam bảo từ đấy mới xuất hiện tại thế gian.

Duyên Khởi 3: NHƯ LAI KHẤT THỰC

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngự tại giảng đường Trùng các trong tinh xá Trúc lâm, thuộc nước Ma-kiệt-đà. Sắp đến giờ thọ trai, Phật cùng Tôn giả A-nan đắp y mang bình bát vào thành khất thực, thấy một cặp vợ chồng già yếu, hai mắt bị mù, lại thêm nghèo khổ, chỉ có một đứa con duy nhất tuổi vừa lên bảy. Người con này thường đi xin về nuôi dưỡng song thân, khi nào xin được thức ăn ngon, trái cây tươi tốt thì dâng cho cha mẹ ăn trước còn đồ ăn không ngon, trái cây bầm héo thì tự ăn.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan thầm nghĩ: "Đứa bé này tuổi còn thơ ấu mà có hạnh chí hiếu, sớm hôm lo lắng ân cần không để cha mẹ thiếu thốn".

Đức Phật khất thực xong trở về tinh xá, thọ trai xong thì rửa chân trải tòa ngồi, vì đại chúng sắp diễn nói kinh pháp.

Tôn giả A-nan đến trước Đức Phật, chắp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chính trong khi con hầu Thế Tôn vào thành khất thực, thấy một em bé dắt cha mẹ mù lòa xin ăn đây đó, phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo. Hằng ngày làm được mãi như thế thì thật là khó.

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, chẳng những chỉ kẻ tại gia, mà hàng xuất gia đều phải lấy hiếu hạnh làm việc trước tiên. Xét về công đức, thì công đức của sự hiếu thảo đối với cha mẹ là không thể lường tính. Vì sao?

Ta nhớ vào thời quá khứ, vô lượng kiếp về trước, lúc ấy Ta là đồng tử tuổi cũng lên bảy. Vì lòng hiếu thuận, nên từng cắt thịt thân mình để cứu mạng sống của cha mẹ trong cơn nguy cấp. Từ đó đến nay, Ta nhờ công đức này thường làm Đế Thích hay vua cõi người, cho đến hiện tại, thành Phật đều do phước đức ấy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con muốn được nghe nguyên nhân việc cứu mạng sống cho song thân vào đời trước của Ngài, việc ấy như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, hãy nên lắng nghe, Ta sẽ vì Tôn giả mà kể lại chuyện ấy.

Về thời xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên là Đắc-xoa-thi-la, nhà vua tên là Đề-bà, có mười vị thái tử, mỗi người trị vì một tiểu quốc. Thái tử út tên là Thiện Trụ. Đất nước của vua ấy sung túc, yên ổn, dân chúng sống trong cảnh thái bình. Lúc ấy có vua hung ác ở nước láng giềng tên La-hầu, muốn xâm chiếm đất nước của vua Thiện Trụ. Vua La-hầu kết giao với đám hung bạo, cử binh tướng đến tấn công. Vua Thiện Trụ binh lực thua sút, nên phải bỏ chạy về nước của cha mình để lánh nạn.

Vua Thiện Trụ có một thái tử rất yêu quý tên là Thiện Sinh, tuổi còn thơ ấu không thể xa lìa, nên nhà vua vừa dắt vợ vừa dìu con vội vã chạy trốn khỏi nước. Đường về cố hương có hai ngả: Một ngả chỉ đi bảy ngày thì đến quê nhà, còn một ngả nữa đường sá chật hẹp hẻo lánh quanh co, phải trải qua mười bốn ngày mới tới. Nhà vua cố gắng mang theo lương thực dự trữ đủ bảy ngày, nhưng trên đường chạy trốn kẻ địch, tâm thần hoảng loạn, nên đi nhầm ngả đường quanh co hẻo lánh, thành ra mới đi được một nửa thì lương thực đã cạn, những ngày kế tiếp cả ba người đều đói khát mỏi mệt, xem khắp chung quanh hầu như không còn gì để sống. Vì sự cấp bách cùng kế phải hy sinh một người để bảo tồn mạng sống cho hai người, nên nhà vua mới bảo vợ dẫn con đi trước, còn mình thì đi sau rút gươm sắp chém thân vợ dùng để nuôi thái tử và mạng sống của thân mình. Thái tử Thiện Sinh lúc ấy bỗng nhiên nhìn lại phía sau thấy cha mình đang giơ kiếm sắp chém mẫu hậu nên vội vã tâu:

– Xin phụ vương chớ giết mẫu thân con, thà cắt thịt thân con dùng

làm lương thực! Con chưa từng nghe có người con nào lại ăn thịt mẹ mình.

Thiện Sinh ân cần, thành khẩn khóc lóc van xin để mẫu hậu được toàn tánh mạng.

Thiện Sinh lại tâu với vua cha:

– Nguyện đem thịt của thân con cứu sống song thân, nếu cắt thịt thì xin chớ cắt hết một lượt, có thể cắt ăn từ từ, đủ kéo dài số ngày theo đường đi còn lại. Nếu cắt hết một lần, mạng con chết rồi thì thịt kia sẽ thối rữa, ắt phải bỏ đi, đối với việc cứu đói như thế chẳng thành.

Khi ấy, vua cha cùng mẫu hậu đồng nói với Thiện Sinh:

– Ngày nay cha mẹ làm điều tội lỗi này thật không phải là bản ý của chúng ta. Nhưng hai ta sao nhẫn tâm cầm dao trực tiếp cắt thịt con mình.

Lúc ấy, vương tử đã định ý sẵn, bèn cầm dao bén tự cắt thịt thân mình, quỳ dâng cho cha mẹ. Nhà vua và phu nhân thấy việc như vậy, buồn khóc thảm thiết, hồi lâu mới đành lòng ăn thịt con. Trải qua mấy ngày, thịt trên thân con đều hết mà chưa đến nơi, cơn đói khát lại càng bức bách khó chịu đựng được. Ở khoảng giữa những đốt xương chỉ còn chút ít thịt, đủ để duy trì mạng sống thoi thóp của vương tử vào những giờ phút cuối cùng. Thiện Trụ và phu nhân đều dùng lời thương yêu an ủi con mình, gục đầu vào nhau lưu luyến, rồi đành phải bỏ đi.

Khi đó, vương tử thầm nghĩ: "Ta đã đem thịt mình cứu sống song thân, mong cho cha mẹ về đến quê cũ, thân được an ổn, hưởng cảnh thái bình. Nguyện đem thiện căn này mau chứng Bồ-đề nhằm cứu độ tất cả chúng sinh trong mười phương, xa lìa các khổ, hưởng được niềm vui chân thường." Lúc vương tử phát nguyện ấy, Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động, tất cả chư Thiên nơi cõi Dục, cõi Sắc đều kinh ngạc, liền dùng Thiên nhãn quán sát thế gian, mới biết Bồ-tát tu hiếu hạnh như thế. Các vị Thiên tử ở trong hư không chắp tay tán dương công đức, nước mắt rơi xuống như mưa.

Bấy giờ, trời Đế Thích biến làm cọp, sói muốn đến ăn thịt để thử tâm Bồ-tát. Vương tử tự nghĩ: "Các loài thú dữ ấy muốn đến ăn thịt ta, ta hiện chỉ còn nắm xương thừa này, xin đem tâm hoan hỷ bố thí tất cả không chút hối tiếc buồn rầu."

Tức thì, Đế Thích liền hiện nguyên hình ca ngợi vương tử:

– Thật là ít có! Đã có thể dùng thịt nơi thân mình để cứu mạng sống cho cha mẹ, tâm hiếu thảo như vậy, không ai sánh kịp! Ngài cầu mong những gì, xin nói cho chúng tôi biết.

Vương tử đáp:

– Ta chỉ dốc cầu đạt được Phật đạo vô thượng.

Thiên đế lại hỏi:

– Tôi nay thấy thân ngài, vì hiếu dưỡng đối với cha mẹ mà da thịt đều hết, sự đau khổ đó thật khó nhẫn chịu, ngài có hối hận chăng?

Vương tử đáp:

– Nếu đúng như thật là tâm ta không chút hối hận, cùng nhất định vào đời vị lai ta sẽ thành Phật, thì xin khiến cho thịt trên thân ta đầy đủ lại như cũ.

Nói lời thệ nguyện ấy xong, tức khắc thân thể được bình phục như trước. Khi ấy, Đế Thích và chư Thiên cùng hết lời tán thán:

– Hay thay! Hay thay!

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vua Thiện Trụ thuở xưa nay chính là phụ vương Tịnh Phạn, vương phu nhân khi đó nay là phu nhân Ma-da, còn vương tử Thiện Sinh là thân Ta.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 2

Duyên Khởi 4: THẦN THÔNG BIẾN HÓA TỐI THẮNG CỦA NHƯ LAI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử đều là bậc Đại A-la-hán, du hành giáo hóa, dừng nghỉ nơi thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà. Vua nước ấy tên là Bình-sa vương, bẩm tánh nhân từ, hiền hòa, từ lâu đã vun trồng đạo đức, chứng được Sơ quả, lòng tin không thoái chuyển, tâm kính tín Tam bảo càng thêm sâu dày, thường đem các thức ăn thượng diệu, y phục, đồ nằm, thuốc men… cúng dường Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo.

Từ trước, cả nước Ma-kiệt-đà cũng như nơi kinh đô là thành Vương xá đã có nhóm Phú-lan-na là một trong sáu phái ngoại đạo, truyền bá tà giáo, làm mê hoặc dân chúng, số người tin theo cũng khá nhiều. Nhà vua có người em rất sùng tín ngoại đạo này, kính thờ bốn việc gọi đó là có đạo.

Khi mặt trời Phật xuất hiện nơi đất nước này, pháp bảo liền được hưng thịnh. Nhà vua ân cần khuyên nhủ người em quy y Tam bảo, nhưng người ấy vẫn cố chấp, tin vào tà thuyết, không nghe lời khuyên, lại còn nói với vương huynh:

– Em đã có thầy của em, chẳng cần phải kính lễ ông Cù-đàm nữa!

Nhà vua lại bảo:

– Phước điền khó gặp, em nên sắm sửa đủ các thức ăn uống thượng vị để cúng dường Đức Như Lai.

Vì lời nói của nhà vua hợp lý, nên người em không dám trái ý, liền tổ chức đại trai đàn, không hạn cuộc người đến dự, nếu người nào tự ý đến ông ta đều đón tiếp.

Ông ta sắp đặt, bố trí bàn ghế, tòa ngồi, bày biện đủ các món ăn hết sức thịnh soạn, rồi sai kẻ hầu âm thầm mời đám Lục sư ngoại đạo. Bọn này nhận lời liền đến ngồi vào vị trí quan trọng.

Đức Phật và chúng Tăng vì chưa có sự cung thỉnh nên không tự đến. Nhà vua nói với người em:

– Em tuy không đích thân đến thỉnh Đức Phật, nhưng cũng phải cho một người đến thưa mời.

Khi có người mời, Đức Phật nhận lời rồi cùng đại chúng đầy đủ oai nghi đồng đến dự hội. Đức Phật thấy đám ngoại đạo đã ngồi sẵn nơi những tòa cao, bèn dùng thần thông dời họ xuống hàng dưới thấp. Chúng nhìn nhau, cùng bảo đứng dậy dời tòa lên, nhưng tòa vẫn cố định, vẫn thấy ngồi dưới thấp. Cứ như vậy ba phen, cuối cùng họ phải gắng gượng mà ngồi.

Đến lượt rửa tay, Đức Phật bảo thí chủ mời thầy của ông rửa tay trước, nhưng nắp bình nước cứ đậy kín, phải đem đến mời Đức Phật rửa trước, lúc này nước trong bình liền chảy ra.

Tiếp theo là chú nguyện, Đức Phật cũng bảo thí chủ mời thầy mình chú nguyện trước, nhưng đám Lục sư miệng như cứng lại nói không ra lời, phải đến mời Phật, ngài dùng Phạm âm chú nguyện, âm thanh trong lành vang rộng khiến người nghe đều vui thích.

Kế đến giờ thọ thực, sự việc cũng được tiến hành như trước, nhưng đồ ăn đem đến cho đám Lục sư liền bay lên hư không. Lúc đem dâng cho Đức Phật và chúng Tăng, thì các thức ăn kia từ trên không hạ xuống. Đức Phật và chúng Tăng thọ trai xong, rửa tay, súc miệng, xỉa răng, trải tòa an tọa.

Đến lượt thuyết pháp, Đức Phật cũng bảo mời thầy của thí chủ giảng nói trước, nhưng cũng như lúc chú nguyện, đám Lục sư đều như bị cấm khẩu. Tới phần Đức Phật, lúc này Đức Như Lai dùng Phạm âm, vì khắp chúng hội diễn nói pháp vi diệu, đại chúng lắng nghe thảy đều thấu đạt. Người em của Bình-sa vương tâm được thanh tịnh, tin hiểu Phật pháp, nên quy y Tam bảo chứng được Sơ quả. Ngoài ra trong chúng hội có người chứng được Nhị quả, cho đến dứt hết các lậu, chứng quả A-la-hán.

Mưu đồ của đám ngoại đạo hôm ấy bị thất bại, nên ôm lòng buồn bực, tức giận, tâm không lúc nào an ổn. Sau đó mỗi người tự tìm nơi vắng lặng để mong học các thuật lạ. Thiên ma Ba-tuần sợ đám ngoại đạo này khiếp nhược, không thể giữ nổi các thứ tà đạo mà Thiên ma đã trao, nên mới hiện xuống biến thành tướng của vị Lục sư, ở trước một người ra năm người phô diễn pháp thuật. Bay đi trong hư không, thân phun ra nước, lửa, một thân phân làm nhiều thân, biến hiện đủ cách. Do đó đám ngoại đạo càng thêm tin cậy, bao nhiêu tâm niệm tủi nhục lúc trước đều tiêu tan. Nay tự xét mình có thể hơn Sa-môn Cù-đàm, liền cùng nhau đến trước nhà vua khoe khoang về phép lạ, lại xin nhà vua mời Phật đến đấu phép mới thấy ai cao thấp.

Bấy giờ, Bình-sa vương mỉm cười nói:

– Ta thấy đám tà thuật các ông thật hết sức mê muội. Uy đức của Phật rộng lớn, lời nói không thể diễn tả hết! Các ông quả là muốn đem ánh sáng của đom đóm so với ánh sáng mặt trời, đem nước đọng nơi dấu chân thú, sánh với nước nơi biển cả, đem ụ đất của kiến đùn so với núi Tu-di, đem thân thấp hèn của loài dã can mà sánh với tướng của sư tử... Chỗ cao thấp, lớn nhỏ đã quá rõ ràng có thể tự biết.

Lục sư tâu:

– Đại vương chưa tận mắt chứng kiến sự biến hóa thần diệu của chúng tôi, do đâu mà ngài đem tâm xem rẻ chúng tôi như vậy!

Nhà vua chấp nhận, hẹn bảy ngày sau mời nhóm ngoại đạo này đến thí trường đấu phép.

Nhà vua thân hành đến chỗ Phật, trình bày mọi sự việc như trên, rồi thưa:

– Cúi mong Đức Thế Tôn dùng phương tiện thể hiện uy lực để hàng phục tà đảng, đem chúng trở về với chánh đạo.

Đức Phật nói:

– Này đại vương, Như Lai tự biết đúng lúc!

Nhà vua nghe lời nói ấy, cho rằng Đức Phật đã chấp nhận, liền ra lệnh đám quần thần tìm một vị trí thật rộng rãi, sửa sang bằng phẳng sạch sẽ, treo cờ phướn, bày biện tòa ngồi. Đúng ngày khai hội, dân chúng đều trông ngóng Như Lai đến. Nhưng ngày hôm đó, Đức Như Lai cùng đại chúng từ thành Vương xá đi tới nước Tỳ-da-ly. Nhà vua đang trị vì nước ấy tên là Lật-tha liền dẫn các quan cùng dân chúng ra khỏi hoàng cung nghinh đón Phật và chúng Tăng. Đám Lục sư ngoại đạo cùng lớn tiếng nói rằng đã biết từ lâu, trí thuật của Sa-môn Cù-đàm cạn cợt ít ỏi, nay bắt buộc phải so tài hơn thua nên sợ mà lánh đi.

Khi ấy, Bình-sa vương nghe tin Đức Phật đã rời khỏi nước, nên sắm đầy đủ vật cúng dường chất đầy năm trăm xe, vua cùng các quan, dân chúng gồm đến mười vạn người, đem đầy đủ vật cần dùng, tất cả đều đi theo Đức Phật.

Lục sư ngoại đạo liền đến trước đại vương Lật-tha tâu:

– Tâu đại vương, cho phép chúng tôi cùng Sa-môn Cù-đàm so tài về thần thông biến hóa.

Đại vương nói:

– Thật là kẻ ngu si! Tự cho mình là có đạo đức, tài ba! Chỉ lo cho các

ông tự chuốc lấy sự tủi nhục đó thôi.

Rồi nhà vua đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đám Lục sư ngoại đạo háo hức muốn so tài phép lạ với Ngài. Cúi xin Đức Như Lai hàng phục đám tà ác kia.

Đức Phật nói:

– Này đại vương, Như Lai tự biết đúng lúc!

Nhà vua nghe Phật nói như vậy, tưởng rằng Đức Phật đồng ý, nên về ra lệnh sắp đặt tổ chức giống như Bình-sa vương. Đúng ngày hẹn, dân chúng chen chúc chờ xem thi phép. Nhưng hôm đó Đức Như Lai lại từ nước Tỳ-da-ly hướng dẫn đại chúng đến nước Câu-thiểm-di. Vua của nước này tên là Ưu Điền, nghe tin, bèn tập hợp tất cả các quan lớn nhỏ, đông đảo dân chúng cùng đến đón rước Đức Thế Tôn và đại chúng.

Dân chúng thành Tỳ-da-ly sáng hôm đó sớm không thấy Phật, nên hỏi nhau:

– Vì sao Phật lại sang nước Câu-thiểm-di?

Đám Lục sư thấy vậy lại càng huênh hoang, nói với các môn đồ của họ:

– Rõ là Sa-môn Cù-đàm không dám gặp chúng ta.

Lúc ấy, vua Lật-tha nghe Đức Phật đã rời khỏi nước mình, cũng sắm sửa vật cần dùng, chở đầy năm trăm xe theo để cúng dường. Vua, đông đảo các quan và dân chúng gồm bảy vạn người, đem đầy đủ vật cần dùng, tất cả cùng theo sau Đức Phật.

Đức Phật từ nước Câu-thiểm-di đi sang nước Việt kỳ, từ nước Việt kỳ, Đức Phật lại đến nước Đặc-xoa-thi-la, rồi tới các nước Ba-la-nại, Ca-tỳ-la-vệ, sau cùng thì dừng chân ở nước Xá-vệ.

Trong lúc Đức Thế Tôn đi qua các nước trên, đều có ngàn vạn ức dân chúng, trăm quan, vua tất cả cùng đón rước trọng thể, cung kính cúng dường. Nơi mỗi nước Đức Phật đi qua, đám Lục sư ngoại đạo luôn đuổi theo sau, mời Đức Phật đấu phép và khoe khoang tài năng của mình.

Các quốc vương đem theo các quan, dân chúng gồm đến vô lượng trăm ngàn vạn ức người, chật ních trên các con sông và đồng nội, đang đổ xô về nước Xá-vệ. Vua nước Xá-vệ lúc đó là Thắng Quân, là một vị vua có uy đức lớn được mọi người tôn kính, tiếng đồn khắp mọi nơi.

Đám Lục sư ngoại đạo lại đến chỗ Thắng Quân tâu:

– Tâu đại vương, Sa-môn Cù-đàm đã lánh mặt chúng tôi, bôn ba qua khắp các nước ý muốn trốn tránh. Chúng tôi cùng đám môn đệ quyết chí

đuổi theo, nay đến nơi đây, xin đại vương cho phép chúng tôi cùng Sa-môn Cù-đàm đấu phép hơn thua.

Vua Thắng Quân nói với đám ngoại đạo:

– Thánh đức của Như Lai khó có thể nghĩ bàn, đám các ông là hàng phàm phu ngu si sao dám tranh hơn thua?

Nhà vua đến chỗ Đức Phật, thưa lại đủ mọi sự việc như trên và cúi xin Đức Thế Tôn thể hiện một ít thần thông biến hóa, nhằm khiến cho dân chúng khắp các nước thấy được thần lực của Phật, phân biệt tà chánh.

Đức Phật nói với vua Thắng Quân:

– Này đại vương, đây chẳng phải là duyên nhỏ, nay chính là đúng lúc, như lời đại vương thỉnh.

Nhà vua liền ra lệnh các quan trực thuộc sửa soạn, bố trí hội trường, bày biện tòa ngồi, dùng đủ các thứ hoa hương. Tất cả vua quan, dân chúng khắp nước đều tề tựu.

Nhằm ngày đầu tháng, vào lúc ban mai, Đức Phật và đại chúng đến hội trường trước nhất. Hôm ấy đại vương Thắng Quân đem tâm thanh tịnh thiết trai cúng dường, tự tay mình bưng dâng các thức ăn uống, nước rửa, tăm xỉa răng… cho Đức Phật.

Đức Phật nhận tăm xỉa răng xong rồi vứt xuống đất, từ nơi tăm xỉa răng ấy mọc lên một mầm cây xanh tốt phát triển rất nhanh, lần lần cao lớn tới ba trăm do-tuần, tàng cây bao trùm hai trăm do-tuần, cành, lá, hoa, quả bằng bảy báu, có nhiều màu sắc khác nhau; theo mỗi màu sắc phát ra mỗi hào quang, ăn trái cây này mùi vị như cam lộ.

Tất cả dân chúng trông thấy thần thông của Đức Phật biến hóa như vậy, đều sinh tâm kính trọng, ca ngợi là điều chưa từng có. Đức Phật tùy theo căn cơ của đại chúng vì họ thuyết giảng diệu pháp. Thính giả lãnh hội tâm được giải ngộ, chứng đắc pháp Bất thoái chuyển.

Qua ngày thứ hai, vua Ưu Điền nước Câu-thiểm-di thỉnh Phật cúng dường. Đức Phật, nơi giữa biên giới hai nước, hóa hiện hai hòn núi lớn, cao rộng đẹp đẽ, núi do bảy báu tạo thành, đủ màu sắc chói sáng.

Một núi ở trên đỉnh tuôn ra vô số cơm canh, mùi vị thơm tho, ngon ngọt như vị Tô-đà. Vô lượng chúng sinh trong các nước cùng nhau đến thọ dụng đều được đầy đủ.

Hòn núi thứ hai tuôn ra đầy dẫy các loại cỏ thơm non mềm mại, ăn không đắng không nhám, các loài súc sinh như bò, ngựa, voi, dê... đều được no nê.

Tất cả dân chúng các nước thấy thần thông biến hóa của Đức Phật như thế, đều sinh tâm kính tín, hết lời ca ngợi là điều chưa từng có. Đức Phật vì họ mà thuyết pháp, mọi người đều tỏ ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Qua ngày thứ ba, vua Thuần-chân-đà nước Đại Việt-chi thỉnh Đức Phật cúng dường. Nhà vua dâng nước trong sạch để Đức Phật súc miệng, rửa tay, Đức Phật dùng xong đổ nước xuống đất thì chỗ đất ấy hóa thành ao bảy báu, mỗi mặt rộng hai trăm dặm, nước tám công đức chứa đầy ắp trong ao, hoa sen bốn màu mọc khắp xa gần, mùi thơm tinh khiết. Tất cả chúng hội thấy Đức Phật hiện bày thần thông biến hóa như vậy, đều sinh tâm tín kính. Đức Phật lại vì họ thuyết pháp, tâm ý khai ngộ, xa lìa trần cấu đều chứng Sơ quả.

Qua ngày thứ tư, vua Đà-bà-di nước Đặc-xoa-thi-la thỉnh Đức Phật cúng dường. Lúc ấy, Đức Phật đối nơi bốn mặt ao báu kia biến thành tám dòng sông lớn, nước trong xanh, sóng đập dồn dập vào nhau tuôn chảy liên tục. Tiếng nước chảy diễn nói pháp tám giải thoát và các pháp Ba-la-mật, người nghe đều phát tâm Bồ-đề.

Qua ngày thứ năm, vua Phạm-ma-đạt nước Ba-la-nại thỉnh Phật cúng dường. Khi đó, từ kim khẩu Đức Như Lai phóng ra hào quang màu vàng ròng chiếu khắp cõi Tam thiên đại thiên, chúng sinh nhờ hào quang chiếu soi, thân tâm được thư thái, giống hệt như sự an lạc nơi đệ Tam thiền. Đức Phật vì họ thuyết pháp, chúng hội đều đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Qua ngày thứ sáu, vua Lật-tha nước Tỳ-da-ly thỉnh Phật cúng dường. Diệu lực từ bi của Đức Như Lai gia hộ bình đẳng cho tất cả chúng sinh trong hội, khiến tất cả họ đều hiểu rõ về nghiệp báo thiện ác xen lẫn của hành động và tư tưởng khác nhau nơi mỗi người, nên đều kinh sợ và sinh tâm hoan hỷ, ca ngợi công đức của Như Lai. Đức Phật vì họ mà thuyết pháp, mỗi người được tỏ ngộ một cách thấu suốt, phát tâm thanh tịnh an trụ nơi pháp nhẫn vô sinh.

Đến ngày thứ bảy, các người thuộc dòng họ Thích nước Ca-tỳ-la-vệ thỉnh Đức Phật cúng dường. Đức Phật dùng thần lực khiến mọi người trong hội đều thấy thân mình làm Chuyển luân thánh vương, đầy đủ bảy thứ báu, một ngàn người con quây quần, các tiểu vương, trăm quan, dân chúng đều cung kính thừa hành, ai nấy đều hoan hỷ, ca ngợi công đức của Như Lai, Đức Phật vì họ thuyết pháp, mọi người đều phát tâm cầu quả vị Bồ-đề Vô thượng.

Qua ngày thứ tám, trời Đế Thích biết Phật Thế Tôn dùng thần lực để thu phục hóa độ đám tà đảng, nên hiện xuống nhân gian thỉnh Đức Phật

cúng dường, vì Đức Phật, Đế Thích tôn tạo tòa sư tử bằng bảy báu. Khi Đức Phật thăng tòa, hào quang từ tòa chiếu sáng rực rỡ, Đế Thích, Phạm thiên cùng chư Thiên đứng hầu hai bên, tất cả chúng hội đều ngồi im lặng lẽ. Bấy giờ, Đức Như Lai đưa cánh tay màu vàng ròng, dùng bàn tay ấn vào tòa ngồi, bỗng nhiên có âm thanh phát ra như tiếng gầm của voi chúa, ngay lúc đó, có năm đại Dược-xoa, xô dẹp mọi người rồi đến tóm đám Lục sư kéo tới trước pháp tòa, thần Mật Tích cầm chày Kim cang trên đầu đang bốc lửa, tất cả Lục sư thảy đều kinh hãi vội vàng tẩu thoát lấy làm xấu hổ, vì quá nhục nhã. Môn đồ của đám Lục sư đến chín vạn người đều quy y Phật xin làm đệ tử. Đức Phật nói: "Thiện lai", tức thì râu tóc tự rụng, thành Sa-môn, đều chứng quả A-la-hán.

Lúc ấy Bình-sa vương lại bạch Phật:

– Thưa Đức Thế-Tôn, ngày nay đám Lục sư ngoại đạo sinh ra tuy gặp Phật mà không được nhờ ân tế độ, con nguyện muốn nghe nguyên nhân nơi kiếp trước của họ.

Đức Phật nói:

– Này đại vương, nên hết sức để ý lắng nghe! Về thời quá khứ, vô lượng, vô số kiếp về trước, tại cõi Diêm-phù-đề này có một vị vua tên là Xa-câu-lợi, trị nước đã lâu mà không có người nối giữ ngôi báu. Một khi nghĩ đến việc ấy, lòng vua luôn ưu sầu, nên phát tâm rộng rãi làm việc phước lợi để cầu mong cho sở nguyện kia được thành tựu. Trời Đế Thích thấy vậy bèn hiện làm một lương y, đến cung điện vua hỏi về nguyên do sầu muộn, nhà vua đem mọi sự như trên trình bày cho lương y nghe. Thầy thuốc nói:

– Tôi sẽ vì đại vương lên Tuyết sơn hái linh dược về cho hậu phi uống, sau đó sẽ có con.

Nhà vua hết sức vui mừng.

Sau khi thầy thuốc hái linh dược về nội cung, dùng sữa sắc thuốc dâng lên hoàng thượng cho hậu phi uống. Vương hậu nghe mùi hôi khó chịu, lại thêm không tin nên chẳng chịu uống. Lương y cáo biệt ra về. Phần thuốc ấy các cung tần tranh nhau chia uống, uống xong chẳng bao lâu đều cảm thấy mình có mang. Khi ấy, vương hậu nghe vậy nên hối tiếc, buồn rầu than thở, cho người lục kiếm linh dược lúc trước, may chỉ còn được một ít bã, bèn dùng sữa sắc uống, sau đó vương hậu có mang. Các phu nhân khác đến ngày lâm bồn, ai ai cũng sinh được hài nhi dung mạo tuấn tú, nhà vua hết sức vui mừng. Cuối cùng vương hậu mới sinh được một hoàng tử, khuôn mặt hết sức xấu xí, thân hình như gốc cây, nhà vua và hoàng hậu

thấy vậy đều chẳng vừa ý, nhân đó đặt tên cho thái tử là Châu Ngột. Thái tử Châu Ngột qua năm tháng đã trưởng thành, võ nghệ, sức mạnh hơn người.

Bấy giờ giặc thù từ trước láng giềng xâm lấn biên cương, nhà vua sai thái tử đánh dẹp, thái tử đẩy lui được quân địch. Nhà vua nhân đấy mà lòng yêu thương con dâng lên, mới lo việc lứa đôi cho thái tử.

Vua Xa-câu-lợi từng nghe vua Lê-sắt-bạt-tha trị vì nơi nước xa xôi, có một công chúa dung nhan vô cùng xinh đẹp. Vua bèn sai người đến cầu hôn cho thái tử mong được vua Lê-sắt-bạt-tha nhận lời. Sáu nước khác nghe danh công chúa đều đem tâm ưa thích nên tranh nhau tới cầu hôn, do đó sáu nước cử quân đánh nhau. Vua Lê-sắt-bạt-tha lúc này mới nói rõ ý mình: Nếu ta chấp nhận gả công chúa cho một nước nào thì các nước kia sẽ đem tâm oán giận ta. Vậy nước nào đánh lui được các nước khác, chính nước đó sẽ đón công chúa của ta.

Thái tử Châu Ngột nghe lời bày tỏ của vua kia, mới rõ sự thực là đang có các nước tranh nhau, nên sử dụng các thứ binh khí sắc bén, đám quân binh là hàng trai trẻ khỏe mạnh, hăng hái xông ra trận địa nên kết quả là thắng, đem sáu thủ cấp của các vua kia dâng cho vua Lê-sắt-bạt-tha, nhà vua hết sức vui mừng, nhận thái tử làm chàng rể. Thái tử Châu Ngột thống lãnh tướng sĩ sáu nước cùng phu nhân trở về bổn quốc.

Công chúa thấy thái tử Châu Ngột diện mạo xấu xí, thường tỏ vẻ sợ sệt. Thái tử tủi phận, tâm chẳng được yên ổn nên lẻn vào rừng sâu tính bề tự tử. Trời Đế Thích biết được ý định của thái tử nên hiện xuống nơi rừng sâu kia, khéo léo đem lời an ủi và cho một viên ngọc quý, bảo thái tử đem viên ngọc ấy giấu kín tại đảnh đầu, sẽ được tướng mạo như mình không khác. Thái tử quỳ nhận viên ngọc rồi vui vẻ trở về hoàng cung, người vợ thấy, chẳng biết là ai mới hỏi:

– Ngươi là người nào?

Thái tử bèn kể lại đầy đủ về nguyên do có được viên ngọc.

Thái tử từ đây không còn tên Châu Ngột nữa, lại được thay bằng tên Tu-đà-la-xá.

Đức Phật nói với vua Bình-sa vương:

– Vua Xa-câu-lợi lúc ấy nay là phụ vương Tịnh Phạn, vương phu nhân thời đó nay là Ma-da phu nhân. Thái tử xấu xí chính là Ta, còn người vợ xinh đẹp thuở ấy nay là phu nhân Da-du, sáu vị vua bấy giờ nay là đám Lục sư như Phú-lan-na...

Duyên Khởi 5: NHƯ LAI CHẲNG BỊ CHẤT ĐỘC LÀM HẠI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang hành hóa nơi thành Vương xá, quốc chủ lúc ấy là vua A-xà-thế, mới phát sinh lòng tin thanh tịnh, quy y Phật-đà, bốn sự cúng dường luôn đầy đủ, do đó, các đại thần, muôn dân, bốn chúng đều gần gũi cung kính Đức Như Lai. Phật đã dùng phạm âm thuyết giảng diệu pháp, chỉ dạy hàng đệ tử đoạn trừ mười nghiệp ác: Không được giết hại sinh mạng, không được trộm cướp của người, không được tạo tác tà hạnh, không được nói lời chẳng thật, không được nói lời thêu dệt, không được nói lưỡi hai chiều, không được nói lời thô ác, không tham lam, không sân hận và không tà kiến. Những chúng sinh này nhờ Phật giáo hóa tu tập theo mười điều lành, đem thân tâm thanh tịnh an trụ trong Phật pháp.

Lúc ấy, có một trưởng giả tên là Thân Nhựt, vô cùng giàu có, tài sản vô lượng, có thế lực lớn, từ xưa đến nay luôn phụng thờ ngoại đạo, chấp giữ tà kiến, theo giáo pháp Bà-la-môn.

Đám ngoại đạo thấy vua A-xà-thế, các đại thần cùng vô số dân chúng quy ngưỡng kính tín Đức Như Lai, mà các môn đồ của họ mất thì dâng cúng ít ỏi, nên ôm lòng ganh ghét, muốn ám hại Đức Phật, bèn đến nhà trưởng giả Thân Nhựt cùng nhau bàn kế. Chúng nói:

– Sa-môn Cù-đàm thường nói mình biết rõ mọi sự việc trong ba cõi, biết trước tâm niệm của kẻ khác, ta nay tìm cách thử xem việc ấy có thật chăng?

Trưởng giả nói:

– Phải đấy, nhưng phải thử nghiệm như thế nào?

Ngoại đạo nói:

– Trưởng giả phải quy y giả với Phật, thỉnh Phật về nhà bày biện cúng dường món ăn uống thượng vị, nếu Sa-môn biết trước thì không nhận lời, còn nếu nhận lời thỉnh, thì đám Sa-môn Cù-đàm ấy tất sẽ bị họa.

Ngoại đạo hiến: Trước tiên là bên trong cổng vào đào sẵn một hầm thật sâu rộng, dưới chứa đầy những khúc lửa cháy sẵn, mặt hầm đậy bằng một tấm sắt dựa vào một đòn bẩy rồi phủ lên một lớp đất mỏng, chờ cho Sa-môn Cù-đàm dẫn các môn đệ đi ngang qua đây. Như họ lánh thân đi quanh cửa hông an toàn, thì xem như không có gì xảy ra. Việc kế tiếp, trưởng giả vái chào họ rồi mời đi thẳng vào trai đường, dùng cơm đã trộn lẫn độc dược dâng cho họ ăn.

Trưởng giả Thân Nhựt khen ngợi cho là thượng sách, rồi mỗi mỗi

làm theo y như lời ngoại đạo, sai các thuộc hạ gấp rút đào hầm và bố trí đúng như mưu, rồi trưởng giả đến chỗ Đức Phật, tỏ vẻ thành kính thỉnh Phật. Đức Phật biết trưởng giả này cơ duyên hóa độ đã đến, nên im lặng nhận lời. Khi ấy đám ngoại đạo hết sức vui mừng.

Trưởng giả có một người con tên là Nguyệt Quang, tuổi vừa mười sáu, thông minh lanh lợi, từ lâu đời đã vun trồng căn lành, có trí tuệ biết được thọ mạng từ đời trước của mình, nên thưa với cha:

– Thần trí của Đức Như Lai, chúng sinh vừa dấy niệm là liền biết. Đám ngoại đạo là hạng người ngu si cha phải thận trọng chớ nên tin.

Trưởng giả Thân Nhựt không nghe theo lời con, vẫn thực hiện kế hoạch đào hầm chứa lửa, dùng thuốc độc hòa lẫn với cơm. Trưởng giả chờ trời sáng cho người đi thỉnh Phật đến xem thử sự việc thế nào.

Đức Như Lai đã biết trước nên dặn các Tỳ-kheo bưng bình bát đi theo sau mình. Cùng lúc các vị: Tứ đại Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên và các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần... thảy đều theo hầu Đức Phật. Bấy giờ, Đức Phật hiện các thần thông biến hóa: Trước tiên phóng hào quang màu vàng ròng chiếu thẳng đến nhà trưởng giả Thân Nhựt, rồi cùng với đại chúng ung dung hướng về nhà trưởng giả. Thân tướng của Đức Phật uy nghiêm rạng rỡ như mặt trăng ở giữa đám sao. Khi gần đến cổng chính thì đại địa hiện đủ sáu thứ chấn động, người bệnh được lành, người mù được thấy, kẻ điếc được nghe, mọi thứ độc hại đều tiêu tan, kẻ điên cuồng thì tâm trí được sáng suốt trở lại, tất cả các thứ âm nhạc tự nhiên hòa tấu, các loài cầm thú quý hiếm bỗng nhiên cùng nhau nhảy nhót kêu vang, hầm lửa được che đậy kia do thần lực của Phật liền biến thành ao nước rộng lớn, trong lành, nơi ao lại hiện hoa sen ngàn cánh, Đức Như Lai bước trên đó chậm rãi đi vào trước, các vị đại đệ tử tuần tự bước trên hoa sen trăm cánh ngay hàng tiến vào sau.

Trưởng giả Thân Nhựt lúc ấy chứng kiến các thần thông biến hóa của Như Lai mới tỉnh ngộ, thấy mình là kẻ không hiểu biết, nên hết sức lo sợ, vội vàng đầu mặt sát đất cung kính đảnh lễ Đức Phật xin sám hối, tự trách việc làm tội lỗi của mình.

Giờ ăn sắp đến, trưởng giả muốn sai kẻ hầu nhanh chóng nấu cơm thơm ngon khác để dâng cúng Đức Như Lai. Đức Phật bảo trưởng giả:

– Cứ lấy cơm đã trộn với độc dược đem lại cho Ta, chẳng cần nấu cơm khác.

Đức Phật lại bảo đại chúng, khi nhận cơm này để vào trong bát chưa được ăn liền. Đức Phật nói tiếp:

– Kẻ phàm phu nơi thế gian có ba điều độc: Một là tham dục, hai là sân hận, ba là ngu si. Như Lai hiện nay đã trải qua vô số đại kiếp diệt trừ lửa phiền não, tâm được thanh tịnh trong lành, đối với ba thứ độc đó đã hoàn toàn dứt sạch. Giả sử thuốc độc lớn như núi Tu-di, hầm lửa đào rộng như biển cả, thì đối với thân Như Lai đều chẳng thể gây tổn hại, nên cơm trộn lẫn độc dược này, do diệu lực từ sự thực hành của Phật, Pháp, Tăng khiến cho tất cả mọi độc hại đều được tiêu trừ.

Đức Phật và đại chúng cùng thọ trai, đều bình yên vô sự. Lúc này đám ngoại đạo đều lẫn trốn.

Trưởng giả Thân Nhựt quỳ gối đảnh lễ dưới chân Đức Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, con quá ngu si nghe theo đám tà sư làm điều ác này, cúi xin đức đại từ bi thương xót thọ nhận sự sám hối của con để con khỏi ưu sầu, sợ hãi.

Đức Như Lai vì trưởng giả giảng nói pháp bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Trưởng giả nghe rồi tâm được thanh tịnh, tin hiểu, chứng bậc Sơ quả, đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

Duyên Khởi 6: THỎ CHÚA XẢ THÂN CÚNG DƯỜNG PHẠM CHÍ

Bồ-tát trong thời quá khứ thường làm thỏ chúa, do các nghiệp nhân còn sót lại từ đời trước của mình, tuy thọ báo thân làm thỏ mà biết nói tiếng người. Thỏ chúa tánh ngay thẳng, thật thà, chưa từng biết dối trá, dốc chứa nhóm trí tuệ, huân tập theo từ bi, tâm không hề dấy niệm sát hại, ở trong vô lượng trăm ngàn con thỏ, do bẩm tánh hiền hòa, mực thước, nên được đứng đầu nơi đồng loại.

Thỏ chúa vì hàng thuộc hạ giảng nói kinh pháp, khuyên bầy thỏ nên để ý lắng nghe khéo suy niệm:

– Ta cùng các người từ vô thỉ kiếp đến nay, chẳng tu hạnh chân chánh, nên theo nghiệp lưu chuyển trong các đường ác. Do bốn thứ nhân là tham lam, giận dữ, si mê, kiêu mạn, nên bị đọa trong ba nẻo dữ.

Hoặc do tham lam bỏn xẻn tạo mười nghiệp ác, vì nhân duyên ấy nên bị đọa vào loài ngạ quỉ, do sự tham lam keo kiệt luôn tăng trưởng, nên cổ họng như lỗ kim, nhiều kiếp lâu dài chưa từng nghe đến tên nước uống, nếu thấy được chút cơm thì cơm kia liền biến thành lửa, da bọc lấy xương chịu các khổ bức về đói khát.

Hoặc do sân hận tạo mười điều ác, vì nhân duyên này mà phải đọa vào loài súc sinh. Hoặc làm loài thú như: cọp, tê giác, rắn độc, loài không chân, loài nhiều chân, ăn nuốt lẫn nhau. Hoặc làm thân lạc đà, trâu, bò… chịu quả báo phải chở nặng đi xa, cổ mồm đều bị lở để trả nợ đời trước của mình.

Hoặc do ngu si tạo mười điều ác, vì nhân duyên ấy mà bị đọa vào địa ngục. Do không có trí tuệ chân chánh, nên cho không có nhân quả, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, đoạn hạt giống trí tuệ, phải chịu sự trừng phạt thọ nhận vô số khổ bức nơi các địa ngục Bát hàn, Bát nhiệt, núi đao, rừng kiếm...

Hoặc do ngã mạn tạo mười điều ác, vì nhân duyên đó mà bị đọa vào loài A-tu-la, tâm thường dua nịnh, cao ngạo tự đại, xa lánh thiện tri thức, chẳng tin Tam bảo, tuy thọ nhân phước báo như chư Thiên, nhưng bị cái khổ về chiến đấu nên tay chân luôn bị tàn hại.

Ta nay lược nói sự thọ khổ ở các cõi như vậy, nếu nói đầy đủ thì trọn kiếp cũng không diễn tả hết. Lại nữa, ta cùng với các ngươi do không có mắt trí tuệ, ngu si luôn tăng tưởng, nên thọ lấy thân loài thỏ, thường chịu các khổ về đói khát, thiếu cỏ ăn nước uống. Tuy sống nơi đồng nội hay rừng sâu, luôn luôn hồi hộp lo sợ, hoặc bị tai nạn do lưới rập, hầm bẫy, hoặc bị thợ săn bắn hại. Hiện tại thọ nhận sự khổ này ta phải hết sức nhàm chán, xa lìa tai họa ấy. Mỗi người đều nên phát tâm dũng mãnh quyết tu tập mười điều lành, hướng đến việc xa lìa các nẻo ác, cầu sinh cảnh giới tốt đẹp.

Thuở ấy, thỏ chúa thường vì đồng loại diễn nói pháp quan trọng thích hợp với căn cơ của chúng như trên.

Bấy giờ, có một ngoại đạo thuộc dòng Bà-la-môn, nhàm chán thế gian nên vào núi tu tập đạo Tiên, xa lìa ái dục, không khởi tâm sân hận, uống nước trong, ăn hoa quả, thích ở chỗ vắng lặng, móng tay và râu tóc để dài, ra tướng Phạm chí. Một hôm, bỗng nghe tiếng thuyết kinh giảng pháp của thỏ chúa với bầy thỏ từ xa vọng lại, Phạm chí này tự than:

– Ta nay tuy được làm người, nhưng ngu si vô trí, không bằng thỏ chúa kia, hiểu rõ pháp thiện đem khai ngộ cho đồng loại. Thỏ chúa này nhất định là bậc đại Hiền thánh quyền biến hóa thân, hoặc là Phạm vương hay Đại tự tại... Ta nhân được nghe lời thuyết pháp của thỏ chúa ấy mà xa lìa các phiền não, thân tâm được thư thái. Nay thỏ chúa này tâm tánh nhân từ, khéo có thể tìm ra được giáo pháp của các Thánh hiền đời trước, phân biệt được lý báo ứng của thiện ác. Từ bấy lâu nay, ta nương thân nơi hang núi,

lấy cỏ làm y phục, sống bằng hoa quả để mong cầu đạo ra khỏi ba cõi, chưa gặp được lời chỉ dạy của các bậc thầy, bạn nào như vậy, nay vừa nghe được nên vui mừng vô cùng.

Lúc ấy, Tiên nhân bèn đứng dậy chắp tay, đi về chỗ ở của thỏ chúa, nói lời ôn tồn:

– Bậc Đại sĩ kỳ diệu! Phương tiện hiện thân nơi loài thỏ, vì chúng sinh giảng nói rộng pháp yếu. Ngài nay đích thật là bậc đã nắm giữ đại pháp, là kho tàng chứa tất cả chánh pháp, xin vì tôi mà mở bày chỉ rõ giảng nói pháp môn tối thượng, rốt ráo ra khỏi sự khổ nơi ba cõi. Tôi trước đây học đạo Bà-la-môn, từ lâu đã gắng nhiều sức khổ công nhưng hầu như không đem lại kết quả gì! Ví như người ngu xoi đục băng để tìm lửa thì không thể có lửa được! Nay nguyện theo nhân giả làm nơi nương tựa.

Thỏ chúa đáp:

– Này đại Bà-la-môn, pháp giải thoát ta giảng nói hôm nay, có công năng nhổ sạch tận gốc đau khổ, hợp với căn cơ của ông, sẽ thỏa đáng chỗ mong muốn của ông, ta không hề tiếc lẫn. Từ lâu ta đã trừ sạch mọi cấu nhiễm của tham lam bỏn xẻn, vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh, thích ở trong sinh tử để giáo hóa đồng loại, nên thọ lấy thân thỏ này.

Khi ấy, Tiên nhân nghe lời thỏ nói như vậy, tâm rất hoan hỷ, được điều chưa từng có, liền thưa:

– Tôi nay may mắn được gần gũi bậc Từ bi giáo hóa, mong ngài thương xót chỉ dạy, chớ từ chối việc làm nhọc sức này.

Trải qua nhiều năm gần gũi, tình thân hữu giữa vị Phạm chí và thỏ chúa càng thêm thắm thiết, cùng ăn cỏ cây, uống nước suối như thỏ không khác.

Thuở đó, dân chúng thường làm điều tà vạy, phi pháp, quen tạo tội lỗi, phước thiện suy kém nên thiện thần xa lánh, tai họa dồn dập nổi lên. Cộng nghiệp chiêu cảm nên trời đại hạn, đã mấy năm không mưa khiến cỏ cây cháy khô, nguồn suối cạn kiệt.

Bấy giờ, Bà-la-môn thầm nghĩ: "Năm nay ta đã già, lại gặp lúc thực phẩm thiếu thốn, nếu cứ ở đây mãi thì chỉ tăng thêm sự đói khát." Bèn nói với thỏ chúa:

– Tôi nay xin tạm rời chỗ này tìm đến chốn khác, may ra khỏi thấy cảnh khô hạn ở đây!

Thỏ chúa liền đáp:

– Đại tiên hiện không còn thích ở nơi này, nếu thật có điều gì xúc

phạm xin Đại tiên dung thứ, tình nghĩa mật thiết bấy lâu, nay bỗng thành xa cách!

Bà-la-môn nói:

– Cảnh u tịch này dứt được những hoạn nạn, tội lỗi, rất thích hợp với quý ngài, vì không ai xâm phạm, nhiễu hại. Chỉ riêng tôi thì không có người giúp đỡ, thiếu thốn thực phẩm. Từ lâu, nương theo Đại sĩ được hưởng pháp vị, những pháp yếu đã thọ giáo trọn đời ghi chứa trong tâm, nguyện sẽ lưu truyền rộng rãi để cứu giúp mọi chúng sinh. Tôi đã hoàn toàn không ăn uống trải qua cả tuần, sợ mạng sống không bảo đảm, uổng công tu học bấy nay.

Thỏ chúa nghe qua cảm động, nghẹn ngào, nói không thành lời:

– Chúng ta ngày nay xa nhau biết khi nào được gặp lại. Xin đại tiên nán thêm một đêm, thọ sự cúng dường đạm bạc để tỏ lòng thành kính với nhau.

Khi ấy, thỏ chúa bảo bầy thỏ:

– Đại tiên này đạo lực vững chắc, là bậc Thiện tri thức, là ruộng phước tối thượng. Các ngươi nên cùng nhau hợp sức tìm nhiều củi khô, giúp ta nấu thức ăn cúng dường bữa sáng.

Rồi thỏ chúa đến chỗ Đại tiên thưa:

– Cúi xin Đại tiên sáng sớm ngày mai, dù sao cũng nhận lời thọ thỉnh của tôi.

Đại tiên nhân lời, nhưng trong lòng luôn suy nghĩ:

– Hiện tại thỏ chúa có lẽ tìm được những gì chăng? Hoặc là được nai chết, hoặc là gặp thịt thú còn thừa, nên mới vui mừng mời ta như vậy.

Đêm ấy thỏ chúa nói với các đồng loại:

– Ngày nay Đại tiên sắp rời chúng ta ra đi, sự vô thường, biệt ly là điều luôn xảy ra ở thế gian, thọ mạng của chúng sinh như trò huyễn thuật, quả báo một khi đến thì không thể nào tránh khỏi. Vậy các ngươi phải siêng năng tinh tấn cầu đạo giải thoát, nhổ sạch gốc rễ đau khổ.

Trọn đêm hôm đó thỏ chúa không ngủ, vì chúng đồng loại thuyết giảng pháp yếu.

Tờ mờ sáng, thỏ chúa đến chỗ chất đống củi dùng lửa mồi vào, lửa từ từ rồi bốc cháy ngùn ngụt. Thỏ chúa lại bạch với Đại tiên:

– Theo lời mời của tôi hôm qua, giờ đây sắp dâng món cúng dường nhỏ mọn, đã sắm sửa đầy đủ, xin Đại tiên chịu khó thọ dụng. Vì sao vậy? Vì kẻ trí đã chứa nhóm của cải để bố thí, kẻ thọ thí phải thương tưởng thí

chủ mà thọ dụng. Ta nay nghèo cùng, làm việc bố thí rất khó, cúi xin nhân giả nạp thọ. Ta muốn khiến cho Đại tiên được vui vẻ an lạc, nên tự xả thân mình không luyến tiếc. Nguyện đem công đức này hồi hướng về khắp tất cả chúng sinh đồng chứng đạo quả Giác ngộ Vô thượng.

Thỏ chúa nói lời ấy rồi thì lao mình vào đống lửa. Lúc đó, Tiên nhân thấy việc như vậy, vội vã đến bên đống lửa quờ quạng cứu thỏ. Thân thỏ yếu đuối, chỉ trong nháy mắt thì bỏ mạng. Đại tiên cầm thân thỏ để trên đầu gối, không sao ngăn được nỗi đau buồn, than:

– Đau lòng thay! Đại sĩ đã sốt sắng hy sinh mạng mình để cứu thân người khác như thế này. Ta nay kính lễ, tôn ngài là bậc ta quy y, nguyện đời sau ta được làm đệ tử.

Phát lời thề nguyện này rồi, bèn để thi hài thỏ trên đất, đầu mặt sát đất đảnh lễ. Đại Tiên lại ôm thỏ vào lòng, lập tức cùng xác thỏ chúa nhảy vào đống lửa.

Lúc đó trời Đế Thích dùng Thiên nhãn từ xa trông thấy, liền đến nơi đống lửa, dùng các thứ vật báu xây tháp, thiết đại lễ cúng dường.

Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo:

– Vị Tiên nhân ngày ấy nay là Bồ-tát Di-lặc, còn thỏ chúa bấy giờ chính là thân Ta.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 3

Duyên Khởi 7: TÂM TỪ CỦA LONG VƯƠNG HÒA GIẢI MỐI THÙ SÁT HẠI

Bồ-tát thuở xưa vì nhân duyên sân hận, nên bị đọa vào loài rồng có ba thứ độc: Một là khí độc, hai là con mắt độc và ba là vảy độc. Lại do diệu lực từ phước báo của biệt nghiệp nên thân như một khối bảy báu, đủ các màu sắc, không cần ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mà tự thân luôn chiếu sáng. Thường cùng với vô lượng trăm ngàn rồng quyến thuộc vây quanh, biến hiện thành thân người dung mạo tuấn tú. Rồng sống nơi chốn thâm u tịch mịch, tận trong núi Tỳ-đà, nơi có nhiều rừng rậm, hoa quả sum suê, ao hồ nước trong vắt, là cảnh an nhàn thật đáng yêu thích. Long vương thường cùng các long nữ ca múa vui vầy, sống trong cảnh ấy, như thế qua vô lượng trăm ngàn vạn năm.

Bỗng nhiên một hôm nọ, có một Đại bàng cánh vàng chúa xuất hiện, bay vòng đảo liệng nơi hư không, rồi đáp xuống muốn bắt các loài rồng dùng làm thức ăn. Đương lúc chim Đại bàng bay đến, luồng gió từ hai cánh tung ra làm đổ non vỡ đá, khiến sông ngòi, suối lạch tất cả đều cạn khô. Các rồng và long nữ thấy việc như vậy, nên hết sức lo sợ, cả người run rẩy khiến bao nhiêu thứ anh lạc trang sức trên thân đều rớt xuống đất, cùng nhau than thở:

– Ngày nay gặp phải đại oan gia này, miệng nó cứng như kim cương, mổ đến vật nào thì vật đó thảy tan nát! Nay nó sắp đến ăn thịt chúng ta, chúng ta làm thế nào đương đầu được?

Lúc ấy, Long vương nghe qua, rất đỗi lo âu, phiền muộn. Nhờ đời trước Long vương đã từng gieo trồng căn lành, lại biết tư duy nên tâm không sợ sệt, nghĩ rằng: "Đại bàng cánh vàng này tuy có đủ uy lực lớn, nhưng chỉ một thân ta cũng đủ chống cự. Rồi bảo các rồng:

– Các ngươi chỉ nên theo núp sau ta thì nhất định sẽ không bị tổn hại. Nếu ta không bảo vệ được bằng hữu, quyến thuộc thì cái thân to lớn này dùng để làm gì?

Bấy giờ, Long vương đến chỗ Đại bàng cánh vàng, tâm không khiếp sợ nói với Đại bàng:

– Xin người bình tĩnh một chút để cùng ta bàn luận việc này: Người đối với thân ta thường sinh oán thù, sát hại, nhưng ta với nhân giả hoàn toàn không có ý nghĩ này. Vì nghiệp ác từ đời trước chiêu cảm, nên mới có thân to lớn này, tuy có đủ ba loại khí, mắt, vảy, đều độc, nhưng chưa từng dùng ba độc ấy làm hại kẻ khác. So về sức lực ta có thể cùng người đối địch, cũng có thể lánh xa khiến người không thể trông thấy. Nay ta sở dĩ không bỏ đi, vì có nhiều rồng nương cậy bên ta. Vì vậy ta không muốn cùng người giao chiến. Do đó, đối với người ta không hề khởi tâm oán thù.

Đại bàng cánh vàng nói:

– Ông đối với ta thật không có tâm oán thù chăng?

Long vương đáp:

– Ta tuy mang thân loài thú, nhưng hiểu rõ luật nhân quả nghiệp báo, đối với nhân ác dù nhỏ mà nhận lấy quả báo rất nặng, như bóng với hình không bao giờ rời nhau. Ta và ông đều bị đọa vào nẻo ác, đều do đời trước tạo nhân tội lỗi. Ông phải nhớ nghĩ đến giáo pháp của Đức Như Lai đã dạy: "Không thể lấy tâm oán thù để hóa giải mối thù oán, chỉ khởi tâm Từ bi, nhẫn nhục, thì oán thù mới có thể trừ diệt. Thí như đống lửa, bỏ thêm củi khô vào thì lửa càng cháy mạnh, không bao giờ dừng. Đem sân hận đáp lại sân hận lý đó như vậy".

Đại bàng cánh vàng khi nghe lời nói này, thì tâm oán thù liền dứt, tâm thiện phát sinh, lại hướng về Long vương nói:

– Nay ông đã có thể dùng diệu lực của từ bi nhẫn nhục, dứt được lòng sân hận của tôi, như múc nước suối tưới vào đống lửa, khiến tâm tôi liền được thanh tịnh, mát mẻ.

Long vương lại nói:

– Thuở xa xưa vô lượng kiếp, tôi với ông ở chỗ Đức Phật cùng thọ học giới pháp, do tâm của chúng ta không thanh tịnh, lại chẳng kiên trì, ưa cầu danh tiếng sinh ra ganh tỵ, oán ghét lẫn nhau. Vì nhân duyên đó chúng ta bị đọa vào cõi ác, ta thường tỏ bày sám hối nên nay vẫn nhớ, còn ông do che giấu nên nay quên mất. Ông nay phải nghĩ nhớ tới chánh niệm ban đầu, phát tâm Từ bi nhẫn nhục, tu tập phạm hạnh thanh tịnh.

Đại bàng cánh vàng lại nói:

– Ta từ hôm nay xin ban cho tất cả loài rồng niềm vui an ổn, khỏi phải sợ sệt.

Nói rồi liền rời Long cung, trở về chỗ ở của mình.

Long vương đem lời an ủi các rồng quyến thuộc, lại hỏi các rồng:

– Các ngươi thấy Đại bàng cánh vàng có sợ không?

Các rồng đều đáp:

– Hết sức sợ.

Long vương nói:

– Chúng sinh nơi thế gian, nếu thấy các ông thì họ sợ hãi cũng như vậy. Này các rồng, các ông quý mến thân mạng mình cùng với chúng sinh nơi thế gian quý mến thân mạng họ đều giống nhau không khác, phải xét bụng ta suy ra bụng người. Do vậy các ông phải phát tâm đại từ bi. Ta do nhân duyên tu tập từ bi nên đã khiến cho kẻ oán thù kia trở về chỗ ở của họ.

Chỗ nương tựa cho tất cả các loài chúng sinh luân chuyển trong sinh tử đều không thể vượt bỏ tâm Từ. Tâm đại Từ cũng như lương dược chữa lành bệnh nặng phiền não của chúng sinh. Tâm đại Từ cũng như ngọn đèn sáng chiếu soi xua trừ bóng tối nơi ba độc của chúng sinh. Tâm đại Từ cũng như thuyền bè đưa chúng sinh vượt qua bể khổ trong ba cõi. Tâm đại Từ như người bạn đồng hành, giúp ta vượt khỏi con đường ác sinh tử hiểm nạn. Tâm đại Từ như viên ngọc Ma-ni, làm thỏa mãn sở nguyện hợp lý của chúng sinh.

Ta do từ thuở xua xưa bỏ mất tâm Từ, bị đọa trong loài rồng này, không được giải thoát. Nếu chúng sinh nào tạo dựng được cửa từ bi, thì có thể làm phát sinh vô lượng pháp thiện, ngăn lấp tất cả bóng tối ngu si, các duyên phiền não bên ngoài cũng không vào được, thường sinh trong nhân gian hay trên cõi trời giải thoát, an lạc.

Các rồng quyến thuộc nghe lời này rồi, đều từ bỏ sân hận, phát khởi tâm Từ. Long vương thấy chúng đồng loại nghe lời giáo hóa của mình, nên vui mừng nói:

– Hay thay! Việc làm của ta ngày nay đã hoàn tất, đã khiến cho các ông trừ được vô lượng độc ác, đem tất cả pháp lành, thanh tịnh rải khắp nơi đây. Lại vì các ông, ta sẽ nói pháp Bát quan trai thanh tịnh cần phải vâng giữ.

Chúng sinh nơi cõi Diêm-phù-đề dùng nước của tám giới này rửa sạch thân tâm khiến được thanh tịnh, đoạn trừ vô lượng cấu uế của tham, sân, si. Tám giới này là hành trang trên con đường đi tới cõi trời, người. Nếu ai giữ được tám giới pháp bát quan trai, phải biết người ấy không mặc

y phục sang trọng mà đã có đầy đủ áo hổ thẹn. Nên biết người này không có tường thành mà có thể chống ngăn được giặc thù sáu căn. Nên biết người ấy tuy không phải là dòng dõi quý tộc mà đã ở trong tộc họ Hiền thánh. Nên biết người này tuy không có chuỗi báu anh lạc mà đã có đầy đủ pháp lành trang nghiêm nơi thân. Nên biết người ấy tuy không có châu báu mà đã tích tập đủ bảy thứ pháp tài của cõi trời, người. Nên biết người này không nhờ vào cầu cống mà đã vượt qua được con đường nguy hiểm. Công đức của việc thọ trì tám giới là như vậy.

Khi ấy, các rồng đồng thưa Long vương:

– Ngày nay chúng tôi muốn được nghe tám giới để siêng năng tu tập...

Long vương nói:

– Tám giới đó, một là không được sát sinh, hai là không được trộm cướp, ba là không được tà dâm, bốn là không được nói dối, năm là không được uống rượu, sáu là không được ăn sau giờ ngọ, bảy là không được nằm giường cao rộng lớn, tám là không được trang điểm phấn son, ca múa ca nhạc theo thế tục. Đó là tám giới pháp quan trai thanh tịnh. Cốt yếu phải xa lánh nơi ồn ào, ở chỗ thanh vắng, tâm ý chuyên chú theo đúng như lý mà giữ gìn.

Các rồng cùng thưa:

– Như đám chúng tôi chỉ xa đại vương một thời gian ngắn, tâm không được an ổn, nhờ nương nơi uy thần của đại vương mà không bị phiền não, trong tất cả các thời lúc nào cũng được an ổn.

Chúng lại hỏi:

– Công đức diệu lực của Phật pháp, ở chỗ nào chẳng được, cần gì phải tìm nơi thanh vắng?

Long vương bảo các rồng:

– Không thấy cảnh dục thì tâm niệm không khởi, vì tập quán duyên vào đối tượng mà phát khởi, ví như đất ướt thì dễ thành bùn. Nếu ở chỗ thanh vắng, thì tâm nhiễm không động.

Lúc ấy, Long vương đem bằng hữu quyến thuộc đến ở nơi khu rừng thâm u, rộng rãi trong núi. Xa lìa tâm tham dục sân hận, thường lấy từ bi nhẫn nhục để tự tu thân, giữ gìn trai giới, trải qua nhiều ngày hạn chế ăn uống, nên thân gầy ốm sinh ra mỏi mệt.

Vào một hôm nọ có đám người ác tìm đến tại chỗ ở của các rồng, Long vương nghe được tiếng người liền tỉnh ngộ. Đám người ác này thấy Long vương thân hình như vậy nên rất đỗi kinh ngạc, nói với nhau: Khối

báu gì đây từ dưới đất trồi lên chăng?

Long vương tự nghĩ thầm: "Nếu để đám người này thấy nguyên hình của ta tức thời sợ hãi đến chết, thế là ta phạm giới sát hiện đang tu tập thọ trì. Những người ác này hôm nay đến đây, chắc chắn là tham muốn nơi ở thân ta, họ sẽ giết ta."

Các người ác lại cùng nhau bàn luận:

– Chúng ta vào trong núi trải qua nhiều năm, chưa từng thấy hình tượng như thế này, các màu sắc xen nhau, ánh sáng chói lòa cả mắt. Nếu được lớp da bên ngoài dâng lên nhà vua thì chắc chắn sẽ được trọng thưởng, không gì sung sướng bằng. Tức thì cả đám dùng dao bén mổ thân Long vương nhằm lột lấy lớp da.

Bấy giờ Long vương do sức của tâm Từ bi, nhẫn nhục, nên không dấy chút oán hận, lại cũng mất hết đau đớn, đối với đám người này Long vương chỉ khởi tâm thọ nhận nên ba độc đều tiêu diệt. Tâm tự an ủi là chẳng nên lẫn tiếc, dù cho kẻ thù đến giết ta, ta cũng không bỏ đi. Huống chi hôm nay những người này thấy thân ta nên khởi tâm tham tiền thưởng nơi nhà vua mà giết ta, ta thà chịu chết chứ không hại lại họ, chẳng khiến những kẻ ấy thân hiện tại phải chịu khổ. Các người ác lúc đó như càng phấn khích, sức lực thêm mạnh mẻ, cầm dao bén cắt tấm da mang đi.

Sau đó Long vương tự suy nghĩ: "Giả sử có người vô tội bị kẻ khác phanh thây, đã nhẫn nhục chịu đựng không sinh tâm báo thù, không dấy tâm oán giận, thì nên biết người này là bậc Đại sĩ. Nếu đối với cha mẹ, anh em, vợ con có thể im lặng nhận chịu, trường hợp này chưa đủ là quý. Như đối với kẻ oán thù giết hại mình, mà tâm không khởi niệm báo thù, chỉ im lặng chịu đựng, trường hợp này mới là rất khó. Nhưng ta nay tu hạnh lợi tha nên im lặng chịu đựng. Ta nghĩ từ vô số kiếp sinh tử cho đến giờ, đã biết bao lần xả bỏ thân mạng một cách uổng phí, chưa từng lần nào bố thí riêng biệt cho một người. Nguyện đời sau sẽ bố thí cho đám người này vô lượng pháp tài, để nguyện ta được viên mãn."

Lúc ấy Long vương đã bị lột da rồi, khắp mình máu túa đầy đau nhức vô cùng, không thể kìm chế được nên cả thân run rẩy, lại có vô số loài sâu trùng nghe mùi máu liền tìm đến rúc rỉa. Long vương lại nói:

– Những loại sâu trùng này ngày nay ăn thịt ta, nguyện đời sau sẽ bố thí pháp thực cho chúng.

Bấy giờ, các rồng quyến thuộc thấy thân của Long vương chịu sự đau khổ như vậy, thảy đều buồn bã áo não. Long vương phát nguyện:

– Nếu vào đời vị lai ta sẽ thành Phật thì khiến thân ta tức khắc bình

phục như cũ.

Phát nguyện xong thì thân tự nhiên trở lại như trước. Các rồng quyến thuộc đều hết sức vui mừng.

Đây là việc làm của Bồ-tát ở trong cõi ác, dùng diệu lực nơi từ bi nhẫn nhục, kiên trì tịnh giới, chịu khổ như vậy.

Duyên Khởi 8: VUA TỪ LỰC CHÍCH MÁU THÂN MÌNH BỐ THÍ CHO NĂM QUỶ DẠ-XOA

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an cư kiết hạ tại tinh xá Kỳ hoàn, thuộc nước Xá-vệ. Sau giờ ngọ trai xong, Tôn giả A-nan-đà thâu cất bát của Phật, rồi cùng các Tỳ-kheo vào trong rừng đi kinh hành. Xong, lại theo thứ lớp an tọa và cùng nhau đàm đạo:

– Ngày nay Đức Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời là điều rất đặc biệt, là sự hy hữu bậc nhất, đối với chúng sinh đã tạo nhiều lợi ích. Nay, năm vị Đại Tỳ-kheo như Kiều-trần-như… là bậc Thượng thủ, sau khi Đức Phật thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, các vị ấy là người gặp Phật đầu tiên. Vậy các vị ấy vốn đã gieo căn lành gì? Có nhân duyên gì mà khi Đức Phật chuyển pháp luân nơi vườn Lộc dã liền được chứng ngộ, mới đánh trống pháp mà các vị ấy đã nghe trước, Địa thần từ dưới đất vọt lên báo tin cho các thần Hư không, cho đến chư Thiên đều chứng kiến và nói: "Kiều-trần-như đã hiểu rõ Phật pháp"?

Thảo luận như vậy rồi liền rời chỗ ngồi trở về tinh xá, đem mọi sự như trên bạch lên Đức Phật.

Khi ấy Đức Như Lai nói với Tôn giả A-nan:

– Điều ông ấy hỏi không phải là không có nhân duyên. Từ thời xa xưa Như Lai đã từng thương xót các vị ấy, từng chích máu nơi thân mình giúp họ trừ đói khát, cứu mạng sống khiến được an lạc. Do nhân duyên đó, nên trong đời này họ theo Ta nghe pháp trước tiên và được tỏ ngộ.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

– Mong Đức Thế Tôn đem việc này khai thị cho những người chưa được nghe, khiến cho tất cả chúng hội tâm đều được thư thái.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vào thuở xa xưa, cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tại cõi Diêm-phù-đề này có một quốc vương tên Từ Lực, là người phước đức, trí tuệ gồm đủ, danh tiếng đồn khắp, tướng mạo đoan nghiêm, oai thần không ai sánh

kịp, có hai vạn quần thần giúp việc trị quốc, thống lãnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, hậu phi quyến thuộc có đến mười ngàn… Vua Từ Lực đã được gặp chư Phật từ đời trước, vốn đã vun trồng các căn lành, thích tu hạnh từ bi, nhân từ, khoan dung, hòa nhã. Đối với chúng sinh nhà vua luôn đem lại mọi sự an lạc, lại khởi tâm Bi giúp đỡ kẻ nghèo khó, hễ có chúng sinh nào đau khổ đều được vua cứu độ. Nhà vua lại sinh tâm hoan hỷ, tôn kính các bậc Hiền thánh, thường dùng lời thân thiện khiến mọi người nghe đều được vui vẻ. Lại khởi tâm xả bỏ không sinh thương ghét, đối với của cải hay thân mạng không hề keo kiệt, đem tâm bình đẳng đối với chúng sinh xem như con mình. Nhà vua thực hành bốn pháp bình đẳng như vậy, ở trong nhiều kiếp chưa từng biếng trễ thoái chuyển.

Nhà vua lại đem mười điều lành giáo hóa quần thần dân chúng, ai nấy cũng đều vâng lệnh giữ gìn sự thanh tịnh, nên quốc gia an ổn, muôn dân hưởng cảnh thái bình.

Đối với loài quỷ gây tật bệnh và quỷ Dạ-xoa thường ăn uống máu, gây khổ não cho dân chúng, giờ đây mọi người đều tu mười điều lành, ba nghiệp thân ngữ ý được thanh tịnh, các tai họa đều tiêu trừ, chư Thiên, Thiện thần thường hộ trì, dầu có tà mị, ác quỷ và các hung thần ôm lòng làm tổn hại muôn dân đều không có cơ hội thuận tiện. Lúc ấy, có năm quỷ Dạ-xoa đến vương cung đồng tâu:

– Chúng tôi đều nhờ khí huyết nơi muôn dân để nuôi thân mạng. Do nhà vua chỉ dạy dân chúng tất cả đều tu theo mười điều lành, lũ chúng tôi từ đó đến nay không có thức ăn uống, đói khát khốn khổ, thật vô phương sinh sống. Đức từ bi của đại vương là cứu giúp tất cả khổ của chúng sinh, riêng phần chúng tôi, ngài chẳng ban ân huệ gì cả.

Nhà vua nghe lời nói ấy thì hết sức thương xót đám Dạ-xoa kia, liền tự thầm nghĩ: "Đám Dạ-xoa chỉ uống máu người để sống, làm thế nào để thỏa mãn chỗ mong muốn của chúng? Chỉ phải hy sinh thân ta thì mới cứu được mạng sống của họ mà thôi".

Rồi nhà vua bèn chích năm chỗ nơi thân mình, máu từ đó phun ra, năm quỷ Dạ-xoa liền đem vật dụng đến hứng uống. Quỷ Dạ-xoa đã được no nê nên rất vui vẻ. Đại vương nói với chúng:

– Ta đã dùng máu nơi thân mình để cứu mạng sống cho các ngươi, nếu được no nê rồi, ta không đòi hỏi điều gì, chỉ mong các ngươi tu tập mười điều lành, đó là báo ân ta, nguyện vào đời vị lai, khi ta thành Phật, đầu tiên thuyết pháp sẽ độ các ngươi trước, dùng vị cam lộ trừ sạch ba độc cùng diệt các thứ đói khát là dục vọng khiến các ngươi được thanh tịnh.

Đức Phật bảo A-nan:

– Vua Từ Lực thuở xưa đâu phải người nào khác, chính là thân Ta. Năm quỷ Dạ-xoa lúc đó, nay là năm Tỳ-kheo nhóm ông Kiều-trần-như trong chúng hội này. Do diệu lực từ bản nguyện của Ta thời trước, nay Ta thành Phật, chuyển pháp luân đầu tiên nơi vườn Nai, năm Tỳ-kheo nhóm ông Kiều-trần-như là người trước tiên tỏ ngộ chánh pháp, dứt sạch cội gốc các khổ, chứng quả A-la-hán. Từ đó mới bắt đầu có đủ Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng xuất hiện ở đời.

Đại chúng nghe lời Phật dạy, thảy đều vui mừng, lễ Phật và lui ra về.

Duyên Khởi 9: NÊU RÕ DIỆU LỰC CỦA SỰ BỐ THÍ ÍT

Đức Phật hiện trú tại tinh xá Kỳ hoàn, thuộc khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, trong nước có một thương chủ cùng với năm trăm thương khách, muốn chèo thuyền lớn vào biển cả để tìm châu báu. Lúc đó, thương chủ phát tín tâm thanh tịnh, nhằm thiết trai cúng dường Đức Phật và chư Tăng để cầu phước gia hộ, nên đến chỗ Đức Phật chí thành thưa thỉnh. Đức Như Lai biết trước nên im lặng nhận lời.

Vào buổi sáng, tại nhà mình, thương chủ dâng các món ăn đều là loại thượng vị, để tỏ lòng thành kính cúng dường. Đức Phật thọ trai xong, trải tòa ngồi, vì thương chủ thuyết pháp, tán dương công đức của hạnh bố thí, chỗ cảm ứng như ý nguyện, ruộng tâm đầy đủ sự thù thắng nên gieo nhân ít mà đạt kết quả nhiều. Thương chủ nghe pháp, tâm được tỏ ngộ, lễ Phật, đi nhiễu quanh bên phải rồi lui ra đứng một bên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vì thương chủ nên giảng nói:

– Muốn vào biển cả, ở đó luôn có nhiều nguy hiểm đại nạn, nên trước hết ông phải quy y và chuyên niệm Tam bảo, thọ trì năm giới làm người Ưu-bà-tắc thì điều mong cầu mới được toại nguyện, đi tới nơi về đến chốn an ổn.

Thương chủ nghe Đức Phật thuyết pháp, ân cần lễ Phật, xin thọ năm giới.

Đức Phật bảo:

– Phải khéo suy nghĩ, lắng nghe ghi nhớ! Năm giới là:

1. Không được giết hại sinh mạng.

2. Không được trộm cắp.

3. Không được tà dâm.

4. Không được nói dối.

5. Không được uống rượu.

Ông phải giữ lấy năm điều này, trọn đời không được hủy phạm. Được như vậy gọi là người Ưu-bà-tắc.

Do thương chủ này đã vun trồng cội phước đức từ trước, nên thông minh, trí tuệ sáng suốt, biết được sóng gió thời tiết tốt xấu, nên các khách buôn mời làm người hướng đạo, được mọi người quý trọng tôn xưng là Hiền giả. Mọi người sắm đầy đủ lửa củi, lương thực, chọn ngày lành tập trung các thương khách đồng đi vào biển cả.

Ra đi được vài ngày thì phong ba nổi dậy, thần biển biến hiện thành một Dạ-xoa, hình dạng xấu xí, hung dữ, da đen sậm, răng nhọn hoắc nhô ra ngoài miệng, trên đầu mỗi răng đều bốc lửa, từ dưới sóng vọt lên, kéo thuyền không cho chạy, hỏi các khách buôn:

– Người trong thế gian đã từng thấy ai đáng sợ hơn ta?

Lúc ấy, Hiền giả thấy hình dạng quái lạ, nhưng chỉ nhất tâm niệm Tam bảo, nhờ Phật lực gia hộ, nên không sợ sệt, bèn lớn tiếng đáp lại:

– Ta đã từng thấy kẻ cực ác hơn ông gấp bội.

Thần biển hỏi:

– Ai vậy?

Hiền giả đáp:

– Ở đời có kẻ ngu si thường làm những điều bất thiện, tạo tác mười điều ác, chìm đắm trong tà kiến, sau khi chết bị đọa vào địa ngục chịu vạn thứ đau khổ, ngục tốt La-sát nắm lấy các tội nhân ấy trị phạt đủ các thứ: Hoặc lóc da, hoặc cắt thịt, hoặc giã, hoặc xay, hoặc chẻ thân tội nhân làm thành trăm ngàn phần, hoặc bắt trèo lên núi đao rừng kiếm, hoặc ở trên xe lửa cháy đốt nướng. Hoặc ở trên băng lạnh, hoặc ở chỗ đại tiểu tiện... Khổ sở như vậy trải qua trăm ngàn kiếp, điều đó mới đáng sợ hơn ông.

Thần biển bèn im lặng ẩn thân mà đi.

Thuyền từ từ tiến về phía trước được vài ngày, thần biển lại hiện thân thành người hết sức ốm yếu, da bọc lấy xương, hơi thở khò khè, cấp bách, bám vào mạn thuyền, hỏi thương chủ:

– Ông đã từng thấy ai trên thế gian ốm yếu, tiều tụy như ta chăng?

Hiền giả đáp:

– Lại có kẻ khô gầy tiều tụy quá hơn ông.

Thần biển hỏi:

– Ai vậy?

Hiền-giả đáp:

– Có người ngu si, tâm tánh xấu ác, bỏn xẻn, tham lam ganh ghét không biết bố thí, sau khi chết bị đọa vào loài ngạ quỉ, đầu như Thái sơn, cổ như cây kim, đầu tóc dựng ngược bờm xờm, hình dáng cháy đen, trải qua nhiều kiếp lâu dài chưa từng nghe đến danh từ cơm ăn, nước uống. Ốm yếu như thế còn hơn ông nhiều.

Thần biển nghe vậy bèn bỏ thuyền, ẩn thân mất.

Thuyền lại từ từ rẽ sóng tiến lên. Qua được vài ngày, thần biển lại hiện làm một nam nhi, tuổi tác còn niên thiếu, dung mạo hết sức đoan nghiêm, từ dưới nước vọt lên, kéo thuyền, hỏi thương chủ:

– Người từng thấy ai tuổi trẻ sức lực hơn ta không?

Hiền giả đáp:

– So với dung mạo của ông, thì có người tươi đẹp hơn ông trăm vạn lần.

Thần hỏi:

– Ai vậy?

Hiền giả đáp:

– Thế gian có người trí, vâng giữ mười điều lành, ba nghiệp thân ngữ ý luôn được thanh tịnh, hết lòng tin Tam bảo, tùy thời cúng dường. Người này mạng chung sinh lên cõi trời, hình dung đẹp đẽ, trong thế gian không ai sánh bằng. Đem hình dạng của ông so với người ấy, khác nào đem loài khỉ cái mù lòa so với tiên nữ.

Thần biển nghe nói như vậy, lấy làm hổ thẹn, im lặng và thầm nghĩ: "Nay thương chủ này tri thức quảng bác, thông hiểu mọi việc, khéo giảng nói luật nhân quả, báo ứng một cách rõ ràng, nay ta đem một việc rất gần thử hỏi xem sao." Thần biển liền dùng bàn tay phải vớt một vốc nước, lại hỏi thương chủ:

– Nước trong tay ta nhiều hay nước trong biển cả nhiều?

Hiền giả đáp:

– Nước trong tay ông nhiều, nước trong biển cả ít.

Thần biển gạn hỏi:

– Việc rõ ràng trước mắt, lời nói của ông hôm nay thật khó tin.

Hiền giả đáp:

– Lời nói này là chân thật, quyết định không sai lầm, chỗ hiểu biết

của thế gian không thể lãnh hội được.

Thần biển hỏi:

– Lấy gì chứng minh điều đó?

Hiền giả đáp:

– Nước biển tuy nhiều nhưng có ngày cũng phải khô cạn. Khi thế giới đến thời kỳ hoại diệt, thì cõi Tam thiên đại thiên đều hoại, núi Tu-di, biển cả đều tan vỡ, tiêu diệt không trừ một vật gì. Do đấy nên biết nước biển phải khô cạn. Nếu lại có người đem một vốc nước cúng dường chư Phật, hoặc bố thí cho chúng sinh, hay để phụng dưỡng cha mẹ, hoặc cho kẻ ăn xin, cho đến các loài cầm thú, chính do diệu lực của việc làm lành tuy ít oi này, trải qua số kiếp như vi trần, hưởng phước không cùng tận. Do đây ta biết: Nước nơi biển ít mà vốc nước trong tay lại nhiều.

Lúc ấy, thần biển tâm rất hoan hỷ, liền đem các loại ngọc ngà châu báu quý giá tặng cho Hiền giả, cùng gửi các thứ châu ngọc quý dâng cúng Phật và Tăng.

Bấy giờ, các khách buôn đều trở về đất liền, cùng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, đem vật báu của thần biển gửi dâng cúng dường Phật, lại đem số châu ngọc đã tặng cho mình bày trước Đức Phật, quỳ mọp, chắp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con được may mắn là nhờ đức từ bi của Như Lai từ xa gia hộ, nên khi vào biển thoát khỏi tai nạn, được của báu trở về quê nhà, tất cả đều mang ân Đức Phật. Hôm nay chúng con nguyện làm đệ tử xuất gia.

Đức Phật nói: "Thiện lai", các khách buôn kia liền có đủ tướng Tỳ-kheo, tất cả đều dứt hết các thứ kết sử, chứng A-la-hán.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 4

Duyên Khởi 10: NHƯ LAI ĐẦY ĐỦ TRÍ TUỆ KHÔNG GÁNH VIỆC TỐT NGƯỜI KHÁC

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng chúng đệ tử đại Tỳ-kheo, trên đường du hóa dừng chân tại đại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Như Lai từ tòa ngồi đứng dậy, tản bộ trong hư không, hiện những việc chưa từng có: Dưới chân hiển bày tướng bánh xe một ngàn tăm, khoảng giữa các tăm phóng ra tám vạn bốn ngàn hoa sen báu, mỗi hoa sen xuất hiện tám vạn bốn ngàn nhụy sen và cánh sen vi diệu. Các hoa sen này thứ tự rải khắp trong mười phương thế giới, trên hoa sen đều có vô lượng chư Phật hết sức nhiệm mầu, dưới chân mỗi vị Phật đều hiển bày tướng tốt đường chỉ bánh xe ngàn tăm.

Trong chúng hội lúc ấy vua Tịnh Phạn trông thấy sự việc như vậy, tâm rất hoan hỷ, hướng về Đức Phật đảnh lễ, năm vóc sát đất, liền chứng được quả A-na-hàm.

Tất cả đại chúng thấy thần thông biến hóa của Đức Như Lai, thảy đều chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con hôm nay được thấy vô số chư Phật khắp mười phương, xem xét tận tường mà không thể hiểu rõ thế nào là Chân Phật? Thế nào là Hóa Phật?

Lúc đó Đức Thích-Ca Như Lai rủ lòng đại bi thương xót khắp chúng hội, liền bảo:

– Chư Phật Như Lai đã nhập vào Tam-muội không tịch xứ giải thoát, tùy ý tự tại. Nhưng hình tướng của Chân Phật hay của Hóa Phật là do tâm của các vị tự thấy đó thôi.

Vì sao? Vì tâm Phật xưa nay là như nhiên rỗng lặng. Lại nương theo pháp định Giải thoát quang minh vương, do diệu lực của Định này mà hóa thành vô biên thân. Vô biên thân là Nhất thiết trí. Nhất thiết trí là định Vô trước. Định Vô trước chính là diệu dụng của Như Lai: Hoặc Như Lai hiện thân đi khất thực, hoặc hiện thân đi kinh hành. Vì hai việc này đem lại lợi ích rất nhiều cho chúng sinh:

Hoặc có thiện nam, thiện nữ khi Phật tại thế, được trông thấy tướng tốt là bánh xe một ngàn tăm bên dưới bàn chân Phật, chí tâm thành kính đảnh lễ, cúng dường, tán thán. Do công đức này họ diệt được nghiệp ác rất nặng trong ngàn kiếp.

Hoặc sau khi Phật diệt độ, bốn bộ chúng an trụ trong thiền định, tưởng nghĩ đến Đức Phật đang tản bộ, sinh tâm cung kính, cúng dường. Cũng do công đức đó mà tội chướng trong ngàn kiếp đều được tiêu trừ.

Ví dù không ở trong thiền định để tưởng niệm, thì hoặc chiêm bái các Phật tích, hay dùng xe hoa rước tượng Phật, đem tâm hoan hỷ tùy sức cúng dường thì chỗ phước báo đạt được chẳng thể cùng tận.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Như Lai từ thời xa xưa, trải qua vô số kiếp đến giờ luôn đem tín tâm thanh tịnh cung kính đối với tất cả. Thấy chỗ tu tập diệu hạnh thù thắng kia thì luôn sinh tâm tùy hỷ, xưng tán, mong muốn khiến được tăng trưởng tốt đẹp. Cho đến dù là một hào ly phước đức nhỏ nhặt, chưa từng dấy tâm ganh tỵ đối với điều thiện của kẻ khác. Do công đức này, ngày nay Ta được phước báo thù thắng.

Lại nữa A-nan, sau khi Ta diệt độ, các đệ tử muốn tạo tượng Phật, phải tạo thật đầy đủ các tướng tốt, cho đến vẽ các đường chỉ trong hình bánh xe ngàn tăm nơi lòng bàn chân và chư Hóa Phật hiện ra chung quanh trong hào quang nơi thân Phật, khiến cho tất cả chúng sinh đời vị lai chiêm ngưỡng tướng hảo của Phật, sẽ được nhiều điều tốt đẹp như ý, những tội nặng chứa nhóm từ lâu đều được tiêu diệt.

Này các Tỳ-kheo, phải siêng năng suy nghĩ đúng chân như ý mà thực hành.

Đức Phật nói lời ấy rồi lại trở về bổn tòa.

Khi đó, vua Tịnh Phạn liền rời chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay Đức Phật xuất hiện ở đời tạo được thuận lợi gì để có thể khiến chúng sinh đạt được an lạc?

Đức Như Lai ôn tồn nói với phụ vương:

– Trưởng giả Tu-đạt người thành Xá-vệ trong nhà có một bà già tên Tỳ-đê-la siêng năng giữ gìn gia nghiệp, nên luôn được Tu-đạt tin dùng, ủy thác các việc thu chi, thọ nhận hay cho ai vật gì.

Một hôm, trưởng giả thỉnh Phật và chư Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Trong đại chúng có một Tỳ-kheo bị bệnh nên đòi hỏi nhiều việc. Bà già bỏn xẻn tiếc của, sinh giận dữ, ý chẳng muốn cung cấp, nên nói:

– Đại trưởng giả nhà ta bị tà thuật của Sa-môn, các người khất thực đó đòi hỏi quá nhiều không biết nhàm chán, lại có đạo như thế sao?

Rồi bà ta lại buông lời độc ác:

– Không biết khi nào thì khỏi phải nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, khỏi phải thấy đám người đầu tròn mặc áo hoại sắc?

Tiếng ác này từ một người nghe được rồi lan rộng khắp thành Xá-vệ. Lời hủy báng này lần lần lọt vào tai vương hậu Mạt-lợi phu nhân, khiến phu nhân hết sức buồn bã than:

– Tại sao Tu-đạt đối lòng nhân từ ban ân khắp mọi nơi, như hoa sen đẹp ai cũng ưa thích xem, ngược lại có người giữ của khác nào loài rắn độc!

Phu nhân nói lời này rồi ra lệnh:

– Nói với trưởng giả cho vợ ông đến đây, ta muốn nói chuyện.

Khi vợ trưởng giả đến, Mạt-lợi phu nhân bảo ngồi, rồi nói với bà ta:

– Lão già nô tỳ nhà bà thường dùng lời nói xấu ác hủy báng Tam bảo, thậm chí còn là nguyện không muốn nghe đến tên ba ngôi báu nữa. Sao bà không đuổi nó đi? Ôi tội ấy không gì nặng hơn!

Vợ trưởng giả Tu-đạt tâu với phu nhân:

– Mặt trời Phật xuất hiện trong thế gian soi chiếu phá tan bóng tối ngu si, rất nhiều nơi được thấm nhuần tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Như Ương-quật-ma-la là kẻ đại ác, giết hại đến cả ngàn người lấy ngón tay làm chuỗi, mà Đức Phật còn điều phục được, khiến ông ta phát đạo tâm, huống chi là mụ già nô tỳ này, không đủ để cho phu nhân nhọc sức quan tâm.

Phu nhân nghe nói tâu hết thì sức vui mừng và nói:

– Ta sẽ cho trang hoàng nơi cung vua thật trang nghiêm, ngày mai thỉnh Đức Phật và các vị Tỳ-kheo đến cúng dường, người cho mụ già ấy đến đây ta xem thử thế nào.

Sáng ngày hôm sau, trưởng giả Cấp Cô Độc lấy một chiếc bình đẹp đựng đầy ngọc Ma-ni và các thứ ngọc quý khác, sai bà quản gia đem dâng lên nhà vua, phụ vào lễ cúng dường.

Mạt-lợi phu nhân từ xa thấy người tỳ nữ già đến, phu nhân thầm cầu nguyện cho kẻ tà kiến này sẽ nhờ Đức Phật hóa độ. Nếu thấy người này được Đức Phật hóa độ, thì mình quyết được pháp lợi rất lớn.

Vừa đến hoàng cung, Đức Phật đi vào cửa giữa, Tôn giả Nan-đà hầu bên trái, Tôn giả A-nan hầu bên phải, còn La-hầu-la thì theo sau Đức Phật.

Bà già trông thấy Đức Phật và chư Tăng tiến vào, thì hoảng sợ kinh hãi dựng cả chân lông, liền muốn tìm nẻo chạy trốn nhưng không được,

đành núp sau cánh cửa. Đức Phật hiện trước mặt bà, khiến cánh cửa trong suốt như gương, bà bèn xoay về hướng Đông, thì thấy Đức Phật ở hướng ấy, cho đến xoay mặt khắp các hướng: Nam, Tây, Bắc, bốn góc và trên dưới đâu đâu cũng đều thấy có Đức Phật. Bà lại dùng tay che mặt, thì ở giữa kẽ nơi mười ngón tay đều thấy có Hóa Phật hiện. Bà ta lại nhắm mắt, nhưng khi mở mắt ra thì cũng lại thấy khắp mười phương thế giới đều có Hóa Phật.

Khi Đức Thích-ca Như Lai thị hiện Hóa Phật thì trong thành Xá-vệ có hai mươi lăm người đàn bà thuộc dòng Chiên-đà-la, năm mươi người đàn bà tà kiến thuộc chủng tộc Bà-la-môn và năm trăm người đàn bà thuộc các chủng tộc khác, tất cả những người đó trước nay đều tin theo tà giáo không tin Phật pháp. Nhưng hôm nay thấy Đức Như Lai vì bà quản gia kia đã hiện ra vô số Hóa Phật đi trên hư không, tâm họ đều hoan hỷ, màn lưới tà kiến dày đặc bấy lâu đã bị phá vỡ nên đều cung kính, đầu mặt đảnh lễ nơi chân Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng Phạm âm hỏi những người đàn bà kia:

– Nay các người gọi Ta bằng danh hiệu gì?

Mọi người đáp:

– Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật.

Đức Phật nói:

– Do các người xưng danh hiệu, chiêm ngưỡng tướng hảo của Như Lai nên sẽ thoát khỏi các tội nơi sinh tử trong tám mươi ức kiếp, cùng khiến phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, bà quản gia kia, sau khi vừa thấy Đức Phật, liền vụt chạy về nhà, bảo với mọi người:

– Ta nay vừa gặp phải điều xấu ác! Sa-môn Cù-đàm ở tại cửa cung nhà vua, trước mặt nhiều người đã hiện bày các yêu thuật, thân như núi vàng ròng, mắt đẹp như búp sen xanh, có trăm ức hào quang, không thể diễn tả hết mọi vẻ, sự thiện xảo của Sa-môn trong thế gian này không ai sánh bằng. Các người trẻ tuổi không nên thấy đó lấy làm thích thú.

Nói rồi, bà già bèn chui vào thùng gỗ, lấy nhiều tấm da bò phủ lên bên ngoài, lánh thân nằm núp trong bóng tối.

Khi Đức Thế Tôn sắp trở về tinh xá, Mạt-lợi phu nhân liền đến trước Đức Phật bạch:

– Xin Đức Thế Tôn bỏ ít thời gian, phóng ánh từ quang nhiếp hóa bà lão ấy.

Đức Phật nói:

– Gốc tội lỗi của bà lão ấy quá sâu nặng, vả lại không có duyên với Ta. Bà ấy cùng với La-hầu-la đã nhiều kiếp kết giao bạn bè. Ngày nay Như Lai vì bà ta, hóa hiện đi trên hư không, là nhằm để diệt trừ tội chướng trong nhiều kiếp.

Rồi Đức Phật trở về Kỳ-viên bảo La-hầu-la:

– Tôn giả hãy đến nhà cư sĩ Tu-đạt hóa độ bà lão quản gia ấy.

Một ngàn hai trăm vị đại đệ tử nghe lời Đức Phật dạy, đều tùy hỷ, nguyện cùng đi với La-hầu-la.

Lúc ấy, Tôn giả La-hầu-la nương theo uy thần của Đức Phật, nhập pháp định Như ý, lễ Phật và nhiễu quanh chỗ Phật bảy vòng, rồi liền biến thành Chuyển luân thánh vương, một ngàn vị Tỳ-kheo biến thành một ngàn người con của vua Chuyển luân, bảy thứ báu, bốn binh chủng thảy đều đầy đủ. Chuyển luân thánh vương ngồi nơi đài sen báu đặt trên bánh xe bằng vàng đi đến nhà Tu-đạt trụ trên hư không. Thần Dạ-xoa giữ vườn nhà Tu-đạt trông thấy bèn to tiếng xướng lên:

– Thánh vương xuất thế, xua đuổi các người ác, xiển dương pháp lành.

Bà già kia nghe lời ấy thì rất đỗi vui mừng, thầm nghĩ:

– Thánh vương xuất hiện còn hơn chỗ mong cầu của ta, giống như có được ngọc báu Như ý, không một sở nguyện nào là chẳng toại, nguyện ta hôm nay nhất định sẽ thành.

Bấy giờ, Thánh vương ngự trên chiếc xe báu, gióng chuông đánh trống, rồi hạ xuống nhà trưởng giả. Bà già nghe vậy bèn từ thùng gỗ chui ra, đầu mặt sát đất đảnh lễ Thánh vương, tán dương công đức:

– Nay gặp Thánh vương, xin đem pháp thiện nhiếp hóa muôn dân, quyết chẳng phải như sự mê hoặc của Sa-môn.

Thánh vương sai quan Chủ kho báu đến nói với bà già:

– Này cô em, người có phước đức từ đời trước nên được nhà vua yêu chuộng, nay muốn tuyển vào làm Ngọc nữ báu, là một thứ báu của Thánh vương.

Bà già đáp:

– Thân con thấp hèn, bần tiện, bỗng nhiên được Thánh vương quan tâm, lòng thật vui sướng vô cùng, nhưng làm sao con có khả năng làm Ngọc nữ là báu vật của nhà vua?

Lúc ấy, Thánh vương bảo cư sĩ Tu-đạt:

– Bà già quản gia của nhà khanh có đủ các tướng, ta nay muốn sung vào làm ngọc nữ, là một trong bảy thứ báu của nhà vua.

Trưởng giả đáp:

– Dạ vâng, tôi xin bảo người ấy tuân lệnh.

Bà già nghe trưởng giả nói, lòng vui sướng không thôi.

Thánh vương đem châu báu cho bà ta soi mặt, bà thấy dung mạo đoan chánh như điều mình từng mơ ước, chỉ càng thêm hổ thẹn về sự may mắn của mình. Rồi bà thầm nghĩ: "Đám Sa-môn tự cho là có đạo đức, nói lời thương xót suông, hoàn toàn không có hiệu nghiệm. Nay Thánh vương xuất thế đem lại lợi lạc cho chúng sinh rất nhiều, khiến dung mạo già ốm của ta biến thành ngọc nữ của nhà vua."

Rồi gieo năm vóc sát đất tỏ lòng cung kính lễ tạ.

Khi đó, quan Chủ kho báu tuyên đọc giáo lệnh của Thánh vương: Mọi người tu tập theo mười pháp lành, điều phục thân tâm. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la hiện lại thân như cũ, bà già liền tỏ ngộ, trông thấy đại chúng liền rơi nước mắt khóc lóc thưa:

– Phật pháp thanh tịnh không hề lìa bỏ chúng sinh! Như con là kẻ quá xấu ác mà vẫn còn được độ.

Rồi bà lão ăn năn, tự trách về tội của mình, nguyện dứt trừ mọi lỗi lầm trong quá khứ, lại xin thọ giữ năm giới. Tôn giả La-hầu-la vì bà giảng nói pháp ba quy y và năm giới, bà lão lãnh hội tâm thư thái, an vui, chỉ trong khoảnh khắc đã chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Địa thần từ đất vụt hiện lên nói với trưởng giả Tu-đạt:

– Lành thay trưởng giả! Lưới tà kiến đã được phá tan, Đức Như Lai xuất thế chính vì việc này.

Sau đó, Tôn giả La-hầu-la đem bà lão về khu lâm viên Kỳ-đà. Đến nơi, bà lão trông thấy Đức Phật, tâm rất vui mừng, cung kính đảnh lễ, phát lời sám hối, nguyện theo như lời Phật dạy, xin được xuất gia. Đức Phật cho người đưa bà đến trú xứ tu tập của di mẫu Kiều-đàm-di. Bà luôn tinh tấn tu hành không chút biếng trễ, như tấm lụa trắng dễ nhuộm màu sắc, nên ngay tại đời này chứng quả A-la-hán.

Duyên Khởi 11: ĐỨC PHẬT RÓT NƯỚC LÊN ĐẢNH ĐẦU TỲ-KHEO BỆNH, BỆNH ĐƯỢC LÀNH

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm, thuộc thành Vương

xá. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt rất nặng, khắp thân máu mủ loang lổ, mọi người đều chẳng muốn nhìn, không ai dám gần gũi, chúng Tăng bèn cho ở nơi căn phòng nhỏ hẹp, tối tàn. Đức Phật rõ được sự việc, bèn dùng thần lực che mắt chúng Tăng không cho ai biết, một mình Đức Như Lai đến chỗ Tỳ-kheo bị bệnh, đem lời êm dịu an ủi, khuyên nên dùng nước tắm rửa sạch sẽ.

Lúc đó, trời Đế Thích cùng các Thiên tử đang tụ hội tại giảng đường Thiện pháp, bàn luận về tình hình trong các cõi. Đức Phật dùng thần lực khiến chư Thiên biết được việc này. Tức thì trời Đế Thích liền đem vô lượng trăm ngàn chư Thiên quyến thuộc, tấu các thứ nhạc trời trước sau lần lượt nhiễu quanh trên hư không, rồi hiện xuống chỗ Đức Phật, đầu mặt sát đất cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, hỏi thăm mọi việc. Đế Thích tay cầm bình bằng ngọc quý đựng đầy nước thơm dâng lên Đức Phật, rồi đứng hầu một bên.

Bấy giờ, Đức Như Lai bèn từ từ giơ cánh tay với trăm phước tướng trang nghiêm, nơi mười đầu ngón tay phóng ra hào quang rực rỡ, tỏa chiếu đến tận nơi xa như báo hiệu khiến chư Thiên thảy đều vân tập đến. Lại từ trên đảnh đầu Như Lai hiện ra một đạo hào quang soi chiếu đến thân Tỳ-kheo bị bệnh. Tỳ-kheo này, nhờ ánh hào quang chiếu vào thân nên các chỗ đau nhức liền hết, những vết máu mủ nơi ghẻ nhọt đều được sạch sẽ. Khi ấy, Tỳ-kheo liền chắp tay đảnh lễ Đức Phật, bày tỏ sự thành tâm sám hối, mong Phật từ bi thương xót diệt trừ mọi trọng tội của mình.

Lúc ấy Đế Thích tay cầm bình ngọc khi trước quỳ gối dâng lên. Đức Như Lai nhận lấy bình nước thơm, rồi dùng tay phải cầm bình rót nước lên đảnh đầu Tỳ-kheo bị bệnh, còn tay trái thì kỳ rửa nơi thân Tỳ-kheo. Những mụn nhọt trên mình Tỳ-kheo bệnh, tùy theo tay của Như Lai rửa đến đâu, liền bình phục đến đó. Được lành bệnh, vị Tỳ-kheo ấy vô cùng vui sướng, chí tâm xưng niệm:

– Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam-mô Đại Từ Bi Phụ! Nam-mô Tối Thắng Y Vương, đã khiến cho thân bệnh của con hôm nay được lành, cúi xin Đức Như Lai dùng diệu lực của bản nguyện thương xót tiếp nhận bố thí pháp dược cho con để tẩy dứt tâm bệnh, bao nhiêu trọng tội nơi con đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với vị Tỳ-kheo kia:

– Ta nay làm như vậy là để đền đáp lại thâm ân của ông trong đời trước.

Rồi Đức Phật giảng dạy về bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chỉ

bày các tướng đau khổ, khuyên gắng tu tập để chứng đắc giải thoát viên mãn. Tức thì Tỳ-kheo bệnh liền chứng được đạo quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông và tám pháp giải thoát.

Lúc ấy, trời Đế Thích và chư Thiên nghe Đức Phật nói lời đền đáp ân từ đời trước, nên sinh nghi ngờ, bèn bạch Phật:

– Hôm nay Như Lai đã dùng thần lực, khổ nhọc tẩy rửa máu mủ nơi các vết nhọt trên thân Tỳ-kheo kia, nhưng Đức Như Lai lại nói: "Ta nay làm vậy là để báo thâm ân từ đời trước của ông." Cúi xin Như Lai vì đại chúng hiện thời giải thích rõ ràng.

Đức Phật nói:

– Này Thiên chủ, vào thời xa xưa vô lượng kiếp về trước, có một thôn tên là Tăng quảng, đất đai màu mỡ, dân chúng giàu có, an lạc, người trong làng ấy đều thuộc tộc họ cao quý, cùng tôn một vị kỳ lão làm người xử đoán các việc. Sau đấy, trong thôn có một vị Ưu-bà-tắc lão thành, bỗng nhiên bị một kẻ ác ngang nhiên đến bắt nhằm mưu hại. Kẻ ác đem giao cho quản ngục coi giữ, những người giữ tù này nghĩ rằng vị Ưu-bà-tắc ấy vô tội, nên dẫn đến chỗ vị kỳ lão xét đoán sự việc để phân xử. Vị ấy xét biết người này vô tội nên thả ra. Kẻ Ưu-bà-tắc ấy đương khi bị nạn liền được thoát khỏi.

Đức Phật bảo:

– Này Đế Thích, vị kỳ lão xét đoán sự việc thời ấy nay là vị Tỳ-kheo bị bệnh này. Còn vị Ưu-bà-tắc lâm nạn được thoát khỏi nay chính là Ta. Cho nên Như Lai đã nói lời như trên.

Do đó, Bồ-tát dù trải qua vô lượng kiếp, đối với một ân nhỏ vẫn luôn nghĩ tưởng phải báo đáp trọng hậu, cho đến khi thành Phật cũng chưa từng quên lãng.

Đế Thích nghe lời Phật giảng nói tâm rất vui vẻ, đại chúng chư Thiên đồng tấu nhạc trời, đảnh lễ Phật rồi trở về chốn cũ.

Duyên Khởi 12: CÔNG ĐỨC XƯNG NIỆM TAM BẢO

Thời ấy, Đức Phật xuất hiện ở đời, vì phụ vương và chư đại chúng diễn nói pháp môn Quán Phật tam-muội. Hành giả quán ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai sắc thân màu vàng ròng, hào quang tỏa sáng rực rỡ.

Lúc đó, trong chúng hội có năm trăm người thuộc dòng họ Thích,

quán thân tướng Phật như vị Bà-la-môn tu khổ hạnh, người gầy ốm, bôi đầy tro. Quán thấy như thế rồi tự bức đầu bức tóc, vật vã khóc than thảm thiết. Đức Như Lai thấy vậy mới an ủi:

– Các ông chớ nên buồn khóc nữa Ta nay sẽ vì các ông giảng nói các sự việc về đời quá khứ.

Đức Phật nói:

– Về thời quá khứ xa xưa, có Đức Phật Tỳ-bà-thi, sau khi Phật ấy nhập diệt, vào thời kỳ tượng pháp có một vị trưởng giả tên Nguyệt Đức sinh năm trăm người con đều là hạng thông minh, nhiều trí, tất cả sách vở thế gian không gì là không am tường. Trưởng giả Nguyệt Đức là người kính tín Tam bảo, nên thường giảng nói về ý nghĩa của Phật pháp cho các con ông nghe, nhưng họ đều là người tà kiến, không có tín tâm. Về sau, các người con đều lâm bệnh nặng, trưởng giả bèn đến trước các con rơi nước mắt khóc lóc, chắp tay nói:

– Các con vì tà kiến, không tin Phật pháp, ngày nay các con đang bị lưỡi dao bén vô thường cắt đứt mạng sống, sự sống của các con chỉ còn trong chốc lát, không biết nương tựa vào đâu! Nay có Đức Như Lai hiệu là Tỳ-bà-thi, các con phải chí tâm niệm danh hiệu Ngài.

Các người con nghe lời cha dạy, liền đồng niệm:

– Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng.

Niệm rồi tất cả đều mạng chung. Do nhân duyên niệm Phật ấy, nên sau khi mạng chung, được sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Hưởng hết phước báo nơi cõi trời, do vì nhân duyên tà kiến thuở trước, liền bị đọa vào địa ngục, ngục tốt La-sát dùng chĩa ba bằng sắt nung nóng đâm vào hai mắt.

Trong khi chịu khổ não như thế, mới nhớ đến lời dạy của người cha, liền niệm Nam-mô Phật. Nhờ vậy, thoát khỏi cảnh khổ nơi địa ngục, sinh trong nhân gian làm người thuộc hàng hạ tiện, bần cùng. Các kiếp sau đó cũng sinh nhằm vào thời kỳ Đức Phật Thức Khí ra đời, nhưng chỉ nghe danh hiệu Phật mà không chiêm ngưỡng được kim thân. Cho đến các Đức Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp-ba trải qua sáu Đức Phật kế tiếp ra đời như vậy, nhưng chỉ nghe danh hiệu mà không được thấy tướng hảo.

Do vì nghe được danh hiệu của sáu Đức Phật, nên ngày nay được cùng Ta sinh trong dòng họ Thích. Sắc thân Ta như vàng Diêm-phù-đàn thì các người quán thấy sắc màu tro như vị Bà-la-môn gầy ốm, là do nhân duyên đời trước khinh chê Phật pháp, chấp chặt nơi tà kiến nên mắc phải

quả báo nặng nề như vậy.

Đức Phật dạy:

– Ngày nay các ông phải xưng niệm danh hiệu chư Phật đời quá khứ, xưng niệm danh hiệu Như Lai, danh hiệu Đức Phật Di-lặc và danh hiệu phụ thân của các ông. Xưng niệm danh hiệu và lễ bái rồi, các ông phải hướng về đại đức chúng Tăng, gieo năm vóc sát đất làm lễ, bày tỏ sự sám hối về tội tà kiến.

Năm trăm người vâng lời Đức Phật, xưng niệm danh hiệu và làm lễ sám hối xong, tội chướng từ đời trước được tiêu diệt, ba nghiệp thanh tịnh, cùng thấy thân Phật màu vàng ròng, oai nghiêm vòi vọi như núi Tu-di, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp quang minh vô lượng, thảy đều hết sức vui mừng chứng được Sơ quả. Tất cả đều xin Phật xuất gia, lần lần chứng được A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông, tám môn giải thoát.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Sau khi Ta diệt độ, nếu ai xưng niệm danh hiệu Như Lai và danh hiệu của chư Phật, sẽ được phước báo vô lượng, vô biên.

Này A-nan, Tôn giả xem Như Lai trong khi đi đường, đã có thể khiến cho mặt đường chỗ cao thấp xuống, chỗ thấp nhô lên, các chỗ cao thấp đều bằng phẳng, Như Lai đi qua rồi thì mặt đất trở lại như cũ. Tất cả cây rừng đều nghiêng hướng về phía Phật, thần cây hiện thân cúi mình lễ kính. Như Lai qua rồi thì cây rừng trở về trạng thái bình thường. Tất cả gò đống, hầm hố, đồi đất, các thứ cấu bẩn chẳng sạch, sỏi sạn gai gốc đều được san lấp, quét dọn, rưới nước trong sạch, rải các thứ hoa trên mặt đường, tỏa mùi hương lạ ngào ngạt.

Lại nữa, Như Lai đi bộ trên đường dài, các loài vô tình như cây, đất... tất cả hãy còn nghiêng mình kính cẩn, huống gì là các loài hữu tình mà lại không cung kính. Vì sao? Là vì Như Lai khi tu hạnh Bồ-tát đạo, đối với tất cả loài chúng sinh không khởi tâm kiêu mạn, mà luôn khiêm cung đón tiếp khiến họ sinh tâm vui vẻ. Do nghiệp thiện này nên sau khi thành Phật, tất cả các loài hữu tình, vô tình đối với Phật khi ra đi, thảy đều nghiêng mình đảnh lễ.

Như Lai thuở xưa từng đem rất nhiều tài sản, với tâm thanh tịnh cúng dường chúng Tăng trong mười phương. Do vì nhân duyên ấy nên nay thành Phật, nơi nào Như Lai ngự đến đều hết sức trang nghiêm, sạch sẽ, khoáng đạt.

Lại nữa, vào thời quá khứ Như Lai đối với các bậc Thánh hiền đồng tu phạm hạnh, trên đường các ngài đi qua Như Lai đều sửa sang bằng

phẳng, quét dọn rưới nước. Phòng xá, các vật dùng cần thiết đều được dọn dẹp, sắp đặt trang hoàng một cách đầy đủ.

Ở trong các thời đều dốc cầu Phật đạo, nhằm đem lại lợi ích an lạc cho mọi chúng sinh. Cho nên ngày nay, nơi nào Như Lai đi đến đều tự nhiên thanh tịnh.

Lại như núi Di-lư cao rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần ngập trong biển cả cũng lại như vậy. Núi Thiết vi cao mười hai vạn tám ngàn do-tuần, bền chắc như kim cương, không thể hủy hoại, đến khi Như Lai nhập Niết-bàn, cũng đều nghiêng mình hướng về phía Đức Phật đảnh lễ.

Lại nữa, tâm Như Lai luôn thanh tịnh, lìa mọi cấu nhiễm, nên khi Phật đi qua bất cứ chỗ nào, chân không hề dính các thứ uế tạp, trùng kiến không bị tổn hại đến tánh mạng.

Phật không mang giày dép, có ba nguyên do:

1. Khiến người đi đường sinh tâm ít ham muốn.
2. Hiển rõ tướng dưới bàn chân có hình bánh xe ngàn tăm trên mặt đất.
3. Khiến người trông thấy sinh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, khi Phật bước đi bàn chân cách mặt đất bốn tấc, có ba lý do:

1. Thương xót loài trùng kiến ở dưới đất.
2. Giữ gìn cỏ hoa nơi mặt đất.
3. Thể hiện thần túc của Phật.

Này các Tỳ-kheo, phải y theo lời Phật dạy tu hành để dứt tận cội nguồn của đau khổ.

Duyên Khởi 13: PHƯỚC BÁO THÙ THẮNG CỦA VIỆC TẠO THÁP PHẬT

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Như Lai nay đối trước đại chúng này, nói sơ lược về công đức đạt được của việc xây tháp, Tôn giả phải lắng nghe, suy nghĩ, ghi nhớ.

Giả sử khiến cho tất cả cỏ cây, rừng rú đầy trong bốn châu thiên hạ, đều trở thành thân người, mỗi người đều phát tâm tu tập, tùy theo khả năng của từng người, có kẻ chứng quả Tu-đà-hoàn, có kẻ chứng quả Tư-đà-hàm, có kẻ chứng quả A-na-hàm, có kẻ chứng quả A-la-hán, cho đến quả Duyên giác. Bấy giờ, có một trưởng giả đem tâm thanh tịnh cúng dường, thường xuyên cung cấp các thức ăn uống, y phục, đồ nằm ngồi, thuốc men... suốt

đời không thiếu. Cho đến khi các vị này diệt độ, trưởng giả lại vì mỗi vị xây một bảo tháp, dùng tua, lọng, cờ phướn trang trí hết sức trang nghiêm, tốt đẹp, lại đem các thứ hoa hương đèn dầu cúng dường nơi mỗi tháp.

Này A-nan, trưởng giả ấy được phước nhiều chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, trưởng giả ấy đạt được phước rất nhiều.

Đức Phật nói:

– Này A-nan, trưởng giả ấy tuy đạt được phước rất nhiều, nhưng vẫn còn giới hạn. Chẳng bằng có người, sau khi Phật diệt độ, đem tâm kính mộ cầu được một phần xá-lợi dù hết sức nhỏ như hạt cải, tạo tháp cúng dường. Tháp ấy chỉ lớn bằng quả Am-ma, trụ của lòng tháp bền chắc như cây kim, nơi đỉnh tháp bày mâm lớn bằng lá táo, trên đó đặt một tượng Phật chỉ bằng hạt lúa, hoặc hương, hoặc đèn tùy sức cúng dường.

Này Tôn giả A-nan, đem phước cúng dường của trưởng giả kia đối với phước đức của việc tạo tháp này thì không thể so sánh. Nói tóm lại, đem phước báo thù thắng của việc tạo tháp này phân ra làm một trăm phần, thì phước đức cúng dường của trưởng giả kia chẳng được một phần. Ví dầu chia làm ngàn vạn ức phần cũng đều không bằng một phần. Cho đến dùng số để tính toán, ví dụ cũng không thể biết được phước báo của việc tạo tháp này.

Này A-nan, phải biết Như Lai ở trong số kiếp như trần sa, tích chứa, huân tập, tu trì năm phần Pháp thân, làm phát sinh các công đức. Năm phần pháp thân là: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lại tu tập các pháp: Bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, tự lợi, lợi tha, thực hành những khổ hạnh khó hành, nên đạt được các thần thông, nguyện lực không thể nghĩ bàn, thế gian và xuất thế gian không ai sánh bằng. Vì sao? Là do Phật đã thành tựu vô lượng, vô biên trí tuệ chân thật.

Này Tôn giả A-nan, tất cả Như Lai vào thời xưa khi còn tu nhân đều biết rõ tự tánh của chúng sinh là thanh tịnh, vì bị phiền não của ngoại trần che lấp, nhưng tự tánh của chúng sinh hoàn toàn không bị phiền não làm ô nhiễm. Do vậy Như Lai xuất hiện ở đời, vì tất cả chúng sinh giảng nói pháp vi diệu diệt trừ các thứ cấu uế, ô trược, khiến họ đạt được giải thoát.

Duyên Khởi 14: CÔNG ĐỨC XUẤT GIA

Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Vương xá có một trưởng giả

tên là Phước Tăng, tuổi hơn một trăm nên răng rụng, sức yếu. Mọi người lớn nhỏ trong nhà đều sinh tâm chán nản, xa lánh. Ông lão nghe nói về lợi ích của sự xuất gia nên sinh tâm vui mừng. Công đức ấy là vô lượng, không thể ví dụ, cao hơn núi Tu-di, sâu hơn bể cả, rộng như hư không. Vì sao? Do vì xuất gia mới chứng đắc quả vị Phật. Chư Phật nơi ba đời chưa từng có vị nào không xuất gia mà thành Phật bao giờ.

Trưởng giả nghe vậy, tuy tuổi già, lòng rất hoan hỷ, tìm đến chỗ Phật cầu xin xuất gia, gặp lúc Đức Phật đi du hóa, nên trưởng giả đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất xin được hóa độ. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy trưởng giả quá già nên không tiếp nhận. Ông già lại cầu xin xuất gia nơi năm trăm vị La-hán nhưng đều không được tiếp nhận. Bấy giờ, trưởng giả ra về, rời khỏi tinh xá cất tiếng khóc lớn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ phía sau bước đến, đem lời khuyên bảo an ủi, khiến ông vui mừng. Đức Phật liền bảo Tôn giả Mục-kiền-liên thu nạp làm đệ tử xuất gia, truyền trao giới pháp. Do vì đám Tỳ-kheo trẻ tuổi mới tu học thường hay đùa giỡn, nhiễu loạn tâm ông, nên ông liền trầm mình, muốn kết liễu cuộc đời. Tôn giả Mục-kiền-liên quán biết, liền dùng thần lực vớt để trên bờ, nhân đó mới hỏi:

– Nguyên do gì khiến ông ra nông nỗi này?

Trưởng giả bèn trình bày mọi việc như trên.

Tôn-giả Mục-kiền-liên thầm nghĩ: "Người này ngu độn, sân hận đến thế, nếu chẳng đem sự báo ứng đang khiếp sợ trong ba đường ác để giáo hóa, thì làm sao ông ta chứng được đạo quả?" Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên sắp bay lên hư không, mới bảo Phước Tăng chuyên ý nắm vào chéo áo của Tôn giả, sau đó, từ từ bay đến chỗ biển lớn, thấy một thi hài phụ nữ vừa mới chết, thân hình đoan chánh, lại thấy một con giòi từ miệng xác chết bò ra, rồi lại chui vào mũi, từ mắt chui ra, rồi lại bò vào lỗ tai. Tôn giả Mục-kiền-liên thấy vậy rồi bỏ đi. Đệ tử Phước Tăng liền thưa:

– Bạch thầy, người chết này là ai?

Tôn giả Mục-kiền-liên nói:

– Người đàn bà này là vợ của một đại thương gia trong thành Xá-vệ, ỷ lại nơi nhan sắc của mình không tu phước nghiệp, cậy vào chỗ yêu quý, nuông chiều của người chồng thường gây tổn hại cho mọi người. Hai vợ chồng đi qua vùng này bị chìm thuyền, cả hai đều bỏ mạng, biển không dung nạp tử thi nên sóng xô giạt vào bờ. Thần thức của người chồng vẫn còn yêu xác thân người vợ đẹp nên biến làm con giòi ấy. Về sau sẽ bị đọa vào địa ngục chịu các quả báo đau khổ.

Rồi thầy trò từ từ tiến về phía trước. Lại thấy một người đàn bà loanh

quanh bên chảo lớn đầy nước đang đun sôi, tự cởi y phục nhảy vào trong chảo ấy, da thịt đều tan rã, nước sôi thổi vọt xương văng ra ngoài, bỗng chốc xương lại thành người, tự vớt thịt trong chảo mà ăn.

Phước Tăng bạch thầy:

– Đây là người gì?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Có một vị Ưu-bà-tắc ở trong thành Xá-vệ, kính tín Tam bảo, thỉnh chư Tăng đến cúng dường, luôn sắm đủ các thức ăn ngon, sai tỳ nữ bưng dọn, tỳ nữ bưng đồ ăn cúng dường, mỗi khi đi qua chỗ khuất người bèn lựa lấy món ngon ăn trước. Mọi người trong nhà thấy hỏi, tỳ nữ đều chối và nói:

– Khi nào các Tỳ-kheo ăn xong, còn thừa cho tôi, tôi mới dám ăn, nếu tôi có ăn trước, nguyện vào đời sau tự ăn lấy thịt thân mình.

Do nhân duyên này, trước thọ quả báo như hiện tại, còn quả báo chính thức sẽ thọ nhận trong cõi địa ngục.

Thầy trò lại tiến dần về phía trước, thấy một núi xương cao rộng đến bảy trăm do-tuần, ngăn che ánh sáng mặt trời khiến vùng biển này trở nên tối tăm. Lúc ấy Tôn giả Mục-liên trèo lên đỉnh núi, thấy một bộ xương lớn đang di chuyển qua lại. Phước Tăng hỏi:

– Bạch thầy đây là núi xương gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

– Ông muốn biết núi này chăng? Đây là xương nơi thân cũ của ông.

Phước Tăng nghe qua, toàn thân dựng chân lông, hoảng sợ toát mồ hôi, liền bạch Tôn giả:

– Ngày nay con nghe qua tâm chưa được tỏ ngộ, kính mong thầy thương xót, vì con giảng nói rõ về nhân duyên của núi xương này.

Tôn giả Mục-liên nói:

– Sinh tử luân hồi không có giới hạn, nghiệp báo thiện ác như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng không sai khác. Về đời quá khứ xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này, có một làng nọ, dân chúng đều giàu có. Lúc ấy, trong làng có một trưởng giả tên là Pháp Tăng, tộc họ từ trước đến giờ thuần tín Tam bảo, dốc làm việc thiện, lòng nhân từ ưa bố thí, không gây tổn hại đến sinh mạng của chúng sinh, nên dân làng tôn làm bậc Lệnh trưởng. Trong khoảng mười năm đầu, dân chúng được hưởng cảnh an lạc, thái bình, đều nhờ ân đức của Lệnh trưởng, dân làng coi vị ấy như cha mẹ.

Một hôm, Lệnh trưởng nhân khi nhàn rỗi tập chơi cờ bạc, bạn ác được

cơ hội gần gũi xu phụ, giảng nói tà thuyết nên Lệnh trưởng lần lần phế bỏ việc nước, việc dân. Chẳng bao lâu, tình hình trong vùng bị bọn xấu ác thao túng, xử kiện không công minh, hình phạt thì chẳng đúng pháp. Vào ngày nọ, người hầu cận trình bản án vô tội của tù nhân, nhằm lúc Lệnh trưởng đánh bạc bị thua, không màng xem xét tận tường, liền ra lệnh xử tử.

Hôm sau lại hỏi các quân lính phụ tá:

– Tội nhân hôm qua nay ở đâu?

Kẻ hầu cận đáp:

– Theo lịnh của Lệnh trưởng đã giết rồi.

Lệnh trưởng nghe qua liền ngã lăn ra đất chết giấc, kẻ hầu phải dùng nước rưới, giây lâu mới tỉnh dậy, rơi lệ nói:

– Tất cả những người thân, ngọc ngà châu báu đều còn ở lại đây, chỉ riêng mình ta rơi vào địa ngục! Ngày nay, ta xem thường việc sát nhân, phải biết là ta thuộc loài hàng thịt!

Suy nghĩ như vậy rồi, trong giây lát mạng chung, sinh làm loài cá Ma-kiệt ở trong biển cả, thân to lớn đến bảy trăm do-tuần.

Phật nói:

– Này Tôn giả Mục-liên, như hàng quan lại ỷ thế cậy quyền, hà hiếp dân chúng giết hại vô số, khi mạng chung phần nhiều đều sinh làm cá Ma-kiệt to lớn, bị loài trùng bám vào thân rúc rỉa ăn thịt, nên thân hình bị gầy ốm, mỗi khi dựa vào núi, máu của loài trùng nhỏ chảy ra làm nhơ cả biển, dòng nước nhuộm máu đỏ tươi lan rộng đến trăm dặm. Giấc ngủ của loài cá ấy trải qua hàng trăm năm, sau khi thức dậy nó uống nước, làn nước bị hút vào miệng cá cuộn chảy như dòng sông lớn. Nhằm lúc ấy có đoàn lái buôn vào biển tìm châu báu, gặp loài cá Ma-kiệt đang há miệng, thuyền buôn bị cuốn về hướng miệng cá như gió, cả đoàn thuyền sắp chui vào bụng cá, thì ngay trước đó, khách buôn buồn khóc, nhất loạt đồng niệm: "Nam-mô Phật". Cá nghe tiếng Phật liền ngậm miệng, nước dừng chảy. Do diệu lực từ bi hộ niệm của Đức Phật, cả đoàn thương khách đều được thoát nạn. Khi ấy, cá Ma-kiệt nhịn khát mà chết. Các thần biển là Dạ-xoa, La-sát tranh nhau kéo thân cá lên bờ.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dẫn đệ tử là Tỳ-kheo Phước Tăng du hành xong, trở về tinh xá, đầu mặt sát đất đảnh lễ Phật, vô cùng hoan hỷ nên Phước Tăng hiểu rõ sự sinh tử, vô thường, khổ, không, dứt sạch các kết sử hữu lậu, chứng quả A-la-hán.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 5

Phiền não trói buộc, tánh, dụng rộng khắp. Lực dụng thắng nghĩa tận diệt các lậu. Căn lành phát sinh, lìa mọi điên đảo. Lẽ tịch tĩnh ấy không hề giảm suy. Nhân thực nghĩa lợi *(đem lại)* hình tướng tươi đẹp. Dốc sức tiến tu, tăng trưởng cúng dường. Làng xóm chốn chốn thêm tu như vậy. Tất cả mọi nơi biến đổi, an lạc. Thắng nghĩa cõi hành hòa hợp không tranh. Điên đảo dứt sạch, ngộ lẽ vô ngôn. Xa lìa nhị kiến, đúng nẻo trung đạo. Lành thay tự tánh! Hòa hợp như thế. Cõi bố thí ấy chư Thiên vui thích. Đêm ngày tinh tấn, thắng nghĩa viên mãn. Thế Tôn ứng hiện, khai ngộ hữu tình. Sắc tướng tăng trưởng, viên mãn là vậy. Thuận hợp hài hòa, thanh tịnh trùm khắp. Sắc tướng Như Lai, chân thật tối thượng.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH QUẢNG DIỄN NGHĨA THỨ MƯỜI MỘT.

Thật tướng trượng phu hòa hợp, không đổi. Đó là tùy thuận, lãnh hội thấu đạt hạnh của Bồ-tát. Phát khởi tùy thuận từ nơi chỗ đạt các pháp tịch tĩnh, không biến đổi. Phạm hạnh bao la, tu tập gồm đủ. Nghiệp thiện quyết tu chứng quả vô sinh. Thấu lẽ thậm thâm, tăng trưởng diệu hạnh. Tỏ ngộ giáo pháp, dốc sức tấn tu. Hội nhập trọn vẹn tự tánh căn bản. Trụ ở quá khứ, tịch tĩnh tăng thêm, chế ngự hữu tình, gánh vác đại sự. Đức hạnh chân thật, ngôn ngữ khế hợp, khiến cho tâm chúng sinh diệt sạch bao thứ sân hận, tạo được nơi chốn thích hợp.

Giáo pháp thắng nghĩa dứt mọi sân si. Đúng là giới đức của bậc hữu học. (Nếu không thế thì sẽ) thọ khổ lưu chuyển nối tiếp không ngừng. Tận cùng tự tánh (chính là) tỏ nẻo luân hồi. Cung kính bố thí đâu mong phước báo (mà là nhằm đạt được nơi) nương tựa an lạc, tịch tĩnh viên mãn. Danh, tướng (được) tự tại. Lưu chuyển dừng dứt. Trí tuệ là điều tối thượng, (là) nơi bậc hữu học lìa bỏ phiền não. Đó chính là cái nhân tự tại của bậc pháp sư chân chính xuất hiện. Phiền não trừ diệt, ngôn ngữ khế lý. Tâm hành vô tướng, mọi ác thảy trừ. Giới mốc chẳng còn, đảo điên cũng sạch. Đấy chính là lúc mọi thứ phiền não, chướng ngại đều được lắng sạch, tĩnh lặng. Xa lìa

ngôn từ (đó mới là) ngôn ngữ chân thật.

Thế nào là lìa bỏ cõi khổ đồng nữ?

Bậc hữu học lìa, chẳng bị nhiễm quấy.

Thế nào là gốc của mọi cấu nhiễm?

Tham dục dấy mạnh thật khó cản ngăn. Biến chuyển tăng trưởng mong đạt thắng nghĩa bất thoái để dứt hết mọi nhiễm chướng. Phận nữ trói buộc thọ khổ như vậy. Tạo nhân tịch tĩnh, thấu đạt khẩu hòa. Bố thí tối thượng, tỏ ngộ tự tại. Tu tập tĩnh lặng, lìa mọi hý luận. Từ hàng Phạm thiên tăng thêm nghị luận, kiến tánh viên mãn, trí tuệ tương ứng, thông suốt mọi cõi. Tu học trọn vẹn, đắc giới Hòa thượng. Trí lực có thể phá bỏ mọi nhân điên đảo, cũng như có thể luận bàn giáo pháp. Tạo ra các bậc Giáo thọ, A-xà-lê, là những vị giới sư làm khuôn phép mẫu mực. Trọn đủ các nhân chân thật như thế. Luận bàn thuận hợp, tranh biện nảy nở. Năng dứt nhiễm buộc, thiện tịnh hiện bày. Đó là tánh thanh tịnh, xa lìa mọi trói buộc, là phương tiện tỏ ngộ của tánh Không.

Thế nào là thấu đạt lực dụng của nghiệp?

Trí tuệ tỏ ngộ mọi pháp thường tịch gọi là xuất thế gian. Tất cả các tháp miếu, phước báo Phạm thiên cũng đều được thấu rõ như thế. Nhân chân thật ấy cõi tánh tài bồi. Phước báo cõi trời, không còn sân hận. Từ chốn thanh tịnh mong cầu như vậy, vâng giữ lấy lời, như lọng phủ che. Siêng năng tu tập, nương tựa thầy bạn. Dạy dỗ như thế, cậy bậc thiện hiền. Tu hạnh thắng nghĩa, gieo trồng nhân lành. Chân thật như thế, biết rõ khó đạt. Là chốn đầy đủ Bồ-tát an trụ. Bồ-tát ứng hiện, điên đảo lặng dừng, tâm ý trói buộc, cấu nhiễm đều dứt. Lìa hạnh Duyên giác, rời mọi kiêu mạn.

Thế nào là hình tướng phiền não buộc che trùm khắp như cõi không, như mây, phàm phu khó thoát?

Chánh pháp thậm thâm, thù thắng khó được. Tưởng niệm, tư duy mọi nẻo đều vượt. Bồ-tát thuận duyên, phương tiện chỉ bày. Từ hàng Phạm hạnh, thân ta xuất hiện. Xa lìa nẻo người, dứt hết nghiệp dữ. Nhân lành tạo tác, tướng mạo hiện bày. Theo đường Thập thiện, xa lánh vọng tưởng. Nơi chốn thanh tịnh, ưu khổ hết buộc. Tự tánh trong lành, phước báo trang nghiêm. Là cõi Bồ-tát ngôn ngữ dạy truyền, giới hạnh uy nghi, rõ nghĩa giải thoát. An trụ bất thoái, hành tướng tự tại. Theo thầy bàn luận, rõ tướng không tịch.

Thế nào là chúng sinh đạt được nghiệp nhân của Thập thiện do thầy truyền dạy?

Lìa mọi mê chấp thường, đoạn, hữu, vô.

Thế nào là xa lìa không tạo nhân xấu?

Thế gian gây nhân, tạo nghiệp điên đảo. Chúng sinh nặng nghiệp, chẳng thấu ngọn nguồn. Tạo tác ngã mạn, mắt mờ không thấy; Dòng thác điên đảo lưu chuyển triền miên, biến đổi, chứa dồn, phát sinh ngã kiến. Diệu ý thù thắng sửa trừ ngã vọng. Phiền não hý luận, si mê tạo nghiệp. Nhận rõ nhiễm ô, tịch tĩnh như vậy. Tự thân thanh tịnh, chủng loại chẳng khinh. Hữu tình không chuyển, tham thọ càng tăng. Hạnh, tuệ chẳng tu, nghiệp ác tự buộc. Bố thí biếng theo, nhân lành chẳng có. Rõ hạnh Bồ-tát, tâm ý thanh tịnh. Bậc thầy mẫu mực, ngôn ngữ trao truyền. Ý chẳng tu sửa, tánh ngã mạn tăng. Chẳng rõ nghĩa ấy, đức hạnh càng tối. Chẳng xét ngọn nguồn, dẫn dụ khó lập. Do mình tạo tác, tích tụ, chuyển lưu. Tư tưởng điên đảo, sân hận nào dứt. Rốt ráo không thật, biết rõ hư ảo. Căn lành phát sinh, lìa xa tà pháp. Là nơi có bậc đạo sư mẫu mực, chỉ dạy nhận rõ, dứt tận mọi thứ vọng tưởng. Lành thay! Hàng thiện nam! Bậc đại phạm hạnh sắc tướng tăng trưởng. Mong đạt các hạnh tịch tĩnh viên mãn.

Thế nào là tu tập theo các pháp thiện tĩnh?

Thấu đạt, tỏ ngộ, tu pháp vô tướng. (Tức là) Nghĩa rộng thanh tịnh tiến tu viên mãn. Là bậc Thiện nam đã dứt phiền não. Đó là nghĩa lợi tịch tĩnh thù thắng. Thấu tỏ hiện bày, an lạc nên tu. Cõi trời tự tại ấy thật đã hòa hợp với hình tướng của bậc Đại trượng phu. Lực dụng bao trùm, đạt cảnh tịch nhiên. Tạo nhân như vậy, Thánh lực viên mãn. Vượt qua con đường Thanh văn Tiểu thừa. Tướng mạo thế gian, ngôn ngữ tăng trưởng.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC, SINH VÀO CÕI PHẠM THIÊN, QUẢNG DIỄN VỀ BẢN SINH NGHĨA THỨ MƯỜI HAI.

Phiền não trói buộc thật sự như thế. Đạo pháp xuất thế (có thể đạt được) lực dụng tự tại. Đó là tùy thuận thấu đạt thắng nghĩa chân thật. trí tuệ nhận rõ nghĩa lợi thế gian. Lìa dứt tất cả gốc rễ ngã mạn. Bồ-tát bố thí các pháp khó làm, cứu độ chúng sinh thoát khỏi nghiệp dữ. Do chỗ biết rõ giới luật là vua của các pháp, phiền não biến chuyển không ngừng, tu hạnh bí mật, dứt bỏ ngã mạn. Là bậc cha lành của cõi thế gian. Bậc Đại trượng phu dưỡng nuôi con trẻ. Tự tánh bình đẳng, rõ lẽ biến chuyển. Giáo thừa tùy thuận các pháp công đức (nhưng) đạo vẫn thường hằng. Thấu lẽ trang nghiêm, tạo nhân (cho) thế gian. Diễn giảng giáo pháp, một thân vì đạo. Tà pháp, ngoại đạo, vững chí thuyết phục. Là chốn mê muội, chánh pháp chẳng cầu, nhân quả nghiệp báo chân lý chẳng tỏ. Mẫu mực tịch tĩnh tu tập như

vậy. Hình tướng ung dung, tánh lìa điên đảo. Không tạo nghiệp ác, Tam bảo kính tin, không chuộng tham ái, trí tuệ thông tỏ mọi nẻo quá khứ. Đức hạnh tối thượng thảy đều biết rõ. Tu hạnh bố thí, tạo tác thiện tịch. Đó là tuệ nhãn thanh tịnh, vô lậu. Cần nên xa lìa nơi chốn ngu muội. Tam bảo chân thật mà không hay biết, đúng là xứ sở mê muội tối tăm. Chẳng rõ nhân nhiễm gốc rễ là vậy. Là cõi Phạm thế thông rõ ba tướng.

Thế nào là không thiện?

Phiền não hiện hành không thể dừng dứt. Là chốn xa lìa mọi hành điên đảo. Ta tự diễn bày ngôn ngữ Phạm chúng. Tự tu hiền thiện, phạm hạnh gồm đủ. Chốn thanh tịnh ấy an trụ, hội nhập. Chúng Phạm thiên vương tu tập viên mãn. Là cõi có hàng Phạm chúng tu hạnh bố thí. Tự tánh thanh tịnh, chốn chốn yên vui. Báo thân mong đạt an định, thiện tịnh, tịch tĩnh viên mãn, tối thượng, tối tôn. Nghĩa tánh Như Lai, thân oán chẳng phân. Lực dụng tự tại, hạnh tu an trụ. Tăng bảo viên mãn, thường trụ thế gian. Chí cầu mong đạt sắc tướng trùm khắp. Tuệ giải tu tập, ý không nhân nhiễm. Hình tướng hiện bày, tham dục đều không, như bậc A-la-hán.

Thế nào là chúng sinh lìa khỏi nghiệp dữ điên đảo?

Tâm ý tịch tĩnh, tạo nhân vô tướng. Hạnh thí phát khởi, theo đúng nghĩa lợi. Lãnh hội Thánh giáo, dứt nẻo luân hồi. Nhân tốt, ý vui, nương bậc quốc vương. Thông đạt, an lành, tự tánh hiển hiện. Đó là nương tựa theo nhân Thập thiện. Thể tánh thành tựu (như) mẹ hiền hòa hợp. An trụ thêm tăng, tâm ý sung mãn. Bố thí ân tích, lực dụng phát sinh. Nương tựa mẹ hiền đạt được an lạc. Tri kiến rộng lớn điều phục vương giả. Bốn phương hiện bày như mẹ hiền mến yêu, mọi thứ tranh luận, hý luận thảy đều dứt bỏ. Phát sinh hòa hợp, mọi việc an lành. Như bậc A-la-hán diệt hết ngã mạn, điên đảo, phiền não trói buộc. Chủng loại phát triển, dứt tham, sân, si, ba thứ "hoặc" gốc. Như xua mây che ánh trăng sáng tỏ, trong lặng đáng yêu! Thấu đạt nghĩa lợi chân thật như thế. Hình tướng vương giả, tư dung đáng chuộng, sắc tướng tuyệt vời. Dứt bỏ nghĩa lợi, đạt quả bất sinh. Nhà cửa, nữ nhân không thể so sánh. Thanh tịnh dứt nhiễm, tham dục xa lìa. Là chốn cõi tâm chân thật hiển bày. Vua (xứ) Ma-kiệt-đà thân đến chốn ấy. Thế lực hơn hết, thanh tịnh, dứt nhiễm. Lìa si, mạn, sợ, tham dục đoạn trừ. Nhập Như Lai tạng, hội lễ vô ngôn, chân tâm bình đẳng. Thông suốt ba thời, mọi nẻo luân hồi. Nương tựa cõi ấy, hoa sắc xanh tươi, hương thơm khắp chốn. Hình tướng tùy thuận, phép tắc uy nghi, chính danh Đại thừa, Đại Bát-niết-bàn. Phước đức gồm đủ, thảy đều viên mãn. Kinh điển thọ trì, trí tuệ bừng tỏ. Là chốn mẫu mực, vọng tưởng đều dứt.

Thế nào là trí tuệ vô biệt vô nhân, làm phát sinh các pháp Thập thiện nghĩa lợi? Thế nào là nhân tướng?

Tịch tĩnh chân thật, hình tướng dứt mạn. Thiện tịnh hòa hợp. phước đức tịnh diệu. Lực dụng gồm đủ, uế tạp dứt trừ. Thực hành Thập thiện, tu Tứ niệm trụ. Là chốn mê muội, điên đảo dấy tràn. Không theo Thập thiện, chính cõi đói khát. Là chốn gặp gỡ mọi thứ độc hại. Quốc vương lìa dục, tịnh diệu thi hành. Tu hành tự tại. Tùy thuận các pháp phiền não, tham ái, si độn trói buộc. Căn bản tối thượng của hàng Tỳ-kheo là chỗ sử dụng vật dụng thù thắng. Cội rễ ngã kiến buộc chặt ba đời. Báo chướng khiến thân tạo nghiệp bất thiện. Không theo Thánh hiền, gốc mọi nghiệp dữ. Thiên nữ tự tại, xa lìa nẻo người. Phải nên tu tập các hạnh chân thật. Không tu Thập thiện là hạng mê mờ. Nơi chốn khế hợp xiển dương chánh pháp. Khiến tâm hoan hỷ, trí tuệ phát sinh. Ý thức tịnh diệu, tịnh thuận thế gian. Ý thức tự tại đúng nghĩa là vậy. Tự tánh phát sinh diệu nghĩa vô cùng. Trọn nên các hạnh bí mật, thuận hợp. Pháp thiện diệu ấy thường xuyên thọ trì. Căn bản thượng diệu thuyết phục trời, người. Tu hạnh lục độ (Ba-la-mật) theo bước Phật Tổ. Gánh vác đại sự, tiến tu như thế. Tạo nhân lâu dài, xa lìa sợ hãi. Thuyết pháp vi diệu, lĩnh hội tu tập. Các hạnh thù thắng từ gốc nhân lành. Tịnh diệu dốc tu, bền chặt không chuyển. Phụng thờ, diễn giảng, trừ dứt si mê. Diệt phiền não chướng, đúng hạnh Thánh nhân. Thượng diệu tối thắng, bố thí rộng khắp. Tạo tác vô nhiễm, nhân của thanh tịnh. Tâm không vướng dục, gốc của mọi việc. Hình bóng không thật, tùy tâm sở hiện. Thắng nghĩa chân thật là hạnh thanh tịnh. Dòng thác triền miên, sợ hãi khó tu. Hình tướng điên đảo, xứ sở héo hắt. Hèn yếu ngu muội do chẳng siêng tu. Mộ cõi tịnh trụ, giữ đúng giới hạnh. Dứt lời sân hận, tâm vốn vô tướng. Vương giả tự tại, tỏ bày chân thật các pháp trị nước. Lực dụng năm uẩn gốc rễ tu tập. Hành tướng của chúng, rõ tánh thiện ác. Phiền não trói buộc (nhưng) thể tánh (vốn) Như như. Mọi chốn nương tựa, tâm cầu đạo pháp. Dứt hết hý luận, lực dụng chẳng sinh. Là chốn chi phần do thiếu tu tập. Các pháp tối thượng, sợ hãi khó theo. Phiền não, chướng ngại vốn không giới mốc. Giữ hạnh thanh tịnh, trừ gốc tham dục. Hình tướng điên đảo đâu dễ phát sinh. Lực dụng khó ngăn, mê muội đáng khuất. Bố thí thanh tịnh, tâm không bợn đục. Ứng biến rộng khắp, chư Thiên cung kính. Phiền não chẳng sinh, tự tại gồm đủ. Tánh vốn nhân, hòa (nên khiến cho các loài) hữu tình phát sinh. Nghĩa lợi thanh tịnh khế hợp như vậy.

Thế nào là tâm ý an lạc như hàng chư Thiên tướng mạo hòa hợp?

Nghĩa ấy thêm rõ, cầu nhân xa lìa, đạt quả vô học. Như xứ có vua,

cõi nước rộng lớn. Tự mình hành xử các pháp trị nước. Muôn dân ngưỡng mộ, luôn luôn ghi nhớ. Ngôn ngữ ung dung, chân thật, hợp lẽ.

Thế nào là giải rõ ý nghĩa của việc nhận ra tâm ý tương ứng nhưng không bị cấu nhiễm điều ác?

Ham chuộng tu tập, dứt chướng, phá xiềng. Do nhân phiền não, nhiễm lấy nghiệp ác, xuôi theo dòng đời. Hành động hóa độ nương trí tuệ sinh. Nhân quả rõ ràng, diễn bày thêm tỏ. Mẹ hiền từ trời, ngôn từ đúng pháp. Bố thí nhân thực, theo pháp thi hành. Tự tánh hòa hợp, nhân tranh không còn, tạo tác như thế.

Thế nào là tu hành đúng nghĩa bất thoái, chư Thiên chúc tụng?

Tịnh diệu hiện bày, nhân tranh dứt bỏ. Làm chủ hành nghiệp như bậc A-la-hán. Tùy thuận theo nhân, nơi chốn tự tại. Truyền dạy nghĩa lợi, chúng Thánh nên nương. Như mây che phủ, lìa hạnh tham dục. Chư Thiên cùng tu, ngu si đáng sợ. Phật dạy như vậy, lặng suy, thuận hợp. Nhân thắng chân thật, như đất đỡ nâng. Tu hạnh bố thí, chẳng màng phước báo. Phát huy tại chốn, nghĩa lợi vô tận. Ứng hiện bệnh, nạn, Thánh nhân cũng làm. Mẹ hiền dạy dỗ, ân tích khắp chốn. Ở cõi si độn, mong dứt tạo nghiệp.

Thuận lợi như vậy, thế nào là nhân của ý bất thoái?

Chẳng rõ tội tướng, ngu muội đều mắc. Tịch tĩnh vô biên, thấy nghe gồm đủ, tự tại hòa hợp.

Thế nào là thành thật?

Đạt được ái lạc thù thắng, thậm khó! Giải thoát viên mãn như mây che khắp. Chân lý tối thượng, chúng sinh si mờ. Như bậc mẹ hiền yêu thương con trẻ. Tà pháp ngoại đạo không thể hóa độ.

Ái lạc biến chuyển, làm sao xa lìa?

Đắm nhiễm tham dục, chính là điều ác. Tứ chúng xa lìa, tạo nhân ái lạc. Hình tướng khó bày, thấu lẽ khẩu hòa. Chúng hội hý luận, chư Thiên rời bỏ. Lời nói của vua như mây phủ khắp. Gươm bén chẳng dùng, lực dụng dừng lặng. Tánh (của các) pháp không buộc, thảy cùng tồn, diệt. Cộng nghiệp tạo nhân, cùng lên bờ giác. Phiền não chấp ngã làm nhân tu hành, như bóng theo hình, dễ đâu đạt được? Biết rõ nghĩa lợi tất cả không thực. Trí tuệ độ người, vô tranh là vậy. Ngôn luận của vua. Vô ngã là gì? Chính nơi ám độn, các mạn phát sinh. Rõ chúng không thực tuệ sinh từ nhiễm. Phát tâm cúng dường, bố thí thân mạng. Do vì chấp ngã, tánh chẳng tịnh diệu. Bờ giác tối thượng, các pháp giải bày. Vận dụng hướng cầu, nhiễm chướng tận diệt. Biết rõ chư Thiên an lạc tịnh diệu. Chúng sinh mê lầm, tà kiến trói buộc, chánh y quả báo, thân tâm đói khát. Thể tánh lìa vọng, dốc

sức tạo nhân. Thế gian khó được phước đức rộng lớn. Bố thí tự tại, cầu quả Vô thượng. Lời vua truyền dạy, dứt bỏ tham dục. Tạo nhân bố thí lợi ích vô tận. Tu nhân vô ngã, nghĩa lợi biến chuyển dứt nẻo phiền não. Như vậy chúng sinh (mọi) hý luận đều dừng. Tạo nghiệp thế gian, phiền não bủa vây. Ba cõi thế gian, nương pháp tu hành. Thấu đạt tịch tĩnh, quả báo vô tận. Căn lành phát sinh, lực dụng bất thoái. Chúng sinh an ổn lìa pháp mê mờ. Hạnh nghĩa lợi sinh, lìa phiền não chướng.

An trụ nhân diệu, xa lìa những gì?

Nhân khổ chẳng tạo, si mê dần mở, đạt được an lạc. Nhân của thắng nghĩa tùy thuận phát sinh. An trụ từ bi, nghĩa của lợi lành. Là lời Phật dạy. Như bày món ăn, nghĩa lợi tự tại, các pháp đầy đủ. Tu tập biến chuyển, lực dụng khế hợp. Thấu đạt bất thoái, xa lìa nhân tranh. Bố thí tại chốn, như mẹ hiền làm. Nuôi dưỡng chúng sinh, nghĩa vụ chân thật, như lời vua dạy là chốn hành động, phiền não không ngăn. Chúng sinh đạt được, tâm Từ hóa độ. Biết rõ chúng sinh theo đường an lạc. Tu pháp bố thí chân thật là thế. Thắng nghĩa tối thượng, rõ lẽ vô ngôn. Thánh hiền xuất hiện, khai thị tự tánh. Tâm thí phát khởi, tu tập rộng khắp. Gốc rễ tam độc, trí tuệ phá trừ. Nuôi dưỡng muôn loài, nghĩa lợi thù thắng. Lời mẹ hiền dạy, lìa mọi nhân tranh.

Tánh Không là gì?

Thánh hiền cùng hướng. Gồm đủ bốn quả (của hàng Thanh văn). Rõ đường sinh kế thực của thế gian. Nhớ nghĩ, nuôi dưỡng, ngôn dung thanh tịnh. Tạo nhân bố thí, đạt được thượng vị. Tịch tĩnh sinh thiện, dứt mọi điên đảo. Lực dụng hòa hợp, thắng nghĩa năng tu. Ngã mạn giảm thiểu, đúng pháp vô tướng. Thấu đạt giáo pháp, nơi chốn tịch tĩnh. Dứt phiền não chướng, lợi lạc chúng sinh. Tập nhiễm dứt trừ, an nhiên tự tại. Tâm dục không dấy, rõ hạnh vi diệu. Mẫu mực nghiêm túc nghĩa lợi tối ưu. Là xứ trí tuệ tăng trưởng không ngừng. Tịnh diệu hiện bày thật đáng yêu quý. Ý của vương giả. Dứt tuyệt ngôn từ, trí tuệ thông tỏ. Phước đức cõi người, lực dụng như thiên, tùy thuận dứt tham. Nghĩa lợi chân thật an lạc như vậy. Chúng sinh đắm dục, vương giả tự chế. Đức hạnh thuận hợp, đúng nghĩa giải thoát. Đạt hạnh thanh tịnh, mong đoạn pháp nhiễm. Báu từ biển lớn, sự theo lý sinh. Khổ vọng nhiễm buộc, đường hiểm khó qua. Theo nẻo vô lậu, dứt các pháp nhiễm. Thực sự hòa hợp, vượt mọi tư duy.

BỒ-TÁT BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM DIỄN BÀY RÕ VIỆC HỘ QUỐC BẢN SINH THỨ MƯỜI BA.

Các pháp tịch tĩnh, lực dụng chân thật, thuận hợp tấn tu, mong đạt phước báo, khế hợp giáo pháp. Chỗ gọi tùy thuận tức là thấu đạt lời dạy dỗ của Bồ-tát.

Chúng sinh rộng khắp, nghiệp lành viên mãn, lực dụng khế hợp. Các bậc Bồ-tát bẩm thụ Phật pháp, giáo hóa hữu tình chẳng chút nghỉ ngơi, là bậc đạt được trí tuệ viên mãn, giúp hàng hiếu học tham cầu diệu nghĩa, an tĩnh tự tại; là nơi chúng sinh sáng tỏ, thông suốt. Năm tháng dần qua, tri thức tăng thêm. Lực dụng thắng nghĩa, hạnh thí viên mãn. Thu nhiếp hành tướng. Lực đủ độ sinh. Tạo tác tướng mạo. Viên mãn chân thật. Tu nhân bố thí như biển tràn trề. Niệm niệm tăng lên. Tịch nhiên thường tại, chẳng hề sợ hãi. Khẩu hòa gồm đủ. Mưa móc thấm nhuần. Ao khô nước nhẫy. Bờ giác nhân thực, bao la vô tận.

Tịnh diệu gồm đủ, nghiệp dữ chẳng sinh. Điên đảo hý luận, nhân của ngã mạn. Chỉ theo đường thiện mới trừ diệt hết. Phát khởi tu hạnh bố thí ấy, hiện bày thuận hợp. Nhà cửa thanh tịnh, rộng rãi, thanh thoát. Chi phần tịnh diệu, chúng sinh trú ngụ. Ba nghiệp trọn nên, tạo nhân tự tại, dốc theo nghĩa lợi. Là chốn bố thí, tâm niệm gánh vác. An lạc tịnh diệu, hòa hợp trọn vẹn. Hữu tình đại nguyện, thắng diệu đáng quý. Những lời dạy bảo, thấu rõ từ tánh. Theo pháp Thập thiện, thấu đạt nghĩa lợi. Tu niệm chuyên trì, lực dụng tự đạt. Hóa độ rộng khắp, xem (như) không tạo tác. Ngọn nguồn thiện khởi, ngôn luận chẳng sinh. Cội rễ thăm dò thường không ám độn. Thân xác lưu chuyển, cứu cánh khó đạt. Hành nghiệp hòa hợp.

Thế nào là nhân tu giải thoát đúng nghĩa, thấu đạt, thành tựu?

Hình tướng chi phần chúng sinh đủ loại. Nhân lớn khó làm, cần thêm thần lực. Tự thể phát sinh, cõi tánh gồm đủ. Là chốn vô ngã, ý không điên đảo. Thân xác hữu hạn, tự tánh vô cùng. Chẳng hề luận bàn. Tánh vốn thường hằng, nhân của dòng thác. Tự tánh thành tựu, tất cả như thế. Tạo nghiệp không hợp, chỉ đạt biến đổi (hý luận). Phát khởi diệu dụng, nhân không cấu nhiễm. Chủng loại biến động, hủy hoại tướng mạo. Ví (như) duyên sinh con, bốn tướng chuyển biến. Thảy thảy chi phần, muôn vật muôn loài. Tướng mạo, lực dụng từ nơi phước báo. Nơi ở, chốn học, tâm kia như biển. Là chốn cuộc sống đầy những sợ hãi. Tăng trưởng cùng tận, bình đẳng không phân. Nghe giữ gồm đủ, tu tập pháp thiện. Tùy thuận chúng sinh đều khắp muôn loài.

Thế nào là cấu nhiễm hý luận?

Tu hạnh vọng tưởng, đúng là nghiệp dữ. Tâm ý sáng suốt, dứt ác đầy đủ. Chân thật như biển, sợ, tranh, (hý luận) đều bặt. Giảng dạy bình đẳng,

phát khởi thắng nghĩa. Hình tướng tạo tác, đảm đang thích hợp. Lực hòa hợp ấy, an định như biển. Dung mạo rõ ràng như trời quang đãng. Nơi chốn tu học, Thánh lực thêm tỏ. Chân thật kính tin, dứt cõi điên đảo. Khắp chốn hành động, thảy đều hòa hợp, ung dung. Thân tâm an trụ, dứt nẻo luân chuyển. Đường dữ không sa, lực dụng đảm đang. Tu tập vô tướng, xa lánh ác độc. Ví gặp tai họa, độc hại không gần. Trụ tịnh, lìa ác, phước sinh cõi trời. Người người kính trọng, là chốn an định. Giáo hóa muôn người, tâm không vướng mắc. Hình tướng thanh tịnh, khẩu hòa viên mãn. Tịch nhiên tấn tu, đường của an lạc. Tánh của năm uẩn, tùy hiện bao la. Thắng nghĩa chân thật, như biển khó dò. Không nhân, không gốc, vượt cả trước sau. Thiện tịnh không tham, ví như biển rộng. Hạnh của Bồ-tát giáo hóa quần sinh. Hữu, vô dừng dứt, trong lặng như biển. Hình tướng (như cõi) hư không, đâu có trong ngoài. Phiền não, chướng lớn, khó thể lìa bỏ. Tự tánh hàm thiện, bặt mọi điên đảo. Bố thí không cùng, đúng nghĩa tự tại. Tùy duyên tu tập, tăng trưởng không ngừng. Si độn buộc chặt ví như độc dược. Thí lớn khó làm, giảm trừ càng rộng. Trí tuệ chân thật, tự tại thung dung. Tu tập tinh tấn, Ba thừa hóa độ. Theo đấy mong cầu, tâm ý không nhiễm. Các mạn không dấy, Thập thiện song hành. Thanh tịnh dốc tu, viên mãn như biển. Diệu nghĩa Như Lai, hàm chứa chân tánh. Bậc Đại trượng phu không bàn sắc tướng. Thọ giữ chánh pháp, dứt bỏ ngã tướng. Xứng bậc thầy mẫu (mực) thường luôn xa lìa (ngã tướng). Tướng xưa nay (vốn) không, dung mạo phát sinh. Trong lặng an nhiên, nhiếp thâu như biển.

Không bàn sắc vọng. Không tạo buộc ràng. Sắc tướng hòa hợp, tự tại như vậy. Hội nhập cõi tịnh, xa lìa hý luận. Chi phần khắp chốn chẳng hề tổn hoại, ngôn luận cũng bặt. Nhân, Phi nhân các nẻo, thân tự xa lìa. Thiện, ác, vọng nhiễm thảy đều vượt qua. Đúng nẻo bất nhị, ma chướng tự tiêu. Ô nhiễm chẳng sinh, như biển sâu rộng. Tự tướng ung dung, bỉ thử đều vượt. Nhân không giới mốc, hý luận thảy dừng. So sánh thí dụ nào đủ diễn đạt. Ngọn nguồn đã tận, điên đảo cũng không. Là chốn phiền não không nhân thiện diệu. Nghiệp tạo dứt tranh (hý luận) hình tướng không hiện. Biến chuyển trọn nên, như biển không bờ. Tự cầu quả báo, không hạnh bí, diệu. Hình tướng nhiễm buộc là điều đáng sợ. Hạnh thiện chẳng tu, phiền não là thế. Luận thuyết rốt ráo, trí tuệ hội nhập. Lâu dài hợp phần, hình tướng đều không, nơi chốn thênh thang. Ăn năn, lìa vọng, thâm tâm tịch tĩnh, xa lìa tranh (hý luận) buộc. Thường không dừng dứt, (nên) nhiễm buộc làm gốc.

Thế nào là nhân trói buộc, khó có thể giáo hóa?

Hữu tình hòa hợp, không nhân tu thiện. Các pháp thanh tịnh, chủng

loại xuất hiện. Nơi chốn chân thật, bỉ ngã chẳng thêm. Như biển chứa vàng, nơi chốn tùy thuận, xuất hiện biến chuyển, loại loại trang nghiêm. Như lửa bừng sáng, dung mạo thêm tỏ. Thiện diệu diễn đạt, thế gian khó sánh, ví như biển rộng. Nghiệp dữ như lửa, khó lường như biển. Thường khởi trói buộc, lực dụng rộng lớn. Ân dạy như mẹ vô cùng chân thật. Hóa độ thế nào khỏi vướng dòng thác. Hình tướng tự tại, không tu nhiễm, tranh. Hành trì Thập thiện. Bố thí chúng sinh. Tu tập khế hợp, trí tuệ như biển. Dưỡng nuôi muôn loài, yên vui không bỏ. Hý luận dứt bặt, thắng nghĩa viên mãn. Lực dụng tăng trưởng, hình tướng không bày. Lực dụng mẫu mực, thiện diệu như thế. Sinh kế bôn ba, tâm luôn thư thái. Ngôn ngữ thanh tịnh nghĩa lợi chúng sinh. Tạo nhân không nhiễm, các hạnh viên mãn. Thường nên buông xả. Tịch tĩnh vô tướng, diệu dụng như biển. Đủ nhân thiện tịnh, phiền não hằng đoạn. Trói buộc tánh không, giảm trừ hý luận. Tăng trưởng, phát huy, mênh mông biển rộng. Bồ-tát tu hành năng lìa nhân nhiễm. Hành tướng hiện bày, tự tại phát sinh. Tạo tác ung dung, nhân tu phát khởi.

Thế nào là bố thí thù thắng, đạt được phước báo vô tận?

Là nơi chân thật, thảy thảy nơi chốn, tướng mạo, thân tâm, đều được an định. Pháp bí mật của Như Lai chân thật vô sinh. Nhân thù thắng trọn, phát khởi thuận hợp. Yên vui vô tướng, pháp vượt thế gian. Chúng sinh nương tu, đạt vô tranh biện (hý luận) đúng nghĩa giải thoát. Dòng thác xấu ác, ý kiêu đều dứt, như hạnh mẹ hiền. Nghiệp dữ, bệnh nạn do tự trói buộc. Dứt bỏ vọng tưởng, tu hạnh Như như. Diệu dụng thanh tịnh khó lường như biển. Tạo lập pháp đàn bày lý vô tướng. Hành nghiệp vô ngã, mong đạt sở nguyện. Diệu dụng tịch tĩnh thù thắng như vậy. Căn bản vô tướng vô ngã, tịch tĩnh. Trí tuệ như lửa, phiền não như củi. Chúng sinh lĩnh hội tu ba loại hạnh. Lực dụng tịch tĩnh, thu giữ phước quả. Nhân thật phiền não không do ý tạo. Tùy thuận bình đẳng hướng xuất thế gian. Thắng nghĩa tịch tĩnh, tạo nhân chuyển biến. Dốc sức thọ trì, dứt mọi tạo nghiệp. Như vậy sân, phẫn là căn, tùy phiền não, diễn biến khó dứt. Nghiệp dữ hướng cầu, càng khó dừng dứt. Hủy hoại pháp tịnh, ruồng bỏ mẹ hiền. Là chốn khiến ta tạo nghiệp đen tối. Chúng sinh nặng nghiệp, giáo pháp khó truyền. Giữ hạnh thuận hợp, tạo được an lạc. Lưu chuyển không hoại, mong khỏi đói khát. Thấu đạt thắng nghĩa, khó nào cũng vượt. Tu chân giải thoát, thông tỏ ngôn hành. Thanh tịnh bất thoái, nên hạnh chân thật. Hư dối, chân thật, tự tánh chuyển đổi. Nghĩa lý khó đạt, dốc tu tịch tĩnh, ngộ lẽ "bất khả đắc". Trí học tâm tu, siêng năng cầu quả. Thanh tịnh hiện bày, tĩnh trụ tự tại. Tu tập như vậy mong dứt vọng, nhiễm. Ngôn ngữ khế hợp, phiền não lánh xa. Cứu cánh thiện tịnh, thuận hợp chân thật, tâm Bi gồm đủ. Chân như vi diệu,

thường trụ viên mãn. Tùy thuận đức hạnh... chúng sinh nhờ đấy đạt được tĩnh trụ tương ưng bất thoái, nơi chốn thanh tịnh.

Nhiễm, tranh dứt tuyệt, khiến tâm tự tại. Nhân ấy không mất (chỉ vì) ngu si (nên đã) dứt bỏ. Lực dụng viên mãn, mọi vọng tưởng tiêu. Thấu đạt ngôn thuyết, hình tướng hòa hợp.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 6

Cõi rộng như biển, không trí khó dò. An trụ thích hợp, không theo dòng thác. Là nơi chúng sinh không người thương dẫn, hủy hoại bố thí, ngôn luận quấy càn. Tịch tĩnh (nhận ra tính chất) không thật, phát triển tu nhân. Đủ sức đảm đang, chuyển biến vô tận. Không nhân không thật (là gốc của) si mê, nghiệp dữ. Đạt (quả) báo thắng diệu, hình tướng đủ loại. Xứ không yên tĩnh, làm sao giáo hóa? Là chốn thanh tịnh tột bậc, khó sánh. Bồ-tát diệu dụng tối thắng, tạo tác chi phần vô tận. Thanh tịnh cúng dường, tùy thuận đàn pháp. Trì chú bí mật, theo đúng phép tắc. Chúng sinh dứt khổ, ba nghiệp thanh tịnh. Tu hạnh vô tướng, không chấp văn tự. Rõ pháp vô ngã, thanh tịnh an nhiên. Trí tuệ tăng trưởng, soi sáng tư duy, tâm ý thông tỏ, dứt mọi hý luận. Lực dụng không đạt, phước tu chẳng gắng. Đói khát trói buộc, đảo điên tự tánh. Là chốn chấp ngã, phải cố xa lìa. Phước đức thù thắng, từ nhân sinh khởi. Thể tính nhân duyên, tai họa chẳng sinh. Bỉ thử không giảm, chấp ngã càng tăng. Phiền não đã sạch, luân hồi tự lìa. Gốc rễ đã chặt, cành ngọn ngã theo. Dòng thác tạo nghiệp hết nơi sinh trụ. Là chốn phát khởi ngôn thuyết rộng khắp. Đạt được sắc tướng tịnh diệu thù thắng. Nghiệp dữ biến chuyển khó thể dự lường. Quan sát chân thực, lìa mọi hư ảo, là chốn tỏ ngộ sinh nhân hỷ thọ. Tạo dựng pháp đàn trong lành đáng quý. Hình tướng chân thật (khiến cho bậc) vương giả sinh thiện. Hóa độ chuyển biến tổn hại không dừng. Tùy thuận thích hợp, an lạc dứt mạn. Sắc tướng tươi sáng như thế ít có. Giáo pháp quý giá giữ gìn không mất. Tinh tú quần tụ chiếu sáng muôn nơi. Nghiệp đạo chuyển biến, nghiệp dữ giảm bớt. Dốc tu thanh tịnh theo lời Phật dạy. Hành tướng dòng thác, không nhân dung bồi. Nghĩa lý hiểu biết, phiền não như biển. Si độn hý luận, nhiễu loạn khó dừng. Hóa độ như vậy, lâu dài vô tận. Vật dụng tạo ra, bố thí nghèo đói. Nơi ở tịch tĩnh, kẻ xấu không gần, là chốn thanh tịnh, thiện diệu rốt ráo. Trí tuệ thông tỏ, dứt mọi buộc ràng. Tùy duyên thuận hợp tu hạnh Thập thiện. Châu báu nhân ái xứ xứ hiện bày. Lực nhân vô tận, các pháp hòa hợp. Tâm tùy tự tánh, phát sinh gắn bó, là chốn nguồn sáng căn bản phát sinh. Hình sắc viên mãn, xa gần hiện đủ. Y báo, Chánh báo, tướng

mạo phát sinh sắc tướng viên mãn. Cõi trời trang nghiêm, nương giáo pháp tu. Lìa bỏ pháp tà, tin lẽ nhân quả. Nương tựa bạn lành, tu tập trọn vẹn, dứt nghiệp luân lưu, ý nghĩa là vậy.

BỒ-TÁT BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH QUẢNG DIỄN NGHĨA THỨ MƯỜI BỐN.

Giữ giới tu hành tinh tấn không giảm. Ngày đêm chuyên trì, thanh tịnh bất thoái. Chỗ gọi tùy thuận là thấu đạt lời Bồ-tát chỉ dạy.

Thế nào là hành tướng hợp phần?

Giáo pháp Đại thừa, mẫu mực tu hành. An trụ tịch tĩnh, lìa mọi sợ hãi. Chướng ngại chẳng nề, tâm không thoái chuyển. Cả mọi thanh sắc đều không tham đắm. Tự lực thích ứng, hạnh không thay đổi. Nhận ra vọng tưởng, tu tập nghĩa lợi. Xứ sở tùy thuận, cõi nhân an lạc, hòa hợp đích thực. Nơi chốn thanh tịnh, tạo tác nghiệp hành. Cõi ấy như vậy (là) thấu đạt cùng tận. Các pháp si độn: căn, tùy phiền não, trói buộc chúng sinh như loài độc dược. Nên phải tu hành đạt đến giải thoát.

Bậc đại hữu tình tu tập các tướng.

Thế nào là tùy thuận hướng tới thắng nghĩa, có thể dứt trừ mọi cấu nhiễm?

Không hành bố thí, theo pháp si độn, đích thị là nhân của kiếp luân hồi. Lìa mọi sợ hãi, dứt tướng kiêu mạn, rõ nghĩa thanh tịnh, tối thượng tột cùng. Ngôn ngữ phát sinh, quyết rời sáu nẻo, là nơi chúng sinh tu hạnh bố thí. Hình tướng phước đức tùy tâm phát sinh, như con nương mẹ, được tướng quý giá, là chốn tịch tĩnh, quả báo thù diệu, thanh tịnh đáng yêu, do nhân từ trước. Tạo tác mong đạt hình tướng như vậy. Chi phần bình đẳng, phát khởi hòa hợp. Tu hạnh bố thí, thực hành làm gốc. Hăm hở tùy thuận, tu tạo tướng nhân. Phát khởi bố thí, thanh tịnh tột bậc. Tăng trưởng tột cùng, sức đủ thi thố. Xa lìa tánh nhiễm, vọng tưởng, trói buộc. Tạo tác hòa hợp, nghĩa lợi tịnh diệu. Dũng mãnh dứt mọi hành tướng dòng khác. Là cõi Bồ-tát hiện bày diệu dụng. Hành hóa như vậy thù thắng viên mãn. Hình tướng trang nghiêm, chúng sinh kính yêu. Hành động tự tại thiên trụ thuận hợp. Từ bi dẫn dắt tất cả chúng loại. Tạo tác tịch tĩnh, nghĩa lợi thù thắng. Lại phải xua mọi si độn, đảo điên. Phiền não vây bủa, đâu phải một nơi. Câu kết, biến chuyển, hủy hoại pháp thiện. Giáo hóa (hạng chúng sinh) si mê, ám muội như thế. Lại nên xa lìa mọi thứ phiền não cùng bao tác hại của chúng. An trụ khế hợp, công năng tu học. Chướng ngại không sinh,

pháp nhiễm tự dừng.

Thế nào là ân mẹ hiền nuôi dưỡng?

Xa lìa kinh sợ, đạt cõi trong lành. Nên thu Thập thiện, thương yêu cứu vớt. Bình đẳng không lệch. Khắp cõi, khắp thời thực hành ái ngữ. Tư duy đúng nẻo, không theo vọng nhiễm. Vương giả như trời, mưa nhuần đúng tiết. Là chốn thuận hợp, hữu cầu tất ứng. Bày biện cúng dường, phước được lớn lao. Chánh pháp thanh tịnh, trời rồng phụng kính. Đủ sức tùy thuận, hòa hợp như mật. Hình tướng chi phần, tịch tĩnh như cõi không, tâm ý thông tỏ. Ngôn ngữ căn bản diễn đạt như thế. Vọng tưởng giũ sạch, hương khí xa bay. Hý luận lặng dừng, dứt trừ tướng nhiễm. Tu tướng thắng nghĩa tận cùng là vậy. Như mây che khắp, lực dụng căn bản, tự tánh hiện bày mọi vẻ phước báo. Chủng loại tăng thêm, xa lìa đói khát. Ngôn ngữ giải thoát, tịch nhiên xa lìa. Hương khí tỏa lan, muôn ngàn hình trạng, trùm khắp hư không, tận cùng các nẻo. Thọ dụng quả báo, chân thật sung mãn. Lớp lớp si mê trừ diệt chẳng sinh. Tạo nhân vi diệu, rõ nghĩa giáo hóa. Dòng thác điên đảo, si độn trói buộc. Vô minh vọng động chuyển biến thành nhiễm, là chốn Bồ-tát tăng trưởng nhân thắng quá khứ. Tướng mạo tự tại, lực dụng tịnh diệu. Các pháp bình đẳng, thành tựu viên mãn, đạt chốn thanh tịnh, không còn sợ hãi. Dạy bảo đúng cách, vọng nhiễm đều sạch. Bao lớp trói buộc, nghiệp dữ thảy dừng. Thắng nghĩa thậm thâm, tối thượng phát sinh. Như Lai chứng đắc tự tại, bất thoái, các báu trang nghiêm, rực rỡ sáng ngời, thù thắng tột bậc, thấu đạt các pháp.

Oán báo Thiên đế phi đẹp, hậu quý, ngôn thuyết giảm thiểu. Thời ấy gồm đủ. Tùy thuận rộng khắp, nguồn ngọn si mê, lại không tịch tĩnh. Xa lìa chướng nhiễm, buông lung quá mức. Hình tướng như cõi không, hòa hợp thế gian. Nơi chốn tạo tác, phát khởi vọng, nhiễm. Tâm kia mờ tối chẳng tạo nhân lành, đức hạnh hữu tình thanh tịnh, thuận hợp. Trói buộc như vậy, tâm ý tán loạn. Ba tánh của tâm xen tạp mà có. Tu thiện, lìa vọng, chướng nhiễm không còn. Đạt được như vậy, giới đức tu hành nhân ngã cùng tăng. Xa lìa tranh, nhiễm, ngã pháp chân thật. Tán dương giữ giới, giới luật viên mãn.

BỒ-TÁT BỐ THÍ, THÊM VẺ TRANG NGHIÊM, TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH QUẢNG DIỄN NGHĨA THỨ MƯỜI LĂM.

Thuyết pháp chân thật, viên mãn, lực dụng hòa hợp vô lượng vô biên. Phiền não như lửa, hình tướng hợp nhất. Chỗ gọi là thấu đạt lời dạy bảo của Bồ-tát, chân thật như bạn lành, các pháp không tranh, hòa hợp như vậy.

Đêm tối vọng tưởng, nhiễm tranh tăng thêm.

Xa lìa (mọi) phiền não, chướng ngại nhiễm buộc, hình tướng mờ mịt, chi phần lộn xộn, tạo lại bình đẳng.

Như tâm của cha yêu nuôi con trẻ. Thâu chứa công đức, ba thời không vướng. Lực bố thí ấy, tu tập tối thượng. Pháp lìa hý luận, chúng sinh ghi nhớ. Như ân dưỡng dục của bậc cha lành. Chư Thiên cõi Dục còn tham, sân, si. Tất cả phiền não theo đấy phát sinh. Ngăn chận cản trở các pháp thắng định.

Thắng nghĩa chân thật, bao la như vậy. Bình đẳng tăng trưởng, dứt mọi nhiễm, vọng. Đây cầu, kia buộc, tạo nhân xa lìa. Pháp vốn như như, dứt mọi biến chuyển. An lạc tịch tĩnh, pháp vốn thường trụ, tâm không ưu khổ, an lạc tự tại. Thế Tôn thượng diệu, khẩu pháp như hoa sen thơm. Giải thoát đúng nẻo, phiền não đoạn sạch. Ba nghiệp thanh tịnh, vi diệu thậm thâm. Nhân ám độn, chướng, si mê thảy dứt. Hình tướng thiện diệu, thanh tịnh hiện bày. Thọ mạng an định gồm đủ phước đức. Lìa mọi tà pháp trói buộc chúng sinh. Lực dụng tịch tĩnh thể hiện bình đẳng. Thể tánh thường tại, dốc lòng tu tập. Hình tướng chi phần không gây phiền não. Cõi ý thanh tịnh, bình đẳng, an lạc. Hình tướng hợp nhất, tâm được sung mãn.

Thế nào là si độn, không tâm bố thí?

Chúng loại thấp kém dễ sa hý luận. Quả báo thích ứng, an trụ yên định. Phiền não như lửa thiêu đốt căn lành, nhân ác khó dừng. Giáo hóa tạo nhân, chi phần chẳng bận. Bình đẳng trọn đủ, hòa hợp bất thoái. Lực dụng bố thí, tiếng tăm chẳng màng. Lại tạo phiền não làm nhân ngã mạn. Buông theo nhiễm, chướng, si độn phát sinh. Là chốn đủ lực, việc khó không sửa. Thắng nghĩa viên mãn, nhiễm vọng đâu còn. Bố thí tạo nhân, tướng nghĩa trọn đủ. Theo hạnh Bồ-tát, giáo hóa, tu tập. Như vậy là hàng đại hữu tình dứt sạch chấp ngã. Thắng nghĩa phát sinh theo đúng Thánh pháp, thù thắng thêm tăng. Tánh vốn không nhiễm vọng tưởng phiền não. Thấu rõ chẳng tạo tánh của dòng thác. Toàn cõi phiền não tinh thô trùm khắp, thường không gián đoạn. Chỉ rõ tự tánh viên mãn đúng thực. Hàng đại hữu tình phát sinh hạnh thiện. Ngọn nguồn nghiệp dữ lưu chuyển không cùng. Dứt nhân điên đảo, tịch tĩnh hiện bày. Quảng diễn nghĩa lý, không nhân trói buộc. Trí tuệ như lửa thiêu củi phiền não. Truyền dạy lời Phật, tịch tĩnh bất thoái. Thân thể chi phần, sắc tướng thượng diệu.

Phát tâm bất thoái, vô tướng, không buộc, tu nhân thù thắng, tĩnh trụ như biển. Căn bản phát sinh, mong đạt chân thật. Luôn nhớ bố thí tùy thuận tướng nhân. Tự tánh viên mãn, chân thật hoàn hảo. Nhân tịnh diệu trọn, rực

sáng như lửa. Lực dụng đích thực, tu hành dứt nhiễm.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, HẠNH CỦA TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH THỨ MƯỜI SÁU.

Không tu chướng nhiễm, phát khởi hành giải, nhận rõ si độn, dứt trừ điên đảo, lìa bỏ tạp thuyết. Đó là tùy thuận các bậc Sư trưởng, phát sinh lãnh hội.

Các hạnh Bồ-tát hình tướng thế nào?

Theo đó phát sinh bi nguyện rộng lớn, an trụ hiện bày, thông suốt trọn vẹn. Dứt mọi vọng tưởng, trừ hết Thiên ma. Không nhân vọng loạn, hành nghiệp tạo tác. Vỗ về các loài, diệt trừ nhân độc. Gọi là dứt nhiễm. Bi lực tự tại thế gian khó sánh. Vi diệu, hòa hợp, hướng xuất thế gian. Căn lành vô tận, vọng nhiễm không sinh, thâm diệu khó đạt. Chúng sinh tạo nhân, hành giải gồm đủ. Tu hạnh thắng nghĩa, tự tại hiện bày, là cõi thấu đạt. Hữu tình thế gian, tâm không trừ diệt các tướng tham dục. Phật đại từ bi, tâm nguyện cứu vớt, hiện tướng bạn lành, chỉ nẻo an vui. Nương lời chỉ dạy, phiền não không sinh. Ba độc không dấy, thấu rõ lợi ích. Chi phần tăng trưởng, đói khát đổi thay. Hý luận, mười ác, tất cả đều dứt. Chướng ngại, tai nạn cũng đều không sinh. Lại nhận rõ nhiễm, độn, thế gian không thật, mười pháp bất thiện không rời đói khát. Nhân vọng phát khởi, nghĩa lợi chẳng đạt. Mẹ hiền thấy con ưu sầu chẳng bỏ. Trí tuệ thấy rõ cõi tánh chân thật, phiền não tự dứt. Bậc vương giả ấy trị ở cõi đời. Năng lực rộng lớn, đói khổ chẳng còn. Sùng tu chánh pháp, viên mãn, bất thoái. Biết rõ phạm hạnh, ngã mạn không sinh. Si độn chẳng còn. Lực dụng tăng trưởng, nơi chốn đầy đủ, tự tại viên mãn. Bạn bè thích hợp, trí lực tròn đầy, Thanh tịnh đều khắp, diệu dụng tuyệt vời. Tâm ý không nhiễm, thấy rõ tướng xấu. Tu hành đoạn nhiễm, trí tuệ phát sinh. Tin theo nhân quả, nương lời Phật dạy. Tất cả chúng sinh đùm bọc dưỡng nuôi, chỉ dạy nhân quả. Lại tạo vật dụng, ví như lọng phủ. Hình tướng nuôi dưỡng là nghĩa chở che.

Thế nào là hình tướng?

Hành động hòa hợp, dứt bỏ hý luận. Như xứ có vua, đất nước thịnh trị. Ngôn ngữ truyền dạy, tạo tác thù thắng. Nghiệp dữ, điên đảo như thế đều dứt, các loại cô quả dưỡng nuôi đầy đủ. Lại tạo nhân từ gốc, diệt nhiễm, không gây xáo trộn đổ vỡ cho đời. Chúng sinh tự đạt, tịch tĩnh không lời. Hiểu biết chân thật, thắng nghĩa cõi hành. Hình tướng hợp nhất chúng sinh dứt mạn. Khổ thọ thế gian tất có nguyên nhân, không phải xuất phát từ điều huyền bí. Không như lệnh vua ban ra sai khiến. Có đủ nhân phước, đức

hạnh tròn đầy. Cấu nhiễm, hý luận phải được dứt trừ, thế gian thành chốn vun trồng phước nghiệp. Luận đàm, tranh biện, phàm phu khó dứt. Thuận theo thắng nghĩa, thanh tịnh dứt nhiễm. Tri thức sung mãn, phước đức bao trùm.

Thế nào là thuận hợp bất thoái?

Hữu tình tịch tĩnh, ngôn thuyết đều dừng. Bậc đại vương giả lãnh hội chánh pháp. Phát triển đầy đủ, lìa mọi tà thuyết.

Thế nào là đúng nghĩa giải thoát chân chính?

(Bậc) hữu học hướng cầu, phiền não vô tận. Gốc sinh theo loại, hành động tạo nên điên đảo dẫy đầy. Hợp với ngã mạn (làm) gốc rễ tự tánh. Chúng sinh phiền não tràn trề khởi hợp. Ghi, nhớ, nghĩ, giữ, xưa nay không sót. Diệt rồi lại sinh, biến chuyển không cùng. Nhân từ xa xưa, gặp duyên mà khởi. Vuông, tròn các thứ trí tuệ tỏ ngộ. Trong lặng, yên lành tâm kia tự tạo. Đại thừa tối thượng, trí không thể đạt. Hành tướng trói buộc, Như Lai hằng dứt. Thể tánh bao la, biến chuyển chẳng cùng. Nhân diệu thanh tịnh, tịch nhiên không đổi. Tâm được giải thoát vốn chẳng bóng hình. Trí vượt hữu, vô, ngôn từ nào kịp. Pháp tánh thanh tịnh, vi diệu khó đạt. An định lìa sợ, vượt mọi giới mốc. Nơi chốn yên ổn, nghiệp dữ chẳng sinh tạo nghiệp điên đảo. Hình tướng tối thượng, lực dụng căn bản, Thân tâm hiện bày, uy dung đáng kính. Tự tánh vi diệu hợp nhất, dung thông. Hý luận càng dấy, giáo pháp chẳng sinh, xứ sở thiếu kém, phiền não trói buộc. Nhớ nghĩ không dứt, si độn tận cùng. Trí tuệ diệu bày, chủng loại sung mãn, hình tướng thuận hợp, hóa độ nên công, mẫu mực nghiêm túc, tộc loại quý kính; tu hạnh vô thường trụ Như Lai tánh, tối tôn tối thượng, gốc rễ thân tâm, dung mạo tịnh diệu, bóng hình tịch tĩnh.

Lực nhân tự tánh viên mãn như vậy, đủ sức tu tập đạt trí tuệ thực. Nhân duyên hòa hợp, lìa buộc là chính. Tâm sinh căn bản các pháp mẫu mực, lực dụng bố thí vì đạo, xa lìa tất cả. Tất cả các loài, mong đường hòa hợp. Thảy đều tu hành, phiền não từ khước, lìa bỏ nẻo trời. Xa lìa ngã mạn, nhân thắng đạt được. Gốc rễ ba tranh cùng buộc ngã sinh. Đúng nghĩa giải thoát, xa lìa tất cả. Nhiễm buộc, tịch tĩnh, tạo tác chân thật. Điều phục tu tập, tạo nghiệp thanh tịnh. Hành, giải gồm đủ, mạn không thể dấy. Trí tuệ thông tỏ, nhân thắng nên tu. Tịch tĩnh ưu việt, sáng rỡ không giảm. Trí tuệ hiện bày, hòa hợp an định. Tiến tới, trọn nên, linh động không bỏ. Tu tuệ viên mãn, ý càng thấu đáo. Tham ái mênh mông, chỉ trí nên lìa. Diệu lý thâm diệu, vốn chẳng sinh ra, cũng không thể hoại. Đúng nghĩa an lạc là dứt (nẻo) trôi lăn. Cõi tánh như vậy luôn được an trụ. Hình tướng căn bản,

hiện bày khó đạt. Đức hạnh thắng nghĩa tịch nhiên như như. Tự thể Như Lai hằng đoạn phiền não. Si độn, khổ não, địa ngục khá chịu. Quả báo ngạ quỉ, lo sợ khó thoát. Vô ngã thuận hợp, lực dụng hiện bày. Thanh văn động chuyển, Đại thừa an trụ. Giải thoát chẳng sinh, Giới luật đâu bận. Hăm hở bố thí, mong cầu không đạt. Cha lành thế gian điều phục chẳng cùng. Tánh giới, trì, phạm dứt bỏ nhân nhiễm. Trí thông vô tướng, phiền não chẳng sinh. Đức hạnh như như, tịch tĩnh hiển hiện. Bốn quả Thanh văn, thắng nghĩa chân thật, là xứ có vua tu hạnh đàn-na. Như dòng thác lớn, phải dốc sức tu. Tuy có bố thí không mong phước báo. Hạnh thí vô tướng, ngọn nguồn thuận hợp. Ăn uống đầy đủ, hành đàn rộng khắp. Kiêu, phóng chẳng dấy, muôn dân trong nước hớn hở vui mừng. Lệnh dạy mẫu mực thấm nhuần mọi nẻo. Hạnh bố thí ấy, tịnh diệu kính tu. Tế độ quần sinh chính là đại thí. Làng xóm, thị tứ trong nước ước tính năm ngàn. Lệnh ban khắp nơi theo bậc Đạo sư, là bậc Mẫu mực thảy nên tu tập. Nước ấy giàu có, đạo đức tốt đẹp, đời thật ít có. Lời thiện ban bố. Là nước có vua. Việc nước theo gốc, giỏi trị khắp cõi; còn, mất, bỏ, theo thảy đều cân nhắc. Việc nay, phép xưa luận bàn thích đáng. Chú trọng sự thật, tạo tác an nhiên, hình tướng đều đạt. Chi phần thuận hợp, theo pháp lệnh truyền. Lời bậc vương giả ban bố cặn kẽ. Bậc vương giả ấy có đủ trí tuệ, lực dụng thù thắng, đâu cần bạo lực. Tu tập thù thắng, trời giúp bậc ấy. Hành, giải gồm đủ, kiêu mạn chẳng sinh, thuận hợp trọn đủ.

Thế Tôn như vậy ở thời xa xưa. Không đến không lại, sắc tướng viên mãn.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TRANG NGHIÊM XỨ ẤY, TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA QUẢNG DIỄN THỨ MƯỜI BẢY.

Giới luật tịch tĩnh, dứt mọi vọng tưởng. Giới pháp trong lành năng trừ nhiễm buộc. Đó là tùy thuận thấu đạt.

Các bậc Bồ-tát thảy đều an nhiên, dung mạo hòa hợp, an định, thường trụ. Nơi chốn tịnh diệu, các chúng bình đẳng, tịch tĩnh chân thật. Hành trạng phạm hạnh, học xứ thanh tịnh. Bạn lành các vị trí tuệ tăng trưởng. Tự tánh xưa nay, tu tập tự tại. Thanh tịnh chân thật, hình tướng vẹn toàn. Tùy thuận thế gian, (khai thị) trí tuệ chúng sinh. Dung mạo trang nghiêm, tột vời khó sánh. Cõi người thấu suốt, sáng tỏ đáng yêu. Bờ giác trong lành, nhiễm buộc thảy diệt. Trí tuệ thiền định diệu dụng vô biên. Dòng thác phiền não Như Lai đã trừ. Thế gian si độn, như vậy khó thoát. Do không có trí, chỉ

mong lực dụng. Nhận rõ pháp vọng, tri kiến chân thật. Đức hạnh tối thượng, ngã mạn không buộc. Phiền não pháp sinh, có trí tuệ trừ. Xuất gia tu học, bậc đại hữu tình. Đắm yêu xứ sở chỉ nhận lấy khổ. Lìa bỏ chánh pháp, đam mê dục lạc. Tu hạnh bố thí, cõi ý an lạc. Tu hạnh bố thí, bình đẳng tăng trưởng. Hơn cả bố thí cho trăm ngàn Sa-môn cùng Bà-la-môn, đó là công đức bố thí. Như A-la-hán trí tuệ viên mãn, công đức không khác. Làng xóm xa xưa, tùy thuận thích hợp. Chốn ngự (của bậc) vương giả biến chuyển, an trụ. An lành, thượng diệu, tùy duyên bất biến. Thiền định cõi Sắc, cội nguồn nhận rõ. Hội nhập thanh tịnh, tướng nhân tịch tĩnh. Thể của thân tâm, năm uẩn biến chuyển. Hình tướng tịnh diệu, lực dụng tự tại. Như A-la-hán ứng hiện tối thắng. Công đức xuất gia, theo pháp thực hành. Trí diệu thanh tịnh, các mạn chẳng sinh. Tướng nhiễm đã dứt, thọ trì kinh điển. Tướng mạo biến hóa, thân tâm đổi thay. Trí tuệ phát sinh, lìa xa trói buộc. Tịnh diệu hiện bày, đạo đức hơn hết. Thấu đạt thiện tịnh, xa lìa ồn tạp, trong lặng như trăng. Là chốn phát sinh ý lành bất thoái. Như nhớ cha lành ân đức vô bờ. Thiện, tĩnh trọn đủ như (mùa) xuân sinh dưỡng. Cha lành yêu con thường không rời bỏ. Nơi chốn hành động ngôn ngữ thuận hợp. Khéo léo điều phục (các) hình tướng đảo điên, tịch tĩnh mênh mông, giới mốc vô tận. Tán thán công đức như núi cao vời. Năng lực thanh tịnh, khó dùng tên gọi. Sinh linh cõi nước, trí tuệ an lành. Xứ sở diệu kỳ, si độn vắng bặt. Công năng diệu dụng, Thánh hiền bày rõ. Dốc tu thượng diệu, an trụ, yên định. Bạo lực trói che phải nên xa lìa. Nữ nhân, gốc ngọn âu sầu đáng sợ.

Chúng sinh do đâu dễ sinh tham ái?

Mẫu mực nghiêm túc không tạo nhân ấy. Mong được dứt sạch, tăng trưởng tự độ. Thắng nghĩa mong đạt, cứu vớt muôn loài. Nghĩa lợi thấu đạt, thanh tịnh chân thật. Như ý mẹ hiền khéo dạy các con. Đó chính là điều không hề biến đổi. Chúng sinh thế gian (cần được) điều phục như thế. Tạo nghiệp đầy đủ, an lạc tự tại, chân thật tăng trưởng.

Thế nào là đạt được an lạc tận cùng?

Vui mừng hớn hở tạo việc an lành. Là xứ các vị Bồ-tát căn bản mong đạt các hạnh an lạc.

Đạt trí vi diệu, lìa trói buộc, nhiễm. Trao dạy học thức chân thật vô thượng. Dạy dỗ tri kiến an lạc như vậy, từ đấy đảm đang tế độ hữu tình. Ngôn thuyết vô tướng, tâm sinh an lạc, nghiệp dữ không còn, tạo nghiệp bố thí. Gây nhân Thập thiện, điều phục khắp chốn. Thắng tuệ an lành như mẹ hộ niệm. Đó là như tánh an lạc chân thật. Nhân ấy tăng trưởng, quả báo thắng diệu. (Nhưng nếu) dấy "Tăng thượng mạn", (mọi lẽ) vi diệu ắt dừng.

Pháp của "Thánh tánh" căn bản là thế. (Chỉ nương vào) nghĩa của nghe, giữ, pháp khó thể đạt. Tự tánh chúng sinh, phàm Thánh chung dòng. Không bỉ, không thử, ngã mạn cũng dứt. Nhân gốc nào có, (nhưng) bày hiện đủ đầy. Vọng tưởng đùa cợt biến chuyển như vậy. Nhân bố thí kia, gốc của an lạc. Trí diệu thanh tịnh (là) nhân lành xuất thế. Các pháp giáo hóa động tĩnh cùng tiến. An lạc, không mạn, hưởng cầu đúng pháp. Tự tại an nhiên, đúng nẻo đạo Phật. Nhân gốc thành tựu, mong đạt không tranh (hý luận). Các pháp ấy giúp chúng sinh lìa lỗi. Tôn kính Thánh hiền, hoan hỷ cúng dường. An tĩnh vui thích chân thật viên mãn. Thắng pháp dốc tu, công quả chóng thành. Thắng nghĩa tự tánh, ngọn nguồn tịch tĩnh. Ý tịnh không sinh, chân thật khó trụ. Tự tánh pháp ấy, tịch nhiên an lạc, thể vượt hữu vô, trí diệu bình đẳng. Tu tập thuận hợp, an lạc tịnh diệu. Thể tánh thanh tịnh, trang nghiêm như vậy, giúp chúng sinh giải thoát, giác ngộ. Khổ não không còn, trói che cũng hết. Thắng nghĩa căn bản, mong đạt bất thoái. Ba loại nhiễm buộc, tạo tác chẳng sinh. Mẹ hiền sung sướng, làm sao lìa bỏ? Thấu đạt động tĩnh, không ngừng cầu an. Phiền não, độc nhiễm, si độn che buộc. Lực an lạc thiếu, ngã mạn dấy tăng. Nơi chốn thanh tịnh, pháp tánh thường trụ. Nhân duyên các mạn cầu chẳng thể được. Bạo lực, khổ não, si độn trói buộc. Thiện tịnh hòa hợp, tĩnh lặng, xa lìa. Trong lặng, mẫu mực giống cõi thái hư. Ngã mạn, si mê dấy tăng, đáng sợ. Hình tướng đổi dời, tịch nhiên an lạc. Cho dù đói khát trăm mối bức bách, khổ não thường xuyên trói buộc như vậy, (Bồ-tát) hóa độ quyết không dừng nghỉ, Thấu tánh phiền não ắt được an lạc. Ngộ lẽ vô tâm, theo hạnh như như. Bờ giác thanh tịnh, Thánh nhân an trụ. Phân tích nghĩa lý, nên dựa trí lực. An lạc tịch tĩnh, tâm lặng dạy truyền. Tham dục, hý luận, gốc của phiền não. Trói buộc bỉ, thử, trí tuệ khó sinh. Dũng lực cha lành, nơi chốn khuyên dạy. Dòng thác gặp duyên, ý kiêu liền khởi. Kẻ học giữ luật, bậc đại hữu tình. Tâm thiện hòa hợp, giới hạnh thanh tịnh. Dứt sạch phiền não, chỉ bậc A-la-hán. Trừ bỏ hình tướng che buộc chẳng sinh. Tự tánh lìa bỏ hình tướng như vậy. Công năng mẫu mực căn bản không khác.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ MƯỜI TÁM.

Một loại vui thích, trí nhận nhiều vẻ. Cội nguồn oan đối, chuyển biến xa lìa. Đó là tùy thuận theo hạnh Bồ-tát, căn bản tịch tĩnh điều phục thích hợp.

Đức hạnh trùm khắp, lực dụng an trụ. Dứt trừ phiền não, trí tuệ tăng

trưởng. Mọi nghiệp dữ ấy, đích thực do từ si độn, vọng tưởng. Hý luận (về) sắc tướng, ganh ghét, đức giảm. Buông theo bạo lực, hạnh khó điều phục. Lãnh hội đầy đủ, tăng thêm bố thí. Nẻo thiện quyết giữ, theo hạnh tịch tĩnh. Phiền não chẳng sinh, lực dụng tự tại. Thắng nghĩa tăng trưởng, thân tâm sung mãn. Bậc thầy dạy bảo, mong đạt mẫu mực. Rõ lẽ Chỉ, Trì mới thông Tác, Phạm. Thiện diệu, thậm thâm, tạo nhân thanh tịnh. Nghiệp lành thường tạo, ba nghiệp vun bồi. Tạo nhân căn bản, dốc tu đã trọn. Xa lìa nẻo quỷ, lo lắng sầu khổ. Hành, giải gồm đủ, giảng giải truyền dạy. Ý nhiễm si độn, dòng thác phiền não, chúng sinh thường được tăng trưởng tịnh diệu, hiện bày như vậy. Thảy nên lìa buộc, gốc rễ, hình bóng. Hòa hợp, xa lìa, vọng tưởng càng tăng. Nhân nhiễm cùng tận, sắc trần cũng vậy. Mong cho tất cả đều được thanh tịnh. Pháp Bà-la-môn tánh không vi diệu. Như ý mẹ hiền dưỡng nuôi đùm bọc. Mong được tự tại, đạt đến viên mãn. Hóa sinh tăng trưởng, hình tướng vui thích. Thượng diệu trùm khắp, thần thái kỳ vĩ. Nhận thức tự tại, trí lực đầy đủ. Lìa cõi hý luận, lên bờ giác ngộ. Bên trong linh động, an trụ bình đẳng. Luật nghi tịch tĩnh, thiền định diệu bày. Lại đạt công đức vô thượng, hy hữu. An trụ vô tướng, trong lặng, thanh tịnh. Thật tướng nghĩa lợi đạt được như vậy. An lạc, tự tại tột bậc thế gian. Tính chất phá hoại, hoàn toàn vắng bóng. Là chốn xa lìa vọng tưởng che buộc. Ý tịnh hòa hợp, cứu cánh bình đẳng. Dứt bỏ đói khát, được nhân thấu đạt. Quả vị La-hán dứt nhiễm ba cõi. Ưu sầu cùng loại, tất thảy đều không. Khổ não hòa hợp an trụ như thế. Thể thắng nghĩa ấy, an tĩnh tự tại. Ưu sầu khổ não, biết rõ (là) không còn. Nhân thật tự tánh, gốc rễ hợp phần. Nhiễm, mạn đều dứt, thể giác tự hiện, là chốn thấu đạt tịch tĩnh căn bản, cảnh giới an lạc, tùy thuận vô tận. Lúc ấy nhiễm vọng không nơi bám víu, thanh tịnh thuần nhất. Đó là thời điểm đạt được (lẽ) vi diệu sâu xa, dứt sạch phiền não. Bồ-tát khuyên dạy cảnh giới an lành, đủ lực tùy thuận (giáo hóa chúng sinh). Sinh ở niệm đầu, đạo nghĩa diệu thiện. Là chốn kiêu dật, gốc rễ dấy tăng. Tịnh diệu hữu vô, đúng nghĩa giải thoát. Nhân gốc thấu rõ, tu hạnh hữu học. Tâm được an trụ, lực đủ đảm đang. Bố thí mong đạt được như bậc Thánh hiền. Bảy hàng Thánh ấy tu học gồm đủ. Bạn lành thấu đạt, trí tuệ thông suốt. Nhân tham không khởi, trụ hàng Thánh hiền. Thánh chúng chân thật, tu hạnh Như như. Trụ ở Thập địa, đoạn nhiễm phân biệt. Đạt đúng giải thoát, theo pháp Đại thừa. Lực dụng sung mãn, kiên định an trụ. Giáo hóa thanh tịnh khiến tâm hoan hỷ. Năng lực bố thí, thân tâm chẳng xao. Hình tướng nhiễm ác không nhân tạo tác. Nương cõi tĩnh trụ, phiền não chẳng dứt. (Cùng với) Ngã mạn càng dấy, vọng tưởng trừ diệt. Thắng nghĩa căn bản, vô tướng hiện bày. Thiền định thanh tịnh, trong lặng an lạc. Bồ-đề Tát-

đỏa dứt các pháp nhiễm. Mong đạt nghĩa lợi, đủ sức điều phục. Chư Thiên cõi Sắc tự tại vô dục. Hành theo Thập thiện, xa lìa sân hận. Trí tuệ, sắc tướng mong được viên mãn. Vọng tưởng, buông lung, đầu mối (của) nghiệp dữ. Thắng nghĩa Đại thừa tịch tĩnh tột bậc. Diệu trí căn bản: tỏ tánh chân như. Theo hạnh Bồ-tát, khắp chốn thanh tịnh. Tự tại viên mãn, tu hạnh Bồ-tát. Giáo pháp truyền dạy, chân thật bao la. Biến hóa, tịch tĩnh, sắc tướng trọn đủ. Phước đức hòa hợp, âm thanh vi diệu. Trí tuệ sáng tỏ, vô minh sạch làu. Nhân chánh giải thoát thảy đều chân thật. Tạo nghiệp nhất như, mẫu mực nghiêm túc. Nơi chốn tự tại, phước đức vẹn toàn. Tánh ham tu thí, thuận hợp, trọn thành. Ái ngữ, thiền định, trí tuệ thêm rõ. Thể tánh an trụ, bất hoại như vậy. Giới mốc tột cùng (là) diệt pháp tranh nhiễm. Như vậy ám độn (là do) bản tánh si mê. (Nhờ) Giáo pháp trong lành chế ngự, soi dẫn. Tánh vốn không thật, dụng ở ngăn che. Thiền định thuận hợp, lực dụng biến chuyển. Thiên đế phước tận, thật đáng âu lo. Thảy đều tăng trưởng dứt trừ đầy đủ. Thiền định tự tại, dứt mọi đói khát. Xứ sở thanh tịnh, ngã mạn chẳng sinh. Diệt hết phiền não, đức hạnh chân thật. Tự tánh căn bản lực dụng gồm đủ. Pháp hành tùy thuận, tịch tĩnh xa lìa. Các cõi Vô sắc, tịnh diệu sung mãn. Thượng diệu phát khởi. Là chốn tịch tĩnh nghiêm đẹp bày rõ. Hình tướng phiền não, điên đảo đều diệt. Tịnh diệu căn bản, nhân lành gồm đủ, hình thái sắc tướng biểu hiện như hoa. Vật dụng trong sạch, hình sắc chân thực. Giảng dạy về nhân, rõ nghĩa điều phục. Âm thanh gồm đủ, hòa hợp tận cùng. Si độn, vọng tưởng, thảy do hý luận. Bồ-tát giáo hóa, phiền não dứt trừ. Xứ của vọng tưởng; oan gia, Thiên đế, Phi đẹp các loại… Trói buộc căn bản không dấy như vậy, khổ não phơi bày, mong cầu dứt bỏ. Vui thích tự tại, thanh tịnh vi diệu, là cõi tột bậc. Bồ-tát hướng đến. Phước đức như thế ví như hoa sen. Viên mãn, đáng quý, thuận hợp, chủng loại tu hành vượt xa như vậy. Chi phần trói buộc tự tánh, trí tuệ, tư duy, mong đạt chân thật tận cùng như vậy.

Tâm định viên mãn, bản tánh như thị.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 7

Tâm ý tự tại, nghĩa lợi viên mãn. Giữ giới thanh tịnh, luật nghi an trụ. Mong cầu bỉ thử, không phiền não chướng. Chi phần cõi ý, tịch tĩnh hiện bày. Tên gọi sắc tướng, tánh là năm uẩn. Tâm ý như vậy, muốn đạt an lành. Thiện lợi, phước đức tịch nhiên trọn đủ. Nghiệp dữ như thế số lượng gồm ba. Bốn đại, năm uẩn vốn luôn biến chuyển. Tự tánh (vốn) tịch tĩnh, thiện diệu, an lạc. Hạnh nguyện Bồ-tát tăng trưởng thuận hợp. Bậc đại hữu tình lực dụng tự tại. Thiền định, tâm lặng, ý thức không xao. Hành, giải như thế mới mong độ khắp. Ngọn nguồn tai nạn thảy nên xa lìa, là chốn viên mãn, dứt tuyệt hý luận. Cầu pháp chân thật, phiền não dứt trừ cùng tâm nhiễm ác. Sắc tướng Bồ-tát trang nghiêm viên mãn. Thân thể thù thắng, nơi chốn thị hiện trăm thứ tinh diệu. Hình tướng bạo lực, phiền não chẳng sinh. Tự tánh thành tựu, điên đảo đều dứt. Đức hạnh tự tại, pháp nhiễm không còn. Ngọn nguồn ái lạc là pháp Thập thiện. Tịch tĩnh thượng diệu, tu tập thuận hợp. Cõi ý vô ngã chuyên cần bày biện. Nghĩa lợi Bồ-tát theo hạnh như như. Luật nghi thích hợp là xứ bất thoái. Thiền định viên mãn rõ hạnh không nhiễm. Tâm ý khế hợp, oan nghiệp chẳng đeo. Xa lìa mọi ác (chính là) ngọn nguồn tạo tác ngã mạn, si độn. Tu hạnh bố thí, si mạn tự dừng. Trí tuệ bình đẳng tạo tác ngã mạn, si độn. Tu hạnh bố thí, si mạn tự dừng. Trí tuệ bình đẳng tạo tác, chuyển biến. Kiên định dốc tu, an trụ như vậy, là xứ Bồ-tát thanh tịnh tùy thuận. Lực dụng hướng cầu, hành mười nghiệp thiện. Giới mốc như thế, tịch tĩnh trọn đầy. Gốc các phiền não do nhân ý nhiễm, bạo lực phát sinh. Chế ngự cõi ý, gốc nhiễm tự diệt. Bình đẳng thù thắng, thân sơ chẳng phân. Mong dứt nhân vọng hàng Bà-la-môn. Tịch tĩnh trang nghiêm truyền dạy đầy đủ. Giáo hóa muôn loài dứt bỏ ưu khổ. Nghe, giữ gồm đủ, tăng trưởng hành động. Nghiệp dữ tận cùng (là) đói khát bức bách. Giảng dạy thắng nghĩa, hốt nhiên tự diệt. Chi phần dòng thác tạo mọi si độn. Ngã mạn hiện bày, (cũng) âm thầm dứt sạch. Điên đảo (như) gió cuốn, phiền não không bờ. Nhân duyên trói buộc (mọi) tạo tác chân thực. Thể tánh tự tại, ngôn ngữ thuận hợp. Phiền não, mạn dứt, Thiện diệu an trụ, như thêm hương vị.

Ngọn nguồn cõi ý không nhân đảo điên. Lực dụng vương giả như gió xua cỏ. Lời vương như vậy, giúp đỡ thích hợp, ngôn ngữ đúng phép. Sắc tướng tự tại, thu bày đều đạt. Thảy đều kính tu, thể không bạo lực. Trí tuệ thanh tịnh, nhân diệu tăng thêm. Tánh không đảo điên, giảng truyền thuận hợp. Thắng nghĩa vi diệu, bình đẳng đích thực. Thể Như như lớn, biến chuyển không nhiễm, đạt nhân bố thí, trí tịnh bất thoái. Hành, giải thượng diệu, tròn hạnh thù thắng. (Cõi) Tứ thiền tịch tĩnh, ngôn ngữ khế hợp. Cõi dụng không bờ, gốc mọi tướng mạo. Lực dụng không hoại, gồm đủ thù diệu. Luận bàn (theo lý) vô ngã, đạt gốc trí tuệ. Ngôn ngữ tịnh diệu, giáo hóa quần sinh. (Cùng với) nơi chốn, xóm làng, nghiệp dữ, pháp nhiễm, đều được an lành, oan báo đều dứt. Đúng nơi hình tướng vương giả an tĩnh. Nghĩa lợi thù thắng, lời ban hiệu lực. Chúng dân như thế, lãnh hội rõ ràng. Dưỡng nuôi các loài thấu đạt, thuận hợp. Tu tập tịch tĩnh, (đạt đến) cõi tánh thù thắng. Hữu tình thanh tịnh, nghiệp nhân bất thoái. Ngôn ngữ khế hợp tăng trưởng như thế.

Thế nào gọi là trí tuệ bình đẳng?

Thể tánh thanh tịnh, rời cõi hý luận. Cõi tánh vọng động (dẫn tới việc) tạo nghiệp đích thực. Các pháp thanh tịnh, lực trừ từ gốc. Các pháp thiện ấy dứt ác, (tạo) nghĩa lợi. Tự tánh vi diệu, thanh tịnh chân thật. Bạo ác hết mực (chính là) trói buộc ngay gốc. Tạo nhân thắng nghĩa, lãnh hội đầy đủ. Mọi ác xấu ấy thảy đều tự dứt. Là cõi Dạ-xoa thanh tịnh, không nhiễm. Nghĩa lợi Thập thiện, đạt chốn an tĩnh, ngọn nguồn tịch tĩnh. Tạo nhân rộng lớn, đạt lực thanh tịnh. (Đó là) dung mạo của chốn tĩnh lặng, ung dung. Chú nguyện chân thực tánh sinh hàng Thiên. Nghĩa lợi thanh tịnh, đói khát chẳng còn. Giảng lẽ tối thượng, lãnh hội giữ gìn, mọi thứ vọng tưởng, phải nên trừ diệt. Trí tuệ tịnh diệu, tự tại vô biên, dứt thảy tranh nhiễm, náo loạn, si độn, kiêu mạn. Xứ sở tịnh diệu, giảng lý thanh tịnh, (mọi thứ) đói khát, đảo điên (đều được) nuôi dưỡng an lạc. Như ánh trăng trong xua tan nóng bực. Si độn trói buộc, nhiễm dục thảy dừng. Tạo nhân bố thí, tham nhiễm dần hết. Là cõi Bồ-tát tùy thuận bình đẳng. Ngọn nguồn lâu đời, nghiệp dữ cũng diệt. Ngôn ngữ tham dục, si độn, ngã mạn, thể không trong lặng. Tánh của dục nhiễm, thể vốn tạp loạn. Đạt nhân tối thượng, dứt trừ điên đảo. Tánh của phiền não tăng dấy như thế. Tu hạnh Như như phải gắng dứt trừ. Như chốn oan báo Thiên đế, Thiên hậu đúng là hoạn nạn.

Tham dục, điên đảo làm sao dứt trừ?

Ở chốn thắng nghĩa, căn bản vắng lặng. Mong được lực dụng tự tại, thù thắng. Dốc lòng dưỡng nuôi, tăng thêm tánh thiện. Như mẹ yêu dưỡng,

phiền não lặng yên. Các chúng thanh tịnh đạt được an lạc. Nghĩa lợi thù thắng (là) "Vô úy" chân thực. Giáo hóa (theo) mẫu mực, tự tại cùng tận.

Thế nào là mong cầu hành động tham dục?

Hoan hỷ, cung kính lời Bồ-tát dạy. Hướng đạt nghĩa lợi, dứt mọi đảo điên. Thấu đạt lời dạy của Đức Bổn Sư, lìa mọi phiền não, đạt cảnh tịch tĩnh. Tham dục, si độn, điên đảo, buộc che. Thế gian sầu lo, chịu mọi thống khổ. Dục tham nghĩa lợi thì cũng như vậy. Thế là nhân nhiễm tạo pháp điên đảo, cùng với kiêu mạn, che lấp, trói buộc. Bố thí rộng khắp, theo nhân giáo hóa. Đạt được thắng nghĩa tịch tĩnh, vô tướng.

Thế nào là tĩnh trụ hòa hợp, an lạc?

Xa lìa tranh, nhiễm, tâm thiện cùng bày. Nhân gốc (của) ngã mạn chính là tham dục. Tận cùng tăng trưởng (là) cúng dường Thánh hiền. Dạy bảo (về lẽ) thanh tịnh, rõ nghĩa giáo hóa. Như chốn oan báo Thiên đế, Thiên hậu. Ngôn ngữ giải bày, biến hóa thích ứng. Các chúng tự tại, vô hữu viên mãn. Tạo nghiệp tịch tĩnh, đức, dũng gồm đủ. Cội nguồn giáo hóa: dứt hết chướng ngại. (Đạt được) tịch tĩnh, xa lìa dòng thác đảo điên. Thảy đều là nơi phát sinh bố thí. Tu tập thanh tịnh, mong được tịch tĩnh. Bồ-tát ứng hiện, dẫn dắt chúng sinh phát khởi theo nhân thanh tịnh. Là chốn Bồ-tát bố thí thích hợp, hành giải sinh khởi. Tùy thuận tịnh diệu, làng xóm yên lành. Lực dụng tận cùng (là) pháp Đại thừa mở. Phiền não (nơi) chín địa tùy thuận cõi trời. Vua tôi tự tại, dạy truyền đây đó. Oan báo Thiên đế, Phi đẹp, kiêu mạn, đúng là dòng thác phiền não cấu nhiễm trói buộc, dấy lên ngã mạn, phóng túng. Ngôn ngữ thượng diệu, tự tại viên mãn. Trí tuệ thông tỏ, phiền não đều dứt. Đạt cõi thắng nghĩa như A-la-hán. Báo thân tự tại (gồm đủ) hai trí chân, tục. Hình tướng bao la như cõi hư không. Sám hối lỗi lầm, (đó là) buộc ngã cùng tận. Tai nạn xa lìa, mong được dứt bỏ. Ba độc (buộc) chúng sinh, sám trừ điều ấy. Hướng cầu sinh Thiên, đủ mọi an lạc. Lìa xa tham dục, rời bỏ si độn. Thực hành bố thí, tu hạnh Như Lai, tịch tĩnh hiển hiện. Nên vì muôn loài gánh vác, giáo hóa, trọn đủ không ngại. An tĩnh bỉ thử, viên mãn yên định, hoạn nạn không còn. Trưởng giả bạn lành, theo hạnh bố thí, bạo lực các hạng cũng không phân biệt. Hình tướng viên mãn, đạt giá trị lớn. Người ấy: phiền não cùng dự, oan đối cùng ở. Tu tập tinh tấn, đúng nghĩa giải thoát.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, THÊM VẺ TRANG NGHIÊM, TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ MƯỜI CHÍN.

Đức hạnh (của) tự tánh, chân thật, diệu dụng. Phiền não hiện bày vui mong dứt sạch. Tu tập nghiêm túc, nhiễm vọng dần tiêu. Đó là tùy thuận thấu đạt.

Bồ-tát "Tịch mặc" tộc họ chính đáng. Vô tận, bao la, lìa mọi xấu ác. Theo nhân tịnh diệu, mong đạt yên tĩnh. Dạy bảo, dắt dẫn, dứt các si mạn. Bi nguyện tùy thuận, bình đẳng an lạc. Tánh không ngã mạn, hành hóa rộng khắp. Đạt pháp Đại thừa, tạo nhân căn bản. Cầu chốn an tĩnh, trí tuệ thanh tịnh. Chánh pháp thấu đạt, lực tu tự tại. Thị hiện ở đời, cõi tịnh an trụ. Là nơi thâm tâm thanh tịnh hiện bày. Tộc họ vương giả bền vững lâu đời. Phiền não quấy nhiễu chi phối đều dứt. Cứu giúp muôn loài, thế gian ít có. Tâm ý dốc tu, tạo nhân tịnh diệu, tự lực giác ngộ. Đại nguyện Bồ-tát, hóa độ chúng sinh, chỉ dạy căn lành, thảy đều viên mãn. Tịch tĩnh nhiều kiếp, làm thân hữu tình. Năng cầu tu tập, an trụ thiện định. Theo đường khổ hạnh, (đạt) thắng nghĩa căn bản. Giới đức thanh tịnh, tự tánh như thế. Nghĩa lợi bậc Thánh (gồm) chín loại hình tướng. Sinh khởi tận cùng, điều phục tột bậc. Tích tụ giới đức, rõ đoạn buộc ràng. Căn bản tịch tĩnh, gánh vác thuận hợp. Tánh vốn là không, sắc tướng nào có. Ghi nhớ, lãnh hội nhân mọi vọng tưởng. Chúng sinh sao được hình tướng giải thoát? Tai nạn thảy lìa, an trụ trong lặng. Ngã mạn chẳng còn, xa lìa nhà cửa, bụi bặm, ác nhiễm. Tịch tĩnh phát sinh các hạnh vi diệu. Tự tánh thanh tịnh, nghiệp tịnh căn bản tăng trưởng không ngừng. Nhân diệu gắng theo, chế ngự xua tan phiền não thống khổ. Thắng nghĩa tịnh diệu, cõi trời đầy đủ. Giữ giới thanh tịnh, đạo hạnh khế hợp. Thắng giải tự tại, nhân tịnh viên mãn, (đó là) tùy thuận tận cùng. Xa lìa che, buộc, bỏ lời kinh sợ. Yêu, nuôi các loài, an lạc, dứt nhiễm, dứt bỏ chấp ngã, (cùng với) nhà ruộng bao thứ. Đó chính là xứ hành động mong đạt. Chẳng theo bố thí, tự tánh lu mờ. Ham muốn bạo lực, sắc tướng càng tăng.

Thế nào là vọng tưởng: "Nhân ít quả nhiều", các nẻo luân hồi, lời dạy nêu rõ?

Không còn tranh nhiễm (là) gốc mọi xứ sở. Tùy thuận trọn đủ các pháp ái, lạc.

Thế nào là các pháp thắng nghĩa tối thượng?

Bi nguyện tự tại – chúng sinh cùng tận – bạn lành dứt ác – các nhiễm nên dừng. Bố thí trí tuệ. Diệt cõi ngã mạn. Tự tánh giữ giới. Thuận hợp tịch tĩnh. Hành, giải tùy thuận, đạt nhân bố thí. Thắng nghĩa thanh tịnh. Tùy thuận chủng loại, bậc Thánh nhận rõ. Theo pháp chân thật xa lìa đảo điên. Nghe, giữ gồm đủ, mong dứt pháp nhiễm. Tánh giới vi diệu, phiền

não hằng dứt. Lực dụng tự tại, cơm áo thi ân. Hòa hợp không tranh, không điên đảo, mạn. Tu pháp điều phục, hành hạnh thành tựu. Là chốn Bồ-tát nguyện độ muôn loài. Tinh tấn không ngừng, hướng đạt viên mãn. Hạnh nguyện bất thoái, vì (nhằm dứt) gốc phiền não. An trụ thanh tịnh, hành nhân như như. Si, độc, nghiệp dữ, khổ não, đói khát, dứt sạch từ gốc. Thắng nghĩa căn bản (là) lực dụng từng niệm, lìa bỏ trói buộc. Làng xóm thành ấp, nơi chốn an lạc. Bản nguyện bố thí (là) hòa hợp vắng lặng. Cứu cánh tịch tĩnh. Nội lực thâm hậu. Mong đạt tận cùng. Gốc mọi mê, vọng, tai nạn đều lìa. Vọng chấp khó rời, (cần có) thắng nghĩa điều phục. Trí tuệ thấu đạt thông tỏ mọi lẽ. Âu lo khổ não. Hình bóng con người. Thể tánh vốn không. Chúng Bà-la-môn trí tuệ là có.

Thành ấp, làng xóm, dân chúng an ổn. Dốc tu dứt bỏ tham ái trói buộc. Phát tâm quy ngưỡng giáo pháp Đại thừa. Chúng sinh thế gian học đạo Như Lai, hòa hợp dứt khổ. Thực thể phiền não tùy thuận nghiệp thiện. Hữu học dốc tu, phiền não tự dứt. Là cõi vương giả hành hạnh Bồ-tát. Lực dụng thuận hợp, chủng tộc viên mãn. Tự tại hiện bày, tiếng tăm khắp chốn. Trí tuệ tĩnh lặng, thân tướng an trụ. Bậc Đại trượng phu cõi nước yên định. Trí tuệ tịch tĩnh, tỏ tánh vốn như. Diệu hạnh thanh tịnh, phát khởi tận cùng. Điều phục tự tại, hướng đến tối thượng. Quả báo tịnh diệu, hình tướng ung dung. Trí tuệ cõi trời, chúng sinh nghe giữ, là cõi rộng lớn, chúng sinh thanh tịnh, tĩnh lặng, thâm diệu. Si, mạn đều sạch. Sinh khởi thù thắng, biến chuyển an nhiên. Nghiệp dữ, oán đối, âm thầm vắng bóng. Trí tuệ dũng lực, thông tỏ, thích ứng. Dung mạo hài hòa, chúng sinh quy kính. Xóm làng sung túc, chân thực, hiền lành.

Thế nào là xứ sở tùy thuận kiêu mạn, phóng túng?

Sinh kế si độn, dẫn tới tận cùng. Trí tuệ hành, giải, đức hạnh thanh tịnh. Xứ sở tịch tĩnh, căn lành không nhiễm. Hữu tình hòa hợp, nhận thức khác nhau. Trí tuệ bình đẳng, áo cơm thí khắp. Phiền não, nghiệp chướng gốc rễ giống (như) người. Gốc đã bị nhiễm, ngọn cũng mất theo. Giáo pháp chân thật, dứt trừ như vậy. Nhiễm, buộc thế ấy phút chốc tiêu tan. Si, mạn cũng diệt. Như Lai hộ trì, như trời che lấp. Tùy thuận hiện bày. Lực dụng trí tuệ, công năng vô biên. Như vua an trụ.

Thế nào là trí tuệ điều phục bày hiện?

Lời thiện khích lệ (hướng tới) cứu cánh giải thoát. Trí tuệ như thế, tạo nhân tùy thuận. Là chốn có vua, giáo lệnh tự tại, dân chúng tuân hành. (Ví như) Xứ sở kiêu mạn, nhiễm buộc dấy đầy, chúng sinh khổ não, (tất cả đều được) ổn định như trước.

Nhân điên đảo ấy, dẫn tới chấp ngã. Mong cầu nghiệp dữ không duyên chẳng dấy. Là chốn tự tánh hiện bày hỗn tạp: vọng tưởng, oán đối, yếu kém, ngu muội, buộc che tự dừng; kiêu mạn trói buộc chúng sinh; (bậc có) trí tịnh, ý thông hiện rõ, dứt sạch mọi thứ phiền não ấy. Ngã mạn lớn lao, chính là gốc rễ. Ngôn ngữ thuận diệu, trí tuệ tăng trưởng, rõ nghĩa giải thoát. Tất cả chúng sinh kính chúng thanh tịnh. Cõi tánh trong lặng, hý luận chẳng còn. Dòng thác chẳng diệt, khổ não không bờ. Mẫu mực thượng diệu dựa theo thắng nghĩa. Bố thí rộng khắp, cầu nhân cõi trời. Đói khát, ưu phiền, trí tuệ không (bị) mờ. Thấu đạt tịnh diệu, an lạc như vậy. Trí tịnh nghe, giữ như lọng phủ che. Tịch tĩnh tăng trưởng, pháp nhiễm chẳng sinh. Như giáo lệnh vua, tạo nhân Thiên tịnh, trí tuệ phát sinh. Thường không tham dục, thanh tịnh càng tăng. Lực dụng trí tuệ gồm đủ chánh định. Thù thắng tận cùng (là) đạo hạnh tăng trưởng. Thượng phẩm tịnh diệu (là) tự tại bao trùm. Cứu cánh tận cùng (là) thế gian yên tĩnh. Xứ sở tột bậc (là) khắp chốn bình đẳng. Thắng nghĩa phát sinh, tạo nhân đạt quả. Bồ-tát khuyên dạy. Như bậc vương giả. Theo dụng trí tuệ, tu hạnh vô tướng. Tịnh diệu cõi trời, xa lìa che buộc. Bỏ quên cội rễ, tạo pháp hý luận. Nhân không chân thật, hành oán đối sinh. Tịnh diệu tăng trưởng mong dứt pháp nhiễm. Nhân hành phát sinh đúng lý tự tánh. Đức nghiệp thanh tịnh, dứt trừ các mạn. Tịch tĩnh tu học, hành động dũng mãnh. Dìu dắt muôn loài diệt trừ ngu muội, đạo đức hiện bày khắp mọi nơi chốn. Vọng nhiễm dứt sạch, tự tại diệu dụng. Lìa bỏ tranh, nhiễm, hạnh như viên mãn, khổ não, oán thân, đều nên xa lìa. Tánh trí tuệ ấy thiện tịnh trọn đủ. Nhân duyên thích hợp, thù diệu sinh khởi. Sân hận chuyển tới tạo tác hý luận, ngôn ngữ điên đảo, đâu hạnh của trời. Trí tuệ chuyển tu (chỉ) mong đạt cơm áo. Lời nói tham tục, đâu (phải là) chân trí tuệ. Cõi tâm giả trá, nhiễm buộc dấy lên. Mong cầu tạp loạn, phiền não, chướng sinh. Bậc đại quốc vương diễn nói chánh pháp khiến tâm hoan hỷ, thuận theo đạo lý. Trí tuệ tăng trưởng tự tại tận cùng. Dòng thác phiền não (tạo ra bao) hình tướng của khổ. Nghe, giữ trọn đủ. Các pháp mạn, vọng thảy nên xa lìa.

Thế nào là bố thí căn bản?

Pháp thiện tiêu trừ nhiễm, mạn, vọng tưởng. Chi phần thuận hợp, nghiệp đạo viên mãn. Tăng trưởng tận cùng (là sự) đói khát chân lý. Chế ngự, xa lìa.

Thế nào là mong dứt hết vọng tưởng?

Lìa bỏ hý luận, tạo tác thanh tịnh. Thiện tịnh vui cầu, gắn bó Thập thiện. Trí tuệ bạn lành, tu tập viên mãn. Theo hạnh thanh tịnh, phước đức

đầy đủ. Thân tâm, năm uẩn mong đạt an trụ. Thấu đạt vi diệu, nhân ấy vô biên. Phiền não, vọng ấy, đích thực thống khổ. Cõi học trọn đủ, thân thể tịnh diệu. Phước đức cõi đời, quả báo không sai.

Thế nào là tăng trưởng cứu cánh tận cùng?

Cõi học thấu đạt, cầu thắng nghĩa ấy. Thanh tịnh chân thực, vọng, nhiễm chẳng sinh. Đói khát, phiền não cõi ý thênh thang. Buộc, nhiễm bị diệt, như (cõi) không vô ngại, vượt cả tư duy.

Vọng động liên tục, căn bản đều dứt. Tự tánh Như Lai vốn từ tuệ giác. Thuyết pháp tối thượng chỉ nẻo dẫn dường. (Chỉ ra) các nhân si, kém, độc, xấu bám chặt. Nẻo nghiệp thuận duyên, nhờ vào trí lực. Lực dụng thanh tịnh, ba độc chẳng sinh. Giữ, nghe, (theo) tự tánh, tâm mong đầy đủ. Ba thừa hóa độ, cùng đạt Niết-bàn. Chi phần chân thật, lìa vọng trọn vẹn. Dòng thác phiền não (tạo ra) ba loại căn bản. Gốc đã dứt rồi, ngọn ngành đều bỏ. Kính tin chư Phật, giáo pháp thanh tịnh. Pháp như vậy (gọi) là chốn chánh giải thoát. Từ chỗ ưu não, chúng sinh hòa hợp. Nơi chốn nghiêm trang, nói pháp Đại thừa. Cầu nhân vi diệu, danh sắc vô tướng, xa lìa tranh, nhiễm, viên mãn như vậy. Là cõi chúng sinh buông theo tham dục, phiền não điên đảo mặc sức dấy động. Nghĩa lợi thanh tịnh, thành tựu thích hợp, vô cùng tự tại. Các pháp vô ngã, chánh kiến thuận hợp. Si mê không bày, chúng sinh chứng đạt (chánh kiến, vô ngã). Thắng nghĩa vô tướng. Gìn giữ vẹn toàn. Nhân diệu thiện tịnh, diệu dụng tùy thuận. Tự tánh trong lặng, chở che nghĩa lợi. Lực dụng bố thí, hành giải thanh tịnh, là gốc báo nhân, phước đức không mất. Các pháp hữu vi luôn luôn biến chuyển. Nghiệp nhân tự tại như A-la-hán. Hòa hợp tĩnh lặng, ứng hiện tùy thuận. Đạt tánh bản giác, dưỡng nuôi thích hợp. Ba nghiệp thanh tịnh, đạt nghĩa như như.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 8

Trí tuệ thanh tịnh, ngã mạn không còn. Bạn lành giúp sức, dứt mọi điên đảo. Thắng nghĩa căn bản (là) đức hạnh tăng trưởng. Pháp tịnh gắng theo, tịch tĩnh tột bậc. Năng dứt dục, tham, an trụ tinh xá. Chi phần điên đảo, ý lìa nhiễm, buộc, vọng tưởng. Diệu lý tịch tịnh, hằng mong chứng đắc, an trụ tĩnh lặng, thâm tâm như như. Đức hạnh thắng nghĩa, chân thật dứt tranh. Trí tuệ thiện tịnh, biến chuyển tự tại. Tự tánh như thị, vượt mọi phân biệt. Trí tuệ thắng nghĩa tùy thuận, khẩu hòa. Diệu lý tịch tĩnh, đức hạnh ung dung. Xa lìa nơi chốn (là) nhân của bệnh hoạn. Tịnh diệu mong cầu (là nhằm đạt) ngọn nguồn không nhiễm, phiền não tự dừng, tịch tĩnh thuận hợp. Trí căn bản ấy tự thân chứng đắc. Chúng sinh vô biên, hóa độ tất cả. Điều phục thắng nghĩa, dứt thân khổ não. (Cùng với) nghiệp dữ, vọng tưởng, phiền não trói buộc. Đạt trí thanh tịnh, dứt mọi tạo tác. Tận cùng phiền não (là) xứ của tự tại. Thế gian biến hoại (là) hình tướng (của) tịch mặc. Phiền não buộc thế, khiến sắc uẩn sinh. Si, độn trói che, không nhân tự diệt. Cội rễ ngã mạn, phiền não, kiêu căn, phóng túng, mong đạt hằng tịnh, hạnh ấy viên mãn.

Chánh pháp tùy thuận, nâng niu tịch tĩnh, ác nhiễm không buộc. Chân thật sinh khởi, đạo đức chư Thiên. Mong cầu lìa mọi gốc rễ phiền não. Đức hạnh chúng thiện (là) khẩu hòa thắng nghĩa. Dòng thác cuồn cuộn, hóa độ không cùng. Chúng "Cận sự nam" căn lành phát sinh. Các pháp giải thoát, tu tập tự tại. Lìa vọng, gắn bó, hành giải gồm đủ.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI.

Thắng nghĩa phát sinh, lìa tham sân si. Dứt điên đảo, nhiễm. Lãnh hội đúng đắn mười hai phần pháp. Phẫn không (do) thể sinh. Buông theo vọng, nhiễm. (Nên lại) mong đạt tánh (bị) buộc. Đó là thấu đạt ý nghĩa tùy thuận của bậc Bồ-tát.

Hàng đại hữu tình hành động thích hợp. Đại Bà-la-môn tộc họ đức

hạnh. Tịch tĩnh hiện bày. Đức hạnh của vua hợp Tự tại thiên. Tuệ giác đích thực, thế gian chẳng có. Hình tướng uy nghiêm, danh xưng tôn kính, đạo nghiệp tu hành. Bố thí tịnh diệu, đức độ thấu đạt. Tự tại ung dung. Trong lặng diệu dụng.

Gốc nghiệp dữ ấy thật là đáng sợ. Hành, giải gồm đủ, trừ diệt các nhiễm. Trí tuệ như (vật) phá bỏ nhiễm tranh. Gốc rễ đích thực (của) sức buộc (là) ngã kiến. (Ngã kiến ấy) tạo tác trọn đủ (cả) thiện tịnh, nhiễm buộc. Tự tánh chế ngự (chấp nhiễm) pháp lành tăng trưởng. (Đó là) tuệ trong biệt cảnh, tưởng của biến hành, an trụ nơi chúng sinh. Giáo pháp tịch tĩnh, tạo tác khế hợp. (Như) các bậc Thượng tọa, A-xà-lê mẫu mực. Đại thừa pháp khởi. Đúng nghĩa cứu cánh. Bố thí ái lạc. Cõi tánh thanh tịnh. Không còn tranh nhiễm. Trừ diệt phiền não, si độn (của loài) hữu tình. Thấu đạt tịch tĩnh, thắng nghĩa viên mãn. Hình tướng thượng diệu. Xa lìa trói buộc, quyết trừ độc hại. Tịch tĩnh căn bản, hóa độ, gánh vác. Đắm theo tham dục, hạnh của trói buộc. (Mọi) hình tướng biến động, tạng thức thâu chứa. (Tạng thức ấy) tạp nhiễm chỗ nương, chẳng thể hủy hoại. Thân xác, tự tánh, sắc tướng... nương tựa. Là cõi Bồ-tát diệu dụng tùy thuận. Giáo pháp tinh diệu (truyền dạy khắp) thành, ấp, xóm làng. Chúng sinh đúng là vật dụng (khéo) hòa hợp. Dẫn dắt các loài hữu tình quy thiện; nương tựa, chi phối, tu pháp Thập thiện. Cõi ý thanh tịnh, sạch bóng tham dục. Ba thừa hóa độ, mong đạt an trụ. Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa (thích hợp với) ba chủng loại tánh. Tận cùng sắc tướng (là) xứ sở tịch tĩnh. Dẫn dắt muôn loài, nguyện đạt "tịch mặc". Giáo pháp thanh tịnh, thông tỏ "tướng thông". Vi diệu tịch tĩnh (các) chủng loại gồm đủ. Thánh quả Ba thừa, ngọn nguồn mong đạt. Dứt bỏ chế ngự (đạt tới) thanh tịnh an trụ. Gốc rễ tịch tĩnh (là) Thập thiện tịnh diệu. Mong đạt tột bậc (là) thắng hạnh ung dung. Cõi ý định nghiêm, người người dứt ác, phiền não chẳng sinh, ung dung, tĩnh lặng. Dẫn dạy gắng sức, dốc đạt tịch tĩnh. Vọng hành không dấy, vi diệu hiện theo. Tấn tu ái lạc, xa lìa khổ đau. Nhân thắng không giảm, lực dụng tự tại. Phạm hạnh rộng khắp, trí diệu thanh tịnh. Gốc quả "vô học". Ba loại ngã mạn tăng trưởng, chuyển biến. (Ngã mạn ấy) che phủ khắp chốn, chẳng còn tự tại. Bồ-tát ở nơi thế giới hữu tình, chuyên tu hạnh xả. Ngã mạn dứt bỏ, nơi chốn tùy thuận. Thành ấp xóm làng xây sửa, đổi thay; ăn uống thích hợp, đủ vẻ an lành, vô cùng trang nghiêm. Dứt bỏ, không còn dòng thác phiền não. Nghiệp nhân không nhiễm, che chở, hòa hợp. Tu theo thắng hạnh, trong lành như trăng. Tâm kia vô tận, dũng mãnh, vững chắc. Thiện diệu tôn sùng, giữ gìn trọn đủ. Thiền định tịch tĩnh (là) cõi vật (dùng của) các loài. Rời nhiễm, buộc che, xa lìa tai nạn. Lực dụng thật ấy (là) hình tướng

căn bản. Điều khó (làm) hiện rõ, (chính là) diệu hạnh thù thắng. Trong sáng tươi đẹp, phước báo cõi trời. Ở cõi vương giả tịch nhiên an trụ. Là chốn vua ấy, mọi mối lo âu, sầu não đều vắng. An vui tăng thêm, chế ngự hý luận. Dòng giống, tướng mạo uy đẹp ít có. Nơi chốn tận cùng (là sự) thành tựu tột bậc. Tranh biện, hủy báng thảy đều dứt hết. Căn bản dốc tu (là nhằm đạt) tự tánh thiện diệu. Thắng nghĩa tăng trưởng, an lạc trọn thành. Làng xóm sung túc, đất nước đẹp giàu. Gốc từ nơi tâm.

Hăm hở tạo tác, đích thực (là) trói buộc. Thuận hợp tận cùng (là) hình tướng an trụ. Tự tánh thực hữu (là) tịch tĩnh viên mãn. Phụng trì chánh pháp, tán thán công đức (ấy). Cõi ý thuận hợp, rõ nghĩa trong lặng. Tăng trưởng si, mạn, chư Thiên xa lánh, là xứ quốc vương như hạnh Bồ-tát. Ba nghiệp dốc tu, bình đẳng giúp khắp. (Ba nghiệp) tạo phiền não, chướng, (cũng tạo) trí tuệ thanh tịnh. Giảng dạy Thập thiện, dứt tướng đảo điên. Nhân của ngã mạn, hướng cầu dứt bỏ. Hạnh (bậc) A-xà-lê thanh tịnh, nghiêm túc. Thế gian càng nhiều tranh biện, hý luận, càng thêm thấu đạt tự tánh tịch tĩnh. Chúng Thiên cõi tĩnh, sân phẫn đã dừng. Hai cõi Sắc, Vô sắc, sân hận dứt tuyệt, (nhưng) vẫn còn các pháp phiền não tạo buộc. Tuệ giác tự tánh, diệu dụng sung mãn. (Lực dụng ấy) lực nhỏ quán sự, quán lý mới thấu. Như lời Phật dạy: Tận cùng của tham, đến cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ hãy còn. Phải nhờ tuệ giác soi tỏ (mới có thể) lìa bỏ, tham, si, mạn, kiến, đạo phẩm thứ chín, hướng quả mới đoạn, thành tâm (của các bậc) vô học. Vương giả xa lìa (tham, si...).

Bồ-tát phát sinh trí tuệ lực dụng. Ứng hiện tự tại, lìa mọi trói buộc. Hủy hoại hết mực (chính là) chướng nhiễm tận cùng. Đúng lúc thế gian xuất hiện bậc Đại trượng phu. Như bậc mẹ hiền yêu thương đàn con. Nhân của chân thật: sắc tướng thanh tịnh, căn bản hòa thuận, điều phục đúng pháp. Hạnh tu viên mãn, không chướng, nhiễm, mạn. Điên đảo dứt sạch, đạt chánh giải thoát. Hành, giải thích ứng, mọi vọng xa lìa. Thể tánh hữu tình tịch tĩnh, hòa hợp. Thắng nghĩa thanh tịnh (là) dứt bỏ ưu não. Căn trần thanh tịnh hòa hợp ngoại cảnh. Chân thật thuận hợp (là) nơi chốn trong lặng. Chúng sinh (được) giải thoát, trí tuệ vô biên. Như hạng nữ nhân, si độn cũng dứt. Bồ-tát chỉ dạy mọi nghiệp dữ (đều) chuyển. (Ví như) vương giả uy lớn, giáo lệnh tăng thêm. Hình tướng tạo tác như trời trùm khắp. Ở chỗ nhàn nhã, sai khiến khắp nơi. Chuyển, trao, truyền, nhận, đạt tướng hòa hợp. Xa lìa nhiễm, chướng là chốn quốc vương đùm bọc muôn dân. Trí lực gồm đủ, chỉ dạy chúng dân dứt bỏ tham ái. Chúng dân khắp nước lìa mười hạnh ác, lui tới đền đài cung kính lễ bái. Đạt thắng nghĩa tánh, âu lo đều dứt. Lìa bỏ trói buộc, thấu đạt thanh tịnh. Được an trụ tịnh diệu tịch tĩnh thì

mọi hình tướng tạo tác đói khát độc hại đều dừng. Hữu tình thế gian sinh khởi thù thắng. Tranh, nhiễm xa lìa, thắng nghĩa thuận hợp. Hữu tình như thế (thích hợp) diễn nói chánh pháp. Thân, tâm thanh tịnh.

Thế gian đảo điên sinh chướng, mạn, nhiễm, buộc, che cùng tận, (khiến cho tự tánh) vi diệu cùng mờ. Ngã mạn lớn ấy hợp với pháp nhiễm. Thấu đạt như vậy.

Thế nào là bản tánh tối thượng, đức hạnh cao tột, bậc trời trong các cõi trời, phước đức tự tại, rốt ráo như thế?

Dòng thác điên đảo tất cả đều dứt. Giới luật tịnh diệu, tận trừ tất cả nhiễm, tranh, ngã mạn tăng dấy. Cứu cánh tận cùng như bóng theo hình. Phước đức trang nghiêm, thọ mạng tăng trưởng. Hành động mẫu mực, dạy dỗ muôn loài. Tự tánh hiện bày viên mãn như vậy. Hành, giải tịnh diệu, thương xót chúng sinh. Đạo nghiệp thanh tịnh, tự tánh chân thực. Tịch tĩnh tận cùng, tâm (bao trùm) cả trời người.

Thế nào là không có "tăng thượng mạn" ràng buộc ở đấy, chỉ có ái lạc tăng trưởng?

Bố thí thanh tịnh, tướng nhân tịch tĩnh, tĩnh lặng lìa nhiễm. Bi nguyện rộng lớn, hạnh của mẹ hiền dạy dỗ con trẻ. Như vua giáo hóa muôn dân bình đẳng, (cả hạng) si độn đều giúp. Dân chúng đều theo chế độ của vua. Thắng hạnh Bồ-tát cùng tận, bao la. Không phiền não quấy, không giận dữ buộc. Dốc tu thiện diệu, lực dụng tự tại. Như lời vua dạy, tâm thực mênh mông. Si độn, chấp ngã, nhiễm, chướng càng tăng. Đường nghiệp sinh khởi, oan đối không cùng. Tạo nhân vi diệu, tánh nhiễm tự dừng. Tu thiện viên mãn, chi phần sung, đủ. Bố thí rộng khắp, đẩy lùi phiền não. Xa lìa nơi chốn (phiền não). Thập thiện hạnh ấy, muôn dân an ổn, bày biện cúng dường. Dứt tận ngã mạn, tranh tạp, lửa phiền. Gốc các tánh tuệ, (là) nhân thắng (của) nghĩa lợi. Bồ-tát dẫn dạy diệu tuệ thanh tịnh, nghĩa lợi thù thắng, (như) mẹ hiền nuôi con, thương nhớ hết lòng. Hình tướng nghiệp dữ nảy nở theo ý. Luận bàn khế hợp, bình đẳng tăng lên. Xa lìa tai nạn. Là xứ bậc vua đúng hạnh Bồ-tát nuôi dạy muôn dân an nhiên tự tại.

Thế nào là thắng nghĩa phát sinh đạt được khẩu hòa?

Suy nghĩ hướng cầu phạm hạnh chư Thiên, dứt bỏ trói buộc. Tịch tĩnh tăng thêm, trí tuệ trọn đủ. Hành động tận cùng, (là) dốc lòng bố thí. Bồ-tát tịch tĩnh dẫn dạy chúng sinh.

Thế nào là tai họa đích thực của cả tộc họ?

Gốc của phiền não khó thể xa lìa. Chấp ngã thêm dày, chỉ thêm tranh, nhiễm. Giáo hóa chúng sinh dứt bỏ tạo nghiệp (dữ). Bồ-tát khéo răn, vua

cũng dứt ác. Viếng thăm Thánh tích, thiện diệu phát khởi, lìa bỏ giận hờn, ngôn ngữ tĩnh lặng, tăng giảm chẳng sinh. Cõi tuệ tận cùng, trừ nhân phiền não. Dạy dỗ, dưỡng nuôi khá dứt phẫn hận. Dứt trừ tột bậc (là) điều phục ngã mạn. Vua theo pháp lành, nạn phẫn đều dừng. Do chân thật sinh, tăng thêm pháp thiện. Gốc tu bố thí, nghĩa lợi như vậy. Phiền não cùng tận, nhân thắng tự tu, lìa quả báo ác. Tai nạn như lửa đốt cháy căn lành. Lực dụng tự tại, đảm đang hóa độ. Dân chúng sùng thiện, tà hạnh chẳng theo. Tự tánh xa lìa trói buộc, chấp ngã. Nhân của bố thí, gốc gắn (với) vô ngã. Tận cùng sinh, hữu (chính là) thuận hòa rạng rỡ. Phiền não tự dừng. Hình tướng hòa hợp, gốc nghiệp dữ dứt. Gốc tánh chẳng sầu, sáng tươi hiện rõ. Diệu tuệ viên mãn, tư duy khó kịp. Chúng sinh giác ngộ thắng nghĩa như vậy. Ba độc xa lìa, mong đạt gốc tĩnh. Cõi nước tịnh diệu tăng trưởng như thế. Dòng thác luân lưu dừng lặng, thuận hợp. Tướng trạng không thật, đức hạnh tăng trưởng, tịch tĩnh viên mãn, như lửa thiêu củi. Phiền não, si độn, khổ não tận cùng, dòng thác mênh mông (đạt quả vị) vô học hằng dứt. Dứt niệm chấp ngã, thắng nghĩa Như như, thành tựu tăng trưởng. Nghĩa lợi trong lặng, nghiệp dữ vốn không. Vô tướng thành tựu, chân thật không cầu. Chánh pháp khá trừ phiền não, hý luận. Thánh trí vô biên dứt hết trói buộc. Tự tại ung dung là gốc giải thoát. Nhân thắng hướng cầu, lìa dứt cấu nhiễm. Phẫn, hận đổi thay do ta tạo tác. Thanh tịnh làm gốc, nghiệp tu bất thoái. Lìa mọi vọng, nhiễm.

Thế nào là thắng nghĩa Như như, tịch mặc?

Chân thật tận cùng (là) dứt mọi sợ hãi. Vô ngã thắng nghĩa, lực dụng như trời. Lìa "tăng thượng mạn", chân thật không bờ. (Chân thật ấy) vượt quá ngôn thuyết, thường trụ, hằng hữu. Mọi nẻo oan báo, Thánh quả dứt trừ. Là cõi quốc vương đức lớn, tốt lành, tạo nhân bố thí, muôn dân quy phục. Ân Thánh rưới khắp, lực dụng bao trùm. Sắc tướng tùy thuận, thiện tịnh chế ngự. Tâm tu bố thí, hành hạnh Thập thiện. Mẫu mực nghiêm túc, an trụ thêm tăng. Dân chúng, xóm làng, gồm đủ thiện diệu, lực dụng trọn đủ, lìa bỏ trói buộc. Thiện tĩnh (của) hữu tình (là) sinh nhân vô ngã. Bồ-tát giáo hóa, diễn nói chánh pháp. Các hạnh phiền, giận, xuôi theo đảo điên, đâu phải luận nghi của hàng chư Thiên. Thiếu pháp tịch tĩnh, chân lý lìa xa. Hoạt động không ngừng, tranh, nhiễm cùng dứt. Tự tại hiện bày, tai nạn không thêm. Đấy là tịch tĩnh phương tiện tùy thuận. Ngôn ngữ thiện tịnh, "Bổ-tát-đà-cát".

Tâm tu Như Lai, hạnh sạch phiền, giận.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, NGHĨA CỦA TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA QUẢNG DIỄN THỨ HAI MƯƠI MỐT.

Vọng tưởng vốn không, hình tướng thanh tịnh, tên Bí Mật Tạng, đúng Đại trượng phu, hướng cầu nẻo thiện. Đó là tùy thuận lãnh hội ý nghĩa sâu xa của Bồ-tát.

Tích công đức lớn, trăm ngàn vạn loại. Nơi chốn rộng lớn, tận cùng như (cõi) không. Nước hiệu Vô ngã. Vua tên Tối Thắng. Công việc trị nước thảy đều vững vàng. Trí tuệ, phước đều viên mãn, an định. Nhớ tưởng tộc loại, giữ giới thanh tịnh. Bốn dân không bỏ, thù địch, hý luận, (do) Thánh lực đều dứt. Mình không tham dục, đói khát chưa từng. Thánh đức chí công, thanh tịnh thuận hợp. Giáo lệnh đều khắp, tự tại trọn đủ, chân thật không mất. Đức hạnh rạng rỡ, hiểm nạn chẳng núng. Ngọn nguồn (của bậc) hữu học, mong đạt Thánh quả. Chúng sinh si mạn, cản bước tiến tu. Theo nhân cứu cánh là nhân thế gian. Nhiễm, tranh hủy diệt, thể tánh vô tận. Trời, Rồng, Quỷ, Thần trở thành nhân buộc. Thắng nghĩa bất thoái, nhân chẳng tạo được. Nhân diệu thanh tịnh, pháp mầu chân thật, tự tại thấu đạt, nhân phước thân tâm, nguồn ngọn cùng tận. Tịch tĩnh thuận hợp tiến thoái thân an. Bố thí thanh tịnh chân thật như thế. Phép giải thoát đúng, nghĩa lợi thuận hợp. Xa lìa thanh sắc, tịch tĩnh phát sinh. Khuyên dạy thanh tịnh lìa nghiệp đen tối. Đạt hạnh Như như, giống hoa sen trắng. Bụi nhơ sạch làu (là) cội rễ tịnh diệu. Nhân tĩnh chẳng có, tâm địa buộc ràng. Lìa bỏ tâm nhiễm, rời hạnh thanh tịnh. Lửa phiền, đói khát, bức bách chúng sinh. Gốc rễ bị buộc, tịch tĩnh không còn. Cõi ý thành tựu, tự tánh sáng tỏ, tiến thoái an tĩnh. Phiền não đã sạch, nghiệp dữ cũng không. Điên đảo, kinh sợ, hạnh (vô) chế ngự. Hội nhập Thánh lực tĩnh trụ vô tận. Phiền não dứt hết (là) pháp giải thoát đúng. Hình tướng trói buộc vốn thực không có. Thắng nghĩa không mất (là) đức hạnh tự tại. Tận cùng thiện tịnh (là) ngã mạn chẳng sinh. Giáo hóa (chúng sinh) thấu đạt thậm thâm vi diệu. Tu tập, điều phục thanh tịnh chân thật. Uy lực quốc vương tên gọi Phạm Tĩnh. Tịch tĩnh vô ngã, ca ngợi bình đẳng. Rời nhân điên đảo, đạo hạnh tươi đẹp. Xứ sở tịnh diệu, chân thật hiện bày. Căn bản vi diệu, tu hành thuận hợp. Nghiệp nhân tăng trưởng, thấu đạt Thập thiện. Phước đức tăng lên, chính nhờ pháp thiện. Ngôn ngữ dạy khuyên (là) gốc rễ trí tuệ. Tu hạnh bố thí, lực dụng viên mãn. Nhân của biến hóa, (là) phước nghiệp đích thực. Phước, tuệ thù thắng (là) phước báo (của) thuận thiện. (Phước báo) là cõi chẳng có hư hoại, (như) Thánh đức của vua, cõi bờ yên ổn, thảy không xáo trộn. An trụ thích hợp, vui sướng

như (các cõi) trời. Thù thắng thấu đạt, tích phước làm nhân. Đạt hạnh phước báo (là) thân tâm tịnh diệu. Sắc tướng tùy thuận, lực dụng thành tựu. Nghe dạy chẳng sinh ngã mạn, si độn. Tranh nhiễm tự dứt, đạt đức tịch tĩnh. Tất cả chúng dân tu hạnh người, trời. Sùng nghiệp bố thí, rõ nghĩa tăng trưởng. Nghe dạy tu hành, nhân của phước lạc. Dứt bỏ đảo điên, xa lìa che buộc. Thắng lợi đạt quả (là) phước báo như (các) cõi trời. Chánh hạnh dốc tu, yên vui thấu đạt (là) an tĩnh, trong lặng. Ngọn nguồn pháp tánh (là) tịch tĩnh "vô sinh". Hành, giải gồm đủ, theo thân ứng thiện. Vi diệu chân thật, lìa mọi trói buộc. Vọng tưởng không dấy, hóa độ muôn loài. An tĩnh khế hợp, dạy truyền thanh tịnh. Trí tuệ vô tướng chẳng thể nghĩ bàn. Mẫu mực bao trùm, ung dung tự tại. Hình tướng che chở, động tĩnh cậy nương. Tạo tác trọn đủ, mong đạt nghĩa lợi. Gốc từ nhân thắng, biến hóa tận cùng. Xa lìa mọi tướng, (đạt) tịch tĩnh Như như. Tam bảo an trụ vững bền, hằng hữu. Dòng thác phiền não Như Lai dứt tuyệt. Trong lặng như trăng hình dạng tròn đầy, thảy mọi chi phần (đều) an trụ tịnh diệu. Tự tại tạo nghiệp, nghiêm túc, mẫu mực. Nghiệp dữ bao đời, tâm tĩnh tự diệt. Giống như hoa sen, tịnh diệu đáng quý. Nhân diệu phát sinh, an lành cùng tận. Phép tắc sáng tỏ, âu lo đều dứt. Tâm thiện không vướng vọng tưởng cấu nhiễm. Tự tại viên mãn, đức hạnh tối thắng. Tạo tác hiện bày, biến chuyển không cùng. Năng dứt tham dục, (đạt) vô tướng viên mãn. Thể tánh Như Lai an nhiên thường trụ. Tu tập tịch tĩnh, tự tánh sáng tỏ. Năng lìa bụi cáu, thiện tịnh hiện bày. Thiện chí không tĩnh, như trăng (đối với) kẻ mù. Thí tuy đem vui (nhưng) chưa đúng (là) giải thoát. Phiền não dứt hết, (mới là) tự tại chân thật. Tất cả vọng tưởng, nhiễm tranh đều diệt. Phiền não không quấy (là) an nhiên thắng nghĩa. Tạo tác nghĩa lợi (khiến cho) tự tánh vọng nhiễm. Hành, giải gồm đủ (đạt) thanh tịnh đích thực. Từ si độn, chướng, tạo tác hình ảnh về cõi bạo lực, phải nên lìa bỏ. Thí chủ như vua cứu giúp khắp chốn. Bố thí bình đẳng như mây trùm khắp. Tu tập ung dung, thiện tĩnh hiện bày. Thế gian trọn nên đức hạnh bất thoái. Trong suốt, óng ánh là như băng tuyết. Thể bị nhiễm buộc, hành giải tu tịnh (để dứt). Theo hình bỏ nhân thật không thể có. Dốc tu thượng diệu, gốc từ Phật tánh (Phật tánh ấy) ví như trăng tròn, trong lặng, sáng tỏ. Phật lực năng dứt si độn, tranh, nhiễm. Thông tỏ thuận hợp (là) đạt cõi tận cùng. Xa lìa bụi nhơ, ý không kiêu mạn. Gốc từ tu hành, thuận theo biến chuyển. Nơi chốn thanh tịnh (do) nhân bao đời. Như nhân (của) cõi trời thảy đều chân thật. Theo chốn độc hại, biết rõ (là) không trí. Tạo nghiệp luân lưu từ gốc điên đảo. Tam bảo an trụ không thể nghiêng ngã. Tịch tĩnh trang nghiêm, an lạc tự tại. Điên đảo, nhiễm dứt (đạt) hình tướng bình đẳng. Tu tập dốc lòng, an ổn, tĩnh trụ. Dốc (tạo) nhân chuyển

đổi, tự tại ắt đạt. Mười phương Như Lai, hằng dứt phiền não. Tâm tịnh làm gốc, nhân Thánh mới đạt. Năm uẩn thanh tịnh, thân tâm chân thật. Tự tánh thắng nghĩa trong lặng, vô niệm. Nhân lưu chuyển dứt, lực dụng thường tại. Nhân tạo (ra) kinh sợ, không chốn hiện lành. Là lúc cõi thế chân thật, thuận hợp. Cõi tánh thanh tịnh, an tĩnh vô biên. Niệm xứ, nhân duyên muôn thuở nên theo. Là chốn nhân ấy khế hợp, thanh tịnh. Hình tướng lưu chuyển, định tuệ (vẫn) sáng tỏ. Quả báo thiện diệu, hòa hợp viên mãn. Hình bóng hành xả, bình đẳng chân thật. Các mạn, phiền não, gốc rễ si độn; hủy, nhiễm tự tánh, (cần phải) tu nhân viên mãn. Lực dụng thắng nghĩa, tu tập thanh tịnh. Hành, giải gồm đủ (để) trừ diệt các nạn. Dứt nhân lưu chuyển, cõi thể thanh tịnh. Từ gốc thuận hợp, hành tướng an định. Dòng thác hiện hành, biến chuyển không ngừng. Nghiệp dữ rành rành, tự dưng tiêu hết. Thể tánh Niết-bàn (luôn) trong lặng, yên tĩnh. Thập thiện hợp nhất thanh tịnh vô biên. Sắc cuốn vô tận (tạo) điên đảo triền miên. (Cũng ví như) ta (có thể) tạo rất nhiều nhà cửa, điền sản. An tĩnh giáo hóa thân tộc không giảm. Nơi chốn vi diệu, khinh mạn chẳng còn. Nhận rõ trói buộc như thế (để) xa lìa. Tu nhân thiện diệu, thuận hợp. Tận cùng thanh tịnh (là) khắp chốn tịch tĩnh. Tu học viên mãn (đạt) được hạnh thường hằng. Phương Nam có (cõi) trời không nhân buộc ngã. Dứt tránh thanh tịnh, dòng thác (cũng) lặng dừng. Phạm hạnh thắng nghĩa đích thực hiện bày. Sắc tướng tịnh diệu, đức hạnh vẹn toàn. Tự tánh an tĩnh, phước đức trùm khắp. Tu hạnh bố thí, bỉ ngã chẳng phân. Lìa bỏ cấu nhiễm, điên đảo, ngã kiến. Vậy là lo sợ, họa, tranh thảy dứt. Tịnh diệu (của hàng) chư Thiên thí dụ nào hết. Tự tánh như thị, các pháp phát sinh. Chẳng lìa nhân buộc, gốc (là) mười nẻo ác. Là chốn khao khát Bồ-tát thị hiện. Viên mãn thắng nghĩa (là) dứt mọi vọng, nhiễm.

Thế nào là đối với tai nạn, tịch tĩnh vẫn giữ?

Là cõi khuyên dạy dồi dào như thế. Hành nhiễm điên đảo (cõi) trời ấy dứt trừ. An trụ tịnh mặc, cõi ý thấu suốt. Mẫu mực đúng thực, dứt nhân hý luận. Gốc không biến động, sắc tướng thanh tịnh.

Thế nào là tu tập theo lời Phật dạy?

Cứu cánh Đại thừa (là đạt đến) an trụ, tĩnh lặng. Toàn cõi phiền não (là sự) trói buộc thể tánh. Bốn loại thắng nghĩa giải bày trên hết. Nhân diệu thanh tịnh, dứt điên đảo, nhiễm. Chúng sinh cõi người lại nên xa lìa. Biến chuyển tột bậc (là) quy kính Tam bảo. Rõ nghĩa cứu cánh mười phương Như Lai. Tịch mặc thành tựu, lực dụng vô biên. Tự tại vô cùng, chư Thiên hồi hướng. Thanh tịnh chân thật (là) nghĩa lợi Thánh nhân. Bản tánh như thị, an tĩnh, vi diệu. Nơi chốn giáo hóa mẫu mực như thế. Diệu dụng Như

Lai hằng đoạn phiền não. Cội nguồn tâm tỏ là phẩm tối thượng. Tịch tịch thắng nghĩa (là) nghĩa "Như Lai tánh", là cõi Bồ-tát thanh tịnh trong lành. Giới mốc hý luận không nhân (cũng) tự dứt. (Nếu còn tạo nhân thì dù) giảm thiểu phần nghĩa, mong chẳng thể đạt. Nhân gây bệnh nạn, gốc (từ) mười đường nghiệp. Mọi người khắp chốn bố thí hạng kia (bệnh nạn). Ngã mạn lại dấy lần lượt dựa theo. Đói kém thậm tệ, mẫu mực nào còn! (Nhờ tu tập theo lời Phật dạy) Trong lặng viên mãn như trăng trời thu. Cầu tướng thân tâm thấu lý vô ngã. Tịch diệt hiện rõ (là) lực dụng tận cùng. Chúng nhân không (tạo) nhân, tộc họ tịch tĩnh. Tạo tác ở tâm, biến khắp muôn nẻo. (Nhờ đó mà) năng lực chưa bày, kiêu mạn (cũng) giảm bớt. Xa lìa (phiền não) tức khắc đạt chốn tự tại. Khiêm cung không mạn, chẳng sợ lưu chuyển. Hành, giải chân thật, mong được lâu bền. Là chốn thấu đạt hòa hợp, tăng trưởng. Hỷ, thọ chuyển biến, lìa điên đảo, nhiễm. Nơi chốn hành thí, thuận theo chánh pháp. Trí tuệ phát sinh lìa bỏ nẻo dữ. Là cõi trượng phu rộng nghe khế hợp. Cõi ý hiện rõ, nhân thắng mở rộng. Đức hạnh hiển hiện, giáo hóa (bằng) sắc tướng. Thấu đạt nhân thắng, chư Thiên tùy thuận. Theo nhân cứu cánh, dốc tu như vậy. Thân tu bố thí, vật dụng viên mãn. nghiệp dữ rành rành, chuyển biến, dừng dứt. Ngọn nguồn thiện diệu, theo nhân thế nào? Tịch tĩnh chân thật, hành hóa ngàn lối. Chư Thiên thanh tịnh, trói buộc xa lìa. Là nơi có vua tạo nghiệp mẫu mực. Dứt bỏ hý luận tự tại trọn nên. Tham dục tột mức (là) nghĩa lợi, tài sản. Nơi chốn thanh tịnh, thấu đạt chân thật. Cửa thiền tịnh diệu (là) bình đẳng tương hợp. Nghiệp tu dốc sức, hình tướng tăng lên. Là cõi trang nghiêm thi ân thù thắng, trong lành, tĩnh lặng. Ấm áp tươi đẹp, tịnh diệu đáng yêu. Cõi ý sáng suốt, ngọn nguồn thanh tịnh, rõ nghĩa bao la. Ở đây không còn khái niệm giới mốc.

Hành động như vậy, xa lìa phóng dật. Thân tâm thuận hợp, theo hạnh Bồ-tát, gốc rễ tịch tĩnh (mới đạt) thượng diệu chân thật. Tánh giác viên mãn, xưa nay như vậy. Thanh tịnh, lìa sợ, sở học mong đạt. Là chốn mong cầu theo nhân thù thắng. Bố thí, dẫn dắt, hóa độ quyến thuộc. Chỉ rõ thanh tịnh, dạy nghiệp dốc tu. Căn bản Thập thiện phát sinh là vậy. Tiêu trừ đói khát, cầu tánh Như Lai. Tu nhân tịnh diệu, sự nghiệp (lớn) viên thành.

Lực dụng thiện tịnh, hạnh đạt trùm khắp. Tự thể tư duy, gốc mọi biến chuyển. Xứ lìa hý luận, đói khát cũng dứt. Thấu rõ buộc che, an nhiên chẳng động. Là cõi Bồ-tát tinh tấn chỉ dạy. Vi diệu thậm thâm, hành giả tự đạt, Nhân thắng thanh tịnh trong lặng, chân thật. Theo lời Phật dạy, khéo trừ đói khát. Tận cùng tự tại (là) ngọn nguồn vi diệu. Các hạnh xan tham, chúng sinh nên lìa. Bốn loại thắng nghĩa, gồm đủ an lạc. Vọng nhiễm không bày, các mạn cũng lắng. Hiểu rõ ân nghĩa tột bậc (của) mẹ hiền. (Cũng như vậy)

chúng sinh (phải) sớm biết cội rễ điên đảo. Si độn, ngã mạn, hý luận đều không. Hành, giải gồm đủ. Pháp của vương giả chúng sinh hiểu rõ. Thù thắng bố thí (là) bình đẳng (như) cõi Không. Bồ-tát trao dạy vâng theo tu tập. Tùy thuận bất thoái, mười lực Phật-đà. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mẫu mực nghiêm túc. Đó là Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. Nghĩa lợi chúng sinh tịch tĩnh là thế. Trí tuệ tự tánh (bậc) hữu học tu đạt. Phương tiện giáo hóa phiền não, nghiệp dữ. Hình tướng (của nghiệp dữ, phiền não) mong dứt, rõ nghĩa chuyển đổi. Nhận rõ đúng thực (các thứ) tham dục, lỗi lầm. Như Lai giảng dạy diệt trừ đau khổ.

Thế nào là ý nghĩa an lành như vầng trăng tròn?

Các thứ tai nạn gốc do tâm khởi. Nhân vốn chẳng đồng, phát sinh giới mốc. Các pháp chấp ngã, gốc là cấu nhiễm. Cõi ý bị buộc, tạo nghiệp không cùng. Bồ-đề Tát-đỏa nương theo lời dạy. Các pháp chẳng mất, khế hợp từ gốc. Bạn bè tìm cầu, nên theo trí tuệ. Thuận theo chánh pháp, nhân thắng tăng trưởng. Tâm tu bố thí, cứu độ muôn loài. Tu Thập thiện nghiệp, sinh kế chuyển đổi. Thuận theo Như Lai, tự tại, vi diệu. Tận cùng thượng diệu (là) xả thân tu thí. Giáo hóa chúng sinh, dứt mọi kiêu mạn. Trí tuệ viên mãn, vọng nhiễm xa lìa. Đức hạnh hiển hiện, tỏ ngộ chân thật. Thắng nghĩa tịch tĩnh, dứt mọi điên đảo. Rốt ráo tận cùng (là) rõ cõi vô ngã. Hạnh hóa độ ấy tĩnh trụ, thuận hợp. Vững tu tận cùng (là) lực dụng theo thiện. Thượng diệu tô điểm (là) tột bậc kỳ công. Trí tuệ tự tánh rốt ráo là thế. Theo nhân Thập thiện, tùy thuận tu tập. Phương tiện phát khởi, hồi hướng thanh tịnh. Cõi ý dứt mạn, cứu cánh chân thật. (Ví như) là chốn bệnh hoạn tận cùng. Không giảm, tự lo chữa trị. Lúc ấy khắp xứ dứt hết đói khát, sợ hãi. Nói năng thuận hợp, nhận thức rộng tầm. Thức thứ sáu ấy (ý thức) thanh tịnh, bất thoái. Tham dục, chấp ngã, cầu chẳng thể được (ý thức thanh tịnh). Chúng sinh lại tự (mình) nhận rõ tai hoạn. Dòng thác phiền não thời thuận (lại) hiện bày. Thấu hiểu như vậy (để) tùy thuận (hoặc) xa lìa. Bố thí thấu đạt, năng lìa đói khát. Lực dụng tự tánh (là) trí tuệ thông tỏ. Ngôn ngữ phát sinh tùy theo tự thể. Diệu dụng tịch tĩnh, nghĩa như trăng tròn. Bố thí căn bản, nghĩa (là) dứt nhiễm tranh. Trong lặng thanh tịnh, nghĩa (là) không phiền não. Diệu hợp Thánh nhân (là) thắng nghĩa Như như. Thanh tịnh bao la (là) tự tánh rốt ráo. Đức hạnh tự tại, sức nhân là chính. (Ví như) là xứ ngu muội, trí tuệ biếng tu. Yếu kém từ gốc, lo sợ thập bội. Lại còn cho rằng: chúng sinh sinh hóa, nhân tịnh liền gặp, lìa bỏ đói khát. Nhận rõ bình đẳng, tùy thuận mong đạt. Thắng nghĩa an lành lại nên tu tập. Theo lời Phật dạy khéo trừ đói khát. Lời vua dẫn dạy nơi chốn an lạc. An nhiên chẳng động (nhờ) tạo nhân chân thật. Nơi chốn nghĩa lợi, đều dứt. Thánh hiền dứt mạn,

thông tỏ chân thật. Hành, giải gồm đủ, tự tại hiển hiện. Xe pháp tối thượng (là) thanh tịnh mẫu mực. Thông tỏ chánh pháp, xa lìa vọng tưởng. Hành, giải đầy đủ, dạy bảo thanh tịnh, dứt trừ khổ não, rõ mười lực (của) Phật. Cõi thế chúng sinh, đảo điên trói buộc. Bố thí gắng tu, an trụ rốt ráo. Giáo pháp thanh tịnh lãnh hội đầy đủ. Khổ não không còn, chỉ toàn thanh tịnh. Nhận rõ gốc thí, riêng chốn vững tu. Đo lường thiện ác dựa vào nghiệp nhân. Bình đẳng làm nền, tu tập tịnh diệu. Nhân đạt tận cùng (là) thấu lẽ vô tướng. Chi phần bố thí mà không thể hoại. Giới mốc bao đời (là) thanh tịnh, ung dung. Trong lặng thắng nghĩa (là) ngọn nguồn thông tỏ. Tu hạnh điều phục, đạt tướng chuyển đổi. Đích thực vô ngã, cõi quỷ cũng biến đổi. Mong lìa kinh sợ, xứ của mẹ hiền. Giảng dạy tu nhân, thanh tịnh thuận hợp. Lìa bỏ nghiệp dữ nghĩa (là) không hủy hoại. Chế ngự các mạn, dẫn dắt ba cõi. Là chốn tự tại, gồm đủ xả, thí. Dòng thác phiền não, điên đảo vắng bặt. Tự tánh thông tỏ gốc mọi tai họa. Mong dứt tránh, nhiễm, lìa đường tham ái. Hình tướng tịch tĩnh, gốc của hòa hợp. Tạo tác "vô tướng", Thánh hiền bình đẳng. Lành thay! Lành thay! Phước đức mênh mông; thấu tỏ (lời) khuyên dạy, đói khát xa lìa. Chánh pháp vô thượng, tùy thuận gồm đủ. Chư Thiên thiện tịnh, trong lặng an lạc. Giáo hóa chúng sinh theo đường Thập thiện. Sửa trị như vua, kiêu mạn không dấy. Không nhân phiền não, yêu tin, giữ gìn. Chẳng lúc nào rời (công việc) dưỡng, trị, an định.

Thế nào là chúng sinh (đạt được) tịch tĩnh, tại nơi chốn ấy bố thí thù thắng, chân thật?

Tịch tĩnh vô ngã (như) vua khéo (tạo sự) bình đẳng. Đói khát không còn, kiêu mạn chẳng dấy. Là cõi sung mãn, thù thắng, giải thoát. Vương tạo nhân chính, muôn việc tốt lành. Hành, giải đầy đủ, ngợi khen theo thiện. Cứu giúp muôn loài, nhân diệu thể hiện. Tu hạnh nguyện lớn, trừ bỏ vọng tưởng, trí tuệ chân thật như thế cùng sinh. Bố thí ngàn loài, (bậc) Hiền thiện trên hết. Sức mẹ hiền ấy phát triển muôn đời. Chân ngã không bị quả báo chi phối.

Dòng thác phiền não, Phật-đà hằng dứt.

Chứng đắc Thập địa, rõ tánh Như Lai. Xa lìa nẻo dữ, tịch tĩnh vô biên. (Như) Vua theo nhân thắng, khắp chốn thuận theo. Gốc không hý luận (mới) chân thật bố thí. Hành, giải gồm đủ, là chốn tự tại. Trong lặng, an nhiên chính là giải thoát. Lực dụng tu thí, thích ứng từ gốc. Chúng sinh không (tạo) nhân (bố thí), cơm áo đâu dư. Dốc tu bố thí, phương tiện đủ đầy. (Bậc) vô học dứt bỏ (mọi) ngã mạn, si độn. Trói buộc xa lìa (đạt được) thanh tịnh thuận hợp. Như cõi quốc vương trí tuệ viên mãn. Theo nhân cứu

cánh, Tam bảo an trụ. Tăng thêm cúng dường, sắc diệu (càng) rực rỡ. Tự tại gồm đủ, ngôn ngữ hiện bày. Từ chốn thanh tịnh, cõi pháp hòa hợp. Mười lực Như Lai, làm sao đạt được? Tạo tác chân thật, khế hợp Như như. Thấu lời Phật dạy, bố thí gồm đủ. Nhân gốc tịnh diệu, điên đảo lặng dừng. Khéo tu điều phục, hành theo mẫu mực. Là chốn đa văn, tịch tĩnh, (các) chi phần (đều) trọn đủ. Dốc tu thượng diệu, mong đạt bình đẳng. Chế ngự kiêu phóng, trừ diệt phiền não, nhân tạo (ra) bệnh nạn. Chấp ngã, nhiễm cấu không nhân (nên chẳng) hiện hành. (Như vị) Quốc vương thấu rõ bao lớp lỗi lầm. Tự theo phép tắc dứt bỏ (mọi) tai nạn.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 9

Cầu chân thật ấy, không tu mà đạt. Điên đảo tận cùng tạo thành nghiệp dữ. Vắng thiếu nhân lành, kiêu mạn càng dày. Quán pháp vô ngã, lìa bỏ tất cả.

Là chốn cửa thiền tịch tĩnh, tự tại. Bố thí tuy nhiều, rốt (lại là nhằm) dứt hý luận. Thanh tịnh trùm khắp thế giới chúng sinh. (Bậc) Thanh văn còn chuyển (lên) Đại thừa (mới hoàn toàn) an trụ. Trí tuệ tối thắng, bao la như (cõi) không. Vi diệu sâu xa, nhân hành thuận hợp. Thông tỏ tận cùng, diệu dụng vô biên. Tánh vô (như cõi) hư không, muôn vật tùy thuận. Tham ái, điên đảo (làm cho) tự tánh ngửa nghiêng. Tự tánh (ấy) lại tỏ, thấu đạt thành thật (như vị) quốc vương thi ân, dốc tu thanh tịnh. Châu báu vô biên (là) tịnh diệu bất thoái. An tĩnh đích thực, hý luận đâu còn. Hành, giải (theo) nhân thắng, thanh tịnh hiện bày. Vương giả thấu rõ thiện diệu hòa hợp. Cõi nước (của) vua ấy an tĩnh, bình đẳng (như) mẹ hiền vui sướng, vô cùng hòa hợp. Là cõi Bồ-tát tu tập vô tướng. Hành động như vậy, mong đạt thù thắng, lại không hao tổn.

Ung dung tự tại (là) nghĩa tánh Như Lai. Vương giả nương tựa, (Như Lai tánh) an định, dừng lặng. Hình tướng giáo pháp tăng trưởng khắp nơi. Dứt bỏ tận cùng (mọi) nghiệp dữ, cấu nhiễm, che buộc, hý luận. Vô số các ma chẳng thể phá hoại.

Thấu tỏ thu nhóm (là) nghĩa bình đẳng. Nghiệp dữ tự tạo, bệnh nạn càng tăng. Nhân quả chẳng tường, buông theo tham dục. Lực dụng tự phô chẳng rõ ngọn nguồn. Ba độc cấu uế lấn quấy tự tại. Chẳng rõ điên đảo (làm cho sợ hãi). Xa lìa các mạn, nương cõi bình đẳng. Bố thí phương tiện, phiền não không còn. Từ bỏ phóng dật (đạt được) tịch tĩnh, tự tại. Giác pháp tăng trưởng (là) xứ của an vui. Thấu triệt cái hại (của) si độn, ngã mạn. Ngọn nguồn pháp tánh Như như, vô tận. Thật tánh trọn nên, tận cùng ấy (Như như) đạt. Là nơi (nhận ra) ngã mạn, phóng dật là giả (trá). Hiểu rõ (lời) dạy khuyên, dốc theo bố thí. Các hạnh (bố thí) chân thật (nhằm tới) ba loài xấu yếu. Thanh tịnh, xa lìa. Hình tướng đạt được. Nhà cửa yên tĩnh. Quần sinh hiện bày. Nhân lành chẳng mất. Tu tập thanh tịnh. Xa lìa điên

đảo.

Thế nào là tu tập diệt trừ nghiệp dữ?

Nhận rõ như thế, an trụ bất thoái. Nhân hành gồm đủ, tỏ ngộ như thật. Mong đạt tận cùng gốc rễ (của) hình tướng. Bậc Đại Bồ-tát phát sinh lời ấy. Phép tắc của vua rộng lớn, chân thật. Ổn định sửa trị khắp cõi là chính. Dứt trừ bệnh nạn, bố thí đói khát. Ngôn ngữ hiện rõ (đói, bệnh) thiện tịnh xa lìa. Xứ sở giảm bớt cấu nhiễm trói buộc. Diệu dụng Thánh hiền dứt bỏ các mạn. Lực dụng bố thí thanh tịnh tận cùng. Những thiện tịnh ấy (của bố thí) giải trừ đói khát. Mọi thời, khắp chốn, nhân ấy nên tu. Đói khổ càng nhiều (càng) bố thí đúng mức. Ngôn ngữ phát sinh rời bỏ vọng tưởng. Mẫu mực dốc tu, thanh tịnh vô tận. Yêu thích Thập thiện, tịch tĩnh phát sinh. Xứ của tịnh diệu biến khắp như vậy. Mong đạt đế lý, gồm đủ tự tại. Chúng sinh tạo nhân, phương tiện tu sùng.

Thế nào chúng sinh hành giải tự tại?

Vương giả gồm đủ (các) nhân thù thắng, lớn lao, rõ dường hành đạo. Tự tánh dứt buộc, chân thật như thế. Tăng thêm phương tiện, biết rõ khẩu hòa. Tròn một do-tuần dốc tu thắng tích. Nhân tịnh tịnh diệu, chân thật ắt đạt. (Nhân tịnh ấy) trong sáng, ấm ấp, tịch tĩnh tận cùng. Nơi chốn tạo tác nhân thắng thiện diệu. Hình tướng đáng yêu, chân thật vô biên. Tự tánh ung dung, tự tại thù thắng. Là chốn vương giả cứu giúp đói khát. Lời thật ngợi khen khế hợp, đúng phần. Dứt sạch nghiệp dữ, tướng mạo không mất. Tận cùng dục lạc (là) thông tỏ cõi tánh. Theo nhân thắng diệu, lực đủ chuyển đổi. Thuận hợp tột bậc (là các) hình tướng bố thí. Lìa xa tai nạn, dốc tu chóng thành. Gánh vác rộng khắp, ngôn ngữ hòa thuận. Tu tập tịch tĩnh (đạt) phước báo thắng nghĩa. Ngôn ngữ thanh tịnh như thế (có khả năng) dứt bỏ mọi nhân đói khổ. Chân lý hiện bày, phát sinh (việc) dẫn dạy. Thiên chủ Đế Thích ngôn ngữ thành thật. Thập thiện như vậy (là) nhân thắng rốt ráo. Thức thứ sáu –ý thức– xa lìa nhiễm ác. Bố thí mong đạt ngôn ngữ thượng diệu. Nhân thắng căn bản (của) thể tánh (là) bất thoái. "Vô tánh" là gì? Tận cùng (của) thật ấy. Thiện pháp chân thật chẳng sinh hủy hoại. Hướng cầu Thánh đạo chân lý gốc tịch.

Thế nào là phương tiện để nhận biết, thấu suốt?

Xứ sở vua rộng lớn, tịch tĩnh. Giáo lệnh sửa trị thành tựu như vậy. Hiện bày, chuyển biến, cứu giúp không cùng. Ngôn thuyết tột bậc, khéo dứt đói khát.

Thế nào là điều trọng yếu ở chốn thế gian?

Cõi bờ tạo dựng, muôn dân yên tĩnh. Chánh pháp vững truyền, Tam

bảo an trụ, căn bản hành động an định như vậy. Giác ngộ nhân (của tánh), lìa mọi sợ hãi. Ái lạc trói buộc (làm) đổi thay nơi chốn. Tận cùng tự tại (là) thông tỏ nhân hành. Là cõi tánh giác trí tuệ thông suốt. Chân đế hiển hiện, tham dục sạch làu. Nhân tánh chuyển biến, dứt hết đói khát. Tự tánh tĩnh trụ, chế ngự bạo lực. Luật nghi khá tuân, giới đức thanh tịnh. Lực dụng nên nương, rõ nghĩa hoan hỷ. Bậc vua nổi danh, mong không thể được. Tận cùng ngã mạn (là) chúng sinh (mãi) trôi theo mười nẻo bất thiện. Bố thí như vậy khắp cõi do-tuần. Chúng sinh thấu đạt dứt bỏ ngã mạn. Chúng sinh cầu học, lìa sợ sinh vui. Thuyết pháp khắp cõi, dẫn dắt hữu tình. Tâm của chúng sinh nhận rõ nghĩa lợi. Lực dụng mong đạt, gắng diệt tham dục. Mong cầu thuận hợp, tánh ngã lìa tham (dục). Đức hạnh tối thượng: chúng sinh chỗ dựa. Ý không phẫn, hận, tịch mặc là vậy. Bố thí chúng sinh các pháp đức hạnh. Tánh lìa sân hận, tự tại là hạnh. Nơi chốn tu tập không còn điên đảo. Gốc của tai nạn chính do tranh tụng, hý luận. Phật pháp thanh tịnh, khế hợp mọi chiều, rõ nghĩa ích lợi. Thắng nghĩa an lành, thanh tịnh tối thượng. Mong đạt dứt sạch vọng tưởng, nghiệp dữ. Đức hạnh vi diệu đạt được là thế. Lực dụng quán chiếu, thấu đạt chân thật. Giữ gìn nghĩa lợi, giả trá chẳng sinh. Hòa thuận tăng thêm, xứ của tự tại. Bố thí tăng trưởng, cõi ý thanh tịnh. Xa lìa bệnh nạn, hòa hợp hiển hiện. Các cõi trời ấy thảy đều hộ trì. Nương giữ tịnh diệu, hiện bày vô ngã. Đức hạnh hòa hợp, tánh giác thông tỏ. Cõi tánh tham ái, giải thoát nào đạt. Không nhân vọng tưởng (để) tạo nên chuyển lưu. Thanh tịnh chân thật hiện rõ như thế. Nhận rõ pháp thí (là) nhân của thù thắng. Thể tánh thiện diệu, pháp vốn tĩnh lặng. Ái lạc thượng diệu, gốc từ ba thiện. Rõ nghĩa an lành (là) tịch tĩnh trùm khắp. Quan sát chúng sinh (nào) đói khát, tai họa. Là cõi quốc vương, lực dụng dốc tu. Chân thật không mạn, yêu dưỡng trọn đủ. Phiền não không dấy, nên rất xa lìa. Gốc của đói kém. Rõ là hoại tánh. Là chốn Bồ-tát gốc sạch cấu nhiễm. Mong đạt ngọn nguồn vi diệu (của) ba thiện. Xa lìa tận cùng hình bóng đói khát. Gốc rễ thuận hợp (là) thanh lịch đích thật. Nhân thắng Thập thiện, chư Thiên trọn đủ. Dòng thác phiền não nhận rõ, dứt trừ. Tạo tác hình tướng, tham dục không mất. Tu hạnh bố thí, gốc của giáo pháp. Tận diệt điên đảo, tâm ý chuyên tu. Gốc của chư Thiên: tạo nhân bố thí, chân thật tận cùng, đó là tăng trưởng. Tướng mạo tươi sáng, đúng (bậc) Đại trượng phu. An trụ nghiêm mật thuận hòa như thế. Tịch tĩnh đạt được, yên vững chẳng lay. Nhân diệu thanh tịnh phát sinh vô ngã. Dung mạo bạn lành trọn đủ như vậy. Lực dụng tạo tác nghĩa lợi thành tựu. Phước báo nhiều đời tận cùng xứ sở. Tạo nhân Thập thiện, dốc tu như vậy. Dung mạo ôn hòa, hạnh của Bồ-tát. Cõi ý đạt được thanh tịnh viên mãn. Diệu dụng Bồ-tát bố

thí trang nghiêm. Giới mốc thảy vượt, cấu nhiễm đều sạch. Thường trụ, hằng hữu, chân thật trùm khắp. Trượng phu (còn vướng) hý luận, tham dục còn dấy. Gốc của tạo nghiệp (tham dục dẫn tới) chốn đầy nghiệp dữ. Trí tuệ chúng sinh thấu rõ, trừ diệt. Đó thực là điều Bồ-tát lìa bỏ.

Thế nào là hình tướng ung dung viên mãn?

Quan sát nơi chốn khác biệt như thế. Hiểu rõ (bao thứ) nhiễm buộc, sợ hãi (ở) thế gian. Thấu suốt nơi chốn, lìa bỏ (các) nhân ấy. Thấu đạt lời (chỉ) dạy, dứt tuyệt nhân buộc. (Bậc) Hữu học nên lìa nhân của thế gian. Tự tánh thanh tịnh, trí tuệ chứng đạt. Theo (lời) thầy khuyên dạy, chúng sinh thêm trí. Thế gian dốc tu, tạo nhân rộng lớn. Ba thừa giáo hóa, cùng về Phật tánh. Bóng hình biến đổi thảy đều không thật. Tham đắm phiền não, thanh tịnh mất nhân. Hàng chúng xuất gia, xem (kẻ) ấy (là) vô trí. Phiền não, tội lỗi, Như Lai hằng dứt. Đức hạnh thâm diệu (do từ) nhân thắng thanh tịnh. Hành, giải (theo) phước đức, tùy lúc thuận ly. Chúng sinh điên đảo, tham đắm phương tiện. Sân hận dứt hết, đạt được nâng đỡ (của Bồ-tát). Là chốn nên rõ, nghĩa lợi thế gian (tạo nên) thành lũy chấp ngã. Nhận rõ nơi chốn chuyển biến thuận hợp. Vương giả giữ nước, tai nạn chẳng còn. Hành, giải gồm đủ, thông suốt khắp cõi. Xem xét thấu đạt, đức hạnh chân thật. Cõi nước của vua miền xa khó đến. Dung mạo thù thắng, tai nạn đều không. Tự tánh Niết-bàn, giải thoát hiện rõ. Bố thí chân thật (là) hạnh mật lìa vọng. Nơi chốn khế hợp tu tập tối thượng. Hướng đến tận cùng (là) tự tánh thanh tịnh. Tà hạnh chẳng tu, hòa thuận viên mãn. Nương tựa thanh tịnh, tiếp cận ngọn nguồn. Đức hạnh cùng tận (là) bình đẳng chân thực. Đạt gốc nhân thắng, hạnh mật thuận hòa. Ái lạc thanh tịnh, tịch nhiên không mất. Bồ-tát tự tại, tăng trưởng tận cùng. Tạo nhân căn bản, bố thí thấu đạt.

Thế nào là Thánh đạo an lành tăng trưởng?

Thấu rõ thắng hạnh, ngã mạn chẳng sinh. Món ngon đầy đủ, yêu dưỡng vô cùng. Hình tướng rốt không, tận cùng như thị.

Thế nào là bố thí thanh tịnh, mẫu mực thuận hợp?

Nơi chốn tịch tĩnh, thông tỏ mọi lẽ. Là cõi trí tuệ vô tướng thật bày. Tu tập tịch tĩnh, dứt mọi hoạn nạn. Đạo hạnh Bồ-tát trí tuệ chân thật. Chúng sinh lìa vọng, mọi tai nạn sạch. Tự tánh thâm diệu, phiền não đâu còn. Hạnh thí thấu suốt, lực dụng hòa hợp. Đức hạnh gồm đủ, cấu nhiễm biến đổi. (Như) mẹ hiền yêu dưỡng; vô cùng rỡ ràng. Tự tại tĩnh lặng (là) lực dụng tận cùng. Chi phần (của) giáo pháp trong lặng hiện rõ. (Như) chế độ của vua, cõi xa yên định. Nhân gốc Bồ-tát nghiêm túc lìa bỏ (phiền não). Tứ

quả Thanh văn thắng nghĩa viên mãn. Chư Thiên ái lạc, giáo pháp phát huy. Dung mạo ít có, vui mừng, an định. Tịch tĩnh không tranh, trong lành như trăng. Lìa bỏ nhân tranh, chân thật vững tu. Mong nguyện hòa hợp, phước đức gồm trí. Giáo pháp căn bản, chư Thiên nương theo. Thương xót chúng sinh luân lưu chìm đắm. Là cõi tham dục điên đảo vô cùng. Thánh pháp gồm đủ, nhân nhiễm đều dứt. Hành, giải đầy đủ, tinh cầu chánh pháp. Tùy thuận bố thí tức là tự tại. Thâm diệu tột bậc, ma chẳng thể hoại. Quốc vương mến mộ, khắp chốn tịch tĩnh. Tạo tác nghiêm túc, chuyển biến tự tại. Ngọn nguồn nghiệp dữ thảy đều dứt sạch. Là cõi trí tuệ xa lìa dòng thác: bao loại điên đảo, nhiễm buộc, các mạn. Chi phần Bồ-tát tu tập tịch tĩnh. Tâm ý lặng dừng đạt nhân không mất. Tánh không vốn tịnh, an tĩnh tự tại. Cõi người gánh vác như bậc mẹ hiền. Phiền não tận diệt, tự tại đúng tên. Là chốn quốc vương năng trị tham dục, sân hận, ngu si, khinh mạn các loại. Muôn loài, quyến thuộc dứt mọi đói khát. Tự tánh Bồ-tát thanh tịnh phát huy. Thân tâm chúng sinh đạt được chân thật. Vương giả tu sùng nghiệp gốc như thế. Nghiệp dữ ấy do vọng tưởng trói buộc. Mười loại căn bản (của) dòng thác phiền não. Bố thí bình đẳng hành động phát huy. Chân thật, không tranh, lực dụng trọn đủ. Cõi tánh thanh tịnh, trang nghiêm tốt đẹp. Thấu đạt cõi tánh, nhân (của) bậc hữu học. Ngọn nguồn giới luật bao la bày hiện. Tùy thuận, phát huy, chuyển biến, an định. Căn bản Thập thiện tánh vốn hằng có. Hoạn nạn, tham dục chuyển đổi không vướng. Dốc tu hạnh thí, chân thật hợp phần. Hý luận như thế gốc do thiếu tuệ. Chế ngự tai nạn, thâm nhập tĩnh lặng. Nhận biết, thấu rõ gốc rễ (của) phóng dật. Là xứ Bồ-tát dạy pháp Vô thượng.

Thế nào là phiền não ở cõi ý khó đoạn?

Mong cầu không thật, tạo tác vô cùng. Như mẹ nuôi con luôn luôn bảo, giữ. (Giúp cho) chúng sinh thấu tỏ các pháp tịch tĩnh. Lực dụng vô ngã (là) sức nhân bạn lành. Tịch tĩnh phát huy, dứt mọi lo sợ. Mười loại pháp thiện (tu tập, đem lại) tự tại tận cùng. Ngăn nẻo bất tịnh, ngôn ngữ (thêm) dồi dào. Dốc lòng tu tập, khắp chốn khắp nơi. Tạo nhân vô biên, mong chẳng thể thấy. Tự tánh chân thật, rõ nghiệp bao đời. Dứt bỏ kiêu mạn, tùy thuận khá đạt. Chúng sinh điên đảo, chỉ dạy thanh tịnh, trí tuệ thông tỏ: Xiết bao công phu, chúng sinh thấu đạt, dứt nhiễm tận cùng. Nhân của ái lạc, thuận theo dòng chuyển. Chúng sinh nhận rõ phiền não, lỗi lầm. Là chốn quốc vương thi ân dân chúng. An trụ (trong) biến động, mong đạt tịch tĩnh. Trí tuệ thông tỏ, hướng cầu giải thoát. Dung mạo dốc tu thiền định, trí tuệ. Bồ-tát dứt bỏ trói buộc như vậy. Bố thí chúng sinh nghĩa lợi chân thật. Hành, giải gồm đủ, tự tại thể hiện. Lành thay hạnh xả! Tu tập, xa

lìa. Bậc Đại Bồ-tát chỉ dạy dẫn dắt. Là lúc quốc vương cùng với chúng dân an vui bố thí, dốc lòng tu tập. Châu báu, kho tàng một thời bỏ hết. Là cõi chúng sinh kiêu dật như vậy. Trong khoảng tịch tĩnh, không nhân phiền não. An trụ rốt ráo. Nhận rõ bố thí, chẳng cầu hình tướng. Tĩnh lặng không chao, như trăng trong sáng. Tâm thiện xa lìa dòng thác phiền não. Nghiệp dữ, các mạn không thể dấy thêm. Quan sát vọng tưởng (tỏ được) gốc thường chẳng sinh. Nơi chốn tịch tĩnh, (là) tự tánh đúng thực. Nhiễm ác, trói buộc, gồm đủ hình tướng. Như vậy, (là) chúng sinh mang lấy sắc tướng. Xa lìa nhân nhiễm, thanh tịnh hiện bày. Nghĩa lợi vui sướng hình tướng lộ rõ. Quả báo thế gian, trọn nên trừ nghiệp. (Các quả báo như) sinh kế đói khát, điên đảo, ngạo mạn. Mong thảy xa lìa, hoạn nạn cũng dứt. Điên đảo hợp phần (là do) tạo tác (từ) bao đời. Hình tướng trói buộc, biến đổi dứt sạch. Bố thí thù thắng mong đạt thanh tịnh. Tu tập tánh từ, nhân thiện hòa hợp. Khắp chốn giữ gìn (tránh) tai họa, bụi nhơ. Hướng tiến tu học (là nhằm) diệt sạch phiền não. Bụi bặm không xua, thanh tịnh nào đạt. Giá như nghiệp dữ lại sinh tận cùng. Gốc rễ rộng lớn, nhân của cùng tận. Ham thích tu thí, hướng cầu thanh tịnh. Chỉ dạy chúng sinh, tùy thuận giữ gìn. Quốc vương vững tu, xứ sở rộng khắp. Hữu tình thế gian gốc theo tam thiện (là) không tham, không sân, không si. Là gốc thiện của tự tánh ung dung. Tà kiến, nghiệp dữ thật sự không còn. Thương dẫn muôn loài (ra khỏi) tội lỗi, điên đảo. Thuận theo tịch mặc bao la là thế. Tam bảo an trụ, hành động thuận hợp. Thiếu trí vững tu, mong cầu sân hận. Xứ sở thành ấp: Xóm Thánh làng thân. Tạo nhân thanh tịnh, hình tướng hiện bày. Ở nơi già-lam, thiền định tịch tĩnh. Tự tánh hữu tình chuyển biến, an định. Tứ thiền căn bản, năm dục đều dứt. Bình đẳng thành tựu, gốc của an lạc. Chân thật tận cùng (là) nghiệp dữ chuyển đổi. Dứt mọi hình tướng đói khát, bụi cấu. Thập thiện phát huy, chốn ấy, (đói khát, phiền não) không còn. Hành động thích ứng, si mạn đều dứt. Thâm diệu, dứt sợ, tịch tĩnh hiện bày. Mong cầu an định, thấy rõ nhân gốc. Công dụng Thập thiện dứt trừ trói buộc.

Thế nào là hình tướng chân thật chẳng mất?

Bố thí thanh tịnh (là) nghiệp nhân hành động. Chân thật thắng nghĩa (là) vật dụng thích ứng. Thâm diệu thành tựu, tự tại khế hợp. Tạo nghiệp hý luận (làm) đảo điên tự tánh. Tâm hướng Bồ-đề, thắng nghĩa viên mãn. Hành thí hợp phần mong đạt tịch tĩnh. Căn bản tĩnh trụ, biến chuyển tự đạt. Tu thí đầy đủ (bậc) hữu học (đạt được) thanh tịnh. Tôn tạo tranh tượng hết lòng thể hiện. Căn bản tất thảy tu thí tận cùng. An lạc từ trước (làm) tăng trưởng an định. Trong cảnh thanh tịnh, dứt nhân nghiệp dữ. Hành, giải hợp nhất.

Thế nào là hình tướng ngã mạn tận cùng?

Tự tánh xưa nay nhiều loài thấu đạt. Các nghiệp quá khứ, an lạc thảy cầu. Xa lìa đói khát phước đức thuận hợp. Gốc rễ không phân, ngọn ngành có khác. Bố thí (nhằm dứt) tham dục, điên đảo trói buộc. Dòng thác phiền não hiện hành như vậy. Tu thí tự tại, tiêu trừ hý luận. Nghiệp thiện đạt được, thắng lợi viên mãn. Năng lực tinh tấn dứt mạn, si độn. Xứ sở chuyển đổi, hành động lại thêm. Thế gian an lạc, yên định đích thực. Nhận thức sáng tỏ, thuận hợp là vậy. Hành, giải gồm đủ, thù thắng vô cùng. Chi phần chân thật, linh động hòa hợp. Nền tảng Phật pháp chính là vô tướng. Quốc vương trị nước, gốc pháp chân thật. Tu tập thuận hợp, mẫu mực hiện bày. Thấu đạt thanh tịnh, chế ngự là chính. Hướng tới dứt trừ điên đảo, nghiệp dữ. Dòng thác phiền não không ngoài căn, tùy. Trí tuệ phát sinh (từ) hòa hợp tột bậc. Xa lìa (phiền não) mong đạt tĩnh lặng, thuận hợp. Lãnh thổ của vua tịch tĩnh tận cùng. Hiểu biết hành động, lìa mọi tai nạn. Là cõi Bồ-tát thấu tỏ, thuận hợp. Ngăn chặn tất cả các pháp bất tịnh. Hữu tình thấy rõ, an lạc tăng thêm. Tham dục của vua thật là không bờ. Nhân điên đảo ấy hốt nhiên dứt hết. Nuôi dưỡng muôn loài, mong cầu Thánh đức. Trong ngoài tịch tĩnh, theo thời nhận biết. Hành động phát huy, gốc từ mẫu mực. Là chốn Bồ-tát như hạnh mẹ hiền. Thông tỏ đúng phần, dứt bỏ điên đảo. Quan sát tăng thêm, chế ngự tất cả. Hành, giải hướng tới thắng nghĩa thanh tịnh. Thân tâm không nhân, căn bản khế lý. Chế ngự điên đảo, tự tánh hiện bày. Gốc của an định do từ bố thí. Phước đức rốt ráo, tự tại an tĩnh. Vô ngã, thanh tịnh, tăng thêm ái lạc. Tự tánh thông tỏ cội rễ dòng thác. (Cùng với) đói khát, hoạn nạn, hình tướng hý luận. Si độn, các mạn chấm dứt, tịch tĩnh tận cùng. Như sư tử vương nuôi dưỡng đủ đầy. Hình tướng đầy đủ, nơi chốn dứt sợ. Tự tánh thích ứng tạo nhân vi diệu. Cung kính cúng dường, thiện diệu chuyển biến.

Thế nào là nhân thắng tăng trưởng thực sự?

Trí tuệ tịnh diệu, tịch tĩnh chế ngự (phiền não). Xa lìa ngôn thuyết, nơi chốn tùy thuận.

Thế nào là thắng nghĩa chuyển biến thuận hợp?

(Đạt) nhân thắng thanh tịnh, tánh phiền chẳng sinh. Tịnh diệu như thế. Bồ-tát chỉ dạy, tự tại hiện bày. Ngôn ngữ khế hợp, thuyết pháp độ khắp. Vương giả làm sao sửa trị khắp cõi? Tự tánh quan sát pháp thiện không tranh. Nhân diệu thanh tịnh rõ nghĩa dưỡng nuôi. Chân lý thuận hợp, căn bản gồm đủ. Tự tánh hòa hợp, thân tâm an lạc. Nơi của nuôi dưỡng (an lạc là) tu tập vô bờ. Hiểu biết thấu đạt, hướng cầu chân thật. Tuệ giác đạt được

tối thượng tận cùng. Thánh pháp thanh tịnh, dứt buộc như vậy. Ngọn nguồn gồm đủ hý luận không quấy. Tự tánh thanh tịnh, phiền não hằng dứt. Các pháp (của) tự tánh (là) gốc mọi lưu chuyển (dẫn đến) si độn, các mạn, kiêu, phóng dấy khắp. Gốc mọi tai họa vốn là tĩnh lặng. Chúng sinh đuổi theo bóng hình không thật. Bồ-tát phải dốc chỉ dạy (lý) tối thượng. (Giúp) tự tánh nhận ra nghiệp dữ, đói khổ. (Nhận ra) là chốn phiền não chồng chất từ trước. Nghĩa lợi rộng lớn (là làm cho) chúng sinh (được) thanh tịnh. Tạo nhân bố thí (đạt) tĩnh lặng thiện diệu. Chúng sinh tỏ ngộ theo nhân Bồ-tát. Thập thiện phát khởi, an trụ không chao. Giáo pháp gồm đức, bản lai vốn không. Bản tánh tùy thuận hiện bày có khác. Thâm diệu phát huy, nhân thắng là thế. Yên vững an định.

Thế nào là thân tâm tịch tĩnh trọn đủ?

Tu tập chân thật, vô úy thành tựu. Tự tại tận cùng (là) thắng nghĩa vô sinh. Như vậy là Bồ-tát đạt được quả vị A-la-hán thanh tịnh, chẳng động. Xoay chiều dòng thác điên đảo phiền não. Dứt nhân vọng động, hoạn nạn cũng dừng. Quan sát chúng sinh, bố thí thanh tịnh. Diệu dụng giải thoát (là) tịch tĩnh thắng nghĩa. Là lúc dạy khuyên dốc tu tự tại.

Chấp ngã rộng lớn không cùng là thế: Cội rễ nơi sinh (của) dòng thác phiền não. Lại phải hành động (để) dứt bỏ, xa lìa. Quan sát rõ lẽ, thấu tỏ đúng phần.

Thế nào là chúng sinh chế ngự tự tánh?

Hành động ung dung, đúng phần, lâu dài. Tự tánh căn bản, tịch tĩnh như (cõi) không. Quan sát mình, người, thanh tịnh cùng lợi. Là chốn tùy thuận, thù thắng tột bậc. Đủ sức thực hành, trọn thêm vô úy. Đó là Đại thừa giác ngộ, giải thoát, tạo nhân giáo hóa, ví như hoa sen mọc lên từ bùn. Thanh tịnh thắng nghĩa (là) cội rễ (để) chế ngự. Tạo nhân tu thí, đạt được thiện lợi. Tướng gốc (của) nghiệp dữ (là do) chẳng chịu thi ân. Tỏ ngộ cấu uế, thanh tịnh không khác. Tăng thêm chế ngự, bình đẳng gồm đủ. Tự tánh thắng nghĩa, không phân bỉ thử. Gốc của tai họa hiện hành rõ ràng. Thuận theo trí tịnh mong đạt được như vậy. (Nhận rõ) tự tánh tịch tĩnh, phiền não nhiễm, buộc. Thân tâm thanh tịnh, dứt mọi biến chuyển. Bố thí mong đạt lực dụng thích ứng. Quan sát vô tận tất cả chúng sinh. Tùy thuận mong đạt nhân tánh tối thượng. Tự tánh vốn không (có) các mạn si độn. Bố thí vô tướng, dứt sạch (mạn, độn), chuyên tu. Thuyết pháp chân thật, năng dứt thắng dục.

Thế nào là chư Thiên ngôn ngữ chân thật?

(Theo) nhân thắng căn bản, tu tập thuận hòa. Hạnh thí vô biên (là)

pháp đàn căn bản. Xa lìa dục lạc, nghĩa lợi thêm tu. Dứt trừ vọng tưởng, gốc không si mạn. Hành, giải gồm đủ, hạnh tu tinh tấn. Nhân thắng bất thoái (là) gốc rễ (của) người trời. Thuận theo thắng nghĩa thêm tu bố thí. Nhân của chân thật (là) gốc mọi thành tựu. Tạo nhân thí, mong thanh tịnh trùm khắp. Các pháp thâm diệu, dẫn dắt chúng sinh. Tu tập bố thí, bí ngữ khế hợp. Phát huy tịch tĩnh, dứt mọi tham dục. Hành, giải gồm đủ (đạt) nhân thắng thanh tịnh. Làm chủ mọi nhân, tự tại là vậy. Hành động phát huy (đạt) chân thật thắng nghĩa. Tất thảy tai nạn tự nhiên lặng dừng. Xa lìa tất cả cấu nhiễm, trói buộc. (Cùng với) phiền não, si độn biến chuyển khắp chốn. Là cõi chúng sinh tịch tĩnh tận cùng. Lực dụng tự tại thuận theo bản tánh. Nhân buộc, cấu nhiễm, hợp nhất gồm đủ. Chúng sinh tỏ ngộ dứt bỏ hý luận. (Cùng với) Nơi chốn tai họa, tu tập hiền thiện thắng nghĩa. Tự tánh chân thật, bố thí thanh tịnh, (đạt) lực dụng tận cùng (là) tự tại tịch mặc. Chúng sinh khắp chốn tạo nghiệp điên đảo. Sinh tử trôi lăn rõ nghĩa ngu si. Xa lìa chấp ngã (mới) thông đạt tận cùng. (Từ) căn, tùy (phiền não) tạo tác, nghiệp dữ hiện bày. Xứ sở điều hòa, như (cõi) không vô ngại. Cơm áo cao sang, lìa bỏ không màng. Đạo pháp thanh tịnh, hàm nghĩa giáo hóa. Nói rõ (các) mối lo, tự tánh hiển hiện. Các pháp tịch tĩnh, mong đạt tự tại. Tu thí thanh tịnh, bố thí khế hợp. Lìa gốc vọng tưởng, thuận hòa trọn đủ. Tịch tĩnh như vậy, đạt nghĩa thâm diệu. Cơm áo dồi dào (càng rõ) lời nói chỉ dạy. Bố thí dẫn dắt, tăng thêm tịch tĩnh. Tỏ ngộ chân thật hình tướng như (cõi) không. (Là) Hành tướng căn bản (của bậc) Thánh giả tu học (hoàn tất). Giải thoát đúng nghĩa, bình đẳng như vậy. Gốc rễ cấu nhiễm, hý luận đều dứt. Thắng nghĩa phát khởi, tướng nhân thích ứng. Nghiệp tạo lâu đời (cũng được) thanh tịnh tận cùng. Dứt (bỏ) các mạn, độn, dấy thêm (hoặc) đã có. Cuốn theo dòng thác, tịch tĩnh nào còn. Nẻo nghiệp (của) bốn loài hiện sống theo sau nghiệp cũ (một cách) bất định. Như vậy tự tại (hiện có) gồm đủ tất cả tạo tác từ trước. Tạo nghiệp bố thí (đạt) thanh tịnh tận cùng. (Như) lúc lạnh gặp lửa đủ nghĩa thù thắng. Là cõi chân thật căn bản thuận hợp. Xa lìa nghiệp cũ, thân tâm hòa hợp. Đường nghiệp căn bản (là) tu tập nhân thắng. Chư Thiên đạt vui yên ổn, tịnh diệu. Nhân của khổ thọ tạm thời không dấy. Dục lạc tự tại (chư Thiên) làm tăng si, mạn. Ấy là lìa bỏ nghiệp dụng xa xưa. Chúng sinh bố thí thiện tịnh thuận hợp, phiền não tự dứt. Cõi ý dứt bỏ (các) nghiệp tạo đời trước. Hợp phần vô biên, kẻ giỏi nhận trước. Như vậy các bậc tu học (hoàn tất) đạt được thanh tịnh trùm khắp, an trụ rốt ráo. (Mọi) cấu nhiễm trói buộc từ xưa đều sạch. Không nhân lo phiền, thân tâm thanh tịnh. Dẫn dạy chúng sinh ý chuộng tu thí. Thế gian thông tỏ thanh tịnh, tịch tĩnh.

Thế nào là loại ngã mạn, si mê?

Dục trong tâm sở mong dứt trói buộc. Nơi nương thanh tịnh (của) các cõi chư Thiên. Hạnh thí thông tỏ, trọn tịnh, thù thắng. Rộng nghe Thánh đạo, thấu rõ thuận hòa. Tu tập nghiêm túc, phép tắc thích ứng. An lạc tận cùng, cao thấp bình đẳng. Quả báo như vậy (là) đúng theo giáo pháp. Gieo nhân bố thí, dung nghi thanh tịnh, đức hạnh trọn đủ tạo nghiệp an tĩnh. Chế ngự các mạn, si độn chẳng sinh. Thế gian đủ sức đạt nhân lìa bỏ (các mạn si độn). Dục lạc tột bậc (là) thực hành chân thật. Hình tướng thanh tịnh, chư Thiên không sánh. Xa lìa tai nạn.

Thế nào là nhân thắng sạch hết cấu nhiễm?

Tu hạnh bố thí các mạn đều dứt. Chúng sinh tận cùng, hướng cầu đạo Vô thượng. Trí tuệ phát sinh thông suốt giáo pháp. Hợp phần thanh tịnh, thảy đều chân thật. Hiểu rõ nghĩa lợi, tịch tĩnh trọn đủ. Thuận theo nhân thắng dứt bỏ các mạn. Tự tánh thiện diệu, nơi chốn tươi đẹp. Giáo pháp thù thắng, hành giải gồm đủ. Tỏ ngộ, bất thoái, bố thí hết lòng. Lành thay lực dụng thù thắng (của) hành, giải! Kiêu, phóng dấy tràn, hợp phần đều mất. Nhận thức vấn nạn, phép tắc hiện bày. Nhân hành hòa thuận, bố thí thích ứng. Chế ngự, dứt bỏ (mọi) hình tướng (của) quả khổ. Chúng sinh thanh tịnh, đói khát không còn. Xa lìa sợ hãi, chân thật là thế. Nghiệp dữ đã dứt, bỉ thử lặng dừng. Các pháp Ba thừa (là) thắng pháp thế gian. Tăng thêm bố thí, si mạn không bày.

Thế nào là bàn luận tranh biện, nghiên cứu thấu đáo về tánh tướng?

Chân lý thành tựu (là) vui thích căn bản. Cấu nhiễm, buộc thể, gốc từ chấp ngã. Chi phần điên đảo (là) si độn của tâm. Cấu nhiễm ở đấy nơi trú vốn không, chuyển biến sao có (được)? Tánh của Như Lai tối tôn tối thượng. Ví như đề hồ các vị thượng hạng. Nhân thí thanh tịnh, nghĩa lợi thuận hợp. Nghĩa của giới luật (là) ngôn ngữ thiện tịnh. Là lúc quốc vương lực dụng tự tại. Xứ sở rộng lớn, ân thí khắp nơi. Mẫu mực dốc tu, phép tắc nghiêm túc. Tạo tác như vậy (đem lại) lợi ích thiết thực. Bản tánh vốn không, ngôn ngữ thâm diệu. Tạo tác, lưu chuyển, tánh là vô thường. Mẹ hiền ân dưỡng, chi phần viên mãn. tịch tĩnh thắng nghĩa điều phục ngôn ngữ. Tự tánh thành tựu, hiện hành thế gian. Lành thay trí tuệ! Không vướng hý luận, lời vua chỉ rõ. Nhân không bị hoại, xa lìa thường–đoạn. Chánh pháp vô biên, rõ nghĩa giáo hóa.

Thế nào là không mạn, thuận hợp tột bậc?

Rộng nghe gồm đủ, căn bản kiến tánh.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 10

Nhân thắng hợp phần, cõi gốc Như như. Thập thiện dốc tu, lìa dòng lưu chuyển. Nhận thức căn bản, hành giải gồm đủ. Tự tánh chân thật, trí tuệ thanh tịnh. Thấu đạt hình tướng, tu tập, giáo hóa. Giải thoát đúng nghĩa, hướng cầu khó đạt. Nơi chốn tịch nhiên, an tĩnh vô biên (giải thoát). Tỳ-kheo căn bản xa lìa trói buộc. Tạo nhân bố thí viên mãn, an định. Trí tuệ tăng trưởng, thấu suốt vô úy. Bố thí thanh tịnh, nhân thắng không giảm. Diệu dụng đạt được (là) phiền não lặng dừng. Thánh nhân tu học (hoàn tất) căn, tùy (phiền não) hằng dứt. Bốn loại (Thánh quả) dòng thác tập khí vẫn còn. Chúng sinh thế gian (bị) vô minh che lấp. Gốc rễ trói buộc (là từ) ý tình buông lung. Tiềm lực tự tại, thiếu hạnh từ, nhẫn. Dòng thác cuồn cuộn, trói che khó rời. Phước lạc quả báo liên miên như vậy. Biết rõ buộc ấy, hý luận là gốc. Chứng đắc giải thoát, mong đạt tịch tĩnh. Thật ấy, (giải thoát) bất thoái, thấu trọn. Thủy, hỏa, phong, tai phát sinh dữ dội. Biết rõ tham, si, sân hận dua theo. Pháp tánh vốn tịch, trong lặng, vô sinh. Tự tánh chuyển biến, tạo (các) pháp hữu vi. Hữu tình thế gian, bốn loài theo nghiệp. Sinh, hiện, mất còn, trước sau chẳng định. Vi diệu sâu xa thuận theo vô tướng. Giới luật trì - phạm chân thật phát sinh. Tánh của Như Lai thường trụ, hằng hữu. Giữ giới thanh tịnh, tự tánh trong lành. Chúng sinh hoạn nạn, tâm Từ thể hiện. Cõi ý phát sinh, an nhiên, thông tỏ. Các pháp giải thoát, có nhân mới đạt. Hạnh bất phóng dật, chư Thiên nên tu. Nhân tạo an lạc (chư Thiên) gốc rễ (là) tam thiện. Cõi tánh hành động điên đảo chẳng sinh. Phép tắc nghiêm minh, tịnh diệu đáng quý. Thông tỏ tận cùng (là) lực dụng rốt ráo. Hình tướng tu thí, phát sinh đầy đủ. Tạo tượng dốc tu, phước duyên vững chắc. Ý trọn tịch tĩnh, thông tỏ, thấu đạt. Tam bảo an trụ, không hề chuyển lay. Lìa pháp điên đảo, rõ gốc thắng nghĩa. Tánh vốn tĩnh trụ, phiền não chẳng sinh. Chấp ngã dấy tăng, gốc rễ (của) phiền não. Thánh lực vô biên, năng lìa (mọi) tạo nghiệp. Không tham, sân, si, gốc của ba thiện. Điên đảo, các mạn không thể phát sinh. (Bậc) hữu học tĩnh trụ, hiện hành chẳng dấy (các mạn, điên đảo). Lực tự tại ấy (từ) giới đức thanh tịnh. Thấu đạt càng tăng, hòa hợp, khéo trụ. Tịch tĩnh bao la, Tam bảo hội đủ. Chín phẩm trí

tuệ, hướng cầu vô tướng. Chư Thiên vui sướng (vẫn) tấn tu mong đạt (trí tuệ vô tướng). Năng dứt tham dục, thuyết pháp chân thật. Không tạo nhân hành, chủng tử chẳng sinh, lìa mọi quả báo. Công đức thắng pháp diệu dụng như vậy. Điên đảo, trói buộc thuận nghịch đều dứt. Mong cầu biến khắp nơi chốn cùng tận. Nhân hành đức nghiệp viên mãn như thế. Quả báo hiện bày, hình bóng trăm loại. Xóm làng, nhà ruộng sung túc vô cùng. Giáo pháp thanh tịnh (đem lại) lợi ích an lạc. Chân như, tự tánh, bản lai thường tĩnh. Không thủ, không xả, an tĩnh trong lặng. Ba thừa Thánh nhân đều là bạn lành. Tâm bị trói buộc, thực do vọng tưởng. Cõi tánh thanh tịnh, tự tại hiện bày. Xa lìa (mọi) khuôn khổ (của) dòng thác điên đảo. Hành động tiếp nối, dốc tu chân thật. Tận cùng tột bậc (là) tâm được giải thoát. Thanh tịnh, thâm diệu, dừng lặng, Như như. Bất khả tư nghị, vượt mọi hình tướng. Nghĩa chân thật ấy, cứu cánh (là) vô ngã. Vương giả nhận thức chỉ dạy như vậy. Chánh pháp an trụ, bình đẳng không hai, đạo hạnh viên mãn, tĩnh lặng, không sợ. (Các loài) hữu tình, phi tình, tánh vốn thường tịch. Giải thoát vô sinh, (các pháp) hữu vi gắng bỏ. Ngã mạn, hý luận thảy đều chuyển biến. Năng dứt tham dục khắp chốn tận cùng. Dốc tu chân thật nghiêm túc như thế. Bậc Đại trượng phu thù thắng nhiều kiếp (tu). Tạo nghiệp pháp thiện thành tựu vô biên. (Là loại) hữu tình (có) trí tuệ công năng vô tận.

Thế nào là bậc mẹ hiền nuôi dưỡng chân thật?

Vọng nhiễm nhiều đời (cũng) chuyển thành thanh tịnh. Thâm diệu, chân thật rốt ráo như vậy. (Bậc) giác ngộ bất thoái, thắng nghĩa viên mãn. Tỳ-ni giới luật, chúng sinh nên nhận. Phật dạy căn bản: cõi thật viên mãn. Mọi thứ tà kiến mê mờ chẳng sinh. Tự tánh tĩnh trụ, tâm lặng hòa hợp. Thắng nghĩa phát sinh, tà kiến chẳng dấy. Dứt bỏ mây mờ, hướng cầu bình đẳng.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA QUẢNG DIỄN THỨ HAI MƯƠI HAI CÙNG HAI MƯƠI BA HỢP LẠI.

Chấp ngã, thọ khổ, điên đảo thật sự, thắng nghĩa Như như tác dụng hiện bày. Đó là tùy thuận, thấu đạt nghĩa lợi hạnh Bồ-tát ấy trí tuệ thù thắng.

Tự tánh các loài an tĩnh, ung dung. Hết lòng tôn tượng mong đạt phước báo. An cư tịch tĩnh, tâm mờ dứt sạch. Nơi chốn nghiêm đẹp, bụi bặm đều hết. Hai mươi hai gốc (phẩm) thiện pháp Dục (rõ) nghĩa. Thiện ác hiện rõ như bóng theo hình. Đó là nghĩa đạt được, chứ không phải nghĩa không đạt được.

Xứ sở của vua thịnh vượng, an ổn. Dứt bỏ, diệt các nhiễm ác thâm căn. Giáo hóa muôn loài gồm đủ hình tướng. Thật ấy khó đạt. Phép tắc nghiêm minh. Phiền não dấy lên, rõ nghĩa dòng thác. Hình bóng tạo nghiệp, quả báo gồm đủ. Tự tánh thông tỏ, oán đối nào còn. Xa lìa điên đảo hiện hành rộng khắp. Lực dụng bố thí khế hợp nơi chốn. Nhớ nghĩ lời Phật, tôn kính vô cùng. Tướng trí tuệ ấy (Phật) đạt đến vô tận. Đại thừa bình đẳng, hóa độ là chính. Tham ái trói buộc cả hạnh từ bi. Lực dụng tự tại chuyển đổi tất cả. Giới đức thanh tịnh, phép tắc theo đúng. Thân tâm thượng diệu trong sáng như ngọc. Hình tướng phù hợp, sự nghiệp thù thắng. Bồ-tát khế hợp, động tĩnh khá nương. Là cõi bình đẳng, bỉ ngã là một. Lực dụng phát sinh, quả báo thành tựu. (Như) mẹ hiền yêu quý, khắp chốn thuận theo. Điên đảo, các mạn tràn dấy khắp loài. Hiện hành buộc thể năng sinh hý luận. Thọ mạng chung cuộc trong ngoài đều khắp. Là chốn trượng phu xa lìa hý luận, Cứu cánh (của) chúng sinh gắn liền trói buộc. Dòng thác phiền não lôi cuốn chẳng sinh. Tấn tu Phật đạo, phước đức bền vững. (Các loài) ngã mạn, chấp trước điên đảo, khắp chốn. Thanh tịnh thắng nghĩa phát sinh, trừ dứt. Chân thường hợp nhất, thấu đạt không ngừng. Lìa bỏ che buộc, cõi ý thanh tịnh. Dứt sạch hoạn nạn, vọng tưởng, phỉ báng. Thù thắng tịnh diệu, bỉ ngã dung thông. Mười loại phiền não căn bản chẳng dấy. Trói buộc, biến khắp (phiền não) chế ngự, quyết dứt.

Thế nào là tâm si hủy diệt thể lực?

Nhận lấy ác báo uy lực tự hết. Phân biệt chấp ngã, chứng (quả) Thánh mới trừ. Các mạn nhờ có chánh kiến loại bỏ. Si độn, hý luận không nhân dấy khởi. Phát huy Thập thiện thế gian tùy thuận. Giới mốc (của) mạng ấy làm tăng chấp trước. Vọng tưởng phân biệt, quyết định chịu quả. Rừng cây phá chặt, như (cõi) không vô biên. Nhận quả thích hợp, yêu thích phần lợi. Thân mang ngã mạn, gốc càng nặng thêm. Thân quả phù hợp cũng như hình bóng. Tịch nhiên vô ngại, như (cõi) không bao la. Tham ái phát sinh, quả báo trong nhân. Pháp lành không tu, làm sao chứng quả? Tịch tĩnh như (cõi) không, bao la khắp chốn. Nhân thiện sinh khởi, quả báo thuận theo. Tự tánh thanh tịnh, điên đảo dừng lặng. Hình, tiếng, thiện xảo tạo dựng Phật sự. Thọ mạng đúng phần, khó mà lẫn tránh. Giáo hóa tự tha thâm diệu, lớn lao. Ngã chấp tăng mạnh, bình đẳng khó đạt. Hướng cầu thắng nghĩa viên mãn như vậy. Đức hạnh hữu tình (là) vui hòa khéo tu. Thanh tịnh, trong lặng, sâu xa gắng đạt.

Thế nào là tâm pháp, chân như là tánh?

An trụ, bình đẳng đúng phần khắp chốn. Thắng nghĩa viên mãn, dứt

mọi tạo nghiệp. Mười loại đường nghiệp đều do tâm khởi. Gốc rễ mờ tối, che thể (là) do si. Tưởng hợp, ngăn che, vương, sở (tâm) đều có. Ngã mạn phân chia đến bảy – chín loại. Dòng thác căn tùy (phiền não), Như Lai hằng dứt. Bố thí văn nghĩa (pháp thí), đó là Đại thừa. Phật, Pháp, Tăng bảo rốt ráo an định. Thiện ác hai tướng, đối xứng (hình) lập nên. Thông tỏ đúng phần dài lâu khó đạt. Nhân (để) đạt cõi trời do nhờ sức thiện. Nơi chốn an trụ, giữ gìn cẩn mật. Hóa độ tận chúng cùng theo tam thừa. Nhận rõ bạn lành, tăng thêm thắng lực. Chấp ngã dứt trừ, hòa hợp một loại. Thắng nghĩa hiện rõ, trói buộc chẳng sinh. Hành, giải gồm đủ, gánh vác Thánh lực. Tánh của Như Lai tức chánh biến tri. Thân tướng tịnh diệu, tâm lặng an trụ. Trí tuệ viên mãn, giác ngộ, an nhiên. Thắng nghĩa Niết-bàn (là) bỉ ngã đều dứt. Trí lực hợp nhất, si độn (đều) không còn. Trí tuệ thâm diệu, xua sạch vô minh. (Bậc) Đại trượng phu ấy đạt chân thắng nghĩa. Hướng đạt vô tướng, tự tại chỉ tịch. Tu hạnh bố thí, đầy đủ, viên mãn. Nhân hóa độ ấy lìa bỏ trói buộc. Là cõi bình đẳng, diệu dụng thành tựu. Điên đảo rộng khắp, tạo nhân chẳng sinh. Tùy thuận cung kính, hạnh tu trọn đủ. Thắng nghĩa thượng diệu, phát huy như thế. (Như) Rừng che cỏ tốt, nghiệp dữ xa lìa. Đạt tướng trí tuệ tỏ ngộ thâm diệu. Nhân thắng phát khởi tự tại vô biên. Nhân Thập thiện hiện hành khắp thế gian. Ý (bậc) Đại trượng phu viên mãn, khế hợp. Tạo nhân chín địa, tu tập thuận hợp. Hành điên đảo ấy thảy nên dứt trừ. (Cùng với) Ngã mạn si độn (che) thể tánh chân thật. Sắc tướng tịnh diệu phát sinh trọn đủ. Tham dục trùm khắp, sức dấy vô tận. Không (tạo) nhân dứt trừ, sinh tử mãi buộc. Buông theo phiền não mất chí trượng phu. Không tin lời Phật, đúng (là) hạng phàm phu. Mong đạt đúng phần (thật ra chỉ là) điên đảo cùng tận. Nghiệp ác dấy tạo, trói buộc trôi lăn. Nhân tánh thanh tịnh, dứt trừ, lìa bỏ (nghiệp ác), là chốn trượng phu dốc tu thắng nghiệp. Khắp mọi nơi chốn an tĩnh, yên định. Bao lớp nhiễm, buộc (bị) trừ diệt chẳng sinh. Chúng sinh cõi người tạo phước thù thắng, Thực hiện là chính. Chế độ trị nước là điều tối thượng. Sắc tướng nghiêm đẹp, kỳ vĩ, khó sánh. Nơi chốn thanh tịnh, an tĩnh, yên định. Tự tánh trong lặng, tên gọi thêm rõ. Chướng ngại to lớn (của) chúng sinh không còn. Thắng nghĩa phát khởi, thương dẫn muôn loài. Thực hiện bất thoái, Phật lực hộ trì. Vững tu tận cùng, rõ nghĩa thường trụ. Oán kết cùng gặp, gắng sức tùy thuận. Dứt bỏ tham dục, hướng cầu Thánh nhân. Là cõi Bồ-tát bi nguyện nên gắn (bó). Thể bị mạn dấy, khó mà chế ngự. Chín phẩm, khắp cõi vượt chấp (về) lý, sự. Tự tánh nhận ra điên đảo vô tận. Vô minh, si che, tịch tĩnh khó sinh. Trói cuộn kiếp tằm dễ đâu lìa bỏ. Tạo tác chân thật, dốc tu từ gốc. Tất cả (các) hành tướng (đều) mong đạt thọ mạng. Bậc Đại trượng phu giáo hóa

chúng sinh. Nương ở tự tánh Như như bình đẳng. Thân tâm (là) chỗ nương căn bản (của) thức tánh. Phát sinh thắng nghĩa là tánh tối thượng. Hóa độ thích hợp (là) việc làm (của bậc) trượng phu. Nơi chốn tịch tĩnh, lìa mọi tham dục. Mười phương thanh tịnh, quả Giác viên thành. Vọng động bao đời, phân ra sở - năng. Nhân thắng như vậy (do) nhiều kiếp tu tập. Diệu dụng thanh trí, nhân quả có khác. Hành động thù thắng (là) cứu khổ ban vui. Dẫn dạy muôn loài kính tin Tam bảo. Si, mạn như thế, chấp ngã là gốc. Đủ sức thực hiện (mọi) hình tướng (chấp ngã) dứt tuyệt. Tự thể mong đạt chuyển biến như vậy. Di thể các loài lưu chuyển (nhưng) chẳng mất. Đúng phần cùng tận, sạch nhơ đều có. Nhân của thiện tịnh hàm chứa nghĩa lợi. Chân thật hướng cầu, thấu đạt phép tắc. Tự tại, an nhiên không còn điên đảo. Là cõi ngã mạn theo hướng tăng dấy. Hý luận câu kết chẳng lúc nào dừng. Nhân thắng (của) chúng sinh không thể lìa bỏ. Tạo tác nghĩa lợi (là) nhân của pháp thí. Muôn loài khổ não, hủy hoại thân phần. (Tạo ra) điên đảo tận cùng, khó mà xa lìa. Hạnh thí viên mãn, bao la, vô tướng. Giới đức thanh tịnh, rõ nẻo phạm trì. Tận cùng dứt ác (là) phiền não năng lìa. Là cõi Bồ-tát tự tánh thanh tịnh. Hạnh ấy hiện bày, siêng tu thắng nghĩa, giáo hóa muôn loài, thật hạnh trượng phu. Phương tiện bố thí, dốc tu thiện tịnh. Chư Phật hộ niệm nhân lành đều trọn. Pháp tượng tôn thờ, khế hợp là vậy. Khắp nơi an tĩnh, bình đẳng như (cõi) không. Năng dứt tham dục, làm nhân phạm hạnh. Tự tu hạnh thí, nhân duyên rốt ráo. Trói buộc vô tận là nghĩa (của) dòng thác. Hình tướng biến chuyển, mắt luôn nhớ, ghi. Dứt mọi ác kiến, thắng nghĩa viên mãn. Ngọn nguồn chân thật, tự đạt nơi mình. Ân mẹ lớn lao là nghĩa vô cùng. Tà kiến chẳng sinh, thảy đều chân thật. Căn bản giới luật (là) bày rõ mẫu mực. Cõi tĩnh an lạc, vắng bặt tham dục. Chúng sinh khắp cõi mong dứt hý luận. Khéo dứt phiền não, đúng bậc Trượng phu. Là (bậc) đại hữu tình, lực dụng đích thật. Hình tướng bình đẳng khiến tâm an trụ.

Tịch tĩnh là gốc, vọng tưởng chăng mong, tự tại hiện rõ, đó là an nhiên. Hình, bóng gốc, ngọn, nghĩa lợi như thế. Hý luận dứt sạch, chân thật hiển hiện.

Thế nào là gốc của mọi điên đảo?

Tu hạnh cấu nhiễm (dẫn tới) ngã chấp vô biên. Bản tánh Như như làm thế nào (dứt) sợ? Thân phần ốm đói, bố thí năng lìa. Đạt nơi chốn ấy (bản tánh Như như) vững tu là chính. Hành động biến khắp, gánh vác vô tận. Vi diệu sâu xa rõ nét vô tướng. Vật dụng trọn nên tự tại gồm đủ. Xứ sở tươi đẹp, thanh tịnh trên hết. Nghiêm đẹp, tịnh diệu cho đến khắp nơi. Giáo

pháp thanh tịnh, khéo hiện, tĩnh lặng. Tu nhân phạm hạnh, dung mạo hiện rõ. Như sư tử vương uy nghi vượt bậc. Dung mạo đẹp đẽ, tươi sáng, oai nghiêm. Tâm gốc trong lặng, an nhiên, an tịnh. Gốc rễ si ám (là do) thiếu nhân tuệ giải. Các pháp điên đảo (khiến) chánh trí chẳng sinh. Hành, giải gồm đủ, tâm bi lìa bỏ (điên đảo). Trói buộc (từ) vô thỉ, (nên) tham đắm sắc thân. Giới luật tịnh diệu dứt trừ điên đảo. Tạo nhân thù thắng dốc tu tối thượng. Thể vô biểu sắc, trì, phạm (gọi) là giới. Hữu tình tham ái bùng dậy nơi thân. (Trôi theo) dòng thác kiêu phóng cuồng dật lớp lớp. Tạo nghiệp điên đảo (phải có) phép tắc (giới luật) dừng dứt. Nơi chốn thanh tịnh, hành động chân thật. Tướng bình đẳng ấy căn bản an trụ. Mong được thấu đạt vô–hữu đúng phần. Đất nước khắp cõi tịch tĩnh an nhiên. Giữ giới trong lành (như) rừng che cỏ tốt. Giới đức không thiếu, hợp nhất thanh tịnh. Thắng nghĩa phép tắc trọn đủ.

Thế nào là nhân hành của mười pháp thiện?

Sắc tướng tăng trưởng tận cùng như vậy. Dung mạo thù thắng, tự tại vô tận. Tươi sáng, oai đẹp, hành giải viên mãn. Bố thí đầy đủ thân tâm thuận hợp. Phiền não chẳng sinh, tươi trong (như) ngọc quý. Mong đạt lực dụng, thực hiện trọn đủ. Là cõi bao la (của) thể tánh tự tại. Công đức bố thí (đem lại) tịch tĩnh nghiêm túc. Tự tánh (đạt) trí tuệ, dứt mọi khổ não. Tự tánh tư duy, ba nghiệp thuần thục. Tạo nhân thù thắng, mọi vọng tưởng dứt. Si độn, ngã mạn tạo nghiệp hý luận. Hành động thượng dẫn, mong đạt viên mãn. Phẫn nộ tận cùng, chỉ dạy dứt bỏ. Sở nguyện trượng phu bình đẳng không lệch. Thuận theo nương giữ tận cùng nơi bậc thầy truyền dạy. Dứt bỏ hý luận, hành giải mong đạt. Tánh bậc Hiền thánh, nghĩa (là) dứt luân lưu.

Thế nào là cung kính biết trọn, tự tại thể hiện như vậy?

Tự tánh thanh tịnh cứu giúp bình đẳng. Cõi gốc nổi bật (của) hai loại trọng chướng. (Cùng với) Dòng thác phiền não, nghiệp dữ hằng đoạn. Kim cang, vô gián (là sự) tạp nhiễm tận cùng. (Các pháp) hữu lậu đều được tự tánh hóa độ. Gốc của tam thừa, trí tuệ quyết đạt. Cấu nhiễm theo ác (là) thế gian phàm phu. (Nhưng từ trong) điên đảo cấu uế, lực dụng phát sinh. Diệt trừ trói buộc, cành lá tươi tốt. Gốc rễ vững chắc dùng đấy (làm) thí dụ.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 11

Cội nguồn tự tánh trí tuệ thông tỏ. Hình tướng thêm rõ, tĩnh trụ không não. Trong lặng, an lạc, rõ nghĩa giải thoát. Cõi ác đầy dẫy điên đảo, chấp ngã. Ưu khổ lan rộng, phiền não khó trừ. Cội rễ tai nạn, hình tướng khó định. Dòng thác phiền não, Như Lai hằng dứt. Nhân tự tánh ấy hiện bày khắp chốn. Thuận theo nghĩa lợi, căn bản gồm đủ. Lực dụng hóa độ mong đạt vô tận. Thảy đều tăng thêm tiến đến ích lợi. Cõi ý thông tỏ, dứt hết hý luận, phiền não, điên đảo dứt bỏ đúng phần. Nhân thiện Ba thừa dẫn dắt muôn loài. Pháp tánh chư Phật trong lặng, thanh tịnh. Tri kiến chân thật, các mạn không dấy. Tịch tĩnh thấu suốt các nẻo chướng ngại. Ngọn nguồn cõi mạn, giáo hóa dứt trừ. Trói buộc lắm loại, khuyên dạy chế ngự. Nơi cõi hữu tình, tùy thuận sinh khởi. Siêng năng quán tâm (đạt) thần túc thanh tịnh. Sám hối tội lỗi, thân tâm khinh an. Trí tuệ Phật đạo thông tỏ ba tánh. Cứu cánh chân thật (là) trí tuệ giác ngộ. Thắng nghĩa Như như, diệu giác tròn đầy. Thấu đạt chân tịnh (là) Ma-ha Bát-nhã. Phật, Đại trượng phu chế ngự muôn loài. Tịch tĩnh nương tựa, thích ứng rõ nghĩa. Phật đạo thanh tịnh, tột (là) Như Lai tánh. Trí tuệ thông tỏ tận cùng mọi lẽ. Nẻo ác tích tụ, lành thay gắng lìa! Thắng nghĩa thuận hợp, nghiệp tịnh viên mãn. Lìa bỏ trói buộc, sạch nhân khổ não. Thật ấy (sạch nhân khổ) mong đạt, quả báo không vướng. Trượng phu nhận rõ cội rễ điên đảo. Buông theo điên đảo (là) tà hạnh tận cùng, Gắn bó (với) gốc thiện tu học là vậy. Trói buộc tận cùng tự xem (như) nhà ruộng (tài sản). Là chốn chúng sinh phải nên bố thí. Quả báo (do) nghiệp ác (phải đi) ngược dòng mới dứt. Mười triền (của) năm cõi (ngăn che), tu phạm hạnh lìa. Hành, giải rộng khắp (là) lực dụng tự tánh. Lìa bỏ nghiệp dữ (đạt) sắc tướng thượng diệu. Tâm không hình chất, Niết-bàn vô tướng, hý luận mạn buộc (nhờ) văn, tu dứt trừ. Thân phần chân thật, hương thơm bay xa. Thông tỏ tăng thêm khắp mọi nơi chốn. Thảy mọi y báo (cũng đều) rõ chính như vậy. Mười nẻo thiện ấy, tịnh tuệ thông tỏ. Hành tướng cõi người, nơi chốn thù thắng. Sắc thể tột bậc, không thể hủy hoại. Khéo dạy chúng sinh tu thí viên mãn. Cõi ý khế hợp, thù thắng bất thoái. Phiền não, si mạn, oán đối dấy lên. Gồm cả trói buộc, chế ngự xa

lìa. Là chốn cung kính thuận theo vương giả. Gốc tu thắng hạnh, lìa cõi xấu ác. Giáo hóa viên mãn tận cùng các chốn. Chín địa vô tướng, tùy chỗ chứng thuyết. Mười nẻo đường nghiệp, trí tuệ thông suốt. Cõi tánh chân thật bình đẳng, tận cùng. Thắng nghĩa tối tôn là pháp vô vi. Xa lìa si, mạn, hành động phát huy. Oan đối, điên đảo, số loại hàng trăm. Dòng thác dấy lên, chủng (tử) hiện (hành) vô tận.

Thế nào là hữu tình lìa quả báo ngạ quỉ?

Điên đảo, ngã mạn trói buộc triền miên, Cội rễ tịch tĩnh hợp lìa tùy lúc. Bố thí vô tướng mong đạt chân thật. Thuận theo bình đẳng, phước báo tăng trưởng. Sinh loại cõi người, vương giả trên hết.

Thế nào là gốc rễ các loại ngã mạn?

Trói buộc liên tục, chịu lấy khổ não. Trí tuệ yêu thích, ngôn ngữ diễn bày. Tự tánh tịch tĩnh (như) dứt bỏ độc dược. Nhân của bạn lành mong cầu khế hợp. Yêu thương, nuôi dưỡng, nơi chốn thù thắng. Xa lìa tạo nghiệp bao thứ đảo điên. Sân hận diễn lời, quả báo gồm đủ. Bạn lành giúp đỡ, hành giải gắng công. Mong dứt phiền não, tự tại thuận hợp. Tự tánh tỏ ngộ cội rễ chân thật. Tu tập (nhờ) bạn bè, ngu yếu chuyển đổi. Nhân thắng viên mãn, bản tánh như thị. Thắng nghĩa phát sinh (là) cội rễ (của) giáo hóa. Tham trong phiền não cùng sinh ngã mạn. Bạn lành khéo giúp, nhân tịnh phát khởi. Nơi chốn đến, đi, bụi bặm dứt sạch. Bố thí rộng khắp, (đạt) thanh tịnh chân thật. Trói buộc trừ bỏ, dốc tu thêm tăng. Thắng hạnh phát sinh, an lạc chuyển khắp. Nhân duyên thiện diệu, đức nghiệp hợp ý. Ái lạc tĩnh trụ, lìa bỏ nhân nhiễm. Mười loại pháp thiện chuyển biến tận cùng. Bạn bè điên đảo, tự tánh đều dứt. Tự tánh thành tựu, chân thật trọn nên. Phật đạo giải thoát, chứng tánh chân như. Thắng nghĩa chân như, (là) chân thật viên mãn. (Ví như cõi) Trời ấy dứt khổ, như thật tận cùng. Tận cùng thù thắng, (là) hóa độ muôn loài. Giới pháp thanh tịnh, viên mãn vô tận. Trí lực Như Lai viên mãn bao la. Thuyết pháp chân thật, giới mốc vô cùng.

Thế nào là giáo hóa?

Phật là bạn lành. Nghiệp thiện vô lậu mười loại viên mãn.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI BỐN

Hợp nhất, tăng trưởng, nghĩa tánh Như Lai. Bi nguyện như vậy dốc tu vô tận. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy.

Thế nào là mong đạt hình tướng tịch tĩnh?

Thắng nghĩa cõi người (là đạt) cội rễ chân thật. Cõi tánh lớp lớp, căn

bản theo loài. Ba loại vi diệu chế ngự ba nghiệp. Hình tướng nhiều loại như thể rừng che. Tu nhân thanh tịnh, thân phần tự tại. Đạo Phật bình đẳng, giống như cõi không. Lực dụng tạo tác chuyển biến không cùng. (Phiền não ví như) đất sinh độc dược, phước lực khá trừ. Chúng sinh tạo nhân bình đẳng viên mãn. Chi phần tạo tác thượng diệu tịch tĩnh. Giáo pháp từ bi cứu giúp muôn loài. Hành, giải tăng trưởng, tâm tu thanh tịnh. Ba loại bất thoái (là) gốc mọi chân thật. (Như) Mẹ hiền dạy trao dứt bỏ hý luận. Trí tuệ thông tỏ, nhận rõ tham dục. Hòa hợp như vậy, phiền não chướng diệt. Khắp mọi nơi chốn tu hạnh điều phục. Chúng sinh cõi người tâm cầu khó đạt. Thuận theo điên đảo, si độn trói buộc. Chế ngự, dẫn dắt thường xuyên gắng sức. Nhận rõ hý luận lớp lớp câu kết. Là chỗ tu thí, điều chân thật ấy, độc (dược) vọng (tưởng) không hại. Tất cả Phật tánh sáng tỏ không hai. Giải thoát đúng nghĩa, nghĩa lợi thuận hợp. Pháp lành thuận tịnh, hành giả nên gắng sức. Ngã mạn, tham, buộc, bất thiện che lấp: thân tâm, năm uẩn, tự tánh thanh tịnh. Thánh hiền thông tỏ, không tạo điên đảo. Thân thể thù thắng, ý vui tự tại. Cõi nước tươi đẹp, vô cùng trang nghiêm. Cõi chúng sinh rộng, tươi đẹp, như (cõi) trời. Nhân thắng phát sinh (đạt) tự tại vô biên. Tĩnh trụ chế ngự ngã mạn, si độn. Thân tướng càng lớn, chấp ngã càng gắn. Mức độ cao thấp phân thượng, trung, hạ. Là chốn Bồ-tát (tạo ra) hình tướng thanh tịnh. Tu tập tự tại. Nghĩa lợi thắng thừa. Thanh tịnh thuận hợp.

Như vua đủ sức sửa trị thù thắng. Thường không thay đổi. Tạo nhân tịch tĩnh, gánh vác cõi xa. Mong dứt hý luận, diệt hết ô tạp. Nơi chốn lần lượt phát khởi tịnh diệu. Tâm ý vui thích, an định vững vàng. Che chở muôn dân như mây phủ khắp. Lực dụng bố thí (đem lại) hình tướng hòa hợp. Là nơi bình đẳng, mọi vật quân phân. Lực lượng tự tại từ một biến khắp. Dứt sạch bụi nhơ, diệu dụng thông tỏ. Nơi chốn giáo hóa mong dứt kinh sợ. Hình tướng hợp nhất thành tựu nghiêm túc. Trí tuệ bao la, dưỡng nuôi gồm đủ. Là chốn thanh tịnh, hành giải tự tại. Xa lìa điên đảo, tịch tĩnh tăng trưởng. Dòng thác sâu hiểm, sức cuốn rộng khắp. Chế ngự buộc che, ngăn dứt tăng dấy. Ái lạc đúng phần, mong đạt tịch tĩnh. Ý dấy kiêu, phóng, nẻo thiện mịt mờ. Bốn tướng phiền não chuyển biến cùng tận. Như vua tự tại, chế độ viên mãn. Là cõi Bồ-tát như (cõi) không, vô ngại.

Thế nào là thanh tướng lớn nhỏ ngăn ngại?

Thanh tịnh bố thí. Vương giả thành thật. Tâm Từ phát khởi, tinh thô chuyển đổi. Tịch tĩnh thắng nghĩa (là) an nhiên, yên tịnh. Thân, ngữ, ý tạo mười loại thiện, ác. Phân biệt đúng phần khắp mọi nơi chốn. Ba tánh giác ngộ (như) mẹ hiền nuôi con. Khéo biết tánh hạnh, cơm áo của con. Cũng

như vị vua khéo trị cõi nước.

Thế nào là cõi tâm dứt ác, hý luận?

Sắc tướng tươi đẹp hòa hợp đáng yêu. Tai nạn chẳng có, hủy hoại chẳng sinh. Như gốc vô tướng, lực dụng hòa hợp. Năng dứt tham dục, sân hận, ngu si. Thuyết pháp chân thật, thuận theo tu học. Rõ nẻo sinh tử (trong) ba cõi chín địa. Biến đổi, qua lại, hơn kém không định. Bình đẳng, tịch tĩnh dứt các si mạn.

Thế nào là ba tranh, gốc của tham, sân, si?

Tạo nhân tranh cãi, chịu quả bần cùng. Tạo ngôn ngữ ấy phải nên tu tập. Thân tâm tự tại, gánh vác đúng thực. Trí tuệ thanh tịnh tỏ rõ Đại thừa. Các pháp cứu cánh diệu giác viên mãn. Đúng phần lâu dài, trải ba đại kiếp. Ruộng tâm tu thí, xứ an, tự tại. Hành, giải gồm đủ, rõ phiền não chướng. Nơi chốn thực hiện an tĩnh viên mãn. Tâm thường tuệ thí, hình tướng thân thuộc. Bản lai bất sinh, chẳng hề bị buộc. Tạo tác vật dụng thù diệu đáng quý, quy ngưỡng Thánh hiền, thượng diệu viên mãn. Thiên chủ Đế Thích, trí tuệ thù thắng. Tỏ rõ các loài (hữu tình) tâm hành các pháp. Như Lai ứng hiện diệu dụng bao la. Thắng nghĩa thâm diệu (là) thanh tịnh thuận hợp. Sắc tướng viên mãn, thọ mạng ổn định. Phiền não, dục tham ưu khổ chẳng dừng. Xa lìa si mạn, dốc tu tịnh diệu. Hý luận trọn nên (tạo) buộc che cùng tận. Khiến tâm bị hãm nơi hầm hố sâu. Nhân lấy cảnh khổ, nung đốt chẳng dừng. Dòng thác phiền não bủa vây cõi ý. Tự thể tươi lành, sắc tướng tịnh diệu. Thảy đều phát sinh khắp mọi nơi chốn. Lực dụng thuận hợp, sở học viên mãn. Phát khởi hướng cầu đạt "Vô sinh nhẫn". Tìm tòi rộng khắp, thù thắng cùng tận. Hóa độ bình đẳng, thanh tịnh gồm đủ. Dứt bỏ ngã mạn, bố thí chân thật. Thân, ngữ, ý hành phát khởi bố thí. Mười nẻo nghiệp ấy, tự tại tận cùng. Thuận hòa gồm đủ, thanh tịnh thêm tăng. Thánh trí thông tỏ giới mốc hữu vô. Hình tướng dài, ngắn rõ lẽ vô ngại. Gánh vác, bố thí, dứt điên đảo, mạn. Chủ tể tự tại, thể hiện khắp chốn. Ý thức hòa hợp gồm đủ ngã mạn. Gốc ấy (Mạn) buộc thể, các mạn lấp tánh. Có đủ si độn, điên đảo bỉ thử. Nhớ nghĩ thân, oán không lúc nào dừng. Khổ não, tội lỗi câu kết khó lìa. Phát khởi biến chuyển, tăng trưởng khắp cõi. Tự tánh Như Lai trí tỏ, thanh tịnh. Hành, giải chân thật, dẫn dạy muôn loài. Bố thí tịnh diệu vô biên xứ sở. Lìa bỏ, không (tạo) nhân dòng thác điên đảo. (Như) cõi nước (của) vua rộng, phép tắc nghiêm ngặt, Dung mạo thù thắng, thanh tịnh đáng yêu. Suy nghĩ, hành động như mẹ nuôi con. Tỏ ngộ chân thật, vi diệu sâu xa. Khiêm cung, thuận theo hạnh của cõi người. Nơi ở tự tại, tạo nhân tịnh hạnh. Sân hận tận cùng (là) chỗ đắm (của) kẻ ngu. Ba loại dòng thác, tham

sân si (là) gốc. Thánh quả tối thượng y bát chẳng rời. Tự tánh thể hiện, đạo nghiệp thù thắng. Tánh như thành tựu, diệu lực phát sinh. Chân thật tận cùng, nơi chốn hợp ý. Tâm pháp hướng đạt, tỏ ngộ nhờ trí (tuệ), là chốn vương giả Thánh đức an định. Cõi nước an tĩnh dứt nhân hý luận. Nghĩa lý thích hợp, nhân thắng phát huy. Hủy diệt nơi chốn mạn, nhiễm, oan đối. Bố thí mong đạt thắng nghĩa tư duy. Suy kiệt (là) tên gọi (của) tạo tác sân hận. Ngã, ngã sở, nhận thức, suy tìm (đều) điên đảo, (phải nhờ) tịch tĩnh điều phục chế ngự.

Thế nào là đúng lúc chủ thể ngạc nhiên nhận ra các nét phong phú, sắc bén, yếu kém của hý luận do ngã mạn tạo tác?

Dòng thác như thế rõ nghĩa nổi chìm. Nhân bố thí ấy cứu giúp nghèo khổ. Thiền định dứt trừ điên đảo cấu uế. Điều phục kiêu, phóng, bỉ ngã tự tại. Lực dụng thanh tịnh, hý luận không thể (dấy lên). Thắng giáo thanh tịnh dứt hết oán độc. Tu học hướng tiến mong đạt như vậy. Tánh của Như Lai thông tỏ viên mãn. Phiền não, điên đảo ngăn che tự tánh (chúng sinh). Cội rễ như thế (là từ) vô thỉ nhiều kiếp. Tánh sạch phiền não, chân thật như (cõi) không. Thanh tịnh chỉ dạy, hiểu biết chế ngự các mạn, kiêu, phóng. Tịnh thức "bất sinh" là tự tánh biến chuyển. Cõi dữ, ngu muội, chẳng nên hướng cầu. Thuận theo nhiễm, tranh, nhân buộc tăng thêm. Cõi người si độn, Thánh trí khó sinh. Giới hạnh thanh tịnh, giáo hóa thù thắng. Hành động hòa hợp, gốc của hạnh thí. Chân thật trọn đủ, lực dụng tự tại. Trí tuệ phát sinh, dứt sợ, chẳng mất. Cõi điên đảo ấy, giới luật chế ngự. Tối thượng, không mất, điều phục, thực hiện. Thân phần thuận theo nghĩa lợi lớn lao. Tánh của phiền não dấy tăng đều dứt. Căn bản nhân thắng, tự tại thuận hợp. Ham thích bố thí, hình tướng không mất. Nhân phiền não kia tạo nên chấp trước. Như bậc đại vương trị nước không minh. Sợ hãi thực sự, gốc của nhiễm, vọng. Tự tại, vô ngã, đủ lực thực hiện. Tu hạnh tịch tĩnh, nhân gốc bao đời. Thân phần chấp trước, thật khó cởi mở. Chân thật, bình đẳng, lưu chuyển không hoại. Cõi pháp nên hình, buộc che chúng sinh. Hý luận cấu uế, quấy lấp cõi sinh, nơi chốn chẳng có. Vô minh dấy khởi, chuyển biến lắm đường.

Diệu dụng Phật đạo thanh tịnh tự tại, là chốn vương giả Thánh đức phát huy. Tự tánh trí tuệ luôn luôn tỏa chiếu. Như ong tạo mật, cùng giúp nên công. Thánh trí thông tỏ, tịch tĩnh viên mãn. Ngôn ngữ phát sinh an lành, thuần khiết. Chúng sinh như thế (đủ cả) tịch tĩnh, nhiễm ô. Ngã chấp sâu dày (khiến) hữu tình sinh sợ. Gốc ý bình đẳng, hành nhân bố thí. Cứu cánh tận cùng (là) điều phục khắp chốn.

Thế nào là công dụng hình tướng tăng thêm?

Phương tiện hợp phần, thù thắng phát khởi. Nhân tánh vô biên lực dụng vô ngại. Tự tánh cõi ý vượt quá ngôn ngữ. Diện mạo biến động, mừng giận thay nhau. Nhân hành mong đạt, xưa nay như thế. Bồ-tát tự tại, hành theo giới luật. Dẫn dạy tạo nhân, phát sinh cùng tận. Chi phần (của) thể tánh gồm năm loại thức. Tánh duyên nhân gần, không lìa quả báo. Các chi chẳng mất, nhân tánh hòa hợp. Thông tỏ chân thật, tự tánh là thế. Đức hạnh ung dung, nghĩa (là) nhân tùy thuận. Thể tánh mờ tối, gốc do tâm nhiễm chi phần thanh tịnh, (tánh) vô phú, vô ký. Đó là tóm gọn về cõi ý, tự tánh, tám thức là thể, mười hai xứ phải nên điều phục.

Thế nào là các thứ nghĩa lợi đáng quý?

Tự tánh phát khởi tinh tấn tu tập. Trí đạt thông tỏ (là) gốc rễ của sự hóa độ. Tâm dấy si độn (tạo) dòng thác buộc che. Chấp ngã, cấu uế, nhiễm ô nêu rõ. Tu tập bố thí, thấu đạt tướng mạo. Tâm dấy ngã mạn trói buộc chúng sinh. Gốc thật (của) chấp ngã (là) không tu bố thí. Ba thừa giáo hóa, tự tại trùm khắp.

Thế nào là lành thay thông tỏ mọi lẽ?

Nhân của thâm diệu dứt sạch khổ não. Thuận hợp thắng nghĩa, gốc rễ tánh bày. Sân hận trùm khắp, tuệ giác khó sinh. Phạm hạnh năng lìa, nhân buộc bệnh hoạn.

Thế nào là tai chướng, điên đảo hiện bày?

Thế gian đạt được tự tánh thượng diệu. Phước nghiệp cõi trời, lực dụng thiện tịnh. Hành, giải gồm đủ năm uẩn, danh sắc. Hình tướng thù thắng, tạo tác vô tận. Thanh tịnh điều phục, nghĩa lợi khéo bày. Lành thay tỏ ngộ thậm thâm vi diệu. Chế ngự thích đáng (các) hành tướng ngã chấp. Nhân thắng thành tựu, đạt quả vị Phật. Phước đức giải thoát, xuất thế trên hết. Cõi tánh tịnh diệu, căn bản (là) vô úy. Nhận thức thông đạt, Phật pháp thắng diệu. Thân tâm thanh tịnh, hành giải đủ lực. Ngoại cảnh thay đổi, lưu chuyển không mất. Trí tuệ sung mãn, tịch tĩnh vô sinh. Sám hối dứt nhiễm, điều phục là vậy. Các cõi trời ấy tịnh diệu hợp nhất. Nghiêm đẹp, chân thật tăng trưởng thuận hợp. Bi nguyện như vậy bao la vô tận. Nghĩa căn bản ấy viên mãn, thường trụ. Như Lai vi diệu viên mãn vô tận. Thánh quả Thanh văn giải thoát sinh tử. Cõi ý thanh tịnh, mười pháp tu học (hoàn tất). Thắng nghĩa phát sinh, hướng đạt cứu cánh. Hạnh của Bồ-tát, vi diệu sâu xa. Chúng sinh còn đủ các phiền não, chướng. Si độn, ngã mạn, hạnh của cõi người. Lực dụng chân thật tỏ ngộ, lìa bỏ. Phiền não ngăn thể (tánh) rõ loại căn – tùy (phiền não). Hai mươi sáu pháp, Ba thừa cùng dứt.

BỒ-TÁT TU HẠNH BỐ THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI LĂM.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 12

Vọng tưởng cấu nhiễm, khổ não buộc che cùng tận như cõi không. Đó là tùy thuận thấu đạt theo nhân Bồ-tát.

Thế nào là hình tướng các bậc Thanh văn, Duyên giác còn mong đạt, nên gọi là "động chuyển"?

Tột bậc Đại thừa (là) an định, vô động. Niết-bàn hiện bày: thanh tịnh, tịch mặc. Tánh thiện không nhiễm, viên mãn tuyệt đối. Lực dụng đạt được (là) nhân diệu "vô tác". Tâm cảnh hòa hợp, uyển chuyển vô biên. Gốc trí tuệ sinh lực dụng bao la.

Phật tánh hiện bày, hằng dứt (cõi) vô gián. Phàm tánh đã dứt. Hành, giải thiện diệu, rõ nghĩa dứt sợ. Thâu giữ mọi mối, văn nghĩa bao la. Nhân Thánh tận cùng, dứt mọi hý luận. Giữ gìn nghĩa lợi như Sư tử vương. Thanh tịnh vô cấu đạt phước người, trời. Thắng nghĩa chân thật mênh mông, hòa thuận. Rực rỡ, bất thoái, chế ngự, dứt bỏ (phiền não, hý luận). Thượng diệu, thanh tịnh viên mãn đáng yêu; dung mạo (được) Đế Thích cung kính, tôn sùng.

Thế nào là hành động phát sinh, chuyển biến?

Thanh tịnh, xa lìa như mây phủ che. Dung mạo tịch tĩnh, vô cấu tăng trưởng. Chân lý hợp ý, gốc của tự tại. Tự tánh rốt ráo, lực dụng trượng phu. Đất nước yên lành, dứt mười hạnh ác. Sắc tướng quý giá, tạo tác thắng dụng. Như Tứ thần túc tột bậc. Tự tánh thông tỏ dưỡng nuôi chân thật.

Nơi chốn tham dục, tâm Bi yêu giúp. Thân tâm thông suốt, dứt trừ vọng tưởng. Hành tướng trói buộc, lưu chuyển không dừng. Trí tuệ thể tánh, chi phần thù thắng. Tất cả bệnh nạn, nhận rõ thật hư. Xứ sở điều hòa, tận cùng nguồn ngọn. Năng lực dốc tu (đạt) diệu dụng tịch tĩnh. Dòng thác pháp nhiễm, Thánh trí năng trừ. Quả vị bất lai, các cõi hết nhân: Trói buộc nhiễm tánh, lực dụng tĩnh lặng. Chế ngự hý luận (cùng) gốc rễ điên đảo. Nhãn thức duyên sắc, ý thức và thức (thứ) tám. Ba thức cùng thời đều có duyên dụng (với sắc: cảnh). Tự tánh thanh tịnh (là) nhân của dẫn dạy. Nhận rõ tộc họ, cung kính cúng dường. Là chốn dốc tu hợp phần rộng khắp. Tạo

nhân đủ lực (diệt) chướng, nhiễm, điên đảo. Tạo nhân tịnh diệu, hóa độ trọn đủ. Công hạnh bố thí, mong đạt Đại thừa. Đúng bậc trượng phu: hành động cùng tận. Lực dụng phát khởi, thấu đạt thanh tịnh. Nơi chốn thanh tịnh, hạnh thí viên mãn. Cứu cánh độ sinh (là) cứu giúp hòa hợp. Xa lìa các tướng, cõi tánh thêm tăng. Hướng tới hoan lạc, hành động (dễ rơi vào) điên đảo. Hình tướng tận cùng (là) mẹ hiền yêu dưỡng (con). Bố thí gồm đủ danh, tướng các loại. Chế ngự, dốc tu, rõ nghĩa bất thoái. Hành thí bình đẳng, thuận hợp thêm tăng. Là chốn Bồ-tát hướng cầu chân thật. Bi nguyện tu tập. Kinh, giáo thành tựu. Nhân tướng thù thắng (là) bố thí bình đẳng. Thông tỏ phép tắc, tự tại tịch tĩnh. Độc hại hiện bày, si độn đều đủ. Thắng nghĩa tột bậc (là) thực hiện thanh tịnh. Hành, giải bất thoái, (nhận) rõ gốc tai họa. Thông tỏ, chế ngự các thứ nhiễm, vọng. Nhân không (theo đúng) mẫu mực, (cũng như) thành ấp (bị) hủy hoại. Cõi xa khó tới, tâm linh (cũng) như vậy. Sinh loại cõi người, điên đảo si độn. Các mạn (cùng với) mười pháp hòa hợp sinh khởi. Thể chân thật ấy, hý luận tạo nhiễm. Tự tánh chấp ngã, tâm dấy hý luận. Khắp chốn tạo nhân, khế hợp tận cùng. Thông tỏ cùng tận, hướng đạt tinh diệu. Bụi bặm trói buộc, Phật đạo trừ diệt. Nơi chốn an tĩnh, dưỡng nuôi thành thật. Tự tánh thấu đạt, ngôn ngữ phát sinh. Hữu tình ái dục, chi phần ô nhiễm. điên đảo si mạn chấp ngã đều có. Cõi ý thuận hợp, thanh tịnh hiện hành. Hướng cầu hý luận, dòng thác thêm mạnh. Nghiệp dữ, cấu uế, nơi chốn không bày. Năng lìa nhiễm buộc, hình tướng tĩnh lặng. Ý pháp khế hợp, tạo tác giảm, tăng. Hóa độ đúng thực (là) thanh tịnh thuận hợp. Cõi quỷ hiện bày cũng không tồn tại. Khổ não, lầm lỗi, (do) tự buộc không mở. Thắng nghĩa bình đẳng, không nhân sao đạt. Thấu suốt tận cùng mọi nẻo dục lạc. Là chốn mọi người siêng tu Thánh đạo. Thấu rõ hành tướng trói buộc dấy thêm. Gánh vác việc lớn, hướng đạt nhân thắng. Cứu cánh viên mãn (là) thắng nghĩa phát sinh. Hành thí bình đẳng, lực dụng thông tỏ. Hóa độ quần mê dẫn về nẻo thật. Các pháp bị nhiễm gốc từ ngã mạn. Tham ái dục lạc quấy động tự tại. Bậc thầy mẫu mực chỉ dạy rõ lời. Hình tướng thanh tịnh vô biên như vậy. Tạo tác ở đây (thanh tịnh) nhân (của) mọi hành nghiệp. Hóa độ chúng sinh dứt mọi hoạn nạn. Điên đảo hý luận, hữu tình chế ngự. Tự tại ít dục nhận rõ tánh nhiễm. Xa lìa ái buộc (đạt) bình đẳng chân thật. Thánh quả tối thắng (là) nghiêm tịnh hiện hành. Nguồn ngọn hòa hợp, tạp nhiễm đều sạch. Diệu dụng tự tánh, nghịch cảnh thành thuận. Là xứ Bồ-tát cõi tánh thanh tịnh. Giảng giải phát khởi tận cùng khắp chốn. Tâm không sắc tướng thông tỏ tột bậc. Nhân thắng thành tựu, tín ngưỡng nên gắn (bó). Tự tánh tri kiến sinh khởi tận cùng. Hình tướng bình đẳng. (Là) hành động thuận hợp. "Vô úy" gồm đủ (là) đức hạnh (của)

chúng sinh. Nơi chốn vững tu, thuận theo chân thật. Cội rễ thanh tịnh, tĩnh lặng, "bất sinh". Tự tại (trong) biến chuyển, thậm thâm khó đạt. Hữu tình hành giải đầy đủ gốc tịch (tĩnh của mình). Trí tuệ chứng đạt tịnh diệu thuần khiết. Tận cùng bố thí (nhằm đạt) sắc tướng ít dục. Chi phần tạo nghiệp, hợp nhất bất thoái. Thuận theo hành, giải, bố thí ban vui. Bố thí khắp chốn, đức hạnh trọn đủ. Điều phục nhân hành mong đạt cứu cánh. Lìa bỏ độn, buộc phải có bạn lành. Lực dụng tạo tác (lấy) chi phần làm gốc. Hý luận dấy khởi, trói buộc tự tại. Chính nơi hý luận, tu thí dứt nhiễm. Cõi ý chân thật, chân lý mới hiện. Buông theo dòng thác, điên đảo trùm khắp. Chế ngự tâm hành, thảy để tu tập. Tỳ-nại-da pháp, Trì, Phạm đầy đủ. Thông tỏ tịch tĩnh, nhân gốc mọi pháp. Bồ-tát mong đạt ái lạc hợp ý. Chi phần năm loại (bố thí) phước báo ứng hợp. Nơi chốn khế hợp phát sinh thấu đạt. Chấp ngã dấy tranh (cãi), phóng túng sinh mạng. Bậc đại hữu tình tự tại, điều phục. Tịch tĩnh "vô sinh", điều phục mong đạt. Trí thanh tịnh rõ: Bỉ thử không thật. Chỉ dạy thanh tịnh chân thật, thâm diệu. Diễn bày, chỉ bảo tịch tĩnh cùng tận. Thân, ngữ, ý hành theo mười nẻo nghiệp. Tịch tĩnh phát sinh. Thảy điều mong đạt nhân hành bình đẳng, Ngọn nguồn thấu đạt, công dụng rạng rỡ. Như Sư tử vương yên định. Thân phần viên mãn, phép tắc thanh tịnh. Từ gốc thành thật (đạt) thù thắng vô tận. Giáo pháp thanh tịnh, điều phục chín loài. Làng xóm, xứ sở, nơi nơi (đều) áp dụng. Tạo nhân rộng lớn, (đạt) cơm áo sung túc. Nhân thắng tịnh diệu, tánh giác viên mãn. Chế ngự hiện hành, thù thắng phát sinh. Thông tỏ cõi tánh, lìa bỏ hý luận. Diệu lực của Phật: Quả báo bình đẳng. Ái lạc thù diệu (là) tịch tĩnh vô tranh. Tạo nghiệp thuần hậu (đạt) an lành thù thắng. Thân (khẩu, ý) cùng mười hạnh (là những) phương tiện khéo léo (để thực hành). Từ thuận hợp ấy, bố thí mong cầu tu tập rộng khắp. Căn bản thiện diệu (đạt) thâm diệu tối thượng. Thù diệu tận cùng, không ngoài cõi trời. Ngọc quý như ý. Hướng tới tịch tĩnh. Lìa chốn huyên náo, trói buộc, gốc rễ (của) dòng thác phiền não. Là xứ quốc vương nhận thức rõ ràng. An trụ tĩnh lặng, yêu mến muôn loài. Sửa trị cõi bờ, an lạc không dứt. Vật quý đánh yêu, chính là dạy (điều) thiện. Chế ngự bỉ ngã, thọ nhận từ thầy. Tự tánh bình đẳng (thể hiện) khắp mọi nơi chốn. Tiến tu thành thật, tạo nhân thù thắng. Hành động tự tại, phép tắc từ (nơi) ta. Tĩnh trụ vô tranh, dứt nhân dục lạc. Tâm như họa sĩ, tạo tác không cùng. Nhận thức thấu đạt rốt ráo (đều) nương tâm. Pháp diệu Thập thiện, chúng sinh (phải) tìm học. Quốc vương thực hành đều khắp viên mãn. tĩnh lặng dẫn dạy đêm ngày không dừng. Là chốn trượng phu dứt mọi tranh, độn. Lớp lớp kính tin dốc sức thấu đạt. Đồng nữ mong cầu (dứt) điên đảo khổ não. Niệm niệm tương tục, chúng sinh chuyển biến. Tạo tác dứt

nhiễm, dồi dào lắm loại. Hành động si độn (do) tham ái không cùng. Hình tướng ngã mạn, phiền não nương nhau. Gốc của chấp ngã tương hợp thành trăm.

Thế nào là đức hạnh hợp phần tròn lặng?

Tùy thuận, dốc tu bờ giác hiện bày. Chi phần tạo tác, lực dụng tăng trưởng. Thuận theo nghĩa lợi, dục lạc càng nhiều. Thấu đạt nhân tịnh (đem lại) lợi ích thế gian. Lành thay tự tánh, bố thí là nhân. Cứu giúp chúng sinh dứt mọi đói khát. Thấu đạt tịch tĩnh, thông tỏ ngọn nguồn. Hành, giải viên mãn, dứt điên đảo, nhiễm. Như hình tướng tham, hướng mong dứt sạch. Đạt được hình tướng vô tánh bao la. Nương tựa bạn lành, cõi tánh rộng mở. Lìa bỏ tăng trưởng tranh nhiễm, tự tánh sáng tỏ. Hành ấy viên mãn, an lạc thuận theo. Chi phần thuận hợp, gốc của thế gian. Trí tuệ tịch tĩnh, nhận rõ trói buộc. Thắng nghĩa lớn lao, ghi nhớ tận cùng. Hành động phát sinh, như thể đánh địch. Trời, người tĩnh trụ, lực dụng tự tại, dẫn dạy thanh tịnh, gốc là điều phục. Trí tuệ thông tỏ, bố thí thuận hợp. Mong đạt hiện bày (là) hành mười loại thiện. Quốc vương khéo dạy: chúng sinh tham dục. Lễ bái Thánh hiền, an lạc tự tại. Hành mười loại thiện, (đạt) thâm diệu chân thật. Thuận theo nơi chốn, hình tướng thêm hại. Thân phần sung đủ, thắng hạnh viên mãn. Hạnh lành gắng tu, ngày đêm không quản. Nơi chốn trượng phu dứt hạnh ngã mạn. Phật đạo thù thắng, chân thật phát sinh. Điều phục các loài, ngọn nguồn viên mãn. Bình đẳng dứt tranh, thân tướng dũng lực. Đạt tánh Tam bảo tịch nhiên, an tĩnh. Nam tử kính tin, lễ bái phụng thờ. Vương giả tự tại, chúng dân mến mộ. Phật đạo phát sinh, dứt sạch kiêu, dật. Cung kính, tùy thuận, hướng đạt tịch tĩnh, là chốn trượng phu thù thắng phát khởi. Ở chốn tự tại, hành hạnh thế gian. Nương tựa Thập thiện, đạt trí chân thật. Tịnh diệu chư Thiên (là) an tĩnh thắng nghĩa. Trời người chuyển hợp, nẻo thiện định rõ. Nơi dòng thác ấy, kiêu mạn chẳng còn. Thân, ngữ, ý hành tu mười hạnh thiện. Lìa chướng, phiền não, dứt vọng tưởng, tranh (cùng) buộc, che. Tạo tác cội rễ tịch tĩnh. Nhân hành thanh tịnh (đạt) tịch tĩnh chân thật. Tự tánh (của bậc) hữu học hành thiện thế gian. Ngã chấp hý luận trói buộc hình tướng. Dốc tu tịch tĩnh, quả báo rõ thông, là lúc quốc vương hành mười nẻo thiện. Cõi nước yên tĩnh, dứt hết hý luận, phép tắc nghiêm túc, sửa trị chúng dân. Buộc che tận cùng, như mây mù khắp. Giới mốc càng tăng, dung mạo thêm rạng. Hình tướng quý giá ở nơi ta. Hạnh thí phát sinh. Thân (ngữ, ý) cũng mười loại dốc sức tu thí. Thông tỏ chân thật, thù thắng, thượng diệu. Dứt các mạn, nhiễm, phá trừ ngã chấp. Tham ái tận cùng (là) nhân duyên (của) hý luận. Tự tánh tạo tác, vô tranh mong bày. Si mạn trói buộc phát sinh vọng tưởng. Là cõi Bồ-tát thấu lẽ bình đẳng. Thấu đạt tận

cùng tộc loại chân thật. Dẫn dạy bình đẳng hợp phần viên mãn. Tu tập tịch tĩnh, trí tuệ tỏ ngộ. Giữ gìn thêm gắng, chế ngự các vọng. Tỏ ngộ chân lý đúng nẻo Đại thừa. Gốc tự tánh bày, ý pháp thuận hợp. Chúng sinh cõi người, lực dụng dẫn dắt. Thanh tịnh trùm khắp, rõ chốn thù thắng. Si độn ngã mạn gồm đủ từ gốc. Vương giả xuất chúng, diệu dụng vô biên. Nhân thật rốt ráo, tu thí rộng khắp. Cội rễ đúng phần, thông tỏ cùng tận. Tịch tĩnh thắng nghĩa. Lực nhân thiện diệu. Che buộc chẳng sinh, phiền não tự diệt.

Thế nào là hướng đạt bố thí hóa độ?

Là chốn quốc vương đất nước yên ổn. Đủ sức gánh vác, chúng dân thuần phục. Trăm loài cùng sống, sinh khởi tự nhiên. Nơi chốn trượng phu tịch tĩnh an trụ. Tu chấp hạnh xan là chốn chẳng thật. Dòng thác thực kia gốc gồm mười loại. Cầu hạnh Bồ-đề đúng Đại trượng phu. Trí tuệ thâm diệu, tỏ theo lời Phật. Si mạn đều lìa, chân thật như vậy. (Xa lìa tất cả) điên đảo nhiễm ô, nơi sinh phiền não. "Đồng nữ" bị buộc, khiến mẹ lo lắng. Dạy bảo nghiêm minh, chế ngự nghĩa lợi. Hiểu biết tăng thêm, thấu đạt viên mãn. Chấp ngã thêm dày, phiền não tăng nhân. Thân tâm xa lìa mọi thứ điên đảo. Là chốn quốc vương pháp luật thượng tôn. Dung mạo năng lực trùm khắp như vậy. Phát sinh chân thật, thâm diệu, rốt ráo. Ngôn ngữ sâu xa, nghĩa lợi hợp ý. Xa lìa nhân ác, dứt hết tham dục. Bố thí ấy là thắng nghĩa bình đẳng. Tu tập thấu đạt, mong cầu thuận hợp. Chấp ngã cấu uế, tịch tĩnh chẳng sợ. Thuận theo cõi người, tranh biện thuận hợp. Ngã kiến như vậy (gồm cả) nhiễm tạp, tịch mặc. Bồ-đề Tát-đỏa, ngôn ngữ chế ngự. Bậc Thánh tu học (hoàn tất) chứng lý tịch diệt. Xa lìa tạo nhân (xấu), hành động (theo) chân lý. Mong dứt nghiệp dữ, dứt sạch tranh nhiễm. Ngôn ngữ dẫn dạy, nhân nhiễm đều diệt. Thêm vô số nhân, dứt vô biên nhiễm. Yên vui nơi con, tâm nghi đều dứt.

Thế nào là tu tập tịch tĩnh chân thật?

Nhân ấy phát sinh, trừ tất cả mạn. Dứt trọn nhiễm, tranh. Tĩnh trụ thể hiện. Phương tiện phát khởi, phải cần đủ nhân. Nơi chốn yên lành, nên mong đến đó. Là xứ "ba loại", khiến tâm dứt tranh (cãi). Tĩnh trụ, dứt hết biên kiến tổn giảm. Ngôn thuyết phát sinh nghiêm túc, khế hợp. Tự tánh tịnh diệu nương tựa Phật đạo. Trượng phu chỉ dạy ngọn nguồn mọi cõi. Chi phần gồm đủ, độc hại đều sạch. Lực dụng tự tại hành hóa vô biên, là chốn quốc vương dốc tu cõi thắng. Sắc tướng nghiêm đẹp, lực dụng vững chải. Tĩnh trụ tận cùng, pháp luật trùm khắp. Trong lặng thuận hợp, mẹ yêu là thế. Tạo tác sắc tướng, cung kính ngưỡng mộ. Hành giả thông tỏ, nơi chốn thù thắng. Thọ mạng ngắn dài theo nghiệp đã tạo. Giáo thừa nêu rõ mà vẫn

chung đường. Là xứ Bồ-tát bi nguyện rộng lớn. Hóa độ muôn loài mười phần viên mãn. Thể sạch ngã mạn, đầy nhân bố thí. Nơi chốn tĩnh lặng, lãnh hội ngôn thuyết. Hình tướng bao la, lời vua chỉ rõ. Cõi trời thượng diệu, độc hại thảy lìa. Căn bản an trụ, hý luận chẳng còn. Nhân ấy chân thật, thắng nghĩa phát sinh. Nhân tánh tịch tĩnh, lực dụng dồi dào. Giáo pháp mẫu mực, tấn tu bất thoái. Đủ nhân tịnh diệu, dứt nghiệp khổ sở. Diệu lực tự tại, gồm đủ cõi người. Tham dục ngã mạn dẫn (tới) quả điên đảo. Thanh tịnh hiện bày, xứ ổn, an lạc. Luôn luôn nhớ nghĩ, phát sinh, tăng trưởng. Năng lực tự tại, cõi ý hài hòa. Tộc loại mong đạt nhân tịnh chỗ nương. Trí tuệ thanh tịnh, buộc, tranh dứt trọn. Là cõi quốc vương, pháp lệnh thuận hợp. Phép tắc mẫu mực cứu giúp muôn dân. Tu tập tối thượng viên mãn, hòa thuận. Thông tỏ thắng nghĩa, dứt các loại mạn. Tận diệt chấp ngã thấu lời Phật dạy. Lành thay! Lành thay! Phước đức rộng khắp. Thắng nghĩa thanh tịnh, gốc mọi tạo tác. Tùy thuận chúng sinh, đức hạnh dốc tu. Tu tập nhân thắng, lực dụng hóa độ. Mong đạt thanh tịnh. Dứt tướng chấp ngã. Thấu rõ Thập thiện chân thật, tịch mặc. Hành hạnh bố thí, đạt chân nghĩa lợi. Cõi nước tịch tĩnh, khắp chốn thuận hợp. Cõi vua rộng lớn, dẫn dạy khéo bày. Vương giả rõ là (bậc) trí tuệ chân thật. Nhân tịnh an trụ trước mọi chuyển, hoại. Ý thức thanh tịnh hòa hợp, giải thoát. Là cõi quốc vương chí tôn, chí kính. Dẫn dạy muôn loài, Thánh lực uy nghiêm. Sắc tướng chúng sinh không cùng một loại. Thắng nghĩa tăng trưởng mong đạt chân thật. Cội rễ trùm khắp như Sư tử vương. Hình thần đáng sợ. Vi diệu sâu xa, lìa mọi lưu chuyển. Năm cõi, tự tánh, các pháp viên mãn. Các pháp cõi người, quả Phật đạt được. Tận cùng hý luận, thuận – lìa tùy lúc. Căn bản tịch tĩnh, chỗ nương của lực dụng. Tu hạnh Bồ-tát, trí tuệ chân thật. Thắng nghĩa gồm đủ. Tâm vọng chẳng sinh. Xứ sở an tĩnh. Giáo hóa chúng sinh. Công hạnh bày biện. Thắng pháp vô biên, hướng cầu khế hợp. Phép tắc mẫu mực, Ba thừa nêu rõ. Như bậc đại vương, chân thật thuận hợp, chỉ dạy chân lý. Hướng đạt trí giải, "danh" không thể đạt. Tâm pháp vốn tịnh. Tuệ giải hòa hợp. Thanh tịnh bất thoái. Cõi ý thông tỏ. Hành lẽ Như như. Thắng nghĩa các pháp, gốc trí tuệ đạt. Căn bản đức hạnh, hành giải gồm đủ. Tâm hiện tinh thuần, đắc "vô sở ngại". Nhân thắng hòa thuận, nghiệp dữ dứt trừ. Lực dụng tự tại, phát tâm tu tập. Hành nhân độc đáo, ái lạc phát khởi. Thanh tịnh hiện khắp, thông tỏ, tùy thuận. Vô tướng hiện bày, bỉ thử không phân. Tĩnh lặng, trong lành, giải thoát, không sinh. Đạt được tự tại, gốc mọi mẫu mực. An định như núi, gánh vác đủ lực. Hóa độ chúng sinh, đạt đến cứu cánh. Hình tướng rạng rỡ. Tạo nhân tu tập. Hướng cầu vô tận. Lìa mọi nơi chốn. Đức hạnh dốc tu. Lành thay hành hóa.

Chấp ngã như thế bủa vây tự tánh. Lìa bỏ chân thật, chẳng cầu bố thí. Nhân thắng thân tâm, căn bản sinh khởi. Lời vua khen ngợi. Là chốn vương giả gánh vác bình đẳng. Thông tỏ tận cùng tất cả sự thật. Dòng thác các pháp điên đảo chẳng còn. Giáo hóa tận cùng, sạch mọi vọng tưởng.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI SÁU.

Chúng sinh sân hận, lưu chuyển xa lìa. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy.

Hạnh thắng an lành, trí tuệ thông tỏ. Tự tánh các loài (đều) theo lẽ báo ứng. Lực dụng công năng gốc rễ lắm thứ. Các bậc hữu học đều dựa cõi nhân. Thân tâm thanh tịnh là gốc (của) tự tánh. Thọ dụng theo nghiệp, quả báo nhiều loại. Thắng hạnh phát khởi, tu thí viên mãn. Tự tánh trong lành, lực dụng thấu đạt. Cõi tánh nhiều loài, căn bản (là) Thánh chúng. Phật pháp tịnh diệu, hướng đạt phạm hạnh. Diệu dụng bố thí, xứ sở tự tại. Hý luận phát sinh, thiện tịnh dứt trừ. Phép tắc căn bản, thanh tịnh trùm khắp. Phiền não hý luận, thuận hợp hiện bày. Nhân thắng tận cùng (là) thắng nghĩa hiện rõ. Cội rễ tĩnh trụ tồn tại như (cõi) không. Lực dụng thật ấy, tự tại bất thoái. Thánh chúng hòa hợp tận cùng như mây. Tạo tác trọn đủ, ngã mạn chẳng dấy. Tạo nhân vô tướng, nhận quả thù thắng. Điên đảo, nhiễm, mạn, thảy đều chẳng sinh. Phước báo tự tại, hương thơm bay khắp. Tịch tĩnh như (cõi) không, đúng nghĩa giải thoát. Hóa độ căn bản, thành tựu phước đức. Biến hóa tự tại. An lạc như vậy.

Thế nào là thông tỏ thắng dụng (của) nhân thiện?

Làng xóm, nơi chốn, khắp chỗ hướng cầu. Thảy đều dứt chướng, tăng trưởng như (cõi) không. Thắng nghĩa bất thoái, thâm diệu khó đạt. Là cõi Bồ-tát hành hóa dài lâu. Thuận theo Thập thiện, tự tánh hiện bày. Gốc rễ tự tánh, phiền não chẳng sinh. Ngã kiến, chấp trước, nhiễm chướng tự khởi. Quả báo theo hình thể không lìa bỏ. Cũng lại là nơi tâm ấy tu tập. Dẫn dạy tịch tĩnh, hình tướng viên tịnh. Dung mạo đoan chính, lực dụng lớn lao. Phước báo thọ nhận tăng thêm không giảm. Nghiệp thiện phát huy, hương thơm bay xa. Phát sinh bố thí bình đẳng viên mãn. Dốc tu tịnh diệu, thắng nghĩa khế hợp. Thuận theo quá khứ, nhân mạn chẳng sinh. Thấu đạt thù thắng, lìa xa ngu muội. Bỉ thử chân thật (là) thắng nghĩa thiện tịnh. Tu thí vô ngã, gốc mọi hình tướng. Tạo tác oán đối, thắng định chẳng sinh. Xa lìa tranh, nhiễm, (đạt) bình đẳng trang nghiêm. Bất sinh gồm đủ. Nhân gốc hý luận. Tịch nhiên hiện bày. Giới đức như vậy, an tĩnh hòa hợp. Nhân phẫn

tạo tranh, nghiêm túc lìa bỏ. Tâm tịnh phát khởi, hợp phần khắp cõi. Tự tánh chân thật, rốt ráo tận cùng. Hình tướng dốc tu, thân thể nhận báo. Tướng nhân biến động, bạo lực sinh khởi. Rõ ràng trong sáng, báo ứng trọn đủ. Tu tập tăng thêm, tịnh diệu đáng quý. Trong lành, tươi đẹp, chẳng hề giảm bớt. Mong đạt tự tại, dốc tu bố thí. Sắc tướng không tỏ, thật nhân trí tuệ. Là cõi có vua, quả báo hợp ý. Nơi chốn trang nghiêm, thanh tịnh tự tại. Thấu suốt cõi xa như mắt cùng nhìn. Mong đạt phép tắc, thuận hợp chân thật. Sắc tướng hướng tới, tạo nghiệp thích hợp. Ứng báo từ xưa, thành tựu hiện tại. Bỉ ngã chuyển đổi, tham si tự dứt. Là chốn trí giải tự thân đạt được. Thông tỏ hữu vô, sinh tâm bất thoái. Tự tại tu thí, dứt bỏ tham buộc. Phiền não như dòng (nước) xói mòn cuộc sống. Tự tha giáo hóa như phép tắc vua. Nhận thức thấu suốt thảy đều đúng thực. Nơi chốn tịch tĩnh, tuệ giác tỏ ngộ. Ngôn ngữ lan rộng, lực dụng phát sinh. Bỉ thử tuy xa như cùng đối mặt. Nơi chốn tùy thuận lâu bền, trọn vẹn. Thân thể thù thắng diệt sạch đảo điên. Tu tập thông suốt, tĩnh trụ hiện bày. Bờ giác rỡ ràng thâm diệu, tĩnh lặng. Dứt trừ tham ái, phát khởi bất thoái. Phiền não giảm thiểu, tịnh diệu thêm tỏ. Tự tánh sạch nhiễm, khế hợp hiển hiện. Tỏ ngộ chân thật, lực dụng lớn lao. Tướng năm uẩn đạt, tùy thuận trọn nên. Dòng thác chuyển đổi, tịch tĩnh phát khởi. Sâu xa vi diệu, vốn không hình tướng. Tự tánh tùy thuận, gốc vốn tĩnh trụ. Vọng tưởng tạo tác câu nhiễm, tai họa. Lực dụng gánh vác rời bỏ phiền não. Nhân tướng chi phần đạt được ung dung. Rõ lẽ tùy thuận, thắng hạnh gắng làm. Hướng cầu lạc chốn, tướng điên đảo sinh. Phiền não như mây phủ trùm tự tánh. Trừ tận tai nạn, tịnh diệu bày rõ. Thập thiện gắng theo (đạt) tự tánh chân thật. Thế gian mạn dấy (nhưng) vương giả tự tại. Vọng tưởng dấy khắp (là) gốc mọi trói buộc. Tu tập thêm tăng, quả báo chuyển đổi. Hương giới thơm lừng, tỏ ngộ viên mãn. Vương giả dung mạo oai nghiêm như thế. Phước báo tột bậc, thế gian khó sánh. Tự tánh bình đẳng, hành theo Thập thiện. Phước đức viên mãn, vô cùng tôn sùng. Là chốn vương giả phép tắc đều khắp. Thánh lực trên hết cứu độ muôn loài. Trí giải thông tỏ, muôn dân tin cậy. Giáo lệnh bình đẳng, thảy đều an tĩnh. Là (bậc) Đại trượng phu cõi nước quý giá. Là chốn có vua, hành giải gồm đủ. Thánh lực an định, dứt điên đảo, tranh. Đất nước đói nghèo (là) điều chưa từng có. Tam bảo an trụ, gắng sức thi hành. Lực dụng tịnh diệu, thấu đạt khế hợp. Là chốn Bồ-tát căn bản hành hóa. Lực dụng hơn hẳn, tịch tĩnh viên mãn. Cõi ý ung dung dứt mọi trói buộc. Thắng nghĩa phát huy, tịch mặc khắp chốn. Tạo tác thuận hợp, bình đẳng lan khắp. Lực dụng sinh sôi, tịch tĩnh cùng tận. Si độn, hý luận hốt nhiên dứt sạch. Mẹ hiền yên vui chuyển khắp không dừng. Đói khát không còn, thảy được an lạc. Bi nguyện

rộng khắp, hướng đạt vô tận. Chấp ngã chẳng sinh, cõi tâm chân thật. Tự tánh ưu việt (là) tự tại tận cùng. Nơi chốn chúng sinh thù thắng, hòa thuận. Trí căn bản ấy chứng "bất khả đắc". Lực dụng thân tâm tịch tĩnh như (cõi) không. Hình tướng hòa hợp, ngọn nguồn thâm diệu. Là cõi tánh uẩn tích tụ, tạo tác. Điên đảo tận cùng, cấu nhiễm hết mực. Tự tánh chúng sinh gốc là tinh tấn. Hình tướng vô ngã, phát sinh như thế. Gánh vác cùng tận, tác dụng hợp nhất. Tĩnh lặng vô ngôn, sạch mọi vướng bận. Gốc rễ vô tướng đâu dễ lộ bày. Thuận hợp phát huy mong dứt hý luận. Tướng thân tĩnh trụ. Chi phần thù thắng, vô ngã tự bày. Cõi biến chuyển ấy (bậc) hữu học hướng đạt. Ý dốc tu tập, tai họa dứt hết. Phát sinh dốc tu, tăng trưởng không mất. Hình tướng tạo được (là) nơi chốn tận cùng. Tánh vốn tịch tĩnh, mẫu mực trùm khắp. Nương dựa tịnh diệu, dung mạo trọn nên. Tánh tự thể hiện thâm diệu, không kiêu. Tánh uẩn tích tụ, tăng thêm cùng tận. Ngã mạn choáng hết tạo nên tánh phàm. Dốc hướng tịch tĩnh, mầm thiện phát sinh. Bậc đại hữu tình, tâm tạo an trụ. Tu thí bình đẳng, tịch tĩnh như (cõi) không. Vô tướng tĩnh trụ, dứt mọi kinh sợ. Tĩnh lặng như (cõi) không, xưa nay "vô tướng". Tự tánh nhớ nghĩ, quy ngưỡng, tôn sùng. Dạy bảo như vậy, hiệp nhất thuận hợp, là chốn mong đạt vật quý xuất hiện. Phật đạo phát huy tận diệt vọng tưởng. Bố thí chân thật, tĩnh lặng vô tác. Ba thừa quá độ cùng về bến giác. Tự tại chân thật (là) tịch tĩnh "bất sinh". Sức tướng an nhiên, lực dụng dốc tu. Đêm ngày sáu thời giáo hóa không ngớt. Dứt bỏ phiền não, tâm tu hòa hợp. Thánh trí vương giả xem xét khắp cõi. Sinh linh muôn loài chẳng hề từ bỏ. Tâm sinh giải thoát, lời Phật dạy rõ. Bố thí không kiêu, cứu cánh tịnh diệu. Trí Phật bình đẳng.

Thế nào là lại sinh vào hàng hữu lậu?

Là xứ có vua cứu giúp nghèo khó. Tham ái trói buộc, tu hạnh cấu nhiễm. Thân tâm chưa dứt hết mọi điên đảo. Tạo tác như vậy, xứ sở, (thêm) bất ổn. Thấu đạt viên mãn, tu hạnh chân chính. Sắc tướng thượng diệu, oán đối lặng dừng. Ý dứt ngã mạn. Hình bóng của tâm. Tạo nhân dẫn dạy. Tâm vốn bao la. Bạn lành giúp sức. Tự tánh phát sinh. Dạy trao bày rõ. Thắng nghĩa hòa hợp. Xa lìa chấp ngã, là nơi đất nước tu hạnh thanh tịnh. Lực dụng bố thí, tự tại như trời. Dứt mọi hý luận, Thánh lực hiển lộ. Diệu dụng sinh khởi, kiêu mạn tận trừ. Tâm thiện (vốn) khó bày, hướng cầu ắt đạt. Tĩnh trụ hòa hợp, lìa tham, sân, si. Cội rễ thắng nghĩa, sạch hý luận, buộc. Bình đẳng, tự tại, thấu đạt viên mãn. Chấp ngã chẳng sinh, thâm diệu là vậy. Cứu cánh cõi người, vua là tột bậc. Tướng mạo viên mãn (do) nhiều kiếp tu tập. Gốc lời Phật dạy (là) giải thoát chúng sinh. Thọ mạng ngắn dài do ở tạo nghiệp. Chỗ tựa kính tu. Chuyên trì tu tập, bố thí hết mực. Chúng

sinh hướng cầu lìa bỏ oán độc. Tu hạnh bố thí, lực dụng thấu đạt. Sắc tướng chân thật, nguyện lực tu trì. Dứt nhân hình tướng, si độn lộ diện. Các loài như vậy trói buộc khó lìa, là chốn Bồ-tát đạt trí chân thật. Dẫn dắt chúng sinh khỏi nạn đói khát. Bố thí tùy thuận, mong đạt giới đức. Hằng dứt hý luận. Đạt được trí giải. Dốc tu hạnh thí, phiền não chẳng sinh. Tạo nhân trí tuệ. Chúng sinh si độn (bị) trói buộc dọc ngang. Phiền não như thế không thể xa lìa. Như vị quốc vương gánh vác đất nước. Pháp lệnh bình đẳng thường không hề bỏ. Muôn loài dấy mạn (phải) chế ngự, nghiêm trị. Từ (bi) trí (tuệ) cùng sinh, thấu đạt thích hợp. Lệnh ban ba lượt, đề ra đúng lúc. Phép tắc nghiêm minh, việc không tái phát. Dứt bỏ nghĩa lợi, mong cầu chẳng sinh. Xa lìa chấp ngã, thân tâm thư thái. Tướng ấy hợp phần, điều lợi tự đạt. Bồ-tát chỉ dạy an tĩnh phát huy. Vương giả như vậy, quyền uy trùm khắp. Sửa trị cõi bờ, khắp chốn theo giúp. Dứt nhân độc hại, thù thắng vô biên. Chấp ngã, nhiễm diệt, khổ não không sinh. Vọng, nhiễm, đói khát như thế (là) phải dứt. Ngã mạn đích thực, ái buộc liền có. Phép tắc thông tỏ, cõi bờ ổn định. Hữu tình giữ tâm tĩnh trụ, dứt mạn. Tự tánh tâm định, thân thể sung mãn. Dòng thác phiền não không nơi phát sinh. Ý thiếu cung kính, ngã mạn dẫy đầy. Giới hạnh không nghiêm, sợ hãi chẳng dứt. Thông tỏ tự tánh bản lai chân thật. Bố thí hợp phần lâu dài không mất. Tự tánh tu học, hành hạnh bất thoái. Ý khởi tu tập, dưỡng nuôi mầm thiện. Tịch tĩnh, tự tín, gốc của đạo hạnh. Bố thí tự tu xưa nay vô tướng. Tướng uẩn tịnh diệu, hướng cầu khế hợp. Tự tánh giải thoát, ví như đề hồ. Thắng nghĩa bình đẳng, tịch tĩnh là gốc. Xa lìa tranh, nhiễm, an tĩnh hiện bày. Tài sản vô úy khắp chốn hiển hiện. Phát huy thanh tịnh, chân thật thuận hợp. Chấp ngã không bày, hý luận tự diệt.

Thế nào là tịch tĩnh lìa ngã, ngã pháp?

Như xứ có vua hành hóa tịnh diệu. Biên phương an ổn, cứu giúp bình đẳng. Xứ sở ổn định, muôn loài an lạc. Cội rễ đúng phần, quy kính lời Phật. Xa lìa chấp ngã thành thật trọn đủ. Cõi ý thanh tịnh rốt ráo như (hư) không. Ý pháp như vậy phát sinh bình đẳng. Đức hạnh vô úy, dốc tu đạt được. Bồ-tát chỉ dạy yêu dưỡng thân thể. Nơi mình dứt sạch hết mọi điên đảo. Xa lìa chấp ngã. Thắng nghĩa tận cùng (là) tướng không bị hoại. Dứt bỏ kiêu mạn, hành giải đầy đủ. Pháp tánh nhân Thánh (là) cội rễ giải thoát. Sân hận dấy khắp, tĩnh – tranh (cãi) không dừng. Thanh tịnh biến khắp năng diệt tham dục. Cõi học tự tin, thông tỏ vô ngã. Tạo tác chân thật lìa xa nhiễm tạp. Cơm áo sung túc, ngôn ngữ hợp thời. Hình tướng chuyển biến rốt ráo như vậy. Mẹ hiền dạy bảo, kìm chế ắt đạt. Dứt hết vọng tưởng, khổ não, lỗi lầm. Diệt trừ phiền não, an lạc gấp bội. Hý luận không còn, thanh tịnh mong đạt.

Phước đức tự tại thù thắng vô cùng. Nhiều đời phát sinh tạo nghiệp không tranh. Mọi nẻo si, mạn. (Nhờ) thiền định dứt bỏ. Tạo ra vật dụng cúng dường Tam bảo. Nhân tu Thánh lực, trí tuệ trùm khắp.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 13

Đức hạnh chân thật thiện tịnh như thế. Dứt tướng nhiễm buộc, đạt được an lạc. Thắng nghĩa bình đẳng cùng tột như vậy. Phát sinh bố thí tĩnh lặng trọn đủ. Tu nhân thắng nghĩa, lực dụng thù thắng. Dứt bỏ phiền não, diệu dụng tự tại. Tự tại khế hợp, tạo hạnh thâm diệu. Nhân tu rạng rỡ, thân tâm chẳng hoại. Hành theo Thập thiện, phiền não đều diệt. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng năng giữ. Các pháp đúng phần, thuận theo tịch tĩnh. Vương giả dốc tu, đạo đức trùm khắp. Tu hạnh bố thí, lực dụng hòa hợp. Cứu cánh thiện tịnh (là) thấu đạt dứt ác. Năng hóa độ khắp, an lạc thảy được. Ngôn ngữ thanh tịnh gốc từ (bậc) vương giả. Phật pháp yên tĩnh, nghĩa lợi rõ ràng. Dẫn dạy trọn nên, lực dụng thuận hợp, thanh tịnh viên mãn. Hữu tình thù thắng, chấp ngã chẳng sinh. Vua khéo dẫn dạy. Tùy thuận như vậy, bất thoái hiện bày. Năng lực, sở học, giáo hóa hướng đạt.

Thế nào là đạt được nhân thiện diệu?

Tự tín, tu tập (đạt) cứu cánh Ba thừa. Trời ấy sân hận, chân thật cùng tụ. Lực dụng (của) chướng, nhiễm, tùy thuận tận cùng. Thế gian như vậy sinh khởi trói buộc. Trời (ở cõi) Dục, chúng sinh căn bản đều có. Thân tâm tịnh diệu nghĩa lợi khế hợp. Hữu tình thù thắng, như hạnh căn bản. Thắng nghĩa chân thật (là) phước đức vô biên. Thánh lực Như Lai ngọn nguồn viên mãn. Tạo tác chân thật, dứt trừ pháp ác. Bi nguyện trọn vẹn, vương giả giáo lệnh, vật dụng như vậy. Người, trời cung kính. Trí tuệ hiện bày. Phép tắc Thánh lực.

Trí tuệ ấy làm thế nào phát khởi hướng đạt?

Dốc tu như vậy trí tỏ chân thật.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI BẢY.

Thanh tịnh chân thật dứt sạch tranh nhiễm. Rộng lớn tận cùng (là) tướng khổ, độc hiện. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy.

Thế nào là hướng đạt dứt hết phiền não?

Si mạn thuận hợp, tham dục mất nghĩa. Cứu cánh (của) hữu tình (là)

tịch tĩnh cùng tận. Pháp tham, sân, si cội rễ (là) mê lầm. Từ gốc bất thiện, các mạn, phiền não duyên nhau mà sinh, nhận lấy bao thứ khổ não. Cội rễ "vô úy" là thắng nghĩa tận cùng. Tham, mạn (do) nhân duyên (tạo ra), tự tánh (vốn) chân thật. Chúng sinh tạo tác (tham, mạn) dứt bỏ, chẳng sinh. Các pháp thanh tịnh, sạch hết cấu nhiễm. Thấu rõ điên đảo độc hại, không dấy. Nhân của đói khát (là) báo của phiền não. Buông theo đảo điên (do) giới hạnh chưa nghiêm. Thấu đạt nghĩa lợi, dứt bỏ (điên đảo) chẳng sinh. Các mạn, phiền não, cùng buộc nhau dấy. Từ, nhẫn, bố thí, cứu cánh viên mãn. Không nhân mà đạt. Sắc tướng vốn không, tu "bất khả đắc". Hằng dứt dòng thác, hạnh nhẫn trọn nên. Thế gian vô thường. Giác tánh thông đạt. Tự tại diệu dụng, trí tuệ sáng tỏ. Xa lìa hình tướng, tĩnh lặng thành tựu. Tự thể tịch tĩnh, thanh tịnh hiện bày. Cung kính tối thượng, thông tỏ thù thắng. Đức hạnh từ, nhẫn (là) tận cùng giải thoát. Thân tâm (của) tự tánh, tướng bị hủy hoại. Nghiệp tạo cả đời, giới, nhẫn là trên hết, lực dụng giải thoát. Chủng tử thức tánh, thắng nghĩa chân thật, thuận hợp. Si độn, che buộc mênh mông đều dứt. Nơi tu thí ấy ngôn ngữ tịch tĩnh.

Thế nào là lìa bỏ các pháp hữu học?

Là xứ rộng tu các pháp vô ngã. Tu tập các hạnh, không phân bỉ, thử. Hình tướng tối thượng (là) phước báo dưỡng nuôi. Như sen mới nở, hương thơm lan khắp. Thanh tịnh không nhiễu, bụi bặm thảy không. Khắp chốn trong nước dứt hẳn bạo lực. Diệt tướng kiêu mạn, hạnh chánh tận cùng. Vật dụng bình đẳng, bỉ thử không phân. Cõi ý biến chuyển (tạo) hình tướng chi phần. Tự tánh dứt mạn, nghĩa lợi hết lo. Tự tại phát sinh (như) chư Thiên, (các bậc) hữu học. Tịnh diệu không kiêu, phiền não chẳng sinh. Thông tỏ hình tướng. Ngôn ngữ tăng thêm. Thấu đạt thành thật. Cội rễ nghiệp dữ. Đủ sức gánh vác.

Thế nào là thân tướng chân thật thông tỏ, tùy thuận biến chuyển, tu tập viên mãn?

Là xứ quốc vương dốc lòng bố thí. Hành, giải gồm đủ, hình tướng dốc tu. Hý luận bình đẳng, hoạn nạn chuyển đổi. Trí tuệ tăng trưởng phát sinh dẫn dạy. Nơi chốn tịch tĩnh, hướng đạt chân thật. Năng lực khắp cõi, phép tắc phát huy. Bố thí tận cùng, tâm cảnh hòa hợp. Cung kính thiện thí, tăng trưởng viên mãn. Lực dụng vô tướng, tạo tác tiếp khởi. Hình tướng thù diệu, cõi nước gồm đủ. Hướng đạt tối thượng, hành giải học hỏi, dốc tu theo nhân rộng khắp. Cõi ấy không nhiễm, hành giải càng tăng. Tánh của Như Lai là tự tánh tịch mặc. Bình đẳng trang nghiêm, sạch tướng điên đảo. Thân tâm tối thượng, tịnh diệu tinh khiết. Dốc tu Thập thiện, phiền não

chuyển đổi. Cõi ý đúng phần, thảy đều tịch tĩnh. Dòng thác phiền não, lìa bỏ từ gốc. Đi đứng trang nghiêm, ái lạc tịch tĩnh. Ba trí căn bản thù thắng, trong lành. Sắc tướng tự tại, lực dụng tu thí. Xứ sở dứt mạn, hành giải gồm đủ. Hình tướng căn bản phát sinh, chuyển đổi. Tăng trưởng hưởng đạt lìa bỏ tham ái. Hành đúng Thập thiện, dứt trừ cấu nhiễm. Nuôi dưỡng thuận hòa, diệt hết lo sợ. Chấp ngã lại sinh, kéo theo phiền não. Tu tập phát khởi, thanh tịnh tăng thêm. Tịch tĩnh phát sinh (là) phước đức chân thật. Dòng thác kết hợp (với) cội rễ điên đảo. Hình tướng phép tắc (là) thanh tịnh hiện bày. Các mạn như vậy (đã) hủy hoại tự tánh. Dốc tu thanh tịnh, đức hạnh xa lìa (các mạn). Thân tâm mẫu mực, chân thật phát sinh. Tham dục, đói khát (trở thành) nơi của tịch tĩnh. Nơi chốn, chi phần tùy thuận trọn đủ. Hầm hố hiện bày (trở thành nơi) dưỡng nuôi đầy đủ. An lành biến khắp, trí tuệ thông tỏ nơi chốn mạn dấy. Tịch tĩnh trùm khắp, gốc mọi lực dụng, là cõi trong lành, tịnh diệu cùng tận. Biết rõ cõi, loài, ngã mạn chẳng sinh. Tịch tĩnh tăng trưởng, nhiễm cấu đều dứt. Dẫn dạy, hóa độ theo đúng Thập thiện. Như cõi quỷ đói do tạo nghiệp dữ. Gốc thiện tài bồi, hành giải thêm rõ. Hình tướng bình đẳng, an trụ thấu đạt. Điên đảo, cấu uế hết chốn dựa nương. Thấu rõ, xa lìa si độn, chướng nhiễm. Nương tựa tu tập, hướng đạt tự tại. Thuận theo cội rễ chân thật biến chuyển. Sắc tướng thanh tịnh, căn bản thuận hợp. Ân dưỡng phát sinh hiển bày rộng khắp. Hành, giải, giáo hóa (là) ngọn nguồn ái lạc. Tham dục, điên đảo, tự tánh hiện bày. Tạo tác hý luận, dứt quả thù thắng. Trói buộc tăng thêm, hình tướng mất hết. Hình tướng chuyển đổi, rốt ráo đều dứt. Nuôi dưỡng ái lạc, tất nhiễm, hý luận. Phiền não, điên đảo làm tăng chướng nhiễm. Là xứ ồn tạp, chúng sinh chấp ngã. Tạo tác nghiệp nhân các mạn điên đảo. Vương hành khéo dạy hành giải gồm đủ. Tịch tĩnh an tịnh, hạnh nhiễm hiện bày. Phiền não dấy tràn, thảy nên xa lìa, cả nơi nhiễm buộc. Tuệ thông ba tánh, cùng ý hòa hợp. Dòng thác tạo tác, Tuệ nhiễm thêm tăng. Lực dụng biến khắp, tự tại đúng thực. Hành uẩn chuyển biến, đâu phải bất sinh. Thắng nghĩa dứt ác (là) thấu đạt bình đẳng. Dòng thác như thế (nên) tăng tu (để) xa lìa. Thấu đạt, hiện bày, tận cùng mọi ngã. Cõi ý nhiễm buộc, chân thật dứt trừ. Thông tỏ Thập thiện, cứu cánh hiện bày. Hăm hở bố thí, thanh tịnh thêm tăng. Lực dụng thiền định (là) ngọn nguồn tịch mặc. Bố thí thích hợp, khổ độc đều dứt. Căn bản gánh vác, (là) diệt tận chướng, nhiễm. Diệu dụng giáo pháp thâm diệu, bất thoái. Tận cùng Thập thiện (là) dứt nghiệp súc sinh. Như nơi có vua là vị nữ nhân. Tu hạnh Thập thiện (đạt) thắng nghĩa chân thật. Chúng sinh cõi trời tăng thêm sắc tướng. Căn bản giới luật (là) thanh tịnh chân thật. Ý diệu tu tập, thanh tịnh phát sinh. Cõi trời tu thí (đạt) ái lạc chân thật. Dẫn dắt

chúng sinh thêm đạt trí tuệ. Cõi ý tu tập, thông tỏ dần tăng. Tâm thể thù thắng, năng lực trọn đủ. Xa lìa nữ nhân, thanh tịnh phát sinh. Thấu suốt nghĩa lợi, nhân thắng an lạc. Nhận thức tận cùng, lực dụng tăng trưởng. Thâm diệu, bất thoái, tùy thuận chẳng mất. Chi phần tự tánh (là) ngọn nguồn cội ý. Nghiệp thiện gọi mời, dốc tu chân thật. Xa lìa phóng dật, thanh tịnh hiện hành. Tướng thiện đạo hạnh (là) thân tâm hòa hợp. Chỉ dạy thù thắng, hướng đạt nghĩa lợi. Điên đảo, cấu nhiễm dục lạc khó tu. Tịch tĩnh tạo được, trong lành biến khắp. Nhớ nghĩ thiện chí, bất thoái phát sinh. Đức nghiệp bố thí, giới hạnh tăng trưởng. Thắng nghĩa tăng thêm, đức đạt rốt ráo. Thánh nhân thanh tịnh, hóa độ hòa hợp. Hình tướng viên tịnh, giải thoát thêm rõ. Lực dụng sắc thể, thù thắng chẳng mất, an trụ khế hợp. Tu tập như vậy, thuận hợp tận cùng. Lớp lớp lực dụng, đạo hạnh quán xuyến. Tu tập bình đẳng (là) cội rễ vô tướng. Tự tánh tịch tĩnh, tạo nhân chân thật. Đức hạnh có (thể) chuyển, hòa hợp, xa lìa. Hướng tiến theo Phật, ngọn nguồn (là) vô ngã. Hữu học thâm diệu (là) tăng trưởng tu nhân. Dòng thác ổn định, phiền não dấy khắp. Sắc thể gốc sinh, tâm cũng gốc khởi. Thông tỏ tướng không, hướng đạt (lẽ) vô, như. Tạo nghiệp tịch tĩnh (là) chỗ nương thắng nghĩa. Ngọn nguồn "bất sinh" hy vọng khó đạt. Nương tựa vô tướng (là) đúng nghĩa giải thoát. Tạo nhân "vô tác" (đạt) lực dụng thù thắng. Không thể hủy hoại. Hình tướng giáo hóa (là) thông tỏ, thuận hợp. Căn bản như thị, bất sinh rạng rỡ. Lực dụng bất thoái. Chân thật nương mạn, tịnh diệu ắt dừng. Thiền định hiện bày: cõi ý tịch tĩnh. Thấu đạt (các mối) sợ hãi, thế gian (có thể) dứt được. Hạnh nhẫn vô cùng thù thắng như vậy, (có thể diệt trừ) nhân gốc phiền não. Lực dụng thông tỏ, tự tánh hóa độ. Thấu đạt hình tướng, dưỡng nuôi ái lạc. Phước đức tự tánh, chuyển biến rốt ráo. Nơi chốn tận cùng thảy đều lìa bỏ (giải thoát). Hướng cầu hiện bày thắng nghĩa phước nghiệp. Dứt hành đảo điên, tu nhân gánh vác. Tự tánh thanh tịnh, xứ của tịch tĩnh. Phước nghiệp thành tựu, lìa dòng luân lưu. Dòng thác hiện bày, tạo tác cùng tận. Hòa hợp tiến tu, thanh tịnh viên mãn. Tác dụng (của) phiền não (làm) điên đảo sự thật. Lực dụng bố thí (đạt) trí tuệ khắp chốn. Chúng sinh phiền não, trí định chẳng sinh. Đức hạnh căn bản (là) lực dụng gánh vác. Tu tập nhớ nghĩ (đến) nghĩa lợi thế gian. Hành động bình đẳng, lực dụng cùng tận. Lực dụng hữu tình (là) bạo lực, đảo điên. Căn bản bố thí (đạt) hình tướng thù thắng. Tu hạnh từ, nhẫn (đạt) nghĩa lợi tịch tĩnh. Sám hối thanh tịnh, thông đạt giáo pháp. Thâm diệu giữ gìn, tóm kết trí tuệ. Tự tánh bình đẳng, quý chuộng dốc tu. Tự tánh trang nghiêm, lực dụng tịnh diệu. Giáo pháp tạo nhân vô cùng thù thắng. Giải thoát an tĩnh, lìa mọi đói khát. Thảy mọi tạo nghiệp, cũng đều dứt hết. Nơi chốn nhân nhiễm, kiêu,

mạn đều diệt. Giáo pháp thanh tịnh, tạo nhân bình đẳng, là chốn vương giả hành hạnh bố thí. Phật quả tịnh diệu, mong cầu, bất thoái. Bậc Thiện nam tử dốc tu bố thí. Giáo hóa cõi trời, tu hạnh giải thoát, tịch tĩnh như vậy. Thù thắng đúng phần, ái lạc cùng tận. Thù diệu chư Thiên tận cùng như thế. Chân thật phát khởi, tịch tĩnh dứt mạn. An tịnh thắng nghĩa (là) dứt bỏ hành tướng. Lực dụng vương giả, thanh tịnh như trời. Thông tỏ nơi chốn, gốc rễ tận cùng. Sắc tướng thanh tịnh, căn bản hiện rõ. Thấu rõ mười loại phiền não, hoạn nạn. Xứ sở chân thật, lực dụng khế hợp. Cõi tánh như lọng phủ che căn bản. Nơi chốn đầy những hầm hố, nghiệp dữ. Xa lìa hý luận, tu thí tự tại. Hướng tới tịnh diệu, khế hợp tăng trưởng. Tùy thuận biến chuyển. Lực dụng thông tỏ, thảy đều tinh tấn. Vô ngã, dứt nhiễm, tâm thể thanh tịnh. Căn bản lực dụng tạo tướng thù thắng. Dứt bỏ xa lìa hạnh tham cùng tận. Thực hiện tịch tĩnh, bạn lành thuận theo. Tự tánh thanh tịnh, dẫn dạy si, mạn. Vương giả dứt mọi cội rễ trói buộc, điên đảo nhiều kiếp. Hiện bày, thuận theo dứt mọi phiền não. Nhớ nghĩ hữu tình si độn không ngớt. Tịch tĩnh chân thật phát sinh, biến khắp. Điên đảo cấu nhiễm vô biên như (cõi) không. Si mạn tạo tác biến chuyển không ngừng. Phiền não, nhiễm chướng tạo tác điên đảo. Giáo pháp thanh tịnh, tịch nhiên dứt hết (phiền não, chướng nhiễm). Tạo nghiệp chân thật trừ mọi đảo điên. Chi phần tham ái là thể căn bản. Dòng thác vọng nhiễm dấy tăng pháp nhiễm. Lực dụng tạo nghiệp (là) hình tướng nhiễm, chướng. Chấp ngã làm gốc. Thánh quả mới đoạn. Trí căn bản dứt (chấp ngã) ngộ lẽ tam thừa. Diệt sạch mọi hoặc, rốt ráo chẳng sinh, xa lìa tận cùng. Tịch tĩnh đúng thật, thuận hợp như (cõi) không. Tu học mở tâm, cõi ý tự tại, thân tướng viên mãn. Tánh bị che lấp, si độn trói buộc tạo hạnh cấu nhiễm. Chư Thiên dốc tu (đạt) tự tại như vậy. Phiền não buộc thể, nhiễm ấy làm tánh. Căn bản tuệ nhiễm, phát sinh chấp ngã. Phát sinh, hiện bày nhân tịnh (của) hữu tình. Như giáo lệnh vua, lực dụng vững chắc. Nương ở thanh tịnh, lìa mọi si mạn. Thế gian tu thiện tận cùng như thế.

Thế nào là tự tánh thọ mạng an trụ, vật dụng chân thật?

Nghĩa chân thật ấy (là) tánh không điên đảo. Kiêu mạn dứt hết, thanh tịnh tận cùng. Nhân tánh hành động, tạo ra thiện tịnh.

Thế nào là tu tập bố thí thù thắng?

Từ gốc ngã mạn, kiêu, dật phát sinh. Thắng nghĩa biến chuyển độc đáo hiện bày. Thông tỏ hướng đạt chân thật viên mãn. Cõi ý trang nghiêm. Vương giả lệnh mật. Tự tánh căn bản rốt ráo tận cùng. Tâm tịnh thù thắng, chân thật bố thí. Tu tập thanh tịnh (là) hình tướng tự tánh. Khắp chốn phát

sinh lực dụng tu tập. Hành, giải gồm đủ, tu (hạnh) xuất thế gian.

Thế nào là chi phần thanh tịnh hiện bày?

Cội nguồn hữu vô thâm diệu như vậy. Chế độ vương giả thấu rõ muôn loài. Tịnh giới chứa nhóm, thảy đều phát sinh. Kiêu, mạn, bỉ thử, đích thực (là) sân hận. Hình tướng (bị) trói buộc (là) nơi chốn hý luận. Trời, người đủ sức phát sinh tu tập. Thể tánh tăng trưởng, tạo nghiệp lìa bỏ (phiền não, hý luận). Thông tỏ thù thắng, dứt bỏ tai nạn. Gốc buộc gồm đủ nhiễm vọng, si độn, hý luận (được) bình đẳng (thì) nhiễm, buộc (được) thông tỏ. Nhân thắng cõi trời (là) tịnh diệu đúng phần. Hành nhẫn tận cùng, Phật đã chỉ dạy. Tự tánh (bị) trói buộc (là) chướng của phiền não. (Như) vương xuất giáo lệnh, Thánh trí thông tỏ. Dốc tu như vậy tăng trưởng tận cùng. Gốc rễ các mạn (làm) tăng thêm điên đảo. Tánh của Như Lai chân thật, vô ngã. Cội nguồn tĩnh lặng, dứt hết nghiệp dữ. Tự tại sâu xa, lực dụng thuận hợp. Thể tánh tận trừ dòng thác phiền não. (Cũng như) thông tỏ tội lỗi nhiều đời (của) nữ nhân. Hình tướng tận cùng (là) thân tâm điên đảo. Chi phần ngã mạn (là) điên đảo (về) hữu, vô. Vâng theo lời Phật dốc lòng bố thí. Thắng nghĩa đến ấy (là) chúng sinh dứt ác. Tự tánh lại thêm nhân thắng căn bản. Dứt nhiễm (của) chi ái, danh sắc hết nơi. Thâm diệu tịch tĩnh, tướng của trời, người. Diệt trừ si độn, mạn, nhiễm tà mị. Buộc ấy hằng dứt, thâm tâm an nhiên. Mười loại gốc nhiễm, bậc Thánh diệt sạch, là chốn trời, người dứt tận cấu nhiễm, sân hận chẳng sinh, tạo tác hiện bày. Nhân thắng tịch tĩnh (là) thông tỏ "vô úy". Vương giả thể hiện gánh vác cõi xa. Sắc tướng tự tại, đi đứng ung dung. Thể tánh thanh tịnh, tà ma thảy lìa. Thấu rõ nữ nhân (là) gốc ngăn nẻo thiện. Là chốn trời, người hợp phần chân thật. Sân hận không dấy, tạo tác tịch tĩnh. Hý luận dứt hết (là) tướng nhân thanh tịnh. Quốc vương gánh vác công việc trị dân. Chân lý hiện khắp, năm uẩn khế hợp. Xa lìa cấu nhiễm, tu tập tăng trưởng. Vận dụng căn bản, tự tại hiện bày. Theo nhân tự tại hình tướng chân thật. Không ngớt nghĩ nhớ lực dụng bỉ thử. Cội nguồn sợ hãi (là) thắng nghĩa mất ngôi. Phải nên dứt bỏ mọi gốc nghiệp dữ. Cấu nhiễm trùm khắp, tướng không bị hoại. Nhiều vua cùng hiện, phép tắc hiện bày. Như vậy là các cõi trời "tam tai" hãy còn. (Ở) trời Đệ tứ thiền ba họa (lớn) mới dứt. Thấu rõ dòng thác, thiện tịnh sinh khởi. Các cõi (trong) tam giới: sân có một pháp, phẫn có bảy pháp, trung tùy hai pháp. Nơi cõi Dục giới, siểm, cuống hai pháp. Dưới cõi địa thứ nhì, căn bản chín pháp. Tiểu tùy có kiêu. Đại tùy tám pháp. Thông tỏ tận cùng, thấu suốt ba cõi. Chi phần dốc tu, tạo tác thanh tịnh. Lực dụng căn bản, mong dứt nghiệp dữ, là chốn Bồ-tát lực nhẫn viên mãn. Lực dụng thanh tịnh, chân thật hiện hành. Hành, giải gồm đủ, giáo hóa hòa hợp. Cội rễ si mạn (do)

sắc tướng mong cầu. Giới pháp nêu rõ, tu tập viên mãn. Thanh tịnh sạch nhiễm, lực dụng nhân thắng. Bi nguyện tăng lên, ngã mạn thảy diệt. Hướng tới, thuận theo lời Như Lai dạy. Tự tánh phước đức (là) thanh tịnh thuận hợp. Hòa hợp tận cùng (là) thông tỏ phiền não. Cõi, loài thiện ác. Nhớ nghĩ bạn lành. Khổ não như vậy. Thắng tâm khó phát. Hành, giải thêm tăng. Trói buộc chuyển biến. Gốc sinh hữu tình (là) tham dục kiêu dật. Tạo nhân tịch tĩnh, tăng trưởng tự bày. Tâm thiện dứt trừ bao lớp phiền não. Nhiễm, ác chẳng sinh, tự tánh lìa bỏ. Nhân diệu thân tâm (là) năm uẩn sung mãn. Cội rễ thanh tịnh, tĩnh lặng thuận hợp. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng chẳng mất. Dạy bảo chỉ rõ mong dứt nghiệp dữ. Sắc thân là (chỗ) nương, chúng sinh nhận nghiệp. (Bậc) hữu học tấn tu, nghiệp ấy cũng dứt. Cội rễ tự tánh (là) thân tâm tịch tĩnh. Giáo pháp thắng nghĩa tu hạnh vô ngã. Pháp lớn nghĩa lợi (là) thanh tịnh thù thắng. Lìa mọi buộc nhiễm, khế hợp thông tỏ. Tu thí đúng phần, (là) hóa độ muôn loài. Hình tướng thù thắng. Tịch tĩnh chân thật. Quả A-la-hán, dứt mọi tạo nghiệp. (Cùng) nơi chốn bỉ thử, sắc tướng tăng thêm. Hành, giải hướng đạt, tịch tĩnh cúng dường. Tướng thắng nghĩa ấy, cung kính viên mãn. Hành động dứt nhiễm, nghĩa lợi tận cùng. Tu chốn thanh tịnh, hành hạnh bố thí. Tự tánh bao la, nơi chốn cùng tận. Ba cội rễ nhiễm là tham, sân, si. Hóa khắp cõi, thanh tịnh tận cùng. Rõ mọi ưu khổ, hữu tình gắng tu. Không hạnh ô nhiễm, nhân của trời, người. Là chốn thù thắng, bố thí chân thực. Mẹ hiền như vậy, yêu mến dưỡng nuôi. Khắp mọi nơi chốn dốc lòng sám hối. Đức nghiệp chân thật, gánh vác viên mãn. Thuận theo tịch tĩnh như vật tỏa hương. Hình tướng tăng trưởng, hướng đạt cứu cánh. Lìa bỏ nhiễm, vọng, hành tướng lại thêm. Tự tại hướng đạt, dứt sạch cấu nhiễm. Gốc là vô ngã, tướng sinh đều dứt. Thấu đạt tịch tĩnh, diệt hết các mạn. Tánh phiền não ấy, (và) điên đảo, si độn, gốc vốn biến chuyển. Chỉ hành bố thí, tự thể dấy tranh (hý luận). Tạo tác nghiệp dữ, thuận theo cấu nhiễm. Sắc tướng (bị) nhiễm buộc, mong đạt chân thật. Phiền não, hý luận cần thấu (rõ) hành tướng. Tu hành tự tại (dứt) vọng, nhiễm trói buộc. Gánh vác thuận hợp, mong dứt cấu nhiễm. Nơi chốn thanh tịnh, phiền não lặng dừng. Dòng thác dấy khởi, chuyển biến trùm khắp. Ở nơi cõi trời, nghĩa lợi đáng quý. Bồ-tát giáo hóa chỉ dạy thấu đạt. Bậc đại quốc vương, bố thí sinh mạng. Tu tập bất thoái. Tham ái lớn ấy trói buộc khó lìa. Lìa hạnh thanh tịnh, chế ngự thiếu lực. Tạo tác hướng cầu về lẽ vô hữu. Phát khởi tu hành. Cung kính chân thật, hạnh ấy dứt nhiễm. Tạo nhân căn bản, dốc tu (theo) Như Lai. Bỉ thử đúng phần, si độn tự dứt. An lạc, tịch mặc, tùy thuận, hiện hành. Cõi Phật chân thật, tịch tĩnh hiển hiện. Đức hạnh hòa hợp, nhiễm chướng đều dứt. Sám hối dốc lòng, nghiệp gốc không dấy. Tịnh

nghiệp trong lành, hữu tình tu tập. Là cõi vương giả tịnh diệu tăng thêm. Căn bản thuận hợp, sửa trị đúng mức. Dốc tu hiện bày, hướng cầu tối thượng. Bố thí phát huy dứt sạch mọi nhiễm. Tùy thuận mong dứt tham dục, điên đảo. Tự tánh hiện bày, tạo tác nhân gốc. Nghĩa lợi nhiễm, tranh, gồm đủ tai nạn. Dứt bỏ vọng nhiễm, chấp ngã chẳng sinh. Thâm diệu tối thượng hợp nhất, phát huy. Thảy đều tu thí, cội rễ chân thật. Tạo tác, trói che, căn bản nhiễm buộc. Khuyên dạy, chỉ rõ, thanh tịnh là gốc, yên tĩnh trong lành, tâm đạt an lạc. Phiền não vô bờ, khổ sở vô tận. Là chốn si, mạn, Bồ-tát hành hóa. Thông tỏ tận cùng cái hại (của) nhân nhiễm. Hành theo thiện tịnh, khỏi nghiệp ba đường (dữ). Tùy thuận chân thật, hướng đạt chánh pháp. Tâm bị nhiễm ác, hành tướng không dừng. Là chốn vương giả thông thạo trị nước. Căn bản vô tướng, giảng dạy như vậy. Hướng cầu chân thật, cõi ý hiện bày. Ngã kiến trùm khắp, tuệ giác năng dứt, mong đạt đúng phần. Bồ-tát chân lý, trí tuệ vô tận. Tự tánh dốc tu, lớp lớp chân thật. Nghĩa lợi như vậy, theo lời Phật dạy, là chốn chân thật, thấu rõ bình đẳng. Ngọn nguồn cõi ý thanh tịnh tột bậc. Xa lìa trói buộc, hành động chuyển biến. Gốc điên đảo ấy, nghiệp dữ, cấu nhiễm. Buộc che tăng dấy, tu hành dứt trừ. Thực hiện gồm đủ, thân tướng viên mãn. Thuận theo tâm tịnh, thông tỏ khắp chốn. Bóng hình bỉ thử đều có. Thanh tịnh thuận hòa, tâm ấy chân thật. Đói khát, hủy hoại hòa hợp khổ não. Các pháp si, mạn thuận hợp hiện bày. Pháp nhiễm điên đảo bao trùm như (cõi) không. Bi nguyện vĩ đại, thanh tịnh lìa bỏ (điên đảo, si mạn...) trói buộc lực mạnh (làm) điên đảo tự tánh. Phiền não tạo nghiệp lớp lớp tận cùng. Sân hận như lửa đốt bùng hý luận. Thắng nghĩa tạo lực dứt trừ phiền não. Hình tướng, nơi chốn ung dung cùng tận.

Căn bản đúng phần hủy giảm chấp ngã. Lực dụng tịch tĩnh, thanh, tướng viên mãn. Tự tánh rạng rỡ (là) hình tướng căn bản. Hóa độ rộng khắp, lực dụng mong đạt. Theo nhân bình đẳng vọng tưởng đều diệt. Gốc vốn tịch tĩnh. Vương giả trí giải, tăng trưởng gắng đạt. Tự tánh thông tỏ, chân thật hơn hẳn. Trí lực trùm khắp, chuyển biến mọi nơi. Hình tướng "vô úy" thấu tỏ kiêu dật. Phiền não dấy tăng, thanh tịnh dứt trừ. Tịch tĩnh thù thắng, gánh vác tất cả. Bậc Thánh thâm diệu, thanh tịnh, bình đẳng. Nhiễm vọng đều diệt, hý luận sao (lại) không? Cội rễ tận cùng trói buộc như thế, phiền não nhân nhiễm, tĩnh lặng diệt sạch. Thanh tịnh như vậy, sắc tướng tăng tiến. Tự tánh vận động, chân thật hiện bày. Sắc tướng thanh tịnh, dung mạo chuyển đổi. Quả vị La-hán diệt hết chấp ngã. Pháp tịch mặc ấy hiện hành, lành thay: diệt cội rễ nhiễm, là chốn thanh tịnh. Điều phục chúng sinh, phải nương thiện giáo. Tánh ngã tận cùng, mạn lấp tự tại. Gốc bị đảo điên, do

không bố thí. Thâm diệu viên mãn, sắc tướng hợp ý. Chân thật như thế, dứt hết vọng nhiễm.

Thế nào là mẫu mực tâm thiện như cõi không?

Như vương tịch tĩnh bao trùm khắp cõi. Sinh tử, nghiệp dữ, phiền não hiện hành. Tu tập thực hiện mong đạt tịch tĩnh. Đúng phần rộng khắp, dốc tu tận cùng. Hình tướng các pháp, sắc tướng là gốc. Thắng nghĩa thuận hợp mong cầu hiện bày. Thuận theo khổ não, dứt nhân an lạc. Chịu quả báo dài trong các cõi ác. Kiêu, dật vô cùng, năng diệt sắc tướng. Vương giả tạo nhân, nhận báo chư Thiên. Tất cả tướng sinh ngã là gốc rễ. Tạo tác thanh tịnh, dứt sạch si độn. Tội lỗi phát khởi điên đảo, vô thường. Khổ não, hý luận tất cả cùng dấy. Tự tánh sinh khởi, kính mộ đúng phần. Tâm của các loài chuyển biến, lìa bỏ. (Hý luận, điên đảo...) gắn với tâm ấy là bậc xuất gia. Dốc diệt chấp ngã (là) hạnh nguyện căn bản.

Thế nào là kiêu mạn hý luận vô tận?

Tự tánh căn bản hướng đạt thanh tịnh. Tịch tĩnh như vậy, thuận theo bình đẳng. Hành, giải gồm đủ, cõi học viên mãn. Địa ngục vô gián xử tội đúng kiếp. Khổ sở không dứt, biết lúc nào rời? Trời kia thanh tịnh, thượng diệu, chân thật. Sắc tướng trùm khắp, phước đức vô tận. Đức hạnh tăng trưởng viên mãn tận cùng. Xứ sở thù thắng, hạnh nhẫn tu tập. Bố thí hết mực, mong đạt nghĩa lợi. Thù thắng, sung túc, dốc tu hạnh Thí ba-la-mật.

Thế nào là gốc rễ tham cầu bất biến?

Thắng nghĩa như vậy tu tập hướng đạt. Ý tu bố thí theo mười nghiệp thiện.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI TÁM.

Tà kiến không nhiễm, lực dụng thắng nghĩa thực hiện. Cõi học vốn không, thuận theo chánh kiến xa lìa che buộc. Đó là tùy thuận thấu đạt chân thật lời dạy Bồ-tát.

Thế nào là hình tướng tận cùng của phước đức?

Không có chân thật, (mọi) gánh vác (chỉ là) điên đảo. Giữ giới thanh tịnh, phước báo (theo) nghiệp tu. Các bậc phạm hạnh thông tỏ vô ngã. Gốc điên đảo ấy, hình tướng hiện rõ. Bố thí rộng khắp, thiền định trọn nên. Phạm hạnh an lạc, nghĩa lợi tăng trưởng. Thông tỏ tịnh diệu, bi nguyện viên mãn. Cõi ý phát khởi tu hạnh tế độ. Nơi chốn thuận hợp, an lạc hòa khắp. Phóng dật vô độ, hành nhiễm trói buộc. Thiền định an lạc, thế gian khó tạo.

Sắc tướng chân thật, thuận hợp không mất. Tạo tác nhân diệu, nương tựa thù thắng. Tu tập hướng đạt, lắng nghe, suy xét. Thương dẫn rộng khắp, ngã chấp đâu còn. Tịch tĩnh tận cùng xua tan khổ não. Si độn dấy bày, bất an không dứt. Dục giới tham sân, pháp nhiễm tăng trưởng. Tạo nhân căn bản gốc đạt mười loại. Vương giả Thánh ý, (là) cội rễ bạn lành. Cõi ý viên mãn, nhân khởi tận cùng, dứt nghiệp phiền não. Kẻ theo tà kiến, tạo gốc điên đảo. Chấp ngã là gốc tận cùng (của) thế gian. Tạo tác thanh tịnh, nghiệp thiện tăng thêm. Bờ giác phát tâm (đạt đến) phước báo như vậy. Các pháp thiền định, lực dụng cứu cánh (là) tịch tĩnh thù thắng. Căn bản giữ giới, tăng thêm bố thí. Tu tướng thắng nghĩa, dứt mọi đói khát. Cấu nhiễm hết mực (là) quên mất ân thầy. Mê lầm không rõ, Bậc Vô Thượng Đẳng Giác, Chánh pháp thanh tịnh, tạo nhân viên mãn, tâm vốn chân thật thắng nghĩa.

Thế nào là tịch tĩnh?

Hình tướng chánh nghĩa, xứ sở không tà. Lực dụng tịch tĩnh, cứu cánh (của) nhiều loài. Thanh tịnh viên mãn (là) an lạc tận cùng. Nghiệp dụng tịnh diệu, an lạc hiển hiện. Lực dụng nổi bật, hướng đạt tối thượng. Chân thật tăng trưởng, thuận hợp hiện bày. Nơi ấy thanh tịnh, thấu đạt (mọi) sợ hãi. Dứt bỏ hành ác, điều phục phiền não. Cõi trời bình đẳng là chốn rộng lớn. Nhận thức, năng lực đều đạt chân thật. Chẳng hướng cầu tâm, phiền, mạn, vọng dấy,

Thế nào là không tạo nhân nghĩa lợi thế gian?

Hành động sinh theo chủ thể bị buộc. Nơi chốn thông tỏ, thảy đều dứt mạn. Dưỡng nuôi si, mạn, quấy nhiễu càng tăng. Phạm thế bình đẳng. Là cõi có vua, phước đức trang nghiêm. Ví như đống lửa cháy sáng rực rỡ. Lực dụng (của) nhân gốc, chuyển biến tự tại, mạn (cũng) không buộc được.

Thế nào là các chúng thanh tịnh vô biên?

Dòng thác phiền não biến chuyển tùy tiện. Các mạn sinh tướng dấy thêm, lan rộng. Gốc diệu tịch tĩnh, nhận rõ lìa bỏ (mạn, phiền não). Tướng điên đảo sinh, lây lan khắp cõi. (Từ) xứ sở các mạn hý luận phát sinh. Ngôn ngữ dạy trao, hành động trừ diệt. Chứa nhóm chân thật viên mãn tận cùng. Ngôn ngữ sinh khởi, cứu cánh thêm tỏ. Nhân nhiễm nghiệp dữ, phiền não buộc gốc. Tướng quang minh, danh hiệu Lô-xá-na. Lời Bồ-tát dạy: Ba nghiệp thù thắng, hữu tình (đạt) tịch tĩnh. Dứt hết đói khổ, giới mốc mênh mông. Tâm đầy tham sân, bình đẳng vắng bóng. Chúng sinh (cõi) Phạm thế, ở cõi Tứ thiền, vọng tưởng hướng cầu chư Thiên chưa dứt. Ngôn ngữ ở đấy, bình đẳng tự tại. Vương giả cõi ấy thù thắng, ái lạc. Giới mốc bao

la, hợp nhất tu tập. Nơi chốn hợp phần, nhân hành phát khởi. Cõi ý phong phú, dứt sạch nhiễm tranh. Sắc tướng thêm tỏ, ngôn ngữ tịch tĩnh. Tự tánh thành tựu, nhận ra si mạn. Điên đảo cấu nhiễm (như) độc dược khó trừ. Tự tánh tĩnh lặng mong dứt ngã mạn. Phiền não, nhiễm độc, gốc từ chấp ngã.

Thế nào là mắt hướng về phía trước?

Lời Bồ-tát dạy: Sắc tướng nhiễm buộc, ngăn cản tịnh giới. Gốc tu ngã tướng, chân thật (bị) buộc, che, thanh tịnh đâu còn. Hành động chấp ngã (do) gốc tự tánh mất. Vương hành thiện giáo, phước quả, thành tựu, giáo lệnh phát khởi.

Thế nào là hạnh bố thí mong đạt chân thật, ngôn ngữ phạm hạnh viên mãn, ở thế gian giảng dạy thanh tịnh, như bậc đại vương giáo hóa thắng nghĩa nơi thế gian?

Thế nào là ngọn nguồn lại thêm tăng trưởng cùng tận?

Như lời Phật dạy. Hình tướng thượng diệu như (vị) đại quốc vương thi ân khắp cõi, ngôn ngữ sửa trị đất nước. Mười loại việc thiện, sắc tướng chuyển biến. Tịch tĩnh viên mãn thù thắng vô tận. Như trăng sáng hiện, đám sao nhỏ (bị) mờ. Thánh trí phát khởi, cấu nhiễm tự diệt. Chướng ngại chẳng sinh, thế gian viên mãn. Đầy đủ như vậy. Nhân thắng hướng đạt, thông tỏ nơi sinh. Bình đẳng tận cùng (là) thiền định hòa hợp. Chi phần, bỉ thử chuyển biến viên mãn.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 14

Hóa độ khắp chốn mong đạt chân thật. Điều phục thế gian, thí tánh viên mãn. Nhân Thánh tịch tĩnh gánh vác chân thực. Quả giác tận cùng muôn thuở dốc tu. Trí tuệ mong đạt khắp loài khắp chốn. Xa lìa gốc nhiễm, tịch tĩnh hữu vô. Bốn uẩn thuộc danh (thọ, tưởng, hành, thức), danh chất khó đạt. Dòng thác thế gian biến chuyển không ngừng. Tự tánh thắng nghĩa ngọn nguồn vô biên. Bản trí đạt được, mắt không thể thấy. Tịch tĩnh, vô tác trùm khắp mọi nơi. Thành tựu đúng phần phát sinh bình đẳng. Tự tánh tri kiến, thắng nghĩa tăng trưởng. Hành, giải gồm đủ, lực dụng phát khởi. Nơi chốn thế gian, cõi Sắc (là) trên hết. Cõi Đệ tứ thiền, tam tai (mới) lìa hẳn. Hạnh của bậc Thánh tĩnh trụ hòa hợp. Thiện hạnh dốc tu, đạt được thanh tịnh. Quả báo trọn nên (từ) nhân thắng công đức. Cõi học hành động, nẻo tu đức hạnh. Dốc tu thượng diệu, biến khắp thế gian. Hóa độ đạt được thiện lợi viên mãn. Gốc rễ biến chuyển, chân thật tăng trưởng. Chế ngự điên đảo, hạnh thí phát sinh. Hành, giải hướng cầu, nghiệp gốc thành tựu. Dòng thác tâm pháp, gốc do vọng động. Chánh kiến phát sinh, tịch tĩnh viên mãn. Thuận theo giáo pháp, tu tập thanh tịnh. Gốc tánh (của) thân tâm, năm uẩn là thể. Thuận theo Thập thiện, tu tập tối thượng. Tướng nhân đúng phần, tỏ rõ phiền não. Hình tướng cấu nhiễm (là) gốc mọi nghiệp dữ. Tu đạt giải thoát, nơi chốn tịch tĩnh. Mười hai nẻo sinh thu gọn (vào) trăm loại. Như mặt trời chiếu, tươi sáng đáng yêu. (Cũng) Như cõi nước kia, quốc vương thánh thiện. Giáo hóa bình đẳng, nghiệp dữ dứt hết. Tạo nghiệp nơi ấy (đạt) thiện tịnh, xa lìa (nghiệp dữ), là cõi quốc vương chân chánh, dứt tà. Trong ngoài sửa trị, Thánh trí như thần. Tâm không vọng tưởng, tánh giác tăng trưởng. Hành, giải rộng khắp, thuyết giảng tối thượng (mọi) vấn nạn thế gian. Hình tướng cõi thế, điên đảo trói buộc. Năng lực tự tại, nhân không bày hiện. Lìa bỏ nhân sợ, mong đạt tận cùng. Điên đảo, si độn (trở thành) nơi chốn tu tập. Kiếp họa "phong tai" (dữ dội đến nỗi) cõi đại thiên (cũng bị) hoại. Là cõi Bồ-tát vi diệu tăng thượng. Nơi chốn (được) chế ngự, tịch tĩnh viên mãn. Chi phần tà kiến diệt trừ tất cả. Ngôn ngữ phát sinh luận bàn (về lẽ) tối thượng. Lực dụng như vậy gốc ở thanh tịnh. Cõi ý hứng khởi, tự

tại gắng bày. Hình tướng phước đức, thân tâm hòa hợp. Hạnh thí thâm diệu hướng tiến cùng tận. Cội rễ tịch tĩnh đạt được thắng nghĩa. (Quả vị) Chánh giác bất thoái, phát sinh, tăng thượng. Tu tập thù thắng dứt trừ bệnh hoạn. Dòng thác nhiễm ác gốc từ hý luận. Lực dụng hiện bày, biến chuyển khắp chốn. Tự tánh an nhiên, tu hạnh tịch tĩnh. Vô ngã sâu xa dứt mọi hý luận. Gốc tánh "vô úy", thinh sắc không nhiễm. Hướng cầu phiền não, nẻo thiện không hợp. Gốc nhận thức nhiễm, tạo nhân phiền não. Hình tướng tự tại, mong diệt điên đảo. Nghiệp dụng tự tánh, gốc khởi nơi tâm. Cội rễ nhiễm chướng phát sinh ngàn loại. Hý luận hiện bày (nên) xa lìa, dứt bỏ. Như mặt trăng tròn, mây che đâu sáng? Ngọn nguồn Thánh trí sạch nhiễm, thường hằng. Tự tại dứt buộc, phép tắc tăng thêm. Tinh tấn càng tăng, phiền não càng giảm. Thắng nghĩa bất thoái, dứt sạch tham dục. Tự tại hòa hợp, thanh tịnh tận cùng. Tu hạnh tịch tĩnh, nhân ấy chân thật. Phiền não bao đời, Như Lai hằng dứt. Ngã kiến, biên chấp, tham mạn dấy theo. Thân tâm hợp nhất, dốc sức tu tập. Tu thí giảm trừ nhân của bệnh tham. Lực dụng tự tánh (làm) chuyển dòng nghiệp dữ. (Như) hý luận dấy tăng (trở) thành chốn dốc tu. Sắc tướng hữu tình không thể lìa bỏ. Phật pháp thanh tịnh, năng lìa chướng, nhiễm. Như lửa cháy rực, thế mạnh khó dừng. Tịch tĩnh gốc tu, sợ hãi không buộc. Hóa độ tận cùng, tu hạnh giải thoát. Tịch tĩnh, xa lìa, dứt mọi hình tướng. Hành, giải gồm đủ, dạy bảo mẫu mực. Mong dứt nhiễm, tranh. Lực dụng thù thắng, hành thí thấu đạt. Trừ gốc rễ mạn. Tự tánh tạo tác, thảy đều phát sinh. Lìa bỏ phiền não, ưu khổ, sợ hãi.

Thế nào là hạnh thí dốc tu khắp chốn?

Chế ngự mọi chốn, chân thật tận cùng. Mong đạt thắng nghĩa vô ngại như (hư) không. Trí tuệ sáng tỏ, lực dụng viên mãn. Tạo nhân dứt phiền, cứu cánh thanh tịnh. Danh sắc rực rỡ như Ca-tỳ-la. Tu tập như vậy, tự tại vô cùng. Chúng Thánh hòa hợp (là) thắng nghĩa bình đẳng.

Thế nào là tâm pháp không có hình chất?

Các pháp nhóm, khởi, không hề trừ bỏ. Tướng nhân khổ thọ, cấu nhiễm là gốc. Điên đảo trói buộc ưu khổ không bờ. Hóa độ thuận hợp, tăng trưởng tạo nghiệp (lành). Dòng thác chướng nhiễm dấy khởi ra sao? (Như) ngọn lửa cháy rực sức mạnh khó ngăn. Chân thật vô biên, bình đẳng còn mãi. Trong lặng hiện bày, an định biến khắp. Cội rễ hý luận, thể hư (nhưng) báo thật. Tạo nghiệp tận cùng thế mạnh khó dứt. Si độn dấy tăng, gồm đủ sợ hãi. Điên đảo như vậy dấy khởi tận cùng. An tĩnh, yên định, điên đảo lắng sạch. Sĩ phu thêm tu, lực dụng rạng rỡ. Mọi điên đảo nhiễm, hạnh mật dứt trừ. Tự tánh thù thắng, tiến tu khắp cõi. Tự tánh điều phục, thượng diệu

phát sinh. Lực dụng thanh tịnh, phước báo viên mãn.

Thế nào là hướng đạt lìa ác tu thiện?

Hưng phát hăm hở (nhằm đạt) cứu cánh tận cùng. Các loại thắng hạnh (là) dốc tu bố thí. Cội rễ phát sinh thắng nghĩa tự tánh. Tu hạnh giáo hóa (làm) mẫu mực thế gian. Dứt hành lưu chuyển, tịch tĩnh hướng đạt. Giải thoát dứt buộc, không phải (là) hủy diệt.

Thế nào là dứt sạch hý luận, gốc trí tuệ thêm rõ? Chi phần hữu tình hợp nhất tạo được.

Thế nào là phân chia hình tướng của tâm khó đạt?

Bốn uẩn thuộc danh, danh (vốn) không sắc tướng. Hạnh nhẫn tận cùng, gốc là tĩnh trụ. Trong lặng thanh tịnh, tươi lành, chẳng bợn. Tự tánh thắng nghĩa nguồn ngọn (là) bất sinh. Hiện bày (từ) vô thỉ, lìa mọi trói buộc. Hình tướng chẳng sinh, lực dụng tùy thuận. Hành khổ não ấy, tấn tu dứt trừ. Xa lìa hủy hoại, nơi chốn tịch tĩnh. Hình tướng rực rỡ, biến khắp, viên mãn. Nhân khổ không còn, an tĩnh giữ vững. Lực dụng phát huy, hình tướng ít có. An tĩnh thù thắng (là) khắp cõi tĩnh lặng. Mừng vui, hứng khởi, ý hợp dốc tu. Vận dụng phát huy, tự tại thuận hợp.

Thế nào là gốc tĩnh dứt sạch mọi tướng sinh diệt?

Thế nào là dứt nhiễm cùng mê cả lý và sự?

Thắng nghĩa trí tuệ căn bản có khả năng dứt sạch mọi điên đảo tận cùng.

Thế nào là cõi tánh?

Năm uẩn sung mãn, thân tâm phong phú. Tươi lành trọn đủ, giáo hóa dốc sức. An tĩnh trong lặng tấn tu thuận hợp. Tịnh diệu khó lường, rõ nghĩa mười lực. Sắc tướng thanh tịnh trong lặng tươi lành. Thể sắc trong sáng, đằm thắm như ngọc. Phép tắc như vậy an lạc tột bậc. Đạt được hòa hợp, tịnh diệu tăng trưởng. Hành thí đầy đủ trong ngoài không bỏ. Điên đảo, ưu thọ thảy đều không bày. Tâm ấy (điên đảo) là gốc sinh ra hý luận. Như vậy tên gọi "hóa sinh" (là) không hợp. Trí tuệ thâm diệu chư Thiên ngưỡng mộ. Lành thay phước đức hiện hành tỏ rạng, là chốn mong đạt lực dụng tĩnh trụ. Tự tại gánh vác viên mãn tận cùng. Tri kiến như vậy, nhân tu thí đạt. Năm loại sung mãn (là) sắc, thanh, hương, vị… Đất, nước, lửa, gió (là) cảnh của xúc trần. Trói buộc lực nặng (là) tham ái, khó lìa. Không tạo nhân thí (là) chỗ buộc (của) ngã mạn. Thường dẫn chế ngự, thanh tịnh phát sinh. Như thế gọi là đạt được tịnh thí. Quả khổ đã dứt, thắng nghĩa đạt khắp. Tùy thuận đạt được cứu cánh Đại thừa. Cả việc mong đạt thọ mạng cùng tận. Thắng lợi thu được chính nhờ bố thí. Ngọn nguồn tịch tĩnh (là) dứt sạch

ngã mạn. Hóa độ hữu tình, rõ nghĩa thù thắng. Tịch tĩnh không (có) chốn (là) gốc mọi nghiệp dữ. Cõi thí tịnh diệu, chứng đắc Thánh quả. "Hại" trong tiểu tùy (phiền não) kết cùng ngã mạn. Trượng phu si độn, mạn nhiễm dấy tràn. Lực dụng tự tánh diệt sạch các mạn (ấy). Điên đảo bám rễ từ (gốc) tranh, phiền não. Tự tánh hữu tình, an tĩnh chế ngự. Bệnh nạn trói buộc hủy hoại sắc lực. Nhân thắng phát khởi, chế ngự, lìa bỏ (bệnh nạn). Tu hạnh tịch tĩnh là gốc (của) tĩnh trụ. Bố thí thanh tịnh, dứt bỏ tham si, là chốn vương giả Thánh trí ngự khắp. Sửa trị, giúp khắp, tai họa chẳng sinh. Sự thật thấu đạt, tà nịnh tự diệt. Thuận theo giáo lệnh chẳng phải quấy phá. Thánh lực điều phục (bao) sợ hãi (ở) thế gian. Lực dụng căn bản thù thắng hiện bày. Tu tập tăng thêm, giáo hóa muôn loài. Mong cầu xa lìa, dứt mọi sợ hãi.

Thế nào là căn bản hành giải gồm đủ?

Tự tín tăng trưởng, nghĩa lợi cùng đạt. Nhân thắng vận dụng, chân thật hiện rõ. Lực dụng tăng lên, gốc là Thập thiện. Thí ấy không mất, lành thay chỗ đạt! Bờ cõi đảm đang, muôn loài an tĩnh. Lực tự tại ấy kết cùng chấp ngã. Chúng sinh dốc chí tấn tu hạnh thí. Hý luận nhiễm ác hiện rõ, (phải nên) xa lìa. Lực dụng chế ngự, tu theo Thánh đạo. Nhân thắng trí tuệ tạo từ nhiều kiếp. Là chốn Bồ-tát cõi ấy tu khắp. (Từ) vô thỉ kiếp xa từng biết Phật pháp. Thọ dụng thắng nghĩa (là) vật dùng căn bản. "Sát trần" tự tánh, thức gốc thâu chứa. Tu học như vậy, thiện trụ hiện bày. Tu hạnh tịch tĩnh, hình bóng chuyển đổi. Lìa mọi chấp ngã, hý luận (có từ) vô thỉ. Hành hạnh bố thí, thanh tịnh thuận hợp. Ba nghiệp sám hối (đạt) thiện tịnh an tĩnh. An trụ tĩnh lặng, dứt pháp lưu chuyển. Tuệ thông đạt khắp dẫn dắt hữu tình. Điều phục tăng thêm, tịch tĩnh cùng tận. Nhân thiện phát sinh, lực dụng tỏ rạng. Xa lìa cội rễ điên đảo trói buộc. Cõi ý chân thật hành mười loại thiện. Tu hạnh tối thượng, nơi chốn thông tỏ. Giải thoát đúng nghĩa, gốc là thanh tịnh. Nhận ra phiền não, xưa nay (vốn) tịch tĩnh. Hữu tình hành theo mười thiện tịnh diệu. Mọi thứ che buộc (thảy đều) an tĩnh, trong lặng. Tâm của chư Thiên gốc vốn thanh tịnh. Sắc tướng tươi đẹp, đạo hạnh quyết tu. Chướng nghiệp dứt sạch, hành giải tăng lên. Thế gian an lạc, cõi tánh không mất. Hình tướng, nơi chốn điều phục là gốc. Lực dụng chân thật, dứt nhân điên đảo. Chỉ dạy Thập thiện (là) thanh tịnh thù thắng. Hình tướng tự tại, phước đức vô tận. Hữu tình thêm tu, ý đạt trí tuệ. Nhân thắng tịnh diệu, điều phục nghĩa lợi. Đệ lục ý thức trong lặng hơn hết. Tự tánh chân thật, các loại mạn dứt. Tiến tu như vậy đức hạnh là chính. Không nhiễm bạo lực, dứt mọi phiền não. Tiến theo đường trước phước nghiệp an tĩnh. Gốc mọi giáo hóa (là) dứt niệm phiền não. Trong lành, thanh tịnh, phiền não chẳng

sinh. Thực hiện thấu đạt nghĩa lợi hữu tình. Tạo nhân điên đảo, nhiễm ác trói buộc. Xa lìa bụi bặm, thanh tịnh chỉ dạy. Ý thiện chân thật hiện hành chẳng mất. Tu tập an tĩnh, ngu muội thông tỏ. Ngôn ngữ, giáo hành khế hợp chẳng hoại. Căn bản thiệt tướng (là) thanh tịnh yên lành. Thắng nghĩa chân lý (là) mong đạt trong lặng.

Thế nào là thực hiện giáo hóa thiện diệu?

Thuận theo thanh tịnh, tu hạnh tối thượng. Điều phục nghĩa lợi, vô ngã tận cùng. Vương giả phép tắc nghiêm túc hiện bày. Chấp ngã rộng lớn vô cùng như vậy. Trí tuệ không đạt vốn do phiền não. Xuôi thuận (thì) tham sinh, nghịch ý (thì) sân dấy. Hai mươi sáu hoặc là nhân (của) chấp ngã. Dứt trừ gốc rễ, cành ngọn mất theo, là chốn giả khởi lợi thắng nghĩa. Vật dụng cõi bờ đây đó an tĩnh. Mười loại nẻo nghiệp buộc che chẳng có. Hoạn nạn thấu rõ, lầm lạc dứt hết. Hình tướng trời ấy tịch tĩnh kiến điên đảo. Hành, giải tùy thuận, an tĩnh hiện bày. Tri kiến căn bản rõ mọi trói buộc. Mẫu mực viên mãn thuận hòa như thế. Điên đảo phát khởi, điều phục dứt bỏ. Thấu đạt các pháp thắng nghĩa là vậy. Hành, giải đầy đủ, bình đẳng phát sinh. Lực dụng sinh khởi đạt được "vô úy". Tịnh diệu ung dung, thể hiện như thế. Danh (là) gốc bốn uẩn, chỗ nương của sắc. Thành tâm sám hối (đạt) thanh tịnh viên mãn. Ba thừa hóa độ, cùng đến bờ giác. Tội sám trọn đủ, tĩnh trụ tu trì. Cõi trời an lạc, thanh tịnh ắt đạt. Hướng cầu thuận hợp thanh tịnh chân thật.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ HAI MƯƠI CHÍN.

Nhân thí viên mãn, báo dứt đói khát. Hình tướng tươi đẹp, tự tánh tăng lên. Đó là tùy thuận thấu đạt các hạnh Bồ-tát. Năng lực hợp phần. Dưỡng nuôi hình tướng (là) căn bản phước đức. Tạo nghiệp tận cùng. Thảy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng. Tiến lui thích ứng, chân thật khéo bày. Không ngoài lợi ích, ba thiện căn bản. Chỗ dựa hơn hẳn. Nhân thắng bố thí, thân tướng trang nghiêm. Cõi ý hòa hợp thật sự như vậy. Hành, giải sâu xa, tịnh diệu khế hợp. Nương tựa thân tướng uy nghiêm trùm khắp. Nơi chốn tịnh diệu tươi đẹp đều thua. Bốn uẩn sung mãn, sắc tướng trong sáng. Bình đẳng vô úy tiến thoái thông tỏ. Uẩn hợp nhân thắng, thức gốc tự chứng. Sắc tướng, thân thể thảy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng, gánh vác tận cùng, là chốn tâm tịnh bố thí làm gốc. Bậc Đại Bồ-tát yêu thích nơi ấy. Lực dụng thông tỏ, thấu đạt thanh tướng. Tâm tịnh thật ấy năng dứt tham dục. Thắng hạnh thanh tịnh, thắng lực tấn tu. Nơi chốn không đổi,

chuyển biến vô ngại.

Thế nào là thiền định tịch tĩnh điều phục?

Diệu dụng Phật đạo bao la như thế. Tịch tĩnh tăng lên, thông tỏ mọi lẽ. Viên mãn tận cùng, lìa xa phiền não. Chúng sinh cùng tận không ngoài sáu đường. Trí tuệ thành tựu nhờ vào tịch mặc. Nhân thiện chuyển biến hiện bày như thế. Lìa mọi dứt nhiễm, giải thoát hòa hợp.

Thế nào là thanh tướng thấu đạt nghĩa lợi?

Thánh lực vô lượng, trí tuệ suy cầu. Ma-ha Tát-đỏa là đại hữu tình. Hành, giải bình đẳng, thương dẫn hóa độ. Dứt trừ nhiễm độn, hòa hợp tịch tĩnh. Chỉ dạy chân thật, si mau diệt sạch. Chế ngự độc khổ, thắng nghĩa thuận hợp. Thanh tướng thiện diệu phát sinh thương xót. Cõi ý lắng dục, (là) bậc đại hữu tình. Phát nguyện gánh vác tận cùng tất cả. Ngọn nguồn thâm diệu, nhân thắng chẳng mất. Cội rễ hữu tình ngu si điên đảo. Làng xóm, nơi chốn cõi xa khó tới. Bảy chúng hữu tình cần cậy Thập thiện. Sinh sôi hủy diệt rõ nghĩa muôn loài. Hành thí thấu đạt viên mãn cùng tận. Gánh vác đầy đủ rõ nghĩa rộng lớn. Điều phục hữu tình, nghĩa lợi thù thắng. Thực hiện tốt đẹp, bụi bặm không nhiễm. Lực dụng nhân thắng vô ngại như (hư) không. Nhân hành xưa nay thanh tịnh, giải thoát. Phạm hạnh trùm khắp, đói khổ dứt trừ. Nhận thức, chế ngự tinh nghiêm, thiết thực. Hành, giải đủ lực, tịnh thí mong đạt. Cõi ý chân thật, chứa nhóm thuận hợp. Tạo nhân rộng khắp, thấu đạt viên mãn. Giáo hóa chúng sinh lìa bỏ chướng nhiễm, độc hại xua sạch, thắng nghĩa viên mãn. Thấu đạt tịch tĩnh, lìa bỏ nhân buộc. Giáo hóa thanh tịnh, thâm diệu hợp nhất. Là chốn Bồ-tát hiện rõ, các chúng thanh tịnh hướng đạt. Hành, giải đầy đủ, tự tại dứt mạn. Như vậy là dứt (mọi) trói buộc biến khắp. Thù thắng tăng thêm, căn bản hướng đạt. Chỉ dạy thanh tịnh, dứt trừ hý luận. Tu tập thương dẫn, thắng nghĩa vận dụng.

Thế nào là đạt được? Thế nào là hướng cầu?

Bố thí tùy thuận, thanh tịnh hiện bày. Tịch tĩnh viên mãn, ngã pháp đều dứt. Ưu khổ phiền não thiện tịnh đều lìa.

Thế nào là pháp tịnh tổn giảm không nhân?

Là chốn trượng phu, hướng đến chân thật. Thuận theo danh tướng chế ngự hý luận. Bố thí hành khắp, dứt nhân tham dục.

Thế nào là hóa sinh biến chuyển hơn hết?

Tươi đẹp, tịnh diệu, nhân của thí giới. Đạt được, tăng lên, tự tin vô cùng. Thắng nghĩa tịch tĩnh (là) an tĩnh hiện bày. Dứt tất cả mọi nghiệp dữ, độc hại. Tự tánh bản lai thanh tịnh, thâm diệu. Cõi học tận cùng (là) tịch

tĩnh, chế ngự. Căn bản tự tánh (là) nhân thiện hiện rõ. Lực dụng chân lý (là) phát huy tri kiến. Hý luận, ngã buộc, (là) hình tướng phàm phu. Điên đảo mong cầu bản lai tự tánh. Trói buộc, chấp ngã (là) nhân của phiền não, là chốn ngôn ngữ hữu tình phát khởi. Là xứ vì sao muôn loài lìa bỏ? Số ấy đến ngàn, sợ hãi không dứt. Trí tuệ chỉ rõ, thanh tịnh phát sinh. Nhân của trói buộc, khổ não, không mất. Bố thí khắp chốn bình đẳng như (hư) không. Tấn tu như vậy đạt được thù thắng. Chế ngự không ngừng phiền não, hý luận. Theo trí căn bản phát khởi vô biên. Muôn loài mến mộ, nương cậy như thế. Hình bóng trùm khắp là (bậc) đại hữu tình. Thương mến muôn loài sầu khổ không dứt. Bình đẳng thuận theo, điều phục chúng sinh. Loạn động không dấy, dạy bảo như vậy. Ngôn ngữ tịch tĩnh lìa bỏ si, mạn. Phép tắc bày rõ, vật dụng đáng quý. Lành thay, vô úy! Chẳng bỏ chúng sinh. Thù thắng điều phục, giáo hóa khế hợp. Dòng thác pháp nhiễm nung đốt tận cùng. Nhân nhiễm hủy hoại lực dụng an tĩnh. Ngã mạn dấy tăng, thắng nghĩa dừng dứt. Tu hạnh hòa hợp, an trụ, vô ngại. Tu tập hướng đạt nhân thắng tự tại. Nơi chốn thiện diệu không nên lìa bỏ. Bố thí tận cùng dứt chốn hý luận, là nơi chân thật dốc tu thuận hợp. Tướng Đại trượng phu thương dẫn muôn loài. Sáng tỏ, an trụ, suy nghĩ, dẫn dắt, cực nạn cứu giúp. Xứ sở như vậy tai nạn tăng thêm. Tăng trưởng viên mãn, lực dụng vô ngại. Ái lạc đổi dời không mong an trụ. Không tu tịnh hạnh, cấu nhiễm chiếm chỗ.

Thế nào là bệnh hoạn, nghiệp dữ đích thực?

Lực dụng tịch tĩnh, thâm diệu dứt trừ.

Thế nào là điên đảo, si độn nhân dày?

Trói buộc thêm vòng, ngăn che nào giảm. Gốc của phiền não không do nghiêng ngửa. Các mạn, si mê dấy tăng khó diệt. Trói buộc khó dứt, phải dựa Thánh lực. Hình tướng nhiễm buộc che lấp không dừng. Tĩnh trụ nên gắng, dẫn dạy, dốc tu. Hành động xấu ác, lực dụng khó chuyển. Chướng nặng, việc sâu thật khó sám hối. Khổ sở như vậy, nghiệp xấu trọn nên. Tĩnh lặng thuận hợp, an trụ tu trì. Trừ diệt đói khổ thắng nghĩa viên mãn. Dẫn dắt, gánh vác muôn loài nhiều kiếp. Diệu dụng Phật đạo vô biên như vậy. Chủng tử, hiện hành pháp sinh đúng nơi. Giáo pháp thanh tịnh hướng cầu ắt đạt. Thắng nghĩa viên mãn, tĩnh trụ ung dung. Lực dụng tịch tĩnh (là) căn bản điều phục. Cuốn theo dòng thác thực sự (là) luân lưu. Chi phần bệnh nạn nhận rõ (là) không thật. Bố thí chúng sinh đạt được an tĩnh. Ý định thông tỏ chi phần hình thể. Chốn dứt điên đảo, nghĩa lợi đáng quý. An trụ pháp thiện. Tự tại hòa hợp. Chấp ngã thêm sâu, khổ não chồng chất. Tạo nghiệp thanh tịnh năng diệt tham dục. Thấu đạt đúng phần, chân lý xuất

hiện. Dứt nhân sợ hãi, nhớ nghĩ nên gắng. Đủ sức gánh vác (đạt) thanh tịnh căn bản. Phiền não chúng sinh tu pháp nào lìa? Tự tánh tu tập phước đức rất lớn. Tận cùng như vậy gốc ở thắng nghĩa. Thương yêu chúng sinh lấy đó làm mẫu. Thắng nghĩa không mất, chỗ nương (của) chúng sinh. Cõi ý chân thật (là) gốc mọi hình tướng. Bình đẳng điều phục khắp mọi nơi chốn. Xứ sở (đang bị) tàn phá (bình đẳng) không thể hiện bày. Nơi ở chẳng an, tâm bị vướng mắc. Định tuệ phát sinh, chỗ nương (của) tự tại. Hình bóng biến chuyển, pháp tánh thường trụ. Phàm Thánh bình đẳng, thế gian nương đấy. Dốc tu tận cùng đạt được "vô pháp". Công đức vô biên hằng hà sa số. Buông theo ái dục không đạt nẻo thiện. Lành thay, nơi chốn, hình tướng nhiều loại. Tu tập thiện diệu, vô niệm (là) ở đấy. Gánh vác luôn nhớ, cứu khổ không dừng. Linh động, thích ứng, mong đạt điều ấy, là chốn thương dẫn phát khởi rộng khắp. Tâm hứng chân thật, tự tại, tịch tĩnh. Phạm hạnh phát huy, năng dứt phiền não. Tạo nghiệp tận cùng, gốc Sát-đế-lợi. Dốc tu như vậy, lực dụng bất thoái. Công năng Thập thiện muôn loài quý trọng. Bày biện, cấp đủ, vi diệu khó đạt. Dứt mọi trói buộc cấu nhiễm hý luận. Gốc là pháp tánh chân thật đáng quý. Như sen (mọc) từ bùn, (hoa) tươi thơm vi diệu. Trong lành tĩnh lặng chút bụi không vướng. Bố thí mong đạt tươi đẹp như thế. Dứt hết (các) pháp buộc điên đảo, nghiệp dữ. Chướng nhiễm, chấp ngã, tác dụng (của chúng) khó ngăn. Nhân thắng thiện tịnh (là) diệu dụng chân thật. Thân tâm tĩnh lặng, phiền não liền dứt. Vọng nhiễm, ngã mạn, (chỉ làm) mê muội sâu dày. Tuệ nhiễm biến khắp trói buộc chân thật. Nhân nhiễm không dứt, hình tướng điên đảo. Hý luận dấy tràn trói buộc tự tại. Chỉ dạy tận cùng (là) dứt bỏ tạo nghiệp. Nghiệp tạo xa gần, quả báo tuần tự. Phật đạo hưng lên, nghiệp ác đều dứt. Hành, giải đủ đầy, chúng sinh bình đẳng. Thanh tịnh thù thắng khắp mọi nơi chốn.

Căn bản Phật đạo (là) diệt trừ chướng nhiễm (cùng) phát khởi nhân tịnh, thông tỏ chân thật. Tấn tu diệt mọi phiền não, hý luận. Giải thoát chướng nhiễm tự tín tăng thêm. Điên đảo tăng dấy, hý luận sinh theo. Thắng nghĩa chân lý phát sinh, truyền dạy.

Thế nào là tịnh thí vật dụng sung mãn?

Căn bản thắng nghĩa (là) hoan lạc, tự tại. Phạm hạnh thanh tịnh, ngã mạn chẳng sinh. Năng lìa chướng nhiễm tu đạt giải thoát. Phước báo chúng sinh. Gốc là tịnh thí. Nhân thắng chư Thiên thông tỏ tịnh diệu. Chân thật, thâm diệu, thường tịnh tận cùng. Các pháp thế gian thảy đều sinh diệt. Tự tánh thanh tịnh trong tĩnh như vậy. Chấp ngã sâu dày, sở chấp vô biên. Lửa phiền, hý luận, chướng nhiễm khó trị. Thân thể chịu khổ, toan tính không

dừng. Giữ chặt tạp nhiễm, chẳng biết ân thầy. Thù thắng sinh khởi, thuận hợp đích thực. Như mây phủ khắp nhiệt não chẳng sinh. Chế ngự lìa bỏ, tấn tu như vậy. Thắng thừa chân thật, vứt bỏ nhiễm vọng. Lực dụng thù thắng (là) chi phần nghĩa lợi. Dứt trừ cấu nhiễm, thắng hạnh tấn tu. Thiện diệu không dục, thanh tịnh hiện bày. Cõi ý chế ngự, phát sinh bố thí. Điên đảo diệt hết, hòa hợp hiện bày. Tự tánh khế hợp thông tỏ thắng nghĩa. Cõi trời tạm dứt mọi cấu nhiễm buộc che. Tự tánh "vô úy", tịch tĩnh tận cùng. Lìa xa phiền não, thấu đạt đúng thực. Lực dụng tăng trưởng, giáo hóa đúng phần. Bố thí bao đời lớp lớp nhiễm, tịnh. Tu hạnh không tinh, quả thọ lẫn lộn. Tu trì tịch tĩnh, quả báo cõi thiện. Lực dụng tự tại chân thật viên mãn. Tu thiện thuận hợp, ích lợi thích ứng. Vô tư tĩnh lặng Như như, chẳng hoại. Mong cầu điên đảo, gốc của nghiệp dữ. Buộc che đáng sợ, chìm đắm khó rời. Xan tham dấy dữ, thân oán không ngừng. Hình tướng giải thoát như sen rã cánh... Lực dụng tăng trưởng (đạt) thanh tịnh thù thắng. Hành uẩn phát triển, rõ nghĩa chuyển biến. Hương giới thiện diệu thơm lừng đáng mến. Nơi chốn tu sùng nghiêm đẹp thêm mãi. Chỉ dạy tu tập, mong đạt thanh tịnh. Tu hạnh bỉ ngã, điên đảo trói buộc, (và) hòa hợp, tự tại, tịch tĩnh đều mất. Tâm tịnh vững tu, cơm áo sung mãn. Lực dụng chế ngự, nhân thiện hiện bày. Pháp thiện thanh tịnh (là) cội rễ tự tánh. Nuôi dưỡng đúng phần, phước báo thù thắng. Hành, giải gồm đủ (đạt) thắng nghĩa "vô úy". Cõi nước tịch tĩnh, khắp nơi lặng dừng. Tự tánh bố thí, xan tham đều lìa. Tự tín tịnh diệu đạt được như vậy. Trong mười hành thiện, bố thí là gốc. Thứ lớp phát sinh cùng đến bờ giác, là cõi trượng phu mong dứt hý luận... Sợ hãi hạnh ác, chân thật phát khởi. Ý nghĩa đúng phần hợp nhất một mối. Hành động như vậy (đạt) hình tướng tịch tĩnh. Chấp ngã rộng khắp gốc là phiền não. Thân thể chẳng bền, tự tánh (mới là) cứu cánh. Đạt được quả giác tận cùng, vô thượng. Pháp tánh tĩnh lặng, vượt mọi tìm cầu. Dẫn dắt gánh vác thích hợp muôn loài. Chỉ dạy thượng diệu, chân thật, thù thắng. Cõi ấy tận cùng, thanh tịnh tự tại. Sắc tướng tươi lành, "vô úy" viên mãn. An lành thượng diệu, xa lìa tạo nghiệp. Lực dụng hướng đạt pháp tánh (như) hư không. Lìa mọi sợ hãi, theo mười nẻo nghiệp (thiện).

Thế nào là xứ tự tại tự tín?

Cội rễ phước nghiệp. Chân thật thuận hợp. Lời Phật rộng dạy. Như pháp tĩnh trụ. Dứt bỏ phiền tạp. Hý luận cấu nhiễm dựa sắc làm gốc. Các pháp tịch tĩnh, nghĩa (là) dứt phiền não. Dạy dỗ thuận hợp, thiện tịnh là nhân. Không hành xấu ác, diệt nhiễm, điên đảo. Thanh tịnh bố thí, cứu giúp như vậy. Giáo hóa bình đẳng, hợp nhất, lìa tướng. Tạo tác mong đạt chân thật hiện rõ. Phép tắc điều phục, lực dụng tự tại. Cõi trời cao xa hợp phần

như thế. Hình tướng thanh tịnh, trong sáng như trăng. Dứt bỏ điên đảo, trọn nên thắng nghĩa. Hiện bày, biến chuyển như (hư) không chẳng hoại. Điều phục tuệ nhiễm tận cùng như vậy. Gốc cõi trời ấy tịnh diệu biến khắp. Thiện tịnh thâm diệu, dứt các tướng mạn. Chân thật không mất, thấu đạt tăng thêm. Thường hành hạnh thí, thuận hợp tận cùng. (Ví như) độc được, tranh tạp (cũng) trở thành thanh tịnh. Vọng nhiễm tận cùng (là) nơi chốn sợ hãi. Như liếm mật (ở) đao. Hý luận dấy tăng, cội rễ chuyển biến. Diệu thiện trừ diệt, cõi nước an trụ. Hành, giải gồm đủ, hình tướng hợp nhất. Sắc tướng tĩnh lặng, thanh tịnh tăng lên. Thắng nghĩa thuận hợp lìa bỏ đúng phần. Thông tỏ hình tướng nghiệp dữ nhiều đời. Đói kém bức bách, cơm áo thiếu hụt. Nhân thiện tịnh diệu (của) hữu tình tăng thêm. Tịch tĩnh hiện bày, thi hành yên lặng. Lực dụng thiện diệu thù thắng biến khắp. Bệnh hoạn hiện rõ, dứt rồi lại thêm. Điên đảo sợ hãi, ưu khổ chồng chất. Hoạn nạn bất kỳ, khởi dứt liên tục. Dòng thác phiền não dấy, diệt, lại sinh. Lực dụng bố thí dốc lòng không tiếc.

Thế nào là răn dạy bó buộc tu học?

Lực dụng gánh vác dứt trừ sợ hãi. Cội rễ vọng nhiễm phiền não lại tăng. Ham đắm sắc tướng, tham lam không dứt. Đức hạnh dốc tu, nhân thắng đáng quý. Tự tánh chẳng mất, lìa bỏ ba độc. Phát sinh bố thí, đến trọn bờ giác. Dạy dỗ thanh tịnh, lành thay nghĩa lợi. Buộc che (như) dòng nước, hình tướng thảy không. Chấp ngã dấy lên làm gốc phiền não. Tu thí thiện diệu, dứt tạo nghiệp ấy. Tạo nhân thanh tịnh, lực dụng sung mãn. Thắng nghĩa căn bản phát sinh tịch tĩnh. Đói khổ thực sự (do) không tu hạnh thí. Giữ giới thêm vững, tôn quý bội phần. Hành từ tạo được phước báo thù thắng. Chúng sinh dốc tu, cúng dường đúng phần. Hạnh mật tiến tu, tạo tác chân thật. Là cõi lực dụng tịnh diệu tận cùng. Dòng thác như vậy (là) dứt trừ thuận nẻo. Thấu đạt diệt sạch hý luận trói buộc. Ngã mạn, khinh khi, ngạo, buông dật dấy khắp. Hý luận, nghiệp dữ, điều phục, dứt bỏ. Tịch tĩnh phát sinh, cõi ý sung mãn. Sửa trị, thực hành các tướng đều mất. Lực dụng chân thật diệt trừ phiền não. Thân tâm chúng sinh phước đức riêng báo. Tĩnh lặng lìa xa ngã pháp vọng nhiễm. Diệt dứt tham dục, nhiễm vọng cùng tiêu. Thân tâm thanh tịnh, lực dụng cùng tận. Chấp ngã, si mạn nhờ đấy dứt trừ. Tùy thuận ái lạc, cứu cánh bình đẳng. Xóm làng sung túc, thanh tịnh thù thắng. Tự tánh tăng lên, hóa độ khắp chốn. Nhân tịch tĩnh bày, dứt tướng lưu chuyển. Nghĩa lợi không vướng (là) nơi sinh thù thắng. Thân tướng tham dục, phải nên sửa bỏ. Dòng thác dấy tràn, sức cuốn trùm khắp. Dẫn dắt, giáo hóa sám hối tội cũ. Dạy bảo như vậy, hóa độ dễ đạt. Tu hạnh bố thí nên dốc cúng dường. Hành, giải gồm đủ (về lẽ) thâm diệu chân thật.

Dòng thác biến động đáng sợ như thế, là chốn chúng sinh mong đạt cùng tận. Cấu nhiễm, chân thật, hý luận khắp chốn. Gấp tu hạnh thí xua trừ kinh sợ. Tu tập chân thật, ái lạc thuận theo. Điên đảo, cấu nhiễm, sợ hãi thảy dứt. Chúng sinh dời chuyển không ngoài sáu nẻo. Trói buộc, trôi nổi, hình tướng hiện rõ. Tu nhân Thập thiện, thọ báo trời, người. Cõi ấy đúng phần, hiện bày hóa độ. Nhân tướng (ở cõi) trời ấy, thắng nghĩa không mất. Tự tánh phiền não, ưu khổ phát sinh. Gốc buộc chấp ngã, trói che chồng chất. Thông tỏ như vậy, thanh tịnh điều phục. Lực dụng Như Lai viên mãn tột bậc. Tu tập hiền thiện, thấu đạt công đức. Bố thí tận cùng thắng nghĩa viên mãn. Tự tánh thông tỏ, hiền thiện như vậy. Phép tắc hướng đạt thù thắng vô cùng. Thiện tịnh chế ngự điên đảo, kinh sợ. Tu thí hưng phát, tịch tĩnh, sung túc. Như Lai là nghĩa thâm diệu tối thượng. Thuận hợp viên mãn, lìa mọi hình bóng. Dòng thác chuyển biến, đúng lời Phật dạy. Phân biệt, nhận rõ, hóa độ bình đẳng. Tấn tu tăng thêm, tạo nghiệp "vô úy". Si độn, điên đảo, dốc tu trừ sạch. Xứ thanh tịnh ấy tu hạnh chân thật. Tấn tu Thập thiện, nghĩa lợi tự tại. Thần túc tịnh diệu dồi dào như thế. Hương tuệ thanh tịnh đạt được thường hữu.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 15

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ BA MƯƠI.

Nhân thắng Bồ-đề, nghĩa thí phát sinh. Tuệ giác thanh tịnh, tịch mặc gắn bó. Gốc tu thanh tịnh, hạnh nhẫn (là) mẫu mực. Phạm hạnh chế ngự. Hóa độ tam tai. Gắn với Thập thiện. Thắng định hướng đạt, an lành phát sinh. Xóm làng đúng phần, thông tỏ bình đẳng. Nơi chốn thù thắng thông suốt, thấu đạt. Đó là thấu đạt chân thật lời dạy của Bồ-tát.

Cội nguồn phước đức (là) hình tướng tận cùng. Lực dụng thắng nghĩa từ gốc "vô sinh". Chỉ dạy đạo đức thanh tịnh viên mãn. Chấp ngã tạo nghiệp, tham ái sinh theo. Trí tuệ bình đẳng an lành độ khắp. Xấu ác chẳng sinh, thanh tịnh giải thoát. Hành đạo chân thật, dứt hết lo sợ. Cội rễ nhiễm, tranh, tham ái khó bỏ. Thân, ngữ, ý sinh theo mười nẻo nghiệp. Tịch tĩnh phát huy, trừ sạch nhiễm, vọng. Trăng tròn trong lành chiếu sáng như vậy. Ngã mạn bất kỳ, tác dụng tận cùng. Hành, giải gồm đủ, thiện tĩnh hiện bày. Thắng nghĩa nhãn căn phát sinh "kiến dụng". Hình tướng thế gian thể tánh không bền. Nhân gốc của mạn thảy đều không thật. Thắng nghĩa phát sinh diệt hết đói khổ. Bệnh, não, duyên (với) nhân hình tướng kinh sợ. Biến động kỳ lạ cũng đều giả hợp. Giới luật thanh tịnh, thấu đạt chân thật. Các mạn duyên nhau thuận theo sinh dấy. Tai nạn phát sinh nhân nhiễm lưu truyền. (Là) cội rễ (mọi) tạo tác, (chỉ) thắng thừa mới dứt. Bố thí tăng lên, hành giải dốc đạt. Trói buộc điên đảo (từ) sức quấy (của) cấu nhiễm. Thanh tịnh, an tĩnh khắp chốn khó đạt. Trăng tròn trên không, tối tăm chiếu khắp. Xa lìa bụi cáu, tự tại hiện bày. Cứu cánh thế gian, hư ảo chẳng bền. Pháp (của) bậc Hiền thánh dẫn dắt chúng sinh. Nơi chốn sinh khởi an tĩnh thật sự. Dốc của trói buộc, chuyển biến đổi dời. Tự tánh dứt tranh (là) ái lạc bậc nhất. Sùng kính, ngưỡng mộ chẳng nhiễm hại tánh. Thù thắng tăng trưởng, phát sinh dẫn dắt.

Thế nào là xứ ngã, ngã tiếp nối?

Tự tánh hòa hợp, tâm pháp buộc che. Hình tướng chân thật, lực dụng

đều dứt. Cõi ý không trí, nhân thắng chẳng sinh. vọng tưởng cấu nhiễm, lửa dữ bừng dậy. Tự tánh nhiễm tạp, gốc do hý luận. Tham dục trọn nên (là) hình tướng hoạn nạn. Đổi dời, lấy bỏ chủng tánh chẳng định. Theo mồi giữ pháp, được vật mạng tiêu. Kinh sợ buộc nhân, dẫn tới điên đảo. An lạc hiện bày, thù thắng sung mãn. Cõi ý thanh tịnh, vọng nhiễm chẳng sinh. Phiền não trói buộc, khéo tu điều phục. Năng lực giáo hóa, tăng thêm khắp nẻo. Nhân duyên chấp ngã, Phật đạo năng trừ. Dốc tu dứt nhiễm, nghĩa lợi tịnh diệu. Bố thí tận cùng, dốc tu chân thật. Ý phát nhân thắng, gốc mọi gánh vác... Điều phục khắp chốn, hành giải thuận hợp. Tâm pháp thù thắng, tham ái không hiện. Tạo tác nghiệp dữ, chướng nạn chất chồng, chướng nhiễm trần sa, vi tế khó đoạn. Cõi Phi tưởng thứ chín, cùng gần với Thánh. Nơi chốn cứu cánh, nhân Thánh mới dứt. Hình tướng chuyển đổi, sức lực đều mất. Tướng danh sắc ấy, vật dụng gắng tu. Nơi chốn (đầy) sợ hãi, tự tại không thể (có). Náo tĩnh khắp cõi, phạm hạnh dứt trừ. Phiền não chuyển biến dẫn tới tạo nghiệp. Dòng thác nhiễm ác, điên đảo cùng sinh. Trói buộc thật sự, mong được dứt trừ. Bậc đại hữu tình, tùy thuận tấn tu. Phước đức thắng nghĩa phát sinh, khế hợp. Tạo tác nghiệp dữ, chấp ngã làm nhân. Cõi ý tăng trưởng, mạn dấy nhiều loại. Đúng phần như vậy, phạm hạnh dứt trừ. Thực hiện thấu đạt, quả lợi thanh tịnh. Nhân thắng chân thật, tự tại phát sinh. Phiền não che lấp thắng nghĩa tự tánh. Thông tỏ đúng thực xứ nhân thắng nghĩa. Nhận rõ tận cùng phóng dật buông thả. Thông tỏ độc hại hủy hoại hình tướng. Tịch tĩnh tận cùng, trí tuệ phát sinh. Xa lìa nhiễm tạp, bố thí thanh tịnh. Làng xóm nơi chốn biến chuyển bao đời, là chốn lìa bỏ hết mọi khổ độc. Bốn uẩn (thuộc) danh, danh gồm thu (cả) nhiễm tịnh. Lực dụng tăng lên, phát huy, mong đạt. Cõi trời, chúng sinh, tu thí tịnh diệu. Xa lìa chướng nhiễm, cứu cánh chân thật. Tạo tác xấu ác, hý luận dấy thêm. Hành thí thanh tịnh, tấn tu viên mãn. Tuệ giải tăng thêm, lực dụng thuận theo. Tinh tấn bố thí (tạo) năng lực gánh vác. (Xem) công đức (là) cứu cánh, giáo hóa giảm bớt (ý nghĩa). Tận cùng như thế dừng ở nơi ấy. Tấn tu điều phục trói buộc, sợ hãi. Thâm diệu khế hợp, dấu ấn trọn đủ. Xứ sở chẳng mất, phát huy vô biên. Xa lìa sợ hãi (tăng) năng lực tướng thiện. Đúng phần dài lâu, đạt phước báo (cõi) trời. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng cùng tận. Là xứ dòng thác, dấy tăng hủy diệt. Tùy thuận chế ngự, thực hiện cứu cánh.

Thế nào là mong đạt tịnh diệu cõi trời?

Nơi chốn bố thí tăng thêm trói buộc. Giáo hóa chân thật, cấu nhiễm không thể (dấy). Tự tánh thuận hợp hành giải phong phú. Xứ sở thanh tịnh, an ổn, tịch tĩnh. Lực dụng chúng sinh thực hành thuận hợp. Ngọn nguồn

hợp nhất, lành thay Bồ-tát. Gồm đủ tịnh diệu, bình đẳng chẳng đổi. Tịnh thí thuận hợp, Bồ-tát nhân dày. Tự tánh chúng sinh tăng thêm tu thí. Tánh như chế ngự điên đảo, sợ hãi. Tu tập thắng nghĩa, tịch tĩnh sung mãn. Nhiễm ác, khổ độc, si độn dứt trừ. Bố thí cứu giúp bình đẳng như vậy. Chúng sinh cõi người, tự tánh chuyển biến. Hữu tình đông đảo, gánh vác không ngớt. Là cõi cứu cánh tịch tĩnh an định. Kẻ dữ dốc tu thắng thừa là chính. Thực hiện tự tại, bốn uẩn khó lường. Thanh tịnh phát sinh, lực dụng tăng trưởng. Dốc tu đúng phần, quả lợi không mất. Quốc vương tối thắng tịch tĩnh chân thật. Trí tuệ phát sinh hành giải hóa độ. Tạo nhân khế hợp, chế ngự mong đạt. Vương giả thượng diệu phước đức thù thắng. Phiền não tận cùng, người, trời cùng bỏ. Hữu tình, cõi trời thấu đạt như vậy. Tự tánh thanh tịnh, Bồ-tát vỗ về. Giới luật thanh tịnh nhiều đời như thế. Nơi chốn phiền não phát khởi từ bi. Chế ngự tăng thêm, nhân buộc nghiêng đổ. Dứt trừ các mạn, tuệ giải thanh tịnh. Hình bóng biến đổi, tưởng tượng thêm sợ. Tịnh thí tăng thêm ái lạc như vậy. Chân lý tĩnh lặng dứt hành điên đảo. Ngôn ngữ phát sinh, giáo hóa muôn loài. Trói buộc cấu nhiễm, giáo hóa chuyển đổi. Không tu hạnh thí, tạo nhân ngã mạn. Hình tướng tự tánh, kinh sợ nhân pháp.

Thế nào là chướng nhiễm dứt hành tịch tĩnh?

Lực dụng hý luận tạo tác chấp ngã. Như vậy tịch tĩnh thâm diệu chẳng còn. Là chốn hữu tình tu hạnh thanh tịnh. Nghiệp nhân thù thắng, cung kính thuận hợp. Hữu tình thuận theo thanh tịnh tận cùng. Tự tại thuận hợp phát sinh tu tập. Ngôn ngữ kiêu dật tăng hạnh dối trá. Tự tánh hướng đạt lìa dòng lưu chuyển. Đó là tạo tác nhân hành thanh tịnh. Tự tánh sợ sệt nhiễm buộc như vậy. Lìa bỏ ngôn ngữ (kiêu dật) chân thật tăng thêm. Khổ độc, si độn, điên đảo dứt hết. Lìa bỏ ngã nhiễm, hình tướng phong phú. Nuôi dưỡng Phật đạo, dứt trừ chướng nhiễm. Tịnh diệu chân thật nhiều kiếp tạo thành. Hý luận dấy lên, phát sinh khắp chốn. Hành, giải gồm đủ, hữu tình tự tại. Phép tắc chế ngự, năng dứt che buộc. Thuận hợp rộng khắp viên mãn tận cùng. Xứ ấy mong đạt thắng nghĩa phát sinh. Giữ gìn tịch tĩnh, hình tướng hiện bày. Tạo nghiệp hủy hoại, lực dụng chẳng sinh. Cõi si độn nhiễm luôn buộc chặt thể. Chân lý phát sinh là nghĩa giải thoát. Cội rễ thù thắng (là) tĩnh trụ tận cùng. Lực dụng tự tánh (là) ngọn nguồn thâm diệu. Là chốn mong đạt dứt nhân chấp ngã. Trói buộc tận cùng, bỉ thử là gốc.

Thế nào là điên đảo hý luận sinh khởi? Thế nào là chi phần bình đẳng, tịch tĩnh?

Thanh tướng không mất (là) công cụ giải bày. Đó chính là gốc nhân

tướng tịch tĩnh. Cội rễ nhiễm chướng, trí khởi liền diệt. Ngọn nguồn tạo nghiệp (là) mười loại hạnh ác. Bồ-tát chế ngự khắp mọi điên đảo. Nghiệp dữ chúng sinh phát khởi như thế. Nhân thắng đúng phần, tạo tác cùng tận. Thanh tịnh Như như, không (phải) là tích nhóm. Dòng thác dấy tăng trói buộc sắc tướng. Chúng sinh tham dật (chỉ) buông thả tánh tình. Hình tướng chẳng hoại, chân thật tăng thêm. Uy lực quốc vương (khiến) hý luận không (tái) diễn. Ba tánh tạo nhân, lực dụng có (thể) đổi. Cõi học mong đạt, tham dục thuận theo. Vọng nhiễm hợp nhất phát sinh là thế. Dòng thác tăng dấy, dứt bỏ nghĩa lợi. Bố thí phát sinh lực dụng gánh vác. Lực dụng bình đẳng hiện bày, phát triển. Hình tướng "vô úy", trượng phu hội đủ. Nhiễm ác tăng dấy, hậu quả không lường. Tướng thắng nghĩa đó phát sinh khắp chốn. Nhân thí phát sinh giáo hóa rộng khắp. Tự tánh dứt sạch cấu nhiễm tận cùng. Hình tướng điên đảo dứt hết khó được. Xa lìa cấu nhiễm, hình tướng viên mãn. Chấp trước bỉ thử (là) tai nạn cả đời. Nghĩa lợi khế hợp, an tĩnh hiện rõ. Bồ-tát điều phục năng lực bình đẳng. Thắng nghĩa phát sinh, các mạn chẳng dấy. Chân lý Như như dứt sạch tai họa. Là chốn Bồ-tát lời thiện dẫn dạy. Thâm diệu tăng thêm, giáo hóa thanh tịnh. Phạm hạnh "vô úy", tịch tĩnh chân thật. Cội rễ lực dụng hoạn nạn đều diệt. Giáo hóa, bố thí, thuận theo chánh niệm. Diệt trừ si, mạn (đạt) cội nguồn chân thật. Lời khéo dẫn dạy tịch mặc tịnh diệu. Nhân tịnh thù thắng, thấu đạt bình đẳng.

Thế nào là nơi chốn hành động, như mây thanh tịnh phủ che các loài?

Tu học dứt trừ điên đảo cấu nhiễm, chướng ngại hý luận. Tự tánh chế ngự cội rễ điên đảo, hướng đạt tịch tĩnh. Hình tướng hữu tình chuyển biến như thế. Lìa bỏ nghiệp dữ, ưu khổ, nhiệt não. Dung mạo đoan chánh, thấu đạt thuận hòa. Là chốn hành giải bố thí thuận hợp. Bồ-tát dẫn dắt chúng sinh thêm tăng. Ngôn ngữ dẫn dạy, tai nạn dứt hết. Phiền não mê thông, thô trọng như vậy. Công đức theo nhân tăng thêm tự tại. Là chốn hữu tình hợp nhất đầy đủ. Si mạn tăng dấy biến khắp như (cõi) không. Nghĩa lợi thuận hợp hành giải phát sinh. Nhân hành tăng trưởng, tự tín như thế. Nơi chốn ái lạc, điên đảo hý luận. Đói khát tận cùng hủy hoại tự tánh. Chế ngự thuận theo thanh tịnh, tịch tĩnh. Tham đắm ái lạc, điên đảo tận cùng. Tĩnh trụ đạt được, nhớ nghĩ chúng sinh. Bồ-đề Tát-đỏa khéo dạy như vậy. Dứt pháp điên đảo, trừ nẻo hý luận. Thanh tịnh điều phục, an trụ tự tại. Tự tánh hành giải ghi nhớ rõ ràng. Tịch tĩnh tịnh diệu là gốc (mọi) phép tắc. Chúng sinh an tĩnh nhận lãnh giáo pháp. Nhân thắng bố thí (là) nhớ nghĩa chúng sinh. Cội rễ chấp ngã (làm) phát khởi tạp nhiễm. Thắng lực hành thí tịch tĩnh thành tựu. Tạo nhân thượng diệu, bình đẳng phát sinh. Hợp phần đầy đủ, tu tập viên mãn. Lời nói tự tin, tạp nhiễm giảm bớt. Thắng nghĩa thuận hợp,

hý luận chẳng sinh. Hợp phần cùng tận, dòng thác phát sinh. Nhân tịnh diệu ấy tánh lìa tranh, nhiễm. Thanh tịnh thuần nhất, tai họa thảy dứt. Tu hạnh bất thoái, tịch tĩnh Như như. Hình tướng kiêu dật, lực dụng phiền tạp. Nhân tánh thanh tịnh, lưu chuyển thuận hợp. Hữu tình thông tỏ, tăng trưởng, xa lìa. Ngôn ngữ chỉ dạy chúng sinh thực hiện. Dốc tu thêm nữa mong đạt thanh tịnh.

Thế nào là nghĩa lợi vô ngã phát sinh?

Ngôn ngữ dạy truyền, thực hành căn bản. Tăng trưởng tận cùng (là) tịch tĩnh phát khởi. Lìa bỏ nghiệp dữ, nơi chốn an lạc. Tự tánh trí tuệ mong đạt an lành.

Thế nào là thanh tịnh nghiêm túc dứt nhiễm?

Điên đảo vô biên, Bồ-tát dẫn dạy.

Thế nào là thí lớn phước nhiều như vậy?

Thắng dụng tạo tác, làng xóm tịch tĩnh. Dẫn dắt muôn loài hướng đạt quả Phật. Hành sợ hãi ấy, giới mốc như (hư) không. Hóa độ thông tỏ an lạc tăng trưởng. Ái lạc thuận hợp phát sinh các tướng. Hý luận dứt trừ, thực hành chân thật. Tánh như đạt được, nghĩa (là) không chuyển đổi. Sợ hãi tận cùng, gốc mọi trói buộc. Thân tâm năm uẩn, sắc uẩn chứa nhóm. Thọ, tưởng, hành, thức vô chất khó tường. Gốc buộc làm nhân, sinh nghĩa (cho là) chân thật. Tịch tĩnh điều phục, hành thí khắp chốn. Tịnh trụ tự tại, dứt sạch các mạn. Hành, giải gồm đủ, ngọn nguồn hiện rõ. Xa lìa ba độc, cấu nhiễm đều hết.

Thế nào là căn bản hành động tận cùng?

Giảng dạy về thể, cứu cánh như vậy. Đói khổ thực sự, bi nguyện giúp khắp. Lực dụng cõi ý, gốc của tấn tu. Tạo nhân thắng diệt nghiệp dữ, cấu nhiễm. Dòng thác phát dấy si độn, hý luận. Giáo hóa chúng sinh trọn nên như thế. Tướng sinh thực sự (là) diện mạo quả báo. Nhân thắng tăng trưởng (là) xứ sở tĩnh trụ.

Thế nào là căn bản tự tánh hợp phần?

Nơi chốn như núi hiểm trở đáng sợ. Là cõi Bồ-tát hành thí chân thật. Hữu tình si mê nhiều không kể xiết. Lực dụng hợp phần, chân thực cùng tận.

Thế nào là pháp tánh thắng nghĩa tịch tĩnh?

Bố thí tùy thuận, pháp của an lạc.

Thế nào là lực dụng thanh tịnh tấn tu?

Không pháp đảo điên, si chướng mạn (cũng) không. Tinh tấn cúng

dường Thập thiện tăng trăm. Vương tộc hưng thịnh, việc thiện sùng tín. Tâm pháp thanh tịnh, tuệ giải chân thật. Bồ-tát chỉ dạy (về) cội rễ tai họa. Nhân hành chuyển biến, bỉ thử tự tại. Giáo pháp thanh tịnh, trí tuệ điều phục. Tự tánh hữu tình, thâm diệu phát sinh. Tâm tịnh hòa hợp, thanh tịnh giải thoát. Là chốn Bồ-tát tiếp độ chúng sinh. Tự tánh chứng đắc, thấu đạt xa lìa. Thông tỏ các mạn, tịch tĩnh tăng lên. Phạm hạnh phát huy, lo sợ hòa thuận. Si mạn tăng dấy, tịch tĩnh điều phục. Hữu tình thực hiện lời thiện tăng thêm, tạo nhân thắng hạnh, lực dụng ái lạc. Theo nhân điều phục, tạo nhân thắng nghĩa. Chúng sinh đa văn nghĩa lợi tăng trưởng. Phạm hạnh hòa thuận phấn khởi cúng dường. Là chốn tự tánh chân thật thuận hợp. Tu thí tịnh diệu, gốc mọi trí tuệ. Tùy thuận dứt sạch điên đảo cấu nhiễm. Dẫn dạy tăng thêm tịch tĩnh, vô úy. Lành thay đề hồ, hơn hẳn các vị. Trí tuệ hợp phần bao la cùng tận. Lành thay hình tướng thù thắng khắp cõi. Cúng dường vô biên mong đạt tịch tĩnh. Ngôn ngữ thù thắng tịnh diệu hiện bày. Sợ hãi phát sinh (cần) an tĩnh sám hối. Thanh tịnh an nhiên điều phục căn bản. Ngọn nguồn tự tánh cầu chẳng thể được. Nghĩa lợi bình đẳng (là) tịch tĩnh chân thật. Tiến tu cùng tận, tự tánh hiện bày. Mong đạt thanh tịnh, an tĩnh thù thắng. Các nhân hoạn nạn, điên đảo dứt sạch. Mong cầu dứt mọi quả báo hủy hoại. Bồ-tát dẫn dạy dứt mọi hoạn nạn. Lặng dừng (mọi) tạo tác nhiễm ác, hý luận. Mong đạt tăng thêm gánh vác, xa lìa. Nghèo, bệnh, cấu nhiễm tất cả chẳng còn. Vô úy trừ hết (mọi) tạo nghiệp si độn. Lực dụng hữu tình thấu đạt thù thắng. Thuận theo chân thật, thanh tịnh bày khắp. Thanh tịnh bao la biến khắp mọi nẻo. Tự tánh chân như nguồn ngọn "bất sinh". Tịnh diệu hiện hành thuận hợp tự tại. Tạo nhân thù thắng (là) nơi chốn không hoại. Bố thí thanh tịnh (là) tu nhân thuận hợp. Tĩnh lặng an nhiên, dứt hết phiền não. Thiện tịnh hòa hợp, hành giải đủ đầy. Thắng nghĩa căn bản lìa tất cả vọng. Nhân duyên bạn lành dốc tu không đổi. Lực dụng rộng khắp, chướng nhiễm chẳng sinh. Tịch tĩnh thù thắng (là) ngọn nguồn tịnh diệu. Lực dụng chân thật dẫn dắt muôn loài. Tuệ giải thù thắng (là) năng lực tối thượng (có thể chuyển) tham dục, sân hận, ngu si (thành) thiện tịnh. Trí tuệ chân thật, cứu cánh tự tại. Mong đạt thực hiện rộng khắp mọi nơi. Tự tại thích ứng đạt đến viên mãn. Hình tướng theo nhân, hành giải thuận hợp. Thể tánh như (hư) không (lìa mọi) trói buộc cấu nhiễm. Tự tánh an trụ, giáo hóa dốc tu. Chúng sinh tạo nhân, bố thí là gốc. Luận vấn thấu đáo, trí tuệ thêm tịnh. Hành uẩn biến chuyển rõ nghĩa vô thường. Vọng tưởng đích thực (sinh ra) phiền não trọng chướng. (Cùng) tất cả nghiệp dữ bùng dấy chẳng dừng. Theo nhân lưu chuyển, tâm trong tự dứt. Lực dụng mẫu mực, hành giải viên mãn. Nghĩa lợi thù thắng bỉ thử hòa hợp. Si độn

chướng nhiễm (tạo) ngôn ngữ phân biệt. Hành tướng buộc che, Phật giáo dứt trừ. Thuận theo thắng tướng, thanh tịnh là gốc. Hình bóng biến đổi, nhận rõ (là) không thật. Đạo hạnh vô úy mong cầu thấu đạt. Nhân của tịnh diệu đạt được viên mãn. Lực dụng tận cùng, an tịnh như núi. Năng lực hòa hợp, cúng dường mong đạt. Giáo pháp khế hợp, hành thí là gốc. Nghiệp dữ, cấu uế, vọng tưởng sinh khởi. Tạo nhân tịnh diệu, dứt lòng lưu chuyển. Tự tánh đức nghiệp, chuyển đổi an định. Tùy thuận, tiến hướng, cấu nhiễm chẳng sinh. Nhân duyên dẫn dạy phát khởi thuận hợp. Ngôn ngữ lìa lỗi mọi vật đều đạt. Chân tánh Như như vượt mọi không–hữu. Lực dụng gánh vác, tự tại phát sinh. Lùi tiến như thế, ba cõi lại sinh. Tịnh diệu tận cùng, dứt sạch si độn. Là chốn thuận hợp, gốc trí tuệ khởi. Dòng thác phiền não rốt cuộc (cũng) diệt theo. Dốc tu rộng khắp, thần túc chẳng mất. Nhân thắng thường tịch (là) hành "vô úy thí". Điên đảo chẳng còn, tự tại viên mãn. Tôn kính sư trưởng, nghĩa lợi an tĩnh. Nơi chốn rộng lớn rõ ràng như thế. Mong dứt hý luận, tịnh diệu không hoại. Là chốn tham dục hiện bày lắm mối. Cội rễ che buộc thảy đều dứt hết. Tuệ giải biến khắp, nhiễm buộc đều sạch. Tu thí chân thật (là) hình tướng tịnh diệu. Nghĩa lợi thuận hợp, an tĩnh như non. Gốc đạt lực dụng, tu tập phạm hạnh. Diệt hết si độn, đạt hạnh căn bản. Thiện tĩnh hòa hợp (là) ngọn nguồn trí dụng. Trí đạt chân như, lý hợp thần lực. Chúng sinh bố thí, rõ nghĩa phát sinh. Tự tánh thông tỏ, ngôn ngữ tinh thuần. Thân phần thanh tịnh, danh sắc thù thắng. Là Đại trượng phu dứt mọi tạo nghiệp. Tu tập bình đẳng, tuệ giải rộng khắp. Lực dụng viên mãn, hòa hợp khắp cõi. Dứt mọi buộc che, phước đức tự tại. Xa lìa chướng nhiễm, các mạn chẳng sinh. Trí giải thông tỏ, lực dụng mong đạt. Tu thiện hiện bày, thần túc chuyển biến. Bồ-đề Tát-đỏa lời thiện dẫn dắt. Thắng nghĩa tận cùng, chư Thiên cung kính. Đói khổ hằng dứt, phiền não sạch làu. Tạo nhân tăng thượng thông tỏ phân biệt. Nghĩa lợi thù thắng; hành, giải gồm đủ. Khéo dứt chướng nhiễm, tu tập thuận hợp. Thật Đại trượng phu! "Hai loại" trùm khắp. Gốc vốn không nhiễm, tịnh diệu phát sinh. Lìa xa hình tướng, tu hạnh tận cùng (giải thoát) Thiện tịnh tăng thêm, tu tập thiện trụ. Xa lìa dòng thác, dứt bỏ hý luận, tạo nghiệp giải thoát. Cõi trời chân thật, thân tướng nghiêm đẹp. Nhân thắng thanh tịnh, lực dụng sung mãn. Như vậy dứt hết các nhân cõi ác. Tri kiến bao la, tùy thuận là thế. Năng trừ cội rễ phiền não chướng, buộc. Thuận theo lực dụng thông tỏ mọi lẽ. Thân tướng mong đạt lực dụng biến khắp. Buông theo thế gian (là) gốc mọi tai họa. Nghĩa lợi bố thí không cầu phúc báo. Mọi nỗi oán đối mong được dứt trừ. Tạo nhân cõi trời, hành thí trước hết. Trí tuệ thông tỏ (là) bậc đại hữu tình. Ngã mạn bừng dấy, phạm hạnh trừ diệt. Tu tập thiện tịnh, tỏ ngộ vô

tướng. Tâm hành lớp lớp, chẳng nguyện vẫn đạt. Dốc tu thuận hòa, tịch tĩnh bày rõ. Tự tánh hiện bày (rõ) chấp ngã nương nhiễm. Chúng sinh thực hành, tướng ấy chẳng mất. Tự tánh nhận ra dòng thác trói buộc. Lành thay chân thật! Nơi chốn hợp phần, thanh tịnh vô biên. Hành thí chân thật an tĩnh hiện bày. Nghĩa lợi hòa hợp, dứt tranh như thế. Là chốn Bồ-tát tự tại bình đẳng, cứu vật đều khắp. Tự tánh thông tỏ, chỉ dạy bình đẳng. Trước sau một nẻo, dứt mọi yêu ghét. Thù thắng hiện bày, cúng dường trên hết. Cứu độ muôn loài không hề lìa bỏ. Ngã kiến đúng phần, bỉ thử đều mất. Nhận rõ kiêu dật, nghiêm túc trừ diệt. Đúng là Phật dạy. Mong đạt thanh tịnh, dứt mọi hình tướng. Chúng sinh cõi ác, chỉ tạo hủy hoại. Thân trước tàn dứt, thân sau lại khởi. Cùng Phật xa xưa đồng thời mà được. Bồ-đề Tát-đỏa khuyên dạy rõ lời. Tạo tác như vậy, nghĩa lợi chân thật. Dứt ác là chính. Gốc các pháp nhiễm, chấp ngã đứng đầu. Tình thuận sinh tham, tình trái sân dấy. Khoảng giữa si hiện. Sinh tiếp là "hoặc" gồm hai mươi sáu loại. Nhân tánh mà có nhiễm chướng, tạo tác điên đảo, vọng tưởng suy tìm. Đủ cả các loại phiền não cấu nhiễm. Thật là chí loài, giả là lập dùng, là chốn gốc của lực dụng bố thí.

Thế nào là hóa sinh dẫn dạy nêu lên?

Nghiệp thiện thù thắng "hóa sinh" chư Thiên. Tạo nghiệp cực ác "hóa sinh" địa ngục. Từ không chợt có. Trong cõi sinh, các thể loại như nhau. Gốc cõi tử, các thể loại có sự khác biệt. Cõi sinh và tử nương thức gốc lập. Sinh tử một niệm như lời Phật dạy. Pháp có khuôn phép, xứ có nhiễm tịnh. Tuệ tỏ hướng đạt, hành giải gồm đủ. Chấp ngã chẳng sinh, phiền não cũng dứt. Dốc đạt thiện đạo, tịnh pháp liền sinh. Nhân của thù thắng phát sinh hợp chốn. Gốc không tâm thí, quả nhận thậm tệ. Tịch tĩnh vô vi (là) ngọn nguồn thắng nghĩa. Bồ-tát vô úy bạn lành dẫn độ. Tự tánh bản lai, thường xuyên dẫn dắt. An lạc dứt mạn, tấn tu như vậy. Phép tắc nghiêm túc, nương tựa tĩnh trụ. Các mạn tăng dấy, ngôn ngữ đều dứt. Bình đẳng thuận hòa, hướng đạt an tĩnh. Vương giả giáo lệnh khế hợp khắp chốn. Chúng sinh hành tham, nên thành nẻo nghiệp. Bồ-tát dẫn dạy thiện nghiệp thanh tịnh. Thực hành tự tại tâm không vướng mắc. Hiện, sinh đều thuận luôn làm chủ nghiệp. Nên gọi bốn loài, thọ báo tuần tự. Ba thừa hóa độ cùng đạt bờ giác. Bờ bến người, trời đạt được (đều) bỏ lại. Ba thừa không đồng, cứu cánh đều đạt. Năng cầu chí quyết, ngày hết ắt thành. Cứu cánh tột cùng là đến bờ giác. Vượt mọi sinh diệt cùng mọi lưu chuyển. Cũng khởi luân hồi. Đó là bờ giác. Pháp thiện tự tánh là pháp (thiện trong) tâm sở. Pháp thiện tương ưng thông cả (tâm) vương, (tâm) sở. Bỉ thử tăng trưởng (là) nhân của tận cùng. Tuệ giải thông tỏ nêu rõ cứu cánh. Tự tánh thông tỏ thấu đạt ái lạc.

Vương giả phát huy, hữu tình hướng đến. Tu tập thấu đạt yên tĩnh an lạc. Các pháp dục lạc, tham ái là gốc. Pháp thiện cùng khởi hợp với tinh tấn. Dục thông ba tánh cùng nhiễm, chẳng nhiễm.

Giáo pháp Phật dạy: Đức hạnh nhiều loại, không ngoài lợi vật. Công của thấu đạt là ở trí tuệ. Hình tướng trang nghiêm tươi đẹp hơn hết. Tất cả tự tánh chuyển biến đúng thật. Phước đức trí tuệ tịnh diệu đáng yêu. Tạo nên nơi chốn tịnh diệu thuần khiết.

Thế nào là giải thoát dứt sạch phiền não?

Phật đạo hưng lên, tối tăm đều dứt. Tịch tĩnh thù thắng, hóa độ, chuyển đổi. Phiền não cấu nhiễm không thể hủy hoại. Là cõi trí hiện, ám chướng đều tan. Thanh tịnh thuận hợp, cao xa hướng đạt. Nghiệp dữ, hý luận, giáo thừa thảy dứt. Diệt mọi trói buộc cấu uế, bệnh hoạn. Tham, sân, si độc, gốc của điên đảo. Trí tuệ chân thật, chúng sinh khó đạt. Hướng đạt tịch tĩnh, không hề dao động. Bồ-tát chỉ dạy, khắp mọi nơi chốn. Lực dụng dốc tu, tai nạn chẳng sinh. An trụ bình đẳng, đó là vô úy. Nghĩa lợi viên mãn, tu hạnh thanh tịnh. Dứt mọi điên đảo, thế gian thành tựu. Siêng tu bố thí, ngã mạn chẳng dấy. Thắng nghiệp thanh tịnh, phép tắc sung mãn. Dứt trừ tham dục. Thế gian đói khổ không giúp mà được. Ở nơi cõi trời cũng có nghèo, bệnh. Chư Thiên Dục giới hãy còn sát hại. Đế Thích, Tu-la sân hận mà dứt. Tham dục ưu khổ, cõi dục đủ cả. Chết sống theo nghiệp, tất cả đều chịu. Chuyển biến đúng phần, nghĩa lợi thích hợp. Lực dụng thanh tịnh giáo hóa nghiêm túc. Hành gốc bố thí, dứt mọi vọng nhiễm.

Thế nào là chi tử, xả thức thứ tám? Thế nào là chi sinh, sinh thức thứ tám?

Chỉ ở thức này, sinh tử kiến lập. Từ các thức còn lại, thể chẳng lập chi. Có nơi cho là "tịnh tùy chuyển môn". Hành, giải tăng lên, gốc của nhân thiện. Chân thật, an lành rõ nguồn ưu khổ. Tịch tĩnh tiến tu, hành giải ít có. Danh sắc, năm uẩn, hóa độ chân thật. Bố thí vô ngã khế hợp như vậy. Đức hạnh an tĩnh, trăm phước trang nghiêm. Mong đạt thiện diệu tịch tĩnh "vô sinh". Không thể hủy, diệt, chẳng hề lưu chuyển. Hướng đạt, "vô úy", gánh vác tăng trưởng. Bố thí chân thực, lực dụng dốc tu. Thắng nghĩa phát huy, gắng sức tạo thành. Các nẻo oán đối thấu đạt, lìa bỏ. Sinh diệt gốc tĩnh, thanh tịnh Như như. Chi phần chuyển biến, niệm niệm nối nhau. Các pháp tự tánh chẳng hề được, mất. Bồ-tát khai thị dẫn dạy như vậy. Thiền định tịch tĩnh vượt mọi tư duy. An tĩnh như (hư) không, dứt mọi sân hận. Nhận rõ sân hận bùng lên như lửa. Bản lai thuận hợp, tịch diệt là vậy. Hành động phàm phu, bố thí là chính. Tu tập thuận hợp, nhân lìa cấu uế. Tịnh diệu

chân thật, dứt tướng si độn. Tu tập hướng đạt lực dụng các tướng. Gắng tu dứt trừ phiền não, hý luận. Ngu độn, các mạn trói buộc câu kết. Tinh tấn hướng đạt tất cả tướng (tạo) nhân. Thắng hạnh hữu tình, tự lợi, lợi tha. Cội rễ thuận hợp, trời người quy ngưỡng. Tự tánh an trụ, tu trì thuận hạnh. Bồ-đề Tát-đỏa hành hóa ý vui. Các pháp giáo hóa lợi tha là việc (chính). Lực dụng bình đẳng, ngưỡng mộ kính tu. Cội nguồn giáo pháp thanh tịnh Như như. Từ sâu đến rõ thực hành là gốc. Thắng nghĩa tịch tĩnh chỉ nương Phật pháp. Tu hạnh tịnh diệu, an trụ thù thắng. Phiền não sinh khởi, gốc của nghiệp dữ. Nhãn căn thu sắc gốc vốn không buộc. Lực dụng thanh tịnh tịch nhiên thông tỏ. Tánh như bất sinh, có từ vô thỉ. Nhân duyên trong lặng, chẳng pháp nào lìa. Lý không thể suy, đâu thể hướng tìm. Pháp không lưu chuyển, thể tánh "phi hữu". Chân tánh Niết-bàn thể cũng "phi hữu". Vi diệu thậm thâm, trong lặng an tĩnh. Bồ-đề Tát-đỏa theo đấy giữ tâm. Nung trộn chẳng động, lắng đọng trong lặng. Pháp vốn thường trụ, dạy dỗ rõ vậy. Tự tha giảm mất, tánh phiền não hiện. Bậc Đại Bồ-tát tiếp dẫn nơi ấy. Các pháp tối thượng vượt mọi tăng giảm. Quả vị mong đạt tức đến bờ giác. Thông tỏ giáo hành, phát sinh (tâm) bất thoái. Theo đấy tấn tu (đạt) hình tướng thắng diệu. Giáo hóa, dẫn dắt hoạn nạn chúng sinh. Thấu đạt giáo pháp diệu lý thù thắng. Dứt mọi bụi cáu, đạt hạnh thanh tịnh. Lìa khỏi quả báo hướng đạt tam thừa. Bồ-tát thấu suốt tất cả muôn loài. Là xứ Bồ-tát tu hạnh căn bản. Trí tuệ quán chiếu tỏ lẽ "vô sinh". Từ bỏ mê lầm vui đạt giải thoát. Xua dần phiền não theo pháp tiệm tu. Mầm đạo nẩy rộ, chướng nhiễm đều lặng. Hý luận chẳng dấy (đạt) cứu cánh chân thật. Dạy trao hạnh thí Phật từng nêu rõ. Thấu nẻo tri túc, tham ái nào sinh. Nơi chốn chân thật tu thiện chứng đạt. Cội rễ nhiễm diệt, dốc tu chánh hạnh. Lời Bồ-tát dạy. Xa lìa mọi nhiễm. Hý luận dấy tràn nơi chốn điên đảo. Trí tuệ suy tìm, bỏ điều vô nghĩa. Chánh pháp nêu bày tận cùng chân thật. Thuận theo tâm tịnh phát huy nguồn ngọn. Nhân của tịnh diệu, chỗ nương của đức. Thánh nhân dạy rõ, chúng sinh cùng theo. Phạm hạnh diệt trừ thảy mọi trói buộc. Bồ-tát dẫn dạy, ái ngữ tỏ bày. Hóa độ muôn loài tu hạnh tịnh diệu. Hành thí bao la viên mãn vô ngại. Vật dùng thành trước (tiên), sức của Thiên đế. Tu tập thắng pháp tăng trưởng, chuyển biến. Là cõi tạo nhân hóa hiện cảm ứng. Sức buộc dấy khởi, sinh tử trôi lăn. Nơi ấy Bồ-tát tùy duyên hóa độ. Tâm ý thanh tịnh, dốc lòng tu tập. Hình tướng tĩnh lặng bố thí chân thật. Dẫn dạy phát huy từ không biến khắp. Hành nghiệp thù thắng bốn phương cùng cảm. Hành thí tăng trưởng hiện bày khắp cõi. Là chốn Bồ-tát hành hóa tự tại. Gốc rễ chấp ngã (là) chẳng tin giáo pháp. Vận dụng, chuyển đổi đều từ sức mình. Thân phần chúng sinh giữ bỏ tùy sức (mình). Hữu tình (bị) trói

buộc do theo đường quấy. Quyết chí dốc tâm mong cầu sám hối. Không (tạo) nhân biến chuyển, tức thì đạt được. Cõi ý dứt sạch tất cả vọng niệm. Nhân duyên thanh tịnh luôn được "hộ niệm". Bạo lực, điềm dữ, Phật lực năng trừ. Nơi chốn thanh tịnh, hoạn nạn chẳng sinh. Bồ-tát dẫn dạy, căn lành tiếp nối. Hình tướng chẳng hoại, lực của phước báo. Dứt trừ hý luận, lực dụng tự tại. Hành thí thông tỏ, nhân của thù thắng. Tự tánh thanh tịnh, gốc mọi an nhiên. Bồ-đề Tát-đỏa dốc lời dẫn dạy. Dứt nhân sợ hãi quả báo chân thật. Dựa theo sức nhân, thông tỏ báo ứng. Ảnh hưởng cùng hợp, tu học càng gắng. Thân tâm dứt buộc, vào nẻo cõi người. Ngũ giới Tam quy mong đạt cùng tận. Theo nhân tối thượng, hiện hành thuận hợp. Bốn loài hiện tại, thọ báo bất định. Nghĩa lợi đời trước (tạo ra) bốn loại bố thí. Như đã nêu rõ, trói buộc (vốn) tận cùng. Chúng sinh làm sao tu hành dứt trừ?

Nhân duyên phạm tĩnh, thiện tịnh hiện bày. Bồ-tát dạy rõ nên tu (bố) thí, (giữ) giới. Lực dụng cõi trời dứt mọi sợ hãi. Là cõi Bồ-tát hành hóa thích ứng. Tu tập thuận hợp, hạnh của chân thật.

Thế nào là tịch tĩnh dứt mọi phiền não?

Hành động điên đảo, thắng nghĩa chẳng sinh. Vương giả nơi người, phước đức như trời. Ngôn ngữ giáo lệnh bốn phương thuận theo. Chế độ, phép tắc nghiêm túc thích hợp. Thông tỏ Thánh nghĩa, thù diệu viên mãn. "Bất hại" (tâm sở) trong thiện, lấy Bi làm thể. Chánh đổ, sân dấy, quấy nhiễu hữu tình. Trong số hằng trăm thiện bị nhiễm (là) chính. Chi phần tự tánh (là) tánh A-lại-đa. (Thức ấy) lấy tam giới, năm cõi, bốn loài làm thể. Tất cả các pháp đều nương (ở) pháp ấy. Pháp của thức ấy gồm cả thiện ác. Tánh là "vô ký" không thọ nhận quả. Bậc Đại Bồ-tát theo giáo nên dạy. Bốn quả La-hán tiếp nhận ở đấy. Các pháp an lạc (do) nhân bố thí (mà) được. Hóa độ muôn loài đạt đến giải thoát.

Thế nào là tánh chất không thật, chẳng bền của thể tánh?

Bố thí tùy thuận cứu giúp đói khổ. Phát huy cõi ý. Tự tánh thông tỏ, gốc chẳng hoại diệt. "Bất sinh" là gì? Pháp thể nương duyên, không nhân chẳng hiện. Quả bố thí ấy đạt tướng thù thắng. Chân thật bao la, vô ngã (là) hơn hết. Hành lẽ tối thượng chí dốc chẳng ngừng. Sắc tướng thiện tịnh, giữ giới ắt đạt. Thân muốn chuyển dời, bệnh tật hủy hoại. Thông suốt chi phần tánh không bền chắc. Nhân duyên tĩnh lặng (rõ lẽ) tồn tại tạm thời. Các pháp vô lậu chuyển biến vô tận. Đường nẻo cõi người tâm thu tất thảy. Tướng lạ, lực lớn, thân tâm suy, tối. Danh sắc hủy hoại tự tánh chân thật. An lạc sung mãn như gió thổi đuốc. Tự tánh Niết-bàn tỏ ngộ viên mãn.

Thế nào là oán đối hiện tiền lúc sắp chết?

Tâm ý dứt nhân, do đâu sinh khởi? Thiên chủ Đế Thích thông tỏ thiện ác. Nghĩa lợi giáo, thừa chẳng phải hư bày. Tạo tác mong đạt ngọn nguồn nghĩa lý. Cứu cánh tự tánh nghĩa (là) đạt giải thoát. Tùy thuận thế gian, nghĩa (là) chẳng bền vững.

❑

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 16

Trí lực vô thượng, ái lạc mong cầu. Giáo hóa chúng sinh (đạt đến) bờ giác thù thắng. Ý thức – thức thứ sáu – năng tu trí đạo. Bố thí khế hợp, đạt hạnh căn bản. Là chốn chế độ phép tắc rốt ráo. Tu pháp bố thí thấu lẽ "vong tướng". Các uẩn thanh tịnh, trí lực thù thắng. Hữu tình giác ngộ, thần túc vô ngại. Hành, giải đầy đủ, lực dụng viên mãn. Phước duyên theo đạo (là) thắng hạnh tột bậc. Pháp thí viên mãn, tịch tĩnh thông tỏ. Bạo lực trói buộc cảnh giới hữu tình. Mong cầu phát khởi bốn hạng phạm hạnh. Nhân duyên các loài dứt mọi trói buộc. Tạo nhân phiền não, hành động thuận theo. Đạo sư mẫu mực chỉ bày nẻo tịnh. Chứng đắc giới luật, dạy trao kẻ khác. Bốn hạng đạo sư lực dụng tự tại. Không thể hủy hoại. Đời người mạng dứt, bỏ "bảy chi giới". Tu tập lại tiếp, trí giải thù thắng. Nghiệp nhân thông tỏ, tịch tĩnh trùm khắp. Hành nhiễm trói buộc phúc chốc dứt hết. Tĩnh lặng lìa mọi nhân duyên khổ độc. Các pháp ngã mạn, thanh tịnh diệt trừ. Là chốn Bồ-đề Tát-đỏa dẫn dạy. Thấu đạt nghĩa lợi, chân thật hiện bày. Tu tập mong đạt các hạnh tịch tĩnh. Tạo nhân tịnh diệu phát khởi khế hợp. Nhận thức thông đạt mẫu mực thiện tịnh. Dòng thác phiền não sức cuốn rộng khắp. Thắng nghĩa bất thoái (là) thông tỏ, lìa bỏ (phiền não). Ngọn nguồn tịnh diệu đúng nghĩa giải thoát. Các hàng chư Thiên, Đế Thích hiện theo. Tĩnh trụ dứt nhiễm, thanh tịnh an lạc. Phiền chính chẳng sinh, nghĩa (là) dứt tạo nghiệp. Diệt trừ náo động nghĩa (là) dứt hý luận. Chế ngự thân tâm đó là an tĩnh. Hữu tình không thật, bốn đại giả hợp. Hư ảo khó lường, chẳng thể so dụ. Bọt bèo tụ nổi, ảo ảnh tiếng vang. Trăng nước, bóng gương, tơ giăng đầu gió. Lời Phật dạy bảo. Dễ lìa khó giữ, ra còn vào mất. Tĩnh trụ dốc tu các pháp giải thoát. Khí tiết nghiêm túc tĩnh lặng tinh thuần. Đức hạnh như thế an nhiên hiện rõ.

"Thiện nam tử, Bố thí thượng diệu: thành, nước, vợ con, cho đến thân mình; thể ấy là như tánh, "bất khả" hoặc là "vô bất khả"." Lại dạy: "Thắng nghĩa phát sinh, ý đạt như vậy". Thông tỏ pháp duyên, tu hạnh vô tận. Trí tuệ thấu đạt thắng pháp Như như. Chấp ngã như vậy tuệ bị vướng nhiễm. Chỉ tự tánh dứt, tuệ thoát khỏi nhiễm. Nghiệp khởi phân biệt cũng tự tánh

đoạn. Thuộc tướng tâm sở còn lại cũng đoạn. Thấu đạt chánh pháp, tánh dứt si độn. Đạo hành bình đẳng, lực đủ gánh vác. Diệu lý giáo pháp thanh tịnh thù thắng. Hành, giải thiện tịnh diệu dụng khó lường. An nhiên tụ tập (đạt) thanh tịnh như thị.

Thế nào là bản trí chân thật chứng như?

Trí tuệ như thị cùng cảnh tương hợp. Vượt mọi tư duy ngôn từ khái niệm. Tự tánh như vậy, đạt "vô sở đắc". Hạnh đạt an ổn, thích thú, tự tại. Cõi ý không nhiễm, thân tâm thư thái. Chân thật trong lành, chút bụi không vướng. Phát sinh hướng đến đại bi thường tịch.

BỒ-TÁT BỐ THÍ LỰC DỤNG BIẾN KHẮP, TÔN GIẢ HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ BA MƯƠI MỐT.

Dung mạo vương giả hy hữu, xuất chúng. Truyền dạy muôn loài giữ gìn gốc đạo. Vật của đời mong, ý không vướng mắc. Đó là tùy thuận thấu đạt Bồ-tát căn bản chân thật, hình tướng Thế Tôn. Bệnh hoạn già chết tương khổ, sao gọi trói buộc, oán đối điên đảo khổ não ý sầu tương ứng. Làm sao lìa bỏ? Chúng sinh thế gian chấp ngã sâu dày. Nguyện lực đại bi chẳng hề xa lánh. Hý luận phiền não, gốc mọi sợ hãi. Lành thay, chúng sinh vui tham không bỏ. Phiền não đói khát, khổ cực khó thoát. Cõi thế lúc nào (có được) hạnh phúc thực sự? Cõi học đổi đời tìm đâu an lạc? Sinh khởi tích tụ hủy hoại diệt vong. Keo tham đói khát, nghèo bệnh khó dứt. Ngã mạn kiêu căng khinh thường mọi vật. Dẫn dắt bình đẳng cùng đến chốn an. Phước đức lớn lao tộc họ hòa hợp. Thông tỏ chứa nhóm ứng dụng trong đời. Nhận ra hư ảo chẳng chút chân thật. Tổ tiên tộc họ nối tiếp mà có. Nghèo bệnh, an lạc hai việc chẳng đều. An lành sinh khởi, thắng nghĩa trọn vẹn. Thiện tịnh thuận hợp từ gốc vô úy. Diệu dụng giác ngộ hiển hiện rạng rỡ. Vốn có (từ) vô thỉ, mong cầu nơi nào? Phép tắc tăng trưởng viên mãn tận cùng. Ngọn nguồn lực dụng Như như tự tại. Lực dụng bố thí trừ diệt nhiễm buộc. Hành, giải gồm đủ, hình tướng hiện bày. Tu hạnh căn bản, tịnh trụ bất thoái. Vắng lặng tịch tĩnh, giáo hóa thật sự. Mây Từ phủ khắp, ngã mạn đâu còn. Lực dụng tự tánh diệt sạch trói buộc. Nguồn ngọn Như như chuyển biến khắp chốn. Si độn điên đảo, chấp ngã trói buộc. Dốc tu thanh tịnh, dứt điên đảo nhiễm. Thành ấp rộng lớn, sản vật sung mãn. Tịnh diệu thù thắng, hý luận dứt bặt. Dốc theo hạnh thí thế gian thêm ích. Thắng sự an lành, chi phần phong phú. Hình tướng căn bản tu hạnh hòa hợp. Chủ – khách thuận hợp, tuần tự phát sinh. Đúng nghĩa giải thoát, nghĩa phần đều diệt. Chân thật hữu vô, chuyển đổi bất định. Từ gốc chấp ngã các mạn phát sinh. Hóa độ chân

thật, nghĩa lợi vô tận. Dốc tu giác ngộ vật dụng cúng dường. Lực mạnh trói buộc, biển khổ khó lìa. Đạt đến "kiến đạo", mọi phân biệt (đều) dứt. Tu hạnh trí tuệ, dứt nẻo luân hồi. Năm uẩn danh sắc cũng đều giải thoát. Cứu cánh quả Phật, nhân phần sung mãn. Bậc Vô Thượng Giác, giáo hóa viên mãn. Nghiệp thiện trải qua ba vô số kiếp. Chút vết tất trừ, mảnh thiện không bỏ. Là bậc Bồ-tát tấn tu căn bản. Thể tánh tự tại, phước đức thù thắng. Cội rễ nhân thắng (là) lực dụng thực sự. Dứt hết tham sân theo hạnh người, trời. Siêng tu bố thí nhân của phước lạc. Giới hạnh trọn vẹn là bậc tôn quý. Hình tướng lực dụng sung mãn, khiêm cung. An tĩnh, ung dung, bụi nhơ chẳng bợn. Tôn quý đức nghiệp, muôn loài nương tựa. Như mây phủ khắp, các cõi trời, người. Tịch tĩnh vô ngôn thanh tịnh tột bậc. Pháp tịnh thành tựu, thâm diệu chân thật. Thuận theo tham dục mong đạt thắng quả. Tự tánh thông tỏ lực dụng chân thật, đạt "bất khả đắc", "vô bất khả đắc". Thông tỏ thanh tịnh ngọn nguồn ái lạc. Nhân thắng thanh tịnh nghĩa (là) không suy giảm. "Bất khả đắc hữu" rõ nẻo "biến kế". Các pháp hữu vi chẳng dựa duyên, thời (gọi là) "bất khả đắc hữu". Duyên thời thích hợp là "bất khả đắc vô". Bậc được tôn quý, phước đức bao trùm là Đại Bồ-tát. Độc dược điên đảo tụ hợp hiện bày. Tu nhân chân thật, dứt trừ ngã mạn. Nương lực tri thiện tự tại tiến tu. Tĩnh trụ an lạc. Xa lìa các pháp phiền não, cấu nhiễm tinh thô. Dòng thác điên đảo lớp lớp tai nạn khổ đau. Các pháp khế hợp rốt ráo phong phú. Trí giải thông đạt thuận theo biến động. Thắng sự lớp lớp (là) căn bản vô tranh. Các pháp chuyển biến tạo tác bình đẳng. Tiến tu hình tướng (là) hạnh của tham ái. Tự tánh tu tập (là) nhân tướng thanh tịnh. Sức buộc dấy khắp (là) cội rễ ưu khổ. Bố thí cứu giúp bao kẻ nghèo bệnh. Nhân bỏn xẻn đạt là họa (của) tự tánh. Độc hại bùng dấy, dứt hạnh thanh tịnh. Ngăn buộc đạt được, nơi chốn thuận theo. Ý thức – thức thứ sáu – cầu tìm chân thật. Tạo nhân lớp lớp quyết dứt tham dục. Mười loại hạnh ác lôi cuốn tất cả. Các hạnh bố thí dốc tu rốt ráo. Nhãn căn thông tỏ, tạo nghiệp thù diệu. Phước đức tiến tu cứu giúp bao loài. Pháp thiện phát triển hòa hợp vô ngã. Hành động thực sự phá mọi ngăn che. Thông tỏ chân thật là đường (của) Tập đế.

Hình tướng buộc che, chướng nhiễm phát sinh. Cõi ý vọng đọng theo các pháp nhiễm. Pháp thể tự tánh chuyển biến viên mãn. Nhớ nghĩ quá khứ theo nhân hành động. Tạo mọi điên đảo (từ) lỗi lầm hý luận. Xứ sở hữu tình gốc đầy cấu nhiễm. Cứu cánh bố thí gắng trừ nghiệp dữ. Lực dụng cõi tánh thanh tịnh như vậy. Theo đúng mẫu mực, an lành thù thắng. Phép tắc như thế (là) nơi chốn thanh tịnh. Tự tánh tịch tĩnh (là) đạo hạnh các pháp. Thông tỏ rộng khắp, nghĩa lợi thuận theo. Suy tìm chấp ngã, nơi chốn tận

cùng. Tạo nhân thanh tịnh ngọn nguồn hợp nhất. Thắng nghĩa lưu chuyển (là) mong đạt thuận hợp. Lực dụng tịnh diệu, nhân quả biến khắp. Tâm phần sợ sệt (tạo) nghĩ ngợi ưu phiền. Phạm hạnh chư Thiên trùm khắp, viên mãn. Kinh sợ hủy hoại thân phần hữu tình. Như mây che khắp, khô cằn nhuần thắm. Nơi chốn an cư, loài loài tươi đẹp. Tu hạnh bình đẳng, bố thí rộng khắp. Dứt trừ (mọi) độc hại khổ não (của) chúng sinh. Đạt được phước báo thù diệu chân thật. Lìa mọi chướng nhiễm, điên đảo, oán kết. Dẫn dạy tăng lên, công đức tịnh diệu. Hữu tình tu tập nhân thắng thanh tịnh. Tu hạnh bố thí trừ chướng keo kiệt. Hình tướng như mây dứt trừ lửa não. Xa lìa điên đảo (là) tịnh diệu chân thật. Mẫu mực tự tánh (là) an lạc vô úy. Phước báo sung mãn, chi phần thù diệu. Hành động mong đạt dứt bỏ hý luận. Dốc tu tĩnh trụ, dung mạo thư thái. Lìa dứt phiền não, bạo lực chẳng sinh, hành động rốt ráo chân thật tận cùng. Tùy thuận trừ diệt điên đảo tham dục. Lìa bỏ chướng nhiễm, giải thoát sinh tử. Hình tướng chuyển biến, sát-na thảy sạch. Thông tỏ nơi (tạo) nhân, cảm ứng vô tận. Vô ngã, an tĩnh, thâm diệu viên mãn. Mong đạt thanh tịnh tự tại tận cùng. Tịch tĩnh dứt nhiễm, ý pháp tương hợp. Tự tánh dứt trừ nghĩa lợi hữu lậu. Thế gian muôn loài, là vật ít có. Ẩn giấu không tường, hốt nhiên quên hẳn. Thuận theo chấp ngã, nuối tiếc không rời. Trói buộc nhiều lớp sâu dày khó mở. Độc hại đã sâu. Trăm việc đều bỏ. Tịch tĩnh như vậy phiền não chẳng sinh. Chủ thể thanh tịnh, trí tuệ thông tỏ. Trừ dứt cấu nhiễm, nơi chốn tịch tĩnh. Tạo tác chân thật từ gốc hình tướng. Kiêu dật dấy mạnh, nhận thức thuận theo. Phiền não phủ che phát sinh trói buộc. Ý dấy ngã mạn, thắng nghĩa không còn. Tuệ giải tương hợp, dứt hết điên đảo. Bóng ấy (điên đảo) hữu tình thật khó lìa bỏ. Quả báo thiện ác cùng theo cũng thế. Hành, giải như vậy là gốc thanh tịnh. Tịnh thí phát sinh các pháp thâm diệu. Của cải tuy nhiều, chẳng chịu bố thí. Cõi ý xan tham chứa nhóm khó dứt. Thương kính chẳng bày, chủ thể gây tạo. Hành, giải chân thật, lực dụng phát sinh. Nhân thật tự tại, trừ mọi buộc che. Họ hàng không hợp quấy nhiễu tư lợi. Bố thí chúng sinh ái lạc, tuệ, xả.

Thế nào là tu nhân cứu giúp cấp thời?

Lo buồn gặp lúc, tâm ý khó an. Quả báo thọ nhận từ nhân đời trước. Nhận rõ thiện ác ảnh hưởng không ngoa. Là chốn làm sao dứt trừ phiền tạp? Trừ hết hoạn nạn, thấu đạt tận cùng. "Tăng thượng nhân" ấy dứt trừ nghèo, bệnh. Tịch tĩnh đúng thực, lỗi lầm đâu còn. Bồ-tát giáo hóa rũ lời chỉ dạy. Đói khát như thế rốt ráo chẳng còn.

Thế nào là tự tánh chẳng thích hý luận?

Bỉ ngã bình đẳng, nghĩa lợi đều khắp. Nơi chốn chẳng hoại, dứt mọi lưu chuyển. Phạm hạnh thuận hợp (là) cội nguồn thắng nghĩa. Nhân thắng Như như, gốc mọi tự tín. Ba tánh chẳng thường. Trí tuệ chẳng định. Chi "hữu" phát khởi gốc từ tham ái. Tăm tối như vậy tà chánh khó phân. Lực dụng thiện tịnh rõ ràng hiển nhiên. Thanh tịnh thuận hợp, xa lìa sợ hãi. Thắng nghĩa dứt sợ, tánh như tận cùng. Sắc uẩn dễ nhận, bốn uẩn (kia) khó phân. Nơi chốn chân thật (là) căn bản đạt được. Phiền não cấu nhiễm, hý luận tận cùng. Ngọn nguồn tối thượng (là) bố thí trọn vẹn. Thấu đạt giáo pháp nghĩa lợi khắp cõi. Hình tướng nghiệp dữ chẳng thể hủy hoại. Tu thí tự tại, tịch tĩnh thuận hợp. Xa lìa cội nguồn các pháp điên đảo. Thắng nghĩa thuận diệu, sung mãn tận cùng. Diệu lực Phật pháp thông tỏ hữu tình. Căn bản phong phú dẫn dắt muôn loài. Gốc tu hạnh thí, tịch tĩnh dốc tu. Tạo tác tự tại, thắng hạnh phát sinh. Tịnh diệu tận cùng lìa xa độc hại. Lực dụng diệt trừ oán thù trói buộc. Tự tánh thí, xả, phép tắc tịnh diệu. Tu tập chân thật tối thượng tận cùng. Tự tánh hiện bày, vận động, dừng lặng. Phước đức cảm ứng danh sắc, năm uẩn. Phiền não, đói khổ khó thể lìa bỏ. Khổ độc sinh khởi trói buộc vô tận. Các pháp tâm sở cùng tâm tương hợp. Thực hiện cứu giúp nghèo khó bao loài. Hành, giải khế hợp (là) gốc rễ hạnh thí. Thiện diệu trừ độc, tâm hành an ổn. Thể tánh thanh tịnh như tánh dứt tranh. Thiện diệu tự tại, lực dụng sư tử. Hình tướng thù thắng sung mãn, đáng yêu. Tiến thoái thích ứng học tập đúng pháp. Tu tập thấu đạt lực dụng tự tin. Hành, giải thắng nghĩa, hạnh thực phát sinh. Bố thí thuận hợp tự tánh an tĩnh. Sắc tướng trong lặng vận động thù diệu. Năng lực tạo tác thế gian ít có. Lớn lao nghiêm đẹp thanh tịnh hơn hẳn. Oan gia khó dứt, theo Phật ắt trừ. Lực dụng thuận hợp thắng nghĩa tự hiện. Căn bản hướng tới tịch tĩnh trọn vẹn. Ngã mạn tận cùng lý lầm khó dứt. Thắng pháp dẫn dắt, lực dụng vượt bậc. Tự tánh thanh tịnh chân lý thuận theo. Tánh phẫn phát khởi, bất thiện bùng đốt, như lửa khó dập. Bày biện cúng dường tịch tĩnh tự tại. Si độn ngã mạn là chốn nhơ đục. Trung gian thuận hợp, cứu cánh đạt được. Tạo tác vô tận, bố thí tự tại. Ngã mạn dấy khắp. Thắng nghĩa chân thật. Tự tại trong lành, hướng đạt thanh tịnh. Bố thí tận cùng khắp mọi nơi chốn. Phạm hạnh dứt trừ độc hại nghiệp dữ. Hạnh mật năng diệt phiền não si độn. Gánh vác căn bản Phật lực hộ trì. Rửa sạch cấu nhiễm rốt ráo cùng tột. Tộc loại tu thí phủ khắp như mây. Cội nguồn thanh tịnh chân thật viên mãn. Nhân thắng nghĩa ấy đạt lực "vô úy". Thịnh trị ẩn tàng an nhiên phát sinh. Theo nhân trong lặng khắp mọi nơi chốn. Vi diệu sâu xa chính là giải thoát. Gốc muôn loài khởi đó là tự tánh. Kim cương bền chắc năng diệt phiền não. Nguồn ngọn thanh tịnh hợp nhất, xa lìa. Thắng lực tự tại nghĩa (là) dứt lưu

chuyển. Y dứt suy tìm, đạt được tĩnh trụ. Bố thí vô biên dừng mọi tư duy. Tiến tới thích ứng tịch tĩnh hòa hợp. Giải thoát sinh tử (là) dứt sạch phiền não. Vương giả hộ quốc (là) muôn loài yên ổn. Thắng nghĩa sung mãn (là) tịch tĩnh trọn vẹn. Gốc dấy thuận hợp dứt mọi tác dụng. Sao sáng an nhiên (rõ) nghĩa dứt biến chuyển. Thắng sự chẳng mất, thành tựu, tăng trưởng. Căn bản chân thật, việc thêm rạng rỡ. Lìa bỏ chân lý là nẻo nghiệp dữ. Hạnh đại trí tuệ xua bao (lớp) dối trá. Chuyển (biến) cho là dứt nỗi lo kẻ ngu. Hành động hăng hái là gốc (của) hữu tình. Tu bố thí khắp giáo hóa (hàng) tối tăm. Độc hại trùm khắp hữu tình khó bỏ. Ngôn ngữ thâm diệu, chân thật thành tựu. Tiến lui hòa hợp cung kính vô cùng. Thức cùng năm loại, quả báo rõ rệt. Nghiệp thiện (và) bất thiện thân sơ chẳng luận. Điên đảo cấu nhiễm phát sinh thêm dữ. Dốc theo nẻo sáng, cuộc sống an lành. Diệu dụng hóa độ, tự tánh là thực. Gắng tu thiện tịnh xua trừ si độn. Căn bản chỉ dạy (là) khiến thiện phát sinh. Đạt được tĩnh trụ, thắng pháp tự chứng. "Hạnh vị" biến khắp, dần đạt quả Thánh. Tự tánh sáng tỏ lớp lớp thâm diệu. Lực dụng tươi đẹp, rực rỡ thù thắng. Tự tánh đạt được, nhân gốc tự tín. Bản tánh viên mãn, bỉ thử sung mãn. Thanh tịnh thuận hợp, nguồn cội hiện bày. Rõ mọi giả hợp, tánh dứt chấp ngã. Tu hạnh tịnh diệu (là) nhân của thực tại. Gốc luôn thường trụ, tỏ ngộ giải thoát. Phạm hạnh mong đạt, tịch nhiên an trụ. Oan báo đã dứt, nghiệm túc xa lìa. Kính ngưỡng pháp tạng, nhiệm mầu vi diệu. Giáo pháp thù thắng, hóa độ diệu dụng. Giáo lệnh của vua (là) chốn đầy oai đức. Muôn dân khắp cõi cùng về quy ngưỡng. Pháp lệnh nghiêm minh, muôn loài như một. Thánh đức sửa trị, người vật sung túc. Oán thù tuy có, rốt lại chẳng lo. Hóa độ muôn vật đầy đủ không sót. Khắp mọi nơi chốn đều nương thọ giáo. Nước ấy do đâu tịch tĩnh vô cùng. Bồ-tát mở lời sâu xa quý giá.

Thế nào là nơi chốn thuận hợp hiện bày?

Các pháp khế cơ cứu giúp khắp chốn. Dứt mọi dối trá, đạo hạnh dốc tu. An ổn khắp nơi, muôn người cũng vậy. Giáo hóa hưng thịnh, an lạc vô cùng. Thắng nghĩa dừng lặng, an tĩnh như trời. Thanh tịnh bao trùm, cứu giúp đều khắp. Tu trị bình đẳng thảy đều đúng pháp. Hành động phát huy ngày một viên mãn Mọi thứ chướng nạn thảy đều dứt sạch. Thông tỏ ngọn nguồn tộc loại tranh nhiễm. Cõi tâm tự tại, mọi việc hòa hợp. Nghiệp ác đã thành, rất khó chuyển đổi. (ví như) bạn bè đông đảo rất khó xa lìa. Phiền não tranh quấy sức không dừng nổi. Dứt bỏ tạo nghiệp (ác) thắng hạnh dốc tu. Tu theo Phật pháp, hành hạnh "chỉ tức". Nương pháp chân tịnh, lìa chướng, phiền não. Hình tướng tự tánh thể như hư không. Hư không bao la gồm thâu muôn vật. Gốc pháp vô ngã, thanh tịnh tịch nhiên. Giáo hạnh phát

sinh, sâu xa vô tận. Hành động tu học (theo) các pháp tịch tĩnh. Khắp chốn an tĩnh, vô úy như vậy. Dốc tu hình tướng (chỉ đạt) điên đảo, nhiễm tranh. Phải nên tu tập thanh tịnh chân thật. Thấu đạt hòa hợp như thể hư không. Thù thắng trùm khắp bình đẳng thuận theo. Hành động tùy thuận ba loại bản trí. Một đời hại vật, vương giả sám hối. Tâm đạt đúng cõi, thuận tập thù thắng. Rõ lời bỉ thử, tự tánh thảy lìa. Thế gian nuôi dưỡng si độn tận cùng. Phạm hạnh thanh tịnh thế gian không mất. Quốc vương đáng yêu mong đạt bố thí. Nghĩa chứa thâm diệu vượt mọi bến bờ. Hay thật chẳng theo, cột chặt với đời. Nhớ nghĩ tử khổ, phải nên lìa bỏ. Tịch tĩnh như vậy hướng đạt việc thiện. Nên gấp lìa bỏ khổ não hoạn nạn. Ghi nhớ thuận theo đất nước giàu đẹp.

Thế nào là hạnh Như như phát sinh?

Nơi chốn cấu nhiễm thảy đều thanh tịnh. Nhớ nghĩ dứt trừ các tướng bụi cáu. Ngọn nguồn tịch tĩnh hoạt động như vậy. Trượng phu thảy đều dứt bỏ hý luận. Muôn dân vui hòa thế gian an tĩnh. Thư thái, an lạc gắn bó với đạo. Cội nguồn thắng nghĩa tận cùng là thế.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ BA MƯƠI HAI.

Gánh vác chân thật, thù thắng tận cùng. Tự tánh thanh tịnh (là) ngọn nguồn (mọi) hình tướng. Lực dụng theo nhân, quả đạt nhiều loại. Đó là tùy thuận thấu đạt hành tướng Bồ-tát.

Thù thắng thuận hợp khắp mọi nơi chốn. Lực dụng dứt buộc phát sinh trọn đủ. Cội nguồn hành động (là) hành không chuyển biến. Nhân tịnh chẳng sinh, hình tướng khó đạt. Phải nên nhớ nghĩ nhận rõ phiền não. Nhân pháp sinh khởi, cứu cánh hiện bày. Lìa mọi chướng ngại. Giáo pháp thanh tịnh, thức tánh thuận theo. Tự tánh thông tỏ (là) lực dụng trí tuệ. Cội rễ (mọi) biến chuyển, bố thí làm đầu. Tâm hành thương dẫn, tự tánh thù thắng. Tạo nghiệp thanh tịnh (là) lực của tự tại. Đó là lực dụng chân thật, tánh như (là) "bất sinh", dốc tu thiện hạnh. Tư duy nghiệp thiện (dứt) phiền não trói buộc. Phật-đà dạy rõ: Quả báo luôn tăng. Nhận thức thấu đáo. Bỉ, thử thắng hạnh. Nhớ nghĩ Phật pháp tạo nghiệp thanh tịnh. Cõi, loài nhận rõ các pháp trói buộc. Nghiệp ác tạo thật, quả dữ đâu sai. Nhớ nghĩ lời Phật (dạy) sao chẳng từ bỏ? Tịnh diệu chân thật, nẻo đến tất rõ. Chân lý hiện rõ (là) nơi chốn "bất sinh". Hình tướng thanh tịnh bất động như núi. Quả khổ dấy lên, Mạt-na cùng sinh. Chỗ nương thuận theo. Rõ nghĩa tương hỗ. Dòng thác

nhiễm tánh cùng ý thức hợp. Sinh theo thứ lớp, nhận báo tổng – biệt. Nhân gốc mong đạt tạo tác vô, tĩnh. Mười nẻo thiện riêng thành ra trăm loại. Giáo hóa tu thí nhiều kiếp lâu dài. Lực dụng thiện tịnh xa lìa nhiễm buộc. Gốc sinh tạo tác không nhân chẳng thành. Như như thêm rõ (là) thực tại chân thật. Thân tướng thiện diệu nhớ nghĩ bao la. Tịch tĩnh hiện rõ, dứt, nghĩ không dừng. Thiền định thanh tịnh, tự tại hiển hiện. Bậc đại hữu tình dốc tâm thực hành. Tự tánh gốc tu, năng lực thù thắng. Tự tại tăng trưởng (là) nơi nương (của) hình tướng. Thắng nghĩa vô úy (là) an tĩnh viên mãn. Diệu dụng nhĩ căn (là) nơi chốn vô ngại. Tĩnh trụ bao la trong lặng hiện bày. Thanh tịnh phát huy, dứt mọi gốc sợ. Phật đạo giải thoát dứt sạch si độn. Hành thí chẳng mất, tạo tác chuyển bền. Hòa hợp chẳng quên, năng lực ghi nhớ. Đạo hạnh phát sinh, thanh tịnh tối thượng. Nhân thắng biến chuyển (là) hình bóng thượng diệu. Hóa độ bình đẳng, thường tịnh thuận hợp. Bố thí tịnh diệu, an ổn khắp chốn. Công hạnh nhân thắng khắp chốn đều đạt. Tu tập thuận theo các hạnh Bồ-tát. Hành thí vô biên khắp cõi chúng sinh. Rõ lợi thắng diệu tôn quý vô úy. Ở nơi vô ngã yêu kính trong lặng. Năng lực tự tánh hành hạnh bất thoái. Thấu đạt cùng tận, lìa mọi hữu vô. Quả khổ không mất, chân thật phát sinh. Hình tướng vốn không, an tĩnh, yên định. Tự tánh trong lặng quả đạt viên mãn. Bản trí bình đẳng, sự lý gồm đủ. Niết-bàn mong đạt, lợi lạc sung mãn. Tận cùng chẳng mất (thì) ngã mạn chẳng sinh. Bản trí tịch tĩnh thuận theo gốc cũ. Tạo tác trọn vẹn, lực dụng thanh tịnh. Gốc sinh điên đảo nơi chốn tăng thêm. Tu tập bố thí, vô hữu đúng phần. Lực dụng tự tánh tịnh diệu thù thắng. Nhân tu phạm hạnh phước báo cõi trời. Binh mạnh tịnh diệu, diệt trừ phiền não. Tự tánh chẳng mất (như) kim cương năng dứt (tất cả phiền não). Tu thí thanh tịnh mong diệt si độn. Dốc tu như vậy, hạnh đạt cứu cánh. Chân thật dứt nhiễm (là) nơi chốn bình đẳng. Lực dụng gồm đủ, tăng trưởng (thiện) xa lìa (ác). Tu tập thù thắng (là) cứu cánh tự tánh.

Thế nào là đạt được gốc thật tịnh diệu?

Lực dụng hiện hành, cõi ngã chẳng tăng. Thanh tịnh tự tại, dứt sạch nhiễm ác.

Thế nào là chẳng tu tạo đền đài?

Quả báo chẳng tinh, nghèo đói nhận chịu. Lưu chuyển chẳng bền, đổi dời rơi rụng. Đức hạnh gắng đạt, an lạc thuận theo. Thân thể chi phần nguyên vẹn không mất. Phước đức không bỏ, quả báo trọn nên. Là chốn Bồ-tát an tĩnh dẫn dạy. Chân thật tự tại, thể tánh "vô cầu". Chủ thể vô úy: tối thắng vô tận. Tự tánh chẳng mất, lực dụng phát sinh. Tu hạnh đàn-na,

công dụng đầy đủ. Tất cả đó là theo hạnh Bồ-tát. Phạm hạnh an trụ (là) gốc của "vô tu". Trói buộc, họa, nạn, tĩnh lặng dứt sạch. Thượng diệu tiến tu, quả Phật mong đạt. Tâm hưng lực đủ, tinh tấn như vậy. Lìa nhiễm đạt được viên mãn tận cùng. Xa lìa che buộc, đức hạnh thuận hợp. Hình tướng xem xét, thắng lực gắng tu. Điên đảo hợp phần, đạo hạnh thiếu vắng. Ái lạc khế hợp, đâu phải hư bày. Nêu rõ hữu vô, đúng (là) mưa pháp lớn. Cứu cánh tối thượng (là) lìa hết các pháp. Thắng thiện dứt tranh thuận theo sở cầu. Cội rễ không bày, chỉ theo cành, ngọn. Thánh nhân rũ (lòng) dạy, việc nêu khế hợp. Phiền não che buộc là hạnh hữu lậu. Cấu nhiễm biến khắp đều không thể được. Hạnh bậc Trượng phu (thuộc) chủng tộc thù thắng. Thường tịch, an định, vượt mọi ngôn từ. Gìn giữ tâm thường (như) châu báu chẳng hoại. Tánh vốn lưu chuyển, dứt mọi tác dụng. Trí giải tỏ ngộ tánh vốn Như như. Tu nhân ảnh hưởng nghiệp báu như vậy. Bồ-tát từ bi dốc lời chỉ dạy. Nhận rõ chân thật dắt dẫn mọi nẻo. Lực dụng thanh tịnh, cấu nhiễm không thể (dấy). Khắp chốn an lạc không thể so, ví. Thắng nghĩa thanh tịnh (là) tự tánh hiện bày. Sám hối trọn nên, thanh tịnh như trời. Ngôn thuyết lìa (mọi) tướng thắng nghĩa, cấu nhiễm. Ngọn nguồn thắng dụng là "bất khả thuyết". Tự tánh của ngã cũng "bất khả thuyết". "Bản sinh" thường nghĩa là nghĩa chân thật. Mọi tạo tác ấy, hạnh đạt tùy thuận. Ngã kiến suy tìm là hành điên đảo. Dòng thác nhiễm hiện, phân biệt cùng sinh. Ngôn ngữ tịch tĩnh, gánh vác đích thực. Hành theo thanh tịnh, rõ nghĩa hữu tình. Hóa độ muôn loài vượt qua sinh tử. Lành thay thực hiện, trừ dứt nghèo khổ. Năng lực thâm diệu vượt quá ngôn từ. Mọi ái lạc ấy ngôn thuyết thêm rõ. Nơi chốn tịch tĩnh (là điều) mong muốn không dừng. Tâm dụng thù thắng, bố thí đều khắp. Thân phần tươi đẹp, nơi chốn thuận hợp. Thánh lực ung dung (là) thắng nghĩa "vô úy". Tánh ấy thanh tịnh là sự vô cấu. Lực dụng hành giải (là) các pháp biến khắp. Tự tánh giảm sút, bình đẳng chẳng thành. Giới đức năng trừ sạch mọi cấu nhiễm. Đức hạnh cõi trời quý trọng chân thật. Quả báo cõi ác cũng đều không dối. Nghiệp thiện (và) bất thiện (nghiệp) công lực như nhau. Hạnh nhẫn thế nào, khổ nhọc không thoái? Gặp cảnh trái ngang, trí bền không khuất. Nóng lạnh bức bách an nhiên chịu đựng. Hạnh của phàm phu (thì) phơi bày hiện rõ. Hình tướng trí tuệ tạo tác thanh tịnh. Cõi ác lại hiện, quả báo nhận đủ.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỒ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ BA MƯƠI BA.

Dòng thác điên đảo (là) nhân sinh (ra) ngã mạn. Đó là phần gốc (của)

ý thức – thức thứ sáu. Bồ-tát làm sao hợp phần lâu dài. Muốn chứng quả lớn, nhân ít khó thành. Tu vạn hạnh nhân đạt quả vô biên. Bồ-đề, Niết-bàn không thể nghĩ bàn. Tu hạnh tinh tấn, đại bi viên mãn.

Thế nào là hợp phần?

Chướng ngại tinh thô như (cõi) không khó lìa. Ba "căn bản trí", tám "hậu đắc trí" mới (có thể) dứt trừ, đạt quả tự tại. Pháp, Báo, Hóa thân hành giải đầy đủ. Giáo pháp thanh tịnh (là) gốc mọi lực dụng. Quả vị Thanh văn (đạt) thắng nghĩa chân thật. Tánh định "trọn vẹn" thân trí tịch diệt. Tánh trở về tâm, vào thân chuyển biến. Thuận theo Đại thừa đạt quả vị Phật. Phật pháp phạm hạnh hóa độ viên mãn. Bậc đại hữu tình tự – tha lợi trọn. Nơi thân hữu tình Phật tánh gồm đủ. (Dù là) hạng phàm hoặc Thánh, thượng trí hạ căn (cũng đều có) tự tánh chung ấy muôn kiếp thường tại. Là cõi tâm – pháp thiện không thể mất. Nên muốn tùy thuận theo bậc Đại nhân, bình đẳng cứu giúp đều khắp mọi cõi. Đạt hạnh tinh tấn gánh vác thù thắng. Tánh bị che buộc, gốc từ chấp ngã. Nơi chốn xóm làng yên tĩnh, hòa thuận. Không hạnh thanh tịnh, cấu nhiễm lây tràn. Bi nguyện độ dẫn (là) nơi chốn bình đẳng. Cõi ý viên mãn hết lòng lợi vật. Vua trong một nước lời lành dẫn dạy. Dân chúng khắp cõi thuận theo như gió. Lực dụng quốc chủ tùy thuận thù thắng. Tự tại đích thực thanh tịnh tận cùng. Nơi chốn tạo tác nghiêm đẹp hơn hẳn. Hành, giải gồm đủ, thân tâm khinh an. Tự tánh hiện bày nhân thắng sung mãn. Phiền não (ở) cõi trời tạo nên sát hại. Lực dụng bạn lành (là) Ba thừa dẫn dắt. Cứu cánh tự tánh chân thật an lạc. Như sư tử vương uy nghi tự tin. Mong đạt lãnh hội hành giải đầy đủ. Tự tánh thanh tịnh là nghĩa giải thoát. Lực dụng gốc tánh (tạo) hình tướng phong phú. Tâm trong chẳng xao (là) tĩnh mặc vô tưởng. Oan gia xưa cũ tiếp xúc hiện tiền. Dốc tu thắng thiện lìa bỏ bạo nạn. Do từ nợ (kiếp) trước, phước tội nặng nhẹ. Chi phần oan gia, hữu tình tự khởi. Tự tánh thông tỏ, dứt trừ phiền não. Phải nhờ tha lực. Hý luận dấy càn tạo tác độc hại. Ngôn thuyết từ gốc chuyển phần tăng trưởng. Diệu lực tự tại đạt "bất khả đắc". Chân thật Như như dứt mọi tạo nghiệp. Bồ-tát hành hóa không cầu phước báo. Hình tướng thuận hợp, bình đẳng phát huy. Tu tập căn bản tịch tĩnh thắng diệu. Phiền tạp hý luận trói buộc khắp chốn. Tự tại đúng phần (là) nơi chốn an tĩnh. Hình tướng thù thắng gốc mọi chuyển biến. Tịch tĩnh hướng đạt (là) nơi che (cho) hành động. Thảy đều chân thật dứt sạch độc hại. Hý luận phát khởi, từ gốc si độn. Nhân thắng phước tăng thảy được thuận hợp. Từ chốn tĩnh lặng, thực hiện đều khắp. Nhân tịnh hòa hợp nảy nở mọi cõi. Bình đẳng thành tựu, thông tỏ hiện bày. Dứt tham, sân, si, (là sự) thực hành tột bậc. Khổ thọ chuyển biến, trí tuệ tăng trưởng. Tự tánh an tĩnh, ái lạc hiện

bày. Nơi của bố thí, nghiệp báo chẳng sai. Thông tỏ nghĩa "như" (là) tự tánh vô ngã. Cứu cánh khế hợp thanh tịnh như (hư) không. Thiền định tịch tĩnh diệt hết khổ não. Tự tánh thông tỏ, thân tâm an định. Mong (tạo) nghiệp thù thắng (đạt) ái lạc thượng diệu. Hành, giải nương theo thanh tịnh an lạc. Thể bậc Bồ-tát vui hòa đầm ấm. Bình đẳng tột bậc (là) thắng nghĩa an tĩnh. Ngôn ngữ mật hạnh diệu dụng khó bàn. Tánh như khế hợp chân thật đáng quý. Là chốn dốc tu, lực dụng tăng trưởng. Thù thắng phát sinh.

Thế nào là bản tánh vô cùng tôn kính?

Mới sinh liền đủ, thảy đều trọn vẹn, thật tánh đều khắp, thể có hơn kém. Thông tỏ chân thật, tạo nhân ắt đạt. Thể tánh thượng diệu nơi người thù thắng. Lui tiến xác định, mười phần sáng tỏ. Chỗ dùng bình đẳng gốc mọi hành thí. Các hạnh phát sinh mười loại giới nhẫn. Ý lạc tịch tĩnh, tạo tác chân thật. Tĩnh trụ không bày, vọng nhiễm dấy khởi. Đạt "bất khả đắc" (tức là) dứt mọi hình tướng. Cõi tánh đạt được thân tướng thuận theo. Nương tựa tịch tĩnh, dứt mọi biến động. Chuyển biến thảy dừng, hữu vô đều vượt. Hành tướng chân ngôn "Bất khả tư nghị". Công đức trì giới là nhân tôn quý. Diệu lực thiền định (là) đường vào Phật quả. Hòa hợp bình đẳng, xa lìa tạo nghiệp. Trói buộc cũng trừ. Là chốn Bồ-tát hết lời ca ngợi. Tịnh hạnh giáo hóa thông tỏ thù thắng. Nguồn ngọn tận cùng đều "bất khả đắc". Hành tướng trí tuệ thông tỏ chân thật. Lực dụng phước đức biến khắp mọi chốn. Lực dụng thắng nghĩa, công của Thiên đế. Là chốn tu tập hình bóng bình đẳng. Tụ tánh hướng đạt phước lộc sung mãn. Cõi ý thanh tịnh (là) gốc mọi phạm hạnh. Cứu cánh thuận hợp tăng trưởng viên mãn. Tâm hành bố thí, thắng nghĩa phát sinh. Hình tướng tịnh diệu đời khen ít có. Tu hạnh Bồ-tát mọi người chiêm ngưỡng. Mẹ hiền tự tại, hình tướng phát huy. Bố thí tịch tĩnh, nguồn ngọn như (hư) không. Nghiệp dữ phát sinh, diệu lực năng trị, khế hợp như vậy. Ý đạt thanh tịnh, thảy đều chân thật. Chân chánh tu tập (đạt) trí tuệ giải thoát. Là chốn Bồ-tát dứt sạch khổ quả. Vượt mọi thí dụ. Diệt hết phiền não, trói buộc năm uẩn. Tu hạnh thanh tịnh. Danh sắc năm uẩn thu giữ tất cả. Dứt chướng phiền não (cùng) dòng thác tranh, nhiễm. Tự tánh phát sinh tu hạnh tịch tĩnh. Là chốn hóa độ bố thí tăng thêm, trí tuệ phát sinh. Gốc sạch nhiễm buộc, đúng phần thuận hợp. Cõi trời tịch tĩnh tạo tác chân thật. Lực dụng căn bản (là) tịnh diệu dứt cấu. (Cùng) ngã chấp, hoặc gốc, độn nhiễm, tham si. Trói buộc gắng diệt, quyết đạt tự tại. Lực dụng bố thí, hình tướng mong đạt. Thắng nghĩa phước báo sung mãn, khác thường. Hình tướng thanh tịnh (là) nơi chốn tĩnh lặng. Nhân thắng chân thật rõ nghĩa hành giải. Là cõi Bồ-tát dứt nghiệp si độn. Thuận theo sinh tử dẫn dắt muôn loài. Cõi trời, hữu tình nên nhân thuận hợp. Bậc Thánh

hành động dốc thập nghiệp thiện. Hành hóa "vô tướng" đạt nghĩa hòa hợp. Tu hạnh thắng diệu dứt nẻo chuyển lưu. Thù thắng phát sinh, tịch tĩnh sung mãn. Tự tại thù thắng, (vượt) chấp tướng bỉ ngã. Tự tánh chân thật (dứt mọi) điên đảo che buộc. Phật tánh Như như, bản trí thuận hợp. "Hậu đắc" duyên như, "biến ảnh" đạt được. Nhân quả khác chỗ dù thân hay không. Pháp tánh viên mãn nguồn ngọn như thế. Hữu vi gọi (là) Tạng, vô vi (gọi) là Pháp thân. Hành động tận cùng, chuyên đạt "pháp thể". Tùy thuận hiện bày, tái hiện, lìa bỏ. Hành thí "vô úy" nghĩa lợi phát sinh. Hình tướng xưa nay phát khởi tạo tác. Bố thí phân biệt, tâm thắng chẳng theo. Ruộng phước chân thật, thù thắng vô tướng. Bản tánh bố thí dứt sạch mọi tướng. Gốc là vô tánh, chẳng thể tự cầu. Xa lìa tham dục (đạt) thanh tịnh tối thắng. Đạo hạnh thắng diệu an lành tận cùng. Tánh như mong đạt ngộ "bất khả đắc". Tìm vào cửa chân (là) "vô khả", "vô bất khả". Tự tánh diễn lời nương danh – cú – văn. Danh – cú – văn giả (hợp) "ngôn thuyên" nào thật. Cội nguồn là "bất sinh", dưỡng nuôi hành giải. Là cõi thường tịch, an tĩnh không hoại. Trời, người thanh tịnh, dứt hết kinh sợ. Lành thay tự tánh, phong phú chẳng hư. Chân thật tối thượng hiện bày thuận hợp. Hình tướng thuận hòa, tánh tịnh viên mãn. Lực dụng bố thí, gốc mọi phước đức. Nhân của mẹ hiền, tộc vọng là chính. Mong đạt tịch tĩnh, phiền não chẳng sinh. Bỉ thử thù thắng lại thêm kính hợp. Nhân duyên phước đức nơi cõi trời ấy. Lành thay tự tánh thuận hợp tròn đầy! Thông tỏ tánh uẩn, thật tướng sinh khởi. Thắng nghĩa phát sinh dứt tướng biến chuyển. Sám hối như vậy diệt hết lỗi lầm. Phiền não chồng chất sự – lý mê chấp. Lợi độn thông tỏ phẩm số trên hết. Như vậy căn – tùy (phiền não) phân biệt cùng sinh. Nơi chốn, thời, đoạn, luận bàn đã rõ. Thứ lớp pháp số, thắng lực hướng đạt. Hiền thiện viên mãn, chân thật tu tập. Tu tập hiền thiện ngọn nguồn như vậy. Vi diệu sâu xa là hạnh căn bản.

BỒ-TÁT HÀNH THÍ, TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM HỘ QUỐC BẢN SINH NGHĨA THỨ BA MƯƠI BỐN.

Đó là Bồ-tát tu hành thắng hạnh.

❑

SỐ 161

PHẬT NÓI KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào sách dịch đời Tây Tấn

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ngày xưa, có Bồ-tát làm đại quốc vương tên là Trường Thọ, có thái tử tên Trường Sinh. Nhà vua dùng chánh pháp để trị nước, không sử dụng hình phạt đao gậy đối với dân, nên mưa thuận gió hòa, lương thực đầy đủ.

Có ông vua nước lân cận tánh tình bạo ngược, không biết trị nước bằng chánh pháp khiến dân chúng đói nghèo. Vua này bàn với cận thần:

– Ta nghe nước của vua Trường Thọ ở cách đây không xa, giàu có yên vui nhưng không chuẩn bị binh lính và vũ khí. Ta muốn đem quân đến đánh chiếm nước này, khanh thấy như thế có được chăng?

Quan cận thần đáp:

– Rất tốt.

Vua bạo ngược bèn khởi binh đi đến bờ cõi của vua Trường Thọ. Quan biên phòng của nước này chạy về tâu vua:

– Vua tham lam tàn bạo nước kia đang kéo binh đến, muốn xâm chiếm đất nước chúng ta. Xin đại vương sớm chuẩn bị binh mã.

Vua Trường Thọ liền triệu tập quần thần, bảo:

– Vua nước láng giềng đã đem quân đến, chỉ vì chúng tham lam muốn chiếm lấy lương thực và tài sản của muôn dân ở đây. Nếu ta đánh nhau với họ ắt dân lành sẽ bị thương tổn. Than ôi! Vì tranh giành đất nước mà giết hại dân chúng, ta không thể làm như vậy.

Quần thần tâu:

– Chúng thần đều đã sớm chuẩn bị binh đội chiến thuật, chắc chắn sẽ thắng nước kia, cũng không để cho binh lính của Minh vương bị kẻ địch

làm hại.

Nhà vua đáp:

– Nếu ta thắng thì sẽ có người tử vong, binh lính nước kia và dân của ta đều ham tiếc mạng sống. Nếu vì thương mình mà hại người thì bậc Hiền giả không làm như thế.

Quần thần không nghe theo lời vua, họ giữ vua ở lại trong cung, rồi cùng nhau tập hợp binh đội, vũ khí, đưa đến biên giới bố trí, dàn trận để chống cự.

Vua bảo thái tử Trường Sinh:

– Nay quần thần vì ta cho nên muốn chống lại quân của vua bạo ngược kia. Ta nghĩ hai bên đánh nhau ắt có sự tử thương. Nay ta muốn cùng con bỏ nước trốn đi.

Thái tử vâng lời. Hai cha con bèn vượt thành đi vào chốn núi rừng u tịch.

Lúc ấy, vị vua bạo ngược thắng trận nên đem quân vào nước của vua Trường Thọ, đòi phải nạp cho ông ta ngàn cân vàng và ngàn vạn tiền.

Hôm sau, hai cha con vua Trường Thọ đi đến ngồi nghỉ cạnh gốc cây bên đường. Có một người Bà-la-môn từ phương xa đến, cũng dừng chân tạm nghỉ bên gốc cây, ông ta hỏi vua Trường Thọ:

– Ông ở đâu và đến đây có việc gì?

Vua đáp:

– Ta là người trong nước này, tình cờ đến đây dạo chơi.

Vua Trường Thọ hỏi người Bà-la-môn:

– Hiền giả từ đâu đến đây cần việc chi?

– Tôi là đạo sĩ, nghèo quê mùa ở từ vùng xa xôi, được nghe vua Trường Thọ của nước này có hảo ý bố thí cho tất cả những người bần cùng, vì thế tôi đến đây muốn xin nhà vua giúp cho phương tiện để sinh sống, không biết vua bây giờ thế nào? Ông là người trong nước chắc có biết việc này, nhưng tại sao bây giờ nhà vua không bố thí nữa?

Vua im lặng suy nghĩ: "Người này cần ta giúp đỡ nên từ xa đến đây, gặp lúc ta lưu vong không mang theo tài sản gì, nghĩ thật đáng thương!".

Nhà vua rơi lệ nói với người Bà-la-môn.

– Ta chính là vua Trường Thọ. Có ông vua bạo ngược nước kia mang quân đến xâm chiếm nước ta, ta đã bỏ nước tính sẽ vào ở ẩn nơi chốn núi rừng kia, nay gặp Hiền giả đến đây, nhằm lúc ta chẳng có gì không biết lấy chi để giúp Hiền giả!

Hai người cùng rơi lệ, nghẹn ngào.

Vua nói:

– Ta nghe tân vương đang dốc sức truy tìm ta, ông có thể lấy đầu ta dâng lên sẽ được trọng thưởng.

Người Bà-la-môn nói

– Từ phương xa tôi đã nghe đại vương luôn cứu giúp tất cả mọi người, cho nên tôi tìm đến đây là để xin ngài, vì tôi quá nghèo khổ không biết lấy gì nuôi thân! Nhưng gặp lúc nhà vua bị mất nước, đó là do tôi bạc phước, bây giờ ngài dạy tôi lấy đầu ngài thật tôi không dám vâng lời.

Vua nói:

– Ông từ xa xôi đến đây, vì cần có của cải để sinh sống, nhưng gặp lúc ta hoàn toàn tay trắng không có gì để giúp đỡ. Vả lại, người sống trong đời đều phải chết, chúng ta cũng sẽ như vậy thôi. Nay ta xin đem thân cho ông sao ông lại từ chối không nhận? Bây giờ nếu ông không nhận, sau có người đến tìm, ta cũng cho họ, chi bằng người nhận trước đi.

Người Bà-la-môn thưa:

– Tôi không nỡ giết đại vương! Tâu đại vương, nếu ngài có lòng từ rộng lớn, ắt ngài muốn tự sát để bố thí cho họ, song ngài nên cùng tôi đi đến đó mới được.

Nhà vua bèn đi theo người Bà-la-môn đến ngoài cổng thành, bảo ông ta trói mình lại rồi vào tâu với vua tham. Vua tham liền ban thưởng tiền vàng cho người Bà-la-môn rồi bảo ông ta đi về. Bấy giờ, vua tham định giết vua Trường Thọ rồi thiêu, còn đầu thì đem bêu nơi ngã tư đường. Quần thần của vua Trường Thọ tâu với vua tham:

– Chúng tôi là bầy tôi cũ, nay là ngày cuối nhà vua kia phải chịu chết, xin được làm buổi tiệc nhỏ để tiễn đưa.

Vua tham bằng lòng, đám quần thần ấy đều nghẹn ngào, đến chỗ vua Trường Thọ. Dân chúng trông thấy đều nói:

– Vua bị chết thật oan uổng!

Muôn dân trong nội ngoại thành đều kêu trời.

Thái tử Trường Sinh khi ấy đang ở gần đường lộ. Nghe người ta nói cho biết phụ vương của mình bị vua tham bắt, thái tử liền đi chặt củi gánh vào chợ bán. Lúc đó vua cha đang đứng giữa cảnh huyên náo của mọi người, thái tử thấy cha mình sắp bị giết, lòng đau đớn như cắt. Vua Trường Thọ trông thấy Trường Sinh, sợ thái tử sẽ giận dữ tìm cách báo thù, nên ngước mặt lên trời than:

– Nếu là người con chí hiếu, thì hãy để cho cha vui chết mà lòng không thù hận, không nên vì cha mà báo oán tức là cha đã vui lòng chết, không chút lo buồn. Nếu con trái lời cha dặn vẫn thực hiện việc trả thù, tức là con đã làm cho cha chết với nỗi ân hận trong lòng.

Trường Sinh không nỡ trông thấy cha mình chết, nên đi vào núi. Vua Trường Thọ bị đưa đến chỗ chém và thân xác bị thiêu đốt.

Thời gian dài về sau, Trường Sinh tự suy nghĩ: "Cha ta là người vô cùng nhân nghĩa, đến chết vẫn không thay đổi! Như gã vua tham này thuộc loại người không biết phân biệt thiện ác, đã giết oan cha ta. Vì cha ta có tâm Từ bi, nhân hậu, nên chết vẫn không có lòng oán giận, nhưng ta thì không thể nhẫn như thế được! Ta mà không ra tay giết tên vua tham bạo này, ta thật sự không xứng đáng sống trên cõi đời này nữa!"

Nghĩ vậy, Trường Sinh bèn đi làm thuê trong nước. Có vị quan đại thần đi khắp các vườn ngoài phố để thuê người, gặp Trường Sinh nên thuê về lo công việc trồng rau. Trường Sinh trồng rau rất tốt. Một hôm, quan đại thần đi xem ruộng rau, thấy rau tươi tốt bèn gọi người trông vườn hỏi. Người trông vườn thưa:

– Trước đây ngài có thuê một người lo việc trồng rau nên nay mới tươi tốt như vậy.

Nhân đó quan đại thần gọi Trường Sinh đến hỏi:

– Ngươi có thể làm công việc nấu ăn được không?

– Thưa được.

Quan lớn sai Trường Sinh nấu ăn và Trường Sinh đã làm công việc này rất khéo léo, ngon lành. Quan đại thần nhân đấy bèn thỉnh vua đến nhà mình dùng cơm, thấy thức ăn vừa khéo vừa ngon nhà vua mới hỏi:

– Ai nấu thức ăn này?

Đại thần tâu:

– Trước đây thần có thuê một người, chính anh ta đã nấu các món ăn này.

Nhà vua cho gọi Trường Sinh về cung, sai lo việc nấu thức ăn cho vua. Mấy ngày sau, vua hỏi Trường sinh:

– Ngươi có biết tập luyện về binh pháp không?

Trường Sinh tâu:

– Thưa có biết.

Lúc đó, vua ngồi qua một bên và nói:

– Ta có mối thù oán sâu đậm là con của vua Trường Thọ, nên luôn lo

sợ về chuyện trả thù của hắn. Nay có ngươi làm kẻ hầu cận thì thật là may mắn cho ta.

Trường Sinh đáp:

– Thưa vâng, thần nguyện sẽ hết sức bảo vệ tánh mạng của đại vương.

Hôm sau, vua hỏi Trường Sinh:

– Ngươi rành việc săn bắn không?

– Thần chỉ biết chút ít.

Nhà vua ra lệnh cho kẻ tả hữu chuẩn bị xa giá, rồi cùng với Trường Sinh đi săn. Vừa đến chốn núi rừng, họ đã thấy có thú chạy, nên hai người cùng đuổi theo, chạy mãi vào núi sâu quên mất lối ra. Hai người lạc đường đến ba ngày, không tìm được nẻo về đến nỗi đói khát, khốn khổ. Vua xuống ngựa, mở kiếm trao cho Trường Sinh nói:

– Ta rất mệt nhọc, ngươi hãy ngồi xuống cho ta nằm gối đầu lên đùi ngươi.

Trường Sinh tâu vâng. Nhà vua nằm xuống và ngủ ngon, Trường Sinh suy nghĩ: "Ta đã lần lữa cố công tìm cho được ngươi, nay quả là đã đạt sở nguyện!", liền rút kiếm muốn giết tên vua tham tàn, nhưng lại nhớ đến lời phụ vương trước giờ chết đã ân cần căn dặn dò, nên tự trách: "Sao ta lại ngu tối muốn làm trái lời dạy trước khi qua đời của người cha hiền?". Trường Sinh bèn tra kiếm lại, không giết.

Vua tham bàng hoàng thức giấc, hỏi Trường Sinh:

– Ta vừa nằm mộng thấy vương tử của vua Trường Thọ đến đây muốn giết ta, khiến ta vô cùng kinh sợ. Sao lại như thế này?

Trường Sinh thưa:

– Chắc là nơi rừng núi này có loại quỷ thần hung dữ thấy đại vương tới đây nên tìm đến quấy phá khủng bố. Đã có thần hộ vệ, đại vương cứ an nghỉ, chớ có lo sợ.

Nhà vua lại nằm xuống. Trường Sinh tuốt kiếm lần nữa, muốn giết vua, nhưng rồi nhớ đến lời vua cha nên dừng tay.

Vua tham lại kinh hoàng tỉnh giấc, nói với Trường Sinh:

– Ta lại nằm mộng thấy vương tử của vua Trường Thọ đến đây muốn giết ta. Ta rất sợ, làm thế nào bây giờ?

Trường Sinh đáp:

– Hẳn là Thần núi đã dọa dẫm đấy thôi, xin đại vương chớ lo sợ!

Nhà vua yên tâm nằm ngủ. Trường Sinh lại rút kiếm muốn giết ông

ta, nhưng rồi nhớ đến lời cha, đành thôi. Trường Sinh bèn bỏ kiếm xuống đất, không còn ý muốn giết vua nữa.

Nhà vua lại kinh hãi tỉnh giấc, bảo Trường Sinh:

– Ta lại nằm mộng thấy vương tử của vua Trường Thọ tự bày tỏ tâm ý của mình và không giết ta nữa.

Lúc đó Trường Sinh nói:

– Ta chính là thái tử Trường Sinh, con của vua Trường Thọ. Ta thật cố ý đến đây nhằm giết đại vương để báo thù cho phụ vương ta. Nhưng ta nhớ lại lời cha ta tha thiết dặn dò trước khi chết, người không muốn ta báo oán, do vì ta ngu tối nên mới làm trái lời cha mình. Vì nhớ rất rõ lời dạy ân cần tha thiết ấy mà ta đã do dự không thể hành động theo ý mình. Bây giờ ta đã quăng kiếm xuống đất để chứng tỏ là đã hoàn toàn vâng theo lời cha ta dạy. Tuy nhiên, ta vẫn còn sợ sau này do mê muội không biết suy tính mà ta có thể lại làm hư lời dạy ngày trước. Nay ta xin đại vương hãy giết ta cho sớm để diệt trừ ý ác của ta, chóng giúp ta chấm dứt thân xác này.

Vua tham tự ăn năn nói:

– Ta là kẻ hung ác, bạo ngược không biết đâu là thiện ác. Cha của ngươi là bậc Hiền nhân luôn thể hiện lòng nhân hậu cho đến lúc chết vẫn không thay đổi, mà ta thì tham tàn nên mới không hiểu biết. Hôm nay mạng sống của ta như vậy là đã thuộc về tay ngươi, ngươi vì nhớ lời cha dạy mà không hại ta, ta chân thành cảm nhận tấm lòng thuần hậu ấy. Bây giờ muốn về nước thì nên đi đường nào?

Trường sinh đáp;

– Tôi biết đường đi, nhưng mấy hôm trước, do cố tình đến đây nhằm khiến cho đại vương lạc đường, chỉ vì muốn báo thù cho cha tôi mà thôi.

Trường Sinh dẫn vua ra khỏi khu rừng. Họ trông thấy đám quần thần đang đứng ngồi rải rác khắp ven rừng. Vua liền ngồi nghỉ và bảo dọn thức ăn uống. Vua hỏi quần thần:

– Các khanh có biết vương tử con vua Trường Thọ không?

Trong số các quan này, người không biết thì trả lời là không biết. Có người biết nhưng vì trước kia họ đã thọ ân của Trường Sinh, sợ thái tử bị hại nên họ cũng đáp là không biết. Vua chỉ tay nói: "Đây là vương tử Trường Sinh." Vua nói tiếp:

– Kể từ hôm nay, ta trở về bản quốc, xin giao đất nước này lại cho thái tử, từ đây về sau khanh là em ta. Nếu có nước khác đến xâm chiếm, ta sẽ đến trợ lực cùng khanh.

Rồi vua cùng quan quân trở về nước cũ. Trong nước nhà vua có sản vật gì quý giá cũng đều sai sứ đem sang dâng tặng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Vua Trường Thọ lúc ấy nay chính là Ta, thái tử Trường Sinh tức là A-nan, vua tham tàn là Điều-đạt. Điều-đạt cùng Ta đời đời có oán thù. Ta tuy luôn có tâm thiện đối với Điều-đạt, nhưng ông ấy vẫn muốn làm hại Ta. A-nan vốn cùng Ta không có ác ý, cho nên gặp Ta với tâm hiểu biết thuận hòa.

Bồ-tát cầu đạo luôn tinh cần, khổ nhọc như vậy, đến nỗi bị giặc làm hại vẫn không có tâm oán giận. Nhờ thế, Ta đạt đến quả vị Phật, là Đấng Chí Tôn trong ba cõi.

Các Tỳ-kheo hoan hỷ đảnh lễ Đức Phật.

Phật là Hải thuyền sư
Cầu pháp đưa qua sông
Xe chở đạo Đại thừa
Độ tất cả trời người.
Cũng tự mở trói buộc
Đến bến bờ giác ngộ
Khiến cho các đệ tử
Giải thoát đạt Niết-bàn.
Kính thỉnh Pháp vương đến
Tâm ngay đạo lực an
Tối thắng hiệu là Phật
Cao tột hơn núi Tuyết.
Như hoa sạch vô ngần
Tỏa ngát hương tươi đẹp
Mọi người xem không chán
Tỏa ánh sáng linh diệu.
Chứng đắc tám Chánh giác
Không lìa, không bị nhiễm
Dứt ái phá lưới dục
Tự nhiên không thầy dạy.
Tự sống, không thầy lo
Độc hành không bè bạn,
Tích tụ thành quả Phật
Từ đó thông đạo Thánh.
Thẳng tiến không thoái chuyển

Huyền vi chân thanh diệu
Không sinh và không tử
Đó gọi là Niết-bàn.
Cầu tịch tĩnh vô thượng
Rốt ráo không thọ khổ
Cõi trời tuy xứ thiện
Vẫn không bằng Niết-bàn.
Bậc Thầy trời trong trời
Ba cõi không ai sánh
Tướng tốt, thân trượng sáu
Thần thông dạo hư không.
Giác ngộ bỏ năm ấm
Dứt hẳn mười hai căn
Không tham ngôi trời người
Tâm tịnh mở cửa pháp.
Pháp là Phật vô thượng
Đạo hành nẻo thanh tịnh
Tam bảo đối đời sau
Diệt hết các dục tình
Lìa khổ đạt giải thoát
Thường, lạc và an, tịnh
Nguyện luôn được gặp Phật
Bình đẳng độ quần sinh.
Phật nơi bản hạnh nguyện
Tinh tấn hơn trăm kiếp
Bố thí hành Tứ đẳng
Mười phương thọ ân sâu.
Trì giới tịnh dứt nhiễm
Lòng Từ giúp chúng sinh
Trí tuệ nhập thiền định
Đại bi rộng giảng kinh.
Là nơi người trí ngưỡng
Chỗ các Thánh tôn thờ
Thích, Phạm tôn làm thầy
Mới biết Phật tối thượng.
Khó gặp và không sánh
Cao tột vượt tất cả
Đem công đức ban bố

Con nay xin đảnh lễ.
Nghe mười phương ca tụng
Phá mê, thiền định tĩnh
Sáng thấu bảy cõi trời
Hương đức hơn Chiên-đàn.
Thiên đế thần diệu đến
Tán ngưỡng Đấng Tối Tôn
Thích, Phạm đều cung kính
Cúi đầu xin thọ học.
Thế nên Phật độ đời
Phước thí khắp muôn loài
Thuyết pháp dạy giới hạnh
Nơi nơi thảy phân minh
Cũng đem pháp hành hóa
Đệ tử dốc phụng trì
Khiến trời, người, quỷ, rồng.
Thảy đều cung kính lễ.

❑

SỐ 162

PHẬT NÓI KINH KIM SẮC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Đông Ngụy, Ưu-bà-tắc Cù Đàm Bát-nhã-lưu-chi, người nước Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, bên cạnh Đức Thế Tôn luôn có nhiều chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các vua, hàng vương giả, đại thần, tể tướng, hàng ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn, Ba-ly-bà-xà-ca, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... hầu cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng cung cấp những vật dụng cần thiết, nên Đức Thế Tôn được nhiều thứ tịnh lợi như: y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc men...; có được tất cả những thọ dụng của trời người ấy, nhưng Đức Thế Tôn không hề bị nhiễm vương, giống như hoa sen trong nước không khác, tiếng tốt vang khắp thế gian, muôn loài đều tán thán ca ngợi.

Lúc ấy Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đối với các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong các thế gian luôn biết đúng thời, thích hợp để thuyết pháp, mọi pháp được thuyết giảng phần đầu, phần giữa và cuối đều thiện. Nghĩa lý và ngôn từ đều thiện, hoàn toàn thanh tịnh, gồm đủ phạm hạnh.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, nếu có chúng sinh nào có thể biết rõ được về công đức, quả báo của việc bố thí, như Ta đã biết về công đức quả báo của việc bố thí, nơi bữa ăn, từ khi mới bắt đầu cho đến lúc kết thúc, nếu trước hết không bố thí chút ít thì tự mình không nên ăn. Hãy lìa bỏ tâm tham lam, bỏn xẻn thì mới có thể bố thí.

Này các Tỳ-kheo, nếu có chúng sinh nào không biết bố thí và quả báo của việc bố thí, như Ta đã biết về quả báo của việc bố thí, những chúng sinh như vậy nơi bữa ăn, từ khi bắt đầu cho đến lúc kết thúc, không đem bố

thí chút ít cho người khác mà tự mình ăn thì biết người có tâm tham lam, bỏn xẻn tất không thể bố thí. Vì sao vậy?

Này các Tỳ-kheo, về thời quá khứ có vua tên Kim Sắc, gồm đủ tướng mạo đoan nghiêm, khác thường, thành tựu sắc thân tối thượng, thù thắng vi diệu. Vua Kim Sắc này vô cùng giàu có, của cải vật dụng đầy dẫy, vàng bạc châu báu đủ loại, tiền bạc, xe cộ, voi ngựa, trâu bò vô số không thể kể xiết.

Vua Kim Sắc đóng đô tại thành Nhiêu kim, cung điện của vua ở giữa thành ấy, chiều dài theo hướng Đông tây là hai mươi do-tuần, chiều rộng theo hướng Nam bắc là bảy do-tuần. Dân chúng khắp thành đều khá giả, no ấm, sống sung sướng, an lành. Cả nước có năm mươi bảy ức thôn ấp làng xóm, dân chúng ở các nơi ấy đều sống trong cảnh sung túc, an vui. Sáu vạn núi sông mỗi vùng đều có thành lớn, trong thành có chủ thành, dân chúng cũng đông đúc với cuộc sống no đủ, an lạc. Số quan lại trong triều cùng số hầu cận nhà vua gồm đến một vạn tám ngàn người, thể nữ trong cung là hai vạn. Nhà vua thông thạo vương pháp, nương nơi giáo pháp để cai trị phép nước nghiêm minh vì vua luôn thực hành đúng pháp. Vua Kim Sắc ưa chuộng thực hành bố thí, có thể đem bố thí tất cả những gì thuộc sở hữu, cho đến cả thân thể của mình. Thời ấy, tuổi thọ của con người là tám vạn bốn ngàn năm.

Một hôm, vua Kim Sắc ở nơi thanh vắng, tịch tĩnh, tư duy với ý nghĩ: "Ta không nên thu thuế của tất cả những người buôn bán, cũng không thu thuế của dân chúng."

Suy nghĩ như vậy rồi, vua bèn cho gọi các đại thần tả hữu, nội ngoại, các bộ, bá quan và ra lệnh:

– Từ nay về sau, tất cả dân chúng, mọi kẻ buôn bán đều không bị thu thuế. Ta tha thuế cho muôn dân khắp cõi Diêm-phù-đề này.

Nhà vua đã dùng phương tiện như thế, trải qua nhiều năm theo đúng pháp để trị nước.

Vào một thời gian khác, trong nước có ngôi sao xấu xuất hiện, nên liên tiếp những mười hai năm trời không mưa. Có một người Bà-la-môn giỏi về tướng thuật, chú luận, rành về khoa chiêm tinh đã biết rõ về ngôi sao xấu kia bèn đến hoàng cung yết kiến vua. Đến nơi người Bà-la-môn tâu vua: – Nay Thiên tử nên biết, sao xấu xuất hiện là điềm chẳng lành, nên trong mười hai năm liền trời sẽ không mưa.

Vua Kim Sắc nghe nói như vậy, thì hết sức xót xa, than thở, nói:

– Khổ thay cho những người dân nơi cõi Diêm-phù-đề này! Khổ thay

cho những người dân nơi cõi Diêm-phù-đề của ta! Biết đến bao giờ nơi cõi Diêm-phù-đề của ta mới được sung túc, an lạc? Người vật luôn đông đúc, phồn thịnh. Phải chăng chẳng bao lâu cả cõi nước này sẽ trở nên trống vắng không còn có dân chúng?

Trong giây lát, vua Kim Sắc không than thở nữa mà suy nghĩ: "Những người giàu có luôn chứa để nhiều tài sản, thực phẩm, trong mười hai năm họ có thể qua khỏi, không chết. Nhưng người bần cùng của cải ít ỏi, thực phẩm thiếu thốn, làm thế nào họ sống được? Mười hai năm đó làm sao họ có thể vượt qua?"

Nhà vua lại tư duy: "Nay ta phải cho thu gom tất cả thực phẩm trong cõi Diêm-phù-đề này để lại một chỗ. Tất cả nhà cửa trong ngoài, tất cả thôn xóm, thành ấp, tất cả mọi người trong cõi nước của ta, những ai có lương thực đều phải nộp tập trung về nơi các kho để tính biết được số lượng. Tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, cần biết đúng số lượng nhân khẩu sẽ dùng lương thực có được chia đều cho họ trong mười hai năm."

Suy nghĩ như vậy rồi, nhà vua liền cho gọi các đại thần hầu cận, các bộ trong ngoài, trăm quan, tất cả các ty sở trực thuộc, những vị quan trông coi các nơi đó đều tập hợp về hoàng cung. Nhà vua ra lệnh:

– Các khanh hãy đi khắp mọi vùng trong cõi Diêm-phù những nơi nào có lương thực, đều thu gom tất cả lại để tính biết được số lượng.

Lệnh vua ban ra đã được các quan thực hiện nhanh chóng. Sau đó, các quan thừa hành lệnh vua cùng vào triều tâu:

– Chúng thần đã gắng hết sức tâm lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Lương thực trong khắp cõi đã được thu gom, tập trung nơi các kho chứa. Xin đợi lệnh của đại vương.

Bấy giờ, vua Kim Sắc cho gọi những người giỏi về tính toán, về sổ sách trong cõi Diêm-phù-đề ban chỉ dụ:

– Các khanh phải đi đến tất cả mọi nơi trong cõi Diêm-phù-đề, để tính toán nắm đúng về số lượng nhân khẩu, từ ta là người đầu tiên, nhân đó, đối chiếu với lương thực để xét cấp theo hướng bình quân.

Những người này tuân theo dụ của vua, lần lượt thực hiện công việc kể trên.

Số lượng của tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề đều được tính biết đầy đủ, các người ghi chép làm tờ trình dâng lên vua.

Lúc ấy, vua Kim Sắc là người đứng đầu muôn dân trong cõi Diêm-phù-đề, đã đích thân trong coi công việc chia đều lương thực. Nhờ vậy nên

trong suốt mười một năm tất cả dân chúng không bị chết đói.

Hơn mười một năm, một tháng, tại nhiều nơi chốn trong nước, lần lượt đã có hoặc đàn ông hoặc đàn bà bị đói. Vì sao? Vì lương thực đã sắp khô cạn. Chỉ còn có mười một tháng nữa mà đã có nhiều người nam hoặc nữ ở các nơi trong nước bị đói khát sắp chết.

Lúc ấy, tất cả lương thực trong cõi Diêm-phù-đề đã hết sạch, tất cả các kho chứa đều trống trơn, duy nhất chỉ còn năm thưng cơm đủ để cấp cho một người ăn trong một ngày cùng dâng lên vua Kim Sắc dùng vào một bữa.

Khi ấy, có một người trong đời quá khứ đã trải qua bốn mươi kiếp thực hành hạnh Bồ-tát, vừa đến thế giới Ta-bà này, thấy nơi khu rừng kia có hai chúng sinh là hai mẹ con mà cùng làm việc dâm dục. Bồ-tát thấy thế rồi tự than thở:

– Chúng sinh hết sức xấu ác như vậy thì phiền não ở ngay trong tâm ý họ. Con cái được mẹ nuôi dưỡng lại đi làm việc sai trái. Ở đâu lại có pháp ác như thế. Nay ta không vì hàng chúng sinh này, không vì những chúng sinh làm việc phi pháp. Việc phi pháp bị tham dục cấu nhiễm, bị tà kiến tham ác che lấp tâm trí, nên không biết cha mẹ, không biết các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không biết giữ gìn tộc họ, không kính trọng các bậc tôn trưởng, không nghĩ nhớ ân xưa. Ta nay không vì lợi ích của các chúng sinh vô cùng xấu ác như thế, hạnh giác ngộ của ta nay chỉ nên tạo lợi ích cho chính mình mà thôi.

Bồ-tát đã khởi tâm như thế, liền đi đến bên một cội cây khác, nương vào cội cây, kiết già phu tọa, thân ngay niệm chánh. Khi ấy, Bồ-tát tùy thuận quán sát sự sinh diệt của năm thủ ấm. Sắc này tập khởi, sắc này hoại diệt. Cũng như thế, đây là thọ, đây là tưởng, đây là hành, đây là thức tập khởi, thức này hoại diệt. Bồ-tát đối với năm thủ ấm tùy thuận quán sát như vậy, chưa bao lâu thì tất cả các pháp tập khởi đều tiêu tan. Đã biết được rồi, nhờ nhân duyên này Bồ-tát chứng đắc Duyên giác, bèn nói kệ:

Do ái nên sinh khổ
Vì thế nên bỏ ái
Thích sống nơi chốn riêng
Giống tê giác một sừng.

Bấy giờ, Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn, suy nghĩ:

– Ta vì quyết chí đem lại lợi ích cho chúng sinh nên đã thực hành nhiều hạnh khổ, nhưng thật sự chưa tạo lợi ích cho một chúng sinh nào! Hôm nay, ta thương tưởng đến họ và sẽ vì họ tạo nhiều lợi ích, nhất là đối

với người nào nơi chốn nào cho ta thọ nhận ẩm thực.

Đức Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn đạt được Thiên nhãn thông thanh tịnh hơn người, quan sát khắp cõi Diêm-phù-đề, thấy tất cả lương thực ở cõi đấy đều đã khô cạn, chỉ còn có năm thưng cơm đủ cho vua Kim Sắc dùng trong một bữa. Bồ-tát quan sát rồi khởi tâm suy niệm: "Ta nay nên thương xót, tạo lợi ích cho vua Kim Sắc. Ta sẽ đến chỗ vua ấy xin một bữa ăn." Đức Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn bèn dùng thần lực bay lên hư không, hiện thân cho mọi người đều trông thấy, thần thông ấy giống như chim Xá-cư-ni bay về thành Nhiêu kim của vua Kim Sắc.

Khi ấy, vua Kim Sắc đang ở trên lầu. Có năm ngàn đại thần đều thấy Đức Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn kia. Trong số các đại thần ấy có một vị đầu tiên trông thấy Bích-chi-phật đang từ xa tiến dần đến gần, bèn nói với các vị khác:

– Các vị hãy xem kìa! Ở đằng xa kia có một con chim Xá-cư-ni cánh đỏ đang bay đến đây.

Vị đại thần thứ hai trông thấy nói:

– Ông nhìn kỹ xem! Không phải là chim Xá-cư-ni cánh đỏ. Đó là quỷ ác La-sát chuyên ăn tinh lực của con người, muốn đến đây cướp lấy mạng sống của chúng ta!

Vị đại thần đó chỉ cho vua Kim Sắc thấy và nói như trên. Vua Kim Sắc phải xoa hai tay lên mặt rồi mới nhìn kỹ. Khi đã thấy rõ ràng, vua liền nói với các quan:

– Các khanh nên biết, đó không phải là chim Xa-cư-ni cánh đỏ, cũng chẳng phải quỷ ác La-sát chuyên ăn tinh lực của con người mà là Tiên nhân vì thương tưởng đến ta cho nên mới tìm tới đây.

Lúc ấy, Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn chỉ trong khoảnh khắc đã đến nơi lầu của vua Kim Sắc. Nhà vua trông thấy Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn kia liền đứng dậy, cung kính đảnh lễ nơi chân ngài, xong thì trải tọa cụ tốt, thỉnh Phật an tọa, rồi hướng về chỗ Bích-chi-phật, thưa:

– Có đúng ngài là bậc Tiên nhân vừa đến cõi nước này chăng?

Bích-chi-phật đáp:

– Đại vương, ta muốn khất thực cho nên đến đây.

Vua Kim Sắc nghe Đức Phật nói như thế, thì buồn bã rơi lệ, thưa:

– Sao hiện tại đất nước tôi lâm vào cảnh nghèo khổ đến thế! Đã có thời toàn cõi Diêm-phù-đề này giàu có sung túc, an lạc, bỗng nhiên hôm nay Tiên nhân đến đây, tôi không thể cung cấp nỗi một bữa ăn ngon.

Cùng lúc, tại một nơi trong kinh thành Nhiêu kim có một thiếu nữ, hướng đến vua Kim Sắc nói kệ:

Pháp nào gọi là khổ
Đó chính là bần cùng
Khổ nào nặng hơn hết
Đó là khổ bần cùng.
Chết khổ và nghèo khổ
Hai khổ đều như nhau
Thà phải chịu khổ chết
Không sống khổ bần cùng.

Vua Kim Sắc nghe kệ xong bèn, cho gọi đầu bếp đến, hỏi:

– Khanh xem còn những thức ăn gì? Ta muốn cúng dường bậc Đại tiên nhân này.

Người đầu bếp tâu:

– Đại vương nên biết, tất cả lương thực trong cõi Diêm-phù-đề đều hết sạch, chỉ còn lại phần ăn đủ cho một bữa của đại vương thôi.

Vua Kim Sắc nghe tâu như thế liền suy nghĩ: "Nếu ta ăn uống thì mạng sống tạm tiếp tục, còn nếu không ăn thì mạng sống mau chấm dứt."

Rồi vua lại nghĩ: "Nếu hôm nay ta ăn phần cơm kia tất cũng không tránh khỏi chết, nếu ta không ăn thì cũng phải chết vậy, ta không nên giữ lấy mạng sống ngắn ngủi này làm gì! Vị Đại tiên này là bậc trì giới thanh tịnh, tu tập đúng pháp thiện đã tìm đến hoàng cung, tại sao ta lại để ngài ôm bát không ra đi?"

Sau khi suy nghĩ như vậy nhà vua cho gọi các đại thần hầu cận, trăm quan trong ngoài… cùng hàng quyến thuộc đến, nói:

– Tất cả các người đều nên tùy hỷ! Ta là vua Kim Sắc hôm nay xin bố thí lần cuối cùng, nguyện đem căn lành này cầu cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, từ nay đến mãi về sau, đoạn trừ hẳn nghiệp bần cùng.

Vua Kim Sắc phát nguyện xong bèn đem số thực phẩm của một bữa ăn đặt vào trong bát của Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn, xong xuôi, nhà vua trao bình bát vào bàn tay phải của Bích-chi-phật. Lúc ấy, Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn đúng theo pháp hành trì, dùng thân thể hiện sự thọ nhận chẳng phải dùng ngôn ngữ.

Đức Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn nhận sự cúng dường của vua Kim Sắc rồi, liền vận dụng thần thông bay đi. Vua Kim Sắc và đại chúng,

tất cả đều chắp tay nhìn theo Phật thật lâu, không chớp mắt, cho đến khi Đức Phật kia đã bay xa quá cõi nước. Khi ấy vua Kim Sắc bảo với tất cả mọi người đang có mặt:

– Các khanh hãy đi về nhà của mình để khỏi chết vì đói khát.

Các đại thần và tất cả đều thưa:

– Khi đại vương an vui thì tất cả chúng thần cùng vui theo ngài, cùng được hưởng mọi ân ích. Nay chúng thần làm sao có thể bỏ đại vương mà đi được?

Nhà vua nghe thế thì rơi lệ nghẹn ngào, rồi đưa tay lau mắt và nói:

– Các khanh đều nên đi về nhà mình, chớ khiến tất cả ở lại đây mà cùng bị chết đói với ta.

Bấy giờ, tất cả các quan cùng đám quyến thuộc đều rơi lệ, đưa tay lau nước mắt, rồi cùng đi đến gần chỗ vua, cúi đầu kính lễ nơi chân vua, xong tất cả đều chắp tay hướng về vua tâu:

– Tùy theo nghiệp ác chúng ta đã tạo ra nhiều hay ít mà phải nhận lấy quả báo, cúi xin đại vương chấp thuận cho chúng thần việc này, vào sáng mai được gặp đại vương lần cuối.

Như thế, trong thời gian Bích-chi-phật Duyên giác Thế Tôn kia thọ bát cơm cúng dường, khi sắp hướng đến nơi chốn khác để thọ thực thì khắp bốn phương mây nổi cuồn cuộn, gió mát thổi lộng làm cho đất nơi cõi Diêm-phù-đề đều sạch. Nửa ngày sau khi gió mát thổi vào cõi Diêm-phù-đề thì trời mưa xuống vô số các loại lương thực, các thứ thực phẩm tươi sống, nấu chín thỏa mãn mọi nhu cầu của dân chúng.

Vua Kim Sắc trông thấy những trận mưa như thế, lòng vô cùng hân hoan, thích thú, tâm sinh ý thiện, bèn nói với các đại thần hầu cận cùng trăm quan trong ngoài:

– Các khanh thấy không! Cúng dường chỉ mỗi một bữa ăn sáng mà đạt được quả báo tốt đẹp như thế! Còn có vô lượng quả báo khác sẽ đến sau này nữa.

Mưa một ngày như thế xong, đến ngày thứ hai rồi suốt trong bảy ngày, những cơn mưa liên tiếp đổ xuống các loại thực phẩm khác như mè, đậu lớn, đậu nhỏ, đại mạch, tiểu mạch, đậu giang, đậu ván, các thứ lúa gạo ngon.

Bảy ngày mưa tạnh, lại tiếp tục mưa từng đợt bảy ngày: bảy ngày mưa bơ, bảy ngày mưa dầu, bảy ngày mưa tiền, bảy ngày mưa vải vóc y phục, lại có nhiều trận mưa xen lẫn. Trong thời gian này chỉ có một ngày

mưa bảy báu. Đó là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích trân châu, mã não…

Đức Phật bảo:

– Này các Tỳ-kheo, các thầy nên biết, vua Kim Sắc ở thời ấy đâu phải là người xa lạ, mà chính là thân Ta.

Này các Tỳ-kheo, pháp môn như thế các thầy nên khéo nhận biết. Như có chúng sinh biết bố thí và quả báo của sự bố thí như Ta đã biết về quả báo của sự bố thí, hoặc từ lúc đầu cho đến cuối bữa ăn, nếu không bố thí một phần nhỏ, trước không xả thí thì không được tự mình ăn. Phải lìa tâm ganh ghét, cấu uế thì mới có thể xả thí. Như thế chúng sinh không biết bố thí và quả báo của sự bố thí như Ta đã biết về quả báo của sự bố thí.

Như vậy, nếu có chúng sinh từ đầu cho đến cuối bữa ăn không đem xả thí từng phần nhỏ cho người khác mà tự mình ăn, thì biết các chúng sinh ấy có tâm ganh ghét, cấu uế cho nên không thể bố thí.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trước tạo thiện, bất thiện,
Không mất nghiệp tội phước
Thân cận người trí tuệ
Không mất nghiệp vãng lai.
Lời thiện trong Thánh chúng
Không mất nghiệp nói năng
Người tri ân, báo ân
Không mất nghiệp đã tạo.
Nghiệp thiện là đúng đắn
Bất thiện là xấu xa
Hai nghiệp đều có báo
Nhất định đạt quả thật.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, tất cả hội chúng nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ.

❑

SỐ 163

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA DIỆU SẮC

Hán dịch: Đời Đường, Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vừa xuất định, vì bốn chúng giảng nói pháp vi diệu, cam lộ vô thượng. Khi ấy, có vô lượng trăm ngàn đại chúng trước sau vây quanh Đức Phật, những vị này các căn đều bất động, chăm chú lắng nghe các pháp cốt yếu. Các vị Bí-sô xem thấy toàn bộ đại chúng thân tâm đều tịch tĩnh, ân cần nghe pháp như vậy nên có sự nghi ngờ bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Ngài từ bi dứt trừ lưới nghi nơi chúng con. Đức Như Lai Đại Sư là Bậc Pháp Vương Vô Thượng, hôm nay trên bảo tòa giảng pháp cho đại chúng, vì sao họ hết sức ân cần, thân tâm không dao động, lắng nghe pháp vi diệu như uống nước cam lộ?

Đức Thế Tôn dạy:

– Này các Bí-sô, thuở xưa ta đã từng cầu pháp với tâm ân cần, cung kính, tôn trọng như thế. Các ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ giảng nói về nhân duyên đó.

Về thời xa xưa nơi thành lớn Bà-la-nê-tư có một vị vua tên là Diệu Sắc, lấy giáo pháp trị dân nên đất nước phồn vinh giàu mạnh, dân chúng đông đúc, an lạc, không có chiến tranh giặc thù quấy phá, cũng không có các thứ tai họa bệnh dịch, lương thực dồi dào, súc vật nhiều, phong cảnh tốt tươi, gió mưa thuận hợp. Nhà vua ban ân chăm sóc muôn dân như đối với con một. Lại có lòng kính tin, tâm ý thích nẻo hiền thiện, phát nguyện kiên cố để tự lợi và lợi người, tâm Từ bi dốc cầu pháp lớn, lo cho dân, yêu mến các quan, trừ bỏ sự tham lam bỏn xẻn, thường bố thí rộng rãi. Phu nhân của vua tên Diệu Dung, diện mạo xinh đẹp, cử chỉ đoan trang, các đức viên mãn nên được mọi người quý chuộng. Vua và hoàng hậu chỉ có một người con trai tên Đoan Chánh. Thái tử tuy còn nhỏ nhưng đã hiện rõ tánh

nhân từ, trung hiếu, vua cha rất yêu thương, không hề lìa xa một bước.

Thời gian sau, vua Diệu Sắc dốc tâm mong cầu pháp vi diệu thù thắng, nên triệu tập quần thần và bảo:

– Ta đối với pháp vi diệu lòng vô cùng khao khát ngưỡng mộ, các khanh hãy vì ta mà đi tìm hỏi.

Các vị đại thần tâu vua:

– Đại vương nên biết, chỉ khi nào Đức Thế Tôn, Đấng Đại Giác xuất hiện ở đời mới có pháp vi diệu vô thượng.

Vua bảo quần thần:

– Nay tuy không có Phật ra đời nhưng các khanh cũng nên thử tìm giáo pháp cho ta.

Bấy giờ, nhà vua bèn đem thùng đựng đầy vàng bạc, châu báu treo trên cây phướn, đánh trống bố cáo cho mọi người khắp nơi cùng biết:

– Ai có thể giảng nói pháp thù thắng cho ta, ta sẽ đem rương vàng này đáp đền ân đức và hòa tấu các thứ âm nhạc để ca ngợi, chúc mừng người đó.

Nhà vua kêu gọi như vậy, trải qua thời gian dài mà vẫn không một người nào có thể thuyết pháp được, nên càng ôm lòng ưu tư, mong đợi, ngưỡng mộ.

Lúc đó, trời Đế Thích quan sát khắp trần gian xem người nào thiện kẻ nào ác, ai đối với nhân thù thắng tâm không biếng trễ... Trời Đế Thích trông thấy vị vua Diệu Sắc này vì pháp mà lo buồn, nên suy nghĩ: "Vua Diệu Sắc đây đã từ lâu mong cầu pháp thù thắng, ta hãy thử nghiệm xem hư thực thế nào."

Trời Đế Thích liền hóa làm một Dược-xoa lớn thân hình, tay chân kỳ dị, mặt mũi rất dễ sợ, đi đến giữa mọi người nơi hoàng cung và tâu với vua:

– Nhân giả cầu pháp thù thắng, ta có thể thuyết giảng được.

Nhà vua nghe pháp âm thì vui mừng khôn xiết bảo Dược-xoa:

– Chúa Mật Tích có pháp vi diệu, thật may mắn thay! Xin ngài hãy thuyết giảng, tôi xin được nghe.

Dược-xoa bảo:

– Nay đại vương có tâm khinh thường giáo pháp, cho giáo pháp dễ nghe nên bảo ta thuyết giảng liền, sự việc không thể như thế. Ta đang bị đói làm sao thuyết pháp cho ngài được?

Nhà vua nghe nói vậy, liền ra lệnh cho vị quan đầu bếp đến, bảo:

– Có thức ăn nào ngon nhất, hãy mau đem đến dâng cho thần.

Dược-xoa bảo:

– Ta không dùng thức ăn của hoàng gia đâu, ta chỉ thường ăn máu thịt người được nấu chín.

Vua hỏi:

– Máu thịt người làm sao có thể tìm có ngay?

Dược-xoa nói:

– Nhà vua nên đem đứa con yêu quý của ngài đến đây.

Vua nghe nói vậy liền suy nghĩ: "Đã từ lâu ta chịu gian khổ tìm cầu pháp thắng diệu, nay nghe được pháp âm, đó là điều vô giá."

Khi ấy, thái tử Đoan Chánh đang đứng bên cạnh phụ vương, nghe nói vậy bèn quỳ xuống tâu với vua cha:

– Cúi xin phụ vương chớ sinh lo buồn, điều mong cầu của phụ vương sẽ được mỹ mãn, con có thể đem thân dâng cho Mật Tích ăn khỏi đói lòng.

Vua bảo:

– Con vì thấy được sự lớn lao của việc cầu pháp nên xả bỏ thân thể đáng yêu quý của mình. Lành thay bậc Trượng phu! Tùy theo ý con muốn.

Thái tử Đoan Chánh liền đem thân đến dâng cho Dược-xoa. Dược-xoa nhận lời, nói với nhà vua và mọi người:

– Hãy xé thân thái tử ra cho ta uống máu, ăn thịt.

Nhà vua tuy biết rõ điều này, nhưng vì lòng khát ngưỡng giáo pháp sâu xa nên không sợ hãi.

Chúa Mật Tích lại bảo nhà vua:

– Ta hãy còn đói lắm, hãy cho ta người vợ yêu quý của ngài.

Khi ấy, phu nhân Diệu Dung cũng đang đứng bên cạnh vua, nghe nói như vậy liền xin vua cho đem thân mình dâng lên Dược-xoa, giống như thái tử.

Dược-xoa đã ăn uống máu thịt của phu nhân Diệu Dung rồi lại bảo nhà vua:

– Ta vẫn chưa no mà hãy còn đói lắm!

Vua nói:

– Chúa Mật Tích đã ăn hết vợ và con tôi mà vẫn còn bảo đói, bây giờ tùy ý Thần chọn, tôi xin cung cấp đủ, tâm không hề thoái chuyển.

Dược-xoa nói:

– Tự thân của vua hãy đem đến cho ta ăn.

Vua nói:

– Lành thay! Thật không dám tiếc! Nhưng thân tôi chết thì làm sao được nghe pháp? Nay tôi xin nghe diệu pháp trước và thọ trì xong, lúc ấy tôi sẽ xả thân dâng lên Thần.

Bấy giờ, Dược-xoa bảo vua đứng dậy, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức đại chúng, thuyết kệ thù thắng vi diệu:

Do ái nên sinh buồn
Do ái nên sinh sợ
Nếu người lìa được ái
Không sợ cũng không buồn.

Nhà vua đã nghe được pháp thù thắng vi diệu ấy, tâm sinh hoan hỷ vô lượng, bảo chúa Mật Tích:

– Tôi đã nghe pháp và phụng trì như thế, bây giờ Thần có thể tùy ý ăn thịt thân tôi.

Lúc ấy, trời Đế Thích thấy vua dốc lòng vì pháp, thân tâm bất động như núi Diệu Cao, biết chắc nhà vua sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng giác, nên bỏ tướng Dược-xoa, hiện lại hình Đế Thích, tâm rất hoan hỷ, dung mạo vui vẻ tiến đến trước, một tay dắt thái tử, một tay nắm tay phu nhân, bảo nhà vua:

– Lành thay! Lành thay! Đúng là bậc Trượng phu hiền thiện khoác áo giáp bền chắc phá tan giặc phiền não, tế độ kẻ ngu mê ra khỏi biển sinh tử. Ta nhận thấy rõ tâm dũng mãnh này nên chắc chắn chẳng bao lâu tất sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vợ con của ngài nay ta xin đem giao lại.

Nhà vua thưa với trời Đế Thích:

– Lành thay! Lành thay! Thiên chủ Kiều-thi-ca thể hiện rõ tâm đại Từ bi, là bậc Thiện tri thức đã làm mãn nguyện tâm mong cầu giáo pháp của tôi.

Khi ấy, trời Đế Thích ở trong đại chúng bỗng nhiên biến mất.

Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

– Ý các thầy thế nào? Các thầy chớ nghĩ về điều gì khác. Vua Diệu Sắc khi đó tức là Ta, thái tử Đoan Chánh là La-hỗ-la, phu nhân Diệu Dung là Da-thâu-đà-la.

Các thầy nên biết! Ta thuở xưa vì dốc cầu pháp nên đã xả bỏ vợ con yêu quý, đến cả thân mình còn không tham tiếc huống gì là các vật khác. Do nhân duyên ấy cho nên ngày nay có được tất cả đại chúng theo Ta nghe

pháp, chuyên tâm lãnh hội, thọ nhận không hề mỏi mệt, nhàm chán. Lại do thuở xưa Ta cầu pháp quên cả nhọc nhằn, nên hôm nay cả đời vì chúng sinh thuyết pháp cũng không hề nhọc mệt.

Này các Bí-sô, hãy học theo hạnh cung kính, tôn trọng, dốc cầu thắng pháp của Ta. Đã nghe giáo pháp rồi thì đúng theo lời dạy tu tập chớ có buông lung.

Các Bí-sô và các chúng Trời, người nghe Đức Phật dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 164

PHẬT NÓI KINH VUA SƯ TỬ TỐ-ĐÀ-BÀ KHÔNG ĂN THỊT

Hán dịch: Đời Đường, Sa-môn Trí Nghiêm.

Ta nhớ vô lượng kiếp quá khứ
Có vua tên là Tố-đà-bà
Vua đó một hôm dạo trong rừng
Quần thần đi theo săn cầm thú
Bỗng đâu sấm sét nổi cuồng phong
Mọi người kinh hoàng, đều phân tán
Chỉ một mình vua lạc vào núi
Gặp sông chết giấc không người giúp.
Có sư tử cái chốn núi sâu
Thấy vua một mình xáp lại gần
Chúng sinh nghiệp ác duyên đời trước
Gieo mầm địa ngục khổ vô tận.
Vua cùng sư tử duyên tiền kiếp
Dục tình khởi dậy cùng giao hợp
Nhiều kiếp ăn thịt, giết chúng sinh
Kết tập nghiệp vào thai sư tử
Liền sinh thân người đầu sư tử
Pha lẫn trượng phu và vua thú
Trưởng thành nhanh chóng mạnh vô cùng.
Hỏi mẹ họ hàng và thân thế
Sư tử mẹ đáp lời con hỏi
Cha con vua Tố-đà, nước Kiệt
Con nghe vội đến để kiếm tìm
Nước Ma-kiệt-đề nơi vua cha
Trình bày kể lể hết sự tình.
Vua nghe tự biết nhận làm con
Nhưng vì vua cha tuổi đã già
Đăng quang con mới lên làm vua

Hiệu là Sư Tử Tố-đà-bà.
Ngự điện triều chính trị muôn dân
Sư tử dần dà nghiệp ác cũ
Nhiều kiếp ăn thịt hại chúng sinh
Làm vua nhưng không ăn lúa gạo
Chỉ ăn chim thú ở núi sông
Khi sắp cung tiến các thứ thịt
Thình lình bị chó ngoạm tha đi,
Thiếu thịt đầu bếp sợ vua chém
Vội chạy tìm bắt đứa trẻ con
Lén chặt đầu, cổ và chân tay
Nấu hết trong vạc đem cung tiến.
Vua ăn thịt đó khen rất ngon
Ham thích chất thịt như đốt củi
Vua hỏi Thực quan: Thịt gì thế?
Thực quan hoảng sợ tâu vua rõ
Vua tha tội hết, chớ buồn lo
Mỗi ngày cung tiến thịt này đến
Đầu bếp vâng lời đại vương dạy
Đổi dạng mỗi ngày trộm một trẻ.
Trộm bắt nam nữ đã nhiều năm
Giống như La-sát, như diều hâu
Dân chúng trong nước mặc áo tang
Vì mất con ai cũng kinh hoàng
Nắm tay ngơ ngác cùng nhau hỏi
Nghẹn ngào chỉ biết nói trời cao.
Người trong xóm bắt giữ tên giặc
Giặc bếp tố không phải do tôi
Mọi người nghe vậy can gián vua
Vua nghe phẫn nộ, giận dữ trách.
Bây giờ âm thầm bắt trẻ con
Từ nay mỗi ngày bắt một người
Dòng họ, quan dân, ăn thứ tự
Như dê trong chuồng bị kéo đi.
Cả nước tuyệt vọng không nơi cáo
Cùng đến vương cung muốn trừ vua
Vua ở lầu cao cúng quỷ thần
Xin chim ưng đưa thoát nạn này.

Nếu được chim bay giữ các cõi
Đầu vua trăm nước cúng thần núi
Sư tử thú dữ quen thói ác
Liền được chim giúp bắt các vua,
Trói nhốt trên núi cao chót vót
Bắt được chín mươi chín quốc vương
Chỉ thiếu một vua, định đem tế
Sư tử hạ xuống để kiếm tìm.
Lúc ấy Bồ-tát, vua Vương xá
Hiệu Văn Nguyệt đang tắm trong vườn
Sư tử thấy vua ngồi đá ngọc
Vội đến kéo tay muốn bắt đi.
Lúc ấy vua Văn Nguyệt rơi lệ
Sư tử hỏi vua vì cớ chi
Ta nghe đại vương trí dũng mãnh
Bồ-tát không tiếc thân, của cải
Nếu cũng như đây nên phải nhẫn
Làm sao tự tại được sầu khổ?
Văn Nguyệt đáp vua Sư tử rằng:
Tất cả sầu khổ chẳng bằng Từ
Bồ-tát tu hành đại Từ bi
Tôi nay lo vua trăm nước kia
Một đời phú quý chủ thiên hạ
Ngày nay giam nhốt, chết gần kề
Ta cùng trăm nước cầu pháp Phật
Thỉnh được Pháp sư từ xa đến
Chưa được nghe pháp thầy truyền trao
Muôn dân khát ngưỡng chưa từng nghe.
Ngài thả tôi ra trong bảy ngày
Cúng dường Tam bảo nghe pháp âm
Tập hợp quần thần dặn trao pháp
Tám ngày tôi sẽ đến đại vương.
Do vì Bồ-tát không dối trá
Sư tử hẹn vua đúng bảy ngày
Tám ngày Văn Nguyệt rời thành đến
Xả thân đem thí Sư tử vương.
Lúc đó Sư tử như mây hiện
Bắt lấy Văn Nguyệt đem trước chúng.

Sư tử hỏi vua sao không sợ
Dám ra trước ta như vua thú.
Văn Nguyệt đáp lời vua Sư tử:
Thân này hư giả thí đại vương
Thà bỏ trăm ngàn thân và của
Không phạm dối lời đúng hẹn vua.
Dung mạo vui vẻ phương tiện nói:
Cho ta giây phút nói nhân duyên
Ngài muốn cúng tế quỷ thần tà
Tai họa cho ông và thần thiện.
Mười phương cõi Phật các Thánh hiền
Nhiều kiếp ngài không nghe biết tên
Thân này nhân duyên hợp hư giả
Mạng người điện chớp không tồn tại
Năm căn, sáu thức không nhân ngã
Mắt, tai, mũi, lưỡi xúc làm nhân
Hiện tượng đều biến hóa như huyễn
Chúng sinh vọng tưởng chấp làm chân.
Xét lại thân từ đầu đến cuối
Chẳng có một chi nào thường còn
Trong sát-na như bọt nước tan
Khổ, già, bệnh, chết cũng vô thường.
Ngày nay dùng thịt để nuôi thân
Cứu cánh không nương về nẻo thiện
Ăn các thịt sát sinh vô lượng
Trong đường ác lần lượt thọ khổ.
Bấy giờ Văn Nguyệt thuyết các kệ
Khuyến hóa Sư Tử Tố-đà vương
Sư tử nghe xong liền hồi tâm
Suy ra tướng thể thật vô ngã.
Sư tử hỏi vua tính thế nào
Cúng tế thần vui không có tội.
Văn Nguyệt đáp: Vua lo ăn chay
Ăn chay không tội, cúng tế trời
Sư tử vâng lời dâng thần núi
Xả thân thí cùng vua Văn Nguyệt.
Các vua bị nhốt chốn núi rừng
Đều đem giao lại vua Văn Nguyệt

Văn Nguyệt dẫn về nơi cố quốc
Đặt vào vương vị trị muôn dân,
Và đưa Sư Tử Tố-đà vương
Trở về cung của Ma-kiệt-đề
Cùng với các quan và trăm họ
Cả nước ăn chay không sát sinh.
Bấy giờ Văn Nguyệt phát đại nguyện
Nguyện khi ta thành Đẳng Chánh Giác.
Giải thoát tất cả khắp quần sinh
Các vua này đều thành Phật đạo
Truyền trao diệu pháp cho Sư tử
Nguyện vua tội nặng sớm tiêu tan.

Lại nhớ quá khứ a-tăng-kỳ kiếp, Thích Đề-hoàn Nhân ở nơi cung trời Đao-lợi, do vì tập khí quen ăn thịt từ đời quá khứ còn lại, nên đã biến thành chim ưng đuổi theo chim bồ câu. Khi đó Ta là vua tên Thi-tỳ, vì thương xót chim bồ câu kia, nên đã cân lường thân chim cắt thịt để thế mạng thay cho bồ câu, vua Thi-tỳ lúc ấy chính là Ta.

Về sau, Ta làm vua tên Văn Nguyệt, khi đó Đế Thích hóa làm chim ưng. Sau đó lại làm vua Sư Tử Tố-đà, Đế Thích vì thử Ta cho nên còn bị sinh đường ác, huống gì là chúng sinh không biết hổ thẹn, chuyên sát sinh, ăn uống máu thịt không khi nào thôi dứt. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, không ai chẳng từng là cha mẹ, thân thuộc, chuyển đổi cả trong loài chim thú, như thế nỡ nào ăn thịt lẫn nhau?

Người ăn thịt, trải qua trong nhiều kiếp phải sinh vào loài chim thú, ăn máu thịt của kẻ khác rồi lần lượt đền mạng. Nếu sinh làm người chuyên sát hại, ham thích ăn thịt, khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục A-tỳ, không có thời gian tạm dừng sự khổ. Như người có thể trong một đời đoạn trừ được nghiệp sát sinh ăn thịt, cho đến thành tựu quả Phật cũng không bao giờ trở lại ăn thịt.

❑

SỐ 165

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thí Hộ.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Vua nước Kiều-tát-la là Thắng Quân đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, nhà vua cung kính đảnh lễ ngang chân Đức Thế Tôn, rồi lui ra ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xưa kia khi dốc cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ngài đã thực hành bố thí và làm các việc thiện, phước như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Đại vương, đó là sự việc của thời quá khứ lâu xa. Như Lai nhớ trong Hiền kiếp khi tu hạnh bố thí để cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, với nhân duyên của việc này, nay đại vương hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ vì đại vương mà giảng nói.

– Đại vương, vào thời sơ kiếp, con người thọ vô lượng tuổi, bấy giờ có vua tên Bố-sa-đà. Trên đảnh của nhà vua bỗng nhiên sinh ra một cục thịt, giống như vết phỏng phồng lên và mềm như Đâu-la-miên, lại như tơ mịn cũng không cảm thấy đau đớn. Đến lúc cục thịt ấy đã chín muồi, tự nhiên bung ra sinh một đứa bé có tướng mạo vô cùng đoan nghiêm, tươi đẹp, thân như vàng ròng, trên đầu có tóc xoáy tròn giống như chiếc lọng, hai tay thẳng dài, trán rộng, phẳng, lông mi dài cong, mũi cao mà thẳng, thân thể cân phân đầy đặn, có ba mươi hai tướng Đại trượng phu trang nghiêm nơi thân. Đứa bé sinh ra rồi được đưa vào trong cung. Nhà vua có sáu vạn cung nữ quyến thuộc, họ trông thấy đứa bé này thì sữa tự chảy đầy, mỗi người đều nói:

– Tôi xin lo việc nuôi dưỡng thái tử!

Do đó đặt tên là Ngã Dưỡng. Hoặc có người nói thái tử từ nơi đảnh sinh ra nên gọi là Đảnh Sinh. Do đấy mới gọi thái tử là Đảnh Sinh, hoặc hiệu là Ngã Dưỡng.

Khi thái tử Đảnh Sinh còn bé, vui vẻ chơi đùa trải qua thời gian sáu đời Đế Thích, đến thời gian làm thái tử cũng trải qua sáu đời Đế Thích. Một hôm, thái tử ra khỏi hoàng cung, lần lượt dạo xem khắp phố phường, dân chúng, cho đến lúc vua Bố-sa-đà bỗng nhiên ngã bệnh, cận thần dâng đủ các thứ thuốc quý để trị liệu, tuy mọi người đều hết lòng lo lắng nhưng bệnh của nhà vua vẫn không thuyên giảm. Nhà vua ra lệnh cho các quan hầu cận:

– Các khanh hãy mau trao pháp quán đảnh của vua cho thái tử.

Cận thần tuân lệnh, sai người đến chỗ thái tử và thưa:

– Phụ vương lâm bệnh rất nặng, bao nhiêu thuốc thang đều không thuyên giảm. Ngài lệnh cho tôi gọi thái tử ngay bây giờ nên trở về nhanh để nhận pháp quán đảnh của vua.

Sứ thần đi nửa đường thì vua Bố-sa-đà đã tạ thế. Khi ấy, quan hầu cận lại sai người chạy theo tiếp đến chỗ thái tử thưa:

– Phụ vương đã qua đời, thái tử hãy mau đến nhận pháp quán đảnh của vua.

Thái tử Đảnh Sinh suy nghĩ: "Phụ vương đã qua đời, ta có vội vã về cũng đâu kịp!" Lúc ấy, các đại thần cùng bàn với nhau, rồi cử một đại thần cận vệ đi đến chỗ thái tử tâu:

–Xin Thái tử mau về nhận pháp quán đảnh của vua.

Thái tử đáp:

– Nếu ta có thể tiếp nối vương vị dùng chánh pháp trị nước tất ta sẽ nhận pháp quán đảnh.

Cận thần lại tâu:

– Thái tử là người nhận pháp quán đảnh.

Họ bàn thảo với nhiều phương thức:

– Chúng ta nên thiết lập tòa sư tử báu và mão báu, lọng thêu, vẽ... chuẩn bị thế nào cho đầy đủ những thứ cần dùng vào pháp lễ, lại họp nhau trong thành vua để thực hiện lễ quán đảnh. Vì thế thái tử sẽ đến trong cung để nhận pháp ấy.

Thái tử đáp:

– Nếu ta có thể nối vương vị theo đúng chánh pháp thì tất cả những vật cần dùng hôm nay sẽ tự đến.

Khi ấy thái tử Đảnh Sinh có một thần Dạ-xoa hầu cận tên Nĩ-vũ-ca, liền vận dụng thần lực đi tìm tòa sư tử, lọng thêu, mão báu, tất cả những vật cần dùng, cho đến thành ấp, làng xóm, đều đem đặt ở trước thái tử. Mọi người trông thấy thảy đều kinh ngạc việc chưa từng có. Sau đó các cận thần, dân chúng và binh đội hùng mạnh mới đem tơ lụa, gấm vóc đẹp theo y pháp quán đảnh, vì muốn cho thái tử nhận pháp quán đảnh của họ, nên tất cả cùng tâu:

– Thái tử nên nhận pháp quán đảnh.

Thái tử nói:

– Ta nay làm lại sao dùng tơ lụa của nhân gian làm pháp quán đảnh để buộc nơi đỉnh đầu của mình? Nếu ta tiếp nối được vương vị đúng chánh pháp, ắt có trời đem tơ lụa vi diệu đến buộc nơi đảnh đầu ta.

Sau đó, tự nhiên trên trời giáng xuống tơ lụa vô cùng đẹp đẽ, quý giá, để làm công việc quán đảnh, tiếp nối dòng vương vị trị nước. Lại cũng có bảy báu xuất hiện theo. Đó là: Xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu Ma-ni, ngọc nữ báu, thần chủ kho tàng báu, thần chủ binh báu. Bảy báu như thế luôn luôn đầy đủ cùng với ngàn người con sắc tướng tột bậc dũng mãnh, không sợ hãi, có thể hàng phục các quân binh khác.

Thời đó, có thành tên Quảng nghiêm, chung quanh thành đều có những rừng cây sum suê bao bọc, ai cũng ưa thích. Trong rừng cây ấy có năm trăm vị Tiên nhân, dùng làm chỗ trú ngụ chuyên tu tập thiền định, năm thần thông. Khu rừng này lại có nhiều loại chim chóc bay đến tu tập, như cò trắng…, chúng hay kêu la inh ỏi làm cản trở công việc tu tập thiền định của các Tiên nhân. Có một vị trong số các Tiên nhân ấy tên là Xú Diện, sinh tâm sân giận, liền niệm thần chú, khiến cho các bầy chim đều bị gãy cánh. Lúc ấy, đàn cò trắng bị gãy cánh bèn men theo đất từ từ đi đến nơi cổng thành vua Đảnh Sinh. Nhà vua vừa đi xem cổng thành bên trái mới hỏi quan hầu cận:

–Tại sao đàn cò trắng đều tụ tập bên cổng thành này?

Cận thần tâu:

– Bầy chim chóc ấy trú ngụ trong rừng chỗ các vị Tiên nhân tu thiền định, mà luôn kêu la inh ỏi, có vị Tiên nhân giận quá bèn niệm chú làm cho chúng bị gãy cánh, nên chúng men theo đất đến tụ tập nơi cửa thành vua.

Vua nói:

– Những vị Tiên nhân này tại sao đối với các chúng sinh không có tâm Từ bi thương xót! Nay ta ra lệnh cho những Tiên nhân ấy phải mau rời khỏi khu rừng kia.

Các quan tuân lệnh đi đến chỗ các vị Tiên nhân, truyền lại lệnh ban ra của nhà vua.

Các Tiên nhân suy nghĩ: "Bây giờ đại vương đã trị vì bốn châu lớn vô cùng tự tại, chúng ta nên vâng theo lệnh vua đi đến dừng chân nơi khu rừng bên núi Tu-di."

Bấy giờ, vua Đảnh Sinh lần lượt suy tư, quán sát, cân nhắc về các sự việc trong nhân gian. Sau khi đã tính toán kỹ rồi, nhà vua lại nghĩ đến từng loại công việc. Đầu tiên, vua đi đến chỗ những người cày cấy, trồng trọt, khi đã trông thấy công việc, nhà vua hỏi quan hầu cận:

– Những người này đang làm công việc gì vậy?

Quan hầu tâu:

– Những người này cày xới đất đai để trồng các thứ hoa màu, tùy theo chỗ đất mà cây trái sinh sôi, để nuôi sống họ.

Vua nói:

– Ta là Thánh vương, sao lại để cho mọi người phải nhờ vào sự trồng trọt để nuôi sống? Trong trời đất có những loại trái cây tự sinh ra.

Khi vua Đảnh Sinh vừa suy nghĩ và nói như vậy thì có hai mươi bảy giống cây từ trời giáng xuống. Nhà vua liền hỏi mọi người:

– Đây có phải là do phước lực của con người đưa đến không?

Mọi người thưa:

– Đây là do phước lực của Thiên tử và cả của chúng tôi nữa.

Lại một hôm nhà vua đi dần đến chỗ người nông phu trồng các thứ cây để kéo sợi, dệt vải. Nhà vua hỏi cận thần:

– Những người này làm công việc gì vậy?

Quan hầu cận tâu:

– Đại vương, những người này đang trồng trọt loại cây hoa có quả, lấy bông của nó để kéo sợi dệt thành áo.

Vua bảo:

– Ta là Thánh vương, sao lại để cho mọi người trồng cây lấy bông dệt áo kéo sợi? Vì trong trời đất đã có sẵn loại áo tốt đẹp.

Khi vua vừa nói xong thì các loại áo tốt đẹp từ trời giáng xuống. Vua hỏi mọi người:

– Đây có phải do phước lực của con người đưa đến không?

Mọi người tâu:

– Đây là do phước lực của Thiên tử và của chúng tôi nữa.

Nhà vua đi dần, lại thấy người nông dân dùng bông se thành chỉ để may áo.

Vua hỏi cận thần:

– Những người này làm công việc gì vậy?

Quan hầu cận tâu:

– Thiên tử, những người này lấy bông se chỉ làm thành cuộn chỉ để may áo.

Vua bảo:

– Ta là Thánh vương, sao lại để cho mọi người phải làm như vậy? Tự trong trời đất đã có áo tốt để dùng.

Khi vua vừa nói xong thì có vô số áo tốt từ trời giáng xuống.

Nhà vua hỏi mọi người:

– Đây có phải do phước lực của con người đưa đến không?

Mọi người tâu:

– Đây là do phước lực của Thiên tử và cũng là do của chúng tôi.

Nhà vua lại tiếp tục du hành, trông thấy người nông phu lần lượt dệt từng đoạn vải để may áo.

Vua hỏi cận thần:

– Những người này làm công việc gì?

Quan hầu cận tâu:

– Thiên tử, những người này dàn ra khung cửi dệt từng đoạn vải để may áo.

Vua nói:

– Ta là Thánh vương vì sao phải để cho mọi người dệt áo che thân? Tự trong trời đất đã có sẵn áo đẹp để mặc.

Khi vua vừa nói xong thì có áo đẹp vô cùng từ trời giáng xuống.

Nhà vua hỏi mọi người:

– Đây có phải do phước lực của con người đưa đến không?

Chúng nhân tâu:

– Đây là do phước lực của Thiên tử và của cả mọi người.

Lúc ấy vua Đảnh Sinh trông thấy các sự việc ấy rồi bèn suy nghĩ đến phước lực của mình, nay ở trong cõi đời này chưa thể hiển lộ được: "Ta đã thống trị trong biển cả ngoài phía Nam núi Tu-di, bên trong cõi này rộng lớn, bên ngoài có hình như bánh xe, dân chúng đông đúc, giàu có, an vui. Thành ấp, đất nước đó rất đẹp đẽ, tráng lệ, dân chúng ở đấy với thân sắc

đều ưa nhìn. Ta có bảy báu: Đó là: Xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu Ma-ni, ngọc nữ báu, thần chủ kho báu, thần chủ binh báu. Bảy báu như thế luôn đầy đủ, lại có ngàn người con thân tướng uy nghi tột bậc, dũng mãnh, không sợ hãi, có thể hàng phục được các thứ quân binh khác. Nếu ta là người có sức mạnh vượt bậc thì thích biết bao! Hôm nay xin cho nơi trong cung của ta mưa tiền vàng trong bảy ngày, cho đến khiến không một đồng tiền nào rơi bên ngoài cung."

Khi vua vừa suy nghĩ xong thì trời liền mưa xuống đầy tiền vàng suốt bảy ngày, không một đồng tiền nào rơi bên ngoài cung, vua tùy theo phước lực từ chỗ thiện căn đã tạo, cùng oai đức thần thông mà tự nhận được quả phước ấy.

Nhà vua liền hỏi mọi người:

– Đây là do phước lực của người nào đưa đến vậy?

Mọi người đáp:

– Do phước lực của Thiên tử.

Vua bảo:

– Như các ông vừa nói là có cả phước lực của mọi người, vậy tại sao bây giờ không mưa tiền vàng đầy cả châu Thiệm-bộ, tùy theo ý muốn của tất cả dân chúng ai cũng có thể nhặt được? Vì thế các ngươi nên biết, nhân duyên từ đời trước rất là vi diệu.

Đức Phật nói:

– Đại vương, vua Đảnh Sinh kia đem chánh pháp xử trị nơi thế gian lại trải qua sáu đời Đế Thích.

Vua Đảnh Sinh lại hỏi thần Dạ-xoa hộ vệ tên Nĩ-vũ-ca:

– Có châu lớn nào còn riêng biệt chưa thuộc về ta?

Nĩ-vũ-ca thưa:

– Tâu Thiên tử, trong biển lớn bên ngoài phía Đông núi Tu-di, có đại châu kia tên là Thắng thần. Châu ấy rộng lớn, bên ngoài như hình bán nguyệt, dân chúng đông đúc giàu có, an lạc, thành ấp thuộc châu đó đều trang nghiêm, đẹp đẽ, chỗ ở của mọi người khắp cõi đều hiện rõ màu sắc khả ái. Nhà vua nên đến đó tùy nghi hóa độ.

Vua Đảnh Sinh suy nghĩ: "Ta đã thống trị châu Thiệm-bộ này, có bảy báu và ngàn người con luôn vây quanh nơi cung, lại có mưa tiền vàng trong bảy ngày. Ta lại nghe trong biển lớn ngoài phía Đông núi Tu-di có châu Thắng thần, bây giờ ta đến đó để dẫn dắt, giáo hóa."

Vua vừa suy nghĩ xong thì thân đã bay bổng lên trên không trung,

cùng với mười tám ức binh đội mạnh mẽ, ngàn người con vây quanh có bảy báu theo cùng, chỉ trong sát-na đã đến châu Đông Thắng thần.

Này đại vương, vua Đảnh Sinh ở trong châu ấy trị vì và giáo hóa muôn dân lâu đến trăm ngàn năm, tùy theo căn lành và phước hạnh của mỗi chúng sinh ở đó đã tạo tác mà tự thọ nhận về quả phước, kể cả thần thông, uy đức. Trải qua thời gian như vậy là sáu đời Đế Thích.

Vua Đảnh Sinh lại hỏi thần Dạ-xoa hộ vệ Nĩ-vũ-ca:

– Còn có châu lớn nào chưa được ta thống lãnh chăng?

Dạ-xoa tâu:

– Tâu Thiên tử, trong biển lớn, bên ngoài phía Tây núi Tu-di, có đại châu kia tên Ngưu hóa, trong ngoài giáp vòng hình thể tròn đầy, dân chúng đông đúc, an cư lạc nghiệp, thành ấp lầu gác trong cõi ấy đều đồ sộ, nguy nga, chỗ ở của mọi người hiện rõ hình sắc vi diệu. Nhà vua nên đến đó để tùy nghi giáo hóa.

Vua Đảnh Sinh suy nghĩ: "Ta đã thống trị châu Thiệm-bộ kia, có bảy báu và ngàn người con lại có mưa tiền vàng. Ta đã đến châu Đông Thắng thần thống trị, hóa độ, dẫn dắt muôn dân trong trăm ngàn năm, nay lại nghe nơi biển lớn bên ngoài phía Tây núi Tu-di có châu Ngưu hóa, ta phải đến đó để dẫn dắt, giáo hóa."

Khi vua vừa suy nghĩ xong thì thân đã nhấc bổng lên không trung và mười tám câu-chi binh đội dũng mãnh, cùng với một ngàn người con vây quanh, có bảy báu theo cùng, chỉ trong sát-na đã đến châu Tây Ngưu hóa.

Này đại vương, vua Đảnh Sinh ở trong châu Tây Ngưu hóa thống trị, giáo hóa muôn dân trong nhiều trăm ngàn năm, tùy theo căn lành, phước hạnh của mỗi chúng sinh đã tạo mà tự thọ nhận quả phước, kể cả uy đức, thần thông. Trải qua thời gian như vậy là sáu đời Đế Thích.

Vua Đảnh Sinh hỏi thần Dạ-xoa hộ vệ Nĩ-vũ-ca:

–Còn có châu lớn nào ta chưa thống trị?

Nĩ-vũ-ca đáp:

– Tâu Thiên tử, trong biển lớn, bên ngoài phía Bắc núi Tu-di có đại châu tên là Câu-lô, trong ngoài giáp vòng, hình thể vuông vức, dân chúng đông đúc, giàu có, an vui, thành ấp nơi cõi nước ấy đều sầm uất, tráng lệ, chỗ ở của mọi người đều hiển bày sắc tướng vi diệu. Người ở châu đó luôn tự tại, không bị lệ thuộc, ràng buộc. Đại vương nên đến đó để dẫn dắt, giáo hóa họ.

Vua Đảnh Sinh suy nghĩ: "Ta đã thống trị châu Thiệm-bộ kia, có đủ

bảy báu, ngàn người con lại có mưa tiền vàng! Rồi lại đến châu Đông Thắng thần, châu Tây Ngưu hóa, thống trị, giáo hóa muôn dân trong nhiều trăm ngàn năm! Bây giờ lại nghe trong biển lớn bên ngoài phía bắc núi Tu-di có châu Câu-lô, nay ta nên đến đó để hóa độ."

Khi vua vừa suy nghĩ xong thì thân đã bay lên không trung, cùng với mười tám câu-chi quân binh hùng mạnh, bảy báu theo kèm, ngàn người con vây quanh, tất cả cùng đến châu Bắc Câu-lô, chỉ trong sát-na là đến bên núi Tu-di. Từ xa, nhà vua đã trông thấy đất ở châu ấy màu trắng. Vua hỏi thần Dạ-xoa Nĩ-vũ-ca:

– Tại sao đất ở xứ ấy màu trắng?

– Tâu Thiên tử, dân ở châu Bắc Câu-lô ấy chỉ ăn lúa thơm, hạt gạo của lúa màu trắng, có đủ hương vị. Người dân không phải cày bừa, trồng trọt mà lúa tự nhiên mọc, hạt lúa dài đến bốn lóng tay, không có cỏ dại và lúa lép xen lẫn, trong trẻo, tinh khiết, đúng thời thì lúa chín, dân chúng ở châu ấy không mất công sức để lấy lúa gạo ăn. Bây giờ vua đến cõi đó cũng sẽ dùng lúa thơm để ăn.

Nhà vua nói với các quan hầu cận:

– Các ngươi có thấy đất ở đây màu trắng không?

Các quan cùng thưa:

–Tâu đại vương, chúng thần có thấy!

Vua Đảnh Sinh bảo:

– Người dân ở châu Bắc Câu-lô kia chỉ ăn lúa thơm, hạt gạo của lúa màu trắng có đủ hương vị. Họ không phải cày bừa, trồng trọt mà lúa tự nhiên mọc, hạt lúa dài bốn lóng tay, không có cỏ dại và lúa lép xen lẫn, trong trẻo, tinh khiết cứ đúng thời thì lúa chín, dân chúng ở đấy không mất công sức để lấy lúa gạo ăn. Các ngươi đến đó, cũng sẽ dùng lúa thơm để ăn.

Vua Đảnh Sinh cũng ở phía bắc núi Tu-di, từ xa trông thấy các cây hình dáng trang nghiêm, tán tròn không khuyết giảm, vô cùng đẹp đẽ, ai cũng thích nhìn. Nhà vua hỏi Nĩ-vũ-ca:

– Vì sao những cây kia có hình dáng trang nghiêm như thế?

Nĩ-vũ-ca tâu:

– Người dân ở châu Bắc Câu-lô có bốn loại cây tạo ra vải vóc, y phục, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng. Những cây ấy cho ra bốn màu áo vi diệu, muôn dân ở châu này hoặc nam hoặc nữ, người nào cần y phục mặc, khi tâm của họ vừa khởi lên thì cành cây kia tự nhiên cong xuống cho họ tha hồ lấy.

Đại vương đến đó cũng sẽ mặc y phục như họ vậy.

Vua nghe xong bèn nói với các quan hầu cận:

– Các ngươi có trông thấy các cây với hình dáng trang nghiêm, tán tròn đầy đặn kia chăng?

Các quan cùng tâu:

– Chúng thần đều trông thấy.

Vua bảo:

– Người dân ở châu Bắc Câu-lô kia hiện có bốn thứ cây tạo ra vải vóc, y phục, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng. Những cây ấy luôn cho ra bốn màu áo vi diệu, muôn dân ở châu ấy, hoặc nam hoặc nữ, ai cần y phục để mặc, thì vừa khởi tâm suy nghĩ là cành cây kia tự nhiên cong xuống cho họ tha hồ lấy mặc. Các ngươi đến đó cũng sẽ được mặc y phục của họ.

Này đại vương, vua Đảnh Sinh ở châu Bắc Câu-lô ấy thống trị giáo hóa dân chúng trong hơn trăm ngàn năm, tùy theo phước lực và hạnh thiện của mỗi chúng sinh đã tạo mà tự thọ nhận quả phước kể cả thần thông, uy đức. Như vậy trải qua thời gian là sáu đời Đế Thích.

Vua Đảnh Sinh lại nói với thần Dạ-xoa hộ vệ Nĩ-vũ-ca:

– Còn có châu nào ta chưa thống lãnh chăng?

Nĩ-vũ-ca tâu:

– Tâu Thiên tử, không còn xứ nào mà đại vương chưa thống trị cả. Có cõi trời Ba mươi ba, sắc tướng trường thọ có nhiều diệu lạc tột bậc. Cõi trời này cao rộng, lầu gác đều kiên cố, an ổn. Đại vương nên đến đó để thăm chơi.

Vua Đảnh Sinh lại suy nghĩ: "Ta đã thống lĩnh bốn châu lớn, cai trị, giáo hóa. Nay lại nghe có cõi trời Ba mươi ba, sắc tướng trường thọ, với nhiều diệu lạc thù thắng. Cõi trời ấy hết sức cao rộng, lầu gác cung điện đều kiên cố. Ta nay nên đến cõi đó."

Vua vừa mới nghĩ thì thân đã bay bổng lên không trung cùng với mười tám ức binh đội hùng mạnh, một ngàn người con vây quanh có bảy báu cùng theo.

Đến vòng ngoài nơi núi Tu-di là bảy lớp núi vàng, nhà vua đầu tiên đến núi Di-dân-đạt-la. Núi này hùng vĩ tươi đẹp thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống nơi đấy. Nhà vua đem binh đội dũng lực đến dẫn dắt, giáo hóa nước ấy, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

Kế đến, nhà vua tới núi Vỹ-na-niết-kế, núi này cũng hùng vĩ sầm uất, thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống tại đấy.

Nhà vua đem quân binh thù thắng đến giáo hóa dẫn dắt cõi nước ấy, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

Tiếp theo, nhà vua đến núi Mã nhĩ, núi này càng hùng vĩ cao vút, cây cối um tùm, tươi tốt, cũng thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống ở đấy. Nhà vua đem binh đội dũng mãnh đến giáo hóa cõi nước này, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

Rồi nhà vua đến núi Thiện kiến, núi này cũng hùng vĩ không khác các núi trước, thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống tại đấy. Nhà vua đem quân binh hùng dũng đến để giáo hóa, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

Tiếp theo, nhà vua đến núi Khư-nĩ-la-ca, núi này cũng như các núi kể trên, cũng thuần bằng vàng, ở đây cũng có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử cai quản. Nhà vua cũng ra sức giáo hóa, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

Sau đó, nhà vua đến núi Trì trục, núi này lại càng hùng vĩ, xinh tươi, cao vút, cảnh quan càng đẹp, thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống ở đây. Nhà vua cũng đem binh đội dũng lực giáo hóa cõi nước ấy, trải qua thời gian sáu đời Đế Thích.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

QUYỂN 2

Sau khi đã đến núi Trì trục, vua Đảnh Sinh lại tới núi Trì song. Núi này cũng hùng vĩ, cảnh quan đẹp đẽ, thuần bằng vàng, có bốn Đại Thiên vương và các Thiên tử sống ở đấy. Núi chúa Tu-di là ngọn cao nhất trong các núi. Phía Đông núi này có vị Đại Thiên vương tên Trì Quốc, cung thành của vua trời cũng tên là Trì quốc. Thành này ngang rộng bằng nhau đến hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi thành là một ngàn do-tuần, trong ngoài đều trang nghiêm, tráng lệ. Thành Trì quốc có tường bằng vàng cao nửa do-tuần, trên thành vàng lại có tường Tứ nữ làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Lại có lớp tường thông đến ngoài đường, cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong thành này cũng vi diệu, thù thắng, có cả trăm loại màu sắc xen lẫn để trang trí. Đất ở đây mịn màng như Đâu-la-miên và tơ mềm, nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc lên thì trở lại như cũ. Trời tung rải hoa Mạn-đà-la trên đất này rất nhiều, ngập cả lối đi. Khi gió thổi, hương bay tỏa mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Những con đường thành dài hai trăm năm mươi do-tuần, rộng hai mươi lăm do-tuần, cát vàng trải khắp đất, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng mắc khắp bên đường đi để làm ranh giới cho hai phía. Lại có đủ các loại ao hồ trong mát, đáy ao rải kín bằng bốn thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Quanh mặt ao có bốn bậc thang, phần đáy và các tầng cấp cũng được làm bằng bốn thứ báu. Lại nữa trong ao hồ có đài bốn báu xen lẫn nhau tăng thêm sự trang nghiêm, đẹp đẽ. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nước nơi các ao luôn đầy ắp trong mát, thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ đầy mặt ao. Lại có các loại chim sống ở nước bơi lượn, vui đùa trong ao, phát ra âm thanh vi diệu, đó là: Tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp... Chung quanh ao lại có loại cây, hoa quả, mọc thẳng đứng,

sum suê hài hòa. Giống như người thợ kết hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả ở đây cũng giống như vậy.

Rừng cây lại có những giống chim bay nhảy nơi cành cao, phát ra âm thanh hòa nhã như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng...

Nơi cung của Thiên vương có bốn loại cây tạo ra vải vóc, y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Cây ấy luôn sinh ra bốn loại y phục màu sắc tươi đẹp, nếu chư Thiên hoặc nam hoặc nữ suy nghĩ đến y phục, khi tâm vừa phát sinh thì y phục liền hiện đến tận tay.

Lại có nhiều loại cây tạo ra âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Nếu chư Thiên hoặc nam hay nữ nào suy nghĩ đến âm nhạc, khi tâm vừa phát sinh thì âm nhạc đã tự hòa tấu.

Trong cung còn có những loại cây tươi đẹp, kỳ diệu chuyên sinh ra các thứ vòng, xuyến đeo tay, đeo chân, các vật đẹp đẽ khác để trang sức nơi thân. Nếu chư Thiên hoặc nam, hoặc nữ nào muốn có vật để trang sức, khi tâm vừa khởi thì các vật kia liền có ngay.

Lại có các thứ thức ăn Tô-đà gồm bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Chư Thiên hoặc nam hoặc nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm mới vừa dấy lên thì thức ăn liền hiện ra trước mặt. Nước uống thì có bốn loại: Mạt-độ, Ma-đạt-cang, Ca-đàm-mạt-lê và Bá-nang...

Nhà cửa, lầu gác, cung điện ở đây đều hiện rõ vẻ uy nghiêm đường lệ, nguy nga. Các Thiên nữ trong cung luôn thư thái; đi, đứng, ngồi, nằm đều ung dung. Những khi dạo chơi đây đó đều có đầy đủ các loại xe thích hợp trang hoàng lộng lẫy, rèm che chỗ Thiên nữ ngồi, rồi trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương cùng chở đầy các thức ăn uống. Thiên vương Trì Quốc cùng hàng quyến thuộc sống trong cảnh an lạc, tùy theo phước lực của mỗi người mà thọ hưởng quả thù thắng.

Phía Nam núi Tu-di có Đại Thiên vương tên Tăng Trưởng, thành của Thiên vương cũng hiệu Tăng trưởng. Thành này dài rộng bằng nhau, mỗi chiều là hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi thành là một ngàn do-tuần, trong ngoài đều theo đúng thứ lớp, đẹp mắt. Thành có tường vàng cao nửa do-tuần, trên thành vàng lại có tường Tứ nữ làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca, lại có lớp tường thông tới ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất đai ở đây có cả trăm loại màu sắc xen lẫn lại, mịn màng như Đâu-la-miên và tơ mềm nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên thì trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung rải khắp mặt đất, ngập cả lối đi, gió thổi hương thơm lan tỏa mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới.

Những con đường trong thành dài hai trăm năm mươi do-tuần, cát vàng trải khắp đất, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng mắc khắp hai bên đường đi để làm ranh giới cho hai phía.

Lại có đủ các loại ao hồ trong mát, đáy ao rải kín bằng bốn thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Quanh mặt ao có bốn bậc thang, phần đáy và các tầng cấp cũng được làm bằng bốn thứ báu. Lại nữa, trong ao hồ có đài trang nghiêm do bốn báu tạo thành xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nước trong các ao luôn đầy ắp trong mát, thơm ngọt. Các loại hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ kín mặt ao.

Lại có các loại chim sống ở nước bơi lặn, vui đùa trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng... Chung quanh ao lại có các loại cây, hoa quả, mọc thẳng đứng, sum suê, đều đặn. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành hoa đẹp, rừng cây hoa quả ở đây cũng giống như vậy.

Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cao, phát ra âm thanh hòa nhã như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng...

Nơi cung của Thiên vương có bốn loại cây tạo ra vải vóc y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Cây ấy luôn sinh ra bốn loại y phục màu sắc tươi đẹp. Nếu chư Thiên hoặc nam hoặc nữ suy nghĩ đến y phục, khi tâm vừa phát sinh thì y phục liền hiện đến tận tay.

Lại có nhiều loại cây tạo ra âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Nếu chư Thiên hoặc nam hoặc nữ nào suy nghĩ đến âm nhạc, khi tâm vừa dấy khởi thì âm nhạc đã tự hòa tấu.

Trong cung còn có các loại cây tươi đẹp, kỳ diệu, chuyên sinh ra các thứ vòng xuyến đeo tay, đeo chân, các vật đẹp đẽ khác để trang sức nơi thân. Chư Thiên hoặc nam hay nữ nào muốn có vật để trang sức, khi tâm vừa phát khởi thì vật kia liền hiện đến ngay.

Lại có các thứ thức ăn Tô-đà gồm bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu chư Thiên nam hoặc nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa dấy lên thì thức ăn liền có ngay trước mặt. Thức uống thì có bốn loại: Mạt-độ, Ma-đạt-cang, Ca-đàm-mạt-lê và Bá-nang...

Nhà cửa, lầu gác cung điện ở đây đều nguy nga, uy nghiêm. Các Thiên nữ ở trong cung luôn thư thái; đi, đứng, ngồi, nằm đều ung dung. Những khi dạo chơi đây đó đều có đầy đủ các loại xe thích hợp trang hoàng lộng lẫy, có rèm che chỗ Thiên nữ ngồi, rồi trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương cùng chở đầy các thức ăn uống. Thiên vương Tăng Trưởng và quyến thuộc thọ hưởng mọi sự an lạc, tùy theo phước lực của mình mà nhận lấy thắng quả ấy.

Phía Tây núi Tu-di có Đại Thiên vương tên Quảng Mục, thành của Thiên vương cũng tên là Quảng mục. Thành này dài rộng bằng nhau mỗi chiều là hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi thành là một ngàn do-tuần, trong ngoài đều theo đúng thứ lớp, uy nghiêm, tráng lệ. Thành có tường vàng cao nửa do-tuần, trên thành vàng lại có tường Tứ nữ làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca, lại có lớp tường thông đến ngoài đường, cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất đai ở đây có cả trăm loại màu sắc xen lẫn lại rất mịn màng như Đâu-la-miên và tơ mềm nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc lên thì trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung rải khắp mặt đất, ngập cả lối đi, gió thổi hương thơm lan ra mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Những con đường trong thành dài hai trăm năm mươi do-tuần, cát vàng trải khắp đất, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng mắc khắp bên đường đi để làm ranh giới cho hai phía. Lại có đủ các loại ao hồ trong mát, đáy ao rải kín bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Quanh mặt ao có bốn bậc thang, phần đáy và các tầng cấp cũng được làm bằng bốn thứ báu. Lại nữa, trong ao hồ có đài trang nghiêm do bốn báu tạo thành xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly, thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nước trong các ao luôn đầy ắp trong mát, thơm ngọt. Các loại hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma và hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ kín mặt ao. Lại có các loại chim sống ở nước bơi lặn vui đùa trong ao, phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng... Chung quanh ao lại có các loại cây, hoa quả mọc thẳng đứng, đều đặn, cân đối. Giống như người thợ kết hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa, rừng cây hoa quả ở đây cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cao, phát ra âm thanh hòa nhã như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng...

Nơi cung của Thiên vương có bốn loại cây tạo ra vải vóc y phục màu

xanh, vàng, đỏ, trắng. Cây ấy luôn sinh ra bốn loại y phục màu sắc tươi đẹp. Nếu chư Thiên hoặc nam hoặc nữ suy nghĩ đến y phục, khi tâm vừa dấy khởi thì y phục liền hiện đến tận tay.

Lại có nhiều loại cây tạo ra âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh. Nếu chư Thiên hoặc nam hay nữ nào suy nghĩ đến âm nhạc, khi tâm vừa phát khởi thì âm nhạc đã tự hòa tấu.

Trong cung còn có các loại cây đẹp đẽ, kỳ diệu, chuyên sinh ra các thứ vòng, xuyến đeo tay, đeo chân, các vật đẹp đẽ khác để trang sức nơi thân. Nếu chư Thiên hoặc nam hay nữ nào muốn có vật để trang sức, khi tâm vừa dấy khởi thì vật liền đến tận tay.

Lại có các thứ thức ăn Tô-đà gồm bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Chư Thiên hoặc nam, hay nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa phát khởi thì thức ăn liền hiện ra ngay trước mặt. Thức uống thì có bốn loại: Mạt-độ, Ma-đạt-cang, Ca-đàm-mạt-lê và Bá-nang...

Nhà cửa, lầu gác cung điện ở đây đều nguy nga, uy nghiêm. Các Thiên nữ ở trong cung luôn thư thái, đi đứng, ngồi, nằm đều ung dung. Những khi dạo chơi đây đó đều có đầy đủ các loại xe thích hợp, trang hoàng lộng lẫy có rèm che chỗ Thiên nữ ngồi, rồi trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương cùng chở đầy các thức ăn uống. Thiên vương Quảng Mục và các quyến thuộc thọ hưởng mọi sự an lạc, tùy theo phước lực của mình mà nhận lấy thắng quả ấy.

Phía Bắc núi Tu-di có Đại Thiên vương tên Đa Văn, cung thành của Thiên vương tên A-noa-ca-phạ-đế. Thành này dài rộng bằng nhau mỗi chiều dài là hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi của thành là một ngàn do-tuần, trong ngoài đều theo đúng thứ lớp, uy nghiêm, đẹp đẽ. Thành có tường vàng cao nửa do-tuần, trên thành vàng lại có tường Tứ nữ làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca, lại có lớp tường thông đến ngoài đường, cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất đai ở đây có cả trăm loại màu sắc xen lẫn, mịn màng như Đâu-la-miên và tơ mềm, nên khi bước xuống thì chân lún vào, nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung rải khắp mặt đất, ngập cả lối đi. Khi gió thổi hương thơm lan tỏa mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Những con đường trong thành dài hai trăm năm mươi do-tuần, cát vàng trải khắp đất, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng mắc khắp hai bên đường đi để làm ranh giới cho hai phía. Lại có đủ các loại ao hồ trong mát, đáy ao rải kín bằng bốn thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Quanh mặt ao có bốn bậc thang, phần đáy và các tầng cấp cũng được làm

bằng bốn thứ báu. Lại nữa trong ao hồ có đài trang nghiêm do bốn báu tạo thành xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nước trong các ao luôn đầy ắp, trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca… phủ kín mặt ao. Lại có các loại chim sống ở nước bơi lặn vui đùa trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng...

Chung quanh ao lại có các loại cây hoa quả, mọc thẳng đứng, sum suê, cân đối. Giống như người thợ kết hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả ở đây cũng như vậy.

Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng làm vui lòng người, tiếng hay đẹp dịu dàng.

Nơi cung của Thiên vương có bốn loại cây tạo ra vải vóc, y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Cây ấy luôn sinh ra bốn loại y phục màu sắc tươi đẹp. Nếu chư Thiên hoặc nam hoặc nữ suy nghĩ đến y phục, khi tâm vừa dấy lên thì y phục liền hiện đến tận tay.

Lại có những loại cây tạo ra âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Nếu chư Thiên hoặc nam hay nữ suy nghĩ đến âm nhạc, khi tâm vừa khởi lên thì âm nhạc đã tự hòa tấu.

Trong cung còn có các loại cây đẹp đẽ, kỳ diệu chuyên sinh ra các thứ vòng, xuyến đeo tay, đeo chân, các đồ vật đẹp đẽ khác để trang sức nơi thân. Nếu chư Thiên hoặc nam hay nữ muốn có đồ vật để trang sức, khi tâm vừa phát khởi thì vật kia liền hiện đến ngay.

Lại có các thứ thức ăn Tô-đà gồm bốn màu xanh, vàng đỏ, trắng. Chư Thiên hoặc nam hoặc nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa phát khởi thì thức ăn liền hiện ra ngay trước mặt. Nước uống thì có bốn loại: Mạt-độ, Ma-đạt-cang, Ca-đàm-mạt-lê và Bá-nang.

Nhà cửa, lầu gác, cung điện ở đây đều nguy nga. Các Thiên nữ ở trong cung luôn thư thái, đi đứng, ngồi nằm đều ung dung. Những khi dạo chơi đây đó đều có đủ các loại xe cộ thích hợp trang hoàng lộng lẫy, có rèm che chỗ Thiên nữ ngồi, rồi trổi nhạc, đánh trống, xông các danh hương cùng chở đầy các thức ăn uống. Thiên vương Đa Văn và hàng quyến thuộc thọ hưởng mọi sự an lạc, tùy theo phước lực của mình mà nhận lấy quả thù thắng. Như vậy là trải qua sáu đời Đế Thích.

Tiếp đến, vua Đảnh Sinh đi về phía núi Trì song, nơi có năm trăm Tiên nhân đang trú ngụ. Từ xa họ trông thấy vua Đảnh Sinh đi tới, Tiên nhân Xú Diện nổi sân, nói:

– Ông vua chuyên gây sự tranh chấp kia nay lại đến đây nữa!

Nói rồi, ông ta đưa hai tay vốc nước tạt vào đoàn người hộ tống nhà vua, không cho họ tiến đến. Khi ấy, thần chủ binh nói với các Tiên:

– Người tu tịnh hạnh nếu sinh tâm sân hận thì ở bất cứ nơi nào sự tu tập cũng không thành tựu. Vua Đảnh Sinh đây là bậc Đại nhân từ, chẳng phải là người để các ông nguyền rủa.

Vua Đảnh Sinh đi dần đến chỗ các vị Tiên, hỏi:

– Vị nào đã ngăn cản không cho đoàn tùy tùng của ta đến?

Thần chủ binh đáp:

– Các Tiên ngăn chận.

Vua nói:

– Các Tiên ở đây thích làm gì nhất?

Thần chủ binh đáp:

– Các tiên ở đây thích bện tóc nhất.

Vua nói:

– Bây giờ các vị hãy cắt mái tóc ấy đi và theo làm người hộ tống cho ta.

Vua Đảnh Sinh vừa nói xong thì tóc của các Tiên nhân thảy đều tự rụng hết, tất cả đều tự nhiên tay cầm cung tên đứng hầu bên vua.

Lúc đó, ngọc nữ báu liền đến tâu vua:

– Thiên tử, những vị Tiên nhân này đều là người tu hành, xin đại vương tha cho họ.

Vua nói:

–Tùy ý.

Các Tiên nhân ở lại chỗ cũ, nhờ dốc sức tinh tấn tu tập nên chứng được năm thứ thần thông.

Vua Đảnh Sinh cùng đoàn người hộ tống cất thân lên không trung bay dần về phía trước.

Núi Tu-di có nhiều dòng nước chảy ra vào, mỗi dòng như vậy dài đến tám vạn do-tuần, bốn mặt đều rộng tám vạn do-tuần, chu vi là ba mươi hai vạn do-tuần. Đất dưới chân đều bằng vàng, tất cả đều do bốn báu tạo thành hết sức trang nghiêm đẹp đẽ.

Núi Tu-di có bốn mặt vuông: mặt phía Đông do pha-chi-ca tạo thành, mặt phía Tây do bạc trắng tạo thành, mặt phía Nam do lưu ly tạo thành, mặt phía Bắc do vàng ròng tạo thành. Bốn góc lại có bốn ngọn núi cao. Ngọn phía Đông nam ngang rộng bằng nhau, mỗi chiều là một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần, cao bốn do-tuần rưỡi, do lưu ly tạo thành, thần Dạ-xoa Kim Cang Thủ trấn giữ núi này. Ngọn ở phía Tây nam ngang rộng bằng nhau, mỗi chiều là một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần, cao bốn do-tuần rưỡi, do pha-chi-ca tạo thành, thần Dạ-xoa Kim Cang Thủ trấn giữ ở đây. Ngọn phía Tây bắc ngang rộng bằng nhau, mỗi chiều là một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần, cao bốn do-tuần rưỡi, do vàng ròng tạo thành, được thần Dạ-xoa Kim Cang Thủ trấn giữ. Ngọn phía Đông bắc cũng ngang rộng bằng nhau, mỗi chiều là một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần, cao bốn do-tuần rưỡi, cũng do thần Dạ-xoa Kim Cang Thủ trấn giữ.

Núi Tu-di có bốn tầng: Tầng thứ nhất rộng một vạn sáu ngàn do-tuần, do bốn báu tạo thành, Thiên vương Kiên Thủ ở nơi tầng này. Tầng thứ hai cao một vạn do-tuần, rộng tám ngàn do-tuần, do bốn báu tạo thành, là trú xứ của Thiên vương Trì Man. Tầng thứ ba cao một vạn do-tuần, rộng bốn ngàn do-tuần, do bốn báu tạo thành, Thiên vương Thường Kiêu trấn giữ. Tầng thứ tư cao một vạn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần, cũng do bốn báu tạo thành, do Tứ đại Thiên vương cai quản.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

QUYỂN 3

Lại nữa, này đại vương, trên đỉnh núi Tu-di, tức trụ xứ của cõi trời Ba mươi ba, có các Long vương ở vùng nước, đó là Long vương Nan-đà, Long vương Ô-ba-nan-đà, Long vương Ma-na-tư, Long vương Y-la-bát-đát-la. Các Long vương này đã trải qua nhiều kiếp dốc sức hộ trì thế gian, không ai có thể chống cự. Những Long vương ấy lại cùng với các trời Kiên Thủ, trời Trì Man, trời Thường Kiêu, Tứ đại Thiên vương lo công việc gìn giữ cõi trời Ba mươi ba. Nếu khi nào có A-tu-la đến gây chiến, tức thì các vị này đều chống cự lại khiến cho kẻ địch sợ hãi thoái lui.

Bấy giờ, vua Đảnh Sinh lại tiến lên phía trước, hướng đến cõi trời Ba mươi ba. Đoàn tùy tùng nhà vua bị các Long vương ngăn chận. Nhà vua hỏi kẻ hầu cận:

– Sao đám tùy tùng không đi tới?

Vị thần chủ binh đáp:

– Tâu Thiên tử, những Long vương này ngăn chận quân binh.

Vua nói:

– Long vương là loài súc sinh, chẳng phải là chỗ đối địch của chúng ta. Bây giờ, tất cả Long vương phải hộ tống và dẫn đường theo lệnh của ta.

Nhà vua nói xong, các Long vương liền hướng dẫn vua đến chỗ của Thiên vương Kiên Thủ. Thiên vương hỏi:

– Vì sao các ngươi vội vã chạy đến đây?

Các Long vương đáp:

– Có vua của cõi nhân gian là Đảnh Sinh, sắp đến đây, nên chúng tôi phải đi trước dẫn đường.

Thiên vương Kiên Thủ liền ngăn chặn không chịu cho vào. Vua Đảnh Sinh hỏi kẻ hầu cận:

–Tại sao đám tùy tùng không đi tới?

Thần chủ binh đáp:

– Tâu Thiên tử, ở đây có Thiên vương Kiên Thủ đã ngăn chặn binh đội không cho tiến tới.

Vua nói:

– Trời Kiên Thủ này cũng phải làm người hộ tống, dẫn đường cho ta.

Nhà vua nói xong thì vị trời đó liền đi trước dẫn đường cho nhà vua đến chỗ ở của Thiên vương Trì Man.

Thiên vương Trì Man hỏi:

– Hôm nay sao ông vội vã đến đây?

Kiên Thủ đáp:

– Ở nhân gian có vua tên Đảnh Sinh, ngài sắp đến đây cho nên tôi đi trước dẫn đường.

Thiên vương Trì Man ngăn chặn không chịu cho vào. Nhà vua hỏi:

– Tại sao không cho chúng ta vào?

Thần chủ binh đáp:

– Tâu Thiên tử, Thiên vương Trì Man ngăn chặn binh chúng.

– Trời Trì Man đây cũng phải làm người hộ tống dẫn đường cho ta.

Nhà vua nói xong thì vị trời đó liền đi trước dẫn đường cho nhà vua đến chỗ ở của Thiên vương Thường Kiêu. Thiên vương hỏi:

– Hôm nay sao ngài vội vã chạy đến đây?

Vị trời ấy đáp:

– Ở nhân gian có vua tên Đảnh Sinh, ngài sắp đến đây cho nên tôi đi trước dẫn đường.

Thiên vương Thường Kiêu ngăn chặn không chịu cho vào. Nhà vua hỏi:

– Tại sao không cho chúng ta vào?

Thần chủ binh đáp:

– Tâu Thiên tử, Thiên vương Thường Kiêu ngăn chặn binh chúng.

– Trời Thường Kiêu đây cũng phải làm người hộ tống dẫn đường cho ta.

Nhà vua nói xong thì vị trời đó liền đi trước dẫn đường cho nhà vua, đến chỗ ở của Tứ đại Thiên vương. Thiên vương hỏi:

– Hôm nay sao ngài vội vã chạy đến đây?

Thiên vương đáp:

– Ở nhân gian có vị vua tên Đảnh Sinh, ngài sắp đến đây cho nên tôi

đi trước dẫn đường.

Lúc bấy giờ Tứ đại Thiên vương cùng bàn với nhau: "Vị vua ở nhân gian này có đủ đại danh xưng và đại phước đức, chúng ta đâu có thể chống trái lại được". Họ cùng nhau đến chỗ Đế Thích trình bày sự việc trên. Thiên chủ Đế Thích nói:

– Vị vua có đại danh xưng và đại phước này ta cũng không thể chống trái lại được.

Nói xong liền đem bình nước thơm Át-già đi nghênh đón vua Đảnh Sinh.

Khi ấy vua Đảnh Sinh trông thấy trên núi Tu-di rừng cây hoa nở từng chùm, những tàng lá cây chi chít giống như màu mây biêng biếc trên trời cao chót vót trông rất đẹp đẽ khác thường. Nhà vua hỏi thần Dạ-xoa ủng hộ Nĩ-vũ-ca:

– Rừng cây phía trước chúng ta tên gì thế?

– Tâu Thiên tử, đây là cây trong cõi trời Ba mươi ba, như cây Ba-lợi-chất-đa-la, Câu-tỳ-đà-la... Trong bốn tháng mùa hạ, các vị trời thường ở trong khu rừng này vui chơi giải trí năm dục tự tại. Tâu Thiên tử, bây giờ chúng ta đến đó cũng thọ hưởng khoái lạc như vậy.

Vua Đảnh Sinh nói với các quan cận thần:

– Các ông có thấy rừng cây phía trước giống như mây trời xanh biếc không?

– Thưa vâng, chúng tôi có thấy.

– Đó là những loại cây trong cõi trời Ba mươi ba như cây Ba-lợi-chất-đa-la, cây Câu-tỳ-đà-la… Các vị trời trong bốn tháng mùa hạ, thường ở dưới cây này vui chơi thọ hưởng năm dục tự tại. Chúng ta đến đó cũng sẽ vui vẻ như vậy.

Vua Đảnh Sinh tiếp tục tiến bước, thấy mây trắng bay cao tụ lại như ngọn núi trên núi Tu-di. Vua hỏi Nĩ-vũ-ca:

– Phía trước có mây trắng tụ lại như ngọn núi cao, ở đó gọi là gì thế?

– Tâu Thiên tử, đây là Thiện pháp đường trong cõi trời Ba mươi ba, là nơi các vị Thiên tử và Tứ đại Thiên vương thường cùng nhóm họp để tư duy, quan sát, suy tính việc ở thế gian, hoặc các vật của trời, của người. Tâu Thiên tử, bây giờ chúng ta nên đến đó.

Nhà vua nói với các quan cận thần:

– Các ông có thấy mây trắng tụ lại như ngọn núi cao ở phía trước không?

– Thưa vâng, chúng tôi có thấy.

– Đó là Thiện pháp đường trong cõi trời Ba mươi ba, là nơi các vị Thiên tử và Tứ đại Thiên vương thường cùng nhóm họp để tư duy, quan sát, suy tính việc ở thế gian hoặc các việc của trời, người. Bây giờ chúng ta nên đến đó.

Trong cõi trời Ba mươi, ở núi chúa Tu-di lại có thành Thiện kiến, thành này ngang rộng hai ngàn năm trăm do-tuần bằng nhau, giáp vòng là mười ngàn do-tuần, có bảy lớp thành, mỗi thành như vậy cao một do-tuần rưỡi, hoàn toàn được làm bằng vàng, trên mỗi một thành vàng lại có tường Tứ chúng nữ do vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca tạo thành. Lại có lớp tường thông ra ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong thành đó được trang điểm bởi cả trăm loại màu sắc xen lẫn. Đất mềm mại như Đâu-la-miên và như tơ mịn nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung ra khắp mặt đất tràn ngập cả lối đi, khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Thành Thiện kiến có một ngàn lẻ một cửa, mỗi một cửa dài hai do-tuần rưỡi, rộng nửa do-tuần, tất cả cửa đều làm bằng gỗ thơm Ngưu đầu chiên-đàn. Mỗi một cửa được trang nghiêm bốn thứ báu xen lẫn như vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca, tướng trạng giống như tinh tượng và bán nguyệt. Mỗi một cửa lại có năm trăm Dạ-xoa thanh y, mình mặc áo giáp để bảo vệ thành, cũng có thể hộ trì cõi trời Ba mươi ba.

Các Thiên tử luôn sống bằng các nghiệp thiện lợi. Những con đường trong thành dài hai trăm năm mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Cát vàng trải khắp đất, nơi nào cũng trang nghiêm, chạm vào nơi nào cũng có nước chiên-đàn rưới khắp, dây vàng có chuông linh bằng vàng, giăng bên đường đi để làm ranh giới phải trái bên đường. Lại có các loại ao hồ trong mát, dưới đáy ao có rải bốn thứ báu: vàng, bạc, pha-chi-ca, lưu ly. Bốn phía ao có bốn thang cấp, đáy có bốn báu và tầng cấp cũng được làm bằng bốn thứ báu. Lại trong ao hồ có đài trang nghiêm bốn báu xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Trong ao đầy nước trong mát thơm ngọt, hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma và hoa Mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng vui lòng người, tiếng hay vi diệu... Chung quanh đó, các loại cây hoa quả mọc vươn lên thẳng đứng không thưa thớt, giống như

người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cao phát ra muôn âm thanh vi diệu.

Ở trong thành đó có loại cây vải y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng, cây này cho ra bốn loại y phục màu sắc xinh đẹp. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ suy nghĩ đến y phục, khi tâm vừa phát sinh thì y phục đã đến tận nơi. Có những loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Nếu Thiên nam hay Thiên nữ vừa nghĩ đến âm nhạc, khi tâm vừa khởi thì âm nhạc đã tự trỗi.

Lại có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng, xuyến đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân. Nếu Thiên nam hay Thiên nữ nào muốn có vật trang sức, khi tâm vừa phát khởi thì vật đó đã đến nơi tay.

Lại có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa phát khởi thì thức ăn đã đến nơi tay. Có bốn loại nước uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Lại có các loại lầu gác, điện, đường trang nghiêm thù thắng vi diệu. Các Thiên nữ ở trong lầu gác đó, hoặc ngồi hoặc dạo chơi đều được an ổn, luôn có các thứ xe chuyên chở vật dụng y phục trang nghiêm, có rèm che cho Thiên nữ, đánh trống, trỗi nhạc, xông các danh hương và nhiều các loại thức ăn uống. Chư Thiên và hàng quyến thuộc vui vẻ hạnh phúc, tùy theo phước lực của mỗi người mà thọ hưởng quả thù thắng này.

Phía Đông thành Thiện kiến hai mươi do-tuần có khu vườn tên Bảo xa, ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, giáp vòng một ngàn do-tuần, trong ngoài trang nghiêm thù thắng vi diệu. Vườn có tường vàng cao nửa do-tuần, trên tường vàng có tường Tứ nữ được làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Lại có lớp tường thông đến ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong vườn này có trăm loại màu sắc xen lẫn để trang trí, đất mềm mại như Đâu-la-miên và như tơ mịn nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung ra đất đầy ngập cả lối đi. Khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Trong vườn Bảo xa có ao hồ lớn năm mươi do-tuần. Dưới đáy ao có rải bốn báu: vàng bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Bốn phía ao có bốn thang cấp cũng được làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Trong ao hồ đó có đài bốn báu được trang nghiêm vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc

thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kéo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Trong ao đầy nước trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ đầy trong ao. Lại có các loài chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng vui lòng người, tiếng hay vi diệu... Chung quanh ao đó có các loại cây hoa quả, mọc vươn lên thẳng đứng sum suê, không thưa thiếu, vi diệu. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cây cao phát ra âm thanh vi diệu. Chạm vào cây nào đều có cây vải y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng, cây này cho ra bốn loại y phục màu sắc xinh đẹp. Ở trong cung đó, có bốn loại cây vải y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng; cây này cho ra bốn loại y phục màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng, xuyến đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân. Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa mới phát khởi thì thức ăn liền tự đến. Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Trong khu vườn này lại có nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm vi diệu. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi, nằm hoặc dạo chơi rất an ổn. Có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm, có rèm che cho Thiên nữ, trổi nhạc, đánh trống, xông các danh hương và đầy các loại thức ăn uống. Chư Thiên và hàng quyến thuộc vui vẻ hưởng lạc tùy theo phước lực của mình mà thọ thắng quả này. Những con đường trong vườn dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, cát vàng trải khắp đất để trang nghiêm thanh tịnh. Chạm vào nơi nào cũng có hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, dọc hai bên đường cũng có các loại rừng cây hoa quả, chim bay liệng hót vang những âm thanh vi diệu. Cũng có cây vải y phục bốn màu và cây âm nhạc, cây trang nghiêm...

Lại có bốn loại xe chuyên chở, như xe voi, xe ngựa, xe kéo, xe báu. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nghĩ đến việc có chiếc xe để dạo chơi, tâm mới vừa phát khởi tùy theo ý muốn đi đâu thì xe sẽ đưa đi dạo chơi thỏa thích.

Vì sao vườn này có tên Bảo xa? Vì trong vườn này có đủ ao hồ, rừng

cây hoa quả, cây y phục trang nghiêm đầy đủ và Thiên nữ..., đều do các báu trang nghiêm tạo thành, lại có xe báu để chở các Thiên nữ đi dạo chơi, vì lý do này mà vườn có tên là Bảo xa.

Lại về phía Đông vườn Bảo xa hai mươi do-tuần có đất Bảo nghiêm ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, giáp vòng một ngàn do-tuần. Đất trong vườn này có cả trăm loại màu sắc xen lẫn, sạch sẽ mềm mịn để trang trí. Trong vùng đất này có đài bốn báu xen lẫn trang nghiêm. Hoa trời Mạn-đà-la tung ra khắp mặt đất, con đường dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần rất trang nghiêm thù thắng. Rừng cây hoa quả, y phục, âm nhạc... Tất cả các loại cây đều đầy đủ trang nghiêm. Cũng có các loại xe chuyên chở tùy theo ý muốn của chư Thiên ưa thích vui chơi. Ở đó có Thiên tiên tu tập phạm hạnh.

Phía Nam thành Thiện kiến hai mươi do-tuần có khu vườn tên Thô kiên ngang rộng hai trăm năm do-tuần bằng nhau, giáp vòng một ngàn do-tuần, trong ngoài đều trang nghiêm, xinh đẹp, thù thắng vi diệu. Vườn có bức tường vàng cao một do-tuần, trên tường vàng có tường Tứ nữ được tạo thành bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Lại có lớp tường thông đến ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong vườn này có cả trăm loại màu sắc xen lẫn làm trang trí, đất mềm mại như Đâu-la-miên và như tơ mịn, nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la tung ra đất ngập đầy cả lối đi. Khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới.

Trong vườn Thô kiên có ao hồ lớn năm mươi do-tuần, ngang rộng bằng nhau, giáp vòng hai trăm do-tuần, dưới đáy ao có rải bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Bốn phía có bốn thang cấp cũng được làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Trong ao hồ có đài bốn báu được trang nghiêm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Trong ao đầy nước trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng vui lòng người, tiếng hay vi diệu.

Chung quanh ao đó có các loại cây hoa quả mọc vươn lên thẳng đứng sum suê, không thưa thiếu. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy.

Rừng cây ấy có những giống chim bay nhảy trên cành cao phát ra âm thanh vi diệu. Chạm vào cây nào đều có cây vải y phục màu xanh, vàng, đỏ, trắng, cây này cho ra bốn màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng, xuyến đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân.

Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa mới phát khởi, thức ăn đều tự đến. Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Trong khu vườn này lại có các nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm vi diệu. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi, nằm hoặc dạo chơi rất an ổn. Có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm, có rèm che cho Thiên nữ, trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương và đầy các loại thức uống. Chư Thiên và các quyến thuộc vui vẻ hưởng lạc, tùy theo phước lực của mình mà hưởng thọ quả thắng diệu này.

Con đường trong vườn dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, cát vàng trải khắp đất thanh tịnh trang nghiêm, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, dọc hai bên đường cũng có các loại cây, hoa quả; chim bay lượn hót lên những âm thanh vi diệu. Cũng có bốn loại cây vải y phục và cây âm nhạc, cây trang nghiêm... Lại có bốn loại xe tốt đẹp như là xe voi, xe ngựa, xe chuyên chở, xe báu. Nếu các Thiên nam, Thiên nữ nghĩ đến việc có chiếc xe để dạo chơi, tâm mới vừa phát khởi, tùy theo ý muốn đi đâu thì sẽ đưa đi dạo chơi thỏa thích.

Tại sao vườn này có tên là Thô kiên? Bởi vì trong này có ao hồ, rừng cây, hoa quả, y phục trang nghiêm đầy đủ và các Thiên nữ ở đây đều thô cứng. Các Thiên tử trong vườn này thân tâm đều dũng mạnh mà lại thích chiến đấu. Vì vậy cho nên gọi là vườn Thô kiên.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

QUYỂN 4

Về phía Nam vườn Thô kiên hai mươi do-tuần có vùng đất Thô kiên ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi một ngàn do-tuần, có cả trăm loại màu sắc xen lẫn để trang trí, đất mềm mịn, sạch sẽ.

Ở giữa vùng đất Thô kiên có đài làm bằng bốn thứ báu xen lẫn rất trang nghiêm. Hoa trời Mạn-đà-la rải khắp đất. Đường đi dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, thanh tịnh trang nghiêm. Rừng cây hoa quả, cây y phục, cây âm nhạc, tất cả đều đầy đủ trang nghiêm. Cũng có các loại cây chuyên chở tùy theo ý muốn của chư Thiên ưa thích dạo chơi, ở đó có Thiên tiên tu tập phạm hạnh.

Phía Tây thành Thiện kiến hai mươi do-tuần có khu vườn tên Tạp chủng ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi một ngàn do-tuần, trong ngoài đều tráng lệ, thù thắng, vi diệu. Trong vườn có tường vàng cao một do-tuần, trên tường vàng có bốn tường Tứ nữ do vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca làm thành. Lại có lớp tường thông đến ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong vườn này có trăm loại màu sắc xen lẫn để trang trí, đất mềm mại như Đâu-la-miên và như tơ mịn nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la bay ra khắp đất, ngập đầy cả lối đi, khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới.

Trong vườn Tạp chủng có ao hồ lớn ngang rộng năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi hai trăm do-tuần, dưới đáy ao có rải bốn thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Trong ao hồ, có đài bốn báu được trang nghiêm bằng vàng, bạc, pha-chi-ca, lưu ly xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Trong ao đầy nước trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca..., phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng vui

lòng người, tiếng hay vi diệu. Chung quanh đó có các loại cây hoa quả mọc vươn lên thẳng đứng sum suê không thưa thiếu. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cây phát ra âm thanh vi diệu. Chạm vào đến cây nào đều có cây vải y phục màu xanh, đỏ, vàng, trắng, cây này cho ra bốn màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng, xuyến đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân. Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn, khi tâm vừa phát khởi, thức ăn đều tự đến. Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Trong khu vườn này lại có các loại nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm vi diệu. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi, nằm hoặc dạo chơi rất an ổn, có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm, có rèm che cho Thiên nữ, trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương và nhiều các loại thức ăn uống. Chư Thiên và các quyến thuộc vui vẻ hưởng lạc tùy theo phước lực của mình mà hưởng thọ quả thù thắng vi diệu ấy.

Con đường trong cung dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, cát vàng trải khắp đất, thanh tịnh trang nghiêm, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, dọc hai bên đường cũng có các loại rừng cây hoa quả, chim bay liệng hót lên những âm thanh vi diệu. Cũng có bốn loại cây vải y phục và cây âm nhạc, cây trang nghiêm... Lại có bốn loại xe tốt đẹp như là xe voi, xe ngựa, xe kéo, xe báu. Nếu các Thiên nam, Thiên nữ nghĩ đến việc có chiếc xe để dạo chơi, tâm vừa phát khởi, tùy theo ý muốn đi đâu thì xe sẽ đưa đi dạo chơi thỏa thích.

Tại sao vườn này có tên là Tạp chủng? Bởi vì trong vườn này có ao hồ, rừng cây hoa quả, y phục trang nghiêm đầy đủ và các Thiên nữ họp lại. Các Thiên nữ trong vườn này do nhiều người hợp lại, vui chơi khoái lạc. Vì lý do này mà có tên Tạp chủng.

Phía Tây vườn Tạp chủng hai mươi do-tuần có vùng đất Tạp chủng ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi một ngàn do-tuần. Đất trong vườn này có trăm loại màu sắc xen lẫn, sạch sẽ, mềm mịn, trang nghiêm. Trong vùng đất này có đài bốn báu xen lẫn trang nghiêm. Hoa trời Mạn-đà-la rải khắp mặt đất, con đường dài hai mươi do-tuần, rộng

nửa do-tuần rất trang nghiêm thanh tịnh. Rừng cây hoa quả, y phục, âm nhạc..., tất cả loại cây đều đầy đủ trang nghiêm. Cũng có các loại xe chuyên chở tùy ý các vị trời dạo chơi vui vẻ. Ở đó có Thiên tiên tu tập phạm hạnh.

Phía Bắc thành Thiện kiến hai mươi do-tuần, có vườn tên Hoan hỷ ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi một ngàn do-tuần, trong ngoài đều trang nghiêm xinh đẹp. Vườn có bức tường vàng cao một ngàn do-tuần, trên tường vàng có tường Tứ nữ được tạo thành bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Lại có lớp tường thông đến ngoài đường cũng được làm bằng bốn thứ báu. Đất trong vườn này có cả trăm loại màu sắc xen lẫn trang trí. Đất mềm mịn như Đâu-la-miên và mềm như tơ nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa Mạn-đà-la rải khắp đất, đầy ngập cả lối đi, khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới.

Trong vườn Hoan hỷ có ao hồ lớn năm mươi do-tuần, chu vi hai trăm do-tuần, dưới đáy ao có rải bốn thứ báu: vàng, bạc, pha-chi-ca, lưu ly. Trong ao hồ đó, đài bốn báu được trang nghiêm bằng vàng, bạc, pha-chi-ca xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Trong ao đầy nước trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca... phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút vang xa, tiếng vui lòng người, tiếng hót hay vi diệu.

Chung quanh ao có các loại cây hoa quả mọc vươn lên thẳng đứng sum suê không thưa thiếu. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây ăn quả cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cao phát ra âm thanh vi diệu. Chạm vào cây nào đều có cây vải y phục màu xanh, vàng đỏ, trắng. Cây này cho ra bốn loại màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân.

Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nghĩ đến thức ăn, khi tâm mới vừa phát khởi, thức ăn đều tự đến. Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Trong khu vườn này lại có các nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm vi diệu. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi, nằm hoặc dạo chơi rất an ổn. Có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm đầy đủ. Thiên nữ đi xe có rèm che, nhạc trỗi, đánh trống, xông các danh hương và nhiều loại thức ăn uống. Chư Thiên và các quyến thuộc vui vẻ hưởng lạc, tùy theo phước lực của mình mà hưởng thọ quả thắng diệu này.

Con đường trong vườn dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, cát vàng trải khắp mặt đất, thanh tịnh trang nghiêm, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, dọc hai bên đường cũng có các rừng cây hoa quả, chim bay liệng hót lên những âm thanh vi diệu. Cũng có bốn loại cây y phục kiếp-ba và cây âm nhạc, cây trang nghiêm... Lại có bốn loại xe tốt đẹp như là xe voi, xe ngựa, xe báu, xe kéo. Nếu các Thiên nam, Thiên nữ nghĩ đến việc có chiếc xe để đi dạo chơi, tâm mới vừa phát khởi, có ý muốn đi đâu thì xe sẽ đưa đi dạo chơi vui vẻ.

Tại sao vườn này có tên Hoan hỷ? Bởi vì trong vườn này có ao hồ, rừng cây hoa quả y phục trang nghiêm đầy đủ. Chư Thiên và các Thiên nữ tùy theo chỗ thọ dụng vui vẻ khoái lạc, tùy theo phước lực của họ tâm sinh hoan hỷ, an vui. Vì lý do đó mà tên khu vườn này có tên là Hoan hỷ.

Phía Bắc vườn Hoan hỷ hai mươi do-tuần có vùng đất Hoan hỷ ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi là một ngàn do-tuần. Đất trong vườn này có trăm loại màu sắc xen lẫn, sạch sẽ, mềm mại, trang nghiêm. Trong vùng đất này có đài bốn báu xen lẫn tốt đẹp. Hoa trời Mạn-đà-la rải khắp mặt đất, con đường dài hai mươi do-tuần, rộng nửa do-tuần, rất trang nghiêm thanh tịnh. Rừng cây hoa quả, y phục, âm nhạc... Tất cả loại cây đầy đủ xinh tốt. Cũng có các loại xe chuyên chở tùy ý các vị trời dạo chơi vui vẻ. Ở đó có Thiên tiên tu tập phạm hạnh.

Phía Đông bắc thành Thiện kiến có cội cây tên Ba-lợi-chất-đa-la Câu-tỳ-đà-la. Cây này có rễ lan tỏa trong đất năm mươi do-tuần, mỗi một cành cây dài năm mươi do-tuần. Cành thứ nhất ở phía Đông dài năm mươi do-tuần, cành thứ hai ở phía Nam dài năm mươi do-tuần, cành thứ ba ở phía Tây dài năm mươi do-tuần, cành thứ tư ở phía Bắc dài năm mươi do-tuần. Cành chính giữa cao chót vót trên hư không năm mươi do-tuần. Như vậy cây này cao một trăm năm mươi do-tuần, đường kính năm mươi do-tuần, chu vi là ba trăm do-tuần. Mùi hương của cây thơm bay theo gió lan xa đến trăm do-tuần, mùi thơm nghịch trong gió năm mươi do-tuần, màu sắc chiếu sáng đến tám mươi do-tuần. Cành, lá, hoa, quả khi nở, khi rụng đúng thời.

Những Thiên chúng ở cõi trời Ba mươi ba nếu khi thấy *(Bán-nô-bát-la-thâu)* lá cây héo úa thì sinh tâm hoan hỷ, chư Thiên vui vẻ dạo chơi. Chẳng bao lâu lại thấy *(Thi-lan-noa-bát-la-thâu)* cây rễ sinh hoa trái thì chư Thiên sinh tâm hoan hỷ, vui vẻ dạo chơi. Chẳng bao lâu lại thấy *(Hựu-ra-ca-nhạ-đô)* nụ hoa mới chớm của cây này thì chư Thiên sinh tâm hoan hỷ, vui vẻ dạo chơi. Chẳng bao lâu lại thấy *(Cốt-châm-ma-la-ca-nhạ-đổ)* búp của hoa thì chư Thiên sinh tâm hoan hỷ, vui vẻ dạo chơi. Chẳng bao lâu lại thấy *(Ca-ca-tả-yết-nhạ-đổ)* đóa hoa của cây này thì chư Thiên sinh tâm hoan hỷ, vui vẻ dạo chơi. Chẳng bao lâu hoa nở rộ, hương thơm ngào ngạt bay tỏa khắp nơi, chư Thiên biết cây Ba-lợi-chất-đa-la Câu-tỳ-đà-la kia đã nở khắp nơi, họ sinh tâm hoan hỷ, trong bốn tháng mùa hạ ở dưới cây này vui chơi khoái lạc, hưởng thọ năm dục tự tại, tùy theo phước lực của mình mà thọ quả thắng diệu này.

Đức Phật dạy:

– Đại vương do có oai lực, phước đức cho nên ở trong cõi trời Ba mươi ba, dưới cây Ba-lợi-chất-đa-la Câu-tỳ-đà-la hưởng lạc thù thắng không khác với chư Thiên.

Dưới cây Ba-lợi-chất-đa-la Câu-tỳ-đà-la thuộc cõi trời Ba mươi ba có vùng đất Tạp sức ngang rộng năm mươi do-tuần bằng nhau, chu vi hai trăm do-tuần, trông rất đẹp đẽ thù thắng. Đất ở đây có cả trăm loại màu sắc xen lẫn trang trí, đất mềm mại như Đâu-la-miên và như tơ mịn nên khi bước xuống chân lún vào, nhấc chân lên trở lại như cũ. Hoa trời Mạn-đà-la rải khắp đất. Khi gió thổi hương thơm mang theo hoa héo và mưa xuống hoa mới. Tòa ngồi được tạo hoàn toàn bằng vàng rất tốt đẹp, bền chắc, Thiên chủ Đế Thích ngồi ở trên tòa này. Các Thiên tử của cõi trời Ba mươi ba trong bốn tháng mùa hạ thường dừng chân tại đây vui vẻ dạo chơi, thọ hưởng năm dục tự tại.

Lại nữa, chung quanh vùng đất Tạp sức này đất rất mềm mại, có các loại cây hoa quả, thân cây vươn thẳng, cành lá nảy tròn bốn phía như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy. Có những loại chim bay nhảy trên cành cao phát ra âm thanh vi diệu. Có cây vải y phục bốn màu, cây này cho ra bốn loại màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có nhiều loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng đeo tay, đeo chân và đầy đủ các vật tốt đẹp trang nghiêm thân.

Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu có Thiên

nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn, thức ăn sẽ tùy theo ý nghĩ đó tự đến cho họ.

Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương.

Trong vùng đất này lại có các nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi, nằm hoặc dạo chơi rất an ổn. Có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm đầy đủ. Thiên nữ ngồi xe có rèm che, nhạc trỗi, đánh trống, xông các danh hương và loại thức uống. Chư Thiên và các quyến thuộc trong bốn tháng mùa hạ vui vẻ hưởng lạc. Tùy theo phước lực của mình mà thọ hưởng quả thù thắng vi diệu này.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

QUYỂN 5

Trong cõi trời Ba mươi ba lại có voi chúa tên Ái-la-phạ-noa canh giữ khu thượng uyển. Voi có thân tướng tốt đẹp, toàn một màu trắng như hoa bảy cánh Câu-mẫu-đà. Đầu của voi chúa rất xinh đẹp tối thắng, bên trong màu đỏ, bên ngoài màu xanh, có đủ sáu ngà như màu xanh của cuống hoa. Thân voi dài hai do-tuần rưỡi, chiều ngang cân đối một do-tuần, toàn thân là bảy do-tuần, cao một do-tuần rưỡi. Voi chúa đó có tám ngàn voi quyến thuộc, thân đều màu trắng như hoa bảy cánh Câu-mẫu-đà trồng trên đất. Mỗi một đầu voi có đủ sắc tướng, có sáu ngà như màu xanh của cuốn hoa.

Nếu khi nào chư Thiên có ý muốn dạo chơi trong khu thượng uyển thì tượng vương Ái-la-phạ-noa liền biết ý muốn của vị trời đó, dùng thần lực mọc ra ba mươi hai đầu, mỗi một cái đầu có sáu ngà, trên mỗi cái ngà có bốn mươi chín ao hồ, ở mỗi một ao hồ có bốn mươi chín hoa sen, trong mỗi một hoa sen có bốn mươi chín đài, trong mỗi một đài có bốn mươi chín lầu gác, trong mỗi một lầu gác có bốn mươi chín người bảo vệ, mỗi một người bảo vệ có bốn mươi chín Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ có bốn thị nữ, mỗi một thị nữ đánh bốn mươi chín trống trời. Đế Thích ngồi ở trên đầu chính tối thượng của voi chúa. Còn Ba mươi hai vị trời khác thì theo thứ tự ngự trên những đầu voi hóa ra rất an ổn. Ngoài ra các vị trời tùy theo đó mà đứng. Lúc voi chúa vận chuyển còn nhanh hơn gió, Thiên tử, Thiên nữ đều không thể thấy được đầu đuôi của voi chúa. Voi chúa Ái-la-phạ-noa chở các vị trời dạo đi trong vườn hoa, voi chúa đều dùng thần lực biến hóa thu nhiếp lại một hình như tướng oai đức thần thông của các Thiên tử, Thiên nữ, giống như chư Thiên vui vẻ thọ hưởng năm dục tự tại, tùy theo phước lực mà thọ quả thù thắng vi diệu này.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, oai lực bảo vệ khu thượng uyển trong cõi trời Ba mươi ba của voi chúa Ái-la-phạ-noa như vậy.

Phía Tây nam thành Thiện kiến có Thiện pháp đường dài ba trăm do-

tuần, rộng sáu trăm do-tuần, giáp vòng là chín trăm do-tuần, cao ba trăm năm mươi do-tuần, rất trang nghiêm tốt đẹp. Thiện pháp đường này dùng pha-chi-ca làm đất, lầu, gác, thang cấp cũng đều làm bằng pha-chi-ca. Có đài bốn báu vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca... xen lẫn trang nghiêm. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ, cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ, cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly.

Con đường ở Thiện pháp đường chạy quanh co, cát vàng rải đất trang nghiêm thanh tịnh, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi. Lại có các loại cây hoa quả, thân cây vươn thẳng tròn đầy không thưa thiếu. Giống như người thợ kết vòng hoa lấy tơ mềm khéo léo bện lại thành vòng hoa đẹp, rừng cây hoa quả cũng giống như vậy. Rừng cây ấy lại có những giống chim bay nhảy trên cành cây cao phát ra âm thanh vi diệu. Lại có những cây vải y phục màu xanh, vàng đỏ, trắng, cây này cho ra bốn loại màu sắc xinh đẹp. Lại có nhiều loại cây âm nhạc vi diệu như là ống tiêu, ống sáo, đàn cầm, đàn tranh... Có các loại cây trang nghiêm vi diệu, nơi cây ấy sinh ra vòng xuyến đeo tay, đeo chân và các vật tốt đẹp để trang nghiêm thân.

Có bốn vị thức ăn Tô-đà màu xanh, vàng đỏ, trắng. Có bốn loại thức uống: Mạt-độ tương, Ma-đạt-cang tương, Ca-đàm-mạt-lê tương, Bá-nang tương. Nếu Thiên nam hoặc Thiên nữ nào nghĩ đến thức ăn uống, khi tâm vừa phát khởi, thức ăn đều tự đến. Trong Thiện pháp đường này lại có các nhà cửa, lầu gác, cung điện trang nghiêm vi diệu. Các Thiên nữ ở trong cung ngồi hoặc nằm dạo chơi rất an ổn. Có các loại xe chuyên chở vật dụng phục sức trang nghiêm, có rèm che cho Thiên nữ, trỗi nhạc, đánh trống, xông các danh hương và nhiều loại các thức ăn uống. Chư Thiên và quyến thuộc vui vẻ hưởng lạc, tùy theo phước lực của mình mà hưởng quả thù thắng vi diệu này.

Bên Thiện pháp đường có bảy dòng nước lớn, mỗi một dòng sâu rộng một do-tuần, dưới đáy sông có rải bốn báu: vàng, bạc, pha-chi-ca, lưu ly. Bốn phía sông có bốn thang cấp cũng được làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca. Trong sông đó có đài bốn báu được trang nghiêm bằng vàng, bạc, pha-chi-ca xen lẫn nhau. Nếu đài làm bằng vàng thì trụ và cột kèo làm bằng bạc. Nếu đài làm bằng bạc thì trụ và cột kèo làm bằng vàng. Nếu đài làm bằng lưu ly thì trụ và cột kèo làm bằng pha-chi-ca. Nếu đài làm bằng pha-chi-ca thì trụ và cột kèo làm bằng lưu ly. Trong ao dòng nước đầy nước trong mát thơm ngọt. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa

Bôn-noa-lợi-ca…, phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu. Có rừng cây hoa quả, cây y phục, cây âm nhạc, mỗi một loại cây đều đầy đủ trang nghiêm. Trong bảy dòng nước lớn lại có các loại đình đài rất đẹp. Các vị trời vui vẻ dạo chơi thỏa thích.

Cổng Thiện pháp đường rất tôn nghiêm xinh đẹp, phía trên cổng lại có những bậc thang lên lầu gác rất trang nghiêm đẹp đẽ, mỗi một bậc thang có mười sáu trụ và bảy con đường giáp vòng, ở bên đường có trụ Bát giác được làm bằng lưu ly rất nghiêm tịnh tốt đẹp. Ở trên có nhiều lâu đài liên kết và xếp chồng lên nhau như không trở ngại nhau. Ở trong Thiện pháp đường có tòa Tối thắng hiền được làm toàn bằng vàng, Thiên chủ Đế Thích an tọa trên tòa này, còn các vị trời khác ngồi thứ tự theo vị trí của họ, tòa cuối cùng được sắp đặt cho vua Đảnh Sinh.

Lúc bấy giờ Thiên chủ Đế Thích cùng các vị trời cầm bình nước thơm Át-già đi nghênh đón vua Đảnh Sinh. Vua Đảnh Sinh là người đại oai đức, y theo thứ tự mà vào, còn các thị tùng đều đứng bên ngoài. Nhà vua suy nghĩ: "Bây giờ ta cũng phải ngồi ở tòa này sao? Nếu Thiên chủ Đế Thích chia phân nửa tòa cho ta cùng ngồi chẳng phải hay lắm sao?"

Đức Phật dạy:

– Đại vương, khi vua Đảnh Sinh suy nghĩ như thế, trời Đế Thích liền biết nên chia nửa tòa cho vua Đảnh Sinh cùng ngồi. Khi vua Đảnh Sinh cùng Thiên chủ Đế Thích ngồi trên tòa, toàn thân đều uy nghi chói sáng, âm thanh ngôn ngữ cũng trang nghiêm như nhau không khác, nhà vua chỉ khác Thiên chủ Đế Thích lúc chớp mắt.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, vua Đảnh Sinh đó ở trong cõi trời Ba mươi ba trải qua thời gian như vậy là sáu đời Đế Thích. Một thời gian sau, chư Thiên trong cõi trời Ba mươi ba cùng A-tu-la đánh nhau. Nếu quân lực của A-tu-la bị bại trận, họ vào cung khóa cửa lại ẩn núp. Nếu quân của trời bị bại trận, họ vào cung khóa cửa lại ẩn núp.

Lại nữa, trong cõi trời Ba mươi ba có voi chúa tên Thiện Trụ, thân tướng tốt đẹp, toàn một màu trắng tinh như hoa bảy cánh Câu-mẫu-đà, đầu của voi chúa bên trong màu đỏ, bên ngoài màu xanh như màu của cuốn hoa. Voi chúa có sáu ngà, thân dài hai do-tuần rưỡi, chiều ngang cân đối một do-tuần, toàn thân là bảy do-tuần, cao một do-tuần rưỡi. Voi chúa có tám ngàn voi quyến thuộc, thân đều màu trắng tinh như hoa bảy cánh Câu-mẫu-đà, mỗi một đầu voi có đủ sắc tướng như màu xanh cuốn hoa, mỗi con voi có sáu ngà. Voi chúa Thiện Trụ cùng với quyến thuộc của voi suốt trong

bốn tháng mùa đông ở chung, gần gũi với A-tu-la.

Về phía Bắc cách núi Hương túy hai mươi do-tuần gần chỗ A-tu-la ở có một gò đất cao lớn, ngang rộng bằng nhau năm mươi do-tuần rưỡi, giáp vòng hai trăm do-tuần, cao ba do-tuần rưỡi, toàn bằng vàng, cát vàng trải khắp đất để trang trí, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông, linh bằng vàng giăng bên đường đi, không có đá sỏi, gai gốc. Ở bốn phía gò lớn này lại có tám ngàn gò đất nhỏ cũng bằng vàng, cát vàng trải khắp đất để trang trí, chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới thơm. Dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, không có đá sỏi, gai gốc. Con đường trong núi đó dài hai mươi do-tuần, rộng một do-tuần rưỡi, tất cả đều thanh tịnh, trang nghiêm, tốt đẹp. Nếu voi chúa Thiện Trụ trong bốn tháng mùa hạ dừng chân ở trên gò cao đó thì tám ngàn voi quyến thuộc cũng đều ở vây quanh, âm thầm bảo vệ voi chúa.

Về phía Nam của gò đất cao lớn hai mươi do-tuần có Đại Sa-la thọ vương tên Thiện trụ, xếp theo thứ tự một dãy bảy lớp, các cây Sa-la giáp vòng chung quanh. Gốc của Thiện Trụ thọ vương mười bốn gang tay. Chiều rộng gốc cây hàng thứ nhất mười ba gang tay, hàng cây thứ hai mười hai gang tay, hàng cây thứ ba mười một gang tay, hàng cây thứ tư mười gang tay, hàng cây thứ năm chín gang tay, hàng cây thứ sáu tám gang tay, hàng cây thứ bảy bảy gang tay. Cành lá của Thiện Trụ thọ vương sum suê đan nhau phủ kín lớn nhất trong các hàng cây. Hàng cây thứ nhất lại bao phủ che hàng cây thứ hai, như vậy hàng cây thứ ba cho đến hàng cây thứ sáu bao phủ hàng cây thứ bảy, cành lá to lớn cao vút trên hư không. Đất ở đây thanh tịnh trang nghiêm, tốt đẹp. Con đường trong vùng đất này dài hai mươi do-tuần, rộng một do-tuần rưỡi cũng đều sạch đẹp.

Nếu lúc voi chúa Thiện Trụ từ chỗ trú ngụ đi đến chỗ Thiện trụ Sa-la vương, hoặc để nguyên tướng voi tùy ý đi, hoặc dùng sức thần thông oai đức hiện tướng trời, người cỡi trên một con voi, hoặc ngồi trên vai, hoặc ngồi trên đầu, tự nhiên đi trên không trung đánh trống, trỗi nhạc, ca hát, dạo chơi. Nếu trở lại làm voi chúa thì ngồi nghỉ dưới cội đại Thọ vương, tức thời có tám ngàn con voi quyến thuộc, theo thứ tự giữa bảy lớp hàng cây Sa-la đứng hướng vào bên trong, hàng cây thứ nhất đàn voi đứng vào bên trong, hàng cây thứ hai, thứ ba, cho đến hàng cây thứ bảy cũng hướng vào bên trong như vậy. Tất cả bầy voi đều âm thầm bảo vệ voi chúa.

Phía Đông của Thiện trụ Ta-la thọ vương hai mươi do-tuần có ao hồ lớn tên Mãn-đà-cát-nĩ, ngang rộng bằng nhau năm mươi do-tuần, giáp vòng

hai trăm do-tuần, trong ao đầy nước ngọt ngào, trong mát. Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca..., phủ đầy trong ao. Lại có các loại chim nước bay liệng trong ao phát ra âm thanh vi diệu như tiếng cao vút bay xa, tiếng vui lòng người, tiếng hay vi diệu. Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, cành hoa lại to bằng cái gọng xe, lá mềm mại và rộng bằng Ngưu vương, ngó sen rất tuyệt hảo, ngọt như sữa. Bốn phía ao lại có tám ngàn ao hồ, nước luôn đầy tràn và trang nghiêm đẹp đẽ, cũng có hoa đẹp phủ đầy mặt ao, chim nước bay liệng phát ra âm thanh vi diệu. Hoa sen trong ao lớn bằng bánh xe, cành lá và gốc cũng đều lớn như vậy.

Con đường trong ao hồ dài hai mươi do-tuần, rộng một do-tuần rưỡi, cát trải khắp đất, nơi nào cũng trang nghiêm thanh tịnh. Chạm vào nơi nào cũng có nước hương Chiên-đàn rưới khắp, dây vàng có chuông linh bằng vàng giăng bên đường đi, tự nhiên trừ được cát đá, gai gốc.

Nếu khi voi chúa Thiện Trụ từ chỗ Thiện trụ Sa-la thọ vương đi đến ao hồ Mãn-đà-cát-nhĩ, hoặc để nguyên tướng voi tùy ý đi, hoặc dùng sức thần thông oai đức hiện tướng trời, người cỡi trên một con voi, hoặc ngồi trên vai, hoặc ngồi trên đầu, tự nhiên đi trên không trung đánh trống, trổi nhạc, ca hát, dạo chơi. Nếu khi voi chúa vào trong ao vui đùa thì có tám ngàn voi quyến thuộc cũng đứng xung quanh trong ao, âm thầm bảo vệ voi chúa.

Lúc voi chúa Thiện Trụ ở trong ao tha hồ vui đùa rồi lên bờ thì một con voi đầu đàn trong tám ngàn con voi liền lặn vào trong ao chỗ nước sâu, trong sạch, đem dâng cúng cho voi chúa trước. Voi chúa đã ăn no rồi, bầy voi quyến thuộc mới lần lượt vào trong ao hồ, cùng nhau vui vẻ nô đùa và cũng hái ngó sen rửa sạch mà ăn.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, oai lực voi chúa Thiện Trụ ở trong cõi trời Ba mươi ba như vậy.

Sau đó A-tu-la điều chỉnh bốn loại binh: Tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh, chuẩn bị bốn loại áo giáp bền chắc, vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca tốt đẹp xen lẫn nhau. Họ cầm bốn loại binh khí như cung, kiếm, gươm, dao, từ cung A-tu-la ra đi đánh nhau với chư Thiên trong cõi trời Ba mươi ba.

Khi ấy, ở Thủy cung, Long vương thấy A-tu-la điều chỉnh bốn loại binh, mặc bốn loại áo giáp, rời cung đi đánh nhau với chư Thiên, họ cũng chuẩn bị bốn binh, mặc áo giáp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha-chi-ca, tay cầm binh khí bốn báu tốt đẹp để đánh nhau với A-tu-la. Nếu Long vương thắng

trận, quân của A-tu-la bại trận, thoái lui vào trong cung. Nếu A-tu-la thắng trận, quân của Long vương bại trận lúc ấy vị cầm đầu binh lực trong cõi trời Ba mươi ba đánh bại A-tu-la, liền vội vã chạy vào biển lớn, nơi tầng thứ nhất của núi chúa Tu-di dừng chân trú ngụ ở chỗ Thiên vương Kiên Thủ.

Lúc bấy giờ Thiên vương Kiên Thủ cùng với Long vương ở thủy cung chiến đấu với A-tu-la. Nếu hai vị thủ hộ thắng được A-tu-la thì khi đó A-tu-la bị bại trận, liền chạy vào trong cung. Nếu A-tu-la thắng, hai vị thủ hộ bại trận, tức thì binh lực của hai vị thủ hộ trong cõi trời Ba mươi ba liền vội vã chạy vào tầng cấp thứ nhất đến tầng cấp thứ hai của núi chúa Tu-di, trú ngụ tại vùng đất ở giữa của Thiên vương Trì Man.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA ĐẢNH SINH

QUYỂN 6

Lúc bấy giờ ba vị thủ hộ là Thiên vương Trì Man, Thiên vương Kiên Thủ và Long vương Thủy Cư cùng nhau hợp sức để đánh nhau với A-tu-la. Được thắng, khi đó A-tu-la thua, liền chạy vào trong cung. Nếu A-tu-la được thắng, ba vị thủ hộ trong cõi trời Ba mươi ba bị thua, tức thì binh lực bị bại trận của ba vị đều kéo nhau vào tầng thứ hai của núi chúa Tu-di rồi chạy vào tầng thứ ba, giữa chỗ trú ngụ của Thiên vương Thường Kiêu.

Khi ấy Thiên vương Thường Kiêu, Thiên vương Trì Man, Thiên vương Kiên Thủ và Long vương Thủy Cư cùng hợp lực với nhau để chiến đấu với A-tu-la bị bại, chạy lui vào cung của họ. Nếu A-tu-la được thắng thì bốn vị thủ hộ bị thua, tức thì binh lực bị bại trận của bốn vị thủ hộ trong cõi trời Ba mươi ba của núi chúa Tu-di, rồi đến tầng thứ tư, giữa chỗ trú ngụ của Tứ đại Thiên vương.

Lúc ấy Tứ đại Thiên vương, Thiên vương Thường Kiêu, Thiên vương Trì Man, Thiên vương Kiên Thủ và Long vương Thủy Cư cùng nhau hiệp lực để chiến đấu với A-tu-la. Nếu năm vị thủ hộ được thắng, khi đó A-tu-la bị bại, chạy lui vào cung của họ. Nếu A-tu-la được thắng thì năm vị thủ hộ bị thua, tức thì binh lực của năm vị thủ hộ trong cõi trời Ba mươi ba bị phá tan, họ liền từ tầng thứ tư của núi chúa Tu-di, đến nơi ở của Đế Thích ở trong cõi trời Ba mươi ba, họ muốn phá tan quân A-tu-la cho đến cùng, nên binh lực của năm vị thủ hộ đã được chuẩn bị trở lại, bốn đoàn binh kéo đến chỗ trời Đế Thích để xin chiến đấu.

Lúc ấy Tứ đại Thiên vương vào trong cung trời Đế Thích tâu:

– Thiên chủ, chúng A-tu-la đã đem quân đến gây chiến với bốn loại binh của chúng tôi, năm chúng trong trời đều bị phá tan bỏ chạy, hôm nay chúng tôi đến chỗ Thiên chủ, vì chúng A-tu-la hùng mạnh hơn chúng tôi. Cúi xin Thiên chủ ban sức cho chúng tôi.

Thiên chủ Đế Thích nghe các vị trời tâu, ngài bảo các vị trời trong cõi trời Ba mươi ba rằng:

– Các ngài nên biết, chúng A-tu-la có sức mạnh chiến đấu, họ đã phá tan được năm chúng thủ hộ, các ngài phải đến đây cầu chiến với ta. Ta sẽ ban sức mạnh cho các ngài.

Thiên chủ Đế Thích suy nghĩ: "Phải có voi chúa Thiện Trụ chở ta đi".

Voi chúa Thiện Trụ biết ý nghĩ của trời Đế Thích. Như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, chỉ trong khoảnh khắc, từ châu Thiệm-bộ, voi chúa đã đến cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ba mươi hai cái đầu, mỗi cái đầu đều có sáu ngà, trên mỗi cái ngà có bốn mươi chín ao hồ, mỗi ao hồ có bốn mươi chín hoa sen, trong mỗi hoa sen có bốn mươi chín lâu đài, trong mỗi lâu đài có bốn mươi chín lầu gác, trong mỗi lầu gác có bốn mươi chín người bảo vệ, mỗi người bảo vệ có bốn mươi chín Thiên nữ, mỗi Thiên nữ có bốn mươi chín thị nữ, mỗi thị nữ sử dụng bốn mươi chín trống trời. Đế Thích ngồi ở trên đầu chính tối thượng của voi chúa, còn ba mươi hai vị trời khác thì theo thứ tự ngự trên những đầu voi hóa ra rất an ổn. Ngoài ra các vị trời tùy theo đó mà đứng. Lúc voi chúa chuyển động còn nhanh hơn gió, Thiên tử, Thiên nữ đều không thể thấy được đầu đuôi của voi chúa.

Khi voi chúa Thiện Trụ đến trong cõi trời Ba mươi ba xong, liền đến cổng phía Nam vườn Thô kiên, dùng thần lực hiện tướng người, trời, cùng với chư Thiên vui vẻ chơi đùa.

Khi ấy, Thiên chủ Đế Thích ngồi trên voi chúa cùng với bốn đoàn binh nghiêm chỉnh mặc áo giáp bằng bốn thứ báu, đoàn binh hùng mạnh, hăng hái mang theo bốn loại binh khí bén nhọn để chiến đấu cùng A-tu-la.

Vua Đảnh Sinh trông thấy sự kiện như vậy, tâu với Đế Thích:

– Thiên chủ, hôm nay ngài đang dàn binh bố trận tôi cũng muốn hợp sức với ngài.

Thiên chủ đáp:

– Tùy theo ý ngài, bây giờ thật đúng lúc.

Vua Đảnh Sinh cùng với mười tám câu-chi binh chúng hùng mạnh, bay lên hư không điều khiển dây cung, âm thanh phát ra thần tốc. Chúng A-tu-la nghe thấy âm thanh này vội hỏi:

– Ai đã kéo dây cung như thế?

Có người biết đáp:

– Đây là tiếng kéo dây cung của vua Đảnh Sinh.

Chúng A-tu-la nghe vậy, trong lòng vô cùng kinh dị. Trong lúc các vị trời và chúng A-tu-la đánh nhau, binh lực ngang nhau, không phân thắng bại thì đoàn binh của vua Đảnh Sinh mới xuất hiện. Đoàn binh của vua

Đảnh Sinh đứng trên hư không vô cùng mạnh mẽ, hùng tráng hơn quân của A-tu-la. Khi ấy A-tu-la suy nghĩ và nói:

– Từ lâu ta đã nghe danh ông vua Đảnh Sinh này trong loài người, dũng mạnh, nghiêm túc và có đại phước đức, oai đức cao vời không ai có thể sánh bằng. Ông ta đã vượt quá hư không, cao hơn chúng ta.

A-tu-la nói xong hoảng sợ chạy lui vào trong cung của họ. Vua Đảnh Sinh hỏi các quan:

– Bây giờ phần thắng thuộc về ai?

– Muôn tâu, nhà vua đắc thắng.

Nhà vua liền suy nghĩ: "Ta đã thắng cõi trời Ba mươi ba, ta đã thống trị Nam thiệm-bộ châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu, Bắc câu-lô châu. Ta có đủ bảy báu và có ngàn người con, có sắc tướng tối thượng và dũng mạnh, không sợ bị quân khác hàng phục. Lại ở trong cung ta có mưa tiền vàng trong bảy ngày. Ta đã đến cõi trời Ba mươi ba và vào trong cung Đế Thích, được ngồi nửa tòa trong Thiện pháp đường. Nếu Thiên chủ Đế Thích tạ thế, bỏ lại vương vị này, ta sẽ là vua thống trị cõi trời cũng như cõi người, là người tối thắng trong trời người, chẳng khoái lắm sao?". Khi vua vừa sinh tâm nghĩ như vậy, tức thì oai lực thần thông liền diệt mất, bị xuống trở lại nơi cung cũ ở châu Thiệm-bộ, thân sinh các bệnh khổ đau đớn, lại thêm gầy gò khổ nhọc kề cận với thần chết.

Lúc đó trong các quan lại có bậc kỳ lão đến tâu với vua:

– Thiên tử, nếu sau này có người đến hỏi: "Vua Đảnh Sinh khi sắp tạ thế có nói điều gì không?". Lúc ấy sẽ trả lời họ thế nào?

Nhà vua bảo:

– Sau khi ta tạ thế, nếu có người đến hỏi như vậy ngươi hãy trả lời: "Đại vương Đảnh Sinh có oai đức tối thượng và đầy đủ bảy báu, là người duy nhất có đủ bốn thần lực. Những gì là bốn? Đó là:

1. Vua Đảnh Sinh được thọ mạng dài lâu trong thế gian, trải qua tất cả một trăm mười lăm đời Đế Thích. Đó là thần lực thứ nhất về thọ mạng.

2. Vua Đảnh Sinh có dung nghi tốt đẹp thù thắng, tối thượng, với hình dáng của trời, vượt hơn loài người. Đó là thần lực thứ hai về sắc tướng.

3. Vua Đảnh Sinh đầy đủ các vật cần dùng, ít bệnh, ít buồn, sắc lực khang kiện, ăn uống hoàn toàn tự tiêu hóa, không bệnh hoạn, thời tiết tự điều hòa, không lạnh không nóng, tùy theo sinh hoạt đời sống, tất cả đều được an lạc. Đó là thần lực thứ ba về vô bệnh.

4. Tất cả mọi người trông thấy vua Đảnh sinh đều ưa thích chiêm

ngưỡng không nhàm chán, cũng như con yêu quý cha. Vua Đảnh Sinh lại lo lắng thương dân, sinh tâm vui vẻ như cha yêu con, hoặc lúc vua đi dạo xem khu thượng uyển, nói với người đánh xe: "Ngươi có thể cho xe tiến tới từ từ để cho mọi người chiêm ngưỡng dung nhan của ta". Mọi người lại nói với người đánh xe: "Nhân giả, xin cho xe đi chậm lại để chúng tôi có thể trông thấy tướng hảo của vua". Đó là thần lực thứ tư về ái lạc.

Vua Đảnh Sinh là chủ cao tột, thống trị bốn đại châu, sau đó đến cõi trời Ba mươi ba được Đế Thích chia nửa tòa của ngài. Đầy đủ các việc như thế mà đối với năm dục vua vẫn cảm thấy không biết đủ.

Khi sắp tạ thế, nhà vua nói kệ:
Khổ thay, thế gian tham cảnh dục
Châu báu tuy nhiều không biết đủ
Nơi ấy vui ít, khổ lại nhiều
Bậc trí thấy rõ điều như thế.
Đến như dục lạc trong cõi trời
Tâm tham ái nên không giải thoát
Người nào có thể dứt cội nguồn?
Chỉ Thánh đệ tử Đấng Từ Tôn.
Giả sử châu báu nhiều vô lượng
Chất cao bằng với núi Tu-di
Không ai có thể sinh nhàm chán
Bậc trí khéo biết rõ điều này.
Nếu nghĩ ái dục là nhân khổ
Sao đối cảnh dục còn tham ái
Tham ái cội nguồn khổ thế gian
Bậc trí điều phục nên khéo học.

Đức Phật dạy:

–Đại vương, vì lý do đó nên vua Đảnh Sinh lại nói: "Rất ít người trong cuộc đời có thể ở trong cảnh năm dục hiểu rõ biết đủ, cuối cùng đưa đến mạng chung. Nhiều người trong cuộc đời, ở trong cảnh năm dục không giác ngộ, không sinh tâm nhàm chán biết đủ, nên cuối cùng đưa đến mạng chung".

Lại nữa, vua Đảnh Sinh vì lợi ích khắp cả mọi người đời sau, cho nên nói kệ:

Cực ác lưu chuyển trong sinh tử
Biết rõ thọ mạng tùy giảm thiểu
Phải mau tu tập các hạnh lành

Không tu phước hạnh nên đau khổ.
Thế nên tu phước là cao tột
Tùy theo hành thí như pháp nghi
Trong đời này và đời khác nửa
Nhờ tu phước tuệ được hỷ hoan.

Lúc bấy giờ trăm ngàn vô số nhân dân trong nước nghe tin nhà vua lâm bệnh đều vội vã đến thăm viếng, hỏi han. Vua Đảnh Sinh đem các vấn đề tham dục và phương pháp đối trị giảng thuyết rộng rãi cho mọi người, khiến cho nhiều người từ giã gia đình đi xuất gia học đạo. Khi ấy có vô số trăm ngàn người nghe lời giảng dạy liền đi xuất gia tu bốn phạm hạnh. Lại có nhiều người đoạn trừ tham dục, được sinh đến cõi Phạm thiên.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, vua Đảnh Sinh đó từ lúc ấu thơ cho đến lúc làm Thái tử và lên ngôi vương vị, thống trị các cõi Nam thiệm-bộ châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu, Bắc câu-lô châu, ở ngôi vị luân vương trong bảy núi vàng và đến cõi trời Ba mươi ba, trải qua các ngôi vị, trong thời gian ấy tất cả là một trăm mười bốn đời Đế Thích.

Đại vương nên biết, tuổi thọ của Đế Thích tính bằng: Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày đêm ở cõi trời Ba mươi ba, ba mươi ngày đêm là một tháng, một năm cũng có mười hai tháng. Tuổi thọ của Đế Thích là một ngàn năm, tức bằng ba ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian.

Đại vương, thuở trước lúc vua Đảnh Sinh khởi niệm dục ở cõi trời Ba mươi ba, lúc Thiên chủ Đế Thích chia cho nửa tòa ngồi, khi ấy Tỳ-kheo Ca-diếp mới làm Đế Thích. Vua Đảnh Sinh lại khởi niệm như thế này: "Nếu Thiên chủ Đế Thích ở nơi tòa này tạ thế, ta sẽ làm vua cả cõi trời, cõi người, chẳng phải sướng lắm sao!"

Lúc đó Ca-diếp Như Lai làm Thiên chủ Đế Thích, vua Đảnh Sinh là người có đại danh tiếng, có phước vô lượng, chỉ trong một niệm sinh tâm lầm lỗi mà bị giảm thần lực và sa đọa, bị phiền não tật bệnh trói buộc phải qua đời.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, vua Đảnh Sinh đâu phải người nào lạ, nay chính là Ta. Lúc đó Ta ban bố khắp quần sinh được lợi ích an lạc, đạt đến vô thượng, nhưng lại bị các ma chướng nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên này mà phải đưa đến sự kiện như vậy.

Lúc đó đại vương Thắng Quân nước Kiều-tát-la bỗng có ý nghi ngờ, đến trước Đức Phật bạch:

– Thế Tôn, vua Đảnh Sinh từ kiếp lâu xa, nhờ tu nhân gì và hành nghiệp gì mà được cảm nhận quả trong cung vua, tự nhiên mưa tiền vàng trong bảy ngày?

Đức Phật đáp:

– Đại vương, thời quá khứ xa xưa có Đức Phật ra đời hiệu Nhất Thiết Tăng Thượng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi ấy có con của người trưởng giả đến nước kia y theo nghi lễ và phép tắc kết hôn cùng một cô con gái. Người vợ đem bốn thứ báu làm thành tràng hoa xinh đẹp và nấu các món ăn ngon ngọt cung cấp cho chồng. Người chồng thọ nhận xong đem tràng hoa báu trở về, giữa đường ông ta thấy Đức Phật Nhất Thiết Tăng Thượng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đang khoan thai tiến bước. Người con trưởng giả thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm liền sinh tâm kính tin, ưa thích, vô cùng thanh tịnh. Ông ta xuống xe, cung kính dâng hoa cúng dường. Vì Đức Phật Thế Tôn có sức oai thần cho nên biến hoa báu ấy lớn bằng bánh xe xoay vòng trên không trung, hoặc bay không ngừng. Ông trưởng giả sinh tâm thanh tịnh, thuyết kệ:

Do nhân bố thí rộng lớn này
Thành Phật thế gian trí tự nhiên
Nguyện con mau thoát dòng sinh tử
Những ai chưa độ đều được độ.
Nhất Thiết Tăng Thượng Phật đại tiên
Hoa con dâng cúng vui lòng nhận
Con nguyện nhờ nhân rộng lớn này
Viên mãn mong cầu đạo Vô thượng.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, vua Đảnh Sinh nhờ nhân duyên đó nên trong cung vua tự nhiên mưa tiền vàng trong bảy ngày.

Đại vương Thắng Quân lại bạch Đức Phật:

– Thế Tôn, vua Đảnh Sinh nhờ duyên gì mà làm vua thống lĩnh cả bốn đại châu? Và có thể đến cõi trời Ba mươi ba?

– Đại vương, thời quá khứ xa xưa có Đức Phật ra đời hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Chánh Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật này đem chánh pháp giáo hóa chúng sinh, dần dần Ngài đi đến thành Mãn-độ-ma-đề. Một hôm Đức Như Lai vào thành

khất thực, lúc đó có một thương chủ tên Quảng Tác trông thấy Đức Như Lai có tướng hảo thù thắng hy hữu đang tuần tự đi khất thực. Ông ta phát tâm thanh tịnh đem một ít đậu xanh đặt vào trong bát dâng cúng Đức Thế Tôn. Có bốn hạt đậu vào trong bát, còn lại một hạt lại xoay vòng phát ra tiếng động rồi rơi xuống đất, còn lại bao nhiêu hạt đậu khác cũng theo đó rơi xuống. Người thương chủ thấy vậy khởi tâm thanh tịnh, phát nguyện:

Do nhân bố thí rộng rãi này
Thành Phật thế gian trí tự nhiên
Nguyện con mau thoát dòng sinh tử
Những ai chưa độ đều được độ.

Đức Phật dạy:

– Đại vương, người thương chủ đối với Đức Tỳ-bà-thi Như Lai tuy chỉ cúng dường chút ít nhưng do tâm thanh tịnh mà bốn hạt đậu được vào trong bát Đức Như Lai nên về sau được phước báu làm vua thống lĩnh bốn đại châu, còn có một hạt đậu rơi trong bát phát ra tiếng mới rơi xuống đất, thì được phước báo có thể đến cõi trời Ba mươi ba.

Lại nữa, này đại vương, hạt đậu kia nếu không rơi xuống đất mà được đặt vào trong bát, về sau thương chủ chắc chắn sẽ được làm chủ trong cõi trời, nhưng vì bị rơi xuống đất nên chỉ được làm chủ thống trị nhân gian.

Đại vương, người thương chủ đó tức là vua Đảnh Sinh vậy. Do đối với Đức Phật, ông ta đã gieo căn lành, được Đức Thế Tôn đại bi tiếp nhận cho nên được quả báu lớn, có đủ oai đức lớn và nhiều tiếng tốt. Vì thế, bậc trí tuệ như đại vương đối với Đức Phật Thế Tôn tùy theo khả năng của mình nên tu các hạnh bố thí. Những điều Ta dạy nên học tập như vậy.

❑

SỐ 166

PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT NGUYỆT QUANG

Hán dịch: Đời Tống, Tây Thiên,
Pháp sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Trúc lâm, thành Vương xá thuyết pháp cho đại chúng Bí-sô. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đến trước Đức Phật, năm vóc sát đất đảnh lễ dưới chân Ngài và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng con không nỡ nhìn thấy ngài viên tịch, vì thế giờ đây chúng con xin được diệt độ trước.

Lúc đó trong chúng có một thầy Bí-sô chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vì lý do gì mà hôm nay đến xin Ngài nhập diệt trước? Cúi xin Đức Thế Tôn giải rõ sự nghi ngờ của chúng con.

Đức Thế Tôn bảo thầy Tỳ-kheo:

– Ông hãy lắng nghe Ta nói rõ nguyên nhân này. Hai thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã dứt trừ các lậu hoặc tham, sân, si. Việc đáng làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không thọ nghiệp sau. Chẳng phải chỉ có ngày nay hai thầy ấy muốn nhập diệt mà vào thời quá khứ cũng vậy.

Về phía Bắc nước Ấn Độ có một thành lớn tên Hiền thạch, dài hai mươi do-tuần, chiều rộng cũng như vậy. Quốc vương nước ấy tên là Nguyệt Quang, tuổi thọ đến bốn vạn năm, có Thiên nhãn, túc mạng thông. Nhà vua có vóc dáng đoan nghiêm, đầy đủ các tướng chói sáng rực rỡ như ánh trăng rằm. Chỗ nhà vua ở không cần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay đèn đuốc cho nên có hiệu là Nguyệt Quang. Vua Nguyệt Quang thống lãnh sáu vạn tám ngàn cõi nước trong bốn châu, đất nước thái hòa nhân dân an lạc, có nhiều vàng bạc, châu báu, y phục, thực phẩm, các loại xe voi, xe ngựa... Nơi bốn cổng thành đều có lâu đài, cửa sổ cửa lớn được trang trí bằng châu

báu, trên các ngã đường được quét dọn sạch sẽ, dựng các tràng phan, bảo cái anh lạc trân châu. Lại có các loại hương thơm, hương bột gỗ Chiên-đàn, khi làn gió nhẹ thổi mang theo hương thơm ấy tỏa khắp trong nước. Người đi xe, ngựa, không nghe khí uế, nơi nào cũng có các loại cây hoa quả như cây Đa-ma-la, cây Ca-ni-ca-ra, cây Vô ưu, cây Bối-đa, cây Sa-la, cây Đế-la-ca, cây Long hoa, cây Mạc-câu-la, cây A-đề-mục-già, cây Bá-tra-la. Các cây này có rất nhiều hoa, trái. Chim Anh võ xá-lợi, chim Ca-lăng-tần-già, chim Câu-kế-la... Ở giữa các tầng hàng cây hót líu lo những âm thanh vi diệu. Trong thành ngoài nội có ao hồ suối chảy róc rách, thường mọc những loại hoa đẹp như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-na, hoa Bôn-tra-lợi-ca... Tất cả sự phồn vinh như vậy đều đầy đủ trang nghiêm.

Đức Phật bảo thầy Bí-sô:

– Lúc ấy vua Nguyệt Quang ở nơi phố chợ, các ngã đường và nơi bốn cổng thành, chất đầy các vật tốt đẹp như vàng, bạc, châu, báu, xe voi, xe ngựa, xe tải, thực phẩm, y phục, nệm lót, thuốc thang... Rồi nhà vua đánh trống vàng, tuyên bố với mọi người: Nguyệt Quang Thiên tử, đem các tài vật bố thí cho tất cả mọi người, ngài sẽ cung cấp tùy theo ý mong cầu của mọi người.

Tất cả chúng sinh cõi Nam thiệm-bộ châu đều đến vương thành xin những vật bố thí. Ai cũng được đầy đủ và được giàu sang, không có một ai ra về với sự nghèo thiếu.

Vua Nguyệt Quang lại suy nghĩ: "Tuy các chúng sinh không có ai nghèo thiếu nhưng về vật dụng, đối với ta còn chưa được bình đẳng." Nhà vua lại đem các loại y phục tốt đẹp và châu báu quý giá nhất, mão gắn ngọc anh lạc, nệm lót, thực phẩm... bố thí cho chúng sinh được giàu sang tốt đẹp, đều bằng với vua Nguyệt Quang; cung điện thành ấp, lầu gác vườn rừng..., tất cả đều được trang hoàng đẹp đẽ như cõi trời Đao-lợi.

Có bảy mươi hai trăm ngàn na-do-tha người thường ở trong thành Hiền thạch. Thành ấy có hai ngàn năm trăm vị đại thần, trong đó có hai vị phó tướng. Một người tên Đại Nguyệt và một người tên Trì Địa, cả hai đều có dung mạo đoan chánh, phước đức thuần hậu, trí tuệ sâu xa, tài cao hiểu rộng. Họ thường đem pháp Thập thiện giáo hóa chúng sinh.

Một hôm phó tướng Đại Nguyệt nữa đêm nằm mộng thấy mão của vua đội bỗng biến thành màu khói đen. Lại có quỷ đến đứng phía trên đầu vua đoạt mão của ngài rồi đi. Đại Nguyệt tỉnh giấc, rất hoảng hốt lo sợ sẽ có điều chẳng lành. Phó tướng suy nghĩ: "Vua của ta từ mẫn, ban bố cho tất cả chúng sinh, không làm trái ý người đến xin. Chắc chắn sẽ có người

ác đến xin đầu nhà vua.” Phó tướng suy nghĩ như thế rồi, liền dùng bảy báu làm thành một cái đầu, nếu như có kẻ đến xin ta sẽ đem cái đầu này thay thế.

Lúc ấy phó tướng Trì Địa cũng thấy một giấc mộng. Ông ta thấy thân thể vua Nguyệt Quang bị phân tán thành bốn phần, liền cho mời vị Bà-la-môn đoán mộng xem tốt hay xấu. Vị Bà-la-môn thưa:

– Giấc mộng này rất xấu, chắc chắn có người phương xa đến xin đầu nhà vua.

Trì Địa nghe xong, thương cảm rơi lệ: Vì sao vua của ta lại mắc phải đại họa này?

Khi ấy một vạn ba ngàn năm trăm đại quan thân cận đều thấy ác mộng như: Tràng phan chúc ngược xuống đất, trống vàng đánh không kêu, ân ái chia lìa, khóc la thương xót... Những giấc mộng như vậy, họ đem ra bàn bạc với nhau: Nếu vua gặp điều không may thì ai sẽ cứu giúp tất cả chúng sinh? Chúng ta làm sao được an ổn?

Vua Nguyệt Quang bảo các đại thần:

– Tuổi thọ của ta đã hết, việc bố thí cho chúng sinh không được gián đoạn.

Lúc ấy trong núi Hương túy, có đại Bà-la-môn tên Ác Nhãn, nhiều trí thông minh, rất giỏi kỹ thuật, ông ta biết vua Nguyệt Quang ở nơi bốn cửa thành mở hội đại bố thí, nhà vua đánh trống truyền rao khắp cả bốn phương, ai cần vật gì ngài đều cung cấp đầy đủ. Bấy giờ ta đến đó xin vua cái đầu, nói xong Ác Nhãn xuống núi Hương túy. Trời, người ở trong núi biết tên Bà-la-môn đến xin vua cái đầu, họ vô cùng đau đớn than:

– Khổ thay, khổ thay! Nhà vua có lòng từ mẫn luôn làm lợi lạc cho quần sinh. Nếu như Ngài mất đi thế gian thật là bạc phước.

Khi trời, người than vãn như vậy, trời đất trở nên đen tối, mặt trời, mặt trăng không xuất hiện, các dòng thác khô cạn, cuồng phong thổi đến làm đá đổ cát bay, cây cối gãy ngã, mặt đất rung chuyển, có rất nhiều hiện tượng bất thường xảy ra như thế.

Cách thành không xa, có một vị Tiên nhân chứng đắc ngũ thông tên là Di-thấp-phạ-nhĩ-đát-ra cùng với năm trăm quyến thuộc, thường đem lòng từ mẫn che chở chúng sinh. Khi thấy hiện tượng xấu xảy ra như vậy, ông rất lo lắng buồn rầu nói với Ma-noa-pha-ca:

– Chắc là có tai họa đến với đức vua, chúng ta biết làm thế nào để giúp ngài?

Trời, người và các Khẩn-na-la trong hư không đều rơi lệ lả chả như mưa. Tất cả người dân đều ôm lòng lo sợ.

Bà-la-môn Ác Nhãn khi sắp đến thành, vị trời giữ thành đến thưa với vua Nguyệt Quang:

– Hôm nay có kẻ từ núi Hương túy đến đây ôm lòng sát hại, muốn xin đầu vua. Đức vua không được nghe theo hắn, nên bảo trọng thân mình, giữ Thánh thể bình an.

Vua nghe xong sinh tâm vui mừng ca ngợi:

– Lành thay! Ta sẽ được bố thí viên mãn.

Khi ấy Bà-la-môn Ác Nhãn liền vào vương thành, vị trời giữ cửa trông thấy người Bà-la-môn xấu ác khôn khéo quỷ quyệt, liền chận lại ngoài cửa không cho vào.

Vua Nguyệt Quang biết người Bà-la-môn đã đến nhưng không được vào thành, liền bảo phó tướng Đại Nguyệt:

– Có người Bà-la-môn từ núi Hương túy đến đây muốn gặp ta, ngươi hãy ra lệnh mở cửa cho người ấy vào, không được cản trở.

Đại Nguyệt vâng lời, thưa với vị Thiên nhân giữ cửa, hãy để cho người Bà-la-môn ấy vào.

Đại Nguyệt hỏi người Bà-la-môn:

– Ông đến để cầu việc chi?

Người Bà-la-môn đáp:

– Ta nghe vua Nguyệt Quang thương xót mọi loài, nên mở hội đại bố thí. Nếu ai có lòng mong cầu nhà vua đều được tất cả. Nay ta đến đây muốn xin đầu nhà vua.

Đại Nguyệt nói:

– Này Bà-la-môn, đầu nhà vua do máu mủ hợp thành, cuối cùng rồi cũng sẽ tan rã hư hoại. Bây giờ nếu ông xin được thì ông sẽ dùng nó để làm gì? Ta có cái đầu làm bằng bảy báu, lại có nhiều vàng bạc châu báu ta sẽ cung cấp đầy đủ cho ông, nhờ đó con cháu ông được giàu sang mãi mãi.

Bà-la-môn nói:

– Ta chỉ xin cái đầu chứ không xin châu báu.

Khi đó, hai vị đại thần kêu khóc như mưa, buồn bã đau đớn:

– Chúng ta làm thế nào để thoát khỏi tai họa này?

Người Bà-la-môn đi đến chỗ nhà vua cúi lạy rồi đứng qua một bên, chắp tay thưa:

– Tôi nghe đức vua có lòng từ mẫn bố thí khắp tất cả mọi loài. Hôm nay tôi đến đây chỉ xin cái đầu của nhà vua, mong ngài không trái với lòng từ bi mà hoan hỷ bố thí cho tôi.

Bồ-tát chí cầu Vô thượng trí,
An trụ pháp tối thắng thanh tịnh
Mong ngài từ mẫn mau bỏ đầu
Đạt đến viên mãn hạnh bố thí.

Vua Nguyệt Quang chắp tay nói kệ:

Cha mẹ đã sinh thân bất tịnh
Người xin đầu, ta hoan hỷ cho
Bản nguyện từ nay thành viên mãn
Khiến ta chóng đến quả Bồ-đề.

Vua Nguyệt Quang nói với người Bà-la-môn:

– Ngươi sẽ không hài lòng với cái đầu của ta, bởi vì nó được hợp thành xương, tủy, máu huyết, da thịt liên kết nhau không sạch sẽ, nhưng ta đem bố thí cho ngươi để ngươi được toại nguyện.

Người Bà-la-môn trong lòng vô cùng vui mừng. Nhà vua muốn cắt đầu nên bỏ mão xuống. Khi ấy mão của tất cả mọi người trong cõi Nam thiệm-bộ châu đều rơi xuống đất, ai nấy cũng kinh hoàng. Hai vị phó tướng không nỡ thấy nhà vua xả bỏ thân mạng, nên họ đến nơi khác tự vẫn, do nhờ sức thiện căn nên họ được sinh lên cung Đại Phạm.

Bồ-ma Dạ-xoa ở trong hư không lớn tiếng xướng rằng:

– Khổ thay, Thiên tử! Nay sắp mạng chung.

Lại có trăm ngàn ức người, vội vã đến cung vua khóc lóc thảm thiết, thương cảnh chia lìa. Nhà vua thuyết pháp an ủi khiến cho họ phát đạo tâm.

Người Bà-la-môn nói:

– Nếu vua bỏ đầu nên đến chỗ thanh tịnh.

Nhà vua đáp:

– Ta có một vườn hoa tên Ma-ni bảo tạng, hoa quả sum suê, suối chảy ao tắm... tất cả đều trang nghiêm, hoàn hảo đệ nhất. Ta đến đó bỏ đầu, ý ngươi thế nào?

– Nhà vua mau đến đó.

Vua Nguyệt Quang cầm kiếm đi đến vườn hoa, đứng dưới gốc cây Chiêm-bặc, nói với người Bà-la-môn:

– Bây giờ ta bố thí đầu, ngươi đến cắt đi.

– Sao nhà vua không tự mình cắt đầu, lại sai ta cầm kiếm? Đó chẳng phải là hạnh bố thí.

Khi ấy có vị trời giữ vườn thấy sự kiện như vậy, thương khóc rơi lệ nói với người Bà-la-môn:

– Ngươi là kẻ đại ác, Thiên tử Nguyệt Quang có lòng từ mẫn vô biên, đem lại lợi ích cho khắp quần sinh. Sao ngươi đến đây làm hại mạng sống của nhà vua?

Nhà vua bảo vị trời:

– Chớ nói những lời như vậy làm trở ngại việc thù thắng. Ta đã ở trong vô lượng đời quá khứ làm Đại quốc vương, ở trong khu vườn này xả bỏ đầu đã ngàn lần, lúc đó hàng trời, người đều không làm ngăn ngại ta. Xưa kia để cứu hổ đói ta đã bỏ thân mạng... Vượt hơn Từ Thị bốn mươi kiếp, lúc đó trời người cũng không làm chướng ngại. Ngày hôm nay các ông nên phát tâm tùy hỷ sẽ được lợi ích thù thắng.

Vua Nguyệt Quang lại bảo Trời, Rồng, Bát bộ, tất cả Thánh hiền:

– Nay ta bố thí đầu không vì cầu làm Luân vương, không cầu sinh lên cõi trời, không cầu làm Ma vương, không cầu làm Đế Thích, không cầu làm Phạm vương. Ta vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến cho người chưa được hóa độ sẽ hồi tâm được hóa độ, người được hóa độ sẽ mau được giải thoát, người được giải thoát sẽ chứng tịch diệt viên mãn cứu cánh đến bờ giác ngộ. Ta nguyện sau khi mạng chung, xá-lợi như hạt cải màu trắng, ở nơi vườn Ma-ni bảo tạng xây một tháp lớn để cho tất cả chúng sinh lễ bái cúng dường xem nghe tùy hỷ, sau khi chết đều được sinh lên cõi trời, phát tâm Bồ-đề ra khỏi cõi tử sinh.

Nhà vua phát nguyện xong, Bà-la-môn nói:

– Vua xả bỏ thân thể thật hy hữu. Ở đời vị lai chóng thành Phật đạo.

Nhà vua đem đầu tóc buộc vào cành cây Vô ưu, rồi cầm kiếm bén tự chặt đầu mình.

Lúc bấy giờ Tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Trong hư không các vị trời ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Hôm nay Thiên tử Nguyệt Quang sẽ thành Phật.

Trời mưa hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nạp-ma, hoa Câu-mẫu-na, hoa Mạn-đà-la và các loại hương bột, hương thơm Chiên-đàn... để cúng dường vua Nguyệt Quang. Họ dùng gỗ thơm Chiên-đàn thiêu thân vua Nguyệt Quang và thâu lấy xá-lợi, ở trong vườn Ma-ni và bốn ngã đường, xây mỗi

nơi một cái tháp, luôn luôn cúng dường các thời hiện tại, vị lai. Tất cả chúng sinh ở trong khu vườn này, đi đứng ngồi nằm và ở trước tháp chiêm bái đảnh lễ cúng dường, sau khi chết được sinh lên Dục thiên và Phạm thiên.

Đức Phật bảo các thầy Bí-sô:

– Vua Nguyệt Quang thuở xưa nay chính là Ta, còn hai vị phó tướng Đại Nguyệt và Trì Địa nay chính là Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên. Bà-la-môn Ác Nhãn nay là Đề-bà-đạt-đa. Do vì nhân duyên này, nay ở trước mặt Phật hai ngài xin nhập diệt.

Các thầy Bí-sô nghe lời Đức Phật dạy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành, lễ Phật lui ra.

❑

SỐ 167

PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH (1)

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao.

Như vầy tôi nghe:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Kiếp trước của Ta là thái tử Mộ Phách, con vua nước Ba-la-nại. Khi mới sinh thái tử đã có tướng khác thường, hình dáng khôi ngô tuấn tú không ai sánh kịp. Thái tử tự biết việc vô số đời trước, các việc tội phước, thiện ác và thọ quả báo dài ngắn, tốt, xấu, chết đi và sinh ra nơi nào thái tử đều biết rõ.

Mãi đến năm mười ba tuổi, thái tử vẫn không nói được. Vua cha chỉ có một người con, tương lai sẽ tiếp nối ngôi báu nên nhân dân cả nước đều yêu mến thái tử. Vì nhớ lại vô số kiếp trước, những sự họa phước, mất, còn... Thế nên thái tử vẫn im lặng cho đến năm mười ba tuổi. Thái tử xem thường hình hài, ý chí để nơi vắng lặng, không quan tâm đến sự đói lạnh, sống đạm bạc chất phát, ý như cây khô, tuy có tai mắt nhưng không thèm nghe thấy, trí suy nghĩ tuy sâu xa mà giống như không tâm chí, không sợ ô nhục cũng không yêu ghét, như mù như điếc không nói việc gì cả, xem cũng như người có mắt mà không thấy đường.

Vua cha lo buồn khổ não và rất lấy làm xấu hổ với nước lân cận vì sợ họ biết sẽ chê cười. Do đó nhà vua cho gọi các vị Bà-la-môn trong nước đến hỏi.

– Vì sao thái tử không thể nói được?

Người Bà-la-môn xem tướng thưa:

– Đây là một người con ác, tuy có hình tướng đoan nghiêm tuấn tú nhưng trong lòng ngấm ngầm điều bất thiện, muốn hại phụ vương cho mất nước tiêu diệt tổ tông. Chẳng bao lâu nữa nhà vua không thể nuôi dưỡng

được. Thái tử không nói được thì ích lợi gì cho nhà vua? Bây giờ đại vương rõ rồi thì không nên để thái tử sống nữa, những người con ác như thế nên đề phòng cẩn thận. Vì thế đại vương chớ để thái tử sống làm gì, đại vương nên đem thái tử chôn sống cho rồi, lúc ấy đại vương mới có thể bảo vệ quốc gia và an toàn dòng dõi, về sau sẽ sinh được quý tử, nếu không rất là nguy hiểm.

Nhà vua tin lời kẻ ngu cuồng, cho rằng quả đúng như vậy, nên trong lòng buồn bã đứng ngồi không yên, không màng xem múa hát, chẳng buồn ăn ngon, mặc đẹp. Nhà vua bàn bạc cùng các quan đại thần và trưởng giả:

– Bây giờ chúng ta phải làm cách nào?

Có vị quan tâu:

– Đem bỏ thái tử vào núi sâu không có người.

Hoặc có vị quan tâu:

– Ném thái tử xuống dòng nước sâu.

Có một vị quan tâu:

– Phải như lời thầy tướng Bà-la-môn nói, nhà vua cho làm cái hầm sâu có lối vào như căn phòng, rồi cấp của cải lương thực và cho năm người phục vụ để sống trong hầm đó, mạng sống thái tử lúc đó coi như không còn và chấm dứt tất cả các hành động.

Vua cha nghe lời đề nghị của vị quan ấy, sáng sớm sai người phục vụ bằng mọi cách đưa thái tử đi chôn. Thái tử rất xót xa cho hành động ngu si mê muội này, ngài vô cùng thương xót họ. Mẫu hậu thương con đau đớn trong lòng nói:

– Ta vô phước sinh con mạng bạc mới gặp phải tai ương này, ruột gan ta đứt đoạn đau đớn biết dường nào, lòng ta thương cảm biết dường nào.

Sự bất đắc dĩ hoàng hậu miễn cưỡng để thái tử đi, bà dặn dò người chở thái tử đi chôn, phải lấy tất cả y phục, chuỗi ngọc, châu báu của thái tử đã dùng đem theo cho ngài.

Đến nơi người phục vụ bảo thái tử cởi hết y phục châu báu ra ngoài đem đặt một bên, rồi họ mới bắt đầu làm hầm. Hầm đào chưa xong, Mộ Phách ở trên xe một mình miên man suy nghĩ và tự nói:

– Từ vua cha cho đến nhân dân, ai cũng cho rằng ta là người câm điếc không thể nói được. Sở dĩ ta không nói là chính vì muốn xả bỏ những duyên ràng buộc ở đời, tránh bao điều phiền toái để được an thân cứu giúp chúng sinh thoát khổ. Nay ngược lại, ta lại bị kẻ cuồng si dối trá làm hại, đã mất

thân mạng còn bị người khác đem chôn sống.

Thái tử lặng im lấy y phục và châu báu đem đi. Bọn người làm huyệt không biết Mộ Phách đã đem đồ đạc ra đi. Khi ấy Mộ Phách đi đến bên bờ sông tắm gội sạch sẽ và dùng hương xoa thân thể, rồi đem tất cả y phục chuỗi ngọc đến chỗ đào huyệt hỏi:

– Các ông đào hầm cho ai thế?

Những người đào huyệt đáp:

–Quốc vương có một người con tên Mộ Phách bị câm điếc, đến mười ba tuổi vẫn không biết nói. Nhà vua hỏi ông Bà-la-môn, vị thầy Bà-la-môn bảo nên đem thái tử chôn sống thì đất nước mới được phồn vinh, con cháu sau này mới được giàu có an vui. Vì lý do đó nên sai chúng tôi đào huyệt để chôn Mộ Phách.

Mộ Phách nói:

– Ta chính là thái tử Mộ Phách đây.

Mọi người kinh hãi lông tóc dựng ngược vội vã chạy lại chiếc xe tìm nhưng họ không thấy Mộ Phách trên xe. Họ chạy lại chỗ đào huyệt để nhìn cho kỹ thái tử, lắng nghe thái tử nói âm thanh thật đặc biệt trong trẻo, rõ ràng như ánh trăng rằm, mà xưa nay người đời ít ai nghe thấy làm vang động cả hai bên. Những người đang đi đều dừng lại người đang ngồi đều đứng lên, các loài chim bay, thú chạy đều quây quần bên thái tử, tất cả đều cúi đầu để nghe thái tử nói:

– Quan sát tay chân và hình dáng của ta, tại sao bị bọn người ngu mê dối trá làm mê hoặc, dùng lời nói bậy cho là đúng rồi đem bỏ mạng sống của ta?

Những lời trình bày của thái tử phát xuất từ tâm đều thành văn chương. Mọi người nghe xong lộ vẻ hoảng sợ vô cùng, cả trên lẫn dưới không ai dám trái lời. Dung nghi của thái tử đã chinh phục, khiến mọi người run sợ, hai bên nhìn nhau mặt mày xanh ngắt sợ hãi, nói:

– Thái tử chính là một vị thần nên mới như vậy.

Họ đến trước thái tử cúi đầu đảnh lễ cầu xin thương xót và xá tội cho họ để cùng nhau trở về hoàng cung tâu với phụ vương.

Mộ Phách nói:

– Phụ vương đã bỏ ta nên ta không trở về nữa, các ngươi hãy về tâu lại cho phụ vương ta biết.

Bọn phục vụ tức tốc chạy về tâu nhà vua. Mẫu hậu thương xót sai người đến hỏi tình hình thế nào.

Một người thưa:

– Thái tử xuất thần khai khẩu nói được tất cả làm ai cũng kinh ngạc. Người nghe thái tử nói kéo đến rất đông.

Nhà vua cuống cuồng mừng mừng tủi tủi rất lấy làm ngạc nhiên trước sự kiện này, vua và phu nhân đi rước thái tử. Nhân dân cả nước ai cũng hân hoan vui mừng đến thăm thái tử đầy khắp các nẻo đường. Có người nói:

– Trông Thái tử giống như các vị thần.

Trong lúc vua cha chưa đến, Mộ Phách suy nghĩ: "Ta phải nên học đạo". Ngay lúc thái tử phát tâm như thế, trời Đế Thích liền hóa ra cảnh vườn tược, ao tắm, các loại cây hoa quả vô cùng khoái lạc không đâu sánh bằng. Mộ Phách liền cởi bỏ những y phục ngọc ngà châu báu trên trên thân, điềm nhiên khoác lên mình y phục của một đạo nhân.

Nhà vua đến nơi, thấy Mộ Phách ngồi dưới gốc cây. Mộ Phách trông thấy vua cha đến liền đứng dậy nghênh đón và làm lễ. Mộ Phách thưa:

– Mời đại vương ngồi.

Nhà vua nghe lời Mộ Phách nói, âm thanh trong trẻo oai thần chấn động, khắp cả trời đất không ai sánh bằng, nên rất hoan hỷ bảo Mộ Phách mau trở về hoàng cung lên ngôi trị nước.

– Ta xin mời con, chớ nên lẫn tránh.

Mộ Phách thưa:

– Tâu phụ vương, không thể được, không thể được. Con đã nhàm chán trăm mối sầu lo đau đớn nơi địa ngục. Kiếp trước con đã từng làm quốc vương nước này tên là Tu Niệm, lấy chánh pháp trị nước, phụng hành các điều thiện. Trong suốt hai mươi lăm năm trong nước của vua đó không ai bị lao ngục tù đày, không có đao binh và sử dụng hình phạt roi gậy, đức nhân ái được ban bố khắp mọi nơi, cứu giúp khắp cùng không một chút tham tiếc. Tuy con đã thực hành tất cả những hạnh lành này nhưng còn phạm một tội nhỏ cuối cùng phải đọa vào địa ngục hơn sáu vạn năm, bị rang, nấu, bằm, chặt, đau khổ không chịu nổi, cầu sống không được mà muốn chết cũng không được. Ngay lúc ấy cha mẹ ở tại nước này, tuy có của cải tài sản vô số, giàu sang sung sướng vô cùng đâu biết con ở nơi địa ngục bị tra khảo kịch liệt! Cha mẹ đâu thể đến san sẻ bớt nỗi khổ đau cho con được. Phụ vương biết vì sao con bị đọa như thế không?

Thuở xưa con làm vua ở nước lớn này, thống trị tất cả tiểu quốc vùng phụ cận. Nhà vua tánh tình nhân từ đức độ đến nỗi luật nước không nghiêm, cho nên các vua tiểu quốc dễ coi thường, họ cùng bàn với nhau:

– Đại vương này chỉ được hiền lành nhưng nhu nhược, không có đức oai hùng nên không thể thống lãnh đại quốc. Bây giờ chúng ta nên đem quân chinh phạt và truất phế ông ta cho rồi.

Các tiểu quốc kéo quân đến chinh phạt đại quốc. Lúc ấy vua Tu Niệm dốc hết vàng bạc, châu báu ban cho các tiểu quốc. Nhà vua lại ban cho chức tước, bổng lộc để phủ dụ an ủi họ. Vì thế mà vua các tiểu quốc đều rút lui về bổn quốc.

Như thế chẳng bao lâu các tiểu quốc lại kéo vô số quân đến chinh phạt đại quốc. Các quan lại của đại quốc nổi giận tâu lên đại vương:

– Bề tôi ở các tiểu quốc ngu si vô nghĩa, không nghĩ đến tội khi quân coi thường đại quốc, chúng là những kẻ phản nghịch dám xúc phạm đến kẻ bề trên. Xin đại vương nên hạ lệnh cho dân chúng mau chống cự lại và hãy luôn đề phòng đối phó. Chúng ta nên đánh dẹp để trừ khử bọn giặc phá hại.

Nhà vua đáp:

– Ta làm cha làm mẹ của dân nên phải có trách nhiệm dạy dân lòng nhân ái, tha thứ cứu mạng cho họ khỏi bị nguy khốn. Ta thương tưởng những tiểu quốc kia cũng giống như những đứa bé chưa hiểu biết, hãy từ từ khuyên bảo họ chứ không nỡ thêm sự giết hại.

Nhà vua luôn có lòng Từ quảng đại thương mạng sống của mọi loài chưa bao giờ có tâm giết hại. Quần thần không đành lòng trông thấy thành trì của các đại quốc bị các tiểu quốc xâm chiếm dễ dàng thuộc về tay họ, không thể nén giận, quan quân của đại quốc lén cất binh đi chinh phạt các tiểu quốc, do đó nhân dân bị giết hại rất nhiều. Đại vương nghe được sự việc như vậy vô cùng đau xót, ngài khóc như mưa. Đại vương đem nhân dân các nước bị tử vong làm lễ tống táng và hết lòng lo lắng thương xót như lo cho con của ngài.

Các tiểu quốc thấy đại quốc vương tâm Từ thương tưởng nhân dân như thế mới đến xin hàng và quy thuận với đại vương. Khi các tiểu quốc đã theo về hàng phục đại vương, đại vương liền ra lệnh bày tiệc chiêu đãi họ. Quan đầu bếp làm tiệc, muốn làm đủ các thức ăn cần phải làm thịt lục súc trâu dê. Khi nhà bếp muốn nấu món gì liền thời tâu lên nhà vua trước, nhà vua tuy có Từ tâm nhưng sự bất đắc dĩ phải gật đầu đồng ý. Vì nguyên nhân mà mắc phải tội như thế.

Mỗi khi nhớ đến việc này, con không khỏi bị dựng tóc gáy và toàn thân toát mồ hôi lạnh.

Sở dĩ con không nói vì nhớ lại những sự tốt xấu, an ổn ngu khốn, thành bại lo sợ đã đến với con trong đời quá khứ, cho nên đến mười ba tuổi

con vẫn không nói. Nhờ sống trong tĩnh lặng, con thoát khỏi bao điều xấu ác, vượt hẳn trần lao, xa lìa thế tục, không còn gặp ách nạn. Nay vì muốn tịnh khẩu không nói mà phải bị vua cha chôn sống. Con sợ sau khi vua cha qua đời lại bị tai ương, vì một khi đọa vào địa ngục không có ngày ra. Ý con không muốn khiến cho vua cha đắc tội cho nên phải nói mà thôi. Con chỉ muốn trọn đời học đạo giữ ý vô vi, chứ không thích làm vua. Người sống ở đời mê mờ trong mộng, vui chơi trong nhà chỉ có thoáng chốc mà phải chịu biết bao lo âu buồn sợ trong miên viễn, vui ít khổ nhiều các não phiền muôn mối. Vì thế bậc trí cho rằng ngôi vị, tiền tài, ân ái là hệ lụy, các dục là trần lao. Nếu con làm vua sẽ sinh tâm phóng túng, tham cầu ái lạc khiến dân ưu phiền là mối họa lớn cho thiên hạ. Vì thế người muốn thoát khỏi ưu phiền phải xa lìa trần lụy, ngược dòng sinh tử trở lại nguồn chân cứu giúp muôn loài, đời sống tạm bợ không thể nương nhờ khi tuổi già suy đến phải tiếp xúc với bệnh tật, mỗi ngày cách đạo một xa, không thể tiến tu đạo nghiệp. Con không tham phú quý, xem thường của cải, xả bỏ vinh hoa ở đời, chí hướng đại đạo du hóa khắp bốn phương trời để cứu giúp quần sinh.

Phụ vương đáp:

– Thật đúng như vậy. Con là bậc trí không ai sánh bằng, nếu không như thế thì không bỏ ta đi tầm đạo.

Tâm vua vừa vui vừa buồn, rất lấy làm hối hận việc làm đã qua.

Thái tử nói tiếp:

– Phụ vương có nghe sống trong đời cha con phải chia lìa, ân nghĩa đã trái đường, cốt nhục đã cách xa. Vì nghiệp oan khiên con không thể nghe thấy, làm cho cha phải chịu khổ lại đón thêm lao phiền.

Cha nghe con nói, biết ý chí con mình kiên cố, tự nhiên cảm thấy hổ thẹn không biết dùng từ nào đáp lại. Nhà vua nói:

– Như kiếp trước con làm vua liên tục thực hành các điều thiện, chỉ một chút thiếu sót chẳng đáng kể mà còn khổ sở đến như vậy, huống gì ta trị nước không phụng trì chánh pháp, đã không có một điều thiện, trái lại chạy theo điều sai trái, kiêu mạn buông lung chuyên làm việc xấu ác, tội biết dường nào?

Vua cha liền cho phép thái tử đi học đạo. Lúc đó thái tử từ giã vua cha, rời tổ quốc, không luyến tiếc một vật gì, nhất tâm chuyên tinh, niệm đạo tu đức, tích lũy công đức, đạt thành Chánh giác. Đức Phật hóa đạo chúng sinh khắp mười phương cõi, nhiều không tính xiết, trải qua vô số kiếp không lấy đó làm nhọc mệt. Bồ-tát đã chịu biết bao gian khổ như thế.

Đức Phật dạy:

– Thái tử Mộ Phách thuở đó chính là Ta, phụ vương của thái tử nay là Duyệt-đầu-đàn, mẹ là Ma-da. Thầy tướng Bà-la-môn tức Điều-đạt, còn các người đào hầm mướn nay là năm ông A-nhã-câu-lân...

Những người muốn học đạo đều phải tuân hành vâng theo lời Phật dạy, không phạm một giới nhỏ nào. Hành đạo tuy gian nan nhưng sẽ vượt khỏi ba đường ác và tám chỗ khổ nạn.

Trái lại, nếu phạm giới cấm về sau bị đọa đường ác, nếu được làm người sẽ sinh vào nơi bần khổ, hoặc làm nô tỳ ước muốn không được tự do. Người giữ giới hành thiện mới đạt được ba ngôi cao quý.

Đức Phật nói kinh này xong, các thầy Tỳ-kheo, các chúng trời, người thảy đều hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ Đức Phật.

❑

SỐ 168

PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH (2)

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Như vầy tôi nghe:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Thuở xưa có vua tên Ba-la-nại, vua có một thái tử tên Mộ Phách. Thái tử vô cùng thông minh, có tướng khôi ngô tuấn tú không ai sánh bằng. Phụ vương và mẫu hậu hết lòng chăm sóc, mong rằng lớn lên thái tử sẽ nối ngôi cha, nhưng đến năm mười ba tuổi thái tử vẫn không nói được.

Thái tử sống điềm đạm chí như tro lạnh, ý như cây khô, mắt không để ý đến sắc, tai không nghe âm thanh, trạng thái giống như người câm người mù, do đó phụ mẫu rất lo âu buồn khổ. Nhà vua nói với phu nhân:

– Bây giờ phải làm thế nào? Đứa con này sẽ khiến nước khác cười chê.

Phu nhân thưa:

– Chúng ta hãy cho mời thầy tướng đến để xem cho thái tử có thể nói được không?

Nhà vua cho mời thầy tướng số Bà-la-môn bảo xem tướng cho thái tử. Ông Bà-la-môn tâu:

– Người con này chẳng phải là người thế gian mà đó là một người mê hoặc kẻ khác. Bên ngoài trông tốt đẹp nhưng bên trong chất chứa bao điều xấu xa, làm hại nước diệt nòi, chẳng bao lâu nhà vua sẽ không nuôi dưỡng được. Đại vương nên đem thái tử chôn sống mà giết cho rồi. Nếu không trừ diệt người con này thì quốc gia và dòng dõi sẽ bị tiêu vong.

Nhà vua nói với phu nhân:

– Bây giờ phải làm thế nào? Nếu ta trừ diệt đứa con này sợ về sau sẽ

không có thái tử kế vị.

Phu nhân để tùy ý nhà vua định liệu. Vua liền triệu tập các đại thần trong nước cùng nhau bàn luận, có một vị quan tâu:

– Đem bỏ thái tử vào chỗ núi sâu không có người.

Hoặc có vị quan tâu:

– Ném thái tử xuống dòng nước sâu.

Một vị quan tâu:

– Phải theo lời thầy tướng nói, làm cái hầm sâu để chôn sống thái tử.

Vua nghe theo lời đề nghị của quan này, triệu tập hàng ngàn quân lính bên ngoài, sai họ đào đất làm hầm, cấp của cải lương thực trong ba mươi năm cho năm người phục vụ. Thái tử được chuẩn bị tất cả đồ đạc của thái tử như y phục, chuỗi ngọc, châu báu... Phu nhân thương con đau đớn trong lòng nói:

– Ta cô độc không có phước nên sinh con mạng bạc mới gặp phải tai ương, thật là việc chẳng đặng đừng.

Phu nhân lệ tuôn lã chã cứ mãi sụt sùi, không thể kiềm lòng được, bà tiễn thái tử đến trước điện chính. Năm trăm phu nhân thấy thái tử đoan chánh xinh đẹp không ai sánh bằng, đều nói:

– Tại sao thái tử không nói mà phải bị chôn sống?

Mỗi người thể nữ đều trỗi kỹ nhạc cho thái tử xem, nhưng thái tử vẫn lặng thinh như không thấy, không nghe. Họ lại tiễn thái tử ra phía ngoài trước điện.

Năm trăm đại thần thấy thái tử đoan chánh xinh đẹp, không ai sánh bằng. Họ đều tâu với đại vương:

– Thái tử chẳng phải là người không nói được, không bao lâu ngài sẽ nói lại.

Thầy tướng Bà-la-môn nói:

– Không thể tin được.

Nhà vua nói với đại thần:

– Đây là quốc sự, các khanh không biết đâu.

Hầm đào đã xong, những người phục vụ đến đón thái tử. Vua nói với họ:

– Hãy chở thái tử trên xe voi trông ra bốn phía, để cho nhân dân trong nước đều đến xem, thái tử sẽ nói. Nếu thái tử nói thì đưa xe thái tử trở về.

Lúc đó thái tử ngồi trên xe trông ra đường. Các bậc đại thần kỳ cựu

trong nước đều nhẹ nhàng tiến xe đến trước nói:

– Tâu Thái tử, cần phải nói một lời. Nếu ngài không nói, xe chúng tôi sẽ lần lượt đi qua trước, ngăn chận đoàn quân hùng tráng của nhà vua, giúp người tránh được để đi qua.

Họ theo hầu thái tử đi đến bên hầm. Khi ấy có vài ngàn vạn người đều theo thái tử đến chỗ cái hầm, làm che kín cả miệng hầm, thái tử không tiến đến được. Họ ngăn chận đoàn quân hùng tráng của nhà vua, bị cản trở đoàn quân phải dừng lại. Thái tử muốn đến trước, tức thì các loài chim bay, thú chạy, lại kéo nhau đến trước vây quanh cái hầm ba vòng, miệng hầm lại bị vây kín thái tử không tiến đến được. Lúc ấy thái tử đưa cánh tay phải ra nói:

– Chính là ta không muốn nói mà phải bị chôn sống. Ta không muốn nói vì sợ vào địa ngục. Ta muốn an thân, tránh những tai hại để cứu giúp mọi người được thoát khổ, vì thế nên không nói. Phụ vương vì tin lời của kẻ ngông cuồng dối trá, cho rằng ta mờ điếc, câm ngọng.

Lúc ấy nhân dân nghe thái tử nói âm thanh tuyệt diệu, ít ai nghe được trong đời. Những người đang đi đều dừng lại, người đang ngồi đều đứng lên. Họ nói:

– Thái tử chính là Thần thánh mới như thế.

Mọi người đến trước thái tử cúi đầu xin hối lỗi và mong ngài xá tội cho họ. Những người đào hầm nghe thái tử nói, hân hoan vui mừng vội chạy về tâu với đại vương:

– Thái tử đã nói rồi. Tất cả mọi người trong trời đất cho đến loài chim bay thú chạy đều đến trước thái tử cúi đầu lắng nghe người nói.

Nhà vua nghe thái tử biết nói, ông hân hoan vui mừng, liền cùng phu nhân lên xe voi tứ vọng đến đón thái tử. Thái tử trông thấy phụ vương vội xuống xe tránh đường, đảnh lễ bốn lạy rồi nói:

– Phụ vương thật nhọc nhằn từ xa đến đây, ngày nay đời sống cha con phải chia lìa, ân nghĩa trái đường, cốt nhục đã xa, việc này thật ngang trái không thể nghe thấy.

Nhà vua nói:

– Không được, không được. Con là bậc trí không ai sánh bằng, chúng ta hãy trở về hoàng cung làm lễ đăng quang cho con và ta xin thoái vị.

Thái tử thưa:

– Con đã từng làm vua, chỉ vì có một lỗi nhỏ còn sót lại mà phải đọa vào địa ngục hơn sáu vạn năm, bị rang, nấu, bằm, chặt đau đớn không chịu

nổi. Ngay lúc ấy cha mẹ đâu biết được con ở nơi địa ngục đau đớn khổ sở kịch liệt! Đâu có thể đến san sẻ nỗi đau tiền thân của con? Con đã nhàm chán và sợ hãi nỗi khổ nơi địa ngục nhiều rồi. Vì thế nên đến năm mười ba tuổi con vẫn chưa nói, con muốn thoát khỏi đời sống tạm bợ, dứt trừ cấu uế ra khỏi chốn trần ai không còn tội lỗi, không còn bị ràng buộc trong ưu phiền khi biết rằng đời sống vốn mong manh. Không thể mỗi ngày cách đạo một xa, con sẽ vân du khắp chốn xa gần để cứu giúp quần sinh. Thế gian vô thường, đời người như giấc mộng. Hạnh phúc trong thoáng chốc, hoan lạc chỉ phút giây mà lo buồn lại bất tận.

Vua cha biết ý chí kiên cố của thái tử, nên bằng lòng cho con đi học đạo.

Thái tử từ giã vua cha, rời tổ quốc, vào núi tầm đạo thiền định tư duy. Cuối cùng khi lâm chung, thái tử được sinh lên cõi trời Đâu-suất, hết tuổi thọ cõi trời sinh ở thế gian làm Thái tử con vua nước Ca-duy-la-vệ, từ đó cho đến khi thành Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thái tử Mộ Phách thuở đó chính là Ta, phụ vương của Thái tử nay là Duyệt-đầu-đàn, mẹ là Ma-da. Còn năm người làm mướn nay là bọn ông A-nhã-câu-lâu... Thầy tướng Bà-la-môn muốn chôn sống Ta nay chính là Điều-đạt. Ta cùng với Điều-đạt đời đời có oán thù nhau.

Đức Phật nói kinh này xong, các hàng đệ tử Trời, Rồng, Quỷ, Thần, vua chúa, nhân dân thảy đều hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ Đức Phật.

❑

SỐ 169

PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT NGUYỆT MINH

Hán dịch: Đời Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

Như vầy tôi nghe:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và một vạn chúng Bồ-tát.

Lúc bấy giờ, xứ La-duyệt-kỳ có một nhà giàu có lớn tên Thân Nhật. Thân Nhật có người con tên Chiên-la-pháp (Nguyệt Minh) có hạnh thanh khiết. Đức Phật ví người con ấy như một đồng nam cho nên gọi là Nguyệt Minh.

Đồng nam đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo đồng nam Nguyệt Minh:

– Bậc Bồ-tát Ma-ha-tát dầu ở tại gia hay làm Tỳ-kheo đều hành trì pháp thí, thường dùng ý thiện nghênh tiếp tất cả mọi người. Tâm phụng trì Tứ nguyện, thường phát lòng mong cầu Phật đạo, chóng chứng đạo Vô thượng chân chánh.

Thế nào là Tứ nguyện?

1. Nguyện cho tất cả mọi người sớm được phương tiện quyền biến khéo léo.
2. Nguyện đời đời được gặp thiện tri thức.
3. Nguyện đem tài sản quý báu cho tất cả mọi người.
4. Nguyện thực hành hai việc là dùng pháp thí và phạn thực, thường ưa thích hạnh này.

Đây là bốn điều nguyện.

Lại nữa, đồng nam Nguyệt Minh, Đại sĩ Bồ-tát tại gia hay xuất gia, thường thích bố thí kinh pháp, khéo dùng quyền biến tiếp đón mọi người, không có tâm ý tham tiếc, an trụ trong chánh pháp, giữ gìn giới cấm phải

đúng như pháp.

Nguyệt Minh, lại có một việc là nếu có thầy Tỳ-kheo bệnh tật đau đớn và bị thiếu thốn, phải cung cấp thuốc thang khiến cho thầy Tỳ-kheo ấy được an ổn. Không những chỉ lo thuốc thang mà còn phải không tiếc cả da thịt để dâng cúng cho thầy Tỳ-kheo ấy được khỏi bệnh.

Này Nguyệt Minh, vị Đại sĩ Bồ-tát khi bố thí không được nghi ngờ. Vì sao thế? Đời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp, vô số kiếp lâu xa không thể tính đếm được, lúc bấy giờ có Đức Phật hiệu Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, thị hiện thọ thân ở thế gian, tùy theo điều ưa thích của chúng sinh mà thể hiện các việc cao quý.

Này Nguyệt Minh, khi ấy Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, một hôm hiện tướng Đẳng Chánh Giác liền biến hóa ra vô số thân hình, tùy theo chỗ ưa thích mà khai đạo, làm cho vô số người được đạo Tu-đà-hoàn, vô số người được đạo Tư-đà-hàm, vô số người được đạo A-na-hàm, vô số người được đạo A-la-hán, vô số người được đạo Bích-chi-phật, vô số người sinh lên Tứ thiên vương, vô số người sinh lên trời Đao-lợi, vô số người sinh lên Diệm thiên, vô số người sinh lên trời Đâu-suất, vô số người sinh lên trời Ni-ma-la, vô số người sinh lên Ma thiên, vô số người sinh lên cõi Phạm thiên, vô số người riêng thọ phát ý Vô thượng Chánh chân. Người người đều sẽ đi qua con đường lớn Nê-hoàn.

Lúc ấy Đế Niệm Vô Thượng Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, ở nơi hiện thân giáo thọ trong một ngày đã độ tận tất cả rồi, Ngài nhập Nê-hoàn. Sau khi Đức Phật vào Nê-hoàn, giáo pháp của Ngài lưu lại ở đời hai mươi ức ngàn năm. Thời gian cuối cùng sắp chấm dứt giáo pháp là hai mươi năm. Có rất nhiều thầy Tỳ-kheo không tin sâu kinh điển, phần nhiều thích những việc nông cạn, kinh pháp do đó tiêu tán chẳng còn gì.

Khi đó, nước Diêm-phù-lợi có vua tên Trí Lực, thường thực hành ba việc Phật. Thế nào là ba việc?

1. Thường ủng hộ Phật, tin sâu giáo pháp.
2. Lãnh thọ và thực hành pháp Phật sâu xa.
3. Tin chắc giáo pháp Phật sâu xa.

Khi đó, ở đời có thầy Tỳ-kheo tên Phù-đàm-mạc (Chí Thành Ý) thường thực hành ba việc. Thế nào là ba việc?

1. Thường trì Tam-muội.
2. Thường hộ Tam-muội.
3. Thường tụng Tam-muội.

Lại thêm tám việc:

1. Thường hành tâm Từ.
2. Thường hành tâm thương xót.
3. Thường hành tâm Bi.
4. Thường hành tâm Hộ.
5. Thường hành tâm Trí tuệ.
6. Thường hành tâm hỏi đáp.
7. Thường hành tâm vui mừng.
8. Thường hành tâm đệ nhất.

Do đó thầy Tỳ-kheo này hàng phục được chín mươi sáu loại đạo khác, đều thấu triệt tất cả giáo pháp sâu xa không có nghi ngờ.

Thầy Tỳ-kheo Chí Thành Ý và vua Trí Lực thường thân cận nhau, nhà vua rất tôn kính thầy, mọi người trong nước cũng yêu kính thầy như vậy. Nhà vua muốn được gặp vị Tỳ-kheo này mãi không biết chán. Khi thầy Tỳ-kheo này thuyết pháp kinh nhà vua nghe không biết chán. Khi ấy trên đầu gối của thầy Tỳ-kheo mọc mụt ghẻ lớn, thuốc thang trong nước không thể chữa khỏi. Nhà vua buồn rầu thương xót đến rơi lệ, cả hai phu nhân của vua cũng đều thương kính thầy Tỳ-kheo này. Lúc đó vua Trí Lực nằm mộng thấy có Thiên nhân đến bảo nhà vua:

– Nếu muốn chữa khỏi bệnh cho thầy Tỳ-kheo Chí Thành Ý, phải lấy được máu thịt của người còn sống cho người bệnh ăn uống, bệnh sẽ khỏi ngay.

Nhà vua thức dậy lo lắng không vui, nghĩ đến căn bệnh trầm trọng của thầy Tỳ-kheo cần phải có phương thuốc kia khó có. Vua hạ lệnh xuống cho các quan hỏi làm sao tìm được máu thịt người con sống.

Vị Thái tử thứ nhất của vua tên Nhã-la-vệ (Trí Chỉ) tâu:

– Phụ vương chớ buồn rầu lo lắng, máu huyết của người rất là tầm thường, người đời vì trọng đạo họ sẽ không tiếc gì.

Nhà vua đáp:

– Lành thay, lành thay!

Thái tử lặng lẽ trở về nhà ăn, dùng dao cắt bắp vế lấy máu thịt đem đến cho thầy Tỳ-kheo. Thầy Tỳ-kheo được bình phục, mụt ghẻ lành ngay, thân được an ổn.

Vua nghe thầy Tỳ-kheo khỏi bệnh vô cùng hân hoan vui mừng không sao kể xiết, lòng chỉ nhớ đến thầy Tỳ-kheo mà quên đến cơn đau của Thái

tử.

Do chí tâm hoan hỷ đem lại sự bình phục cho thầy Tỳ-kheo nên vết thương của Thái tử cũng tự bình phục. Nhà vua đem những vật quý giá trong nước ban cho thái tử. Thái tử dùng kệ đáp:

Đem máu thịt thí an vui
Cắt máu thịt ban cho người
Được khỏi bệnh không lo sợ
Điều Phật khen đáng cúng dường.
Rất an ổn đức trong đức
Đời tương lai sẽ làm Phật
Dứt tham dâm, bỏ sân si
Tất cả người đều an lạc.

Đức Phật dạy đồng nam Nguyệt Minh:

– Thầy Tỳ-kheo Chí Thành Ý thuở đó là Phật Đề-hòa-yết-la, vua Trí Lực nay là Bồ-tát Di-lặc, Thái tử Trí Chỉ chính là Ta.

Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đem lại lợi ích cho thế gian không thể tính lường. Ngài tích lũy công đức vì muốn độ tất cả chúng sinh, bậc Đại sĩ Bồ-tát đều thực hành như thế. Nếu có người thiện nam thiện nữ nào muốn cầu vượt qua mọi đau khổ ở đời, phải phát đạo Vô thượng Chánh chân, tụng tập Tam-muội.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả đều hoan hỷ phát nguyện, rồi lui ra.

❑

SỐ 170

PHẬT NÓI KINH THÁI TỬ ĐỨC QUANG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại đỉnh núi Linh điểu thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm trăm vị Bồ-tát.

Bấy giờ, Hiền giả Lại-tra-hòa-la vừa mãn ba tháng kiết hạ tại nước Xá-vệ. Sau khi may đầy đủ ba y mới, Hiền giả đắp y, mang bát cùng với một trăm Tỳ-kheo tân học du hóa đến các nước. Các thầy Tỳ-kheo cùng đến đỉnh núi Linh điểu ở đại thành Vương xá. Hiền giả Lại-tra-hòa-la liền tới chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Lại-tra-hòa-la hỏi Đức Thế Tôn:

– Đại sĩ Bồ-tát phụng hành những gì mà được tất cả pháp công đức kỳ diệu, cho đến trí tuệ siêu việt không sợ hãi và lay động, phát huy biện tài quang minh soi chiếu thấu triệt, hội nhập nơi Nhất thiết trí để giáo thọ chúng sinh, làm cho họ được giải thoát, chấm dứt sự hồ nghi, khéo dùng phương tiện quyền biến thể hiện Nhất thiết trí, lời nói và hành động tương ưng, thường dùng phương cách khéo léo lúc thỉnh vấn hợp ý chư Phật, khiến cho mọi người được nghe giáo pháp đều có thể thọ trì và chóng đạt đến Nhất thiết trí?

Rồi Hiền giả Lại-tra-hòa-la dùng kệ tán thán hỏi Phật:

Thế nào Bồ-tát mãn sở hạnh
Làm sao hành động hợp chân lý
Vẹn toàn nguyện trí tuệ công đức
Xin Đấng Tôn quý giải nói cho.
Thân sắc vàng ròng đẹp vi diệu
Là Đấng Nhân Tôn chứa đức cao
Hộ trì cứu giúp khắp mọi loài

Xin Phật giải nói hạnh Vô thượng.
Thế nào chứng đắc trí vô tận
Vô lượng Tổng trì Phật đạo cao?
Thế nào đạt được hạnh bình đẳng
Giải quyết hoài nghi cho chúng sinh?
Vô số ức kiếp ưa sinh tử
Ý họ mãi không muốn chán nhàm
Đã thấy kiếp người muôn nỗi khổ
Khéo dùng phương tiện khiến mở bày
Tịnh hóa nước Phật quyến thuộc đủ.
Quang minh thọ mạng cũng như vậy
Tất cả cho rằng là tịch mặc
Cúi xin Đức Phật thuyết hạnh trên
Hàng ma, quyến thuộc, đoạn các kiến.
Thoát vòng ái dục, vượt tưởng hành
Thế nào thuyết giảng nghĩa pháp kinh?
Xin Phật giải nói các thật hạnh
Đấng biện tài tướng hảo đoan nghiêm
Vì chúng sinh thuyết âm vi diệu
Phủ khắp cõi đời như mưa thấm.
Xin Phật giải nói các hạnh giác
Lời nói vi diệu như Ca-lăng
Tiếng Phạm không nghi tuệ âm rõ
Chúng hội khát khao nghe pháp kinh.
Ngài đem cam lộ rưới quần sinh
Nếu ai muốn học Phật đạo quý
Chí phải năng tinh tấn hành pháp
Pháp Như Lai dạy đều bình đẳng.
Cúi xin Pháp vương thuyết đúng thời
Con mong nghe nói đạo chánh chân
Phật, Thiên Trung Thiên biết ý con
Nay con không dám quấy nhiễu Ngài
Chỉ xin Phật giảng hạnh Vô thượng.

Đức Phật dạy Lại-tra-hòa-la:

– Lành thay! Lành thay! Chỉ ông mới có thể hỏi Như Lai những nghĩa này, vì nghĩ nhớ và muốn đem lại an ổn cho nhiều người, vì thương tưởng đến chư Thiên và mọi người trong cuộc đời, lại vì các Bồ-tát nơi đời vị lai mà ban bố để được hành trì. Lại-tra-hòa-la, hãy lắng nghe và nhớ nghĩ kỹ,

Ta sẽ giảng nói cho ông.

Lại-tra-hòa-la thưa:

– Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, con mong muốn được lãnh hội.

– Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát có bốn pháp đạt đến hạnh thanh tịnh. Những gì là bốn pháp?

1. Thực hành tâm bình đẳng mà không xu nịnh.
2. Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.
3. Hiểu tường tận về pháp Không.
4. Lời nói và hành động đi đôi với nhau.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát tu tập chóng đắc hạnh thanh tịnh.

Đức Phật dạy Lại-tra-hòa-la:

– Bồ-tát lại có bốn pháp để đạt đến an ổn, tinh tấn. Những gì là bốn pháp?

1. Được pháp Tổng trì.
2. Được thiện tri thức.
3. Được pháp nhẫn.
4. Việc làm bình đẳng, giới luật thanh tịnh.

Đức Phật dạy Lại-tra-hòa-la:

– Bồ-tát lại có bốn pháp đi vào cảnh giới trần lao mà vẫn an nhiên nơi pháp sinh tử. Những gì là bốn pháp?

1. Bồ-tát thị hiện thân Phật đi vào sinh tử, khuyên các chúng sinh đối với pháp sinh diệt luôn đạt hoan hỷ.
2. Vì chúng sinh thuyết pháp nhu thuận.
3. Không yêu tiếc mọi sở hữu.
4. Thường được vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy Lại-tra-hòa-la:

– Bồ-tát lại có bốn pháp không tham đắm. Những gì là bốn pháp?

1. Bồ-tát không nên tham đắm về đất đai, nhà cửa.
2. Bồ-tát xuất gia không nên tham tài lợi.
3. Bồ-tát không cầu các quả báo về công đức.
4. Bồ-tát không nên tiếc thân mạng.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát lại có bốn pháp đối với pháp không nhàm chán. Những gì là bốn pháp?

1. Đối với giới không có sự khuyết giảm.

2. Thường sống nơi vắng vẻ, tịch tĩnh.
3. Phụng hành bốn hạnh Thánh hiền.
4. Được học rộng nghe nhiều.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát lại có bốn pháp đạt được vô niệm hiện hữu khắp nơi. Những gì là bốn pháp?

1. Được sinh vào chốn lành, thường gặp Phật ra đời.
2. Nghe lời dạy bảo của bậc tôn trưởng mà không xu nịnh.
3. Vui nhận sự dạy bảo, tâm không tham đắm tài lợi.
4. Được biện tài thâm nhập pháp yếu.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát có bốn pháp được hạnh thanh tịnh. Những gì là bốn pháp?

1. Bồ-tát sống không có ý làm tổn hại người.
2. Dứt bỏ các hạnh tà ngụy, dối trá, ưa thích ở chỗ vắng vẻ.
3. Bố thí tất cả mọi sở hữu mà không tham tiếc và mong cầu quả báo.
4. Ngày đêm thường quyết chí mong cầu giáo pháp, thấy người thuyết pháp không tìm cầu sở đoản của họ.

Đây là bốn pháp của Đại Bồ-tát đạt được hạnh thanh tịnh.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Tâm ai không đắm pháp trần cấu
Tức là không còn ghét tội lỗi
Chí ý không chán giảng dạy pháp
Có thể đạt đến đạo Vô thượng.
Dẫu gặp chẳng lành tâm thường định
Vào khắp tà hạnh gốc ác đạo
Xuất gia học đạo không tiếc nuối
Ở tại núi rừng mong giải thoát.
Sống nơi vắng vẻ không móng khởi
Tâm không say đắm sắc, lợi, tài
Xả bỏ thân mình không tham tiếc
Hạnh như sư tử sợ gì ai.
Tâm được an vui và biết đủ
Chẳng khác chim bay chẳng sợ gì
Tất cả cõi đời không thường tại
Chí cầu Phật đạo hành tuệ lớn.
Ưa trú một mình như tê giác

Không gì sợ hãi như sư tử
Tâm không lo sợ, không lãng chí
Nếu được cúng dường vẫn an nhiên.
Dứt trừ lời quấy và ác kiến
Trí rõ hạnh lớn, chí hiểu đạo
Ta vì thế gian, hộ tất cả
Khéo dùng phương tiện chẳng buông lung.
Ý chuyên trì giới vì độ chúng
Tâm không loạn đắm trong ái ân
Chánh hạnh cẩn trì như cứu lửa
Thường cầu hạnh mầu Đấng Thế Tôn.
Đã thoát không rồi không có tướng
Mỗi mỗi đầy đủ vắng lặng yên
Trí tuệ rạng ngời trong tĩnh thức
Được vị cam lộ thường hoan hỷ.
Giả sử giác ngộ được ý Phật
Thường hay thanh tịnh chẳng nghi nan
Tổng trì, tài biện tâm chuyên nhất
Chịu tất cả khổ chẳng màng báo.
Nếu có Bồ-tát nghe hạnh này
Muốn cầu Phật đạo phải hân hoan
Chí luôn tinh tấn không lười mỏi
Rõ uế vô tri, ý không hại.

Đức Phật bảo Lại-tra-hòa-la:

– Bồ-tát có bốn pháp khiến tự đọa lạc. Những gì là bốn pháp?

1. Bồ-tát kiêu mạn, không cung kính là tự đọa lạc.
2. Bồ-tát không báo ân, thường hành động dua nịnh là tự đọa lạc.
3. Bồ-tát tham lợi dưỡng, cầu cúng dường là tự đọa lạc.
4. Bồ-tát hành tà hạnh, dua nịnh cầu sự cúng dường là tự đọa lạc.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát có bốn pháp khiến rơi vào hào tà hạnh. Những gì là bốn pháp?

1. Biếng trễ là pháp rơi vào hào tà.
2. Không có tịnh tín.
3. Khởi vọng tưởng.
4. Thấy người được cúng dường sinh tâm ganh ghét.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát không nên học tập bốn pháp. Những gì là

bốn?

1. Bồ-tát không nên thân cận với những người tà kiến.
2. Bồ-tát không nên thân cận với người phỉ báng chánh pháp.
3. Bồ-tát không nên thân cận với kẻ tri thức xấu ác.
4. Bồ-tát không nên thân cận với người tham lam về y phục, ăn uống.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát có bốn pháp bị tội dẫn đến đau khổ. Những gì là bốn pháp?

1. Dựa vào trí tuệ, tự cao ngạo và ôm lòng ganh ghét.
2. Tâm không vui vẻ, không có hạnh thanh tịnh.
3. Không thể nhẫn nhục, chỉ tham muốn tài vật của người khác.
4. Chấp trước pháp ngã, nhân.

Này Lại-tra-hòa-la, Bồ-tát lại có bốn pháp tự ràng buộc. Những gì là bốn pháp?

1. Bồ-tát thích khinh mạn đối với người, đó là tự ràng buộc.
2. Bồ-tát sống trong thế gian làm những nghề buôn bán, chính trị sinh ra những tư tưởng xảo trá, đó là tự ràng buộc.
3. Bồ-tát với ý tưởng không chấp nhận pháp tuệ mà sống buông lung, đó là tự ràng buộc.
4. Bồ-tát với tâm ý bị lệ thuộc nơi dòng dõi, đó là tự ràng buộc.

Này Lại-tra-hòa-la, vào đời sau này, người học đạo Bồ-tát, sẽ có những kẻ xấu xa vô hạnh. Sẽ cúng dường cho những kẻ vô hạnh ấy, là những kẻ dua nịnh. Sẽ cúng dường cho những kẻ dua nịnh là những kẻ vô trí. Sẽ cúng dường cho những kẻ vô trí là hạng tham cầu về y phục và thực phẩm, tâm không ngay thẳng, chỉ ôm lòng xấu xa, ganh ghét về dòng dõi dua nịnh, không có tâm chất phác thật thà, giỏi lừa dối các bậc tôn trưởng và những người trong gia đình, thọ dụng sự cúng dường, trở lại phỉ báng, ý tham lam tài lợi. Đi tới các phố huyện thì không nhớ nghĩ đến việc thuyết pháp để dạy bảo cho người với các phương tiện khéo léo. Đối với những kẻ không có trí tuệ, tự cho mình là có trí tuệ, thấy người khác có trí tuệ, là bậc thầy giỏi, lại tỏ ra khinh thường họ. Giả như có người vô hạnh, là vật dụng phá hoại, trở lại tìm tòi chỗ hay dở hơn kém, bỏ hạnh tinh tấn, làm người vô trí biếng lười, không nhớ nghĩ nhiều về trí tuệ, trở lại hủy hoại giáo pháp, rời bỏ hội chúng, kết bè oán hại, đưa đến sự tranh chấp với nhau, còn cho rằng người khác là vô hạnh, ta mới là người thừa sự giáo pháp, không phụng trì giới cấm, không muốn nghe pháp, cũng không tinh tấn…,

kẻ ấy tất sẽ sinh trong chốn bần tiện, nơi các gia đình nghèo hèn khốn khổ. Nếu làm Sa-môn chỉ lo cầu tài lợi, kẻ ấy ở nơi nào cũng không thể an ổn, huống gì còn loạn chí, tuy nhất tâm thực hành công đức của Phật, nhưng lại tiếp tục tham đắm lợi lộc về nhà cửa, rồi tự xưng ta là Sa-môn.

Đức Phật dạy:

– Ta không gọi hạng người ấy là người thực hành pháp Bồ-tát, hạng người như thế trong trăm ngàn kiếp cũng không thể đạt được pháp nhẫn nhu thuận, huống gì muốn đạt được hạnh Chánh giác của trí tuệ Phật.

Này Lại-tra-hòa-la, Ta không những cho rằng hạng người ấy rơi vào hào sâu nơi ba đường dữ mà còn phải bị đọa vào tám nơi chốn xấu ác. Những gì là tám?

1. Sinh vùng biên địa.
2. Sinh trong nhà bần cùng.
3. Sinh ra nơi nào dung mạo, hình tướng đều xấu ác.
4. Sinh trong nhà tà ác hung dữ.
5. Đời sống thường gặp tri thức tà ác.
6. Nhiều tật bệnh.
7. Sinh ở nơi nào tuổi thọ cũng ngắn ngủi.
8. Chết bất đắc kỳ tử.

Đây là tám nơi chốn xấu ác của Bồ-tát phải bị rơi vào hào rãnh tà vạy. Vì sao?

Này Lại-tra-hòa-la, Ta không cho chỉ với lời nói suông có thể tạo nên hạnh nguyện Bồ-tát, không lấy điều xảo dối của người làm hạnh thanh tịnh, không cho lời dua nịnh là hạnh Bồ-tát, không lấy việc tham đắm về y phục, thực phẩm để cúng dường Phật, không gọi kẻ cao ngạo là bậc trí tuệ thanh tịnh, không cho rằng có trí tuệ hiểu biết là đoạn trừ được nghi hoặc cấu uế. Ta không cho rằng kẻ ganh ghét là có tâm ý thanh tịnh, kẻ nhiều tham cầu đạt được pháp Tổng trì. Ta không cho rằng người không thấy được đức chân thật, luôn có sự trở ngại sẽ sinh vào xứ thiện, kẻ tham đắm về dòng dõi, sắc dục sẽ được thân thanh tịnh. Ta không cho rằng kẻ loạn tưởng sẽ đạt được định ý như Phật, kẻ thực hành không chí thành sẽ được tâm trong sạch, kẻ kiêu mạn sẽ được hạnh thanh cao, kẻ không biết đủ sẽ được pháp tốt đẹp. Ta không cho rằng kẻ tham tiếc về thân mạng là có chí cầu pháp.

Đức Phật nói kệ:

Kẻ vô trí buông lung tình thức
Nhiều tham cầu, bất kính, khinh khi

Tâm nhơ bẩn sinh ra dục tưởng
Là hạng người cách đạo rất xa.
Tham cúng dường tăng thêm biếng trễ
Không tinh cần, tịnh tín chẳng còn
Phá tịnh hạnh mất luôn chánh giới
Phạm pháp cấm mất hẳn đường lành.
Sinh chỗ bần cùng làm Sa-môn
Nơi nghèo thiếu cầu mong cung dưỡng
Như người nghèo vật báu đều không
Tha phương tìm kiếm cầu tài sản.
Kẻ tham sự cúng, chốn tĩnh, vắng
Nơi đó thỏa mãn với dục tình
Đắc thần thông đủ trí biện tài
Xả bỏ cửa nhà thọ sở hữu,
Không kiến đạo đi theo đường ác
Sinh vào nhà ti tiện bần cùng
Mặt mũi xấu xa không uy lực
Đọa vào kiêu mạn, lắm ngu si,
Làm người ti tiện không danh đức
Tâm ý buông lung tham tài lợi
Đời sau sinh chỗ ác vô cùng
Ức kiếp không tìm ra nẻo thiện.
Giả sử tu hành không tham lợi
Trời, người ắt hẳn sẽ thành Phật
Phong ba bảo táp không lay động
Vì để cúng dường, không vì mình,
Không có công đức mong nơi người
Ý không tinh tấn mất hạnh lành
Phá hoại giới pháp không tuân thủ
Ý không thể đạt đạo trí tuệ.
Cho đến chí thành nơi pháp Phật
Cuối cùng không mất ý đạo hành
Chí nguyện kiên trì thường thanh tịnh
Phụng trì như thế chính là đạo.
Ta vì cầu Phật không nuối tiếc
Thí cả thân mình cầu kinh pháp
Bọn người bỏ pháp không tinh tấn
Để cho pháp đạo mất ý nghĩa.

Có đèn sáng lớn mà không thấy
Ta vốn mong cầu thuyết nghĩa lành
Thích nghe giáo pháp rồi phụng hành
Dứt trừ tất cả các ái dục.
Đã nghe pháp Phật biết bao nhiêu
Không thể rốt ráo một câu pháp
Người hành phi pháp sao đắc đạo
Thí như chỉ kẻ mù đường tắt.

Đức Phật bảo Lại-tra-hòa-la:

– Vào thuở xa xưa vô số kiếp về trước không thể tính biết được, bấy giờ có Đức Phật hiệu Cát Nghĩa Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Đức Phật là Bậc Thiên Trung Thiên giáo hóa nơi thế gian. Khi ấy, có vị quốc vương tên Át Chân Vô.

Này Lại-tra-hòa-la, quốc vương Át Chân Vô ấy đứng đầu trông coi khắp cõi Diêm-phù-lợi, dài rộng sáu mươi bốn vạn dặm. Tại Diêm-phù-lợi có hai vạn thành lớn và có ức ngàn nhà. Vua Át Chân Vô ngự nơi thành lớn Bảo chiếu minh, thành ấy dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, dùng bảy báu làm thành, có tám đường ra hướng Nam bắc để trông thấy đầy đủ tất cả công việc. Tuổi thọ của dân chúng lúc ấy là mười ức na-do-tha năm.

Này Lại-tra-hòa-la, vua Át Chân Vô có người con tên Đức Quang, tướng mạo khôi ngô tuấn tú, oai thần xuất chúng. Khi thái tử mới sinh ra, tự nhiên cả ngàn kho tàng xuất hiện bảy báu. Trong mỗi kho tàng như vậy, tự nhiên có các thứ quốc bảo, kho bảy báu cao tám trượng.

Lúc thái tử Đức Quang sinh ra, tất cả dân chúng ở Diêm-phù-lợi đều rất vui mừng. Những kẻ bị giam cầm trong lao ngục đều được phóng thích. Thái tử Đức Quang sinh ra chỉ trong bảy ngày đã có trí tuệ thông suốt tất cả sự việc về đạo lẫn đời.

Này Lại-tra-hòa-la, khi ấy chư Thiên ở cõi trời Tịnh cư, nửa đêm đến chỗ thái tử Đức Quang thưa với thái tử:

– Thái tử chớ nên sống buông lung.

Từ đó về sau, trong suốt cả vạn năm, thái tử Đức Quang không hề ham chuyên ngủ nghỉ, cũng không chơi đùa, chưa từng ưa thích ca múa, hát xướng, cũng không đi xem, nghe. Ngài chưa từng tiếc thân mạng, cũng không nhớ nghĩ đến kỹ nhạc, ca múa, không tham cầu tài lợi, chẳng nghĩ đến gia đình; không tham đắm vương vị, cũng không có lòng mong cầu, không yêu tiếc mọi thứ sở hữu mà thường lập nguyện nhất tâm, luôn ở chốn

vắng vẻ, dùng sự tịch tĩnh để xua trừ mọi khó khăn, đạt ít dục biết đủ.

Thái tử suy nghĩ: "Trong cuộc đời này ai sinh ra cũng phải chết, thân mạng không thể bảo tồn, đời sống có gì đáng mến yêu? Ân ái hợp tan, không ai làm thầy dẫn dắt nên phạm tội trái pháp, sinh ra lo buồn sợ sệt. Vậy mà kẻ phàm phu không biết nhàm chán, lấy sức mạnh ngu si luôn ưa thích tranh chấp. Nay ta đang rơi vào nẻo không biết phải làm gì, chỉ muốn im lặng".

Lúc đó thái tử sống một mình nơi chốn thanh vắng, tâm ý không hề buông lung, xa lìa các thứ ái dục, thực hành tâm bình đẳng.

Này Lại-tra-hòa-la, khi ấy trong một khu vực khác của vua Át Chân Vô có một thành lớn tên Nhạo thí tài. Nhà vua xây dựng cho thái tử một con đường thông Nam bắc có tám lớp với tám trăm giao lộ, dùng bảy báu tạo nên, trong bảy lớp thành ấy cũng dùng bảy báu làm trướng, dùng bạch ngọc kết làm chuỗi. Ở giữa tất cả các hàng rào có tám vạn trụ báu, mỗi trụ báu như vậy có sáu vạn dây báu liên kết nhau. Tất cả các dây báu, mỗi dây có một ngàn bốn trăm ức dây buộc lại. Mỗi khi gió thổi, lần lượt các dây đó rung động phát ra trăm ngàn âm thanh nhạc tấu hợp. Trước những hàng rào có năm trăm thể nữ, đánh trống, tấu nhạc, ca múa vang lên những âm thanh, theo các vũ điệu tuyệt vời nhất, có thể làm vui lòng tất cả mọi người, từ vua quan đến muôn dân, để trình diễn cho thái tử Đức Quang.

Nhà vua bảo các thể nữ:

– Các ngươi hãy bỏ hết các việc khác chỉ hết sức ca múa, hát xướng trong suốt ngày đêm để làm vui lòng thái tử, đừng để cho thái tử thấy bất cứ một việc gì không vừa ý.

Vua cha cho đặt, chứa bên hành lang tất cả những vật dụng bố thí. Người đói thì cho cơm, người khát thì cho uống. Ai cần xe, ngựa thì cho xe, ngựa. Ai cần y phục, hoa, hương, tọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc... tùy theo điều mong cầu của họ đều được cung cấp đầy đủ. Vàng, bạc, ngọc minh nguyệt, lưu ly, thủy tinh, voi, ngựa... tất cả bảy báu, anh lạc đều đem cung cấp cho mọi người.

Chính giữa thành này, nhà vua xây cung điện bảy báu, với tám lớp san sát nhau, ở đó có một giảng đường, bên trong có bốn ức giường ghế để cung cấp cho thái tử. Trong thành có vườn hoa với vô số cây trái, cây trong vườn này thường tạo nên các tán lá bao phủ như những chiếc lọng che.

Này Lại-tra-hòa-la, chính giữa khu vườn ấy có ao tắm bảy báu, lấy vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly làm lan can, bên trong có tám trăm đầu sư tử, nước từ những đầu ấy chảy vào ao tắm, ở đây lại có tám trăm đầu sư tử,

nước từ nơi đó chảy ra. Trong ao thường sinh ra bốn loại hoa: Hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng. Chung quanh ao là các hàng cây báu, những cây này đều có hoa quả. Cạnh ao còn có tám trăm cây báu tô điểm, khoảng giữa của các cây báu đều có mười hai cây báu, mỗi cây được giăng tám mươi tám loại dây báu nối liền nhau. Khi gió thổi lên, những dây ấy cùng chuyển động và phát ra trăm ngàn loại âm thanh. Phía trên mỗi ao tắm đều có màn bảy báu giăng hàng, thái tử Đức Quang thường đến tắm trong ao này.

Nơi giảng đường có bốn mươi ức giường, ghế bằng bảy báu, đều trải năm trăm tọa cụ. Ngay chính giữa giảng đường được dựng một tòa lớn bằng bảy báu, trải tám mươi ức y đẹp dùng làm tọa cụ, tòa cao năm trượng sáu thước, thái tử Đức Quang thường ngự trên tòa này. Phía dưới tất cả các giường tòa đều có lò hương, xông các hương mật ngày đêm ba lần, rải các hoa đẹp, dùng hoa sen sắc vàng báu bao phủ. Trên điện có trướng ngọc minh nguyệt rủ xuống tám vạn ngọc minh nguyệt. Ánh sáng của những viên ngọc tỏa chiếu muôn phương. Trên tất cả các cành cây đều được treo cờ phướn, lọng báu. Trong tất cả những khu vườn ở đây đều có chín vạn viên ngọc minh nguyệt, mỗi một viên ngọc như thế phát ra ánh sáng đến bốn mươi dặm, tỏa chiếu khắp cõi Phật.

Này Lại-tra-hòa-la, trong vườn cũng có nhiều giống chim như chim Oanh vũ, chim Lô tư, chim Câu kỳ, chim Khổng tước, chim Nhạn, chim Uyên ương, chim Cưu-na-la, chim Trĩ mào đỏ. Chúng cùng phát ra muôn vàn âm thanh tuyệt diệu để làm vui lòng thái tử Đức Quang. Nhà vua thường sai làm năm trăm món ăn dâng cho thái tử.

Bấy giờ có năm trăm đồng nam ở trong tất cả phòng ốc, tuổi từ mười sáu đến hai mươi, được tuyển chọn ở các nước đến thành này, đều có tài nghệ tinh xảo, không việc gì là không thực hiện được. Họ biết tất cả những công việc trong thiên hạ.

Lại có tám mươi ức đồng nữ ở trong thành này. Những cô gái ấy vô cùng đoan trang xinh đẹp, tuổi từ mười sáu đến hai mươi, rất giỏi về ca múa, có thể làm vui lòng những bậc nam tử, nói năng nhỏ nhẹ, khéo léo, hợp thời. Họ không cao thấp, không mập, không gầy, không trắng cũng không đen, trong miệng thường có mùi thơm của hoa Ưu-bát, nơi thân toát ra mùi hương Chiên-đàn, đều giống như những ngọc nữ nơi cõi trời, thường vây quanh thái tử Đức Quang trong khu vườn, đánh trống, đàn ca, nhảy múa.

Khi đó, thái tử Đức Quang thầm nghĩ: "Nay tự nhiên ta như bị đại

oan gia, chúng đã khuấy rối pháp thanh bạch của ta. Ta phải thực hiện hạnh không tham tiếc". Thái tử buồn rầu, không vui. Thí như có người đang bị quản thúc, trong lòng không vui, thái tử Đức Quang cũng như thế. Ngài thấy các thể nữ nhảy múa, hát xướng nhưng tâm ý không hề buông lung, cũng chẳng cho là hay lạ, cũng không tham đắm về thành quách, xe cộ. Hơn một ngàn năm qua, ngài chưa từng ái sắc, cũng không nghĩ tưởng đến, cũng đều dứt trừ các tưởng về thanh, hương vị, xúc mà chỉ nhất tâm chuyên chí nhớ nghĩ: "Đây là các oan gia trói buộc ta, ta phải làm thế nào thoát khỏi để được giải thoát, sống với hạnh không buông lung."

Lúc ấy, các thể nữ đến tâu vua Át Chân Vô:

– Thái tử không hề nghe, xem ca nhạc, nhảy múa, lại thường buồn bã không vui.

Này Lại-tra-hòa-la, khi ấy vua Át Chân Vô cùng với tám vạn tiểu vương đến chỗ thái tử Đức Quang thương cảm rơi lệ, lo buồn không vui, đến nỗi ngã quỵ xuống đất. Người hầu cận liền đỡ vua đứng dậy. Nhà vua dùng kệ nói với thái tử:

Con hãy xem châu báu của ta
Con mới ra đời tự nhiên có
Ai khuấy rối con nói ta hay
Ta sẽ phạt tội thật thích đáng.
Con hãy xem đây như cõi trời
Ta tùy theo ý muốn của con
Hôm nay thái tử thiếu những gì
Ta sẽ cho con được tất cả.
Xem cảnh dục ấy đẹp mắt con
Các thể nữ đều trỗi âm nhạc
Đem lại vui tươi xóa hết buồn
Tiếng trống rộn ràng thường vui vẻ,
Con sẽ thưởng thức tuyệt âm thanh
Trống đàn ca nhạc hòa tiết tấu
Hôm nay chính lúc con hân hoan
Hồ kia sen quý đua nhau nở,
Trong vườn hoa trái đẹp vô ngần
Tất cả tốt xinh không chút bợn
Xem là đệ nhất trí an nhàn
Khả dĩ cho ta bao hỷ lạc,
Vào hồ tắm gội vui thỏa thích

Sen trắng, sen vàng, sen đỏ, xanh
Các loại sen hồng chiếu rạng ngời
Sao con xem thấy chẳng hề vui.
Chim Lô tư, Oanh vũ, Câu-kỳ-hạc,
Ca-na-kỳ-ca hót líu lo
Sen trắng như tuyết hương thơm ngát
Nghe âm thanh trổi con chẳng vui?
Ngọc minh nguyệt chiếu khắp giảng đường
Lưu ly, vàng rồng làm lan can
Châu báu trân kỳ tốt đẹp nhất
Cây lá âm vang phát dặm xa.
Vì con, bên hiên bày vật thí
Hàng ngàn thể nữ tấu khúc ca
Nghe như Thiên nữ muôn nhạc trổi
Con mãi nghĩ gì vẫn chẳng vui?
Nay với xiết bao lời tốt đẹp
Nghe ta nói, con có vui lòng?
Cha mẹ đứng đây nhòa lệ đổ
Há con không xót chúng ta sao?

Bấy giờ, Thái tử Đức Quang dùng kệ đáp lời vua:

Người giữ công đức kia
Lìa các lời ác kiến
Con vì chán khổ vui
Không tham dục vô lợi.
Con thấy nơi năm đường
Mọi người bị tử sinh
Nay phải nói giải thoát
Xin phụ vương hãy nghe:
Xin đừng xúc nhiễu con
Con biết nói thế nào
Con không tham dục lạc
Làm sao vui múa ca.
Tất cả các ái dục
Con xem như oan gia
Các trần lao tham ái
Theo người đắm năm đường,
Bọn thể nữ nơi đây
Không biết nên mê thích

Đó là các việc ma
Trói buộc lớn theo người,
Bậc Thánh hiền đạo sĩ
Chẳng khi nào ngợi khen
Người luôn say ái dục
Là gốc các nguyên nhân.
Vóc hình thể nữ này
Như chiếc túi da người
Gân cốt đan nhau lại
Mong manh chẳng ích gì,
Khác nào chiếc bình đẹp
Trong đựng đầy chất nhơ
Giống như bãi tha ma
Làm sao con vui được.
Tiếng trống và tiếng nhạc
Không thọ cũng không hữu
Tất cả vua giả hợp
Rõ đây không mê hoặc,
Nếu thường luôn nhớ nghĩ
Sẽ liền mất nhất tâm
Người theo tiếng trần lao
Như người già lú lẫn.
Tất cả các cây cối
Khi gặp lửa cháy to
Cũng không thể tồn tại,
Hoặc có khi không ưa
Quả đó cũng vô thường
Cũng không mãi đắm cây.
Con đã hiểu thế này
Phải đâu đùa mạng ngắn
Cha mẹ không giữ được
Anh em và vợ con
Lâm chung không tự tại
Tất cả các sở hữu
Như sương đầu ngọn cỏ
Không nên buông thả tâm.
Tha hồ nơi phóng dật
Ý không thỏa mãn được

Cũng giống như biển cả
Ân ái rộng vô cùng,
Được rồi lại mong nữa
Mọi người vì tham dục
Ai nấy sống buông trôi
Giống như núi Tu-di.
Người dùng ý làm gốc
Thân mạng trôi qua nhanh
Ví như dòng sông chảy
Mới hợp lại vội tan,
Tan hoại, không dài lâu
Như là làn sấm chớp
Tham đắm dục ba cõi
Nên trí tuệ không thông.
Chư Thiên đến bảo con
Không được sống phóng dật
Vì theo hạnh Bồ-tát
Không tham các sở hữu,
Chí nguyện thành Phật đạo
Thương tưởng các chúng sinh
Chẳng hành hạnh dâm dục
Khả dĩ đến bờ giác.
Nếu vì thọ tham dục
Tâm ý bị nô lệ
Tự hủy hoại đời mình
Công đức làm sao có.
Con đoạn trừ tham dục
Cũng không khởi sân si
Như chim sa vào lưới
Làm sao được tự tại?
Phát khởi tư tưởng ác
Trở lại tự trói thân
Ý không được tự tại
Vô lợi, lại rỗng không.
Tham làm thân lo sợ
Thí như cây hoa độc
Có gì cho người ưa
Như vượt dòng nước xiết.

Quán sát các chúng sinh
Trôi lăn trong ác đạo
Vì tranh cãi vu vơ
Khởi lên các tà kiến.
Phụ vương hiểu ý con
Muốn độ thoát bọn này
Không tích tụ kiêu mạn
Chữa trị lành bệnh tật,
Dứt trừ bao ưu hoạn
Khiến lập nẻo vui mừng
Muốn thoát tam thiên giới
Âm hưởng chớ đắm say.
Vì khéo thuyết kinh nghĩa
No lòng kẻ bần cùng
Dẫn các kẻ bất toàn
Ra khỏi đường ác đạo,
Giúp người mù sáng mắt
Khiến kẻ điếc được nghe
Thắp sáng đèn giải thoát
Lập trí tuệ thần thông,
Cho người nơi ba cõi
Được tam nhẫn bình đẳng
Rưới những cơn mưa Từ
Qua khỏi cõi mây mù,
Vì tất cả chúng sinh
Hiện hào quang chiếu rạng
Liền được ý giác lành
Khiến thoát vòng tăm tối,
Mưa tuôn các y dược
Đem lại khắp bình an
Phụ vương, con nghĩ thế
Liền đạt được nhất tâm.
Đối với tất cả dục
Con không có mong cầu
Chỉ muốn cầu Phật đạo
Vì thương tưởng chúng sinh
Đắm chìm trong tham dục
Ai là người có chí

Lại đam mê dục này
Tại sao phạm điều cấm
Khiến tâm người mê loạn?
Nếu do tham ái sắc
Sẽ đọa đại ác đạo
Ai người hành Phật đạo
Mà lại thả buông lung
Là người theo dòng chảy
Con sẽ sống ngược dòng
Không thể bằng lời nói
Mà đạt đến Phật đạo.
Con sẽ phóng Từ quang
Chiếu soi khắp mọi người
Con không tham ái dục
Không tham đắm của tiền.
Nay con xin phụ vương
Không về lại với chúng
Con muốn rời hội chúng
Và tất cả phố phường.
Người cầu nhiều như ý
Từ đó tật bệnh sinh
Ngăn ý không phóng dật
Hơn muôn ức phố phường
Không ở nơi ái dục
Mà đạt đến Phật đạo.
Nếu muốn được Vô thượng
Khoái lạc và bình an
Nên vào trong núi lớn
Ngồi ở dưới gốc cây
Nơi tất cả các dục
Tập sống trong vắng lặng
Sẽ đắc đạo Vô thượng.

Này Lại-tra-hòa-la, bấy giờ thái tử Đức Quang ở trên giảng đường cùng những người có tâm buông lung, khi họ đã nhàm chán sự ô trược, thái tử thể hiện ba phẩm hạnh. Những gì là ba?

1. Đứng thẳng.
2. Kinh hành.

3. Ngồi thiền.

Thái tử không hề ngủ nghỉ và thực hành tinh tấn các hạnh trên nên đạt đến Bát trụ. Nửa đêm hôm ấy, thái tử nghe trên không trung có tiếng của chư Thiên nơi cõi trời Tịnh cư tán thán công đức của Đức Phật đầy đủ, rộng khắp, ca ngợi Pháp và Tăng. Thái tử Đức Quang nghe xong toàn thân rúng động, rơi lệ, sầu ưu không vui, chắp tay dùng kệ hỏi chư Thiên:

Con ở trong ách nạn
Xin chư Thiên xót thương
Nay con vừa nghe nói
Có điều con muốn hỏi:
Ngang qua trong không trung
Vì ai khen công đức
Con nghe âm thanh này
Tâm con đầy hân hoan.

Đức Phật dạy Lại-tra-hòa-la:

– Khi ấy chư Thiên nói kệ cho thái tử Đức Quang:

Nay thế gian có Phật
Thái tử không nghe sao?
Phật hiệu là Cát Nghĩa
Cứu giúp hộ quần sinh,
Phụng hành các pháp thiện
Khai hóa công đức cao
Chúng Tăng đến học hỏi
Có cả ngàn ức triệu.

Thái tử Đức Quang dùng kệ hỏi chư Thiên:

Nếu con thấy Thế Tôn
Làm sao biết là Phật
Xin thuyết công đức Từ
Muốn biết nơi Chánh giác.
Giả sử đến gặp Phật
Sẽ hỏi đạo thế nào?
Bồ-tát hành pháp gì
Cứu hộ được tất cả?

Chư Thiên đáp thái tử Đức Quang:

Trên đỉnh tóc mềm mại
Xoắn phải và tươi sáng
Trên đảnh tướng oai thần

Đẹp như đỉnh núi cao.
Tướng giữa mày chói sáng
Rực rỡ như mặt trời
Mịn màng xoắn bên phải
Sắc như tuyết trắng đẹp.
Ý giác là thanh tịnh
Mắt thì màu xanh biếc
Là vua trong cõi người
Dung nghi đoan chánh đẹp.
Diện mục thường an vui
Phóng muôn ngàn ánh sáng
Chiếu khắp cõi tam thiên
Diệt trừ các nẻo ác.
Răng ở trong miệng Phật
Trong trắng và bằng phẳng
Tươi sạch như hoa sen
Ngọc đẹp như cây sáng.
Mỗi hàm hai mươi cái
Đều khít thành bốn mươi
Tướng miệng, lưỡi mềm mại
Có thể che khắp mặt.
Miệng thường thuyết diệu âm
Khiến người nghe hoan hỷ
Không nói lời dua nịnh
Phạm âm rất thanh tịnh.
Những điều Phật giảng thuyết
Vượt trăm ngàn âm nhạc
Dứt trừ các hồ nghi
Người nghe được lợi lạc.
Các đức đều không thiếu
Khéo léo quyết đạo nghĩa
Giải thông hoa pháp sáng
Như trăm ngàn anh lạc.
Âm thanh của cõi ấy
Phát ra như Thiên nhạc
Thí như âm hưởng trời
Lời Phật cũng như thế.
Chân-đà-la, chim Trĩ

Câu-kỳ và Uyên ương
Lô-tư và chim Nhạn
Cưu-na-la hỏi rằng:
Tiếng nào như Phạm âm
Êm dịu rất an vui
Không khúc mắc cộc cằn
Thấu rõ tất cả nghĩa,
Trong trẻo và sâu lắng
Vừa lòng các bậc thí
Lìa phỉ báng, thanh tịnh
Không có các tưởng nguyện,
Ban bố nghĩa hạnh đức
Không nghe làm điều xấu
Chánh giác hành pháp kia
Nói công đức như thế.
Thân thể Đức Thế Tôn
Đủ các loại tướng hảo
Cánh tay dài quá gối
Bảy chỗ đều tròn đầy.
Ngón tay thon dài đẹp
Có bao tướng tuyệt diệu
Thân thể sắc vàng tía
Tâm như ngọc minh nguyệt.
Lông trên thân mịn đẹp
Xoắn phải và hướng trên
Tròn bằng như cuộn lên
Mã âm tàng không lộ.
Lòng bàn chân bằng phẳng
Có tướng bánh xe tròn
Gối Phật đẹp và thẳng
Các màu sắc như nhau.
Kinh hành như rồng chúa
Bước đi như Sư tử
Khi đi lặng cúi đầu
Nếu người tung hoa cúng
Biến thành những lọng hoa
Cứ mãi không tăng giảm.
Đó là chánh pháp Phật

Dù được lợi hay không
Vẫn tinh tấn an lạc
Ngợi khen hay phỉ báng
Cũng giống như hoa sen
Sư tử chính như thế
Không ai sánh bằng Ngài.

Này Lại-tra-hòa-la, lúc ấy thái tử Đức Quang nghe kệ ca ngợi công đức của Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng thì vô cùng hoan hỷ. Thí như người nghèo nàn đói lạnh được kho tàng châu báu nên người ấy rất vui mừng, thí như người mù gặp được ánh sáng, hoặc như kẻ tù tội giam cầm được phóng thích, người ấy vui sướng vô hạn, thái tử Đức Quang nghe kệ ca ngợi công đức của Đức Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng cũng hoan hỷ như thế.

Thái tử Đức Quang bèn suy nghĩ: "Ta nay nghe kinh pháp chứng minh oai thần Đức Phật, chúng Tăng đầy đủ các hạnh tôn quý. Các ngài ở trong sinh tử đã đi ngược lại nẻo tà vạy, kẻ phàm phu phần nhiều không biết suy xét, họ tham thân, tự thấy điều sai cho là đúng, sống nơi gia đình làm nhiều điều nhơ xấu. Người đắm say trong tham dục phải rơi vào đường đau khổ. Người sống buông lung, bậc trí lìa xa, nên bị ngu si che khuất. Ta phải ở những nơi ấy làm ngọn đèn sáng bình đẳng. Lòng người khó điều phục, đắm mê danh sắc, không nhàm chạy theo căn trần, không đoạn trừ những tập khí phải gặp nhiều đau khổ. Thọ nhận bất an, ân ái là cội nguồn phải bị xiềng xích trói buộc, khó thoát ra được. Chúng cùng với các nghiệp khổ hợp lại thành một chuỗi oan gia, đường sinh tử triền miên làm rối rắm bao người, lại thêm tật bệnh vây quanh, thân người chẳng chút bền chắc. Đến lúc sắp chết gần kề thì khổ nhiều vui ít, chỉ có pháp Phật là an ổn đệ nhất. Không thể dùng hạnh trần lao, tâm buông lung, tham dục mà lập được hạnh công đức. Ta nay ở trong ngu si, không thể nhất tâm định ý, không thể dùng ý sinh tử làm vui, cùng người ác hội họp để sống đúng theo con đường thiện, huống gì là muốn đạt đạo Vô thượng Chánh chân! Ta thà từ trên lầu cao ở hướng Đông gieo mình xuống đất, chứ không để cho các gia đình quyến thuộc nơi ta ở trong cửa làm việc chướng ngại, khiến ta không ra khỏi được".

Đức Phật dạy:

– Này Lại-tra-hòa-la, khi ấy thái tử Đức Quang hướng đến Cát Nghĩa Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác kia, tự nói: "Giả sử Đức Thế Tôn có Nhất thiết trí tất có thể thấy khắp tất cả, ngay lúc này xin Đấng Thiên Trung Thiên cứu độ con". Tức thì Đức Cát Nghĩa Như Lai Vô Sở Trước

Đẳng Chánh Giác liền đưa cánh tay phải phóng hào quang chiếu đến chỗ thái tử Đức Quang. Trong ánh sáng ấy tự nhiên có hoa sen ngàn cánh to như bánh xe, từ hoa sen đó phát ra ức trăm ngàn ánh sáng chiếu soi khắp chốn. Thái tử Đức Quang liền đứng trên hoa sen này, muốn đến chỗ Đức Cát Nghĩa Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, từ xa thái tử chắp tay đảnh lễ, tự quy y ba lần. Đức Cát Nghĩa Như Lai thu nhiếp ánh sáng trở lại, thái tử tìm theo ánh sáng để đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Ngài. Thái tử trông thấy Thế Tôn các căn tịch định, liền dùng kệ ca ngợi Đức Cát Nghĩa Như Lai:

Con vừa nghe tiếng Đức Y vương
Nay liền được thấy dung nhan Phật
Vì sao lập hạnh nơi nhơ uế
Có thể đạt đến nhất thiết pháp?
Vào lúc nửa đêm đêm vừa rồi
Từ chư Thiên nghe Phật vô tưởng
Nghe xong buồn bã chẳng còn vui
Người ở nơi nào không phóng dật
Người vừa lạc đường chỉ đường chân
Như người mù mắt nhìn thấy hết.
Xin nguyện vì con hiện đạo cả
Lòng Từ chữa trị sinh tịnh tín
Khiến chúng bần cùng được giàu vui
Giam cầm tù ngục liền thoát khỏi,
Đoạn nghi, trừ kết sử nơi con
Cúi xin giải nói đạo hạnh này
Vì con hiển chánh lìa ngoại đạo
Trong tối tăm làm ngọn đèn sáng.
Vì các tổn hại trừ cấu uế
Nguyện đại y vương đoạn nghi con
Xin cứu thoát con, đường sinh tử
Đoạn tuyệt cho con các dục ái,
Khiến vượt qua khỏi biển sầu lo
Và dùng bát đạo nhập Đại thừa
Nay pháp hết, mạng người ngắn ngủi
Phần nhiều bỏ bê hạnh công đức.
Người vô phước thường không như ý
Nay con xin khai nguyện giải nghi
Nghe Đạo Sư chỉ bày pháp yếu

Tại sao Bồ-tát nơi phóng dật
Có thể phụng trì Phật diệu đạo
Độ thoát sinh tử khổ muôn loài?

Đức Phật bảo Lại-tra-hòa-la:

– Bấy giờ, Đức Cát Nghĩa Như Lai biết tâm niệm của thái tử Đức Quang, mới giải thích rộng các hạnh Bồ-tát. Thái tử Đức Quang nghe lời Đức Phật dạy, liền chứng đắc pháp môn Vô tận tổng trì, đạt năm thần thông, liền bay vụt lên hư không, hóa ra những đóa hoa đẹp để tung lên chỗ Đức Cát Nghĩa Như Lai.

Lúc ấy, trời vừa sáng, vua Át Chân Vô đã nghe trong cung của thái tử tiếng khóc của các thể nữ vang ra, vội vàng đi đến hỏi lý do. Các thể nữ tâu vua:

– Chúng thần không thấy thái tử Đức Quang, không biết là thái tử đang ở đâu.

Vua Át Chân Vô nghe tâu như thế liền ngã quỵ xuống đất, cùng muôn ngàn người đều khóc lóc thảm thiết. Lúc ấy, vị thần giữ thành đi đến nội cung, bảo vua Át Chân Vô:

– Đại vương chớ nên ưu sầu, thái tử đã đi về hướng Đông để gặp Đức Cát Nghĩa Như Lai, quỳ gối đảnh lễ vâng thọ lời dạy của Ngài.

Vua Át Chân Vô nghe tiếng vị thần nói, bèn cùng các đại thần, đám quyến thuộc và thể nữ trong hậu cung, cùng với tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn người, đi ra hướng Đông, đến chỗ Đức Như Lai Cát Nghĩa đảnh lễ nơi chân Ngài rồi đứng qua một bên.

Này Lại-tra-hòa-la, Đức Như Lai Cát Nghĩa biết tâm ý của quốc vương Át Chân Vô, tùy theo đó mà thuyết pháp, làm cho tất cả hội chúng đều được pháp Bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh chân.

Thái tử Đức Quang bạch Đức Phật Cát Nghĩa:

– Cúi xin Ngài nhận bữa cơm thanh tịnh của con dâng cúng.

Đức Phật yên lặng nhận lời.

Thái tử Đức Quang thưa với cha mẹ và các thân bằng quyến thuộc:

– Xin quý vị hỗ trợ cho con, dùng anh lạc trang trí nơi các thành quách, cung điện để dâng cúng Đức Như Lai, không nên có tâm tham tiếc, bỏn xẻn.

Ngay khi ấy mọi người đều đồng lòng khuyến trợ để Thái tử bố thí rộng rãi.

Lúc ấy vua, thái tử Đức Quang và quyến thuộc đem anh lạc trang trí

nơi cung điện, thành quách, tâm không còn tham tiếc, rồi cùng nhau dâng cúng Đức Như Lai Cát Nghĩa. Mỗi ngày họ làm năm trăm món ăn để cúng dường Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng, lại dùng gỗ thơm Chiên-đàn đỏ và bảy báu làm phòng thất cho các thầy Tỳ-kheo ở, dùng Ma-ni làm chỗ kinh hành; ở phía trên dùng châu báu làm màn trướng giăng bày khắp. Các nơi đều có cây hoa thẳng hàng, mỗi bên có ao tắm, trong ao có hoa Ưu-bát, dọc hai bên bờ đều sạch sẽ thanh tịnh. Hoa Ưu-bát ấy có trăm ngàn cánh được bày trăm ngàn tòa, mỗi thầy Tỳ-kheo đều có tòa ngồi đầy đủ.

Thái tử Đức Quang khiến cho các thầy Tỳ-kheo không còn lo về y phục, cũng không còn nghĩ đến các thầy Tỳ-kheo khác riêng được y phục.

Như thế, trong hàng ức năm thái tử chưa từng ham việc ngủ nghỉ, không nhớ tới ái dục, không tiếc đến thân mạng của mình. Thái tử đã cúng dường Đức Phật cũng với tinh thần vô niệm như thế.

Khi ấy, thái tử Đức Quang chưa từng có sự nghĩ tưởng về dục vọng cũng như những sự tranh chấp tà vạy, không có tâm tổn hại, không tham đắm về đất nước, ngôi vị, không yêu tiếc bất cứ việc gì, nội thân và ngoại thân đều không vướng mắc. Bấy giờ, thái tử lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, thọ trì tất cả lời Phật dạy, không phải hỏi lại Đức Như Lai. Ban đầu thái tử không tắm gội, cũng không rửa chân, cũng chẳng dùng hương thơm xoa thân, không có ý mỏi mệt và chưa từng ngồi xuống, ngoại trừ những lúc thọ thực.

Sau khi Đức Như Lai Cát Nghĩa nhập Niết-bàn, thái tử dùng gỗ Chiên-đàn đỏ để xây dựng chùa tháp, cúng dường trong trăm ngàn năm. Ở nơi hỏa táng Đức Như Lai, thái tử đem tất cả những loại hoa và hương như hương bột, hương tạp trong thiên hạ cùng các thứ kỹ nhạc để cúng dường Phật. Lại xây chín mươi bốn ức cái tháp, đều dùng bảy báu và các vật quý giá để làm cờ phướn, lọng báu che trên tháp. Lại dùng năm trăm ức lọng báu bằng bảy báu, trăm ngàn thứ kỹ nhạc cùng tất cả những hoa, cây quý nhất nơi cõi Diêm-phù-lợi để cúng dường nơi các tháp. Ở trước mỗi tháp, luôn đốt trăm ngàn ngọn đèn, mỗi một ngọn đèn đốt đều dùng loại dầu quý, lại rưới tất cả các loại hoa thơm, đầy đủ tất cả các vật quý như thế để cúng dường trong một ức năm.

Sau đó, thái tử Đức Quang từ bỏ gia đình đi học đạo làm Sa-môn, mặc ba pháp y, thường đi khất thực, không dự vào thế sự, cũng không ngủ nghỉ, không còn lệ thuộc về ăn mặc. Trong suốt bốn ức năm thường ban bố giáo pháp, chưa từng chấp có ngã, cũng không nghi ngờ về người khác, huống gì là mong sự cúng dường, cũng không nói đến sinh tử. Thái tử

thuyết pháp cho mọi người nhưng không khuyên họ tu tập để sinh lên cõi trời. Ngài học theo hạnh như thế rồi, truyền trao giáo pháp cho tất cả và quyến thuộc ở trong cung, khiến họ trở thành Sa-môn.

Này Lại-tra-hòa-la, bấy giờ chư Thiên cõi trời Tịnh cư suy nghĩ: "Thái tử Đức Quang đã giáo hóa tất cả mọi người trở thành Sa-môn, nay chúng ta phải thực hiện việc cúng dường Tam bảo, nhờ đấy Tam bảo được tồn tại, không bị đoạn tuyệt"

Sau khi Đức Như Lai Cát Nghĩa nhập Niết-bàn rồi, giáo pháp của Ngài trụ ở đời cho đến sáu mươi bốn ức năm, tất cả đều do Tỳ-kheo Đức Quang ủng hộ. Như thế thái tử Đức Quang đã cúng dường chín mươi bốn ức ức trăm ngàn Đức Phật.

Này Lại-tra-hòa-la, ông có biết quốc vương Át Chân Vô lúc bấy giờ là ai không?

– Bạch Đức Thế Tôn, không biết.

– Chính là Như Lai Vô Lượng Thọ. Ông có biết thái tử Đức Quang lúc ấy là ai không?

– Bạch Đức Thế Tôn, không biết.

– Chính là Ta. Vị thần trong thành lúc ấy nay là Như Lai Vô Nộ Giác.

Này Lại-tra-hòa-la, thế nên Đại sĩ Bồ-tát muốn được đạo Vô thượng Chánh chân Tối chánh giác, cần phải học hạnh của thái tử Đức Quang chỉ dạy về sự tịch tĩnh, xả bỏ ân ái, không sống buông lung. Khi ta cầu đạo Vô thượng Chánh chân, đã tinh tấn theo khổ hạnh mới được như thế. Hạng người vô hạnh chỉ biết tham đắm y phục, thực phẩm, sầu lo không dứt, thọ dụng sự cúng dường, tự xa pháp Phật, sở học vô ích, làm rối loạn Sa-môn, phá hoại pháp Bồ-tát, buông lung thân, khẩu, ý, dối tạo thệ nguyện, bỏ đi bản hạnh của mình, tham y phục, giường chõng, nệm ngồi và thuốc thang trị bệnh, không có tâm xấu hổ, không thích chánh hạnh và pháp vô thường, không phụng trì giáo pháp, xa lìa hạnh Phật. Đối với đạo, tự ý buông bỏ, không ưa hạnh giải thoát.

Này Lại-tra-hòa-la, thế nên đã nghe được giáo pháp này cần phải học cho rốt ráo, xa lìa ác tri thức, không sống theo người vô hạnh, dứt bỏ các tham dục.

Đức Phật thuyết kệ:

Người học đạo, tham ăn, tham lợi
Tức là chẳng ưa hạnh thập lực
Bỏ đi trăm đức lời Phật dạy

Vì lợi cúng dường đọa nhà người
Cang cường tệ ác, không hổ thẹn
Buông lung sa đọa các chỗ tham
Nên phiền não đọa hạnh tà
Liền tự cho rằng ta đức hạnh
Thong thả nhàn cư dạo khắp thành
Lợi cúng dường nên làm quấy,
Xa lìa giải thoát, chốn Không môn
Thế nên hãy lìa bỏ các nghiệp
Ví không kính Phật và chánh pháp
Viễn ly Tăng chúng nhiều công đức
Đánh mất đường lành, đọa ba ác
Làm mất tám trăm các hạnh cao.
Nếu nghe người thuyết về kinh pháp
Tinh tấn lắng lòng với định tâm
Vô số kiếp ức Phật khó gặp
Phải nên tu tập đúng pháp hành.
Người nào nói được Đại thừa Phật
Nhớ nghĩ gẫm suy nghĩ công đức
Nhớ rồi ghi khắc trụ nhất tâm
Đạt đạo an lành đạt vô ngại
Lập hạnh Thánh hiền tu quán đức
Ý nghĩa nhàm chán tự chế tâm.
Các ngươi không được bỏ pháp thiện
Sẽ đọa năm đường như người si
Sống tịch tĩnh và thường tinh tấn
Chớ tự khinh, chớ xem thường người
Biết trách mình, tâm thường an tịnh
Ta làm theo ức người Phật dạy
Ý chất phác, thân mình không tiếc
Pháp hạnh này tôn kính tinh cần
Những điều này Ta thường thuyết dạy.
Đạo mầu dễ gặp nếu hành thâm
Người nghe pháp ấy ưa Đại thừa
Không thể tinh tấn, không ưa nghe
Người mà có trí thích lời này
Oán kết ác tà sau dứt sạch.

Này Lại-tra-hòa-la, nếu có vị Bồ-tát thực hành năm Độ vô cực, thì

không bằng học tập trì tụng theo lời dạy của kinh này, công đức của vị Bồ-tát đó không bằng một phần trăm người học tập kinh này.

Khi Đức Phật thuyết kinh giảng này có ba mươi ức trời, người phát ý đạo Vô thượng Chánh chân, đều lập được quả vị Bất thoái chuyển. Có bảy ngàn thầy Tỳ-kheo được lậu tận ý giải, đắc vô sinh nhẫn.

Hiền giả Lại-tra-hòa-la bạch Đức Phật:

– Kinh này đặt tên là gì? Thực hành như thế nào?

Đức Phật bảo Lại-tra-hòa-la:

– Kinh này đặt tên là"Ly Si Nguyện Hạnh Thanh Tịnh". Hãy học tập và trì tụng đúng như Bồ-tát đã hành, chắc chắn là đầy đủ các nghĩa về Bồ-tát hạnh.

Đức Phật dạy như thế, Lại-tra-hòa-la, chư Thiên, dân chúng, Rồng, Quỷ, Thần... trong thế gian rất hoan hỷ, đến trước Đức Phật đảnh lễ và lui ra.

❑

SỐ 171

KINH THÁI TỬ TU-ĐẠI-NOA

Hán dịch: Đời Tây Tần, Sa-môn Thánh Kiên.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với vô số Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Khi ấy, Đức Phật ngồi giữa bốn chúng đệ tử mỉm cười, trong miệng thoát ra hào quang ngũ sắc. Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục tề chỉnh, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Con theo hầu Phật đến nay đã hơn hai mươi năm, chưa từng thấy Ngài mỉm cười như hôm nay. Có phải Ngài đang nghĩ đến chư Phật thời quá khứ, hiện tại hay vị lai chăng? Chắc là Ngài có ẩn ý gì, con xin muốn nghe điều này.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ta chẳng nghĩ đến chư Phật thời quá khứ, vị lai hay hiện tại. Ta nhớ về thời quá khứ vô số a-tăng-kỳ kiếp trước đây đã thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật.

Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

– Thế nào là thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật?

Phật dạy:

– Vào thuở quá khứ lâu xa không thể tính kể được, có một nước lớn tên Diệp-ba. Vua của nước này hiệu là Thấp-ba. Nhà vua dùng chánh pháp trị nước, không hà khắc đối với muôn dân.

Vua có bốn ngàn đại thần, đứng đầu sáu mươi tiểu quốc và tám trăm làng xóm, có năm trăm voi trắng lớn, đẹp. Vua có hai vạn phu nhân mà không con, nên đích thân đi cầu đảo nơi các vị thần sông, núi, thế là phu nhân biết mình có thai. Nhà vua tự lo lắng, săn sóc cho phu nhân về các thứ như chỗ nằm, chăn đệm, thực phẩm đều phải mềm mịn. Đến đúng mười tháng thì phu nhân sinh thái tử. Hai vạn phu nhân trong cung nghe tin sinh thái tử đều vui mừng, sữa của các bà tự nhiên chảy ra, vì thế nên thái tử được đặt tên là Tu-đại-noa. Có bốn nhũ mẫu chăm sóc, nuôi dưỡng thái tử:

Một người lo việc bú mớm, một người lo việc bồng bế, một người lo chuyện tắm rửa, một người chuyên đưa dẫn thái tử dạo chơi vui đùa.

Đến năm mười sáu tuổi, thái tử đã học đầy đủ các môn về học thuật, tư tưởng, các thuật bắn cung cùng các loại lễ nhạc. Thái tử thờ phụng cha mẹ như thờ trời thần.

Nhà vua sai xây dựng cung điện riêng cho thái tử. Từ lúc ấu thơ đến khi khôn lớn, thái tử thường ưa bố thí, đối với loài người, cho đến cả loài chim bay thú chạy, thái tử luôn mong cho tất cả chúng sinh đều được phước bố thí này. Kẻ ngu si, tham lam, bỏn xẻn không chịu bố thí, là tối tăm mê muội, tự lừa dối mình, chẳng được ích lợi gì cho bản thân. Bậc trí ở đời thì biết sự bố thí là phước đức, người bố thí đều được chư Phật, Bích-chi-phật và A-la-hán trong ba đời ngợi khen.

Khi thái tử tuổi đã trưởng thành, đại vương làm lễ nạp phi cho thái tử. Phu nhân của thái tử là công chúa Mạn-đề, dung mạo tươi đẹp không ai sánh kịp, nàng dùng lưu ly, vàng bạc, châu báu và ngọc anh lạc để trang điểm. Thái tử có một hoàng nam và một hoàng nữ. Ngài thường tư duy muốn thực hành việc Bố thí ba-la-mật. Thái tử tâu với đại vương là muốn đi dạo chơi khắp nơi, vua cha liền bằng lòng.

Thái tử đi ra ngoài hoàng thành, trời Đế Thích liền hóa làm những người nghèo nàn, mù, điếc, câm, ngọng ngồi bên lề đường. Thái tử trông thấy thế vội cho xe trở về hoàng cung, rất âu sầu lo lắng. Phụ vương hỏi:

– Sao con đi dạo xem, trở về mà không vui?

– Tâu phụ vương, con vừa ra khỏi hoàng thành đã thấy những người nghèo nàn, mù điếc, câm ngọng. Vì thế cho nên con không vui. Con muốn xin vua cha một điều, chẳng biết có bằng lòng không?

– Con cần điều chi, tùy theo sở nguyện của con, ta không bao giờ trái ý.

– Tâu phụ vương, con muốn đem châu báu trong kho tàng của phụ vương đặt bên ngoài bốn cổng thành và nơi chợ búa để bố thí theo nhu cầu của người xin, không trái ý họ.

– Ta đồng ý theo lời mong cầu ấy, tùy theo ý con muốn, ta không cản.

Thái tử sai các quan đem châu báu đặt bên ngoài bốn cổng thành, cùng nơi chợ búa để bố thí, tùy theo chỗ cầu xin của mọi người. Tám phương trên dưới đều nghe biết công đức của thái tử. Mọi người từ ngoài trăm, ngàn vạn dặm xa xôi đều tìm đến. Người mong được thức ăn thì được ăn, người cầu được y phục thì được y phục, người muốn được vàng, bạc, châu báu, tùy theo chỗ cần mà cho họ, không làm trái ý một ai.

Lúc ấy, có một nước oán địch, nghe tin thái tử vui lòng bố thí cho tất cả những ai đến xin, hề không trái ý. Vua nước ấy bèn hội họp quần thần và các đạo sĩ bàn bạc với nhau: "Vua nước Diệp-ba có giống voi trắng đi trên hoa sen tên Tu-đàn-diên, sức chiến đấu vô cùng mạnh mẽ, mỗi lần các nước đem binh đến xâm lấn, voi này đều chiến thắng. Bây giờ ai có thể đến nước ấy để xin loại voi quý kia?".

Các quan đều tâu vua:

– Chúng thần không thể đến xin được.

Trong số này có đạo sĩ Bát Nhân tâu với nhà vua:

– Thần có thể đến xin được, xin đại vương cấp lương thực cho thần.

Vua liền cấp lương thực cho ông ta và bảo:

– Nếu có thể xin được voi quý, ta sẽ trọng thưởng cho khanh.

Đạo sĩ Bát Nhân cầm gậy ra đi. Ông ta lặn lội qua nhiều lượt sông núi, đến nước Diệp-ba, tới trước cửa cung của thái tử, chống gậy, đứng kiễng chân, hướng về cửa mà đợi.

Khi ấy, người giữ cổng vào trình với thái tử:

– Bên ngoài có đạo sĩ chống gậy, đứng kiễng chân chờ đợi. Ông ta nói từ xa đến đây muốn xin một việc.

Thái tử nghe xong rất hoan hỷ, ra tận nơi nghênh đón, vái chào, giống như con gặp cha, ân cần hỏi han:

– Đạo sĩ từ đâu đến đây? Đi đường có nhọc nhằn lắm không, muốn cầu điều chi mà đứng một chân như thế?

Đạo sĩ Bát Nhân nói:

– Tôi nghe thái tử có lòng tốt, bố thí theo điều mong cầu, không hề trái ý một ai. Tên của thái tử được lan truyền khắp nơi, trên thấu tới trời xanh, dưới cho đến suối vàng. Công đức bố thí của thái tử nhiều vô lượng, khắp chốn gần xa đều biết và ai cũng ca tụng, ngợi khen. Những điều người ta ca ngợi về thái tử là hoàn toàn chính xác. Nay ngài là con của bậc Thiên nhân, những lời bậc Thiên nhân nói không bao giờ hư dối. Nếu như thái tử có thể bố thí không hề trái ý người cầu xin, nay tôi từ xa đến đây, muốn xin thái tử con voi trắng đi trên hoa sen.

Thái tử liền đến chuồng voi, sai người dắt một con voi trắng đem cho đạo sĩ.

Đạo sĩ Bát Nhân nói:

– Chính tôi muốn là xin được voi trắng đi trên hoa sen tên Tu-đàn-diên.

Thái tử nói:

– Voi trắng lớn ấy là con vật được phụ vương ta rất yêu quý. Phụ vương đã xem voi ấy cũng như ta không khác, vì thế không thể cho đạo sĩ được. Nếu cho đạo sĩ con voi này, tức là đã làm phật lòng phụ vương, có thể phụ vương sẽ đuổi ta ra khỏi nước.

Thái tử suy nghĩ: "Trước đây ta có phát nguyện sẽ bố thí không hề trái ý người cầu xin, nay không cho họ tức là trái với bản tâm của. Nếu không đem bố thí voi ấy, làm sao đạt được pháp bố thí bình đẳng vô thượng? Vì thế ta phải đem voi bố thí để hạnh nguyện bình đẳng vô thượng của ta được thành tựu". Thái tử thầm nói:

– Rất tốt! Ta sẽ đem cho ông ta.

Thái tử liền sai quân hầu cận chuẩn bị yên cương bằng vàng và mau dắt voi ra. Ngài dùng tay trái cầm bình nước rửa tay đưa cho đạo sĩ, tay phải dắt voi trắng quý giao cho ông ta. Đạo sĩ Bát Nhân được voi liền chú nguyện cho thái tử. Chú nguyện xong, ông ta leo lên lưng bạch tượng, vui vẻ ra đi.

Thái tử nói với đạo sĩ:

– Đạo sĩ hãy chạy nhanh đi, phụ vương ta mà biết được sẽ cho người đuổi theo bắt lại.

Đạo sĩ Bát Nhân liền giục voi chạy nhanh.

Quần thần cả nước nghe tin thái tử đem voi trắng quý bố thí cho kẻ thù, thì vô cùng hoảng sợ, từ nơi ghế đang ngồi rơi xuống đất, lo lắng, âu sầu không vui. Họ suy nghĩ: "Quốc gia chỉ nhờ có một voi trắng quý này để chống lại kẻ địch đến xâm lấn!".

Quần thần đến tâu vua:

– Thái tử đã đem voi quý dùng để chống địch của quốc gia bố thí cho kẻ thù.

Đại vương nghe xong thì hết sức kinh ngạc.

Quần thần lại tâu:

– Sở dĩ đại vương đã chiến thắng thống lĩnh thiên hạ là nhờ có voi trắng quý ấy. Voi trắng này vượt hơn sáu mươi lần sức voi khác, thế mà thái tử lại đem cho kẻ thù. Sợ rằng thế nào chúng ta cũng mất nước. Thái tử mặc tình bố thí như thế, khiến quốc khố ngày càng trống rỗng. Chúng thần sợ rằng thái tử sẽ bố thí cả đất nước và vợ con của ngài nữa.

Đại vương nghe nói thế, lại càng buồn hơn, bèn cho gọi một vị đại thần đến hỏi:

– Quả thật là thái tử đã đem voi trắng quý cho kẻ thù không?

– Tâu đại vương, thật đúng vậy.

Nhà vua nghe vị đại thần tâu mới thật sự kinh hoàng, rơi từ trên ngai xuống, ngất xỉu, nước mắt tuôn trào, hồi lâu mới tỉnh lại. Hai vạn phu nhân cũng đều không vui. Nhà vua cùng các quan cùng nhau bàn tính:

– Phải xử lý thái tử như thế nào?

Có một vị quan tâu:

– Vì chân thái tử đi vào chuồng voi nên phải chặt chân, vì tay dắt voi nên phải chặt tay, vì mắt thấy voi nên phải khoét mắt.

Hoặc có người nói:

– Phải chặt đầu thái tử.

Các quan cùng bàn bạc những ý như thế. Nhà vua nghe xong rất buồn rầu, nói với các quan:

– Con ta rất thích hạnh bố thí cho người, làm sao cấm đoán, ngăn cản cho được!

Có một vị quan chê lời bàn của những người kia là không đúng. Vì nhà vua chỉ có một người con, nên ngài vô cùng yêu thương đâu nỡ dùng hình phạt nặng như các ông đã nêu. Vị đại thần tâu vua:

– Thần cũng không dám khiến đại vương ngăn cản hay cấm đoán thái tử, nhưng đại vương hãy đuổi thái tử ra khỏi nước một thời gian khoảng mười hai năm, cho thái tử sống giữa núi rừng hoang dã, để thái tử biết xấu hổ, ăn năn.

Nhà vua nghe theo ý kiến của vị đại thần này, liền cho người triệu thái tử đến hỏi:

– Có phải con đã đem voi trắng quý cho kẻ thù không?

Thái tử tâu:

– Tâu phụ vương, thật đúng như thế.

Nhà vua lại hỏi thái tử:

– Tại sao con làm như vậy? Tự ý đem voi trắng quý của ta cho kẻ thù mà không tâu với cha?

Thái tử đáp:

– Tâu phụ vương, trước đây con có tâu xin phụ vương cho con được bố thí tất cả, không trái ý mọi người đến cầu xin. Thế nên con không trình cho phụ vương biết.

Vua nói:

– Theo lời yêu cầu trước đây của con có nghĩa là bố thí các thứ vàng bạc châu báu, chứ đâu có cho bố thí voi trắng quý?

Thái tử thưa:

– Tâu phụ vương, tất cả tài sản đều là vật sở hữu của đại vương, sao voi trắng quý lại không thuộc trong sở hữu ấy?

Vua liền bảo thái tử:

– Hãy mau ra khỏi nước! Ta đày ngươi ở trong núi Đàn-đặc mười hai năm.

Thái tử tâu với vua cha:

– Tâu phụ vương, con không dám trái lệnh của phụ vương, nhưng để thỏa tâm nguyện sâu kín của con, xin phụ vương cho con được bố thí thêm bảy ngày, sau đó con sẽ ra khỏi nước.

Vua bảo:

– Con đã chủ động bố thí hết sạch kho tàng của quốc gia, lại còn làm mất bảo vật dùng ngăn địch của trẫm. Vì thế trẫm đuổi con. Con không được bố thí thêm bảy ngày nữa. Trẫm không bằng lòng. Ngươi hãy mau ra khỏi đất nước ngay.

Thái tử liền tâu:

– Tâu phụ vương, con không dám trái lời phụ vương, nhưng hiện con còn một ít của cải riêng, xin cho con được bố thí hết rồi con sẽ đi, chứ con không dám phiền đến tài sản quý giá của quốc gia.

Hai vạn phu nhân cùng đến chỗ nhà vua, xin cho thái tử được ở lại bố thí trong bảy ngày nữa rồi mới ra đi khỏi nước. Nhà vua bằng lòng.

Thái tử bảo các quan cận vệ hãy thông báo khắp chốn xa gần, ai muốn được tiền tài vật chất hãy đến cửa cung, thái tử sẽ cấp cho theo nhu cầu. Tiền tài vật chất của con người không thể giữ mãi, có rồi cũng bị hư hoại tan rã.

Dân chúng khắp nơi đều đến cổng hoàng cung, thái tử đãi họ ăn uống và cấp cho vàng bạc, châu báu tùy theo ý thích của họ. Đến ngày thứ bảy thì của cải hết sạch, những người nghèo đều được giàu có, tất cả mọi người đều vui vẻ.

Thái tử gọi vợ:

– Hãy mau đứng dậy nghe ta nói: Bây giờ đại vương đuổi ta vào ở trong núi Đàn-đặc mười hai năm.

Phu nhân nghe thái tử nói thì vô cùng kinh ngạc, hỏi:

– Thái tử có lỗi gì đến nỗi vua cha phải xử sự như thế?

Thái tử đáp:

– Vì ta đã bố thí quá nhiều, hết sạch kho tàng của quốc gia, lại đem voi trắng quý dũng kiện nhất bố thí cho kẻ thù. Vì thế vua cha và các triều thần đều nổi giận, đuổi ta đi.

Mạn-đề thưa:

– Mong cho đất nước được phồn vinh, thịnh vượng, nguyện cho đại vương và các quan cùng thần dân lớn nhỏ đều được sung túc, an lạc, còn thiếp sẽ cố gắng theo chàng vào chốn núi rừng để cầu học đạo.

Thái tử nói:

– Trong chốn núi rừng có nhiều nguy hiểm đáng sợ, thật khó mà bình tâm. Nơi ấy có biết bao hổ lang, mãnh thú. Nàng đã quen sống cảnh phú quý sung sướng, làm sao có thể chịu nổi? Ở trong cung, mặc thì mềm mịn, ngủ thì màn che trướng phủ, ăn thì cao lương mỹ vị, hợp theo ý thích, nay ngủ nơi rừng núi lấy cỏ làm chiếu, lấy trái cây làm thức ăn, làm sao nàng có thể an vui? Rồi nào mưa gió, sương sa, sấm sét, khiến cho người ta luôn phải sợ hãi. Khi lạnh thì quá lạnh, nóng lại quá nóng, giữa chốn ấy thật không chỗ trú chân, lại thêm xung quanh là gai gốc, đá sỏi, trùng độc!

Mạn-đề thưa:

– Tâu Thái tử, thiếp đâu thể vì y phục lụa là, vì màn che trướng phủ, vì cao lương mỹ vị mà phải đành biệt ly chàng? Trọn đời thiếp không thể lìa xa thái tử. Xin cho thiếp cùng được theo hầu thái tử đi tới bất cứ nơi nào. Vua dùng cờ làm hiệu lệnh, lửa nhờ khói làm hiệu, người vợ lấy chồng làm chỗ nương dựa, nên thiếp chỉ biết nương vào thái tử mà thôi. Thái tử chính là chốn trời cao của thiếp. Lúc thái tử ở trong cung bố thí cho mọi người khắp chốn gần xa, thiếp đã hết lòng hỗ trợ. Nay thái tử đi xa, nếu có người đến xin, thiếp sẽ ứng xử thế nào? Thiếp nghe người tìm tới chỗ thái tử để cầu xin nữa, khi ấy thiếp sẽ xúc động đến chết mà thôi.

Thái tử nói:

– Ta thích bố thí không hề trái ý mọi người. Nếu có người theo ta xin con, xin nàng, ta làm sao không thể không cho được? Nếu nàng không thuận theo lời ta thì thiện tâm ta bất an. Vì thế nàng không nên đi làm gì.

Mạn-đề bảo:

– Hãy cho thiếp đi theo thái tử đến nơi nào cũng luôn thực hành bố thí. Ở đời này chưa có ai bố thí như thái tử cả.

Thái tử bảo:

– Nếu nàng thực hiện được như thế thì rất tốt.

Thái tử cùng vợ và hai con đến từ biệt mẫu thân. Ngài thưa với mẹ:

– Xin mẹ thường can gián đại vương nên dùng chánh pháp trị nước, chớ đem sự hà khắc cai trị muôn dân.

Mẫu thân nghe thái tử nói lời từ biệt, trong lòng vô cùng thương xót. Bà nói với mọi người chung quanh:

– Thân ta như đá, tâm ta như sắt cứng chăng, phụng sự đại vương chưa từng phạm lỗi lầm, nay ta chỉ có một người con mà lại bỏ ta ra đi, lòng ta sao không tan nát như người sắp chết? Khi con trẻ ở trong bụng mẹ như cành lá trên cây ngày đêm lớn dần, nuôi con tới lúc khôn lớn lại bỏ ta ra đi. Các phu nhân đều sẽ vui mừng! Vua ta không còn nể vì ta, nhưng trời sẽ không trái với nguyện của ta, xin khiến cho con ta mau trở về với đất tổ.

Thái tử cùng vợ và hai con kính lễ cha mẹ rồi ra đi. Hai vạn phu nhân dùng mỗi người một xâu trân châu kết thành chuỗi trao cho thái tử. Bốn ngàn đại thần làm tràng hoa bảy báu dâng lên thái tử. Thái tử từ trong cung phía Bắc ra khỏi cổng thành, đem tất cả tràng hoa bảy báu, chuỗi báu bố thí cho mọi người từ khắp nơi đến, trong thoáng chốc đã hết cả. Dân chúng lớn nhỏ trong nước có tới vài ngàn vạn người cùng tiễn thái tử ra đi. Họ thầm bàn với nhau: "Thái tử là bậc Thiện nhân, chính là vị thần của đất nước. Cha mẹ làm sao có thể đuổi đi người con quý giá này?".

Mọi người nghe thấy đều tiếc thương cho thái tử.

Thái tử ngồi bên gốc cây ở ngoài thành từ tạ những người đến tiễn đưa, rằng, tới nơi đây xin hãy trở về, khiến ai ai cũng khóc. Thái tử cùng vợ và hai con tự đánh xe lên đường. Đi được khá xa, họ vừa dừng chân nghỉ bên gốc cây thì có người Bà-la-môn đến xin ngựa. Thái tử đem ngựa cho người ấy rồi tự kéo lấy, đặt hai con trên xe, vợ thì đi phía sau đẩy, còn mình tự cầm càng xe kéo bộ mà đi.

Cả nhà đi được một đoạn lại gặp người Bà-la-môn đến xin xe, thái tử cho xe, rồi tiếp tục đi, lại gặp một người Bà-la-môn khác đến xin. Thái tử nói:

– Ta cho người không tiếc bất cứ thứ gì, nhưng tài sản của ta bây giờ chẳng còn gì cả.

Người Bà-la-môn nói:

– Nếu không có tài sản thì xin hãy cho tôi chiếc áo ngài đang mặc.

Thái tử liền cởi chiếc áo quý giá cho người ấy, chỉ mặc chiếc áo cũ, tiếp tục tiến bước. Lại gặp một Bà-la-môn đến xin. Thái tử đem y phục của vợ cho ông ta và đi tiếp, thì lại gặp một người Bà-la-môn khác đến xin, thái

tử bèn đem y phục của hai con cho người ấy.

Thái tử đã cho cả ngựa, xe, tiền tài, y phục hết sạch không còn gì để bố thí nữa, nhưng không hề hối tiếc, xem việc bố thí nhẹ như lông hồng. Thái tử cõng con trai, vợ cõng con gái tiếp tục đi bộ. Cả nhà cùng nhau vui vẻ đi về phía núi xa.

Núi Đàn-đặc cách nước Diệp-ba hơn sáu ngàn dặm. Trên đường rời xa tổ quốc, cả nhà của thái tử dừng nơi đồng trống hoang vu, rất đói khát, khốn khổ. Vua cõi trời Đao-lợi, là Đế Thích, ở nơi cảnh vắng vẻ ấy liền hóa ra thành quách, phố xá. Tại các ngã đường đều có ca nhạc, y phục, thực phẩm... Trong thành có người ra nghênh đón thái tử, mời ngài ở lại đây ăn uống, nghỉ ngơi và cùng nhau vui chơi.

Phu nhân thưa với thái tử:

– Đường đi quá vất vả, có thể dừng chân nơi đây được chăng?

Thái tử nói:

– Phụ vương đã đày ta vào núi Đàn-đặc, nếu ta dừng lại nơi đây là trái lệnh phụ vương, tức chẳng phải là người con hiếu.

Cả nhà cùng ra khỏi thành, quay lại nhìn, bỗng nhiên không còn thấy thành quách phố xá đâu cả. Họ lại tiến bước vào núi Đàn-đặc, phía dưới chân núi có dòng nước sâu không thể lội qua. Phu nhân nói:

– Chúng ta nên ở lại đây, đợi nước rút bớt rồi hãy đi.

Thái tử bảo:

– Phụ vương đã đày chúng ta vào núi Đàn-đặc, nếu dừng chân ở nơi đây là trái với lời dạy của phụ vương, chẳng phải là người con hiếu.

Thái tử liền nhập Tam-muội từ tâm, nơi dòng nước liền có núi lớn nổi lên ngăn nước lại, cả nhà cùng vén áo đi qua. Khi vượt qua dòng nước lớn rồi, thái tử suy nghĩ: "Nếu cứ để núi ngăn như thế này mà đi, dòng nước lớn sẽ tràn ngập giết hại muôn dân cùng những loài côn trùng bé nhỏ". Thái tử ngoảnh lại nói với dòng nước:

– Hãy chảy đi như cũ. Nếu ai muốn đến chỗ ta đều có thể lội qua được.

Thái tử vừa nói xong, dòng nước liền chảy lại như trước. Cả nhà tiến về phía rừng cây, tới núi Đàn-đặc. Núi cao chót vót, cây cối tươi tốt, sum suê, muông chim ríu rít, suối chảy, ao trong, nước ngọt, trái ngọt. Rất nhiều các loại chim rừng như Le le, chim Nhạn, chim Chá màu sắc sặc sỡ, chim Uyên ương...

Thái tử nói với vợ:

– Ta thấy trong núi này cây cối lẫn trong bầu trời, không bị gãy ngã làm hại người, uống thì có suối ngọt, ăn thì có quả ngon. Nơi đây cũng có người học đạo.

Thái tử vào núi, chim muông ríu rít đón chào ngài. Trên núi có một đạo nhân tên là A-châu-đà, đã năm trăm tuổi, là người có phước đức tuyệt vời. Thái tử đảnh lễ đạo nhân và thưa:

– Ở tại núi này nơi nào có quả ngon ngọt, dòng suối nào có thể ở lại được?

A-châu-đà đáp:

– Trong núi này nơi nào cũng là vùng phước địa có thể dừng chân. Hiện tại đây là nơi thanh tịnh. Ông vì sao mà đem vợ con đến đây? Muốn học đạo chăng?

Thái tử chưa trả lời, Mạn-đề liền hỏi đạo nhân:

– Ngài học đạo nơi đây đã bao nhiêu năm?

Đạo nhân đáp:

– Ta ở trong núi này đã bốn, năm trăm năm.

Mạn-đề nói:

– Người còn tính toán có "ngã-nhân", đến khi nào mới đắc đạo? Tuy lâu năm ở trong núi rừng cũng giống như cây cỏ mà thôi. Người không chấp trước "ngã-nhân" mới có thể đắc đạo.

– Ta thật không hiểu việc này.

Thái tử hỏi đạo nhân:

– Ông có nghe tên thái tử Tu-đại-noa, con của quốc vương Diệp-ba không?

Vị đạo nhân đáp:

– Thưa, tôi có nghe nhưng chưa từng diện kiến thái tử.

Thái tử nói:

– Ta chính là thái tử Tu-đại-noa.

Đạo nhân hỏi:

– Ngài mong cầu những chi?

Thái tử thưa:

– Ta cầu đạo Đại thừa.

Vị đạo nhân liền bảo:

– Thái tử là người có công đức như thế, chẳng bao lâu sẽ đắc đạo Đại thừa. Khi nào thái tử đắc đạo Vô thượng Chánh chân, tôi sẽ làm đệ tử có

Thần thông đệ nhất.

Đạo nhân chỉ cho thái tử chỗ ở tốt. Còn thái tử thì hỏi đạo nhân cách bện tóc kết lên đầu. Thái tử dùng nước suối, trái cây làm thức ăn uống, lấy cây làm thảo am nhỏ và thái tử cũng làm thảo am cho Mạn-đề và hai đứa con nhỏ, tất cả là ba thảo am. Đứa con trai tên là Da-lợi, lên bảy tuổi, mặc áo cỏ, theo cha. Đứa con gái tên là Tân-noa-diên, lên sáu tuổi, mặc áo da nai, theo mẹ. Chim muôn, cầm thú trong rừng đều vui vẻ quấn quít bên thái tử.

Cả nhà vừa trải qua một đêm trong núi rừng. Những ao hồ trong núi khô cạn đều chảy trở lại như suối. Những cây khô sinh lá, trổ hoa. Những loài trùng độc, ác thú đều tự tiêu diệt, loại ăn thịt nhau đều tự động ăn cỏ mà thôi. Các loài cây trái tự nhiên tươi tốt, sum suê. Hằng trăm tiếng chim kêu như khúc nhạc hòa tấu. Mạn-đề lo đi hái quả để làm thức ăn cho thái tử và hai con nhỏ. Hai đứa bé cũng rời cha mẹ đi chơi, chúng vui đùa cùng bầy thú rừng bên dòng suối. Có một đêm kia, khi đứa con trai Da-lợi cỡi trên con sư tử chơi đùa, sư tử nhảy lăng quăng làm cho Da-lợi rơi xuống đất bị thương chảy máu nơi mặt. Con khỉ thấy vậy vội đi hái lá cây đắp lên chỗ chảy máu trên mặt chú bé, rồi khỉ dẫn chú bé đến bên bờ suối rửa ráy sạch sẽ. Từ xa thái tử trông thấy, thầm nghĩ: "Loài cầm thú mà có Từ tâm như thế".

Bấy giờ tại nước Cưu-lưu có người Bà-la-môn nghèo nàn, đến bốn mươi tuổi mới lấy vợ, vợ ông ta rất xinh đẹp. Vị Bà-la-môn này có mười hai tướng xấu xí, thân hình ông ta đen như dầu hắc, trên mặt có ba tướng tiểu tụy, ngay giữa mũi dẹp lép, hai mắt lại xanh, mặt thì nhăn nhúm, môi bị sứt, nói năng lắp bắp, bụng to phình ra, chân lại cong vòng, đầu thì hói, bộ dạng giống như con quỷ, nên vợ ông ta rất ghét khi trông thấy ông. Bà nguyền rủa, mong ông ta chết. Người vợ Bà-la-môn trên đường đi lấy nước gặp các thiếu niên đang cười nói về chồng của bà có thân hình rất tức cười. Họ hỏi:

– Bà rất đẹp, tại sao lại lấy một người như thế làm chồng?

Người vợ nói:

– Đó là một lão già đầu bạc như sương, ngồi dưới gốc cây, sáng chiều tôi đều mong ông ta chết đi, nhưng không biết đến bao giờ ông ta mới chịu chết?

Người vợ mang nước trở về, vừa đi vừa khóc. Về đến nhà, bà nói với chồng:

– Tôi vừa đi lấy nước, gặp bọn thiếu niên so sánh về hình dáng hai

người rồi giễu cợt tôi. Ông hãy đi tìm nô tỳ cho tôi, tôi phải có nô tỳ để khỏi đi lấy nước và mọi người cũng không cười chê tôi.

Người chồng nói:

– Tôi quá nghèo nàn, làm sao kiếm được nô tỳ?

Người vợ bảo:

– Nếu ông không kiếm được nô tỳ cho tôi, tôi sẽ bỏ đi, không ở đây nữa.

Người vợ nói tiếp:

– Tôi nghe nói thái tử Tu-đại-noa bố thí rất nhiều, vì thế mà bị phụ vương đuổi vào núi Đàn-đặc. Ngài có một người con trai và một người con gái, ông có thể đến đó xin về.

Người chồng nói:

– Núi Đàn-đặc cách đây hơn sáu ngàn dặm. Nếu không đến núi đó thì biết tìm chỗ nào?

Người vợ lên tiếng:

– Nếu ông không tìm nô tỳ cho tôi, tôi sẽ tự vẫn cho xem!

Người chồng liền bảo:

– Thà tôi chết chứ không muốn thấy nàng phải chết như vậy. Nếu nàng muốn tôi đi thì hãy lo chi phí và lương thực cho tôi.

Người vợ nói:

– Hãy đi đi! Tôi không có của cải lương thực.

Vị Bà-la-môn tự lo liệu lộ phí và lương thực ra đi. Ông ta liền khởi hành đi đến nước Diệp-ba. Đến trước cổng hoàng cung, vị Bà-la-môn hỏi người giữ cổng:

– Thái tử Tu-đại-noa hiện nay đang ở đâu?

Người giữ cổng vào tâu với vua:

– Ngoài cổng có người Bà-la-môn đến hỏi tìm gặp thái tử.

Nhà vua nghe có người đến tìm thái tử, cảm thấy nổi giận trong lòng, nói:

– Chỉ vì bọn người này cho nên ta đã đuổi thái tử con ta, nay còn đến đây làm gì? Như lửa đang cháy còn thêm củi vào, ta đang buồn khổ cũng như lửa cháy, người đến đây hỏi thái tử giống như thêm củi vào lửa.

Người Bà-la-môn nói:

– Tôi từ xa xôi đến đây, vì nghe danh thái tử, trên từ trời xanh, dưới cho đến suối vàng, thái tử bố thí không làm trái ý một ai, cho nên tôi lặn lội

đến đây muốn cầu một điều.

Nhà vua nói:

– Một mình thái tử ở trong núi sâu, rất bần cùng khổ sở mà còn có gì để bố thí cho ngươi?

– Tuy thái tử không còn tài sản gì quý giá nhưng tôi muốn được gặp ngài.

Nhà vua liền sai người chỉ đường cho vị Bà-la-môn. Ông ta đi đến núi Đàn-đặc. Lúc đến dòng nước lớn, vừa nghĩ đến thái tử, ông ta lội qua được và vào trong núi. Người Bà-la-môn gặp một người thợ săn, hỏi:

– Ông ở trong núi có biết thái tử Tu-đại-noa chăng?

Người thợ săn biết thái tử vì bố thí cho những người Bà-la-môn nên bị đày vào trong núi. Người thợ săn bắt Bà-la-môn trói vào gốc cây, dùng roi đánh ông ta một trận, thân thể nát nhừ và mắng:

– Ta muốn bắn vào bụng ngươi, ăn thịt ngươi vì ngươi dám hỏi đến thái tử.

Người Bà-la-môn suy nghĩ: "Có lẽ ta sẽ bị người này giết chết. Ta phải tìm cách nói dối mới được". Ông liền nói:

– Ông không cần hỏi tôi sao?

– Ngươi muốn nói gì?

– Phụ vương vì muốn gặp thái tử nên sai tôi đến đây tìm gọi thái tử trở về nước.

Người thợ săn vội mở trói và xin lỗi người Bà-la-môn:

– Tôi thật không biết.

Rồi chỉ chỗ thái tử ở cho ông ta. Vị Bà-la-môn đi đến chỗ thái tử. Thái tử trông thấy ông ta đến, rất hoan hỷ, ra đón chào lễ lạy và ân cần thăm hỏi:

– Ông từ đâu đến đây? Đi đường có nhọc mệt lắm không? Đến đây cần việc chi?

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi từ phương xa đến đây, toàn thân đều đau đớn và đói khát.

Thái tử mời vị Bà-la-môn vào ngồi, rồi lấy trái cây và nước uống cho ông ta. Vị Bà-la-môn ăn uống xong, nói với thái tử:

– Tôi là người nước Cưu-lưu, từ lâu đã nghe tiếng thái tử ưa làm việc bố thí, vang danh khắp cả mười phương. Tôi rất bần cùng, muốn đến đây xin thái tử một việc.

Thái tử nói:

– Ta cho ông không yêu tiếc vật gì, nhưng hiện giờ những vật sở hữu của ta đã tặng hết rồi, nên không còn vật gì để cho cả.

– Nếu ngài không còn vật gì thì xin ngài cho tôi hai đứa con của ngài để cho nó có thể phụng dưỡng tôi lúc tuổi già.

Vị Bà-la-môn nói như thế đến ba lần. Thái tử đáp:

– Vì ông từ xa đến đây, muốn xin con trai và con gái của ta, làm sao ta không cho được.

Lúc ấy hai đứa bé đang đi chơi, thái tử gọi chúng về bảo:

– Vị Bà-la-môn này từ xa đến đây xin hai con và ta đã hứa cho. Hai con hãy đi theo ông ấy.

Hai đứa bé chạy chui vào nách cha mà khóc và nói:

– Con đã nhiều lần trông thấy Bà-la-môn, nhưng chưa từng thấy ai giống như ông này. Ông ta không phải là Bà-la-môn, đó là quỷ mà thôi. Mẹ con đi hái trái cây chưa về, mà cha lại đem con cho quỷ ăn thịt, nhất định sẽ phải chết. Lúc đó mẹ chúng con đi tìm chúng con không có, sẽ giống như trâu mẹ đi tìm trâu con.

Nói xong đứa bé kêu khóc lóc thật thảm thiết. Thái tử nói:

– Cha đã hứa cho ông ta rồi, làm sao các con ở đây được. Đây là vị Bà-la-môn chớ chẳng phải quỷ gì đâu. Ông ta không bao giờ ăn thịt các con, vậy các con theo ông ta đi.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi muốn đi ngay, vì sợ mẹ hai đứa bé về sẽ không cho chúng tôi đi. Ngài đã có lòng tốt cho tôi, nhưng mẹ chúng về sẽ làm hỏng ý tốt của ngài.

Thái tử đáp:

– Ta từ khi sinh ra đến nay, bố thí chưa từng có sự hối hận.

Thái tử đem nước rửa tay cho người Bà-la-môn rồi dắt hai con trao cho ông ta. Mặt đất chấn động, hai đứa bé không chịu đi theo, chúng chạy trở lại đến trước mặt cha quỳ xuống thưa:

– Chúng con xưa kia có tội gì mà nay gặp phải sự đau khổ này? Là dòng dõi vua chúa lại đi làm nô tỳ. Xin cha tha lỗi, nhờ nhân duyên này mà tội diệt phước sinh, đời đời không gặp như thế này nữa.

Thái tử nói với hai con:

– Trong đời, ân ái đều sẽ biệt ly. Tất cả đều vô thường, làm sao có

thể giữ mãi được. Khi nào ta đắc đạo Vô thượng bình đẳng, ta sẽ độ cho hai con.

Hai đứa bé nói với cha:

– Xin cha cho chúng con từ biệt mẹ, từ nay vĩnh biệt, hận rằng không được thấy mẹ lúc ra đi. Chúng con xưa kia có tội gì mà phải gặp nỗi đau đớn này?

Nghĩ đến mẹ mất chúng con, mẹ sẽ âu lo khổ sở biết dường nào!

Bà-la-môn nói:

– Tôi đã già yếu rồi, chúng nó sẽ bỏ tôi chạy đến chỗ mẹ chúng nó, tôi làm sao bắt được! Xin ngài hãy buộc chúng vào tôi.

Thái tử nắm tay hai đứa bé cho người Bà-la-môn tự buộc lại. Ông ta buộc chúng dính liền với nhau bằng một đầu dây. Hai đứa bé không chịu đi theo, người Bà-la-môn dùng roi đánh đập chúng, máu chảy xuống đất. Thái tử thấy vậy lệ rơi xuống đất, đất bị sôi sục lên.

Thái tử và các cầm thú đều tiễn chân hai đứa bé, đợi đi khuất mới về. Bầy thú rừng đi theo thái tử trở về đến chỗ hai đứa bé chơi đùa, kêu la vang rền và tự đập mình xuống đất.

Vị Bà-la-môn đem hai đứa bé đi giữa đường, chúng dùng dây quấn vào cây không chịu đi theo, mong cho mẹ đến. Người Bà-la-môn lấy roi đánh đập hai anh em. Hai đứa nói:

– Ông chớ đánh chúng tôi, để chúng tôi tự đi.

Hai đứa bé ngước lên trời kêu than:

– Xin thần núi, thần cây thương nghĩ đến chúng con. Nay chúng con phải đi xa, bị người bắt làm nô tỳ mà chưa kịp từ biệt mẹ. Xin hãy nói với mẹ chúng con bỏ trái cây, mau đến đây gặp chúng con.

Người mẹ hai đứa bé ở trong rừng, chân trái bị ngứa xốn xang, mắt phải lại giật và hai vú chảy sữa. Người mẹ suy nghĩ: "Ta chưa bao giờ gặp hiện tượng kỳ quái này. Ta không hái trái cây nữa, phải chạy về xem hai đứa bé con ta có ở nhà không!"

Người mẹ liền bỏ trái cây vội đi về. Lúc đó Đế Thích ở tầng trời Đao-lợi thứ hai biết thái tử đã cho con người khác, sợ người vợ sẽ làm hỏng thiện tâm của thái tử, liền hóa làm sư tử đứng dang chân chận đường. Người vợ nói với sư tử:

– Người là vua trong loài thú. Ta cũng là con vua trong loài người, chúng ta cùng ở trong núi với nhau, xin tránh ra một chút cho ta đi qua. Ta có hai đứa con đều còn nhỏ dại, từ sáng đến giờ chưa được ăn uống, chúng

đang mong ngóng ta về.

Sư tử biết vị Bà-la-môn đã đi xa, mới đứng dậy tránh đường để cho người mẹ hai đứa bé đi qua.

Người vợ trở về thấy thái tử ngồi một mình mà không thấy hai đứa bé đâu, bà đi đến căn nhà lá của hai con tìm cũng không có, bà lại vào căn nhà lá của mình tìm cũng không có con. Người mẹ ra bên bờ suối, chỗ hai con thường chơi đùa cũng tìm không thấy, mà chỉ thấy chỗ các con chơi đùa, bầy thú rừng như hươu, nai, sư tử, khỉ, vượn... đang ở trước. Mạn-đề vật vã trên đất kêu la, chỗ ao nước bọn nhỏ chơi đùa bị khô cạn.

Mạn-đề trở về nhà hỏi thái tử:

– Hai con đang ở đâu?

Thái tử không trả lời. Mạn-đề lại nói:

– Thường ngày các con từ xa trông thấy thiếp đem trái cây về là chúng chạy đến kéo thiếp xuống đất, rồi chạy lăng xăng reo lên: "A! Mẹ đã về". Chúng ngồi xuống bên cạnh, thấy trên người thiếp dính bụi đất liền lấy tay phủi sạch. Thế mà giờ này thiếp không thấy các con, các con cũng không đến bên thiếp. Hay là chàng đã đem chúng cho ai? Không thấy các con lòng thiếp rã rời. Hãy mau nói cho thiếp biết các con ở đâu, đừng làm cho thiếp phát cuồng.

Mạn-đề nói ba lần như thế mà thái tử vẫn không trả lời. Mạn-đề lại càng đau buồn nói:

– Đã không thấy hai con rồi mà chàng còn im lặng nữa, lại càng khiến cho thiếp mê sảng thêm.

Thái tử nói:

– Có một vị Bà-la-môn nước Cưu-lưu đến đây xin hai con nên ta đã cho ông ta rồi.

Nàng nghe thái tử nói, bị xúc động ngã nhào xuống đất như núi Thái sơn sụp đổ. Nàng than khóc mãi không thôi.

Thái tử nói:

– Hãy nín đi! Nàng có nhớ bản nguyện vào thời quá khứ, lúc Đức Phật Đề-hòa-yết-la không? Lúc đó ta là một người Bà-la-môn tên Bình-đa-vệ, còn nàng là nữ Bà-la-môn tên Tu-đà-la. Nàng cầm bảy cành hoa, ta đem năm trăm quan tiền bạc mua hoa của nàng vì muốn rải hoa cúng dường Phật, nàng cũng gởi cho ta hai cành hoa dâng lên Đức Phật và cầu nguyện rằng: "Xin cho tôi đời sau thường được làm vợ chàng, cho dù xấu tốt cũng không chia lìa". Lúc ấy ta nói cùng nàng: "Nếu muốn làm vợ ta thì phải tùy

theo ý của ta, đối với hạnh bố thí không trái ý người, duy chỉ cha mẹ là không đem bố thí mà thôi, ngoài ra tất cả đều có thể bố thí tùy theo ý của ta". Lúc ấy nàng trả lời với ta là được. Nay ta đem con bố thí, nàng lại làm xáo trộn thiện tâm của ta.

Người vợ nghe thái tử nói, tâm ý cởi mở và biết được túc mạng, bằng lòng theo thái tử bố thí để chóng được như ý muốn.

Trời Đế Thích thấy thái tử bố thí như vậy, muốn thử xem thái tử cầu điều gì. Trời hóa làm người Bà-la-môn cũng có mười hai tướng xấu xí, đến trước mặt thái tử nói rằng:

– Tôi thường nghe thái tử thích bố thí, tùy theo sự mong muốn không làm trái ý ai, vì thế tôi đến đây cho tôi xin người vợ ngài.

Thái tử bảo:

– Tốt! Có thể được.

Người vợ hỏi:

– Nay đem thiếp cho người, ai sẽ lo chăm sóc cho thái tử?

– Nếu ta không bố thí nàng, làm sao thành tựu được ý nguyện độ thoát vô thượng bình đẳng?

Thái tử đem nước rửa tay cho người Bà-la-môn và dắt vợ đến cho ông ta. Trời Đế Thích biết là thái tử không có lòng hối tiếc. Đất trời chuyển động và chư Thiên ca ngợi:

– Lành thay!

Khi ấy, vị Bà-la-môn dẫn nàng đi được bảy bước. Rồi dẫn trở lại gửi cho thái tử, không nhận nàng nữa. Thái tử hỏi:

– Vì sao không nhận? Hay nàng có điều không tốt chăng? Trong các người vợ, nàng là một người vợ tốt, hiện là con của quốc vương, cha mẹ nàng chỉ có một mình nàng là con gái mà thôi. Người vợ này vì ta mà dấn thân vào nước sôi lửa bỏng, ăn uống kham khổ vẫn không bỏ đi và luôn tinh cần, diện mạo lại đoan chánh. Nay người dẫn nàng đi, tâm ta mới vui.

Bà-la-môn nói với thái tử:

– Ta không phải là Bà-la-môn, ta là trời Đế Thích đến đây để thử ngài mong ước gì.

Nói xong, người Bà-la-môn hiện nguyên hình Đế Thích trang nghiêm, sáng chói lạ thường. Người vợ liền quỳ xuống đảnh lễ trời Đế Thích và xin ba điều nguyện:

1. Xin ngài khiến cho người Bà-la-môn đem hai đứa con nhỏ của con trở về bán lại trong nước của nó.

2. Xin ngài làm sao cho hai con của con không bị đói khát khổ sở.

3. Xin ngài cho con và thái tử sớm trở về lại tổ quốc.

Trời Đế Thích nói:

– Nàng sẽ được như lời nguyện ước.

Thái tử thưa:

– Con nguyện làm sao cho tất cả chúng sinh đều được độ thoát, không còn bị đau khổ trong đường sinh, già, bệnh, chết.

Đế Thích liền bảo:

– Lành thay! Sở nguyện vô thượng cao cả. Nếu người muốn sinh lên cõi trời, làm vua của mặt trời, mặt trăng hay làm vua ở thế gian được tuổi thọ lâu dài, thì ta có thể đem lại cho người như lời người ước nguyện, nhưng nếu làm tôn quý trong ba cõi thì ta không thể làm được.

Thái tử thưa:

– Bây giờ con nguyện được giàu có, thường ưa bố thí vượt xa hơn trước, khiến cho phụ vương và các quan cận thần đều mong gặp con.

Trời Đế Thích nói:

– Chắc chắn người sẽ được toại nguyện.

Nói xong, Đế Thích liền biến mất.

Vị Bà-la-môn nước Cưu-lưu dắt hai đứa bé về nhà, bị bà vợ mắng ngược trở lại:

– Tại sao lại nỡ đem hai đứa bé này về đây? Chúng thuộc dòng dõi vua chúa mà ông không có tâm nhân từ, lại đánh đập chúng đến nỗi thân thể bị chảy máu mủ và ghẻ chốc. Hãy mau đem chúng bán cho ai cần sai khiến chúng.

Ông Bà-la-môn nghe lời vợ, liền đem bán hai đứa bé. Vua trời Đế Thích đi vòng nơi phố chợ, nói: "Hai đứa bé này rất quý, không thể mua được". Chúng đang bị đói khát, trời Đế Thích dùng khí tự nhiên khiến cho hai đứa bé được no đủ. Vua trời làm Bà-la-môn đổi ý dẫn hai đứa trẻ đến nước Diệp-ba. Các quan dân cả nước Diệp-ba đều biết chúng là con của thái tử và là cháu của Đại vương. Mọi người trong cả nước đều thương xót hai đứa bé. Các quan hỏi Bà-la-môn là được hai đứa bé này ở đâu. Người Bà-la-môn đáp:

– Tôi tự đi xin được, hỏi tôi làm gì.

– Ngươi đến nước ta, ta cũng phải hỏi ngươi chứ!

Đại thần, nhân dân đều muốn đoạt lại hai đứa bé nơi người Bà-la-

môn. Trong đó có người trưởng giả can ngăn:

– Đây chính là do tâm bố thí của thái tử mới đưa đến sự thể này. Bây giờ đoạt lại hai đứa bé, có phải là trái lại bản nguyện của thái tử không? Không bằng tâu lên Đại vương, Đại vương biết được, ngài sẽ chuộc lại hai cháu.

Do đó mọi người bỏ ý định đoạt lại hai đứa bé. Các quan đến tâu với nhà vua:

– Hai cháu của Đại vương đang bị một người Bà-la-môn rao bán,

Nhà vua nghe vậy thất kinh, cho gọi người Bà-la-môn đem hai cháu vào cung. Vua và phu nhân cùng các quan cận thần, thể nữ trong hậu cung trông thấy hai đứa bé, ai nấy đều nghẹn ngào. Vua hỏi người Bà-la-môn:

– Vì lý do gì mà ngươi có hai đứa bé này?

Vị Bà-la-môn tâu:

– Tôi xin được từ nơi thái tử.

Vua gọi hai cháu và muốn ôm chúng vào lòng, nhưng hai đứa bé khóc không chịu đến. Nhà vua hỏi người Bà-la-môn:

– Ta muốn chuộc lại hai đứa bé, ngươi muốn bao nhiêu tiền?

Người Bà-la-môn chưa kịp đáp, đứa bé trai liền nói:

– Nam thì trị giá một ngàn tiền bạc và một trăm con nghé. Nữ thì trị giá hai ngàn tiền vàng và hai trăm con nghé.

Vua hỏi:

– Người nam là quý giá, vì sao mà quý nữ và khinh nam thế?

Đứa bé trả lời:

– Thể nữ trong hậu cung và vua không thân gần, hoặc xuất thân từ chỗ ti tiện, hoặc là nô tỳ, may mắn được lòng vua liền được tôn quý, ăn mặc đồ trân bảo, ăn uống trăm vị. Vua chỉ có một người con, lại đuổi vào núi sâu, ngày ngày trong cung vua vui chơi cùng các thể nữ, hoàn toàn không nghĩ nhớ đến người con duy nhất của mình. Do đó biết rõ rằng nam khinh mà nữ quý vậy.

Nhà vua nghe cháu nói mà cảm khái, xúc động, dòng lệ tuôn trào nói:

– Ta đã thua cháu. Tại sao cháu không đến ôm ta? Cháu giận ta chăng? Hay sợ ông Bà-la-môn?

– Thưa, cháu không dám oán hận Đại vương, cũng không sợ ông Bà-la-môn. Vốn là cháu của Đại vương mà nay là kẻ nô tỳ, có người nô tỳ nào dám đến ôm quốc vương? Vì thế mà cháu không dám!

Nhà vua nghe đứa bé nói như thế, càng tăng thêm nỗi bi thương, liền nói:

– Ta sẽ đền đáp cho người Bà-la-môn.

Nhà vua gọi hai cháu đến ôm vào lòng và vuốt ve khắp người chúng. Ngài hỏi hai đứa bé:

– Cha con ở trong núi ăn uống thế nào và mặc những gì?

Đứa trẻ đáp:

– Thưa, cha con hái rau và trái cây dùng làm thức ăn, mặc đồ vải gai thô, có muông chim ca hót vui vầy nên không thấy buồn phiền. Đại vương bảo người Bà-la-môn đi về.

Đứa cháu trai tâu vua:

– Người Bà-la-môn này rất đói khát khốn khổ. Xin hãy ban cho ông ta một bữa ăn.

Vua hỏi:

– Con không căm ghét người này sao? Vì sao con lại xin thức ăn cho ông ta?

Đứa bé liền thưa:

– Thưa, cha con mến đạo, lại không còn tài vật để cho, nên mới đem con bố thí. Đó là bậc đại gia của con. Con còn chưa được ông ta sai bảo để xứng với ý đạo của cha con, nay sao nỡ nhẫn thấy người đói khát mà không có tâm nhân từ. Cha con đã đem hai anh em con cho người Bà-la-môn thì Đại vương tiếc chi một bữa ăn?

Vua ban thức ăn cho người Bà-la-môn. Người Bà-la-môn ăn xong, hoan hỷ trở về nước. Nhà vua sai sứ giả hãy mau nghênh đón thái tử trở về cung. Sứ giả tuân lệnh vua đi nghênh đón thái tử. Sứ giả bị dòng nước sâu ngăn cách không lội qua được, nhưng vừa nghĩ đến thái tử, liền lội qua được.

Sứ giả đem lệnh vua báo thái tử biết là ngài hãy mau trở về nước. Vua đang mong gặp thái tử.

Thái tử đáp:

– Phụ vương đày ta vào núi trong thời hạn mười hai năm, bây giờ mới có một năm. Khi nào số năm đã đủ, tự ta sẽ trở về.

Sứ giả trở về tâu vua như thế. Vua viết thư sai sứ đem đến cho thái tử: "Con là người có trí tuệ, đi cũng phải nhẫn mà đến cũng phải nhẫn. Tại sao con giận dỗi không trở về? Con cần phải được ăn uống đầy đủ".

Sứ giả lại mang thư đi. Thái tử được thư phụ vương, kính lễ xuống

đất và đi nhiễu chung quanh bảy vòng rồi mở thư ra xem.

Trong núi rừng, các loài cầm thú nghe thái tử trở về nước, chúng chạy nhảy lăn lộn và đập xuống đất kêu la. Nước suối lại khô cạn, loài cầm thú không có sữa, muông chim lên tiếng kêu thương vì mất thái tử. Thái tử khoác áo cùng vợ trở về hoàng cung. Kẻ thù nước địch nghe thái tử trở về, họ sai sứ giả chuẩn bị đầy đủ yên cương bằng vàng bạc cho bạch tượng, đem bát vàng đựng đầy lúa bạc và bát bạc đựng đầy lúa vàng, đón thái tử trên đường về để trao lại cho ngài. Họ xin có lời từ tạ và hối lỗi:

– Vì trước đây ngu si nên chúng tôi đã xin bạch tượng, làm cho thái tử bị đày đi xa. Nay nghe tin thái tử trở về, chúng tôi rất vui mừng và xin đem bạch tượng hoàn lại cho thái tử. Xin dâng tặng thái tử lúa vàng bạc. Mong thái tử rủ lòng nhận cho để chúng tôi được tiêu trừ tội lỗi đã qua.

Thái tử nói:

– Ví như có người thết đãi thức ăn trăm món dâng cho một người, người có ăn xong nôn mửa khắp đất, há còn sạch sẽ để ăn lại được chăng? Nay ta bố thí cũng giống như người bị nôn kia, không bao giờ ta nhận trở lại. Hãy đem xe voi trở về. Cảm tạ quốc vương, người đã sai sứ giả xa xôi khó nhọc đến đây thăm hỏi ta.

Sứ giả đem xe voi trở về tâu với vua của họ như thế. Nhờ việc bạch tượng này mà kẻ thù nước địch trở thành nhân từ. Quốc vương và mọi người đều phát lòng cứu độ vô thượng bình đẳng.

Phụ vương cỡi voi ra nghênh đón thái tử. Thái tử đến trước cúi đầu kính lễ phụ vương và theo ngài trở về. Nhân dân cả nước ai cũng vui mừng, tung hoa đốt hương, treo lọng lụa, tràng phan, rưới hoa khắp đất để đợi thái tử về.

Thái tử vào cung liền đến thăm mẹ. Ngài cúi đầu kính lễ và hỏi thăm sức khỏe của mẹ. Nhà vua đem kho báu giao cho thái tử tha hồ bố thí nhiều hơn lúc trước. Thái tử bố thí không ngừng, cho đến khi đắc thành Phật quả.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Kiếp xưa của Ta đã thực hành việc bố thí như thế. Thái tử Tu-đại-noa nay chính là thân Ta. Phụ vương khi đó nay là phụ vương Ta tên là Duyệt-đầu-đàn. Người mẹ lúc đó nay là Ma-da, người vợ nay là Cù-di. Đạo nhân A-châu-đà trong núi khi ấy tức là Ma-ha Mục-kiền-liên. Trời Đế Thích tức là Xá-lợi-phất. Người thợ săn tức là A-nan. Đứa bé trai tên là Da-lợi nay là La-vân, con ta, đứa bé gái Tân-noa-diên hiện nay là La-hán Mạc-lợi-mẫu. Người Bà-la-môn xin hai đứa bé nay là Điều-đạt. Vợ người Bà-la-môn tức là Chiên-già-ma-na vậy. Ta đã cần khổ như thế vô số kiếp, thực

hành thiện nghiệp cũng vô số kiếp. Hãy đem kinh này thuyết lại cho tất cả các thầy Sa-môn về hạnh Bố thí ba-la-mật như thế.

❑

SỐ 172

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN XÂY THÁP BỒ-TÁT HIẾN THÂN CHO HỔ ĐÓI

Hán dịch: Đời Bắc lương, Sa-môn Pháp Thạnh, người nước Cao Xương.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa đến đại thành Tỳ-sa-môn Ba-la, nước Càn-đà-việt, ở hang núi Bắc sơn, thuyết pháp giáo hóa độ vô số người từ vua, quan, muôn dân đến Trời, Rồng, Bát bộ, Nhân, Phi nhân...

Khi Đức Phật thuyết giáo xong, Ngài mỉm cười, trong miệng tỏa ra hào quang thơm ngát. Hào quang có chín màu, chiếu khắp các nước, mùi hương xông lên cũng thế. Khi ấy đại chúng thấy hào quang, nghe mùi hương đều rất hoan hỷ. Hào quang ấy trở lại nhiễu quanh Đức Phật bảy vòng rồi vào lại trong miệng Ngài.

Khi ấy, Tôn giả A-nan sửa y phục, quỳ gối chắp tay bạch Đức Phật:

– Hôm nay Đức Thế Tôn hiện tướng điềm lành hy hữu này, chắc có nhân duyên đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh mong nhờ. Cúi xin Đức Thế Tôn nói *(cho con được nghe)* lý do này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Như lời ông thưa, khi chư Phật hiện tướng mỉm cười đều có nhân duyên lớn. Ông có muốn nghe không?

A-nan thưa:

– Thưa vâng, bạch Đấng Thiên Trung Thiên.

Đức Phật bảo A-nan:

– Này A-nan, thuở quá khứ chín kiếp về trước, khi ấy ở đời không có Phật, có một đại quốc tên Càn-đà-ma-đề, vua tên Càn-đà-thi-lợi, phu nhân tên Ta-ma-mục-khư, thái tử tên Chiên-đàn-ma-đề. Nước này đất rộng, người đông, giàu có an vui, tuổi thọ con người là một ngàn năm trăm năm. Thái tử phước đức, thiên hạ thái bình, không có giặc cướp, nhân dân hòa thuận không chống đối nhau. Thái tử nhân từ, thông minh trí tuệ, thông suốt các sách vở và chín mươi sáu loại đạo thuật, phong thái đường bệ. Từ

thuở ấu thơ đến khi khôn lớn, ngài thường ưa bố thí, đối với thân mạng, tài sản đều không có chút tham tiếc, lòng Từ cứu giúp đối với chúng sinh còn hơn con đỏ, lòng đại bi bình đẳng vô nhị bao trùm khắp cả mọi loài, hiếu dưỡng cha mẹ, lễ nghi chu toàn.

Lúc ấy, phụ vương tạo lập cho thái tử khu vườn cách thành không xa, diện tích vườn là tám do-tuần, có đủ loại hoa trái và những thú, chim kỳ lạ, trang nghiêm tốt đẹp. Khắp nơi trong vườn đều có suối chảy, hồ tắm, trong hồ thường có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng... Ngoài ra còn có các loại hoa sen đỏ và trắng chen lẫn. Chim Khổng tước, chim Hồng, chim Hỷ, chim Uyên ương... bay nhảy trong vườn. Hương thơm tinh khiết, trong lành và vi diệu nhất.

Một hôm thái tử cùng quần thần, bá quan và hậu phi, thế nữ lần lượt dạo chơi trong vườn, trải qua mười bảy ngày mới trở về hoàng cung. Lúc ấy trong nước có những người nghèo khổ, neo đơn, già yếu, bệnh tật, nghe thái tử trở về, họ đến ngồi bên vệ đường chìa tay về phía thái tử. Thái tử thấy thế liền đem chuỗi ngọc anh lạc và đồ trang sức trên thân cùng tiền vàng, tiền bạc, xe, ngựa, voi, bố thí hết cho những người khốn khổ. Về đến cổng thành thì thái tử chẳng còn lại vật gì, tiếc rằng người nghèo khổ còn nhiều mà không đủ bố thí. Thái tử trở về cung nghĩ đến họ, ưu tư trong lòng không buồn ăn uống.

Nhà vua hỏi thái tử:

– Con hận việc chi?

Thái tử đáp:

– Tâu phụ vương, gần chỗ đi dạo xem, con trông thấy những người nghèo khổ đến ngồi bên vệ đường để xin, con đã đem hết những vật trên thân con bố thí cho họ mà vẫn còn thiếu. Vì thế nên con buồn. Nay con muốn xin phụ vương những của cải trong kho để ban bố cho mọi người. Không biết phụ vương có bằng lòng ban cho con được như ý không?

Vua nói:

– Kho tàng của quốc gia để phòng bị cho việc cần, không nên đem dùng riêng.

Sở nguyện không thành, thái tử càng buồn gấp bội. Cận thần của thái tử tên là Xà-da thấy thái tử bỏ ăn, buồn rầu áo não liền đến quỳ tâu:

– Thần có mười ngàn tiền vàng, dâng lên thái tử tùy ý xử dụng. Xin ngài chớ lo cho những người nghèo, xin ngài hãy ăn uống lại. Nếu tiền vàng không đủ, thần sẽ bán thân để cung phụng thái tử.

Cận thần Xà-da đem mười ngàn tiền vàng dâng cho thái tử. Thái tử sai người đem tiền vàng bố thí cho những người nghèo, mười ngàn tiền vàng hết sạch mà vẫn còn thiếu, họ trở lại tâu cho thái tử biết. Tiền vàng đã hết mà người nghèo vẫn còn nhiều. Khi ấy, thái tử sai cận thần tìm trong kho riêng, lại được mười ngàn tiền vàng đem bố thí cho người nghèo nhưng vẫn còn thiếu.

Thái tử suy nghĩ: "Nỗi khổ của con người đều do bần cùng, cầu không được thật là khổ. Bây giờ ta nên bán thân thể đáng yêu này để cứu khổ cho mọi người, làm cho họ được an vui". Nghĩ như thế rồi, thái tử cởi bỏ áo quý giá, mặc vào chiếc áo cũ tầm thường, lặng lẽ ra khỏi kinh thành, đi thẳng vào một nước khác tên là Bồi-đề-xá, tự bán thân cho một người Bà-la-môn được một ngàn tiền vàng. Thái tử đem số tiền này bố thí cho những người nghèo.

Người Bà-la-môn sai thái tử đem xe vào rừng chặt củi ra chợ bán. Sau một thời gian dài hái củi, ở trong núi thái tử được một khúc gỗ Ngưu đầu chiên-đàn nặng một trăm cân. Khi ấy quốc vương nước đó vốn mắc bệnh hủi, bao nhiêu thuốc thang bùa chú đều không thể bớt bệnh. Nhà vua nổi giận nói:

– Dùng thuốc làm gì? Hễ người có trăm bệnh đều có thuốc để chữa trị. Tại sao có một bệnh này mà không chữa khỏi? Hãy đem các thầy thuốc ra chợ xử trảm.

Khi ấy có một thầy thuốc cúi đầu tâu vua:

– Nay vua chỉ có một loại thuốc để trị bệnh này nhưng trong thế gian này rất khó có. Tuy tôi có nghe tên thuốc nhưng chưa thấy bao giờ.

Vua hỏi:

– Tên thuốc đó là gì?

Thưa:

– Tâu đại vương, tên Ngưu đầu chiên-đàn.

Vua nói:

– Làm người hành nghiệp, tội phước không đồng. Nếu người có phước thì sẽ có thuốc này.

Nhà vua tuyên bố khắp nơi: Ai có thuốc này ta sẽ chia cho phân nửa nước để đổi lấy thuốc.

Người Bà-la-môn gọi người giúp việc nói:

– Từ ngày ngươi đến đây bán củi cho ta, tuy có thu hoạch nhưng chẳng được bao nhiêu, không bằng món lợi phú quý bây giờ. Quốc vương

có bệnh, sẽ đem nửa nước đổi lấy thuốc Ngưu đầu chiên-đàn. Ngươi có thể đi kiếm thuốc Chiên-đàn này đem dâng lên đại vương, ắt sẽ được như ý. Ta cùng ngươi đều được lợi lạc.

Khi ấy, người giúp việc đem Ngưu đầu chiên-đàn dâng lên quốc vương. Nhà vua được thuốc đem mài và xoa chà lên mình, bệnh hủi liền khỏi. Nhà vua rất hoan hỷ, thần dân cả nước đều được nhờ ân vui mừng.

Nhà vua triệu tập quần thần mở hội bố thí, phóng thích tù nhân, bố thí cho người nghèo thiếu, tất cả đều được an vui. Nhà vua sai đại thần phá nửa cung điện và đốc suất cho dân trong nước đem vàng, bạc, châu báu, tiền tài, ngũ cốc, vải vóc, nô tỳ, xe cộ, voi ngựa, trâu dê... phân hai. Trang nghiêm hàng trăm xe báu, ngựa cỡi ngàn con, tổ chức ca múa hát xướng, hương hoa, tràng phan, thức ăn uống trăm vị để rước người giúp việc về nước. Nhà vua mời người giúp việc đó cùng ngồi trên một tòa báu, bày tiệc ăn uống, ca múa hát xướng vui chơi. Vua hỏi người giúp việc:

– Ta thấy khanh có tướng oai phong, phước đức thù thắng hơn người. Vì sao ở nơi hạ tiện, xin nói cho ta nghe.

Người giúp việc tâu:

– Lành thay, nếu ngài muốn nghe ta sẽ nói. Đúng như điều ngài nghi ngờ, ta vốn không phải là người đi làm mướn. Ngài có nghe vua nước Càn-đà-ma-đề có thái tử tên Chiên-đàn-ma-đề, thích bố thí không?

Vua đáp:

– Ta có nghe nhưng chưa từng gặp.

Thái tử nói:

– Ta chính là thái tử Chiên-đàn-ma-đề.

Nhà vua nghe thái tử nói, càng kính trọng gấp bội, liền hỏi:

– Vì lý do gì mà Ngài đến nỗi này?

Thái tử trả lời:

– Ta thích bố thí, của cải của quốc vương đã hết mà vẫn chưa đủ, người nghèo khổ còn nhiều nên ta không toại nguyện, vì thế ta bỏ nước ra đi, tự đem thân bán.

Vua nói:

– Phàm làm người, hành động đời trước tùy theo nghiệp thọ quả báo, tu thiện thì an vui, làm ác thì chịu khổ, chẳng phải việc của ngài nên làm. Chẳng phải lệnh của cha mẹ, vì sao lại bỏ đất nước, với danh vọng lớn mà lặn lội vào chỗ hiểm nạn? Sự việc như thế này trong thiên hạ ít có. Chắc là có ý gì khác, xin ngài nói cho tôi biết.

Thái tử đáp:

– Ta vốn phát tâm thệ độ khắp quần sinh, thực hành các Ba-la-mật để cầu đắc quả giác ngộ.

Vua liền khen:

– Lành thay, xin rất tán thán.

Thái tử bảo nhà vua:

– Bây giờ ta đem đất nước trả lại cho ngài. Chỉ xin một điều, mong ngài không trái ý ta.

Vua hỏi:

– Thái tử mong điều chi?

Thái tử bèn đáp:

– Ta muốn đem của cải, tiền bạc trong kho của nhà vua bố thí cho tất cả những người bần cùng, già cả cô độc, trăm bệnh gầy yếu. Mặc ý cho ta bố thí trong năm mươi ngày, với công đức này, ngài cùng ta chung hưởng.

Vua liền nói:

– Rất tốt! Tiền bạc, của cải tùy ngài bố thí. Ta đã thưởng một nửa giang san cho công lao của ngài nên ta đâu dám nhận.

Thái tử bảo:

– Lành thay! Ngài cho ta của cải, ta xin dâng đất nước lại cho ngài. Ta thì thích bố thí mà niềm vui của ngài là quốc gia. Tính chất con người và vật chất khác nhau cho nên ý muốn không giống nhau.

Nhà vua nói:

– Hạnh nguyện của thái tử thật rộng sâu, ta không thể sánh bằng. Khi nào ngài đắc đạo xin tế độ cho ta.

Thái tử sai truyền rao khắp nước: Nếu có người nghèo cùng, già yếu cô độc, hãy đến nơi đây.

Khi ấy thái tử sai người mở các kho tàng, vận chuyển của cải đặt trên bãi đất bằng phẳng, bố thí cho người nghèo trọn năm mươi ngày. Những người nghèo được giàu có, ai nấy đều vui vẻ.

Lúc ấy tại nước Càn-đà-ma-đề, sau khi thái tử bỏ đi, quần thần sợ hãi, kêu khóc tâu vua:

– Đêm qua bỗng mất thái tử, không biết ngài đi đâu!

Vua nghe tâu như thế, từ trên ngai rơi xuống bất tỉnh. Mọi người trong cung, các hoàng phi, thể nữ... và quần thần, dân chúng ai cũng kinh ngạc, buồn thương ảo não, cất tiếng khóc than, chạy khắp các hướng kiếm

tìm thái tử. Phu nhân của vua sợ mất thái tử quay quắt như cuồng, cùng với các hoàng phi khoác y phục vội vã chạy ra khỏi hoàng thành, chạy khắp các hướng Đông, Tây kiếm tìm thái tử. Nhà vua sợ phu nhân nhớ con, buồn rầu có thể liều mạng, liền cùng các quần thần chuẩn bị xe ra khỏi hoàng thành đi tìm phu nhân và tin tức thái tử.

Đi ra khỏi nước mười dặm, nơi đồng cỏ hoang vắng, nhà vua trông thấy phu nhân và các cung nữ đi theo đang đấm ngực khóc la, đầu tóc rối bù, mặt mày sưng húp, vạch khắp cỏ cây kiếm tìm thái tử. Nhà vua trông thấy cảnh tượng này, lòng càng thêm đau xót, tiến đến nắm tay phu nhân nước mắt tuôn trào, khuyên can bà:

– Con ta Từ tâm phước đức, thích bố thí, đem của cải cho hết, không oán thù, bao nhiêu của cải vật chất đã cho hết mọi người mà không đủ nên nó thường ôm lòng ray rức vì không có vật bố thí. Bây giờ con ta lén bỏ đi, chắc là đến nước khác tìm của cải để bố thí hoặc đem bán thân cung cấp cho khắp những người nghèo thiếu. Thôi, phu nhân hãy trở về cung, chớ nên buồn rầu, ta sẽ sai sứ sang các nước hỏi han tin tức, chắc chắn sẽ tìm được thái tử trở về.

Phu nhân trách:

– Tại nhà vua bỏn xẻn tiếc của, không thương nghĩ đến con. Bây giờ Ngài có thể đem tiền của thay cho con được không?

Vua nói:

– Ta đã lỡ để mất con, bây giờ hối hận sao kịp. Thôi, hãy trở về hoàng cung, chắc chắn là thái tử không mất đâu. Ta sẽ đích thân đi khắp nơi tìm được con về.

Phu nhân rơi lệ nói:

– Bây giờ con đã mất, thiếp biết sống thế nào! Thà chết nơi đây chứ không về nữa. Thiếp nghĩ đến con mình thì không biết đói khát ra sao, tuy gặp bệnh khổ cũng không cho là họa hoạn. Giờ trở về hoàng cung nương cậy với ai?

Các hậu phi của thái tử đầu bù tóc rối, gọi đất kêu trời, tìm kiếm khắp không thấy thái tử. Họ đành nuốt lệ dập đầu kêu trời:

– Thiên địa, nhật nguyệt, cha mẹ, thần linh! Nếu con có tội gì nay đều xin sám hối. Xin cho con sớm được gặp chồng con.

Lúc đó quốc vương hết sức kéo phu nhân và hậu phi thái tử lên xe trở về cung.

Khi ấy thái tử từ nơi nước khác xa xôi, đôi mắt, tay chân bị máy động

ba lần, trong tâm buồn sợ giống như quên mất điều chi, liền từ giã vua kia, trở về bổn quốc. Nhà vua sai quan cận thần trang hoàng một trăm xe báu và một ngàn con ngựa, mười ngàn tiền vàng, mười vạn tiền bạc. Vua có năm trăm vị đại thần đem mười ngàn tiền vàng và mười vạn tiền bạc để tặng thái tử. Vua cùng mười ngàn vạn vị quần thần tiễn thái tử đến vùng biên giới, bày tiệc lớn cùng nhau vui vẻ tạ từ rồi chia tay.

Thái tử nghĩ: "Từ nhỏ đến giờ chân ta không bị giật và mắt không bị máy, nhưng vừa qua ta bỏ đi không từ tạ cha mẹ, chắc chắn cha mẹ và mọi người trong nước sợ mất ta cho nên buồn rầu khổ não. Bây giờ ta phải đi gấp để biết tin tức". Rồi lại nghĩ: "Đường sá xa xôi không thể đến nhanh được, chỉ sợ cha mẹ quá lo nghĩ mà bệnh nặng hoặc chết. Ta phải làm cách nào để nhắn tin thật nhanh đến cho cha mẹ ta hay".

Khi ấy có chim quạ nói giỏi tiếng người, thưa thái tử:

– Người có đạo đức cao dày, ân từ nhuần thấm khắp nơi, sao lại lo không có cách? Ngài muốn việc chi tôi sẽ giúp ngài?

Thái tử đáp:

– Ta muốn nhờ một việc ngay bây giờ.

Quạ liền nói:

– Xin vâng lệnh.

Thái tử bảo:

– Phiền ngươi hãy mang thư này đến phụ vương ta.

Quạ nói:

– Thật đúng lúc, ngài nên viết gấp đi.

Thái tử viết thư xong trao cho quạ. Quạ ngậm thư nơi mỏ rồi bay thẳng đến nước Càn-đà-ma-đề, đặt thư trước nhà vua. Vua mở thư đọc, biết được tin thái tử nên rất vui mừng, liền vào cung nói với phu nhân:

– Ta báo cho nàng biết là thái tử không mất. Không quá vài ngày nhất định nàng sẽ gặp được con.

Phu nhân nghe xong như người chết sống lại, vỗ tay chúc mừng cho tất cả mọi người được an ổn vui vẻ, sở nguyện thành tựu, tuổi thọ lâu dài.

Lúc ấy quần thần trong nước và mọi người lớn nhỏ trong hoàng tộc nghe tin thái tử trở về đều tung hô "vạn tuế". Nhà vua cùng vài ngàn vạn quần thần chuẩn bị lên đường đi rước thái tử. Đi giữa đường thì gặp nhau, thái tử thấy phụ vương thì bước xuống xe báu, tiến tới trước làm lễ sát đất và tâu trình phụ vương:

– Đạo làm con bất hiếu làm nhọc lòng bậc tôn quý, kinh động quốc

gia. Rất mong mọi người tha thứ.

Vua nói:

– Rất tốt!

Cha con gặp nhau mừng mừng tủi tủi, cùng mọi người quay xe trở về hoàng cung. Nhân dân cả nước đều rất vui mừng. Những người hành khất nghèo nàn ở các nước xa xôi nghe tin thái tử trở về có nhiều tiền bạc đều kéo đến xin thái tử.

Thái tử sai người khiêng gánh tiền của đặt ở vùng đất trống bằng phẳng nơi đường lớn để ngài bố thí cho những người nghèo. Trong suốt một năm, hàng ngày bố thí không dứt. Mọi người ở khắp mọi nơi đến xin đều được như ý.

Khi ấy phụ vương và các quần thần nói với thái tử:

– Từ nay trở đi, kho tàng châu báu của quốc gia, tùy ý con cần dùng chớ có ngại. Đức bố thí thì xa gần đều quý trọng. Kẻ oán địch hay người độc ác nghe công đức của thái tử, tự nhiên họ sẽ tu thiện.

Lúc bấy giờ có vị Tiên đạo sĩ chứng ngũ thần thông tên Dũng Mãnh, cùng với năm trăm đệ tử ở trong hang đá lớn, trên ngọn núi này tu thiền hành đạo, chí cầu giác ngộ và thoát các khổ đau. Họ giáo hóa mọi người khiến tu thiện nghiệp. Thái tử Chiên-đàn-ma-đề đem trăm món thức ăn uống lên núi cúng dường các đạo nhân ấy.

Vị Tiên chú nguyện và thuyết pháp cho thái tử, thái tử phát tâm hoan hỷ, chí muốn giải thoát nên không muốn về nước nữa. Ngài nhìn lại cung thất thì sinh tư tưởng thấy như địa ngục, vợ con quyến thuộc như gông cùm, xem năm dục lạc tưởng là địa ngục. Suy nghĩ như thế thái tử liền cởi chuỗi ngọc anh lạc và y phục trang sức trên thân và giao ngựa xe, đoàn tùy tùng lại cho quan cận thần bảo họ trở về nước. Từ đó thái tử mặc áo da nai vào ở trong núi, theo thầy học đạo, miệt mài suy tầm phương pháp tu hành.

Khi ấy cận thần của thái tử về nước tâu vua:

– Thái tử lên núi cúng dường Tiên nhân và ở luôn trên đó học đạo, không chịu trở về cung. Khi nào thái tử thông suốt kinh sách, chú thuật, ngài sẽ trở về.

Nhà vua nói:

– Thật khổ thay! Người đời có con đến nỗi vui sướng, nhờ cậy lúc tuổi già, giúp nước trừ hoạn. Ta có đứa con này lại thường ôm lòng lo khổ, nó không muốn phú quý, hoặc gần bà con. Đứa con gây phiền muộn này chẳng biết theo đường nào.

Nhà vua triệu tập quần thần cùng bàn luận vấn đề này. Các quan tâu:

– Thái tử ưa học đạo, không tham vinh hoa ở đời, chí vui giải thoát nên không trở về nước, chẳng biết thế nào. Đại vương nên sai người đến dò hỏi ý của thái tử, nếu ngài dứt khoát không về, chúng ta nên tùy ý ngài.

Nhà vua sai sứ giả đưa thư đến thái tử: "Ta đợi con như người khát nghĩ đến uống. Ý con thế nào mà ở luôn trong núi không về? Mẫu hậu và các hậu phi khóc than mong ngóng, họ đau buồn không còn biết gì cả. Bổn phận làm con là làm vui lòng cha mẹ, không nên khổ nghịch như thế. Hãy theo sứ giả trở về." Sứ giả tuân lệnh đến tâu trình thái tử. Thái tử nói với sứ giả:

– Vạn vật vô thường, thân này không tồn tại dài lâu. Hạnh phúc gia đình cũng chịu nỗi khổ biệt ly. Tánh mạng do trời không được tự tại, một khi vô thường đến dù là cha con cũng không thể cứu giúp được nhau. Ta nay mong cầu giải thoát để thoát ra các khổ. Ngày nào đắc đạo, ta sẽ độ mẹ cha trước hết. Ta ở đây không xa, có lúc cũng về thăm viếng mẹ cha. Lòng ta đã định, xin đại vương nên tìm người kế vị. Khanh hãy về tâu lại với phụ vương ta đầy đủ những lời ta nói.

Nhà vua triệu tập quần thần để lập lại ngôi vị thái tử. Khi ấy Vương phu nhân và hậu phi, thể nữ thị tùng của thái tử, đem những vật dụng trang sức và y phục của thái tử cùng với những thức ăn uống đặc sắc, hương hoa, ca nhạc... lần lượt đi lên núi, đến chỗ thái tử ở, cúng dường cơm cho các Tiên chúng và đón thái tử.

Phu nhân nói:

– Phàm người ta trồng lúa bắp để phòng khi đói, đào giếng đợi lúc khát, xây thành ngăn giặc và nuôi con nhờ cậy lúc già. Bây giờ con không về nước, mạng sống ta khó toàn.

Thái tử quỳ xuống tâu phu nhân:

– Con từ giã gia đình vào ở trong núi, thay hình đổi dạng, như thức ăn nhổ ra khỏi miệng không dùng trở lại. Đạo sĩ sống nơi thanh vắng, đối với đất nước không tham gia, ý con đã định không thể thay đổi. Thà nát thân nơi đây chứ con không bao giờ trở về. Xin mẹ lúc trở về sẽ tu tập như vậy.

Phu nhân và hậu phi của thái tử thấy ngài ý chí bền chắc, không có ý trở về cung. Họ buồn bã gạt lệ ra về.

Lúc đó quốc vương chỉ trông phu nhân bảo được con trở về, cùng các quần thần ra ngoài đứng đợi, nhưng chỉ thấy phu nhân và các hậu phi thái tử đầu tóc rối bù, đấm ngực kêu la theo xe không trở về. Nhà vua càng buồn

hơn, quần thần và mọi người ai nấy đều khóc, quay xe về cung. Quốc vương giảng giải cho phu nhân và hậu phi thái tử:

– Con ta thích con đường đạo, thế gian thật khó có. Tâm Từ ban rải, khắp cả được nhờ ân, thật là bậc tài giỏi, phi phàm, quý báu của đất nước này. Nay thái tử đã vui sống nơi núi rừng, dốc chí tu hành, lại được an ổn, thỉnh thoảng gặp nhau. Vả lại chúng ta và thái tử cách nhau không xa mấy, chúng ta sẽ đem thức ăn đến và biết được tin tức của con cũng tạm an ủi rồi.

Phu nhân nghe vua khuyên can, giảm bớt lo buồn. Từ đó bà sai người thường đem thực phẩm và các thứ trái cây ngon quý vào núi cúng dường thái tử. Trải qua nhiều năm như thế, thái tử cũng thường xuống núi hỏi thăm sức khỏe mẹ cha, rồi lại vào núi tu tập.

Ven núi thái tử ở có một hang rất sâu, dưới đáy hang đó có con hổ mẹ vừa sinh bảy con. Lúc ấy trời mưa tuyết nhiều, hổ mẹ ôm con đã nhiều ngày trôi qua không đi tìm thức ăn được, vì sợ con chết rét nên chịu đói ôm con. Tuyết rơi không dứt, mẹ con hổ bị đói sắp chết. Bị ngọn lửa đói bức bách, hổ mẹ trở lại muốn ăn con. Khi ấy chư Tiên đạo sĩ trên núi thấy sự kiện này, cùng khuyên nhau rằng:

– Ai có thể xả thân cứu giúp chúng sinh, nay thật đúng lúc.

Thái tử nói:

– Lành thay, ta nguyện làm việc này.

Thái tử đi đến ven núi, cúi đầu nhìn xuống hang sâu, thấy hổ mẹ ôm con bị tuyết phủ đầy, phát khởi tâm đại bi, đứng yên trên hang núi tịch nhiên. Thái tử đến đầu núi lặng nhập định, liền được vô sinh pháp nhẫn thanh tịnh, xem thấy việc vô số kiếp quá khứ, vị lai. Ngài trở về thưa thầy và năm trăm bạn đồng học:

– Con nay xả thân này, xin tất cả tùy hỷ cho con.

Thầy đáp:

– Con mới học đạo tri kiến chưa rộng, sao vội bỏ thân đáng yêu quý này?

Thái tử thưa:

– Bạch thầy, xưa kia con phát nguyện xả bỏ ngàn thân, từ trước đến nay con đã xả chín trăm chín mươi chín thân. Hôm nay con xả thân này là đủ ngàn thân, xin thầy tùy hỷ cho con.

Thầy đáp:

– Chí nguyện của ngươi cao vời không ai sánh kịp, chắc rằng sớm

đắc đạo, không còn trở lại trầm luân.

Thái tử từ biệt thầy ra đi.

Lúc đó thầy và năm trăm vị Thần tiên đạo sĩ đồng học nước mắt đong đầy tiễn thái tử đến ven đầu núi. Lúc ấy có trưởng giả Phú Lan cùng năm trăm người đem thức ăn lên núi cúng dường, thấy thái tử xả thân, khóc lóc xót thương, cũng đi theo thái tử lên núi.

Thái tử ở trước mọi người phát đại nguyện:

– Ta nay xả thân cứu mạng sống chúng sinh, nhờ công đức này chóng thành giác ngộ, được thân Kim cang, Pháp thân vô vi, thường, lạc, ngã, tịnh. Những ai chưa độ khiến đều được độ, những ai chưa ngộ làm cho họ ngộ, những ai chưa an thì làm cho họ được an. Hiện tại thân này là vô thường, khổ não, là chỗ chứa nhóm các độc hại. Thân bất tịnh này chín lỗ thường chảy đầy, bị nọc độc của độc xà tứ đại cắn mổ, bị năm bọn giặc cướp đuổi theo làm hại, thân này không được trở lại, nếu cao lương mỹ vị và năm dục lạc cung dưỡng thân này, thì sau khi chết không có quả báo thiện, ngược lại bị đọa địa ngục, chịu khổ vô cùng. Thế nên thân này chỉ có đau khổ, không được an vui.

Thái tử chê trách vô số lỗi về thân xong, lại phát nguyện:

– Nay ta đem máu thịt cứu giúp hổ đói kia, còn lại cốt xá-lợi, sau này chắc chắn mẹ cha ta sẽ xây tháp khiến cho tất cả bệnh khổ của chúng sinh, do nhân duyên tội cũ nên thuốc thang, châm chích vẫn không khỏi bệnh, đến chỗ tháp ta chí tâm cúng dường, tùy bệnh nặng nhẹ không quá trăm ngày sẽ được dứt trừ. Nếu lời nguyện chân thật không dối thì chư Thiên mưa hương hoa xuống.

Chư Thiên đáp lời, liền mưa hoa Mạn-đà-la và mặt đất rung chuyển. Thái tử cởi áo da nai che kín đầu mặt, chắp hai tay, gieo thân trước hổ. Khi ấy, hổ mẹ ăn được thịt của Bồ-tát, mẹ con đều sống. Các người đứng yên trên miệng hang nhìn xuống thấy thái tử bị hổ ăn thịt, thịt xương vung vãi, kêu la vang dội khắp núi rừng, hoặc có người đấm ngực, lăn lộn dưới đất, hoặc có người thiền định tư duy, hoặc có người dập đầu sám hối thái tử.

Bấy giờ chư Thiên Thủ đà hội cùng Thiên đế Thích, Tứ Thiên vương... Nhật Nguyệt chư Thiên mấy ngàn vạn người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Họ trỗi ca nhạc, đốt hương, rải hoa Mạn-đà-la cúng dường thái tử và xướng lên rằng:

– Lành thay, Đại Bồ-tát! Chẳng bao lâu sẽ ngồi đạo tràng.

Họ xướng ba lần như thế rồi trở về Thiên cung. Năm trăm Tiên nhân đều phát ý đạo Vô thượng Chánh chân, đại sư Thần tiên đắc Vô sinh pháp

nhẫn.

Đại vương và phu nhân, sáng sớm sai sứ đem thức ăn lên núi cho thái tử. Đến chỗ thất đá thái tử thường ở, sứ giả chỉ thấy ngọa cụ, áo da nai, lọng che, bình bát, tích trượng, bình nước, chậu nước rửa... đều ở trong thất, nhưng không thấy thái tử đâu. Sứ giả hỏi khắp mọi người nhưng không ai trả lời, chỉ thấy đông đảo Tiên nhân hướng về vị thầy mà khóc. Còn vị thầy Tiên nhân hai tay chống má, nước mắt chứa chan, ngồi than thở.

Sứ giả đi giáp vòng hỏi khắp, không có ai trả lời, ông ta hoảng sợ, liền đem thức ăn cúng cho các vị Tiên, rồi chạy về tâu với phu nhân những sự kiện trên. Phu nhân hỏi:

– Không thấy con ta nhưng có thấy các vị Tiên không?

Thưa:

– Tâu lệnh bà, tôi chỉ thấy đông đảo các vị Tiên cùng hướng về một phía mà khóc.

Phu nhân la lên:

– Tai họa! Con ta chết rồi!

Phu nhân đấm ngực kêu lớn, chạy đến báo nhà vua. Vua nghe xong từ trên ngai rơi xuống, bất tỉnh nhân sự. Mọi người tụ tập bên nhà vua, dập đầu khuyên can:

– Thái tử ở trên núi chưa rõ thực hư thế nào, sao ngài xúc động thế. Xin đại vương hãy bình tỉnh.

Mọi người từ vua, phu nhân, hậu phi, thế nữ, cận thần, quan dân... vội vã khoác áo chạy lên núi. Lúc ấy trưởng giả Phú Lan cũng đến báo nhà vua:

– Hôm qua thái tử đã gieo thân xuống vực thẳm cho hổ ăn thịt, nay chỉ còn xương vương vãi trên đất.

Khi ấy, Trưởng giả dẫn vua đến chỗ đống xương thái tử. Nhà vua cùng phu nhân, hậu phi, thế nữ, quần thần và dân chúng đều cất tiếng khóc than chấn động cả hang núi. Vua và phu nhân phủ phục trên tử thi thái tử, tâm can tan nát, sầu khổ mê man.

Phu nhân của thái tử nâng đầu sửa lại tóc cho thái tử, tâm can tan nát, kêu khóc nói:

– Bậc tôn quý của ta vì sao mạng bạc chết sớm, hôm nay vĩnh biệt không bao giờ thấy lại. Thà làm cho thân ta tan nát như tro bụi, chớ khiến cho chồng ta phải chết thế này. Thái tử đã chết, ta còn sống làm gì!

Các quan tâu vua:

– Thái tử bố thí thệ độ quần sinh bị quỷ vô thường xâm đoạt, thi thể ngài chưa thối rữa, chúng ta nên thiết lễ cúng dường.

Nhà vua cho nhặt hài cốt của thái tử ra khỏi vực sâu, đem để nơi đất bằng, chất gỗ thơm Chiên-đàn và các loại gỗ thơm khác, các loại dầu thơm, tràng phan, bảo cái đẹp dùng để thiêu thái tử. Họ nhặt lấy xá-lợi đựng trong bát quý và xây bảy tháp báu, đem các vật quý giá để trang hoàng tháp. Bốn phía tháp này ngang rộng mười dặm, được trồng những hàng cây hoa quả; có suối chảy, ao tắm trang nghiêm trong sạch. Nhà vua thường sai bốn bộ ca nhạc ngày đêm trỗi nhạc cho vui để cúng dường tháp này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Thái tử lúc đó nay là Ta, phụ vương lúc đó nay là phụ vương Ta tên Duyệt-đầu-đàn, phu nhân lúc đó nay là Ma-da, hậu phi nay là Cù-di, đại thần Xà-da tức là A-nan. Vị Đại sư thần tiên trên núi ấy nay là Bồ-tát Di-lặc, vua Bùi-đề-xá nay là Nan-đà, người Bà-la-môn tức là La-vân. Bồ-tát Di-lặc từ xưa đến nay thường làm thầy Ta, vì Ta bố thí không tiếc thân mạng, cứu giúp chúng sinh cho nên vượt trước thầy chín kiếp, nay đạt đến quả Phật cứu độ vô số.

Khi Đức Phật thuyết kinh này, Trời, Rồng và tám vạn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng bình đẳng, tám ngàn thầy Tỳ-kheo dứt trừ các lậu ràng buộc, được chứng đạo chánh chân. Vua cùng quần thần, Trời, Rồng, Quỷ, Thần nghe lời Phật dạy, đều rất hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 173

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA THÁI TỬ PHƯỚC LỰC

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thí Hộ.

QUYỂN 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến rừng An-đà, ngồi bên một gốc cây. Ngài dừng lại nơi đây cả ngày, an nhiên thiền tọa.

Lúc ấy, chúng Bí-sô ở trong rừng nhóm họp nơi một ngôi nhà ngồi theo thứ tự. Đó là Tôn giả A-nan, Tôn giả Văn Nhị Bách Ức, Tôn giả A-nê-lâu-đà, Tôn giả Xá-lợi Tử...

Các chúng Bí-sô như thế khi đã tập hợp đầy đủ rồi, các ngài mới nói với nhau:

– Mọi người ở thế gian tu tập những gì để đạt được nhiều ích lợi?

Tôn giả A-nan nói:

– Nếu người tu tập về hạnh nghiệp sắc tướng sẽ đạt được nhiều ích lợi.

Tôn giả Văn Nhị Bách Ức nói:

– Nếu người tu tập về hạnh nghiệp tinh tấn sẽ đạt được nhiều ích lợi.

Tôn giả A-nê-lâu-đà nói:

– Nếu người tu tập về phương tiện khéo léo sẽ đạt được nhiều ích lợi.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

– Nếu người tu tập về hạnh nghiệp trí tuệ sẽ đạt được ích lợi.

Khi nói như thế rồi, các bậc Tôn giả lại nghĩ: "Chúng ta nêu lên những ý kiến sai khác, không giống nhau, nhưng mỗi ý kiến này đều được kiến lập tối thắng. Nếu đem những vấn đề này đến thỉnh vấn Đức Thế Tôn, chắc chắn Ngài sẽ giảng nói cho chúng ta và chúng ta sẽ phụng trì theo lời dạy của Ngài. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn là Đấng Đạo Sư có thể đoạn trừ các nghi hoặc của chúng ta, cho nên Ngài là Đấng Đại Bi. Ví như ánh sáng mặt trời xóa tan bóng tối âm u, dùng Nhất thiết trí để phá trừ nghi hoặc, giải trừ lưới khổ và cứu độ chúng sinh, làm cho tất cả trở về chánh đạo. Đức Phật

xem mọi loài cũng như con một của Ngài. Trong tất cả pháp đều tự tại và đem tất cả pháp làm lợi ích (cho quần sinh). Đấng Đại Mâu-ni tôn quý có thể chấm dứt sự nghi hoặc cho tất cả. Ngài luôn luôn giải trừ mọi hoài nghi của chúng ta. Vì thế chúng ta nên đến thỉnh vấn Ngài".

Các Bí-sô bàn nhau như thế rồi, muốn đến gặp Phật. Lúc ấy Đức Thế Tôn ở trong rừng, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh vượt hơn mọi người, nghe các thầy Bí-sô nhóm họp, luận bàn những vấn đề như thế, Ngài xuất thiền rồi đi đến chỗ các thầy Bí-sô. Các thầy Bí-sô ra trước nghênh đón Đức Thế Tôn, thiết tòa phụng thỉnh Đức Phật an tọa, Ngài bảo các thầy Bí-sô:

– Này các Bí-sô, vừa rồi Ta nghe các thầy cùng nhau bàn luận: "Mọi người ở thế gian tu tập những gì để đạt nhiều ích lợi". Đầu tiên A-nan nói tu tập về sắc tướng sẽ đạt nhiều ích lợi, Văn Nhị Bách Ức nói tu tập về tinh tấn sẽ đạt nhiều ích lợi, A-nê-lâu-đà nói tu tập về phương tiện khéo léo sẽ đạt nhiều ích lợi, Xá-lợi Tử nói tu tập về trí tuệ sẽ đạt nhiều ích lợi. Khi nói như thế rồi, các thầy Bí-sô lại nghĩ: "Chúng ta nêu lên những ý kiến sai khác, không giống nhau nhưng mỗi ý kiến này đều được kiến lập tối thắng. Nếu đem những vấn đề này đến thỉnh vấn Đức Thế Tôn, chắc chắn Ngài sẽ giảng nói cho chúng ta và chúng ta sẽ thực hành theo lời dạy của Ngài". Sự việc như vậy, đúng không?

Các Bí-sô bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, thật đúng như vậy. Chúng con cùng nhóm họp để bàn luận về vấn đề này. Cúi mong Ngài khai mở giải thích nỗi hoài nghi cho chúng con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên khởi phát này nên nói kệ:

Sắc tướng, công xảo và tinh tấn
Trong đó trí tuệ là tối thắng
Nếu các hữu tình tu nhân phước
Sẽ đạt phước quả lớn vô cùng.

Nói kệ đó xong, Đức Phật bảo các Bí-sô:

Này các Bí-sô, như có người đối sắc tướng... theo đó mà tu tập thì chẳng phải là tất cả trường hợp và tất cả lúc đều đạt được nhiều ích lợi, người nào tu phước lực thì trong trường hợp nào và trong lúc nào cũng đạt nhiều ích lợi.

Này các Bí-sô, ngoài phước lực này Ta không thấy một pháp nào mà các chúng hữu tình theo đó tu tập đạt nhiều lợi ích. Vì sao? Này các thầy Bí-sô, Ta nhớ thời quá khứ có ông vua tên Nhãn Lực, ở trong vương thành, khéo cai trị nước, oai thần rộng lớn, an khang thịnh vượng, nhân dân phồn

thịnh. Vua có hoàng hậu tên Quảng Chiếu, có nhan sắc xinh đẹp vô cùng nên ai cũng thích nhìn.

Một hôm, hoàng hậu và vua cùng gặp gỡ vui vẻ chơi đùa, do đó sinh được một người con vóc dáng xinh đẹp, mọi người ưa nhìn. Vì có sắc đẹp tuyệt hảo, thù thắng hơn người, đủ sắc tướng của cõi trời, đời đời thái tử này trồng nhân duyên về sắc đẹp, do đó, đầy đủ sắc tướng tuyệt đẹp, nên được đặt tên là Sắc Lực.

Tiếp đến thời gian sau, hoàng hậu sinh được ba người con: Người thứ nhất có đủ hạnh tinh tấn. Người thứ hai có đủ sự khéo léo. Người thứ ba có đủ trí tuệ.

Lại nữa này các Bí-sô, cuối cùng hoàng hậu Quảng Chiếu có một người con gá thai. Ngày ấy, trong cung vua bỗng có các loại trân bảo từ trời rơi xuống. Lại có các loại màn châu báu trang nghiêm vi diệu cùng lúc xuất hiện che trên vua và hoàng hậu.

Vua Nhãn Lực trông thấy sự kiện hy hữu như vậy rất lấy làm ngạc nhiên trong lòng, liền cho gọi các thầy tướng hỏi:

– Những tướng trạng kỳ đặc, hy hữu này là như thế nào?

Vị thầy tướng tâu:

– Tâu Đại vương nên biết, vương hậu có con là bậc Thánh gá thai, người con này có phước lớn, có đủ oai đức và danh tốt.

Nhà vua nghe xong vô cùng mừng rỡ. Sau đó hoàng hậu Quảng Chiếu suy nghĩ và nói:

– Hay thay! Bây giờ ta muốn ngồi trên tòa sư tử thượng diệu, có bạch lọng che và cây phất trần báu.

Hoàng hậu đem ý này tâu với vua, tâm vua sinh vui mừng, ra lệnh mọi người trong ngoài cung thành, khắp nơi đều trang nghiêm, trong sạch như ý hoàng hậu muốn, tất cả đều thực hiện như thế.

Lại một hôm hoàng hậu suy nghĩ và nói:

– Nay ta đến chỗ nhiều vàng bạc, châu báu và ở trên đó, tùy ý lấy dùng, tự chọn vàng bạc đem bố thí cho tất cả mọi người được đầy đủ của cải châu báu khiến không có ai bị thiếu thốn.

Vua nghe việc này, tùy thuận theo ý hoàng hậu.

Một hôm hoàng hậu lại suy nghĩ và nói:

– Sung sướng thay, bây giờ ta muốn phóng thích cho tất cả những ai bị trói buộc, tù tội.

Nhà vua nghe việc này, tùy thuận theo ý hoàng hậu, ra lệnh trong và

ngoài phóng thích tất cả người bị trói buộc, tù tội.

Một hôm hoàng hậu suy nghĩ và nói:

– Vui thay, bây giờ ta muốn đi dạo nơi vườn cây.

Nhà vua nghe việc này, chiều theo ý hoàng hậu, hạ lệnh dọn sạch vườn cây để hoàng hậu dạo xem.

Một hôm hoàng hậu suy nghĩ và nói:

– Vui thay, bây giờ ta ở trước mọi người trong cung này.

Do ý nghĩ đây, hoàng hậu nói lên lời thành thật:

– Nếu ta thật sự có phước báo thù cúi xin Thiên nhân hãy mau cho ta tòa sư tử thù thắng, trang nghiêm vi diệu. Nếu được ngồi ở trên tòa này, ta sẽ tuyên thuyết pháp yếu cho tất cả mọi người.

Hoàng hậu nói như thế xong, bỗng nhiên chư Thiên hiện ra các tướng hy hữu.

Khi ấy vua Nhãn Lực ở trong cung nghe được việc này liền ra lệnh khắp cả nội, ngoại vương thành đều phải sạch sẽ trang nghiêm. Tất cả mọi người đều mặc y phục sạch sẽ và trang sức xinh đẹp, mỗi người đem tràng hoa, hương quý đến tập họp nơi hoàng cung. Hoàng hậu Quảng Chiếu trang sức bằng các vật tốt đẹp thù thắng vi diệu, cung tần quyến thuộc theo hầu chung quanh, hoàng hậu ra trước mọi người, tướng hảo trang nghiêm giống như Thiên nữ. Tất cả mọi người đều đến chiêm ngưỡng và sinh vui mừng.

Khi ấy, vương hậu đối với các loài hữu tình khởi tâm Từ, ngước nhìn hư không, dùng gia trì lực chân thật kia thuyết kệ:

Thiên chủ, nhân chủ và giải thoát
Là ba phước lực rất tối thắng
Nay do phước lực chân thật này
Xin trời mau ban tòa sư tử.

Vương hậu thuyết kệ xong, trời bỗng giáng xuống tòa sư tử thắng diệu và tung rải hoa đẹp. Chư Thiên trên không trung rất hoan hỷ. Mọi người trông thấy sự kiện cực kỳ đặc biệt hy hữu đều sinh ưa thích, vui vẻ, cùng nhau tán thán, thuyết kệ:

Hy hữu thay đại phước, đại lực
Tất cả mọi người nay cúng dường
Nhân gian mong cầu, trời thành tựu
Chỉ Thiên phước lực là trên hết.

Khi ấy hoàng hậu Quảng Chiếu sinh tâm hoan hỷ, ngồi lên tòa sư tử. Lúc hoàng hậu lên tòa thì trên mặt đất chấn động sáu cách. Tòa sư tử ấy từ

đất vọt lên trụ trên hư không, cao khoảng bảy người. Lại có các trân bảo trang nghiêm thù thắng vi diệu, màn giăng che phủ trên tòa. Mọi người trông thấy tướng phước lực tốt đẹp thù thắng này sinh lòng hân hoan, mỗi người đem tràng hoa, hương quý cung kính chắp tay dâng lên vương hậu, tâm họ thêm lợi lạc, ngồi xuống trước tòa, lắng nghe thọ trì lời vương hậu thuyết giáo.

Vua Nhãn Lực trông thấy sự kiện như vậy rất hoan hỷ, Ngài cùng các quan thân cận cung kính chắp tay ngồi theo thứ tự. Hoàng hậu Quảng Chiếu thuyết kệ:

Người nên tu tập các nhân phước
Như thế thực hành chớ gián đoạn
Tùy theo lợi lạc khi bố thí
Do nhờ phước tạng được diệu lạc.

Lúc hoàng hậu thuyết kệ xong, trên không trung tự nhiên có tiếng ca ngợi:

– Người nay khéo nói, khéo nói lời cao thượng.

Trong không trung tấu lên những âm nhạc khả ái vi diệu. Vua Nhãn Lực cùng mọi người nghe thuyết kệ, khi ấy tự nhiên trời thả xuống y phục và đồ dùng trang nghiêm, rơi trên thân mỗi người. Nhà vua và mọi người đem y phục tốt đẹp này dâng lên hoàng hậu, tất cả cùng nói lên lời tán thán:

– Khéo nói, khéo nói!

Ngay khi ấy, Vương hậu từ nơi tòa sư tử ở trên không từ từ đi xuống an ổn trên đất, nhạc trời ngưng trổi, lại tấu âm nhạc nhân gian. Nhà vua và mọi người sinh lòng tôn kính, cung phụng đầy đủ và rất hoan hỷ. Khi ấy hoàng hậu Quảng Chiếu trở lại trong cung! Sau khi hoàng hậu vào cung, tòa sư tử kia ẩn mất trong không. Mọi người rõ ràng trông thấy tướng lành như trên, hoan hỷ tán thán:

– Lạ thay, phước lực đủ, oai đức lớn! Lạ thay, phước lực là quả ngon ngọt!

Khi ấy, hoàng hậu ở trong cung, chấm dứt các vọng tưởng suy niệm, cho đến mười tháng trọn vẹn, khi bình minh vừa xuất hiện thì đản sinh thái tử. Thái tử có sắc tướng đoan nghiêm, ai thấy cũng ưa nhìn. Lúc ấy mặt đất chấn động sáu cách, nơi cung vua tự nhiên trên không trung trời mưa bảy loại trân bảo. Nội, ngoại vương thành và tất cả khắp nơi đều có mưa các loại y phục trời tốt đẹp, trời mưa hoa vô cùng đẹp đẽ, vừa ý. Cây khắp nơi sinh trái, trổ hoa, mưa lành bay lất phất, rưới xuống nơi nơi, gió thổi nhè nhẹ khắp cả mọi miền.

Thái tử vừa sinh ra đặt yên trên mặt đất, tức thời Tứ đại Thiên vương dùng oai thần làm đất nứt ra, vọt lên một tòa sư tử làm bằng các báu tốt đẹp trang nghiêm để nâng thái tử. Thiên chủ Đế Thích dùng lọng trời vi diệu và mưa các cây phất trần quý để che trên thái tử, Thiên chúng Đao-lợi hoặc rải các y phục trời tốt đẹp và màn báu, mưa rải các loại trân bảo, hoặc y phục trang nghiêm, hoặc đồ trang sức, đẹp hoặc hoa trời xanh tốt, hoặc các vòng hoa và hương bột, hương xoa, hoặc âm nhạc trời phát ra tiếng ca thánh thót.

Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma dùng thần lực trời làm cho khắp nơi trong, ngoài thành không còn những thứ gai gốc, đá sỏi, mà được trải lụa thêu, trang nghiêm ngọc anh lạc, được dựng các tràng phan quý vi diệu, khắp nơi đều rưới nước hương chiên-đàn trong sạch, các bình hoa hảo hạng được đặt giáp vòng chung quanh, rải các loại hoa, cho đến trang hoàng tất cả những gì làm vui lòng người. Lại có một trăm voi lớn từ nơi đồng trống tự nhiên đi vào cung vua, đứng ở nơi chuồng. Lại có một trăm con trâu đi đến cánh đồng, không dùng cày bừa, tự nhiên dựa vào thời tiết tất cả hạt giống sẽ tự chín muồi. Lại ở dưới tòa sư tử có năm kho tàng lớn chứa đầy châu báu, mở cửa kho tàng lấy dùng tùy tiện, không bao giờ hết.

Lại nữa, tất cả những hữu tình oan đối khi ấy chỉ trong thoáng chốc đều hướng về tâm Từ. Lúc đó, thái tử do sức túc mạng sinh ra oai đức thần thông rồi, liền quan sát bốn phương, nói kệ:

Người nên tu tập các nhân phước
Như thế thực hành chớ gián đoạn
Tùy thời ưa thích hành bố thí
Do nơi phước tạng được diệu lạc.

Lúc ấy, trong không trung riêng có một số chư Thiên, thấy việc phước lực quảng đại thần thông, oai đức hy hữu thù đặc này, sinh ra vui mừng, thân tâm yêu thích, cho nên phát khởi phước oai lực, thuyết kệ:

Tứ đại Thiên vương, các Thiên tử
Thiên chủ của Đao-lợi thiên cung
Các phước lực kia quý vô cùng
Thấy được thắng phước sinh hoan lạc.

Khi ấy, vua Nhãn Lực cùng các cung tần, thị vệ, quyến thuộc, đại thần kỳ cựu..., thấy rõ tướng cát tường thù thắng như thế, đều lấy làm ngạc nhiên, nói:

– Lạ thay! Thái tử có phước lực lớn. Lạ thay! Thái tử có đủ danh xưng lớn. Nay sinh trong cõi người mới có tướng trạng cát tường, quảng

đại, thù thắng của cõi trời như thế đồng thời xuất hiện.

Nhà vua vui mừng và rất yêu thương con, ngài ra lệnh cho người thủ kho:

– Các ngươi hãy mở kho tàng của ta, xuất tất cả vàng bạc, châu báu, ta sẽ bố thí và chúc lành cho tất cả mọi người, khiến cho họ đều được của cải, châu báu, đầy đủ. Mọi người vì ta ca ngợi điều thiện vi diệu, làm sự phước, sau đó ta nguyện đời đời tích tập thắng phước cát tường. Bây giờ ta đặt tên cho thái tử.

Nhà vua nói với các quan cận thần:

– Nay chúng ta nên đặt tên cho thái tử là gì?

Các vị đại thần phò tá tâu:

– Tâu đại vương, khi thái tử mới sinh, xuất hiện nhiều điều phước lực cát tường thù thắng. Vì thế nên đặt cho thái tử là Phước Lực.

Nhà vua liền truyền lệnh đặt tên cho thái tử là Phước Lực và giao thái tử cho tám vị nhũ mẫu: hai vị lo việc bồng bế, hai vị lo việc bú mớm, hai vị lo việc tắm rửa, hai vị lo việc chơi đùa. Tám vị nhũ mẫu này chăm sóc thái tử đúng thời, nuôi nấng, cho bú, tắm rửa và chơi đùa... Ngoài ra còn có các nhạc cụ tốt đẹp, cung cấp tất cả, cho thọ dụng đầy đủ, mong sao thái tử chóng lớn.

Như hoa sen tinh khiết sống ở ao hồ, thái tử dần dần lớn lên, học tập các sách, nghiên cứu nghĩa lý sâu xa vi diệu nơi các bậc thầy dòng dõi Sát-đế-lợi, cho đến tất cả các bậc học giả, các môn học đều thông đạt, nhưng thái tử thâm tín, hiền thiện, nội tâm thanh tịnh, mọi hành vi của ngài luôn hàm chứa lòng bi mẫn tự lợi, lợi tha. Đối với pháp tự tại, thương xót, cứu vớt loài hữu tình, làm các việc bố thí, không hề chứa để. Thái tử buông xả tất cả, không có một mảy may nào mà không xả bỏ.

Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng cô độc, những người nghèo thiếu xin ăn, hoặc có người đến xin máu thịt thân mình, thì khi ấy thái tử đối với những người đến xin, liền khởi tâm Từ quán như hư không và suy nghĩ: "Vui thay, nay ta sẽ làm cho người đến xin được mãn nguyện, tùy thuận thí cho, huống là vàng bạc, châu báu, thực phẩm, y phục, tràng hoa, hương xoa, các thứ ngọa cụ... và tất cả các vật cần dùng. Ta nguyện tất cả những gì ta nghĩ đều xuất hiện để ta bố thí cho tất cả mọi người đến xin, khiến ý nguyện của ta thành tựu viên mãn".

Vì thái tử đầy đủ phước đức cho nên danh xưng lan khắp cõi Diêm-phù-đề, dưới đến Long cung, trên suốt cõi Phạm thiên, tất cả đều nghe.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA THÁI TỬ PHƯỚC LỰC

QUYỂN 2

Sau đó, thái tử Phước Lực cùng với bốn người anh đến khu ngự uyển dạo chơi, nhưng giữa đường có hàng ngàn ngạ quỉ miệng nhỏ như lỗ kim, ở lưng chừng núi. Dung mạo của quỷ gầy xấu giống như bộ xương, khắp thân lửa cháy. Các quỷ vây quanh con người nhưng họ không thấy, chỉ có thái tử Phước Lực thấy tướng trạng họ đầu tiên. Các quỷ chắp tay tiến đến bạch thái tử:

– Ngài là bậc đại phước đức, có danh tiếng lớn, là người bi mẫn. Chúng tôi đói khát, bị khổ não bức bách, xin ngài cấp cho chúng tôi chút ít phần ăn uống. Chúng tôi đời trước tạo nhân keo kiệt nên trong đời này dọa vào cõi ngạ quỉ, vô số ngàn năm không được uống nước, huống gì là trông thấy thức ăn.

Khi ấy, thái tử Phước Lực ngước nhìn hư không, liền khởi tâm Từ bi: "Vui thay cho ta, nếu bây giờ trời giáng ít thực phẩm, ta sẽ cấp cho các ngạ quỉ đói này". Khi ấy bỗng nhiên có nhiều thức ăn từ trời rơi xuống. Thái tử Phước Lực liền đem các thức ăn này đến cho quỷ đói. Do các nghiệp lực đời trước nên chúng không thấy thức ăn, đều nói:

– Chúng tôi từng nghe thái tử là bậc từ bi, tại sao hôm nay không đem thức ăn cho chúng tôi?

Thái tử đáp:

– Ta đem thức ăn của trời giáng xuống trao cho các ngươi, tại sao các ngươi không lấy?

Ngạ quỉ thưa:

– Thưa thái tử, chúng tôi vì nghiệp lực đời trước nên không thấy được thức ăn.

Thái Tử Phước Lực lại suy nghĩ: "Xót thay sự keo kiệt! Thật đáng ghét!". Ngài nói:

– Nếu các phước báo có năng lực lớn, vì ta như vậy nên nói lời chân thật, thì khiến cho các ngạ quỉ này được thấy thức ăn, thích ứng cho tất cả

đều có thể lấy thức ăn.

Thái tử nói xong, các ngạ quỉ đó đều thấy được thức ăn, tức thì ngạ quỉ được biến hóa vẻ mặt như người. Thái tử Phước Lực sinh tâm hoan hỷ, liền đem thức ăn ban cho các loài ngạ quỉ, chúng được thức ăn rồi, hết sự đói khát, thân thể thật đầy đủ, không còn hình xấu ác. Đối với thái tử phước Lực, các loài ngạ quỉ khởi ý thanh tịnh hoan hỷ, nên mạng chung ngay lúc ấy, chúng được sinh lên trời Đâu-suất, xoay quanh nơi không trung, bạch với thái tử:

– Thưa thái tử, chúng tôi được sinh lên trời Đâu-suất đều nhờ oai thần của ngài tạo nên.

Thái tử Phước Lực nghe những lời nói tốt đẹp này, rất vui vẻ. Ngài đi về phía vườn cây có các người anh ở đó, cùng nhau bàn bạc:

– Mọi người trong thế gian tu tập thế nào để đạt nhiều lợi ích?

Người anh có sắc đẹp hoàn hảo nhất nói:

– Trong thế gian này, nếu ai tu tập hạnh nghiệp sắc tướng sẽ đạt nhiều lợi ích. Vì sao biết? Vì nếu người nào trước đây chưa từng trông thấy, bây giờ trông thấy, liền sinh hoan hỷ. Người nào trước đây chưa từng tín trọng, thấy rồi sinh tín trọng. Như ta trước đây nghe bậc thầy Tiên nhân cũng nói như thế. Nếu có người đầy đủ sắc tướng xinh đẹp, được mọi người vui thích nhìn thấy sắc đẹp, chiêm ngưỡng, ưa vui, giống như người trí ưa pháp tối thượng, bày các sự cúng dường.

Tiếp đến, người anh có đầy đủ sự tinh tấn, nói:

– Chẳng phải tu sắc tướng sẽ đạt được nhiều lợi ích đâu, ở đây nên biết, nếu người tu tập hạnh nghiệp tinh tấn sẽ đạt nhiều lợi ích. Vì sao? Vì nếu tu sắc tướng mà không tinh tấn thì làm sao trong đời này và đời khác có thể đạt kết quả như ý! Hoặc cho rằng người tu tập sắc tướng đạt nhiều lợi ích, đó là người ngu, bị si kiến che phủ. Như ta nói: hành nghiệp tinh tấn, trong hiện đời được kết quả như ý mong muốn. Cũng như người nông phu trồng trọt đem bán thu lợi, kẻ sĩ thọ lộc, người học thông giáo nghĩa, tu tập thiền định, được khinh an, là nhờ hiện đời tinh tấn nên được kết quả như ý. Lại nữa, người tinh tấn ở trong đời khác được thành tựu kết quả như ý, sinh vào nẻo thiện và sinh lên cõi trời, giàu có an vui, hiện chứng giải thoát, đều do đời khác tinh tấn nên thành tựu như ý. Tất cả công đức này đều lấy tinh tấn làm điểm tựa. Lại nữa, người tinh tấn có thể đối trị sự khiếp nhược. Nếu vận dụng tinh tấn thì không một pháp nhỏ nào mà không thành tựu.

Người có đầy đủ phương tiện khéo léo, nói:

– Này các nhân giả, tuy nói nhiều ý kiến nhưng thật ra không có ý kiến nào ta công nhận. Vì sao? Vì nếu người tinh tấn mà không có khéo léo thì cuối cùng không đạt được kết quả thiết thực. Nếu thực hành cả tinh tấn và phương tiện khéo léo mới có thể thành tựu kết quả. Vì thế nên biết, người tu tập hạnh nghiệp khéo léo sẽ được nhiều lợi ích. Lại nữa, người có đầy đủ khéo léo, hoặc là vua, quan, hoặc là Sa-môn, Bà-la-môn, Trưởng giả... cho đến người thuộc dòng họ thấp và các người khéo léo đều đến hiến cúng.

Tiếp theo, người có trí tuệ đầy đủ nói:

– Các người nên biết, người tu tập đạt nhiều lợi ích chẳng phải là sắc tướng, cũng chẳng phải tinh tấn, chẳng phải khéo léo. Vì sao? Khi xem sắc tướng nếu không có trí tuệ, thì tuy cũng tương tự nhưng không thực chất. Khi khởi tinh tấn, nếu không có trí tuệ, tuy được lợi ích nhưng không thành công. Khi làm khéo léo nếu không có trí tuệ, thì tuy có tu tập nhưng không thể thu nhiếp hộ trì. Vì thế nên biết, trí tuệ có khả năng thành tựu tất cả sự nghiệp, nếu người tu tập sẽ đạt nhiều lợi ích. Lại nữa, trí tuệ này có thể được sắc tướng, có thể thành tựu những sự khéo léo, có thể phát khởi tinh tấn, có thể đạt được tất cả sự tuyệt diệu trong cõi người.

Lúc ấy, thái tử Phước Lực vui vẻ nhìn người có đủ trí tuệ mà nói:

– Đúng thế, đúng thế! Những lời ngài nói rất đúng. Bởi vì có sắc tướng, khéo léo, tinh tấn mà không có trí tuệ thì không thể đạt nhiều lợi ích. Thế nên biết rằng, trí tuệ có công năng bao quát tất cả các quả như thật... Thưa nhân giả, trí tuệ này nếu không có phước lực thì thực hành các việc cũng không thành tựu. Thế nên biết chính xác rằng: Nếu người tu phước, được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì phước là quả vị thuần nhất, phước là quả vị sáng chói, phước là quả khả ý, phước là quả hoan hỷ. Quả phước như vậy, công đức của nó ta không thể nói hết được. Nay vì các ngài muốn khiến được mở bày đối với phước môn, nói một phần nhỏ. Các ngài khéo nghe, do vì có phước nên được sắc tướng, phước đầy đủ tinh tấn, phước được cát tường và giàu có lớn, phước đầy đủ trí tuệ, phước có thể ca vịnh công đức chánh pháp, phước có đủ thông lợi, phước đưa đến chánh đạo, phước sinh dòng họ tôn quý, phước được túc niệm, phước đủ tiếng khen, phước viên mãn giới hạnh, phước hay bố thí, phước thường được các căn không hư hoại, phước thường vui vẻ, có phước thường nhận bậc trí cúng dường, phước đầy đủ các lực, phước thường hội ngộ thiện hữu tri thức, phước lực có thể làm tất cả sự nghiệp. Nghĩa là nếu cày cấy ruộng đồng hoặc buôn bán cầu lợi, công đức bố thí chút ít sẽ đạt nhiều tích tập, được giàu sang tự tại. Người có phước có thể trong khoảng một niệm, trên hư không tự nhiên

mưa xuống y phục, thực phẩm và trân bảo, tất cả được đầy đủ, tùy theo đó được an vui. Phước được nhà cửa vừa ý tốt đẹp, phước ở trong đời hiện tại và sinh vào đời khác thường được vợ con, quyến thuộc xinh đẹp và tài sản, thực phẩm...

Vùng đất nào người có phước đi, tự nhiên không có gai gốc, đá sỏi, đi đứng bình an. Người phước cũng được thân tướng cao lớn. Nếu có người bệnh hoạn, khi người phước sờ tay vào, bệnh theo đó giảm dần. Lại nếu người phước xúc chạm vào người nào, liền có thể nơi người ấy tuôn ra thực phẩm, y phục, trân bảo, của cải, lúa gạo... cấp dùng không hết. Người phước thường được Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, quỷ... theo hộ vệ. Giống như khi mưa có thần che chở cây cỏ mới mọc, sự thủ hộ cũng như vậy. Người phước thường được nhiều người tôn trọng, yêu thích. Phước có tiếng khen, phước làm cho người ca ngợi, phước thường hay đầy đủ các phần thiện pháp. Người phước nói năng ai cũng tin thuận, người phước thường được rạng rỡ đáng yêu, người phước thường phát ra phạm âm vi diệu, người phước thân thể tự nhiên mềm mại, người phước thường phát ra lời nói hiền thiện đẹp đẽ. Người phước thường gặp bạn lành, người trí, không phá hoại bà con, người phước không bệnh, người phước được mọi người yêu mến, người phước được tài lợi, người phước mạnh khỏe.

Người có phước lớn được làm nhân vương đầy đủ tất cả, lìa các tật bệnh, người phước thường được giàu có không hư hại, người phước gặp được kho tàng lưu động, đầy đủ bảy báu, người phước có thể đi trong hư không, người phước oai quang bằng nhật nguyệt, người phước được thành Nguyệt thiên, người phước được thành Nhật thiên, người phước được thành Phạm vương, người phước được thành Đế Thích, người phước có thể sống trong lầu gác Thiên cung, giống như Thiên tử. Người có thế lực lớn như A-tu-la vương, người phước thường sinh nẻo thiện, người phước xa lìa đường ác, người phước thường được diệu hoa cao tột khó có vừa ý, người phước làm việc gì cũng thành tựu, người phước có thể làm các ánh sáng soi chiếu thế gian, người phước thường được trời, người, A-tu-la… chánh tín cúng dường.

Khi thái tử nói về các việc phước này, bốn người anh theo quan điểm khác, tu tập bất đồng, do đó thái tử lại nói:

– Bây giờ em muốn cùng các anh đi dần đến nước khác, tùy theo chỗ ở để chứng nghiệm vấn đề này, là nên tu tập nhiều về sắc tướng tinh tấn, công xảo, trí tuệ hay phước lực?

Bốn người anh nghe thái tử nói, đều thực hành theo mà không tâu

cho phụ vương biết, họ qua đến nước khác, vào nước kia rồi, họ thay đổi trang sức, mỗi người đi tìm chỗ nghỉ ngơi.

Khi ấy người có sắc tướng đầy đủ, vì có sắc đẹp nên mọi người ngắm nhìn đều sinh hoan hỷ, do đó đạt được sự giàu có sung mãn, thọ dụng của cải lợi dưỡng.

Người tinh tấn đầy đủ vì có sức mạnh nên có thể lấy những gì cần có. Bỗng nhiên ông ta thấy trong một con sông lớn, dòng nước chảy xiết, sông vừa sâu vừa rộng đáng sợ, có cây gỗ thơm Chiên-đàn rất lớn. Người tinh tấn lấy được cây gỗ này, đem bán được tiền, trở thành giàu có, thọ dụng của cải, lợi dưỡng.

Người khéo léo đầy đủ dùng sức khéo léo làm được các việc, do đó được giàu có, thọ dụng của cải lợi dưỡng.

Người trí tuệ đầy đủ, vì có trí tuệ tinh xảo có khả năng cởi mở những thù oán sâu nặng, lại thường thân cận người có tài lực làm vui lòng họ khiến sinh hoan hỷ, theo đó nhận được y phục, thực phẩm và của cải quý giá... như thế thọ dụng khoái lạc của cải lợi dưỡng.

Thái tử Phước Lực tùy theo thắng phước và sức đại oai đức của mình đi khắp nơi ban bố phước sự lợi ích. Một hôm, tình cờ đi ngang nhà người nghèo, thái tử đi vào trong nhà, do oai lực phước đức của thái tử nên căn nhà nghèo ấy bỗng có tướng tốt đẹp an lành to lớn xuất hiện đó là vàng, bạc, châu báu, gạo thóc đầy khắp chung quanh. Người nghèo trong nhà đó thấy thế rất lấy làm lạ và hoan hỷ, suy nghĩ: "Việc này từ xưa chưa từng có, do đâu sinh ra, từ đâu mà đến? Chẳng lẽ người này vào trong nhà ta và do oai lực của ông ấy mà đưa đến sự việc này chăng? Xưa nay ta chịu rất nhiều sự nghèo khổ, nay được lợi lớn, tất cả đều đầy đủ, ắt là do người này đem đến đây, làm cho trong nhà ta hiện tướng tốt đẹp. Người này có đại phước, có danh tiếng lớn, phải nên tôn trọng, cúng dường người này."

Vì thế, người nghèo này tôn kính, thờ phụng liên tục không gián đoạn. Thái tử ở trong nhà người nghèo này rất giàu sang và được khoái lạc, mãi đến một thời gian sau, tiếng lành đồn xa, mọi người bảo nhau: "Có một nhà kia trước đây rất nghèo khổ, có một người khác vào trong nhà này, vì nhờ oai lực của ông ta, nhà đó bỗng nhiên hiện tướng tốt đẹp". Mọi người nghe xong đối với thái tử Phước Lực sinh lòng tin tôn trọng, cùng nhau ca ngợi:

– Lạ thay thắng phước, có năng lực lớn, lại do phước đức oai lực của thái tử nên ở nơi đó cây cối trổ hoa kết trái, không có tội lỗi, mưa lành rưới khắp, hạt giống sinh trưởng sum suê tươi tốt.

Khi ấy mọi người đối với thái tử Phước Lực sinh lòng kính yêu, đều

đến chiêm ngưỡng ngài. Thái tử vì những người này thu nhiếp tâm họ và suy nghĩ: "Vui thay, hôm nay ta ở trong nhà này có thể có được tất cả trân bảo và các loại nhạc cụ. Ta có được những vật tinh xảo vừa ý, ta hãy đem cho những người đến đây, khiến cho họ được đầy đủ".

Lúc thái tử phát tâm như thế, theo ý nghĩ tức thì những vật trân bảo… đều hiện ra tràn đầy. Mọi người trông thấy kinh dị, khen ngợi:

– Lạ thay! Đại phước là quả thơm ngon!

Đối với thái tử mọi người đều sinh lòng tôn trọng. Khi ấy thái tử vì mọi người, đúng theo nhu cầu, dùng Tứ nhiếp pháp bình đẳng nhiếp trì, khiến cho tất cả đều hòa hợp, gọi là đồng nhất về bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Vì thế tiếng tốt của ngài vang khắp đất nước, từ thành thị đến thôn quê, làng xóm.

Cho đến một hôm, thái tử đi dần đến một nước kia, thấy nhà vua nước này trị phạt một người, đó là một thầy thuốc giỏi. Nhà vua ra lệnh quan cai ngục hủy hoại thân thể, chặt hết chân tay; tội nhân máu ra lênh láng, đau đớn khổ não. Lúc ấy người bị trị phạt kia trông thấy thái tử, cất tiếng kêu la thật lớn, khóc lóc nói:

– Nhân giả cứu tôi! Nhân giả cứu tôi!

Trước sự kiện này thái tử rất xót xa, ngài suy nghĩ: "Bây giờ ta phải tìm cách nào để cứu khổ người này". Giữa lúc suy nghĩ thái tử bỗng sinh trí giải: Ta đã có phước lực về bố thí như thế gian hiện thấy."

Suy nghĩ như thế, trong lòng thái tử đầy xúc động xót thương, liền hủy thân mình, máu ra rất nhiều, đưa cho người kia uống, khỏi hẳn sự đau đớn khổ não, thái tử lại thấy tay chân ông ta bị chặt rất là khổ não, Ngài dùng dao bén chặt tay chân mình ráp vào chỗ tay chân của người kia đã bị chặt.

Khi ấy, thái tử quan sát hư không và khắp tất cả loài hữu tình, theo đó khởi Từ tâm, liền phát nguyện chân thật rộng lớn:

– Ta ở đời này đã gặp rất nhiều phần nghiệp bất thiện, nếu những lời ta nói là chân thật thì nguyện cho chỗ bị chặt tay chân của người này, ngay bây giờ các chi tiết dính lại với nhau, bình phục như cũ.

Thái tử phát nguyện xong, các chi phần người kia liền liên kết lại với nhau, thân thể đầy đủ hoàn toàn, bình phục như trước. Thái tử thấy vậy lấy làm mãn nguyện, ngài suy nghĩ: "Ta tinh cần dũng mãnh, việc làm được thành tựu, chích máu nơi thân, cứu khổ người này, chặt cả tay chân mình nối lại các chi phần cho người ấy. Lại dùng sức đại nguyện chân thật, khiến cho thân mạng người kia hoàn toàn bình phục như cũ. Ta nguyện đem căn

lành tối thượng này thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ đem pháp vị trao cho người kia, cứu cánh được trụ nơi Niết-bàn an lạc.

Khi thái tử phát nguyện, tất cả đại địa chấn động sáu cách. Cung trời Đế Thích cũng chấn động như vậy. Lúc ấy Thiên chủ Đế Thích suy nghĩ: "Hiện tượng gì đây?". Thiên tử quán sát mới thấy thái tử Phước Lực làm cái việc vô cùng cao tột và khó khăn, ông hoan hỷ ca ngợi. Lại nghĩ: "Con người đại oai đức này thể hiện việc làm khó khăn này để mong cầu điều chi? Ta nên đến đó để chứng nghiệm thái tử".

Thiên chủ Đế Thích biến làm người Bà-la-môn từ trên trời hạ xuống, đứng trước thái tử bảo:

– Ta trông thấy thái tử tự chặt tay chân mình. Vì sao ngài làm như thế?

– Thưa Nhân giả, người khác khổ não tức là ta khổ não. Nếu người kia an vui tức là ta an vui. Cho nên vừa rồi ta thấy một người bị nhà vua trị phạt rất là khổ não, khi ấy ta mới dùng sức chân thật tự cắt bỏ tay, chân, chi phần của mình để ráp lại những chỗ bị cắt chặt của người kia. Nhớ nguyện lực chân thành, người đó được trở lại như cũ.

Thiên chủ Đế Thích càng thêm thán phục, liền trở lại nguyên hình, nói với thái tử:

– Ngài há chẳng phải vì không thật tâm hoặc mong cầu điều gì khác, hoặc vì thoái chuyển cho nên tự xả thân chăng?

– Thưa Thiên chủ, tôi đã xả bỏ tay chân của mình với tâm chân thật, không mong cầu điều gì khác, cũng chẳng phải thoái chuyển.

– Nếu như thế, thái tử làm thế nào để tôi chứng tri việc này?

– Thưa Thiên chủ, ngài há không nghe những điều tôi làm đều do sức chân thật hay sao?

Thái tử liền đối với tất cả loài hữu tình khởi lên tâm Từ, quán sát bốn phương bằng nguyện lực chân thật và thuyết kệ:

Nếu lời ta nói là chân thật
Tham ái tự thân lắm buộc ràng
Hôm nay chân thật Bất thoái chuyển
Thì nguyện thân này vẫn như xưa.

Khi nói kệ này xong, thân thể thái tử trở lại như cũ. Trên không trung trời mưa hoa khắp nơi, nhạc trời tấu khúc thánh thót vi diệu, gió mát từ từ thổi nhẹ, hiện ra các tướng tốt đẹp.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA THÁI TỬ PHƯỚC LỰC

QUYỂN 3

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích thấy thái tử Phước Lực được quả báo hiện đời với các tướng lành hy hữu và biết trời, người đều vui mừng, tâm Thiên chủ rất ngạc nhiên mới nói với thái tử:

– Hôm nay thái tử tinh cần tu tập hạnh thù thắng như thế, có cầu điều chi chăng?

Thái tử trả lời:

– Thưa Thiên chủ, tôi vì cầu chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cứu độ tất cả hữu tình ra khỏi biển sinh tử, làm cho họ an trụ nơi cứu cánh Niết-bàn.

Khi ấy Thiên chủ Đế Thích biết thái tử Phước Lực cần cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thâm tâm bất động như núi Tu-di, thật đúng với ý ông. Thiên chủ tán thán:

– Lành thay! Lành thay! Đại sĩ có nguyện lực rộng lớn cao tột, ắt sẽ mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên chủ nói xong biến mất.

Lại nữa, về sau vua nước kia tuổi già sắp chết mà chưa lập thái tử thọ phép quán đảnh. Khi ấy, hoàng tộc, quan lại, nhân dân cùng nhau họp bàn: "Chúng ta phải tìm người như thế nào để tiếp nối vương vị quán đảnh?". Khi ấy có một người nói:

– Nếu có người có phước lực và tiếng khen lớn mới có thể kế vị được.

Mọi người tán đồng ý này. Nhà vua sai sứ đi hỏi tìm khắp nơi.

Khi ấy thái tử Phước Lực sẽ kế thừa ngôi vương vị, thiện căn khai phát, cùng các người hầu cận đi dạo vườn cây. Lúc thái tử đi đường đi bằng phẳng, đến nơi nào cũng không có các thứ gai gốc, ngói sỏi. Đến giữa đường, tướng cát tường xuất hiện, mưa phùn bay khắp hư không, xoay vòng trở lại trên đảnh thái tử. Các loài chim đẹp lạ uyển chuyển bay lượn. Đồng nam, đồng nữ cất tiếng thù thắng vi diệu, chạy nhảy hân hoan vui mừng hớn hở, tất cả mọi người cảm thấy nhẹ nhàng, lâng lâng phơi phới, lại nghe

trên không trung tiếng nói vui mừng.

Thái tử thấy sự tướng này, suy nghĩ: "Sự tướng này xuất hiện, quyết định ta sẽ nối tiếp vương vị quán đảnh". Thái tử đi vào vườn thọ các phước lạc. Trong khu vườn này có một cây Vô ưu lớn, hoa nở đầy cành, thái tử an nhiên nằm ngủ bên cây. Những người đi cùng thái tử vì thích hoa quả nên đều ở trong vườn dạo chơi thưởng thức, còn thái tử nhờ oai lực phước đức nên có Long vương và bỗng nhiên từ đất vọt lên hoa sen ngàn cánh vi diệu, đóa hoa to lớn vô cùng, sắc hương hoàn hảo, xinh đẹp vô ngần. Long vương kia lại dùng thần lực đem đặt thái tử lên trên hoa sen, lúc ấy thái tử hoàn toàn ngủ say, do đó giờ ăn dần qua, đúng giữa ngày, các bóng cây đều di động, chỉ có bóng cây Vô ưu đứng im che thân thái tử như cũ không di động. Ngoài ra, các cây hoa trong vườn đều ngã về phía cây Vô ưu, tướng lành tốt đẹp vui ý mọi người.

Lúc ấy thái tử Phước Lực mộng thấy thân mình ở trên ô uế; lại thấy thân mình nhiễm ô uế; lại thấy tự dùng lưỡi liếm khắp hư không; lại thấy thân mình đứng trong hoa sen; lại thấy chính mình đi lên ngọn núi, lại thấy mọi người đảnh lễ mình.

Thái tử thức dậy, chiêm nghiệm những giấc mộng vừa qua: "Như ta mộng thấy thân mình ở trên ô uế, ắt là ta sẽ ở vương vị quán đảnh, giàu sang tự tại. Theo như tướng ta đã thấy thân mình bị nhiễm ô uế, thì ta nên ở trên tòa sư tử. Như ta thấy đi trên ngọn núi, thì tất cả nơi nào ta ở thường là nơi tối thượng. Như ta đã thấy mọi người đảnh lễ, thì ta đáng là chỗ tôn trọng cho những người kia. Tất cả những việc như thế, suy xét các tướng trạng này, ta nhất định làm vua quán đảnh".

Bấy giờ, các quan cận thần nước kia, trước hết sai người đi khắp nơi tìm hỏi. Đến khu vườn nọ, họ liên tục lần lượt trông thấy tướng thù thắng cát tường của thái tử. Họ sinh khiếp phục: "Đây là người đại phước lực, có danh tiếng lớn". Sứ giả tức tốc quay về trình bày đầy đủ sự việc trên. Các quan nghe sứ giả nói đều rất hoan hỷ, y theo nghi pháp, chuẩn bị những thứ cần dùng, đi vào khu vườn để trao pháp quán đảnh. Đến nơi họ thấy các tướng thù thắng tốt đẹp.

Lúc ấy thái tử Phước Lực ở trên đại liên hoa vi diệu, ngồi kiết già. Vì phước lực khai phát nên Tứ đại Thiên vương dâng tòa đại sư tử trang nghiêm của cõi trời, Thiên chủ Đế Thích dâng lọng trời tốt đẹp và các cây phất trần báu, chư Thiên Đao-lợi dâng các màn báu trang nghiêm, rải các hoa báu rơi xuống như mây. Tứ đại Thiên vương và các chúng Thiên tử rải xuống các thứ châu báu, tấu nhạc trời tuyệt diệu đáng yêu và rải các y đẹp.

Vườn rừng trong nước khắp nơi thanh tịnh, không có nơi nào có gai gốc, đá sỏi, các tràng phan lụa quý được dựng bên đường đi, đặt bình diệu hương, rải các hoa lạ cùng hoa thiên cung...

Thiên chủ Đế Thích sai Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma, hóa ra lầu gác to lớn bằng bốn thứ báu trong khắp khu vườn để chuẩn bị cho thái tử tùy ý thọ dụng.

Khi ấy các quan trông thấy tướng hy hữu thù thắng như vậy càng lấy làm lạ, càng thêm cung kính vâng mạng thái tử. Thái tử ngồi trên tòa sư tử, các quan đảnh lễ, tôn phụng đúng nghi pháp để trao quán đảnh. Thái tử được quán đảnh rồi, thân phát ra ánh sáng tỏa chiếu chung quanh khoảng một do-tuần, ánh sáng này làm lu mờ ánh sáng mặt trời.

Khi ấy trong chúng có một nhóm người thấy ánh sáng này đều nói:

– Đấy là Thắng Quang vương.

Có một nhóm người nói:

– Đấy là Phước Lực vương.

Lúc vua Phước Lực sắp vào vương thành, Thiên chủ Đế Thích... đến trước nhà vua, y theo nghi pháp cung hiến xong biến mất.

Vua Phước Lực đã vào vương thành rồi, khéo ban quốc chánh, nhân dân đông đúc, giàu có an vui, chấm dứt sự đấu tranh, dẹp yên kẻ địch, không còn giặc cướp, tật bệnh, đói khát. Ngài thương yêu chăm sóc cho dân giống như con một. Vườn cây hoa quả đều sum suê, lúa má bội thu, mưa thuận gió hòa, khắp nơi nhuần thắm, không ai gây tội.

Bốn người anh của vua Phước Lực sau đó nghe việc kỳ lạ này đều sinh kinh hãi và bàn với nhau: "Thái tử Phước Lực vượt chúng ta quá xa, phước tuệ vẹn toàn. Vì có phước lực cho nên làm đại quốc vương, giàu sang tột bậc, hợp với tâm ý ta. Bây giờ chúng ta nên đến chỗ thái tử ."

Khi ấy, bốn người anh cùng đi đến chỗ vua Phước Lực. Đến nơi họ cùng chúc tụng:

– Mong cho đại vương tuổi thọ tăng trưởng vô cùng.

Họ lại tán thán:

– Lành thay, đại vương! Trước kia ngài có giao hẹn, nay đã có thể lập phước tuệ kiên cố. Nếu vậy thì ngài vượt hơn chúng tôi, ở nơi nước khác thống lãnh vương vị, đều do phước lực thù thắng của ngài mà thành tựu. Anh em chúng tôi đều cùng ngưỡng mộ.

Khi ấy, vua Phước Lực từ tòa sư tử hoan hỷ bước xuống, cung kính hỏi han, bày các tòa cao rộng mời các anh theo thứ tự mà ngồi. Các người

anh mời vua trở lại tòa cũ. Các tòa đã sắp đặt, thái tử đem các thứ dâng biếu như trước đã định. Cùng nhau bàn luận xong, đều sinh tâm hoan hỷ định tĩnh.

Vua Phước Lực với ý tôn trọng, đem dâng biếu các vật. Hội họp như vậy hơn hai, ba ngày. Vua muốn khai phát cho mọi người và các anh biết thế nào là việc phước và không có phước. Ngài thuyết kệ:

Người vô phước đọa trong địa ngục
Chịu nhiều khổ não không ngừng nghỉ
Hoặc đọa ngạ quỉ, hoặc súc sinh
Chịu khổ đói khát và gánh nặng.
Người vô phước tự hoại thân mình
Vô phước nhọc nhằn thân tôi tớ
Vô phước đọa vào trong điếc câm
Vô phước ngu đần vào tà tuệ,
Vô phước vướng vào đường yêu quái
Người vô phước hình hài xấu xí
Vô phước thường sinh dòng hạ tộc
Vô phước rối tâm người thấy ghét.
Người vô phước mê hoặc rất nhiều
Vô phước bị người thường khinh nhạo
Vô phước làm bất cứ việc gì
Tuy gắng hết mình không thành tựu.
Người vô phước có thân thô sáp
Vẻ tối tăm ai thấy cũng chê
Người vô phước nơi nào họ ở
Cây cỏ xanh tươi hóa khô cằn.
Người vô phước thường không vừa ý
Ngoại cảnh phương hại cũng như vậy
Các ác quỷ thần Bà-la-sát
Thường hay khuấy nhiễu người vô phước.
Người vô phước thuốc thang trụ bệnh
Trở thành thuốc hại, bệnh nặng thêm
Do vô phước phải chịu bần cùng
Lại bị người khác thường khinh mạn.
Người vô phước sinh ra con cái
Tánh tình thô ác mọi người chê
Người vô phước tuy nhiều quyến thuộc
Thường hay ly tán khổ não sinh.

Người vô phước bị hoại nhãn mục
Các khổ triền miên cứ mãi sinh
Đa bệnh đều do nhân vô phước
Thuở nhỏ bệnh hoạn chữa khó lành.
Người vô phước chịu nhiều hung ác
Người vô phước thường mang tiếng xấu
Tay chân co quắp thân bất hoàn
Nói năng người nghe chẳng thuận tin.
Các sở hữu của người vô phước
Vua, quan, nước, lửa, giặc cướp tiêu
Vô phước chỉ nghe lời oán ghét
Gặp gỡ thường sinh điều sợ kinh.
Vô phước tuy sống nơi bằng phẳng
Tùy chỗ họ ở gai gốc sinh
Giả sử trồng trọt hay buôn bán
Tuy làm nhiều mà lợi chẳng sinh.
Người vô phước mọi thời mọi lúc
Tài sản, của báu đều tan hoại
Thế gian ít có kẻ quan tâm
Thật không khả ái, không thiện lợi.
Người vô phước tướng đều như vậy
Người trí nên biết cần loại bỏ
Người phước hành động khéo hộ trì
Trong tất cả thời không hao mất.
Người phước làm việc không lười mỏi
Thường khởi tâm kiên cố dũng mãnh
Như lọng che mát vô cùng rộng
Có thể ngăn trừ cơn mưa xấu.
Như nghé theo mẹ thường cho bú
Người phước mong muốn đều như ý
Như cây Kiếp-ba xem vừa ý
Thường đạt tất cả quả mong cầu.
Người phước thường đủ sức nhẫn nhục
Và được ý vui đại cát tường
Tín, hạnh sâu chắc y theo được
Đời đời đều đủ tướng đẹp đẽ.
Người phước vang danh khắp mọi nơi
Đầy đủ đa văn và trí tuệ

Người thấy đều sinh tâm yêu thích
Lại hay đạt được nghe, nghĩ, nhớ.
Người phước lâm chung không tật bệnh
Lâm chung cũng lại sinh hỷ hoan
Cảnh tướng xấu xa chẳng hiện tiền
Viễn ly sợ hãi và đau khổ.
Người phước lâm chung vui cõi trời
Thiên cung lầu gác hiện trước mặt
Đao-lợi chư Thiên, Dạ-ma thiên
Khắp cả trời người đến tiếp dẫn.
Chư Thiên tử cung trời Đâu-suất
Chúng trời Hóa lạc cũng như vậy
Tha hóa tự tại, Dục giới thiên
Đều đến để hộ vệ người phước.
Người phước giống như đại Phạm vương
Câu-chi chúng trời đều sùng phụng
Ở cõi một ngàn chúng Phạm thiên
Rộng lớn tôn nghiêm và tự tại.
Người phước làm chi đều thành tựu
Lại luôn luôn ở nơi khoái lạc
Tất cả đều sinh tâm yêu thích
Cho đến cảnh ngoài không phương hại.

Các người anh và mọi người nghe xong bài kệ, tâm đều tin phục đối với vua Phước Lực. Họ vô cùng hoan hỷ, đời này và đời khác xin được khai thị rõ ràng, tất cả đều biết phước lực là tối thắng.

Khi ấy vua Phước Lực nói rộng về phước cho mọi người nghe, khai phát tâm rồi quán sát hư không, thầm nói: "Vui thay! Bây giờ ta có thể biến khắp trong, ngoài vương thành, mưa xuống các loại y phục, trân bảo".

Khi vua khởi tâm như thế, bỗng có các loại y phục rất tốt đẹp và các loại hoa, châu báu làm vui lòng mọi người từ trời rơi xuống đầy khắp trong, ngoài vương thành. Lúc tướng này hiện ra, trời người đều vui vẻ và sinh ra kinh dị, khởi lòng tin thanh tịnh to lớn, cùng cất tiếng:

– Vui thay! Thiên tử có đủ phước lực, đủ đại oai đức.

Lại nữa, sau đó, vua ở các tiểu quốc nghe sự việc này đều suy nghĩ: "Vua đó có đại phước lực, đủ danh tiếng lớn. Nay ta nên đến đó tôn phụng vị ấy".

Do đó, vua các tiểu quốc cùng hội lại một chỗ, mỗi nước thống lãnh

bốn binh chủng: tượng, mã, xa, bộ binh. Mọi người cùng đến chỗ vua Phước Lực, xuống xe tiến đến cung kính bái chào, chắp tay tâu rằng:

– Thiên tử đại phước, đủ đại danh xưng, là đại quốc vương, oai đức tối thượng. Vì thế, hôm nay chúng tôi đến đây xin phụng mạng.

Vua Phước Lực ân cần thăm hỏi, an ủi khắp mọi người. Sau đó theo thứ bậc ngồi xuống. Kế đến các quan thuộc mỗi người đem châu báu thượng diệu vô giá phân phát, lại đem pháp môn Thập thiện nhiếp hóa mọi người. Khi ấy các vua tiểu quốc đều được lợi ích thù thắng, đều trở về bổn quốc.

Sau đó phụ vương Nhãn Lực dần dần nghe biết sự kiện kỳ lạ như thế, trước hết sai sứ đến nước thái tử Phước Lực, rồi ngài đích thân nhanh chóng cùng các quan thuộc suốt trọn ngày đêm vội vã lên đường. Vua đến nơi rồi, vì thương nhớ con nên khi vừa trông thấy con, hai dòng lệ chảy dài, mừng mừng tủi tủi, cất tiếng bi thương, vội vã xuống xe, đến cầm tay con nhìn một hồi lâu, phụ vương mới nói:

– Ta là cha con, ắt con biết rõ. Ta nay tuổi đã già suy, việc trị nước thật khó khăn, ta không kham nổi, nay giao phó cho con, con nên gánh vác.

Nói xong, vua cha liền đem mão báu của mình đặt nơi đầu con. Như lời cha dạy, người con cai trị luôn nước của vua cha.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CỦA THÁI TỬ PHƯỚC LỰC

QUYỂN 4

Như thế vua Phước Lực thống lãnh trị vì cho đến tận cùng cõi Diêm-phù-đề oai lực cao vời, đất nước phú cường tự do. Vua Phước Lực chu cấp châu báu, của cải cho tất cả nhân dân và dùng pháp Thập thiện giáo hóa dẫn dắt họ. Lúc ấy nhân dân ở Diêm-phù-đề thịnh vượng, an vui và hạnh phúc, không có sự đấu tranh và oán thù với quân địch, không có trộm cắp, đói khát và tật bệnh, cũng không có người bần cùng thiếu thốn, ai cũng có kho tàng quý giá đầy đủ, có nhiều bà con, như ý tự tại. Lại ở tất cả mọi nơi, tự nhiên gai gốc, đá sỏi đều tiêu hết, không có thời tiết xấu làm cho mưa móc thấm nhuần. Hoa quả sum suê, lúa má ngập đồng.

Nhân dân đều biết tăng trưởng phước lực, thực hành bố thí và các phước sự, tâm ý trong sạch, tu trì giới hạnh. Nhân dân ở Diêm-phù-đề mạng chung đều sinh lên Tứ đại Thiên vương. Vua Phước Lực khai phát thiện căn cho tất cả mọi người đời nay và đời sau, làm lợi ích lớn, có vô số ngàn người sau khi qua đời được sinh lên trời Đâu-suất.

Đức Phật dạy các thầy Bí-sô:

– Các ông nên biết, vua Phước Lực kia đâu phải người nào lạ, nay tức là Ta. Lúc Ta còn là vị Bồ-tát là vua Phước Lực, vua cha Nhãn Lực nay là vua Tịnh Phạn, hoàng hậu Quảng Chiếu tức hoàng hậu Ma-da. Đồng tử có sắc tướng cụ túc nay là thầy Bí-sô A-nan, đồng tử có tinh tấn cụ túc nay là thầy Bí-sô Văn Nhị Bách Ức, đồng tử có công xảo cụ túc nay là thầy Bí-sô A-nê-lâu-đà, đồng tử có trí tuệ cụ túc nay là thầy Bí-sô Xá-lợi-phất, Thiên chủ Đế Thích khi đó nay là thầy Bí-sô Mục-kiền-liên, quốc vương sắp mạng chung ở nước kia nay là Ma vương, người nghèo kia nay là thầy Bí-sô La-hầu-la, ông thầy thuốc bị vua trị phạt nay là thầy Bí-sô Kiều-trần-như.

Này các thầy Bí-sô, vì lý do đó nên biết, trong mọi thời mọi lúc, các chúng hữu tình phải nên tu tập hạnh nghiệp phước lực thù thắng này. Thế nên đầu tiên Ta thuyết về phước lực, vì Ta không thấy một pháp nhỏ nào

tu tập được nhiều lợi ích như thế.

Lúc ấy các thầy Bí-sô đều sinh nghi ngờ nên bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vua Phước Lực kia kiếp trước tu hạnh nghiệp gì mà được cảm thọ báo ứng này, được làm vua thống trị các nước, có đủ tiếng khen, oai đức thù thắng, hưởng phước trời người? Các vật cần dùng chỉ nghĩ đến là đã có tất cả như ý muốn, từ trời rơi xuống; khi đản sinh trái đất chấn động, trên không trung đồ quý báu rơi xuống tòa sư tử, trời Đế Thích dâng lọng, kho tàng châu báu hiện ra... Những việc ấy thế nào xin Đức Phật giảng giải cho chúng con.

Đức Phật dạy:

– Này các thầy Bí-sô, vua Phước Lực tu nghiệp phước tích tụ trong nhiều đời, hạnh nguyện rộng lớn hợp các duyên lực, chắc chắn sẽ thọ phước báo thù thắng.

Này các thầy Bí-sô, các thầy nên biết, tất cả hạnh nghiệp mà loài hữu tình đã làm đều không ngoài các duyên thành tựu, cũng chẳng ngoài địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới được kết thành, hoặc các thiện và bất thiện đều tùy theo uẩn, xứ, giới khởi ra các hạnh nghiệp.

Đức Phật thuyết kệ:

Giả sử trải trăm kiếp
Không hoại các nghiệp nhân
Khi nhân duyên hòa hợp
Hữu tình tùy thọ quả.

Này các thầy Bí-sô, Ta nhớ kiếp quá khứ lâu xa, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Năng Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật đối với khắp thế gian làm Phật sự rồi, cuối cùng ở trong một nước nọ, vào cõi Vô dư y đại Niết-bàn, như củi hết lửa tắt. Vị quốc vương nước đó thâu xá-lợi của Ngài tạo lập bảo tháp to lớn để cúng dường.

Sau đó các chúng Bí-sô đánh trống, gõ kiền chùy, phát loa báo cáo khắp đại chúng. Trăm ngàn vô số các thầy Bí-sô tập họp lại một nơi, có một vị đại pháp sư nhân ngày thuận duyên khắp vì tất cả mà tuyên thuyết pháp yếu.

Khi ấy trong nước có một người đánh bạc tên Đắc Thắng, ông ta rất ghiền các trò chơi cờ bạc, vợ ông ta tên Quảng Thắng, con cũng cùng tên. Ban đầu người này gom góp gia tài đem chơi cờ bạc nên của cải, tài sản dần dần về tay người khác, cuối cùng gia tài tiêu tán hết, chỉ còn hai chiếc

áo khoác, cây dù, đôi giày da thường dùng và năm đồng tiền vàng.

Một hôm, người này bỗng nói:

– Ta vì không tạo nhân phước cho nên mới bị nghèo khổ thế này.

Nói xong, ông ta kêu than và đem các vật đó ra khỏi nhà, lần lượt hỏi những người chơi đánh bạc, đường đi đến chỗ thuyết pháp.

Đắc Thắng thấy vị đại pháp sư ngồi trên tòa sư tử, có nhiều người ngồi chung quanh, cung kính chắp tay nghe pháp. Ông ta trông thấy hình ảnh tốt đẹp này sinh tâm thanh tịnh, suy nghĩ: "Bây giờ ta cũng nghe pháp như vậy". Đắc Thắng liền đặt các vật mang theo ở một chỗ rồi chắp tay chí thành lắng nghe thuyết pháp. Khi ấy vị pháp sư thuyết kệ:

Người nên tu tập các nhân phước
Như thế hành trì chớ gián đoạn
Tùy việc ưa thích theo thời làm
Do nhờ chứa phước được an vui.

Đắc Thắng nghe kệ và suy ngẫm câu *Do nhờ chứa phước được an vui:* "Từ lâu ta đã không tạo nhân phước cho nên bị nghèo khổ, bây giờ ta nên tùy khả năng mà thực hành chút ít việc phước". Nhưng lại nghĩ: "Gia tài của cải chẳng còn gì ngoài các vật tùy thân, trong đó ta lấy năm đồng tiền vàng và một tấm áo choàng, hoặc đem bố thí phải nghĩ đến người rất nghèo đến nỗi muốn tự vẫn. Nếu ta không bố thí sẽ vĩnh viễn hủy hoại nhân phước, ở trong đời khác sẽ không có chỗ mong nhờ. Bây giờ ta có thể dùng phương tiện nào có thể lìa sự nghèo khổ, bảo tồn thân mạng trong đời sống, tu theo phước sự không mất nhân thù thắng. Bây giờ ta thà chịu sự đói nghèo ắt được nhiều phước đức, vì thế đem tiền vàng và áo choàng để bố thí".

Khi Đắc Thắng suy nghĩ như thế, vị pháp sư kia lại nói kệ*:*

Thiện pháp phải nên mau chóng tu
Tức hay dứt trừ bao nghiệp tội
Như thế nên tu nhân thắng phước
Tất cả nghiệp tội chẳng an vui.

Đắc Thắng lại nghe câu kệ này, suy ngẫm lời nói ấy: "Mau tu thiện pháp" và quyết định làm việc này. Do đó ông ta phát khởi tâm bố thí thanh tịnh, đem cây dù che trên đầu vị pháp sư, lấy đôi giày đặt dưới chân vị pháp sư, trải năm đồng tiền vàng bên cạnh tòa ngồi, đem chiếc áo choàng khoác lên mình vị pháp sư. Trong lòng Đắc Thắng vô cùng hoan hỷ, cảm thấy lâng lâng, ông đảnh lễ dưới chân thầy, càng sinh thêm lòng tin thanh tịnh, phát nguyện:

– Con nguyện đem căn lành bố thí tối thượng, trong đời này và mãi mãi về sau, đời đời đều có đại phước lực thù thắng, có đủ đại danh xưng, thọ phước trời, người, oai đức cao vời, làm vua các nước. Nếu cần điều gì, thì theo ý nghĩ vật ấy liền hiện ra, tốt đẹp tràn đầy vô tận.

Khi Đắc Thắng phát nguyện rộng lớn như vậy, vị pháp sư liền hồi hướng công đức cho ông ta.

Lúc đó người chơi cờ bạc rời khỏi hội chúng. Chỉ còn lại chiếc áo che thân trở về nhà. Vợ và con trông thấy kinh dị, nghĩ rằng: "Trước đây, ông ta đã đem các vật dụng ra đi, có lẽ đánh bạc hết rồi", nên người vợ hỏi: "Này chàng, trong nhà bây giờ chỉ còn có tôi và đứa con nhỏ, ngoài ra không còn vật gì cả, chẳng lẽ chúng ta cũng sắp chết hay sao?"

Người chồng càng thêm bị các sự nghèo cùng khốn khổ bức bách, mới định thần vì nhân duyên này, nói kệ:

Thế gian khổ nào hơn khổ nghèo
Khổ nghèo cũng đồng như khổ chết
Ta thà cam tâm chịu khổ chết
Chứ không thích sống với khổ nghèo.

Nói kệ xong Đắc Thắng đứng đó than thở. Sau đó người vợ ông ôm bình ra giếng nước, tuy múc được nước nhưng bà dùng hết sức vẫn không kéo lên được. Bà vợ gọi chồng đến xem thử, cả hai vợ chồng cùng sức kéo cũng không lên được, lại gọi thằng con. Cả ba người dồn hết sức lực mới kéo lên được chút ít, họ vô cùng kinh ngạc khi thấy dưới bình nước có ba ống bằng sắt đựng đầy tiền vàng xếp chồng lên nhau. Người chồng mới thấy kinh dị, suy nghĩ: "Chẳng lẽ trước đây ta bố thí bây giờ được quả này". Ông ta vui vẻ nhìn những đồng tiền vàng, nói kệ:

Lạ thay, công đức hiện nơi này
Tất cả tội lỗi đều dứt sạch
Những gì nay được, do trước trồng
Nên biết quả báo là như vậy.

Người vợ của Đắc Thắng vui mừng hỏi:

– Này chàng, những điều tốt đẹp như thế này ra sao, xin hãy nói cho tôi rõ.

Đắc Thắng kể hết cho vợ nghe. Sau đó ông ta đánh bạc luôn được thắng, phước lực khai phát hiện tại được quả báo này. Do đó tiếng đồn vang khắp mọi nơi, mọi người trong nước cùng nói với nhau:

– Thật là hy hữu thay đại phước đặc thù này, bỗng nhiên ông ta trở thành giàu có, thong dong.

Đắc Thắng từ đó về sau hướng về Phật, Pháp, Tăng sinh lòng tin thanh tịnh càng hơn trước, ngày ngày ở nơi tháp Phật, rộng lớn cúng dường, lại tu tập thọ trì chánh pháp. Mỗi ngày Đắc Thắng đều đem món ăn thượng vị dâng cúng dường chúng Tăng. Ngoài ra các Sa-môn, Bà-la-môn, những người hành khất bên đường cũng được Đắc Thắng cung cấp đầy đủ các món cần dùng. Lại lập tinh xá rộng lớn, thỉnh các thầy Bí-sô khắp nơi về ở để ông ta thừa sự cúng dường. Vì thế danh tiếng Đắc Thắng vang xa đến mọi nơi. Sau đó quốc vương nước kia bỗng qua đời và không có người kế vị. Các quan cận thần, hàng quyến thuộc biết người kia có phước lực lớn, tiếng tăm lớn họ bàn với nhau rồi ân cần mời thỉnh người đó lên kế thừa vương vị. Thế là tên gọi người đánh bạc không còn nữa, mà được mọi người tôn xưng là Đắc Thắng đại vương.

Vua Đắc Thắng đạt được thành quả như vậy, lòng hân hoan phát tâm mãnh liệt càng làm việc phước và bố thí nhiều hơn trước. Ông tu trì giới hạnh, khắp vì quan quân, quyến thuộc và tất cả mọi người mở mang nhân phước xong, đến lúc mạng chung liền sinh lên cõi trời Tha hóa tự tại, làm con của Thiên vương kia. Khi sinh lên trời, vua Đắc Thắng có các châu báu như ý thượng diệu và các y phục từ trên không rơi xuống, thân chiếu ánh sáng làm át cả ánh sáng của các vị trời khác. Các vị trời thấy hiện tượng này đều ngạc nhiên và khen ngợi là ít có quả thắng phước như thế.

Đức Phật dạy các Bí-sô:

– Các thầy nên biết, vua Đắc Thắng đâu phải người nào lạ, tức là vua Phước Lực Ta đã nói lúc trước. Người ấy ban đầu là kẻ chơi cờ bạc, lại có thể phát tâm hoan hỷ ưa thích nghe pháp, đã dốc hết những gì mình có cho pháp sư. Vì thế hiện tại được quả báo thù thắng, kế tục ngôi vua, khai phát nhân phước. Do nhân duyên này, hai mươi sáu đời làm Thiên vương cõi Tha hóa tự tại, ba mươi sáu đời làm Thiên vương cõi Hóa lạc, ba mươi sáu đời làm Thiên vương cõi Đâu-suất, ba mươi sáu đời làm Thiên vương cõi Dạ-ma, ba mươi sáu đời làm Thiên vương cõi Đao-lợi, ba mươi sáu đời làm Tứ đại vương Thiên vương, vô số trăm đời làm Kim luân vương, dùng chánh pháp trị hóa khắp bốn thiên hạ, bảy báu đầy đủ, đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, thần chủ tàng báu, thần chủ binh báu. Bảy báu như thế tùy ý thọ dụng.

Nhà vua có ngàn người con, hình tướng rất đẹp đẽ, dũng kiện, tinh tấn, có thể hàng phục các quân khác. Từ chân trời góc bể đến khắp cõi nước đều không có các sự khủng bố, trộm cắp, dao gậy... Mọi người đều tu tập chánh pháp, vui sống an lành.

Lúc bấy giờ Thế Tôn thuyết kệ cho các Bí-sô:

Các thắng nhân đại sĩ như thế
Nhiều đời làm chủ tể hơn hết
Do Phật phổ nhiếp nơi thế gian
Điều này chư Phật thường đã dạy.
Nếu được nghe là việc hy hữu
Nhân duyên rộng lớn thần thông này
Người tạo nghiệp xấu còn sinh tín
Những ai có trí chưa khai ngộ.
Cho nên như thế rất hy hữu
Bậc oai đức lớn tùy mong cầu
Hãy nên tôn trọng môn chánh pháp
Những lời Phật dạy nhớ nghĩ luôn.

Đức Phật dạy các thầy Bí-sô:

– Những điều Ta dạy, các thầy hãy tu học như vậy. Thế nên thường tinh cần ưa thích chánh pháp, tôn trọng, cung kính, tín thờ, cúng dường. Làm bất cứ điều gì, hãy lấy làm y chỉ. Người học tập như vậy được lợi ích lớn.

Đức Phật nói kinh này xong, các thầy Bí-sô và mọi người nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 174

PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT THIỂM TỬ

Hán dịch: Khuyết danh, phụ Tây Tấn Lục.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Tỳ-la-lặc cùng với một ngàn hai trăm năm mươi thầy Tỳ-kheo, chúng Bồ-tát, quốc vương, đại thần, dân chúng, trưởng giả, cư sĩ, thiện nam, tín nữ... nhiều không thể tính kể.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo và hội chúng hãy chú ý lắng nghe:

– Vào đời trước, khi Ta mới cầu đạo Bồ-tát, giới hạnh rất nghiêm minh, nhất tâm tinh tấn, tu tập trí tuệ, thực hành phương tiện, tích tụ công đức nhiều không thể nói hết mà các Trời, Rồng, Quỷ, Thần, đế vương, dân chúng không thể thực hành được.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói, sửa y phục, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con mong muốn nghe việc này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Vào thuở quá khứ vô số kiếp, khi đó có Bồ-tát tên Nhất Thiết Diệu, nhân từ, ban bố cứu giúp quần sinh, thường hành bốn đẳng tâm, độ nguy ách ở đời, xót thương người khổ. Vị Bồ-tát này ở cung trời Đâu-suất thường giáo hóa trời, người, thường dùng ba thời ban ngày và ba thời ban đêm tu thiền định, luôn nhớ đến ba cõi, quán chiếu con đường thiện ác của trời, người trong khắp mười phương, biết có người hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Tam bảo, theo học các bậc Sư trưởng và tu tập mọi công đức, thường dùng tiên nhãn quan sát năm đường.

Lúc ấy trong nước Ca-di có một gia đình trưởng giả, hai vợ chồng bị mù lòa không có con cái. Hai người tâm nguyện vào núi cầu trí tuệ vô thượng, ưa thích chỗ thanh vắng, tu tập tâm thanh tịnh.

Bồ-tát suy nghĩ: "Những người này phát tâm cầu đạo vi diệu mà hai mắt lại không thấy, nếu vào núi họ sẽ bị rơi xuống hầm hố hoặc gặp độc trùng nguy hại. Nếu ta chết đi và làm con của họ, ta sẽ cung phụng cha mẹ trọn đời".

Khi Bồ-tát qua đời, liền đầu thai vào gia đình vợ chồng người mù làm con của họ, cha mẹ vô cùng vui sướng và yêu thương con. Trước kia hai vợ chồng đã phát tâm muốn vào núi, vì sinh được con nên muốn ở lại thế gian.

Người con lên bảy tuổi, được đặt tên là Thiểm. Thiểm rất nhân từ chí hiếu và thực hành Thập thiện: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu, không vọng ngữ, không thêu dệt, không ganh ghét, không nguyền rủa. Ngày đêm tinh tấn tin sâu vào đạo, hầu hạ cha mẹ như người thờ trời, thường nói vui vẻ làm đẹp ý mọi người, sống theo phép tắc, không theo tà hạnh, do đó cha mẹ Thiểm vui lòng không phải ưu tư, lo lắng.

Năm hơn mười tuổi, một hôm Thiểm quỳ xuống thưa cha mẹ:

– Trước kia cha mẹ có phát đại nguyện muốn vào núi sâu để cầu đạo chánh chân Vô thượng tịch tĩnh, không lẽ nay vì con mà quên đi bản nguyện? Người sống trong đời trăm chiều biến đổi, mạng sống mong manh, thời gian đâu hẹn trước. Xin cha mẹ hãy nhớ ý chí ban đầu nên kịp thời vào núi thanh tịnh. Con nguyện theo cha mẹ cung phụng mọi thứ cần dùng, theo đúng thời tiết.

Cha mẹ Thiểm đáp:

– Lòng hiếu thuận của con có trời chứng giám cho. Chúng ta không trái với nguyện ước xưa kia, nên cùng nhau vào núi.

Thiểm đem tất cả tài sản trong nhà bố thí cho những người nghèo trong nước, rồi cùng cha mẹ đi vào núi. Khi đến núi, Thiểm dùng cây cỏ làm nhà, trải cỏ làm giường chiếu cho cha mẹ. Dù là thời tiết nóng hay lạnh vẫn luôn được thích nghi. Họ vào núi được một năm thì hoa quả sum suê, hương vị thơm ngon dùng làm thức ăn, nước suối chảy trong veo mát lạnh, trong ao hoa sen năm màu đua nhau nở, cây Chiên-đàn hương và cây cối quyện lẫn với thảo nguyên xanh tốt hơn thường. Mưa thuận gió hòa, thời tiết mát mẻ, cây lá giao nhau để che sương, che mưa và che ánh nắng mặt trời nên ở dưới luôn mát mẻ. Những loài chim quý bay liệng, ríu rít, âm thanh như nhạc trỗi để làm vui lòng cha mẹ mù. Sư tử, gấu, beo, hổ, lang, thú dữ đều hướng đến những người này với tâm từ ái, không hề có ý làm hại. Chúng đều ăn rau quả, không sợ hãi. Những chú nai rừng, gấu, beo và những loài thú khác thường đến kề cận bên Thiểm âm thanh hài hòa thành những bản nhạc vui.

Thiểm có chí Từ tâm, giẫm lên đất còn sợ đất đau. Thiên thần, Sơn thần đều hiện hình người, ngày đêm thường đến thăm hỏi ba bậc đạo nhân.

Họ luôn nhất tâm chánh niệm không còn lo buồn, Thiểm thường hái đủ thứ trái cây dâng cha mẹ làm thức ăn lúc nào cũng đầy ắp, khát thì dùng nước suối để uống, không bị thiếu thốn gì cả.

Một hôm cha mẹ khát muốn uống nước, Thiểm khoác áo da nai, cầm bình đi lấy nước. Bầy chim và hươu nai cũng đến đó uống nước, không sợ tai nạn.

Khi ấy vua nước Ca-di vào núi săn bắn. Từ xa vua thấy bên bờ suối có hươu nai, giương cung bắn nai, mũi tên trúng nhầm ngực Thiểm. Bị mũi tên độc thấm vào toàn thân đau đớn, Thiểm kêu lên:

– Ai đã đem một mũi tên giết cả ba đạo nhân?

Vua nghe tiếng kêu liền xuống ngựa, đến bên Thiểm. Thiểm nói với vua:

– Voi vì ngà mà chết, tê ngưu vì sừng mà chết, chim thú vì lông mà chết, hươu nai vì thịt mà chết. Tôi không có ngà, sừng, không có lông, da thịt không thể ăn được. Nay tôi có tội gì mà ông nỡ giết tôi?

Vua nói:

– Khanh là người gì mà mặc áo da nai, không khác gì loài cầm thú?

Thiểm đáp:

– Tôi là người trong nước của vua, cùng cha mẹ mù đến đây học đạo hơn hai mươi năm. Chúng tôi chưa từng bị hổ, beo, trùng độc làm hại, nay bị vua bắn giết.

Ngay lúc ấy gió trong núi thổi mạnh làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu thương, sư tử, hổ, beo chạy tán loạn và kêu rống vang động khắp núi rừng. Mặt trời không chiếu sáng, dòng suối khô cạn, hoa lá héo khô, sấm sét vang rền...

Khi đó cha mẹ mù kinh sợ nói với nhau:

– Thiểm đi lấy nước đã lâu không thấy về, hay là nó bị độc trùng, hổ lang làm hại? Cầm thú kêu la, âm thanh không như thường ngày? Gió thổi bốn phía, cây cối gãy ngã, ắt là có tai nạn bất thường đây!

Lúc ấy nhà vua rất lo sợ, tự trách: "Ta đâu muốn làm thế này. Ta chỉ muốn bắn bầy nai, mũi tên lại trúng nhầm chết đạo nhân, tội ấy rất nặng, vì tham chút thịt mà bị tai họa này. Bây giờ ta đem của cải, kho tàng châu báu của cả nước và cung điện, kỹ nữ, binh lính, thành quách, xóm làng để cứu lấy mạng người".

Nhà vua đưa tay kéo mũi tên ra khỏi ngực Thiểm nhưng mũi tên rất sâu không thể rút ra được. Chim chóc, thú rừng bốn phương quây quần kêu

la thống thiết, vang động cả núi rừng. Vua càng sợ hãi, toàn thân đều rúng động.

Thiểm nói với vua:

– Không phải lỗi của ngài, tại tội nghiệp kiếp trước của tôi mới đến nỗi này. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ thương cha mẹ mù của tôi tuổi đã già suy mà hai mắt không thấy đường. Mai này không có tôi, có lẽ cha mẹ tôi sẽ chết vì không biết nương cậy vào ai. Vì lý do này mà tôi buồn rầu đau xót mà thôi.

Ngay lúc ấy, chư Thiên, Long thần, Sơn thần, Thủy thần, Thọ thần đều xúc động cúi đầu. Nhà vua lại nói:

– Thà ta vào địa ngục trăm kiếp để chịu tội này, làm sao cho Thiểm được sống.

Nhà vua quỳ xuống trước Thiểm nói lời ăn năn:

– Nếu khanh chết đi, ta sẽ không trở về nước nữa. Ta sẽ ở lại núi cung phụng cha mẹ của khanh như lúc khanh còn sống, khanh chớ lo nghĩ. Xin chư Thiên, Long thần chứng tri và không phụ lời thề này.

Thiểm tuy đang bị tên độc, nghe lời thề này của vua tuy bị tên độc nhưng trong lòng rất hoan hỷ. Tuy sắp chết nhưng không ân hận.

– Vì cha mẹ mù lòa của tôi mà phải lụy đến vua. Cung dưỡng đạo nhân, hiện thế tội nghiệp tiêu trừ được phước đức vô lượng.

Vua nói:

– Trước khi chết, khanh hãy cho ta biết chỗ của cha mẹ khanh?

Thiểm liền chỉ cho vua lối đi:

– Cách đây không xa, sẽ thấy căn nhà lá, là nơi cha mẹ tôi đang ở đó. Xin ngài hãy nhẹ bước, chớ làm cho cha mẹ tôi hoảng sợ, khéo dùng lời giải thích với song thân tôi và cho tôi kính dâng lời từ biệt. Vô thường đang đến, tôi sắp chết. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ tới cha mẹ đã già yếu lại mù lòa. Mai này không có tôi, cha mẹ biết nương tựa vào ai? Do đó tôi buồn vì mũi tên độc hại, sự chết gần kề, vì tội báo ngày trước đến nỗi không thoát khỏi. Nay tôi xin sám hối cha mẹ: Từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo bao nghiệp ác, nhờ đây mà được tội diệt phước sinh. Nguyện đời đời tôi cùng cha mẹ không chia lìa. Xin cho cha mẹ được an khang trường thọ và chớ có lo buồn. Trời, Rồng, Quỷ, Thần sẽ theo giúp đỡ, tai nạn tiêu trừ, điều mong muốn như ý, thong dong an lạc.

Vua dẫn đoàn tùy tùng đến chỗ cha mẹ Thiểm. Sau khi nhà vua đi, Thiểm từ từ tắt thở. Muông chim, cầm thú bốn phương tụ tập về, chúng

liếm máu trên ngực Thiểm và kêu gào thảm thiết chung quanh thi hài. Cha mẹ Thiểm nghe những âm thanh này lòng càng thêm bàng hoàng. Nhà vua đi vội vã chạm vào cây cỏ gây ra tiếng động. Nghe động, biết có người, cha mẹ Thiểm sợ sệt hỏi:

– Ai đó? Dường như không phải là bước chân của con ta.

Nhà vua trả lời:

– Ta là vua nước Ca-di, nghe nói đạo nhân ở núi này học đạo, nên ta đến cúng dường.

Họ liền nói:

– Thật lành thay đại vương đến đây! Ngài đã không từ mệt nhọc hạ cố từ xa xôi đến thăm thảo am vắng vẻ này. Tâu đại vương, có được bình an chăng? Phu nhân, thái tử, quan quân và dân chúng trong cung có được an lành không? Thời tiết có điều hòa, lương thực được dồi dào không? Có bị nước láng giềng xâm lấn không?

Vua nói:

– Nhờ ân đạo nhân, tất cả đều bình an.

Nhà vua hỏi thăm cha mẹ Thiểm:

– Vào ở trong chốn núi non nhọc nhằn, kham khổ, giữa rừng rậm, loài chim chóc, cầm thú không làm hại đạo nhân chứ? Khí hậu ở đây có dễ chịu không?

Cha mẹ Thiểm tâu:

– Muôn tâu, nhờ ân đại vương, chúng tôi vẫn được an ổn. Chúng tôi có người con hiếu thảo tên Thiểm, nó thường đi hái đủ thứ trái cây và lấy nước suối cho chúng tôi. Nơi đây mưa gió điều hòa, không có thiếu thốn chi. Nhà tôi chỉ có chiếc chiếu cỏ, mời đại vương tạm ngồi nghỉ và dùng trái cây. Thiểm đi lấy nước cũng sắp về.

Vua nghe cha mẹ Thiểm nói, quá đỗi thương tâm, rơi lệ nói:

– Ta có tội thật nặng. Vào núi săn bắn, nhìn xa thấy bên bờ suối có bầy nai, ta giương cung bắn nhằm con của đạo nhân. Thiểm bị mũi tên độc vô cùng đau đớn, vì thế ta đến đây nói cho hai đạo nhân biết.

Cha mẹ Thiểm nghe nói xong, toàn thân ngã xuống như núi Thái sụp đổ, như động đất. Nhà vua đến đỡ hai ông bà dậy. Họ ngước mặt lên trời than khóc và kêu lên:

– Thiểm con của ta, lòng nhân từ hiếu thảo thiên hạ không ai bằng, chân giẫm lên đất thường sợ đất bị đau. Nay con có tội gì mà bị vua bắn chết? Vừa rồi, bỗng nhiên gió bão làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu

thương vang dội khắp núi rừng. Ta ở trong núi đã hơn hai mươi năm chưa từng có hiện tượng kỳ lạ này. Ta nghi con ta đi lấy nước rất lâu không về, ắt phải có sự cố gì.

Chư thần đều kinh sợ và xúc động, người mẹ khóc mãi không thôi. Người cha bảo thôi nín khóc đi và nói:

– Người đời không có ai được trường sinh bất tử. Vô thường tự nhiên, không thể tránh khỏi.

Nói xong, ông hỏi vua:

– Tâu đại vương, lúc còn sống Thiểm có dặn chi không?

Nhà vua kể lại đầy đủ lời Thiểm dặn dò cho cha mẹ Thiểm nghe. Nghe lời vua kể, cha mẹ Thiểm thương cảm khôn nguôi, nói:

– Mai này không có con, chắc chúng ta sẽ chết! Xin đại vương hãy dắt chúng tôi đến chỗ thi hài của Thiểm.

Vua liền dẫn cha mẹ Thiểm đi đến bên thi hài Thiểm. Đến nơi, người cha ôm hai chân con, bà mẹ ôm đầu đặt lên gối mình và dùng hai tay sờ lên mũi tên trên ngực con, ngước lên trời, gào lớn:

– Chư Thiên, Long thần, Sơn thần, Thọ thần, Thủy thần! Con tôi nhân từ chí hiếu, chư Thần chứng tri. Tại sao không xót thương cho người con hiền lành này?

Người mẹ dùng lưỡi liếm vết thương trên ngực Thiểm, nói:

– Mong chất độc hãy vào miệng mẹ. Mẹ đã già nua, mắt không thấy đường, mẹ dùng thân mẹ thế mạng con. Con được sống mà mẹ có chết đi cũng không hối tiếc.

Cha mẹ Thiểm đều nguyện: "Nếu đất trời chứng tri cho lòng chí thành chí hiếu của Thiểm thì mũi tên tự rơi ra và chất độc dược không còn tác dụng, cho Thiểm được sống lại".

Lúc đó trên tầng trời thứ hai Đao-lợi, ngai của Thiên chủ Đế Thích đang ngồi bị chấn động, ngài dùng Thiên nhãn thấy hai đạo nhân ôm con kêu khóc. Lại nghe thấy trời thứ tư Đâu-suất, chư Thiên cung, Long cung uy nghiêm mà bị chấn động. Thích, Phạm, Tứ Thiên vương liền từ cõi Tứ thiên, nhanh như người duỗi cánh tay, xuống ngay chỗ Thiểm nằm, dùng thần dược nhỏ vào miệng Thiểm. Thuốc vào trong miệng, mũi tên độc rơi xuống và Thiểm được sống lại. Cha mẹ Thiểm ngạc nhiên, vui mừng thấy Thiểm đã chết được sống lại, hai mắt mình đều sáng. Muông chim cầm thú đều phát ra tiếng kêu vui mừng, gió ngừng mây tạnh, mặt trời rực rỡ hơn, nước suối lại chảy, các hoa muôn màu, cây cối chói sáng hơn ngày thường.

Nhà vua vui mừng khôn xiết, đảnh lễ trời Đế Thích, quay sang lễ tạ cha mẹ Thiểm và Thiểm. Vua xin dâng tài sản đất nước cho đạo nhân và tự thân ở lại cúng dường, mong cho tội chướng hiện đời tiêu diệt, oan khiên đời trước dứt trừ.

Thiểm tâu vua:

– Muốn báo ân này, nhà vua nên trở về nước chăm lo săn sóc nhân dân, nên khiến cho mọi người phụng trì ngũ giới. Vua chớ có săn bắn giết hại cầm thú. Nếu không, hiện đời cũng không an ổn, lúc chết thì sẽ vào trong địa ngục. Người sống ở đời, ái ân phút chốc, ly biệt lâu dài, đâu có gì thường mãi. Ngài nhờ có công đức đời trước nay được làm vua, chớ vì được tự do mà sống buông lung.

Lúc đó quốc vương rất hối hận, tự trách: Từ nay về sau ta sẽ như lời Thiểm dạy, không dám bê trễ. Những người theo vua đi săn vài trăm người thấy Thiểm đã chết có thần nhân đem thuốc nhỏ vào miệng, được sống lại, cha mẹ Thiểm được sáng mắt, họ rất vui mừng, phát tâm thọ trì năm giới, trọn đời không phạm.

Nhà vua trở về truyền lệnh cho cả nước: "Ai có các cha mẹ nghèo khổ, mù lòa như cha mẹ Thiểm đều phải phụng dưỡng, không được bỏ bê. Người nào phạm sẽ bị tội nặng."

Nhân dân trong nước vì thấy Thiểm được sống lại, trên dưới đều bảo nhau giữ gìn ngũ giới, tu hạnh Thập thiện, lúc chết được thăng thiên, không vào ba đường ác.

Đức Phật bảo A-nan:

– Những người có mặt nơi đây, kiếp xưa Thiểm chính là Ta, người cha mù tức là vua Duyệt-đầu-đàn, người mẹ mù nay là mẫu hậu Ta, phu nhân Ma-da, vua nước Ca-di nay là A-nan, Thiên đế Thích là Di-lặc vậy. Ân lành dưỡng dục của mẹ cha đã khiến cho Ta mau chóng thành đạo Vô thượng Chánh chân. Vì cảm động Trời, Rồng, Quỷ, Thần mà từ nơi chết được sống lại. Ân đức của mẹ cha sâu nặng, làm con phải hiếu thảo. Nay Ta được làm Phật, hóa độ mọi người, đều do đức hiếu thuận.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy đem những lời Ta dạy nói lại cho tất cả mọi người. Người có cha mẹ không thể không hiếu, đạo không thể không học. Thần giúp thoát khổ, sau đắc Niết-bàn đều do từ hiếu, học đạo mà được.

Đức Phật nói kinh này xong, chư Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, nhân dân, trưởng giả, cư sĩ, cung kính vâng theo, cúi đầu đảnh lễ Đức Phật, lui ra.

❑

SỐ 175

PHẬT NÓI KINH THIỂM TỬ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thánh Kiên.

BẢN 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Tỳ-la-lặc cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và chư Bồ-tát, quốc vương, đại thần, nhân dân, trưởng giả, cư sĩ, thanh tín sĩ, thanh tín nữ... đông không kể xiết, đều đến hội họp.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các ông hãy im lặng, chú ý lắng nghe. Ta nhớ thuở xưa khi mới cầu được đạo Bồ-tát, giữ gìn giới hạnh, thương yêu mọi loài, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, khéo léo dùng vô số phương tiện mà hàng Trời, Rồng, Thần, Thánh, vua, quan, nhân dân không thể thực hành được.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, liền sửa y quỳ gối bạch Phật:

– Chúng con xin được nghe việc này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Từ vô lượng kiếp xa xưa, lúc ấy có một Bồ-tát tên là Từ Tuệ, thường hành Tứ vô lượng tâm, cứu giúp muôn loài thoát khỏi nạn tai nguy khốn, thương yêu nuôi nấng người khổ. Thuở ấy vị Bồ-tát này ở cung trời Đâu-suất thường giáo hóa trời người. Hằng ngày ở trong sáu thời ngài đều tu Tam-muội chánh định, luôn nhớ đến ba cõi, quán chiếu con đường thiện ác của trời người trong khắp mười phương. Vị Bồ-tát này có lòng hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Tam bảo, theo học các bậc sư trưởng và tu tập mọi công đức đều thấy rõ ràng năm đường phân minh.

Lúc ấy trong nước Ca-di có một gia đình trưởng giả, hai vợ chồng mù lòa mà không có con cái, hai người tâm nguyện vào núi cầu tuệ vô thượng, ưa thích chỗ thanh vắng để tu tập hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát suy nghĩ: "Những người này phát tâm muốn học đạo vi diệu mà hai mắt không thấy, nếu vào núi họ sẽ rơi xuống hầm hố hoặc gặp trùng

độc nguy hại. Ta sẽ đầu thai làm con họ mà cung phụng trọn đời."

Vị Bồ-tát ấy liền đầu thai vào gia đình người mù làm con của họ. Cha mẹ vui sướng, yêu thương con thắm thiết. Trước kia hai ông bà đã phát tâm muốn vào núi, vì sinh được người con nên muốn ở lại thế gian.

Người con lên bảy tuổi được đặt tên là Thiểm, Thiểm nhân từ, chí hiếu và thực hành Thập thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu, không vọng ngữ, không ganh ghét, ngày đêm tinh tấn tin sâu vào đạo, hầu hạ cha mẹ như người thờ trời, thường nói lời vui vẻ, làm đẹp ý mọi người. Người con này sống theo phép tắc, không theo tà hạnh. Do đó cha mẹ rất vui mừng không phải ưu lo.

Năm lên mười tuổi, một hôm Thiểm quỳ xuống thưa cha mẹ:

– Trước kia cha mẹ có ý nguyện muốn vào núi sâu để cầu đạo vô thượng tịch tĩnh, không lẽ nay vì con mà muốn quên đi bản nguyện năm xưa? Người sống trong đời dâu bể đổi dời, mạng sống mong manh, thời gian đâu hẹn trước. Xin cha mẹ hãy nhớ ý chí ban đầu của mình, con nguyện theo cha mẹ vào núi hầu hạ cha mẹ mọi thứ cần dùng, thích hợp thời tiết.

Cha mẹ đáp:

– Lòng hiếu thuận của con có trời chứng giám cho. Chúng ta không trái với nguyện ước xưa kia, nên cùng nhau vào núi tu tập.

Thiểm đem tất cả tài sản trong nhà bố thí cho những người nghèo khó rồi cùng cha mẹ đi vào núi. Khi đến núi, Thiểm dùng cây, cỏ làm nhà và trải cỏ làm giường chiếu, dù là thời tiết nóng hay lạnh vẫn luôn luôn thích nghi. Ba người vào núi được một năm thì cây cối sinh trưởng tốt tươi, hoa quả ngon ngọt, nước suối trong veo mát lạnh, trong ao hoa sen năm màu đua nhau nở, Chiên-đàn ngào ngạt, cây cối tươi tốt hơn trước. Chim chóc đủ loại kỳ lạ đẹp đẽ thường tụ tập ríu rít những âm thanh như trổi nhạc, cha mẹ Thiểm vô cùng hân hoan. Thú rừng như sư tử, hùm, beo, rắn rít đều hướng đến những người này với tâm từ ái không hề có ý làm hại, chúng thản nhiên uống nước, ăn cỏ. Những chú nai rừng và chim chóc thường đến kề cận bên Thiểm hòa âm thành những bản nhạc vui.

Thiểm chí hiếu, Từ tâm, giẫm lên đất còn sợ đất bị đau. Trời, Người, Quỷ, Thần đều đến ủng hộ ba bậc đạo nhân này, họ luôn nhất tâm chánh niệm không vướng bận buồn lo. Thiểm thường hái đủ loại trái cây và múc nước suối để cho mẹ dùng, không thiếu. Có lần cha mẹ khát muốn uống nước, Thiểm khoác áo da nai, cầm bình đi lấy nước. Bầy chim và hươu, nai cũng uống nước ở đó, không sợ tai nạn.

Khi ấy, vua nước Ca-di vào núi săn bắn, vua thấy bên bờ suối có bầy

nai nên giương cung bắn, mũi tên trúng ngay ngực Thiểm. Bị mũi tên độc, toàn thân đau đớn, Thiểm kêu lớn:

– Ai đã đem một mũi tên giết cả ba đạo nhân?

Vua nghe tiếng kêu liền xuống ngựa, đến bên Thiểm. Thiểm nói với vua:

– Voi vì ngà mà chết, tê ngưu vì sừng mà chết, chim thú vì lông mà chết, hươu nai vì da thịt mà chết. Tôi không có ngà, sừng, không có lông, da thịt không thể ăn được. Nay tôi có tội gì mà ông nỡ giết tôi?

Vua hỏi:

– Khanh là người gì mà mặc áo da nai, không khác gì loài cầm thú?

Thiểm nói:

– Tôi là người trong nước của vua, cùng cha mẹ mù đến đây học đạo hơn hai mươi năm, chưa từng bị hổ, beo, trùng làm độc hại, nay lại bị mũi tên độc của nhà vua giết.

Ngay lúc ấy gió thổi mạnh làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu thương; sư tử, hổ, beo chạy tán loạn và kêu rống vang động khắp núi rừng. Mặt trời không chiếu sáng, dòng suối khô cạn, hoa lá héo khô, sấm sét vang rền...

Khi đó cha mẹ mù kinh sợ nói với nhau:

– Điềm gì quái lạ thế này? Thiểm đi lấy nước đã lâu không thấy về, hay là nó bị độc trùng, hổ lang làm hại? Vì sao mà cầm thú kêu la, âm thanh không như thường ngày? Gió thổi bốn phía, cây cối gãy ngã, ắt là có tai nạn bất thường đây!

Lúc ấy nhà vua rất lo sợ, tự trách: "Ta muốn bắn bầy nai, nhưng lầm bắn chết đạo nhân, tội ấy rất nặng, vì tham chút thịt mà bị tai họa này. xin dùng châu báu để cứu mạng ngươi".

Khi ấy, nhà vua muốn kéo mũi tên ra khỏi ngực Thiểm nhưng mũi tên rất sâu không thể rút ra được. Chim chóc, thú rừng bốn phương quây quần kêu la thống thiết, vang động cả núi rừng. Vua càng sợ hãi, toàn thân đều rúng động.

Thiểm nói với vua:

– Không phải lỗi của ngài, tại tội nghiệp kiếp trước của tôi mới đến nỗi này. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ thương cha mẹ mù của tôi tuổi đã già suy mà hai mắt không thấy đường. Mai này không có tôi, cũng sẽ chết vì không biết nương cậy vào ai. Vì lý do này mà tôi buồn rầu đau xót mà thôi.

Ngay lúc ấy, chư Thiên, Long thần , đều xúc động cúi đầu. Nhà vua lại nói:

– Thà ta vào địa ngục để chịu tội này, để cho Thiểm được sống.

Nhà vua quỳ xuống trước Thiểm nói lời ăn năn:

– Nếu khanh chết đi, ta sẽ không trở về nước nữa. Ta sẽ ở lại núi cung phụng cha mẹ của khanh như lúc khanh còn sống, khanh chớ lo nghĩ. Xin chư Thiên, Long thần chứng tri, tôi không phụ lời thề này.

Thiểm tuy đang bị tên độc, nghe vua nói lời thề này, trong lòng rất hoan hỷ. Tuy chết nhưng không ân hận.

– Vì cha mẹ tôi mà làm phiền vua phải cung phụng, ngài sẽ được vô lượng phước đức, tội nghiệp tiêu trừ.

Vua nói:

– Khanh hãy cho ta biết chỗ ở của cha mẹ khanh. Ta muốn biết chỗ ấy trước khi khanh nhắm mắt.

Thiểm liền chỉ cho vua lối đi:

– Cách đây không xa, có căn nhà lá, là nơi cha mẹ tôi đang ở đó. Xin ngài hãy nhẹ bước, chớ làm cho cha mẹ tôi kinh động hoảng sợ, khéo dùng lời giải thích với song thân tôi, thưa với cha mẹ tôi rằng: Vô thường đang đến, tôi sắp chết. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ tới cha mẹ đã già yếu lại mù lòa. Mai này không có tôi, cha mẹ biết nương tựa vào ai! Do đó tôi buồn rầu đau đớn. Tôi chết tự có phần, vì tội báo ngày trước đến nỗi không thoát khỏi. Nay tôi xin sám hối: Từ vô lượng kiếp khi có thân đến nay đã tạo bao nghiệp ác, từ đây tội diệt. Nguyện đời đời cùng cha mẹ không chia lìa. Xin cho cha mẹ được an khang trường thọ và chớ có lo buồn. Trời, Rồng, Quỷ, Thần thường theo giúp đỡ cha mẹ tai nạn sẽ tiêu diệt, sở cầu như ý, thong dong, tự tại.

Vua dẫn vài người đến chỗ cha mẹ Thiểm. Sau khi nhà vua đi, Thiểm từ từ tắt thở. Muông chim, cầm thú bốn phương tụ tập về, chúng liếm máu trên ngực Thiểm và kêu gào thảm thiết chung quanh thi hài. Cha mẹ Thiểm nghe những âm thanh này lòng càng thêm bàng hoàng. Nhà vua đi vội vã chạm vào cây cỏ gây ra tiếng động. Cha mẹ Thiểm sợ sệt hỏi:

– Ai đó? Đây không phải là bước chân của con ta.

Nhà vua nói:

– Ta là vua nước Ca-di, nghe nói đạo nhân ở núi này học đạo, nên ta đến cúng dường.

Cha mẹ Thiểm thưa:

– Đại vương hạ cố từ xa xôi đến thăm thảo am vắng vẻ này. Tâu đại vương, ngài có được bình an chăng? Phu nhân, thái tử, quan quân trong cung có được an lành không? Thời tiết có điều hòa, lương thực được dồi dào không? Có bị nước láng giềng xâm lấn không?

Vua trả lời:

– Nhờ ân đạo nhân, tất cả đều bình an.

Nhà vua hỏi thăm cha mẹ Thiểm:

– Trong chốn núi non nhọc nhằn, kham khổ, giữa nơi rừng rậm rất khó ở này, quý vị được an ổn không?

Đôi vợ chồng mù tâu:

– Muôn tâu, nhờ ân đại vương, chúng tôi vẫn được an ổn. Chúng tôi có người con hiếu thảo tên Thiểm, nó thường đi hái trái cây và lấy nước suối đầy đủ. Nhà tôi chỉ có chiếc chiếu cỏ, mời đại vương tạm ngồi nghỉ và dùng trái cây. Thiểm đi lấy nước cũng sắp về.

Vua nghe cha mẹ Thiểm nói, quá đỗi thương tâm, rơi lệ nói:

– Ta có tội thật nặng. Vào núi săn bắn, nhìn xa thấy bên bờ suối có bầy nai, ta giương cung bắn nhằm con của đạo nhân. Thiểm bị mũi tên độc vô cùng đau đớn, vì thế ta đến đây nói cho hai đạo nhân biết.

Cha mẹ Thiểm nghe nói xong, toàn thân ngã xuống như Thái sơn sụp đổ, như bị động đất. Họ ngước mặt lên trời than khóc và kêu rằng:

– Thiểm con của ta, chí hiếu thiên hạ không ai bằng, chân giẫm lên đất thường sợ đất đau. Nay có tội gì mà bị bắn chết? Vừa rồi gió bão làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu thương vang dội khắp núi rừng. Ta ở trong núi đã hơn hai mươi năm chưa từng có hiện tượng kỳ lạ này. Con ta đi lấy nước rất lâu không về, ắt phải có sự cố gì đây?

Chư thần đều kinh sợ, xúc động cúi đầu. Người mẹ khóc mãi không thôi. Người cha bảo thôi nín khóc đi và nói:

– Người đời không có ai được trường sinh bất tử. Một khi vô thường đến thì không thể thoát khỏi.

Cha mẹ Thiểm hỏi vua:

– Tâu đại vương, lúc còn sống Thiểm có dặn chi không?

Nhà vua kể lại đầy đủ lời Thiểm dặn dò cho cha mẹ Thiểm nghe. Nghe lời vua kể, cha mẹ Thiểm thương cảm khôn nguôi, nói:

– Mai này không có con, chúng ta cũng sẽ chết! Nay xin đại vương hãy dắt chúng tôi đến chỗ thi hài của Thiểm.

Vua liền dẫn cha mẹ Thiểm đi. Đến nơi, người cha ôm lấy đầu con,

bà mẹ ôm hai chân ấp lên gối mình và dùng hai tay sờ mò mũi tên trên ngực con, ngước lên trời than:

– Chư Thiên, Long thần, Sơn thần, Thọ thần! Con tôi là Thiểm, người con chí hiếu trong thiên hạ, xin chư Thiên, Long thần chứng tri. Tôi nay đã già, hai mắt lại không thấy, tôi xin được chết thay cho con tôi sống lại, tôi không hối hận.

Hai ông bà đều thề nguyện:

– Nếu đất trời chứng tri cho lòng hiếu thảo của Thiểm, mũi tên tự rơi ra, chất độc tiêu, cho Thiểm sống lại!

Lúc đó trên tầng trời thứ hai Đao-lợi, ngai Thiên đế đang ngồi bị rúng động, ngài dùng Thiên nhãn thấy hai đạo nhân mù ôm con khóc, tiếng vang thấu tầng trời thứ tư Đâu-suất là Thích, Phạm tứ vương, từ cõi trời bay xuống, nhanh như duỗi cánh tay, họ đến trước mặt Thiểm, dùng thuốc thần diệu nhỏ vào miệng Thiểm. Khi thuốc vào trong miệng, mũi tên độc rớt xuống và Thiểm sống lại như trước. Cha mẹ nghe Thiểm sống lại, hai mắt đều sáng. Muông chim cầm thú đều phát ra tiếng kêu vui mừng, gió ngừng mây tạnh, mặt trời chiếu sáng, suối chảy trong veo mát lạnh, hoa sen năm sắc nở rộ trong ao, hương Chiên-đàn tỏa ngát, cây cối tươi tốt hơn ngày thường. Nhà vua vui mừng không kể xiết, đảnh lễ trời Đế Thích, quay sang lễ tạ cha mẹ Thiểm và Thiểm, xin dâng tài sản cả nước và cúng dường đầy đủ cho bậc đạo nhân để tội lỗi của vua tiêu trừ vĩnh viễn.

Thiểm tâu vua:

– Muốn tăng thêm phước đức, vua nên về nước chăm lo săn sóc nhân dân, khiến họ phải giữ giới, vua chớ có săn bắn giết hại loài vô tội. Nếu không, thân không an ổn, lúc chết sẽ vào địa ngục. Người sống ở đời, ái ân phút chốc, biệt ly lâu dài, đâu có gì tồn tại. Ngài nhờ phước đức trước nên nay được làm vua, không nên kiêu căng, phóng túng, vì phóng túng nên tạo ra nhiều điều ác, sau khi đọa lạc vào con đường ác hối hận nào có ích gì!

Vua vâng lời Thiểm dạy. Những người theo vua đi săn bắn, vì thấy Thiểm đã chết, lại được Thiên thần cho thuốc sống lại, cha mẹ Thiểm được sáng mắt quả là thần diệu nên họ cũng xin thọ trì năm giới, tu hạnh Thập thiện để khi chết không đọa vào đường ác mà được sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy A-nan:

– Những người có mặt ở đây, kiếp xưa Thiểm chính là thân Ta. Người cha mù tức là vua Duyệt-đầu-đàn, người mẹ mù nay là vương phu nhân Ma-da. Vua nước Ca-di là A-nan. Thiên đế Thích là Phật Di-lặc.

Đức Phật dạy A-nan:

– Ta trong các đời trước từng làm người con nhân từ hiếu thảo, làm vua thương dân, làm dân phụng kính. Từ đó Ta đắc thành Bậc Tôn quý trong ba cõi.

Phật nói kinh này xong, chư Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thảy đều hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

❑

PHẬT NÓI KINH THIỂM TỬ

Hán dịch: Đời Tần, Tam tạng
Pháp sư Thích Thánh Kiên.

BẢN 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Tỳ-la-lặc, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và chư Bồ-tát, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, thiện nam, tín nữ... đông không xiết kể, đều đến hội họp.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các ông hãy im lặng, chú ý lắng nghe. Ta nhớ thuở xưa, khi mới đắc đạo Bồ-tát, giữ gìn giới hạnh, thương yêu muôn loài, tinh tấn, nhất tâm, tu tập trí tuệ, thực hành phương tiện, tích chứa công đức không thể kể xiết mà hàng Trời, Rồng, Thần, Thánh, vua, quan, nhân dân không thể thực hành được.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, sửa y, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

– Chúng con xin được nghe việc này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Từ vô lượng kiếp xa xưa, có Bồ-tát tên Nhất Thiết Diệu Hạnh, lòng từ bi trải khắp, cứu giúp quần sinh, thường hành Tứ vô lượng tâm, cứu giúp ách nạn cho đời, nuôi dưỡng người khốn khổ. Vị Bồ-tát này ở cung trời Đâu-suất, thường giáo hóa trời, người, ngày đêm trong sáu thời luôn tu chánh định. Ngài nghĩ nhớ đến ba cõi, quán chiếu con đường thiện ác của trời, người trong khắp mười phương. Bồ-tát biết có cha con, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Tam bảo, nghe theo Sư trưởng, tu tập mọi công đức, thường dùng Thiên nhãn soi suốt năm đường.

Lúc ấy trong nước Ca-di có một gia đình trưởng giả, hai vợ chồng bị mù lòa không có con cái. Hai người tâm nguyện vào núi cầu trí vô thượng, ưa thích chỗ thanh vắng, tu ý thanh tịnh.

Bồ-tát suy nghĩ: "Những người này phát tâm muốn học đạo vi diệu mà hai mắt lại không thấy, nếu vào núi họ sẽ bị rơi xuống hầm hố hoặc gặp độc trùng nguy hại. Nếu ta chết đi và làm con của họ, ta sẽ cung phụng cha

mẹ trọn đời".

Ngay khi ấy Bồ-tát liền đầu thai vào gia đình vợ chồng người mù làm con của họ, cha mẹ vui sướng và yêu thương con vô cùng. Trước kia hai vợ chồng đã phát tâm muốn vào núi, vì sinh được con nên muốn ở lại thế gian.

Người con lên mười tuổi, được đặt tên là Thiểm. Thiểm nhân từ chí hiếu và thực hành Thập thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu, không vọng ngữ, không thêu dệt, không ganh ghét. Ngày đêm tinh tấn tin sâu vào đạo, hầu hạ cha mẹ như người thờ trời, nói lời vui vẻ, không phật ý người, sống theo phép tắc, không theo tà hạnh, do đó cha mẹ Thiểm rất vui mừng không phải ưu tư lo lắng.

Đến năm hơn mười tuổi, một hôm Thiểm quỳ xuống thưa cha mẹ:

– Trước kia cha mẹ phát nguyện lớn muốn vào núi sâu để cầu đạo Vô thượng tịch tĩnh, không lẽ nay vì con mà quên đi bản nguyện năm xưa? Người sống trong đời trăm chiều biến đổi, mạng sống mong manh, thời gian đâu hẹn trước. Xin cha mẹ hãy nhớ ý chí ban đầu của mình, con nguyện theo cha mẹ vào núi hầu hạ cha mẹ mọi thứ cần dùng, thích hợp thời tiết.

Cha mẹ Thiểm đáp:

– Lòng hiếu thuận của con có trời chứng giám cho. Chúng ta không trái với nguyện ước xưa kia, nên cùng nhau vào núi.

Thiểm đem tất cả tài sản trong nhà bố thí cho những người nghèo trong nước, rồi cùng cha mẹ đi vào núi. Khi đến núi rừng, Thiểm dùng cây cỏ làm nhà, trải cỏ làm giường chiếu cho cha mẹ, luôn luôn điều hòa, không lạnh không nóng. Ba người vào núi được một năm thì hoa quả sum suê, hương vị thơm ngon dùng làm thức ăn, nước suối chảy trong veo mát lạnh, trong ao hoa sen năm màu đua nhau nở, Chiên-đàn ngào ngạt, cây cối xanh tốt hơn thường. Mưa thuận gió hòa, không lạnh không nóng, cây lá giao nhau để che sương, che mưa và che ánh nắng mặt trời, ở bên dưới mát mẻ. Những loài chim quý bay liệng, âm thanh ríu rít như nhạc trỗi để làm vui lòng cha mẹ mù. Sư tử, gấu, beo, hổ, lang, thú dữ đều hướng đến những người này với tâm từ ái, không hề có ý làm hại. Chúng thản nhiên uống nước, ăn cỏ; những chú nai rừng, gấu, beo và những loài thú khác thường đến kề cận bên Thiểm cùng Thiểm hòa âm để làm vui lòng cha mẹ.

Thiểm chí hiếu, nhân từ không ai hơn được, giẫm lên đất còn sợ đất đau. Thiên thần, Sơn thần đều hiện hình người, ngày đêm thường đến thăm viếng ba đạo nhân. Họ luôn nhất tâm chánh niệm không vướng bận lo buồn. Thiểm thường hái đủ thứ trái cây dâng cha mẹ làm thức ăn. Khi cha mẹ

khát muốn uống thì dùng nước suối để uống, không bị thiếu thốn gì cả.

Một hôm cha mẹ khát nước, Thiểm khoác áo da nai, cầm bình đi lấy nước. Bầy chim và hươu nai cũng đến đó uống nước, không sợ sẽ có tai nạn.

Khi ấy vua nước Ca-di vào núi săn bắn. Vua thấy bên bờ suối có hươu nai, giương cung bắn, mũi tên trúng nhầm ngực Thiểm. Bị mũi tên độc thấm vào toàn thân đau đớn, Thiểm kêu lớn:

– Ai đã đem một mũi tên giết cả ba đạo nhân?

Vua nghe tiếng kêu liền xuống ngựa, đến bên Thiểm. Thiểm nói với vua:

– Voi chết vì ngà, tê ngưu chết vì sừng, chim thúy chết vì lông, hươu nai chết vì thịt. Tôi không có ngà, sừng, không có lông, da thịt không thể ăn được. Nay tôi có tội gì mà ông nỡ giết tôi?

Vua nói:

– Khanh là người gì mà mặc áo da nai, không khác gì loài cầm thú?

Thiểm thưa:

– Tôi là người trong nước của vua, cùng cha mẹ mù đến đây học đạo hơn hai mươi năm, chưa từng bị hổ, beo, trùng độc làm hại, nay lại bị mũi tên độc của nhà vua giết.

Ngay lúc ấy gió trong núi thổi mạnh làm gãy ngã cây cối, muông chim cầm thú, sư tử, hổ, beo, thú dữ kêu rống vang động khắp núi rừng. Mặt trời không chiếu sáng, dòng suối khô cạn, hoa lá héo khô, sấm sét vang rền, mặt đất rúng động.

Khi đó cha mẹ mù kinh sợ nói với nhau:

– Điềm gì quái lạ thế này? Thiểm đi lấy nước đã lâu không thấy về, hay là nó bị độc trùng làm hại? Cầm thú kêu la, âm thanh không như thường ngày. Gió thổi bốn phía, cây cối gãy ngã, ắt là có tai nạn bất thường đây!

Lúc ấy nhà vua rất lo sợ, tự trách: "Ta muốn bắn nai nhưng mũi tên lại trúng nhầm giết bậc đạo nhân, tội của ta thật nặng, vì tham chút thịt mà bị tai họa này. Bây giờ ta đem của cải, châu báu, cung điện, kỹ nữ, binh lính, thành quách, xóm làng của cả nước để cứu lấy mạng người".

Nhà vua đưa tay kéo mũi tên ra khỏi ngực Thiểm nhưng mũi tên rất sâu không thể rút ra được. Chim chóc, thú rừng bốn phương quây quần kêu la thống thiết, vang động cả núi rừng. Vua càng sợ hãi, toàn thân đều run rẩy.

Thiểm nói với vua:

– Không phải lỗi của ngài, tại tội nghiệp kiếp trước của tôi mới đến nỗi này. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ thương cha mẹ mù của tôi tuổi đã già suy mà hai mắt không thấy đường. Mai này không có tôi, cũng sẽ chết. Vì lý do này mà tôi buồn rầu đau xót mà thôi.

Ngay lúc ấy, chư Thiên, Long thần, đều xúc động cúi đầu cung kính. Nhà vua lại nói:

– Thà ta vào địa ngục trăm kiếp để chịu tội này để làm cho Thiểm được sống.

Nhà vua quỳ xuống trước Thiểm nói lời ăn năn:

– Nếu khanh chết đi, ta sẽ không trở về nước nữa. Ta sẽ ở lại núi cung phụng cha mẹ của khanh như lúc khanh còn sống, khanh chớ lo nghĩ. Xin Thiên, Long, Quỷ thần chứng tri, tôi không phụ lời thề này.

Thiểm tuy đang bị tên độc, nghe vua nói lời thề này, trong lòng rất hoan hỷ. Tuy chết nhưng không ân hận.

– Vì cha mẹ tôi mà phải phiền lụy đến vua cung dưỡng, ngài sẽ được vô lượng phước đức, tội nghiệp tiêu trừ.

Vua nói:

– Khanh hãy cho ta biết chỗ cha mẹ khanh ở? Ta muốn biết trước khi khanh nhắm mắt.

Thiểm liền chỉ cho vua lối đi:

– Theo con đường tắt này, cách đây không xa, sẽ thấy căn nhà lá, là nơi cha mẹ tôi đang ở đó. Xin ngài hãy nhẹ bước, chớ làm cho cha mẹ tôi kinh động hoảng sợ, khéo dùng lời giải thích với song thân tôi, vua vì tôi thưa với cha mẹ tôi rằng: Vô thường đang đến, tôi sắp chết. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ tới cha mẹ đã già yếu lại mù lòa. Mai này không có tôi, cha mẹ biết nương tựa vào ai? Do đó tôi buồn rầu đau đớn. Tôi chết là tự mình, vì tội báo ngày trước đến nỗi không thoát khỏi. Nay tôi xin sám hối: Từ vô lượng kiếp, từ khi có thân đến nay đã tạo bao nghiệp ác, tội này xin tiêu diệt. Nguyện đời đời cùng cha mẹ không chia lìa. Xin cho cha mẹ được an khang trường thọ và chớ có lo buồn. Trời, Rồng, Quỷ, Thần thường theo giúp đỡ cha mẹ tai nạn tiêu tan, sở cầu như ý, thong dong tự tại.

Vua dẫn vài người đến chỗ cha mẹ Thiểm. Sau khi nhà vua đi, Thiểm từ từ tắt thở. Muông chim, cầm thú bốn phương tụ tập về, chúng liếm máu trên ngực Thiểm và kêu gào thảm thiết chung quanh thi hài. Cha mẹ Thiểm nghe những âm thanh này lòng càng thêm bàng hoàng. Nhà vua đi vội vã chạm vào cây cỏ gây ra tiếng động. Cha mẹ Thiểm sợ sệt hỏi:

– Ai đó? Đây không phải là bước chân của con ta.

Vua nói:

– Ta là vua nước Ca-di, nghe đạo nhân ở núi này học đạo, nên ta đến cúng dường.

Cha mẹ Thiểm thưa:

– Đại vương hạ cố từ xa xôi đến thăm thảo am vắng vẻ này. Tâu đại vương, ngài có được bình an chăng? Phu nhân, thái tử, quan quân trong cung có được an lành không? Thời tiết có điều hòa, lương thực được dồi dào không? Có bị nước láng giềng xâm lấn không?

Vua đáp:

– Nhờ ân đạo nhân, tất cả đều bình an.

Nhà vua hỏi thăm cha mẹ Thiểm:

– Trong chốn núi non nhọc nhằn, kham khổ, giữa nơi rừng rậm rất khó ở này, quý vị được an ổn chăng?

Đôi vợ chồng mù tâu:

– Muôn tâu, nhờ ân đại vương, chúng tôi vẫn được an ổn. Chúng tôi có người con hiếu thảo tên Thiểm, nó thường đi hái trái cây và lấy nước suối đầy đủ. Nhà tôi chỉ có chiếc chiếu cỏ, mời đại vương tạm ngồi nghỉ và dùng trái cây. Thiểm đi lấy nước cũng sắp về.

Vua nghe cha mẹ Thiểm nói, quá đỗi thương tâm, rơi lệ nói:

– Ta có tội thật nặng. Vào núi săn bắn, nhìn xa thấy bên bờ suối có bầy nai, ta giương cung bắn nhằm con của đạo nhân. Thiểm bị mũi tên độc vô cùng đau đớn, vì thế ta đến đây nói cho hai đạo nhân biết.

Cha mẹ Thiểm nghe nói xong, toàn thân ngã xuống như núi Thái sơn sụp đổ, như bị động đất. Họ ngước mặt lên trời than khóc và kêu rằng:

– Thiểm con của ta, chí hiếu, thiên hạ không ai bằng, chân giẫm lên đất thường sợ đất bị đau. Nay có tội gì mà bị bắn chết? Vừa rồi gió bão làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu thương vang dội khắp núi rừng. Ta ở trong núi đã hơn hai mươi năm chưa từng có hiện tượng kỳ lạ này. Con ta đi lấy nước rất lâu không về, ắt phải có sự cố gì đây?

Chư thần đều kinh sợ, xúc động cúi đầu, người mẹ khóc mãi không thôi. Người cha bảo thôi nín khóc đi và nói:

– Người đời không có ai là không chết. Một khi vô thường đến thì không thể thoát khỏi.

Rồi hỏi vua:

– Tâu đại vương, lúc còn sống Thiểm có dặn chi không?

Nhà vua kể lại đầy đủ lời Thiểm dặn dò cho cha mẹ Thiểm nghe. Nghe lời vua kể, cha mẹ Thiểm thương cảm khôn nguôi, nói:

– Mai này không có con, chúng ta cũng sẽ chết! Nay xin đại vương hãy dắt chúng tôi đến chỗ thi hài của Thiểm.

Vua liền dẫn cha mẹ Thiểm đi. Đến nơi, người cha ôm lấy đầu con, bà mẹ ôm hai chân ấp lên gối mình và dùng hai tay sờ mò mũi tên trên ngực con, bà ngước lên trời than thở:

– Chư Thiên, Long thần, Sơn thần, Thọ thần, Thủy thần! Con tôi là Thiểm, một người con chí hiếu trong thiên hạ. Xin chư Thiên, Long thần chứng tri! Tôi nay đã già, hai mắt lại không thấy, tôi xin được chết thay cho con tôi sống lại, tôi không hối hận.

Hai ông bà đều thề nguyền:

– Nếu Thiểm chí hiếu thì xin đất trời chứng tri mũi tên tự rớt ra, chất độc tiêu tan, cho Thiểm sống lại!

Lúc đó trên tầng trời thứ hai Đao-lợi, ngai của Thiên chủ Đế Thích đang ngồi bị chấn động, ngài dùng Thiên nhãn thấy hai đạo nhân ôm con kêu khóc, tiếng vang đến tầng trời thứ tư là Đâu-suất, Thích, Phạm, Tứ thiên vương liền từ cõi trời đến, nhanh như người duỗi cánh tay, xuống ngay chỗ Thiểm nằm, dùng thần dược nhỏ vào miệng Thiểm. Thuốc vào trong miệng, mũi tên độc rơi xuống và Thiểm được sống lại. Cha mẹ Thiểm ngạc nhiên, vui mừng thấy Thiểm đã chết được sống lại như trước. Cha mẹ nghe Thiểm sống lại hai mắt đều sáng. Muông chim cầm thú đều phát ra tiếng kêu vui mừng, gió ngừng mây tạnh, mặt trời sáng lại, nước suối lại chảy trong veo mát mẻ, hoa sen năm sắc nở rộ trong ao, hương Chiên-đàn tỏa ngát, cây cối tươi tốt hơn ngày thường.

Nhà vua vui mừng không kể xiết, đảnh lễ trời Đế Thích, quay sang lễ tạ cha mẹ Thiểm và Thiểm, xin dâng tài sản cả nước cho đạo nhân và tự thân cúng dường, mong cho tội chướng tiêu diệt, vĩnh viễn dứt trừ.

Thiểm tâu vua:

– Muốn tăng thêm phước đức vua nên trở về nước chăm lo săn sóc nhân dân, nên khiến cho mọi người phụng trì giới, vua chớ có săn bắn giết hại loài vô tội. Nếu không, thân không an ổn, lúc chết thì sẽ vào trong địa ngục. Người sống ở đời, ái ân phút chốc, ly biệt lâu dài, đâu có gì thường mãi. Ngài nhờ có công đức đời trước nay được làm vua, chớ kiêu căng buông lung, vì buông lung nên tạo vô lượng tội ác, sau đọa vào đường ác hối hận cũng chẳng ích gì!

Vua vâng lời Thiểm dạy. Những người theo vua đi săn, vì thấy Thiểm đã chết lại được Thiên thần cho uống thuốc được sống lại, cha mẹ mù mắt được sáng lại toàn là những điều kỳ diệu nên họ xin thọ trì năm giới, tu hành Thập thiện để khi chết không đọa vào đường ác, được sinh lên cõi trời.

Đức Phật bảo A-nan:

– Những người hội họp nơi đây, kiếp xưa Thiểm chính là thân Ta. Người cha mù tức là vua Duyệt-đầu-đàn, người mẹ mù nay là vương phu nhân Ma-da. Vua nước Ca-di là A-nan, Thiên đế Thích là Phật Di-lặc.

Đức Phật bảo A-nan:

– Trong các đời trước, Ta đã từng làm người con nhân hiếu, làm vua từ mẫn, làm người dân phụng kính. Từ đó Ta đắc thành Bậc Tôn Quý trong ba cõi.

Đức Phật nói kinh này xong, chư Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thảy đều hoan hỷ đảnh lễ lui ra.

❑

PHẬT NÓI KINH THIỄM TỬ

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Thích Thánh Kiên.

BẢN 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Tỳ-la-lặc cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và chư Bồ-tát, quốc vương, đại thần, dân chúng, trưởng giả, cư sĩ, thiện nam, tín nữ... đông không kể xiết đều đến hội họp.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các ông hãy định ý lắng nghe. Ta nhớ thuở xưa khi mới đắc đạo Bồ-tát, giới hạnh đầy đủ, tinh tấn, nhất tâm, tu tập trí tuệ khéo vận dụng phương tiện, tích lũy công đức không thể kể xiết mà hàng Trời, Rồng, Thần, Thánh, vua, quan, nhân dân không thể thực hành được.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, sửa y quỳ gối bạch Phật:

– Chúng con xin được nghe việc này.

Đức Phật dạy A-nan:

– Từ vô lượng kiếp xa xưa, lúc ấy có một Bồ-tát tên là Nhất Thiết Diệu Hạnh, từ bi ban trải, cứu giúp quần sinh, thường hành Tứ vô lượng tâm, giải trừ nạn tai nguy khốn cho cuộc đời, nuôi dưỡng người khổ. Vị Bồ-tát này ở cung trời Đâu-suất thường giáo hóa trời, người. Ngày đêm sáu thời ngài đều tu Tam-muội chánh định, quán chiếu con đường thiện ác của trời, người trong khắp mười phương, biết có cha con, hiếu thuận, kính thờ Tam bảo, cung thuận sư trưởng và tu tập mọi công đức, dùng Thiên nhãn quán khắp năm đường.

Lúc ấy trong nước Ca-di có một gia đình trưởng giả, hai vợ chồng mù lòa mà không có con cái, hai người tâm nguyện vào núi cầu đạo Vô thượng tu chí thanh tịnh, ưa thích chỗ thanh vắng.

Bồ-tát suy nghĩ: "Những người này phát tâm muốn học đạo vi diệu mà hai mắt không thấy, nếu vào núi họ sẽ rơi xuống hầm hố hoặc gặp trùng độc nguy hại. Ta sẽ đầu thai làm con họ mà cung phụng trọn đời."

Vị Bồ-tát ấy liền đầu thai vào gia đình người mù làm con của họ. Cha mẹ vui sướng, yêu thương con vô cùng. Trước kia hai ông bà đã phát tâm

muốn vào núi, vì sinh được người con nên muốn ở lại thế gian.

Người con lên mười tuổi được đặt tên là Thiểm. Thiểm nhân từ, chí hiếu và thực hành Thập thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu, không vọng ngữ, không thêu dệt, không ganh ghét, ngày đêm tinh tấn tin sâu vào đạo, hầu hạ cha mẹ như người thờ trời, thường nói lời vui vẻ, làm đẹp ý mọi người, sống theo phép tắc, không theo tà hạnh. Do đó cha mẹ rất vui không phải ưu lo.

Đến năm hơn mười tuổi, một hôm Thiểm quỳ xuống thưa cha mẹ:

– Trước kia cha mẹ có phát ý nguyện lớn muốn vào núi sâu để cầu đạo Vô thượng tịch tĩnh, không lẽ nay vì con mà muốn quên đi bản nguyện năm xưa? Người sống trong đời dâu bể đổi dời, mạng sống mong manh, thời gian đâu hẹn trước. Xin cha mẹ hãy nhớ ý chí ban đầu của mình, con nguyện theo cha mẹ vào núi hầu hạ cha mẹ mọi thứ cần dùng, thích hợp thời tiết.

Cha mẹ Thiểm đáp:

– Lòng hiếu thuận của con có trời chứng giám. Chúng ta không trái với nguyện ước xưa kia, nên cùng nhau vào núi tu tập.

Thiểm đem tất cả tài sản trong nhà bố thí cho những người nghèo khó trong nước rồi cùng cha mẹ đi vào núi. Khi đến núi rừng, Thiểm dùng lau sậy làm nhà và trải cỏ làm giường nệm, không nóng, không lạnh, luôn luôn thích hợp. Ba người vào núi được một năm thì cây cối sinh trưởng tốt tươi, hoa quả ngon ngọt, nước suối trong veo mát lạnh, trong ao hoa sen năm màu đua nhau nở, Chiên-đàn ngào ngạt, cây cối xanh tốt mùi thơm hơn hẳn xưa kia. Mưa thuận gió hòa, không nóng không lạnh. Lá cây đan xen nhau để che mưa móc, che ánh sáng mặt trời, bên dưới luôn mát mẻ. Chim chóc thường tụ tập, ríu rít những âm thanh như trổi nhạc, làm vui cha mẹ Thiểm. Sư tử, hùm, beo, rắn rít đều hướng đến họ với tâm từ ái không hề có ý sợ sệt, làm hại, chúng thản nhiên uống nước, ăn cỏ. Những chú nai rừng và chim chóc thường đến kề cận bên Thiểm, cùng Thiểm hòa âm để giúp vui cha mẹ Thiểm.

Thiểm chí hiếu nhân từ không ai bằng đến nỗi giẫm chân lên đất sợ đất bị đau. Thiên thần, Sơn thần đều hóa làm người ngày đêm đến ủng hộ ba bậc đạo nhân này, họ luôn nhất tâm chánh niệm không vướng bận buồn lo. Thiểm thường hái hàng trăm thứ trái cây dâng cha mẹ dùng, nước non đầy đủ. Có lần cha mẹ khát muốn uống nước, Thiểm khoác áo da nai, cầm bình đi lấy nước. Bầy chim và hươu, nai cũng uống nước ở đó, không biết sẽ có tai nạn.

Khi ấy vua nước Ca-di vào núi săn bắn. Vua thấy bên bờ suối có hươu nai, chim chóc, giương cung bắn, mũi tên trúng ngay Thiểm. Bị mũi tên độc thấm vào, toàn thân đau đớn, Thiểm kêu lớn:

– Ai đã đem một mũi tên giết cả ba đạo nhân?

Vua nghe tiếng người liền xuống ngựa, đến bên Thiểm. Thiểm nói với vua:

– Voi chết vì ngà, tê ngưu chết vì sừng, chim thú chết vì lông, hươu nai chết vì thịt. Tôi không có ngà, sừng, không có lông, da thịt không thể ăn được. Nay tôi có tội gì mà ông nỡ giết tôi?

Vua hỏi:

– Khanh là người gì mà mặc áo da nai, không khác gì loài cầm thú?

Thiểm tâu:

– Tôi là người trong nước của vua, cùng cha mẹ mù đến đây học đạo, hơn hai mươi năm, chưa từng bị hổ, beo, trùng làm độc hại, nay lại bị mũi tên độc của nhà vua giết.

Ngay lúc ấy gió trong núi thổi mạnh làm gãy ngã cây cối, muông chim cầm thú, sư tử, hổ, beo kêu rống vang động khắp núi rừng. Mặt trời không chiếu sáng, dòng suối khô cạn, hoa lá héo khô, sấm sét vang rền...

Khi đó cha mẹ mù kinh sợ nói với nhau:

– Điều gì quái lạ thế này! Thiểm đi lấy nước đã lâu không thấy về, hay là nó bị độc trùng làm hại? Cầm thú kêu thương, âm thanh gào thét không như thường ngày! Gió thổi bốn phía, cây cối gãy ngã, ắt là có tai nạn bất thường đây!

Lúc ấy, nhà vua rất lo sợ, tự trách: "Ta chỉ bắn nai, lại trúng nhầm giết hại bậc đạo nhân, tội của ta thật nặng, vì tham chút thịt mà bị tai họa to lớn này. Bây giờ ta đem của cải, châu báu, cung điện, kỹ nữ, binh lính, thành quách, xóm làng của cả nước để cứu lấy mạng người".

Khi ấy nhà vua đưa tay kéo mũi tên ra khỏi ngực Thiểm, nhưng mũi tên rất sâu không thể rút ra được. Chim chóc, thú rừng bốn phương quây quần kêu la thống thiết, vang động cả núi rừng. Vua càng sợ hãi, toàn thân đều run rẩy.

Thiểm nói với vua:

– Không phải lỗi của ngài, tại tội nghiệp kiếp trước của tôi mới đến nỗi này. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ thương cha mẹ mù của tôi tuổi đã già suy mà hai mắt không thấy đường. Mai này không có tôi, cũng sẽ chết vì lý do này mà tôi buồn rầu đau xót.

Ngay lúc ấy, chư Thiên, Long thần, đều xúc động cúi đầu cung kính. Nhà vua lại nói:

– Thà ta vào địa ngục trăm kiếp để chịu tội, làm sao cho Thiểm được sống.

Nhà vua quỳ xuống trước Thiểm nói lời ăn năn:

– Nếu khanh chết đi, ta sẽ không trở về nước nữa. Ta sẽ ở lại núi cung phụng cha mẹ mù của khanh như lúc khanh còn sống, khanh chớ lo nghĩ. Xin Trời, Rồng, Quỷ, Thần chứng tri tôi không phụ lời thề này.

Thiểm tuy đang bị tên độc, nghe vua nói lời thề này, trong lòng rất hoan hỷ. Tuy chết nhưng không ân hận.

– Vì cha mẹ tôi mà phải phiền vua cung phụng. Ngài sẽ được vô lượng phước đức, tội nghiệp tiêu trừ.

Vua nói:

– Khanh hãy cho ta biết chỗ của cha mẹ khanh ở? Ta muốn biết trược khi khanh nhắm mắt.

Thiểm liền chỉ cho vua lối đi:

– Theo con đường tắt này, cách đây không xa, sẽ thấy căn nhà lá, là nơi cha mẹ tôi đang ở đó. Xin ngài hãy nhẹ bước, chớ làm cho cha mẹ tôi kinh động hoảng sợ, khéo dùng lời giải thích với song thân tôi và vì tôi thưa với cha mẹ tôi rằng: Vô thường đang đến, tôi sắp chết. Tôi không tiếc thân mạng, chỉ nghĩ thương cha mẹ đã già yếu lại mù lòa. Mai này không có tôi, cha mẹ biết nương tựa vào ai! Do đó tôi buồn rầu đau xót. Tôi chết là do mình vì tội báo ngày trước đến nỗi không thoát khỏi. Nay tôi xin sám hối: Từ vô lượng kiếp, từ khi có thân đến nay, đã tạo bao nghiệp ác, tôi xin tiêu diệt! Nguyện đời đời tôi cùng cha mẹ gặp nhau không chia lìa. Xin cho cha mẹ được an khang trường thọ và chớ có lo buồn. Trời, Rồng, Quỷ, Thần thường theo giúp đỡ cha mẹ, tai nạn tiêu diệt, sở cầu như ý, thong dong tự tại.

Vua dẫn vài người đến chỗ cha mẹ Thiểm. Sau khi nhà vua đi, Thiểm từ từ tắt thở. Muông chim, cầm thú bốn phương tụ tập về, chúng liếm máu trên ngực Thiểm và kêu gào thảm thiết chung quanh thi hài. Cha mẹ Thiểm nghe những âm thanh này lòng càng thêm bàng hoàng. Nhà vua đi vội vã chạm vào cây cỏ gây ra tiếng động. Cha mẹ Thiểm sợ sệt hỏi:

– Ai đó? Đây không phải là bước chân của con ta.

Vua nói:

– Ta là vua nước Ca-di, nghe các đạo nhân mù ở núi này học đạo, nên

ta đến cúng dường.

Cha mẹ Thiểm thưa:

– Đại vương hạ cố từ xa xôi đến thăm thảo am vắng vẻ này. Tâu đại vương, ngài có được bình an chăng? Phu nhân, thái tử, quan quân và dân chúng trong cung có được an lành không? Thời tiết có điều hòa, lương thực được dồi dào không? Có bị nước láng giềng xâm lấn không?

Vua đáp:

– Nhờ ân đạo nhân, tất cả đều bình an.

Nhà vua hỏi thăm cha mẹ Thiểm:

– Trong chốn núi non nhọc nhằn, kham khổ, giữa nơi rừng rậm rất khó ở này, quý vị được an ổn chăng?

Đôi vợ chồng mù:

– Muôn tâu, nhờ ân đại vương, chúng tôi vẫn được an ổn. Chúng tôi có người con hiếu thảo tên Thiểm, nó thường đi hái trái cây và lấy nước suối đầy đủ. Nhà tôi chỉ có chiếc chiếu cỏ, mời đại vương tạm ngồi nghỉ và dùng trái cây. Thiểm đi lấy nước cũng sắp về.

Vua nghe cha mẹ Thiểm nói, quá đỗi thương tâm, rơi lệ nói:

– Ta có tội thật nặng. Vào núi săn bắn, nhìn xa thấy bên bờ suối có bầy nai, ta giương cung bắn nhằm con của đạo nhân. Thiểm bị mũi tên độc vô cùng đau đớn, vì thế ta đến đây nói cho hai đạo nhân biết.

Cha mẹ Thiểm nghe nói xong, toàn thân ngã xuống như ngọn Thái sơn sụp đổ, như bị động đất. Họ ngước mặt lên trời than khóc và kêu lên:

– Thiểm con của ta, chí hiếu thiên hạ không ai bằng, chân giẫm lên đất thường sợ đất bị đau. Nay có tội gì mà bị bắn chết? Vừa rồi, gió bão làm gãy ngã cây cối, muông chim kêu thương vang dội khắp núi rừng. Ta ở trong núi đã hơn hai mươi năm chưa từng có hiện tượng kỳ lạ này. Con ta đi lấy nước rất lâu không về, ắt phải có sự cố gì đây?

Chư thần đều kinh sợ, xúc động cúi đầu. Người mẹ khóc mãi không thôi. Người cha bảo thôi nín khóc đi và nói:

– Người đời không có ai là không chết. Một khi vô thường đến thì không thể thoát khỏi.

Rồi hỏi vua:

– Tâu đại vương, lúc còn sống Thiểm có dặn chi không?

Nhà vua kể lại đầy đủ lời Thiểm dặn dò cho cha mẹ Thiểm nghe. Nghe lời vua kể, cha mẹ Thiểm thương cảm khôn nguôi, nói:

– Mai này không có con, chúng ta cũng sẽ chết! Nay xin đại vương hãy dắt chúng tôi đến chỗ thi hài của Thiểm.

Vua liền dẫn cha mẹ Thiểm đi. Đến nơi, người cha ôm lấy đầu con, bà mẹ ôm hai chân ấp lên gối mình và dùng hai tay sờ mò mũi tên trên ngực con, bà ngước lên trời than:

– Chư Thiên, Long thần, Sơn thần, Thọ thần! Con tôi là Thiểm, một người con chí hiếu trong thiên hạ xin chư Thiên, Long thần chứng tri. Tôi nay đã già, hai mắt lại không thấy, tôi xin được chết thay cho con tôi sống lại, tôi không ân hận.

Hai ông bà đều thề nguyện:

– Đất trời chứng tri! Nếu Thiểm chí hiếu thì mũi tên tự rơi ra, chất độc tiêu tan cho Thiểm sống lại!

Lúc đó trên tầng trời là thứ hai Đao-lợi, ngai của Thiên Đế đang ngồi bị chấn động mạnh, ngài dùng Thiên nhãn thấy hai đạo nhân mà ôm con kêu khóc, tiếng vang đến tầng trời thứ tư là Đâu-suất Thích, Phạm, Tứ vương từ cõi trời bay xuống, nhanh như duỗi cánh tay, họ đến trước mặt Thiểm, dùng thuốc thần diệu bỏ vào miệng Thiểm. Khi thuốc vào trong miệng, mũi tên độc rớt xuống và Thiểm sống lại như trước. Cha mẹ nghe Thiểm đã chết mà sống lại, hai mắt đều sáng. Muông chim cầm thú ríu rít vui mừng, trời quang mây tạnh, suối chảy ngọt mát, hoa sen năm sắc nở rộ trong ao, mặt trời sáng lại, hương Chiên-đàn tỏa ngát, cây cối tươi tốt hơn ngày thường. Nhà vua vui mừng không kể xiết, cúi đầu đảnh lễ trời Đế Thích, quay sang lễ tạ cha mẹ Thiểm và Thiểm. Vua xin dâng tài sản châu báu của cả nước và cúng dường đầy đủ cho đạo nhân để tội kia tiêu diệt, vĩnh viễn dứt trừ.

Thiểm tâu vua:

– Muốn tăng thêm phước đức, vua nên về nước chăm lo săn sóc nhân dân, khiến phải giữ giới. Vua chớ có săn bắn giết hại loài vô tội. Nếu không, thân không an ổn, lúc chết sẽ vào địa ngục. Người sống ở đời, ái ân phút chốc, biệt ly lâu dài, đâu có gì tồn tại. Ngài nhờ phước đức trước nên nay được làm vua, không nên kiêu căng, phóng túng, vì phóng túng sẽ tạo ra vô lượng ác, sau khi lạc vào con đường ác, hối hận nào có ích gì!

Vua vâng lời Thiểm dạy. Những người theo vua đi săn bắn, vì thấy Thiểm đã chết, được Thiên thần cho thuốc sống lại, cha mẹ Thiểm được sáng mắt; nên họ xin thọ trì Ngũ giới, tu hạnh Thập thiện để khi chết không đọa vào đường ác mà được sinh ra cõi trời.

Đức Phật dạy A-nan:

– Những người hội họp nơi đây, kiếp xưa chính Thiểm là thân Ta. Người cha mù tức là vua Duyệt-đầu-đàn, người mẹ mù nay là vương phu nhân Ma-da. Vua nước Ca-di là A-nan. Thiên đế Thích là Phật Di-lặc.

Đức Phật dạy:

– Ta trong các đời trước từng làm người con nhân từ hiếu thảo, làm vua thương dân, làm dân phụng kính. Từ đó Ta đắc thành Bậc Tôn quý trong ba cõi.

Phật nói kinh này xong, chư Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thảy đều hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 176

PHẬT NÓI KINH SƯ TỬ NGUYỆT PHẬT BẢN SINH

Hán dịch: Khuyết danh, theo ghi chép đời Tiền Tần.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và một trăm vị Bồ-tát.

Bấy giờ, trong chúng có một vị Tỳ-kheo Bồ-tát tên Bà-tu-mật-đa. Vị Tỳ-kheo này dạo chơi trong vườn trúc, leo trèo lên xuống các cành cây, phát âm như khỉ, hoặc cầm ba cái linh diễn trò na-la. Các trưởng giả và người đi đường tranh nhau đến xem. Khi mọi người tụ tập thì vị Tỳ-kheo vút lên hư không, leo lên đầu ngọn cây, phát ra tiếng kêu của loài khỉ.

Trong núi Kỳ-xà-quật có tám vạn bốn ngàn con khỉ lông màu vàng óng vây quanh chỗ Bồ-tát. Bồ-tát lại biến hiện đủ các trò làm cho chúng vui vẻ. Thấy vậy mọi người đều nói: "Sa-môn Thích tử mà đùa như trẻ con, huyễn hoặc mọi người, làm các việc ác không ai tin dùng, lại cùng với chim muông cầm thú làm việc phi pháp". Tiếng ác như vậy lan đến thành Vương xá. Có một Phạm chí tâu lên đại vương Tần-bà-sa-la:

– Tâu đại vương, Sa-môn Thích tử mà làm các việc phi pháp, cùng với chim muông diễn trò na-la.

Vua nghe những điều này quở trách các đệ tử Phật. Nhà vua bảo trưởng giả Ca-lan-đà:

– Các vị Thích tử đó quy tụ bầy khỉ làm những việc gì trong vườn của khanh, Đức Như Lai có biết không?

Trưởng giả tâu:

– Bà-tu-mật-đa làm việc biến hóa làm cho bầy khỉ vui vẻ, chư Thiên mưa hoa cúng dường, họ làm những điều thần không hiểu nổi.

Khi ấy, đại vương Tần-bà-sa-la ngồi xe voi tốt, cùng đoàn tùy tùng đi đến chỗ Phật. Đến vườn trúc Ca-lan-đà, vua liền xuống xe, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn trên gác, Ngài ngồi trên tòa bảy báu, thân màu vàng ánh,

cao một trượng sáu, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tất cả đều phóng hào quang sáng như núi vàng ròng, Ngài ở trong ánh sáng rực rỡ, hào quang màu vàng bao chung quanh làm cho đại chúng đều được bao phủ bởi màu vàng. Tôn giả Bà-tu-mật-đa và tám mươi bốn ngàn con khỉ cũng được thân màu vàng.

Khi ấy, bầy khỉ thấy đại vương đến, chúng làm đủ kiểu: nào là ca, múa, đánh trống, thổi kèn..., có con khỉ hái hoa dâng cho đại vương. Đại vương thấy vậy dẫn mọi người đến chỗ Phật, đảnh lễ Đức Phật, đi chung quanh ba vòng rồi ngồi xuống một bên, bạch:

– Bạch Đức Phật Thế Tôn, bầy khỉ này đời trước có phước gì mà thân màu vàng? Lại bị tội gì sinh ra trong loài thú? Tôn giả Bà-tu-mật-đa trồng cội phước gì được sinh trong nhà trưởng giả, tin nhà chẳng phải nhà, xuất gia học đạo? Ông ta có tội gì, tuy sinh kiếp người, các căn đầy đủ mà không thọ trì giới hạnh, làm bạn với bầy khỉ vượn, ca hát nói năng đều như khỉ, khiến cho bọn ngoại đạo chê cười chúng ta? Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót phân tích, giải nói rõ ràng cho chúng con được hiểu.

Phật dạy:

– Đại vương, ông hãy nghe kỹ và khéo suy nghĩ việc này. Ta sẽ giải thích cho ông rõ. Trong vô lượng ức kiếp thời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu Nhiên Đăng đầy đủ mười hiệu. Sau khi Đức Phật Nhiên Đăng nhập diệt, có các Tỳ-kheo ở núi non, hồ đầm tu hành theo giáo pháp Phật. Họ ở nơi vắng vẻ, tu tập mười hai hạnh Đầu-đà, giữ giới vững chắc như người giữ gìn đôi mắt, nhờ vậy họ chứng quả A-la-hán, đầy đủ bát giải thoát và tam minh, lục thông.

Lúc đó, trong đầm vắng có một con khỉ đến chỗ vị A-la-hán. Thấy vị A-la-hán đang tọa thiền nhập định, nó liền lấy tọa cụ của ngài đắp làm ca-sa đúng cách như một Sa-môn, nó cũng trật y bày vai phải, tay bưng lò hương đi chung quanh vị Tỳ-kheo đó. Khi vị Tỳ-kheo từ thiền định dậy, thấy con khỉ này có thiện tâm tốt, liền khảy móng tay bảo khỉ:

– Pháp tử, nay ngươi nên phát đạo tâm vô thượng.

Khỉ nghe nói nhảy nhót vui mừng, năm vóc sát đất kính lễ vị Tỳ-kheo rồi đứng dậy hái hoa rải trên vị Tỳ-kheo. Lúc ấy vị Tỳ-kheo liền thuyết Tam quy:

– Pháp tử, nay ngươi theo ta học Phật pháp ba đời, ngươi phải cầu thỉnh thọ Tam quy và Ngũ giới.

Khỉ chắp tay bạch:

– Bạch Đại đức, xin ngài đoái tưởng, con nay muốn quy y Phật, Pháp,

Tăng.

Vị Tỳ-kheo dạy:

– Ngươi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy: "Ngươi quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi". Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Kế đến là sám hối, vị Tỳ-kheo bảo khỉ:

– Ngươi ở trong vô lượng kiếp đến nay, tham dục, sân hận, ngu si, tà kiến, ganh ghét, kiêu mạn, phỉ báng, phá giới, làm đủ mười điều ác, phạm tội ngũ nghịch, khinh chê kinh điển Phương đẳng, dâm dục với Tỳ-kheo-ni, trộm vật của chúng Tăng, làm các tội nặng vô lượng, vô biên. Ta nay đã đoạn sinh tử, không thọ thân đời sau, thành bậc A-la-hán, có thể diệt trừ vô lượng tội nặng cho chúng sinh. Vì sao? Khi ta sinh ra cùng với tâm đại bi, pháp Thánh hiền ba đời đều như vậy, cũng cùng sinh ra đời với tâm Đại bi.

Vị Tỳ-kheo ân cần nói ba lần sám hối tội cho khỉ. Sám hối rồi, vị Tỳ-kheo bảo:

– Pháp tử nay ngươi thanh tịnh, gọi là Bố-tát. Ngươi từ nay cho đến trọn đời thọ giới không được sát sinh. Ba đời các Đức Phật, A-la-hán, thân, miệng, ý thanh tịnh, hoàn toàn không sát sinh. Ngươi cũng như vậy.

Khi ấy, khỉ bạch với vị A-la-hán:

– Con nguyện làm Phật. Theo lời Đại đức dạy, từ nay cho đến ngày thành Phật, con không sát sinh.

Vị A-la-hán nghe khỉ nói, tâm rất hoan hỷ, truyền trao năm giới cho nó:

– Pháp tử, từ nay cho đến suốt đời theo học Phật pháp, ba đời chư Phật, các Thanh văn, thân nghiệp đều thanh tịnh, thường không sát sinh và giữ giới bất sát. Ngươi cũng vậy, trọn đời không phạm giới sát, ngươi có thể giữ được không?

Khỉ thưa:

– Con có thể giữ được.

Kế đến, khỉ thọ giới không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cũng như pháp thọ giới trên.

Vị A-la-hán Tỳ-kheo dạy:

– Ngươi phải phát nguyện, ngươi làm súc sinh hiện thân chướng đạo, nhưng cần phải tinh tấn, cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khỉ phát nguyện xong vui mừng nhảy nhót, chạy lên núi cao, chuyền cành giỡn múa bị rơi xuống đất chết ngay. Khỉ nhờ vị A-la-hán truyền thọ

năm giới nên dứt được nghiệp súc sinh. Sau khi chết, khỉ được sinh lên cõi trời Đâu-suất, được gặp Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ. Bồ-tát nói tâm đạo Vô thượng cho nó nghe, nó liền đem hoa trời xuống chốn đầm vắng cúng dường A-la-hán. A-la-hán thấy nó liền mỉm cười bảo:

– Này Thiên vương, quả báo thiện ác như bóng với hình, không bao giờ bỏ được.

Rồi ngài nói kệ:

Nghiệp chướng trang điểm thân
Cảnh giới tùy theo nghiệp
Đúng như pháp không sai
Nghiệp như người thiếu nợ.
Nay ngươi sinh lên trời
Nhờ thọ năm giới cấm
Đời trước bị làm khỉ
Từ nơi phạm tánh giới
Giữ giới sinh lên trời
Phá giới, uống đồng sôi.
Ta thấy người trì giới
Ánh sáng trang nghiêm thân
Lầu gác bảy báo đẹp
Chư Thiên cúng dường họ,
Châu báu làm giường, màn
Hoa Ma-ni anh lạc
Vị lai sẽ gặp Phật
Vui vẻ nói thắng pháp
Ta thấy người phá giới
Đọa vào trong địa ngục
Cày sắc, cày lưỡi người
Nằm ở trên giường sắt
Nước đồng chảy bốn phía
Thiêu nấu tan thân thể,
Hoặc ở trên núi kiếm
Rừng kiếm và phẩn sôi
Ngục sông tro băng giá
Nuốt sắt, uống đồng sôi
Bao sự khổ như vậy
Làm anh lạc đeo thân.

Nếu muốn thoát các nạn
Khỏi đọa ba dường ác
Dạo chơi đường trời người
Siêu thoát chứng Niết-bàn
Phải siêng giữ tịnh giới
Bố thí, sống thanh tịnh.

Khi vị A-la-hán nói kệ này rồi im lặng, không nói nữa. Thiên tử nói:

– Bạch Đại đức, tiền thân của con bị tội nghiệp gì sinh trong loài khỉ? Được phước báo gì gặp Đại đức, thoát khỏi kiếp súc sinh và sinh lên cõi trời?

Vị La-hán bảo:

– Ngươi nên lắng nghe và khéo nhớ nghĩ điều này: Trong đời quá khứ, cõi Diêm-phù-đề có Đức Phật ra đời hiệu là Đại Tuệ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... đầy đủ mười hiệu. Sau khi xuất hiện ở đời, ba lần Đức Phật này thị hiện Niết-bàn, đến thời tượng pháp, có một Tỳ-kheo tên Liên Hoa Tạng, thường kết bạn với quốc vương, trưởng giả, cư sĩ, không giữ giới hạnh lại sống tà vạy, dối trá quanh co. Do vì dối trá mê hoặc nên sau khi chết chỉ trong phút chốc rơi vào địa ngục A-tỳ. Như hoa sen nở, thân ông có khắp trong mười tám ngục. Mưa hòn sắt nóng từ cao đổ xuống, trăm ngàn ngọn lửa dữ và vô số bánh xe sắt nóng từ trên không rơi xuống. Ở địa ngục A-tỳ, tội nhân thọ một kiếp, kiếp hết lại sinh kiếp khác. Như vậy tội nhân trải qua các địa ngục lớn mãn tám vạn bốn ngàn kiếp. Ra khỏi địa ngục đọa làm ngạ quỉ, uống nước đồng sôi, ăn hòn sắt nóng, trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Ra khỏi loài ngạ quỉ, trong năm trăm đời làm thân trâu. Lại năm trăm đời làm thân lạc đà, năm trăm đời sinh trong loài heo, năm trăm đời sinh trong loài chó, năm trăm đời sinh trong loài khỉ. Ngươi nhờ duyên trước cúng dường, giữ giới Tỳ-kheo, phát lời thề lớn nên nay lại gặp ta, được tắm gội trong giáo pháp, thanh tịnh được sinh lên cõi trời.

Vị Tỳ-kheo giữ giới tức là ta, Tỳ-kheo phóng dật tức là ngươi.

Bấy giờ Thiên tử khỉ nghe A-la-hán dạy những lời này xong, tâm sợ hãi, lông dựng đứng, ăn năn sám hối tội cũ rồi trở về trời.

Đức Phật dạy đại vương:

– Con khỉ kia tuy là loài súc sinh, chỉ một lần gặp vị A-la-hán thọ trì Tam quy, Ngũ giới, nhờ công đức này nó vượt qua ngàn kiếp tội nghiệp sâu nặng mà được sinh lên cõi trời, được gặp Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ. Từ đó về sau nó gặp vô số Đức Phật, tịnh tu phạm hạnh, đầy đủ sáu Ba-la-mật, trụ tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, ở nơi cõi bất thoái. Thân cuối cùng, tiếp

sau Phật Di-lặc, sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vua tên Bảo Quang, cõi nước thanh tịnh như cõi trời Đao-lợi, những chúng sinh trong cõi nước này hành Thập thiện, giữ giới hoàn toàn không khuyết. Đức Phật cõi đó hiệu là Sư Tử Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Phật đó, đời đời sinh ra chỗ nào cũng được xa lìa thân súc sinh, dứt trừ được nghiệp sinh tử trong vô lượng kiếp.

Đức Phật dạy:

– Đại vương nên biết, Phật Sư Tử Nguyệt ở nước kia, nay là Tỳ-kheo Bà-tu-mật-đa trong chúng hội này.

Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la nghe Đức Phật dạy xong, đứng dậy chắp tay toàn thân tháo mồ hôi, thương khóc nước mắt như mưa, ăn năn tự trách, hướng đến Bà-tu-mật-đa cúi lễ sát đất sám hối tội lỗi trước.

Đức Phật dạy:

– Đại vương nên biết, tám vạn bốn ngàn con khỉ thân vàng đây vào kiếp quá khứ thời Phật Câu-lâu-tần, nước Ba-la-nại và nước Câu-thiểm-di, giữa hai nước này cũng có tám vạn bốn ngàn Tỳ-kheo-ni, làm các việc phi pháp rất đổi thân thiết với những người thế tục, phạm các trọng cấm, trang sức thân thể như những Càn-thát-bà nữ mà không biết hổ thẹn. Họ lấy việc dâm dật làm chuỗi anh lạc, dùng các việc phạm giới làm tràng hoa, dựng cờ kiêu mạn, đánh trống cống cao làm trống, khảy đàn phóng dật, ca ngợi tiếng ác, ngông cuồng vô trí như bầy khỉ ngu si. Họ thấy vị Tỳ-kheo có đủ đức độ từ bi giống như thấy giặc.

Vào thời ấy, có một vị Tỳ-kheo-ni tên Thiện An Ổn, đã chứng quả A-la-hán, đầy đủ Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát, đến chỗ các Tỳ-kheo-ni nói với họ:

– Thưa các chị em, Đức Thế Tôn khi còn tại thế thường nói bài kệ:

Nếu có Tỳ-kheo-ni
Không tu hạnh bát kỉnh
Chẳng phải dòng họ Thích
Giống như Chiên-đà-la.
Nếu có Tỳ-kheo-ni
Phóng dật phạm bát trọng
Xem như phạm tất cả
Giặc lớn trong trời người,
Thường ở ngục A-tỳ

Trải qua mười tám nơi
Ngoài ra ba đường ác
Là chốn nó dạo chơi,
Trăm ngàn vô số kiếp
Không nghe tên Tam bảo
Lại nuốt hoàn sắt nóng
Ôm trụ đồng băng giá,
Tội như vậy đã hết
Sinh thân chim tu hú
Rắn độc, chuột, chó sói
Bò cạp loài trăm chân
Đủ thứ nghiệp như vậy
Đều phải trải thân qua.

Các Tỳ-kheo-ni nghe vị A-la-hán Tỳ-kheo-ni nói kệ này, tâm ôm sân hận, dùng lời ác mắng chửi:

– Con khỉ già từ đâu đến đây? Nói lời độc ác dối trá, nói ngang ngược về địa ngục.

Vị A-la-hán thấy những người ác này sinh tâm bất thiện, nên khởi tâm Từ bay lên không biến hiện mười tám cách. Những người ác thấy sự biến hóa như vậy, đều lấy vòng vàng tung lên. Vị A-la-hán Tỳ-kheo-ni, nói:

– Chúng tôi nguyện đời đời thân mang màu vàng óng, những việc làm ác trước đây đều xin sám hối. Nguyện xin ngài thương xót chúng tôi mà nhận sự cúng dường.

Vị A-la-hán Tỳ-kheo-ni từ hư không hạ xuống nhận các món cúng dường của những người nữ ác.

Khi những người ác chết đi, đọa vào địa ngục A-tỳ. Như hoa sen trải đầy khắp trong ngục, thọ thân cũng lại lần lượt trải qua hơn mười tám ngục lớn. Ở trong các ngục thọ mạng bằng nhau một đại kiếp, tiếp nối như vậy, họ thường xuyên ở trong địa ngục chín mươi hai kiếp. Ra khỏi địa ngục, năm trăm đời thường làm ngạ quỉ, ra khỏi ngạ quỉ một ngàn đời thường làm loài khỉ thân màu vàng.

Đại vương nên biết, xưa kia tám vạn bốn ngàn Tỳ-kheo-ni phạm giới, mắng chửi Tỳ-kheo-ni A-la-hán, nay chính là tám vạn bốn ngàn con khỉ màu vàng trong chúng hội này. Người cúng dường các Tỳ-kheo-ni ác khi ấy nay là đại vương. Do nhân đời trước nên nay bầy khỉ đem hoa hương dâng cúng đại vương. Tỳ-kheo-ni sỉ nhục Tỳ-kheo-ni giữ giới khi ấy, nay chính là Cù-ca-lợi và năm trăm hoàng môn của vua.

Đức Phật dạy đại vương:

– Hãy nên thận trọng giữ gìn thân, khẩu, ý.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Giới là thuốc cam lộ
Người uống không già chết
Nên nương cậy giới đức
Phước báo thường theo chân.
Giữ giới được an ổn
Sinh chốn không hoạn nạn
Và thấy được chư Phật
Nghe pháp mầu giải thoát.
Phá giới đọa địa ngục
Giống như bầy khỉ này
Thường sinh chỗ ti tiện
Khổ địa ngục làm bạn.
Đại vương nên lắng nghe
Dứt ác, tu hạnh lành.

Vua Tần-bà-la-sa nghe Phật dạy bài kệ xong, trước Phật xin sám hối, ăn năn tự trách, bỗng nhiên tâm ý thấu suốt, chứng được quả A-na-hàm. Tám ngàn người theo vua cũng cầu xin được xuất gia, vua chấp thuận.

Đức Phật dạy:

– Thiện lai Tỳ-kheo.

Râu tóc họ tức thì tự rụng và đắp ca-sa, trở thành Sa-môn, đảnh lễ dưới chân Phật, trong khoảng chưa kịp ngước đầu lên, được chứng quả A-la-hán, Tam minh, Lục thông, Bát giải thoát đầy đủ. Hơn một vạn sáu ngàn người theo vua còn lại đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tám vạn chư Thiên cũng đều phát tâm. Tám vạn bốn ngàn con khỉ lông vàng nghe nhân duyên đời trước của mình, xấu hổ tự trách, đi quanh ngàn vòng, hướng về Đức Phật sám hối, cũng đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tùy theo tuổi thọ dài ngắn, chúng tự mạng chung. Sau khi mạng chung, chúng được sinh lên cõi trời Đâu-suất, được gặp Phật Di-lặc, lại càng tinh tấn thêm hơn, đắc Bất thoái chuyển.

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thấy những sự kiện này, bảo chư đại chúng:

– Bồ-tát hành tịnh hạnh còn khiến loài súc sinh phát khởi đạo tâm, Bà-tu-mật-đa còn có thể làm được Phật sự lớn như vậy, huống chi những bậc Bồ-tát oai đức vô lượng khác.

Chư Thiên tử, Sơn thần, Địa thần, Trời, Rồng... bát bộ chúng, thấy bầy khỉ phát tâm Bồ-đề, được sinh lên cõi trời, đắc Bất thoái chuyển, lòng sinh vui mừng, bạch Phật:

– Bầy khỉ này khi nào sẽ chứng đắc quả Phật?

Đức Phật dạy đại chúng:

– Cách đây trăm vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ hằng hà sa kiếp, có kiếp tên Đại Quang, người ở trong kiếp đó sẽ đặng thành Phật. Có tám vạn bốn ngàn Đức Phật thứ tự ra đời, cùng đồng một kiếp, đều đồng danh hiệu Phổ Kim Quang Minh Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Mọi người trong chúng hội nghe Đức Phật Thế Tôn vì bầy khỉ thọ ký đạo Bồ-tát. Họ liền cởi chuỗi anh lạc quý giá nhất để cúng dường Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Mọi người đồng thanh ca tụng đức hạnh vô lượng của Đức Thế Tôn:

– Đức Như Lai xuất thế chính vì bầy khỉ này. Lành thay Thế Tôn! Bầy khỉ nghe pháp còn được thành Phật, huống chi chúng con ở đời vị lai không được thành Phật sao?

Lúc ấy trong đại chúng nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 177

PHẬT NÓI KINH ĐẠI Ý

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa có nước tên Hoan lạc vô ưu, vua hiệu Quảng Từ Ai. Trong nước có cư sĩ tên Ma-ha-đàn, vợ của ông ta tên Chiên-đà. Hai vợ chồng sinh được một người con tướng mạo khôi ngô, trong thế gian ít có ai sánh bằng, khi mới sinh ra, đã biết nói, nó phát nguyện: "Tôi sẽ bố thí cứu giúp muôn dân khắp thiên hạ. Nếu có người nghèo cùng, đơn chiếc, tôi xin giúp đỡ cho họ được an vui". Do nhân duyên này mà cha mẹ đặt tên con là Đại Ý. Đứa bé có những bẩm tánh đặc biệt không giống mọi người, nên cha mẹ nó sợ con mình là Trời, Rồng, Quỷ, Thần. Nên muốn đi hỏi thầy bói. Đại Ý biết được, liền nói: "Con là người chứ chẳng phải là Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nhưng vì nhớ nghĩ đến những người khốn khổ, nguy nan trong thiên hạ, nên con muốn giúp đỡ họ mà thôi". Nói xong Đại Ý nín luôn không nói nữa.

Mãi đến năm mười bảy tuổi, Đại Ý mới thưa cha mẹ: "Con muốn bố thí để đem lại an vui cho những người khốn khổ". Cha mẹ Đại Ý suy nghĩ: "Khi mới sinh ra con ta đã có lời nguyện này", nên liền bảo con: "Nhà ta tiền của rất nhiều, tùy ý con muốn bố thí, cha mẹ không ngăn cản". Đại Ý đáp: "Của cải cha mẹ tuy nhiều cũng không đủ cho con chi dụng. Chỉ có cách cha mẹ cho con vào biển lấy bảy báu để đủ cung cấp cho mọi người mà thôi". Đại Ý cứ nói mãi như thế, cha mẹ bằng lòng cho Đại Ý đi.

Đại Ý làm lễ từ biệt cha mẹ, đi vào biển cả. Khi Đại Ý đến một nước khác, trong nước này có một Bà-la-môn của cải nhiều vô số. Ông ta trông thấy Đại Ý tướng mạo khôi ngô đỉnh đạc, nên rất hài lòng, yêu mến Đại Ý. Ông bà Bà-la-môn nói:

– Tôi rất quý mến ngài, nay tôi có đứa con gái, xin dâng cho ngài, mong ngài hãy ở lại đây.

Đại Ý thưa:

– Tôi từ biệt gia đình đi vào biển cả là muốn tìm bảy báu, nên không dám hứa với ông. Vả lại, tôi còn cần trở lại.

Rồi Đại Ý tiếp tục hành trình đi tìm được bảy báu.

Chàng liền sai người đem bảy báu về nước, rồi lại đến bờ biển để tìm những dị vật. Bỗng nhiên Đại Ý thấy một cây cao lớn tám mươi do-diên, thân cây cũng tám mươi do-diên. Đại Ý leo lên thì thấy đằng xa có một thành bằng bạc, cung điện, nhà cửa đều bằng bạc trắng, có Thiên nữ đứng hầu hai bên, âm nhạc tự nhiên trỗi. Có một con rắn độc bò chung quanh thành ba vòng, thấy Đại Ý, rắn liền ngẩng cao đầu nhìn. Đại Ý suy nghĩ: "Người mà bị rắn độc làm hại, đều do họ không có ý lành mà thôi", liền ngồi thiền định tư duy, chỉ trong phút chốc rắn cúi đầu nằm ngủ.

Đại Ý muốn vào trong thành bạc, người giữ cửa vào tâu vua rằng: "Ngoài cửa có một Hiền giả muốn vào yết kiến vua". Nhà vua đích thân ra nghênh tiếp Đại Ý, vui vẻ nói:

– Cúi xin nhân giả hãy ở lại đây thời gian ba tháng để tôi được cúng dường ngài.

Đại Ý nói:

– Tôi muốn đi tìm châu báu nên không thể ở lại lâu được.

Vua liền bảo:

– Tôi không phải trông coi việc nước xin ngài hãy ở lại.

Đại Ý ở lại. Nhà vua cúng dường đầy đủ y phục. Thức ăn, đồ uống, ca nhạc, giường, tòa...

Chín mươi ngày trôi qua, Đại Ý muốn thưa vua đi, vua lấy ngọc ngà bảy báu để tiễn Đại Ý. Đại Ý nói:

– Tôi không dùng nhiều bảy báu. Nghe nhà vua có một viên minh châu, ý tôi muốn xin nó.

Vua nói:

– Tôi không tiếc viên minh châu, nhưng sợ giữa đường mang viên minh châu này, ngài sẽ gặp tai nạn mà thôi.

Đại Ý tâu:

– Thưa đại vương, hễ người mang vật phước thì sẽ không sợ hiểm nạn.

Vua nói:

– Ngọc này, trong vòng hai mươi dặm có châu báu kèm theo. Tôi xin dâng nhân giả, tùy ý ngài sử dụng. Nếu sau này ngài đắc đạo, tôi xin làm đệ tử, được cúng dường nhiều hơn hôm nay.

Đại Ý hoan hỷ nhận ngọc minh châu ra đi.

Đại Ý tiến về phía trước, thấy có một thành bằng vàng, cung điện nhà cửa đều toàn bằng vàng ròng, cây bảy báu tự nhiên phát ra âm nhạc. Thiên nữ theo hầu đông hơn ở thành bạc. Cũng có rắn độc bò quanh thành sáu vòng, thấy Đại Ý rắn ngẩng đầu nhìn. Đại Ý ngồi thiền định, rắn liền cúi đầu nằm xuống. Đại Ý muốn vào thành, người giữ cửa vào tâu vua, vua thân hành ra nghênh tiếp Đại Ý và nói:

– Cúi xin ngài ở lại đây ba tháng để tôi cúng dường ngài.

Đại Ý bằng lòng ở lại. Nhà vua tiếp đãi đặc biệt, ông cung cấp đầy đủ thức ăn uống, y phục, Thiên nữ, các thứ ca nhạc để làm vui lòng Đại Ý.

Trải qua sáu mươi ngày, Đại Ý từ biệt vua ra đi. Vua mời Đại Ý ở lại, nhưng Đại Ý không bằng lòng và từ biệt vua đi. Vua đem ngọc ngà bảy báu để tiễn Đại Ý, nhưng Đại Ý không chịu nhận, nói rằng:

– Tôi không thích các thứ châu báu này. Nghe vua có viên ngọc minh nguyệt, xin ban cho tôi.

Nhà vua nói:

– Tôi không tiếc nuối gì, chỉ sợ đường xa cách trở lắm nguy nan. Ngài mang theo nó có hại mà thôi.

Đại Ý thưa vua:

– Thưa đại vương, hễ mang theo vật phước đức thì có gì là hiểm nạn!

Vua nói:

– Ngọc này có vật báu kèm theo trong vòng bốn mươi dặm. Tôi xin dâng cho nhân giả và sau này ngài đắc đạo xin nhận tôi làm đệ tử, có thần túc tuyệt hảo, tôi sẽ cúng dường nhiều hơn hôm nay.

Đại Ý hoan hỷ nhận ngọc ra đi.

Đại Ý tiếp tục hành trình, lại thấy một thành bằng thủy tinh, cung điện nhà cửa đều bằng thủy tinh, cây bảy báu tự nhiên trỗi nhạc, Thiên nữ theo hầu hơn trước nhiều. Cũng có con rắn độc bò quanh thành chín vòng, thấy Đại Ý ngẩng cao đầu nhìn. Đại Ý ngồi tham thiền nhập định, rắn lại cúi đầu nằm ngủ. Đại Ý muốn vào thành, người giữ cửa vào tâu vua. Vua ra tận cửa nghênh đón và nói:

– Xin ngài hãy ở lại đây ba tháng.

Đại Ý ở lại. Nhà vua hết lòng cúng dường thức ăn, nước uống, y phục, ca nhạc... để làm vui lòng Đại Ý.

Mới trải qua bốn mươi ngày, Đại Ý từ biệt nhà vua. Vua đem vàng bạc bảy báu để tiễn Đại Ý, Đại Ý không nhận và nói:

– Tôi không dùng những thứ châu báu này, nghe nhà vua có viên ngọc minh nguyệt, xin ban cho tôi.

Vua thưa:

– Ngọc này, trong sáu mươi dặm có vật báu kèm theo. Tôi xin dâng cho nhân giả. Nếu sau này khi ngài đắc đạo tôi xin làm đệ tử có trí tuệ siêu việt, tôi sẽ cúng dường nhiều hơn hôm nay.

Đại Ý hoan hỷ nhận viên minh châu tiếp tục đi. Lại thấy một thành bằng lưu ly, cung điện nhà cửa đều bằng lưu ly, cây bảy báu tự nhiên trỗi nhạc, Thiên nữ theo hầu đông hơn trước gấp bội. Cũng thấy một con rắn độc bò quanh thành hai mươi vòng, thấy Đại Ý nó ngẩng đầu nhìn, Đại Ý tham thiền nhập định, rắn lại cúi đầu nằm ngủ. Đại Ý muốn vào thành, người giữ cửa vào tâu vua, vua ra tận cửa nghênh đón và nói:

–Xin ngài hãy ở lại đây ba tháng.

Đại Ý ở lại. Đích thân vua đem cúng dường thức ăn, nước uống, y phục, ca nhạc để làm vui lòng Đại Ý. Trải qua hai mươi ngày. Đại Ý từ biệt nhà vua. Vua đem ngọc ngà bảy báu để tiễn Đại Ý, Đại Ý không nhận, nói:

– Tôi nghe nhà vua có một viên ngọc minh nguyệt. Xin ban cho tôi.

Vua nói:

– Ngọc này trong tám mươi dặm có vật báu kèm theo nó. Tôi xin dâng cho nhân giả. Nếu sau khi ngài đắc đạo, tôi nguyện làm đệ tử tịnh ý cúng dường nhiều hơn hôm nay, khiến cho trí tuệ được tăng trưởng.

Đại Ý nhận viên minh châu, hoan hỷ ra đi. Đại Ý suy nghĩ: "Bấy lâu ta chỉ tìm châu báu, nay đã toại nguyện, ta nên trở về". Đại Ý tìm con đường cũ để trở về nước. Khi đi ngang qua một biển lớn, chư thần, vương nhân trong biển cùng bàn: "Trong biển của ta tuy có nhiều trân báu nổi tiếng nhưng không có viên minh châu nào quý bằng viên minh châu này". Họ liền sai thần biển đoạt cho được viên minh châu.

Thần biển hóa làm người đến gặp Đại Ý hỏi:

– Nghe nói ông được vật kỳ lạ, có thể cho tôi xem được chăng?

Đại Ý đưa bốn viên minh châu ra, thần biển đụng mạnh tay Đại Ý làm cho minh châu rơi xuống biển. Đại Ý nghĩ: "Khi vua tặng minh châu cho ta có nói rằng viên minh châu này đi đường rất khó giữ. Ta may mắn

được viên minh châu, nay bị người này chiếm đoạt một cách phi lý". Đại Ý liền gọi thần biển nói:

– Một mình ta khổ nhọc lặn lội qua bao hiểm trở mới được những viên ngọc này, ngươi lại đoạt của ta. Ta không trở về, ta sẽ làm cạn nước biển cho xem!

Thần biển biết, nhưng vẫn hỏi:

– Sao chí ông cao kỳ quá vậy? Biển sâu tới ba trăm ba mươi sáu vạn do-diên, chiều rộng mênh mông không bến bờ, ông làm thế nào cho cạn được? Ví như mặt trời không thể làm rơi xuống được, gió lớn không thể nắm bắt được. Thế nhưng mặt trời có thể làm rơi xuống được, gió lớn vẫn có thể nắm bắt được, còn biển lớn không bao giờ có thể làm cho cạn được.

Đại Ý cười đáp:

– Ta suy nghĩ bao nhiêu kiếp thọ thân sinh tử, xương thịt chất chồng cao hơn núi Tu-di, máu chảy nhiều đến nỗi năm sông bốn biển cũng chưa đủ để thí dụ. Ta còn muốn dứt hẳn cội nguồn sinh nữa kia, sá gì cái biển nhỏ này mà không làm cạn được! Ta nhớ thuở xưa khi cúng dường chư Phật, ta đã phát nguyện: "Xin chí nguyện con luôn dũng mãnh trên con đường đạo, quyết vượt qua mọi khó khăn gian khổ". Ta sẽ dời núi Tu-di. Làm cạn nước trong biển lớn, nhất định không thoái chí.

Nói xong, Đại Ý nhất tâm dùng hết tài năng tháo hết nước biển ra. Cảm thấy sự nỗ lực chí thành của Đại Ý, đệ nhất Tứ Thiên vương đến giúp Đại Ý. Ông đã tháo hơn hai phần ba nước biển. Khi đó các thần vương trong biển đều run sợ. Họ bàn với nhau: "Bây giờ nếu chúng ta không trả viên minh châu lại cho ông ấy, chuyện chẳng phải nhỏ đâu. Nước cạn thấy bùn thì nhà cửa, cung điện của chúng ta sẽ hư hoại hết!".

Thần biển liền lấy nhiều châu báu đem cho Đại Ý. Đại Ý không lấy nói:

– Ta không dùng những vật này, chỉ muốn lấy lại minh châu của ta thôi. Các ông hãy mau trả minh châu lại cho ta, bằng không ta sẽ không để yên đâu!

Thần biển biết ý nên đem minh châu trả lại ngay. Đại Ý nhận lại minh châu trao cho nữ Bà-la-môn giữ, trở về nước bố thí theo ý nguyện. Từ đó về sau, mọi người trong nước này không bị đói khát, nghèo nàn và thiếu thốn. Mọi người khắp nơi rời bỏ quê nhà nay đem theo lòng nhân từ của Đại Ý trở về.

Trải qua nhiều năm bố thí như thế, đức của ngài kể cả loài bò bay máy cựa, côn trùng nhỏ nhiệm nhất, không đâu là không thấm nhuận. sau

khi chết được sinh lên làm Đế Thích, hoặc ở nhân gian làm Hoàng đế, có thể bay lên không. Nhờ tích lũy công đức, sẽ đạt đến kết quả vị giác ngộ ba cõi. Tất cả đều do nhân duyên đời trước chứ chẳng phải điều tự nhiên.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Đại Ý chính là Ta. Cư sĩ Ma-ha-đàn lúc đó nay là Duyệt-đầu-đàn. Bà mẹ Chiên-đàn nay là phu nhân Ma-da. Vua nước Hoan Lạc Vô Ưu nay là Ma-ha Ca-diếp. Bà-la-môn nữ là Cù-di. Cha của nữ Bà-la-môn là ngài Di-lặc vậy. Vua trong thành bạc nay là A-nan. Vua trong thành vàng nay là Mục-kiền-liên. Vua trong thành thủy tinh nay là Xá-lợi-phất. Vua trong thành lưu ly nay là Tỳ-kheo Tu-đà. Đệ tứ Thiên vương giúp Đại Ý lấy nước biển tức là Ưu-đà. Người cướp viên minh châu tức nay là Điều-đạt. Người giữ bốn cửa thành tức là Tu-bạt, Bàn-đặc, Tô-yết-kệ, Phi-câu-lưu. Bốn con rắn độc bò quanh nay là bốn thần Cộng Sát Thoan-đà-lợi.

Tôn giả A-nan sửa y, đứng dậy đảnh lễ bạch Phật:

– Lúc ấy Đại Ý nhờ công đức gì khi đến bốn thành châu báu đều được cúng dường và nhận được bốn viên ngọc minh nguyệt, mang theo nhiều châu báu?

Phật dạy:

– Thuở xưa vào thời Phật Duy Vệ, Đại Ý thường đem bốn báu xây tháp Phật, cúng dường Tam bảo, trì trai bảy ngày. Khi đó có năm trăm người cùng lúc xây chùa, hoặc có người treo tơ lụa, thắp đèn; hoặc có người đốt hương, rải hoa; hoặc có người cúng dường Tỳ-kheo Tăng; hoặc có người tụng kinh, giảng đạo, tất cả nay đều có mặt nơi đây.

Tôn giả A-nan và bốn chúng đệ tử nghe kinh này, hoan hỷ đến trước Phật đảnh lễ.

❑

SỐ 178

PHẬT NÓI KINH TIỀN THẾ TAM CHUYỂN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, nước Xá-vệ cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo đại A-la-hán. Tất cả những vị này đều là bậc tôn quý, đều biết được ý niệm của mọi người, chỉ có Tôn giả A-nan chưa đạt được.

Bấy giờ, Đức Phật ra khỏi thành Vương xá, ngồi trong hư không vì vô số trăm ngàn hội chúng vây quanh mà thuyết pháp. Có bảy vạn Bồ-tát đều đắc các pháp Tổng trì.

Khi ấy sắc mặt Đức Phật quang minh chói rạng hơn ngày thường. Ánh sáng từ khuôn mặt Đức Phật tỏa chiếu khắp các thế giới. Đức Phật mỉm cười, ánh sáng năm màu từ trong miệng tỏa ra lên đến cõi Phạm thiên.

Khi chư Phật, Thiên Trung Thiên thọ ký các đệ tử Thanh văn thì ánh sáng chiếu đến trời Tứ thiên vương, rồi ánh sáng chiếu trở lại xoay quanh Phật ba vòng, theo lòng bàn chân Đức Phật nhập vào.

Khi chư Phật, Thiên Trung Thiên thọ ký quả Bích-chi-phật thì ánh sáng từ trong miệng tỏa ra chiếu đến trời Ba-la-ni-mật, rồi ánh sáng chiếu trở lại xoay quanh Phật ba vòng theo rốn của Phật nhập vào.

Khi chư Phật, Thiên Trung Thiên thọ ký quả Phật đạo thì ánh sáng chiếu đến trời Phạm thiên, rồi ánh sáng chiếu trở lại xoay quanh Phật ba vòng theo đảnh của Phật nhập vào.

Lúc đó Địa thần đều nói: "Đức Phật thị hiện ba sự kiện như vậy là nói về các việc thọ ký của đời quá khứ, tương lai và hiện tại".

Trời, Thần hư không, Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, lên đến Phạm thiên đều nói: "Đức Phật thị hiện ba sự kiện như vậy trong thời quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là thọ ký quả Thanh văn, thọ ký quả Bích-chi-phật, thọ ký quả Phật".

Khi đó các Phạm thiên đều câu hội, cho đến người trời ở tầng trời thứ

Ba mươi ba cũng đều vân tập. Bấy giờ, vô số trăm ngàn người, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di câu hội. Khi ấy, Hiền giả A-nan biết bảy pháp sự. Những gì là bảy?

1. Hiểu nghĩa.
2. Hiểu rõ pháp.
3. Biết thời.
4. Hiểu rõ tiết.
5. Biết rõ chúng.
6. Biết việc của mình.
7. Biết việc của người khác.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chắp tay, dùng lời kệ ca ngợi Đức Phật:

Thế Tôn tịch tĩnh vượt qua bờ
Mắt tuệ sáng ngời đức thanh tịnh
Hào quang màu vàng chiếu rất xa
Con mong biết tướng vi diệu này.
Nay ai phát tâm thành Phật đạo
Ai ngồi dưới cây hàng phục ma
Ai nhận lợi ích đạo cao thượng?
Xin nói vì sao Phật mỉm cười?
Nếu khi Thế Tôn miệng mỉm cười
Mặt sáng ngời, nụ cười rạng rỡ
Đúng lúc trăm ngàn người câu hội
Xin Phật dạy con biết duyên này.

A-nan tiếp bạch Phật:

– Bạch Đấng Thiên Trung Thiên, chỉ những người còn dâm, nộ, si, vì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cho nên giỡn cười. Còn Đấng Thiên Trung Thiên đã đoạn dâm, nộ, si thì vì sao Ngài mỉm cười? Chư Phật, Thiên Trung Thiên không cần Xá-lợi-phất hỏi, cũng không cần Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ưu-vi Ca-diếp, Ca-dực Ca-diếp, Na-dực Ca-diếp, Thí-la-tỉ-lợi-ca hỏi. Chư Phật, Thiên Trung Thiên có sáu pháp bất công. Những gì là sáu?

1. Chư Phật, Thiên Trung Thiên có trí tuệ biết rõ quá khứ không bị ngăn ngại.
2. Chư Phật, Thiên Trung Thiên có trí tuệ biết rõ tương lai không bị ngăn ngại.

3. Chư Phật, Thiên Trung Thiên hiện tại cũng có trí tuệ không bị ngăn ngại.
4. Chư Phật, Thiên Trung Thiên thân hành trí tuệ.
5. Chư Phật, Thiên Trung Thiên nói trí tuệ.
6. Chư Phật, Thiên Trung Thiên tâm nghĩ trí tuệ.

Chư Phật, Thiên Trung Thiên luôn thấy nghe chư Phật thuyết trí tuệ Phật đạo.

Đức Phật dạy A-nan:

– Vào thời quá khứ có nước tên là Ưu-ba-la-việt, nước này giàu mạnh, thực phẩm dồi dào, nhân dân đông không thể kể hết và họ sống rất bình an.

Đức Phật bảo A-nan:

– Khi ấy trong nước Ưu-ba-la-việt có vua tên Ba-la-tiên, là vị vua duy nhất trong các nước đã giáo hóa nhân dân thực hành chánh pháp, ông không dùng đến một hình phạt nào. Nhân dân nước này thọ đến hai vạn tuổi. Đến lúc nhà vua qua đời, trong nước có một cô gái bán dâm xinh đẹp, nàng có một nhan sắc tuyệt vời. Cô gái đến nhà một người kia, chủ nhà vừa sinh con trai. Người mẹ giật cánh tay của con. Cô gái liền hỏi:

– Bà kéo tay nó làm gì?

Bà ta nói:

– Tôi đói bụng và muốn ăn nó.

Cô gái bảo:

– Bà không có cơm ăn sao?

Bà mẹ nói:

– Không có.

Cô gái bảo người mẹ:

– Bà hãy đợi một lát, tôi sẽ đem thức ăn đến.

Bà mẹ nói:

– Cô chưa ra khỏi nhà thì tôi đã chết đói rồi. Tôi không chờ cô mang thức ăn đến đây được.

Cô gái suy nghĩ: "Nếu ta đem đứa bé này đi thì mẹ của nó sẽ chết đói. Nếu để nó ở lại bà ta sẽ ăn thịt nó. Ta phải làm thế nào để cho hai mẹ con đứa bé được an toàn?". Cô gái liền lấy con dao bén cắt hai vú của mình cho bà mẹ ăn ngay. Cô gái hỏi:

– Bà đã no chưa?

Bà ta đáp:

– Tôi đã no.

Hai vú cô gái máu ra lênh láng liền trở về nhà. Lúc ấy có một người đàn ông đến nhà cô gái, muốn cùng cô ta làm việc phi pháp, thấy sự kiện như vậy, ông ta hỏi:

– Ai đã cắt hai vú của cô?

Và lòng ông ta bỗng thương mến cô gái, đối xử như tình chị em, không còn tâm ham muốn như trước nữa. Ông ta lại hỏi:

– Chị đã để ai hại mình như thế?

Cô gái nói:

– Không có ai hại tôi cả. Tự tôi đến nhà người khác, thấy người chủ nhà vừa sinh xong liền lấy tay kéo con bà, thấy thế tôi hỏi bà muốn làm gì. Bà ấy nói là tôi rất đói và muốn ăn thịt con. Tôi hỏi: Bà không có cơm ăn sao? Bà trả lời: Không có. Tôi bảo bà hãy đợi một chút, tôi sẽ đem cơm đến, nhưng bà ấy nói: Cô chưa ra khỏi cửa thì tôi đã chết vì đói. Tôi suy nghĩ: "Nếu đem đứa con đi thì mẹ sẽ chết, mà nếu tôi bỏ đi thì người mẹ sẽ ăn thịt đứa bé".Vì thế tôi cắt hai vú cho bà ấy ăn.

Người đàn ông nghe kể xong, ngã xuống đất ngất xỉu. Cô gái liền lấy nước rưới lên người ông ta, hồi lâu ông ta tỉnh dậy và nói:

– Chị hãy vì tôi thể hiện lòng chí thành của mình.

Cô gái vâng lời, người đàn ông nói:

– Tôi không chứng kiến tai nạn này từ đầu. Nếu quả đúng như lời chị nói, không hư dối thì xin cho hai vú chị bình thường như cũ.

Ngay lúc nói xong, hai vú của cô gái bình phục như trước, cũng không có vết sẹo.

Thích Đề-hoàn Nhân dùng Thiên nhãn thấy cô gái ấy, tự nói: "Người dâm nữ xinh đẹp này nhờ bố thí mà được phước đức như vậy, e rằng tương lai sẽ đoạt ngôi vị của ta". Ông ta liền hóa thành một người Bà-la-môn cầm cành báu và bình nước rửa, chống cây gậy vàng đi đến nhà cô gái và nói:

– Xin cho tôi thức ăn.

Cô gái dùng bát vàng đựng đầy cơm ra cho người Bà-la-môn, nhưng ông ta từ chối không nhận. Cô gái đẹp hỏi người Bà-la-môn:

– Vì sao ông không nhận cơm?

Ông ta đáp:

– Tôi không ăn, tôi nghe cô bố thí vú, việc ấy có đúng như vậy không?

Cô gái trả lời:

– Thật đúng như vậy.

Người Bà-la-môn dùng kệ hỏi:

Cô vì cầu việc chi
Hay cầu làm Thích, Phạm
Hay muốn nhiều châu báu?
Điều này khó như ý.

Cô gái dùng kệ đáp:

Không mong cầu gì hơn
Không sinh già bệnh chết
Thanh tịnh không sầu lo
Ta chỉ mong có vậy.

Bà-la-môn hỏi:

– Có phải khi bố thí vú, cô mong chuyển được thân khác phải không?

– Này Bà-la-môn, ta sẽ chứng tỏ lòng chí thành của ta cho ngươi thấy.

Ông ta nói:

– Cô cứ thể hiện.

Cô gái nói:

– Nếu tôi thành thật dùng vú bố thí không có ý gì khác thì xin cho tôi chuyển thân người nữ thành người nam.

Cô gái vừa nói xong, liền chuyển thành thân người nam.

Sau khi vua Ưu-ba-la-việt trị vì năm ngàn năm thì mạng chung, quần thần trong triều nghe cô gái chuyển thành thân nam, họ nghĩ: "Nên lập ngay người này lên làm vua. Vị vua này sẽ đem chánh pháp trị nước, nên họ cùng nhau tôn ngài lên ngôi vương vị".

Sau khi lên ngôi, nhà vua không dùng hình phạt mà chỉ đem chánh pháp trị nước. Nhà vua thích bố thí vàng bạc, châu báu ở ngoài các cửa thành và các ngã đường. Ai muốn được cơm ăn, nước uống, áo mặc, hoa thơm, nhà cửa, ruộng vườn, giường chiếu, vòng hoa, châu báu, ngọc minh nguyệt, lưu ly, thủy tinh, san hô, mã não... nhà vua đều ban cho theo nhu cầu, dạy mọi người thọ trì giới Bát quan trai.

Nhà vua trị nước được năm trăm năm, dân chúng không cày bừa, trồng trọt, tự nhiên vẫn có lúa gạo thơm ngon tinh khiết, không có những đồ xấu dở. Hôm nay cắt lúa thì ngày mai tự nhiên tiếp tục sinh trở lại; ngay khi người ta lấy gạo xong thì những cọng lúa tự chìm xuống. Mọi người cùng lấy gạo đó ăn. Sau khi ăn những vị gạo này, răng của họ không bị

rụng. Họ cũng không già không bệnh, không bị còng lưng. Nhan sắc không khác, cao thấp như nhau, tướng tốt cũng vậy, giống như ở xứ Uất-đơn-việt. Nhà vua nghĩ: "Ta bố thí cho con người đâu có gì là lạ, ta bố thí cho loài cầm thú mới là điều khó". Vua lấy bơ thơm thoa, chà vào thân, rồi đi vào trong rừng vắng, nằm trên bờ đá. Hằng trăm con chim bay đến mổ vào thân vua, vua mạng chung thác sinh vào một nhà Bà-la-môn rất giàu, vàng bạc châu báu vô số. Mãn mười tháng thì ra đời; đứa bé có tướng hảo đoan nghiêm không ai sánh bằng. Vừa sinh ra, có bốn thị nữ phục vụ đời sống đứa bé: Người thứ nhất lo trang điểm thân đứa bé, người thứ hai lo việc tắm rửa, người thứ ba lo việc bú mớm, người thứ tư lo việc bồng bế. Đứa bé rất chóng lớn. Bốn người thị nữ cùng bàn: "Không cho đứa bé trông thấy gì khác". Lúc năm trăm thể nữ hầu hạ đang cùng nhau vui chơi thì chú bé lén ra phố và trông thấy cảnh mua bán người khốn khổ, chú bé sinh lòng thương xót, tự nói: "Nếu làm cho những người dân này được giàu có, an vui, không bị mua bán, đổi chác". Chú bé nói kệ:

Làm sao thân tâm ta
Vững vàng không tổn hoại
Ta an ổn tự tại
Chứng kiến dân khốn khổ.

Chú bé chạy nhanh về nhà thưa cha mẹ:

– Con muốn cạo bỏ râu tóc, đi vào núi rừng, ở nơi vắng lặng, ngồi dưới cội cây tu tập.

Cha mẹ chú bé không bằng lòng, nói:

– Chúng ta chỉ có con là người con duy nhất, rất đỗi yêu thương. Chúng ta đã ngày đêm nguyện cầu, cúng tế các vị thần sông núi, mặt trời, mặt trăng, chư Thiên... mới sinh được con. Nếu không thấy mặt con, chúng ta sẽ buồn rầu đến chết mất, nên dứt khoát không cho đi.

Người con nằm xuống đất một ngày, hai ngày, cho đến năm ngày, không chịu ăn uống. Những người bà con thân thuộc nghe đứa bé này muốn cạo bỏ râu tóc mà cha mẹ nó không cho nên nằm trên đất không ăn uống đã năm ngày rồi. Các người bà con đến nhà khuyên can:

– Này chú bé, tại sao không dậy tắm rửa, ăn uống chuẩn bị để cạo bỏ râu tóc vui đạo thanh nhàn ở chốn núi rừng?

Họ nói như vậy ba lần. Chú bé cũng không chịu. Những người bà con này lại đến chỗ cha mẹ chú bé nói:

– Xin cho cháu xuất gia học đạo. Nếu thích thì thỉnh thoảng sẽ lui tới thăm viếng, nếu không thì gọi nó trở về.

Cha mẹ chú bé bằng lòng. Thấy cha mẹ chấp thuận, chú bé trở lại ăn uống như cũ. Sáu, bảy ngày sau, chú bé đi nhiễu quanh cha mẹ ba vòng làm lễ, rồi từ giã, vào chốn núi rừng thanh vắng hành đạo.

Chú bé đến khu rừng nhiều cây to lớn, trong đó có hai đạo nhân tọa thiền chứng năm thần thông. Họ chí thành tinh tấn cầu đạo, xa lìa dâm dục. Chú bé đến chỗ hai đạo nhân, hỏi:

– Các ngài ở giữa chốn núi rừng này làm gì?

Hai đạo nhân đáp:

– Chúng tôi ở đây tọa thiền, suy tư về đạo, vì nhân dân mà chuyên cần khổ hạnh.

Chú bé nói:

– Tôi cũng sẽ vì nhân dân mà tọa thiền tầm đạo.

Hai đạo nhân cùng nói:

– Lành thay đồng tử!

Chú bé liền vào rừng, tọa thiền dưới gốc cây, vì lòng thương dân mà siêng năng hành đạo, liền đặng năm thần thông và tinh tấn vượt hơn hai đạo nhân kia nên họ tôn đồng tử là Đại thánh.

Ở vùng rừng núi ấy có một con hổ đang mang thai. Theo pháp của các đạo nhân, chỉ nhặt quả rụng để ăn chứ không hái trên cây. Các đạo nhân cùng đi tìm trái cây, chợt thấy con hổ có thai, đồng tử đạo nhân nói với hai đạo nhân:

– Con hổ này đã sắp sinh, trải bao ngày đói khát, tôi sợ nó sẽ ăn thịt con của nó. Ai có thể đem thân mình cho hổ ăn?

Một trong hai đạo nhân là Bồ-tát Di-lặc nói:

– Tôi sẽ đem thân mình cho hổ ăn.

Sau khi hái rau trở về, thấy con hổ mới sinh muốn ăn thịt con mình. Đồng tử đạo nhân nói với hai đạo nhân:

– Con hổ mới sinh xong rất đói, nó muốn ăn thịt con. Ai có thể đem thân cho nó ăn?

Và rồi cả ba người đi đến chỗ con hổ. Hổ giương mắt há miệng hướng về phía ba người. Hai người đạo nhân kia đều hoảng sợ, liền bay lên không trung. Một đạo nhân nói:

– Tại sao người tha thiết với nó thế?

Vị kia bảo:

– Ta đem thân cho hổ đói ăn, sao lại bay lên hư không?

Nói rồi đạo nhân thương cảm rơi lệ.

Nhìn chung quanh không có ai, đồng tử đạo nhân lấy dao bén cắt cánh tay phải chảy máu. Đồng tử cắt đến bảy chỗ như vậy. Hổ uống máu người chảy vào trong miệng, đồng tử đạo nhân liền tự sát để thân cho hổ đói ăn.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông muốn biết người dâm nữ tuyệt đẹp lúc bấy giờ là ai không? Người đó chính là Ta. Người được tôn lên ngôi vua cũng chính là Ta. Còn người Bà-la-môn tự giết mình cho hổ ăn cũng chính là Ta vậy. Hai vị đạo nhân là Bồ-tát Ca-diếp và Bồ-tát Di-lặc.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ta tinh tấn hành đạo vượt hơn Bồ-tát Di-lặc chín kiếp. Như vậy A-nan, Ta tinh tấn hành đạo sáu mươi kiếp, bố thí tay chân, đầu, tai, mắt, mũi, gân cốt, vợ con, y phục tốt đẹp và đồ ăn uống, hàng phục sáu mươi ức quân ma, ba mươi bốn ức người đắc thành Phật đạo.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nếu làm cho tất cả mọi người biết phước báo bố thí như Ta đã biết, đối với kẻ nghèo thiếu ăn, nhờ một bữa cơm, họ sẽ kéo dài được mạng sống, mà không ăn được bữa cơm này, họ sẽ chết, thì có thể nhịn để người khác no lòng.

A-nan, Ta nhớ thuở xưa đã làm những việc bố thí, do đó nay Ta có sắc diện quang minh rạng ngời. Lúc Ta cười, hào quang từ miệng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Khi Đức Phật nói kinh này có bốn ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo khởi Vô dư ý được giải thoát. Tám mươi na-thuật (na-do-tha) trời, người phát tâm Vô thượng đạo chánh chân, bảy vạn Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật nói kinh này xong, Hiền giả A-nan và tất cả hội chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nhân dân trong thế gian đều vui mừng, đến trước đảnh lễ Phật mà lui ra.

❑

SỐ 179

KINH NGÂN SẮC NỮ

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Phật-đà-phiến-đa, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Bà-ca-bà ở tại rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, có chúng sinh nào có thể biết rõ được công đức và quả báo của việc bố thí như đã biết mà trong bữa ăn, từ miếng ăn đầu đến miếng ăn cuối, không có lòng rộng mở bố thí thì tự mình không nên ăn.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu có các chúng sinh
Như lời Phật đã dạy
Bớt phần ăn bố thí
Thành tựu quả báo lớn,
Hoặc ngay miếng cơm đầu
Hoặc là miếng sau cùng
Ai không dùng bố thí
Tự mình không nên ăn.

Đức Thế Tôn dạy bài kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, từ vô lượng kiếp quá khứ có một kinh đô tên Liên hoa, trong thành có danh nữ tên Ngân Sắc, tướng mạo đoan trang vô cùng xinh đẹp, bởi nàng được kết hợp bằng những nét đẹp tuyệt diệu nhất. Một hôm có việc cần, Ngân Sắc rời nhà đi đến một nhà kia. Khi vào nhà, cô thấy một sản phụ vừa sinh một đứa con trai rất xinh đẹp, dễ thương. Khi ấy, bà ta đang bế đứa con lên và muốn ăn thịt nó. Thấy thế Ngân Sắc liền hỏi:

– Em làm gì vậy?

Sản phụ đáp:

– Tôi quá đói, không còn khí lực, không biết lấy gì ăn, nên tôi muốn ăn con tôi.

Ngân Sắc liền bảo sản phụ:

– Em hãy dừng lại, việc này không thể được. Trong nhà này không có ai lo thức ăn cho em sao?

Vị ấy đáp:

– Đã từ lâu tôi chỉ chất chứa xan tham, keo kiệt, cho nên bây giờ không có một chút gì có thể ăn được.

Ngân Sắc liền bảo:

– Em hãy đợi một lát, tôi về nhà đem thức ăn cho em.

Bà ta lại nói:

– Hiện giờ hai bên sườn của tôi như muốn gãy, lưng lại muốn bại, trong lòng ngổn ngang, nhìn nơi nào cũng mờ mịt. Cô vừa ra khỏi nhà chắc tôi chết ngay.

Khi ấy, Ngân Sắc suy nghĩ: "Nếu đem đứa con đi chắc người mẹ sẽ chết, mà nếu không đem nó đi ắt mẹ nó ăn thịt. Ta phải tìm cách nào để cứu hai mẹ con".

Cô liền nói với sản phụ:

– Tôi cần có một con dao bén, trong nhà này có không?

Sản phụ nói:

– Có.

Và liền lấy dao trao cho Ngân Sắc. Ngân Sắc dùng dao cắt hai vú của mình bảo sản phụ ăn và nói với bà ấy:

– Em hãy ăn vú của tôi, thân thể của em sẽ bớt đói khổ.

Khi sản phụ ăn xong, Ngân Sắc lại hỏi:

– Em no chưa?

Sản phụ đáp:

– Tôi no rồi.

Ngân Sắc nói:

– Em nên biết, đứa bé này chính là tôi đã đem thân thể chuộc lại. Nay tôi gởi nó cho em, tôi muốn về nhà lấy thức ăn.

Ngân Sắc nói xong thì khắp thân máu ra lênh láng, lê lết đi về. Về đến nhà, bà con quyến thuộc trông thấy Ngân Sắc đều cùng hỏi:

– Ai làm thế này?

Ngân Sắc trả lời:

– Tự tôi làm như vậy.

Họ lại hỏi:

– Vì sao cô làm như vậy?

Ngân Sắc nói:

– Tôi đã khởi tâm không bỏ đại bi vì mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Những người thân quyến nói:

– Tuy cô hành hạnh bố thí mà tâm còn hối tiếc, thì chỉ gọi là bố thí, mà không phải là Ba-la-mật.

Họ lại hỏi:

– Trong lúc cắt bỏ phần thân như vậy, cô có hoan hỷ không? Cô chớ vì đau đớn quá mà sinh buồn tiếc.

Ngân Sắc liền phát thệ nguyện:

– Tôi cắt hai vú, lòng không hề nuối tiếc hay có một vọng tưởng nào khác. Nếu đúng như lời, xin hai vú của tôi trở lại như cũ.

Ngân Sắc vừa nguyện xong thì hai vú trở lại bình thường.

Bấy giờ, trong thành Liên hoa, các Dạ-xoa cùng nói lớn rằng: "Cô Ngân Sắc tự bỏ hai vú". Khi ấy Địa thiên nghe được lại truyền lên hư không. Chư Thiên nghe được lại loan truyền tiếp, truyền mãi như vậy cho đến Phạm thiên, trời Đế Thích suy nghĩ: "Thật là sự kiện hy hữu, cô Ngân Sắc này vì lòng thương chúng sinh cho nên tự bỏ hai vú, nay ta đến hỏi cô ấy xem". Nghĩ xong, Đế Thích hóa thân làm người Bà-la-môn, tay trái cầm bình nước và bát đều bằng vàng, tay phải cầm cây gậy cũng bằng vàng, rồi ông đi thẳng đến thành Liên hoa và đi dần đến nhà Ngân Sắc ở, đứng ngoài cửa cất tiếng khất thực; Ngân Sắc nghe ngoài cửa có tiếng người khất thực, vội lấy đồ đựng đầy thức ăn đem ra ngoài cửa. Người Bà-la-môn nói:

– Thôi cô ạ, tôi không cần thức ăn.

Ngân Sắc hỏi tại sao, người Bà-la-môn nói:

– Ta là Đế Thích. Ta có sự hoài nghi đối với cô nên đến đây, xin cô đáp lời ta hỏi.

Ngân Sắc thưa:

– Đại Bà-la-môn, xin ông cứ hỏi, con sẽ trả lời những điều ông hoài nghi, con sẽ làm vừa ý ngài Bà-la-môn.

Bà-la-môn hỏi:

– Có phải cô thật cắt hai vú để bố thí cho người khác không?

Cô đáp:

– Đúng như vậy, thưa Đại Bà-la-môn.

Bà-la-môn lại hỏi:

– Tại sao cô làm như vậy?

Ngân Sắc trả lời:

– Vì lòng đại bi muốn đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bà-la-môn nói:

– Việc này rất khó. Cái rất khó là đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu cô bố thí rồi mà sinh tâm hối tiếc, thì chỉ là thí chứ chẳng phải Ba-la-mật. Lúc đang bố thí, cô có hoan hỷ không? Trong lúc đang bị cắt đau đớn, cô có sinh ý khác không?

Ngân Sắc đáp:

– Thưa Kiều-thi-ca, con nay lập thệ: Con vì tâm cầu Nhất thiết trí, vì tâm cầu thắng nhất thiết thế gian, tâm mong cứu độ tất cả chúng sinh, nên con không hề hối tiếc khi cắt bỏ hai vú. Nếu đúng là con không hối tiếc, xin cho thân nữ của con biến thành người nam.

Khi Ngân Sắc phát lời thệ nguyện xong, liền trở thành người nam. Ngân Sắc thấy thân nữ đã biến thành thân nam rồi, lòng sinh hoan hỷ, vui mừng không xiết, đi đến gốc cây nằm ngủ.

Trong thời gian ấy, vua Liên Hoa bỗng nhiên băng hà. Vua lại không có con. Thời tiết vô cùng nóng bức. Ngay thời điểm ấy, các quan đại thần tìm kiếm khắp nơi, từ rừng này qua rừng khác, từ làng này qua làng khác, từ thành này đến thành kia, từ đô thị này đến đô thị khác, một người có tướng xứng đáng lên ngôi vua. Các quan đều nói: "Chúng ta phải làm thế nào tìm được vị vua cai trị nước nhà đúng chánh pháp".

Trong lúc ấy có một vị quan đại thần, nhân trời nóng bức nên vào trong ao Liên hoa. Vị đại thần chợt thấy người nằm dưới gốc cây tướng mạo thật hoàn hảo, thù thắng. Người ấy nằm ngủ mà không biết mặt trời dọi vào, thế nhưng bóng cây luôn che mát cho người. Vị đại thần khảy móng tay cho người ấy thức dậy và dẫn người ấy vào thành Vương xá, cho cạo râu và mặt vương phục đội mũ châu báu, rồi nói với người ấy:

– Xin ngài làm vua trị vì đất nước.

Người ấy liền đáp:

– Tôi thật không thể chăm lo việc nước.

Các quan lại nói:

– Hôm nay chúng tôi cần mời ngài lên ngôi vua.

Vị ấy liền bảo:

– Nếu tôi làm vua thì sẽ cai trị đất nước đúng như pháp, tất cả dân chúng trong nước phải nên thọ trì Thập thiện nghiệp đạo thì tôi chịu lên làm vua.

Các quan đồng thưa:

– Chúng thần xin thuận ý ngài.

Ngay khi ấy mọi người đều thọ Thập thiện nghiệp đạo. Vị ấy khuyên mọi người thọ Thập thiện nghiệp đạo như vậy rồi, mới lên ngôi vua hiệu là Ngân Sắc.

Bấy giờ nhân dân trong nước vua Ngân Sắc sống lâu bảy vạn na-do-tha tuổi. Nhà vua trị vì đất nước đến vô lượng trăm ngàn năm mới mạng chung. Trước giờ lâm chung vua nói kệ:

Tất cả đều vô thường
Ắt có sự tan hoại
Hội họp sẽ chia ly
Có sinh đều có tử.
Tùy theo nghiệp đã làm
Hoặc thiện hoặc bất thiện
Tất cả cái có sinh
Không tồn tại lâu dài.

Sau khi nhà vua mạng chung, thác sinh trở lại kinh đô Liên hoa, trong một gia đình trưởng giả. Vừa tám chín tháng, bà vợ ông trưởng giả đã sinh một đồng tử. Đồng tử có tướng mạo khôi ngô tuấn tú. Mãi hơn tám tuổi đồng tử mới đến trường học cùng năm trăm đồng tử khác. Ở nơi trường học trước đó có năm trăm đồng tử đọc sách. Đồng tử hỏi người bạn học cũ rằng:

– Các người ở đây làm gì?

Chúng nói:

– Chúng tôi đọc sách.

Đồng tử lại hỏi:

– Đọc sách được ích lợi gì? Các bạn không cần đọc sách này làm chi, các bạn chỉ cần phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các bạn hỏi:

– Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải làm gì?

Đồng tử liền nói:

– Tất nhiên cần phải tu hạnh sáu Ba-la-mật, đó là:

1. Đàn ba-la-mật.
2. Thí ba-la-mật.
3. Sằn-đề ba-la-mật.
4. Tỳ-lê-da ba-la-mật.
5. Thiền ba-la-mật.
6. Bát-nhã ba-la-mật.

Người bạn cũ nghe xong nói:

– Tôi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi vị đồng tử đã giáo hóa cho mọi người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, suy nghĩ: "Bây giờ ta muốn đem chút ít bố thí cho những loài cầm thú hai chân, bốn chân". Suy nghĩ như vậy, đồng tử đi vào rừng Thi-đà, dùng dao bén cắt thân chảy máu thoa lên khắp thân, lại dùng dầu bôi lên rồi nằm trong rừng mà tự xướng rằng:

– Các loài cầm thú hai chân, bốn chân như hươu, nai... ở gần xa, có cần thức ăn hãy đến đây ăn thịt của ta.

Khi đó có con chim tên Hữu Thủ ở trong đàn chim, bay đến đậu trên trán đồng tử và móc mắt phải của ông ta rồi bay đi. Đồng tử hỏi chim:

– Vì sao ngươi móc mắt của ta rồi bay đi?

Chim đáp:

– Đối với tôi trong phần thịt của con người, tất cả chỉ có thịt ở mắt là ngon hơn hết.

Đồng tử hỏi chim:

– Giả sử ngươi có móc ngàn con mắt phải của ta rồi lại bay đi, ta cũng không có phật ý, ân hận.

Chim ở đó ăn hai con mắt của đồng tử rồi, vô lượng chim khác trong rừng bay đến chỗ đồng tử ăn hết sạch thịt trên thân đồng tử, chỉ còn lại đống xương trắng.

Đồng tử xả thân bố thí rồi, lại sinh trở lại kinh đô Liên hoa, vào nhà một người Bà-la-môn. Đúng mười tháng, bà vợ người Bà-la-môn sinh được một đồng tử tướng mạo khôi ngô tuấn tú không ai sánh kịp. Đến năm đồng tử đã hai mươi tuổi, cha mẹ nói:

– Ma-na-bà, chúng ta sẽ xây dựng nhà cửa.

Đồng tử thưa cha mẹ:

– Cha mẹ vì con mà xây dựng nhà cửa có ý nghĩa gì? Hiện giờ tâm con không ở tại nhà, xin cha mẹ hãy cho vào núi sâu.

Cha mẹ đồng tử bằng lòng cho đi. Đồng tử rời nhà đi đến núi rừng. Vừa đến nơi đã thấy phía trước có hai Tiên nhân Bà-la-môn cũ đang ở trong rừng kia. Khi đó Ma-na-bà đến chỗ hai vị Tiên nhân Bà-la-môn, hỏi hai vị đó rằng:

– Hai vị Phạm tiên ở trong núi rừng làm gì thế?

Họ đáp:

– Ma-na-bà, chúng tôi đều vì lợi ích của chúng sinh nên ở tại núi rừng này thực hiện tất cả các việc khổ hạnh.

Đồng tử nói:

– Hôm nay tôi cũng vì lợi ích của tất cả chúng sinh nên muốn đến đây thực hành khổ hạnh.

Ma-na-bà liền đến rừng cây, đắp đất làm nhà. Nhờ phước đức tu nghiệp thiện, Ma-na-bà bỗng nhiên đắc đại nhãn. Ngay khi ấy ông trông thấy có một vùng núi, cách đó không xa lắm, có một con hổ mẹ đang có thai sắp sinh. Thấy vậy, Ma-na-bà suy nghĩ: "Con hổ mẹ này chẳng bao lâu sẽ sinh con. Khi sinh xong có lẽ nó sẽ bị chết đói, hoặc chịu biết bao điều khốn khổ vì đói khát, hoặc nó sẽ ăn thịt con. Ai có thể cắt thân cho con hổ này?". Sau khi suy nghĩ, đồng tử liền hỏi: "Vị nào có thể cắt thân mình cho hổ ăn". Tiên nhân kia đáp:

– Chúng tôi không thể cắt thân bố thí.

Bảy ngày sau con hổ mới sinh. Sinh xong, nó ngoặm con đặt trên đất và ôm giữ con. Ma-na-bà thấy như vậy rồi, liền đến chỗ hai vị tiên nói:

– Đại tiên, hổ mẹ đã sinh. Nếu hai người vì lợi ích chúng sinh thực hành bao khổ hạnh, thì nay đã đúng lúc nên cắt thịt thân mình đem cho con hổ này.

Lúc đó hai vị tiên Bà-la-môn đi ngay đến bên trái con hổ mẹ, suy nghĩ: "Ai có thể nhẫn nhục chịu việc khổ này mà thực hành đại thí? Ai có cắt thân thể yêu quý của mình cho hổ đói ăn?". Suy nghĩ như vậy rồi, hai vị Tiên nhân rời hổ mẹ đi ra xa và vì tiếc thân mạng nên hai vị tiên này bay lên hư không đi mất.

Từ xa, Ma-na-bà nói với theo hai Tiên nhân Bà-la-môn:

– Đây không phải là lời thệ nguyện của các vị sao?

Nói xong, Ma-na-bà phát nguyện:

– Nay tôi xin xả bỏ thân này để giúp hổ đói. Nguyện cho tôi nhờ nhân duyên này chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phát nguyện xong, Ma-na-bà nhặt con dao bén dưới đất tự hủy hoại

thân mình để bố thí cho hổ đói.

Này các Tỳ-kheo, Ta sợ các ông sinh tâm hoài nghi. Này các Tỳ-kheo, các ông chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, lúc bấy giờ cô Ngân Sắc ở vương quốc Liên hoa kia đã cắt hai vú đâu phải người nào lạ, nay chính là Ta vậy.

Này các Tỳ-kheo, chớ sinh tâm hoài nghi và chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, vua Ngân Sắc ở kinh đô Liên hoa lúc ấy nay cũng chính là Ta.

Các Tỳ-kheo, các ông chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, Ta lúc ấy tên là Ngân Sắc, cắt bỏ hai vú để cứu giúp đứa bé kia.

Các Tỳ-kheo, các ông chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, đứa bé lúc đó chính là La-hầu-la chớ không phải ai khác.

Các Tỳ-kheo, chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, lúc đó vua nước Liên hoa trong vườn Thi-đà vì các bầy chim cắt xả thân thể, đâu phải người nào lạ, nay chính là Ta vậy.

Này các Tỳ-kheo, chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, lúc ấy hai vị tiên Bà-la-môn đâu phải người nào lạ, nay chính là các Tỳ-kheo.

Này các Tỳ-kheo, các ông chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ nghĩ điều gì khác. Vì sao? Các ông nên biết, lúc ấy Ma-na-bà, con của người Bà-la-môn, cũng chính là Ta vậy.

Này các Tỳ-kheo, vì thế cho nên Ta bảo cho các ông: Nếu các Tỳ-kheo biết rõ công đức bố thí và quả báo bố thí thì phải bố thí miếng ăn ban đầu, hoặc bố thí miếng ăn sau cùng, như vậy tự mình mới nên ăn.

Khi Đức Phật nói kinh này, các vị Tỳ-kheo thảy đều rất hoan hỷ.

❑

SỐ 180

PHẬT NÓI KINH ĐỨC PHẬT KHẤT THỰC TRONG ĐỜI QUÁ KHỨ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt chi.

Đức Phật dạy:

Thời quá khứ có Đức Phật vào thành khất thực cùng đông đảo chư Tôn đệ tử, Bồ-tát. Những đệ tử, Bồ-tát này đều có tướng hảo đoan chánh và từ ái bao dung, mỗi ngài hành đạo theo bản nguyện của mình.

Có một bà mẹ mang thai được vài tháng, thấy Phật và chúng Tăng sống đời Thánh thiện, bà ước nguyện đứa con sắp sinh của bà cũng sẽ làm Sa-môn, đệ tử của Phật.

Thắm thoát đã đến ngày sinh, mẹ tròn con vuông đứa bé rất xinh đẹp và có tướng khác người. Bà mẹ ấy vô cùng yêu thương con, không còn ý muốn cho con đi làm Sa-môn nữa. Ngay lúc bà tỉnh ngộ, bà tự nói với chính mình: "Trước kia ta có ước nguyện, nếu sinh con, ta sẽ cho nó học đạo. Nay đứa bé đã ra đời, lại có tướng mạo khác người, nó khiến cho ta cảm thấy an ổn lại không còn bất tịnh. Ta không thể vì quá đổi thương con mà trái với tâm nguyện trước kia".

Đến năm đứa bé lên bảy, gia đình lại nghèo nên bà mẹ làm đồ đựng thức ăn cho hai người và ba pháp y, tay cầm bình nước rửa, bà dẫn con đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, bạch Phật:

– Xin Ngài thương con của con và cho nó được làm Sa-môn, sau này đắc đạo được thân hình như Phật.

Đức Phật chấp thuận cho đứa bé làm Sa-môn. Bà mẹ đem bình nước sạch rửa tay cho con. Lúc đó có chín con rồng từ trong miệng bình chui ra, phun nước rót vào tay chú bé. Rửa xong, nước còn thừa xối lên đầu chú bé, còn sót lại giọt nước trên đầu của chú bé liền hóa thành lọng báu, tràng hoa che phủ, bên trong có tòa sư tử và trên tòa có Đức Phật ngồi. Đức Phật mỉm cười, trong miệng có ánh sáng năm màu tỏa chiếu mười ức cõi Phật, chiếu trở lại vòng quanh thân Phật, nhập vào đảnh chú bé.

Người mẹ đem bát cơm, trước dâng lên Đức Phật và trao thức ăn cho người con, liền phát tâm Vô thượng bình đẳng. Đúng lúc ấy mười ức cõi Phật bị chấn động sáu cách, các cõi nước Phật đều tự nhiên hiện. Lúc ấy, Đức Phật dùng bát cơm của người mẹ chú bé dâng cho Ngài, mời chư Phật và Tỳ-kheo Tăng hiện tiền, tất cả đều được no đủ mà bát cơm kia vẫn còn nguyên như trước. Bà mẹ chú bé vô cùng hoan hỷ, vô số trời người đều được Bất thoái chuyển. Khi đó mái tóc chú bé tự rụng xuống và chú bé trở thành Sa-môn, ngay tại chỗ được địa vị Bất thoái chuyển. Bà mẹ đến bạch Đức Phật:

– Hôm nay con trông thấy có ba điều kỳ diệu:

1. Khi con rửa tay cho con của con thì có chín con rồng phun nước.
2. Rửa xong, nước còn thừa xối lên đầu con của con, liền hóa thành trướng báu và tòa sư tử trên có Đức Phật ngồi.
3. Khi Đức Phật mỉm cười, trong miệng tỏa ra ánh sáng rồi nhập vào đảnh đầu chú bé.

Cúi xin Đức Phật giải thích cho con được hiểu.

Đức Phật dạy:

– Chú bé này mười bốn kiếp sau sẽ đặng làm Phật, đều đó đủ những hiện tượng như: Chín con rồng phun nước, tòa sư tử, lọng hoa trướng báu, Đức Phật mỉm cười ánh sáng nhập vào đảnh chú bé... đều ứng hiện việc đó.

Bà mẹ chú bé nghe lời Phật dạy vui mừng khôn xiết. Về sau bà được làm mẹ của Chuyển luân thánh vương. Trải qua bảy trăm đời, kiếp sống đã hết, chuyển thân làm mẹ và chứng đắc Bất thoái chuyển.

Đức Phật dạy:

– Lúc ấy chú bé tức là thân Ta, cho nên hôm nay Ta được công đức như vậy.

Tất cả chư Thiên, Long thần, Nhân dân... nghe lời Phật dạy, đều chứng được Bất thoái chuyển.

Phật Vô Nhiệt, Phật Tánh Không, Phật Thiên Vương, Phật Kim Nhân.

❑

SỐ 181

PHẬT NÓI KINH CỬU SẮC LỘC

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

Ngày xưa Bồ-tát là thân nai chín màu, nghĩa là lông của nai có chín màu. Sừng của nai trắng như tuyết. Nai thường ở bên bờ nước sông Hằng, uống nước, ăn cỏ, cùng kết bạn với một chú quạ.

Một hôm trong dòng nước có một người bị trôi, khi thì nhô lên, khi thì bị chìm xuống, tình cờ vớ được khúc cây, người đó ngẩng đầu lên kêu trời:

– Thần núi, Thần cây, chư Thiên, Long thần tại sao không thương xót ta!

Nai nghe tiếng người, vội lội vào trong nước, nói với người bị trôi:

– Ông đừng hoảng sợ. Ông có thể cỡi lên lưng và vịn vào hai sừng của tôi, tôi sẽ đưa ông lên bờ.

Khi đã cứu người bị nạn lên bờ rồi, nai đã đuối sức. Người bị nạn, cúi đầu đi quanh nai ba vòng, quay về phía nai cúi đầu, thưa:

– Xin cho cả nhà tôi được làm người nô tỳ phục dịch để hái cỏ lấy nước.

Nai nói:

– Tôi không dám phiền ông, đường ai nấy đi. Muốn báo ân tôi, xin ông chớ chỉ đường cho người khác là tôi ở đây, vì người đời tham da và sừng của tôi ắt sẽ đến giết tôi.

Người bị chìm vâng lời ra đi.

Lúc ấy phu nhân của vua ban đêm nằm mộng thấy con nai chín màu, lông của nai có chín loại màu và sừng của nó trắng như tuyết. Phu nhân cáo bệnh không chịu dậy. Vua hỏi phu nhân:

– Vì sao phu nhân không dậy?

Bà ta đáp:

– Đêm qua thiếp nằm mơ thấy con nai kỳ lạ, lông của nó có chín màu,

sừng của nó trắng như tuyết. Thiếp nghĩ là phải lấy được da của nó để làm nệm ngồi và muốn lấy sừng của nó để làm cán phất trần. Bệ hạ hãy tìm nó cho thiếp, nếu vua không tìm được nó, thiếp sẽ chết ngay.

Vua nói với phu nhân:

– Phu nhân hãy trở dậy. Ta là chủ của một nước mà lại không tìm được hay sao?

Nhà vua liền kêu gọi mọi người trong nước:

– Nếu ai có thể tìm được con nai chín màu, ta sẽ chia phân nửa nước để cai trị và ban cho bát vàng đựng đầy gạo bạc, lại ban cho bát bạc đựng đầy gạo vàng.

Khi ấy người bị nạn chìm nghe vua trọng thưởng, sinh ác ý, nghĩ rằng: "Ta sẽ báo cho vua biết chỗ ở của nai để được hưởng phú quý. Dầu sao nai cũng là loài súc sinh, chết sống sá gì". Nghĩ vậy, hắn liền nói với sứ giả của vua:

– Tôi biết chỗ ở của con nai chín màu.

Sứ giả dẫn người bị nạn chìm đến cung vua và tâu:

– Người này biết chỗ ở của con nai chín màu.

Nhà vua nghe tin này vô cùng vui mừng, nói với người bị nạn chìm:

– Nếu ngươi có thể tìm được con nai chín màu, ta sẽ ban cho ngươi một nửa đất nước của ta, ta không nói dối.

Hắn liền bảo:

– Tôi có thể tìm được.

Ngay lúc ấy trên mặt hắn ta sinh đầy mụn nhọt. Người bị nạn chìm lại tâu vua:

– Con nai này tuy là loài thú nhưng nó có oai thần rất lớn. Vua phải cho nhiều người đi theo mới bắt được nó.

Vua dẫn một đoàn người rất đông tiến đến bờ sông Hằng. Lúc đó có con quạ đang đậu trên cành cây, trông thấy đoàn người của vua, nó nghi rằng họ sẽ giết nai. Chim gọi nai:

– Bạn hiền ơi, hãy dậy đi! Nhà vua đến bắt bạn đó.

Nai vẫn không hay. Quạ liền bay xuống đậu trên đầu nai, nói:

– Bạn hiền ơi! Hãy dậy đi. Nhà vua đến rồi kìa!

Nai hoảng sợ đứng dậy nhìn khắp chung quanh, thấy đoàn người của vua đã bao quanh trăm vòng, không thể chạy thoát được. Nai liền đến trước xe vua, lúc đó đoàn người của vua giương cung muốn bắn. Nai nói với họ:

– Xin đừng bắn. Tôi muốn đến chỗ vua, có việc muốn tâu.

Vua hạ lệnh quân lính:

– Không được bắn nai! Đây là con nai hiếm có, hoặc là Thần trời.

Nai lặp lại câu nói của vua:

– Xin đừng giết tôi, tôi có ân lớn đối với đất nước của vua.

Vua hỏi nai:

– Ngươi có ân gì?

– Trước đây tôi có cứu sống một người trong nước của vua.

Nai quỳ xuống hỏi lại nhà vua:

– Ai đã chỉ đường cho ngài là tôi ở đây?

Nhà vua chỉ bên xe một người mặt đầy ung nhọt. Nai nghe vua nói, nước mắt ràn rụa như mưa tâu rằng:

– Đại vương, có một ngày trước đây, người này bị chìm dưới dòng sông sâu, trôi theo dòng nước chảy, có lúc trồi lên có lúc chìm xuống. Ông ta vớ được khúc cây, ngẩng đầu than trời: "Thần núi, Thần cây, chư Thiên, Long thần, tại sao không thương xót ta". Lúc đó tôi không tiếc thân mạng, vội lao vào trong nước cõng ông ta lên. Ông ấy đã hứa không chỉ chỗ tôi ở. Con người không biết suy xét, chẳng bằng để cho ôm khúc gỗ nổi trôi theo dòng nước cho rồi!

Vua nghe nai nói rất lấy làm hổ thẹn, trách mắng người kia:

– Ngươi thọ trọng ân tại sao trở lại muốn giết nai?

Ngay khi ấy nhà vua hạ lệnh cho mọi người trong nước: Từ nay về sau nếu ai đuổi theo loài nai này ta sẽ tru di ngũ tộc.

Từ đó hàng ngàn bầy nai đều đến quây quần bên nai chín màu. Chúng ăn cỏ, uống nước không xâm phạm lúa má của người khác. Mưa thuận, gió hòa, ngũ cốc tươi tốt, dân chúng không bị tật bệnh, tai hại không sinh, đất nước thái bình, mạng sống được lâu dài.

Đức Phật dạy:

– Con nai chín màu lúc bấy giờ chính là thân Ta và con quạ hiền khi ấy nay là A-nan. Nhà vua khi đó nay là Duyệt-đầu-đàn, phu nhân của vua nay là Tiên-đà-lợi. Người bị nạn dưới nước nay là Điều-đạt. Điều-đạt cùng Ta đời đời có ân oán với nhau. Tuy Ta có thiện ý với ông ấy nhưng rồi ông ấy vẫn muốn hại Ta. Còn A-nan có lòng chí thành sẽ đắc thành đạo Vô thượng. Bồ-tát hành Sằn-đề ba-la-mật, nhẫn nhục như vậy.

❑

SỐ 182

PHẬT NÓI KINH LỘC MẪU

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt chi.

Đức Phật kể:

Ngày xưa có bầy nai cả trăm con, vì mãi mê theo cỏ nước mà vào gần xóm làng. Nhà vua cho thợ săn rượt đuổi bầy nai chạy tán loạn. Có một con nai mẹ có thai chạy một mình bị người đuổi theo, vừa đói vừa mệt, lại bị lạc đàn nên nó rất ấm ức và buồn bã. Lúc đó nó sinh hai con nai con, nhưng phải bỏ đi tìm thức ăn, vừa xót xa cho nỗi bơ vơ không nơi nương tựa, lại bị rơi vào bẫy của thợ săn muốn thoát ra mà không được nên nó kêu thảm thiết.

Nghe tiếng kêu của nai người thợ săn vội đến. Khi trông thấy nai, ông rất thích nên muốn giết. Nai mới dập đầu van xin:

– Hai con của tôi mới sinh còn nhỏ không biết gì. Chúng còn mờ mịt chưa rõ phương hướng. Hãy xin tạm tha phút chốc để tôi trở về trông chừng con tôi, dẫn dắt chúng biết đời sống cỏ nước, rồi tôi sẽ từ biệt hai con mà chịu chết. Xin ông rủ lòng thương xót và thông cảm cho tôi. Nhờ lòng thương hại, khiến tôi được gặp con tôi, tôi xin đem lòng chân thành không phải của loài nai mà đáp tạ. Xin phước đức trời thần che chở, ngày nào còn sống tôi không trái với lời thề là quay trở lại để chịu chết mà lòng không ân hận.

Lúc ấy người thợ săn nghe nai nói rất lấy làm kinh ngạc vừa sợ, lông tóc dựng đứng. Ông ta lấy làm lạ vì nai biết nói lên được tình người, liền hỏi nai:

– Có phải ngươi là yêu quái, hay thần núi, thần cây đạt được sự bất biến. Ngươi hãy nói thật cho ta rõ.

Nai nói:

– Tôi vì đời trước có tội tham tàn, phải chịu làm thân nai. Vì hết lòng nghĩ đến con cho nên nói những lời như thế, chứ chẳng phải là quỷ mị. Xin ông thương tưởng cho tôi được sống trở về thăm con tôi, sau đó sẽ đành

lòng chết.

Người thợ săn đã tin lời nai nói, nhưng trong lòng còn tham muốn nên không bằng lòng, bảo nai:

– Tất cả mọi người trong thế gian này còn không thành thật, huống chi ngươi là loài nai thương con, tiếc mạng, chỉ hoàn toàn cầu sống thì từ chỗ chết được thả ra, đâu thể đúng hẹn. Vả lại, lệnh vua khẩn cấp, sợ ngài sẽ biết việc này thì tội ta làm mất nai sẽ bị khiển trách nặng. Tuy tâm ta không muốn nhưng không thể làm khác đi được. Ta không thể thả ngươi ra.

Nai bàng hoàng đau đớn đáp:

– Tôi tuy là loài thú hèn hạ, nhưng vẫn cam tâm chịu chết không ân hận. Chỉ xin ông khất lại chứ tôi nào dám trái lời. Con người bị tội chỉ nhờ vào sự gieo trồng phước đức mà thôi. Nếu tôi đi thì con tôi còn sống, mà tôi ở lại thì con tôi sẽ chết. Xin cho tôi đi đúng hẹn, tôi sẽ trở lại. Xin chư Thần làm chứng cho lời nói của tôi: "Nếu tôi chết thì đâu có tiếc nhưng lại làm trái lòng chân thành." Vì nghĩ đến hai con, cho nên tôi tha thiết khẩn cầu! Chúng sống nhưng nếu không có mẹ thì chúng sẽ mất mạng, nhưng nếu ba mẹ con đều chết thì đau đớn biết dường nào!

Nai mẹ cúi đầu kêu rồi nói kệ:

Tôi làm thân loài thú
Kiếm ăn chỗ rừng rậm
Kiếp hèn tham mạng sống
Không sức, đưa tới chết.
Nay rơi vào bẫy ông
Dao thớt sẽ phân thân
Không tiếc mình tanh tưởi
Chỉ thương hai con thôi.
Vì tôi đời trước đây
Bạo ngược không chí thành
Không tin khổ tử sinh
Không rõ đường tội phước.
Làm ác tự chuốc tội
Nay chịu làm thân thú
Nếu được tha giây phút
Nguyện không trái lời thề.

Khi ấy, người thợ săn nghe nai phân tích những điều như vậy rất lấy làm lạ và thán phục, nhưng vì tham lợi nên không muốn thả nai ra. Ông ta

trách mắng nai mấy ngày:

– Ngươi chớ dùng lời gian xảo, dối trá khó tin, xỏ lá lọc lừa nhiều kiểu. Ngươi đã xâm phạm vào lúa mạ, cây giống của người. do tội đó mới sa vào bẫy của ta. Nay ta phải giết ngươi để dâng vua một bữa ăn. Ngươi chớ nên dối trá ta để mong ta tha mạng. Ham sống sợ chết, ai có thể đem thí mạng mình! Con người còn khó hẹn thời gian, huống chi ngươi là loài thú. Ngươi đòi xin tha mạng chết đâu có hẹn ngày trở lại, vì thế ngươi phải chết. Ta không thể thả ngươi ra.

Lúc đó nai vì nhớ con, sợ con không nơi nương tựa, liền quỳ gối cúi đầu rơi lệ kêu lên thảm thiết, lập lại bằng lời kệ:

Tuy làm thân loài thú
Không biết đường nhân nghĩa
Sao lại thọ ân lành
Được đi không trở lại.
Thà chịu khổ xả thân
Không chứa lời dối trá
Xót thương con cùng khốn
Cúi xin hoãn chốc lát.
Đời trước do tạo tội
Cho nên chịu thân thú
Nói lời người không tin
Chịu tai ương như vậy.
Còn chuốc khổ đời sau
Muốn thoát thân cầm thú
Can đảm tỏ lòng thành
Xin nghe lại lời thề:
Nếu người ác ở đời
Thương tổn Tỳ-kheo Tăng
Phá pháp, hủy hoại chùa
Và giết người trì giới
Ngỗ nghịch hại cha mẹ
Huynh đệ và vợ con
Tôi thề không trở lại
Tội tày trời như vậy.
Chịu tội khổ mọi đời
Kiếp hết tội không khỏi
Chuyển thân bị thiêu nấu

Xong lại đến nơi này
Luôn nghĩ tình ân nặng
Phải chịu khổ triền miên
Tôi thề không trở lại
Tội sâu dầy như vậy.

Lúc ấy người thợ săn nghe lời nai lập lại, trong lòng rất sợ sệt mới than:

– Ta thấy tất cả mọi người trong thế gian, nhờ phước đời trước được sinh làm người, ngu si mê hoặc, bội ân bạc nghĩa, bất trung, bất hiếu, bất tín, bất nhân, tham tàn, vô đạo, gian dối, cố giữ lấy mạng sống, không biết lẽ phải và thờ kính Tam bảo. Nai tuy là loài thú mà biết nói những lời tha thiết, lời thề thành tín, còn hơn cả con người! Lòng son tỏ rõ giống như ban ngày trải qua thử thách mới rõ tấm lòng.

Người thợ săn mở bẫy thả nai mẹ ra. Khi ấy, nai mẹ thoát khỏi lồng, vừa nhìn lui, vừa chạy vội đến chỗ hai con, cúi đầu ngửi và liếm khắp thân thể hai con, mừng mừng tủi tủi, xúc động bồi hồi thở than khóc lóc:

Tất cả ân ái hội
Đều do nhân duyên hợp
Hội họp lại biệt ly
Vô thường khó tồn tại.
Ta nay được làm mẹ
Thường sợ phải xa con
Đời sống nhiều âu lo
Mạng như sương trên cỏ.

Nói xong, nai mẹ đem hai con đến chỗ rừng cây sum suê, chỉ cho con giống lúa ăn được, chỗ nước ngọt, cỏ ngon, dặn dò kỹ lưỡng mọi điều trong đời sống, thương con bơ vơ lệ tuôn như mưa, kêu thương thảm thiết nói với hai con:

Đời trước sống dối trá
Phụ rẫy tình ân ái
Sát hại mạng chúng sinh
Trộm, giết, sai người làm.
Thân là bóng theo hình
Ngày nay phải chịu khổ
Nếu mà không sửa đổi
Sẽ trở lại nơi này.
Chống Phật, không tin pháp

Ngược lại lời thầy răn
Tự tham lòng không chán
Buông lung ý si mờ,
Tội báo kiếp súc sinh
Làm thức ăn cho người
Phận mình không dám oán
Mạng hết chẳng coi thường.
Tham cầu lấy phi đạo
Đời trước do giết, trộm
Mẹ sinh làm loài thú
Nghiệp cũ mãi truy tầm,
Ràng buộc phải chịu chết
Lo sợ không lối thoát
Nhờ biết kính Tam Tôn
Thấy rõ đoạn ân ái.
Một sáng mẹ ngộ nạn
Rơi nhầm bẫy thợ săn
Đáng lẽ bị giết chết
Thọ quả báo nát thân.
Nhớ thương con xin về
Nay trở lại chịu chết
Thương con nhỏ bơ vơ
Hãy nỗ lực tự sống
Đi phải nương theo đàn
Ở phải nương trong bầy
Ăn cùng đi theo bạn
Ngủ phải nhớ cảnh giác
Dè dặt dạo một mình
Ăn theo hai bên lộ
Nói xong lời từ biệt
Mẹ trở về chỗ chết.

Nai mẹ nói xong cùng hai con bịn rịn từ biệt đến ba lần. Nai cúi đầu kêu lên thật thương cảm rồi ra đi. Hai nai con kêu gào khóc thương thảm thiết, theo sau đi tìm dấu nai mẹ khốn khổ nhọc nhằn, vừa đi vừa kêu rất tội nghiệp. Chúng lại nói:

Lòng tham dục ân ái
Sống làm mẹ, làm con
Xưa nay thọ thân này

Làm mạng thú hèn hạ.
Vì sao bị cô độc
Từ biệt kể từ đây
Yêu mẹ tình ruột đứt
Cho chúng con cùng chết.
Từ lúc mẹ sinh ra
Chưa hề biết phương hướng
Nhớ mẹ thương chúng con
Sẽ đáp đền ân nghĩa,
Nào ngờ chịu sinh ly
Suốt đời con vắng mẹ
Nhớ mẹ khổ vì con
Sống một mình đơn lẻ,
Vô phước làm thân nai
Thiếu đức họa tai đến
Trước sống nơi mê muội
Sớm rơi vào cô liêu
Đời có sinh có tử
Sớm muộn cũng sẽ đến
Nỗi đau đớn hôm nay
Chúng con xin theo mẹ.
Nghe nai con nói những lời này, nai mẹ cảm động cúi đầu kêu khóc, than văn bùi ngùi rồi cất tiếng bảo hai con:
– Ở lại, đừng theo mẹ, để mẹ tự chết một mình, không nên mẹ con cùng đi đến chỗ chết. Mẹ đành lòng chịu chết, chỉ thương cho hai con còn non dại. Cuộc đời vô thường, không ai tránh khỏi cảnh biệt ly. Tại mẹ bạc mệnh, đời này vô phước, hai con theo mẹ làm gì để thêm xót thương và lo sợ. Hãy để mẹ chóng hoàn tất tội chướng của mẹ hôm nay.
Nai mẹ kêu lên và nói kệ với hai con:
Đời trước vì tham ái
Nên nay làm súc sinh
Có sinh đều có tử
Không thoát khỏi lo sầu.
Ngăn ý lìa tham ái
Kết quả sẽ an lành
Thà chết với thành tín
Hơn sống mà dối gian.

Nai con nghe mẹ nói lại càng thêm đau xót, lưu luyến, vừa khóc vừa đi đến chỗ bẫy, tìm kiếm khắp nơi mới thấy người thợ săn đang nằm dưới gốc cây. Nai mẹ đi thẳng đến đứng một bên cúi đầu nói lớn để đánh thức người thợ săn dậy:

Toàn thân rơi vào bẫy
Chấm dứt đời súc sinh
Được thả không dám trái
Trở lại trên dao thớt.
Lúc trước ông thả tôi
Nay đến xin chịu chết
Ân lành cho thân thú
Được từ biệt hai con
Chỉ chúng vùng cỏ nước
Nói rõ khổ vô thường
Tôi không chút hận thù
Nhớ ân không dám phụ.

Lúc ấy người thợ săn nghe nai mẹ đánh thức kêu nói những lời chí thiết, ông ta choàng tỉnh, sợ hãi, trong lòng đã phát Từ tâm nhưng chưa nói ra. Nai lại quỳ gối cúi đầu trước ông ta và vui vẻ tự giải bày, dùng kệ nói lời tạ ân:

Trước ông thả tôi đi
Đức dày hơn trời đất
Thú hèn vì thương con
Xót xa không kềm chế.
Tất cả đều vô thường
Giữ lời, đến chịu chết
Nhân duyên giờ diệt hết
Oán thù cũng tiêu tan,
Ban ân không quên được
Cảm nhận dám trái đâu
Dù muôn ngàn cảm tạ
Không đủ đáp ân lành,
Chỉ chí thành tha thiết
Cầu phước về tự nhiên
Nay tôi cam tâm chết
Để con lại nhờ ông.

Người thợ săn cảm nhận lòng thành của nai liền tỉnh ngủ, lại được

nghe nai nói những âm thanh vi diệu, thêm vào đó là sự dốc lòng giữ chữ tín, bỏ sống, đến chết để giữ trọn lời thề, cả mẹ con khóc thương cùng tìm đến nhau, bèn suy nghĩ: "Con nai này ắt chẳng phải thường tình. Ta thấy ở đời chưa từng có kẻ nào như vậy. Tuy nai thân là thú, tâm lại là thần linh. Ta từ lâu sống bất lương tàn bạo, nai mới lập nghĩa nói những lời thành tín chẳng phụ ân, đáng làm lời chỉ dạy cho ta cúi đầu vâng thọ, há lại dám sinh lòng xúc phạm hại nai." Người thợ săn liền tỏ lòng khiêm hạ tôn kính, cảm tạ nai mà nói:

Nai thật đúng thần trời
Thể hiện chí nguyện lớn
Tôi nay lòng lo sợ
Dám đâu nghịch hại nai.
Thà tự giết thân mình
Vợ con phân từng đoạn
Sao nỡ hại thần linh
Dù thoáng qua ý nghĩ.

Người thợ săn nói xong, lòng vẫn còn thương xót nai nên lập lại lời tạ lỗi và tự trách mình, rồi ông ta thả nai đi đến chỗ hai con. Nai con thấy mẹ được trở về, nó vội vã chạy thật nhanh đến bên mẹ nhảy lên kêu thương. Mẹ con gặp nhau vui mừng khôn xiết, cùng vươn cổ cất tiếng kêu. "U...u..." để cảm tạ đại ân cứu mạng. Chúng ngẩng đầu đa tạ người thợ săn:

Thân hèn sinh ở đời
Làm mồi cho đầu bếp
Sắp xẻ thân nung nấu
Xin hoãn từ biệt con.
Trời người thương quý vật
Lại được thả về nguồn
Đức thần giúp vô lượng
Ngôn ngữ khó trần tình.

Nai mẹ nói xong, dẫn hai con trở về rừng sâu, tập hợp các bầy nai bạn và dạo chơi. Chúng sống yên lành bên đầm cỏ và tự tại trên núi cao.

Người thợ săn sau đó cứ suy nghĩ mãi về con nai, vì nó là loài thú mà biết giữ tín nghĩa, được thần giúp đỡ, vừa thoát nạn liền cứu giúp kẻ khác. Ta là người tàn bạo, sao không có tâm rộng lượng! Người thợ săn chợt tỉnh ngộ hồi tâm quay về con đường nhân đức. Ông ta ném cung, đập bẫy, không còn tâm sát hại nữa và thường đến chùa thưa trình với các bậc Sa-môn. Người thợ săn cúi đầu tỏ lòng ăn năn hối lỗi, vâng giữ hạnh nguyện từ bi

đạt đến chân chính.

Người thợ săn đến tâu với vua, vua nghe lời ông ta nói. Lòng rất hoan hỷ, than rằng:

– Ta thật là tham tàn. Nai là loài thú mà có nghĩa nhân, lại có trí tuệ thấu suốt, nói những lời giáo pháp, biết tôn kính Tam bảo. Ta sống trong đất nước bị vô minh che phủ bởi những lời xấu xa mê muội. Ta rất muốn từ bỏ để bảo tồn sự tốt đẹp lâu dài trọn vẹn. Ta sẽ tuyên bố cho nhân dân trong nước đều nghe hiểu rằng: Loài thú còn biết thực hành nhân nghĩa, hiện tại được tín chứng, giáo hóa đạo mầu tỏ rạng khắp nơi.

Lúc ấy quốc vương hội họp hết quần thần và tuyên bố với quốc dân:

– Ta vì si ám không phân biệt được chân ngụy, theo học thầy tà, sợ hãi thần ngụy, cứu tế yêu quái vô đạo, tàn bạo với chúng sinh, không bằng con nai là loài thú mà hiểu rõ Tam bảo. Từ nay về sau, tất cả dân trong nước của ta, hãy bỏ tà tông, quay về chánh đạo. Hãy đến chùa thưa hỏi, thọ học với những bậc Thánh tăng, nhờ vậy đời sau sẽ đạt được nhiều phước đức. Mọi người dân trong nước, từ nhỏ đến lớn, từ dân đến các quan đều phải kính tin Tam bảo, phụng trì Ngũ giới và Thập thiện.

Cả nước cùng nhau tu tập trong ba năm thì đất nước thái bình hưng thạnh. Dân chúng đều sống lâu nhờ ân phước của nai.

Đức Phật dạy:

– Này Hiền giả A-nan, Ta chỉ khéo phương tiện quyền xảo thực hành ân đức, trải qua nhiều kiếp đem tình thương cứu độ chúng sinh phát lòng tin Tam bảo như vậy. Lúc bấy giờ nai mẹ chính là Ta, còn hai nai con là La-vân và Chu-ly-mẫu-ca. Nhà vua lúc bấy giờ là Xá-lợi-phất. Người thợ săn chính là A-nan. Người dân chạy đến tâu với vua là Điều-đạt.

Khi Đức Phật dạy xong, từ nơi bụng phóng ra ánh sáng lớn, biến khắp mười phương, mỗi phương cả ngàn cõi Phật. Ở trong quang minh ấy đều có Pháp sư hóa đạo, tòa sư tử hoa sen báu, hoặc hiện nhục thể là Pháp sư Tỳ-kheo, hoặc hiện làm đế vương và trưởng giả, hoặc làm phàm nhân lê thứ hoặc làm người bần tiện, hoặc vì mọi loài hiện làm thân thú. Mỗi mỗi hiện thân đều phóng ánh sáng chiếu soi để thuyết pháp.

Lúc bấy giờ Đức Phật đã thuyết công đức và lòng tín thành của nai mẹ để làm pháp chỉ dạy. Pháp âm thấm sâu vào lòng, mọi loài đều tin theo thọ trì, đều trở về đạo Vô thượng Chánh chân. Đức Phật liền thu hồi các ánh sáng, tiếp theo chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề thảy đều thấu suốt. Người nào nhờ ánh sáng vi diệu chiếu soi sẽ được tâm tư an lạc.

Lúc ấy, trong chúng có tám trăm vị Tỳ-kheo đều phát bốn hoằng thệ

nguyện để chứng đạo tích, nghe Đức Phật nói kinh Lộc Mẫu, ở trong loài súc sinh đã phát khởi chí nguyện lớn, tín thành nơi đạo, đều cảm ngộ sự biến hóa ấy, liền đến trước bạch Phật:

– Chúng con lập tín thệ, hành đạo Bồ-tát, xin Ngài thương xót trợ duyên lợi ích cho chúng con. Chúng con sẽ xây dựng sự tu hành và gánh vác chúng sinh, trọn đời cứu giúp tất cả mọi loài.

Những vị Tỳ-kheo này liền khoác áo giáp bốn hoằng thệ nguyện của Bồ-tát.

Tôn giả A-nan sửa y phục, quỳ gối bạch Đức Thế Tôn:

– Những Tỳ-kheo này vướng mắc Đại thừa không thọ chánh đế, nay đã khai ngộ được pháp chứng, lìa vực thẳm, vượt hố hầm sao nhanh vậy? Thật chẳng phải là người thấp kém có thể tin tưởng rõ ràng. Đại hội có điều nghi, cúi xin Thế Tôn nói duyên do ấy để giải thích cho người sau.

Phật dạy:

– Hay lắm! Này A-nan, ông hỏi rất hay! Đây là sự tiếp nối từ trước, chứ chẳng phải là sự hiểu biết mới có bây giờ. Những Tỳ-kheo ấy chính là những con nai ở trong nước tin theo mệnh lệnh vua phụng thuận Tam bảo, nhờ sự cảm hóa của nai mẹ, nên nguyện phát ý chánh chân vô thượng. Nhưng, có thời gian bị si ám nên không tu hành, tuy gặp Ta, được làm Sa-môn nhưng bỗng nhiên bỏ bản nguyện, mê mờ về Đại thừa. Nay nghe Ta nói rõ về cội nguồn đời trước, nghi ngờ tiêu hết, an ổn vô cùng. Đó là do thần thức đời trước của họ được như vậy.

Khi Phật nói như vây, tám trăm vị Tỳ-kheo đều đắc quả A-la-hán Bất thoái chuyển. Trong số lực sĩ tụ tập có tám ngàn người chứng tâm giải thoát, trừ hạnh phóng dật, đều phát tâm Vô thượng Chánh chân, đạt "nhập tín thanh tâm" được định vô tưởng an ổn. Trời, Rồng, Người, gần bảy ức hai ngàn đều phát tâm Vô thượng Chánh chân.

Phật bảo A-nan:

– Khi Ta còn làm súc sinh không quên tâm cứu giúp rộng rãi của Bồ-tát, thực hành sự hướng dẫn làm lợi ích cho đến ngày nay là chỉ vì nỗi khổ đau vô cùng của chúng sinh. Giả sử một người quên cội nguồn, chìm đắm trôi lăn chưa được cứu vớt thì không bao giờ buông bỏ. Các chúng sinh mong cầu công đức an lạc, chóng thành Phật quả, đều phải dốc lòng chí thành trở về quy kính Tam bảo, đời đời không xả bỏ, như Ta hôm nay hiện Bát-niết-bàn là do thành tín mà đạt được.

Này A-nan, ông phải thọ trì và tuyên nói rộng rãi kinh này, chớ để cho nó mất hẳn.

A-nan cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn, thọ trì, đọc tụng.

❑

SỐ 183

KINH NHÂN DUYÊN TIÊN NHÂN NHẤT THIẾT TRÍ QUANG MINH TỪ TÂM KHÔNG ĂN THỊT

Hán dịch: Khuyết danh, căn cứ bản chép đời Tần.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Tự tại thiên tự, thôn Di-da-nữ, đạo tràng Tịch diệt, nước Ma-già-đề.

Bấy giờ có con của Bà-la-môn Ca-ba-lợi tên là Di-lặc. Di-lặc có thân hình sắc vàng óng, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thân tỏa ra ánh sáng bạc và trang điểm vòng vàng, oai quang vô lượng giống như núi bằng bạc trắng, ông đi đến chỗ Đức Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đi kinh hành trong rừng, lại có năm trăm Phạm chí búi tóc. Từ xa mọi người đều trông thấy Di-lặc tướng hảo thanh tịnh, oai nghi tề chỉnh, năm vóc sát đất như núi bạc đổ xuống, tạo thành một khoảng không gian quý báu như đóa hoa bằng vàng, hoa vàng đài vàng, bảy báu làm quả, ở trong đài gác, có âm thanh vi diệu nói kệ:

Con thấy Đức Mâu-ni
Diện mạo thường thanh tịnh
Tướng trăm phước kỳ đặc
Thế gian không sánh bằng,
Bụi phiền não dứt sạch
Trí tuệ đã viên mãn
Con thường cung kính lễ
Thân tâm chẳng mỏi lười,
Năm vóc cúi sát đất
Mong được tối an lạc
Thoát khổ không lo sợ
Kính lễ Thích-ca Văn.

Lúc ấy Phạm chí thấy nghe sự kiện này bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vị đồng tử này uy nghi tề chỉnh, ánh sáng vô lượng không khác gì Đức Phật, ban đầu nhờ Đức Phật nào mới phát đạo tâm và thọ trì kinh điển gì? Cúi xin Thế Tôn giải nói cho chúng con biết.

Đức Phật bảo Phạm chí Thức Càn:

– Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân tích, giải nói cho ông được hài lòng.

Vào thuở quá khứ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp, có cõi nước tên là Thắng Hoa Phu, Đức Phật hiệu là Di-lặc, thường dùng pháp Tứ vô lượng tâm giáo hóa tất cả chúng sinh. Đức Phật Di-lặc thuyết kinh Từ Tam-muội Quang Đại Bi Hải Vân, nếu có người nghe được kinh này có thể vượt qua được trăm ức vạn kiếp tội khổ sinh tử, nhất định đạt đến quả vị Phật không có nghi ngờ.

Trong nước kia có đại Bà-la-môn tên Nhất Thiết Trí Quang Minh, trí tuệ thông đạt, hiểu biết nhiều kinh. Ông ta có khả năng tinh xảo tất cả sáu mươi bốn ngành kỹ nghệ của thế gian, nghe nói có Đức Phật ra đời thuyết kinh Từ Tam-muội Quang Đại Bi Hải Vân, người Bà-la-môn này liền đem tất cả đề tài nghị luận trong đời để hỏi Đức Phật kia. Ông dùng hết lời biện luận vẫn không thể khuất phục được Đức Phật. Vì vậy, ông ta rất tin phục Đức Phật và xin làm đệ tử Ngài và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông bạch cùng Đức Phật:

– Con nay ở trong giáo pháp Phật, trì tụng kinh Đại Từ Tam-muội Quang Đại Bi Hải Vân. Con nguyện đem công đức này ở đời vị lai quá vô số kiếp sẽ đặng thành Phật hiệu Di-lặc.

Từ đó Nhất Thiết Trí Quang Minh từ bỏ gia đình, đi vào núi sâu, để tóc dài làm tướng tu hành Phạm hạnh. Trong suốt tám ngàn năm ông chỉ khất thực nuôi thân, sống đời thiểu dục vô sự, nhất tâm chuyên niệm tụng kinh này.

Khi ấy trong nước có mưa to và sao chổi xuất hiện. Quốc vương vì hoang dâm nên sao chổi càn quét, mưa triền miên không dứt làm nước lớn trào dâng. Vị Tiên nhân trong suốt bảy ngày vẫn ngồi lặng yên không đi khất thực được. Lúc đó, trong rừng có năm trăm con thỏ trắng, một con thỏ chúa. Hai mẹ con thỏ chúa thấy đã bảy ngày vị Tiên nhân không ăn nên nói:

– Nay vị Tiên nhân vì Phật đạo, cho nên đã nhiều ngày nhịn đói, e tánh mạng khó sống. Ngọn cờ pháp sắp gãy ngã, biển giáo pháp sắp khô cạn. Ta nay phải vì sự tồn tại của đại pháp Vô thượng mà không tiếc thân mạng.

Liền nói cùng các thỏ:

– Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường. Chúng sinh chưa từng vì pháp nên yêu mến thân sinh tử rỗng không. Ta nay muốn rằng tất cả chúng sinh làm chiếc cầu lớn cúng dường Pháp sư khiến Chánh pháp được trường tồn.

Lúc bấy giờ thỏ chúa dùng lời kệ nói với bầy thỏ:

Nếu có loài súc sinh
Được nghe tên chư Phật
Xa lìa ba đường ác
Không sinh tám chỗ nạn.
Nếu nghe pháp, phụng hành
Sinh chỗ thường gặp Phật
Tin pháp không nghi hoặc
Quy y Hiền, Thánh Tăng,
Tùy thuận các giới hạnh
Như vậy mau thành Phật
Ắt đến đại Niết-bàn
Thường hưởng vui vô thượng.

Thỏ chúa nói kệ xong, bảo với bầy thỏ:

– Ta nay muốn đem thân cúng dường pháp, tất cả các ngươi nên tùy hỷ. Vì sao? Ta từ nhiều kiếp mất vô số thân. Vì ba độc khiến phải làm chim làm thú, sinh tử hư giả, chưa từng vì pháp. Ta nay muốn vì pháp Vô thượng cho nên xả bỏ thân mạng cúng dường Pháp sư.

Khi ấy Thần núi rừng chất cỏ thơm để thỏ chúa thiêu thân. Mẹ con thỏ chúa đi vòng quanh vị Tiên nhân bảy vòng rồi thưa:

– Bạch Đại sư, con xin vì pháp cúng dường Tôn giả.

Tiên nhân hỏi:

– Ngươi là súc sinh, tuy có tâm Từ nhưng ngươi hãy nói vì sao có nhân duyên này?

Thỏ chúa đáp:

– Tự con đem thân cúng dường nhân giả, vì pháp tồn tại lâu dài sẽ khiến chúng sinh được nhiều lợi ích.

Thỏ mẹ lại nói với thỏ con:

– Con có thể tùy ý đi tìm nước cỏ, nhớ chú tâm tư duy, chánh niệm Tam bảo.

Thỏ con nghe mẹ nói, quỳ xuống thưa mẹ:

– Như mẹ đã nói: Muốn cúng dường đại pháp Vô thượng, con cũng muốn cúng dường.

Nói những lời này xong, thỏ con tự nhảy vào trong lửa. Thỏ mẹ cũng nhảy theo.

Trong lúc Bồ-tát xả thân, đất trời chuyển động lớn. Cho đến cõi trời Sắc giới và chư Thiên mưa hoa để cúng dường.

Sau khi thịt hai mẹ con thỏ đã chín, Thần núi rừng bạch Tiên nhân:

– Mẹ con thỏ chúa vì muốn cúng dường cho nên đã nhảy vào lửa. Bây giờ thịt đã chín, ngài có thể dùng được.

Khi Tiên nhân nghe vị thần kia nói, lòng nghẹn ngào thương xót, đặt kinh sách trên lá cây rồi nói kệ:

Thà phải đốt thân làm hoại mắt
Nỡ nào giết hại, ăn chúng sinh
Chư Phật đã thuyết kinh từ bi
Dạy người luôn sống với hạnh Từ.
Thà phá hoại đầu, xương, tủy, não
Chẳng đành lòng ăn thịt chúng sinh
Chư Phật đã dạy: Ai ăn thịt
Người này do thiếu hạnh Từ bi
Sống đời ngắn ngủi, thân hay bệnh
Chìm đắm tử sinh, Phật chẳng thành.

Tiên nhân nói kệ xong phát thệ nguyện:

– Con nguyện đời đời không có ý tưởng sát sinh và không bao giờ ăn thịt.

Tiên nhân liền nhập tam-muội Bạch quang minh từ và nguyện:

– Nguyện đến khi thành Phật, con sẽ chế giới không ăn thịt.

Phát nguyện xong, Tiên nhân tự nhảy vào hầm lửa cùng chết với hai thỏ. Lúc ấy trời đất chấn động sáu cách. Nhờ thần lực của chư Thiên cho nên cây cối phát ra ánh sáng vàng rực rỡ chiếu khắp ngàn cõi nước. Nhân dân trong nước đều thấy ánh sáng vàng phát ra từ núi rừng nên đi tìm ánh sáng đó. Khi đến nơi họ thấy Tiên nhân và hai mẹ con thỏ đã chết trong đống lửa. Họ còn tìm được kinh Phật và bài kệ, đem về dâng lên vua. Vua nghe pháp này, truyền bá cho mọi người đều biết, khiến cho người nào học được pháp này đều phát tâm Vô thượng đạo chánh chân.

Đức Phật dạy Thức Càn:

– Ông nên biết, lúc bấy giờ thỏ trắng chúa nay chính là Phật Thích-

ca Văn. Thỏ con tức La-hầu-la. Tiên nhân tụng kinh khi ấy, nay trong chúng này là Bà-la-môn Đại Bồ-tát Di-lặc. Sau khi Ta nhập Niết-bàn năm mươi sáu ức vạn năm, đến lúc ấy dưới cội Long hoa Bồ-đề, nơi tòa Kim cang, trong vườn hoa ở tại quốc độ của Chuyển luân thánh vương Nhượng Khứ, vị ấy đắc thành Phật đạo và chuyển pháp luân vi diệu. Năm trăm con thỏ lúc ấy nay là năm trăm vị Tỳ-kheo như Ma-ha Ca-diếp... Hai trăm năm mươi thần rừng núi nay là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi Tỳ-kheo. Một ngàn vị quốc vương nay là một ngàn vị Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la,...

Vua quan cùng nhân dân trong nước đó được nghe kinh từ khi Ta xuất thế cho đến Phật Lâu Chí, trong thời gian đó họ làm đệ tử thọ học giáo pháp và đắc đạo.

Đức Phật bảo Thức Càn:

– Bồ-tát cầu pháp phải trải qua nhiều kiếp tinh cần gian khổ, không tiếc thân mạng. Tuy theo nghiệp báo làm thân súc sinh nhưng thường vì giáo pháp mà quên thân mình, tự nhảy vào hầm lửa để cúng dường sẽ thoát khỏi tội sinh tử trong chín trăm vạn ức kiếp. Từ đó thường được ở trong ánh sáng của hằng hà sa số vô lượng chư Phật, trước hết ở trước Di-lặc sẽ được thành Phật đạo, thì vì sao các ông không siêng năng thực hành pháp?

Khi Phật nói như vậy, Thức Càn và năm trăm Phạm chí cầu xin Phật cho xuất gia.

Phật dạy:

– Thiện lai.

Tức thì râu tóc của năm trăm Phạm chí tự rụng, trở thành Sa-môn. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe, tâm ý họ bỗng nhiên bùng mở và chứng đắc quả vị A-la-hán. Tám vạn chư Thiên cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chúng hội nghe Đức Phật thuyết pháp, ai ai cũng đều ca ngợi hạnh nguyện Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Lúc vị Tiên kia nhảy vào hầm lửa thì sinh vào chỗ nào?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Lúc Tiên nhân nhảy vào hầm lửa liền sinh vào cõi Phạm thiên, khắp vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp đại phạm, cho đến thành Phật chuyển đại phạm luân, thuyết kinh cũng tên là Từ Tam-muội Quang Đại Bi Hải Vân. Đức Phật này chế ra giới luật: Ai không thực hành hạnh từ bi thì gọi là người phạm điều cấm. Nếu người ăn thịt sẽ phạm giới trọng, đời sau sinh

vào chỗ thường phải nuốt hòn sắt nóng, cho đến khi nào vị Tiên nhân thành Phật như kinh Di-lặc Bồ-tát Hạ Sinh Thuyết.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo áo bày vai phải, quỳ gối, chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật sẽ thuyết giới pháp, chính là vì tâm Từ bi chế ra giới không ăn thịt, hễ phạm là bị tội nặng. Thật là kỳ đặc! Trong đại chúng mọi người đều tán thành, ca ngợi. Chúng sinh ở nước kia giữ giới không ăn thịt, chúng con nguyện được sinh vào cõi nước ấy. Xin Đức Thế Tôn thọ ký cho chúng con.

Tôn giả A-nan lại bạch Đức Thế Tôn:

– Kinh này đặt tên là gì? Thọ trì như thế nào?

Đức Phật dạy A-nan:

– Giáo pháp này tên là Thố Bồ-tát Bất Tích Thân Mạng Vị Vô Thượng Đạo *(Bồ-tát thỏ không tiếc thân mạng vì đạo Vô thượng)*. Cũng gọi là Nhất Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thực Nhục *(Nhân duyên Tiên nhân Nhất Thiết Trí Minh từ tâm không ăn thịt)*. Hãy như vậy mà thọ trì.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 184

KINH TU HÀNH BẢN KHỞI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn Trúc Đại Lực và Khang Mạnh Tường.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: Biến Hiện

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngự nơi tinh xá của dòng họ Thích, dưới tàng cây Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-duy-la-vệ cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Những vị này đều đã đắc quả A-la-hán. Từ lâu họ đã theo Phật tịnh tu phạm hạnh, các lậu đã hết, tâm ý thanh tịnh, trí tuệ tự tại, thông hiểu các pháp, đã buông gánh nặng, đạt được điều mong muốn. Các vị Tỳ-kheo này đã đoạn ba cõi, điều cần hiểu đã hiểu, đầy đủ ba thần túc và được lục thông. Và chúng Tỳ-kheo-ni như Đại Ái Đạo… năm trăm người, không thể kể hết. Các chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Bà-la-môn học thuyết khác, Ni-kiền,... nhiều vô số, đều đến trong hội chúng.

Tất cả trời Tứ Thiên vương, Đao-lợi Thiên vương, Diệm Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Ni-ma-la-đề Thiên vương, Bà-la-ni-mật Thiên vương, Phạm Thiên vương, cùng với vô số chúng đều đến hội họp.

Chư Long vương, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, tất cả tôn thần cùng quyến thuộc của mỗi vị đều đến hội họp.

Bạch Tịnh vương, Vô Nộ vương, Vô Oán vương, Cam lộ Tịnh vương, chín ức trưởng giả Ca-duy-la-vệ và quyến thuộc cùng đến đảnh lễ Đức Phật rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy toàn thân Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, phóng ánh sáng chiếu khắp ba ngàn thế giới, như ánh trăng tròn sáng nổi bậc giữa muôn sao, oai thần uy nghiêm là vua của các bậc Thánh trong tất cả hội chúng.

Mọi người đều có lòng nghi và suy nghĩ: ‘Thái tử sinh ở Ca-duy-la-vệ, Ngài là con trưởng vua Bạch Tịnh, từ bỏ vương vị quý tộc để tầm đạo.

Ngài đã ngồi dưới gốc cây sáu năm hay mười hai năm mới đắc thành đạo quả?"

Họ lại suy nghĩ: "Bản hạnh và phương pháp tu tập của thái tử như thế nào mà đạt đến sự cao vời như vậy? Ngài đã thờ ai làm thầy mà hôm nay được đặc biệt tôn kính? Trước đây ngài tu tập pháp gì mà được giác ngộ thành Phật?…"

Đức Phật biết sự hoài nghi của mọi người, liền hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Ông có thể nói nguyên nhân trên cho Đát-tát-a-kiệt chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối chắp tay bạch Đức Phật:

– Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, con nay nương oai thần của Phật và giữ thần lực của Ngài, vì tất cả mọi người để nói rõ việc đó.

Đức Phật dạy:

– Vô lượng kiếp về trước, ông vốn là người phàm từ khi mới cầu Phật đạo đến nay, theo nghiệp thọ thân, trôi lăn trong năm đường, thân này hoại diệt, lại thọ thân khác, sinh tử vô cùng. Thí như cỏ cây trong trời đất, đem chặt làm thẻ để tính thân ta vẫn không thể tính được. Hoặc lấy thời gian khởi đầu đến kết thúc của thế giới gọi là một kiếp thì sự sinh diệt của ta hơn sự thành hoại của thế giới không thể tính đếm. Chỉ vì xót thương lòng tham của thế gian, triền miên trôi nổi trong biển ái dục, ta muốn trở lại nguồn tâm, tự nỗ lực vượt qua, nhiều đời tinh cần gian khổ, mà không lấy làm lao nhọc, tâm không tĩnh lặng, vô vi, vô dục, bố thí cả thân mạng và chí thành giữ giới, nhẫn nhục khiêm cung, dũng mãnh tinh tấn, nhất tâm tư duy, học theo trí tuệ của bậc Thánh, sống nhân ái với mọi loài, xót thương kẻ nghèo cùng hoạn nạn, an ủi, chăm lo, dưỡng dục chúng sinh, cứu giúp người khốn khổ, thừa sự chư Phật là Bậc Chánh ngộ chân lý, có công huân tập, tích lũy công huân không thể nhớ hết được.

Từ thuở xa xưa có Đức Phật Đỉnh Quang ra đời, có bậc Thánh vương tên Đăng Thạnh, trị vì nước Đề-hòa-vệ. Nhân dân sống lâu, từ hiếu, nhân nghĩa. Đất đai màu mỡ, đời sống thái bình.

Nhà vua có sinh một thái tử tên là Đăng Quang, thông minh trí tuệ, trong đời ít ai sánh kịp. Thánh vương vô cùng thương yêu con. Đến lúc lâm chung vua cha nhường ngôi cho thái tử, nhưng thái tử Đăng Quang suy nghĩ, cuộc đời vô thường, nên nhường ngôi cho em rồi đi xuất gia làm Sa-môn. Ngài thành đạo hiệu là Phật Vô Thượng Chí Tôn, thần đức chói sáng, không phân biệt ngày đêm. Đức Phật này cùng với chúng sáu mươi hai vạn

Tỳ-kheo đi du hóa khắp thế gian, khai hóa quần sinh rồi trở về nước Đề-hòa-vệ, độ thoát cho các dòng họ và thần dân nước trong nước và mọi người. Khi về bản quốc, thì lúc ấy bá quan, quần thần cho rằng Đức Phật và đại chúng đến đánh chiếm đất nước. Họ bàn với nhau: "Chúng ta phải đem quân đi đánh để chống cự lại, không nên để mất nước!". Tức thì họ xuất binh hướng về Đức Phật.

Đức Phật dùng lục thông quán chiếu ngược lại tâm của họ. Ngài hóa làm thành lớn, cao rộng trang nghiêm, xinh đẹp để đối lại thành kia. Đức Phật vì thương xót nhân dân trong nước, muốn làm cho họ được giải thoát, liền hóa làm hai thành làm bằng lưu ly, trong thành rỗng suốt, chiếu sáng từ trong ra ngoài. Ngài lại hóa ra sáu mươi hai vạn Tỳ-kheo giống như Phật thị hiện biến hóa.

Nhà vua thấy như vậy rất hoảng sợ, sự nghi ngờ tan biến, trong lòng kính phục, liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu ăn năn về bản chất ngoan cố và tâm xấu ác của mình đối với Phật. Ông ta tự nói:

– Niềm vui của kẻ ngu này là cúi mong Đức Phật tha thứ và xin Phật hãy trở về tinh xá. Trong bảy ngày con sẽ chuẩn bị cúng dường, cung nghinh Đấng Chí Tôn.

Đức Phật hiểu ý của nhà vua, đồng ý im lặng trở về. Lúc đó nhà vua hỏi quần thần:

– Cách phụng nghinh Thánh vương thế nào?

Các quan đáp:

– Phép cung nghinh Ca Việt vương là trang nghiêm cõi nước, san đường sá bằng phẳng cách bốn mươi dặm, dưới đất rưới nước thơm, lát vàng bạc trân quý, dùng bảy báu làm hàng rào, dựng các tràng phan, dùng lụa hoa ngũ sắc làm lọng, khắp các ngã đường trong cổng thành đều trang hoàng, đàn cầm ca nhạc y như cõi trời Đao-lợi, tung hoa, thắp đèn và xông các hương thơm, người đứng hầu cung kính hai bên đường.

Sau bảy ngày công việc đã chuẩn bị xong, nhà vua ra lệnh bá quan quần thần đi theo hộ vệ, đích thân vua cung nghinh Đức Phật.

Đức Phật thương tưởng đến dân chúng nên bảo các vị Tỳ-kheo:

– Hãy chuẩn bị thọ thỉnh. Các Tỳ-kheo vâng lệnh trở về bổn quốc.

Phật nói:

– Các ông có thấy buổi lễ cúng dường này trang nghiêm đẹp mắt chăng? Thuở xưa Ta thừa sự chư Phật quá khứ cũng cúng dường trang nghiêm như hôm nay.

Khi ấy có Phạm chí Nho đồng tên Vô Cấu Quang, thuở nhỏ thông minh mẫn tiệp, chí lớn bao la, ẩn cư trong rừng núi, hành thiền giữ đạo, thông suốt tất cả sách vở bí truyền, trong tâm thích cúng dường để báo đáp ân sư, nói năng và hành động đều vì mục đích truyền trao kinh pháp cho mọi người.

Ở trong nhóm Phạm chí có vị tên là Bất-lâu-đà thường siêng năng cúng tế nơi đền thờ trời, trong suốt mười hai tháng dâng cúng thức ăn. Đồ chúng của Phạm chí đó có tám vạn bốn ngàn người, trọn năm cúng dường vàng, bạc, châu báu, xe ngựa, trâu dê, lụa gấm, y phục, giầy dép; dùng bảy báu làm lọng, tích trượng và bình đựng nước... Ông ta là người rất thông minh trí tuệ, đáng thọ hưởng những vật này. Họ cúng đến bảy ngày chưa mãn.

Lúc ấy Bồ-tát Nho đồng vào trong chúng của Phạm chí luận đạo nói nghĩa bảy ngày bảy đêm, chúng vô cùng hân hoan. Trưởng giả chủ nhân rất hoan hỷ đem dâng cho Bồ-tát một cô gái trẻ đẹp, Bồ-tát không nhận chỉ lấy lọng che, tích trượng, bình đựng nước, giày dép, vàng, bạc và tiền mỗi thứ một ngàn. Bồ-tát đem những vật đó dâng lên cho thầy mình. Thầy Bổn sư hoan hỷ đem phân phát cho mọi người.

Bồ-tát Nho đồng lại từ biệt ra đi. Các chúng đồng học mỗi người đem tặng một đồng bạc. Bồ-tát trở về quê hương thấy mọi người đều hân hoan, trên khắp nẻo đường đều an bình hạnh phúc, mọi người đang quét dọn và xông hương. Bồ-tát hỏi người đi đường:

– Những người này họ làm gì thế?

Người đi đường đáp:

– Ngày hôm nay Đức Phật Đăng Quang sẽ đến, vì thế mọi người chuẩn bị thiết lễ cúng dường.

Bồ-tát Nho đồng nghe Phật đến, trong lòng náo nức mừng vui, sửa y phục chỉnh tề và hỏi:

– Đức Phật từ đâu đến đây? Cúng dường Ngài như thế nào?

Người đi đường nói:

– Chỉ cầm hương hoa, lọng lụa, tràng phan để cúng dường.

Khi ấy Bồ-tát liền vào thành cầu xin cúng dường trong chốc lát nhưng hoàn toàn không được. Người trong nước nói:

– Nhà vua cấm dùng hoa hương, chỉ để cho ngài cúng dường bảy ngày.

Bồ-tát nghe vậy, trong lòng không vui. Giây lát Đức Phật đến và biết

được tâm đồng tử. Lúc đó có một cô gái mang bình đựng đầy hoa, Đức Phật phóng quang sáng ngời chiếu xuyên suốt bình hoa biến thành lưu ly, trong ngoài đều thấy được. Bồ-tát đến chỗ cô gái nói:

Năm trăm đồng tiền bạc
Xin mua năm cành hoa
Dâng lên Phật Đăng Quang
Xin cho tôi mãn nguyện.

Cô gái hỏi:

Hoa này giá vài đồng
Sao tính đến năm trăm
Nay ông ước nguyện gì
Mà không tiếc tiền bạc.

Bồ-tát đáp:

Không cầu Thích, Phạm, Ma
Tứ vương, Chuyển thánh vương
Nguyện tôi được thành Phật
Độ thoát khắp mười phương.

Cô gái nói:

Ồ! Hay thay! Hay thay!
Nguyện ngài chóng thành tựu
Xin cho tôi đời sau
Luôn được làm vợ ngài.

Bồ-tát đáp:

Người nữ thói đa tình
Phá người ý chánh đạo
Khuấy rối điều ta nghĩ
Đoạn trừ tâm bố thí.

Cô gái trả lời:

Tôi thề: Vào đời sau
Theo chàng hành bố thí
Con cái và thân tôi
Xin Phật, Trời chứng giám.
Nhân giả thương xót tôi
Xin ban điều tôi nguyện
Hoa này xin dâng Ngài
Tiền bạc tôi không nhận.

Tôi nhớ kiếp xa xưa
Quán thấy bản hạnh này
Đã có năm trăm đời
Từng là vợ Bồ-tát.

Cô gái đưa hoa cho Bồ-tát, ngài hoan hỷ nhận hoa rồi ra đi. Trong lòng rất hoan hỷ, cô gái nói:

– Tôi thân nữ yếu đuối, không thể đến đó được. Xin gửi hai cành hoa để dâng lên Đức Phật.

Khi Đức Phật đến, vua quan, dân chúng, trưởng giả, cư sĩ, quyến thuộc vây chung quanh Ngài mấy trăm ngàn vòng. Bồ-tát muốn đến trước Phật tung hoa nhưng không thể đến được. Đức Phật biết ý của Bồ-tát nên hóa đất thành bùn, mọi người tránh ra hai bên. Lúc ấy Bồ-tát mới đến trước Phật tung năm đóa hoa, năm đóa hoa đều dừng lại trên không trung và biến thành lọng hoa, lớn bảy mươi dặm, hai hoa đứng trên hai vai Đức Phật như cành hoa sống. Bồ-tát hoan hỷ, trải tóc trên đất xin Đức Thế Tôn giẫm lên đi.

Đức Phật bảo:

– Ta có thể giẫm lên ư?

Bồ-tát bạch:

– Xin Ngài hãy giẫm lên.

Đức Phật bước lên và Ngài đứng đó mỉm cười, trong miệng ánh sáng năm màu tỏa ra xa bảy thước, chia làm hai phần:

Một vòng ánh sáng vòng quanh Đức Phật ba vòng, ánh sáng đó chiếu đến ba ngàn đại thiên cõi nước, chiếu sáng khắp nơi rồi trở lại nhập vào đảnh Phật.

Một phần ánh sáng chiếu xuống mười tám địa ngục đau khổ, liền được an vui.

Các đệ tử bạch Phật:

– Đức Phật không vô cớ mà cười, xin Ngài dạy cho chúng con ý nghĩa này.

Đức Phật dạy:

– Các ông có thấy đồng tử này không?

Các đệ tử thưa:

– Thưa vâng, chúng con có thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

– Vị đồng tử này ở trong vô số kiếp sở học thanh tịnh, không tiếc thân mạng để hàng phục tâm, xả bỏ dục lạc, sống đời an tịnh, tâm không vọng động, không thiếu lòng Từ, chứa nhóm hạnh nguyện phước đức nên nay được như vậy.

Đức Phật dạy đồng tử:

– Sau một trăm kiếp ông xả bỏ thân này, sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Vô Sở Trước Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Kiếp tên Ba-đà, thế giới tên Sa-phù. Cha của Đức Phật này là Bạch Tịnh, mẹ là Ma-da, vợ tên Cù-di, con tên La-vân, thị giả tên A-nan, đệ tử bên phải là Xá-lợi-phất, đệ tử bên trái là Ma-ha Mục-kiền-liên. Đức Phật Thích-ca đó giáo hóa chúng sinh đời năm ô trược, độ thoát khắp cả mười phương như Ta hôm nay vậy.

Bồ-tát Năng Nhân được Phật thọ ký rất hân hoan vui mừng, thông suốt các nghi ngờ, đình chỉ những vọng động, bao nhiêu vọng tưởng dứt trừ mà vào thiền định tịch tĩnh, đạt được Vô sinh pháp nhẫn thanh tịnh, tức thì thân vọt treo trên hư không, cách mặt đất bảy nhận, rồi từ trên không hạ xuống đảnh lễ dưới chân Phật, được làm Sa-môn.

Đức Phật thuyết kệ:

Ông sẽ ở đời sau
Trải cỏ ngồi gốc cây
Sức giới, nhẫn, định, tuệ
Hàng phục ma quyến thuộc,
Đi trên con đường Thánh
Đánh trống pháp cam lộ
Vì thương tưởng chúng sinh
Chuyển bánh xe vô thượng.
Ông sẽ ở đời sau
Khéo phương tiện trí tuệ
Chín mươi sáu ngoại đạo
Đều khiến đặng pháp nhãn.
Ông sẽ ở đời sau
Từ ái hành bố ân
Ban bố pháp cam lộ
Dứt trừ ba bệnh độc.

Bồ-tát Năng Nhân phụng sự Phật Đăng Quang cho đến khi Phật nhập vào Niết-bàn. Bồ-tát giữ giới thanh tịnh, thủ hộ chánh pháp, từ bi che chở, ban bố lòng nhân ái khiến cho tất cả đều được lợi lạc. Bồ-tát cứu giúp không

mỏi mệt, lúc qua đời được sinh lên trời Đâu-suất. Vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh mê muội nên Ngài từ cõi trời sinh xuống làm Chuyển luân vương hoàng đế đi khắp nơi có bảy báu theo cùng. Những gì là bảy? Đó là:

1. Bánh xe vàng báu.
2. Ngọc thần báu.
3. Ngọc nữ báu.
4. Chủ kho tàng báu.
5. Chủ binh báu.
6. Ngựa báu sắc xanh biếc.
7. Voi trắng báu.

Bánh xe vàng báu: Bánh xe có ngàn căm hoa được chạm khắc hoa văn và khảm các châu báu, ánh sáng xuyên suốt hơn cả mặt trời, mặt trăng. Lúc lên xe vua Chuyển luân có ý nghĩ thế nào thì bánh xe vận chuyển theo để đi xem xét thiên hạ, chỉ trong chốc lát đã giáp vòng quanh cõi nước, cho nên gọi là Bánh xe vàng báu.

Ngọc thần báu: Đến ngày hai mươi chín đêm cuối tháng, đem ngọc treo trên hư không thì tùy theo đất nước đó lớn nhỏ ngọc chiếu sáng cả trong ngoài như ban ngày, cho nên gọi là Ngọc thần báu.

Ngọc nữ báu: Thân nàng ở mùa đông thì ấm áp, mùa hạ thì mát mẻ, trong miệng có mùi thơm hoa sen xanh, thân thơm mùi Chiên-đàn, thức ăn tự tiêu hóa, không phải lo vấn đề đại tiểu tiện, cũng không có chất dơ dáy bất tịnh của người nữ. Tóc và thân... không dài không ngắn, không trắng không đen, không mập không ốm, cho nên gọi là Ngọc nữ báu.

Chủ kho tàng báu: Khi vua cần có vàng bạc, lưu ly, thủy tinh, ma-ni, trân châu, san hô, trân bảo... thì vị ấy đưa tay xuống đất, đất xuất ra bảy báu, đưa tay xuống nước, nước xuất bảy báu, chỉ tay lên núi, núi xuất bảy báu, chỉ tay lên đá, đá xuất ra bảy báu, cho nên gọi là bề tôi Chủ kho báu.

Chủ binh báu: Ý vua muốn có bốn loại binh lính như mã binh, tượng binh, xa binh và bộ binh, thần tâu vua: "Nhà vua cần bao nhiêu quân? Hoặc một ngàn, một vạn, hoặc vô số...", trong lúc ngoảnh lại, nhà vua đã thấy quân dàn sẵn, hành trận nghiêm chỉnh, cho nên gọi là bề tôi Chủ binh báu.

Ngựa báu sắc xanh biếc: Ngựa màu xanh biếc, bờm dài, đeo hạt châu, tánh thuần hậu và được tắm sạch sẽ. Khi hạt châu rơi xuống, chỉ trong giây lát liền sinh lại như cũ, hạt châu này tươi đẹp tinh khiết, lại càng đẹp hơn trước. Tiếng ngựa vang xa đến một do-tuần. Khi nhà vua cỡi ngựa để quán sát dân chúng, sáng ra đi, chiều trở về, ngựa cũng không mệt nhọc.

Bụi dính chân ngựa trở thành cát vàng, cho nên gọi là Ngựa báu sắc xanh biếc.

Voi trắng báu: Voi có mắt màu trắng tuyệt đẹp, bảy chi đều bằng phẳng, sức mạnh hơn trăm voi, đuôi dài đeo châu, đã đẹp lại càng tinh khiết. Miệng voi có sáu ngà và mỗi ngà có màu bảy báu. Khi vua muốn cỡi voi, chỉ trong một ngày đã đi khắp nơi, sáng đi chiều trở về voi không hề nhọc mệt. Nếu voi lội qua nước thì nước không bị giao động, chân voi cũng không bị thấm ướt, cho nên gọi là Voi trắng báu.

Nhân dân lúc bấy giờ sống thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Thể nữ trong cung, mỗi cung như vậy có tám vạn bốn ngàn người. Vua có ngàn người con nhân từ hùng mạnh, một người có thể chống lại cả ngàn người. Thánh vương cai trị bằng giới đức, dùng Thập thiện dạy dỗ nhân dân. Thiên hạ thái bình, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc đầy đủ, ăn thực phẩm này sẽ ít bệnh, hương vị như cam lộ, khí lực được dồi dào. Nhân dân chỉ có bảy bệnh: 1. Bệnh lạnh; 2. Bệnh nóng; 3. Bệnh đói; 4. Bệnh khát. 5. Đại tiện. 6. Tiểu tiện. 7. Lòng mong muốn.

Thánh vương hết tuổi thọ lại sinh lên trời Phạm thiên làm vua Phạm thiên, trên là Thiên đế, dưới là Thánh chúa. Mỗi lần ba mươi sáu vòng rồi trở lại từ đầu. Vì thế muốn cứu độ người nào, vua sẽ tùy lúc mà xuất hiện.

Bồ-tát tinh cần khổ hạnh trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp. Kiếp sống đã mãn nhưng vì thương xót chúng sinh trôi lăn không bờ bến, Bồ-tát vì chúng sinh mà đem thân nuôi hổ đói. Bồ-tát dũng mãnh tinh tấn trải qua chín kiếp là Bồ-tát Năng Nhân. Ở trong chín mươi mốt kiếp tu tập đạo đức, học tâm Phật, thực hành sáu Độ vô cực, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, khéo dùng phương tiện quyền xảo, Từ, Bi, Hỷ, Xả che chở, dưỡng dục chúng sinh như thương con đỏ, thừa sự chư Phật, tích đức vô hạn. Trải qua nhiều kiếp tinh tấn khổ hạnh, vượt qua thập địa, ở nơi Nhất sinh bổ xứ, công hạnh đã thành, sự việc đã hoàn tất, trí thần vô lượng, đến lúc đúng thời, ngay lúc ấy Ngài thành Phật.

Ở trên trời Đâu-suất, Bồ-tát phát khởi bốn quán xét: Xem xét địa phương, xem xét cha mẹ, nên sinh vào cõi nước nào? Nên giáo hóa, cứu độ ai đầu tiên?

Bồ-tát suy nghĩ: "Vua Bạch Tịnh đã nhiều đời là cha sinh ra ta." Câu-lợi-sát-đế có hai người con gái, khi cô ta tắm gội trong ao sau vườn, Bồ-tát đưa tay chỉ và nói: "Đây là người mẹ đã nhiều đời sinh ta".

Đến ngày sinh con, lúc ấy có năm trăm Phạm chí đều có năm thần thông bay qua cung thành, nhưng không thể vượt qua được. Họ sợ hãi, cùng

nói với nhau:

– Thần túc của chúng ta còn xuyên qua tường đá được, tại sao hôm nay chúng ta không thể vượt qua đây?

Thầy của Phạm chí nói:

– Ông có thấy hai cô gái này không? Một người sẽ sinh bậc Đại nhân có ba mươi hai tướng. Còn một người sẽ sinh một người ba mươi tướng. Do oai thần của người ấy làm cho chúng ta mất thần túc.

Tiếng nói của họ vang ra khắp nơi, thiên hạ đều nghe. Khi ấy vua Bạch Tịnh hoan hỷ vui mừng muốn được Chuyển luân thánh vương sinh vào nhà mình, liền xin cưới cô gái đẹp ấy làm vợ.

Ca-duy-la-vệ là nơi trung tâm của ba ngàn nhật nguyệt và một vạn hai ngàn trời đất. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều sinh ra ở vùng đất này.

Phẩm 2: Bồ Tát Giáng Thần

Lúc ấy Bồ-tát Năng Nhân cỡi voi trắng đến nhập vào thai mẹ. Đúng ngày mùng tám tháng tư, phu nhân tắm gội thoa hương và mặc y phục mới. Đang lúc thiêm thiếp nghỉ, phu nhân mộng thấy trên không trung có người cỡi voi trắng đi xuống, ánh sáng chiếu khắp cõi nước, có tiếng đàn, tiếng trống, lời ca. Người ấy rải hoa, đốt hương, đi đến chỗ phu nhân, rồi bỗng nhiên biến mất, phu nhân bàng hoàng tỉnh dậy. Nhà vua hỏi:

– Có việc gì mà khanh hoảng hốt thế?

Phu nhân đáp:

– Vừa rồi, trong giấc mơ thiếp thấy có người cỡi con voi trắng từ trên không bay đến, có tiếng đàn, tiếng trống, tiếng nhạc, người ấy rải hoa, đốt hương, đi đến chỗ thiếp, bỗng nhiên biến mất, vì thế thiếp kinh hoàng tỉnh giấc.

Nhà vua trong lòng lo âu, tâm chẳng được an, nên triệu tập các thầy tướng số, đến để hỏi xem giấc mộng đó thế nào.

Thầy tướng thưa:

– Giấc mộng này là tin vui. Đó là thần thánh giáng thai cho nên có giấc mộng này. Người con này sẽ làm Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia học đạo sẽ làm Phật độ thoát khắp mọi loài.

Nhà vua vô cùng hoan hỷ.

Lúc đó phu nhân thân tâm thư thái, nói kệ:

Ta nay đang có thai
Chắc là Đại Bồ-tát
Không dâm, sân, ghét, giận
Thân tâm an thanh tịnh
Tâm thường thích bố thí
Trì giới, nhẫn, tinh tấn
Định ý vào Tam-muội
Trí tuệ độ mọi người,
Quán sát thân đại vương
Kính như cha, như anh
Mắt thương nhìn muôn loài
Cũng như con đỏ ta,
Giúp thuốc thang người bệnh
Đói lạnh giúp áo cơm
Thương nghèo, kính trọng già
Vui khiến sinh, lão diệt,
Tại ngục tù trói buộc
Khổ đau sầu khiếp sợ
Xin vua ban ân lớn
Phóng thích các tội nhân,
Tai ta không thích nghe
Tiếng âm nhạc thế gian
Muốn an nơi núi rừng
Tịch định và thanh tịnh.

Bấy giờ vua ở các nước nhỏ lân cận nghe phu nhân của đại vương có thai đều đến chúc mừng, mỗi người đều đem vàng bạc, châu báu, y phục và hoa hương với tâm cung kính dâng tặng mọi lời tốt đẹp đối với phu nhân. Phu nhân từ chối vì không muốn làm phiền.

Từ khi phu nhân có thai, trời hiến các vị bổ ích tinh khí, phu nhân tự nhiên no đủ không muốn thức ăn của hoàng gia.

Mãn đến mười tháng, thân thái tử thành tựu. Đến ngày mồng tám tháng tư, phu nhân đi dạo, ngang qua dưới một gốc cây, muôn hoa đua nở. Khi ấy sao mai vừa mọc, phu nhân đứng vịn cành cây, thì từ bên hông phải của bà, thái tử sinh ra, liền đi bảy bước, một tay đưa lên và nói:

– Trên trời, dưới trời chỉ có Ta là tôn quý. Ba cõi đều khổ đau. Ta sẽ đem an vui đến cho mọi loài.

Ngay lúc ấy đất trời chuyển động mạnh, ba ngàn đại thiên thế giới

đều sáng rực rỡ. Trời Thích, Phạm, Tứ vương, cùng với các quyến thuộc của họ và các Rồng, Quỷ, Thần, Duyệt-xoa, Càn-đà-la, A-tu-luân, đều đến hầu cận bên thái tử. Có hai anh em Long vương, một người tên Ca-la, một người tên là Uất-ca-la, bên trái phun nước mưa ấm cho Ngài, bên phải phun nước suối mát cho Ngài. Trời Thích, Phạm, Ma đem y trời mặc cho thái tử. Trời mưa hương hoa, các thứ đàn trống nhạc trời cùng trỗi. Hương xông, hương đốt, hương xoa, hương ướp... Tất cả phủ kín một bên trời.

Hoàng hậu ôm thái tử ngồi trên xe rồng có tràng phan, ca nhạc đưa hai mẹ con trở về hoàng cung. Vua cha nghe tin sinh thái tử, trong lòng vô cùng vui mừng phấn khởi, Ngài cùng với bá quan, quần thần, Phạm chí, cư sĩ, trưởng giả, thầy tướng và mọi người đều ra nghênh đón phu nhân và thái tử.

Ngựa của vua chân vừa chạm đất thì năm trăm kho tàng trong lòng đất cùng một lúc lộ bày, đường biển qua lại cũng thuận lợi. Lúc ấy các thầy tướng, Phạm chí tập hợp đến và tung hô vạn tuế và đặt tên Thái tử là Tất-đạt.

Nhà vua thấy các trời Thích, Phạm, Tứ vương, Rồng, Thần đầy khắp trên không trung kính cẩn, trang nghiêm, bất giác Ngài xuống ngựa đảnh lễ Thái tử. Khi ấy nhà vua vẫn chưa đến cửa thành.

Các miếu thần bên đường ở trong nước là nơi mọi người sùng kính, vì thế các thầy tướng Phạm chí đều nói: "Nên đem Thái tử đến lễ bái tượng thần". Hoàng hậu vừa bế Thái tử vào miếu, hình tượng các thần đều cúi đầu. Các thầy tướng Phạm chí và mọi người nói: "Thái tử thật là thần diệu, oai đức của Ngài cảm hóa khiến cho các Thiên thần cung kính". Họ ca ngợi Thái tử là Đấng trời trong loài trời.

Trên đường Thái tử trở về hoàng cung, trời ứng hiện ba mươi hai điềm lành:

1. Đất chấn động mạnh, gò nổng đều bằng phẳng.
2. Các nẻo đường tự sạch sẽ, ai cũng ngửi thấy mùi hương.
3. Cây khô trong nước đều sinh lá trổ hoa.
4. Trong vườn tự nhiên sinh quả ngọt lạ kỳ.
5. Lục địa sinh hoa sen to bằng bánh xe.
6. Kho tàng trong lòng đất đều tự lộ bày.
7. Vật báu trong kho tàng đều phát ra ánh sáng
8. Y phục được sắp sẵn trong rương, khi mặc tự nó máng lên giá.
9. Hàng vạn con sông, suối đều dừng lại, lắng trong.

10. Trời quang mây tạnh và trong sáng.
11. Trời làm bốn phía mưa bụi thấm hương.
12. Minh nguyệt thần châu treo ở điện nhà.
13. Những ngọn đuốc trong hư không không còn tác dụng.
14. Mặt trời, mặt trăng và ngôi sao đều không vận hành.
15. Ngôi sao Phỉ hiện xuống hầu Thái tử đản sinh.
16. Bảo cái của trời Phạm thiên phủ kín trên cung.
17. Chư thần tám phương đem dâng ngọc báu.
18. Trăm thức ăn cõi trời tự nhiên ở trước mặt.
19. Hàng vạn hủ báu treo đầy nước cam lộ.
20. Thiên thần đem xe trang trí bằng bảy báu đến.
21. Năm trăm con voi trắng tự nhiên giăng hàng trước điện.
22. Năm trăm con sư tử trắng từ núi Tuyết ra đứng thành hàng nơi cổng thành.
23. Thể nữ của chư Thiên hiện ra, mang những kỹ nhạc trên vai.
24. Các nữ Long vương bao quanh cung điện.
25. Hàng vạn ngọc nữ cõi trời cầm cây phất bằng lông chim Khổng tước hiện trên tường nơi cung.
26. Thể nữ các cõi trời ôm bình vàng đựng đầy nước thơm đứng thành hàng trên không trung.
27. Nhạc trời đồng thời trỗi vang dậy.
28. Tất cả những địa ngục đều ngừng thống khổ.
29. Trùng độc ẩn núp, chim lành bay lượn hót ca.
30. Những ngư phủ ác độc, oán thù đều khởi Từ tâm.
31. Tất cả phụ nữ trong nước có thai đều sinh con trai. Trăm thứ bệnh tật như: Đui, điếc, câm, ngọng, ghẻ chốc... thảy đều khỏi hẳn.
32. Thần cây hiện thân người cúi đầu đảnh lễ đứng hầu.

Ngay lúc đó mười sáu nước lớn đều dùng âm thanh tốt đẹp nhất ca ngợi việc chưa từng có này.

Tại Hương sơn có đạo sĩ A-di, nửa đêm chợt nghe đất trời chuyển động và thấy ánh sáng rực rỡ hơn bao giờ. Trong núi có một loài hoa tên Ưu-đàm-bát, trong đóa hoa ấy tự nhiên sinh ra sư tử chúa. Vừa sinh ra sư tử đã đi bảy bước, ngẩng đầu rống to vang xa bốn mươi dặm. Trong khu rừng, tất cả các loài chim bay thú chạy, côn trùng nhỏ nhiệm nhất cũng đều

phục tùng. Đạo sĩ A-di suy nghĩ: "Trong thế gian chỉ có Đức Phật mới ứng hiện điềm lành này. Nay giữa cuộc đời năm trược đầy xấu ác sao lại có hiện tượng tốt đẹp như thế?"

Sáng sớm, đạo sĩ bay đến nước Ca-duy-la-vệ. Còn cách bốn mươi dặm chưa ra đến kinh thành, bỗng nhiên đạo sĩ bị rơi xuống đất. Tâm đạo sĩ rất kinh ngạc và cũng rất mừng vui vì ông đoán chắc là có Phật thị hiện, không nghi ngờ gì nữa, bèn đi bộ đến cổng hoàng cung.

Người giữ cổng tâu vua có đạo sĩ A-di ngoài cổng. Nhà vua ngạc nhiên hỏi:

– Đạo sĩ A-di thường bay sao hôm nay lại đứng ngoài cửa hỏi thăm?

Nhà vua liền ra nghênh đón, đảnh lễ, rửa gội sạch sẽ và dâng y phục mới cho đạo sĩ, rồi hỏi thăm:

– Hôm nay có việc chi mà đạo sĩ không ngại nhọc mệt thân hành đến đây?

Đạo sĩ A-di đáp:

– Tôi nghe phu nhân của đại vương sinh Thái tử cho nên đến đây chiêm ngưỡng và thăm hỏi:

Nhà vua sai thị nữ bế Thái tử ra, thị nữ tâu:

– Thái tử nhọc mệt, Ngài mới được an giấc một chút.

Đạo sĩ A-di vui vẻ nói kệ:

Bậc Đại hùng tự giác
Giác ngộ người chưa giác
Bao kiếp không nghỉ ngơi
Há đâu còn ngủ nghỉ?

Khi thị nữ bế Thái tử ra. Họ muốn đem Thái tử đến đảnh lễ Đạo sĩ A-di, nhưng Đạo sĩ A-di kinh hãi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Thái tử trước. Quốc vương và quần thần thấy Quốc sư A-di kính lễ Thái tử, khiến lòng họ kinh ngạc, càng hiểu rằng đây là Đấng Chí Tôn, nên tất cả đều cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài.

Sức mạnh của Đạo sĩ A-di có thể quật ngã cả trăm tráng sĩ, thế mà vừa mới bế Thái tử thì tay chân ông bủn rủn. Đạo sĩ xem thấy Thái tử có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thân như kim cang thù diệu không thể suy lường. Đạo sĩ nhủ thầm: "Như lời tiên tri sâu kín, chắc chắn Thái tử sẽ thành Phật, ta không còn nghi ngờ gì nữa". Đạo sĩ rơi lệ, nghẹn ngào xúc cảm không nói nên lời.

Khi ấy vua cha hoảng sợ, cung kính hỏi:

– Thái tử có điều chi chẳng lành chăng? Xin đạo sĩ cho biết tốt xấu thế nào? Mong sao cho không có tai nạn nào xảy ra.

Đạo sĩ A-di cố nén lòng, nói kệ:

Bậc Đại Thánh ra đời
Trừ bao nhiêu tai họa
Tôi hận mình vô phước
Bảy ngày nữa qua đời
Không thấy thần biến hóa
Mưa pháp đượm thế gian
Nay từ biệt Thái tử
Cho nên tự khóc thương.

Thái tử đưa tay nói:

Người năm đường mười cõi
Ta giáo hóa khắp cùng
Khiến họ như sở nguyện
Ta vốn lòng mong cầu
Phải độ khắp tất cả
Một người không đắc đạo
Ta không vào Niết-bàn.

Đạo sĩ A-di một lần nữa lại vui vẻ đảnh lễ dưới chân Thái tử. Vua Bạch Tịnh hoan hỷ không lo sợ nữa, liền nói kệ:

Thái tử tướng thế nào
Sẽ trị đời ra sao
Xin hãy nói tất cả
Các tướng có phước gì?

Đạo sĩ A-di dùng kệ trả lời:

Nay xem thân Thái tử
Sắc vàng, chí kiên cố
Chày Kim cang vô thượng
Phá cối núi dâm dục,
Đại nhân tướng tròn đầy
Dưới chân ngay bằng phẳng
Trị nước sẽ thái bình
Xuất gia thành Chánh giác,
Tay chân hình xoáy tròn
Tướng tốt có ngàn xoáy
Sẽ là Chuyển Pháp Luân

Thành Phật ba cõi trọng,
Bắp chân nai, vế rồng
Mã âm tàng ẩn kín
Xem thấy không chán nhàm
Vì thế pháp thanh tịnh,
Tay ngón nhỏ thon dài
Bàn mềm mại có màng
Cho nên pháp bền lâu
Giáo hóa đời ngàn năm,
Da lông mềm nhỏ mịn
Hướng phải không dính bụi
Thân sáng như vàng chói
Nên hàng phục ngoại đạo,
Ngực vuông, ức sư tử
Quay lại không cong gãy
Đứng thẳng, tay quá gối
Vì vậy mọi người kính,
Bảy chỗ đều đầy đặn
Sức mạnh địch ngàn người
Bồ-tát hạnh kiếp xưa
Cho nên không oán ác,
Trong miệng bốn mươi răng
Vuông, trắng, đều và khít
Nước bọt trong miệng thơm
Cho nên có bảy báu.
Má đầy như sư tử
Răng cửa chữ "Vạn" hiện
Phật đức khắp thế gian
Phổ biến suốt ba đời,
Nếm vị theo trình tự
Món nào cũng biết vị
Cho nên lập pháp vị
Ban bố khắp quần sinh,
Lưỡi rộng như hoa sen
Khỏi miệng che khắp mặt
Cho nên phát âm thanh
Người nghe như cam lộ,
Tiếng nói như kim loan

Tụng kinh hơn Phạm thiên
Cho nên khi thuyết pháp
Thân an, ý được định,
Tướng mắt màu xanh biếc
Tâm Từ nhìn chúng sinh
Cho nên trời nhân loại
Mãi nhìn không chán nhàm,
Đỉnh đầu sinh nhục kế
Tóc mịn màu lưu ly
Vì muốn cứu chúng sinh
Nên dùng pháp cao thượng,
Mặt sáng như trăng rằm
Đẹp như hoa mới nở
Ánh sáng giữa lông mày
Trắng sạch như minh châu.

Vua Bạch Tịnh hiểu rõ hơn về cuộc đời Thái tử, vì thế Ngài cho xây cung điện bốn mùa: Xuân, thu, đông, hạ, mỗi cung điện ở mỗi cảnh trí khác nhau. Ở trước mỗi cung điện có trồng hàng cây trái ngọt. Giữa hàng cây có ao tắm bảy báu, trong ao có hoa quý nhiều màu sắc khác nhau, giống như hoa trời. Có cả ngàn loại chim trong nước. Cung thành kiên cố lầu gác bảy báu, treo tràng phan, linh báu. Cửa nhà khi đóng mở, tiếng nghe đến bốn mươi dặm.

Nhà vua tuyển năm trăm kỹ nữ, chọn những người tao nhã, lễ nghi đầy đủ cung cấp để làm vui và nuôi dưỡng Thái tử.

Ngày sinh của Thái tử, trong nước có tám vạn bốn ngàn trưởng giả đều sinh con trai. Tám vạn bốn ngàn chuồng ngựa, ngựa đều sinh ngựa câu; trong đó có một con có điểm đặc biệt: lông thuần màu trắng, bờm dài, đeo ngọc. Vì thế cho nên gọi là ngựa quý. Trong tám vạn bốn ngàn chuồng voi đều sinh voi trắng, nhưng chỉ có một con voi trắng bảy chi đều đặn nhau, đuôi dài đeo ngọc. Miệng voi có sáu ngà, cho nên gọi là bạch tượng báu. Người giữ ngựa trắng tên gọi là Xa-nặc.

Thái tử sinh ra được bảy ngày thì hoàng hậu qua đời. Do nhờ công đức mang thai Đấng Thiên Sư nên bà được sinh lên trời Đao-lợi, hưởng phước đầy đủ. Thái tử ở trong cung không thích cảnh náo nhiệt, Ngài chỉ thích nơi thanh vắng. Nhà vua hỏi thị nữ:

– Thái tử có vui chăng?

Thị nữ tâu:

– Trình tấu ca nhạc trong tất cả mọi thời, nhưng xem ra Thái tử không nhờ thế mà vui.

Vua cha lo lắng ưu tư, ngài cho triệu tập quần thần và nhắc lời đạo sĩ A-di đã nói: "Thái tử chắc chắn sẽ thành Phật":

– Chúng ta phải làm cách nào cho Thái tử ở lại và không còn ý hướng về đạo?

Có một đại thần tâu:

– Chỉ có một là đem sách vở dạy cho Thái tử để ràng buộc ý chí Ngài.

Vua sai năm trăm người hầu cùng đưa Thái tử đến nhà thầy giáo. Thầy giáo nghe Thái tử đến liền ra bái rước. Thái tử hỏi:

– Người này làm gì?

Vị đại thần đáp:

– Đây là thầy dạy học trong nước.

Thái tử hỏi:

– Sách ở cõi Diêm-phù-đề có sáu mươi bốn loại, tức là tên số sách. Hôm nay thầy dạy sách nào?

Phạm chí kinh ngạc đáp:

– Thái tử nói sáu mươi bốn loại sách tôi chưa hề nghe đến, chỉ dùng hai quyển để dạy nhân dân.

Thầy giáo cúi đầu quy kính, xin xá tội và không dám nhận lời dạy.

□

Phẩm 3: Thi Tài Năng

Thái tử và các quan, quyến thuộc trở về hoàng cung.

Đến năm mười bảy tuổi tài năng kỳ diệu của Thái tử càng hiện rõ hơn, nhưng ngày đêm Thái tử vẫn luôn ưu tư, chưa từng vui vẻ. Ngài vẫn luôn nhớ đến chí nguyện xuất gia.

Vua cha hỏi người hầu cận:

– Thái tử thế nào?

Người hầu cận đáp;

– Thái tử vẫn ngày ngày ưu tư, Ngài chưa từng vui vẻ.

Vua cha lại lo âu, ngài triệu tập các quan hỏi:

– Thái tử vẫn ưu tư, nay chúng ta phải làm gì?

Có một vị quan cận thần tâu:

– Nên tập luyện cho Thái tử về binh mã hoặc tập cho Ngài thật giỏi môn bắn cung và đưa Ngài đi tuần tra bờ cõi của nước nhà, khiến cho khi thi hành công việc, Ngài sẽ quên đi những ý nghĩ khác.

Một vị quan khác tâu:

– Thái tử đã lớn bệ hạ nên lo việc kết hôn cho Thái tử để Thái tử không còn ý nghĩ đến việc xuất gia.

Vua cha tuyển chọn biết bao nhiêu cô gái đẹp, nhưng Thái tử chẳng bằng lòng một ai cả.

Ở tiểu quốc kia có một vị vua tên là Tu-bà-phật (Thiện Giác). Nhà vua này có một người con gái tên Cù-di đoan trang xinh đẹp ít ai sánh bằng. Các vua trong tám nước đều muốn cầu hôn Cù-di cho con của họ, nhưng vua đều từ khước.

Vua Bạch Tịnh nghe tin cho mời vua Thiện Giác đến và nói:

– Ta vì Thái tử, muốn cưới cô con gái đẹp của ngài cho Thái tử.

Vua Thiện Giác đáp:

– Con của tôi có mẫu hậu và quần thần, quốc sư, Phạm chí đảm trách lo liệu, riêng tôi chưa thể trình bày ý của tôi được.

Sau đó vua Thiện Giác trở về nước lo buồn không an, tuyệt không ăn uống. Cô con gái hỏi thăm vua cha sao sức khỏe bất an hay vì cớ gì mà vua cha không vui. Vua cha đáp:

– Vì con nên khiến ta lo lắng.

Cù-di hỏi:

– Tại sao lại vì con, thưa cha?

Vua cha trả lời:

– Ta nghe các quốc vương đến cầu hôn con, ta đều không bằng lòng. Nay vua Bạch Tịnh muốn cầu hôn con cho Thái tử. Nếu ta không bằng lòng e sẽ bị trách phạt, còn bằng lòng thì các nước oán thù. Do đó nên khiến ta lo buồn.

Cô gái thưa:

– Xin phụ vương an tâm, vấn đề này không khó gì. Con xin khất lại bảy ngày, con sẽ đến đó.

Vua Thiện Giác đồng ý và dâng thư tâu vua Bạch Tịnh: "Con gái tôi xin khất lại bảy ngày, sau đó nó sẽ đến và yêu cầu mở cuộc thi những người có tài năng, võ nghệ cao cường ở trong nước của nhà vua, lúc đó con tôi mới bằng lòng lễ cầu hôn".

Vua Bạch Tịnh suy nghĩ: "Thái tử ở trong cung chưa tập luyện. Nay cô gái ấy muốn thử tài năng, ta phải làm thế nào đây?".

Đến đúng ngày hẹn, Cù-di đi cùng năm trăm thị nữ lên trên cổng thành, yêu cầu:

– Những người có tài năng của các nước, tất cả đều vân tập để cho tôi duyệt xem ai có kỹ thuật, lễ nhạc thật hoàn chỉnh và đầy đủ nhất, tôi mới bằng lòng kết hôn.

Vua Bạch Tịnh ra lệnh quần thần phải sai các kỹ thuật quan sát hý trường và nói với Ưu-đà:

– Ngươi thưa với Thái tử là muốn cưới vợ phải thể hiện những tài năng xuất sắc nhất.

Ưu-đà tuân lệnh, đến thưa với Thái tử:

– Nhà vua bảo phải thi lễ nhạc mới được cưới vợ, xin mời Thái tử đến hý trường.

Thái tử cùng Ưu-đà, Nan-đà, Điều-đạt, A-nan... năm trăm người, mang theo những nhạc cụ và dụng cụ như cung kiếm... rời khỏi cổng thành. Ngay nơi cổng thành để một con voi áng ngữ để thử người nào có sức mạnh. Điều-Đạt đi đầu tiên, thấy voi chận cổng liền nắm tay đấm con voi một đấm làm cho con voi chết liền. Nan-đà đi đến thấy, kéo xác voi để một bên đường. Thái tử đến sau hỏi người hầu cận:

– Ai đã giết con voi này?

Người hầu đáp:

– Điều-đạt giết nó.

Thái tử lại hỏi:

– Ai lại kéo nó?

Người hầu thưa:

– Nan-đà.

Bồ-tát nhân từ, chậm rãi đến trước xem xét con voi rồi nhấc nó ném lên ra khỏi thành, con voi trở nên tươi tỉnh sống lại.

Điều-đạt đến thao trường cùng đấu với các lực sĩ, không ai địch nổi ông ta. Các lực sĩ mạnh khỏe đều bị đánh gục. Vua hỏi bề tôi:

– Ai là người chiến thắng?

Bề tôi đáp:

– Điều-đạt.

Nhà vua bảo Nan-đà:

– Ngươi cùng Điều-đạt hai người đọ sức thử.

Nan-đà tuân lệnh đánh nhau cùng Điều-đạt. Điều-đạt quỵ chân bất tỉnh, các thị vệ dùng nước rưới lên người ông ta, phút chốc ông ta mới tỉnh dậy. Nhà vua lại hỏi:

– Ai là người chiến thắng.

Bề tôi đáp:

– Nan-đà chiến thắng.

Nhà vua bảo Nan-đà cùng Thái tử quyết đấu. Nan-đà tâu:

– Anh như núi Tu-di, Nan-đà như hạt cải. Thật tình con không dám sánh cùng.

Nói xong, Nan-đà bái lui.

Tiếp đến là thi bắn cung. Trước tiên, người ta đặt một cái trống bằng sắt, cứ cách mười dặm người ta đặt một cái, tất cả có bảy cái trống. Những người bắn cung giỏi thì sức mạnh của mũi tên họ bắn không tới một cái trống. Điều-đạt bắn thì xuyên suốt cái thứ nhất đến trúng cái trống thứ hai. Nan-đà bắn xuyên hai trống và mũi tên găm vào trống thứ ba. Ngoài ra, những người tài ba khác không thể sánh kịp.

Thái tử đến kéo thử cung, cái nào cũng bị gãy, không vừa với tay của Ngài. Nhà vua bảo người hầu cận:

– Tiên tổ của ta có cây cung hiện nay đang thờ tại thiên miếu. Ngươi lấy đem đến đây.

Người hầu cận đi lấy cung, phải hai người mới khiêng nổi. Mọi người không thể nào nhấc lên được. Thái tử giương cung, tiếng cung nghe tiếng như sấm nổ, truyền đến tai mọi người đều nghe thấy. Âm thanh Thái tử kéo sợi dây đồng đến bốn mươi dặm còn nghe. Mũi tên từ dây cung phóng ra xuyên qua bảy cái trống, phát thứ hai xuyên qua trống, đâm vào lòng đất làm suối nước vọt lên, phát thứ ba xuyên qua trống, mắc vào núi Thiết vi. Tất cả mọi người trong hội chúng đều ca ngợi là việc chưa từng có. Những người đến dự thi đều thua cuộc, thẹn nên bỏ đi.

Lại có một ông vua khỏe mạnh là người đến sau cùng, tráng kiện phi thường, dũng mãnh tuyệt thế. Ông ta cho rằng Điều-đạt, Nan-đà là không đủ sức đánh nên ông ta phải đi đến thi đấu tài nghệ cùng Thái tử. Những người bị khuất phục bỏ đi, nghe được tin báo, họ vô cùng mừng rỡ nói với vị vua có sức mạnh:

– Sự hùng kiệt của ngài ở đời không ai sánh nổi, chắc chắn sẽ giành phần thắng, như ý muốn.

Họ kéo theo sau người ấy, trở lại xem ông ta và Thái tử ai thắng ai bại.

Điều-đạt, Nan-đà tận dụng hết sức mạnh của mình muốn đánh trước. Thái tử ngăn lại nói:

– Đây chẳng phải là người mà là Ma vương có sức mạnh hơn người mà thôi. Các ngươi không thể khống chế được, ắt sẽ bị ông ta khuất phục, để ta đương đầu cho.

Vua cha nghe được điều này, nghĩ rằng sức Thái tử còn yếu nên rất lo sợ. Còn những người đến xem thì cho rằng Thái tử sẽ thắng.

Lúc đó, vị vua có sức mạnh đạp mạnh xuống đất, nhảy vọt lên, dùng hết sức bình sinh đưa tay túm lấy Thái tử. Ngay lúc đó Thái tử chụp lấy và quật ông ta xuống đất, đất bị chuyển động mạnh, trong hội chúng rất nể phục, tản mát bỏ đi hết. Thái tử đã hoàn toàn chiến thắng, mọi người hoan hỷ nổi chuông trống, đàn sáo ca vang cùng đoàn ngựa xe trở về hoàng cung.

Ưu-đà tâu vua Thiện Giác:

– Tài nghệ của Thái tử thật là tuyệt luân, ái nữ Cù-di của ngài nay ở đâu?

Vua Thiện Giác đáp:

– Cù-di đang cùng năm trăm thị nữ đang ở trên cổng thành.

Ưu-đà tâu Thái tử:

– Ngài nên thực hiện một cuộc chọn lựa đặc biệt.

Thái tử cởi một chuỗi ngọc anh lạc quý giá nhất trên thân và định gieo xuống. Ưu-đà thưa:

– Các cô gái thì nhiều, bây giờ Ngài muốn cho ai?

Thái tử đáp:

– Chuỗi ngọc anh lạc này trúng vào cổ ai thì thuộc về người đó.

Nói rồi, ném chuỗi ngọc anh lạc trúng nhằm Cù-di. Tất cả các cô gái đều ca ngợi sự kiện quá ư huyền diệu và hy hữu, thù thắng nhất trên đời.

Khi ấy, vua Thiện Giác chuẩn bị chu đáo tiễn cô con gái về cung Thái tử. Có hai vạn thị nữ theo hầu, ngày đem vui chơi đủ mọi âm thanh tuyệt đỉnh nhất trên thế gian. Tâm chí Thái tử không lấy đó làm vui, Ngài vẫn muốn bỏ đi để tĩnh tu đạo nghiệp, cứu độ chúng sinh.

Vua cha hỏi người hầu cận:

– Từ ngày Thái tử kết hôn đến nay, tâm trạng của Thái tử thế nào?

Người hầu cận tâu vua:

– Thái tử vẫn mãi ưu tư, thân thể gầy gộc, sinh hoạt không như trước nữa.

Lòng vua cha nặng trĩu buồn lo, liền triệu tập quần thần:

– Thái tử không vui, các khanh nghĩ phải làm thế nào?

Quần thần bàn bạc:

– Chúng ta nên tuyển thêm cung nữ xinh đẹp, tăng thêm ca nhạc may ra mới làm Thái tử ưa thích thế gian.

Nhà vua liền cho tuyển thêm người đẹp, một cô tên là Chúng Xứng Vị, cô thứ hai tên là Thường Lạc Ý. Cứ mỗi một phu nhân của Thái tử có hai vạn thể nữ, ba phu nhân thì có sáu vạn thể nữ xinh đẹp, nết na, không khác gì Thiên nữ, nhà vua hỏi Cù-di:

– Bây giờ Thái tử có sáu vạn thể nữ ca múa, hát xướng, cung cấp hầu hạ, Thái tử có vui chăng?

Cù-di thưa:

– Thái tử từ xưa đến nay, ngày đêm vẫn một lòng chuyên tinh hướng về Phật đạo, không hề nghĩ đến dục lạc.

Nhà vua nghe vậy buồn da diết, triệu tập quần thần rồi cùng nhau bàn bạc.

– Chúng ta đã cung cấp hết những gì trân quý nhất trên đời mà Thái tử vẫn giữ chí, chưa từng có lúc nào vui vẻ. Thật đúng như lời đạo sĩ A-di đã tiên đoán.

Các quần thần tâu:

– Sáu vạn thể nữ cung phụng mọi niềm vui trong thế gian, Thái tử không lấy đó làm vui. Bây giờ chúng ta nên cho Thái tử dạo chơi xem xét tình hình trị dân để chi phối bớt tâm đạo.

❑

KINH TU HÀNH BẢN KHỞI

QUYỂN HẠ

Phẩm 4: Du Quán

Vua Bạch Tịnh bảo Thái tử:

– Con nên đi dạo xem khắp nơi.

Thái tử thầm nghĩ: "Ta ở trong thâm cung đã lâu cũng có ý muốn ra ngoài, nay đã được như ý".

Nhà vua hạ lệnh trong nước:

– Thái tử sẽ đi dạo xem, hãy sửa sang đường xá, quét dọn sạch sẽ, đốt hương và treo cờ phướn, lọng báu... khiến cho tất cả đều được sạch đẹp, tươi vui.

Thái tử dẫn đầu đoàn tùy tùng cả ngàn vạn xe ngựa. Đầu tiên, đoàn người đi ra cửa thành phía Đông.

Khi ấy trời Thủ đà hội tên Nan-đề-hòa-la, muốn làm sao cho Thái tử nhanh chóng đi xuất gia, cứu giúp chúng sinh đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa tam độc, tuôn nước mưa pháp để tiêu diệt ngọn lửa độc hại. Nan-đề-hòa-la hóa làm một ông già ngồi xổm bên vệ đường, tóc bạc răng rụng, da nhăn mặt xấu, thân hình gầy gộc, lưng gù, tay chân cong queo, mắt mũi lèm nhèm, nước dãi chảy liên tục, hơi thở khò khè, thân thể đen đúa, đầu tay run rẩy, thân thể lắc lư, các chất nhơ bẩn trong thân tự bài tiết ra, rồi ngồi nằm trên đó.

Thái tử hỏi:

– Đây là người gì?

Thiên thần đánh thức người hầu cận trả lời:

– Một người già.

Thái tử lại hỏi:

– Người già là gì?

Người hầu thưa:

– Người già là tuổi cao, cơ thể đã cằn cỗi. Hình dáng suy vi và biến đổi, khí lực khô kiệt, ăn uống khó tiêu, gân cốt rã rời, ngồi nằm phải có

người dìu đỡ, mắt mờ tai điếc, sắp trở về cõi chết, nên thường nói những lời bi ai, sinh mạng chẳng còn bao lâu nữa. Vì thế nên gọi là người già.

Thái tử than thở:

– Con người sinh ra ở đời có nỗi lo về già này, thế mà người ngu tham ái, nào có gì vui! Vạn vật sinh ra trong mùa xuân, đến mùa thu mùa đông thì tàn tạ. Già đến nhanh như điện chớp, thân làm sao tồn tại được.

Ngài nói kệ:

Già hình sắc suy
Bệnh tật khô gầy
Da dùn, gân rút
Mạng chết gần kề.
Già hình sắc đổi
Như cỗ xe cũ
Pháp trừ được khổ
Nên nỗ lực học.
Mạng sống thật mong manh
Hãy kịp thời gắng sức
Thế gian quả vô thường
Mê hoặc đọa vô minh.
Phải học soi sáng tâm
Tự luyện cầu trí tuệ
Xa lìa chớ nhiễm ô
Cầm đuốc soi đường đi.

Thái tử lên xe trở về hoàng cung, lòng thương xót chúng sinh phải chịu tai họa lớn này nên ngài mãi ưu tư.

Nhà vua hỏi người hầu cận:

– Thái tử đi dạo sao trở về nhanh thế?

Người hầu cận thưa:

– Trên đường đi Thái tử gặp một người già, lòng thương cảm không vui. Ngài trở về hoàng cung mà lòng vẫn mãi sầu tư.

Sau thời gian hơi nguôi ngoai, Thái tử lại muốn đi dạo xem. Vua cha hạ lệnh trong nước:

– Thái tử sắp đi dạo, ta cấm các vật ô uế bày ở bên đường.

Khi ấy Thái tử lên xe ra cửa thành phía Nam. Trời hóa làm người bệnh nằm ngay bên đường, thân gầy, bụng lớn, toàn thân vàng bủn, ho hen khò khè, gân cốt nhức mỏi, chín lỗ lở loét thường chảy nước dơ, mắt không

thấy sắc, tai không nghe tiếng, hô hấp tắc nghẽn, tay chân quờ quạng kêu gọi mẹ cha, thương tiếc vợ con.

Thái tử hỏi:

– Người này tại sao như vậy?

Người hầu cận đáp:

– Đó là người bệnh.

Thái tử lại hỏi:

– Thế nào là bệnh?

Người hầu cận trả lời:

– Con người có bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong. Mỗi đại có một trăm lẻ một bệnh, lần lượt cọ sát nhau, rồi bốn trăm lẻ bốn bệnh cùng khởi một lúc. Người này có lẽ do quá lạnh, quá nóng, quá đói, quá no, quá khát hoặc uống nhiều quá. Thời tiết thay đổi, thức ngủ vô chừng cho nên đưa đến bệnh này.

Thái tử than:

– Ta ở chỗ giàu sang trân quý nhất trên đời, ăn uống đầy đủ vị ngon, phóng tâm buông lung, đắm say trong năm dục, không thể tự giác cũng sẽ có bệnh, nào có khác gì người bệnh kia.

Ngài nói kệ:

Thân này quá mỏng manh
Kết hợp trong bốn đại
Chín lỗ nước dơ chảy
Có già và bệnh hoạn,
Sinh thiên vẫn vô thường
Nhân gian lo già bệnh
Quán thân như bọt nước
Cõi đời có gì vui.

Thái tử quay xe trở về hoàng cung, tất cả đều có nỗi khổ lớn này.

Vua cha hỏi người hầu cận:

– Hôm nay Thái tử đi dạo xem như thế nào?

Người hầu cận đáp:

– Thái tử gặp người bệnh, do đó Ngài không vui.

Sau thời gian hơi khuây khỏa, Thái tử lại muốn đi dạo xem. Nhà vua hạ lệnh trong nước:

– Thái tử sẽ đi dạo xem. Hãy dọn dẹp sạch sẽ đồ dơ bẩn, chớ để hai

bên đường.

Thái tử và đoàn tùy tùng đi ra cửa phía tây. Trời lại hóa làm một người chết, xe đưa ra ngoại thành, cả nhà đi theo xe kêu khóc thảm thiết: "Vì sao đành bỏ chúng tôi mà biệt ly mãi mãi?"

Thái tử hỏi:

– Người này sao vậy?

Người hầu cận đáp:

– Đó là một người chết.

Ngài lại hỏi:

– Thế nào là chết?

Người hầu nói:

– Chết có nghĩa là chấm dứt, tinh thần lìa khỏi xác, tứ đại tan rã, thần hồn bất an. Phong đại mất thì hết thở, mà hỏa đại diệt thì thân lạnh, phong đại đi trước, kế đó là hỏa đại, linh hồn đi sau hết. Thân thể người chết nằm cứng đờ, chẳng còn hiểu biết gì. Khoảng mười ngày, thịt vỡ, máu chảy, sình trướng và hôi thối chẳng còn gì. Trong thân thì có giòi, giòi trở lại ăn thịt người đó, gân mạch vữa hết nên xương cốt rã ra, đầu lâu rơi một nơi, xương sườn, xương sống, bả vai, lá lách, chân tay mỗi thứ đều rã ra một nơi. Chim muôn cầm thú tranh nhau đến ăn người chết. Cho dù là Trời, Rồng, Quỷ, Thần, vua chúa, nhân dân, nghèo giàu, sang hèn... cũng không ai thoát khỏi tai họa này.

Thái tử nghe xong thở dài và nói tụng:

Quán thân già bệnh chết
Lòng ta thêm buồn rầu
Nhân sinh mãi vô thường
Thân ta cũng vậy thôi.
Thân này là vật chết
Tinh thần pháp vô hình
Giả hợp tử lại sinh
Tội phước không mất hẳn.
Chung thủy đâu một đời
Do si ái dài lâu
Tự thân thọ khổ vui
Thân chết thần không mất.
Hoặc trong không, trong biển
Hoặc vào giữa núi đá

Chẳng có địa phương nào
Thoát hẳn không bị chết!

Thái tử quay xe trở về hoàng cung, thương xót chúng sinh bị tai họa khổ não lớn của già, bệnh, chết, Ngài buồn bã chẳng ăn uống.

Vua hỏi người hầu cận:

– Thái tử đi dạo xem có được vui chăng?

Người hầu vội tâu:

– Thái tử gặp một người chết, vì thế Ngài chẳng được vui.

Sau thời gian tạm nguôi ngoai, Thái tử lại muốn đi dạo xem. Mọi người trang hoàng xa giá đi ra cửa thành phía Bắc. Trời lại hóa làm Sa-môn đắp y, ôm bình bát khoan thai tiến bước, mắt nhìn tới trước. Thái tử hỏi:

– Đây là người gì?

Người hầu cận đáp:

– Đây là vị Sa-môn.

Thái tử liền hỏi:

– Thế nào là Sa-môn?

Người hầu cận thưa:

– Tôi nghe rằng người hành đạo Sa-môn, từ biệt gia đình, vợ con, dứt bỏ ái dục, đoạn tuyệt lục tình, giữ giới vô vi, người đó sẽ được nhất tâm và diệt được mọi điều tà vạy. Đạo nhất tâm nghĩa là quả vị La-hán, người đắc quả La-hán là bậc Chân nhân. Người này không bị thanh sắc làm nhiễm ô, không bị khuất phục theo vinh hoa địa vị, như đất khó lay động và đã thoát khỏi khổ đau, sống chết tự tại.

Thái tử nói:

– Lành thay! Ta rất thích được như vậy.

Ngài liền nói kệ:

Xót thay nỗi khổ này
Họa sinh, già, bệnh, chết
Tinh thần lại vào tội
Trải qua bao nỗi khổ.
Nay phải diệt khổ này
Trừ sinh, già, bệnh, chết
Chẳng trở lại dục ái
Vĩnh viễn được diệt độ.

Thái tử vội trở về hoàng cung, buồn rầu không ăn uống. Vua hỏi

người hầu cận;

– Thái tử đi dạo xem lần này, Ngài có được vui chăng?

Người hầu cận đáp:

– Thái tử gặp một Sa-môn, lại càng ưu tư gấp bội, chẳng buồn ăn uống.

Vua cha nghe xong rất giận dữ, đập mạnh tay xuống bàn, nói:

– Trước đây ta đã ra lệnh dọn dẹp đường sá, làm sao lại để cho Thái tử trông thấy những điều không tốt. Tội này thật đáng chết!

Nhà vua liền triệu tập quần thần, các quan cùng bàn luận lập ra phương kế làm thế nào để Thái tử không bỏ hoàng cung đi tầm đạo. Có một vị quan tâu:

– Nên đưa Thái tử đi xem nông dân trồng trọt để thay đổi ý nghĩ sẽ làm cho Thái tử không còn nhớ đến con đường đạo.

Nhà vua chấp nhận ý kiến và sai chuẩn bị nông cụ đầy đủ, cùng đoàn tùy tùng đi theo. Họ cày bừa trên một cánh đồng nhỏ cho Thái tử thị sát.

Thái tử ngồi dưới gốc cây Diêm-phù, Ngài trông thấy người nông phu cày trên luống đất bày ra những côn trùng lúc nhúc. Trời lại biến hóa khiến cho cổ trâu bị trầy lở, côn trùng rơi xuống dưới những luống đất bị vỡ ra, chim chóc sà xuống tranh nhau mổ. Trời lại làm con ễnh ương luồn lách tìm lươn để ăn thịt, rắn từ trong hang chui ra vồ nuốt con ễnh ương, con công bay xuống mổ vào con rắn, chim ưng đói bay đến quắp lấy con công, diều hâu lại đến tóm lấy chim ưng ăn thịt.

Bồ-tát chứng kiến các loài thú tranh giành ăn thịt lẫn nhau như thế, tâm Từ thương xót, ngay lúc ấy dưới cội cây, Ngài đạt được đệ Nhất thiền. Khi ấy ánh nắng mặt trời chói chang, những cành cây cong lại làm bóng râm che mát thân Ngài.

Nhà vua suy nghĩ: "Thái tử ở trong cung chưa từng biết khổ là gì". Ngài liền hỏi người hầu cận Thái tử:

– Thái tử đang ở đâu?

Người hầu thưa:

– Ngài đang ngồi dưới gốc cây Diêm-phù, nhất tâm thiền định.

Nhà vua nói:

– Ta sắp đặt cho Thái tử đi xem xét để khuây khỏa tâm tư, nhưng Thái tử vẫn thiền định y như đang ở hoàng cung.

Vua ra lệnh chuẩn bị xe đi rước Thái tử về. Từ xa mọi người đã thấy Thái tử ngồi dưới gốc cây có những cành cong che mát, thần sắc chói sáng

lạ thường. Vua cha bất giác xuống ngựa vái chào Thái tử và cùng nhau trở về hoàng cung.

Đoàn người chưa kịp đến cổng thành đã có hàng hàng, lớp lớp người đem hương hoa đến dâng đón. Tất cả thầy xem tướng đều tung hô: "Thọ vô lượng!"

Vua cha hỏi lý do, Phạm chí đáp:

– Ngày mai khi mặt trời vừa ló dạng, bảy báu sẽ đến.

Nhà vua rất hoan hỷ cho rằng Thái tử sẽ thành bậc Thánh chúa.

Phẩm 5: Thái Tử Xuất Gia

Trở về hoàng cung, Thái tử luôn tư duy nhớ nghĩ đến đạo lý thanh tịnh, không nên sống tại gia mà phải ở chốn núi rừng chuyên cần thiền định.

Đến năm mười chín tuổi, vào ngày mồng bảy tháng tư, Thái tử phát nguyện xuất gia. Lúc ấy đã quá nửa đêm, khi sao mai vừa mọc, chư Thiên đầy cả hư không khuyến khích Thái tử ra đi. Khi ấy, Cù-di thấy năm giấc mộng, liền giật mình tỉnh dậy. Thái tử hỏi:

– Vì sao Cù-di giật mình thức giấc?

Cù-di thưa:

– Vừa rồi trong giấc mộng em thấy: Núi Tu-di nghiêng đổ, trăng sáng vụt rơi xuống đất, viên ngọc quý bỗng mất, búi tóc trên đầu bị rơi xuống, có người đoạt lọng che của em. Vì thế mà em giật mình thức giấc.

Bồ-tát nghĩ năm giấc mộng này ứng với trường hợp của ta đang nghĩ đến việc đi xuất gia. Thái tử bảo Cù-di:

– Núi Tu-di không nghiêng đổ, mặt trăng vẫn chiếu sáng, viên ngọc quý không mất, búi tóc trên đầu không bị rơi, lọng che nay vẫn còn, nàng hãy ngủ yên chớ lo.

Lúc đó chư Thiên bàn với nhau: "Thái tử sắp ra đi, nhưng e rằng Thái tử sẽ bị giữ lại", nên họ cho gọi thần Ô-tô-mạn đích thân vào cung. Lúc mọi người trong nước đang yên giấc thì Nan-đề-bồ-na hóa các cung điện trở thành bãi tha ma, Cù-di và kỹ nữ đều trở thành người chết, xương cốt phân tán một nơi, đầu lâu nằm một ngã, sình trương hôi thối, máu mủ ứ đọng liên tục chảy tràn.

Thái tử nhìn cung điện đều biến thành bãi tha ma. Các loài cầm thú như diều hâu, chồn, sói, hổ, beo... bay chạy trong đó. Thái tử quán thấy tất cả những hiện tượng như huyễn như hóa, như giấc mộng, như tiếng vang.

Tất cả đều trở về với không mà người ngu vẫn cố tình ôm giữ. Thái tử liền gọi Xa-nặc hãy mau dắt ngựa đến cho Ngài. Xa-nặc tâu:

– Trời chưa sáng dắt ngựa làm gì?

Thái tử nói kệ:

Ta không thích ở đời
Xa-nặc chớ lưu lại
Nếu ta đạt bản nguyện
Trừ khổ ba đời ngươi.

Xa-nặc vội dắt con bạch mã đến cho Thái tử. Con ngựa nhảy chồm lên không thể đến gần được. Xa-nặc trở lại tâu với Thái tử:

– Con ngựa chứng, con không thể dắt nó được.

Bồ-tát tự đến vỗ nhẹ lên lưng ngựa, nói:

Trong sinh tử dài lâu
Nay dứt kiếp ngựa cỡi
Kiền-đặc đưa ta đi
Đắc đạo không quên người.

Khi Xa-nặc chuẩn bị ngựa xong, Kiền-đặc thầm nghĩ: "Nay ta sẽ nhảy trên đất làm cho kinh động đến tất cả mọi người". Nhưng có bốn vị thần tiếp đỡ chân ngựa khiến chân nó không chạm đất. Con ngựa muốn hý vang làm cho khắp chốn gần xa đều nghe thấy, nhưng Thiên thần làm cho tiếng vang ấy tan trong hư không.

Thái tử nhảy lên lưng ngựa, đi ra khỏi cổng hoàng thành. Chư Thiên, Long thần, Thích, Phạm, trời Tứ thiên đều vui vẻ đi theo bao phủ cả hư không. Khi ấy thần giữ cổng thành hiện ra, lạy và thưa:

– Nước Ca-duy-la-vệ, Ngài là bậc tối thượng trong thiên hạ, đem lại an bình thịnh vượng cho nhân dân, tại sao Ngài lại bỏ ra đi?

Thái tử dùng kệ đáp:

Sinh tử thật dài lâu
Trải qua trong năm đường
Ta đạt thành bản nguyện
Sẽ mở cửa Niết-bàn.

Lúc đó cổng thành tự nhiên mở, Kiền-đặc phóng như bay, trời vừa sáng nó đã đi được bốn trăm tám mươi dặm. Đến nước A-nô-ma thì Thái tử dừng chân. Ngài cởi bỏ áo mão, chuỗi anh lạc quý giá... trao hết cho Xa-nặc bảo:

– Ngươi hãy dắt ngựa trở về, ta xin dâng lời từ tạ Đại vương và quần

thần trong nước.

Xa-nặc thưa:

– Con xin theo Thái tử để cung cấp những điều cần dùng. Con không thể một mình phóng ngựa trở về. Chốn núi rừng có nhiều độc xà, hổ lang, sư tử... Ai sẽ lo thức ăn, nước uống và giường nằm cho Ngài? Làm sao con có thể để Ngài ở đây một mình được? Con cần phải đi theo để bảo vệ thân mạng cho Ngài.

Ngựa Kiền-đặc quỳ dài, nước mắt tuôn trào, nó dùng lưỡi liếm chân Thái tử, thấy nước không uống, gặp cỏ chẳng ăn, kêu la thảm thiết, bồi hồi không chịu đi, Thái tử nói kệ:

Thân mạnh bệnh quật ngã
Khí thạnh, già sẽ suy
Chết mất, sống biệt ly
Đời có gì vui thú?

Xa-nặc ngậm ngùi đảnh lễ dưới chân Thái tử rồi dắt ngựa từ tạ trở về. Xa-nặc chưa đến quốc thành, còn ở ngoài đến bốn mươi dặm, bạch mã kêu lên thảm thiết, tiếng kêu của nó vang dội cả nước. Mọi người cả nước bảo nhau: "Thái tử đã trở về". Nhân dân cả nước nối gót nhau ra nghênh đón Thái tử, nhưng họ chỉ thấy Xa-nặc dẫn con ngựa Kiền-đặc trở về không. Cù-di thấy vậy liền đặt hoàng tử xuống, đến ôm cổ bạch mã lệ tuôn lã chã như mưa. Vua cha thấy Cù-di khóc, toàn thân đều thương tổn, cố nén lòng bảo:

– Con ta học đạo vô vi.

Nhân dân trong nước thấy nhà vua và Cù-di nghẹn ngào than khóc, họ không khỏi đau đớn xót xa. Cù-di ngày đêm thương nhớ Thái tử không nguôi.

Nhà vua triệu tập quần thần bảo:

– Ta chỉ có một mình Thái tử, lại bỏ ta vào chốn núi rừng. Bây giờ các khanh hãy theo thứ tự từng nhóm năm người đi theo phục vụ Thái tử, không được trở về nửa chừng.

Thái tử xa lìa được thế tục, vô cùng hoan hỷ, khoan thai đi bộ vào thành. Người trong nước thấy Thái tử, hân hoan không chán. Thái tử đã lìa ân ái, xa các cội nguồn khổ não, Ngài suy nghĩ, muốn cạo tóc nhưng ở núi rừng không có dụng cụ. Trời Đế Thích cầm dao đến Thiên thần nhận cạo tóc liền đi đến trước, nhân dân trong nước đi theo để xem Thái tử. Lúc đó Thái tử ra khỏi nước, có một số người đi theo Ngài đến nước Ma-kiệt-đà, Ngài đi vào cửa bên phải và đi ra cửa bên trái. Nhân dân nam nữ, lớn nhỏ

trong nước đó trông thấy Thái tử, hoặc gọi Ngài là người trời hoặc gọi là Đế Thích, Phạm vương, Thiên thần, Long vương, họ hoan hỷ vui mừng và phân vân không biết Ngài là thần gì.

Thái tử biết tâm niệm của họ liền đến ngồi dưới gốc cây bên đường, dân chúng sung sướng vây quanh chiêm ngưỡng. Khi ấy vua Bình-sa hỏi sứ thần:

– Vì sao trong nước yên lặng không có tiếng động?

Sứ thần tâu:

– Khi sáng có một đạo sĩ đi qua nước này, Ngài có tướng uy nghi chói sáng, ở đời không dễ gì có được. Mọi người trong nước đi theo chiêm ngưỡng ngài đến nay chưa về.

Lúc đó nhà vua và quần thần cùng đến chỗ bậc Đạo sĩ, từ xa họ đã trông thấy tướng thù diệu rạng ngời của Thái tử. Họ đến hỏi Thái tử:

– Ngài có phải là thần chăng?

Thái tử đáp:

– Ta không phải là thần.

Vua hỏi:

– Nếu không phải thần, vậy thì Ngài từ nước nào đến? Tên họ là chi?

Thái tử đáp:

– Ta từ phía Bắc ngọn Tuyết sơn, phía Đông đỉnh Hương sơn đến. Ta ở nước Ca-duy, phụ vương ta là Bạch Tịnh và mẫu hậu là Ma-da.

Vua Bình-sa hỏi:

– Ngài có phải là Thái tử Tất-đạt chăng?

Ngài trả lời:

– Thưa đúng vậy.

Vua Bình-sa kinh sợ đứng dậy đảnh lễ dưới chân Thái tử, thưa:

– Thái tử sinh ra đời hình tướng đã hiện rõ những đặc điểm khác người. Ngài làm Chuyển luân thánh vương, là vua bốn châu thiên hạ, bốn biển ngưỡng vọng đều mong mỏi thần báu đến. Tại sao Ngài lại bỏ ngôi trời, tự dấn thân vào chốn núi rừng. Chắc là Ngài có cái nhìn khác cuộc đời, xin được nghe cao ý.

Thái tử đáp:

– Ta nhận thấy chúng sinh và mọi hiện tượng trong thế gian có sinh ra thì có hoại diệt, đều bị chi phối bởi bốn nỗi khổ lớn, đó là: Khổ về sinh, già, bệnh, chết mà không ai tránh được. Thân này là vật chứa đựng các khổ,

biết bao là lo sợ. Nếu ở nơi tôn quý thì ta sẽ sinh tâm kiêu căng phóng dật, tham cầu khoái lạc. Thiên hạ bị hoạn nạn, do đó mà ta nhàm chán, cho nên muốn đi vào chốn núi rừng.

Các bậc kỳ lão thưa:

– Những vấn đề già, bệnh, chết là lẽ thường của thế gian, sao Thái tử lại ưu tư một mình? Lại từ bỏ địa vị cao sang để ẩn cư nơi rừng vắng, chịu đày đọa thân mình, chẳng gian khổ sao?

Thái tử nói kệ:

Nếu người trong thai không dơ bẩn
Nếu người sạch mãi chẳng nhiễm ô
Nếu khổ không nhiều, không đáng kể
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu người già thân hình không đổi
Nếu người làm lành, không làm ác
Nếu yêu thương khi xa không khổ
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu ốm đau không là nỗi sợ
Nếu đời sau tội ác không đền
Nếu đọa địa ngục không chịu khổ
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu trẻ mãi, hình hài không hoại
Nếu điều không thích, không bận tâm
Nếu khi sắp chết không sợ hãi
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu ngu si không dày tăm tối
Nếu sân nhuế không tạo oan gia
Nếu năm dục lạc, tâm không nhiễm
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu không ở chung với kẻ si
Nếu đối pháp si tự xa lìa
Nếu kẻ si không có tưởng
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu các việc ác chẳng là bao
Nếu các ác diệt, tự xa người
Nếu như không nghĩ về điều ác
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu thế gian ác là trên hết

Nếu ác đã diệt không sinh lại
Nếu việc ác là không thật có
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu chư Thiên hưởng phước mãi mãi
Nếu con người tuổi thọ thường còn
Nếu các cõi không còn luân chuyển
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!
Nếu các ấm cái chẳng oan gia
Nếu sáu nhập không còn khổ não
Nếu tất cả cuộc đời không khổ
Thì thế gian ai chẳng mến ưa!

Thái tử nói với vua Bình-sa và các quan cận thần:

– Các ngài chớ nên lo lắng, giả sử ta có làm vua, lúc già, bệnh kéo đến, hoặc phải chết thì ai có thể thay ta để nhận lấy những ách nạn này? Nếu như không có người thay thế được, các ngài lo lắng làm gì? Thiên hạ có cha hiền, con hiếu, yêu thương chí thiết, nhưng đến lúc chết họ có thể chết thay cho nhau được không? Hoặc cái thân giả tạo này một ngày nào đó khổ đến, tuy ở địa vị cao quý, lục thân quấn quít một bên thì cũng như người mù cầm đuốc, có giúp gì cho đôi mắt đâu? Ta quán tất cả hành đều vô thường, đều là huyễn hóa không thật, hạnh phúc ít, đau khổ nhiều, thân này chẳng phải của ta. Thế gian hư vô khó ở được lâu dài. Vạn vật có sinh ắt có tử, sự nghiệp thành tựu sẽ có thất bại, có an bình thì có nguy biến, có được sẽ có mất, vạn vật hỗn độn sẽ trở về không. Tinh thần vô hình chao động bất minh, sẽ đưa đến hiểm nạn sinh tử, chẳng phải chỉ có chịu một đời mà thôi. Do vì tham ái, bị bao phủ trong lưới vô minh, chìm đắm trong dòng sông sinh tử, không thể giác ngộ được. Vì thế ta muốn vào chốn núi rừng, nhất tâm tịnh tu Tứ không, vượt khỏi sắc dục, diệt trừ sân hận, đoạn hết lòng mong cầu và quán tưởng đến tánh Không, hoàn toàn không có chỗ dính mắc. Đó là quay lại cội nguồn, trở về bản tánh, mới ra khỏi các cội rễ của tử sinh. Như vậy ta đạt được tâm nguyện không phải là an ổn hoàn toàn hay sao?

Vua Bình-sa và các vị kỳ lão, hiểu rõ, hoan hỷ ca ngợi:

– Chí nguyện của Thái tử thật vi diệu, thế gian này khó có được. Chắc chắn Ngài sẽ thành đạo, xin hãy độ cho tôi trước.

Thái tử im lặng ra đi, Ngài nghĩ: "Ta nay vào núi rừng, lại đang mặc chiếc áo quý giá, người thế gian ngu si đều vì của cải mà bị tai nạn". Ngay lúc ấy Thái tử gặp một người thợ săn đang khoác trên người chiếc Pháp y,

Thái tử vui mừng nghĩ: "Đây đúng là chiếc áo của bậc Chân nhân, Pháp phục từ bi cứu đời, tại sao người thợ săn lại mặc nó? Ta muốn đổi chiếc Pháp y này để hoàn thành chí nguyện của ta". Thái tử liền đem chiếc áo dát vàng của mình đổi lấy chiếc Pháp y ấy. Người thợ săn trong lòng rất mừng, Bồ-tát cũng hoan hỷ.

Thái tử khoác chiếc Pháp y, cảm thấy nó mềm mại nhẹ nhàng và thanh khiết, trông giống như Tăng-già-lê của Phật không khác. Ngài đi vào trong núi. Bồ-tát mặc Pháp y, ánh sáng hân hoan, tỏa chiếu khắp núi rừng. Lúc ấy có hai đạo sĩ, một vị tên A-lan, một vị tên Ca-lan, học đạo đã nhiều năm, có đủ tứ thiền, đạt đến ngũ thông, trông thấy ánh sáng họ kinh hãi, lấy làm lạ: "Đây là điềm lành gì?" Liền cùng nhau ra xem, từ xa họ trông thấy Thái tử Tất-đạt nay đã xuất gia, họ nói:

– Lại đây Tất-đạt! Xin đến ngồi nơi chiếc chõng này, có nước suối mát và trái cây ngon, mời Ngài dùng.

Họ nói kệ:

Nhật vương mới xuất hiện
Ở trên đỉnh núi này
Ánh sáng trí tuệ chiếu
Tất cả khắp chúng sinh
Ai chiêm ngưỡng tôn nhan
Không bao giờ thấy chán
Đạo đức Ngài cao tột
Vô song không ai sánh.

Khi đó Bồ-tát nói:

Tuy tu bốn định ý
Không biết tuệ vô thượng
Tâm đạo chính cội nguồn
Không phải thờ tà thần
Hành tục gọi là chân
Luôn luôn cầu Phạm thiên
Cho nên không biết đạo
Luân chuyển đọa tử sinh.

Phẩm 6: Sáu Năm Tinh Cần Khổ Hạnh

Bồ-tát khởi tâm Từ bi nghĩ khắp chúng sinh già suy lú lẫn, không thoát khỏi nỗi đau về bệnh tật, tử vong. Ngài muốn khiến cho chúng sinh

được giải thoát nên chuyên nhất tâm ý mà khởi tâm Bi, thương xót chúng sinh bị tai họa gian nan đói khát, nóng lạnh, được mất và tội lỗi. Ngài muốn khiến cho chúng sinh được an ổn nên chuyên nhất tâm ý mà khởi tâm Hỷ. Ngài quán thấy khắp thế gian đều phải gặp tai họa lo âu, khủng bố. Ngài muốn cho họ được nhẹ nhàng nên chuyên nhất tâm ý mà khởi tâm Hộ. Ngài muốn độ chúng sinh thoát khỏi tám nạn trong năm đường, bị ngu si che lấp mê mờ không thấy đạo chân chánh. Ngài quán niệm muốn cứu giúp cho họ được giải thoát, chuyên tâm nhất ý, được thiện không mừng, gặp ác không lo, xả bỏ tám việc ở thế gian như: Lợi dưỡng, suy hao, chê bai, khen ngợi, tôn xưng, quở trách, khổ đau, vui sướng, tám việc đó không làm lay động. Lúc ấy Bồ-tát thành tựu tầng Thiền thứ hai.

Thái tử tiếp tục đi đến dòng sông Tư-na, dòng sông nước chảy êm đềm có nhiều cây trái. Nơi nào cũng có suối chảy, ao tắm, nước lại trong mát không có sâu bọ, muỗi mòng, ruồi nhặng... Vị đạo sĩ ở sông ấy tên là Tư-na, ông giảng dạy cho năm trăm người đệ tử tu theo phương pháp của ông.

Lúc ấy Bồ-tát ngồi dưới gốc cây Ba-la, dốc chí cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Chư Thiên dâng cam lộ, Bồ-tát dứt khoát không nhận, tự thệ mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo, hạt mè để duy trì khí lực. Ngồi tu như thế sáu năm, hình thể hao gầy chỉ còn da bọc xương nhưng tinh thần lại lắng sâu tĩnh mịch, nhất tâm tịch mặc, quán pháp an ban: Một là Sổ. Hai là Tùy. Ba là Chỉ. Bốn là Quán. Năm là Hoàn. Sáu là Tịnh. Thái tử quán pháp môn này đến mười hai lần như vậy, ý vẫn không bị tán loạn, đạt đến thần thông vi diệu, xả bỏ các pháp ác, không còn năm triền cái, không thọ năm dục, các việc ác tự tiêu diệt, nhớ nghĩ phân minh quán pháp vô vi. Thí như người dũng kiện thắng được oan gia, ý được thanh tịnh. Bồ-tát thành tựu tầng Thiền thứ ba.

Trời Đế Thích suy nghĩ: "Bồ-tát ngồi dưới gốc cây đã tròn sáu năm, hình thể gầy gò, ta phải làm cho người thế gian cúng thức ăn cho bậc Chuyển luân vương để bù đắp lại sáu năm khổ hạnh."

Trời Đế Thích tác động tư tưởng hai cô gái Tư-na khiến trong giấc mộng hai cô thấy: Tất cả thiên hạ trở thành nước, trong nước ấy có một đóa hoa bảy báu chói sáng, trong chốc lát đóa hoa ấy bị héo úa, mất đi màu sắc tươi đẹp, rồi có người dùng nước rưới lên, đóa hoa sống lại. Các đóa hoa trong nước, lúc mới nẩy mầm che nước mà mọc ra. Hai cô gái tỉnh mộng, lấy làm kinh ngạc cho là việc chưa từng có, đem trình với thân phụ, thân phụ của họ cũng không giải thích được. Họ đi hỏi khắp các người lớn tuổi,

nhưng không ai trả lời được.

Trời Đế Thích lại hóa làm Phạm chí để giải thích giấc mộng ấy cho cô gái nghe:

– Ngươi thấy thiên hạ trở thành nước và trong nước lại sinh một đóa hoa, đó là Thái tử con vua Bạch Tịnh khi mới ra đời, hiện đang ngồi dưới gốc cây đã sáu năm, thân hình gầy yếu, thể hiện lúc hoa héo úa. Thấy một người lấy nước rưới lên, hoa tươi lại, đó là người dâng cúng thực phẩm. Hoa nhỏ nẩy mầm muốn mọc ra, đó là người sinh tử trong năm đường.

Lúc đó, trời Đế Thích nói:

Sáu năm lòng vẫn vững
Đói lạnh cũng chẳng màng
Tinh tấn, không tham đắm
Hình gầy da bọc xương.
Các người nên cung kính
Dâng cúng cho Bồ-tát
Hiện đời được phước lớn
Đời sau hưởng quả lành.

Cô gái hỏi:

– Cách cúng thức ăn như thế nào?

Phạm chí đáp:

– Nên lấy sữa của năm trăm con bò, lần lượt cho bò uống, giảm dần cho đến một con bò cuối cùng đã uống các dòng sữa kia, lấy nước sữa ấy nấu thành cháo, cho cháo sữa sôi bọt lên cao bảy nhẫn, rồi tay trái bưng ở trên, tay phải ở dưới, hoặc ngược lại mới rót cháo vào bát. Bát đựng cháo và muỗng phải sạch sẽ.

Hai cô gái cung kính dâng bát cháo sữa lên Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: "Trước hết ta phải tắm gội sạch sẽ. Rồi mới dùng cháo".

Ngài đến bên dòng sông tắm gội sạch sẽ. Khi tắm xong, Ngài muốn lên bờ thì được Thiên thần đè cành cây che phủ. Khi dùng xong bát cháo của hai cô gái dâng cúng, khí lực Thái tử trở lại bình thường. Ngài chú nguyện cho hai cô gái được phước vô lượng và dạy cho họ biết quy kính Tam tôn.

Thái tử dùng cháo xong súc miệng, rửa tay, Ngài rửa bát rồi thả xuống sông, bát trôi ngược dòng chưa đến bảy dặm thì trời hóa làm chim cánh vàng bay đến tha chiếc bát đi, đem đến để chung một chỗ với búi tóc của Thái tử, rồi xây tháp cúng dường.

Khi ấy, Thái tử vượt qua sông Ni-liên-thiền. Ngài nói kệ:

Vượt sông Ni-liên-thiền
Từ bi thương chúng sinh
Ba độc trong năm đường
Đoạn trừ như nước sạch.
Bồ-tát lại suy nghĩ:
Chúng sinh đọa si ám
Phải dùng tám thứ nước
Rửa sạch ba độc nhơ.
Như thế mới lên bờ
Có năm trăm Thanh tước
Bay lượn quanh Bồ-tát
Hót vang nhiễu ba vòng.

Rồi Bồ-tát tiếp tục đi qua ao của con rồng mù. Rồng rất vui mừng vọt lên gặp Bồ-tát, nói kệ:

Lành thay gặp Tất-đạt
Đến cứu sao chậm thế
Phụng thỉnh tất cả chúng
Nước cam lộ vô thượng.
Ngài đi đất chấn động
Âm nhạc tự nhiên trỗi
Chính chư Phật quá khứ
Đối con không có nghi.
Ngài đem tuệ vô thượng
Hàng phục các ma oán
Mặt trời Phật chiếu soi
Thức tỉnh khắp muôn loài.

Thái tử lại tiếp tục đi, Ngài trông thấy núi rừng rậm rạp, đất đai bằng phẳng, khắp nơi thanh tịnh, cỏ xanh mềm mại, suối ngọt chảy đầy, hoa hương tinh khiết tốt tươi. Trong khu rừng này có một cây cao lớn đặc biệt, các cành cây mọc theo tầng lớp, cành lá sum suê, màu hoa xinh đẹp rực rỡ như trời trang sức, ngọn cây như chiếc phướn trời. Đó là biểu tượng tốt đẹp nhất, là vua trong rừng cây.

Lúc ấy Bồ-tát đi mấy bước nữa thì thấy có một người đang cắt cỏ, Ngài hỏi:

– Bạn tên là gì?

– Tôi tên là Cát Tường.

– Vậy cỏ bạn cắt là cỏ Cát tường! Bạn cho tôi một ít cỏ thì mười phương đều cát tường.

Khi ấy Cát Tường nói kệ:

Từ bỏ ngôi Thánh vương
Bảy báu và ngọc nữ
Giường tòa bằng vàng bạc
Nệm, thảm dệt gấm lụa
Tiếng chim vui cát tường
Âm hưởng đến bát độ
Siêu việt hơn Phạm thiên
Ngài dùng cỏ làm gì?

Bồ-tát đáp:

Ta nguyện a-tăng-kỳ
Muốn độ khắp quần sinh
Nay đến hoàn bản nguyện
Vì thế ta xin cỏ.
Nếu ngươi có cỏ rối
Đem đến gốc cây to
Thế gian lòng đều rối
Ta sẽ khiến cho ngay.
Hãy đem cỏ trải đất
Bằng phẳng như ta nói
Bồ-tát sẽ ngồi lên
Tất cả nhờ ân này.
Bồ-tát nguyện ba điều
Ngồi ở cội cây này
Nếu ta không đắc đạo
Trọn không bỏ lời thề:
Dầu thân ta khô héo
Chưa thành, không đứng lên
Khi xưa Phật đắc đạo
Đều phát từ nhất tâm.

Khi ấy Bồ-tát ngồi yên nhập định, bỏ tâm khổ, lạc, không tưởng ưu, hỷ, tâm không vin thiện, cũng không dựa ác, ở ngay trung đạo. Ví người tắm gội sạch sẽ, phủ lên mình tấm áo choàng trắng, trong ngoài đều sạch, hoàn toàn không có bụi nhơ, hơi thở tự diệt, trong vắng lặng an tịnh, Ngài đạt được tầng Thiền thứ tư.

Đã thành tựu thiền định, Bồ-tát không rời xa tâm đại bi, dùng phương tiện trí tuệ thấu suốt những điều sâu xa vi diệu, thông rõ ba mươi bảy phẩm đạo. Những gì là ba mươi bảy phẩm? Đó là: 1. Tứ ý chỉ; 2. Tứ ý đoạn; 3. Tứ thần túc; 4. Ngũ căn; 5. Ngũ lực; 6. Thất giác ý; 7. Bát trực hành.

Bồ-tát quán trở lại từ đầu: khổ, không, vô thường, vô tưởng, vô nguyện, nghĩ đến thế gian do tham ái, tham dục phải đọa trong khổ tử sinh, ít có người có thể tự giác, vốn bắt nguồn từ mười hai nhân duyên.

Những gì là mười hai nhân duyên? Đó là: duyên Si hành có Thức, duyên Thức hành có Danh tự, duyên Danh tự hành có Lục nhập, duyên Lục nhập hành có Lạc, duyên Lạc hành có Thống (Thọ), duyên Thống (Thọ) hành có Ái, duyên Ái hành có Thủ, duyên Thủ hành có Hữu, duyên Hữu hành có Sinh, duyên Sinh hành có Lão, Tử, Ưu, Bi, Khổ thống, Phiền não, đại hoạn, đầy đủ cả một khối đau khổ, từ đó chuyển đọa trong sinh tử. Người muốn đắc đạo phải đoạn trừ tham ái, trừ diệt dục tình, hoàn toàn vắng lặng vô vi. Lúc ấy Si mới diệt, Si diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh tự diệt, Danh tự diệt thì Lục nhập diệt, Lục nhập diệt thì Lạc diệt, Lạc diệt thì Thống (Thọ) diệt. Thống (Thọ) diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt. Thủ diệt thì Hữu diệt. Hữu diệt thì Sinh diệt. Sinh diệt thì Lão, Tử, Ưu, Bi, Khổ thống tâm, Phiền não đều đoạn tận. Lúc đó gọi là đắc đạo.

Phẩm 7: Hàng Phục Ma

Bồ-tát suy nghĩ: "Ta nay phải hàng phục các ma và quyến thuộc của chúng". Ngài liền phóng tướng chói sáng giữa chân mày làm rung động cung ma. Các ma vô cùng hoảng sợ, trong lòng bất an. Các ma trông thấy Bồ-tát ngồi một mình dưới gốc cây, thanh tịnh vô dục, tinh tấn thiền định, không giải đãi, trong lòng chúng, buồn bực, ăn không ngon, ngủ không yên, không còn ham thích ca hát, vì chúng đang lo sợ Bồ-tát thành đạo ắt sẽ đại thắng chúng. Chúng muốn kịp thời phá hoại tâm đạo của Bồ-tát khi Ngài chưa thành Phật.

Ma con Tu-ma-đề (Hiền Ý) can gián ma cha:

– Bồ-tát thực hành hạnh thanh tịnh, ba cõi không ai bằng, thần thông tự tại. Cho nên muôn ức hàng trời, các ma đều phải đảnh lễ, chẳng phải trời, người có thể ngăn cản, phá hoại Bồ-tát được. Chúng ta không nên tăng thêm điều ác mà tự phá hoại phước đức của mình.

Ma vương không nghe, cho gọi ba cô con gái: người thứ nhất tên Ân

Ái, người thứ hai tên Thường Lạc, người thứ ba tên Đại Lạc. Cả ba cùng thưa:

– Xin vua cha chớ lo, chúng con sẽ đến phá hoại đạo tâm của Bồ-tát cho vừa ý cha. Vua cha chớ bận lòng âu lo suy nghĩ.

Lúc đó ba cô gái trang sức bằng y phục của trời, dẫn theo năm trăm ngọc nữ đến chỗ Bồ-tát, đàn ca, tán tụng những lời trữ tình để làm rối loạn tâm đạo của Bồ-tát. Ba cô gái nói:

– Ngài có nhân đức cao tột, chư Thiên đều kính ngưỡng muốn được dâng cúng, nên trời hiến chúng tôi cho Ngài, chúng tôi rất trong sạch, tuổi đang độ sung mãn, chúng tôi xin được ngày đêm hầu hạ bên Ngài.

Bồ-tát đáp:

– Các ngươi có phước báo đời trước được làm thân trời, không nghĩ đến vô thường mà đi làm trò yêu mị. Hình thể các ngươi tuy đẹp nhưng tâm không đoan chánh, ví như trong chiếc bình đẹp lại chứa đầy chất hôi độc. Các ngươi sẽ tự hủy hoại mình, có gì lạ đâu! Phước báo khó tồn tại lâu dài, dâm ác bất thiện đánh mất bản tâm, phước hết, tội đến, đọa ba đường ác, làm thân lục thú khó mà thoát khỏi. Bọn các người làm khuấy rối ý đạo của người, không kể vô thường, trải qua kiếp số xoay chuyển trong năm đường. Nay đối đầu với bọn các ngươi, ta vẫn không rời cần khổ. Trong thế gian, ta sinh ra bất cứ nơi nào đều quán thấy người già như mẹ, người đứng tuổi như chị, người nhỏ như em. Các chị hãy trở về cung, chớ nên làm những việc sai trái này.

Bồ-tát nói dứt lời, các cô gái bỗng trở thành bà già, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, mắt mờ, phải chống gậy nhờ người dìu đỡ trở về.

Ma vương thấy ba con gái trở về đều trở thành bà già, càng thêm phẫn nộ, liền triệu tập các quỷ thần vương hợp lại thành mười tám ức, từ trên trời bay xuống, vây quanh Bồ-tát ba mươi sáu do-tuần. Chúng biến thành thân hình sư tử, gấu, beo, hổ, voi, rồng, bò, ngựa, chó, heo, khỉ, vượn... không thể kể hết. Chúng hóa thành những loài trùng đầu người, mình rắn đầu rùa, hay con ba ba có sáu mắt, hoặc là một cổ mà nhiều đầu, răng nanh móng vuốt giương ra, đội núi phun lửa, sấm chớp bốn bên, tay lại cầm kiếm, kích.

Bồ-tát Từ tâm, không hề có mảy may nao núng sợ sệt. Dung nhan Ngài chói sáng tươi đẹp hơn lên, binh của ma quỷ không thể đến gần được. Ma vương đến trước Bồ-tát dùng kệ hỏi. Bồ-tát tâm Từ đã trả lời các câu hỏi ấy:

– Tỳ-kheo cầu gì ngồi dưới cây
Thích ở giữa rừng nhiều thú dữ?

Mây nổi mịt mù thật đáng sợ
Thiên ma khuấy nhiễu sao chẳng kinh?
– Thuở xưa chân đạo Phật đã hành
Điềm tĩnh vô cùng trừ u ám
Trong ta chứa đầy pháp tối thắng
Ta ngồi nơi này quyết chống ma.
– Ông rõ làm vua Chuyển luân vương
Bảy báu tự đến chủ bốn phương
Năm dục tột cùng không ai sánh
Ông hãy đứng dậy trở về cung.
– Ta quán ái dục: nước đồng sôi
Bỏ ngôi như bỏ nước bọt thôi
Làm vua đâu khỏi lo già chết
Điều này vô ích chớ vọng bàn.
– Vì sao lớn lối giữa núi rừng
Bỏ nước, tài, vị, chọn nhàn không
Không thấy ta dẫn bốn đội binh
Voi, ngựa, bộ binh mười tám ức?
– Đã thấy khỉ, vượn cùng sư tử
Hình quỷ, hổ, beo, heo, rắn độc
Mang theo đao kiếm cùng gươm giáo
Nhảy nhót, hét la dậy khắp trời
Lại bày muôn ức thần võ bị.
– Là ma như ngươi đến hội này
Tên nhọn hỏa công như mưa gió
Không làm lay động được Phật đâu!
Bản nguyện của ma mong ta thoái
Ta cũng tự thề không về không
Nay ngươi phước đức sao bằng Phật
Do đó khá biết thắng về ai.
– Ta từng trải thân thích bố thí
Nên làm ma vương sáu cõi trời
Ta biết Tỳ-kheo có phước gì
Tự xưng vô lượng ai làm chứng?
– Xưa ta nguyện theo Phật Đăng Quang.
Thọ ký được làm Thích-ca Văn
Sân, sợ dứt trừ ngồi thiền tọa
Tâm định, quân ngươi bị phá tan

Ta từng thờ phụng nhiều Đức Phật
Thí của, tiền tài lẫn áo cơm
Nhân từ tích đức dày như đất
Nhờ đó thoát tưởng không hoạn nạn.
– Bồ-tát liền dùng sức trí tuệ
Duỗi tay chỉ đất: biết rõ ta.
Lúc ấy đất bằng bao chấn động
Ma cùng quyến thuộc ngã lăn quay
Ma vương thất bại hận vô vàn
Hôn mê bất tỉnh ngã ra đất.
Ma con tâm hiểu mới tỉnh ngộ
Tức thời đến trước ăn năn lỗi:
Con sẽ không dùng binh khí nữa
Chỉ có Từ tâm, bỏ ma oán.
– Đời dùng binh khí động nhân tâm
Ta xem các ngươi như chúng sinh
Nếu điều voi ngựa tuy điều được
Nhưng sau thói cũ vẫn còn sinh
Nếu điều tối thượng như Phật tánh
Như Phật đã điều không bất nhân.
Chư Thiên thấy Phật bắt chúng ma
Điều phục vô tưởng, oán tự hàng
Chư Thiên hoan hỷ đến dâng hoa
Ma vương bị thua, Pháp vương thắng.
Vốn nhờ trí tuệ, tâm bình đẳng
Trí tuệ phá tan bao xấu ác
Khiến cho oan gia làm đệ tử
Đảnh lễ bậc chứng đạo Tứ đẳng.
Mặt như trăng sáng, sắc an nhiên
Tiếng khắp mười phương đức như núi
Cầu tướng mạo Phật không thể sánh
Cúi đầu đảnh lễ Đấng Từ Tôn.

Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp thực hành hạnh thanh tịnh, đại từ nhuận thấm thiền định tự tại, sức nhẫn hàng ma, ma quân tan rã. Định tâm như thế, không nhờ trí suy tư không tưởng mừng lo, sau nửa đêm hôm ấy, Bồ-tát chứng đắc Tam minh *(Tam thần mãn cụ túc)*, các lậu đã dứt trừ không còn kết phược. Bồ-tát biết rõ các tập nghiệp trong nhiều kiếp xa xưa của mình, chứng đắc Tứ thần túc, tinh tấn định, dục định, ý định, tuệ định, được

pháp biến hóa, những điều mong muốn đều được như ý, không cần dụng tâm. Bồ-tát có thể bay được và có thể phân một thân thành trăm ngàn thân, cho đến phân thành vô số thân rồi trở lại thành một thân. Ngài có thể đi xuyên qua lòng đất, xuyên qua vách đá, từ một phương xuất hiện và ẩn mất cũng như sóng nước; có thể làm trong thân phát ra nước, lửa, có thể lặn trong nước hoặc đi trong hư không mà thân không bị rơi xuống, ngồi nằm trong hư không như chim bay liệng, có thể đứng cao bằng trời, tay nắm tới mặt trời, mặt trăng, thân có thể đứng thẳng đến trời Phạm, Tự tại; mắt nhìn xuyên suốt, tai nghe rõ tất cả tiếng, ý có thể biết trước mọi sự việc. Chư Thiên, Người, Rồng, Quỷ, Thần và những loài bò, bay, máy, cựa... thân đi, miệng nói, tâm nghĩ của họ Bồ-tát đều nghe biết. Những người có tâm tham dâm hoặc không có tâm tham dâm, có tâm sân hận hoặc không có tâm sân hận, người ngu si hoặc không ngu si, người có ái dục hoặc không có ái dục, người có hạnh đại chí hoặc không có hạnh đại chí, người có hạnh nội ngoại hoặc không có hạnh nội ngoại, người có niệm thiện hoặc niệm bất thiện, người có nhất tâm hoặc không nhất tâm, người có ý giải thoát hoặc không có ý giải thoát..., Bồ-tát đều biết tất cả.

Bồ-tát quán khắp trong năm đường: Trời, người, địa ngục, súc sinh, quỷ thần, tiên thế phụ mẫu, huynh đệ, vợ con, tên họ trong ngoài thảy đều phân biệt, một đời, mười đời, trăm ngàn vạn ức vô số đời trước, cho đến khi trời đất một kiếp băng hoại hoang sơ, một kiếp mới khác lập thành, khi đó con người và vạn vật lại sinh ra.

Bồ-tát có thể biết mười kiếp, trăm kiếp, cho đến ngàn vạn ức trong vô số kiếp tên họ nội, ngoại, ăn, mặc, khổ vui, tuổi thọ dài ngắn, chết đây sinh kia, luân chuyển qua lại, từ lúc bắt đầu thọ thân cho đến sinh ra, lớn lên rồi già chết, hình sắc xấu đẹp, hiền ngu khổ vui, tất cả khắp ba cõi, Bồ-tát đều có thể phân biệt được. Bồ-tát thấy người, quỷ thần, tùy theo nghiệp của họ mà sinh vào năm đường hoặc đọa địa ngục, hoặc đọa súc sinh, hoặc làm quỷ thần, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc làm thân người, có người sinh vào nhà sang quý, giàu có an vui, có người sinh vào nhà ti tiện nghèo hèn.

Bồ-tát biết chúng sinh mê hoặc bị năm ấm ngăn che, đó là: 1. Sắc; 2. Thọ; 3. Tưởng; 4. Hành; 5. Thức[1], nên chạy theo năm dục như: Mắt tham sắc, tai tham tiếng, mũi tham hương, lưỡi tham vị, thân tham láng mịn (xúc) đưa đến ái dục. Hoặc đối với tài sắc mơ ước được an vui, từ đó phát sinh nguồn gốc ác, từ ác đưa đến khổ. Có thể đoạn tận tập ái là không theo tâm

[1]. Nguyên văn Hán dịch: 1. Sắc tượng; 2. Thống dương; 3. Tư tưởng; 4. Hành tác; 5. Hồn thức.

dâm, biết rõ từng vi tế và thực hành theo Bát chánh đạo, lúc đó các khổ sẽ diệt. Thí như không có củi thì cũng không có lửa. Gọi đó là đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.

Bồ-tát tự biết đã bỏ nguồn gốc ác, không còn dâm, nộ, si, đã dứt hết mầm mống sinh tử, năm ấm, không còn tai nạn oan trái, việc làm đã xong, trí tuệ viên mãn.

Khi sao mai vừa mọc, Bồ-tát hoát nhiên đại ngộ, đắc đạo Vô thượng Chánh chân, trở thành Bậc Tối Chánh Giác, chứng đắc mười tám pháp Phật, mười thần lực và bốn vô sở úy. Mười tám pháp Phật, từ lúc thành Phật cho đến lúc nhập Niết-bàn, là:

1. Không mất đạo.
2. Không nói lời vô nghĩa.
3. Luôn luôn chánh niệm.
4. Luôn luôn tỉnh giác.
5. Luôn luôn ở trong định.
6. Luôn luôn tỉnh táo khi xem xét.
7. Ý muốn độ sinh không giảm.
8. Tinh tấn không giảm.
9. Định ý không giảm.
10. Trí tuệ không giảm.
11. Giải thoát không giảm.
12. Giải thoát tri kiến không giảm.
13. Biết rõ tất cả việc quá khứ.
14. Biết rõ tất cả việc đời vị lai.
15. Biết rõ tất cả việc hiện tại.
16. Dùng trí tuệ kiểm soát tất cả việc làm của thân.
17. Dùng trí tuệ kiểm soát tất cả ngôn hạnh.
18. Dùng trí tuệ kiểm soát tất cả ý nghĩ.

Đó là mười tám pháp bất cộng.

Mười thần lực là:

1. Đức Phật có tri kiến rất sâu xa vi diệu. Đó là xứ và phi xứ đều hiển lộ như thật hữu.
2. Đức Phật biết rất rõ nhân quả nghiệp báo đời vị lai, hiện tại và quá khứ của tất cả chúng sinh.

3. Đức Phật phân biệt được tất cả ý niệm khác nhau của trời, người và các chúng sinh.
4. Đức Phật biết hết bao nhiêu loại ngôn ngữ của chúng sinh và ngôn ngữ để độ đời.
5. Đức Phật biết rõ vô lượng tình thái phức tạp trong thế gian.
6. Đức Phật luôn luôn sống trong thiền định, hiểu rõ các loại thiền định và các tạp nhiễm của các thiền khác.
7. Đức Phật biết hết chỗ trói buộc hoặc cởi mở bí yếu của dục và điều nên thực hành.
8. Trí tuệ Đức Phật rộng như biển, ngôn ngữ hoàn toàn thiện, biết rõ túc mạng của tất cả chúng sinh.
9. Thiên nhãn thanh tịnh của Đức Phật thấy thần thức của người và vật ra khỏi thân khi chết và thọ báo tùy theo thiện ác hay họa phước.
10. Đức Phật đã đoạn hết phiền não, không còn bị ràng buộc, trí tuệ hoàn toàn chân chánh tối thượng, tự chứng tri kiến thấu suốt đạo hạnh. Điều đáng làm đã làm xong, không còn sinh tử, trí tuệ sâu xa sáng suốt.

Đó là mười thần lực của Phật.

Tứ vô sở úy *(Bốn điều không sợ)* là:

1. Thần trí chánh giác của Đức Phật, không có gì là không biết. Nhưng người ngu si cho rằng Đức Phật không thể biết khắp. Đến như Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận về trí tuệ của Phật được. Ngài đi một mình không sợ.

2. Đức Phật đã chấm dứt phiền não. Những người ngu si nói phiền não của Đức Phật chưa hết. Đến như Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận chí của Phật được. Ngài đi một mình không sợ.

3. Đức Phật thuyết giới kinh, mọi người tụng tập. Người ngu si nói kinh Phật ngăn ngại. Đến như Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận hủy báng kinh điển chân chánh của Phật. Ngài đi một mình không sợ.

4. Đức Phật thể hiện đạo nghĩa, dạy những điều chân chánh và quan trọng vượt qua mọi khổ ách. Người ngu si nói Phật không thể độ chúng sinh hết khổ. Đến như Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận con đường chân chánh của Phật. Ngài đi khắp nơi không sợ.

Đức Phật đạt được pháp này với tất cả tri kiến, Ngài ngồi tư duy: "Đây là sự thật vi diệu, khó biết, khó tường, rất khó đạt đến, cao tột vô

thượng, rộng không biên giới thăm thẳm không bờ, sâu không thấy đáy, lớn bao đất trời, nhỏ không chỗ nào, nuôi dưỡng chúng sinh xem như con đỏ, thừa sự chư Phật, tích đức vô lượng, nhiều kiếp tinh cần luôn nhớ công này, nay được tất cả."

Đức Phật hoan hỷ tụng:

Làm phước quả báo vui
Các nguyện đều thành tựu
Nhanh chóng vào tịch diệt
Đều được đến Nê-hoàn
Ngộ quả Phật tối thượng
Lìa dâm, vô lậu tịnh
Sẽ dẫn đường tất cả
Người theo ắt hoan hỷ.

Khi ấy Đức Phật ở dưới gốc cây Bối-đa, đạo tràng Thiện Thắng, nước Ma-kiệt-đề, dùng đức lực hàng phục ma binh, trí tuệ thanh tịnh, đạt Tam vô ngại. Ngài hóa độ hai khách buôn Đề-vị và Ba-lị, truyền trao cho pháp Tam quy và Ngũ giới, họ trở thành Thanh tín sĩ. Ngài nhớ xưa Đức Phật Đăng Quang thọ ký Ngài sẽ làm Phật: "Ông sẽ ở vào một trăm kiếp sau, sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn". Đức Phật độ thoát chúng sinh như Ta hôm nay vậy." Ta từ đó đến nay đã kiến lập thệ nguyện rộng lớn, phụng hành sáu độ, bốn đẳng, bốn ân và ba mươi bảy phẩm, khéo dùng phương tiện hợp thời, tích lũy tất cả các pháp không lười mỏi, thực hành những hạnh cao cả khác nhau, nhẫn khổ vô lượng, báo ân không sót, đại nguyện thành tựu.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả hội chúng đều rất hoan hỷ, đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 185

PHẬT NÓI KINH BẢN KHỞI THÁI TỬ HIỆN ĐIỀM LÀNH

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

QUYỂN THƯỢNG

Đức Phật dạy:

– Ta nhớ thuở xa xưa trải qua vô số kiếp, khi còn là phàm phu mới cầu Phật đạo cho đến nay, tùy theo nghiệp thọ thân luân hồi trong năm nẻo, thân này bị mất đi lại thọ thân khác, sinh tử vô lượng. Thí như tất cả cỏ cây trong đất trời được chặt hết làm thẻ đếm để tính thân Ta cũng không thể tính hết được. Lấy thời điểm khởi đầu đến thời điểm kết thúc của thế giới, gọi đó là một kiếp, thì kiếp số thọ thân của Ta so với sự thành hoại của thế giới nhiều không tính kể.

Cho nên xót thương thế gian tham đắm triền miên nên bị nhận chìm trong biển ái dục. Ta một mình đi ngược dòng trầm luân ấy và tự nỗ lực để vượt qua. Thế nên Ta đời đời tinh cần gian khổ không lấy đó làm lao nhọc, tâm thanh thản, ưa cảnh tịch tĩnh, vô dục, vô vi, bố thí quên mình, chí thành giữ giới, nhẫn nhục khiêm cung, dũng mãnh tinh tấn, nhất tâm tư duy, học tập trí tuệ bậc Thánh. Ta sống nhân ái với mọi loài, xót thương người nghèo cùng nguy khốn, chăm sóc, an ủi, nuôi dưỡng chúng sinh, cứu giúp người khổ, thừa sự chư Phật, Bậc Giác Ngộ Chánh Chân, tích lũy công đức, không thể nhớ hết.

Cũng vào thuở xa xưa ấy, lúc Phật Đăng Quang ra đời, có bậc Thánh vương hiệu là Chế Thắng trị vì Đại quốc Bát-ma, dân đông, sống lâu vui vẻ, thiên hạ thái bình. Khi ấy Ta làm Bồ-tát tên Nho Đồng, thuở nhỏ thông minh mẫn tiệp, chí nguyện rộng lớn vô cùng, ẩn cư nơi núi đầm, hành thiền giữ đạo. Bồ-tát nghe có Đức Phật ra đời, trong tâm vô cùng hoan hỷ, ngài khoác áo da nai muốn trở về nước. Trên đường đi ngang một cái gò, trong gò ấy có năm trăm vị đạo sĩ, Bồ-tát ghé lại đó, suốt ngày thâu đêm cùng các đạo sĩ luận đạo nói nghĩa, thầy trò đều vui vẻ. Đến lúc Bồ-tát sắp lên

đường, năm trăm đạo sĩ ấy mỗi vị tiễn ngài một đồng tiền bạc, Bồ-tát nhận tiền ra đi.

Bồ-tát đi vào kinh thành, thấy dân chúng ai cũng hân hoan qua lại, đường sá bằng phẳng, rưới quét xông hương, Bồ-tát liền hỏi người đi đường:

– Ở đây có việc gì thế?

Người đi đường đáp:

– Hôm nay Đức Phật sẽ vào kinh thành.

Bồ-tát vô cùng hoan hỷ, ngài rất mừng nghĩ rằng: "Hôm nay được gặp Phật, ta sẽ xin điều ta nguyện ước"

Bồ-tát vừa nói xong giây lát thì có cô gái Vương gia đi ngang, tên Cù-di. Cô gái ôm chiếc bình cầm bảy cành hoa sen xanh. Bồ-tát đuổi theo gọi cô gái:

– Chị ơi dừng lại! Tôi xin gởi một trăm đồng tiền bạc, chị nhượng lại cho tôi mấy cành hoa.

Cô gái đáp:

– Đức Phật sắp vào thành, đức vua đã trai giới, tắm gội sạch sẽ để dâng hoa lên Đức Phật, ta không thể đưa hoa cho ông được.

Bồ-tát năn nỉ:

– Xin chị hãy nhận lời.

– Hai trăm hay ba trăm tôi cũng không nhận.

Bồ-tát dốc hết năm trăm đồng tiền bạc trong túi đưa hết cho cô gái. Cù-di suy nghĩ: "Hoa này chỉ đáng giá vài đồng, thế mà ông đưa đến năm trăm đồng". Vì tham những đồng tiền quý, nên cô gái đưa cho Bồ-tát năm cành hoa, cô còn giữ lại hai cành. Lúc quay đi, cô gái sinh tâm nghi ngờ: "Vị đạo sĩ này là ai mà dùng da nai làm áo che thân, lại không tiếc tiền bạc quý giá, được có năm cành hoa mà ông ta lại vui mừng vô cùng". Cô gái vội đi theo gọi:

– Này ông, hãy nói thật cho ta biết. Nếu không, ông không được lấy hoa này mang đi.

Bồ-tát nói:

– Hoa này tôi mua hết năm trăm đồng, chúng ta đã thỏa thuận bằng lòng rồi, sao bây giờ cô lại muốn lấy lại?

Cô gái nói:

– Ta là người thuộc dòng vua chúa, có quyền lấy lại hoa của ông.

Bồ-tát buộc lòng phải nói:

– Tôi muốn dâng hoa lên Đức Phật để cầu được toại nguyện.

Cù-di nói:

– Hay thay! Ta muốn đời sau thường được làm vợ ông, cho dù xấu đẹp gì cũng không rời nhau. Ta nguyện chí tâm, xin Phật chứng tri cho. Nay ta thân nữ yếu đuối không thể đến đó được, xin gởi ông hai cành hoa dâng lên Đức Phật.

Bồ-tát nhận lời, giây lát thì Đức Phật đến. Vua quan, dân chúng cả nước đều ra nghênh đón đảnh lễ, mỗi người đều tung hoa thơm cúng dường, hoa rơi xuống đất. Bồ-tát thấy Phật phía trước cũng tung năm cành hoa lên, những đóa hoa ấy dừng lại trên không trung, ngay trên Đức Phật, giống như hoa trồng không rơi xuống đất. Sau đó Bồ-tát lại tung hai cành hoa Cù-di gởi cúng, hai cành hoa ấy lại đứng trên hai vai Đức Phật. Đức Phật hiểu ý chí thành của Bồ-tát, ca ngợi:

– Ông ở trong vô số kiếp, sở học thanh tịnh, hàng phục tâm, hy sinh mạng, xả dục, giữ Không, không khởi không diệt, lòng Từ vô lượng, hạnh nguyện tích đức, nay mới được như thế. Vì vậy, Ta thọ ký cho ông: "Từ đây về sau chín mươi mốt kiếp, đến hiền kiếp ông sẽ làm Phật hiệu Thích-ca Văn."

Bồ-tát đã được thọ ký, thông suốt các nghi hoặc, đình chỉ vọng động, vọng tưởng dứt trừ vào định tịch tĩnh, chứng đắc vô sinh pháp nhẫn thanh tịnh. Ngay lúc ấy Bồ-tát cử động nhẹ nhàng, thân bay lên hư không, cách đất khoảng bảy nhận rồi từ trên không hạ xuống đảnh lễ dưới chân Đức Phật. Bồ-tát thấy đất ẩm ướt, ngài cởi áo da nai để phủ lên chỗ đất ướt, nhưng áo không đủ phủ kín chỗ đất bùn. Bồ-tát lại trải tóc trên đất và thỉnh Đức Phật giẫm lên đi qua. Đức Phật ngợi khen:

– Ông tinh tấn dũng mãnh, về sau sẽ được làm Phật, khi đó đang vào đời đủ năm thứ ô trược, ông sẽ cứu độ khắp cả trời người, không lấy làm khó khăn, chắc chắn cũng như Ta vậy.

Bồ-tát phụng sự Đức Phật Đăng Quang cho đến lúc Ngài nhập Niết-bàn. Bồ-tát luôn phụng trì giới luật và ủng hộ Phật pháp, đến khi mạng chung liền sinh lên tầng trời thứ nhất làm Tứ Thiên vương. Thọ mạng cõi trời hết, Bồ-tát sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, bảy báu tự nhiên đến, như:

1. Bánh xe vàng báu.
2. Ngọc thần báu.

3. Ngựa màu xanh biếc báu, có bờm dài đeo hạt ngọc.
4. Voi trắng báu đuôi dài đeo ngọc.
5. Ngọc nữ báu.
6. Hiền giám báu.
7. Thánh đạo báu.

Thánh vương sống đến tám vạn bốn ngàn năm, khi mạng chung liền sinh lên tầng trời thứ hai là Đao-lợi làm trời Đế Thích, thọ mạng hết lại thăng lên tầng trời thứ bảy là Phạm thiên làm Phạm thiên vương. Như thế lên thì làm vua trời, xuống thì làm chúa các bậc Thánh, mỗi vòng ba mươi sáu lần, cuối cùng trở lại ban đầu, đúng thời biến hóa, tùy thời mà hiện hoặc làm Thánh đế, hoặc làm lãnh đạo giới học thức; quốc sư, đạo sĩ hóa hiện ở đó nhiều không thể xưng kể.

Bồ-tát trong chín mươi mốt kiếp, tu hành đạo đức, học theo hạnh Phật vượt qua Thập địa, tại Nhất sinh bổ xứ, lại được sinh lên cõi trời thứ tư Đâu-suất, làm thầy của chư Thiên. Công thành chí tựu, trí thần vô lượng đến khi đúng thời, hạ sinh thành Phật. Bồ-tát hiện sinh vào nước Ca-duy-la-vệ, phụ vương tên Bạch Tịnh, thông tuệ nhân đức và phu nhân tên là Diệu Tiết Nghĩa, thuần hậu thanh cao.

Nước Ca-duy-la-vệ là trung tâm của ba ngàn nhật nguyệt và một vạn hai ngàn thế giới. Oai thần Đức Phật vô cùng cao tột, không thể sinh ra nơi vùng biên địa nhiều tà vạy, cho nên ở trung tâm hóa độ khắp mười phương. Chư Phật quá khứ đều ra đời nơi đây.

Khi Bồ-tát giáng trần, cỡi voi trắng sinh vào thai mẹ. Nhân lúc Mẫu hậu đang ngủ mộng thấy voi trắng vào bên hông phải của bà, phu nhân giật mình tỉnh mộng, cảm thấy trong người khác lạ. Nhà vua triệu tập các nhà tướng số đến để hỏi xem giấc mộng đó.

Thầy tướng tâu:

– Đây là người mà muôn đạo đức đều quay về, thế gian sẽ nhờ ân phước của người này. Chắc chắn là phu nhân mang thai một vị Thánh.

Bồ-tát tại thai vẫn trong sạch không nhơ nhớp. Khi ấy vua quan và quần thần các tiểu quốc nghe tin phu nhân đại vương có thai đều đến chúc mừng. Bồ-tát ở trong thai mẹ thấy mọi người bên ngoài lễ bái, như trông thấy qua một màng lưới mờ. Trong bóng lưới mờ đó, Ngài lấy tay ngăn lại, ý Ngài là muốn không làm phiền họ.

Từ khi phu nhân mang thai, trời dâng thực phẩm mỗi ngày tự đến, phu nhân hưởng thọ thực phẩm ấy mà không biết từ đâu. Bà không dùng

thức ăn của hoàng gia vì cảm thấy đắng hoặc cay.

Đến ngày mùng tám tháng tư, khi sao mai vừa mọc, Thái tử sinh ra từ hông phải của phu nhân. Thái tử sinh ra liền đi bảy bước, đưa tay phải lên và nói:

– Trên trời, dưới đất chỉ có ta là tôn quý. Ba cõi đều khổ đau, có gì vui đâu?

Ngay lúc Thái tử đản sinh, đất trời chuyển động, hoàng cung đều sáng rực rỡ. Trời, Thần, Phạm, Thích đều đến đứng hầu trong hư không. Tứ Thiên vương tiếp đỡ Thái tử lên chiếc ghế vàng, dùng nước hương trời nóng tắm Thái tử. Thân Thái tử màu hoàng kim, có ba mươi hai tướng quang minh chói khắp, trên đến hai mươi tám tầng trời, dưới đến mười tám cõi địa ngục và cho đến tận cùng cảnh giới Phật, nơi nào cũng sáng ngời suốt cả ngày đêm. Lúc đó trời giáng ba mươi hai điềm lành:

1. Đất chấn động mạnh, gò nổng đều bằng phẳng.
2. Các nẻo đường tự sạch sẽ, ai cũng ngửi thấy mùi hương.
3. Cây khô các cõi nước đều sinh lá trổ hoa.
4. Trong vườn tự nhiên sinh quả ngọt lạ kỳ.
5. Lục địa sinh hoa sen to bằng bánh xe.
6. Kho tàng trong lòng đất đều tự lộ bày.
7. Vật báu trong kho tàng đều tỏa sáng.
8. Y phục được sắp sẵn trong rương, khi mặc tự nó máng lên giá.
9. Trăm sông, ngàn vạn suối đều lắng trong.
10. Trời quang mây tạnh và trong sáng.
11. Trời làm bốn phía mưa bụi đẩm hương.
12. Ngọc thần Minh nguyệt treo ở điện, nhà.
13. Những ngọn đuốc trong cung không dùng nữa.
14. Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao đều không vận hành.
15. Ngôi sao Phỉ xuất hiện xuống hầu Thái tử đản sinh.
16. Bảo cái của trời Phạm thiên phủ kín trên cung.
17. Chư thần tám phương đem dâng ngọc báu.
18. Trăm vị thức ăn cõi trời tự nhiên ở trước mặt.
19. Hàng vạn hủ báu treo đầy nước cam lộ.
20. Thiên thần đem xe trang trí bằng bảy báu đến.
21. Năm trăm con voi trắng tự nhiên giăng hàng trước điện.

22. Năm trăm con sư tử trắng từ núi Tuyết xuống đứng thành hàng nơi cổng thành.
23. Thể nữ của chư Thiên hiện ra mang những kỹ nhạc trên vai.
24. Các nữ Long vương bao quanh cung điện.
25. Hàng vạn ngọc nữ cõi trời cầm cây phất trần lông công đứng trên tường nơi cung Thái tử.
26. Thể nữ các cõi trời ôm bình vàng đựng đầy nước thơm đứng hầu thành hàng trên không trung.
27. Nhạc trời đồng thời trỗi vang dậy.
28. Tất cả địa ngục đều ngưng thống khổ.
29. Trùng độc ẩn núp, chim lành bay lượn, hót ca.
30. Những ngư phủ và thợ săn ác độc oán thù cùng lúc đều khởi Từ tâm.
31. Tất cả phụ nữ trong nước có thai đều sinh con trai. Trăm thứ bệnh tật như: đui, điếc, câm, ngọng, ghẻ chốc..., thảy đều khỏi hẳn.
32. Thần cây hiện thân người cúi đầu đảnh lễ đứng hầu.

Lúc ấy các dân quốc đều dùng những âm thanh tốt đẹp nhất để ca tụng những việc chưa từng có này. Phu nhân liền bọc Thái tử bằng chiếc áo bằng tơ trắng mịn, trao cho nhũ mẫu bảo dưỡng. Thái tử được đặt tên là Tất-đạt. Nhà vua bảo phu nhân:

– Đứa bé thật phi phàm. Ở nước ta có bậc đạo nhân tên A-di, đã hơn trăm tuổi, kỳ cựu nhiều sự hiểu biết, thông hiểu về tướng pháp. Bây giờ chúng ta cùng đến đó xem tướng Thái tử thế nào?

Phu nhân thưa:

– Rất tốt!

Nhà vua ra lệnh lấy xe voi trắng, trang bị đầy đủ kỹ nhạc để đi đến chỗ đạo nhân. Nhà vua đem ban tặng áo vàng, bạc nhưng đạo sĩ không nhận.

Đạo sĩ cởi áo trong của Thái tử để xem tướng, thấy Thái tử có ba mươi hai tướng: Toàn thân sắc vàng, trên đảnh có nhục kế, tóc màu xanh biếc, giữa lông mày chiếu ánh sáng trắng, nơi cổ phát ánh sáng như mặt trời, mắt màu xanh biếc lúc nào cũng rạng ngời, trong miệng có bốn mươi chiếc răng, răng trắng đều, bằng, má vuông, hàm rộng, lưỡi dài, ngực đầy như ức sư tử, thân ngay thẳng, cánh tay và đốt tay dài, gót chân đầy đặn, lòng bàn chân bằng bàn tay trong ngoài đầy đặn, có màng lưới mỏng giữa

kẻ tay, dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm, tướng mã âm tàng, bụng như bụng nai, các khớp xương móc nhau như dây xích, lông xoay về phía hữu, mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, da mịn màng không dính bụi và nước, ngực có chữ Vạn.

Đạo sĩ A-di thấy như vậy càng thêm cảm xúc, rơi lệ nghẹn ngào không nói nên lời. Vua cùng phu nhân sợ hãi, chắp tay cung kính hỏi:

– Thái tử có điều chi chẳng lành chăng? Xin đạo sĩ cho chúng tôi biết.

Đạo sĩ xua tay đáp:

– Tốt! Không có gì bất lợi cả. Xin chúc mừng đại vương sinh được đấng thần nhân này. Tối hôm qua đất trời chuyển động mạnh, chính là có sự kiện này. Tướng pháp cho rằng: Làm vua sinh con có ba mươi hai tướng đại nhân thì đại nhân sẽ là Chuyển luân thánh vương, làm vua khắp thiên hạ, bảy báu tự đến, có thể bay đi, không sử dụng binh khí, tự nhiên đất nước thái bình. Nếu vị đại nhân này không thích sống ở đời, bỏ nhà đi tầm đạo, sẽ được làm Phật độ thoát muôn loài. Tôi xót xa cho mình tuổi già xế bóng, không còn sống lâu ở đời để thấy được Phật và nghe giáo pháp của Ngài, cho nên tôi buồn.

Vua Tịnh Phạn hiểu rõ hơn về tướng đặc thù của Thái tử. Vì thế Ngài cho xây ba cung điện, mỗi cung ở vị trí khác nhau. Mùa mưa thì ở cung; mùa thu, mùa nóng thì ở cung mát, mùa lạnh thì ở cung ấm. Nhà vua cho tuyển năm trăm kỹ nữ, chọn những người cân đối, xinh đẹp, không mập không gầy, không cao không thấp, không trắng không đen, có tài năng khéo léo tinh xảo. Mỗi người kỹ nữ như vậy đều dùng ngọc báu màu trắng làm chuỗi đeo thân. Cứ một trăm người là một phiên túc trực. Trước mỗi cung điện có trồng những cây ăn quả ngọt, giữa hàng cây có hồ tắm, trong hồ có kỳ hoa dạ thảo và những loài chim lạ có đến vài ngàn loại để tô điểm thêm vẻ đẹp làm vui lòng Thái tử, khiến ngài quên đi ý chí muốn học đạo. Những bức tường ở cung điện rất kiên cố, tiếng mở cửa hay đóng đều vang đến bốn mươi dặm.

Ngày sinh của Thái tử, thị nữ trong vương gia cũng sinh con trai. Chuồng ngựa sinh ngựa câu trắng và dê con lông vàng. Người giữ ngựa tên Xa-nặc, còn ngựa tên Kiền-trắc. Sau này, vua cha thường ra lệnh Xa-nặc theo hầu Thái tử và ngựa trắng kéo xe. Thái tử sinh ra được bảy ngày thì mẫu hậu qua đời. Do nhờ công lao phước đức sinh ra bậc thầy của trời, người nên hoàng hậu được sinh lên trời Đao-lợi hưởng thọ tự nhiên. Bồ-tát vốn biết ân đức tánh của mẫu hậu, không chịu nhận sự lễ kính của ngài, nên nhân biết mẫu hậu sắp mạng chung, ngài mới thị hiện đản sinh.

Đến lúc Thái tử lên bảy tuổi, muốn học sách, ngài ngồi lên xe dê đến nhà thầy dạy học. Vì cách Thánh hiền đã lâu nên sách thiếu mất hai chữ. Thái tử đem đến hỏi thầy, thầy không đáp được lại trình bày ngược lại chí khí của Ngài.

Đến năm lên mười tuổi, tài năng tuyệt vời Thái tử càng lộ rõ. Thái tử có hai anh em con ông bác: Người anh tên Điều-đạt, người em tên Nan-đà. Điều-đạt tuy có tài năng cao, tự nhiên khó lường mà tự kiêu, thường ôm lòng ganh tỵ. Ông ta mời Thái tử ra chơi bắn cung sau vườn, dùng trống sắt làm đích. Mọi người cùng kéo dây cung nhắm vào trống. Thái tử chỉ bắn một phát, mũi tên trúng xuyên qua trống. Hai người kia không được như vậy, họ lấy làm xấu hổ.

Sau đó họ lại xin đấu võ trước sự chứng kiến của nhà vua, nếu người nào thua cuộc sẽ bị xối nước. Thái tử nhân từ, mặc dầu đã thắng hai anh em nhưng ngài không muốn làm họ đau đớn.

Về sau, hai anh em Điều-đạt lại xin đấu sức. Đầu tiên, Nan-đà nắm vòi con voi lôi ra sân. Điều-đạt mạnh hơn, kéo voi lại. Thái tử mỉm cười, chậm rãi tiến đến trước nắm con voi giơ lên và ném ra ngoài tường nhưng voi không bị thương tổn gì cả. Do đó hai anh em Điều-đạt mới biết họ không bằng Thái tử được. Vua cha và quần thần chung quanh càng biết tài năng Thái tử thật phi thường.

Đến năm mười bốn tuổi, Thái tử xin vua cha đi dạo ngoài thành, vì ngài muốn xem sự sinh hoạt của mọi người. Nhà vua ra lệnh bá quan hộ tống hai bên và dẫn đường Thái tử.

Thái tử vừa đi ra cửa thành phía Đông, Thiên đế hóa làm người bệnh thân gầy bụng lớn, đứng dựa vào tường thở khò khè. Thái tử hỏi:

– Đây là người gì?

Người hầu cận đáp:

– Đó là một người bệnh.

– Bệnh là gì?

– Người bệnh thường là do phong hàn, hoặc nóng hoặc lạnh. Người này do ăn uống không điều độ, thức và ngủ vô chừng cho nên bị bệnh này.

Thái tử nói:

– Thật là khổ! Ta ở nơi giàu sang phú quý, ăn uống khoái khẩu cũng có khi không có điều độ, bệnh tật sẽ đến đâu có khác gì người này!

Thái tử cho xe quay trở lại hoàng cung, nghĩ thương nhân sinh đều chịu tai họa này, đâu phải người giàu có, thế mà thoát khỏi được! Thái tử

lo âu chẳng buồn ăn uống, suy nghĩ phải làm thế nào cho chúng sinh được khỏi bệnh tật.

Vua hỏi người hầu cận:

– Thái tử đi ra ngoài có được vui chăng?

Người hầu thưa:

– Thái tử gặp người bệnh, do đó mà ngài không vui.

Vua cha cho tăng thêm năm trăm kỹ nữ, ngày đêm bày đủ cuộc vui chơi. Lòng vua lo lắng buồn rầu vì sợ Thái tử đi học đạo.

Thời gian sau Thái tử lại tâu phụ vương:

– Con gò bó ở trong cung đã lâu ngày, muốn đi ra ngoài dạo xem.

Vua cha bằng lòng và hạ lệnh trong nước:

– Thái tử sẽ đi ra ngoài hoàng cung, dân chúng chớ để những sự người tật bệnh hay bất cứ những vật nhơ bẩn ở hai bên đường.

Thái tử lên xe đi ra cửa thành phía Nam. Thiên đế lại hóa làm người già, đầu bạc, lưng còng, phải chống gậy đi không vững. Thái tử hỏi:

– Người này làm sao vậy?

Người hầu cận trả lời:

– Một người già.

– Người già là thế nào?

– Người già là tuổi cao, cơ thể cằn cỗi, hình dáng suy yếu và biến đổi, ăn uống khó tiêu, khí lực hư hao, đứng ngồi khó khăn, mạng sống chẳng còn bao lâu. Đó gọi là người già.

Thái tử than:

– Có gì vui đâu! Ngày tháng xoay vần, thời gian biến dịch, năm tháng đổi dời. Vạn vật sinh ra trong mùa xuân, đến mùa thu, mùa đông thì khô héo, sự già nua đến như điện chớp, thân này lấy gì nương tựa?

Thái tử quay xe trở về, thương xót đời người khỏe mạnh chẳng bao lâu, phải già phải bệnh, nỗi đau khó chịu. Ta không thể sống lâu ở đời để chịu đựng nỗi khổ này!

Ngài lại lo lắng không ăn. Vua cha ân hận đã để Thái tử đi ra ngoài. Ngài lại tăng thêm năm trăm kỹ nữ để giúp vui cho Thái tử.

Thời gian sau Thái tử lại muốn đi dạo xem. Vua cha nói:

– Mỗi lần con đi dạo xem đều trở về không vui vẻ, chỉ có buồn bã ưu tư, lại muốn đi ra ngoài làm gì?

Thái tử thưa:

– Chỉ vì con nghĩ đến những nỗi khổ kia mà thôi.

Sau thời gian khá lâu, nhà vua hạ lệnh trong nước:

– Thái tử sắp đi dạo xem, dân chúng chớ để người già, bệnh hoặc các vật không sạch sẽ ở hai bên đường.

Thái tử lên xe đi ra cửa thành phía Tây. Thiên đế lại hóa làm người chết, nam nữ trong gia đình cầm phướn đi theo xe kêu la khóc lóc tiễn đưa. Thái tử hỏi:

– Người này làm sao vậy?

Người hầu cận thưa:

– Đó là một người chết.

– Chết là như thế nào?

– Chết nghĩa là chấm dứt. Tuổi thọ có dài ngắn, một khi phước hết thì mạng chung, hết thở, hồn đi, hình hài tiêu tán, gọi đó là chết. Loài người và vạn vật đều cùng giống nhau, không có sự sinh nào mà không tử!

Thái tử than:

– Chết thật thống khổ! Tinh thần đau đớn kịch liệt. Sinh ra thì phải chịu khổ về già, bệnh, chết này. Đâu phải đợi đến lúc chín muồi mà bất ngờ kéo đến, chẳng phải khổ sao? Ta thấy người chết hình thể tan rã, biến hoại mà thần thức vẫn còn, tùy theo nghiệp thiện ác họa phước tự tìm đến, giàu sang cũng vô thường, thân này là cái thành nguy hiểm. Thế cho nên bậc Thánh nhân thường cho thân này là tai họa mà người ngu cố giữ, đến chết vẫn chưa nhàm chán. Ta không thể để sự chết dẫn đến sự thọ sinh trong năm đường, nhọc nhằn tinh thần của ta.

Thái tử quay xe trở về hoàng cung, thương xót chúng sinh chịu ba nỗi khổ này, buồn không ăn uống. Vua cha càng thêm lo lắng, nói:

– Những điều con trông thấy trong nước, đó là lý đương nhiên của con người và vạn hữu. Con lo xa làm gì để chuốc khổ nhọc.

Nhà vua lại tăng thêm năm trăm kỹ nữ để làm vui Thái tử.

Đến năm Thái tử mười bảy tuổi, nhà vua làm lễ nạp phi cho Thái tử. Vua cho tuyển chọn mấy ngàn cô gái xinh đẹp trong nước, nhưng Thái tử chưa vừa ý ai. Cuối cùng có một cô gái tên Cù-di đoan trang, xinh đẹp nhất trong thiên hạ. Nàng có tài nghệ, hiền thục hơn người, lễ nghĩa đầy đủ. Đó là cô gái bán hoa kiếp trước vậy.

Cô gái tuy được Thái tử cưới làm vợ nhưng đã lâu mà ngài vẫn không gần gũi với vợ. Người vợ muốn gần gũi thì Thái tử nói:

– Hãy đem các hoa đẹp đặt chính giữa ta và nàng, cùng nhau nhìn

chúng. Thà như vậy tốt hơn.

Cù-di đặt đầy đủ hoa đẹp, lại muốn gần gũi Thái tử, Thái tử nói:

– Ta không nhận hoa có chất ướt làm dơ giường chiếu.

Thời gian sau Thái tử lại nói:

– Đem tấm thảm trắng tốt đặt giữa ta và nàng, hai người cùng quan sát cũng tốt chứ sao.

Cù-di đem tấm thảm đến và lại có ý muốn gần gũi. Thái tử nói:

– Ta không chấp nhận nàng có sự nhơ bẩn, vì nó sẽ làm nhớp cả tấm thảm này.

Người vợ vì thế không dám gần. Những người thị nữ chung quanh có ý nghi ngờ, rằng Thái tử không có nam tánh. Thái tử lấy tay chỉ vào bụng người vợ, nói:

– Sáu năm sau, lúc đó nàng sẽ sinh con trai.

Cù-di bắt đầu có thai.

Một hôm Thái tử xin vua cha cho đi dạo xem. Ngài đi ra cửa thành phía Bắc. Thiên đế lại hóa làm Sa-môn mặc pháp phục, ôm bình bát, nhìn xuống đất mà đi. Thái tử hỏi:

– Đây là người gì?

Người hầu cận tâu:

– Đó là vị Sa-môn.

– Thế nào gọi là Sa-môn?

– Tôi nghe rằng: Người hành đạo Sa-môn từ giã gia đình, vợ con, dứt bỏ ái dục, đoạn tuyệt lục tình, giữ giới vô vi; đạo đó thanh tịnh, người đạt được nhất tâm thì mọi điều tà diệt hết. Đạo nhất tâm nghĩa là quả vị La-hán. Người đắc quả La-hán đó là bậc Chân nhân vậy. Người này không bị thanh sắc làm nhiễm ô, không bị khuất phục bởi vinh hoa địa vị, như đất khó lay động, đã thoát khỏi khổ, lo và hoàn toàn an vui, tự tại.

Thái tử nói:

– Lành thay! Ta rất thích được như vậy.

Thái tử cho xe trở về hoàng cung, không buồn ăn uống, chỉ nhớ đến đạo thanh tịnh: "Ta không nên sống đời tại gia, ta phải ở nơi núi rừng đầm vắng, tinh cần hành thiền".

Cù-di sinh tâm nghi ngờ, nàng biết Thái tử muốn ra đi, vì thế nàng luôn luôn không dám rời Thái tử.

Đến năm mười chín tuổi, vào nửa đêm mùng tám tháng tư, Thiên thần

đứng trong khung cửa chắp tay thưa Thái tử:

– Đã đến lúc ngài có thể ra đi.

Thái tử ngẩng lên đáp:

– Ta sợ có thị vệ trông thấy. Ta không muốn có người đi theo.

Thiên thần liền khiến cho vợ Thái tử và bọn kỹ nữ nằm ngủ say hết. Thái tử từ từ đứng lên, ngài thấy vợ đã yên giấc, còn các kỹ nữ thì như người gỗ. Các thân thể nằm ngổn ngang, bừa bãi như cây chuối. Có người đầu tóc rối bù dựa trên trống, hoặc có người ngã mình trên cây đàn, đầu gối lên nhau, tay chân buông xuống đất, nước mắt nước mũi lèm nhèm, trong miệng nước dãi chảy ra, đàn cầm, đàn tranh, ống sáo... tất cả những nhạc cụ bỏ vung vãi ngổn ngang, những loài chim giao tinh, uyên ương nhà vua sử dụng để phòng bị báo trước cũng bị khuất phục nằm ngủ say.

Thái tử nhìn khắp cảnh tượng đó rồi nhìn lại vợ mình. Ngài nhìn thấy tất cả hình thể con người: tóc, móng, tủy, não, xương, răng, đầu lâu, da thịt, gân cốt, mạch, mở, máu, tim, phổi, tỳ, vị, thận, gan, mật, ruột già, phẩn, nước tiểu, nước miếng... Bên ngoài là cái túi da, bên trong chứa đầy nhơ uế, chẳng có gì tốt đẹp. Lúc mạnh thì tẩm nước hoa, dùng hoa trang điểm hình hài. Giống như vay mượn thì phải trả, tính ra cũng chẳng được lâu dài. Đời người sống trăm năm, ngủ nghỉ một nửa, lại có nhiều âu lo, niềm vui ít ỏi, dâm dật hoại đức, làm cho người ngu si, chẳng phải là điều mà chư Phật và các bậc Chân nhân hiểu biết ca ngợi. Thế nên có câu: "Tham dâm đến nỗi già, sân hận đến nỗi bệnh, ngu si đến nỗi chết. Đoạn trừ được ba độc này mới có thể đắc đạo".

Thái tử nhất tâm suy nghĩ như thế rồi liền đứng dậy, nhìn ngôi sao Phỉ. Đã quá nửa đêm, thấy chư Thiên ở trên không trung chắp tay khuyến khích Thái tử ra đi.

Thái tử gọi Xa-nặc cẩn thận dắt ngựa ra. Ngài vén áo ngồi lên lưng ngựa mà lòng băn khoăn nơi sân hoàng cung vì nghĩ: "Nếu ta mở cửa sẽ có tiếng động". Thiên vương Duy Liêm biết ý Thái tử liền sai quỷ thần nhấc bổng chân ngựa, đỡ cả Xa-nặc vượt qua cổng hoàng thành, tiến đến ngồi dưới gốc cây Diêm-phù ở bên ruộng đất của vua.

Sáng sớm hôm sau, trong cung nhốn nháo, không biết Thái tử ở đâu. Ngàn xe vạn ngựa đổ xô đi tìm. Nhân lúc vua cha đến bờ ruộng, nhìn xa thấy Thái tử đang ngồi dưới gốc cây, ánh nắng mặt trời chói chang, cành cây cong lại làm bóng râm che cho Thái tử. Vua cha giật mình kinh hãi mới biết Thái tử là bậc Thánh, bất giác xuống ngựa đảnh lễ. Thái tử cũng đứng dậy chào phụ vương, tâu:

– Từ khi có con, phụ vương chưa từng ra khỏi nước. Hôm nay lại đến đúng nơi này. Phụ vương đến đây làm chi, xin ngài hãy trở về cung. Hôm nay sở dĩ con muốn xa lìa đời sống thế gian chỉ vì chính con nhận thấy: Ân ái như giấc mộng, nhà cửa và hạnh phúc đều phải chia lìa. Tham dục là ngục tù khó thoát khỏi. Người xưa nói: "Do lưới dục tự giăng, do lọng ái tự bao phủ, ràng buộc con người trong ngục tù, như cá vào miệng giỏ, tìm đến chỗ già, chết như trâu con tìm vú mẹ". Con thường đem những vấn đề này để tự giác ngộ và dĩ nhiên là nguyện trừ khổ cho chúng sinh. Những ai chưa được cứu độ con muốn độ họ. Những chúng sinh nào chưa giải thoát con sẽ khiến cho họ được giải thoát. Những ai chưa an con muốn khiến cho họ được an. Những ai chưa kiến đạo con muốn cho họ được kiến đạo. Vì thế con muốn vào núi tu hành để đạt sở nguyện. Khi nào đắc đạo con sẽ trở về và không bao giờ quên lời nguyện hôm nay.

Vua cha biết ý chí kiên cố của Thái tử, ngài phân vân không biết nói thế nào đành trở về hoàng cung. Nhà vua nói với Cù-di:

– Tâm tư con ta vắng lặng như đất, khó mà lay động. Thái tử không vì phú quý, không thích sống ở thế gian, chỉ thiết tha với đạo. Đến một thời gian nào đó Thái tử chắc chắn sẽ trở về.

Lúc đó Thái tử đứng vin cành cây thấy người nông phu đang cày. Những miếng đất cày vỡ ra, trong đó có những côn trùng, chim chóc bay xuống mổ ăn. Thái tử cảm thương chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau, chúng không có lòng nhân ái mà càng thêm sự sát hại, khi chết phải đọa vào đường ác, khó mong ra khỏi được. Cõi trời tuy sung sướng nhưng cũng vô thường, một khi phước báo hết thì sợ hãi, tội báo đến cũng sợ hãi. Họa phước sóng đôi, sinh tử triền miên.

Thái tử quán thấy nhân gian, trên đến hai mươi tám tầng trời, phú quý cùng tột nhưng vô đạo rồi cũng sẽ đối diện với cửa địa ngục, ở trong ba đường ác đau đớn trăm bề, hạnh phúc mong manh, sợ lo mãi mãi. Giữa cõi đời này không có một nơi nương tựa, ta không thể bị dục mê hoặc.

Thái tử lên ngựa cùng Xa-nặc đi về phía trước vài mươi dặm, bỗng thấy đại thần chủ ngũ đạo tên Bí Thức, vô cùng cang cường, tay trái cầm cung, tay phải cầm tên, trên lưng đeo kiếm bén. Ông ta ở trung tâm thông cả ba cõi: 1. Cõi trời; 2. Cõi người; 3. Ba đường ác. Đây là nơi thần hồn người chết sẽ đi qua.

Thái tử đến hỏi:

– Đường nào có thể đi được?

Bí Thức hoảng sợ ném cung, bỏ tên, mở kiếm, đi lùi lại và rụt rè chỉ

Thiên đạo, nói:

– Con đường này ngài có thể đi.

Thái tử đi được vài mươi dặm, gặp hai người thợ săn, ngài suy nghĩ: "Ta đã lìa bỏ gia đình vào ở chốn núi rừng hoang vắng, không nên mặt áo quý giá ở đời khiến người khác sinh tâm tham muốn." Thái tử cởi áo lông cừu quý giá để đổi lấy áo da nai của người thợ săn. Đến nơi, xuống ngựa, Thái tử dặn dò, bảo Xa-nặc trở về. Xa-nặc quỳ xuống thưa:

– Hôm nay con xin theo bậc Đại thiên, con không trở về một mình.

Thái tử nói:

– Ngươi hãy trở về tâu cùng đại vương và cho ta gởi lời từ biệt vợ ta. Nay ta vì mong cầu đại đạo vô vi, chớ vì ta mà buồn rầu lo lắng.

Thái tử cởi áo mão báu và áo trên mình đưa hết cho Xa-nặc. Con bạch mã khi ấy quỵ gối liếm vào chân Thái tử nước mắt tuôn trào. Xa-nặc cũng thương khóc. Người, ngựa vừa đi vừa khóc, vừa quay lại nhìn Thái tử đã thay đổi hoàng y, khoác trên mình chiếc áo da nai.

Xa-nặc dẫn bộ Bạch mã trở về, trong cung, ngoài thành ai cũng đều buồn bã. Cù-di khóc sướt mướt, nói:

– Ta ngóng trông Thái tử như người khát cần nước. Nay ngươi và ngựa trở về không.

Nàng đến ôm cổ con Bạch mã hỏi chỗ ở của Thái tử, Xa-nặc tâu:

– Thái tử bảo về tâu lại với đại vương và gởi lời từ biệt phu nhân. Vì mong cầu đại đạo vô vi mà Thái tử ra đi. Xin chớ vì ngài mà buồn lo.

Cù-di lại khóc và nói:

– Sao ta một đời bạc mệnh! Ta đã mất đi vị trời của ta. Thái tử đã hứa điều gì với ta, nay lại đi cầu điều chi?

Cù-di vỗ nhẹ vào lưng con Bạch mã:

– Thái tử cỡi ngươi ra đi, sao ngươi trở về một mình?

Nhân dân cả nước đều sụt sùi xúc động. Nhà vua buồn áo não, nước mắt tuôn trào, nói với Cù-di:

– Nếu như con ta giác ngộ được nỗi khổ già, bệnh, chết, thật là mối họa lớn của kiếp người thì Thái tử chính là một thần nhân. Ta nhớ ngày sinh Thái tử, Thượng đế thân hành đến, Thiên thần đứng hầu. Thái tử hiện tướng điềm lành chói sáng mà ở thế gian không thể có. Đạo sĩ A-di đã nói: "Nếu Thái tử không thích thiên hạ, từ bỏ gia đình đi tầm đạo. Thì nhất định sẽ làm Phật độ thoát muôn loài". Nay Thái tử từ biệt mọi người để đi tầm đạo, đó là điều tự nhiên.

Nhà vua muốn giải buồn cho Cù-di mà chính ngài cũng cảm động. Ngài cho tuyển những bậc hiền đức hào hiệp trong nước được vài ngàn người, chọn trong số đó người nào có nhiều con cháu lấy năm người. Nhà vua nói:

– Các ngươi ở nhà con lớn lên lại có cháu để giữ, như vậy là vui rồi. Ta chỉ có một người con chưa từng ra khỏi cửa. Thế mà một hôm nó bỏ ta đi, lặn lội vào hang cùng núi thẳm đầy gian nan hiểm trở, tai nạn; lành dữ, nóng lạnh, đói khát nào ai biết được! Ta nhờ năm khanh, mỗi người để lại một người con, rồi đi tìm Thái tử, khi gặp ở lại đó theo hầu hạ Thái tử cho ta. Nếu người nào giữa đường quay trở lại, ta sẽ tiêu diệt dòng họ các ngươi.

Lúc ấy, bọ họ năm người A-nhã-câu-lân… nhận sứ mạng đi tìm Thái tử. Vào trong rừng sâu, bọn họ theo Thái tử được vài năm, Thái tử không hề nói chuyện với họ, tự đi một mình như trước. Ngài trèo lên núi cao, leo lần qua hang sâu. Năm người gian khổ, cho rằng đây là người điên, đâu có đạo gì mà đi không chọn đường, làm sao chúng ta có thể theo được? Nếu chúng ta trở về, nhà vua sẽ tiêu diệt năm gia đình chúng ta, chi bằng chúng ta dừng lại nơi đây. Năm người liền ở lại chỗ có nước suối trong và nhiều cây trái ngọt.

Thái tử vẫn một mình vượt qua bao núi, đi đến nước Ma-kiệt. Vua Bình-sa cùng đoàn tùy tùng đi săn, từ xa trông thấy Thái tử đang đi trong núi đầm, liền nói với các quan đại thần đuổi theo gặp Thái tử.

Vua Bình-sa nói:

– Thái tử sinh ra có nhiều tướng chói sáng khác lạ. Ngài sẽ làm vua trị vì khắp thiên hạ, là Chuyển luân thánh vương, bốn bể mênh mông, có châu báu tự đến. Vì sao lại bỏ ngôi trời để dấn thân vào chốn rừng núi hoang vắng? Chắc là ngài có cái nhìn khác? Ta muốn biết chí nguyện của ngài.

Thái tử đáp:

–Ta nhận thấy con người trong thế gian, hễ có sinh thì có chết. Có ba nỗi khổ lớn. Đó là: Nỗi khổ già, bệnh, chết mà không ai tránh khỏi được. Xét ra thân này là cao quý thì sinh tâm kiêu mạn, phóng dật, tham cầu khoái lạc. Mọi người không ai tránh khỏi tai họa này. Do đó mà ta nhàm chán, cho nên muốn vào núi rừng tu tập.

Các bậc kỳ lão thưa:

– Những vấn đề già, bệnh, chết là lẽ thường của thế gian, sao Thái tử lại lo buồn một mình để từ bỏ địa vị cao quý, ẩn cư nơi rừng vắng, chịu đày đọa thân mình. Đó chẳng phải là bị đày đọa sao?

Thái tử đáp:

– Như lời các ngài nói, thì ta không nên lo lắng. Nhưng giả sử nếu ta làm vua thì khi già, bệnh kéo đến hoặc khi chết, ai có thể thay ta để nhận lấy những khổ nạn này? Nếu như không có ai thay thế được, các ngài chớ nên lo lắng làm gì. Thiên hạ dù là cha hiền, con hiếu yêu thương chí thiết, nhưng đến lúc bệnh chết họ không thể thay cho nhau được. Hoặc cái thân giả tạo này một ngày nào đó khổ đến, tuy ở địa vị cao quý, lục thân quyến thuộc ở một bên thì cũng như cầm đuốc cho người mù, có giúp gì cho họ đâu.

Ta quán thấy các hành tất cả đều vô thường, đều là huyễn hóa không thật, hạnh phúc ít, đau khổ nhiều. Thân này chẳng phải của ta. Thế gian hư vô khó tồn tại được lâu dài; vạn vật có sinh ắt có tử, thành sẽ có bại, an sẽ có nguy, được sẽ có mất, vạn vật hỗn độn đều sẽ trở về không. Tinh thần vô hình chao động bất minh sẽ đưa đến hiểm nạn sinh tử, chẳng phải chỉ có một đời mà thôi. Do vì tham ái bị bao phủ trong lưới vô minh, chìm đắm trong dòng sông sinh tử không thể giác ngộ được. Vì thế ta muốn nhất tâm tịnh tu Tứ không, vượt khỏi sắc dục, diệt trừ sân hận, đoạn hết lòng mong cầu và quán tưởng tánh Không, hoàn toàn không có chỗ dính mắc. Đó là ngược dòng mà trở về gốc. Ban đầu cần phải dứt trừ cội rễ của nó, như nguyện của ta mà đạt được mới là an lạc hoàn toàn?

Vua Bình-sa hoan hỷ nói:

– Lành thay, chí nguyện vi diệu của Bồ-tát thế gian này khó có được. Chắc chắn ngài sẽ thành Phật đạo, xin hãy độ cho tôi trước.

Thái tử im lặng ra đi. Ngài vượt qua sông Ni-liên-thiền, Thiên thần làm cho dòng nước ngưng chảy và cạn dần. Thái tử vượt qua sông rồi đi được vài mươi dặm thấy có ba vị Phạm chí, mỗi vị cùng với đệ tử ở bên khe nước. Thái tử đi ngang qua hỏi đạo họ. Họ tự xưng:

– Ta thờ Phạm thiên, tôn sùng mặt trời, mặt trăng. Thờ mặt trời thì cúng tế lửa, chỉ có nước là trong sạch.

Bồ-tát đáp:

– Con đường sinh tử chính là ở đây. Bởi vì nước không thường đầy, lửa không cháy mãi, mặt trời thì chuyển dời, mặt trăng tròn sẽ khuyết. Đạo ở nơi thanh tịnh vắng lặng, nước làm sao có thể khiến cho tâm người thanh tịnh được?

Thái tử ra đi mà thương xót họ. Thái tử phát khởi tâm Từ, quán niệm tất cả chúng sinh bị già suy mê muội, không thoát khỏi nỗi đau về bệnh tật, tử vong. Ngài muốn khiến cho chúng sinh được giải thoát nên chuyên nhất

tâm ý mà khởi lên tâm Bi.

Bồ-tát thương xót chúng sinh bị tai họa gian nan trong đói khát, nóng lạnh, được mất, tội lỗi. Ngài muốn làm cho chúng sinh được an ổn nên chuyên nhất tâm ý mà khởi tâm Hỷ.

Bồ-tát quán thấy thế gian đều có nỗi lo phải gặp sự lo âu, khổ sở khủng bố, Ngài muốn làm cho họ được nhẹ nhàng nên chuyên nhất tâm ý mà khởi tâm Hộ.

Bồ-tát muốn độ chúng sinh thoát khỏi tám nạn trong năm đường, bị ngu si mê mờ che lấp không thấy đạo chân chánh, ngài quán niệm muốn cứu họ đạt đến đạo vô vi, chuyên tâm nhất ý, được thiện không mừng, gặp ác không lo, bỏ tám việc ở thế gian. Đó là: Lợi lộc, suy tàn, hủy báng, danh dự, tôn xưng, quở trách, khổ đau, khoái lạc. Không vì những sự kiện trên mà làm khuynh động.

Thái tử đi vào núi sâu, đến chỗ tĩnh mịch, trông thấy cây Bối-đa, bốn bề im vắng. Thái tử suy nghĩ: "Ta đã từ giã gia đình vào chốn núi rừng này, không nên phục sức và để tóc như người ở thế gian được, nếu có ý niệm chải tóc, tắm nước nóng thì mất đi tịnh giới, chánh định, trí tuệ, giải thoát tri kiến, hoàn toàn phi đạo, làm ô hạnh thanh tịnh. Ta cần phải làm Sa-môn như pháp Bồ-tát".

Thiên thần dâng dao cạo tóc, tóc Thái tử tự rơi xuống, trời nhận lấy đem đi. Bồ-tát đi gom cỏ thơm trải trên đất và ngồi tĩnh tọa trên đó, hai tay ngài chồng lên nhau, đôi mắt khép lại, chí thành phát nguyện:

– Ta thề ngồi nơi này, dù thịt nát xương khô, nếu không thành Phật ta không rời khỏi nơi này.

Thiên thần đem dâng thức ăn, Thái tử nhất định không nhận. Trời làm cho hai bên chỗ Thái tử ở sinh ra gạo, mè. Mỗi ngày Thái tử chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo để duy trì khí lực.

Trải qua sáu năm thiền định, hình thể Thái tử hao gầy chỉ còn da bọc xương, nhưng tinh thần lại lắng sâu an tịnh. Ngài nhất tâm tịch mặc quán pháp An ban: 1. Sổ; 2. Tùy; 3. Chỉ; 4. Quán; 5. Hoàn; 6. Tịnh. Thái tử quán pháp môn này đến mười hai lần như vậy, ý vẫn không bị tán loạn, đạt đến thần thông vi diệu, xả bỏ các pháp ác, không còn năm triền cái, không thọ năm dục, các việc ác tự tiêu diệt, chánh niệm phân minh, quán pháp vô vi, thí như người có sức mạnh thắng được kẻ thù, ý được thanh tịnh. Bồ-tát thành tựu tầng thiền thứ nhất, tâm tự khai mở, trừ tâm tình dục, không còn niệm ác, cũng không tính toán so đo, tâm vọng động dứt trừ. Ví như dòng suối trên đỉnh núi, nước chảy đầy ra bên ngoài, nước mưa ngập tràn ở khe

hang nhưng không vào dòng suối này được. Bồ-tát an tịnh nhất tâm, hỷ lạc không lay động, Bồ-tát thành tựu tầng Thiền thứ hai.

Bồ-tát lại từ bỏ ý hỷ lạc, chỉ quán vô dục, các hạnh tốt xấu bên ngoài không vào tâm và trong tâm cũng không khởi, thân chánh tâm an. Ví như cây hoa sen trong nước, khi hoa chưa nở, rể cành hoa lá thấm đượm trong nước, nhờ tịnh kiến chân chánh Bồ-tát thành tựu tầng Thiền thứ ba.

Bồ-tát xả ý khổ lạc, không còn tưởng hỷ ưu, tâm không nương nơi thiện, cũng không dựa vào ác, ngài ở trong trạng thái thiền định đó, ví như người tắm gội sạch sẽ được phủ bên ngoài tấm khăn choàng trắng tinh, mới, đẹp, trong ngoài đều sạch không có bụi bặm, hơi thở tự ngừng, tịch tĩnh không lay động. Bồ-tát thành tựu tầng Thiền thứ tư.

Ví như thợ đồ gốm nhào nặn đất dẻo, trong đó không có sạn cát, tạo ra bất kỳ sản phẩm nào, Bồ-tát tinh tấn khai phát, không một phút nào giải đãi, đã đạt được định ý, không xả tâm đại bi, phương tiện trí tuệ, suy tầm pháp mầu nhiệm, thông suốt ba mươi bảy phẩm đạo. Đó là Tứ ý chỉ, Tứ ý đoạn, Tứ thần túc niệm, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác, Bát đạo. Quán vòng trở lại không còn một vết nhơ. Ý hướng về ba pháp:

1. Chỉ hướng không: Niệm diệt không tán loạn, không thủ, không xả.

2. Hướng vô tưởng: Tâm định không sinh khởi, không nghĩ đến tốt xấu.

3. Hướng bất nguyện: Không tham đắm ba cõi lại không sinh khổ, được tam hoạt:

a) Lìa tham dâm.

b) Lìa sân hận.

c) Lìa ngu si.

Tất cả không còn bị chướng ngại.

Lúc ấy Hóa ứng thinh thiên Đệ lục là vua ma trên trời, thấy Bồ-tát thanh tịnh vô dục, tinh tấn thiền định không biếng trễ, trong lòng buồn bực ganh ghét, ăn không ngon, ngủ không yên, không còn ham thích kỹ nhạc, vì ông lo sợ Bồ-tát thành đạo ắt sẽ đại thắng ông ta. Ông ta muốn kịp thời phá hoại được tâm đạo của Bồ-tát khi ngài chưa thành Phật. Ma con tên Tát-đà can gián ma cha:

– Bồ-tát thực hành hạnh thanh tịnh, ba cõi không ai bằng, đã đắc thần thông tự tại, cho nên muôn ức hàng chư Thiên, chúng Phạm đều đến đảnh lễ hầu cận, vua trời còn chẳng thể làm trở ngại để phá hoại Bồ-tát được. Chúng ta không nên tăng thêm điều ác mà tự hủy hoại phước đức của mình.

Ma vương không nghe, cho gọi ba cô con gái: người thứ nhất tên là Dục Phi, người thứ hai tên là Duyệt Bỉ, người thứ ba tên là Khoái Quán. Cả ba cô gái này được Ma vương sai đi phá hoại ý chí của Bồ-tát. Ba cô gái này đều mặc áo lưới mỏng, trang điểm bằng các danh hương của trời, đeo chuỗi anh lạc quý giá. Họ dùng tất cả những ngôn từ xảo quyệt dối trá để làm rối loạn đạo tâm của Bồ-tát. Bồ-tát tâm thanh tịnh như ngọc lưu ly, không thể bị ô nhiễm. Ba cô gái lại nói:

– Ngài có nhân đức cao tột, chư Thiên đều kính ngưỡng muốn được dâng cúng, nên chư Thiên hiến chúng tôi cho ngài. Chúng tôi rất trong sạch, tuổi đang độ sung mãn, là những Thiên nữ đoan chánh, chưa có sắc đẹp nào bằng chúng tôi. Chúng tôi xin được ngày đêm cung cấp, hầu hạ bên ngài.

Bồ-tát đáp:

– Các ngươi có phước báo đời trước được làm thân trời, không nghĩ đến vô thường mà đi làm trò yêu mị. Hình thể các ngươi tuy đẹp nhưng tâm không ngay thẳng đoan chánh. Ví như trong chiếc bình đẹp lại chứa đầy chất hôi độc. Các ngươi sẽ tự hủy hoại đời mình, không còn chỗ nào để các ngươi nương tựa, phước báo khó tồn tại với người dâm ác bất thiện, tự đánh mất bản tâm, khi chết sẽ đọa trong ba đường ác, làm thân cầm thú, muốn thoát khỏi rất khó. Bọn các ngươi đến làm khuấy rối chánh ý của người, chẳng phải hạt giống thanh tịnh mà là túi da đựng đầy phân uế. Các ngươi đến đây làm gì? Hãy đi đi! Ta không dùng.

Cả ba cô gái ấy bỗng nhiên bị hóa thành bà già, không thể ở lại thân cũ được. Ma vương vô cùng phẫn nộ liền triệu tập các quỷ thần hợp thành một đoàn có tám ngàn vạn ma. Chúng biến thành thân hình sư tử, gấu, beo, hổ, voi, rồng, bò, ngựa, chó, heo, khỉ, vượn... không thể kể hết. Chúng hóa thành những côn trùng đầu người, mình rắn, đầu rùa, hay đầu có sáu mắt, hoặc một cổ mà có nhiều đầu, răng nanh móng vuốt giương ra, đội núi phun lửa, sấm chớp bốn bên, tay cầm gươm giáo.

Bồ-tát Từ tâm, không hề có một mảy may nao núng sợ sệt. Dung nhan ngài chói sáng tươi đẹp hơn lên, bọn quỷ ma chạy tán loạn, không thể đến gần được. Ma vương đi đến chất vấn Đức Phật:

– Tỳ-kheo cầu gì ngồi gốc cây
Thích ở giữa rừng nhiều thú dữ?
Mây nổi mịt mùng thật đáng sợ
Thiên ma quấy nhiễu chẳng hề kinh.
– Thuở xưa chân đạo Phật đã hành

Điềm tĩnh vô cùng trừ u ám
Trong ta chứa đầy pháp tối thắng
Ta ngồi tại đây chống ma vương.
– Ông đang làm vua Chuyển luân vương
Bảy báu tự đến đầy bốn phương
Thọ hưởng năm dục không ai sánh
Nơi này không đạo, hãy về cung.
– Ta quán ái dục nước đồng sôi
Bỏ ngôi như nhổ nước bọt thôi
Làm vua cũng phải lo già chết
Điều này vô ích chớ vọng bàn.
– Sao không ngồi yên mà lớn tiếng
Bỏ nước, tài, vị, chọn nhàn không
Không thấy ta dẫn bốn bộ binh
Voi, ngựa, bộ binh mười tám ức?
– Đã thấy mặt khỉ, vượn, sư tử
Hình quỷ, hổ, beo, heo, rắn độc
Mang theo đao kiếm cùng gươm giáo
Nhảy nhót, hét la dậy khắp trời,
Lại bày muôn ức thần võ bị
Là ma như ngươi đến hội này
Tên nhọn hỏa công như mưa gió
Trước khi thành Phật, ta không dậy.
Bản nguyện của ma: Mong Ta thoái
Ta cũng tự thề không thoái lui
Nay ngươi phước đức sao bằng Phật?
Do đó khá biết thắng về ai.
– Ta từng chung thân thích bố thí
Nên làm ma vương sáu cõi trời
Tỳ-kheo đã biết phước hạnh ta
Tự xưng vô lượng ai làm chứng?
– Xưa Ta nguyện theo Phật Đăng Quang
Thọ ký được làm Thích-ca Văn
Hưởng hết giận sợ nên ngồi đây
Tâm định, quân ngươi bị phá tan.
Ta từng phụng sự nhiều Đức Phật
Cho người của báu và cơm áo
Nhân từ giới đức đầy tựa đất

Nhờ đó thoát tưởng không hoạn nạn.
– Bồ-tát liền dùng sức trí tuệ
Duỗi tay chỉ đất: biết rõ Ta
Lúc ấy đất ầm ầm chấn động
Ma cùng quyến thuộc ngã lăn chiên.
Ma vương thất bại buồn vô hạn
Hôn mê bất tỉnh quỵ xuống đất,
Đứa con hiểu biết tâm tỉnh ngộ
Liền tự quay về xin sám hối.
– Chỉ có tâm Từ hàng ma oán
Đời dùng binh khí động nhân tâm
Ta xem các người như chúng sinh
Nếu điều voi, ngựa, tuy điều được
Nhưng sau thói cũ vẫn còn sinh
Nếu điều tối thượng như bậc Thánh
Như Phật đã điều không bất nhân
– Chư Thiên thấy Phật bắt bốn ma
Điều được vô tưởng, oán tự hàng
Chư Thiên hoan hỷ đến dâng hoa
Ma vương bị thua Pháp vương thắng.
Vốn nhờ trí tuệ tâm bình đẳng
Trí tuệ phá tan bao xấu ác
Khiến cho oan gia làm đệ tử
Đảnh lễ bậc chứng đạo Tứ đẳng.
Mặt như trăng sáng, sắc an nhiên
Tiếng khắp mười phương, đức như núi
Cầu tướng mạo Phật khó sánh bằng
Cúi đầu đảnh lễ Đấng Từ Tôn.

❑

PHẬT NÓI KINH BẢN KHỞI THÁI TỬ HIỆN ĐIỀM LÀNH

QUYỂN HẠ

Bồ-tát trải qua nhiều kiếp thực hành hạnh thanh tịnh, tâm đại bi, thiền định tự tại, sức nhẫn hàng phục ma khiến cho chúng thoái lui tan rã. Với định tâm như thế, không phải do trí suy tư mà do không có tưởng ưu, hỷ. Cho nên sau đầu đêm hôm ấy, Bồ-tát chứng đắc minh thứ nhất, tự biết sinh mạng đời trước của mình từ vô số kiếp đến nay; tinh thần thay đổi, lần lượt thọ thân, nhiều không kể hết, Bồ-tát đều chứng biết tất cả.

Đến nửa đêm, Bồ-tát chứng đắc minh thứ hai, biết tất cả ý niệm trong tâm của chúng sinh, thiện hay ác, họa hay phước, chỗ đi đầu thai trong vòng sinh tử.

Đến cuối đêm, Bồ-tát chứng đắc minh thứ ba, giác ngộ giải thoát, dứt hẳn các lậu, biết rõ các nghiệp trong nhiều kiếp xa xưa của mình, chứng đắc Tứ thần túc, tinh tấn định, dục định, ý định và giới định. Đạt được pháp biến hóa, những điều mong muốn đều như ý, không cần dụng tâm thân có thể bay được và có thể phân một thân thành trăm ngàn thân, cho đến ức, vạn, vô số, rồi trở lại thành một thân. Ngài có thể đi xuyên vào lòng đất, xuyên qua vách đá, từ một phương hiện khắp, ẩn mất, xuất hiện cũng như sóng nước, có thể làm cho trong thân phát ra nước lửa, có thể lặn trong nước hoặc đi trong hư không mà thân không bị rơi xuống, ngồi nằm trong hư không như chim bay liệng. Bồ-tát có thể đứng trên cao bằng trời, tay nắm tới mặt trời, mặt trăng, thân muốn đứng thẳng đến trời Phạm, Tự tại cũng được. Mắt Bồ-tát có thể nhìn suốt, tai có thể nghe khắp, ý có thể biết trước mọi sự việc. Chư Thiên, Người, Rồng, Quỷ thần và những loài bò, bay, những côn trùng nhỏ nhiệm nhất,... thân đi, miệng nói, tâm nghĩ, Bồ-tát đều thấy nghe biết. Những người có tham dâm hay không tham dâm, có sân giận hoặc không sân giận, người ngu si hoặc không ngu si, người có ái dục hoặc không ái dục, người có hạnh đại chí hoặc không có hạnh đại chí, người có hạnh nội ngoại hoặc không có hạnh nội ngoại, người có niệm thiện hoặc niệm bất thiện, người có nhất tâm hoặc không nhất tâm, người có ý giải thoát hoặc không có ý giải thoát, tất cả Bồ-tát đều biết.

Bồ-tát quán thấy khắp trong năm đường: trời, người, địa ngục, súc

sinh, quỷ thần. Bồ-tát quán thấy cha mẹ, anh em, vợ con trong nhiều đời trước, tên họ trong ngoài thảy đều phân biệt. Việc của một đời, mười đời, trăm ngàn vạn ức vô số đời cho đến thời gian của kiếp hoại, kiếp không và thời gian xuất hiện của con người trong kiếp thành đều có thể biết hết.

Bồ-tát có thể biết tên họ nội ngoại, ăn mặc, khổ vui, thọ mạng dài vắn, chết đây sinh kia, luân chuyển các thứ từ lúc khởi đầu cho đến qua sự thay đổi thân hình, sinh già bệnh chết, hình sắc xấu đẹp, hiền ngu khổ vui... của chúng sinh trong ba cõi, trong mười kiếp, trăm kiếp cho đến ngàn vạn ức vô số kiếp, Bồ-tát đều có thể phân biệt biết được. Bồ-tát thấy người, quỷ thần, tùy theo nghiệp của họ mà sinh vào năm đường: Địa ngục, hoặc làm súc sinh, hoặc làm quỷ thần, hoặc sinh lên cõi trời hoặc làm thân người, có người sinh vào nhà giàu có an vui, có người sinh vào nhà ti tiện nghèo hèn.

Bồ-tát biết chúng sinh mê hoặc, bị năm ấm ngăn che, đó là: 1. Sắc; 2. Thọ; 3. Tưởng; 4. Hành; 5. Thức; đều chạy theo năm dục như: Mắt tham sắc, tai tham tiếng, mũi tham hương, lưỡi tham vị, thân tham xúc láng mịn... đưa đến ái dục. Hoặc đối với tài sắc mơ ước được an vui, từ đó phát sinh nguồn gốc ác, từ ác đưa đến khổ. Khả năng để đoạn tận ác tập là không theo tâm dâm, dù nhỏ như lông tóc, thực hành Bát chánh đạo, thì các khổ sẽ diệt. Thí như không có củi sẽ không có lửa. Gọi đó là đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.

Bồ-tát tự biết đã bỏ gốc ác không dâm, nộ, si, đã dứt sinh tử, cội gốc đã đoạn, không còn tai nạn, việc làm đã xong, trí tuệ viên mãn.

Khi sao mai vừa mọc, Bồ-tát hoát nhiên đại ngộ, đắc đạo Vô thượng Chánh chân, trở thành Bậc Tối Chánh Giác, chứng đắc mười tám pháp Phật, mười thần lực và bốn vô sở úy.

Mười tám pháp Phật, nghĩa là từ lúc thành Phật cho đến lúc nhập Niết-bàn, là:

1. Không mất đạo.
2. Không nói lời vô nghĩa.
3. Luôn luôn chánh niệm.
4. Luôn luôn tĩnh giác.
5. Luôn luôn ở trong định.
6. Luôn luôn tỉnh táo, quán xét.
7. Ý chí độ sinh không giảm.
8. Sự tinh tấn không giảm.
9. Định ý không giảm.

10. Trí tuệ không giảm.
11. Sự giải thoát không giảm.
12. Giải thoát tri kiến không giảm.
13. Biết rõ tất cả việc quá khứ.
14. Biết rõ tất cả việc vị lai.
15. Biết rõ tất cả việc hiện tại.
16. Quán sát hành động về thân bằng trí tuệ.
17. Quán sát ngôn hành bằng trí tuệ.
18. Quán các ý hành bằng trí tuệ.

Đó là mười tám pháp bất cộng.

Mười thần lực là:

1. Đức Phật có tri kiến rất sâu xa vi diệu. Đó là xứ và phi xứ đều hiển lộ như thật hữu.
2. Đức Phật biết rõ nhân quả nghiệp báo đời vị lai, hiện tại và quá khứ của tất cả chúng sinh.
3. Đức Phật phân biệt được tất cả ý niệm khác nhau của trời, người và các chúng sinh.
4. Đức Phật biết hết bao nhiêu loại ngôn ngữ của chúng sinh và ngôn ngữ để độ đời.
5. Đức Phật biết rõ vô lượng tình thái phức tạp trong thế gian.
6. Đức Phật luôn luôn sống trong thiền định, hiểu rõ các loại thiền định và các tạp nhiễm của các thiền khác.
7. Đức Phật biết hết chỗ trói buộc hoặc cởi bỏ bí yếu của dục và điều nên thực hành.
8. Trí tuệ Đức Phật rộng như biển, ngôn ngữ hoàn toàn thiện, biết rõ túc mạng của tất cả chúng sinh.
9. Thiên nhãn thanh tịnh của Đức Phật thấy thần thức người và vật ra khỏi thân, khi dứt và thọ báo tùy theo thiện ác họa phước.
10. Đức Phật đã đoạn hết phiền não, không còn bị ràng buộc, trí tuệ hoàn toàn chân chánh tối thượng, tự chứng tri kiến, thấu suốt đạo hạnh. Điều đáng làm đã làm xong, không còn sinh tử, trí tuệ sâu xa sáng suốt.

Đó là mười thần lực của Phật.

Tứ vô sở úy là:

1. Thần trí chánh giác của Đức Phật không có gì là không biết. Nhưng

người ngu si cho rằng Đức Phật không thể biết khắp. Đến Phạm, Ma các Thánh đều không thể bàn luận về trí tuệ của Phật được. Ngài đi một mình không sợ.

2. Đức Phật đã chấm dứt phiền não. Những người ngu si nói phiền não của Phật chưa hết. Đến Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận chí của Phật được. Ngài đi một mình không sợ.

3. Đức Phật thuyết giới kinh, mọi người tụng tập. Người ngu si nói kinh Phật ngăn ngại. Đến Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận hủy báng kinh điển chân chánh của Phật. Ngài đi một mình không sợ.

4. Đức Phật thể hiện đạo nghĩa, dạy những điều chân chánh và quan trọng vượt qua mọi khổ ách. Người ngu si nói Phật không thể độ chúng sinh hết khổ. Đến Phạm, Ma, các Thánh đều không thể bàn luận con đường chân chánh của Phật. Ngài đi khắp nơi không sợ.

Đức Phật đạt được pháp này với tất cả tri kiến, Ngài ngồi tư duy: "Đây là sự thật vi diệu, khó biết khó lường, rất khó đạt được đến cao tột vô thượng, rộng không biên giới, thăm thẳm không bờ đáy, sâu xa không thể đo, to lớn bao trùm khắp đất trời, mà nhỏ thì không chỗ nào.

Thuở xưa, khi Đức Phật Đăng Quang thọ ký Ta sẽ làm Phật hiệu là Thích-ca Văn, nay quả viên thành. Trải qua vô số kiếp, cần khổ tiến tu hôm nay mới đạt được đạo quả như vậy. Ta nhớ kiếp xưa, thực hành bao nhiêu công hạnh: Từ hiếu nhân nghĩa, chí thành kính lễ, hiền thiện trung chánh, học đạo vô vi của bậc Thánh, giữ ý thanh tịnh nhu hòa, thực hành lục độ: Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Trí tuệ, Nhất tâm rốt ráo, hành Tứ đẳng tâm, từ bi cứu giúp, nuôi dưỡng chúng sinh xem như con đỏ. Thừa sự chư Phật, tích đức vô lượng, trải qua nhiều kiếp khổ nhọc tinh cần vẫn không quên công hạnh này, nay Ta đã thành tựu viên mãn."

Đức Phật hoan hỷ nói kệ:

Nay làm Phật chí tôn,
Bỏ dâm sạch phiền não
Người theo đều hoan hỷ
Nguyện mầu được thành tựu
Ta sẽ vào Niết-bàn.

Khi Đức Phật mới đắc đạo, Ngài biết vì ăn quá ít nên thân thể gầy gò, Ngài từ từ đứng dậy xuống sông tắm gội. Tắm xong, muốn lên bờ thì Ngài được Thiên thần đè cành cây thấp xuống để Ngài vịn mà lên.

Đức Phật trở lại ngồi dưới gốc cây, có năm trăm con chim Thanh

tước bay đến lượn quanh Phật ba vòng rồi bay đi. Lại có người con gái của trưởng giả, mới lấy chồng phát nguyện nếu sinh con trai, sẽ nấu cháo đủ trăm vị để cúng thần núi rừng. Vì thế sau khi sinh được con trai, cô gái ấy rất vui mừng liền nấu cháo và dùng bát vàng để đựng. Cô gái rót cháo, bát và muỗng đều sạch sẽ, với lòng vô cùng tôn kính cô ta cùng hai thị nữ đi vào trong núi.

Từ xa cô gái thấy một cội cây đẹp, liền sai thị nữ đến đó trước quét dọn sạch sẽ, thị nữ đến nơi thấy có Đức Phật, không biết đây là vị thần gì, liền trở về báo với cô chủ:

– Có một vị thần ngồi dưới gốc cây.

Cô gái sai thị nữ đội cháo trăm vị lên đầu, quỳ xuống dâng thực phẩm bằng chiếc bát vàng.

Đức Phật dạy:

– Các con có ý tốt, hiện đời sẽ được phước đức, gặp được đạo.

Các cô gái chắp tay kính lễ Đức Phật và trở về.

Đức Phật dùng bát cháo xong, nhớ đến ba đời Đức Phật trước, khi mới đắc đạo đều có người hiến cúng thức ăn trăm vị dâng lên bằng chiếc bát vàng như thế này. Nay những chiếc bát ấy đều ở tại Long cung Văn lân. Đức Phật liền ném chiếc bát xuống dòng sông, tự nhiên bát trôi ngược dòng nước lên phía trên bảy dặm, chiếc bát của Phật chìm trên theo ba chiếc bát trước, cả bốn cái chồng lên nhau cùng loại như một. Long vương hoan hỷ biết là có Đức Phật.

Đức Phật thiền định trong bảy ngày hoàn toàn không dao động. Thần cây nghĩ Đức Phật mới đắc đạo an vui thiền tọa bảy ngày, chưa có ai cúng dường, ta phải tìm người cúng thức ăn cho Đức Phật.

Khi ấy có năm trăm khách buôn đi ngang qua bên núi, xe bò bị trở ngại không đi được, trong nhóm đi buôn có hai người làm trưởng đoàn: Một người tên Đề-vị, người thứ hai tên Ba-lợi sợ hãi, bảo với mọi người là hãy đến cầu nguyện thần núi.

Thần núi hiện ra chói sáng nói:

– Hiện có Đức Phật đang ở bên bờ sông Ni-liên-thiền, nước Ưu-lưu này, chưa có ai cúng dường thức ăn. Các ngươi may mắn có thiện ý được gặp Ngài trước, chắc chắn sẽ được phước lớn.

Người khách buôn nghe danh hiệu Phật rất vui mừng, nói: "Đức Phật là Đấng Chí Tôn duy nhất mà trời, thần đều cung kính, không phải hạng tầm thường". Ông ta dùng gạo rang xay nhuyễn trộn với mật ong, đem đến

gốc cây đảnh lễ dâng lên Đức Phật.

Đức Phật nhớ các vị Phật đời trước, nhận sự cúng dường đều trì bát, không phải như các đạo nhân khác nhận thức ăn bằng tay. Tứ Thiên vương từ xa biết Phật đang cần bát, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, họ đã đến trên núi Át-na. Như ý họ nghĩ, tự nhiên trong đá hiện ra bốn chiếc bát sạch thơm. Bốn vị Thiên vương mỗi vị cầm một cái bát dâng lên Đức Phật, xin Phật thương xót cho người khách buôn cho họ được phước lớn. Do đó từ đây mới có bát sắt, sau này đệ tử Phật đều dùng để thọ thực. Đức Phật nghĩ: "Nếu chỉ lấy một bát, còn ba cái bát kia để lại, các vị Thiên vương sẽ không vui." Ngài nhận cả bốn cái chồng lên tay trái, rồi lấy tay phải ấn xuống khiến bốn cái hợp thành một.

Đức Phật nhận cốm mật xong, bảo các người khách buôn:

– Các người nên quy y Phật, quy y Pháp. Nếu có chúng Tỳ-kheo thì nên tự quy y.

Mọi người đều vâng lời chỉ giáo xin quy y ba ngôi báu. Phật đứng lên đến nơi khác thọ thực. Thọ thực xong, Đức Phật chú nguyện cho các người khách buôn:

– Nay, sự bố thí này sẽ làm cho người ăn được sức lực dồi dào, sẽ làm cho người thí đời đời được như ý, được sắc đẹp sức khỏe, được yêu mến, vui vẻ, an lành không bệnh, tuổi thọ được dài lâu, các quỷ ác tà mị không thể đến gần khuấy phá. Vì có thiện tâm nên lập gốc đức vững, các quỷ thần thiện, trời thường ủng hộ, khai mở đạo tràng, lợi ích tốt đẹp, không gặp gian nan, hoạn nạn. Làm người có chánh kiến hoan hỷ kính tin thuần khiết, không lỗi lầm; bố thí người có đạo đức, phước càng lớn dần dần tăng trưởng, may mắn tốt đẹp. Ngũ tinh, mặt trời, mặt trăng, hai mươi tám ngôi sao, trời, thần, quỷ vương thường theo hỗ trợ.

Đại vương của bốn cõi trời thường ban thưởng cho người hiền thiện. Đông Đề-đầu-lại, Nam Duy-thiểm-văn, Tây Duy-lâu-lặc, Bắc Câu-quân-la cũng thường ủng hộ các ngươi khiến cho không gặp điều bất trắc, có trí tuệ nghiên tầm học hỏi kính tin Phật, Pháp, Tăng, từ bỏ các việc ác, không tự buông lung, được cát tường trong hiện tại.

Gieo phước sẽ được phước, hành đạo sẽ đắc đạo. Do nhờ đầu tiên gặp Phật, các ngươi một lòng tôn kính phụng sự, từ đó đưa đến phước báo đệ nhất, hiện đời được chư thần ủng hộ, hiểu rõ chân lý, giàu sang sống lâu, đạt đến Niết-bàn.

Vì dùng cốm mật mát, Đức Phật phát nội phong. Đế Thích biết ngay, liền đến chỗ cây Diêm-phù-đề ở trên thượng giới hái quả thuốc A-lê-lặc,

đem đến bạch Phật:

– Quả này thơm ngon, có thể dùng để trị bệnh nội phong rất hay.

Đức Phật dùng quả A-lê-lặc, bệnh liền khỏi ngay. Ngài đi đến bên bờ sông Văn lân cổ long vô đề, thiền định trong bảy ngày, không còn trụ vào hơi thở, hào quang chiếu sáng cả dòng sông. Mắt Long vương mở ra, tự biết như trước, đã thấy ánh sáng của ba Bậc Chánh Giác rõ ràng trước mắt.

Long vương hoan hỷ tắm gội bằng các danh hương Chiên-đàn, tô hợp, ra khỏi nước, thấy Phật tướng tốt bóng sáng như cây có hoa. Long vương nhiễu chung quanh Phật bảy vòng thân cách chỗ Phật bốn mươi dặm, rồng có bảy đầu làm mạng lưới che trên Đức Phật, ý rồng muốn dùng mạng lưới này để che chắn muỗi mòng, nóng lạnh. Khi ấy trời mưa bảy ngày liền, rồng vẫn nhất tâm, không đói không khát, bảy ngày mưa mới dứt, Đức Phật xuất thiền. Long vương tự hóa làm đạo nhân nhỏ tuổi, phục sức xinh đẹp, cung kính đảnh lễ thăm hỏi Phật:

– Ngài không bị lạnh, không bị nóng, không bị ruồi muỗi làm phiền chung quanh chứ?

Đức Phật đáp:

Từ lâu nơi vắng vẻ
Nghĩ đạo đạt phước nhanh,
Xưa mong muốn được nghe
Đến nay biết thật nhanh,
Không bị bạo quấy nhiễu
Làm an chúng sinh nhanh,
Độ đời dứt ba độc
Đạt Niết-bàn Phật nhanh,
Sinh đời được gặp Phật
Nghe thọ kinh pháp nhanh,
Được cùng Bích-chi-phật
Gặp gỡ Chân nhân nhanh,
Không làm việc người ngu
Lìa được người ác nhanh,
Có trí phân chân ngụy
Biết tin chánh đạo nhanh.

Đức Phật bảo Long vương:

– Nay ngươi nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng.

Long vương thọ tam quy, trong loài súc sinh thì rồng được gặp Phật đầu tiên.

Phật dùng thần túc, dời tòa vào trong thất đá. Ngài nghĩ đến bản nguyện muốn cứu độ chúng sinh. Ngài tư duy về cội nguồn sinh tử, từ pháp mười hai nhân duyên phát khởi: "Do pháp nhân duyên khởi cho nên có sinh tử, nếu pháp nhân duyên diệt thì sinh tử diệt: vì làm như vậy, nên đạt được như vậy. Tất cả chúng sinh, ý là tinh thần tối tăm mờ mịt, hoảng hốt vô hình, khởi ra thức tưởng, tùy theo nghiệp thọ thân, nhưng thân không làm chủ. Thần thức vô thường, thức tâm biến hóa vẫn đục khó trong sạch, tự sinh tự diệt chưa từng ngừng nghỉ, một niệm vừa dứt một niệm lại sinh. Giống như bọt nước, giọt này vừa tan, lại tiếp nối giọt khác. Đến như ba cõi: Dục, Sắc, Vô sắc, chín đường đều buộc nơi Thức, không thoát được khổ đau mê muội, không biết tự giác. Cho nên gọi đó là si, không biết đạo mầu tối thượng của Phật, vốn vắng lặng vô niệm mà ý của kẻ phàm phu thế gian không thể biết được.

Đạo thuật đạo thế gian có chín mươi sáu loại, loại nào cũng tin sự thờ phụng của mình, họ làm sao biết được sự mê hoặc của nó? Chúng sinh tham đắm sống an nhàn, ưa thích ăn uống, đam mê thinh sắc, cho nên không thể ưa Phật đạo. Phật đạo thanh tịnh rỗng không, không sở hữu, kể cả thân mạng, vạn vật cũng không trường tồn. Giả sử Ta nói với họ thế gian là khổ, rỗng không, không sở hữu thì ai có thể tin được điều ấy? Thật là khó khăn cho Ta! Ta muốn mặc nhiên im lặng, không thuyết pháp cho thế gian."

Đức Phật liền nhập định ý, phóng ánh sáng giữa chân mày chiếu đến tầng trời thứ bảy. Trời Đại Phạm biết Đức Phật muốn nhập Niết-bàn. Vì xót thương ba cõi đều bị suy hoại lâu dài, không bao giờ hiểu được giáo pháp xuất thế gian, sau khi chết lại đọa vào ba đường ác, biết bao giờ mới thoát luân hồi, vì lâu xa mới có một Đức Phật. Khó thay được gặp Phật, giống như hoa Ưu-đàm, nên bấy giờ Phạm thiên vì trời, người mà tha thiết thỉnh cầu xin Đức Phật thuyết kinh. Đại Phạm nói với Đế Thích:

– Đem thiên nhạc Bàn-giá đến thạch thất.

Đức Phật mới xuất thiền, Bàn-giá đánh đàn và ca rằng:

Nghe con ca mười lực
Bỏ triền cái thiền định
Hào quang chiếu bảy trời
Hương đức vượt chiên-đàn
Vua trời thần diệu đến
Ngưỡng mộ mong thấy Phật
Phạm, Thích đều tôn kính
Cúi đầu muốn được nghe.

Nguyện bản sinh của Ngài
Tinh tấn qua trăm kiếp
Đại bố thí, Tứ đẳng
Mười lực thọ ân rộng
Trì tịnh giới không nhơ
Từ bi giúp muôn loài
Cương quyết nhập thiền trí
Trải đại bi đi qua
Khổ hạnh nhiều vô số
Công huân đến nay thành
Sức giới, nhẫn, định, tuệ,
Đã thu phục ma nhiễu
Oai đức trùm thiên hạ
Thần trí hơn Thánh linh
Tướng hảo không ai sánh
Tám tiếng vang mười phương
Chí cao như Tu-di
Thanh tịnh không thể bàn,
Dứt hẳn dâm, giận, si
Không còn họa già chết
Tư duy theo định giác
Thương xót khắp trời người
Khai mở kho pháp báu
Ban trải cam lộ quý
Khiến cởi bỏ sợ lo
Nguy ách được an lành
Mê hoặc, thấy chánh đạo
Tà ngụy gặp chân ngôn
Tất cả đều ưa thích
Muốn nghe thọ không nhàm
Xin mở pháp bất tử
Hóa độ cõi vô cùng.

Đức Phật đã biết tất cả, liền xuất định. Phạm thiên bạch Phật:

– Từ kiếp lâu xa đến nay, con được gặp Phật. Chư Thiên hân hoan vui mừng muốn được nghe giáo pháp. Xin Ngài hãy thuyết kinh cho thế gian. Mong Phật chớ vào Niết-bàn mà hãy vì chúng sinh ngu muội không có mắt trí tuệ, chỉ dạy con đường từ bi khiến chúng sinh được giải thoát. Trong chư Thiên và loài người có nhiều bậc hiền thiện, thích đạo và mau

hiểu pháp, cũng có người tinh tấn, có thể thọ giới pháp, rất sợ ba đường ác. Xin Ngài mở kho báu pháp, rưới nước cam lộ khiến cho nhiều người được hưởng thọ.

Khi cõi đời không có Phật, con thấy các đạo nhân khác còn đủ ba độc, tự ý sáng tác kinh điển mà mọi người học pháp không chân thật đó, huống gì đạo thanh tịnh, không còn dâm, nộ, si của Phật? Cúi xin Phật thuyết pháp cho chúng sinh được nghe đạo chí thành.

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Phạm thiên muốn ban bố an lạc cứu độ cùng khắp các thế gian, an ủi cứu giúp chúng sinh làm cho họ được giải thoát. Ta nghĩ thế gian tham ái, tham dục, đọa trong khổ sinh tử ít có thể tự giác, vốn phát sinh từ mười hai nhân duyên: Si duyên Si, Hành duyên Hành, Thức duyên Thức, Danh tượng duyên Danh tượng, Lục nhập duyên Lục nhập, Cánh lạc duyên Cánh lạc, Thống duyên Thống, Ái duyên Ái, Thọ duyên Thọ, Hữu duyên Hữu, Sinh duyên Lão, tử, ưu, bi, khổ, não sầu lo. Có đủ đại họa này, thần thức từ đây chuyển thọ sinh tử. Người muốn đắc đạo nên đoạn tham ái, diệt trừ dục tình, vô vi vô khởi. Như thế Si diệt, Si diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh tượng diệt, Danh tượng diệt thì Lục nhập diệt, Lục nhập diệt thì Cánh lạc diệt, Cánh lạc diệt thì Thống diệt, Thống diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sinh diệt, Sinh diệt thì Lão, tử, ưu, bi, khổ, não đều đoạn tận. Đó gọi là đắc đạo, chỉ có Đức Phật mới giác ngộ được, vì các pháp này sâu xa khó hiểu, pháp trí tuệ thanh tịnh này kẻ phàm phu thế gian không thể biết được.

Đạo thuật thế gian có chín mươi sáu loại, mỗi loại có cách thờ phụng khác nhau: hoặc thờ ngũ tinh, mặt trời, mặt trăng, trời đất hoặc thờ nước, lửa, quỉ, thần, rồng... tất cả vì muốn cầu an ổn trong đời sống, tham dục, tham vị, ưa thích thanh, sắc, cho nên không thể ưa thích Phật đạo, không nghe kinh Phật, không biết pháp yếu. Kẻ phàm phu tâm ý sai lầm, cho rằng thân này và vạn vật thường còn. Nếu Ta nói với họ rằng những gì hiện hữu đều vô thường, có thân đều có khổ, thân này thật chẳng phải của ta, rỗng không không có sở hữu, bà con họ hàng chẳng phải của ta. Những lời nói chân chánh đó giống như ngược đời, ai mà chịu tin điều này? Thật khó khăn cho Ta! Chi bằng Ta nhập vào Niết-bàn! Cho nên chỉ muốn im lặng mà thôi.

Phạm vương lại thỉnh:

Người trong thế gian từ vô số kiếp

Trong tử sinh khó nghe kinh Phật
Phật hiện trong đời cứu muôn loài
Nay đạt nguyện rồi, đời khó có.
Con kính lễ Phật, Đấng Cao Tột!
Thế gian buộc mãi trong tối tăm
Phát khởi mười lực trí vô biên
Sẽ mở kho pháp, ban tuệ sáng
Chiếu khắp trời người khiến khai ngộ.
Phật độ tất cả, con quy kính!
Ngài từng phát nguyện vì người khổ
Tinh cần tích đức nguyện viên thành
Thương chúng sinh vô minh lão tử
Xin ban thuốc pháp cứu bệnh đau
Phật từ vô thượng, con kính thỉnh!

Đức Phật nhận lời thỉnh của Phạm thiên, Ngài nghĩ ai có thể được hóa độ? –Ngày xưa phụ vương sai năm người theo hầu ta, nay họ đang ở trong núi. Đức Phật đi vào núi. Năm người kia trông thấy Phật họ nói với nhau:

– Người kia đến đây, chúng ta cẩn thận đừng đứng dậy.

Khi Đức Phật đến, năm người đều đứng dậy và bất chợt đảnh lễ Ngài. Đức Phật hỏi:

– Các ông đã dặn lòng sao không giữ vững? Các ông dặn nhau khi Ta đến chớ đứng dậy, sao lại đảnh lễ Ta?

Năm người không trả lời được, họ xin làm đệ tử Phật. Đức Phật đưa tay xoa đầu năm người cho làm Sa-môn. Năm người đi đến những gốc cây, mỗi người đều ngồi tư duy Đức Phật.

Đức Phật lại nhớ đến ông Ưu-vi Ca-diếp ở gần đấy, ông dũng mãnh và thông minh xuất chúng lại có danh tiếng, từ vua quan, dân chúng ai cũng tôn sùng. Ông ta cùng năm trăm đệ tử đang ở bên bờ sông Ni-liên-thiền, Đức Phật muốn hóa độ ông trước khiến cho ông ta được liễu ngộ hoan hỷ, tin ưa Phật pháp. Đức Phật cùng những người theo học đi đến chỗ Ca-diếp.

Ca-diếp thấy Đức Phật, đứng dậy nghênh đón ca ngợi:

– Hạnh phúc thay! Bậc Đại Đạo Nhân đến đây. Ngài có được khỏe không?

Đức Phật đáp:

Vô bệnh phúc lợi nhất
Tri túc giàu có nhất

Bạn tốt thân hậu nhất
Niết-bàn an vui nhất.

Ca-diếp thưa:

– Đức Thế Tôn có điều chi dạy bảo.

Đức Phật dạy:

– Ta muốn nói với ông một việc, ông hãy bình thản đừng nổi giận, cảm phiền cho ta mượn ngôi nhà lửa ở trong đó một đêm.

Ông ta đáp;

– Tôi không thích như vậy, vì trong đó có một con rồng độc, sợ nó sẽ hại Ngài.

Đức Phật bảo:

– Không, rồng độc không hại Ta đâu.

Đức Phật mượn đến ba lần, Ca-diếp nói:

– Dĩ nhiên là Đại Đạo Nhân đức cao có thể ở trong nhà đó rất an ổn.

Đức Phật tắm gội sạch rồi vào trong nhà lửa, lấy cỏ trải dưới đất, Ngài ngồi được giây lát thì độc long nổi sân giận, trong thân phun ra khói, Đức Phật cũng hiện thần thông phun khói từ trong thân ra. Rồng càng phẫn nộ, toàn thân phun ra lửa, Đức Phật cũng hiện thần thông thân phóng ra ánh lửa. Ngọn lửa của rồng, ánh sáng của Phật, lúc đó đều bốc mạnh làm cho ngôi thất đá bừng cháy. Khói lửa đã bốc lên cao, giống như tình trạng bị hỏa hoạn. Đang đêm Ca-diếp dậy nhìn sao, thấy ngôi thất lửa cháy rực, ông la lên:

– Ôi thôi! Khá tiếc cho Đại Sa-môn đoan chánh, không nghe theo lời ta để đến nỗi bị độc long làm hại.

Đức Phật biết ý Ca-diếp, Ngài ở trong thất dùng đại thần lực tiêu diệt sự độc hại của rồng và hàng phục con rồng để vào trong bát của Ngài.

Lúc ấy Ca-diếp hoảng hốt sai năm trăm đệ tử đem một bình nước để dập tắt ngọn lửa, nhưng hễ xịt một bình nước thì thành một ngọn lửa. Thầy trò càng kinh hoảng cùng than:

– Ôi chao đại đạo nhân đã bị chết rồi!

Sáng sớm Đức Phật cầm bình bát đựng độc long đi ra. Ca-diếp kinh hãi nói:

– Đại đạo nhân vẫn còn sống sao? Cái gì ở trong bát ấy vậy?

Đức Phật đáp:

– Đương nhiên là Ta còn sống, còn trong bát này chính là con độc

long.

Mọi người sợ hãi không dám vào thất. Đức Phật nói:

– Ta đã hàng phục độc long và truyền giới cho nó rồi.

Ca-diếp tự cho là mình đã đắc đạo, gọi Phật là phi chân, quay lại nói với các đệ tử:

– Vị Đại Sa-môn này là bậc Thần cao tột, tuy nhiên vị thần này chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán.

Đức Phật đi đến gần Ca-diếp ngồi xuống một gốc cây. Đêm thứ nhất Tứ Thiên vương cùng xuống nghe Phật thuyết kinh. Tứ vương có thân hình chói sáng rực rỡ như lửa. Ca-diếp đang đêm dậy, trông thấy Đức Phật bên cạnh có bốn ngọn lửa. Sáng sớm ông ta đến hỏi:

– Đại đạo nhân mà cũng thờ lửa sao?

Đức Phật đáp:

– Ta không thờ lửa.

Ca-diếp nói:

– Chứ sao tối hôm qua ở đây có bốn ngọn lửa?

Đức Phật bảo:

– Tối hôm qua có Tứ Thiên vương xuống đây nghe kinh, đó là ánh sáng của các ông ấy.

Ca-diếp suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này là thần cao tột, tuy nhiên vị thần này vẫn chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán".

Đức Phật dừng lại dưới gốc cây. Đêm thứ hai, Thiên đế Thích nửa đêm lại xuống nghe Phật thuyết kinh. Đế Thích với hào quang chiếu sáng rực rỡ còn hơn cả ánh sáng lớn. Ca-diếp đang đêm dậy trông thấy một bên Đức Phật có lửa sáng gấp bội hơn cả ánh sáng tối hôm qua, ông suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tiếp tục thờ lửa".

Sáng sớm ông ta lại đến hỏi Phật:

– Đại đạo nhân thờ thần lửa phải không?

Đức Phật đáp:

– Không, tối hôm qua Đế Thích xuống đây nghe thuyết kinh nên có tướng chói sáng như vậy.

Ca-diếp suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này chính là Bậc Đại thần thánh, tuy nhiên chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán."

Đêm sau lại có đệ thất Phạm thiên đến nghe kinh, tướng chói sáng của Phạm thiên gấp bội hơn trời Đế Thích.

Ca-diếp nửa đêm thức dậy, trông thấy ánh sáng bên Đức Phật còn rạng rỡ hơn đêm qua. Sáng sớm ông ta lại hỏi:

– Đại đạo nhân thờ lửa chăng?

Đức Phật đáp:

– Ta không thờ lửa.

Ca-diếp lại hỏi:

– Vậy thì tối hôm qua sao lại có ánh sáng chiếu gấp bội?

Đức Phật nói:

– Tối hôm qua Phạm thiên xuống đây nghe kinh, đó là tướng chói sáng của ông ta.

Ca-diếp lại suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc, nhưng chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán".

Năm trăm đệ tử Ca-diếp, mỗi người thờ ba ngọn lửa tổng cộng là một ngàn năm trăm ngọn. Sáng sớm họ đốt lửa, nhưng lửa không cháy, lấy làm lạ, họ bạch thầy, thầy nói:

– Ta nghi đây là do Đại Sa-môn làm.

Ca-diếp đến hỏi Phật:

– Năm trăm người đệ tử của tôi thường thờ một ngàn năm trăm ngọn lửa, sáng hôm nay họ đốt lửa, nhưng các ngọn lửa đều không cháy, có phải do Đại Đạo Nhân làm không?

Đức Phật đáp:

–Bây giờ ông có muốn làm cho lửa cháy không?

Đức Phật hỏi đến ba lần, Ca-diếp đều đáp là muốn.

Đức Phật bảo:

– Ông về đi lửa sẽ cháy.

Theo lời nói, các ngọn lửa đều cháy. Ca-diếp lại nghĩ: "Đại Sa-môn này tuy có thần túc nhưng chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán".

Ca-diếp cũng thờ ba ngọn lửa, buổi sáng sớm ông ta đốt lửa, lửa lại không cháy. Ông nghĩ lại là Đại Sa-môn làm chứ không ai cả, liền đến hỏi Đức Phật:

– Tôi thờ ba ngọn lửa, sáng nay đốt lửa, lửa không cháy được. Tôi nghĩ là Đại Sa-môn làm phải không?

Đức Phật đáp:

– Ông có muốn lửa cháy trở lại không?

Đức Phật hỏi đến ba lần, Ca-diếp đều nói muốn.

Đức Phật bảo:

– Hãy về đi, lửa sẽ cháy.

Theo lời nói, các ngọn lửa đều cháy.

Ca-diếp lại suy nghĩ: "Đại Sa-môn tuy có thần túc, nhưng chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán".

Sau khi lửa cháy, Ca-diếp lại muốn lửa tắt nhưng không thể làm cho tắt được. Năm trăm đệ tử và các người thờ lửa cùng góp sức hỗ trợ làm cho lửa tắt mà lửa vẫn không tắt. Họ đều nói: "Đây là do Đại Sa-môn làm chứ không ai cả".

Ca-diếp đến hỏi Phật:

– Lửa đã cháy rồi nay không thể dập tắt được.

Đức Phật bảo:

– Ông có muốn dập tắt lửa không?

Ca-diếp thưa:

– Muốn.

Đức Phật bảo:

– Hãy về đi, lửa sẽ tắt.

Tức thời tất cả lửa đều tắt. Ca-diếp suy nghĩ như cũ: "Vị Đại Sa-môn tuy có thần túc, nhưng chẳng bằng chân đạo của ta".

Ca-diếp đến bạch Phật:

– Xin đại đạo nhân hãy ở lại đây đừng đi đâu xa. Ta sẽ cung cấp thực phẩm cho Ngài.

Ca-diếp trở về, ra lệnh cho người nhà: ngày mai hãy làm cơm thật ngon, chuẩn bị giường ghế. Đến giờ cơm, đích thân Ca-diếp đi thỉnh Phật.

Đức Phật dạy:

– Ông hãy về trước đi, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, như người co duỗi cánh tay, Đức Phật đã đến thế giới Phất-vu-đãi cách hàng mấy ngàn ức vạn dặm về hướng Đông, hái quả Diêm-bặc bỏ đầy bát rồi trở về. Ca-diếp vẫn chưa đến, Đức Phật đã ngồi trên tòa của mình.

Ca-diếp đến hỏi:

– Đại đạo nhân đi đường nào đến đây?

Đức Phật đáp:

– Sau khi ông đi rồi, Ta đến cõi Phất-vu-đãi phía Đông, hái quả Diêm-

bặc mùi vị rất ngon, có thể ăn được. Ông hãy lấy ăn thử. Đức Phật thọ thực xong rồi ra đi, Ca-diếp tiếp tục suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc, nhưng không bằng chân đạo của ta".

Sáng hôm sau, đến giờ ăn Ca-diếp lại thỉnh Đức Phật, Đức Phật nhận lời, bảo Ca-diếp đi trước Ngài sẽ đi sau. Ca-diếp ra đi rồi, Đức Phật lại đi về phía Nam cuối cõi Diêm-phù-đề khoảng vài ngàn vạn dặm, hái quả A-lê-lặc bỏ đầy bát rồi trở về. Ca-diếp vẫn chưa về, Đức Phật đã ngồi trên tòa. Ca-diếp đến nơi hỏi:

– Vì sao Ngài đến đây trước được?

Đức Phật đáp:

– Sau khi ông đi rồi, Ta đi đến phía Nam cuối cõi này hái quả A-lê-lặc cũng có mùi vị thơm và ăn được. Ông hãy lấy ra dùng. Đức Phật thọ thực xong rồi đi, Ca-diếp tiếp tục suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc nhưng không bằng chân đạo của ta".

Sáng ngày sau Ca-diếp lại đến thỉnh Phật. Đức Phật chấp thuận, bảo Ca-diếp đi trước Ngài sẽ đến sau. Khi Ca-diếp ra đi rồi, Đức Phật đi về phía Tây đến cõi Câu-da-ni cách vài ngàn ức dặm, hái quả A-ma-lặc bỏ đầy bát rồi trở về. Ngài về trước Ca-diếp và ngồi lên tòa của mình. Ca-diếp đến sau, hỏi:

– Đại nhân đi ngã nào về đây?

Đức Phật đáp:

– Sau khi ông đi rồi, Ta đi về phía Tây cõi Câu-da-ni hái quả A-ma-lặc, mùi vị thơm có thể ăn được. Ông hãy lấy ra ăn.

Ca-diếp lại suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc, nhưng không bằng chân đạo của ta".

Sáng hôm sau Ca-diếp lại thỉnh Phật. Đức Phật bằng lòng bảo Ca-diếp đi trước, Ngài đi sau. Ca-diếp nhìn lui lại bỗng nhiên không thấy Đức Phật. Đức Phật dùng thần túc lên phía Bắc, đến cõi Uất-đơn-việt, cách vài ngàn ức dặm, lấy lúa gạo tự nhiên đựng đầy bát trở về. Ngài đến trước Ca-diếp và ngồi lên tòa của mình. Ca-diếp đến sau hỏi:

– Đại đạo nhân lại đi đường nào đến đây?

Đức Phật đáp:

– Khi người đã đi rồi, Ta đi về phương Bắc đến xứ Uất-đơn-việt lấy thứ gạo đã chín có mùi vị thơm ngon, ông hãy lấy ăn thử.

Đức Phật thọ trai xong trở về, Ca-diếp lại suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc nhưng không bằng chân đạo của ta".

Ngày hôm sau, đến giờ thọ trai, Đức Phật ôm bình bát tự đến nhà Ca-diếp nhận thực phẩm rồi về. Đến chỗ yên tịnh Đức Phật thọ thực xong và muốn súc miệng, Thiên đế biết ý Phật liền đến chỗ Ngài, lấy tay chỉ đất, nước chảy thành ao để cho Phật dùng.

Vào lúc xế trưa, Ca-diếp đi dạo quanh trong xóm, thấy có suối nước, lấy làm lạ hỏi Phật:

– Vì sao có con suối này?

Đức Phật đáp:

– Buổi sáng Ta đến nhà ông khất thực, lúc trở về ngang đây thọ thực xong, có ý muốn súc miệng, Thiên đế Thích chỉ đất làm cho nước chảy ra. Ông phải gọi đây là ao Chỉ địa.

Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc, nhưng không bằng chân đạo của ta".

Đức Phật trở về dưới gốc cây, giữa đường thấy y rách ai bỏ Ngài muốn lấy giặt. Trời Đế Thích biết ý Phật, liền lên trên núi Át-na lấy tảng đá vuông vức, đẹp, bằng thẳng đem đến bên bờ ao bạch Phật:

– Ngài có thể dùng để giặt y.

Đức Phật giặt xong muốn phơi y, Thiên đế Thích lại đi lấy tảng đá sáu cạnh đem đến để Phật dùng phơi y.

Ca-diếp thấy bên bờ ao có hai viên đá tốt, lại hỏi Phật:

– Vì sao có đá tốt này?

Phật đáp:

– Ta muốn giặt y và phơi y, Thiên đế Thích đến núi Át-na đem hai tảng đá này đến cho Ta dùng.

Ca-diếp lại suy nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy là có thần túc nhưng không có bằng chân đạo của ta".

Đức Phật sau khi vào ao Chỉ địa tắm gội xong muốn lên bờ mà không có chỗ vịn, trên bờ ao vốn có cây tên Ca-hòa rất cao lớn đẹp đẽ, cây đó tự nhiên cong xuống đến chỗ Phật. Phật vịn cây lên bờ.

Ca-diếp thấy cây cong xuống rủ bóng mát, lấy làm quái lạ nên hỏi Phật. Đức Phật đáp:

– Ta vào ao tắm, muốn lên bờ mà không có chỗ vịn, cho nên thần cây làm cho cành cong lại để Ta lên bờ.

Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc nhưng không bằng chân đạo của ta".

Khi ấy vua Ma-kiệt và các quan dân, vào ngày lễ hội trong năm họ cùng đến chỗ Ca-diếp vui chơi bảy ngày.

Ca-diếp suy nghĩ: "Phật có trí thần thánh sáng suốt, mọi người thấy Phật ắt sẽ bỏ ta mà không thờ phụng ta nữa, phải làm thế nào để ông ấy bỏ đi, cho ta vui chơi bảy ngày.

Đức Phật biết ý Ca-diếp, liền ẩn đi bảy ngày. Sau bảy ngày, Ca-diếp lại suy nghĩ: "Trong thời gian bảy ngày ta có lễ hội còn lại rất nhiều thức ăn, phải chi có Đại Sa-môn đến dùng cơm thì vui biết bao".

Đức Phật từ xa biết ý Ca-diếp, liền đến ngay. Ca-diếp vui mừng nói:

– Đại đạo nhân đến, thật hay quá! Tôi cúng dường Ngài, nhưng trong thời gian bảy ngày không biết Ngài ở đâu?

Đức Phật nói:

– Trong lúc vua cùng các quan dân đến đây dự lễ hội bảy ngày, ông đã nghĩ rằng: "Vị Đại Sa-môn này thật là trí tuệ thần thánh sáng suốt, nếu mọi người thấy ông ta ắt sẽ bỏ ta và không thờ phụng ta nữa, phải làm thế nào để ông ấy bỏ đi, cho ta vui chơi bảy ngày." Vì thế nên Ta đi. Nay ông nghĩ nhớ đến Ta nên Ta trở lại.

Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này mới biết ý người, tuy nhiên không bằng chân đạo của ta".

Bấy giờ năm trăm đệ tử của Ca-diếp đều đi chặt củi, mỗi người vác theo một cái búa, nhưng các búa ấy đều không chặt được. Họ hoảng sợ đến bạch thầy, thầy nói:

– Đúng là Đại Sa-môn làm chứ không ai cả.

Ca-diếp đến hỏi Phật:

– Các đệ tử của tôi cùng đi chặt củi, đưa búa lên nhưng hạ xuống không được.

Đức Phật nói:

– Người về đi, búa sẽ hạ xuống được.

Các búa đều hạ xuống, sau khi búa hạ xuống lại dính vào củi không nhấc lên được. Ca-diếp lại đến bạch Phật:

– Nay búa đã hạ xuống rồi không nhấc lên được.

Đức Phật đáp:

– Hãy về đi, Ta sẽ làm cho búa nhấc lên được.

Ngài làm cho búa nhấc lên sử dụng được.

Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có thần túc nhưng không bằng

chân đạo của ta".

Lúc ấy nước sông Ni-liên-thiền chảy xiết Đức Phật dùng thần thông tự nhiên làm cho nước đứng yên một chỗ, khiến nước bị nghẽn dâng lên cao quá đầu người, làm cho bụi dưới đáy sông bốc lên cao rồi Đức Phật đi trong đó.

Ca-diếp sợ Phật bị nước cuốn trôi liền cùng các đệ tử đến đó, họ ngồi trên thuyền đi tìm Phật. Ca-diếp thấy nước bị nghẽn gián đoạn, chính giữa bụi bay lên và Phật đi trong đó. Ca-diếp kêu lên:

– Đại đạo nhân vẫn còn sống ư?

Đức Phật đáp:

– Dĩ nhiên, Ta vẫn còn sống.

Ca-diếp hỏi:

– Ngài có muốn lên thuyền không?

Đức Phật bảo:

– Rất tốt.

Đức Phật phát sinh ý nghĩ: "Nay Ta phải hiện thần thông để ông ta tâm phục". Ngài liền từ trong nước xuyên qua dưới đáy thuyền vào mà không có dấu vết xuyên qua.

Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này tuy có thần túc nhưng chưa đắc đạo, không bằng ta đã chứng quả La-hán".

Đức Phật nói với Ca-diếp:

– Ngươi chẳng phải là La-hán cũng không biết đạo chân chánh, thật là luống dối mà tự xưng là tôn quý ư?

Lúc ấy Ca-diếp kinh sợ lông tóc dựng ngược, tự biết mình chưa chứng đạo, liền cúi đầu thưa:

– Đại đạo nhân thật là Thần thánh mới biết được tâm chí của con, chúng con có thể theo đại đạo nhân lãnh thọ giới pháp và làm Sa-môn chăng?

Đức Phật đáp:

– Ông hãy về báo cho các đệ tử của ông biết điều tốt đẹp lợi ích này. Ông là bậc Đại trưởng giả, là nơi mà trong nước trông nhờ, nay ông muốn học đạo lớn ông không thể biết một mình được.

Ca-diếp nghe lời Phật dạy, trở về báo với các đệ tử:

– Các ông có biết chăng? Chính mắt ta thấy ý ta mới tin, ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, lãnh thọ giới pháp của Phật để làm Sa-môn. Các ông

muốn đi theo đường nào?

Năm trăm đệ tử đáp:

– Sự hiểu biết của chúng con là nhờ ân đại sư, vì thế thầy kính tín nơi nào chắc là không hư vọng, xin cho chúng con theo thầy làm Sa-môn.

Lúc đó thầy trò Ca-diếp cởi áo lông cừu, lấy bình nước, cây gậy, giầy dép và các dụng cụ thờ lửa đều ném xuống sông, rồi cùng nhau đến chỗ Đức Phật, cúi đầu bạch Phật:

– Đệ tử năm trăm người chúng con do có lòng tin, xin được từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, y lãnh thọ giới pháp Phật.

Đức Phật dạy:

– Được, các Sa-môn hãy đến đây!

Ca-diếp và năm trăm đệ tử tự nhiên râu tóc đều rụng, trở thành Sa-môn.

Ưu-vi Ca-diếp có hai người em là Na-đề Ca-diếp và Yết-di Ca-diếp, mỗi người em như vậy có hai trăm năm mươi đệ tử, ở nhà lá ven sông, thấy y phục, đồ vật, các dụng cụ thờ lửa của các Phạm chí trôi theo dòng nước, hai người em kinh ngạc, sợ anh mình và năm trăm đệ tử của họ bị người ác làm hại hoặc bị nước lớn cuốn trôi, liền cùng năm trăm đệ tử đi ngược dòng nước, lên phía trên thì thấy thầy trò của anh đều làm Sa-môn. Họ ngạc nhiên hỏi:

– Đại huynh đã một trăm hai mươi tuổi, trí tuệ cao vời, quốc vương, quan dân đều hết lòng tôn thờ, chúng tôi cho rằng anh là vị La-hán. Nay anh bỏ đạo Phạm chí, học pháp Sa-môn, việc này chẳng phải nhỏ, vì Phật đâu có thể vượt hơn đạo của anh.

Ca-diếp đáp:

– Phật đạo tối thắng, giáo pháp của Ngài vô lượng, ta tuy học thế gian nhưng chưa từng có ai trí thần đắc đạo như Phật, giới kinh của Ngài rất thanh tịnh sâu xa. Ta nay đem lòng từ bi cứu độ mọi người, lấy ba việc giáo hóa:

1. Đạo định thần túc biến hóa tự nhiên.
2. Dùng trí tuệ biết bản ý của người.
3. Kinh đạo chánh hạnh tùy bệnh mà cho thuốc.

Hai người em Ca-diếp quay lại hỏi các đệ tử:

– Các ngươi muốn đi theo con đường nào?

Họ họp thành năm trăm người đồng thanh nói;

– Chúng con nguyện như Đại sư.

Tất cả đảnh lễ Đức Phật xin làm Sa-môn.

Phật dạy:

– Được, các Sa-môn hãy đến đây!

Hai người em Ca-diếp và năm trăm đệ tử râu tóc đều rụng, theo Phật làm Sa-môn.

Đức Phật có một ngàn Sa-môn, đều đến ngồi dưới gốc cây trong rừng Di huyện, xứ Ba-la-nại. Các đệ tử Phật đều là các Phạm chí. Đức Phật vì các đệ tử thị hiện oai thần biến hóa:

1. Bay đi.
2. Thuyết kinh.
3. Giáo hóa.

Các đệ tử thấy oai thần Đức Phật thảy đều hoan hỷ đảnh lễ, vâng làm.

❑